Việt dịch:
HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ NGHIÊM
Chiết giải:
LÃO CƯ SĨ THIỆN BỬU



TỔNG LUẬN
ĐẠI BÁT NHÃ

TẬP 3

TỔNG LUẬN

ĐẠI BÁT NHÃ

(Phiên bản III)

Việt dịch:
HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ NGHIÊM
Chiết giải:
LÃO CƯ SĨ THIỆN BỬU

Thiết kế: Cư sĩ **Thiện Bửu, Tâm Từ, Steve To**
Kiễm tra chánh tả: Cư sĩ **Thanh Phi, Phương Nhật**

PHẬT LỊCH 2569

TẬP 3

**Xin đọc nửa phần trên(TẬP 3), Hội thứ II, ĐBN
với các phẩm như sau:**

---o0o---

Xin bắt đầu đọc nửa phần trên, Hội thứ II, ĐBN:
Với phẩm "Duyên Khởi"

II. PHẦN HAI, HỘI THỨ II.
(bố cục)

2. Phần hai gọi là Đại bản (Phạm: Paĩcaviôzatisàhasrikà-prajĩàpàramità) gồm 78 quyển kế tiếp, tức **Hội thứ II**: Về nghĩa thì giống nhau, nhưng văn thì ngắn gọn hơn, sự thay đổi các phẩm cũng khác và thiếu ba phẩm Thường Đề, Pháp Dũng v.v... Tương đương với 25.000 kệ tụng Bát Nhã hiện còn. Bản dịch Tây tạng chia làm 76 phẩm, trong có các phẩm Thường Đề, Pháp Dũng v.v... Theo bài tựa của hội thứ II do Ngài Huyền Tắc ở chùa Tây minh soạn, thì các Kinh như: Phóng Quang Bát Nhã 20 quyển do Ngài Vô Xoa La dịch vào đời Tây Tấn, Kinh Quang Tán (thiếu nửa sau) 10 quyển do Ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào đời Tây Tấn, Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa 27 quyển *(còn gọi là đại bản)* do Ngài Cưu Ma La Thập dịch vào đời Diêu Tần v.v... đều là những bản dịch khác của hội này.

Dẫn hướng:

Phần hai, Hội thứ II của Kinh MHBNBLMĐ cũng chẳng khác gì phần một, Hội thứ I, ĐBN: Tất cả giáo lý hạnh quả, tín giải hành chứng cùng kỹ thuật tu trì, quán chiếu... đều giống nhau. Có thể nói "cũng cùng một thứ rượu, chỉ khác bình". Về hình thức, cách chia phẩm và tựa Kinh có khác đôi chút. Còn nội dung văn từ cô động, gãy gọn hơn. Nếu các đạo hữu lo ngại sự tóm lược phần một, Hội thứ I của chúng tôi thiếu sót, cắt xén hay thay đổi thêm thắt... không được chính xác, thì sự trình bày tóm lược ở phần hai, Hội thứ II này "nguyên chất" hơn.

*Ở đầu mỗi phẩm tựa của Hội thứ II, **có ghi tên phẩm, đánh số quyển tương đương với Hội thứ I**, các thiện hữu chỉ cần theo chỉ dẫn đó tra cứu, so chiếu cho đỡ mất thời giờ và dễ nắm vững toàn bộ Đại Bát Nhã mà không đến nỗi nhọc nhằn tìm kiếm!*

Tuy nói 2 Hội không khác, không có nghĩa là đọc Hội thứ I cũng tạm đủ, không cần đọc thêm Hội thứ II cho đến hết Hội thứ V nữa. Mặc dù, nội dung của cả 5 Hội tương đương nhau. Tuy nhiên, trên phương diện trình bày và dẫn ý, có Hội giải thích và luận giải tỉ mỉ, có Hội chỉ lược tóm. Riêng Hội này thích nghĩa ít hơn Hội thứ I, nhưng lại giải luận nhiều hơn,

vì chúng tôi dẫn chứng lời bình giải trí tuệ của Bồ Tát Long Thọ trong Đại Trí Độ Luận bổ túc thêm.

Để tránh lẫn lộn chúng tôi dùng 2 Kinh và 1 Luận tóm lược và chiết giải Hội thứ II, ĐBN như sau:

1. Kinh Đại Bát Nhã Hội thứ II: Gồm 78 quyển (bắt đầu từ Q.401 chấm dứt ở Q.478, 84 phẩm), có 25.000 kệ tụng, gọi là đại bản (Phạm: Paĩcaviôzatisàhasrikà-prajĩàpàramità), thiếu ba phẩm cuối cùng là Bồ Tát Thường Đề, Bồ Tát Pháp Dũng và phẩm Kết Khuyến. Kinh này không do nhóm của Ngài Huyền Trang dịch mà do các nhóm khác dịch và nhóm của Ngài Huyền Trang chỉ sao lại và ghi vào ĐBN,

2. Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa: Cũng được gọi là đại bản như trên, do nhóm của Ngài La Thập dịch, từ Phạn sang Hán, gồm 29 quyển, 87 phẩm, thiếu 3 quyển cuối cùng là Tát Đà Bà Luân, Đàm Vô Kiệt và phẩm Chúc Lụy. Kinh này tương đương với Hội thứ II, ĐBN nói trên, và

3. Đại Trí Độ Luận do Bồ Tát Long Thọ dựa vào Kinh MHBNBLMĐ soạn thảo thành 1.000 quyển. Về sau, Ngài La Thập họp 500 thiện trí thức cẩm túc tại Tiêu Diêu Viên Đường ở Lâm Giang, nghiên cứu huyền chương, khảo chánh nghĩa, biên soạn và dịch lại từ 1.000 quyển cô đọng lại thành 5 tập, 100 quyển vào thời Diệu Tần để thích nghĩa và luận giải Kinh MHBNBLMĐ cũng như 5 Hội đầu của Kinh Đại Bát Nhã.

Đại Trí Độ Luận là bộ thích luận đồ sộ giải thích các giáo lý do Phật thuyết ở Hội thứ II, được Ni Trưởng TN Diệu Không và HT Thích Thượng Siêu dịch từ Hán sang Việt. Đây là một bộ luận do Bồ Tát Long Thọ, ***bậc thật tu thật chứng thực hiện****, giúp ích rất nhiều trong việc học hỏi thọ trì Kinh Đại Bát Nhã, mà các đạo hữu cần tham khảo nếu muốn thâm hiểu Đại Bát Nhã.*

Nên biết rằng chính văn của Kinh MHBNBLMĐ (tương đương với Hội thứ II, ĐBN) cũng là chính văn của Đại Trí Độ Luận. Vì vậy, nên được chúng tôi dẫn chứng khi tóm lược và chiết giải Hội thứ II này.

---o0o---

01. PHẨM "DUYÊN KHỞI"

Quyển 401, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Duyên Khởi", Q.01 - Q.02, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Phẩm "Duyên Khởi", Q.401, Hội thứ II, cũng giống như phẩm "Duyên Khởi", Q.01, Hội thứ I, ĐBN như hai anh em sanh đôi, chỉ khác là quyển 01 của Hội thứ I dài và tỉ mỉ hơn Q.401 của Hội thứ II nhiều.

Chủ đích của Phật Thích Ca Mâu Ni ở thế giới Kham nhẫn là muốn thuyết Đại Bát Nhã cho tất cả chúng hữu tình, nên đức Thế Tôn phóng hào quang chiếu khắp thế giới 10 phương, cùng phát ra chấn động 6 cách và đồng thời Đức Phật lại dùng thần lực hiện thân Phật cho tất cả hữu tình đều thấy. Nhờ đó mới gây được chú ý của tất cả chúng Bồ Tát trong khắp 10 phương thế giới. Đó là biểu hiện của phẩm "Duyên Khởi".

Tóm lược:

Dẫn hướng cho toàn Hội thứ II, ĐBN.

Trong Hội thứ II này chúng tôi thường trích dẫn các luận giải của Đại Trí Độ Luận" do Bồ Tát Long Thọ soạn thảo (như đã giới thiệu trên), xen kẽ với chánh văn hay luận giải của chúng tôi để làm sáng tỏ thêm giáo nghĩa của Hội này và cả 5 Hội đầu thuộc Kinh Đại Bát Nhã nữa. Mong rằng công việc này không gây trở ngại mà mang lại kết quả tốt cho người thụ dụng.

Bấy giờ, ở thế giới sau cùng của hằng hà sa số **thế giới về phương Đông tên là Đa Bảo, có đức Phật hiệu là Bảo Tánh Như Lai**, Ứng Chánh Đẳng Giác đang thuyết Đai Bát Nhã Ba La Mật cho chúng Bồ Tát. Trong hội đó có **Bồ Tát tên là Phổ Quang** thấy ánh sáng lớn, cùng đại địa biến động và thân tướng của Phật Thích Ca Mâu Ni, trong lòng phân vân, nên đến chỗ Phật Bảo Tánh thưa rằng: Bạch đức Thế Tôn! Do nhân duyên gì, mà có điềm lành này?

Khi ấy, đức Phật Bảo Tánh bảo đại Phổ Quang Bồ Tát: Nầy Thiện nam tử! Ở phía Tây của cõi này, trải qua vô số thế giới, có thế giới tận cùng tên Kham Nhẫn, có Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni, Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác… hiện an trú tại đó, sắp nói pháp Đại Bát Nhã Ba La Mật cho chúng Bồ Tát. Do thần lực của Phật đó, hiện ra điềm lành này.

Phổ Quang nghe rồi, rất đổi vui mừng, lại bạch Phật Bảo Tánh: Bạch Thế Tôn! Nay con xin đến thế giới Kham Nhẫn, để chiêm ngưỡng, lễ bái cúng dường đức Như Lai Thích Ca Mâu Ni và các chúng đại Bồ Tát, những vị đã đạt được sự hiểu biết thông suốt, thành thục các pháp môn Đà la ni, Tam ma địa, thần thông tự tại, lại ở thân sau cùng, bất cứ lúc nào cũng có thể kế thừa ngôi vị Phật. Cúi xin rũ lòng thương xót, chấp thuận cho!

Khi ấy, Phật Bảo Tánh bảo Bồ Tát Phổ Quang:

- Hay thay! Hay thay! Nay đã đúng lúc. Được, ông cứ đi!

Đức Phật Bảo Tánh liền lấy ngàn cành hoa sen sắc vàng ròng, hoa ấy có ngàn cánh, có các báu trang nghiêm, trao cho Bồ Tát Phổ Quang và dặn rằng: Ngươi mang hoa này đến chỗ Phật Thích Ca Mâu Ni, như lời Ta dặn, bạch: "Như Lai Bảo Tánh xin ân cần thăm hỏi, Ngài được khỏe mạnh, ít phiền, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực ôn nhu chăng? Việc đời dễ chịu? Chúng sanh dễ độ chăng?" Rồi cầm hoa sen này, dâng lên Thế Tôn, để làm Phật sự. Ngươi đến cõi kia, phải cẩn thận, thấy cõi Phật và các đại chúng ở đó, chớ sinh lòng coi thường, mà tự làm thương tổn mình. Vì sao? Vì các vị Bồ Tát kia, oai đức khó sánh kịp, do nguyện độ sanh thôi thúc, vì nhân duyên lớn, mới sanh về cõi đó.

Khi ấy, Bồ Tát Phổ Quang nhận hoa, vâng lệnh, rồi cùng với vô lượng trăm ngàn vô số đại Bồ Tát xuất gia, tại gia và vô số trăm ngàn đồng nam, đồng nữ, đầu lễ chân Phật, đi vòng bên phải, rồi xin giã từ. Mỗi vị mang theo vô lượng các loại hoa hương, tràng phan, lọng báu, y phục, trang sức quý và các phẩm vật cúng dường khác, bắt đầu lên đường. Bầu đoàn của Bồ Tát Phổ Quang đi qua vô số cõi Phật ở phương Đông, đến cõi Phật nào cũng cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, không bỏ sót cõi nào.

Khi đến chỗ Phật Thích Ca, đầu lạy hai chân Phật, đi quanh trăm ngàn vòng, rồi lui đứng một bên. Bồ Tát Phổ Quang tiến tới trước, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ở phía Đông của cõi này, trải qua vô số thế giới, có thế giới tận cùng tên là Đa Bảo, có Phật hiệu là Bảo Tánh Như Lai, Ứng

Chánh Đẳng Giác xin ân cần thăm hỏi Thế Tôn “Ngài được ít bệnh, ít phiền, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực điều hòa, an vui chăng? Việc đời chịu đựng được chăng? Chúng sanh dễ độ chăng?” Rồi cầm ngàn hoa sen sắc vàng ròng, dâng lên Thế Tôn để làm Phật sự.

Khi ấy, đức Phật Thích Ca Mâu Ni nhận hoa sen ấy, rồi rải trở lại cúng dường vô số thế giới chư Phật ở phương Đông. Do thần lực Phật, khiến các hoa này rơi khắp các cõi Phật. Trong đài của các hoa này, đều có hóa Phật, ngồi kiết già, nói pháp tương ưng Đại Bát Nhã cho các Bồ Tát; hữu tình nào nghe được, nhất định đạt được quả vị Giác ngộ tối cao. Sau đâu đó, Bồ Tát Phổ Quang cùng tùy tùng quyến thuộc cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen Phật và các Bồ Tát, rồi lui ngồi một bên.

Cứ như thế, từ thế giới tận cùng ấy, tất cả các cõi Phật của phương Đông, mỗi cõi đều có một vị Bồ Tát đứng đầu xin phép chư Phật cõi mình, cùng tùy tùng quyến thuộc, đem lời vấn an và lễ vật đến cúng dường Phật Thích Ca Mâu Ni và các Bồ Tát để nghe Đại Bát Nhã như câu chuyện của Phổ Quang Bồ Tát đã thuật xong.

- Kế đến, thế giới tận cùng của **vô số thế giới ở phương Tây, tên là Cận Tịch Tịnh, có Phật hiệu là Bảo Diệm** Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác… Trong đó có **vị Bồ Tát tên là Hành Tuệ**, thấy các diễn biến giống như ở cõi nước của đức Bảo Tánh Như Lai, liền xin phép Phật Bảo Diệm đến cõi nước của Đức Thích Ca Mâu Ni, cùng quyến thuộc đem lời vấn an và lễ vật cúng dường Phật Thích Ca và các Bồ Tát để nghe Đại Bát Nhã, nhất nhất… đều giống như câu chuyện của Bồ Tát Phổ Quang vừa kể.

Cứ như thế, từ thế giới tận cùng ấy, tất cả các cõi Phật ở phương Tây khác, mỗi cõi đều có một vị Bồ Tát đứng đầu xin phép chư Phật cõi mình, cùng tùy tùng quyến thuộc, đem lời vấn an và lễ vật đến cúng dường Phật Thích Ca và các Bồ Tát để nghe Đại Bát Nhã như câu chuyện của Phổ Quang Bồ Tát đã thuật ở trên.

- Thế giới tận cùng của **vô số thế giới ở phương Bắc, tên là Tối Thắng, có Phật hiệu là Thắng Đế,** Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác. Trong đó có **vị Bồ Tát tên là Thắng Thọ**, thấy các diễn biến giống như ở cõi nước của đức Bảo Tánh Như Lai, liền xin phép Phật Thắng Đế đến cõi nước của Đức Thích Ca Mâu Ni, cùng quyến thuộc đem lời vấn an và lễ vật cúng dường Phật Thích Ca và các Bồ Tát để nghe Đại Bát Nhã , nhất nhất… đều giống như câu chuyện của Bồ Tát Phổ Quang kể trên.

Cứ như thế, từ thế giới tận cùng ấy, tất cả các cõi Phật của phương Bắc, mỗi cõi đều có một vị Bồ Tát đứng đầu xin phép chư Phật cõi mình, cùng tùy tùng quyến thuộc, đem lời vấn an và lễ vật đến cúng dường Phật Thích Ca và các Bồ Tát để nghe Đại Bát Nhã như câu chuyện của Phổ Quang Bồ Tát đã thuật ở trên.

- Đến thế giới tận cùng của **vô số thế giới ở phương Đông Bắc, tên là Định Trang Nghiêm, có Phật hiệu là Định Tượng Thắng Đức, Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác…, có Bồ Tát tên là Ly Trần Dũng Mãnh** cũng tham bái Phật Thích Ca Mâu Ni như trên.

Và từ thế giới tận cùng ấy, tất cả các cõi Phật của phương Đông Bắc, mỗi cõi đều có một vị Bồ Tát đứng đầu xin phép chư Phật cõi mình, cùng tùy tùng quyến thuộc, đem lời vấn an và lễ vật đến cúng dường Phật Thích Ca và các Bồ Tát để nghe Đại Bát Nhã như câu chuyện của Phổ Quang Bồ Tát đã thuật ở trên.

- Đến thế giới tận cùng của **vô số thế giới ở hướng Đông Nam, tên là Diệu Giác Trang Nghiêm, rất dễ ưa thích, có Phật hiệu là Liên Hoa Thắng Đức Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác…, có Bồ Tát tên là Liên Hoa Thủ** cũng tham bái Phật Thích Ca Mâu Ni như trên.

Và từ thế giới tận cùng ấy, tất cả các cõi Phật của phương Đông Nam, mỗi cõi đều có một vị Bồ Tát đứng đầu xin phép chư Phật cõi mình, cùng tùy tùng quyến thuộc, đem lời vấn an và lễ vật đến cúng dường Phật Thích Ca và các Bồ Tát để nghe Đại Bát Nhã như câu chuyện của Phổ Quang Bồ Tát đã thuật ở trên.

- Đến thế giới tận cùng của **vô số thế giới ở hướng Tây Nam, tên là Ly Trần Tụ, có Phật hiệu là Nhật Luân Biến Chiếu Thắng Đức Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác…, có Bồ Tát tên là Nhật Quang Minh** cũng tham bái Phật Thích Ca Mâu Ni như trên.

Và từ thế giới tận cùng ấy, tất cả các cõi Phật của hướng Tây Nam, mỗi cõi đều có một vị Bồ Tát đứng đầu xin phép chư Phật cõi mình, cùng tùy tùng quyến thuộc, đem lời vấn an và lễ vật đến cúng dường Phật Thích Ca và các Bồ Tát để nghe Đại Bát Nhã như câu chuyện của Phổ Quang Bồ Tát đã thuật ở trên.

- Đến thế giới tận cùng của **vô số thế giới ở hướng Tây Bắc, tên là Chơn Tự Tại, có Phật hiệu là Nhất Bảo Cái Thắng Như Lai Như Lai,**

Ứng Chánh Đẳng Giác…, có Bồ Tát tên là Bảo Thắng cũng tham bái Phật Thích Ca Mâu Ni như trên.

Và từ thế giới tận cùng ấy, tất cả các cõi Phật của hướng Tây Bắc, mỗi cõi đều có một vị Bồ Tát đứng đầu xin phép chư Phật cõi mình, cùng tùy tùng quyến thuộc, đem lời vấn an và lễ vật đến cúng dường Phật Thích Ca và các Bồ Tát để nghe Đại Bát Nhã như câu chuyện của Phổ Quang Bồ Tát đã thuật ở trên.

- Đến thế giới tận cùng của **vô số thế giới ở phương Hạ, tên là Liên Hoa, có Phật hiệu là Liên Hoa Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác…, có Bồ Tát tên Liên Hoa Thắng** cũng tham bái Phật Thích Ca Mâu Ni như trên.

Và từ thế giới tận cùng ấy, tất cả các cõi Phật của phương Hạ, mỗi cõi đều có một vị Bồ Tát đứng đầu xin phép chư Phật cõi mình, cùng tùy tùng quyến thuộc, đem lời vấn an và lễ vật đến cúng dường Phật Thích Ca và các Bồ Tát để nghe Đại Bát Nhã như câu chuyện của Phổ Quang Bồ Tát đã thuật ở trên.

- Đến thế giới tận cùng của **vô số thế giới ở phương Thượng, tên là Hoan Hỷ, có Phật hiệu là Hỷ Đức Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác…, có Bồ Tát tên là Hỷ Thọ** cũng tham bái Phật Thích Ca Mâu Ni như trên.

Và từ thế giới tận cùng ấy, tất cả các cõi Phật của phương Thượng khác, mỗi cõi đều có một vị Bồ Tát đứng đầu xin phép chư Phật cõi mình, cùng tùy tùng quyến thuộc, đem lời vấn an và lễ vật đến cúng dường Phật Thích Ca và các Bồ Tát để nghe Đại Bát Nhã như câu chuyện của Phổ Quang Bồ Tát đã thuật ở trên.

Lúc bấy giờ, khắp tam thiên đại thiên thế giới Kham Nhẫn đầy châu báu, các loại hương hoa thơm đẹp rải khắp mặt đất, tràng phan, bảo cái, giăng hàng khắp nơi, cây hoa, cây trái, cây hương thơm, cây vòng hoa, cây y phục, cây châu báu, các cây xen lẫn nhau trang trí khắp nơi, thật đáng vui thích, như ở thế giới Liên Hoa Như Lai, Tịnh Độ Phổ Hoa Như Lai, chỗ cư trú của đồng tử Mạn Thù Thất Lợi, Bồ Tát Thiện Trụ Tuệ và vô lượng các đại Bồ Tát có oai đức lớn khác.

Sơ giải:

Nói một cách tổng quát: Thành phần chủ khách, quang cảnh buổi hội, nhất nhất giống y như phẩm "Duyên Khởi" của Hội thứ I, ĐBN không khác. Nên không cần thuật lại rườm rà thêm! Phẩm này không có nói về giáo lý, chỉ kể lại quang cảnh khai hội theo lối trần thuật, ai đọc cũng có thể hiểu nên không cần thích nghĩa hay luận giải nữa. Đó là nói về phẩm "Duyên Khởi" của Hội thứ II này. Chúng tôi chỉ sơ lược cả hai Hội (thứ I và thứ II), vỏn vẹn chỉ mấy dòng như trên.

Khác với chúng tôi, để mở đầu "Phẩm Tự" của Kinh MHBNBLMĐ, Bồ Tát Long Thọ dùng 34 quyển, thuộc Tập 1 và gần hết Tập 2, tổng cộng hơn 1.000 trang đánh máy(theo bản dịch của Ni trưởng TN Diệu Không), diễn giảng Kinh MHBNBLMĐ tương đương với pháp hội thứ II, ĐBN trong bộ Đại Trí Độ Luận, như sau:

***- Q.01, từ trang 01 đến trang 28**: Luận đặt câu hỏi "tại sao Phật thuyết Bát Nhã?" Bồ Tát Long Thọ dùng 20 duyên khởi để trả lời câu hỏi này. Đồng thời cuối Q.01 với "Phẩm Tựa", Luận thuyết về 6 pháp thành tựu "Như thị ngã văn… , như vậy một thời tôi nghe…" Đó là hai vấn đề thường được nêu lên khi bắt đầu thuyết một Bộ Kinh. Bồ Tát Long Thọ đã trả lời thỏa đoán 2 vấn đề trên, có thể bổ túc cho những gì chúng tôi đã chiết giải thiếu sót của Hội thứ I và Hội thứ II, ĐBN thuộc phiên bản I và II, Tổng luận của chúng tôi;*

***- Q.02, từ trang 29 đến trang 65**: Chấm dứt phần thuyết về "Như thị ngã văn…". Từ trang 66 cho đến hết trang 89: Luận thuyết tiếp về 10 danh hiệu của Phật.*

***- Q.03, từ trang 93 cho đến trang 106:** Luận thuyết về bối cảnh lịch sử của Thành Vương Xá, xứ Ma kiệt đà và núi Kỳ đà quật (núi Linh Thứu), nơi Phật và Tăng đoàn thường trú và thuyết pháp nhiều nhất so với các phần đất khác trên xứ Ấn. Từ trang 106 trở đi cho đến hết trang 125: Luận thuyết về "nhân cách và phẩm hạnh" của các 5.000 Tỳ kheo Tăng, 500 Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di. Luận tiếp tục giải thích Kinh với các sự kiện và chứng tích rõ ràng theo duy vật sử quan, giúp người đọc bất cứ thời đại nào cũng hiểu rõ bối cảnh lịch sử Phật đạo.*

***- Q.04, từ trang 126 đến hết trang 162:** Luận thuyết về Bồ Tát, Bồ đề Tát đỏa, 3 thứ đạo, lục Ba la mật, 32 tướng hảo…*

- Q.05, từ trang 163 đến trang 200: *Thế nào thì được gọi là Bồ Tát thượng thủ Ma Ha Tát Đỏa. Đó là các Bồ Tát phải thành tựu 3 công đức Đẳng trì, Tam muôi và Đẳng nhẫn, và phải được Vô ngại Tổng trì và ngũ Thần thông mới được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát Đỏa. "Các ngài không còn giải đãi, đã xả bỏ lợi dưỡng và danh vọng, thuyết pháp không cầu báo, nói ra lời nào đều được tín thọ. Các ngài được thậm thâm pháp nhẫn, được vô lực úy, vượt qua các ma sự, đã giải thoát các nghiệp chướng, khéo thuyết pháp nhân duyên, đã nhiều A tăng kỳ kiếp phát đại nguyện, thường có dung mạo tốt đẹp, luôn hòa nhã khi thăm hỏi người. Ở trong chúng được vô sở úy. Từ vô số kiếp đến nay các ngài từng thuyết các diệu pháp". Luận cũng giải thích rõ ràng các sự kiện giống như đoạn Kinh trên.*

- Q.06 đến hết Q.34, Tập 2, phẩm thứ nhất: *Luận phần lớn thuyết về Thập dụ, các Tam muội, 6 pháp Ba la mật, 37 pháp trợ đạo, Tam tam muội (không - vô tướng - vô tác), Tứ thiền, Tứ vô lượng tâm, Tứ vô sắc định, Tám bối xả, Tám thắng xứ, Chín thứ đệ định, Mười nhất thế nhập, Cửu tưởng quán, Bát niệm, Thập tưởng, Mười một trí, Hữu giác hữu quán tam muội - Vô giác hữu quán tam muội và Vô giác vô quán tam muội, Vị tri dục tri căn - Tri căn - Dĩ tri căn, Thập lực, Tứ vô sở úy, Tứ vô ngại trí, Thập bát bất cộng pháp, Đại từ - đại bi, Đạo trí tuệ và Đạo chủng tuệ, Ngũ nhãn, Lục thông, Thập bát không, Tứ duyên, v.v…*

Nói chung, những pháp tu ***từ Q.06 đến hết Q.34, Tập 1 và Tập 2, Phẩm thứ nhất, Đại Trí Độ Luận tương đương với "Phần thứ I Tổng luận" do chúng tôi soạn thảo****. Thiên Tổng luận của chúng tôi chỉ liệt kê các pháp mầu Phật đạo với lời giải thích của chư Phật, Tổ hay của một số đạo sư hoặc tra cứu trong các tự điển Phật học, quá giản tiện, vỏn vẹn chỉ có 140 trang! Có thể nói "Phần thứ I Tổng luận" do chúng tôi biên soạn chỉ là bản liệt kê các pháp mầu Phật đạo ghi từ phẩm "Các Tướng Công Đức", Q.380, Hội thứ I, ĐBN. Chúng tôi chỉ có công sắp xếp lại thành một hệ thống các pháp tu thế gian và xuất thế gian, trình bày lại để các đạo hữu nắm vững đại cương các pháp tu này mà thôi.*

Trái lại, phần này của Đại Trí Độ Luận dẫn giải cách tu tập và phương pháp hành trì các pháp mầu Phật đạo chi li hơn. Phải nhấn mạnh rằng chưa có sách vở hoặc tự điển Phật học nào thích nghĩa và luận giải thâm diệu hơn 1.000 trang sách từ Q.01 đến hết Q.34, thuộc Tập 1 và gần hết Tập 2, phẩm thứ nhất như Đại Trí Độ Luận. Nhưng tiếc thay Bồ Tát

Long Thọ không có sắp xếp thành hệ thống, Luận chỉ liệt kê và giải thích theo "Phẩm Tựa" của Kinh MHBNBLMĐ. ***Nhưng ưu điểm quan trọng là Luận đã trình bày và chiết giải các pháp tu trên hết sức thâm diệu****.*

Đây là chứng giải của bậc thật tu thật chứng, đã bao che (cover) những gì mà chúng tôi thiếu sót hay lầm lẫn không những ở Tập 1 Tổng luận mà còn cho toàn bộ 8 Tập Tổng luận Đại Bát Nhã do chúng tôi biên soạn. Điều này nói lên tầm quan trọng của bộ Đại Trí Độ Luận, mà Phật Thích Ca Mâu Ni đã tiên đoán Luận này sẽ mang lại lợi ích trong việc đọc tụng thọ trì Kinh Đại Bát Nhã Ba La Mật về lâu, về dài, về sau.

Do đó, chúng tôi khuyến khích các đạo hữu nên đọc tụng thọ trì bộ Đại Trí Độ Luận này. Vì khuôn khổ của Tổng luận có giới hạn nên chúng tôi không thể trích dẫn hết được. Nếu chỗ nào không trích dẫn hết được, chúng tôi lưu ý, các đạo hữu nên đọc cẩn thận những chỉ dẫn đó sẽ thấy lợi ích của nó.

Cũng nên nói thêm rằng một số thích nghĩa các giáo lý khó khăn Phật học trong Đại Trí Độ Luận đã được các nhà học thuật cũng như các nhà khảo cứu Kinh Phật trích dẫn và ghi vào các sách giáo khoa hay tự điển Phật học. Vì sao? Vì Bồ Tát Long Thọ là Tổ thứ XIV, truyền thừa từ Đức Thế Tôn, nắm giữ và phát huy Tăng đoàn, là nguồn gốc đáng tin cậy, là cây cổ thụ Phật học, rất am tường các điển tích, các giáo lý cũng như bối cảnh lịch sử của đạo Phật thời bấy giờ.

Lưu ý: *Nên tham khảo thêm bộ Đại Trí Độ Luận do Ni trưởng TN Diệu Không biên dịch để bổ túc cho phần lược giải của chúng tôi trong "phần thứ I Tổng luận về các pháp mầu Phật đạo" và nhất là Hội thứ II này. Vì Tổng luận quá dài, chiết giải toàn bộ 16 pháp hội, 600 quyển Đại Bát Nhã, chúng tôi không thể trích dẫn thêm 1.000 trang luận giải của Đại Trí Độ Luận như đã nói ở trên./.*

---o0o---

02. PHẨM "HOAN HỶ"

Đầu quyển 402, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Học Quán", từ Q.03 - Q.04, Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

1. Học Bát Nhã phải lấy vô trụ, vô xả, vô hộ, vô thủ, vô cần, vô tư, vô trước, vô sở đắc làm phương tiện để tu tập tất cả pháp Phật, nhưng nên nhớ Tánh và Tướng tất cả pháp đều bất khả đắc.

Bấy giờ, biết các chúng có duyên ở thế giới đều đến hội họp như là: Chư Thiên, ma, phạm, các Sa môn, Bà la môn, Kiền đạt phược, A tu la, rồng, thần, người, chẳng phải người, chúng đại Bồ Tát trụ thân cuối cùng nối ngôi tôn quí, Thế Tôn liền bảo cụ thọ Xá lợi Tử:

- Nếu đại Bồ Tát muốn hiểu rõ tất cả tướng của tất cả pháp thì nên học Bát Nhã.

Lúc ấy, Xá lợi Tử vui mừng hớn hở, rời khỏi tòa, đảnh lễ Phật, trịch áo vai phải, gối phải chấm đất, chấp tay cung kính thưa:

- Bạch Thế Tôn! Tại sao đại Bồ Tát muốn hiểu rõ tướng của tất cả pháp phải học Bát Nhã?

Phật bảo Xá lợi Tử:

- Chư đại Bồ Tát nên dùng **vô trụ làm phương tiện** để an trụ Bát Nhã, vì năng trụ, sở trụ bất khả đắc; nên dùng **vô xả** làm phương tiện để viên mãn bố thí, vì người thí, người nhận và vật bố thí bất khả đắc; nên dùng **vô hộ** làm phương tiện để viên mãn tịnh giới; vì tướng phạm, vô phạm bất khả đắc; nên dùng **vô thủ** làm phương tiện để viên mãn nhẫn nhục, vì tướng động, bất động bất khả đắc; nên dùng **vô cần** làm phương tiện để viên mãn tinh tấn, vì thân tâm siêng năng, lười biếng bất khả đắc; nên dùng **vô tư** làm phương tiện để viên mãn tịnh lự Ba la mật, vì hữu vi, vô vi bất khả đắc; nên dùng **vô trước** làm phương tiện để viên mãn Bát nhã Ba la mật, vì tướng và tánh của các pháp bất khả đắc*(1)*.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Các đại Bồ Tát an trụ Bát nhã Ba la mật, dùng vô sở đắc làm phương tiện để tu Tập 37 pháp trợ đạo, **37** pháp phần Bồ đề

này bất khả đắc; dùng vô sở đắc làm phương tiện để tu tập không, vô tướng, vô nguyện Tam ma địa, ba đẳng trì này bất khả đắc; dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu Tập 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc; tịnh lự, vô lượng và vô sắc định cũng bất khả đắc; dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu tập 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ, 8 giải thoát, 8 thắng xứ đẳng chí biến xứ bất khả đắc; dùng vô sở đắc làm phương tiện, **tu tập 9 tưởng**: Tưởng trướng, tưởng sình, tưởng đỏ bầm, tưởng xanh bầm, tưởng mổ ăn, tưởng vung vãi, tưởng hài cốt, tưởng thiêu đốt, tưởng hoại diệt, các tưởng như thế bất khả đắc; dùng vô sở đắc làm phương tiện để **tu tập 10 tùy niệm**: Phật tùy niệm, Pháp tùy niệm, Tăng tùy niệm, giới tùy niệm, xả tùy niệm, thiên tùy niệm, thở ra vào tùy niệm, nhàm chán tùy niệm, chết tùy niệm, thân tùy niệm, các tùy niệm này bất khả đắc; dùng vô sở đắc làm phương tiện để **tu tập 11 trí**: Khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, tận trí, vô sanh trí, pháp trí, loại trí, thế tục trí, tha tâm trí, như thuyết trí, các trí như vậy cũng bất khả đắc; dùng vô sở đắc làm phương tiện để tu tập **Tam ma địa** có tầm có từ, Tam ma địa không tầm có từ, Tam ma địa không tầm không từ, 3 Tam ma địa này cũng bất khả đắc; dùng vô sở đắc làm phương tiện để tu tập **vị tri đương tri căn, dĩ tri căn, cụ tri căn**, 3 căn vô lậu này bất khả đắc; dùng vô sở đắc làm phương tiện nên tu tập **quán chỗ bất tịnh**, **quán biến mãn xứ**, **Nhất thiết trí trí**, **Xa ma tha**, **Tỳ bát xá na**, **4 nhiếp sự**, **4 thắng trụ**, **3 minh**, **5 loại mắt**, **6 phép thần thông**, **6 Ba la mật**, **7 chi của Thánh**, **8 đại sĩ gi**ác*(bát chánh đạo)*, **9 hữu tình cư trí**, **Đà la ni môn**, **Tam ma địa môn**, **10 địa**, **10 hạnh**, **10 nhẫn**, **20 tăng thượng ý lạc**, **Như Lai 10 lực**, **4 vô sở úy**, **4 vô ngại giải**, **18 pháp Phật bất cộng**, **32 tướng đại sĩ**, **80 tướng tùy hảo**, **pháp vô vong thất**, **tánh hằng trụ xả**, **Nhất thiết trí**, **Đạo tướng trí**, **Nhất thiết tướng trí**, tất cả tướng vi diệu trí, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả và bao nhiêu vô lượng vô biên Phật pháp. Các pháp như thế chẳng khá được vậy. Nghĩa là dùng **vô sở đắc làm phương tiện** để tu tập tất cả pháp Phật, nhưng nên nhớ tất cả pháp như thế đều bất khả đắc.

(Mở đầu phẩm này, Phật bảo tất cả chư vị trong pháp hội nên học tất cả pháp Phật, nhưng phải lấy vô trụ, vô xả, vô hộ v.v… nhất là dùng vô sở đắc làm phương tiện. Đó là huấn thị đầu tiên tu học và hành trì Bát Nhã).

(Bồ Tát học Bát Nhã để làm gì?)

Lại nữa, Xá lợi Tử! Nếu đại Bồ Tát **muốn mau chứng đắc** Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, Nhất thiết tướng vi diệu trí, muốn mau viên mãn nhất thiết hữu tình tâm hành tướng trí, thì **nên học Bát Nhã**; muốn trừ tất cả tập khí, phiền não nên học Bát Nhã; muốn thể nhập Chánh tánh ly sanh của Bồ Tát nên học Bát Nhã; muốn vượt qua địa vị Thanh văn, Độc giác nên học Bát Nhã; muốn trụ ngôi vị Bồ Tát bất thối chuyển nên học Bát Nhã; muốn được sáu loại thần thông thù thắng nên học Bát Nhã; muốn biết tâm hành và chỗ đến sai khác của tất cả hữu tình nên học Bát Nhã; muốn vượt hơn trí tuệ của tất cả Thanh văn, Độc giác nên học Bát Nhã; muốn được tất cả các môn Đà la ni, Tam ma địa nên học Bát Nhã; muốn đem một niệm tâm tùy hỷ vượt hơn sự bố thí, tịnh giới của tất cả Thanh văn, Độc giác nên học Bát Nhã; muốn đem một niệm tâm tùy hỷ vượt hơn định, tuệ giải thoát, giải thoát tri kiến của tất cả Nhị thừa nên học Bát Nhã; muốn đem một niệm tâm tùy hỷ vượt hơn tịnh lự, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí và thiện pháp khác của tất cả Nhị thừa nên học Bát Nhã; muốn đem một niệm tu tập thiện pháp vượt hơn thiện pháp của tất cả phàm phu, Thanh văn, Độc giác nên học Bát Nhã; muốn thực hành chút ít bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, vì các hữu tình phương tiện thiện xảo để hồi hướng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, được vô lượng vô biên công đức nên học Bát Nhã.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Nếu Đại Bồ Tát **muốn thực hành lục Ba la mật**, lìa các chướng ngại mau được viên mãn thì nên học Bát Nhã; muốn được đời đời thường gặp chư Phật, thường nghe Chánh pháp, được Phật giác ngộ, nhớ nghĩ lời Phật dạy nên học Bát Nhã; muốn được thân Phật đủ 32 tướng Đại sĩ của bậc đại trượng phu, 80 vẻ đẹp đầy đủ, trang nghiêm nên học Bát Nhã; muốn được đời đời thường nhớ nghĩ Bồ đề tâm đời trước, không quên mất, xa lìa bạn ác, gần gũi bạn lành, thường tu Bồ Tát hạnh nên học Bát Nhã; muốn được đời đời đầy đủ oai lực lớn hàng phục các ma, dẹp trừ ngoại đạo nên học Bát Nhã; muốn được đời đời xa lìa tất cả phiền não, nghiệp chướng, thông đạt các pháp, tâm không chướng ngại nên học Bát Nhã; muốn được đời đời tâm hoàn hảo, nguyện hoàn hảo, hành hoàn hảo, liên tục, thường không biếng nhác, bỏ bê nên học Bát Nhã; muốn sanh vào nhà Phật, vào địa vị đồng chơn, thường không xa lìa chư Phật, Bồ Tát nên học Bát Nhã; muốn được đời đời đầy đủ các tướng tốt

trang nghiêm như Phật, tất cả hữu tình trông thấy đều hoan hỷ, phát sanh tâm Vô Thượng Chánh Giác, mau được thành tựu công đức Phật nên học Bát Nhã; muốn đem các năng lực của thiện căn thù thắng, các phẩm vật cúng dường tốt đẹp tùy ý cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, làm cho các thiện căn mau được viên mãn thì nên học Bát Nhã; muốn làm cho thỏa mãn đầy đủ tất cả vật mong cầu của chúng sanh như: Thức ăn, thức uống, y phục, giường nằm, thuốc men, hoa, hương, đèn, nhà cửa, lúa gạo v.v… nên học Bát Nhã.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Nếu Bồ Tát **muốn khéo an lập tất cả hữu tình** trong khắp cõi hư không, cõi pháp, cõi đời, khiến họ đều an trú sáu pháp Ba la mật, thì nên học Bát Nhã; muốn được công đức phát sanh một niệm thiện tâm cho đến quả Vô thượng Bồ đề không cùng tận thì nên học Bát Nhã; muốn được chư Phật các thế giới trong mười phương, tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Chánh Giác, các Bồ Tát cùng khen ngợi thì nên học Bát Nhã; muốn một khi phát tâm có thể đến khắp vô số thế giới trong mười phương, cúng dường chư Phật, làm lợi lạc cho chúng sanh thì nên học Bát Nhã; muốn trong một niệm làm cho tất cả hữu tình trong hằng hà sa số thế giới chư Phật khắp mười phương tu học mười thiện nghiệp đạo, thọ tam qui y, hộ trì cấm giới, tu bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, được năm thần thông nên học Bát Nhã; muốn trong một niệm có thể làm cho tất cả hữu tình trong vô số thế giới chư Phật khắp mười phương an trụ pháp Đại thừa, tu Bồ Tát hạnh, chẳng khinh bỏ các thừa khác nên học Bát Nhã; muốn tiếp nối dòng giống Phật không để cho đoạn tuyệt, hộ trì ngôi nhà Bồ Tát làm cho không bị thối chuyển, làm thanh tịnh cõi Phật và mau được thành tựu nên học Bát Nhã.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Nếu đại Bồ Tát **muốn an trụ pháp không nội cho đến pháp không không tánh tự tánh** thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn an trụ tất cả chơn như, pháp giới, pháp tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế v.v… thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn hiểu biết tánh của tất cả pháp không điên đảo, không phân biệt thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn hiểu biết tất cả pháp nhân duyên, đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên, tánh vô sở hữu, bất khả đắc thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn hiểu biết tất cả pháp như huyễn, như mộng, như tiếng vang, như hình bóng, như bóng sáng, như sóng nắng, như hoa đốm trên không, như thành Càn thác bà, như các việc biến hóa, chỉ do

tâm hiện ra, tánh, tướng đều không thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn biết đại địa, hư không, núi non, biển cả, sông ngòi, ao bàu, khe hang, vũng hồ, địa, thủy, hỏa, phong, các lượng cực vi trong tam thiên đại thiên thế giới khắp mười phương thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn chẻ một sợi lông ra làm trăm phần, lấy một phần sợi lông, đem hết nước trong biển cả, sông ngòi, ao bàu, khe hang, vũng hồ khắp tam thiên đại thiên thế giới bỏ vào trong vô biên thế giới ở phương khác mà không làm tổn hại hữu tình trong ấy thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát gặp kiếp hỏa thiêu cháy khắp tam thiên đại thiên thế giới, làm cho trời đất đều cháy rụi, muốn dùng một hơi thở thổi tắt liền thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát gặp kiếp phong nổi lên, tam thiên đại thiên thế giới nương phong luân bị thổi mạnh bay vọt lên, sắp thổi tam thiên đại thiên thế giới, núi Tô mê lô, núi Luân vi v.v... các vật đều tan nát như bụi, muốn dùng một ngón tay để ngăn lại sức gió kia làm cho chúng tan đi thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát ở trong tam thiên đại thiên thế giới, muốn một khi ngồi kiết già đầy khắp cả hư không thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn đem 1 sợi lông quấn lấy tam thiên đại thiên thế giới, núi Diệu cao, núi Luân vi các vật ném qua vô lượng vô biên thế giới ở phương khác, mà không làm tổn hại chúng hữu tình trong đó, thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn đem 1 món ăn, một chút hoa, hương, tràng, lọng... cúng dường cung kính, tôn trọng khen ngợi tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và chúng đệ tử trong vô số thế giới khắp 10 phương không ai chẳng đầy đủ thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn làm cho chúng hữu tình trong vô số thế giới khắp 10 phương an trụ giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn, hoặc trụ vào quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề cho đến nhập Vô dư y Niết bàn thì nên học Bát Nhã.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Nếu đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã có thể biết như thật bố thí như vậy **được phước báo lớn,** nghĩa là biết như thật bố thí như vậy được sanh dòng tộc Sát đế lợi, hoặc sanh dòng tộc Bà la môn, hoặc Trưởng giả, hoặc Cư sĩ. Bố thí như thế được sanh vào cõi Tứ đại thiên vương, hoặc sanh vào cõi trời Dục, Sắc hay Vô sắc. Do bố thí như vậy được sơ thiền, hoặc đệ nhị thiền, hoặc đệ tam thiền, hoặc đệ tứ thiền. Do bố thí như vậy được định Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Do bố thí như thế phát sanh bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, đắc quả Dự lưu, hoặc Nhất lai, hoặc Bất hoàn,

hoặc quả A la hán, hoặc quả vị Độc giác, hoặc chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Giác. Nếu đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã có thể biết như thật về bố thí, dùng phương tiện thiện xảo, bố thí Ba la mật viên mãn; bố thí như thế dùng phương tiện thiện xảo làm viên mãn tịnh giới Ba la mật; bố thí như thế dùng phương tiện thiện xảo làm viên mãn an nhẫn Ba la mật; bố thí như thế dùng phương tiện thiện xảo làm viên mãn tinh tấn Ba la mật; bố thí như thế dùng phương tiện thiện xảo làm viên mãn tịnh lự Ba la mật; bố thí như thế dùng phương tiện thiện xảo làm viên mãn Bát nhã Ba la mật. Như vậy, thực hành tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật với phương tiện thiện xảo thì có thể làm viên mãn sáu Ba la mật.

*(Học Bát Nhã có vô vàn diệu dụng không thể nghĩ bàn như vậy. Bát nhã Ba la mật chẳng khác nào **phép mầu vi diệu** mà đức Thế Tôn không tiếc lời ca tụng. Đây là thật ngữ phát ra từ kim khẩu Phật, phải tin tưởng phụng hành thôi).*

Khi ấy, Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, có thể biết như thật bố thí, dùng phương tiện thiện xảo làm viên mãn bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật?

Phật dạy:

- Xá lợi Tử! Vì **đem vô sở đắc làm phương tiện** nghĩa là đại Bồ Tát khi thực hành bố thí hiểu rõ tướng của tất cả người thí, người nhận và vật bố thí đều bất khả đắc, có thể làm viên mãn bố thí Ba la mật; vì tướng phạm, không phạm bất khả đắc, nên có thể làm viên mãn tịnh giới Bát nhã Ba la mật; vì tướng động, bất động bất khả đắc, nên có thể làm viên mãn an nhẫn Ba la mật; vì thân tâm siêng năng, biếng nhác bất khả đắc, nên có thể làm viên mãn tinh tấn Ba la mật; có loạn, không loạn bất khả đắc, nên có thể làm viên mãn tịnh lự Ba la mật vì tánh tướng các pháp bất khả đắc, nên có thể làm viên mãn Bát nhã Ba la mật. Đó là đại Bồ Tát khi thực hành bố thí, dùng phương tiện thiện xảo có thể làm viên mãn sáu Ba la mật. Như vậy, đại Bồ Tát khi thực hành tịnh giới, dùng phương tiện thiện xảo, có thể làm viên mãn sáu Ba la mật, cho đến khi thực hành Bát nhã Ba la mật, dùng phương tiện thiện xảo, có thể làm viên mãn sáu Ba la mật.

Lại nữa, Xá Lợi Tử! Nếu đại Bồ Tát **muốn được công đức của chư Phật trong đời quá khứ, vị lai, hiện tại thì nên học Bát Nhã**. Nếu đại Bồ Tát muốn đến bờ kia của tất cả các pháp hữu vi, vô vi thì nên học Bát nhã Ba la mật. Nếu đại Bồ Tát muốn đạt được các pháp chơn như, pháp giới, pháp tánh, vô sanh, thực tế trong quá khứ, vị lai, hiện tại thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn thấu suốt tận cùng ba đời quá khứ, vị lai, hiện tại sanh hay bất sanh thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn làm bậc đạo sư cho tất cả Thanh văn, Độc giác thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn hầu cận tất cả Như Lai thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn làm dòng họ quyến thuộc của tất cả Như Lai thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn được quyến thuộc đông thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn được thường cùng Bồ Tát làm quyến thuộc thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn **điều phục tâm xan tham**, không sanh tâm phạm giới, trừ bỏ tâm sân giận, tâm biếng nhác, dừng lặng tâm tán loạn, xa lìa tâm ác tuệ thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn làm cho tất cả hữu tình an trụ vào việc tánh thí phước nghiệp, tánh giới phước nghiệp, tu tánh phước nghiệp, cúng dường hầu cận phước nghiệp, hữu y phước nghiệp thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn được ngũ nhãn: Nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn dùng thiên nhãn thấy hết vô số thế giới chư Phật trong 10 phương thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn dùng thiên nhĩ nghe hết những lời Phật dạy trong vô số thế giới khắp 10 phương thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn biết như thật về pháp tâm, tâm sở của tất cả chư Phật trong hằng hà sa số thế giới khắp 10 phương thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn được nghe chư Phật trong 10 phương thế giới thuyết pháp cho đến chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề không đoạn tuyệt thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn thấy tất cả cõi nước chư Phật trong 10 phương ba đời quá khứ, vị lai, hiện tại thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn đối với 12 bộ Kinh mà chư Phật trong mười phương ba đời quá khứ, vị lai, hiện tại đã thuyết: Khế Kinh, Ứng tụng, Thọ ký, Phúng tụng, Tự thuyết, Nhân duyên, Bổn sự, Bổn sanh, Phương quảng, Hy pháp, Thí dụ, Luận nghị mà các Thanh văn chưa từng nghe, đều có thể thọ trì thông suốt, cứu cánh thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn đối với pháp môn mà chư Phật trong 10 phương, ba đời quá khứ, vị lai, hiện tại đã thuyết, tự mình đã thọ trì thông suốt rốt ráo, lại có

thể giảng thuyết như thật cho người khác thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn đối với pháp môn chư Phật trong 10 phương, ba đời quá khứ, vị lai, hiện tại đã thuyết, tự mình thực hành như thật, lại có thể khuyên bảo người khác thực hành như thật thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn chiếu ánh sáng đến vô số thế giới tối tăm, hoặc thế giới trung gian khắp 10 phương nơi mà ánh sáng mặt trời, mặt trăng không chiếu đến thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn đối với chúng hữu tình trong vô lượng thế giới bị tà kiến không nghe đến danh hiệu Phật, Pháp, Tăng trong 10 phương mà có thể khai thị, giáo hóa làm cho họ phát sanh chánh kiến, nghe danh Tam Bảo thì nên học Bát Nhã. **Nếu đại Bồ Tát dùng oai lực của mình muốn làm cho chúng hữu tình trong vô số thế giới trong 10 phương, người mù có thể thấy được, người điếc có thể nghe được, người câm có thể nói được, người cuồng nhớ nghĩ được, người loạn ổn định được, người nghèo được giàu, người thiếu áo được áo, người đói được ăn, người khát được uống, người bệnh được trị lành, người xấu được đẹp, người tàn tật được đầy đủ, người thiếu các căn được đầy đủ, người mê được tỉnh ngộ, kẻ mệt mỏi được thư thái**. Tất cả hữu tình với tâm bình đẳng, đối với nhau như cha, mẹ, anh em, chị em, bạn bè, thân thuộc thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát dùng oai lực của mình muốn làm cho chúng hữu tình trong hằng hà sa số thế giới khắp 10 phương, ở trong đường ác, được sanh vào cõi thiện thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát dùng oai lực của mình muốn làm cho chúng hữu tình trong hằng hà sa số thế giới khắp 10 phương quen theo nghiệp ác đều tu theo nghiệp thiện thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát dùng oai lực của mình muốn làm cho chúng hữu tình trong hằng hà sa số thế giới khắp 10 phương, người phạm giới được an trụ vào giới uẩn, người chưa được định đều an trụ vào định uẩn, người có tuệ ác đều an trụ vào tuệ uẩn, người không được giải thoát đều trụ giải thoát uẩn, người không được giải thoát tri kiến đều trụ giải thoát tri kiến uẩn, người chưa đắc kiến đế thì được quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A la hán, hoặc quả vị Độc giác, hoặc chứng đắc Vô thượng Bồ đề thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn học oai nghi thù thắng của chư Phật, làm cho các hữu tình trông thấy không chán, dứt điều ác, sanh điều thiện thì nên học Bát Nhã.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, suy nghĩ: Chừng nào ta mới được như voi chúa dung nghi đĩnh đạc, nghiêm nghị, thuyết pháp cho đại chúng! Muốn thành tựu việc này nên học Bát Nhã.

Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, suy nghĩ: **Chừng nào ta mới được thân, ngữ, ý nghiệp hành động theo trí tuệ, luôn được thanh tịnh**! Muốn đạt được điều này nên học Bát Nhã.

Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã suy nghĩ: Chừng nào ta mới được chân đi cách đất chừng 4 lóng tay một cách tự tại! Muốn được việc này nên học Bát Nhã.

Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã suy nghĩ: Chừng nào ta mới được vô lượng trăm ngàn triệu ức thiên chúng trời Tứ đại thiên vương, cho đến trời Sắc cứu cánh cúng dường cung kính, tôn trọng khen ngợi, cùng nhau đi đến cội Bồ đề! Muốn thành tựu việc này nên học Bát Nhã.

Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã mật suy nghĩ: Chừng nào ta mới được vô lượng trăm ngàn triệu ức thiên chúng trời Tứ đại vương cho đến trời Sắc cứu cánh ở dưới cội Bồ đề, đem thiên y làm tòa! Muốn thành tựu việc này nên học Bát Nhã.

Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã suy nghĩ: Chừng nào ta mới được ngồi dưới cội Bồ đề làm cho các chúng ma qui phục, chứng đắc quả Vô thượng Bồ đề! Muốn được việc này nên học Bát Nhã.

Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã suy nghĩ: Chừng nào ta mới được thành Chánh Giác, khi đi, đứng, ngồi, nằm ở chỗ nào thì chỗ ấy đều thành kim cương! Muốn được điều này nên học Bát Nhã.

Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã suy nghĩ: Chừng nào ta mới bỏ nước xuất gia, cũng đến ngày đó thành Vô Thượng Chánh Giác, rồi cũng đến ngày đó chuyển bánh xe chánh pháp, làm cho vô lượng, vô số hữu tình xa lìa trần cấu, sanh pháp nhãn thanh tịnh, lại làm cho vô lượng, vô số hữu tình hết hẳn các lậu, tâm và tuệ giải thoát, cũng làm cho vô lượng, vô số hữu tình không thối chuyển đối với quả Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề! Muốn được như vậy nên học Bát Nhã.

Đại Bồ Tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật, suy nghĩ: Chừng nào ta mới được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, vô lượng, vô số Thanh văn, Bồ Tát làm chúng đệ tử, mỗi khi thuyết pháp làm cho vô lượng, vô số hữu tình ngay tại chỗ ngồi chứng quả A la hán; lại làm cho vô lượng, vô số chúng

sanh cũng ngay tại chỗ ngồi, đối với quả Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề không thối chuyển! Muốn thành tựu việc này thì nên học Bát Nhã.

Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã suy nghĩ: Chừng nào ta mới được sống lâu vô lượng, được vô biên ánh sáng, tướng tốt trang nghiêm, người xem không chán, lúc bước đi hoa sen ngàn cánh thường đỡ chân làm cho trên mặt đất hiện tướng thiên bức luân, mỗi bước đi, đại địa chấn động mà không làm tổn hại hữu tình nào trên đất, khi muốn ngó lui, toàn thân đều xoay lại, chỗ chân đi dậm tận mé kim cương như bánh xe lăn đến đâu, đất cũng đều rung chuyển! Muốn được như vậy nên học Bát Nhã.

Đại Bồ Tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật: Chừng nào toàn thân ta mới phóng được ánh sáng, chiếu khắp vô biên thế giới trong 10 phương, ánh sáng chiếu đến đâu đều làm lợi ích lớn cho chúng hữu tình! Muốn được như vậy nên học Bát Nhã.

Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã suy nghĩ: Khi tôi được Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, nguyện quốc độ tôi không có tất cả các tên tham dục, sân giận, si mê, chúng hữu tình trong đó thành tựu diệu tuệ. Do sức tuệ này liền suy nghĩ bố thí, điều phục, an nhẫn, tinh tấn, tịch tịnh, quán kỹ, lìa các buông lung, tu hành phạm hạnh, tu từ, bi, hỷ, xả, không làm não hại hữu tình! Muốn viên mãn nguyện này nên học Bát Nhã.

Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã suy nghĩ: Khi ta được Vô Thượng Chánh Giác, việc hóa độ đã chu toàn, sau khi Niết bàn, Chánh pháp không có thời kỳ diệt tận, thường làm lợi lạc cho chúng hữu tình. Muốn viên mãn nguyện này nên học Bát Nhã.

Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, suy nghĩ: Khi ta được Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, nguyện cho chúng hữu tình trong hằng hà sa số thế giới khắp mười phương nghe danh ta đều được Vô Thượng Chánh Đẳng Giác. Muốn viên mãn nguyện này nên học Bát Nhã.

Này Xá lợi Tử! Nếu đại Bồ Tát muốn thành tựu vô lượng vô biên công đức thì nên học Bát nhã Ba la mật.

2. Tứ đại Thiên vương dâng bát.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Nếu đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã thì nhất định sẽ thành tựu công đức như vậy. Lúc bấy giờ, tam thiên đại thiên thế giới, trời Tứ đại thiên vương đều rất vui mừng, đồng suy nghĩ: Nay chúng ta

nên đem **bốn bát dâng cúng Bồ Tát** này, như ngày xưa Thiên vương dâng bát cúng Phật.

Khi ấy, tam thiên đại thiên thế giới, trời Ba mươi ba, trời Dạ ma, trời Đổ sử đa, trời Lạc biến hóa, trời Tha hóa tự tại đều rất vui mừng đồng suy nghĩ: Chúng ta nên mau đến cúng dường hầu cận Bồ Tát như vậy, làm cho A tu la hung ác giảm xuống, để cho chư thiên và các quyến thuộc tăng thêm.

Lúc ấy, trong tam thiên đại thiên thế giới, trời Phạm chúng, trời Phạm phụ, trời Phạm hội, trời Đại phạm, trời Đại quang, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Cực quang tịnh, trời Tịnh, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời Quảng, trời Thiểu quảng, trời Vô lượng quảng, trời Quảng quả, trời Vô phiền, trời Vô nhiệt, trời Thiện hiện, trời Thiện kiến, trời Sắc cứu cánh đều vui mừng hớn hở, đồng suy nghĩ: Chúng ta nên thỉnh Bồ Tát như thế mau chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, chuyển bánh xe pháp, làm lợi lạc cho tất cả hữu tình.

Này Xá lợi Tử! Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, làm cho sáu Ba la mật tăng trưởng thì các thiện nam, thiện nữ ở thế giới kia đều rất vui mừng, đồng suy nghĩ: Chúng ta nên thỉnh Bồ Tát như vậy làm cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, bạn bè quen biết. Khi ấy, ở thế giới kia, trời Tứ đại thiên vương cho đến trời Sắc cứu cánh đều hoan hỷ được diễm phúc, đồng suy nghĩ: Chúng ta nên bày các phương tiện làm cho Bồ Tát này lìa ác hạnh, từ lúc mới phát tâm cho đến khi thành Phật, thường tu phạm hạnh. Vì sao? Vì nếu bị nhiễm sắc dục, sanh nơi Phạm thiên còn bị chướng ngại, huống là đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Giác. Vì thế, Bồ Tát nào đoạn dục, xuất gia tu phạm hạnh, có thể chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề chứ không phải như kẻ chẳng đoạn dục.

Lúc ấy, Xá Lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Chư đại Bồ Tát cần phải có cha mẹ, vợ con, bạn thân không?

Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! Có Bồ Tát có đủ cha mẹ, vợ con, quyến thuộc, mà vẫn tu hạnh đại Bồ Tát. Hoặc có đại Bồ Tát không có vợ con, từ lúc mới phát tâm cho đến khi thành Phật, thường tu phạm hạnh, vẫn còn đồng chơn. Hoặc có đại Bồ Tát dùng phương tiện thiện xảo, thị hiện hưởng thọ năm dục, nhàm bỏ xuất gia, mới đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Này Xá lợi Tử! Ví như nhà huyễn thuật, hoặc học trò của người ấy giỏi nghề huyễn thuật, giả làm năm dục rồi cùng nhau vui chơi thỏa thích. Ý ông nghĩ sao? Huyễn làm ra đó có thật không?

Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không!

Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát cũng vậy, vì muốn giáo hóa chúng hữu tình nên Bồ Tát dùng phương tiện thiện xảo, hóa hiện thọ hưởng 5 dục, nhưng đại Bồ Tát này, ở trong 5 dục rất là nhàm chán, không bị 5 dục làm nhiễm ô, mà dùng vô lượng pháp môn quở trách các dục: **Dục là lửa dữ thiêu đốt thân tâm; dục là dơ xấu làm ô nhiễm mình và người; dục là đồ tể thường làm hại cả 3 đời quá khứ, vị lai, hiện tại; dục là oán địch, thường rình tìm làm suy tổn; dục như đuốc cỏ; dục như quả đắng; dục như kiếm nhọn; dục như đống lửa; dục như đồ độc; dục như huyễn hoặc; dục như giếng tối. Bồ Tát dùng vô lượng thứ tội lỗi như vậy để quở trách các dục. Đã hiểu biết rõ dục là tội lỗi, không chân thật thì thọ hưởng làm gì. Chỉ vì làm lợi ích, giáo hóa chúng sanh mà Bồ Tát dùng phương tiện thiện xảo thị hiện thọ hưởng các dục.**

Thích nghĩa:

(1). Bất khả đắc: (不可得) *Không thể được. Phạm: An-upalambha. Tên khác của không. Dù có tìm cầu như thế nào đi nữa, cũng đều không thể biết được. Phật giáo cho rằng, sự tồn tại của tất cả các pháp, không có hình thái cố định bất biến, nếu có suy xét tìm cầu thì đều cũng không thể được, gọi là Bất khả đắc không. Danh từ bất khả đắc này bao hàm bốn nghĩa sau đây: 1. Không thể được. 2. Không tồn tại. 3. Không bám dính tự thể tồn tại, như các pháp chẳng thể được. 4. Đối với vật không xác định và không bản chất, tìm cũng không thể được. (Từ điển Phật Quang)*

Đại Trí Độ Luận nói: "Ví như tướng lửa được hiển lộ nhờ các vật cháy; nếu lìa các vật cháy ra thì lửa là bất khả đắc".

Sơ giải:

Toàn thể phẩm "Hoan Hỉ" của Hội thứ II tương đương với phẩm "Học Quán", từ Q.03 đến Q.04, Hội thứ I, ĐBN thuyết rằng: Bồ Tát muốn

có đầy đủ uy lực, muốn có sức mạnh huyền diệu và công đức bất khả tư nghì phải thì phải học tất cả các pháp mầu Phật đạo nhất là Bát nhã Ba la mật, nhưng phải lấy ***vô trụ, vô xả, vô hộ, vô thủ, vô cần, vô tư, vô trước, vô sở đắc làm phương tiện*** *nhưng phải nhớ Tánh Tướng tất cả pháp đều bất khả đắc. Đó là lời khuyên rất hữu ích cho người hành Bồ Tát đạo muốn đem lại an lạc hay phúc lợi cho toàn thể chúng sanh.*

Vô trụ *là không trụ các chỗ, không trụ ở lành dữ, có không...* ***Vô đắc*** *là không được, không mất.* ***Vô thủ*** *là không nắm, không bỏ.* ***Vô hộ*** *là hoặc phạm tội hay không phạm đều không.* ***Vô cần*** *là tinh tấn hay giải đãi không khác.* ***Vô tư****, định hay loạn như nhau.* ***Vô trước*** *là tánh tướng đều không, tất cả đều bất khả đắc, nên không chấp trước v.v... Đó là những yếu chỉ cần thiết cho việc học hành Bát Nhã nói theo đệ nhất nghĩa đế.*

1. Muốn thức hiện tất cả nguyện cầu thì phải học Bát Nhã:

Tất cả mong muốn chí nguyện của Bồ Tát không ngoài việc luyện tập thiện căn công đức trí tuệ để trước được tư lợi, sau là lợi tha. Mục đích cao cả của cuộc đời hành đạo của các ngài là trên cầu vô thượng giác, dưới hóa độ chúng sanh. Vì vậy, Kinh Bảo:

"... Nếu đại Bồ Tát **muốn mau chứng đắc** Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, Nhất thiết tướng vi diệu trí, muốn mau viên mãn nhất thiết hữu tình tâm hành tướng trí, thì **nên học Bát Nhã**; muốn trừ tất cả tập khí, phiền não nên học Bát Nhã; muốn thể nhập Chánh tánh ly sanh của Bồ Tát nên học Bát Nhã; muốn vượt qua địa vị Thanh văn, Độc giác nên học Bát Nhã; muốn trụ ngôi vị Bồ Tát bất thối chuyển nên học Bát Nhã; muốn được 6 loại thần thông thù thắng nên học Bát Nhã; muốn biết tâm hành và chỗ đến sai khác của tất cả hữu tình nên học Bát Nhã; muốn vượt hơn trí tuệ của tất cả Thanh văn, Độc giác nên học Bát Nhã; muốn được tất cả các môn Đà la ni, Tam ma địa nên học Bát Nhã; muốn đem một niệm tâm tùy hỷ vượt hơn sự bố thí, tịnh giới của tất cả Thanh văn, Độc giác nên học Bát Nhã; muốn đem một niệm tâm tùy hỷ vượt hơn định, tuệ giải thoát, giải thoát tri kiến của tất cả Nhị thừa nên học Bát Nhã; muốn đem một niệm tâm tùy hỷ vượt hơn tịnh lự, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí và thiện pháp khác của tất cả Nhị thừa nên học Bát Nhã; muốn đem một niệm tu tập thiện pháp vượt hơn thiện pháp của tất cả phàm phu,

Thanh văn, Độc giác nên học Bát Nhã; muốn thực hành chút ít bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, vì các hữu tình phương tiện thiện xảo để hồi hướng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, được vô lượng vô biên công đức nên học Bát Nhã".

Kinh bảo tiếp:

"...Nếu Bồ Tát **muốn khéo an lập tất cả hữu tình** trong khắp cõi hư không, cõi pháp, cõi đời, khiến họ đều an trú 6 pháp Ba la mật, thì nên học Bát Nhã; muốn được công đức phát sanh một niệm thiện tâm cho đến quả Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề không cùng tận thì nên học Bát Nhã".

Khi hoàn tất hai nguyện vọng đó, thì Bồ Tát có thể:

"… dùng oai lực của mình muốn làm cho chúng hữu tình trong vô số thế giới trong 10 phương, người mù có thể thấy được, người điếc có thể nghe được, người câm có thể nói được, người cuồng nhớ nghĩ được, người loạn ổn định được, người nghèo được giàu, người thiếu áo được áo, người đói được ăn, người khát được uống, người bệnh được trị lành, người xấu được đẹp, người tàn tật được đầy đủ, người thiếu các căn được đầy đủ, người mê được tỉnh ngộ, kẻ mệt mỏi được thư thái". *Muốn được như vậy, phải học Bát Nhã, hồi hướng Nhất thiết trí nhưng phải lấy vô sở đắc làm phương tiện, mới có cơ hội.*

Kinh thuyết như vậy quá đủ, muốn rõ thêm chi tiết các đạo hữu có thể tham khảo Đại Trí Độ Luận từ Q.28 đến hết Q.34, Tập II, do Bồ Tát Long Thọ luận giải, sẽ đáp ứng những thắc mắc của đạo hữu nếu cần.

2. Tứ đại thiên vương dâng bát:

*Nếu Bồ Tát tu Bát Nhã viên mãn như vậy thì trời Tứ đại thiên vương đều rất vui mừng, đồng suy nghĩ: Nay chúng ta nên đem **bốn bát dâng cúng Bồ Tát** này, như ngày xưa Thiên vương dâng bát cúng Phật.*

Đại Trí Độ Luận giải thích:

"Hàng phàm phu ít có trí huệ, mải miết lăn lóc theo cuộc sống hằng ngày mà còn vui mừng khi nghe nói có Bồ tát tăng ích 6 pháp Ba-la-mật, không còn bao lâu nữa sẽ thành Phật, huống nữa là chư Thiên có thiên nhãn mà chẳng có sanh tâm hoan hỷ vui mừng hay sao?

Chư Thiên có trí tuệ, biết rõ thiền định là pháp lạc, 5 dục là vô thường, lại biết rõ Phật và Bồ tát ra đời đem lại thường lạc cho chúng sanh, nên rất hoan hỷ khi thấy Bồ tát tăng ích 6 pháp Ba-la-mật. Ví như thấy cây xanh tươi, mọi người đều sanh tâm hoan hỷ, vì biết rằng các loại cây như vậy có bóng rợp mát, có hoa đẹp, có quả ngon, đem lại nhiều lợi ích cho chúng sanh. Bồ tát cũng như vậy. Bồ tát dạy cho chúng sanh xa lìa các ác pháp, tu tập các thiện pháp, dẫn dắt chúng sanh thoát khỏi 3 đường ác, hưởng phước lạc ở cõi trời, cõi người, đơm hoa Hiền Thánh, kết quả Ba Thừa (tam thừa), khiến được an lạc ở đời này và cả ở đời sau".

Đại Trí Độ Luận, Q.35 lại đặt câu hỏi:

Hỏi: *Chư Thiên cúng dường rất nhiều thứ. Vì sao ở đây chỉ nói đến cúng dường bát mà thôi?*

Đáp: Tứ Thiên Vương cúng dường bát, Thích Đề Hoàn Nhơn (tức là Đế Thích) cúng dường y, Phạm Thiên Vương cúng dường lọng.

Lại có nhiều hình thức cúng dường khác nữa, như:

- Khi Phật còn là vị Thái tử, chư Thiên ở cõi trời Tịnh Cư Thiên hóa thân làm người già, người bệnh, người chết, làm Sa môn ở 4 cửa thành, để giúp Bồ tát phát tâm xuất gia cầu đạo. Lại có 4 vị Thiên Vương ở bốn bên hộ vệ Bồ tát.
- Khi Bồ tát cắt tóc, Đế Thích lấy tóc của Bồ tát rồi xây tháp thờ ở trên cõi trời.
- Khi Bồ tát ngồi dưới gốc Bồ Đề, Đế Thích dâng cỏ Cát Tường để làm tòa Kim Cang.
- Khi Bồ tát thành Phật dưới gốc cây Bồ Đề, Phạm Thiên Vương thỉnh Phật chuyển pháp luân, còn 4 vị Thiên Vương(Tứ Thiên Vương) thì cúng dường bát.

Hỏi: *Chỉ có một mình Phật, vì sao lại cúng dường đến 4 bát?*

Đáp: 4 vị Thiên Vương cúng dường 4 bát. Phật thọ sự cúng dường của cả 4 vị, chẳng bỏ một ai. Thế nhưng Phật có thần lực biến 4 bát thành một bát mà thôi, khiến cả 4 vị Thiên Vương đều vui mừng.

Hỏi: *4 vị Thiên Vương (Tứ Thiên Vương) thọ mạng đến 500 tuổi trời, mà Phật thọ mạng vô lượng, lại trải qua vô lượng kiếp mới thành Phật. Như vậy 4 vị Thiên Vương cúng dường bát này chẳng phải là những vị trước. Sao lại vui mừng đến như vậy?*

Đáp: Các vị Thiên Vương trước sau truyền thừa, đều cùng một tánh đức, chẳng có sai khác.

Khi thấy Bồ tát tăng ích 6 pháp Ba-la-mật, thì 4 vị Thiên Vương nghĩ rằng: "Lại có một vị Phật sẽ thành, và chúng ta sẽ cúng dường bát". Mỗi khi có một vị Bồ tát tu hành gần thành Phật, thì 4 vị Trời nầy đều biết rõ.

--o0o--

Nếu tính theo thời gian thì 500 năm tuổi ở cõi trời Tứ Thiên Vương tương đương với 900 vạn năm tuổi ở cõi Diêm Phù Đề.

Hỏi: *Trong các kinh Đại Thừa Ma Ha Diễn nói Phật thiền duyệt thực, không có ăn uống như người thường. Như vậy 4 vị Thiên Vương cúng dường bát để làm gì?*

Đáp: Vì chúng Tăng dùng bát, nên Phật tùy thuận chúng Tăng cũng dùng bát. Phật cũng đi khất thực, cũng an cư như chúng Tăng.

Cúng dường bát của tứ Thiên vương chẳng qua chỉ là thủ tục dâng bát cho bậc tối Thượng xuất hiện ở cõi này mà thôi.

--o0o--

Rồi tất cả chúng trời Ba mươi ba, trời Dạ ma, trời Đổ sử đa, trời Lạc biến hóa, trời Tha hóa tự tại đều rất vui mừng hớn hở, đồng rũ nhau đến cúng dường hầu cận Bồ Tát:

"Chúng ta nên thỉnh Bồ Tát như thế mau chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, chuyển bánh xe pháp, làm lợi lạc cho tất cả hữu tình"./.

---o0o---

03. PHẨM "QUÁN CHIẾU"

Cuối Q.402 cho đến đầu Q.405, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phần sau phẩm "Học Quán", phẩm "Tương Ưng" và phẩm "Chuyển Sanh", từ Q.3 - Q.9 trở đi của Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Phẩm "Quán Chiếu" của Hội thứ II, ĐBN này hơi dài vì: Tương đương với 3 phẩm nói trên gọp lại. Chúng tôi cũng theo sự phân chia này mà phân làm ba đoạn để các đạo hữu dễ tụng đọc thọ trì.

Tóm lược:

1.(Đoạn Kinh sau đây tương đương với phẩm "Học Quán", Q.04, Hội thứ I, ĐBN):

Lúc bấy giờ, Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Chư Đại Bồ Tát nên tu hành Bát Nhã như thế nào?

Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! **Khi tu hành Bát Nhã đại Bồ Tát nên quán như vầy: Có Bồ Tát, mà chẳng thấy có Bồ Tát, chẳng thấy tên Bồ Tát; chẳng thấy Bát Nhã, chẳng thấy tên Bát Nhã; chẳng thấy hành, chẳng thấy chẳng hành.** Vì sao? Này Xá lợi Tử! Vì tự tánh Bồ Tát là không, danh Bồ Tát cũng không. Vì sao? Vì tự tánh của sắc là không, **chứ chẳng phải do không có mà không**, cái không của sắc chẳng phải sắc; sắc chẳng lìa không, không chẳng lìa sắc; sắc tức là không, không tức là sắc. Tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức là không, chứ chẳng phải do không có mà không; cái không của thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức; thọ, tưởng, hành, thức chẳng lìa không, không chẳng lìa thọ, tưởng, hành, thức; thọ, tưởng, hành, thức tức là không, không tức là thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Này Xá lợi Tử! Đây chỉ có danh gọi là Bồ đề, đây chỉ có danh gọi là Tát đỏa, đây chỉ có danh gọi là Bồ Tát. Đây chỉ có danh gọi là không. Đây chỉ có danh gọi là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Tự tánh như vậy không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh. Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã như thế, không thấy sanh, không thấy diệt, không thấy nhiễm,

không thấy tịnh. Vì sao? **Chỉ giả lập danh tự, đối với các pháp sanh phân biệt giả lập danh tự tùy theo đó mà khởi ngôn thuyết, như thế này hay như thế nọ, rồi sanh ra chấp trước. Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đối với tất cả pháp do không thấy nên không sanh chấp trước.**

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, nên quán như vầy: Bồ Tát chỉ có danh, Phật chỉ có danh, Bát Nhã chỉ có danh, sắc chỉ có danh, thọ, tưởng, hành, thức chỉ có danh, tất cả pháp khác cũng chỉ có danh.

Xá Lợi Tử! Như ngã, chỉ có tên gọi, đó là ngã, **thật không thể nắm bắt được**. Như vậy hữu tình, dòng sinh mạng, sự sanh, sự dưỡng, sự trưởng thành, chủ thể luân hồi, người do người sanh, ngã tối thắng, khả năng làm việc, khả năng khiến người làm việc, khả năng tạo nghiệp, khả năng khiến người tạo nghiệp, tự thọ quả báo, khiến người thọ quả báo, cái biết, cái thấy*(1)*, cũng chỉ có tên gọi; nghĩa là từ hữu tình đến cái thấy, cái biết… thật chẳng khá được*(bất khả đắc),* vì **chẳng khá được nên không vậy, chỉ tùy theo thế tục, mà giả lập tên tạm**. Các pháp cũng vậy, **không nên chấp trước**. Vì thế, đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, không thấy có ngã, cho đến cái thấy, cái biết… cũng không thấy pháp tánh của tất cả pháp.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã như vậy, trừ trí tuệ của chư Phật, còn trí tuệ của tất cả Thanh văn, Độc giác đều không thể sánh bằng, vì cái không, không thể nắm bắt được. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này đối với năng danh và sở danh đều không thể nắm bắt được, vì không nắm bắt được, nên không chấp.

Xá Lợi Tử! Các đại Bồ Tát nếu có thể tu hành Bát Nhã như thế, thì gọi là khéo tu hành thậm thâm Bát nhã Ba la mật.

Này Xá lợi Tử! Giả sử những người có trí tuệ như ông và đại Mục kiền Liên nhiều như lúa, mè, tre, lau, rừng cây… đầy khắp cõi châu Thiệm bộ, so với trí tuệ mà đại Bồ Tát thực hành Bát Nhã thì trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, trăm ngàn phần không bằng một, trăm câu chi*(2)* phần không bằng một, ngàn câu chi phần không bằng một, trăm ngàn câu chi phần không bằng một, số phần, toán phần, kế phần, dụ phần cho đến cực số phần không bằng một. Vì sao? Vì trí tuệ của đại Bồ Tát

này có thể làm cho tất cả hữu tình hướng vào Niết bàn. Còn trí tuệ của tất cả Thanh văn, Độc giác không được như vậy.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Trí tuệ mà đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã chỉ trong một ngày thì trí tuệ của tất cả Thanh văn, Độc giác cũng không bì kịp.

Này Xá lợi Tử! Thôi, tạm gác châu Thiệm bộ lại. Giả sử những người có trí tuệ như ông và đại Mục kiền Liên như lúa, mè, tre, lau, rừng cây v.v... đầy khắp **bốn đại châu**, so với trí tuệ của đại Bồ Tát hành Bát Nhã thì trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, trăm ngàn phần không bằng một v.v… cho đến cực số phần cũng không bằng một. Vì sao? Vì trí tuệ của đại Bồ Tát này hay làm cho tất cả hữu tình hướng đến Niết bàn, còn trí tuệ của tất cả Thanh văn, Độc giác không được như vậy.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Trí tuệ mà đại Bồ Tát tu hành Bát nhã Ba la mật chỉ trong một ngày thì trí tuệ của tất cả Thanh văn, Độc giác cũng không bì kịp.

Này Xá lợi Tử! Thôi, tạm gác bốn đại châu lại. Giả sử những người có trí tuệ như ông và Đại Mục kiền Liên nhiều như lúa, mè, tre, lau, rừng cây v.v… đầy khắp **tam thiên đại thiên khắp thế giới 10 phương** như cát sông hằng so với trí tuệ của đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã thì trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, trăm ngàn phần không bằng một v.v… cho đến cực số phần không bằng một. Vì sao? Vì trí tuệ của đại Bồ Tát này có thể làm cho tất cả hữu tình hướng đến Niết bàn, trí tuệ của tất cả Thanh văn, Độc giác không được như vậy.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Trí tuệ mà đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã chỉ trong một ngày thì trí tuệ của tất cả Thanh văn, Độc giác cũng không bì kịp. *(Q. 402, ĐBN)*

Lúc bấy giờ, Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Trí tuệ của Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Thanh văn, hoặc Trí tuệ của Độc giác, hoặc Trí tuệ của đại Bồ Tát, hoặc Trí tuệ của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều không sai khác, không chống trái nhau, không sanh, không diệt, tự tánh đều không. Nếu pháp không sai khác, không chống trái nhau, không sanh diệt, tự tánh đều không, pháp này không sai khác đã bất khả đắc, thì tại sao Thế Tôn lại nói

Trí tuệ của đại Bồ Tát hành Bát Nhã chỉ trong một ngày, Trí tuệ của tất cả Thanh văn, Độc giác không bì kịp?

Phật bảo:

- Này Xá lợi Tử! Ý ông nghĩ sao? Trí tuệ của đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã trong một ngày hơn trí tuệ tất cả Thanh văn, Độc giác. Việc này có thật không?

Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không!

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Ý ông nghĩ sao? Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã trong một ngày suy nghĩ: Ta sẽ tu hành Nhất thiết tướng vi diệu trí, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí làm lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình. Hiểu biết tướng của tất cả pháp, rồi dùng phương tiện hướng dẫn tất cả chúng sanh vào Vô dư y Niết bàn, trí tuệ của tất cả Thanh văn, Độc giác, có làm được như vậy không?

Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không!

Lại nữa, Xá lợi Tử! Ý ông nghĩ sao? Tất cả Thanh văn, Độc giác, có thể suy nghĩ: Ta sẽ chứng A nậu Đa la Tam miệu Tam Bồ đề, dùng phương tiện hướng dẫn tất cả hữu tình vào Vô dư y Niết bàn không?

Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không!

Lại nữa, Xá lợi Tử! Ý ông thế nào? Tất cả Thanh văn, Độc giác có thể suy nghĩ: Ta sẽ tu hành sáu Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, viên mãn Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng, sẽ chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, dùng phương tiện hướng dẫn vô lượng, vô số hữu tình vào Vô dư y Niết bàn không?

Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không!

Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! Ví như đom đóm không nghĩ như vầy: Ánh sáng của ta có thể chiếu khắp châu Thiệm bộ, làm cho rực sáng. Cũng vậy, tất cả Thanh văn, Độc giác không nghĩ: Ta sẽ tu hành sáu Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, viên mãn Phật mười lực, bốn điều không

sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt v.v… sẽ chứng quả Vô thượng Bồ đề, dùng phương tiện hướng dẫn vô lượng, vô số hữu tình vào Vô dư y Niết bàn.

Này Xá lợi Tử! Thí như ánh sáng mặt trời sáng rực khắp cõi châu Thiệm bộ, không có chỗ nào mà không chiếu đến. Như vậy, đại Bồ Tát đều suy nghĩ: Ta sẽ tu hành sáu Ba la mật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, viên mãn Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt v.v… chứng quả Vô thượng Bồ đề, dùng phương tiện hướng dẫn vô lượng, vô số hữu tình vào Vô dư y Niết bàn.

Này Xá lợi Tử! Do đó nên biết tất cả trí tuệ của Thanh văn, Độc giác, so với trí tuệ của đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã chỉ trong một ngày thì trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, trăm ngàn phần không bằng một v.v… cho đến cực số phần cũng không bằng một.

Lúc bấy giờ, Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát làm thế nào có thể vượt qua địa vị tất cả Thanh văn, Độc giác, có thể được địa vị Bồ Tát Bất thối chuyển, có thể làm thanh tịnh Phật đạo?

Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! Các đại Bồ Tát từ lúc mới phát tâm, tu hành sáu Ba la mật, an trụ pháp không, vô tướng, vô nguyện, nên có thể vượt qua địa vị tất cả Thanh văn, Độc giác, có thể được địa vị Bồ Tát Bất thối chuyển, có thể làm thanh tịnh Phật đạo.

Bấy giờ, Xá lợi Tử lại thưa:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát an trụ những địa vị nào mà có thể làm phước điền chân chánh cho tất cả Thanh văn, Độc giác?

Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! Các đại Bồ Tát khi mới phát tâm tu hành sáu Ba la mật, **an trụ pháp không, vô tướng, vô nguyện** cho đến lúc ngồi tòa Bồ đề, thường làm phước điền chân chánh cho tất cả Thanh văn, Độc giác. Vì sao? Vì nương vào đại Bồ Tát, tất cả thiện pháp xuất hiện ở thế gian như: 10 nghiệp đạo thiện, 5 giới cận sự, 8 giới cận trụ, 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 4 đế, 37 pháp trợ đạo, 6 Ba la mật, 18 pháp không, Phật mười lực, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Vô lượng, vô số các thiện pháp như vậy xuất hiện ở thế gian. Do các thiện pháp của Bồ Tát này nên thế gian có dòng họ Sát đế lợi, Bà la môn,

Trưởng giả, Cư sĩ, Thiên chúng, trời Tứ đại thiên vương cho đến trời Sắc và Vô sắc.

Lại do các thiện pháp của Bồ Tát liền có quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, đại Bồ Tát và chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở thế gian.

Khi ấy, Xá lợi Tử lại thưa:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát có cần phải trả ơn thí chủ không?

Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát không cần phải trả ơn thí chủ. Vì sao? Vì đã trả đủ rồi. Vì sao? Này Xá lợi Tử! Vì đại Bồ Tát là vị đại thí chủ, bố thí các thiện pháp cho chúng hữu tình. Nghĩa là bố thí chúng hữu tình mười nghiệp đạo thiện, năm giới cận sự, tám giới cận trụ và vô số các thiện pháp khác. Vì Bồ Tát bố thí cho các hữu tình vô lượng, vô số thiện pháp như vậy nên gọi là đại thí chủ. Do đó đã trả ơn cho thí chủ, phước điền chân thật thanh tịnh, sanh vô lượng phước.

2.(Đoạn Kinh sau đây tương đương với phẩm "Tương Ưng", phần sau Q.04 cho đến đầu Q.07, Hội thứ I, ĐBN):

Lúc bấy giờ, Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, tương ưng với pháp nào mà nói là tương ưng với Bát nhã Ba la mật?

Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã **tương ưng với cái không của sắc** nên nói tương ưng với Bát nhã Ba la mật; vì tương ưng với cái không của thọ, tưởng, hành, thức nên nói tương ưng với Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã vì tương ưng với cái không của 12 xứ, 18 giới nên nói tương ưng với Bát nhã Ba la mật. Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã vì tương ưng với cái không của tất cả pháp Phật nên nói tương ưng với Bát nhã Ba la mật.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, vì tương ưng với bản tánh không nên nói tương ưng với Bát nhã Ba la mật.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, khi tương ưng với không như thế, **chẳng thấy sắc tương ưng hoặc chẳng tương ưng**; chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức tương ưng, hoặc chẳng tương ưng; chẳng thấy sắc

hoặc pháp sanh hoặc pháp diệt; chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức hoặc pháp sanh hoặc pháp diệt; chẳng thấy sắc hoặc nhiễm hoặc tịnh, chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức hoặc nhiễm hoặc tịnh; chẳng thấy sắc hợp với thọ, chẳng thấy thọ hợp với tưởng, chẳng thấy tưởng hợp với hành, chẳng thấy hành hợp với thức. Vì sao? Vì **không có một pháp nhỏ nhiệm nào hợp với một pháp nhỏ nhiệm nào, vì bản tánh là không, rỗng không**.

Này Xá lợi Tử! Cái không của sắc chẳng phải sắc, cái không của thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì cái không của sắc chẳng phải tướng biến ngại *(não hoại)*. Cái không của thọ chẳng phải tướng lãnh nạp*(3)*. Không của tưởng chẳng phải tướng nắm bắt. Không của hành chẳng phải tướng tạo tác. Không của thức chẳng phải tướng liễu biệt*(4)*. Vì sao? Vì sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức chẳng khác không, không chẳng khác thọ, tưởng, hành, thức. Thọ, tưởng, hành, thức tức là không, không tức là thọ, tưởng, hành, thức.

Này Xá lợi Tử! **Tướng không của các pháp ấy không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, không tăng, không giảm, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại.** Trong không ấy không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức; không có mười hai xứ, không có mười tám giới; không có vô minh, cũng không vô minh diệt, cho đến không có lão tử, sầu, than, khổ, ưu, não, cũng không có lão tử, sầu, than, khổ, ưu, não diệt; không có Thánh đế khổ, không có Thánh đế tập, diệt, đạo; không có đắc, không có hiện quán; không có Dự lưu, không có quả Dự lưu; không có Nhất lai, không có quả Nhất lai; không có Bất hoàn, không có quả Bất hoàn; không có A la hán, không có quả A la hán; không có Độc giác, không có quả Độc giác; không có Bồ Tát, không có Bồ Tát hạnh; không có Chánh đẳng giác, không có quả Chánh Đẳng Chánh Giác.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát tu tập đúng như vậy gọi là tương ứng với Bát nhã Ba la mật. *(Q.403, ĐBN)*

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, **chẳng thấy bố thí Ba la mật tương ưng hay chẳng tương ưng**; chẳng thấy tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật tương ưng hoặc chẳng tương ưng. Chẳng thấy sắc tương ưng hoặc chẳng tương ưng; chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức tương ưng hoặc chẳng tương ưng. Chẳng thấy 12 xứ, 18 giới tương ưng hoặc chẳng tương ưng; chẳng thấy tất cả 4 thiền, 4 vô

lượng, 4 định vô sắc, 4 đế, 12 duyên khởi, 37 pháp trợ đạo tương ưng hoặc chẳng tương ưng; chẳng thấy Phật 10 lực, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí tương ưng hoặc chẳng tương ưng.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát tu tập đúng như vậy gọi là tương ứng với Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, **chẳng quán sự tương ưng, chẳng tương ưng giữa cái không với cái không; chẳng quán sự tương ưng, chẳng tương ưng giữa cái vô tướng với cái vô tướng; chẳng quán sự tương ưng, chẳng tương ưng giữa cái vô nguyện với cái vô nguyện. Vì sao? Vì không, vô tướng, vô nguyện đều chẳng thấy tương ưng, hoặc chẳng tương ưng.**

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát tu tập đúng như vậy gọi là tương ứng với Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, đã **thể nhập cái không tự tướng của tất cả pháp** rồi, thì chẳng quán sự tương ưng, hoặc chẳng tương ưng của sắc, chẳng quán sự tương ưng, chẳng tương ưng của thọ, tưởng, hành, thức; chẳng quán sự tương ưng, hoặc chẳng tương ưng giữa 5 uẩn với đời trước, đời sau hay hiện tại hoặc chẳng quán sự tương ưng giữa các đời: Trước, sau và hiện tại. Vì 3 đời đều không!

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát tu tập đúng như vậy gọi là tương ứng với Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, **không quán Nhất thiết trí trí với quá khứ hoặc hợp hoặc tan**. Vì sao? Vì quá khứ còn không thấy, huống là quán Nhất thiết trí trí với quá khứ hoặc hợp hoặc tan. Không quán Nhất thiết trí trí với vị lai hoặc hợp hoặc tan. Vì sao? Vì vị lai còn không thấy, huống là quán Nhất thiết trí trí với vị lai hoặc hợp hoặc tan. Không quán Nhất thiết trí trí với hiện tại hoặc hợp hoặc tan. Vì sao? Vì hiện tại còn không thấy huống là quán Nhất thiết trí trí với hiện tại hoặc hợp hoặc tan.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, **chẳng quán sự tương ưng, hoặc chẳng tương ưng giữa Nhất thiết trí trí với sắc**. Vì sao? Vì sắc còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng, hoặc chẳng tương ưng giữa Nhất thiết trí trí với sắc. Chẳng quán sự tương ưng, hoặc chẳng tương ưng giữa Nhất thiết trí trí với thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao?

Vì thọ, tưởng, hành, thức còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng, hoặc chẳng tương ưng giữa Nhất thiết trí trí với thọ, tưởng, hành, thức. Các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, chẳng quán sự tương ưng, hoặc chẳng tương ưng giữa Nhất thiết trí trí với 12 xứ, 18 giới. Vì 12 xứ, 18 giới chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng, hoặc chẳng tương ưng giữa Nhất thiết trí trí với 12 xứ, 18 giới. Cũng như vậy, các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, chẳng quán sự tương ưng, hoặc chẳng tương ưng giữa Nhất thiết trí trí với tất cả pháp Phật. Vì sao? Vì tất cả pháp Phật còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng, hoặc chẳng tương ưng giữa Nhất thiết trí trí với tất cả pháp Phật.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát tu tập đúng như vậy gọi là tương ứng với Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, **chẳng quán sự tương ưng, hoặc chẳng tương ưng giữa Nhất thiết trí trí với Phật**. Vì sao? Vì Phật còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng, hoặc chẳng tương ưng giữa Nhất thiết trí trí với Phật. Chẳng quán sự tương ưng, hoặc chẳng tương ưng giữa Nhất thiết trí trí với Bồ đề. Vì sao? Vì Bồ đề còn chẳng thấy có, huống là quán sự tương ưng, hoặc chẳng tương ưng giữa Nhất thiết trí trí với Bồ đề. Các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, cũng chẳng quán sự tương ưng, hoặc chẳng tương ưng giữa Phật hay Bồ đề với Nhất thiết trí trí. Vì sao? **Vì Nhất thiết trí trí tức là Phật hay Bồ đề, Phật hay Bồ đề tức là Nhất thiết trí trí.** *(Q.403, ĐBN)*

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát tu tập đúng như vậy gọi là tương ứng với Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, **không chấp trước sắc có tánh, không chấp trước sắc vô tánh**; không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức có tánh, không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức vô tánh. Không chấp trước sắc **thường**, không chấp trước sắc **vô thường**; không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức thường, không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức vô thường. Không chấp trước sắc **lạc**, không chấp trước sắc **khổ**; không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức lạc, không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức khổ. Không chấp trước sắc có **ngã**, không chấp trước sắc **vô ngã**; không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức có ngã, không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức vô ngã. Không chấp trước sắc **tịch tịnh**, không chấp trước sắc **không tịch tịnh**; không chấp trước thọ, tưởng, hành,

thức tịch tịnh, không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức không tịch tịnh. Không chấp trước sắc **không**, không chấp trước sắc **bất không**; không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức không, không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức bất không. Không chấp trước sắc **vô tướng**, không chấp trước sắc **hữu tướng**; không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức vô tướng, không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức hữu tướng. Không chấp trước sắc **vô nguyện**, không chấp trước sắc **hữu nguyện**; không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức vô nguyện, không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức hữu nguyện.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát tu tập đúng như vậy gọi là tương ứng với Bát nhã Ba la mật.

Này Xá lợi Tử! **Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, không nghĩ là: Ta tu hành Bát Nhã; không nghĩ là: Ta không tu hành; không nghĩ là: Ta tu hành cũng không tu hành Bát Nhã; không nghĩ là: Ta chẳng phải tu hành, chẳng phải chẳng tu hành Bát Nhã.**

Này Xá Lợi Tử! Đại Bồ Tát tu tập đúng như vậy gọi là tương ứng với Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, **không vì bố thí mà tu hành Bát Nhã**; **không vì tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát Nhã mà tu hành Bát Nhã.** Không vì thể nhập Chánh tánh ly sanh mà tu hành Bát Nhã; không vì đắc địa vị Bất thối chuyển mà tu hành Bát Nhã; không vì thành thục chúng hữu tình mà tu hành Bát Nhã; không vì nghiêm tịnh cõi Phật mà tu hành Bát Nhã. Không vì 37 pháp trợ đạo mà tu hành Bát Nhã. Không vì Phật 10 lực, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí mà tu hành Bát Nhã. Không vì pháp không nội cho đến pháp không không tánh tự tánh mà tu hành Bát Nhã. Không vì chơn như, pháp giới, pháp tánh, thật tế… mà tu hành Bát Nhã; không vì tánh bình đẳng mà tu hành Bát Nhã. Vì sao? **Vì Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, không thấy tánh các pháp có sai khác**.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát tu tập đúng như vậy gọi là tương ứng với Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, không vì trí chứng biết thần túc thông mà tu hành Bát Nhã; không vì trí chứng biết thiên nhĩ, tha tâm, túc trụ tùy niệm, thiên nhãn, lậu tận thông mà tu hành

Bát Nhã. Vì sao? Vì đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, Bát Nhã còn không thấy huống là thấy sáu phép thần thông của Bồ Tát và các Như Lai.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát tu tập đúng như vậy gọi là tương ứng với Bát nhã Ba la mật.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, không nghĩ: Ta dùng trí chứng biết **thần túc thông** đến hằng hà sa số thế giới chư Phật khắp 10 phương, cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen chư Phật Như Lai các thế giới. Không nghĩ: Ta dùng trí chứng biết **thiên nhĩ thông** nghe pháp âm của chư Phật, Bồ Tát đã thuyết ở hằng hà sa số thế giới chư Phật khắp 10 phương. Không nghĩ: Ta dùng trí chứng biết **tha tâm thông** biết khắp tâm, tâm sở của tất cả hữu tình ở hằng hà sa số thế giới chư Phật khắp 10 phương. Không nghĩ: Ta dùng trí chứng biết **túc trụ tùy niệm** nhớ hết các việc đời trước của tất cả hữu tình ở hằng hà sa số thế giới chư Phật khắp 10 phương. Không nghĩ: Ta dùng trí chứng biết **thiên nhãn thông** thấy sự chết đây, sanh kia của tất cả hữu tình trong hằng hà sa số thế giới chư Phật khắp 10 phương. Không nghĩ: Ta dùng trí chứng biết **lậu tận thông** quán các lậu dứt hay không dứt của tất cả hữu tình trong hằng hà sa số thế giới chư Phật khắp 10 phương. *(Xem lại luận giải 6* ***pháp thần thôn****g, phẩm "Vãng Sanh" Q.40, Đại Trí Độ Luận)*

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát tu tập đúng như vậy gọi là tương ứng với Bát nhã Ba la mật.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, khi tương ưng với Bát nhã Ba la mật như thế, thì có thể hướng dẫn vô lượng, vô số, vô biên hữu tình vào cảnh giới Vô dư y Niết bàn, tất cả ác ma không thể hại được, các điều mong muốn ở thế gian đều được tùy ý. Tất cả chư Phật và các chúng đại Bồ Tát trong hằng hà sa số thế giới khắp 10 phương đều hộ niệm Bồ Tát, làm cho không thối đọa vào địa vị của Thanh văn, Độc giác. Trời Tứ đại thiên vương cho đến trời Sắc cứu cánh ở hằng hà sa số thế giới khắp 10 phương đều ủng hộ Bồ Tát như thế. Các việc làm đều không bị chướng ngại, thân tâm không khổ não, bệnh tật đều được tiêu trừ. Nếu có tội nghiệp ở đời vị lai phải chịu quả báo khổ thì chuyển cho đời hiện tại chịu nhẹ thôi. Vì sao? Vì Bồ Tát này lấy lòng từ bi ban bố khắp tất cả hữu tình.

Này Xá lợi Tử! Nên biết đại Bồ Tát như thế dùng chút gia hạnh liền có thể làm cho tất cả các môn Đà la ni, Tam ma địa đều hiện ở trước, sanh ra

ở đâu cũng thường được phụng sự chư Phật Thế Tôn cho đến chứng đắc Vô thượng Bồ đề, ở khoảng giữa đó thường không rời chư Phật.

Này Xá lợi Tử! Nên biết, đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, khi tương ưng với Bát nhã Ba la mật như thế, được vô lượng, vô số bất khả tư nghì công đức thù thắng.

Lại nữa, này Xa lợi Tử! Các đại Bồ Tát, khi tu hành Bát Nhã, chẳng khởi lên ý nghĩ thế này: **Có sự tương ưng, hoặc chẳng tương ưng, bình đẳng hoặc chẳng bình đẳng, giữa pháp với pháp**. Vì sao? Vì đại Bồ Tát ấy, chẳng thấy có sự tương ưng, hoặc chẳng tương ưng, bình đẳng hoặc chẳng bình đẳng giữa pháp với pháp.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát tu tập đúng như vậy gọi là tương ứng với Bát nhã Ba la mật.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, không nghĩ: Đối với pháp giới, ta mau hiện chứng đẳng giác hoặc không mau hiện chứng đẳng giác. Vì sao? Vì không có chút pháp nào có thể đối với pháp giới hiện chứng đẳng giác.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát tu tập đúng như vậy gọi là tương ứng với Bát nhã Ba la mật.

Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, không thấy chút pháp nào lìa pháp giới.

Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, không nghĩ: Pháp giới có thể làm nhân duyên cho các pháp.

Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, không nghĩ: Pháp này có thể chứng hoặc không thể chứng pháp giới. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này đối với chút pháp còn không thấy huống là có pháp có thể chứng pháp giới hay không chứng.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát tu tập đúng như vậy gọi là tương ứng với Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, **chẳng thấy pháp giới tương ưng với không, cũng chẳng thấy không tương ưng với pháp giới.**

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát tu tập đúng như vậy gọi là tương ứng với Bát nhã Ba la mật.

Này Xá lợi Tử! **Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, chẳng thấy sắc tương ưng với không, cũng chẳng thấy không tương ưng với sắc; chẳng thấy**

thọ, tưởng, hành, thức tương ưng với không, cũng chẳng thấy không tương ưng với thọ, tưởng, hành, thức; chẳng thấy 12 xứ, 18 giới tương ưng với không, cũng chẳng thấy không tương ưng với 12 xứ, 18 giới; chẳng thấy tất cả pháp Phật tương ưng với không, cũng chẳng thấy không tương ưng với tất cả pháp Phật.

Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, nếu có thể hành như vậy thì là đệ nhất tương ưng với không. Các đại Bồ Tát do tương ưng với không như vậy nên không rơi vào địa vị Thanh văn, Độc giác mà làm nghiêm tịnh cõi Phật, thành thục hữu tình, mau chứng Vô Thượng Chánh Giác.

Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, trong các loại tương ưng, tương ưng với Bát nhã Ba la mật là đệ nhất, tối tôn, tối thắng, tối thượng, tối diệu, tối cao, tối cực, vô thượng, vô thượng thượng, vô đẳng, vô đẳng đẳng. Vì sao? Vì tương ưng với Bát Nhã này tức là tương ưng với không, tương ưng với vô tướng, tương ưng với vô nguyện.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, lúc tương ưng với Bát nhã Ba la mật như thế, nên biết là được thọ ký làm Phật, hoặc gần được thọ ký.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát này có thể làm lợi ích lớn cho vô lượng, vô số, vô biên chúng hữu tình.

Đại Bồ Tát này không nghĩ: Ta tương ưng với Bát Nhã. Không nghĩ: Ta được thọ ký chắc chắn sẽ thành Phật, hoặc gần được thọ ký. Không nghĩ: Ta có thể nghiêm tịnh cõi Phật, thành thục hữu tình. Cũng không nghĩ: Ta sẽ chứng đắc Vô thượng Bồ đề, chuyển pháp luân, làm lợi ích cho tất cả chúng sanh. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này không thấy có pháp xa lìa pháp giới, không thấy có pháp tu hành Bát Nhã, không thấy có pháp được Phật thọ ký, không thấy có pháp sẽ chứng đắc Vô thượng Bồ đề, không thấy có pháp nào nghiêm tịnh cõi Phật, không thấy có pháp nào thành thục hữu tình. Vì sao? Vì đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, không sanh khởi tưởng về ngã, tưởng về hữu tình, mạng giả, thọ giả, sĩ phu, nho đồng cho đến cái biết, cái thấy. Vì sao? Vì ngã, hữu tình v.v... rốt ráo không sanh cũng không diệt. Chúng đã rốt ráo không sanh, không diệt thì làm sao có thể tu hành Bát Nhã.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát ấy, vì chẳng thấy sự sanh của hữu tình, nên tu hành Bát Nhã; chẳng thấy sự diệt của hữu tình, nên tu hành Bát Nhã; vì

biết cái không của các hữu tình, nên tu hành Bát Nhã; vì biết cái chẳng phải ngã của các hữu tình, nên tu hành Bát Nhã; vì biết cái không thể nắm bắt được của các hữu tình, nên tu hành Bát Nhã; vì biết sự xa lìa của các hữu tình, nên tu hành Bát Nhã; vì biết bản tánh của các hữu tình chẳng phải là hữu tình, nên tu hành Bát Nhã.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, trong các loại tương ưng, **tương ưng với không là đệ nhất**. Tương ưng với Bát nhã Ba la mật là tối tôn, tối thắng. Các Đại Bồ Tát tương ưng như thế có thể đạt đến Phật 10 lực, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, tương ưng với Bát nhã Ba la mật như vậy hoàn toàn không sanh tâm xan tham, không sanh tâm phạm giới, không sanh tâm giận dữ, không sanh tâm giải đãi, không sanh tâm tán loạn, không sanh tâm ác tuệ. *(Q.403, ĐBN)*

3. (Đoạn Kinh sau đây tương đương với phẩm "Chuyển Sanh", Từ Q.07 cho đến Q.09, Hội thứ I, ĐBN):

Lúc bấy giờ, Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát tương ưng với Bát Nhã, thác ở nơi nào mà sanh đến đây? Sau khi thác ở đây sẽ sanh về đâu?

Phật bảo:

- Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát tương ưng với Bát Nhã có vị **từ cõi Phật khác thác sanh đến nơi này, có vị từ trời Đổ sử đa thác sanh đến đây, có vị từ loài người thác sanh lại cõi người**.

Này Xá lợi Tử! Nếu **từ cõi Phật khác qua đời sanh đến nơi này**, thì đại Bồ Tát đó mau tương ưng với Bát nhã Ba la mật. Do tương ưng với Bát nhã Ba la mật nên khi sanh đến đây, vị ấy chứng đắc các pháp môn sâu xa vi diệu ngay trong hiện tại. Từ đó về sau, thường mau được tương ưng với Bát nhã Ba la mật, sanh ra ở chỗ nào cũng thường gặp Phật cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen, làm cho Bát Nhã lần lần được tăng trưởng. Nếu **từ trời Đổ sử đa sanh đến nơi này** thì đại Bồ Tát ấy liền đắc Nhất sanh bổ xứ, đối với sáu Ba la mật thường không quên mất, tất cả các môn Đà la ni, Tam ma địa đều được tự tại. Nếu **từ loài người**

qua đời sanh lại nơi này thì Đại Bồ Tát ấy, trừ bậc Bất thối chuyển, nếu căn tánh ám độn thì không thể mau tương ưng với Bát nhã Ba la mật, đối tất cả các môn Đà la ni, Tam ma địa đều chưa được tự tại.

Này Xá lợi Tử! Theo ông hỏi: Đại Bồ Tát tương ưng với Bát nhã Ba la mật từ nơi này qua đời sẽ sanh vào nơi nào? Đại Bồ Tát ấy từ nơi này qua đời sẽ sanh vào cõi Phật khác, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, sanh ở nơi nào cũng thường được gặp chư Phật, Thế Tôn, cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen, cho đến chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Này Xá lợi Tử! Lại có **đại Bồ Tát không có phương tiện thiện xảo**, nên nhập sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, cũng hành sáu Ba la mật, đại Bồ Tát ấy vì đắc tịnh lự nên sanh vào cõi trời Trường thọ, tuổi thọ hết sẽ sanh vào loài người, gặp chư Phật, cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen. Tuy hành sáu Ba la mật nhưng căn tánh ám độn, không thể thông suốt được.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát nhập sơ thiền cho đến tứ thiền, cũng hành sáu Ba la mật, đại Bồ Tát này **không có phương tiện thiện xảo**, nên xả các tịnh lự sanh vào cõi Dục. Nên biết đại Bồ Tát này, căn tánh cũng ám độn, không thể thông suốt được.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát nhập sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền; nhập từ vô lượng, nhập bi, hỷ, xả vô lượng; nhập định Không vô biên xứ, định Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ; tu 37 pháp trợ đạo; tu Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng**, đại Bồ Tát này có phương tiện thiện xảo**, nên không theo sức mạnh của tịnh lự, vô lượng, vô sắc mà sanh; chỉ sanh vào thế giới nào có Phật, gặp được chư Phật, cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen, thường tương ưng với Bát nhã Ba la mật. Nên biết đại Bồ Tát ấy trong Hiền kiếp này quyết định được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát nhập sơ thiền cho đến tứ thiền; nhập từ vô lượng cho đến xả vô lượng; nhập định Không vô biên xứ cho đến định Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đại Bồ Tát này có phương tiện thiện xảo nên không theo sức mạnh của tịnh lự, vô lượng, vô sắc mà sanh, các vị sanh lại cõi Dục, hoặc sanh vào dòng họ Sát đế lợi, hoặc dòng họ Bà la môn, hoặc Trưởng giả, Cư sĩ, vì muốn thành thục hữu tình chứ không tham nhiễm mà bị tái sanh.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát nhập sơ thiền cho đến tứ thiền; nhập từ vô lượng cho đến xả vô lượng; nhập định Không vô biên xứ cho đến định Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đại Bồ Tát này **có phương tiện thiện xảo**, nên không theo sức mạnh của tịnh lự, vô lượng, vô sắc mà sanh; hoặc sanh vào cõi trời Tứ đại thiên vương, hoặc sanh vào cõi trời Ba mươi ba, hoặc sanh vào cõi trời Dạ ma, hoặc sanh vào cõi trời Đổ sử đa, hoặc sanh vào cõi trời Lạc biến hóa, hoặc sanh vào cõi trời Tha hóa tự tại. Vì muốn thành thục các hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, nên thường gặp chư Phật, cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen, không bỏ qua.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, **có phương tiện thiện xảo** nên nhập sơ thiền, ở nơi này qua đời sanh vào Phạm thế làm Đại phạm vương, oai đức thù thắng hơn gấp trăm ngàn các Phạm chúng khác. Từ cõi trời này, vị ấy đi đến các cõi Phật, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, trong đó nếu có đại Bồ Tát nào chưa chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì vị ấy khuyên cho chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu đã chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chưa chuyển pháp luân thì thỉnh chuyển pháp luân, vì muốn làm lợi ích cho các hữu tình.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, **có phương tiện thiện xảo**, nên nhập sơ thiền cho đến tứ thiền; nhập từ vô lượng cho đến xả vô lượng; nhập định Không vô biên xứ cho đến định Phi tưởng phi phi tưởng xứ; tu bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; đối với pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện đều được tự tại, không theo sức mạnh của tịnh lự, vô lượng, vô sắc mà sanh. Đại Bồ Tát đắc Nhất sanh bổ xứ, hiện tiền phụng sự, thân cận cúng dường các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong hiện tại, ở cõi Phật này siêng tu phạm hạnh, từ cõi này mất sanh vào cõi trời Đổ sử đa, trọn đời căn không thiếu sót, đủ niệm chánh tri, được vô lượng, vô số trăm ngàn Câu chi, Na dữu đa thiên chúng vây quanh theo hầu, đại Bồ Tát ấy an trụ thần thông, sanh vào loài người, chứng đắc Vô thượng Bồ đề, chuyển bánh xe diệu pháp, độ vô lượng chúng hữu tình.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát đầy đủ sáu thần thông, không sanh cõi Dục, không sanh cõi Sắc, không sanh cõi Vô sắc, đi đến các cõi Phật, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi

khen chư Phật, Thế Tôn, tu Bồ Tát hạnh, cho đến khi chứng đắc Vô thượng Bồ đề.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát đủ sáu thần thông, biến hóa tự tại, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, trải qua các cõi Phật không có tên Thanh văn, Độc giác, chỉ có hành giả tu nhất thừa chơn tịnh. Đại Bồ Tát này ở các cõi Phật, cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen chư Phật Thế Tôn, tu hành Bát Nhã dần dần tăng trưởng, nghiêm tịnh cõi Phật, thành thục hữu tình.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát đầy đủ sáu thần thông biến hóa tự tại, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác. Tuổi thọ hữu tình trong những cõi Phật đã đi qua không thể đếm được. Đại Bồ Tát này ở các cõi Phật cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi chư Phật Thế Tôn, tu hành Bát Nhã dần dần tăng trưởng, nghiêm tịnh cõi Phật, thành thục hữu tình.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát đầy đủ sáu thần thông đến các thế giới, có các thế giới không có tên Tam bảo. Đại Bồ Tát này đến đó khen ngợi Phật, Pháp, Tăng bảo, làm cho các hữu tình phát sanh lòng tin thanh tịnh thâm sâu, do đó thường được lợi ích an vui. Đại Bồ Tát này sau khi qua đời ở đây, sanh vào thế giới có Phật, tu Bồ Tát hạnh cho đến lúc chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát, từ khi mới phát tâm tinh tấn dũng mãnh chứng đắc sơ thiền cho đến tứ thiền; được từ vô lượng cho đến xả vô lượng; được định Không vô biên xứ cho đến định Phi tưởng phi phi tưởng xứ; tu bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; tu mười lực Phật cho đến Nhất thiết tướng trí. Đại Bồ Tát này không sanh cõi Dục, không sanh cõi Sắc, không sanh cõi Vô sắc, thường sanh vào nơi có thể làm lợi ích cho hữu tình, lợi ích an vui cho tất cả chúng sanh.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát, trước đây đã tu tập sáu Ba la mật, mới vừa phát tâm liền nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, cho đến chứng đắc địa vị Bất thối chuyển.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát, trước đây đã tu tập sáu Ba la mật, vừa mới phát tâm liền có thể nối tiếp chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, chuyển bánh xe Chánh pháp, hóa độ vô lượng chúng hữu tình, nhập vào cõi Vô dư y đại Niết bàn, thuyết Chánh pháp sau khi Niết bàn, hoặc trụ một kiếp, hoặc hơn một kiếp, làm lợi lạc cho vô biên các loại hữu tình.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát trước đây đã tu tập sáu Ba la mật, vừa mới phát tâm liền có thể tương ưng với Bát Nhã. Cùng với vô lượng, vô số trăm ngàn ức, trăm ngàn vạn ức Bồ Tát đi đến các cõi Phật, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi chư Phật Thế Tôn, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát, tu hành Bát Nhã được bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, an trụ trong đó rồi nhập sơ thiền; từ sơ thiền xuất, nhập diệt tận định; từ diệt tận định xuất nhập nhị thiền; từ nhị thiền xuất nhập diệt tận định; từ diệt tận định xuất nhập tam thiền; từ tam thiền xuất nhập diệt tận định; từ diệt tận định xuất nhập tứ thiền; từ tứ thiền xuất nhập diệt tận định; từ diệt tận định xuất nhập Không vô biên xứ; từ Không vô biên xứ xuất nhập diệt tận định; từ diệt tận định xuất nhập Thức vô biên xứ; từ Thức vô biên xứ xuất nhập diệt tận định; từ diệt tận định xuất nhập Vô sở hữu xứ; từ Vô sở hữu xứ xuất nhập diệt tận định; từ diệt tận định xuất nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ; từ Phi tưởng phi phi tưởng xứ xuất nhập diệt tận định; từ diệt tận định xuất nhập sơ thiền.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát này tu hành Bát Nhã, dùng phương tiện thiện xảo đối với các định thù thắng thuận nghịch qua lại, thứ lớp vượt qua an trụ tự tại.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát, tuy đã được 37 pháp trợ đạo, đã tu Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, mà không chấp quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A la hán, hoặc Độc giác, hoặc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đại Bồ Tát này tu hành Bát Nhã vì có phương tiện thiện xảo, nên làm cho các hữu tình phát sanh bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, làm cho chứng đắc quả Dự lưu cho đến quả A la hán, Độc giác Bồ đề, hoặc làm cho các hữu tình tu Phật mười lực cho đến Nhất thiết tướng trí, làm cho chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Này Xá lợi Tử! **Các trí của quả Thanh văn, Độc giác này tức là nhẫn của đại Bồ Tát.**

Này Xá lợi Tử! Nên biết đại Bồ Tát này trụ địa vị Bất thối chuyển, tương ưng với Bát nhã Ba la mật, mới có thể làm được việc này.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát an trụ sáu Ba la mật, sanh vào cung trời Đổ sử đa. Nên biết đại Bồ Tát ấy trong Hiền kiếp này quyết định sẽ làm Phật.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, tuy đã được bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc; đã đắc 37 pháp trợ đạo; đã tu Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, tâm hướng đến Bồ đề thường không mỏi mệt bỏ bê, nhưng đối với Thánh đế hiện chưa thông đạt.

Này Xá lợi Tử! Nên biết đó là đại Bồ Tát Nhất sanh bổ xứ.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát tu hành sáu Ba la mật, ở trong các thế giới, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, nghiêm tịnh cõi Phật, hướng dẫn chúng sanh vào Vô thượng giác.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát này, cần phải trải qua vô lượng, vô số đại kiếp, mới chứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát an trụ sáu Ba la mật, thường siêng năng tinh tấn làm lợi ích hữu tình, miệng thường không nói lời vô nghĩa, thân, ý không làm và nghĩ việc vô nghĩa.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát tu hành sáu Ba la mật, thường siêng năng tinh tấn làm lợi ích cho chúng hữu tình, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, đoạn trừ ba đường ác cho các hữu tình.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát, tuy an trụ đủ 6 Ba la mật, nhưng thường lấy **bố thí làm đầu**. Dõng mãnh tu tập Bồ Tát hạnh, ban phát cho chúng hữu tình tất cả mọi điều vui thích, thường không bê trễ, cần thức ăn cho thức ăn, cần nước uống cho nước uống, cần xe cho xe, cần y phục cho y phục v.v... tùy theo nhu cầu của họ, cung cấp đầy đủ các thứ cần dùng khác như: Hoa, hương, anh lạc, phòng, nhà, đồ nằm, giường, ghế, đèn sáng, lúa thóc, v.v...

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát, tuy an trụ đủ sáu Ba la mật, nhưng thường lấy **tịnh giới làm đầu**, dõng mãnh tu tập Bồ Tát hạnh, thân, ngữ, ý đủ các luật nghi thù thắng, khuyên bảo các hữu tình cũng tu tập luật nghi như thế, làm cho mau được viên mãn.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát, tuy an trụ đủ sáu Ba la mật, nhưng thường lấy **an nhẫn làm đầu**, dõng mãnh tu tập Bồ Tát hạnh, xa lìa tất cả

các tâm sân giận, khuyên bảo các hữu tình cũng tu tập an nhẫn như thế, làm cho mau được viên mãn.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát, tuy an trụ đủ sáu Ba la mật, nhưng thường lấy **tinh tấn làm đầu**, dõng mãnh tu tập Bồ Tát hạnh, tu hành đầy đủ tất cả thiện pháp, khuyên bảo các hữu tình cũng tu tập tinh tấn như thế, làm cho mau được viên mãn.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát, tuy an trụ đủ sáu Ba la mật, nhưng thường lấy **tịnh lự làm đầu**, dõng mãnh tu tập Bồ Tát hạnh, tu tập đầy đủ tất cả các định thù thắng, khuyên bảo các hữu tình cũng tu tập các định thù thắng như thế, làm cho mau được viên mãn.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát, tuy an trụ đầy đủ sáu Ba la mật, nhưng thường lấy **Bát nhã Ba la mật làm đầu**, dõng mãnh tu tập Bồ Tát hạnh, tu tập đầy đủ tất cả pháp quán, khuyên bảo các hữu tình tu tập thắng tuệ như thế, làm cho mau được viên mãn.

Sáu pháp Ba la mật được lặp đi lặp lại hàng trăm lần trong Kinh Đại Bát Nhã nhất là từ Hội thứ XI đến hết Hội thứ XVI. Thay vì chiết giải 6 pháp Ba la mật ở đây, chúng tôi trích dẫn đoạn Kinh ngắn trong Kinh MHBNBLMĐ thay thế:

"Này Xá Lợi Phất! Có Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, an trú trong Đàn Ba-la-mật, thanh tịnh Tát Bà Nhã *(Nhất thiết Chủng Trí)*. Do vào được nơi rốt ráo không, nên Bồ tát chẳng sanh xan tham.

Này Xá Lợi Phất! Có Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, an trú trong Thi La Ba-la-mật, thanh tịnh Tát Bà Nhã. Do vào được nơi rốt ráo không, nên Bồ tát chẳng chấp tội, cũng chẳng chấp không tội.

Này Xá Lợi Phất! Có Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, an trú trong sẵn Đề Ba-la-mật, thanh tịnh Tát bà Nhã. Do vào được nơi rốt ráo không, nên Bồ tát chẳng sanh sân nhuế.

Này Xá Lợi Phất! Có Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, an trú trong Tỳ Lê Gia Ba-la-mật, thanh tịnh Tát Bà Nhã. Do vào được nơi rốt ráo không, nên Bồ tát thường tinh tấn, chăng sanh giải đãi.

Này Xá Lợi Phất! Có Bồ tát thật hành Bát nhã Bạ-la-mật, an trú trong Thiền Na Ba-la-mật, thanh tịnh Tát Bà Nhã. Do vào được nơi rốt ráo không, nên Bồ tát chẳng loạn, chẳng muội, chẳng tham đắm thiền vị.

Này Xá Lợi Phất Có Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, an trú trong Bát nhã Ba-la-mật, thanh tịnh Tát bà Nhã. Do vào được nơi rốt ráo không, nên Bồ tát chẳng sanh ngu si.

Này Xá Lợi Phất! Bồ tát an trú trong 6 pháp Ba-la-mật, thanh tịnh Tát Bà Nhã, vào được rốt ráo không, nên chăng thấy có đi hay đến, chẳng thấy có thí hay thọ, chẳng thây có trì giới hay phạm giới, chẳng thấy có nhẫn nhục hay sân nhuế, chẳng thấy có tính tấn hay giãi đãi, chẳng thấy có định hay loạn, chẳng thấy có trí huệ hay ngu.

Lúc bấy giờ Bồ tát chẳng còn phân biệt bố thí với không bố thí, trì giới với phạm giới, nhẫn nhục với sân nhuế, tính tấn với giải đãi, định với loạn, trí huệ với ngu si. Bồ tát cũng chẳng phân biệt khinh khi, não hại với cung kính cúng dường.

Này Xá Lọi Phất! Đại Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, an trú trong 6 pháp Ba-la-mật như vậy nên được vô lượng công đức.

Các hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật chẳng có được những công đức như vậy, nên chẳng sao sánh kịp Bồ tát.

Đai Bồ tát đầy đủ các công đức thành tựu chúng sanh và thanh tịnh Phật độ như vậy, mau được Vô Thượng Bồ Đề, mau thành bậc Nhất thiết chủng trí".

Kinh thuyết tiếp:

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát tu hành Bát nhã Ba la mật, hóa thân như Phật, vào trong các cõi địa ngục, bàng sanh, quỷ giới, hoặc cõi người, hoặc cõi trời, tùy theo mỗi loài dùng ngôn ngữ của loài ấy mà thuyết Chánh pháp cho chúng.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát an trụ sáu Ba la mật, hóa thân như Phật, đến khắp hằng hà sa thế giới chư Phật trong mười phương, ở các cõi Phật mười phương lắng nghe Chánh pháp, cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen. Xem khắp các cõi Phật tướng thanh tịnh vi diệu, tối thắng, hầu **phát khởi quốc độ cõi Phật của mình** cũng rất trang nghiêm, thanh tịnh tối thắng. An trụ trong đó được các Bồ Tát Nhất sanh bổ xứ, giáo hóa làm cho mau chứng đắc Vô thượng Bồ đề.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát tu hành sáu Ba la mật, thành tựu ba 32 tướng của bậc Đại sĩ, các căn nhạy bén thanh tịnh, đoan nghiêm, chúng

sanh thấy đều kính mến, do đó hướng dẫn các căn theo ý muốn, làm cho dần dần chứng đắc Niết bàn ba thừa.

Như vậy, này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát **tu hành Bát Nhã nên học thân, ngữ, ý nghiệp thanh tịnh.**

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát tu hành sáu Ba la mật, tuy được các căn nhạy bén nhưng không trọng mình khinh người.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát, từ lúc mới phát tâm thường trụ thí, giới Ba la mật, cho đến khi chưa được địa vị Bất thối, trong tất cả thời thường không đọa vào đường ác.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát, từ lúc mới phát tâm cho đến khi chưa được địa vị Bất thối, thường không xả bỏ 10 thiện nghiệp đạo.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát an trụ thí, giới Ba la mật, làm Chuyển luân vương, thành tựu bảy báu, dùng pháp giáo hóa, không dùng phi pháp, hướng dẫn chúng sanh tu mười nghiệp thiện, cũng đem của báu cứu giúp người nghèo.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát an trụ thí, giới Ba la mật, vô lượng trăm nghìn đời làm Chuyển luân Thánh vương, thường gặp vô lượng trăm nghìn chư Phật, cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen, xả thí nội ngoại đều không lấy làm khó.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát an trụ sáu pháp Ba la mật, thường làm pháp soi sáng cho các hữu tình si mê, tà kiến, cũng đem pháp này tự soi sáng mình, cho đến được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Pháp chiếu sáng này không bao giờ lìa bỏ. Do đó, đại Bồ Tát này đối với các pháp Phật thường được hiện bày.

Vì vậy, này Xá lợi Tử! Các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, đối với ba nghiệp tội của thân, ngữ, ý không cho phát sanh dù chỉ chốc lát.

Bấy giờ, Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là đại Bồ Tát có **nghiệp tội về thân, ngữ, ý**?

Phật bảo Xá lợi Tử:

- Nếu đại Bồ Tát suy nghĩ: Đây là thân ta, do đó phát sanh thân nghiệp. Đây là lời nói của ta, do đó phát sanh ngữ nghiệp. Đây là ý của ta, do đó phát sanh ý nghiệp.

Này Xá lợi Tử! Đó gọi là đại Bồ Tát có nghiệp tội về thân, ngữ, và ý.

Này Xá lợi Tử! **Các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, thì không thấy có thân và thân nghiệp, không thấy có ngữ và ngữ nghiệp, không thấy có ý và ý nghiệp.**

Này Xá lợi Tử! Nếu đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, mà còn chấp trước thân, ngữ, ý và thân, ngữ, ý nghiệp, liền sanh tâm xan tham, tâm phạm giới, tâm giận dữ, tâm biếng nhác, tâm tán loạn, tâm ác tuệ. Nếu phát sanh các tâm này thì không gọi là Bồ Tát. Vì thế, đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, mà sanh ý nghĩ này thì không đúng.

Này Xá lợi Tử! Các đại Bồ Tát tu hành sáu pháp Ba la mật có thể làm thanh tịnh ba nghiệp nặng hoặc nhẹ về thân, ngữ, ý.

Lúc bấy giờ, Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Tại sao đại Bồ Tát có thể làm **thanh tịnh ba nghiệp** nặng hoặc nhẹ về thân, ngữ, ý?

Phật bảo Xá lợi Tử:

- Các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, không chấp thân và tội nặng nhẹ của thân; không chấp lời nói và tội nặng nhẹ của lời nói; không chấp ý và tội nặng nhẹ của ý.

Này Xá lợi Tử! Như vậy, đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã có thể làm thanh tịnh ba nghiệp nặng hoặc nhẹ về thân, ngữ, ý.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Nếu đại Bồ Tát từ lúc mới phát tâm thường giữ trọn vẹn 10 nghiệp thiện, không sanh tâm Thanh văn và Độc giác, đối với chúng sanh thường phát tâm đại bi.

Này Xá lợi Tử! Ta nói đại Bồ Tát này làm thanh tịnh ba nghiệp nặng hoặc nhẹ về thân, ngữ, ý.

Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát tu hành 6 pháp Ba la mật, làm **thanh tịnh đạo Bồ đề**.

Khi ấy, Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là **đạo Bồ đề** của đại Bồ Tát?

Phật bảo Xá lợi Tử:

- Các đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, **không chấp** tất cả các nghiệp nặng nhẹ về thân, ngữ, ý; không chấp bố thí, không chấp tịnh giới, không chấp an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, không chấp Bát nhã Ba la mật; không chấp Thanh văn thừa, không chấp Độc giác thừa, không chấp Bồ Tát Chánh đẳng giác thừa.

Này Xá lợi Tử! Đó gọi là đạo Bồ đề của đại Bồ Tát. Vì sao? Vì **đạo Bồ đề đối với tất cả pháp đều không chấp trước.**

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát tu hành 6 pháp Ba la mật hướng đến đạo Bồ đề không ai có thể ngăn được.

Khi ấy, Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Do đâu mà đại Bồ Tát tu hành 6 pháp Ba la mật hướng đến đạo Bồ đề, không ai có thể ngăn cản được?

Phật dạy Xá lợi Tử:

- Các đại Bồ Tát khi tu hành 6 pháp Ba la mật, không chấp trước sắc uẩn, không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức uẩn; không chấp trước 12 xứ, 18 giới, không chấp trước tất cả pháp Phật. Do nhân duyên này, đại Bồ Tát tu hành 6 pháp Ba la mật càng tăng trưởng lòng hướng đến đạo Bồ đề, không ai có thể ngăn cản được.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát an trụ Bát Nhã, mau có thể viên mãn Nhất thiết tướng trí, Thành thắng trí nên thường không bị đọa trong các đường hiểm ác, không thọ thân người hạ tiện, vĩnh viễn không nghèo khổ; thọ thân hình dung mạo đẹp, đầy đủ các căn, được trời, người, A tu la kính mến.

Bấy giờ, Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Thành thắng trí của đại Bồ Tát ?

Phật dạy Xá lợi Tử:

- Các đại Bồ Tát do thành tựu trí này, thấy hết tất cả Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong hằng hà sa số thế giới chư Phật khắp 10 phương, nghe hết Chánh pháp do chư Phật kia thuyết, thấy hết tất cả đại chúng Thanh văn, Bồ Tát trong hội đó, cũng thấy tướng trang nghiêm của quốc độ ấy. Chư đại Bồ Tát do thành tựu trí này **không sanh tưởng** thế giới, không sanh tưởng Phật, không sanh tưởng Pháp, không sanh tưởng Thanh văn Tăng, không sanh tưởng Độc giác, không sanh tưởng Bồ Tát Tăng, không sanh tưởng ngã, không sanh tưởng phi ngã, không sanh tưởng cõi Phật trang nghiêm. Các đại Bồ Tát do thành tựu trí này, tuy thực hành bố thí Ba la mật nhưng **không chấp bố thí**, tuy thực hành tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự Bát Nhã nhưng không chấp tất cả các Ba la mật trên. Tuy thực hành 4 niệm trụ nhưng không chấp 4 niệm trụ, cho đến tuy thực hành 8 chi Thánh đạo nhưng không chấp 8 chi Thánh đạo. Tuy thực hành Phật

10 lực nhưng không chấp Phật 10 lực, cho đến tuy thực hành Nhất thiết tướng trí nhưng không chấp Nhất thiết tướng trí.

Này Xá lợi Tử! Đó gọi là Thành thắng trí của đại Bồ Tát. Do thành tựu trí này, các đại Bồ Tát mau được viên mãn tất cả pháp Phật. Tuy biết tất cả pháp nhưng không đắc tất cả pháp, vì tự tánh tất cả pháp là không.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã có thể làm thanh tịnh năm loại mắt: Nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn*(5)*.

Khi ấy, Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là **nhục nhãn thanh tịnh** của đại Bồ Tát?

Phật dạy Xá lợi Tử:

- Có đại Bồ Tát với nhục nhãn thấy được một trăm Du thiện na *(do tuần)*. Có đại Bồ Tát với nhục nhãn thấy được hai trăm Du thiện na. Có đại Bồ Tát với nhục nhãn thấy được ba trăm Du thiện na. Có đại Bồ Tát với nhục nhãn thấy được cả đến ngàn Du thiện na. Có đại Bồ Tát với nhục nhãn thấy được một cõi châu Thiệm bộ hay bốn châu thiên hạ. Có đại Bồ Tát với nhục nhãn thấy được Tiểu thiên thế giới cho đến tam thiên đại thiên thế giới.

Này Xá lợi Tử! Đó gọi là nhục nhãn thanh tịnh của đại Bồ Tát.

Khi ấy, Xá lợi Tử lại thưa:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là **thiên nhãn thanh tịnh** của đại Bồ Tát?

Phật bảo Xá lợi Tử:

- Đại Bồ Tát với thiên nhãn thấy được như thiên nhãn của tất cả trời Tứ đại thiên vương; thấy được như thiên nhãn của tất cả trời Ba mươi ba, trời Dạ ma, trời Đổ sử đa, trời Lạc biến hóa, trời Tha hóa tự tại; thấy được như thiên nhãn của tất cả trời Phạm chúng cho đến thấy được như thiên nhãn của tất cả trời Sắc cứu cánh. Có đại Bồ Tát với thiên nhãn có thể thấy được sự việc mà thiên nhãn của tất cả trời Tứ đại thiên vương cho đến trời Sắc cứu cánh không thể thấy được. Các đại Bồ Tát với thiên nhãn có thể thấy được hữu tình trong hằng hà sa số thế giới khắp 10 phương chết đây sanh kia.

Này Xá lợi Tử! Đó là thiên nhãn thanh tịnh của đại Bồ Tát.

Khi ấy, Xá lợi Tử lại thưa:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là **tuệ nhãn thanh tịnh** của Bồ Tát ?

Phật dạy Xá lợi Tử.

- Đại Bồ Tát với tuệ nhãn **không thấy có pháp** hoặc hữu vi, hoặc vô vi, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian, hoặc có tội, hoặc không có tội, hoặc ô nhiễm, hoặc thanh tịnh, hoặc có sắc hoặc không sắc, hoặc có đối, hoặc không đối, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc bị ràng buộc ở Dục giới, hoặc bị ràng buộc ở Sắc giới, hoặc bị ràng buộc ở Vô sắc giới, hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký, hoặc kiến sở đoạn, hoặc tu sở đoạn, hoặc phi sở đoạn, hoặc học, hoặc vô học, hoặc chẳng phải học, chẳng phải vô học, cho đến tất cả pháp hoặc có tự tánh, hoặc sai biệt.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát này đắc tuệ nhãn thanh tịnh, đối với tất cả pháp, chẳng thấy chẳng phải chẳng thấy, chẳng nghe chẳng phải chẳng nghe; chẳng biết chẳng phải chẳng biết; chẳng hiểu rõ chẳng phải chẳng hiểu rõ.

Bấy giờ, Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là **pháp nhãn thanh tịnh** của Bồ Tát?

Phật dạy Xá lợi Tử:

- Pháp nhãn của đại Bồ Tát **có thể biết như thật** các loại Bổ đặc già la sai khác, đây là tùy tín hành, đây là tùy pháp hành, đây là vô tướng hành, đây là trụ không, đây là trụ vô tướng, đây là trụ vô nguyện. Đây do không giải thoát môn khởi năm căn, do năm căn khởi định vô gián, do định vô gián khởi giải thoát tri kiến, do giải thoát tri kiến mới dứt hẳn ba gút, chỗ gọi tà kiến, giới cấm thủ, nghi. Vì dứt hẳn ba gút này nên được quả Dự lưu. Đây do tu đạo mỏng dục tham giận dữ, được quả Nhất lai. Đây lại do thượng phẩm tu đạo dứt hẳn dục tham giận dữ, được quả Bất hoàn. Đây lại do tăng thượng phẩm tu đạo dứt hẳn năm gút thuận thượng phần: Chỗ gọi tham sắc, tham vô sắc, vô minh, mạn, trạo cử; vì dứt hẳn năm gút thuận thượng phần này nên được quả A la hán.

Lại nữa, Xá Lợi Tử! Đại Bồ Tát pháp nhãn năng như thật biết: **Các pháp do sự tập hợp** *(ý nói duyên hội)* **mà có, đều là pháp hoại diệt**. Do biết đây bèn được năm nhãn.

Xá Lợi Tử! Đấy gọi đại Bồ Tát thanh tịnh pháp nhãn.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Pháp nhãn của đại Bồ Tát có thể biết như thật đại Bồ Tát này ban đầu phát tâm tu hành bố thí cho đến tu hành Bát nhã

Ba la mật, thành tựu tín căn, tinh tấn căn, phương tiện thiện xảo nên được ý thọ thân, tăng trưởng thiện pháp, đại Bồ Tát này thường sanh trong những dòng họ lớn như sanh vào dòng họ Sát đế lợi, hoặc sanh vào dòng Bà la môn, Trưởng giả, Cư sĩ, hoặc sanh lên trời Tứ đại thiên vương, cho đến sanh lên trời Tha hóa tự tại, trụ ở nơi đó giáo hóa hữu tình, tùy theo sự ưa thích của chúng hữu tình mà cung cấp đầy đủ các loại tốt đẹp, làm nghiêm tịnh cõi Phật, cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen chư Phật Thế Tôn. Không rơi vào địa vị Thanh văn, Độc giác, cho đến đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, trọn không thối chuyển.

Này Xá lợi Tử! Đó là pháp nhãn thanh tịnh của đại Bồ Tát.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Pháp nhãn của đại Bồ Tát có thể biết như thật đại Bồ Tát này đã được thọ ký quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đại Bồ Tát này chưa được thọ ký quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác; đại Bồ Tát này đối với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đã được Bất thối, đại Bồ Tát này đối với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác chưa được Bất thối; đại Bồ Tát này đã đạt đến địa vị Bất thối chuyển, đại Bồ Tát này chưa đạt đến địa vị Bất thối chuyển; đại Bồ Tát này đã viên mãn thần thông, đại Bồ Tát này chưa viên mãn thần thông; đại Bồ Tát này đã viên mãn thần thông nên có thể đến hằng hà sa số thế giới chư Phật khắp 10 phương cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen chư Phật Thế Tôn; đại Bồ Tát này chưa viên mãn thần thông nên không thể đến hằng hà sa số thế giới chư Phật khắp 10 phương cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen chư Phật Thế Tôn; đại Bồ Tát này đã được thần thông, đại Bồ Tát này chưa được thần thông; đại Bồ Tát này đã được Vô sanh pháp nhẫn, đại Bồ Tát này chưa được Vô sanh pháp nhẫn; đại Bồ Tát này đã được căn thù thắng, đại Bồ Tát này chưa được căn thù thắng; đại Bồ Tát này đã làm nghiêm tịnh cõi Phật, đại Bồ Tát này chưa làm nghiêm tịnh cõi Phật; đại Bồ Tát này đã giáo hóa chúng sanh, đại Bồ Tát này chưa giáo hóa chúng sanh; đại Bồ Tát này đã được đại nguyện, đại Bồ Tát này chưa được đại nguyện; đại Bồ Tát này đã được chư Phật ngợi khen, đại Bồ Tát này chưa được chư Phật ngợi khen; đại Bồ Tát này đã thân cận chư Phật, đại Bồ Tát này chưa thân cận chư Phật; đại Bồ Tát này tuổi thọ vô lượng, đại Bồ Tát này tuổi thọ có hạn lượng; đại Bồ Tát này khi đắc Bồ đề có Bí sô Tăng vô lượng, đại Bồ Tát này khi đắc Bồ đề có Bí sô Tăng có lượng; đại Bồ Tát này khi đắc Bồ đề có Bồ Tát Tăng, đại Bồ Tát này khi

đắc Bồ đề không có Bồ Tát Tăng; đại Bồ Tát này chuyên tu hạnh lợi tha, đại Bồ Tát này tu cả hạnh tự lợi; đại Bồ Tát này có thực hành hạnh khổ khó làm, đại Bồ Tát này không thực hành hạnh khổ khó làm; đại Bồ Tát này là Nhất sanh bổ xứ, đại Bồ Tát này phải tái sanh nhiều đời mới được bổ xứ; đại Bồ Tát đã trụ thân cuối cùng, đại Bồ Tát này chưa trụ thân cuối cùng; đại Bồ Tát này đã ngồi tòa Bồ đề vi diệu, đại Bồ Tát này chưa ngồi tòa Bồ đề vi diệu; đại Bồ Tát này có ma đến thử, đại Bồ Tát này không có ma đến thử.

Này Xá lợi Tử! Đó là pháp nhãn thanh tịnh của đại Bồ Tát.

Lúc bấy giờ, Xá lợi Tử lại thưa:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là **Phật nhãn thanh tịnh** của Bồ Tát ?

Phật dạy Xá lợi Tử:

- Đại Bồ Tát với tâm Bồ đề không gián đoạn, nhập định Kim cương dụ, được Nhất thiết tướng trí, thành tựu Phật 10 lực, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng, Phật nhãn giải thoát, không chướng không ngại. **Do Phật nhãn này đại Bồ Tát vượt lên trên tất cả cảnh giới trí tuệ của Thanh văn, Độc giác, không có gì không thấy, không có gì không nghe, không có gì không hiểu, không có gì không biết. Thấy hết thảy tướng của tất cả pháp**.

Này Xá lợi Tử! Đó gọi là Phật nhãn thanh tịnh của đại Bồ Tát.

Này Xá lợi Tử! **Đại Bồ Tát khi chứng Vô thượng Bồ đề mới được Phật nhãn thanh tịnh như vậy.**

Này Xá lợi Tử! Nếu đại Bồ Tát muốn được ngũ nhãn thanh tịnh như vậy nên siêng tu tập 6 Ba la mật. Vì sao? Vì 6 Ba la mật này thâu nhiếp tất cả thiện pháp, nghĩa là tất cả thiện pháp của Thanh văn, thiện pháp của Độc giác, thiện pháp của Bồ Tát, thiện pháp của Như lai.

Này Xá lợi Tử! Nếu có ai hỏi Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đem sự thật mà nói, pháp nào có thể bao trùm tất cả thiện pháp? Phật đáp ngay: Đó là Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật này là mẹ của tất cả thiện pháp, hay sanh các công đức của các Ba la mật và năm loại mắt.

Này Xá lợi Tử! Nếu đại Bồ Tát muốn ngũ nhãn thanh tịnh nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn được quả Vô thượng Bồ đề nên học ngũ nhãn thanh tịnh như vậy.

Này Xá lợi Tử! Nếu đại Bồ Tát hay học ngũ nhãn thanh tịnh như vậy thì quyết định đắc quả Vô thượng Bồ đề. *(Q.404, ĐBN)*

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã có thể **dẫn phát sáu thần thông**: 1- Thần túc thông, 2- Thiên nhĩ thông, 3- Tha tâm thông, 4- Túc mạng thông, 5- Thiên nhãn thông, 6- Lậu tận thông*(6)*.

Bấy giờ, Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, dẫn phát **trí chứng biết thần túc thông** *(thần cảnh không)*?

Phật bảo Xá lợi Tử:

- Có đại Bồ Tát với trí chứng thần túc thông có thể dẫn phát các **loại thần thông biến hóa**: Làm chấn động các vật đại địa trong hằng hà sa số thế giới khắp 10 phương; biến một thành nhiều, biến nhiều thành một; hoặc ẩn hoặc hiện, mau chóng không ngại; núi non, tường vách đi qua như khoảng không; qua lại trên hư không như chim bay; ra vào trong đất như ra vào nước; đi trên nước như đi trên đất; thân bốc ra khói lửa như đám cháy trên cao nguyên; thân thể chảy ra các dòng nước như núi tuyết tan. Oai đức, thần lực của mặt trời, mặt trăng khó sánh nổi, đưa tay sờ mặt trăng và che ánh sáng của nó, cho đến chuyển thân đến trời Tịnh cư một cách tự tại với vô biên, vô số thần thông biến hóa như vậy.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát này tuy có năng lực trí dụng thần túc thông như vậy nhưng đối với điều đó không tự cao, không chấp vào tánh trí chứng thần túc thông, không chấp vào sự trí chứng thần túc thông, không chấp vào việc có thể được trí chứng thần túc thông như vậy, đối với việc chấp hay không chấp đều không chấp trước. Vì sao? **Vì tự tánh là không, tự tánh là xả ly, tự tánh xưa nay bất khả đắc.**

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát này không nghĩ như vầy: Ta sẽ làm cho thần túc trí chứng thông phát sanh để tự vui chơi, mà chỉ cốt là để chứng đắc Nhất thiết trí trí*(7)*.

Này Xá lợi Tử! Đó gọi là đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã dẫn phát trí chứng thần túc thông.

Bấy giờ, Xá lợi Tử lại thưa:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã dẫn phát **trí chứng thiên nhĩ thông**?

Phật dạy Xá lợi Tử:

- Có đại Bồ Tát với trí chứng thiên nhĩ thông tối thắng, thanh tịnh siêu nhân, **có thể nghe như thật các loại âm thanh của hữu tình, vô tình** trong hằng hà sa số thế giới khắp 10 phương, nghĩa là nghe hết tất cả tiếng địa ngục, tiếng bàng sanh, tiếng quỷ giới, tiếng người, tiếng trời, tiếng Thanh văn, tiếng Độc giác, tiếng Bồ Tát, tiếng chư Phật, tiếng quở chê sanh tử, tiếng ngợi khen Niết bàn, tiếng trái bỏ hữu vi, tiếng hướng đến Bồ đề, tiếng nhàm ghét hữu lậu, tiếng vui thích vô lậu, tiếng khen ngợi Tam bảo, tiếng nhiếp phục tà đạo, tiếng luận nghị quyết trạch, tiếng đọc tụng Kinh điển, tiếng khuyên bỏ pháp ác, tiếng khuyên tu pháp thiện, tiếng cứu giúp nạn khổ, tiếng mừng rỡ vui vẻ v.v... các tiếng như vậy hoặc lớn hoặc nhỏ Bồ Tát đều nghe hết, không chướng không ngại.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát này tuy có năng lực thiên nhĩ như vậy, nhưng không tự cao về điều đó, không chấp vào tánh trí chứng thiên nhĩ thông, không chấp vào sự trí chứng thiên nhĩ thông, không chấp vào việc có thể chứng thiên nhĩ thông như vậy. Đối với sự chấp hay không chấp đều không chấp trước. Vì sao? Vì tự tánh là không, tự tánh là xả ly, tự tánh xưa nay bất khả đắc.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát này không nghĩ như vầy: Ta sẽ làm cho trí chứng thiên nhĩ thông phát sanh để tự vui chơi, mà chỉ vì để chứng đắc Nhất thiết trí trí.

Này Xá lợi Tử! Đó gọi là đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, dẫn phát trí chứng thiên nhĩ thông.

Khi ấy, Xá lợi Tử lại thưa:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, dẫn phát trí chứng **tha tâm thông**?

Phật dạy Xá lợi Tử:

- Có đại Bồ Tát với trí chứng tha tâm thông có thể **biết như thật pháp tâm, tâm sở của các loại hữu tình** trong hằng hà sa số thế giới khắp mười phương: Biết hết các loại hữu tình nếu có tâm tham, biết như thật có tâm tham; nếu lìa tâm tham, biết như thật lìa tâm tham; nếu có tâm sân, biết như thật có tâm sân; nếu lìa tâm sân, biết như thật lìa tâm sân; nếu có tâm si, biết như thật có tâm si; nếu lìa tâm si, biết như thật lìa tâm si; nếu có tâm ái, biết như thật có tâm ái; nếu lìa tâm ái, biết như thật lìa tâm ái; nếu có tâm chấp thủ, biết như thật có tâm chấp thủ; nếu lìa tâm chấp thủ, biết như thật lìa tâm chấp thủ; nếu tâm tập trung, biết như thật tâm tập

trung; nếu tâm tán loạn, biết như thật tâm tán loạn; nếu tâm nhỏ hẹp, biết như thật tâm nhỏ hẹp; nếu tâm rộng lớn, biết như thật tâm rộng lớn; nếu tâm cao cử, biết như thật tâm cao cử; nếu tâm thấp hèn, biết như thật tâm thấp hèn; nếu tâm vắng lặng, biết như thật tâm vắng lặng; nếu tâm không vắng lặng, biết như thật tâm không vắng lặng; nếu tâm trạo cử, biết như thật tâm trạo cử; nếu tâm không trạo cử, biết như thật tâm không trạo cử; nếu tâm định, biết như thật tâm định; nếu tâm không định, biết như thật tâm không định; nếu tâm giải thoát, biết như thật tâm giải thoát; nếu tâm không giải thoát, biết như thật tâm không giải thoát; nếu tâm hữu lậu, biết như thật tâm hữu lậu; nếu tâm vô lậu, biết như thật tâm vô lậu; nếu tâm có lỗ hổng, biết như thật tâm có lỗ hổng; nếu tâm không có lỗ hổng, biết như thật tâm không có lỗ hổng; nếu tâm hữu thượng, biết như thật tâm hữu thượng; nếu tâm vô thượng, biết như thật tâm vô thượng.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát này có năng lực trí chứng tha tâm thông như vậy, nhưng không tự cao về điều đó, không chấp vào tánh trí chứng tha tâm thông, không chấp vào sự trí chứng tha tâm thông; không chấp vào việc có thể được trí chứng tha tâm thông như vậy. Đối với chấp hay không chấp đều không chấp trước. Vì sao? Vì tự tánh là không, tự tánh là xả ly, tự tánh xưa nay bất khả đắc.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát này chẳng nghĩ như vầy: Ta sẽ không làm cho trí chứng tha tâm thông phát sanh để tự vui chơi, mà cốt để chứng đắc Nhất thiết trí trí.

Này Xá lợi Tử! Đó gọi là đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã dẫn phát trí chứng tha tâm thông.

Bấy giờ, Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã dẫn phát trí chứng **biết Túc mạng thông**?

Phật bảo Xá lợi Tử:

- Có đại Bồ Tát với trí chứng **biết việc đời trước tùy theo ý nghĩ**, có thể nhớ như thật các việc đời trước của tất cả hữu tình trong hằng hà sa số thế giới khắp 10 phương, nghĩa là nhớ nghĩ các việc đời trước, hoặc của mình, hoặc của người trong 1 tâm, 10 tâm, 100 tâm, 1.000 tâm, vô số tâm. Hoặc lại nhớ nghĩ các việc đời trước trong 1 ngày, 10 ngày, 100 ngày, 1.000 ngày, 100.000 ngày. Hoặc lại nhớ nghĩ các việc đời trước trong 1 tháng, 10 tháng, 100 tháng, 1.000 tháng, vô số tháng. Hoặc lại nhớ nghĩ

các việc đời trước trong 1 năm, 10 năm, 100 năm, 1.000 năm, 100.000 năm. Hoặc lại nhớ nghĩ các việc đời trước trong 1 kiếp, 10 kiếp, 100 kiếp, 1.000 kiếp, 100.000 kiếp, cho đến vô lượng, vô số ức kiếp. Hoặc lại nhớ nghĩ các việc trước kia trong quá khứ, thời như vậy, xứ như vậy, tên như vậy, họ như vậy, loại như vậy, an như vậy, trụ lâu như vậy, tuổi thọ có hạn như vậy, tuổi thọ lâu dài như vậy, thọ vui như vậy, thọ khổ như vậy. Từ chỗ đó qua đời sanh đến nơi này, từ nơi này qua đời sanh đến chỗ kia, tướng mạo như vậy, lời nói như vậy. Các việc hoặc tóm lược, hoặc nói rộng, hoặc của mình hoặc của người đều có thể nhớ nghĩ.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát này tuy có năng lực trí biết các việc đời trước như vậy, nhưng đối với điều đó không tự cao, không chấp trước tánh trí chứng biết các việc đời trước tùy theo ý nghĩ, không chấp trước sự trí chứng biết việc đời trước tùy theo ý nghĩ, không chấp trước sự việc có thể được trí chứng biết các việc đời trước tùy theo ý nghĩ, đối với chấp hay không chấp đều không chấp trước. Vì sao? Vì tự tánh là không, tự tánh là xả ly, tự tánh xưa nay bất khả đắc.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát này không nghĩ: Ta sẽ không làm cho trí chứng biết Túc mạng thông phát sanh để tự vui chơi, mà chỉ cốt để chứng đắc Nhất thiết trí trí.

Này Xá lợi Tử! Đây gọi là đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã làm dẫn phát trí chứng biết Túc mạng thông.

Bấy giờ, Xá lợi Tử lại thưa:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã dẫn phát trí chứng **thiên nhãn thông**?

Phật dạy Xá lợi Tử:

- Có đại Bồ Tát với trí chứng thiên nhãn thông tối thắng, thanh tịnh siêu nhân, **có thể thấy như thật các loại hình sắc của hữu tình, vô tình** trong hằng hà sa số thế giới khắp 10 phương, nghĩa là thấy khắp các loại hình sắc của các hữu tình khi sanh khi tử, sắc đẹp, sắc xấu, cõi lành, cõi ác, hoặc thù thắng, hoặc hạ liệt. Do đó lại biết các loại hữu tình tùy theo tác dụng nghiệp lực mà thọ sanh sai khác. Hữu tình như vậy thành tựu thân ác hạnh, thành tựu ngữ ác hạnh, thành tựu ý ác hạnh.

Do tà kiến hủy báng Hiền Thánh, khi thân hoại qua đời, sẽ đọa vào đường ác, hoặc vào địa ngục, hoặc sanh vào bàng sanh, hoặc sanh trong loài quỷ, hoặc sanh nơi biên địa hạ tiện, trong loài hữu tình ác nghịch, chịu

các khổ não. Các hữu tình như vậy thành tựu thân diệu hạnh, thành tựu ngữ diệu hạnh, thành tựu ý diệu hạnh.

Do chánh kiến ngợi khen Hiền Thánh, khi thân hoại, qua đời sẽ sanh lên cõi thiện, hoặc sanh lên cõi trời, hoặc sanh trong loài người, hưởng các điều vui. Các nghiệp loại thọ quả sai khác của hữu tình như thế, Bồ Tát đều biết như thật.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát này tuy có năng lực thiên nhãn như vậy, nhưng đối với điều đó không tự cao, không chấp trước tánh trí chứng thiên nhãn thông, không chấp trước sự trí chứng thiên nhãn thông, không chấp trước việc có thể được trí chứng thiên nhãn thông như vậy, đối với chấp hay không chấp trước đều không chấp trước. Vì sao? Vì tự tánh là không, tự tánh là xả ly, tự tánh xưa nay bất khả đắc.

Này Xá lợi Tử! đại Bồ Tát này không nghĩ: Ta sẽ không làm cho trí chứng thiên nhãn thông phát sanh để tự vui chơi, mà chỉ cốt để chứng đắc Nhất thiết trí trí.

Này Xá lợi Tử! Đó là đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã dẫn phát trí chứng thiên nhãn thông.

Bấy giờ, Xá lợi Tử lại thưa:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã dẫn phát trí chứng **lậu tận thông**?

Phật bảo Xá lợi Tử:

- Có đại Bồ Tát với trí chứng lậu tận thông, có thể biết như thật tất cả hữu tình trong hằng hà sa số thế giới khắp 10 phương, **hoặc mình hoặc người các lậu hết hay chưa hết**. Thần thông này nương vào định Kim cương dụ, đoạn trừ các chướng ngại, tập khí mới được viên mãn. Khi được địa vị Bồ Tát Bất thối chuyển cũng gọi là dứt hết tất cả lậu hoặc, vì rốt ráo không phát sanh nữa. Bồ Tát tuy được lậu tận thông này, không rơi vào địa vị Thanh văn, Độc giác, chỉ hướng đến Vô thượng Bồ đề, không còn mong cầu lợi ích nào khác.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát này tuy có năng lực trí lậu tận như vậy nhưng đối với điều đó không tự cao, không chấp trước tánh trí chứng lậu tận thông, không chấp trước sự trí chứng lậu tận thông, không chấp trước việc có thể được trí chứng lậu tận thông như vậy, đối với chấp hay không chấp đều không chấp trước. Vì sao? Vì tự tánh là không, tự tánh là xả ly, tự tánh xưa nay bất khả đắc.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát này không nghĩ: Ta sẽ không làm cho trí chứng lậu tận thông phát sanh để tự vui chơi, mà chỉ cốt để chứng đắc Nhất thiết trí trí.

Này Xá lợi Tử! Đó gọi là đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã dẫn phát trí chứng lậu tận thông.

Này Xá lợi Tử! Khi đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, có thể làm viên mãn 6 phép thần thông Ba la mật. Do 6 phép thần thông viên mãn thanh tịnh nên chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

("Phần thứ I, Tổng luận" chúng tôi chỉ giải thích theo Kinh ĐBN không được đầy đủ. Bồ Tát Long chiết giải ***ngũ nhãn, lục thần thông*** *rất tỉ mỉ, xin đạo hữu xem Q.39 đến đầu Q.40, Tập 2, Địa Trí Độ Luận sẽ rõ)*

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, **an trụ bố thí,** làm nghiêm tịnh đạo Nhất thiết trí, Nhất thiết tướng trí. Do rốt ráo không, nên không sanh tâm xả thí hay bỏn sẻn.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, **an trụ tịnh giới**, làm nghiêm tịnh đạo trí Nhất thiết trí, Nhất thiết tướng trí, do rốt ráo không nên không sanh tâm giữ giới hay phạm giới.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, **an trụ an nhẫn**, làm nghiêm tịnh đạo Nhất thiết trí, Nhất thiết tướng trí. Do rốt ráo không, nên không sanh tâm từ bi hay giận dữ.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, **an trụ tinh tấn**, làm nghiêm tịnh đạo Nhất thiết trí, Nhất thiết tướng trí. Do rốt ráo không, nên không sanh tâm siêng năng hay biếng nhác.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, **an trụ tịnh lự**, làm nghiêm tịnh đạo Nhất thiết trí, Nhất thiết tướng trí. Do rốt ráo không, nên không sanh tâm tịch tịnh hay tán loạn.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, **lại trụ vào Bát nhã Ba la mật**, làm nghiêm tịnh đạo Nhất thiết trí, Nhất thiết tướng trí. Do rốt ráo không, nên không sanh tâm trí tuệ hay ngu si.

Này Xá lợi Tử! Lại có đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, an trụ bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, làm nghiêm tịnh đạo Nhất thiết trí, Nhất thiết tướng trí. Do rốt ráo không, nên không sanh

tâm xả thí hay bỏn sẻn, trì giới hay phạm giới, từ bi hay giận dữ, siêng năng hay biếng nhác, tịch tịnh hay tán loạn, trí tuệ hay ngu si.

Này Xá lợi Tử! Các đại Bồ Tát an trụ 6 loại Ba la mật, làm nghiêm tịnh đạo Nhất thiết trí, Nhất thiết tướng trí, nếu tu hành Bát Nhã được như vậy, tức **không còn chấp trước xả thí**, không còn chấp trước bỏn sẻn; không còn chấp trước trì giới, phạm giới, từ bi, giận dữ; siêng năng, biếng nhác; tịch tịnh, tán loạn trí tuệ hay ngu si.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát này ngay lúc đó, cũng không chấp trước người xả thí hay bỏn sẻn, không chấp trước người trì giới hay phạm giới, không chấp trước người từ bi hay giận dữ, không chấp trước người siêng năng hay biếng nhác, không chấp trước người tịch tịnh hay tán loạn, không chấp trước người trí tuệ hay ngu si.

Này Xá lợi Tử! Bồ Tát này ngay lúc đó đối với chấp hay không chấp đều không chấp trước. Vì sao? Vì nhất thiết pháp rốt ráo là không.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát này ngay lúc đó, cũng không chấp trước chửi mắng, không chấp trước khen ngợi, không chấp trước tổn hại, không chấp trước lợi ích, không chấp trước khinh mạn, không chấp trước cung kính. Vì sao? Vì trong rốt ráo không, không có pháp chửi mắng hay khen ngợi, không có pháp tổn hại hay lợi ích, không có pháp khinh mạn hay cung kính. Đại Bồ Tát này ngay lúc đó không chấp trước người hủy báng hay khen ngợi, không chấp trước người làm tổn hại hay lợi ích, không chấp trước người khinh mạn hay cung kính. Vì sao? Vì trong rốt ráo không, không có người chửi mắng khen ngợi, không có người làm tổn hại hay lợi ích, không có người khinh mạn hay cung kính. Đại Bồ Tát này ngay lúc đó đối với chấp hay không chấp đều chẳng chấp. Vì sao? Vì Bát Nhã vĩnh viễn đoạn tuyệt tất cả chấp trước.

Này Xá lợi Tử! Bồ Tát này khi tu hành Bát Nhã, được công đức tối thượng, tối diệu mà tất cả Thanh văn và Độc giác đều không có được.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát này đã viên mãn công đức như vậy rồi, lại có thể dùng bốn nhiếp sự để giáo hóa tất cả hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, mới được nghiêm tịnh đạo Nhất thiết trí, Nhất thiết tướng trí, mau chứng đắc Nhất thiết trí trí.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, thường **sanh tâm bình đẳng với tất cả hữu tình.** Sanh tâm bình đẳng rồi, đối với tất cả

hữu tình phát tâm làm lợi ích an lạc. Phát tâm làm lợi ích an lạc rồi, đối với tất cả pháp tánh đều được bình đẳng. Bình đẳng đối với pháp tánh rồi, đưa tất cả hữu tình vào trong tất cả pháp tánh bình đẳng. Đại Bồ Tát này ở trong pháp hiện tại được 10 phương chư Phật hộ niệm, cũng được tất cả đại Bồ Tát, Thanh văn, Độc giác kính mến.

Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát này sanh ở chỗ nào, mắt hoàn toàn không thấy sắc gì mà không vừa ý, tai hoàn toàn không nghe âm thanh nào mà không vừa ý, mũi hoàn toàn không ngửi mùi gì mà không vừa ý, lưỡi hoàn toàn không nếm vị gì mà không vừa ý, thân hoàn toàn không có xúc chạm nào mà không vừa ý, ý hoàn toàn không giữ lấy pháp nào cũng như vậy.

(Để giải thích nghĩa thứ 6 Ba la mật trong đoạn Kinh trên, Đại Trí Độ Luận, nói rằng:

“Nếu Phật nói về các tướng của Bồ tát, thì suốt cả một kiếp cũng chẳng sao nói hết được. Nay Phật chỉ lược nói về tướng của Bồ tát thường hành đại từ đại bi mà thôi.

Bồ tát đã phát thệ nguyện độ hết thảy chúng sanh, nên ở nơi hết thảy chúng sanh khởi tâm bình đẳng, vô phân biệt, đưa chúng sanh vào trong các pháp bình đẳng.

- Niệm chúng sanh bình đẳng.
- Quán 4 niệm xứ bình đẳng.
- Hành 4 chánh cần bình đẳng.
- Hành 4 như ý túc bình đẳng.
- Bồ tát hành tâm từ bi bình đẳng, nhằm làm 4 việc lợi ích cho chúng sanh:
- Thường nhớ nghĩ đến hết thảy chúng sanh, ở trong 6 đạo, đang chìm đắm trong vô thường, trong sanh, già, bệnh, chết... Như vậy là niệm chúng sanh bình đẳng.
- Hành 5 căn, 5 lực.. 5 thần thông làm các phương tiện lực để độ thoát hết thảy chúng sanh; hành từ bi, nhẫn nhục... nhằm đem lại sự an lạc cho chúng sanh.

Như vậy là niệm chúng sanh bình đẳng.

Hành thâm thiền định, được tâm nhu nhuyến, thanh tịnh, lại dạy chúng sanh hành thiền định, khiến họ cũng được tâm nhu nhuyến thanh tịnh. Do

tâm nhu nhuyến thanh tịnh mà phá được các chấp về pháp tướng, biết rõ hết thảy các pháp đều bình đẳng.

Như vậy là niệm pháp bình đẳng.

Khi đã được biết rõ hết thảy các pháp đều bình đẳng thì biết rõ hết thảy pháp đều chỉ là một tướng (nhất tướng) là chẳng có tướng (vô tướng), nên vào được nơi thật tướng pháp.

Như vậy là niệm pháp bình đẳng.

Bồ tát thành tựu trí huệ như vậy nên ở hiện đời được chư Phật ở khắp 10 phương thường hộ niệm, được chư Bồ tát, Bích Chi Phật và Thanh Văn thường phò trợ, được mọi loài chúng sanh thương mến và kính trọng.

--o0o--

Trải qua vô lượng kiếp Bồ tát đã tu ly dục, đã thành tựu vô lượng nhân duyên phước đức, nên được hai quả báo tốt. Đó là:

- Chẳng thấy các ác sắc, nên chẳng thọ các khổ não.

- Chẳng chấp sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp nên chẳng sanh ưu tâm. Ví như chư Thiên ở cõi trời Lục Dục Thiên được tùy ý sanh tâm hoan hỷ, vì 5 căn thường duyên các tịnh diệu cảnh.

- Do Bồ tát thành tựu được vô lượng vô biên công đức trí huệ, nên được chư Phật khắp 10 phương hộ niệm, được chư Bồ tát và chư Thánh Hiền thường phò trợ, được mọi chúng sanh thương mến, kính trọng”.

Nên, phẩm “Vãng Sanh”, quyển thứ 02, Kinh MHBNBLMĐ. Nói:

“Dù sanh ở chỗ nào thì mắt của Bồ tát cũng chẳng thấy sắc, chẳng ái sắc... dẫn đến ý của Bồ tát cũng chẳng biết sắc, chẳng ái sắc.

Này Xá Lợi Phất! Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, chẳng làm tổn giảm tâm Vô Thượng Bồ đề”).

Kinh ĐBN thuyết tiếp:

“Này Xá lợi Tử! Đại Bồ Tát này đối với quả Vô thượng Bồ đề vĩnh viễn không thối chuyển. Chính khi Phật nói, chư Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã này được lợi ích thù thắng, trong chúng có ba trăm Bí sô rời khỏi chỗ ngồi, đem y của mình dâng lên cúng Phật, đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bấy giờ, Thế Tôn mỉm cười, từ miệng Ngài phóng ánh sáng đủ màu sắc. Tôn giả A nan từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai phải, gối phải chấm đất, chấp tay cung kính thưa:

- Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên nào mà Ngài mỉm cười? Bậc đại Thánh mỉm cười ắt phải có nhân duyên. Xin Ngài rủ lòng thương mà nói cho.

Phật bảo A nan:

- Ba trăm Bí sô rời khỏi chỗ ngồi kia, từ đây về sau - 61 kiếp - trong kiếp Tinh Dụ sẽ thành Phật, đều đồng một hiệu là Đại Tràng Tướng Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Bạc già phạm. Các Bí sô đó sau khi xả thân này, sẽ sanh vào cõi Phật Bất Động ở phương Đông, ở cõi Phật đó tu Bồ Tát hạnh.

Lại có sáu vạn Thiên tử nghe lời Phật thuyết đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thế Tôn thọ ký cho các vị ấy sẽ ở trong pháp hội của Di lặc Như Lai, tịnh tín xuất gia, chuyên tu phạm hạnh. Đức Di lặc Như Lai thọ ký cho họ sẽ được Vô thượng Bồ đề.

Bấy giờ, tất cả chúng hội ở đây nhờ thần lực của Phật thấy được ngàn cõi Phật và các Thế Tôn trong 10 phương chúng hội và các cõi Phật đó thanh tịnh trang nghiêm, vi diệu, thù thắng, cõi Kham Nhẫn này tướng trang nghiêm chẳng thể nào bì kịp. Khi ấy, thấy có một vạn hữu tình trong chúng hội kia đều phát nguyện: Con đem công đức tu tập các nghiệp thanh tịnh, nguyện vãng sanh vào các cõi Phật kia.

Bấy giờ, Thế Tôn biết tâm nguyện ấy, nên mỉm cười, diện môn lại phóng các thứ sắc quang lần nữa. Tôn giả A nan lại rời khỏi chỗ ngồi, cung kính thưa hỏi Phật nhân duyên Ngài lại mỉm cười.

Phật bảo A nan:

- Nay ông có thấy vạn hữu tình này không?

A nan thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thấy!

Phật dạy:

- Này A nan! Vạn hữu tình này sau khi ở cõi đó qua đời, tùy theo nguyện lực của mình đều được vãng sanh vào vạn cõi Phật, cho đến khi đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, sanh ra ở đâu cũng thường không xa Phật, cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen, tu tập 6 pháp

Ba la mật đã được viên mãn, đồng thời thành Phật chung một hiệu là Trang Nghiêm Vương Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhơn Sư, Phật, Bạc già phạm".

Thích nghĩa:

*(1). "*Hữu tình, dòng sinh mạng, sự sanh, sự dưỡng, sự trưởng thành, chủ thể luân hồi, người do người sanh, ngã tối thắng, khả năng làm việc, khả năng khiến người làm việc, khả năng tạo nghiệp, khả năng khiến người tạo nghiệp, tự thọ quả báo, khiến người thọ quả báo, cái biết, cái thấy": *Ngài Long Thọ, trong Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ ba "Tập Tương Ưng", Tập 2, quyển 35 thích nghĩa **16 danh tướng Bát Nhã** (Tự điển Phật Quang chỉ ghi có 14 danh tướng Bát Nhã), như sau:*

"Do tâm chấp 5 ấm là **"ngã"**, từ đó khởi sanh có "ngã" và có "ngã sở".

Lại nữa, do ngũ ấm hòa hợp mà có pháp gọi là **"chúng sanh"**, lại có thành tựu mạng căn gọi là thọ **"mạng giả"**. Khi đã có thọ mạng thì khởi ra các việc như cha mẹ sanh con… nên gọi là **"sanh giả"**. Cha mẹ sanh con rồi lại cung cấp thức ăn uống, áo quần, chăn mền… để nuôi con lớn, lại còn dạy dỗ cho con thành người, nên gọi là **"dưỡng dục giả"**. Lại nữa, ngũ ấm, thập nhị nhập, thập bát giới… đều là pháp duyên sanh, có số lượng nên gọi là **"chúng số"**. Lại nữa, ở trong loài người, hành các pháp của loài người, nên gọi là **"nhân"**. Có tay chân, có trí óc làm ra các sự việc, nên gọi là **"tác giả"**. Có năng lực khởi ra các sự việc, đặt cho mỗi sự việc một tên riêng, nên gọi là **"sử tác giả"**. Hay tạo ra các nghiệp tội phước, dẫn sanh thân đời sau, nên gọi là **"năng khởi giả"**. Khiến người khác khởi các nghiệp tội phước thì gọi là **"sử khởi giả"**. Thọ thân, thọ các quả báo tội phước thì gọi là **"thọ giả"**. Dùng ngũ thức để hay biết các sự việc thì gọi là **"tri giả"**. Nếu dùng mắt thường thấy sắc, dùng trí thế gian quán ngũ ấm, khởi sanh tà kiến thì gọi là **"kiến giả thế gian"**. Nếu dùng chánh kiến thấy ngũ ấm vô lậu, thì gọi là **"kiến giả chân chánh".**

(2). Câu chi (Phạm, Pàli: Koỉi) cũng gọi là Câu trí, Câu lê. Dịch ý là ức, chỉ về số lượng của Ấn độ.

(3). Lãnh nạp: Thân tâm lãnh thọ những cảm giác vui hay buồn.

(4). Liễu biệt: Nhận biết, nhận thức; hiểu biết phân biệt sự vật.

(5). và (6). nói về ngũ nhãn và lục thần thông đã liệt kê và thích nghĩa trong phần thứ I Tổng luận.

(7). Câu này dịch từ chữ Hán, rất khó dịch: " 我ngã 今kim 引dẫn 發phát 神thần 境cảnh 智trí 通thông 為vi 自tự 娛ngu 樂lạc .唯duy 除trừ 為vi 得đắc 一Nhất 切Thiết 智Trí 智trí ". *Nên tạm phỏng dịch là: Ta dẫn phát thần cảnh trí thông không phải để tự vui chơi, mà cốt là để chứng đắc Nhất thiết trí trí.*

Sơ giải:

1. *Để giải thích* "tu hành Bát nhã Ba la mật Bồ Tát **nên quán** như vầy: Có Bồ Tát, mà chẳng thấy có Bồ Tát, chẳng thấy tên Bồ Tát; chẳng thấy Bát Nhã, chẳng thấy tên Bát Nhã; chẳng thấy hành, chẳng thấy chẳng hành. Vì sao? Này Xá lợi Tử! **Vì tự tánh Bồ Tát là không**, danh Bồ Tát cũng không,

Đại Trí Độ luận, phẩm thứ ba, "Tương Ưng", Tập 2, quyển 35, nói:

"Vì sao? Vì Bồ Tát, danh tự Bồ Tát là tự tánh "Không". Trong "Không" chẳng có sắc, chẳng có thọ, chẳng có hành, chẳng có thức. Lại nữa, ly sắc cũng chẳng có "không", nhẫn đến ly thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng có "không". Sắc tức là "không" và "không" tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức tức là "không" và "không" tức là thọ, tưởng, hành, thức.

Vì sao? Vì Bồ Đề chỉ có ở nơi danh tự, Bồ Tát chỉ có ở nơi danh tự nên đều là "không".

Vì sao? Vì Thật tánh của hết thảy các pháp vốn chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ Tát Ma ha tát thực hành Bát nhã Ba la mật chẳng thấy sanh cũng chẳng thấy diệt, chẳng thấy cấu cũng chẳng thấy tịnh.

Vì sao? Vì danh tự cũng do duyên hòa hợp mà có. Chỉ do phân biệt, ức tưởng mà các pháp giả danh được diễn bày vậy thôi.

Bồ Tát Ma ha tát khi thực hành Bát nhã Ba la mật, chẳng thấy có danh pháp, và vì chẳng thấy có danh pháp nên chẳng chấp trước".

Danh tự tiêu biểu cho thực thể, danh tự không phải là thực thể. Nhưng lìa danh tự thì không có thật thể. Vậy, không nên chấp danh tự, cũng không chấp thật thể. Không chấp thì không quái ngại, mới được giải thoát.

2. Nói về thực hành Bát Nhã, Đại Trí Độ Luận giải thích tiếp:

"Người thực hành Bát nhã Ba la mật phải **quán các pháp đều là giả danh**, nên chẳng thấy có Bồ Tát, chẳng thấy có Bát nhã Ba la mật... Vì sao? Vì ở nơi thật tướng hết thảy các pháp đều là "không", hết thảy các pháp chỉ có ở nơi danh tự, đều do nhân duyên hòa hợp sanh, đều tự tánh không".

"Trước đây đã nói các pháp đều giả danh, nay nếu lại biết rõ Bát nhã Ba la mật cũng giả danh thì phá được tất cả hý luận Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật cũng là tự tánh không, nên chẳng thể được (bất khả đắc), chẳng thể thấy (bất khả kiến) vậy. Ví như củi cháy mà giả danh có lửa. Tuy rằng lửa chẳng có thật sự mà có thể đốt nóng, có thể thiêu rụi các vật vậy".

Tất cả pháp đều là giả danh, Bát nhã Ba la mật cũng không ra khỏi qui luật này, tất cả đều do nhân duyên hòa hợp, nên nói tự tánh là không.

***Muốn tin và hành Bát Nhã là không, thì phải vượt ra khỏi chấp ngã chấp pháp. Đại Trí Độ Luận** thuyết:*

"Trước đây đã nói Bát nhã Ba la mật là thật pháp, nhưng muốn vượt ra khỏi sự chấp pháp đó, thì phải tin và hành Bát nhã Ba la mật. **Tin và hành mới vượt ra khỏi sự chấp về pháp** Bát nhã Ba la mật được. Vì sao? Vì có tin, có hành Bát nhã Ba la mật, mới biết rõ Bát nhã Ba la mật cũng là "không", là bất khả đắc. Nếu vào được Bát nhã Ba la mật rồi, thì sẽ biết rõ 5 ấm đều là "không", trong "không" chẳng có sắc, mà ly sắc cũng chẳng có "không"...

Đối với người mới nghe Bát nhã Ba la mật thì chưa thể vì họ nói về hết thảy pháp đều "không" (nhất thiết pháp không) được. Vì sao? Vì họ còn nặng về chấp ngã, **còn dùng 5 tình** *(chỉ cho 5 căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, vì 5 căn sanh ra tình thức)* **để cầu pháp**, do vậy mà còn ức tưởng, phân biệt, từ đó dẫn sanh chấp có tướng ngã. Vì họ chẳng biết 5 tình là "không", nên duyên nơi ức tưởng phân biệt mà khởi chấp 5 tình là thật. Do vậy chẳng có thể phá được chấp ngã. Nếu họ được nghe thuyết về **vô**

ngã, thì họ mới có thể nhận biết được sắc tức là “không” và “không” tức là sắc. Nhưng nếu ngay lúc đầu nói tất cả các pháp đều là “không”, thì họ chẳng sao tin được. Bởi vậy trước phải nói về “chúng sanh không”*(còn gọi là nhân không)* để phá chấp về ngã và ngã sở. **Khi đã phá được ngã và ngã sở rồi thì sẽ biết rõ hết thảy pháp đều là “không” cả. Rồi từ đó mới ly được dục, mới được đạo Bồ Đề, mới được Niết bàn tịch tịnh**.

Lại nữa, Bát nhã Ba la mật là pháp rốt ráo “không”, nên Bồ Tát chẳng thấy có mình thực hành Bát nhã Ba la mật nữa”.

*Nhưng **tại sao lại bảo chẳng hành Bát Nhã**? Chẳng hành Bát Nhã làm sao giác ngộ, đắc Nhất thiết trí trí để thành thục chúng sanh, trang nghiêm thanh tịnh Phật độ. **Đại Trí Độ Luận** giải thích tiếp:*

“Bồ Tát đã hành thâm Bát nhã Ba la mật, thâm nhập pháp “không”, **nên nói là chẳng thấy chẳng hành** vậy.

Đối với một vị quốc vương, nếu chỉ được một vật nhỏ thì chưa có thể gọi là được của. Cũng như vậy, đối với Bồ Tát nếu hành Bát nhã Ba la mật mà còn ít trí huệ, còn vướng mắc kiết sử, thì chưa có thể gọi là hành Bát nhã Ba la mật được. Phật là vị pháp vương, dạy cho các Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật. Nhưng nếu Bồ Tát chỉ hành được một phần nhỏ, thì cũng chưa có thể gọi là hành Bát nhã Ba la mật được.

Lại nữa, người hành Bát nhã Ba la mật chẳng sanh kiêu mạn, chẳng thể tự nói là mình có hành Bát nhã Ba la mật. Vì nếu nói có hành Bát nhã Ba la mật thì **còn chấp tướng**. Người hành Bát nhã Ba la mật cũng chẳng tự nói là mình chẳng hành Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì nếu nói chẳng có hành Bát nhã Ba la mật thì **sanh tâm giải đãi**. Như vậy là còn vướng mắc vào 2 chấp CÓ và KHÔNG (hữu và vô).

Người thật sự hành Bát nhã Ba la mật thì phải là người hành Bát nhã Ba la mật mà **chẳng thấy là mình có hành Bát nhã Ba la mật, lại cũng chẳng thấy là mình chẳng có hành Bát nhã Ba la mật**. Được như vậy là phá được cả hai chấp CÓ và KHÔNG, mà được giải thoát.

Lại nữa, chẳng thấy mình có hành Bát nhã Ba la mật là dứt các hý luận, chẳng thấy mình chẳng hành Bát nhã Ba la mật là dứt tâm giải đãi. Ví như người cỡi ngựa mà thấy ngựa chạy quá mau thì phải kềm lại, thấy ngựa chạy quá chậm thì thúc ngựa chạy mau hơn. Như vậy là còn trụ chấp nơi tốc độ của con ngựa. Cũng như vậy, người hành Bát nhã Ba la mật mà

còn có phân biệt là mình có hành hay mình chẳng có hành là **còn trụ chấp nơi tướng,** là chưa được giải thoát.

Lại nữa, Phật dạy các pháp do duyên sanh mà có danh, có nghĩa vậy. Bồ Tát biết rõ hết thảy pháp đều là tự tánh không, Bồ Tát cũng chỉ là danh pháp, Bồ Đề cũng chỉ là danh pháp, Bát nhã Ba la mật cũng chỉ là danh pháp. Tất cả đều là "không", đều là bất khả đắc.

KHÔNG nói ra đây, có nghĩa là **danh cũng "không", mà pháp cũng "không".**

KHÔNG nói ra đây có nghĩa là chẳng có một pháp nào được dựng lập, từ các pháp thô sắc nhẫn đến pháp "không" vậy.

Tuy nhiên "không" cũng chẳng có ly sắc. Vì sao? Vì nhằm phá sắc mà nói "không". Cũng như vậy, "không" cũng chẳng có ly thọ, tưởng, hành, thức. Tất cả 5 ấm đều "không".

Trước đây nói "chẳng thấy có Bồ Tát, chẳng thấy có danh tự Bồ Tát, chẳng thấy có Bát nhã Ba la mật..." Nay nói chẳng thấy luôn các nhân duyên tạo lập ra các danh tự Bồ Tát, Bồ Đề, Bát nhã Ba la mật... Bởi vậy nên nói là rốt ráo "không".

Luận giải trên của Đại Trí Độ Luận không những giải thích 3 phẩm "Học Quán", "Tương Ưng" và "Chuyển Sanh" của 5 Hội đầu mà còn giải thích hầu hết các giáo lý Tánh Không của ĐBN nữa. Tụng kỹ luận giải này thì có thể thông đạt 5 pháp hội đầu cũng như toàn thể Tổng luận.

3. *Phẩm "Chuyển Sanh" chẳng qua là nói lên sự xuất hiện của Bồ Tát ở cõi đời ô trọc này. Bồ Tát tu Bồ Tát hạnh hay Bồ Tát đạo cốt trên cầu Vô thượng Bồ đề, dưới hóa độ chúng sanh. Đó cũng chính là hạnh nguyện cao cả, ẩn mật nhất trong đời sống Bồ Tát, để duy trì dòng giống Phật, phục vụ chúng sanh dù trải qua muôn ngàn kiếp khổ nhọc. Vãng sanh, sanh rồi tử, tử rồi sanh, sanh đây chết kia, quay đi lộn lại bao nhiêu kiếp không hề mệt mỏi ở cõi đời đầy phiền nhiễu này với tâm nguyện là cứu độ chúng sanh, mong dẫn nước Cam lồ từ biển tuệ về rửa sạch ô nhiễm trần lao cho tất cả. Vãng sanh như thế chẳng qua là sự thị hiện của Bồ Tát để làm đẹp thế gian này!*

Muốn tô điểm thế gian, Bồ Tát phải thực hành Bát Nhã theo lời dạy của Đức Thế Tôn:

"... Đại Bồ Tát lúc thực hành Bát nhã Ba la mật an trụ trong 6 Ba la mật như vậy *(chẳng sanh tâm xan lẫn, chẳng dính mắc nơi có tội cùng vô tội, chẳng sân hận, chẳng trễ lười, chẳng say sưa thiền vị, chẳng sanh tâm ngu si…)* để thanh tịnh Nhất thiết chủng trí, vì **rốt ráo rỗng không**, vì chẳng đến chẳng đi, vì chẳng thí chẳng thọ, vì chẳng phải giới cấm chẳng phải phạm tội, vì chẳng phải nhẫn chẳng phải sân, vì chẳng phải siêng chẳng phải lười, vì chẳng định chẳng loạn, vì chẳng trí chẳng ngu vậy. Bấy giờ đại Bồ Tát chẳng phân biệt bố thí cùng chẳng bố thí, chẳng phân biệt trì giới cùng phạm giới, chẳng phân biệt nhẫn nhục cùng sân khuể, chẳng phân biệt tinh tấn cùng giải đãi, chẳng phân biệt định tâm cùng loạn tâm, chẳng phân biệt trí tuệ cùng ngu si, chẳng phân biệt hủy hại khinh mạn cùng cung kính tôn trọng. Tại sao? Vì trong pháp vô sanh chẳng có ai lãnh thọ sự hủy hoại, không có ai lãnh thọ sự khinh mạn hay cung kính".

Cái rỗng không đó là cái tuyệt đối, không thí-không thọ, không tội-không phước, không nhẫn-không sân, chẳng siêng-chẳng lười, chẳng định-chẳng loạn, chẳng trí tuệ-chẳng ngu si… không còn nhị nguyên đối đãi, tất cả bình đẳng, thanh tịnh, siêu xuất trên mọi danh ngôn thế tục. Đó cũng là ý nghĩa của Đệ nhất nghĩa đế. Tu là để được "cái đệ nhất nghĩa" này.

Nên Phật bảo:

"Này Xá Lợi Phất! Lúc thực hành Bát Nhã, ở trong tất cả chúng sanh đại Bồ Tát **sanh tâm bình đẳng**. Đã sanh tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sanh, Bồ Tát được pháp bình đẳng. Đã được tất cả pháp bình đẳng, Bồ Tát đặt để tất cả chúng sanh trong pháp bình đẳng đó".

Đại Bồ Tát nầy hiện đời được chư Phật 10 phương thương mến, cũng được tất cả Bồ Tát, Bích Chi Phật, Thanh Văn kính mến". *(Phẩm "Vãng Sanh", quyển thứ 02, Kinh MHBNBLMĐ).*

Đây là bài pháp dài, nói nhiều về lục Ba la mật nhất là Tánh không Bát Nhã. Tuy nhiên, thể văn viết theo lối tường thuật, dễ hiểu, giáo lý không gì khó khăn, ai cũng có thể hiểu nên không phải luận giải dài dòng. Vả lại, Hội thứ I, đã thuyết nhiều về giáo lý này rồi, nên không cần lặp lại nữa. Điều cần nhớ ở đây là phải quán các pháp Không hay Bản tánh không thì không còn chấp ***đến thí hay thọ, tội hay phước, nhẫn hay sân, siêng hay lười, định hay loạn, trí tuệ hay ngu si… Đó là các pháp nhị nguyên. Phải có cái thấy bình đẳng thì sẽ được thanh tịnh. Bình đẳng***

cũng có nghĩa là không, là Đệ nhất nghĩa không*. Sống trong Đệ nhất nghĩa không này thì không còn thấy uế hay tịnh, tội hay phước, nhẫn hay sân, định hay loạn v.v…Tất cả đều không phân biệt.*

Tu Bát Nhã để có tuệ nhãn thanh tịnh. Khi có mắt tuệ thanh tịnh rồi thì đối với tất cả pháp, chẳng phải thấy, chẳng phải chẳng thấy, chẳng phải nghe, chẳng phải chẳng nghe; chẳng phải biết, chẳng phải chẳng biết; chẳng phải hiểu, chẳng phải chẳng hiểu thì sẽ được thanh tịnh. Nên Kinh bảo: "Chẳng xuất, chẳng sanh, không được, không làm, đây gọi là rốt ráo thanh tịnh". *Phật đạo vì vậy được gọi là Thanh-Tịnh-Đạo. Có thanh tịnh "linh chi" mới mở.*

Vì vậy, Phật mới khuyên: "... muốn đắc năm nhãn thanh tịnh, nên siêng tu tập bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì 6 Ba la mật như vậy, gồm thâu tất cả thiện pháp thanh tịnh, đó là thiện pháp của Thanh văn, thiện pháp của Độc giác, của Bồ Tát, của Như Lai. Nếu hỏi thẳng: Pháp nào có thể gồm thâu tất cả thiện pháp, thì nên đáp ngay: Đó là Bát nhã Ba la mật thậm thâm. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật là mẹ sanh, mẹ dưỡng của tất cả thiện pháp, có thể sanh ra và nuôi dưỡng bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, 5 nhãn v.v… và vô lượng vô biên công đức thù thắng, chẳng thể nghĩ bàn".

Kinh khuyên rằng muốn đắc 5 nhãn thanh tịnh thì phải tu 6 pháp Ba la mật nhất là Bát nhã Ba la mật. Tu tinh tấn, thiền định, Bát nhã Ba la mật để được ***TRÍ****; tu bố thí, trì giới, an nhẫn là để được* ***BI****. Có trí có bi mới có thể qua bờ kia. Biết như vậy là tìm thấy đò mà sang sông, chỉ cần trang bị một tâm nhiệt thành và một ý chí dũng mãnh là đủ./.*

---o0o---

04. PHẨM "VÔ ĐẲNG ĐẲNG"

Quyển 405, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Khen Thắng Đức", đầu Q.10, Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

Bấy giờ, các Tôn giả như Xá lợi Tử, đại Mục kiền Liên, cụ thọ Thiện Hiện, đại Âm Quang *(Đại Ca Diếp)*, Mãn Từ Tử là những vị mà mọi người đều biết, lại có các Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, nam Cư sĩ, nữ Cư sĩ cùng các đại Bồ Tát, đều rời chỗ ngồi, cung kính chấp tay thưa:

- Bạch Thế Tôn! Đại Ba la mật, Quảng *(rộng lớn)* Ba la mật, Đệ nhất Ba la mật, Tôn Ba la mật, Thắng Ba la mật, Thượng Ba la mật, Diệu Ba la mật, Cao Ba la mật, Cực Ba la mật, Vô thượng Ba la mật, Vô thượng thượng Ba la mật, Vô đẳng Ba la mật, Vô đẳng đẳng Ba la mật, Như hư không Ba la mật, Vô đối đãi Ba la mật, Tự tướng không Ba la mật, Cộng tướng không Ba la mật, Nhất thiết pháp không Ba la mật, Bất khả đắc không Ba la mật, Vô sanh không Ba la mật, Vô diệt không Ba la mật, Vô tánh không Ba la mật, Hữu tánh không Ba la mật, Vô tánh hữu tánh không Ba la mật, Xa ma tha*(1)* Ba la mật, Đàm ma tha*(2)* Ba la mật, Khai phát tất cả công đức Ba la mật, Thành tựu tất cả công đức Ba la mật, Không thể khuất phục Ba la mật … là đại Bồ Tát Bát nhã Ba la mật.

Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã là tối tôn, tối thắng, đầy đủ oai lực lớn, có thể thực hành thí vô đẳng đẳng, có thể viên mãn thí vô đẳng đẳng, có thể đầy đủ **bố thí Ba la mật vô đẳng đẳng**, có thể được tự thể vô đẳng đẳng, chỗ gọi vô biên tướng hảo diệu trang nghiêm thân, có thể chứng pháp vô đẳng đẳng, chỗ gọi Vô thượng Bồ đề.

Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã là tối tôn, tối thắng, đầy đủ oai lực lớn, có thể thọ trì giới vô đẳng đẳng, có thể viên mãn giới vô đẳng đẳng, có thể đầy đủ **tịnh giới Ba la mật vô đẳng đẳng**, có thể được tự thể vô đẳng đẳng, chỗ gọi vô biên tướng hảo diệu trang nghiêm thân, có thể chứng pháp vô đẳng đẳng, chỗ gọi Vô thượng Bồ đề.

Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã là tối tôn, tối thắng, đầy đủ oai lực lớn, có thể tu nhẫn vô đẳng đẳng, có thể viên mãn nhẫn vô

đẳng đẳng, có thể đầy đủ **an nhẫn Ba la mật vô đẳng đẳng**, có thể được tự thể vô đẳng đẳng, chỗ gọi vô biên tướng hảo diệu trang nghiêm thân, có thể chứng pháp vô đẳng đẳng, chỗ gọi Vô thượng Bồ đề.

Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã là tối tôn, tối thắng, đầy đủ oai lực lớn, có thể phát sanh siêng năng vô đẳng đẳng, có thể viên mãn siêng năng vô đẳng đẳng, có thể đầy đủ **tinh tấn Ba la mật vô đẳng đẳng**, có thể được tự thể vô đẳng đẳng, chỗ gọi vô biên tướng hảo diệu trang nghiêm thân, có thể chứng pháp vô đẳng đẳng, chỗ gọi Vô thượng Bồ đề.

Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã là tối tôn, tối thắng, đầy đủ oai lực lớn, có thể phát sanh định vô đẳng đẳng, có thể viên mãn định vô đẳng đẳng, có thể đầy đủ **tịnh lự Ba la mật vô đẳng đẳng**, có thể được tự thể vô đẳng đẳng, chỗ gọi vô biên tướng hảo diệu trang nghiêm thân, có thể chứng pháp vô đẳng đẳng, chỗ gọi Vô thượng Bồ đề.

Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã là tối tôn, tối thắng, đầy đủ oai lực lớn, có thể tu tập tuệ vô đẳng đẳng, có thể viên mãn tuệ vô đẳng đẳng, có thể đầy đủ **Bát nhã Ba la mật vô đẳng đẳng**, có thể được tự thể vô đẳng đẳng, chỗ gọi vô biên tướng hảo diệu trang nghiêm thân, có thể chứng pháp vô đẳng đẳng, chỗ gọi Vô thượng Bồ đề.

Đối với các loại công đức thù thắng khác, tùy theo pháp tương ưng của chúng cũng lại như vậy.

Bạch Thế Tôn! Thế Tôn cũng do tu hành Bát Nhã, nên có năng lực tu tập, an trụ, viên mãn, **đầy đủ công đức thù thắng**, được sắc vô đẳng đẳng; thọ, tưởng, hành, thức vô đẳng đẳng, chứng Bồ đề vô đẳng đẳng, chuyển pháp luân vô đẳng đẳng. Chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại cũng vậy.

Vì vậy, Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát nào muốn đến bờ rốt ráo nhất thiết pháp thì nên tu tập Bát nhã Ba la mật.

Bạch Thế Tôn! Tất cả thế gian, trời, người, A tu la v.v... đều nên cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen các Bồ Tát tu hành Bát Nhã.

Bấy giờ, Phật bảo các đại đệ tử và các đại Bồ Tát:

Đúng vậy! Như lời các ông nói. Các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, tất cả thế gian, trời, người, A tu la v.v... đều nên cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen. Vì sao? Vì nhờ đại Bồ Tát này, nên thế gian có trời, người xuất hiện, nghĩa là dòng họ Sát đế lợi, dòng họ Bà la môn, Trưởng

giả, Cư sĩ, Chuyển luân Thánh vương, trời Tứ đại thiên vương cho đến trời Tha hóa tự tại. Trời Phạm chúng cho đến trời Sắc cứu cánh. Trời Không vô biên xứ cho đến trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ xuất hiện ở thế gian. Do đại Bồ Tát này, nên thế gian có quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, Bồ Tát, chư Phật xuất hiện. Do đại Bồ Tát này, nên thế gian có các loại để sinh sống, vui chơi xuất hiện như: Thức ăn uống, y phục, đồ nằm, phòng, nhà, đèn đuốc, ngọc ma ni, chơn châu, lưu ly, vỏ ốc, ngọc bích, san hô, vàng bạc châu báu xuất hiện ở thế gian.

Tóm lại, tất cả thế gian, người vui, trời vui và xuất thế vui, không có gì mà không do đại Bồ Tát như thế mà có. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này tự mình bố thí rồi dạy người bố thí. Tự mình giữ giới, tự mình nhẫn nhục, tự mình tinh tấn rồi dạy người giữ giới, nhẫn nhục, tinh tấn. Tự mình tu định, tự mình tu tuệ rồi dạy người tu định tuệ. Vì vậy, do đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã này, tất cả hữu tình đều được lợi ích an vui.

Thích nghĩa:

(1). Xa ma tha: Chỉ.

(2). Đàm ma tha Ba la mật đa, nguyên văn chữ Hán cũng ghi như vậy: “曇đàm 摩ma 他tha 波Ba 羅La 蜜Mật 多Đa” *là một trong các tam muội, nhưng danh từ này không được phổ thông lắm.*

Sơ giải:

1. Phần đầu phẩm “Vô Đẳng Đẳng” của Hội thứ II, ĐBN:

*Thuyết về các “**Đại Ba la mật**” hay “**Ma Ha Ba la mật**” hay còn gọi là các “**Đáo bỉ ngạn**” như sau:*

Các Đại Ba la mật được xem là quảng đại, đệ nhất, tối thắng, vô thượng, vô thượng thượng, vô đẳng, vô đẳng đẳng, như hư không. Các pháp đáo bỉ ngạn vô đối, tự tướng không, cộng tướng không, nhất thiết pháp không, bất khả đắc không, vô sanh không, vô diệt không, vô tánh không, hữu tánh không, vô tánh hữu tánh không. Vì được xem là vô đối, tự tướng không, cộng tướng không, nhất thiết pháp không, bất khả đắc không... cho đến vô tánh hữu tánh không, nên mới thành tựu tất cả công đức, không thể bị khuất phục mà lại có thể khuất phục hay phá trừ tất cả

các pháp khác mà không có pháp nào có thể phá trừ được nó. Tất cả pháp đáo bỉ ngạn… là hiện thân của tất cả Bồ Tát Bát nhã Ba la mật.

2. Phần sau của phẩm “Vô Đẳng Đẳng”:

Lại thuyết về ***lục Ba la mật*** *mà trong đó Bát nhã Ba la mật dẫn đầu, là chỉ đạo. Phần này tương đương với* ***phẩm thứ năm, “Tán Thán 6 Ba la mật”, Tập 2, quyển 40, Đại Trí Độ Luận****, thuyết về sáu pháp đáo bỉ ngạn như sau:*

“Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo cả 5 Ba-la-mật kia, nên Ba-la-mật tối đại, tối tôn, là Ba-la-mật đệ nhất, là Ba-la-mật tối thắng. Bát nhã Ba-la-mật thành tựu cả tự lợi lẫn lợi tha, nên là Ba-la-mật tối diệu. Trong các Ba-la-mật, thì Bát nhã Ba-la-mật chẳng có lầm lỗi, nên là Ba-la-mật vô thượng. Lại nữa, chẳng có pháp nào sánh kịp với Bát nhã Ba-la-mật, nên Bát nhã Ba-la-mật là Ba-la-mật vô đẳng đẳng. Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của chư Phật. Chư Phật trong 3 đời đều theo Bát nhã Ba-la-mật sanh, nên Bát nhã Ba-la-mật là vô thượng Ba-la-mật, là vô đẳng đẳng Ba-la-mật.

Vào trong Bát nhã Ba-la-mật, thì hết thảy các pháp tướng đều là không, nên Bát nhã Ba-la-mật là Tự Tướng Không Ba-la-mật. Lại nữa, hết thảy pháp đều do duyên hòa hợp sanh, nên Bát nhã Ba-la-mật là Tự Tánh Không Ba-la-mật. Lại nữa, chẳng có pháp, chẳng có danh tự pháp nên là pháp không, chẳng có chúng sanh, chẳng có danh tự chứng sanh nên là chúng sanh không. Do pháp không và chúng sanh không mà phá được hết thảy các pháp, khiến được vô sở hữu, nên Bát nhã Ba-la-mật là Vô Pháp Hữu Pháp Không Ba-la-mật.

Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, chẳng thấy có các công đức, cũng chẳng thấy có chứng sanh nào được độ.

--o0o--

Ví như có mặt trời mọc lên thì trăm hoa đua nở. Có Bồ tát ra đời thực hành Bát nhã Ba-la-mật, thì thế gian mới đượm nhuần công đức, nên nói Bát nhã Ba-la-mật khai thị hết thảy công đức Ba-la-mật.

Lại nữa, Bát nhã Ba-la-mật là gốc của hết thảy thiện pháp, nên nói Bát nhã Ba-la-mật thành tựu hết thảy các công đức Ba-la-mật.

Lại nữa, ví như hư không chẳng thể hoại, ở trong thế gian chẳng có pháp nào khuynh đảo được Bát nhã Ba-la-mật, phá hoại được Bát nhã Ba-la-mật. Bởi vậy nên gọi Bát nhã Ba-la-mật là Bất Khả Hoại Ba-la-mật.

--o0o--

Chư vị A-la-hán tán thán chư Phật trong ba đời là tán thán Bát nhã Ba-la-mật. Vì hành Bát nhã Ba-la-mật là hành vô tỷ bố thí... dẫn đến hành vô tỷ trí huệ.

Ở trong thế gian chẳng có gì có thể so sánh được với 6 pháp Ba-la-mật, chẳng gì có thể bằng được 6 pháp Ba-la-mật. Vì sao? Vì 6 pháp Ba-la-mật là rốt ráo thanh tịnh, chẳng có lỗi lầm nên gọi là vô tỷ, là vô đẳng đẳng vậy".

*Luận giải này của Đại Trí Độ Luận tuy thuyết về Bát nhã Ba la mật cũng chính là thuyết về các pháp Đáo bỉ ngạn" nói chung. Vì sao? Vì như trên đã nói Bát nhã Ba la mật dẫn đạo tất Ba la mật kể cả pháp thế gian và xuất thế gian. Do vậy, **Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ tư, "Vãng Sanh", Tập 2, quyển 39**, nói:* **"Sáu pháp Ba la mật nhiếp hết thảy các thiện pháp, nhiếp hết thảy pháp Thanh Văn, pháp Bích Chi Phật, pháp Bồ Tát và pháp Phật"** *đồng thời thành tựu năm nhãn, sáu thần thông. Nên có đủ sức phương tiện hóa độ chúng sanh.*

Đó là lý do khiến chúng tôi trích dẫn luận giải trên của ĐTĐL.

***3. Phần cuối phẩm "Vô Đẳng Đẳng" thuộc Kinh Đại Bát Nhã và Đại Trí Độ Luận** rất tương đồng. Kinh ĐBN kết luận:*

Tất cả chúng hội từ hàng Bồ Tát thượng thủ, hàng đệ tử Phật, cho đến Cư sĩ nam-nữ, các Trời, người, A tu la, người chẳng phải người… đồng thanh bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn! Thế Tôn cũng do tu hành Bát Nhã, nên có năng lực tu tập, an trụ, viên mãn, đầy đủ công đức thù thắng, được sắc vô đẳng đẳng; thọ, tưởng, hành, thức vô đẳng đẳng, chứng Bồ đề vô đẳng đẳng, chuyển pháp luân vô đẳng đẳng. Chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại cũng vậy".

Các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã là tối tôn, tối thắng, đầy đủ oai lực lớn, đầy đủ bố thí vô đẳng đẳng, có thể đầy đủ tịnh giới vô đẳng đẳng, có

thể đầy đủ an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật vô đẳng đẳng, có thể được tự thể vô đẳng đẳng, chỗ gọi vô biên tướng hảo diệu trang nghiêm thân, có thể đạt đến bờ rốt ráo nhất thiết pháp và chứng pháp vô đẳng đẳng, chỗ gọi Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, không gì bằng.

Kinh mới nói: "Tóm lại, tất cả thế gian, người vui, trời vui và xuất thế vui, không có gì mà không do đại Bồ Tát như thế mà có. Vì sao? Vì đại Bồ Tát này tự mình bố thí rồi dạy người bố thí. Tự mình giữ giới rồi dạy người giữ giới. Tự mình nhẫn nhục rồi dạy người nhẫn nhục. Tự mình tinh tấn rồi dạy người tinh tấn. Tự mình tu định rồi dạy người tu định. Tự mình tu tuệ rồi dạy người tu tuệ. Do đó, đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã này, tất cả hữu tình đều được lợi ích an vui".

Do đó, Kinh bảo: Tất cả thế gian, trời, người, A tu la v.v... đều nên cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã này.

Học các pháp này thì có thể lìa bờ triền phược bên này (thử ngạn) để đến bờ Niết bàn rốt ráo bên kia (bỉ ngạn)./.

---o0o---

05. PHẨM "TƯỚNG LƯỠI" hay "THIỆT TƯỚNG"

Cuối quyển 405, Hội thứ II.
(Tương đương phẩm "Tướng Lưỡi", phần sau Q.10, Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn hiện tướng lưỡi rộng lớn che khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Từ tướng lưỡi này lại phóng ra vô số ánh sáng đủ màu sắc chiếu khắp hằng hà sa số thế giới chư Phật trong mười phương.

Bấy giờ, trong hằng hà sa số cõi Phật ở phương Đông khắp nơi đều có vô lượng, vô số Bồ Tát, chư vị thấy ánh sáng lớn này, trong lòng do dự, cùng nhau đến gặp Phật ở thế giới mình, cúi đầu cung kính thưa:

- Bạch Thế Tôn! Đó là do oai lực của ai? Và vì sao mà có ánh sáng lớn này chiếu các cõi Phật?

Khi ấy, các đức Phật kia đều đáp:

- Ở phương Tây này có thế giới Phật tên là Kham Nhẫn, Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hành Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhơn Sư, Phật, Bạc già phạm, đang giảng nói Bát nhã Ba la mật cho chúng đại Bồ Tát nên hiện tướng lưỡi che khắp tam thiên đại thiên thế giới. Từ tướng lưỡi ấy lại phóng ra vô số ánh sáng đủ màu sắc, chiếu khắp hằng hà sa số thế giới chư Phật trong mười phương. **Ánh sáng thấy đây tức là tướng lưỡi đức Phật kia hiện ra.**

Lúc đó, trong các thế giới kia, vô lượng, vô số đại Bồ Tát nghe việc này rồi, vui mừng hớn hở, khen ngợi là việc chưa từng có, đều thưa Phật:

- Chúng con muốn đến thế giới Kham Nhẫn đảnh lễ, cúng dường đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các chúng đại Bồ Tát, để nghe Bát Nhã. Nguyện xin Thế Tôn thương xót hứa cho.

Khi ấy, các đức Phật kia đều đáp:

- Nay chính là đúng lúc, hãy đi theo ý của các ông.

Bấy giờ, được Phật đồng ý chúng đại Bồ Tát đều đảnh lễ chân Phật, nhiễu quanh bên phải bảy vòng, đem vô lượng tràng phan, bảo cái, y phục, anh lạc, hương vòng hoa, châu báu, vàng bạc các loại hoa, hòa tấu các loại

âm nhạc thượng diệu, trong chốc lát đến chỗ Phật Thích Ca cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi Phật, Bồ Tát rồi nhiễu trăm ngàn vòng, đảnh lễ chân Phật, ngồi qua một bên.

Trong hằng hà sa số cõi Phật khắp các phương Nam, Tây, Bắc bốn góc, trên dưới, khắp nơi đều có vô lượng, vô số đại Bồ Tát đến thế giới Kham Nhẫn để vân hội cũng như vậy.

Bấy giờ, các chúng cõi trời như trời Tứ đại thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ ma, trời Đổ sử đa, trời Lạc biến hóa, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm chúng, trời Phạm phụ, trời Phạm hội, trời Đại phạm, trời Đại quang, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Cực quang tịnh, trời Tịnh, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời Quảng, trời Thiểu quảng, trời Vô lượng quảng, trời Quảng quả, trời Vô phiền, trời Vô nhiệt, trời Thiện hiện, trời Thiện kiến, trời Sắc cứu cánh đều đem vô lượng các loại hương hoa, hương bột, hương đốt, hương cây, hương lá, các hương xen lẫn, tràng hoa thích ý, tràng hoa sinh loại, tràng hoa long tiền và vô lượng tràng hoa đủ loại, đem vô lượng hoa cõi trời thơm đẹp nhất, hoa sen đủ màu: Xanh, đỏ, trắng, vàng, hoa vi diệu âm, hoa đại vi diệu âm và vô lượng hương hoa cõi trời thơm đẹp khác đi đến chỗ Phật cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi Phật, Bồ Tát rồi nhiễu trăm ngàn vòng, đảnh lễ chân Phật rồi lui qua một bên.

Bấy giờ, chúng đại Bồ Tát ở 10 phương đã đến, các loại tràng phan, bảo cái, y phục, anh lạc, châu báu, hương hoa, và các loại âm nhạc của vô lượng trời Dục giới, Sắc giới dâng cúng, nhờ thần lực của Phật đều bay lên hư không, hợp thành đài hoa che khắp tam thiên đại thiên thế giới, 4 gốc trên đỉnh đài đều có phướn báu, lọng đài. Phướn báu được trang trí bằng anh lạc, màu sắc sặc sỡ, ngọc quý, tràng hoa rũ xuống thật đáng ưa thích.

Bấy giờ, trong hội có trăm ngàn ức, hàng ngàn ức chúng, đều từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay cung kính thưa:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con nguyện đời vị lai sẽ làm Phật, tướng hảo, oai đức như Thế Tôn ngày nay, cõi nước trang nghiêm, đại chúng Thanh văn, Bồ Tát, người, trời chuyển pháp luân đều như Phật ngày hôm nay.

Bấy giờ, Thế Tôn biết được tâm nguyện của họ, đối với các pháp đã ngộ vô sanh nhẫn, hiểu rõ tất cả bất sanh, bất diệt, vô tác, vô vi, nên Ngài mỉm cười, từ miệng phóng ra ánh sáng đủ màu sắc.

Lúc đó, A nan đà liền rời khỏi chỗ ngồi, chấp tay cung kính thưa:

- Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên nào mà Ngài mỉm cười? Chư Phật mỉm cười không phải là không có nhân duyên.

Phật bảo:

- A nan! Trăm ngàn ức, hàng ngàn ức chúng nói trên, đối với các pháp đã ngộ vô sanh nhẫn, hiểu rõ tất cả bất sanh, bất diệt, vô tác, vô vi. Các vị ấy ở đời vị lai trải qua sáu mươi tám trăm ức đại kiếp, siêng năng tu hạnh Bồ Tát, trong kiếp Diệu Pháp Hoa sẽ được thành Phật, đều đồng một hiệu là Giác Phần Hoa Như Lai, Ứng Chánh đẳng giác, Minh Hành Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng sĩ, Điều Ngự Trượng Phu*(1),* Thiên Nhơn Sư, Phật, Bạc già phạm.

Thích nghĩa:

(1). Kinh ĐBN do HT Thích Trí Nghiêm dịch danh hiệu thứ 7. và 8. là Vô Thượng Trượng Phu và Điều Ngự sĩ. Thông thường thì các Kinh gọi Phật là Vô Thượng Sĩ và Điều Ngự Trượng Phu. Nhưng nếu gọi là Vô Thượng Trượng Phu và Điều Ngự sĩ cũng không có gì khác biệt lắm vì danh từ Trượng Phu hay Đại Sĩ có thể hoán chuyển cho nhau như trong trường hợp này. Chúng tôi ghi là Vô Thượng Sĩ hay Điều Ngự Trượng Phu là vì hai danh từ này phổ thông hơn.

Sơ giải:

Phẩm này giống phẩm "Duyên Khởi", Q.01, ĐBN. Phẩm "Duyên Khởi", Phật phát hào quang từ khắp châu thân, soi khắp cõi Tam thiên đại thiên thế giới, đồng thời Phật dùng thần lực làm cho cả Tam thiên đại thiên thế giới đều chấn động sáu cách. Đó là dấu hiệu Phật Thích Ca sắp thuyết Đại Bát Nhã mà Kinh cho là "duyên khởi", mở đầu cho cuộc thuyết pháp trường kỳ 22 năm về Đại Bát Nhã này.

*Nhưng phẩm "Tướng Lưỡi" của Hội thứ II, Phật hiện tướng lưỡi rộng dài trùm khắp cõi Tam thiên đại thiên thế giới. Rồi từ tướng lưỡi phóng ra muôn ngàn vạn ức sắc quang (hào quang) chiếu soi khắp các cõi nước 10 phương. Đây Phật Thích Ca Mâu Ni báo cho chúng sanh toàn cõi Tam thiên đại thiên thế giới nói **lời chân thật** đối với những ai có phúc duyên muốn nghe Bát nhã Ba la mật. Kinh đã diễn nói đầy đủ tướng lưỡi như ở phẩm "Duyên Khởi", nên không cần lặp lại nữa.*

Để chiết giải phẩm thứ 6, "Thiệt Tướng", Tập 2, quyển 40, Đại Trí Độ Luận, tương đương với phẩm "Tướng Lưỡi", Hội thứ II, ĐBN này, *chúng tôi dẫn chứng lời bình giải của ĐTĐL, để giải thích thêm như sau:*

"Hỏi: *Ở phẩm thứ nhất đã có lần nói về tướng lưỡi rộng dài của đức Phật rồi. Nay vì sao còn nói nữa?*

Đáp: Các sự việc chẳng phải xảy ra cùng thời, cùng nơi. Khi nào Phật muốn hòa hợp đại chúng, muốn độ hết thảy chúng sanh, nên Phật hiện tướng lưỡi rộng dài.

- Trước đây theo lời thưa hỏi của ngài Xá Lợi Phất mà Phật hiện tướng lưỡi rộng dài, và phóng quang minh chiếu khắp 10 phương thế giới để chứng thật ngữ.

- Nay, ở vào một thời điểm khác, và do một đại sự nhân duyên khác mà Phật lại hiện tướng lưỡi rộng dài, và phóng quang minh chiếu khắp 10 phương thế giới. Lần này, Phật muốn ấn chứng lời nói của ngài Tu Bồ Đề thuyết về pháp Không, nhằm giáo hóa chúng Bồ Tát sơ phát tâm về giáo hóa chúng hội.

Hỏi: *Ngài Xá Lợi Phất là bậc trí huệ đệ nhất trong hàng đại đệ tử của Phật. Vì sao Phật lại bảo ngài Tu Bồ Đề thuyết về pháp "không?"*

Đáp: Các ngài đều là đại đệ tử của Phật. Phật tùy theo công hạnh của mỗi vị mà bảo các bị ấy thứ lớp nói pháp.

Hỏi: *Vì sao các ngài Mục Kiền Liên và Ma Ha Ca Diếp không được Phật bảo nói pháp trong hội Bát Nhã này?*

Đáp: Kinh Bát nhã Ba la mật là Kinh điển trí huệ của Phật. Bởi vậy nên những câu hỏi nêu lên nhằm làm duyên khởi cho việc thuyết kinh Bát nhã Ba la mật đều do ngài Xá Lợi Phất khởi xướng. Trong hàng Thanh Văn, thì ngài Xá Lợi Phất là bậc trí huệ đệ nhất.

Còn ngài Tu Bồ Đề đã thành tựu được 2 công đức lớn. Đó là:

- Ngài khéo tu định Vô Tránh, có tâm từ bi đối với chúng sanh. Tuy ngài không có rộng độ chúng sanh, nhưng ngài thường giúp các Bồ Tát trong việc giáo hóa chúng sanh.

- Ngài khéo tu hành pháp "không". Vì Bát nhã Ba la mật chủ yếu nói về pháp "không" nên Phật giao phó cho ngài vậy.

Ngài Tu Bồ Đề nương theo thần lực của Phật, thuyết giảng về pháp "không" cho đại chúng nghe.

--o0o--

Lúc bấy giờ, Phật hiện tướng lưỡi rộng dài và phóng quang minh chiếu sáng, khiến các vị Bồ Tát ở khắp 10 phương thế giới vân tập về để nghe thuyết Bát nhã Ba la mật.

Chư Bồ Tát và chư Thiên rải hoa cúng dường Phật. Các hoa trụ giữa hư không, kết thành các đài hoa muôn sắc trang nghiêm.

Nương theo thần lực của Phật, cả chúng hội đều thấy được các thế giới Phật ở khắp trong 10 phương, thấy được các đức Phật ở các thế giới đó cũng đang thuyết pháp.

Tức thời trong chúng hội có 10 vạn ức người được Vô Sanh Pháp Nhẫn, đồng thời phát nguyện rằng: Bạch Thế Tôn! Chúng con nguyện ở trong đời vị lai, sẽ có được thần lực biến hóa, sẽ có được chúng đệ tử, sẽ thuyết pháp như Phật hiện nay ở đạo tràng này.

Phật biết rõ các người này đã được Vô Sanh Pháp Nhẫn, nên mỉm cười và phóng quang minh muôn sắc.

Ngài A Nan hỏi Phật về lý do Phật mỉm cười và phóng quang, Phật dạy rằng: Trải qua 68 kiếp nữa, những người này sẽ thành Phật, đồng một hiệu là Giác Hoa Như Lai, và kiếp ấy gọi là Hoa Tích.

--o0o--

Tất cả 10 vạn ức người này do thấy chư Phật và chư Thiên ở các thế giới xa xôi đến cúng dường Phật, lại thấy các tán hoa Phật đều trụ giữa hư không, kết thành các đài hoa muôn sắc, trang nghiêm mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, được Vô Sanh Pháp Nhẫn. Đây là một đại sự nhân duyên, nên Phật mỉm cười, phóng quang và thọ ký như đã nêu ở Đoạn kinh trên đây".

Phẩm này chỉ có thế. Chúng ta có thể thọ trì phẩm kế tiếp./.

---o0o---

06. PHẨM "THIỆN HIỆN"

Quyển 406 đến đầu quyển 408, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Dạy Bảo Trao Truyền"
Q.11 đến đầu Q.36, Hội thứ I, ĐBN).

Tóm lược:

Lúc bấy giờ, Phật bảo Tôn giả Thiện Hiện:

- Ông hãy đem biện tài tùy theo chúng Bồ Tát mà giảng nói pháp tương ưng với Bát nhã Ba la mật, dạy bảo truyền trao cho các Bồ Tát, làm cho họ thành tựu Bát nhã Ba la mật.

Khi ấy, các Bồ Tát, đại Thanh văn, chư thiên, nhơn v.v... đều nghĩ: Tôn giả Thiện Hiện đem biện tài của mình tùy theo chúng đại Bồ Tát mà giảng nói pháp tương ưng với Bát nhã Ba la mật, dạy bảo truyền trao cho các Bồ Tát, làm cho họ thành tựu Bát nhã Ba la mật, đó có phải là nhờ oai lực của Phật gia hộ chăng?

Tôn giả Thiện Hiện biết tâm niệm của các chúng Bồ Tát, đại Thanh văn, chư thiên, nhơn liền bảo Tôn giả Xá lợi Tử:

- Các đệ tử Phật phàm nói ra điều gì tất cả đều nhờ oai lực của Phật. Vì sao? Này Xá lợi Tử! Như Lai giảng nói pháp yếu cho chúng sanh, các pháp tánh thường không trái nhau. Các đệ tử Phật nương vào pháp ấy, siêng năng tu học, chứng thật tánh các pháp. Do đó, những pháp mà Ngài nói cùng với pháp tánh không trái nhau. Nên lời Phật nói như ngọn đèn truyền sáng mãi.

Này Xá lợi Tử! Nhờ oai lực của Phật gia hộ, ta sẽ tùy theo chúng Bồ Tát mà giảng nói pháp tương ưng với Bát nhã Ba la mật, dạy bảo truyền trao cho các Bồ Tát, làm cho họ thành tựu Bát nhã Ba la mật, chẳng phải là biện tài của mình có thể làm được việc này. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật thẳm sâu không phải là cảnh giới của các Thanh văn, Độc giác.

Tôn giả Thiện Hiện liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con đều không thấy có một pháp nào có thể gọi là Bồ Tát, cũng không thấy pháp nào có thể gọi là Bát nhã Ba la mật. Hai tên như thế con đều không thấy thì làm sao con có thể tùy chúng Bồ Tát mà

giảng nói pháp tương ưng với Bát nhã Ba la mật, dạy bảo truyền trao, làm cho họ thành tựu Bát nhã Ba la mật?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Bồ Tát chỉ có tên, Bát nhã Ba la mật cũng chỉ có tên, hai tên như thế cũng chỉ là tên gọi.

Này Thiện Hiện! Hai tên này không sanh, không diệt, chỉ là giả lập, không ở trong, không ở ngoài, không ở khoảng giữa vì không nắm bắt được.

Này Thiện Hiện! Nên biết, như ngã ở thế gian chỉ có **giả danh**. Giả danh như thế không sanh, không diệt, chỉ giả lập mà gọi là ngã. Như vậy, hữu tình, mạng giả, sự sanh, sĩ phu, nho đồng, ý sanh, tác giả, người biết, người thấy… cũng chỉ có giả danh. Giả danh như thế không sanh, không diệt, chỉ là giả lập, nghĩa là hữu tình cho đến người thấy, tất cả như vậy, chỉ có giả danh. Các giả danh này không ở trong, không ở ngoài, không ở khoảng giữa vì không nắm bắt được.

Như vậy, này Thiện Hiện! Hoặc Bồ Tát, hoặc Bát nhã Ba la mật, nếu hai tên này đều là **giả pháp**; giả pháp như thế đều không sanh, không diệt, chỉ là giả lập, không ở trong, không ở ngoài, không ở khoảng giữa vì không nắm bắt được.

Lại nữa, này Thiện Hiện! **Như sắc chỉ là giả pháp**; giả pháp như thế không sanh, không diệt, chỉ là giả lập mà gọi là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng chỉ là giả pháp; giả pháp như thế không sanh, không diệt, chỉ giả lập mà gọi là thọ, tưởng, hành, thức. Như vậy, tất cả chỉ có giả danh. Các giả danh này không ở trong, không ở ngoài, không ở khoảng giữa vì không nắm bắt được.

Như vậy, này Thiện Hiện! Hoặc Bồ Tát, hoặc Bát nhã Ba la mật, cả hai tên này đều là giả pháp; giả pháp như thế thì không sanh, không diệt, chỉ là giả lập, không ở trong, không ở ngoài, không ở khoảng giữa vì không nắm bắt được.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Như mười hai xứ, mười tám giới chỉ là giả pháp; giả pháp như thế không sanh, không diệt, chỉ giả lập mà gọi là mười hai xứ, mười tám giới. Như vậy, tất cả chỉ có giả danh. Các giả danh này không ở trong, không ở ngoài, không ở khoảng giữa nên bất khả đắc.

Này Thiện Hiện! Cũng như vậy, hoặc đại Bồ Tát, hoặc Bát nhã Ba la mật, nếu hai tên này đều là giả pháp; giả pháp như thế thì không sanh, không diệt, chỉ là giả lập, không ở trong, không ở ngoài, không ở khoảng giữa nên bất khả đắc.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Thí như trong thân có đầu, cổ, vai, bắp tay, cánh tay, bụng, lưng, ngực, hông, eo, xương sống, đùi, đầu gối, bắp chân, ống chân, da, thịt, xương, tủy… chỉ có giả danh; giả danh như thế không sanh, không diệt chỉ giả lập mà gọi là đầu, cổ, cánh tay... Như vậy, tất cả chỉ có giả danh. Các giả danh này không ở trong, không ở ngoài, không ở khoảng giữa nên bất khả đắc.

Này Thiện Hiện! Cũng như vậy hoặc Bồ Tát, hoặc Bát nhã Ba la mật, nếu hai tên này đều là giả pháp; giả pháp như thế không sanh, không diệt, chỉ là giả lập, không ở trong, không ở ngoài, không ở khoảng giữa nên bất khả đắc.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Ví như các vật bên ngoài như: Cỏ cây, gốc, cành, lá, hoa, quả v.v... chỉ có giả danh; giả danh như thế không sanh, không diệt, chỉ giả lập mà gọi là các vật bên ngoài như cỏ, cây, gốc v.v... Như vậy, tất cả chỉ có giả danh. Các giả danh này không ở trong, không ở ngoài, không ở khoảng giữa nên bất khả đắc.

Này Thiện Hiện! Cũng như vậy, hoặc Bồ Tát, hoặc Bát nhã Ba la mật, nếu hai tên này đều là giả danh; giả pháp như thế không sanh, không diệt, chỉ là giả lập, không ở trong, không ở ngoài, không ở khoảng giữa nên bất khả đắc.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Ví như chư Phật quá khứ, vị lai chỉ có giả danh; giả danh như thế không sanh, không diệt, chỉ giả lập mà gọi là chư Phật quá khứ, vị lai. Như vậy, tất cả chỉ có giả danh. Các giả danh này không ở trong, không ở ngoài, không ở khoảng giữa nên bất khả đắc.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Ví như cảnh trong mộng, tiếng vang, bóng sáng, việc huyễn, sóng nắng, trăng dưới nước... chỉ có giả danh; giả danh như thế không sanh, không diệt, chỉ giả lập mà gọi là cảnh trong mộng cho đến biến hóa. Như vậy, tất cả chỉ có giả danh. Các giả danh này không ở trong, không ở ngoài, không ở khoảng giữa nên bất khả đắc.

Này Thiện Hiện! Cũng như vậy hoặc Bồ Tát, hoặc Bát nhã Ba la mật, nếu hai tên này đều là giả pháp; giả pháp như thế, không sanh, không diệt,

chỉ là giả lập, không ở trong, không ở ngoài, không ở khoảng giữa nên bất khả đắc.

Này Thiện Hiện! **Các Bồ Tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật, đối với tất cả pháp, tên giả, pháp giả và phương tiện giả nên phải tu học**. Vì sao? Này Thiện Hiện! Các Bồ Tát tu hành Bát Nhã, **không nên quán danh sắc hoặc thường hoặc vô thường**; không nên quán danh thọ, tưởng, hành, thức hoặc thường hoặc vô thường. Không nên quán danh sắc hoặc vui hoặc khổ; không nên quán danh thọ, tưởng, hành, thức hoặc vui hoặc khổ. Không nên quán danh sắc hoặc ngã hoặc vô ngã; không nên quán danh thọ, tưởng, hành, thức hoặc ngã hoặc vô ngã. Không nên quán danh sắc hoặc tịnh hoặc bất tịnh; không nên quán danh thọ, tưởng, hành, thức hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Không nên quán danh sắc hoặc không hoặc bất không; không nên quán danh thọ, tưởng, hành, thức hoặc không hoặc bất không. Không nên quán danh sắc hoặc hữu tướng hoặc vô tướng; không nên quán danh thọ, tưởng, hành, thức hoặc hữu tướng hoặc vô tướng. Không nên quán danh sắc hoặc hữu nguyện hoặc vô nguyện; không nên quán danh thọ, tưởng, hành, thức hoặc hữu nguyện hoặc vô nguyện. Không nên quán danh sắc hoặc tịch tịnh hoặc bất tịch tịnh; không nên quán danh thọ, tưởng, hành, thức hoặc tịch tịnh hoặc bất tịch tịnh. Không nên quán danh sắc hoặc viễn ly hoặc không viễn ly; không nên quán danh thọ, tưởng, hành, thức hoặc viễn ly hoặc không viễn ly. Không nên quán danh sắc hoặc tạp nhiễm hoặc thanh tịnh; không nên quán danh thọ, tưởng, hành, thức hoặc tạp nhiễm hoặc thanh tịnh. Không nên quán danh sắc hoặc sanh hoặc diệt; không nên quán danh thọ, tưởng, hành, thức hoặc sanh hoặc diệt.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Các Bồ Tát tu hành Bát nhã Ba la mật, không nên quán danh mười hai xứ, mười tám giới hoặc thường hoặc vô thường; hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã; hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc không hoặc bất không, hoặc hữu tướng hoặc vô tướng, hoặc hữu nguyện hoặc vô nguyện, hoặc tịch tịnh hoặc bất tịch tịnh, hoặc viễn ly hoặc không viễn ly, hoặc tạp nhiễm hoặc thanh tịnh, hoặc sanh hoặc diệt. Vì sao? Vì Bồ Tát này khi tu hành Bát Nhã, hoặc Bồ Tát, hoặc danh Bồ Tát, hoặc Bát nhã Ba la mật, hoặc danh Bát nhã Ba la mật đều không thấy ở trong giới hữu vi, cũng không thấy ở trong giới vô vi. Vì sao? <u>Vì Bồ Tát này đối tất cả pháp chẳng khởi tác phân biệt, không phân biệt khác</u>.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này khi tu hành Bát nhã Ba la mật an trụ trong tất cả pháp vô phân biệt nên chẳng thấy đại Bồ Tát, chẳng thấy danh Bồ Tát, chẳng thấy Bát nhã Ba la mật, chẳng thấy danh Bát nhã Ba la mật.

Này Thiện Hiện! Bồ Tát này khi tu hành Bát nhã Ba la mật thường tu bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật; thường trụ pháp không nội cho đến pháp không không tánh tự tánh; thường trụ chơn như, pháp giới, pháp tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế… cho đến cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì; thường tu ba mươi bảy pháp trợ đạo; thường trụ tứ Thánh đế; thường tu bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc; thường tu tám giải thoát, tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ; thường tu Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng.

Bồ Tát này vào lúc đó không thấy Bồ Tát, không thấy danh Bồ Tát, không thấy Bát nhã Ba la mật, không thấy danh Bát nhã Ba la mật. Vì sao? **Vì Bồ Tát này tu hành Bát Nhã đối với tất cả pháp khéo thông đạt thật tướng, và trong ấy khéo thông đạt pháp không tạp nhiễm, pháp thanh tịnh.**

Như vậy, này Thiện Hiện! Các Bồ Tát tu hành Bát Nhã hiểu biết tất cả pháp đều là danh giả, pháp giả.

Này Thiện Hiện! Bồ Tát này đã hiểu biết như thật danh pháp giả rồi **nên không chấp trước sắc**, không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức; không chấp trước mười hai xứ, mười tám giới; không chấp trước tất cả pháp Phật; không chấp trước giới hữu vi, không chấp trước giới vô vi; không chấp trước bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật; không chấp trước các tướng tốt, không chấp trước thân Bồ Tát, không chấp trước nhục nhãn cho đến Phật nhãn; không chấp trước trí Ba la mật và thần thông Ba la mật; không chấp trước sự thành thục hữu tình, không chấp trước việc nghiêm tịnh cõi Phật, không chấp trước phương tiện quyền xảo. Vì sao? Này Thiện Hiện! Vì tất cả pháp đều vô sở hữu, năng trước, sở trước, xứ trước, thời trước đều bất khả đắc.

Như vậy, này Thiện Hiện! Các Bồ Tát đối với tất cả pháp không chấp trước; khi tu hành Bát Nhã tăng trưởng bố thí Ba la mật; tăng trưởng tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật. Hướng vào Chánh tánh

ly sanh của Bồ Tát, hướng vào địa vị Bồ Tát Bất thối chuyển, viên mãn thần thông thù thắng của Bồ Tát.

Như vậy, Thần thông thù thắng của Bồ Tát đã được viên mãn, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, vì muốn giáo hóa các hữu tình, vì muốn nghiêm tịnh cõi Phật, được gặp Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, gặp rồi cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen, làm cho các thiện căn đều được sanh trưởng. Thiện căn đã được sanh trưởng, được nghe và thọ trì Chánh pháp chư Phật theo sở thích của mình. Đã thọ trì rồi cho đến Vô thượng Bồ đề không quên mất, đối với tất cả Đà la ni môn, Tam ma địa môn đều được tự tại.

Như vậy, này Thiện Hiện! **Các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã hiểu biết như thật danh giả, pháp giả nên không chấp trước.**

Lại nữa, này Thiện Hiện! Theo ngươi Sắc có phải là Bồ Tát không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

- Thọ, tưởng, hành, thức là có phải Bồ Tát không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

- Lìa sắc có phải Bồ Tát không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

- Lìa thọ, tưởng, hành, thức có phải Bồ Tát không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

- Mười hai xứ có phải Bồ Tát không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

- Mười tám giới có phải là Bồ Tát không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

- Vô minh có phải là Bồ Tát không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

- Hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử có phải Bồ Tát không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

- Lìa vô minh có phải là Bồ Tát không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

- Lìa hành cho đến lão tử có phải là Bồ Tát không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

Lúc bấy giờ, Phật bảo Tôn giả Thiện Hiện:

- Ngươi xem xét nghĩa nào mà nói như vầy: Sắc thảy pháp*(1)* chẳng phải Bồ Tát, lìa sắc thảy pháp cũng không phải Bồ Tát ?

Khi ấy, Tôn giả Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Hoặc Bồ đề, hoặc Tát đỏa, hoặc sắc thảy pháp rốt ráo còn bất khả đắc **vì tánh chẳng có**, huống là có Bồ Tát. Nếu đã chẳng có, sao có thể nói sắc thảy pháp là Bồ Tát, lìa sắc có Bồ Tát được!

Phật bảo Thiện Hiện!

- Hay thay! Đúng vậy! Đúng như lời ngươi nói. Này Thiện Hiện! **Hoặc Bồ đề, hoặc Tát đỏa, hoặc sắc thảy pháp đều bất khả đắc nên các Bồ Tát cũng bất khả đắc. Vì các Bồ Tát bất khả đắc nên việc tu hành Bát Nhã cũng bất khả đắc.**

Này Thiện Hiện! Các Bồ Tát tu hành Bát Nhã nên học như vậy.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Theo ngươi, thế nào là Bồ Tát ?

- Sắc như *(hay chơn như của sắc)* có phải là Bồ Tát không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

- Thọ, tưởng, hành, thức như có phải là Bồ Tát không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

- Lìa sắc như có phải là Bồ Tát không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

- Lìa thọ, tưởng, hành, thức như có phải là Bồ Tát không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

- 12 xứ như có phải là Bồ Tát không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

- 18 giới như có phải là Bồ Tát không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

- Lìa 18 giới như có phải là Bồ Tát không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

- Vô minh như có phải là Bồ Tát phải không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

- Hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử như có phải là đại Bồ Tát không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

- Lìa vô minh như có phải là Bồ Tát không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

- Lìa hành cho đến lão tử như có phải là Bồ Tát không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

Lúc bấy giờ, Phật bảo Tôn giả Thiện Hiện:

- Ngươi quán nghĩa nào mà nói như vầy: Cả sắc thảy pháp như, không phải là Bồ Tát, lìa sắc thảy pháp như không phải là Bồ Tát ?

Khi ấy, Tôn giả Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Sắc thảy pháp rốt ráo còn bất khả đắc, vì tánh chẳng có, huống là có sắc thảy pháp như. Như này đã chẳng có, như vậy sao có thể nói cả sắc thảy pháp như là Bồ Tát, lìa sắc thảy pháp như có Bồ Tát ?

Phật bảo Thiện Hiện!

- Hay thay! Đúng vậy! Đúng như lời ngươi nói.

Này Thiện Hiện! **Vì sắc thảy pháp bất khả đắc, nên cả sắc thảy pháp như cũng bất khả đắc. Vì sắc thảy pháp như bất khả đắc nên các Bồ Tát cũng bất khả đắc. Vì các Bồ Tát bất khả đắc nên tu hành Bát Bát Nhã cũng bất khả đắc.**

Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật nên học như vậy.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Theo ngươi thế nào là Bồ Tát ? Khái niệm sắc **là Bồ Tát** phải không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

Khái niệm thọ, tưởng, hành, thức là Bồ Tát phải không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

Khái niệm sắc thường là Bồ Tát phải không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

Khái niệm thọ, tưởng, hành, thức thường là Bồ Tát phải không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

Khái niệm sắc vô thường là Bồ Tát phải không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

Khái niệm thọ, tưởng, hành, thức vô thường là Bồ Tát phải không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

Khái niệm sắc là vui hay khổ, là ngã hay vô ngã, là tịnh hay bất tịnh, là không hay bất không, là hữu tướng hay vô tướng, là hữu nguyện hay vô nguyện, là tịch tịnh hay bất tịch tịnh, là viễn ly hay bất viễn ly, là tạp nhiễm hay thanh tịnh, sanh hay diệt…là Bồ Tát phải không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

Khái niệm thọ, tưởng, hành, thức là vui hay khổ, là ngã hay vô ngã, là tịnh hay bất tịnh, là không hay bất không, là hữu tướng hay vô tướng, là hữu nguyện hay vô nguyện, là tịch tịnh hay bất tịch tịnh, là viễn ly hay bất viễn ly, là tạp nhiễm hay thanh tịnh, sanh hay diệt… là Bồ Tát phải không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

Khái niệm mười hai xứ, mười tám giới… cho đến mười hai duyên khởi là vui hay khổ, là ngã hay vô ngã, sanh hay diệt v.v… có phải là Bồ Tát không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

Lúc bấy giờ, Phật bảo cụ thọ Thiện Hiện:

- Ngươi xem xét nghĩa nào mà nói như vầy: Khái niệm về sắc **không phải là Bồ Tát**? Lại xem xét nghĩa nào mà nói như vầy: Khái niệm về sắc hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc vui, hoặc khổ, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc không, hoặc bất không, hoặc hữu tướng, hoặc vô tướng, hoặc hữu nguyện, hoặc vô nguyện, hoặc tịch tịnh, hoặc bất tịch tịnh, hoặc viễn ly, hoặc bất viễn ly, hoặc tạp nhiễm, hoặc thanh tịnh, hoặc sanh, hoặc diệt cũng không phải là Bồ Tát ?

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Sắc rốt ráo còn bất khả đắc, vì tánh chẳng có, huống là có khái niệm về sắc, các pháp này đã không có, sao có thể nói khái niệm về sắc là Bồ Tát ?

Bạch Thế Tôn! Thường của sắc **rốt ráo còn bất khả đắc, vì tánh chẳng có**, huống là có vô thường của sắc. Thường, vô thường của sắc rốt ráo còn bất khả đắc, huống là có khái niệm về thường, vô thường của sắc. Khái niệm về các pháp này đã không có, sao có thể nói khái niệm về thường, vô thường của sắc là Bồ Tát.

Bạch Thế Tôn! Lạc của sắc rốt ráo còn bất khả đắc, vì tánh chẳng có, huống là có khổ của sắc, khổ của sắc rốt ráo còn bất khả đắc, huống là có khái niệm về khổ của sắc. Khái niệm về các pháp này đã không có, sao có thể nói khái niệm về lạc, khổ của sắc là Bồ Tát.

Bạch Thế Tôn! Ngã, tịnh v.v… của sắc thảy pháp rốt ráo còn bất khả đắc, vì tánh chẳng có, huống là có vô ngã, bất tịnh v.v… của sắc thảy pháp, ngã, vô ngã, tịnh, bất tịnh v.v… của sắc rốt ráo còn bất khả đắc, huống là có khái niệm về ngã, vô ngã, tịnh, bất tịnh v.v… của sắc. Khái

niệm về các pháp này đã không có, sao có thể nói khái niệm về ngã, vô ngã, tịnh, bất tịnh v.v… của sắc là đại Bồ Tát.

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Lành thay! Lành thay! Đúng vậy! Đúng như lời ngươi nói. Này Thiện Hiện! Các sắc thảy và thường, vô thường v.v... bất khả đắc nên khái niệm về sắc thảy và khái niệm về thường, vô thường v.v... cũng bất khả đắc. **Vì pháp và khái niệm đều bất khả đắc, nên các đại Bồ Tát cũng bất khả đắc. Vì các đại Bồ Tát bất khả đắc, nên tu hành Bát Nhã cũng bất khả đắc**.

Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã nên học như vậy.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Trước ngươi đã nói: "Con hoàn toàn không thấy có một pháp nào có thể gọi là Bồ Tát". Đúng vậy! Đúng như lời ngươi nói!

Các pháp không thấy các pháp. Các pháp không thấy pháp giới. Pháp giới không thấy các pháp. Pháp giới không thấy pháp giới. Pháp giới không thấy sắc giới; sắc giới không thấy pháp giới. Pháp giới không thấy thọ, tưởng, hành, thức giới; thọ, tưởng, hành, thức giới không thấy pháp giới. Pháp giới không thấy mười hai xứ, mười tám giới; mười hai xứ, mười tám giới không thấy pháp giới. Pháp giới không thấy vô minh; vô minh không thấy pháp giới. Pháp giới không thấy hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử; hành cho đến lão tử không thấy pháp giới. Giới hữu vi không thấy giới vô vi; giới vô vi không thấy giới hữu vi.

Này Thiện Hiện! Chẳng phải lìa hữu vi mà lập vô vi, chẳng phải lìa vô vi mà lập hữu vi.

Như vậy, này Thiện Hiện! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, đối với tất cả pháp đều không thấy. Vì không thấy nên tâm không kinh *(khiếp)*, không hãi, không e ngại, đối với tất cả pháp tâm không chìm đắm, cũng chẳng lo buồn, ăn năn. Vì sao? Này Thiện Hiện! Vì Bồ Tát này khi tu hành Bát Nhã thâm sâu như vậy, không thấy sắc, không thấy thọ, tưởng, hành, thức; không thấy mười hai xứ, mười tám giới; không thấy vô minh, không thấy hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử; không thấy tham dục, không thấy sân giận, ngu si; không thấy ngã, không thấy hữu tình, mạng giả, sĩ phu, nho đồng cho đến người biết,

người thấy; không thấy Dục giới, không thấy Sắc, Vô sắc giới; không thấy Thanh văn và pháp Thanh văn, không thấy Độc giác và pháp Độc giác; không thấy Bồ Tát và pháp Bồ Tát; không thấy chư Phật và pháp chư Phật; không thấy Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Này Thiện Hiện! Các Bồ Tát đối với tất cả pháp đều không thấy. Vì không thấy, nên tâm không kinh, không hãi, không e ngại. Đối với tất cả pháp tâm không chìm đắm, cũng chẳng lo buồn, ăn năn.

(Không thấy, không có nghĩa là có mắt mà không thấy được sắc trần. Vẫn thấy tất cả pháp nhưng thấy nó là duyên hợp giả có, giả có tức là không, nên nói là không thấy. Do không thấy nên không phân biệt chấp trước nữa, nên tâm không còn mộng tưởng điên đảo, nên mới chứng được Niết bàn).

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Lại do nhân duyên nào, các đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, đối với tất cả pháp tâm không chìm đắm, cũng chẳng lo buồn, ăn năn?

Phật bảo:

Này Thiện Hiện! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, **đối với tất cả tâm, tâm sở đều không được, không thấy**. Do đó, đối với tất cả pháp, tâm không chìm đắm, cũng chẳng lo buồn, ăn năn.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa:

- Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, do nguyên nhân nào mà đối với tất cả pháp, tâm không kinh, không hãi, không e ngại?

Phật bảo:

Này Thiện Hiện! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, **đối với tất cả ý và ý giới đều không được, không thấy**. Như vậy, này Thiện Hiện! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, đối với tất cả pháp, tâm không kinh, không hãi, không e ngại.

Lại nữa, này Thiện Hiện! **Các đại Bồ Tát đối với tất cả pháp đều vô sở đắc**, nên hành Bát Nhã như vậy.

Lại nữa, này Thiện Hiện! **Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, đối với tất cả chỗ và tất cả thời, đều không thấy đắc Bát nhã Ba la mật, không**

thấy đắc danh Bát nhã Ba la mật, không thấy đắc Bồ Tát, không thấy đắc danh Bồ Tát, cũng không thấy đắc Bồ đề tâm.

Này Thiện Hiện! Nên dạy bảo truyền trao cho các Bồ Tát, làm cho họ được thành tựu Bát nhã Ba la mật như vậy.

***Thích nghĩa*:**

Quay lại đọc thích nghĩa ở phẩm "Dạy Bảo Trao Truyền", Q.11 đến đầu Q.36, Hội thứ I, ĐBN.

(1). Sắc thảy pháp: Nguyên văn chữ Hán là "色sắc 等đẳng 法pháp".

Sơ giải:

Xin đọc lại phẩm "Dạy Bảo Trao Truyền" Q.11 đến đầu Q.36, Hội thứ I, ĐBN. Ở đây chúng tôi chỉ tóm tắt các giáo pháp chính của phẩm này để các đạo hữu nắm vững phẩm "Dạy Bảo Trao Truyền" của cả hai Hội mà thôi:

1. Các pháp chỉ là danh giả, pháp giả:

Hoặc đại Bồ Tát, hoặc Bát nhã Ba la mật, cả hai tên này đều là giả pháp; giả pháp như thế thì không sanh, không diệt, chỉ là giả lập, không ở trong, không ở ngoài, không ở giữa hai nên bất khả đắc.

Để giải thích điểm này chúng tôi đưa ra thí dụ về "cháy rừng". Rừng không thể tự nhiên phát cháy. Lửa không phải tự trong cây mà có, lửa không ở ngoài cây. Vậy lửa ở đâu ra? Khi có một luồng điện âm và luồng điện dương chạm nhau, thì có tia lửa xẹt ra. Sấm chớp là do hai luồng điện âm dương chạm nhau, phát ra lửa. Lửa bắt vào cây gây ra cháy rừng. Rừng không tự nhiên phát cháy. Cây cũng không phát ra lửa, sấm chớp cũng không làm cháy nếu không có cây. Vậy, ngoài cây, ngoài sấm chớp cũng không có lửa. Cháy rừng nguyên nhân là do sấm chớp, do cây, do có dưỡng khí (oxygen)… hợp lại mà có lửa có cháy.

Do công năng thiêu đốt và vật dẫn cháy mà có lửa. Do đó, có thể nói danh tự lửa không có trong rừng, không có ngoài rừng, không có trong sấm hay ngoài sấm, cũng không ở giữa hai, phải có sự phối hợp của tất cả các yếu tố mới có lửa. Tất cả đều giả danh, tất cả đều do duyên hội. Nên

Kinh nói: "Hết thảy các pháp thế gian cũng đều là giả danh. Bồ Tát dẫn đến Bát nhã Ba la mật cũng đều là giả danh. Tất cả **đều do duyên hòa hợp** mà có, nhưng vốn đều là bất sanh, bất diệt, là không, là bất khả đắc".

Cái gì không do duyên hòa hợp, không thể tự sanh (như thí dụ lửa trời, sấm sét) nên nói là bất sanh hay vô sanh. Còn nói lửa diệt, từ nguyên thỉ đã có lửa, nếu nói lửa diệt tại sao đến bây giờ cho đến khi thế giới bị tiêu diệt vẫn có lửa. Đã là bất sanh tức bất diệt. Còn tại sao nói là không, bất khả đắc? Bởi vì, "lửa trời" là duyên hợp, giả có chỉ là tên gọi nên nói là không, không có tự thể, có thể nắm bắt được, nên nói là không, là bất khả đắc.

Như vậy, tất cả chỉ là giả danh. Các giả danh này không ở trong, không ở ngoài, không ở giữa hai nên gọi là không, bất khả đắc. Cũng như vậy, hoặc Bồ Tát, hoặc Bát nhã Ba la mật, hoặc tất cả pháp, tất cả như thế đều là giả danh; giả pháp như thế không sanh, không diệt, chỉ là giả lập, không ở trong, không ở ngoài, không ở giữa hai, bất khả đắc. Nên, Kinh bảo tất cả pháp đều không có tự tánh.

Kinh nói nếu tất cả pháp không có tự tánh, thì đều lấy vô tánh làm tự tánh.Nhưng chẳng có gì là tự tánh trong chúng cả, nên nói là không**.**

Nên Phật bảo: "Này Thiện Hiện! Hoặc Bồ đề, hoặc Tát đỏa, hoặc sắc thảy pháp đều bất khả đắc nên các Bồ Tát cũng bất khả đắc. Vì các Bồ Tát bất khả đắc nên việc tu hành Bát nhã Ba la mật cũng bất khả đắc".

Các đại Bồ Tát tu hành Bát nhã Ba la mật hiểu biết như thật danh giả, pháp giả đều bất khả đắc nên không phân biệt, nếu không phân biệt thì không chấp.

Do đó, phẩm thứ bảy "Tam Giả", Tập 3, quyển 41, Đại Trí Độ Luận, *nói rằng:* "… ở nơi hết thảy các pháp, Bồ Tát đều chẳng có tác ý phân biệt. Bồ Tát trú trong pháp bất hoại, hành sáu pháp Ba la mật, nhẫn đến hành 18 bất cộng pháp.

Do được thật trí huệ, nên ở nơi hết thảy các pháp, Bồ Tát chẳng thấy có pháp nào nhất định gọi là Bát nhã Ba la mật cả, chẳng thấy có danh tự Bát nhã Ba la mật, chẳng thấy có Bồ Tát, chẳng thấy có danh tự Bồ Tát. Bồ Tát dùng trí huệ ấy, phá được vô minh và các phiền não.

Lại nữa, cũng do được thật trí huệ, mà Bồ Tát được **vô sở kiến**, chẳng thấy hết thảy các pháp, nên phá được các chấp về Bát nhã Ba la mật, về

danh tự Bát nhã Ba la mật, vào được nơi thật tướng các pháp, được tâm thanh tịnh, vô ngại.

Bồ Tát được trí huệ như vậy, nên dù thấy, dù nghe, dù niệm các pháp, vẫn thấy các pháp đều là như huyễn, như hóa. Vì sao? Vì Bồ Tát biết rõ **thấy, nghe, niệm cũng đều là hư vọng**, nên chẳng có chấp sắc, thanh, hương, vị, xúc... mà thường trú trong vô ngại trí, tăng ích sáu Ba la mật, vào Bồ Tát vị, được hết thảy các lợi ích”.

2. Pháp không thấy pháp:

*Chỉ có con người thường tục có nhục nhãn nên mới thấy pháp nọ pháp kia, còn pháp chẳng thấy pháp. Phật bảo: “*Các pháp không thấy các pháp. Các pháp không thấy pháp giới. Pháp giới không thấy các pháp. Pháp giới không thấy pháp giới. Pháp giới không thấy sắc giới; sắc giới không thấy pháp giới v.v…”

Nếu đối với tất cả pháp không thấy không chấp thì đại Bồ Tát đối với tất cả pháp đều vô sở đắc, nên Phật bảo:.

“Các đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã như vậy, đối với tất cả chỗ và tất cả thời, đều không thấy đắc Bát nhã Ba la mật, không thấy đắc danh Bát nhã Ba la mật, không thấy đắc Bồ Tát, không thấy đắc danh Bồ Tát, cũng không thấy đắc Bồ đề tâm”.

Vì không thấy, không phân biệt, nên không chấp. Do công năng vô chấp nên không bị chướng ngại, mới thấy thật tướng các pháp mà vào được Niết bàn thường lạc ngã tịnh.

Nói tóm lại, có nhiều cách để giải thích phẩm này:

*1. Cách giải thích chính không những cho phẩm này mà cho toàn thể Kinh ĐBN là nói về **tất cả pháp đều không**: Nhân không và pháp không. Pháp không có thật thể, không có tự tánh, duyên hợp giả có nên nói là không. Còn Nhân không là không thấy ngã. Do quán biết như vậy, nên nói tất cả pháp không thật có. Nhưng các pháp vẫn hiện hữu giữa lòng căn tánh của vạn hữu mà bảo là không như sông núi nhà cửa, xe cộ… nên không có ai có thể tin nhận ngay được. Vì vậy, nói các pháp không thật chỉ giả thi thiết. Bát Nhã không chối bỏ sự hiện hữu của các pháp, Bát Nhã chỉ khước từ cái khả thủ khả đắc của tất cả pháp mà thôi.*

2. Do thi thiết như thế, nên có: Giả danh, thọ giả, và pháp giả. Đó là tam giả. Giả tức là không thật. Nên nói chúng sanh không, Bồ Tát không, Phật cũng không, tất cả pháp hữu vi vô vi cũng đều không... Do tri nhận như vậy mà không còn phân biệt chấp đắm thủ giữ các pháp nữa.

3. Do không phân biệt, không chấp nên chẳng còn sợ hãi, mộng tưởng điên đảo nữa mới có thể chứng Niết bàn. Đó cũng chính là giải pháp mà Bồ Tát Quán Thế Âm dạy Xá Lợi Phất trong Tâm Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa.

*Để giải thích phẩm "Tam Giả" của Hội thứ II, ĐBN, **Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 7, "Tam Giả"** (3 Thứ Giả Lập)**, Tập 3, Q.41**, luận rằng:*

"Bồ Tát thật hành Bát nhã Ba la mật, quán các pháp danh tự là chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải chẳng thường, chẳng phải chẳng vô thường; dẫn đến hữu vi tánh và vô vi tánh đều chẳng thấy có danh tự Bồ Tát.

Như trước đây đã nói, ở nơi hết thảy các pháp, Bồ Tát đều chẳng có tác ý phân biệt. Bồ Tát trú trong pháp bất hoại, hành sáu pháp Ba la mật... dẫn đến hành mười tám bất cộng pháp.

Do được thật trí huệ, nên ở nơi hết thảy các pháp, Bồ Tát chẳng thấy có pháp nào nhất định gọi là Bát nhã Ba la mật cả, chẳng thấy có danh tự Bát nhã Ba la mật, chẳng thấy có Bồ Tát, chẳng thấy có danh tự Bồ Tát. Bồ Tát dùng trí huệ ấy, phá được vô minh và các phiền não.

Lại nữa, cũng do được thật trí huệ, mà Bồ Tát được vô sở kiến, chẳng thấy hết thảy các pháp, nên phá được các chấp về Bát nhã Ba la mật, về danh tự Bát nhã Ba la mật, vào được nơi thật tướng các pháp, được tâm thanh tịnh, được vô ngại.

Bồ Tát được trí huệ như vậy, nên dù thấy, dù nghe, dù niệm các pháp, vẫn thấy các pháp đều là như huyễn, như hóa. Vì sao? Vì Bồ Tát biết rõ sự thấy, sự nghe, sự niệm cũng đều là hư vọng, nên chẳng có chấp sắc, thanh, hương, vị, xúc,... mà thường trú trong vô ngại trí, tăng ích sáu Ba la mật, vào Bồ Tát vị, được hết thảy các lợi ích.

--o0o--

Trong phẩm này, Phật dạy về pháp quán Bồ Tát, Bồ Tát danh, Bồ Tát nghĩa đều là bất khả đắc.

Ở các phẩm sau, phần nhiều nói về quán "không".

--o0o--

Phật hỏi ngài Tu Bồ Đề sắc có phải là Bồ Tát chăng? Thọ, tưởng, hành, thức có phải là Bồ Tát chăng? Dẫn đến có một pháp nào nhất định gọi là Bồ Tát chăng?

Ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng Bồ Tát do duyên hòa hợp mà có, thì chẳng có pháp nào nhất định gọi là Bồ Tát cả. Nghĩ như vậy, nên ngài thưa rằng: Chẳng phải vậy.

Vì ngài Tu Bồ Đề là người đã chứng được "chúng sanh không" nên Phật mới tán thán: Lành thay, lành thay! Đúng như lời ông nói, chúng sanh bất khả đắc, Bồ Tát bất khả đắc, nên Bát nhã Ba la mật cũng bất khả đắc. Ông phải như vậy mà tu học Bát nhã Ba la mật.

--o0o--

Phật lại hỏi ngài Tu Bồ Đề: Sắc có phải là Bồ Tát nghĩa chăng? Dẫn đến sắc không, sắc vô tướng, sắc vô tánh có phải là Bồ Tát nghĩa chăng? Dẫn đến có một pháp nào nhất định gọi là Bồ Tát nghĩa chăng?

Vì ngài Tu Bồ Đề đã vào được pháp "không" chẳng còn tâm nghi, nên Ngài thưa rằng: Chẳng phải vậy.

Bởi vậy nên Phật lại tán thán: Lành thay, lành thay! Đúng như lời ông nói, Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật biết rõ nghĩa của sắc là bất khả đắc, dẫn đến nghĩa của hết thảy các pháp đều là bất khả đắc, nên Bồ Tát nghĩa, dẫn đến Bát nhã Ba la mật nghĩa cũng đều bất khả đắc cả. Ông phải như vậy mà tu học Bát nhã Ba la mật.

--o0o--

Ngài Tu Bồ Đề lại bạch Phật: Con chẳng thấy có pháp nào gọi là Bồ Tát, chẳng có pháp nào gọi là Bồ Tát nghĩa cả.

Phật dạy: Chẳng phải riêng Bồ Tát là chẳng thể được (Bất khả đắc), chẳng thể thấy (Bất khả kiến), mà ở nơi hết thảy pháp cũng chẳng có pháp nào thấy pháp nào cả. Vì sao? Vì pháp tánh là vô lượng, là chẳng thể được, chẳng thể thấy vậy. Các pháp chẳng thể thấy pháp tánh, mà pháp tánh cũng chẳng thể thấy các pháp. Vì sao? Vì các pháp đều do duyên hòa hợp sanh, chẳng có tự tánh, nên các pháp chẳng thấy pháp tánh, và pháp tánh cũng chẳng thấy các pháp vậy.

Tánh của năm ấm, của mười hai nhập, mười tám giới... dẫn đến tánh của pháp hữu vi, của pháp vô vi cùng với pháp tánh là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

--o0o--

Như vậy là lược nói về các nhân duyên "Ly hữu vi tánh chẳng có vô vi tánh, và ly vô vi tánh chẳng có hữu vi tánh". Vì sao? Vì hai pháp hữu vi và vô vi nhiếp hết thảy các pháp.

Do Bồ Tát chẳng chấp hết thảy các pháp, nên chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ. Nếu còn có chỗ thấy, chỗ không thấy là còn kinh, còn hãi, còn sợ. Bồ Tát chẳng chấp hết thảy pháp, nên chẳng còn có chỗ thấy, chẳng còn chỗ sợ, tức là vào được vô sở kiến, vô sở úy vậy.

Hỏi: *Trước đã nói về các nhân duyên Bồ Tát chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ rồi. Nay vì sao ngài Tu Bồ Đề còn hỏi nữa?*

Đáp: Ngài Tu Bồ Đề nói các pháp đều là "không", là vô sở hữu. Nhưng ngài vẫn còn sợ có người khởi tâm nghi, khiến phải bị đọa về tà kiến, nên Ngài mới hỏi Phật. Ngài muốn được Phật giải rộng, để người hành đạo được sanh chánh kiến.

Hỏi: *Vì sao nói hết thảy các pháp đều chẳng thể thấy được?*

Đáp: Do biết rõ tâm niệm của ngài Tu Bồ Đề, nên Phật dạy: Hết thảy các tâm và tâm sở đều chẳng thể được (bất khả đắc), chẳng thể thấy (bất khả kiến). Bởi vậy nên Bồ Tát chẳng có kinh, chẳng có hãi, chẳng có sợ.

Người mới tu "pháp không" thấy các tâm và tâm sở là có thể được (khả đắc), còn các ngoại pháp là chẳng thể được (bất khả đắc), nên mới sanh sợ hãi. Trái lại, **Bồ Tát đã thấy rõ các tâm và tâm sở đều là hư vọng**, chẳng thật có đều do quả báo điên đảo mà giả có vậy thôi, nên chẳng còn sanh tâm sợ hãi.

Vì chưa khai thị cho phàm phu rõ về thật tướng pháp, lại vì biết rõ phàm phu chấp nghĩa của các pháp có sai khác nhau, nên ngài Tu Bồ Đề mới phải hỏi như trên đây.

Hỏi: *Vì sao ngài Tu Bồ Đề phải hỏi đến ba lần?*

Đáp: Các tâm và tâm sở đều ở nơi ý thức. Phải nương nơi ý căn mới thấy được ý thức, và mới thấy được toàn thể các tâm và tâm sở pháp. Vì sao? Vì có ý thức, mới khởi phân biệt. Do có khởi phân biệt, nên mới sanh sợ hãi. Ví như khi năm căn duyên năm trần, thì ở vào khoảnh khắc thời gian ngắn ngủi đó chưa có sự phân biệt. Khi có ý thức xen vào, thì mới có phân biệt, dẫn đến có sanh sợ hãi. Bởi vậy nên, muốn phá sự sợ hãi đến tận cùng gốc rễ, thì phải đình chỉ mọi sự phân biệt nơi ý thức. Đây chính là lý do khiến ngài Tu Bồ Đề phải hỏi Phật lần thứ ba.

Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật như vậy, nên chẳng thấy có Bồ Tát, chẳng thấy có danh tự Bồ Tát, chẳng thấy có Bát nhã Ba la mật, chẳng thấy có danh tự Bát nhã Ba la mật nữa. Do biết rõ như vậy, nên Bồ Tát chẳng sanh sợ hãi. Đây cũng chính là nhằm giáo hóa Bồ Tát tu tập về Bát nhã Ba la mật tướng vậy.

Nếu biết rõ Bồ Tát tướng, Bát nhã Ba la mật tướng đã thật hành Bát nhã Ba la mật rồi. Nếu biết Bát nhã Ba la mật chẳng phải do cầu khắp mười phương mà có được, cũng chẳng phải do ai mà có được, cũng chẳng phải như các vật báu mà phải dùng sức để chiếm đoạt được vậy.

Tất cả luận giải trên chỉ giải thích chi li "tại sao chẳng thấy". Toàn thể Đại Bát Nhã nói nhiều về cái chẳng thấy này. Có mắt mà không thấy là chuyện khó tin. Thánh giả luôn luôn ngược dòng thế gian là vậy, biết các pháp chỉ là giả danh, giả pháp, không còn tưởng niệm phân biệt, nên không thấy không biết, không kinh không hãi. Chịu khó chậm rãi tư duy nhiều thì sẽ hiểu và khi hiểu rồi thì tâm không còn vướng mắc nữa./.

---o0o---

07. PHẨM "VÀO LY SANH"

Giữa quyển 408, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Khuyến Học", phần giữa Q.36, Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát muốn viên mãn 6 Ba la mật **nên học Bát Nhã**. Nếu đại Bồ Tát muốn biết khắp hết sắc nên học Bát Nhã, muốn biết khắp hết cả thọ, tưởng, hành, thức nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn biết khắp hết 12 xứ, 18 giới nên học Bát Nhã, muốn biết khắp hết 12 duyên khởi nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn đoạn hẳn tham dục, sân giận, ngu si nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn đoạn hẳn thân kiến, giới cấm thủ, nghi, dục tham, sân hận nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn đoạn hẳn sắc tham, vô sắc tham, vô minh, mạn, trạo cử nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn đoạn hẳn tất cả các tùy miên trói buộc, nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn đoạn hẳn 4 cách ăn*(1)* nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn đoạn hẳn vòng xoáy của 4 dòng nước mạnh*(2)*làm thân điên đảo thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn xa lìa 10 nghiệp đạo bất thiện thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn thọ trì 10 thiện nghiệp đạo thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn tu hành 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn tu hành 37 pháp trợ đạo, Phật 10 lực, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn nhập tất cả môn Đà la ni, môn Tam ma địa đều được tự tại thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn làm viên mãn sở nguyện của tất cả hữu tình thì nên học Bát Nhã. Nếu đại Bồ Tát muốn làm viên mãn thiện căn thù thắng như vậy, do thiện căn này được viên mãn, nên không đọa vào các đường ác, không sanh vào nhà bần tiện, không rơi vào địa vị Thanh văn và Độc giác, đối với ngôi vị Bồ Tát hoàn toàn không thối lui thì nên học Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ, Xá lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

- Tôn giả! Thế nào gọi là **Bồ Tát đỉnh đọa**?

Thiện Hiện đáp:

- Nếu các Bồ Tát thực hành 6 pháp Ba la mật, **không có phương tiện thiện xảo** mà an trụ 3 môn giải thoát, thì bị thối lui ở địa vị Thanh văn, Độc giác, không vào được Bồ Tát Chánh tánh ly sanh. Như vậy, gọi là Bồ Tát đỉnh đọa.

*(**Kinh MHBNBLMĐ** thuyết ý này rõ ràng hơn:*

"Lúc bấy giờ ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài Tu Bồ Đề:

- Thế nào gọi là Bồ Tát đọa đảnh(hay đảnh đọa)?

Ngài Tu Bồ Đề đáp:

- Nếu Bồ Tát chẳng có đủ các sức phương tiện để thực hành 6 pháp Ba la mật, để nhập vào các tam muội Không, Vô tướng và Vô tác, mà lại trú nơi Thanh Văn địa và Bích Chi Phật địa, nhẫn đến thủ chấp Bồ Tát vị, thì gọi là Bồ Tát **sanh pháp ái**. Như vậy gọi là Bồ Tát đọa đảnh?")

Khi ấy, Xá lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

- Tôn giả! Thế nào gọi là sanh?

Thiện Hiện đáp:

- **Sanh là pháp ái**.

Xá lợi Tử hỏi:

- Tôn giả! Thế nào là pháp ái?

Thiện Hiện đáp:

- Nếu đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã an trụ sắc không mà **sanh tưởng chấp trước**, an trụ sắc vô tướng mà sanh tưởng chấp trước, an trụ sắc vô nguyện mà sanh tưởng chấp trước, an trụ sắc là tịch tịnh, là viễn ly, là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh mà sanh tưởng chấp trước. Cũng vậy, nếu đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã an trụ thọ, tưởng, hành, thức là không mà sanh tưởng chấp trước, an trụ thọ, tưởng, hành, thức là vô tướng mà sanh tưởng chấp trước, an trụ thọ, tưởng, hành, thức là vô nguyện mà sanh tưởng chấp trước; nếu đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã an trụ thọ, tưởng, hành, thức là tịch tịnh, là viễn ly, là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh mà sanh tưởng chấp trước, thì đó là **đại Bồ Tát tùy thuận pháp ái, tức pháp ái này gọi là sanh**.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Nếu đại Bồ Tát nghĩ như vầy: Sắc này nên dứt *(đoạn)*; thọ, tưởng, hành, thức này nên đoạn. Do đó nên sắc được dứt, do

đó nên thọ, tưởng, hành, thức được đoạn; khổ này nên biết hết, do đó nên khổ được biết trọn vẹn; tập này nên dứt trừ, do đó nên tập được đoạn trừ; diệt này nên chứng, do đó nên diệt được chứng; đạo này nên tu tập, do đó nên đạo được tu tập; đây là tạp nhiễm, đây là thanh tịnh; đây nên thân cận, đây không nên thân cận; điều này nên làm, điều này không nên làm; đây là đạo, đây chẳng phải là đạo; điều này nên học, điều này không nên học; đây là bố thí, đây chẳng phải là bố thí; đây là tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, đây chẳng phải là tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật; đây là phương tiện thiện xảo, đây chẳng phải là phương tiện thiện xảo; đây là Bồ Tát sanh, đây là Bồ Tát ly sanh.

Này Xá lợi Tử! Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, an trụ các pháp môn này mà **sanh tưởng đắm trước**, **thì đó là đại Bồ Tát tùy thuận pháp ái**, pháp ái này tức gọi là sanh, như thức ăn để cách đêm hay sanh ra bệnh hoạn.

Lúc bấy giờ, Ngài Xá lợi Tử hỏi cụ thọ Thiện Hiện:

- Tôn giả! Thế nào là **nhập Chánh tánh ly sanh** của đại Bồ Tát?

Thiện Hiện đáp:

- Này Xá lợi Tử! Nếu đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, không thấy pháp không nội, không nương vào pháp không nội mà quán pháp không ngoại; không thấy pháp không ngoại, không nương vào pháp không ngoại mà quán pháp không nội, không nương vào pháp không ngoại mà quán pháp không nội ngoại; không thấy pháp không nội ngoại, không nương vào pháp không nội ngoại mà quán pháp không ngoại, không nương vào pháp không nội ngoại mà quán pháp không không; không thấy pháp không không, không nương vào pháp không không mà quán pháp không nội ngoại, không nương vào pháp không không mà quán pháp không lớn; không thấy pháp không lớn, không nương vào pháp không lớn mà quán pháp không không, không nương vào pháp không lớn mà quán pháp không thắng nghĩa; không thấy pháp không thắng nghĩa, không nương vào pháp không thắng nghĩa mà quán pháp không lớn, không nương vào pháp không thắng nghĩa mà quán pháp không hữu vi; không thấy pháp không hữu vi, không nương vào pháp không hữu vi mà quán pháp không thắng nghĩa, không nương vào pháp không hữu vi mà quán pháp không vô vi; không thấy pháp không vô vi, không nương vào pháp không vô vi mà quán pháp không hữu vi, không nương vào pháp không vô vi mà quán

pháp không rốt ráo; không thấy pháp không rốt ráo, không nương vào pháp không rốt ráo mà quán pháp không vô vi, không nương vào pháp không rốt ráo mà quán pháp không không biên giới; không thấy pháp không không biên giới, không nương vào pháp không không biên giới mà quán pháp không rốt ráo, không nương vào pháp không không biên giới mà quán pháp không tán vô tán; không thấy pháp không tán vô tán, không nương vào pháp không tán vô tán mà quán pháp không không biên giới, không nương vào pháp không tán vô tán mà quán pháp không bổn tánh; không thấy pháp không bổn tánh, không nương vào pháp không bổn tánh mà quán pháp không tán vô tán, không nương vào pháp không bổn tánh mà quán pháp không tự cộng tướng; không thấy pháp không tự cộng tướng, không nương vào pháp không tự cộng tướng mà quán pháp không bổn tánh, không nương vào pháp không tự cộng tướng mà quán pháp không tất cả pháp; không thấy pháp không tất cả pháp, không nương vào pháp không tất cả pháp mà quán pháp không tự cộng tướng, không nương vào pháp không tất cả pháp mà quán pháp không bất khả đắc; không thấy pháp không bất khả đắc, không nương vào pháp không bất khả đắc mà quán pháp không tất cả pháp, không nương vào pháp không bất khả đắc mà quán pháp không không tánh; không thấy pháp không không tánh, không nương vào pháp không không tánh mà quán pháp không bất khả đắc, không nương vào pháp không không tánh mà quán pháp không tự tánh; không thấy pháp không tự tánh, không nương vào pháp không tự tánh mà quán pháp không không tánh, không nương vào pháp không tự tánh mà quán pháp không không tánh tự tánh; không thấy pháp không không tánh tự tánh, không nương vào pháp không không tánh tự tánh mà quán pháp không tự tánh.

Này Xá lợi Tử! **Đại Bồ Tát này khi tu hành Bát Nhã quán như vậy gọi là nhập Chánh tánh ly sanh của Bồ Tát.**

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Các đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã nên học như vầy: **Biết như thật về sắc không nên chấp**; biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức không nên chấp. Biết như thật về 12 xứ, 18 giới không nên chấp; biết như thật về bố thí không nên chấp; biết như thật về tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật không nên chấp. Biết như thật về 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc không nên chấp. Biết như thật về 37 pháp trợ đạo không nên chấp. Biết như thật về Phật 10 lực

không nên chấp; biết như thật về 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng không nên chấp.

Như vậy, Xá Lợi Tử! Các Bồ Tát Ma ha tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật, **như thật biết tâm Bồ đề chẳng nên chấp, tâm vô đẳng đẳng chẳng nên chấp, tâm quảng đại chẳng nên chấp. Vì cớ sao? Xá Lợi Tử! Tâm này phi tâm, bản tánh thanh tịnh vậy.**

Khi ấy, Xá Lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng: Sao là tâm này bản tánh thanh tịnh?

Thiện Hiện đáp rằng: **Bản tánh tâm này chẳng tương ưng tham, chẳng phải chẳng tương ưng**. Chẳng tương ưng sân, chẳng phải chẳng tương ưng. Chẳng tương ưng si, chẳng phải chẳng tương ưng. Chẳng tương ưng các quấn gút tùy miên, chẳng phải chẳng tương ưng. Chẳng tương ưng các kiến thú lậu thảy, chẳng phải chẳng tương ưng. Cùng các tâm Thanh văn Độc giác thảy cũng chẳng tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng.

Xá Lợi Tử! Các Bồ Tát Ma ha tát biết tâm như thế bản tánh thanh tịnh.

Khi ấy, Xá Lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng: Tâm này có phải là phi tâm tánh chăng?

Thiện Hiện gạn lại rằng: Trong phi tâm tánh, có tánh không tánh khá được chăng?

Xá Lợi Tử nói: Thiện Hiện! Chẳng được.

Thiện Hiện nói rằng: Trong phi tâm tánh, có tánh không tánh nếu chẳng khá được, tại sao nên hỏi tâm này là phi tâm tánh?

Khi ấy, Xá Lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng: Những gì gọi là phi tâm tánh?

Thiện Hiện đáp rằng: Đối tất cả pháp không biến hoại, không phân biệt, đấy gọi phi tâm tánh*(3)*.

Xá lợi Tử hỏi:

- Chỉ có tâm không biến đổi, không phân biệt hay là sắc, thọ, tưởng, hành, thức v.v... cũng không biến đổi, không phân biệt?

Thiện Hiện đáp:

- Như tâm không biến đổi, không phân biệt, sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không biến đổi, không phân biệt. Như vậy, cho đến Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của chư Phật cũng không biến đổi, không phân biệt.

Khi ấy, Xá lợi Tử khen ngợi Tôn giả Thiện Hiện:

- Lành thay! Lành thay! Đúng như lời ông nói. Ông đúng là Phật tử, từ tâm Phật sanh, từ miệng Phật sanh, từ pháp Phật sanh, từ Pháp hóa sanh, thọ nhận phần pháp của Phật, không nhận phần tài bảo, đối với các pháp tự mình chứng đắc tuệ nhãn, thấy rõ mới có thể giảng nói. Phật thường nói ông là đứng đầu trụ Vô tránh định trong chúng Thanh văn, đúng như lời Phật nói chơn thật không hư vọng.

Này Thiện Hiện! Các đại Bồ Tát đối với Bát Nhã thâm sâu nên học như vậy.

Này Thiện Hiện! Đại Bồ Tát nào đối với Bát Nhã thâm sâu có thể học như vậy thì nên biết Bồ Tát đó đã trụ địa vị Bất thối chuyển, không lìa Bát nhã Ba la mật.

Này Thiện Hiện! Thiện nam, thiện nữ nào người muốn học địa vị Thanh văn, Độc giác thì đối với Bát nhã Ba la mật thâm sâu như vậy nên siêng lắng nghe học tập, đọc tụng, thọ trì, tư duy đúng lý, làm cho đến chỗ rốt ráo. Muốn học địa vị Bồ Tát cũng đối với Bát nhã Ba la mật thâm sâu như vậy, nên siêng năng lắng nghe, học tập, đọc tụng, thọ trì, tư duy đúng lý, làm cho đến chỗ rốt ráo. Này Thiện Hiện! Vì trong Kinh Bát nhã Ba la mật thâm sâu như vậy đã giảng nói mở bày giáo pháp ba thừa; đại Bồ Tát nào có thể học Bát nhã Ba la mật tức là học hết giáo pháp ba thừa một cách thiện xảo.

Thích nghĩa:

(1). Bốn cách ăn hay tứ thực: 1- Đoạn thực: thực phẩm bằng vật chất, dùng miệng ăn từng miếng—như trái cây, thịt, rau... 2- Xúc thực: Chất bổ dưỡng hấp thụ được qua sự tiếp xúc của năm giác quan. 3- Tư thực: Chất bổ dưỡng hấp thụ được qua tư tưởng. 4- Thức thực: Chất bổ dưỡng hấp thụ được qua sáu thức. (từ điển Phật học Anh-Hán-Việt)

(2). Bốn vòng nước xoáy hay gọi là "tứ bộc lưu": Theo Kinh Phúng Tụng trong Trường Bộ Kinh, có bốn bộc lưu là: 1- Dục Bộc Lưu, 2- Hữu Bộc Lưu, 3- Tà Kiến Bộc Lưu và 4- Vô Minh Bộc Lưu. Đây chỉ liệt kê chứ không thích nghĩa.

(3). Cũng như đoạn Kinh tương đương ở phẩm "Khuyến Học", Q.36, Hội thứ I. Đoạn Kinh này, nói:

"Khi ấy, Xá Lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng: Tâm này có phải là phi tâm tánh chăng?

Thiện Hiện gạn lại rằng: Trong phi tâm tánh, có tánh không tánh khá được chăng?

Xá Lợi Tử nói: Thiện Hiện! Chẳng được.

Thiện Hiện đáp rằng: Trong phi tâm tánh, có tánh không tánh nếu chẳng khá được, tại sao lại hỏi tâm này là có phi tâm tánh?

Khi ấy, Xá Lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng: Những gì gọi là phi tâm tánh?

Thiện Hiện đáp rằng: Đối tất cả pháp không biến hoại, không phân biệt, đấy gọi phi tâm tánh".

Nguyên văn chữ Hán là:

"時thời .舍Xá 利Lợi 子Tử 問vấn 善thiện 現hiện 言ngôn: 是thị 心tâm 為vi 有hữu 非phi 心tâm 性tánh 不phủ .

善thiện 現hiện 詰cật 言ngôn: 非phi 心tâm 性tánh 中trung 有hữu 性tánh 無vô 性tánh 為vi 可khả 得đắc phủ .

舍Xá 利Lợi 子Tử 言ngôn :不phủ 也dã .善thiện 現hiện .

善thiện 現hiện 對đối 曰viết :非phi 心tâm 性tánh 中trung 有hữu 性tánh 無vô 性tánh 若nhược 不bất 可khả 得đắc .云vân 何hà 可khả 問vấn 是thị 心tâm 為vi 有hữu 非phi 心tâm 性tánh 不phủ 。

時thời .舍Xá 利Lợi 子Tử 問vấn 善thiện 現hiện 言ngôn :何hà 等đẳng 名danh 為vi 非phi 心tâm 性tánh 耶da .

善thiện 現hiện 對đối 曰viết :於ư 一nhất 切thiết 法pháp 無vô 變biến 異dị .無vô 分phân 別biệt. 是thị 名danh 非phi 心tâm 性tánh" .

Đoạn Kinh này cũng giống đoạn Kinh trong phẩm "Khuyến Học" Q.36, Hội thứ I, tuy nhiên cách diễn đạt rõ ràng hơn. Xá Lợi Tử hỏi Thiện Hiện: Tâm này có phải là phi tâm tánh chăng? Mấu chốt để hiểu câu này ở các từ: **tâm**(心), **tánh**(性), **tâm tánh**(心性) và **phi tâm tánh**(非心性).

Tâm(心): *Nguồn gốc của mọi ý thức, suy tưởng, cảm thọ có thể là vọng hay chân.*

Tánh(性): *Trong nghĩa bản tánh là cái thường trụ, chẳng đổi dời, nhiễm tịnh.*

Ghép hai chữ Tâm(心) *và Tánh*(性) *với nhau thì có từ kép là* ***Tâm tánh***(心性). *Bản tánh của tâm bất biến, bất nhiễm, bất tịnh, vốn là chân(chơn như). Nhưng tùy theo điều kiện chung quanh mà có nhiễm có tịnh.*

Phi tâm tánh (非心性) *tức là "Tâm không" nghĩa là đối với trần cảnh tâm không sanh diệt, đổi dời thì gọi là tâm không hay vô thức, vô niệm, vô tâm.*

Lưu ý: *Phẩm "Vào Ly Sanh" được thuyết ở trên, có tên khác là "Khuyến Học", được thuyết ở Q.36, Hội thứ I, ĐBN. Nếu có thắc mắc, xin quay lại đọc phẩm "Khuyến Học", Hội thứ I, ĐBN.*

Sơ giải:

1.Thế nào là sanh?

Bồ Tát an trụ sắc không, vô tướng, vô nguyện mà ***sanh tưởng chấp trước****; an trụ sắc là tịch tịnh, là viễn ly, là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh mà sanh tưởng chấp trước. Nếu Bồ Tát tu hành Bát Nhã an trụ thọ, tưởng, hành, thức là không, vô tướng, vô nguyện mà sanh tưởng chấp trước; an trụ thọ, tưởng, hành, thức là tịch tịnh, là viễn ly, là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh mà sanh tưởng chấp trước,* ***thì đó là đại Bồ Tát tùy thuận pháp ái; pháp ái này tức gọi là sanh như thức ăn để qua đêm bị nhiễm độc dễ sanh bệnh tật.***

Cũng vậy, nếu Bồ Tát nghĩ sắc này nên dứt, sắc này nên đoạn, sắc này nên trừ, sắc nên khiển... mà sanh tưởng chấp trước, thì đó là đại Bồ Tát tùy thuận pháp ái; pháp ái này tức gọi là sanh, như thức ăn để qua đêm bị nhiễm độc dễ sanh bệnh tật.

Nếu Bồ Tát học Bát Nhã mà còn tác ý pháp này nên học, pháp này không nên học, ***Kinh MHBNBLMĐ nói:*** *"*Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật mà ở nơi các pháp còn khởi niệm chấp trước "thị" hay "phi", thì gọi là Bồ Tát thuận đạo mà sanh pháp ái". *Ái pháp đối với người sơ cơ, mới học đạo là tốt, nhưng đối với Bồ Tát vô sanh pháp nhẫn không có ích gì, chỉ là động niệm, nên dễ sanh "bệnh". Đã vướng vào pháp ái tức sanh bệnh, nên bị gọi là Bồ Tát đỉnh đọa.*

2. Thế nào là ly sanh?

Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, không quán, không thấy, không nương, không chấp vào tất cả pháp, Bồ Tát này tu hành Bát Nhã như vậy, được coi là nhập vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh.

Nếu Bồ Tát tu hành Bát Nhã đối với tất cả pháp không tưởng, không thấy, không biết, không phân biệt thì không chấp. Tâm mới được rỗng rang tự tại. Tâm rỗng rang tự tại chính là tâm không! Trong tâm không: Không có nhiễm không có tịnh, không có khổ không có lạc, v.v… Vì tôn chỉ Bát nhã Ba la mật là vô kiến (không thấy), vô tri (không biết), vô thức (không phân biệt), vô thủ (không giữ), vô trước (không vướng mắc), vô niệm (không tưởng), vô tâm (tâm không). Đó chính là phi tâm. Học như vậy là tâm không sanh mà Bát Nhã sanh, mau chứng Chánh tánh ly sanh của Bồ Tát.

*Để sáng tỏ vấn đề, chúng tôi dẫn chứng lời giảng luận của **Bồ Tát Long Thọ ghi trong phẩm thứ 8, “Khuyến Học”, Tập 3, quyển 41, Đại Trí Độ Luận** như sau:*

“Ở nơi Nhu Thuận Nhẫn, ở nơi Vô Sanh Nhẫn, nếu chẳng có chấp trước pháp Vô Sanh đó thì gọi là Trú Đảnh vị. Bồ Tát trú ở đảnh cao đó, thẳng đường đến Phật đạo, chẳng còn sợ bị đọa nữa.

Cũng như vậy, ở trong pháp Thanh Văn có nói đến Noãn pháp, Nhẫn pháp và Đảnh pháp. Khi đã thành tựu được hai pháp Noãn và Nhẫn rồi, thì hành giả tiến tu Đảnh pháp vậy”.

“Người được Đảnh vị rồi, có tâm kiên cố, trí an ổn, thì chẳng sợ bị đọa nữa. Người đã gần được Đảnh vị rồi mà đánh mất đi thì mới gọi là đọa Đảnh.

Vì sao? Vì khi đã lên đến đảnh núi, đứng vững chắc trên đảnh núi rồi, thì chẳng còn sợ bị rơi xuống nữa. Thế nhưng, khi còn đang leo núi, mặc dù đã gần đến đảnh núi rồi, thì cũng vẫn còn nguy hiểm, còn lo sợ bị rơi xuống, nên cần phải giữ tâm trí kiên cố, an ổn.

Bồ Tát, khi đã trú ở Đảnh vị rồi, thì chẳng còn bị các nội ma quấy nhiễu, chẳng còn bị các kiết sử trói buộc nữa. Như vậy gọi là được Vô

Sanh Pháp Nhẫn. Vì sao? Vì trái với Vô Sanh là còn kiết sử, còn ái chấp các tập thiện pháp.

Nếu chẳng có được trí huệ soi sáng, thì chẳng vào được nơi thật tướng pháp; **như vậy gọi là Sanh**. Nếu có được trí huệ soi chiếu, thì vào được nơi thật tướng pháp; **như vậy gọi là Thục**.

Lại nữa, nếu chẳng y chỉ trí sanh diệt, nếu ly được trí sanh diệt, ly được các chấp điên đảo, thì vào được nơi bất sanh, bất diệt. Như vậy gọi là được Vô Sanh Pháp, hay Tín Pháp, hay Thọ Pháp, hay Trí Pháp, cũng gọi là Nhẫn vị.

Bồ Tát, khi đã nhập vào vị ấy rồi, là xả bỏ hết thảy các quán vô thường, khổ, không, vô ngã. Nếu chẳng được như vậy, thì gọi là thuận đạo mà còn sanh pháp ái".

Đây là kỹ thuật tu hành, phải nói rất là chuyên môn để tiến đến Vô sanh pháp nhẫn. Chúng tôi tưởng với lời giảng luận tuy ngắn ngủi này của bậc thật tu thật chứng như Bồ Tát Long Thọ trong Đại Trí Độ Luận, có thể giúp chúng ta hiểu phẩm "Vào Ly Sanh" dễ dàng hơn đối với các pháp gọi là pháp ái, pháp sanh hay ly sanh; thế nào Bồ Tát Đảnh đọa, Bồ Tát Vô sanh pháp nhẫn, Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, v.v.../.

---o0o---

08. PHẨM "THẮNG QUÂN"

Cuối Q.408 đến đầu Q.409, Hội thứ II.
(Tương đương phẩm "Vô Trụ", cuối Q.36 - Q.37, Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

Lúc bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Đối với Bồ Tát và Bát Nhã, con đều không biết, không đắc, thì làm sao bảo con đem pháp tương ưng với Bát nhã Ba la mật dạy bảo, truyền trao cho các Bồ Tát?

Bạch Thế Tôn! Đối với các pháp hoặc tăng, hoặc giảm, con không biết, không đắc, nếu đem các pháp dạy bảo, truyền trao cho các Bồ Tát chắc con sẽ hối hận. Đối với các pháp hoặc tăng, hoặc giảm, con không biết, không đắc, làm sao có thể nói đây là Bồ Tát, đây là Bát nhã Ba la mật.

Bạch Thế Tôn! Danh Bồ Tát và danh Bát Nhã **đều vô sở trụ, cũng chẳng phải không trụ**. Vì sao? Vì hai nghĩa này vô sở hữu, nên hai danh này đều vô sở trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Đối với sắc cho đến thức hoặc tăng, hoặc giảm con không biết, không đắc. Như vậy, sao có thể nói đây là sắc cho đến thức. Danh của tất cả sắc này đều vô sở trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của tất cả sắc đều vô sở hữu, nên danh của tất cả sắc đều vô sở trụ, cũng chẳng phải không trụ. Đối với 12 xứ, 18 giới hoặc tăng, hoặc giảm con đều không biết, không đắc. Như vậy, sao có thể nói đây là 12 xứ, 18 giới. Danh của 12 xứ, 18 giới đều vô sở trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của 12 xứ, 18 giới đều vô sở hữu, nên 12 xứ, 18 giới đều vô sở trụ, cũng chẳng phải không trụ. Đối với vô minh cho đến lão tử hoặc tăng, hoặc giảm con không biết, không đắc. Như vậy, sao có thể nói đây là vô minh cho đến lão tử. Danh của vô minh cho đến lão tử đều vô sở trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của vô minh cho đến lão tử vô sở hữu, nên danh của vô minh cho đến lão tử đều vô sở trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Đối với vô minh diệt cho đến lão tử diệt hoặc tăng, hoặc giảm con không biết, không đắc. Như vậy, sao có thể nói đây là vô

minh diệt cho đến lão tử diệt. Danh của vô minh diệt cho đến lão tử diệt đều vô sở trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của vô minh diệt cho đến lão tử diệt vô sở hữu, nên danh của vô minh diệt cho đến lão tử diệt đều vô sở trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Đối với tham, sân, si và các tùy miên trói buộc, các kiến thú hoặc tăng, hoặc giảm con không biết, không đắc. Như vậy, sao có thể nói đây là tham, sân, si v.v.... Tên của tham, sân, si, v.v... này đều không chỗ trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của tham, sân, si v.v... này vô sở hữu, nên danh của tham, sân, si v.v... này đều vô sở trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! **Đối với bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật hoặc tăng, hoặc giảm con không biết, không đắc**. Như vậy, sao có thể nói đây là bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Danh của bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật đều vô sở trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật vô sở hữu, nên danh của bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật đều vô sở trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! **Đối với ngã cho đến cái biết, cái thấy hoặc tăng, hoặc giảm con không biết, không đắc**. Như vậy, sao có thể nói đây là ngã cho đến cái biết, cái thấy. Danh của ngã cho đến cái biết, cái thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của ngã cho đến cái biết, cái thấy vô sở hữu, nên danh của ngã cho đến cái biết, cái thấy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Đối với 37 pháp trợ đạo, 3 giải thoát môn, 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, Phật mười lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng v.v... **hoặc tăng, hoặc giảm con không biết, không đắc**. Như vậy sao có thể nói đây là 37 pháp trợ đạo cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Danh của 37 pháp trợ đạo cho đến 18 pháp Phật bất cộng đều vô sở trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của 37 pháp trợ đạo cho đến 18 pháp Phật bất cộng vô sở hữu, nên danh của 37 pháp trợ đạo cho đến 18 pháp Phật bất cộng vô sở trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! **Đối với năm uẩn như mộng, như tiếng vang**, như ảnh ảo, như sóng nắng, như hình tượng, như huyễn, như hóa hoặc tăng, hoặc giảm, con đều không biết, không đắc. Như vậy, sao có thể nói đây là năm uẩn như mộng cho đến như hóa. Danh của năm uẩn như mộng cho đến như hóa đều vô sở trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa

của năm uẩn như mộng cho đến như hóa vô sở hữu, nên danh của năm uẩn như mộng cho đến như hóa đều vô sở trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Đối với viễn ly, tịch tịnh, vô sanh, vô diệt, vô nhiễm, vô tịnh, dứt hết các hý luận, chơn như, pháp giới, pháp tánh, thật tế, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ hoặc tăng, hoặc giảm, con đều không biết, không đắc. Như vậy, sao có thể nói đây là viễn ly cho đến pháp trụ. Danh của viễn ly cho đến pháp trụ đều vô sở trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của viễn ly cho đến pháp trụ vô sở hữu, nên danh của viễn ly cho đến pháp trụ đều vô sở trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Đối với các pháp hoặc thiện, hoặc chẳng thiện, hoặc hữu vi, hoặc vô vi, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian, hoặc tăng, hoặc giảm v.v... con đều không biết, không đắc. Như vậy, sao có thể nói đây là các pháp thiện, chẳng thiện. Danh của các pháp thiện, chẳng thiện v.v... đều vô sở trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của các pháp thiện, chẳng thiện v.v... vô sở hữu, nên danh của các pháp thiện, chẳng thiện v.v... đều vô sở trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Đối với các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại và đối với các pháp chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại hoặc tăng, hoặc giảm, con đều không biết, không đắc. Như vậy, sao có thể nói đây là các pháp quá khứ, đây là các pháp chẳng phải quá khứ v.v.... Danh của pháp quá khứ và tên của pháp chẳng phải quá khứ đều vô sở trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì nghĩa của pháp quá khứ và nghĩa của pháp chẳng phải quá khứ vô sở hữu, nên danh của pháp quá khứ và danh của pháp chẳng phải quá khứ đều vô sở trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Những gì gọi là pháp chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại?

Bạch Thế Tôn! Đó là **pháp vô vi.**

Bạch Thế Tôn! **Pháp vô vi là pháp không sanh, không trụ, không diệt**. Đối với tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các Bồ Tát, Thanh văn v.v... trong hằng hà sa số thế giới chư Phật khắp mười phương hoặc tăng, hoặc giảm, con đều không biết, không đắc. Như vậy, sao có thể nói đây là tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, đây là Bồ Tát, đây là Thanh văn v.v... Các danh như vậy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì

sao? Vì các nghĩa như vậy vô sở hữu, nên các danh như vậy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Đối với các pháp đã nói như trên hoặc tăng, hoặc giảm, con đều không biết, không đắc. Như vậy, sao có thể nói đây là các Bồ Tát, đây là Bát Nhã. Đối với Bồ Tát và Bát Nhã con đều không biết, không đắc, thì làm sao làm bảo con đem pháp tương ưng với Bát nhã Ba la mật dạy bảo, truyền trao cho các Bồ Tát? Danh các Bồ Tát và danh Bát Nhã đều vô sở trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì hai nghĩa này vô sở hữu nên danh hai pháp này đều vô sở trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Các pháp như vậy do nhân duyên hòa hợp, giả gọi là Bồ Tát, giả gọi là Bát Nhã. Hai giả danh này ở trong uẩn xứ giới không thể nói cho đến ở trong mười tám pháp Phật bất cộng không thể nói, ở trong năm uẩn như mộng không thể nói, cho đến ở trong năm uẩn như hóa không thể nói, ở trong viễn ly, tịch tịnh v.v... không thể nói, cho đến ở trong tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các Bồ Tát, Thanh văn v.v... trong hằng hà sa số thế giới chư Phật khắp mười phương không thể nói. Vì sao? Vì các pháp nói trên tăng, giảm đều không thể biết, không thể đắc.

Bạch Thế Tôn! Năm uẩn v.v... nói trên không chỗ nào có thể nói, danh các Bồ Tát và danh Bát Nhã cũng không chỗ nào có thể nói; danh như mộng thảy như vậy không chỗ nào có thể nói; danh như hư không không chỗ nào có thể nói; danh như địa, thủy, hỏa, phong không chỗ nào có thể nói; danh như giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến không chỗ nào có thể nói; danh như Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, Như Lai và các pháp kia không chỗ nào có thể nói; danh thiện, chẳng thiện, thường, vô thường, lạc, khổ, ngã, vô ngã, viễn ly, không viễn ly, tịch tịnh, không tịch tịnh v.v... hoặc có hoặc không đều không chỗ nào có thể nói. Danh Bồ Tát và danh Bát Nhã cũng không chỗ nào có thể nói. Vì sao? Vì các danh như vậy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải không trụ. Vì sao? **Vì các nghĩa như vậy vô sở hữu nên các danh như vậy đều vô sở trụ, cũng chẳng phải không trụ.**

Bạch Thế Tôn! Do nương vào nghĩa này nên nói đối với pháp hoặc tăng, hoặc giảm, con đều không biết, không đắc, như vậy sao có thể nói đây là Bồ Tát, đây là Bát Nhã!

Bạch Thế Tôn! Đối với hai điều này hoặc nghĩa, hoặc danh, con không biết, không đắc, thì làm sao bảo con đem pháp tương ưng với Bát nhã Ba la mật dạy bảo, truyền trao cho các Bồ Tát? Do nhân duyên này, nếu đem pháp đó dạy bảo, truyền trao cho các Bồ Tát, con nghĩ sẽ hối hận.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ Tát khi nghe rồi đem tướng trạng như vậy giảng nói Bát nhã Ba la mật mà tâm không chìm đắm, cũng không lo lắng, ăn năn, tâm không kinh, không sợ thì nên biết Bồ Tát này quyết chắc đã an trụ địa vị Bất thối chuyển; đem vô sở trụ làm phương tiện mà trụ.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, không nên trụ vào sắc cho đến thức. Không nên trụ vào 12 xứ, 18 giới. Không nên trụ vào vô minh cho đến lão tử. Vì sao? **Vì sắc, tánh sắc là không. Thọ, tưởng, hành, thức; tánh thọ, tưởng, hành, thức là không.** Sắc không này chẳng phải sắc. Sắc chẳng lìa không, không chẳng lìa sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ tưởng hành thức cũng lại như thế. Bởi nhân duyên đây, các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, chẳng nên trụ sắc cho đến thức. Cho đến lão tử, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã chẳng nên trụ 4 niệm trụ cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Vì cớ sao? Vì bốn niệm trụ, **tánh bốn niệm trụ không**. Bốn niệm trụ này chẳng phải bốn niệm trụ không, bốn niệm trụ không này chẳng phải bốn niệm trụ. Bốn niệm trụ chẳng lìa không, không chẳng lìa bốn niệm trụ. Bốn niệm trụ tức là không, không tức là bốn niệm trụ. Bởi nhân duyên đây, các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã chẳng nên trụ 4 niệm trụ. Cho đến 18 pháp Phật bất cộng, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, chẳng nên trụ bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Vì cớ sao? Vì Bố thí, **tánh bố thí không**. Bố thí này chẳng phải bố thí không, bố thí không này chẳng phải bố thí. Bố thí chẳng lìa không, không chẳng lìa bố thí. Bố thí tức là không, không tức là bố thí. Bởi nhân duyên đây, các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, chẳng nên trụ bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật, **chẳng nên trụ các văn tự**, chẳng nên trụ các văn tự sở dẫn, hoặc một lời sở dẫn, hoặc hai lời sở dẫn, hoặc nhiều lời sở dẫn, chẳng nên trụ thần thông thù thắng. Vì cớ sao? Bạch Thế Tôn! Các văn tự, **tánh các văn tự**

không. Các văn tự này chẳng phải các văn tự không, các văn tự không này chẳng phải các văn tự. Các văn tự chẳng lìa không, không chẳng lìa các văn tự. Các văn tự tức là không, không tức là các văn tự. Bởi nhân duyên đây, các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, chẳng nên trụ các văn tự. Các văn tự sở dẫn thần thông thù thắng, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, chẳng nên trụ các pháp hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc không hoặc bất không, hoặc vắng lặng hoặc chẳng vắng lặng, hoặc xa lìa hoặc chẳng xa lìa. Vì sao? Vì các pháp thường vô thường, **tánh các pháp thường vô thường không**. Các pháp thường vô thường này chẳng phải các pháp thường vô thường không, các pháp thường vô thường không này chẳng phải các pháp thường vô thường. Các pháp thường vô thường chẳng lìa không, không chẳng lìa các pháp thường vô thường. Các pháp thường vô thường tức là không, không tức là các pháp thường vô thường. Bởi nhân duyên đây, các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã chẳng nên trụ các pháp hoặc thường hoặc vô thường. Cho đến các pháp xa lìa chẳng xa lìa, viễn ly hay chẳng viễn ly nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, không nên trụ vào các pháp như, pháp giới, pháp tánh, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, thật tế. Vì sao? Vì các pháp như, **tánh như là không.** Như này chẳng phải không, không này chẳng phải như. Như chẳng lìa không, không chẳng lìa như. Như tức là không, không tức là như. Do nhân duyên này, các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã không nên trụ vào các pháp như; cho đến thật tế, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, không nên trụ vào tất cả các Đà la ni môn, Tam ma địa môn? Vì sao? Vì tất cả Đà la ni môn, **tánh của nó là không**. Đà la ni môn chẳng phải không, không này chẳng phải Đà la ni môn. Đà la ni môn chẳng lìa không, không chẳng lìa Đà la ni môn. Đà la ni môn tức là không, không tức là Đà la ni môn. Do nhân duyên này các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã không nên trụ tất cả Đà la ni; Tam ma địa môn nên biết cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Bồ Tát nào không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát Nhã sẽ bị trói buộc, quấy nhiễu, bởi chấp có ngã, ngã sở, tâm liền trụ vào sắc, trụ vào thọ, tưởng, hành, thức. Do trụ vào các pháp này, nên đối với sắc phát sanh tạo tác, đối với thọ, tưởng, hành,

thức phát sanh hành động. Do phát sanh tạo tác, hành động như thế, nên không thể lãnh thọ Bát Nhã, không thể tu học Bát Nhã, không thể viên mãn Bát Nhã, không thể thành tựu Nhất thiết trí trí.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ Tát không có phương tiện thiện xảo, thì khi tu hành Bát Nhã, sẽ bị trói buộc, quấy nhiễu, bởi chấp có ngã, ngã sở, nên tâm liền trụ tất cả Đà la ni môn, tất cả Tam ma địa môn. Do trụ vào các pháp này nên đối với tất cả Đà la ni môn phát sanh tạo tác, đối với tất cả Tam ma địa môn phát sanh hành động. Do phát sanh tạo tác, hành động nên không thể lãnh thọ Bát Nhã, không thể tu học Bát Nhã, không thể viên mãn Bát Nhã, không thể thành tựu Nhất thiết trí trí. Vì sao? Vì sắc không đáng để lãnh thọ; thọ, tưởng, hành, thức không đáng để lãnh thọ. Sắc không đáng để lãnh thọ nên chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức không đáng để lãnh thọ, nên chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức **bản tánh đều không**. Cho đến tất cả Đà la ni môn không đáng để lãnh thọ. Tất cả Tam ma địa môn không đáng để lãnh thọ. Vì tất cả Đà la ni môn không đáng để lãnh thọ nên chẳng phải tất cả Đà la ni môn. Vì tất cả Tam ma địa môn không đáng để lãnh thọ, nên chẳng phải tất cả Tam ma địa môn. Vì sao? Vì tất cả Đà la ni môn và Tam ma địa môn bản tánh đều không.

Bạch Thế Tôn! Việc lãnh thọ tu học, viên mãn Bát nhã Ba la mật ấy cũng không đáng để lãnh thọ. Vì Bát nhã Ba la mật không đáng để lãnh thọ, nên chẳng phải Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì **bản tánh không**. Như vậy, các Bồ Tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật, **nên dùng bản tánh không mà quán tất cả pháp. Khi quán như vậy, tâm không có chỗ tác động.** Đây gọi là Bồ Tát không lãnh thọ Tam ma địa. Tam ma địa này vi diệu, thù thắng rộng lớn vô lượng, có thể tập hợp vô biên vô ngại tác dụng, không cùng với tất cả Thanh văn, Độc giác.

Việc thành tựu Nhất thiết trí trí đó cũng không đáng để lãnh thọ. Như vậy, vì Nhất thiết trí trí không đáng để lãnh thọ, nên chẳng phải Nhất thiết trí trí. Vì sao? Vì pháp không nội, pháp không ngoại, pháp không nội ngoại, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tán vô tán, pháp không bản tánh, pháp không tự cộng tướng, pháp không tất cả pháp, pháp không bất khả đắc, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh. Vì sao?

Nhất thiết trí trí này chẳng phải chấp tướng mà tu đắc. Vì sao? Vì chấp thủ tướng đều là phiền não.

Những tướng đó là gì? Đó là tướng sắc, tướng thọ, tưởng, hành, thức cho đến tướng tất cả Đà la ni môn, tướng tất cả Tam ma địa môn. Đối với các tướng này mà chấp trước thì gọi là phiền não. Vì thế, không thể chấp tướng mà tu đắc Nhất thiết trí trí. Nếu người chấp tướng tu đắc Nhất thiết trí trí thì **phạm chí***(1)* **Thắng Quân**, đối với Nhất thiết trí trí không cần tin hiểu. Những gì gọi là tướng tin hiểu đó? Nghĩa là đối với Bát nhã Ba la mật thâm sâu **sanh lòng tin thanh tịnh**. Do lực thắng giải, suy lường, quán sát Nhất thiết trí trí. Không dùng tướng làm phương tiện, cũng không dùng phi tướng làm phương tiện. Vì tướng và phi tướng đều không thể nắm giữ. Phạm chí Thắng Quân này tuy do sức tín giải qui y Phật Pháp gọi là **tùy tín hành, nhưng có thể nhờ bản tánh không mà ngộ nhập Nhất thiết trí trí**. Đã ngộ nhập rồi nên không chấp giữ tướng sắc, không chấp giữ tướng thọ, tưởng, hành, thức; cho đến không chấp giữ tướng tất cả Đà la ni môn, tướng tất cả Tam ma địa môn. Vì sao? **Vì nhất thiết pháp tự tướng đều là không, năng thủ, sở thủ đều bất khả đắc**. Vì sao? Vì phạm chí không dùng hiện quán nội đắc mà quán Nhất thiết trí trí. Không dùng hiện quán ngoại đắc mà quán Nhất thiết trí trí. Không dùng hiện quán nội ngoại đắc mà quán Nhất thiết trí trí. Không dùng hiện quán vô trí đắc mà quán Nhất thiết trí trí. Không dùng hiện quán đắc những pháp khác mà quán Nhất thiết trí trí. Cũng không dùng hiện quán bất đắc mà quán Nhất thiết trí trí. Vì sao? Vì phạm chí Thắng Quân này không thấy sở quán Nhất thiết trí trí; không thấy Bát Nhã là năng quán, không thấy người quán, không thấy chỗ y cứ để quán và không thấy lúc khởi quán.

Phạm chí Thắng Quân này chẳng ở trong sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà quán Nhất thiết trí trí. Chẳng ở ngoài sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà quán Nhất thiết trí trí. Chẳng ở trong ngoài sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà quán Nhất thiết trí trí. Cũng chẳng phải lìa sắc, thọ, tưởng, hành, thức quán Nhất thiết trí trí, cho đến chẳng phải ở trong tất cả Đà la ni môn, Tam ma địa môn mà quán Nhất thiết trí trí. Chẳng phải ở ngoài tất cả Đà la ni môn, Tam ma địa môn mà quán Nhất thiết trí trí. Chẳng phải ở trong ngoài tất cả Đà la ni môn, Tam ma địa môn mà quán Nhất thiết trí trí. Cũng chẳng phải lìa tất cả Đà la ni môn, Tam ma địa môn mà quán Nhất thiết trí trí. Vì sao? **Vì hoặc là nội, hoặc là ngoại, hoặc nội ngoại, hoặc lìa nội**

ngoại, tất cả đều không, bất khả đắc. Phạm chí Thắng Quân này **do lìa các tướng môn** như vậy, nên **đối với Nhất thiết trí trí phát sanh lòng tin hiểu thâm sâu.** Do tin hiểu như vậy nên đối với tất cả pháp đều không chấp trước. Vì thật tướng các pháp bất khả đắc. Như vậy, phạm chí nhờ môn lìa tướng, đối với Nhất thiết trí trí được tin hiểu rồi, đối với tất cả pháp đều không chấp tướng, cũng không tư duy các pháp vô tướng, vì pháp: **Tướng, vô tướng đều bất khả đắc**. Như vậy, phạm chí do lực thắng giải đối với tất cả pháp không lấy, không bỏ, vì trong pháp thật tướng không có lấy bỏ. Bấy giờ, phạm chí đó với sự tự tin hiểu của mình cho đến Niết bàn cũng không chấp trước. Vì sao? **Vì bản tánh tất cả pháp đều không, không thể nắm giữ.**

Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát chứng đắc Bát Nhã cũng lại như vậy. Đối với tất cả pháp không có chấp trước nên có thể từ bờ này đến bờ kia. Nếu đối với các pháp có chấp trước dù nhỏ nhiệm bằng mảy lông thì chẳng thể đến được bờ kia. Vì thế, Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã không nắm giữ tất cả sắc, không nắm giữ tất cả thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì tất cả pháp không thể nắm giữ, cho đến không chấp tất cả môn Đà la ni, không nắm giữ tất cả môn Tam ma địa. Vì sao? Vì tất cả pháp không thể nắm giữ. Bồ Tát này tuy đối với tất cả sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cho đến tất cả Đà la ni môn, Tam ma địa môn, hoặc chung, hoặc riêng đều không nắm giữ. Nhưng vì bản nguyện thực hành bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo chưa viên mãn. Và vì bản nguyện chứng đắc Phật mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng chưa thành tựu, nên trong thời gian đó hoàn toàn không thể nắm giữ tất cả tướng để vào Niết bàn.

Bồ Tát này tuy có thể viên mãn bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo và có thể thành tựu Phật mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, **nhưng không thấy** bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo và không thấy Phật mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Vì sao? Vì bốn niệm trụ này tức chẳng phải bốn niệm trụ, cho đến tám chi Thánh đạo tức chẳng phải tám chi Thánh đạo. Và Phật mười lực tức chẳng phải Phật mười lực, cho đến mười tám pháp Phật bất cộng tức chẳng phải mười tám pháp Phật bất cộng. **Vì tất cả pháp chẳng phải pháp, chẳng phải phi pháp. Bồ Tát này khi tu hành Bát Nhã tuy không chấp trước sắc, không chấp trước thọ, tưởng, hành, thức, cho đến không chấp trước mười tám pháp Phật bất cộng mà có thể thành tựu tất cả sự nghiệp.**

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã nên quán sát kỹ như vầy: Những gì là Bát nhã Ba la mật? Vì sao gọi là Bát nhã Ba la mật? Bát nhã Ba la mật của ai? Bát nhã Ba la mật như vậy dùng để làm gì?

Bồ Tát này khi tu hành Bát nhã Ba la mật quán sát kỹ pháp nào vô sở hữu bất khả đắc, **pháp vô sở hữu bất khả đắc đó chính là Bát nhã Ba la mật.** Ở trong vô sở hữu bất khả đắc đó, còn chỗ nào để gạn hỏi!

Khi ấy, Xá lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

- Trong đây, pháp nào gọi là vô sở hữu bất khả đắc?

Thiện Hiện đáp:

- Pháp Bát Nhã cho đến pháp bố thí Ba la mật là vô sở hữu bất khả đắc, bởi nội không cho đến cho đến vô tánh tự tánh không vậy.

Này Xá lợi Tử! Pháp sắc là vô sở hữu bất khả đắc; pháp thọ, tưởng, hành, thức là vô sở hữu bất khả đắc. Pháp không nội là vô sở hữu bất khả đắc, cho đến pháp không không tánh tự tánh là vô sở hữu bất khả đắc. Pháp bốn niệm trụ cho đến pháp tám chi Thánh đạo là vô sở hữu bất khả đắc. Pháp Phật mười lực cho đến pháp mười tám pháp Phật bất cộng là vô sở hữu bất khả đắc. Pháp sáu phép thần thông là vô sở hữu bất khả đắc, pháp chơn như cho đến pháp thật tế là vô sở hữu bất khả đắc. Pháp Dự lưu là vô sở hữu bất khả đắc; pháp Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác là vô sở hữu bất khả đắc. Pháp Bồ Tát là vô sở hữu bất khả đắc. Pháp chư Phật là vô sở hữu bất khả đắc. **Pháp Nhất thiết trí trí là vô sở hữu bất khả đắc, bởi nội không cho đến cho đến vô tánh tự tánh không vậy.**

Này Xá lợi Tử! Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã có thể quán sát kỹ các pháp đều vô sở hữu bất khả đắc. Như vậy, thì tâm không chìm đắm, cũng không lo lắng, ăn năn, không kinh, không hãi, không sợ. Nên biết Bồ Tát này có thể đối với Bát nhã Ba la mật thường chẳng xa lìa.

Xá lợi Tử lại hỏi Thiện Hiện:

- Do đâu mà biết các Bồ Tát này thực hành Bát Nhã, có thể đối với Bát nhã Ba la mật thường chẳng xa lìa?

Thiện Hiện đáp:

- Bồ Tát này khi tu hành Bát Nhã, như thật biết sắc **lìa tự tánh** sắc; thọ, tưởng, hành, thức lìa tự tánh thọ, tưởng, hành, thức; như thật biết bố thí lìa tự tánh bố thí, cho đến Bát nhã Ba la mật, lìa tự tánh Bát nhã Ba la

mật; như thật biết mười tám pháp Phật bất cộng, lìa tự tánh mười tám pháp Phật bất cộng; như thật biết thật tế, lìa tự tánh thật tế.

Này Xá lợi Tử! Do đó nên biết các Bồ Tát này khi thực hành Bát nhã Ba la mật có thể đối với Bát nhã Ba la mật thường không xa lìa.

Xá lợi Tử lại hỏi Thiện Hiện:

- Những gì là tự tánh của sắc? Những gì là tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức? Cho đến những gì là tự tánh thật tế?

Thiện Hiện đáp:

- Vô tánh là tự tánh của sắc, vô tánh là tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức, cho đến vô tánh là tự tánh của thật tế. Do đó nên biết sắc lìa tự tánh sắc; thọ, tưởng, hành, thức lìa tự tánh thọ, tưởng, hành, thức, cho đến thật tế lìa tự tánh thật tế. Sắc cũng lìa tướng sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng lìa tướng thọ, tưởng, hành, thức; cho đến thật tế cũng lìa tướng thật tế. Này Xá lợi Tử! Tự tánh cũng lìa tự tánh; tướng cũng lìa tướng. Tự tánh cũng lìa tướng; tướng cũng lìa tự tánh.

Bấy giờ, Xá lợi Tử nói với Thiện Hiện:

- Bồ Tát nào học điều này có thể mau thành tựu Nhất thiết trí trí chăng?

Thiện Hiện bảo:

- Đúng vậy! Đúng như lời ông nói. Bồ Tát nào học điều này có thể mau thành tựu Nhất thiết trí trí. Vì sao? Vì **Bồ Tát này biết tất cả pháp không sanh thành vậy.**

Xá lợi Tử lại hỏi:

- Do đâu các pháp là không sanh, không thành?

Thiện Hiện đáp:

- Vì sắc là không nên sanh hay thành đều bất khả đắc; vì thọ, tưởng, hành, thức là không nên sanh hay thành đều bất khả đắc. Như vậy, cho đến vì thật tế là không nên sanh hay thành đều bất khả đắc.

Này Xá lợi Tử! Bồ Tát có thể đối với Bát nhã Ba la mật học như vậy thì gần với Nhất thiết trí trí. Học như vậy, được thân thanh tịnh, ngữ thanh tịnh, ý thanh tịnh, tướng thanh tịnh. Như vậy, đắc được bốn pháp thân, ngữ, ý, tướng thanh tịnh. Như vậy, không sanh tâm tham, sân, si, mạn, dối gạt, xan tham, kiến chấp tương ưng với tà kiến. Bồ Tát này do không sanh tâm tham, sân, si v.v... nên rốt ráo không đọa vào thai người nữ, thường

được hóa sanh, xa lìa cảnh giới hiểm ác; trừ khi vì nhân duyên làm lợi lạc cho hữu tình. Bồ Tát này từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen chư Phật Thế Tôn, giáo hóa hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, cho đến chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đã mong cầu, thường không xa Phật.

Này Xá lợi Tử! Nếu Bồ Tát muốn được công đức thắng lợi như vậy, phải học Bát Nhã, không được bê trễ!

Thích nghĩa:

Giáo thuyết Bát Nhã của năm Hội đầu đại cương do Phật thuyết đều giống nhau: Hiểu một Hội là có thể hiểu hết năm Hội. Các thích nghĩa của các Hội tiếp theo Hội thứ I (từ Hội thứ II cho đến hết Hội thứ V) đều giống nhau, nên không cần lặp lại mất thời giờ chỉ trừ một vài trường hợp đặc biệt cần cập nhật. Thích nghĩa của phẩm nầy giống như thích nghĩa ở phẩm "Vô Trụ", cuối Q.36 cho đến Q.37, Hội thứ I, ĐBN. Các đạo hữu xem lại thích nghĩa ở phẩm "Vô Trụ", Hội thứ I, ĐBN nêu trên.

(1). Phạm chí(Phạm: Bràhmaịa) có 3 nghĩa:

1- Phạm Chí. Hán âm: Bà la môn, Phạm sĩ. Hán dịch: Tịnh duệ, Tịnh hạnh. Cũng gọi Tịnh hạnh giả, Tịnh hạnh phạm chí. Chỉ cho người Bà la môn, sống thanh tịnh, cầu được sinh về cõi Phạm thiên. Theo Huyền ứng âm nghĩa quyển 18 thì Bà la môn lẽ ra phải đọc là Bà la hạ ma noa, chỉ cho người tu tập theo pháp của Phạm thiên. Bà la môn tự nhận mình sinh ra từ miệng Phạm thiên, là dòng họ cao quí nhất trong 4 dòng họ, cho nên đặc biệt lấy tên là Phạm. Theo Du già luận kí quyển 19 phần đầu thì Phạm là tiếng Ấn độ, Hán dịch là Tịch tĩnh, Niết bàn; Chí là tiếng Trung quốc, quyết chí cầu Phạm, cho nên ghép chung 2 chữ lại thành là Phạm chí (nửa Ấn nửa Tàu). Các Phạm chí thấy ghi rải rác trong Kinh điển như Phạm chí Trường trảo, Phạm chí Loa kế... đều là Bà la môn, sau trở thành đệ tử nổi tiếng của đức Phật. Ngoài ra, con gái của Phạm chí, hoặc cô gái tu theo đạo Phạm, gọi là Phạm nữ. [X. Kinh Mã ấp trong Trung a hàm Q.48; Kinh Tăng nhất a hàm Q.9; Kinh Pháp cú Q.hạ; Đại nhật Kinh sớ Q.4]. (xt. Bà La Môn).

2- Phạm Chí: Từ gọi chung tất cả những người xuất gia của ngoại đạo Ấn độ. Luận Đại Trí Độ quyển 56 (Đại 25, 461 trung) nói: Phạm chí chỉ cho tất cả những người xuất gia của ngoại đạo. Hoặc người chỉ theo đạo Phạm mà không xuất gia, cũng gọi là Phạm chí.

Phạm Chí: Đối lại với Ni kiền mà gọi Bà la môn tại gia là Phạm chí. Theo Pháp hoa văn cú kí quyển 9 thượng, người tại gia thờ Phạm thì gọi là Phạm chí, còn ngoại đạo xuất gia thì gọi chung là Ni kiền. Nhưng Pháp hoa Kinh yếu giải quyển 5 thì ngược lại cho rằng ngoại đạo tại gia gọi là Ni kiền, còn ngoại đạo xuất gia thì gọi là Phạm chí. (Phật Quang tự điển)

Chúng tôi thích nghĩa "Phạm Chí" nhiều lần. Ý nghĩa về Phạm Chí mà chúng tôi trích dẫn từ các nguồn tự điển khác nhau tuy có khác nhau đôi chút, nhưng sự khác biệt này chỉ bổ túc cho nhau hơn là mâu thuẫn. Phạm Chí trong đạo Phật có nghĩa xấu lẫn tốt tùy theo trường hợp mà Kinh miêu tả, không có nhất định. ***TB***

Sơ giải:

Dẫn ý:

Phẩm này thuyết về "vô trụ" và lòng tin thanh tịnh, lìa tướng của Phạm Chí. Mở đầu phẩm này giải thích được "Tâm Kinh" khi nói về Sắc, Tâm và Tánh không Bát Nhã. Khi Tâm không thì Sắc chẳng khác Tâm, Tâm chẳng khác Sắc, Sắc tức là không, không tức là Sắc. Thọ tưởng hành thức cũng lại như thế. Hiểu đoạn đầu của phẩm này thì hiểu được "Tâm Kinh". Vì sao? Vì thấy Sắc mê Sắc, liền trụ Sắc, bị Sắc che, nên "mất tâm". Vì vậy, Kinh bảo:

"… Các Bồ Tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật, không nên trụ vào sắc cho đến thức. Không nên trụ vào 12 xứ, 18 giới. Không nên trụ vào vô minh cho đến lão tử. Vì sao? **Vì sắc, tánh sắc là không. Thọ, tưởng, hành, thức, tánh thọ, tưởng, hành, thức là không.** Sắc không này chẳng phải sắc. Sắc chẳng lìa không, không chẳng lìa sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ tưởng hành thức cũng lại như thế. Bởi nhân duyên đây, các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, chẳng nên trụ sắc cho đến thức. Cho đến lão tử, nên biết cũng như vậy".

Đoạn Kinh này khác với "Tâm Kinh" ở chỗ "Tâm Kinh" do **tâm không** *mà không bị trần cảnh làm quái ngại, còn đoạn Kinh này nói* ***vô sở đắc, vô trụ*** *thì tâm không bị chướng ngại. Cách nói có khác nhưng "giáo nghĩa" không khác. Tâm Kinh lấy Tánh không làm cốt tủy, trong khi vô sở hữu, bất khả đắc cũng được xem là "**từ khác của Không**". Nên nói giáo nghĩa không khác.*

Phần chính còn lại của phẩm này đề cập hai vấn đề: 1. Vô trụ và 2. Phạm chí Thắng Quân tu Nhất thiết trí trí với pháp môn ly tướng:

1. Vô trụ:

"Cả đến Nhất thiết tướng trí đã hoàn thành đó, cũng chẳng nên nhiếp thọ. Như vậy, Nhất thiết tướng trí đã chẳng nên nhiếp thọ, thì liền chẳng phải là Nhất thiết tướng trí. Vì sao? Nhất thiết tướng trí này chẳng phải thủ đắc tướng mà tu đắc. Vì sao? Vì có thủ đắc là có phiền não!"

Những gì là tướng? Đó là tướng sắc, tướng thọ, tưởng, hành, thức cho đến tướng của tất cả pháp Phật. Nếu chấp đắm các tướng này, liền bị nó trói, không còn tự tại nữa, nên gọi là phiền não. ***Vì vậy, không thể lấy tướng mà tu đắc Nhất thiết trí trí, chỉ do tín giải mà thành tựu Nhất thiết trí trí.***

Những gì gọi là tín giải? Nghĩa là đối với Bát nhã Ba la mật thâm sanh tịnh tín. Do sức hiểu biết thù thắng mà tư duy, quán sát Nhất thiết trí trí, không dùng tướng làm phương tiện, cũng chẳng phải dùng phi tướng làm phương tiện, vì tướng và phi tướng đều không thể thủ đắc. Người tu hành dõng mãnh có khả năng ***dùng bản tánh không*** *mà ngộ nhập Nhất thiết trí trí. Đã ngộ nhập rồi, chẳng thủ đắc tướng sắc, chẳng thủ đắc tướng thọ, tưởng, hành, thức cho đến chẳng thủ đắc tướng tất cả pháp Phật. Vì sao?* ***Vì tự tướng của tất cả pháp đều không, nên năng thủ, sở thủ đều chẳng thể nắm bắt được****. Làm sao nắm bắt không được?*

Như vậy, người tu hành chẳng dùng các hiện quán mà quán Nhất thiết trí trí. Vì sao? Người tu hành dõng mãnh ấy, chẳng thấy sở quán là Nhất thiết trí trí, chẳng thấy năng quán là Bát Nhã, chẳng thấy người quán và chỗ (dựa vào) để quán. Người tu hành dõng mãnh ấy, chẳng phải đối với nội sắc, chẳng phải đối với nội thọ, tưởng, hành, thức mà quán Nhất thiết

trí trí; chẳng phải đối với ngoại sắc, chẳng phải đối với ngoại thọ, tưởng, hành, thức mà quán Nhất thiết trí trí; chẳng phải đối với nội ngoại sắc, chẳng phải đối với nội ngoại thọ, tưởng, hành, thức mà quán Nhất thiết trí trí, cũng chẳng phải lìa sắc, cũng chẳng phải lìa thọ, tưởng, hành, thức mà quán Nhất thiết trí trí, cho đến chẳng phải đối với tất cả pháp Phật hay lìa tất cả pháp Phật mà quán Nhất thiết trí trí.

Người tu hành dõng mãnh ấy, dùng các pháp môn lìa tướng như vậy v.v... đối với Nhất thiết trí trí ***phát sanh tín giải sâu sắc****. Vì do tín giải này, nên đối với tất cả pháp, chẳng thủ đắc, chẳng đắm trước, vì thật tướng của các pháp chẳng thể nắm bắt được. Như vậy, người tu hành* ***dùng pháp môn lìa tướng*** *đối với Nhất thiết trí trí, đắc tín giải rồi, đối với tất cả pháp đều không thủ đắc tướng, cũng chẳng tư duy về cái vô tướng của các pháp, vì tướng, phi tướng của các pháp đều chẳng thể nắm bắt được. Như vậy, kẻ tu do sức thắng giải nên đối với tất cả pháp chẳng thủ, chẳng xả,* ***vì trong thật tướng của tất cả pháp chẳng thủ, chẳng xả****. Khi ấy, kẻ tu kia, đối với sự tín giải của mình, cho đến đối với Niết bàn, cũng chẳng thủ đắc đắm trước. Vì sao? Vì bản tánh của tất cả pháp đều là không, chẳng thể nắm bắt được.*

Quán tất cả pháp đều không, bất khả đắc nên không trụ bất cứ pháp nào dù pháp ấy mang lại nhiều thắng diệu nhất, cũng không thủ, không trụ. Phạm chí Thắng Quân nhờ xa lìa tất cả tướng, phát sanh tín giải sâu sắc nên có thể tu hành Bát Nhã mà ngộ nhập Nhất thiết trí trí.

Tất cả luận giải này là sự phối hợp nhịp nhàng giữa Tánh không (ly tướng) với các pháp tu vô sở hữu, bất khả đắc và vô trụ, không chấp, không thủ, không chứng, không đắc, không trụ làm phương tiện.

2. Phạm Chí Thắng quân và môn ly tướng:

Kinh nói rằng: “Nếu lấy tướng tu đắc Nhất thiết trí trí ấy, Phạm chí Thắng Quân đối Nhất thiết trí trí chẳng nên tin hiểu. Thắng Quân Phạm chí này do sức tin hiểu quay về Phật pháp gọi **tùy tín hành**, mà năng **đem chút ít trí quán tất cả pháp tánh không**, ngộ vào Nhất thiết trí trí. Đã ngộ vào rồi, chẳng thủ tướng sắc, cũng chẳng thủ tướng thọ tưởng hành thức. Chẳng lấy vui mừng quán thấy trí đây, chẳng lấy được nghe quán

thấy trí đây. Chẳng lấy nội sắc quán thấy trí đây, chẳng lấy ngoại sắc quán thấy trí đây, chẳng lấy nội ngoại sắc quán thấy trí đây, cũng chẳng lìa sắc quán thấy trí đây. Chẳng lấy nội thọ tưởng hành thức quán thấy trí đây, chẳng lấy ngoại thọ tưởng hành thức quán thấy trí đây, chẳng lấy nội ngoại thọ tưởng hành thức quán thấy trí đây, cũng chẳng lìa thọ tưởng hành thức quán thấy trí đây.

Thắng Quân Phạm chí dùng các môn ly tướng như thế đối Nhất thiết trí trí rất sanh tin hiểu, gọi tùy tín hành, đối tất cả pháp đều không lấy đắm. Như vậy, Phạm chí dùng môn ly tướng đối Nhất thiết trí trí được tin hiểu rồi, đối tất cả pháp đều chẳng lấy tướng, cũng chẳng suy gẫm các pháp vô tướng. Như vậy Phạm chí do sức hiểu cao, đối tất cả pháp chẳng lấy chẳng bỏ, không chứng, không đắc. Phạm chí kia đối sự tin hiểu cho đến Niết bàn cũng chẳng lấy đắm.

Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát bằng Bát nhã Ba la mật sâu xa chẳng nhiếp thọ sắc, cũng chẳng nhiếp thọ: Thọ, tưởng, hành, thức. Dù đối các pháp không sở nhiếp thọ, nếu chưa viên mãn Như Lai 10 lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại giải và 18 pháp Phật bất cộng thảy, quyết chẳng giữa đường vào bát Niết bàn. Phải biết đại Bồ Tát hành Bát Nhã sâu xa dù không lấy đắm mà năng thành xong Nhất thiết trí trí, lợi ích an vui tất cả hữu tình”.

Phạm Chí Thắng quân do sức tin hiểu quay về Phật pháp gọi tùy tín hành, mà năng đem chút trí quán tất cả pháp tánh không, ngộ nhập Nhất thiết trí trí. Một khi đã ngộ vào, không thủ tướng các uẩn, dùng các môn ly tướng đối với các pháp đều không lấy đắm, cũng chẳng tư duy về pháp vô tướng. Đối với tất cả pháp chẳng lấy chẳng bỏ, không chứng không đắc cho đến Niết Bàn cũng chẳng chấp đắm. Vì sao? Vì bản tánh tất cả pháp đều không, không thể nắm giữ.

Các Bồ Tát chứng đắc Bát Nhã cũng lại như vậy. Đối với tất cả pháp không có chấp đắm, chẳng nhiếp thọ các uẩn, tu tập các pháp Phật cho được viên mãn, quyết giữa đường không nhập Niết bàn, thì phải biết các vị tu hành Bát Nhã như thế năng thành xong Nhất thiết trí trí, lợi ích yên vui tất cả hữu tình.

***Bởi vì, một khi chấp thủ tướng tức theo tướng mà hành. Theo tướng hành thì không tránh khỏi trở ngại, nên Kinh bảo* “thủ đắc tướng đều là phiền não!”**

Đây là một phẩm dễ tu, nhưng rất khó thực hành, chỗ khó thực hành là chẳng thấy tướng hay vô tướng hay nói khác là ly tướng.

*Nên **Đại Trí Độ Luận phẩm thứ 9, "Tập Tán", Tập 3, quyển 42,** nói rằng:*

"Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật phải chẳng thủ, mà cũng chẳng xả mới vào được Bát nhã Ba la mật, mới được đầy đủ Bát nhã Ba la mật.

Vì sao? Vì tướng thế gian và tướng Niết Bàn là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Thế gian và Niết Bàn chỉ là một tướng (nhất tướng), là chẳng có tướng (vô tướng).

Cứ như vậy mà tu hành, thì sẽ diệt được hết thảy các chấp tướng. Thế nhưng, nếu chưa có được đầy đủ công đức thì chưa nên diệt sạch các chấp tướng. Vì sao? Vì còn phải cần dùng đến các pháp tướng để hành đạo; còn phải lấy các pháp tướng để làm phương tiện hành đại từ đại bi.

Bồ Tát cầu Phật đạo ở trong các pháp tướng mà vẫn biết rõ các pháp tướng đều là vô tướng. Bởi vậy nên Bồ Tát chẳng thấy một pháp nào có định tướng cả, chẳng thấy có tướng xấu, có tướng tốt, dẫn đến chẳng thấy có tướng thủ, có tướng xả.

Bởi nhân duyên vậy, nên trong kinh nói: Pháp chẳng phải là pháp (phi pháp), mà cũng chẳng phải chẳng phải pháp (phi phi pháp)".

*Kinh đã khó hiểu mà Luận cũng không dễ gì. Vậy, cứ tu ly tướng như Phạm Chí Thắng quân: Do sức tin hiểu quay về Phật pháp gọi là **tùy tín hành, năng đem chút trí quán tất cả pháp tánh không, ngộ nhập Nhất thiết trí trí**. Một khi đã ngộ vào, không thủ tướng các uẩn, đối với các pháp đều không lấy đắm, cũng chẳng tư duy về pháp tướng hay vô tướng. Đối với tất cả pháp chẳng thủ chẳng xả, không chứng không đắc cho đến Niết Bàn cũng chẳng chấp. Như vậy, mới hy vọng ly tướng. Tu Bát Nhã là phải lìa tướng, Kinh Kim Cương Năng Đoạn bảo: "Không thấy tướng mới thấy Như Lai"./.*

---o0o---

09. PHẨM “HÀNH TƯỚNG”

(Sự vận hành của tướng)

Cuối Q.409 đến đầu Q.410, Hội thứ II, ĐBN.

(Tương đương phẩm “Bát Nhã Hành Tướng”, Q.38 đến Q.41, Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Bồ Tát nào **không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát Nhã, nếu hành sắc là hành theo tướng** đó, nếu hành thọ, tưởng, hành, thức tức là hành theo tướng đó. **Nếu hành thường, vô thường của sắc là hành theo tướng đó, nếu hành thường, vô thường của thọ, tưởng, hành, thức là hành theo tướng đó.** Nếu hành lạc hay khổ của sắc là hành theo tướng đó, nếu hành lạc hay khổ của thọ, tưởng, hành, thức là hành theo tướng đó. Nếu hành ngã hay vô ngã, hành tịnh hay bất tịnh, viễn ly hay bất viễn ly, tịch tịnh hay bất tịch tịnh, của ngũ uẩn tức là hành theo tướng đó. Nếu hành bốn niệm trụ là hành theo tướng đó, cho đến nếu hành mười tám pháp Phật bất cộng là hành theo tướng đó. Nếu suy nghĩ như vầy: Ta hành Bát Nhã, **vì có sở đắc** nên là hành theo tướng đó. Hoặc suy nghĩ: Ta là Bồ Tát, vì có sở đắc nên là hành theo tướng đó. Hoặc suy nghĩ: Có khả năng tu hành Bát Nhã như vậy, là Bồ Tát tu hành Bát nhã Ba la mật có sở đắc nên là hành theo tướng đó.

(Để giải thích thế nào là hành thường và vô thường. ***Đại Trí Độ luận phẩm thứ mười, “Hành Tướng”, quyển 43*** *đặt câu hỏi:*

“**Hỏi:** *Vì sao nói rằng hành Bát nhã Ba la mật mà chấp ngũ ấm là thường, là vô thường v.v... đều là chỉ hành tướng?*

Đáp: Thường có hai nghĩa. Đó là:

- Thường trong vô thường. Ví như nói trú trăm năm, ngàn năm, vạn năm... sống tám vạn kiếp v.v... là thường, thì đó là chỉ thường trong vô thường. Vì sao ? Vì rốt sau cùng rồi cũng phải quy tịch.

- Thường trong thường trú bất hoại. Ví như nói pháp thân thường trú, nói Niết Bàn tịch diệt v.v...

Phàm phu khi thấy một pháp hòa hợp trú trong một thời gian tương đối lâu dài, thì chấp pháp ấy là thường tướng. Người tu hành, khi đã chứng được Niết Bàn, mà còn sanh tưởng về Niết Bàn, thì rơi về chấp thường tướng”).

Kinh thuyết tiếp:

Bạch Thế Tôn! Bồ Tát nào phân biệt các pháp như vậy, tu hành Bát Nhã không có phương tiện thiện xảo, nên chẳng phải hành Bát nhã Ba la mật.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện bảo Xá lợi Tử:

- Nếu Bồ Tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát Nhã, đối với sắc trụ tưởng thắng giải, thì đối với sắc phát sanh tạo tác; hoặc đối với thọ, tưởng, hành, thức trụ tưởng thắng giải, thì đối với thọ, tưởng, hành, thức phát sanh hành động. Do phát sanh hành động, nên không thể giải thoát sanh, lão, bệnh, tử đời này hay khổ đau đời sau. Nếu Bồ Tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát Nhã, đối với mười hai xứ, mười tám giới thì đối với mười hai xứ, mười tám giới giới trụ tưởng thắng giải, sẽ phát sanh hành động. Do phát sanh hành động, nên không thể giải thoát sanh, lão, bệnh, tử đời này hay khổ đau đời sau. Nếu Bồ Tát không có phương tiện thiện xảo, khi tu hành Bát Nhã, đối với tất cả pháp Phật trụ tưởng thắng giải, thì đối với tất cả pháp Phật phát sanh hành động. Do phát sanh hành động như vậy, nên không thể giải thoát sanh, lão, bệnh, tử v.v…

Này Xá Lợi Tử! Các Bồ Tát này vì không phương tiện khéo léo, chẳng thể trụ bậc Thanh Văn, Độc giác, huống được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Này Xá lợi Tử! Nếu Bồ Tát tu hành như vậy, thì nên biết đó là người không có phương tiện thiện xảo. **Muốn thành tựu mà không có phương tiện thì làm việc gì cũng không thể thành tựu được.**

Khi ấy, Xá lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

- Tôn giả! Làm sao biết được các Bồ Tát tu hành Bát Nhã có phương tiện thiện xảo?

Thiện Hiện đáp:

- Bồ Tát nào khi tu hành Bát Nhã mà **có phương tiện thiện xảo**, thì **không hành sắc, không hành theo tướng sắc**; không hành thọ, tưởng,

hành, thức, không hành theo tướng của thọ, tưởng, hành, thức. Không hành ngũ uẩn, không hành theo tướng ngũ uẩn là thường hay vô thường, lạc hay khổ, ngã hay vô ngã, hành tịnh hay bất tịnh, không hay bất không, hữu tướng hay vô tướng, hữu nguyện hay vô nguyện, tịch tịnh hay bất tịch tịnh, viễn ly hay bất viễn ly. Không hành bốn niệm trụ, không hành theo tướng bốn niệm trụ, cho đến không hành mười tám pháp Phật bất cộng; không hành theo tướng 18 pháp Phật bất cộng.

Này Xá lợi Tử! Nên biết như vậy là Bồ Tát có phương tiện thiện xảo tu hành Bát Nhã. Vì sao? Vì sắc đây chẳng phải sắc không, sắc không đây chẳng phải sắc. Sắc chẳng lìa không, không chẳng lìa sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ tưởng hành thức cũng lại như thế. Cho đến mười tám pháp Phật bất cộng đây chẳng phải mười tám pháp Phật bất cộng không, mười tám pháp Phật bất cộng không đây chẳng phải mười tám pháp Phật bất cộng. Mười tám pháp Phật bất cộng chẳng lìa không, không chẳng lìa mười tám pháp Phật bất cộng. Mười tám pháp Phật bất cộng tức là không, không tức là mười tám pháp Phật bất cộng.

Này Xá lợi Tử! Như vậy, Bồ Tát tu hành Bát Nhã có phương tiện thiện xảo, nên có thể chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Này Xá lợi Tử! Bồ Tát này khi tu hành Bát Nhã, đối với Bát nhã Ba la mật không chấp lấy hành, không chấp lấy chẳng hành, không chấp lấy cũng hành cũng chẳng hành, không chấp lấy chẳng phải hành chẳng phải chẳng hành, đối với không chấp lấy cũng không chấp nốt.

Khi ấy, Xá lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

- Thưa Tôn giả! Do đâu mà Bồ Tát này khi tu hành Bát Nhã, đối với Bát nhã Ba la mật đều không sở chấp?

Thiện Hiện đáp:

- Do tự tánh Bát nhã Ba la mật bất khả đắc. Vì sao? Vì **Bát nhã Ba la mật lấy vô tánh làm tự tánh**.

Này Xá lợi Tử! Do nhân duyên này Bồ Tát nào khi tu hành Bát Nhã, đối với Bát nhã Ba la mật hoặc chấp hành, hoặc chấp không hành, hoặc chấp cũng hành cũng không hành, hoặc chấp chẳng hành hoặc chấp chẳng phải chẳng hành. Như vậy, tất cả chẳng phải hành Bát Nhã. Vì sao? **Vì tất cả pháp đều dùng vô tánh làm tự tánh nên không thủ, không chấp.** Đó là Bồ Tát đối với tất cả pháp không chấp trước Tam ma địa. Tam ma địa

này vi diệu, thù thắng, rộng lớn vô lượng, có thể tập hợp vô biên vô ngại tác dụng, không đồng với tất cả Thanh văn, Độc giác.

Này Xá lợi Tử! Nếu Bồ Tát có thể đối với Tam ma địa thù thắng như vậy, thường trụ không xả thì mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Bấy giờ, Xá lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

- Các Bồ Tát chỉ đối với một Tam ma địa này thường trụ không xả, mau chứng Vô thượng Bồ đề, hay còn có các Tam ma địa nào khác?

Thiện Hiện đáp:

- Chẳng phải đối với một Tam ma địa này thường trụ không xả, làm cho các Bồ Tát mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, mà còn có các Tam ma địa khác.

Xá lợi Tử lại hỏi:

- Còn các Tam ma địa nào khác nữa?

Thiện Hiện đáp:

- Các Bồ Tát có Tam ma địa Kiện hành, Tam ma địa Bửu ấn, Tam ma địa Sư tử du hý, Tam ma địa Diệu nguyệt, Tam ma địa Nguyệt tràng tướng, Tam ma địa Nhất thiết pháp hải, Tam ma địa Quán đỉnh, Tam ma địa Pháp giới quyết định, Tam ma địa Quyết định tràng tướng, Tam ma địa Kim cương dụ v.v… vô lượng, vô số Tam ma địa môn, Đà la ni môn khác.

Này Xá lợi Tử! Nếu Bồ Tát đối với các Tam ma địa và Đa la ni như vậy thường an trụ, thì mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Bấy giờ, Thiện Hiện lại bảo cụ thọ Xá lợi Tử:

- Bồ Tát an trụ các Tam ma địa như vậy nên biết đã được chư Phật quá khứ thọ ký, cũng được mười phương chư Phật hiện tại thọ ký.

Này Xá lợi Tử! Bồ Tát này tuy trụ các Tam ma địa như vậy nhưng **không thấy** các Tam ma địa này, cũng **không chấp** các Tam ma địa như vậy, cũng **không nghĩ**: Ta đã nhập, đang nhập, sẽ nhập các Tam ma địa này. Chỉ mình Ta mới có thể nhập, người khác không thể nhập được. Đối với các suy nghĩ lệch lạc như vậy cũng không phát sanh. *(Q.409, ĐBN)*

Khi ấy, Xá lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

- Ông có chắc là chỉ riêng các Bồ Tát an trụ các Tam ma địa như vậy, đã được chư Phật quá khứ, hiện tại thọ ký chăng?

Thiện Hiện đáp:

Này Xá lợi Tử! Chẳng phải! Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật không khác Tam ma địa, Tam ma địa không khác Bát nhã Ba la mật. Bồ Tát không

khác Bát nhã Ba la mật và Tam ma địa, Bát nhã Ba la mật và Tam ma địa không khác Bồ Tát. **Bát nhã Ba la mật tức là Tam ma địa, Tam ma địa tức là Bát nhã Ba la mật. Bồ Tát tức là Bát nhã Ba la mật và Tam ma địa, Bát nhã Ba la mật và Tam ma địa tức là Bồ Tát. Vì sao? Vì tánh tất cả pháp đều bình đẳng.**

Lúc bấy giờ, Xá lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

- Nếu Tam ma địa không khác Bồ Tát, Bồ Tát không khác Tam ma địa. Tam ma địa tức là Bồ Tát, Bồ Tát tức là Tam ma địa. Hoặc Tam ma địa, hoặc Bồ Tát đối với Bát nhã Ba la mật cũng như vậy thì các Bồ Tát làm thế nào đối với tất cả pháp tự hiểu biết chứng nhập các Tam ma địa của mình được?

Thiện Hiện đáp:

- Nếu Bồ Tát khi nhập các định, không nghĩ: Ta nương vào tánh bình đẳng của tất cả pháp mà chứng nhập các đẳng trì như vậy, do nhân duyên này các Bồ Tát tuy nương vào tánh bình đẳng của tất cả pháp mà chứng nhập các đẳng trì như vậy, nhưng đối với tánh bình đẳng của tất cả pháp và các đẳng trì không phát sanh nghĩ tưởng, hiểu biết. Vì sao? Vì tất cả pháp và các đẳng trì, hoặc Bồ Tát, hoặc Bát nhã Ba la mật đều vô sở hữu. **Trong vô sở hữu, sự phân biệt, nghĩ tưởng, hiểu biết không thể phát sanh.**

Khi ấy, Thế Tôn khen Thiện Hiện:

- Lành thay! Lành thay! Đúng như lời ông nói. Ta nói ông là người đứng đầu trụ định Vô tránh trong chúng Thanh văn. Do đó tương ưng với nghĩa Ta nói vì **trong tánh bình đẳng không có sự chống trái nhau.**

Này Thiện Hiện! Các Bồ Tát muốn học Bát nhã Ba la mật nên học như vậy. Muốn học tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật nên học như vậy. Muốn học bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo nên học như vậy. Cho đến muốn học Phật mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng nên học như vậy.

Bấy giờ, Xá lợi Tử liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Bồ Tát nào học như vậy chính là học Bát Nhã, cho đến chính là học mười tám pháp Phật bất cộng có phải như vậy không?

Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! Bồ Tát nào học như vậy chính là học Bát Nhã vì lấy vô sở đắc làm phương tiện, cho đến chính là học mười tám pháp Phật bất cộng, vì **lấy vô sở đắc làm phương tiện**.

Khi ấy, Xá lợi Tử lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Bồ Tát nào khi học như vậy đều đem vô sở đắc làm phương tiện để học Bát Nhã? Cho đến đều đem vô sở đắc làm phương tiện để học mười tám pháp Phật bất cộng?

Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! Bồ Tát khi học như vậy **đều đem vô sở đắc làm phương tiện** để học cho đến đều đem vô sở đắc làm phương tiện để học mười tám pháp Phật bất cộng.

Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Vô sở đắc ý muốn nói đến bất khả đắc phải chăng?

Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! **Ngã bất khả đắc** cho đến người biết, người thấy bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh. Uẩn, xứ, giới bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh. Vô minh bất khả đắc cho đến lão tử bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh. Bốn Thánh đế bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh. Dục, Sắc, Vô sắc giới bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh. Bốn niệm trụ bất khả đắc cho đến tám chi Thánh đạo bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh. Phật mười lực bất khả đắc cho đến mười tám pháp Phật bất cộng bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh. Bố thí bất khả đắc cho đến Bát nhã Ba la mật bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh. Dự lưu cho đến A la hán bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh. Độc giác bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh. Bồ Tát bất khả đắc, Như Lai bất khả đắc, vì rốt ráo thanh tịnh.

Xá lợi Tử lại thưa:

- Bạch Thế Tôn! Nghĩa rốt ráo thanh tịnh là như thế nào?

Phật đáp:

- Này Xá lợi Tử! **Tất cả pháp không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, không xuất hiện, không ẩn mất, vô đắc, vô vi. Như vậy, là nghĩa rốt ráo thanh tịnh.**

*(Để giải thích điểm này, **phẩm thứ 10, quyển 43, "Hành Tướng", Đại Trí Độ Luận** nói rằng:* "Lại nữa, bất xuất, bất sanh, bất đắc mới là rốt ráo thanh tịnh.

Bởi vậy nên phải chẳng duyên hai bên "hữu - vô", phải chẳng sanh chấp pháp tướng, mới biết rõ được các pháp tướng đều là bất khả đắc, mới ly được các tướng hư vọng, mới được rốt ráo thanh tịnh vậy.

Ngài Xá Lợi Phất lại hỏi: Thế nào là rốt ráo thanh tịnh?

Phật dạy: Hành pháp rốt ráo thanh tịnh là hành pháp vô sở hữu, vô sở đắc, vô sở học. Như vậy là chẳng có Bát nhã Ba la mật, chẳng đắc Bát nhã Ba la mật, chẳng học Bát nhã Ba la mật; dẫn đến chẳng đắc Nhất Thiết Chủng Trí.

Ngài Xá Lợi Phất lại hỏi: Bồ Tát phải học Bát nhã Ba la mật như thế nào?

Phật dạy: Bồ Tát học Bát nhã Ba la mật mà chẳng thấy Bát nhã Ba la mật. Học như vậy mới gọi là học Bát nhã Ba la mật, mới mau được Nhất Thiết Chủng Trí. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật và Nhất Thiết Chủng Trí đều là bất khả đắc cả.

Ngài Xá Lợi Phất lại hỏi : Thế nào gọi là bất khả đắc?

Phật dạy: **Hết thảy các pháp đều là nội không,... nhẫn đến đều là vô pháp hữu pháp không"**).

Kinh thuyết tiếp:

Khi ấy, Xá lợi Tử lại hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ Tát khi học như vậy là học những gì?

Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! **Nếu Bồ Tát khi học như vậy, thì đối với tất cả pháp đều không chỗ học**. Vì sao? Vì không thể trong tất cả pháp như vậy, mà có các hàng phàm phu ngu muội, chấp trước có thể học.

Xá lợi Tử lại hỏi:

- Các pháp như vậy làm sao mà có được?

Phật dạy:

- **Các pháp Vô sở hữu như vậy mà có được**. Nếu đối với pháp vô sở hữu như vậy không thể hiểu rõ thì gọi là vô minh.

Xá lợi Tử hỏi:

- Những pháp gì vô sở hữu hoặc không hiểu biết được gọi là vô minh?

Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! **Sắc vô sở hữu**, thọ, tưởng, hành, thức vô sở hữu, vì pháp không nội cho đến pháp không không tánh tự tánh. Như vậy, bốn

niệm trụ vô sở hữu cho đến mười tám pháp Phật bất cộng vô sở hữu, vì pháp không nội cho đến pháp không vô tánh tự tánh. Phàm phu ngu muội nếu đối với pháp vô sở hữu như vậy không thể hiểu rõ được thì gọi là vô minh. Do vô minh và thế lực ái, người ấy chấp trước phân biệt hai bên đoạn, thường. Do đó không biết, không thấy tánh các pháp vô sở hữu, nên phân biệt các pháp. **Do phân biệt nên sanh chấp trước sắc**, thọ, tưởng, hành, thức, cho đến chấp trước mười tám pháp Phật bất cộng. Do chấp trước nên phân biệt tánh của các pháp vô sở hữu. Do đó đối với pháp mới không biết, không thấy.

*(Để giải thích điểm này**, phẩm thứ 10, "Hành Tướng", quyển 43, Đại trí độ Luận** nói rằng**:*** "Ngài Xá Lợi Phất hỏi Phật: Vì sao chẳng thấy các pháp là vô sở hữu, thì gọi là vô minh?

Phật dạy: Sắc vô sở hữu,..., dẫn đến thập bát bất cộng pháp vô sở hữu.

Nếu chẳng biết như vậy, mà khởi sanh ái niệm, ức tưởng phân biệt, thì gọi là vô minh. Do bị vô minh che tâm, mà rơi về hai chấp "hữu - vô", khiến bỏ mất huệ minh.

Huệ minh là trí huệ vô phân biệt. Do huệ minh mà biết rõ các pháp đều là vô sở hữu tướng, đều là rốt ráo không; lại biết rõ do nơi tâm phân biệt, mà khởi sanh ức tưởng phân biệt, để rồi khởi chấp có ngũ ấm, có thập nhị nhập, có thập bát giới v.v... Cũng do tâm ức tưởng phân biệt, mà khi nghe thuyết về các thiện pháp, như nghe thuyết về sáu pháp Ba La Mật, dẫn đến nghe thuyết về thập bát bất cộng pháp... là liền ức tưởng phân biệt, nên sanh chấp đắm.

Chấp đắm như vậy, thì Thánh pháp cũng trở thành thế gian pháp. Ví như có người dùng ngón tay để chỉ mặt trăng, mà người vô trí chỉ chăm chú nhìn ngón tay, khiến chẳng thấy được mặt trăng vậy. Vì để tâm chấp ngón tay, thì chẳng sao có thể thấy được mặt trăng.

Chư Phật và chư Hiền Thánh, vì hàng phàm phu, mà nói pháp. Trong khi đó thì phàm phu chỉ chấp âm thanh, chấp lời nói, mà chẳng thấy được Thánh ý, nên chẳng biết được thật nghĩa.

Phàm phu do bỏ mất Phật tánh, nên chẳng sao ra khỏi ba cõi, chẳng rời pháp Nhị Thừa, chẳng rõ được Thánh ý.

Phàm phu nghe nói đến pháp Không, mà chẳng tin. Do chẳng tin, nên chẳng làm, chẳng an trú nơi sáu pháp Ba la mật, dẫn đến chẳng an trú nơi thập bát bất cộng pháp, khiến bỏ mất hết các công đức.

Phàm phu, do chấp ngũ ấm, thập nhị nhập, thập bát giới, v.v... mà khởi sanh tà kiến, dấy tâm tham sân si... Lại cũng chấp luôn sáu pháp Ba La Mật, chấp tứ niệm xứ dẫn đến chấp thập bát bất cộng pháp; chấp bốn quả Thanh Văn, dẫn đến chấp quả Vô thượng Bồ đề").

Xá lợi Tử hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Đối với những pháp nào không biết, không thấy?

Phật dạy:

- Đối với sắc không biết, không thấy; đối với thọ, tưởng, hành, thức không biết, không thấy. Cho đến đối với mười tám pháp Phật bất cộng không biết, không thấy. Vì không biết, không thấy nên mới rơi vào hạng phàm phu ngu muội không thoát ra khỏi.

Xá lợi Tử hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Người ấy không thể thoát khỏi nơi nào?

Phật bảo:

- Người ấy không thể ra khỏi Dục, Sắc, Vô sắc giới. Do không thể ra khỏi ba cõi nên đối với pháp Thanh văn, pháp Độc giác không thể thành tựu, đối với pháp Bồ Tát không thể thành tựu, pháp chư Phật không thể thành tựu. Do đối với ba thừa không thể thành tựu, nên đối với các pháp không thể tin nhận.

Xá lợi Tử hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Đối với pháp nào mà người ấy không thể tin nhận?

Phật dạy:

- Đối với sắc không, người ấy không thể tin nhận. Đối với thọ, tưởng, hành, thức không, không thể tin nhận, cho đến đối với mười tám pháp Phật bất cộng không, không thể tin nhận. Do không tin nhận nên không thể trụ.

Xá lợi Tử hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Đối với pháp nào người ấy không thể trụ?

Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! Đối với bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, người ấy không thể an trụ. Đối với địa vị Bất thối chuyển cho đến mười tám pháp

Phật bất cộng, người ấy không thể an trụ. Do đó, nên gọi là phàm phu ngu muội, vì đối với các pháp chấp trước có tánh.

Xá lợi Tử hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Người kia đối với pháp nào chấp trước có tánh?

Phật dạy:

- Người kia đối với sắc chấp trước có tánh, đối với thọ, tưởng, hành, thức chấp trước có tánh. Đối với mười hai xứ, mười tám giới chấp trước có tánh, cho đến đối với các kiến thú chấp trước có tánh. Đối với bốn niệm trụ chấp trước có tánh, cho đến đối với mười tám pháp Phật bất cộng chấp trước có tánh.

Bấy giờ, Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Vả lại có Bồ Tát học như vậy, chẳng học Bát nhã Ba la mật thì không thể thành tựu Nhất thiết trí trí phải chăng?

Phật bảo Xá lợi Tử:

- Có Bồ Tát học như vậy, không học Bát nhã Ba la mật thì không thể thành tựu Nhất thiết trí trí.

Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Như vậy nghĩa là như thế nào?

Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! Bồ Tát nào không có phương tiện thiện xảo, đối với Bát nhã Ba la mật, **phân biệt chấp trước**. Đối với tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật, phân biệt chấp trước. Đối với bốn niệm trụ phân biệt chấp trước, cho đến đối với mười pháp Phật bất cộng phân biệt chấp trước. Do chấp trước những pháp này nên đối với Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng chấp trước. Do nhân duyên này, Bồ Tát không thể học Bát nhã Ba la mật, không thể thành tựu Nhất thiết trí trí.

Xá lợi Tử thưa:

- Bồ Tát này khi học như vậy quyết định không thể học Bát nhã Ba la mật thì không thể thành tựu Nhất thiết trí trí phải không?

Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! Đúng như vậy!

Bấy giờ, Xá lợi Tử lại thưa:

- Bạch Thế Tôn! Sao là Bồ Tát tu học Bát Nhã, là học Bát nhã Ba la mật, khi học như thế bèn năng thành xong Nhất thiết trí trí?

Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! Bồ Tát nào tu học Bát Nhã, **không thấy Bát nhã Ba la mật**, cho đến không thấy Nhất thiết tướng trí. Bồ Tát tu học như vậy là học Bát nhã Ba la mật. Khi học như vậy liền có thể thành tựu Nhất thiết trí trí. Vì sao? Vì **lấy vô sở đắc làm phương tiện**. *(Q.410, ĐBN)*

Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Bồ Tát này lấy vô sở đắc pháp nào làm phương tiện?

Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! Bồ Tát này khi tu hành bố thí, **lấy vô sở đắc của bố thí làm phương tiện**, cho đến khi tu hành Bát Nhã, lấy vô sở đắc của Bát Nhã làm phương tiện, cho đến khi cầu Bồ đề, lấy vô sở đắc của Bồ đề làm phương tiện, cho đến khi cầu Nhất thiết tướng trí, lấy vô sở đắc của Nhất thiết tướng trí làm phương tiện. Như vậy, Bồ Tát tu học Bát Nhã là học Bát nhã Ba la mật. Khi học như vậy liền có thể thành tựu Nhất thiết trí trí.

Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Bồ Tát này khi tu học Bát nhã Ba la mật, đem vô sở đắc của những pháp nào làm phương tiện?

Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! Bồ Tát này khi tu học Bát Nhã đem **vô sở đắc của pháp không nội làm phương tiện, cho đến đem vô sở đắc của pháp vô tánh tự tánh không làm phương tiện**. Do nhân duyên này có thể mau thành tựu Nhất thiết trí trí.

Sơ giải:

Thấy tướng, mê tướng, sanh thi vi tạo tác, nên nói là "mất tâm". *Kinh bảo:*

"Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, nếu hành sắc, hành thọ, tưởng, hành, thức tức là hành theo tướng nó. Nếu hành thường, vô thường của sắc là hành theo tướng đó, nếu hành thường, vô thường của thọ, tưởng, hành, thức là hành theo tướng đó. Nếu hành lạc hay khổ của sắc là hành theo tướng đó, nếu hành lạc hay khổ của thọ, tưởng, hành, thức là hành theo tướng đó. Nếu hành ngã hay vô ngã, hành tịnh hay bất tịnh, viễn ly hay bất viễn ly, tịch tịnh hay bất tịch tịnh, của ngũ uẩn tức là hành theo tướng đó. Nếu hành bốn niệm trụ là hành theo tướng đó, cho đến nếu hành mười tám

pháp Phật bất cộng là hành theo tướng đó. Nếu suy nghĩ như vầy: Ta hành Bát Nhã, **là có sở đắc** nên nói là hành theo tướng đó. Hoặc tự nghĩ: Ta là Bồ Tát, là có sở đắc nên nói là hành theo tướng. Hoặc nghĩ: Ta có khả năng tu hành Bát Nhã tức là có sở đắc nên nói là hành theo tướng. **Bồ Tát nào có tâm phân biệt các pháp như vậy, tu hành Bát Nhã không có phương tiện thiện xảo, nên chẳng phải hành Bát nhã Ba la mật".**

Chúng ta đồng ý lời nói này: Hành theo ngũ uẩn, còn gọi là ngũ che là hành theo tướng. Vì ngũ uẩn là cái bị lục trần lôi kéo, che mờ tánh giác nên nói là mất tâm. Còn tại sao không hành tứ niệm xứ (hay tứ niệm trụ), vì bốn thứ này liên quan đến thân, thọ, tâm và pháp: Thân thì bất tịnh, thọ thì khổ, tâm sanh diệt vô thường và pháp thì vô ngã. Như vậy, quán những thứ sanh diệt đổi dời làm gì? Còn bảo là ta có khả năng tu hành Bát Nhã, ta là Bồ Tát là có sở đắc, tâm phân biệt, tăng thượng thì tu cũng vô ích thôi. Đó là chấp đắm, phân biệt, nên không thể tu Bát Nhã! Tu là ly tướng, lìa ngã-ngã sở!

Vì vậy, Bát Nhã khuyên Bồ Tát tu hành Bát Nhã:

"Đối với Bát nhã Ba la mật không chấp lấy hành, không chấp lấy không hành, không chấp lấy cũng hành cũng không hành, không chấp lấy chẳng phải hành chẳng phải không hành, đối với không chấp lấy cũng không chấp nốt". *Vì sao? Vì tất cả pháp đều có dời động, đổi dời, sinh diêt vô thường, nên không thể thủ, không thể chấp. Tánh của tất cả pháp đều bình đẳng. Phật bảo Xá lợi Tử:* **"Tất cả pháp không sanh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, không xuất hiện, không ẩn mất, vô đắc, vô vi. Như vậy, là nghĩa rốt ráo thanh tịnh".**

Tất cả sự học không thể thành tựu là do phân biệt chấp đắm. Do chấp đắm nên sanh ra thủ giữ nắm bắt, tức tâm có sở đắc. Nếu có sở đắc, còn nắm bắt thủ giữ, đó là hành theo tướng. Do đó, không thể đắc, không hiện quán. Muốn đắc muốn hiện quán phải vô sở hữu, bất khả đắc, tâm mới được an nhiên tịch lặng. Tâm có tịch lặng linh chi mới mở, linh chi đó chính là huệ. Một khi huệ mở lo gì chẳng chứng Bồ đề?

Trong phẩm này có nhiều giáo lý cần học, cần nhớ:

1. Bát Nhã lấy ***vô tánh*** *làm tự tánh(nói theo ĐBN), hay Bát Nhã lấy* ***vô tướng*** *làm tướng(nói theo MHBNBLMĐ). Vô tánh là không mà vô tướng cũng không nốt.*

2. Vô sở hữu, bất khả đắc: Có nghĩa là chẳng có thể nắm bắt cất giữ bất cứ thứ gì. Nếu còn thấy sở hữu, sở đắc tức còn thủ tâm chấp tướng. Đã chấp là có dính mắc, chướng ngại.

3. Còn phân biệt là còn chấp. Vô phân biệt mới vô chấp. Nếu biết tất cả pháp là không, vô sở hữu, bất khả đắc, tất cả đều bình đẳng như như. Muốn được như vậy, tu đừng thấy tướng, đừng hành theo tướng, cũng đừng hành vô tướng. Tướng vô tướng đều ly, thì tâm được như như bất động. Như như bất động tức an nhiên tịch lặng thì được tịnh. Còn phân biệt là còn chấp làm sao được như như bất động mà chứng tánh?

Kinh "Kim Cương Năng Đoạn" hay Kinh "Đại Bát Nhã" là triệt để phá chấp, nhất là chấp tướng. Học Bát nhã Ba la mật là phải nhớ điểm này. Vì vậy, nên Phật mới khai thị: "nhất thiết pháp không". Nếu biết tất cả pháp đều không thì lấy gì nương tựa bám víu nữa tâm mới được thong dong tự tại!

Tu hành trăm phương nghìn cách cũng chỉ cốt được tịch lặng an nhiên mà thôi. Vì vậy, các am tự, tịnh xá, chùa chiền, thiền viện… thường ở những nơi hoang vắng, núi đồi, thường gọi là tu hạnh đầu đà hay a lan nhã. Sư sãi xưa cũng như nay thường tu tịnh hạnh không ngoài mục đích này./.

---o0o---

10. PHẨM “HUYỄN DỤ”

Cuối quyển 410, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm “Thí Dụ”, quyển 42 trở đi, Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Giả sử có người hỏi: Nếu nhà ảo thuật có thể học Bát Nhã, cho đến học bố thí Ba la mật thì người ấy có thể thành tựu Nhất thiết trí trí không? Nếu nhà ảo thuật có thể học bốn niệm trụ cho đến học mười tám pháp Phật bất cộng thì người ấy có thể thành tựu Nhất thiết trí trí không? Nếu được hỏi như vậy, con sẽ trả lời như thế nào?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Ta hỏi lại ông, tùy theo ông trả lời. Này Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao sắc cùng với huyễn có khác không? Thọ, tưởng, hành, thức cùng với huyễn có khác nhau không?

- Bạch Thế Tôn! Không khác!

Này Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao mười hai xứ, mười tám giới cùng với huyễn có khác nhau không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

- Này Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo cùng với huyễn có khác nhau không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

Này Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao pháp môn giải thoát không, pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện cùng với huyễn có khác nhau không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

- Này Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao Bố thí Ba la mật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cùng với huyễn có khác nhau không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

- Này Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của chư Phật cùng với huyễn có khác nhau không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không! Vì sao? Vì sắc chẳng khác huyễn, huyễn chẳng khác sắc. Sắc tức là huyễn, huyễn tức là sắc. Như vậy, cho đến Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của chư Phật không khác huyễn, huyễn không khác Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác tức là huyễn, huyễn tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao Huyễn có tạp nhiễm, có thanh tịnh không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

- Này Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao Huyễn có sanh, có diệt không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

- Này Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao nếu pháp nào không tạp nhiễm, không thanh tịnh, không sanh, không diệt, thì pháp đó có thể học Bát Nhã, thành tựu Nhất thiết trí trí không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

- Này Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao ở trong năm uẩn phát sanh ra các tưởng, từ tưởng sanh ra ngôn thuyết giả gọi Bồ Tát phải không?

- Bạch Thế Tôn! Đúng như vậy!

- Này Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao ở trong năm uẩn phát sanh ra các tưởng, từ tưởng phát ra ngôn thuyết giả lập có sanh, có diệt, có tạp nhiễm, có thanh tịnh phải không?

- Bạch Thế Tôn! Không!

- Này Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao nếu pháp vô tưởng hay vô đẳng tưởng, không thiết lập, không ngôn thuyết, không giả danh, không thân, không nghiệp của thân, không ngữ, không nghiệp của ngữ, không ý, không nghiệp của ý, không tạp nhiễm, không thanh tịnh, không sanh, không diệt thì pháp này có thể học Bát Nhã, thành tựu Nhất thiết trí trí không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không!

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! **Bồ Tát nào đem vô sở đắc làm phương tiện tu học Bát Nhã thậm thâm như vậy, sẽ mau thành tựu Nhất thiết trí trí.**

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Bồ Tát nào muốn chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác **phải như huyễn nhân học Bát Nhã.** Vì sao? Bạch Thế Tôn! Nên biết huyễn nhân chẳng khác năm uẩn.

Phật bảo Thiện Hiện:

- Ý ông nghĩ sao năm uẩn như huyễn có thể học Bát Nhã, sẽ được thành tựu Nhất thiết trí trí không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không! Vì sao? Vì năm uẩn như huyễn, lấy vô tánh làm tự tánh, vô tánh tự tánh bất khả đắc.

Phật bảo Thiện Hiện:

- Ý ông nghĩ sao năm uẩn như mộng có thể học Bát Nhã, sẽ được thành tựu Nhất thiết trí trí không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không! Vì sao? Vì năm uẩn như mộng, lấy vô tánh làm tự tánh, vô tánh tự tánh bất khả đắc.

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao năm uẩn như tiếng vang, như ảnh ảo, như bóng sáng, như sóng nắng, như hoa đốm giữa hư không, như biến hóa, như thành Càn thác bà có thể học Bát Nhã, sẽ được thành tựu Nhất thiết trí trí không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không! Vì sao? Vì năm uẩn như tiếng vang cho đến như thành Càn thác bà lấy vô tánh làm tự tánh, vô tánh tự tánh bất khả đắc.

Phật bảo:

- Này Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao năm uẩn như huyễn v.v... đều có tánh khác không?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không! Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì ngũ uẩn như huyễn v.v... tức là ngũ uẩn như mộng. Năm uẩn như huyễn v.v... tức là sáu căn như huyễn v.v.... Sáu căn như huyễn v.v... tức là năm uẩn như huyễn v.v.... Như vậy, tất cả đều do pháp không nội nên bất khả đắc, cho đến pháp không không tánh tự tánh nên bất khả đắc.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại thưa:

- Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát mới hướng đến Đại thừa, nghe nói Bát Nhã thâm sâu như vậy, tâm họ sẽ không kinh, không hãi, không ngại phải không?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Các Bồ Tát mới hướng đến Đại thừa, khi tu hành Bát Nhã, nếu **không có phương tiện thiện xảo**, chẳng được bạn lành hộ trì, nghe nói Bát nhã Ba la mật thậm thâm như vậy, thì tâm đâm ra kinh, hãi, e ngại.

Tôn giả Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát nào khi tu hành Bát Nhã có phương tiện thiện xảo, nghe nói Bát nhã Ba la mật thậm thâm như vậy, tâm họ không kinh, không hãi, không e ngại?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Bồ Tát nào khi tu hành Bát Nhã, đem tâm tương ưng với Nhất thiết trí trí quán tướng vô thường của sắc bất khả đắc, quán tướng vô thường của thọ, tưởng, hành, thức cũng bất khả đắc. Quán tướng khổ của sắc cũng bất khả đắc, quán tướng khổ của thọ, tưởng, hành, thức cũng bất khả đắc. Quán tướng vô ngã, quán tướng bất tịnh, tướng không, vô tướng, vô nguyện, tịch tịnh, viễn ly của ngũ uẩn cũng bất khả đắc.

Này Thiện Hiện! Bồ Tát này khi tu hành Bát Nhã vì **có phương tiện thiện xảo**, nên nghe nói Bát nhã Ba la mật thậm thâm như vậy, tâm họ không kinh, không hãi, không e ngại.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Bồ Tát nào quán như vậy rồi, lại nghĩ: Ta sẽ đem vô sở đắc làm phương tiện vì tất cả hữu tình nói tướng vô thường của năm uẩn như vậy cũng bất khả đắc; tướng khổ, tướng vô ngã, tướng bất tịnh, tướng không, vô tướng, vô nguyện v.v… cũng bất khả đắc. Đó là Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã **không chấp bố thí Ba la mật.**

Lại nữa, này Thiện Hiện! Bồ Tát nào khi tu hành Bát Nhã, xa lìa tác ý tương ưng với Thanh văn, Độc giác, mà tư duy tướng vô thường của năm uẩn cũng bất khả đắc; tướng khổ, tướng vô ngã, tướng bất tịnh, tướng không, vô tướng, vô nguyện v.v… cũng bất khả đắc, vì đem vô sở đắc làm phương tiện. Đó là Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã **không chấp tịnh giới Ba la mật**.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Bồ Tát nào khi tu hành Bát Nhã, đem vô sở đắc làm phương tiện, quán pháp như vậy, tướng vô thường cũng bất khả đắc; tướng khổ, tướng vô ngã, tướng bất tịnh, tướng không, vô tướng, vô

nguyện v.v… cũng bất khả đắc. Có thể ở trong đó an nhẫn vui thích, không kinh, không hãi, không e ngại. Đó là Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã **không chấp trước an nhẫn Ba la mật**.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Bồ Tát nào khi tu hành Bát Nhã đem tâm tương ưng với Nhất thiết trí trí, thường quán tướng vô thường của năm uẩn cũng bất khả đắc; tướng khổ, tướng vô ngã, tướng bất tịnh, tướng không, vô tướng, vô nguyện v.v… cũng bất khả đắc. Tuy đem vô sở đắc làm phương tiện nhưng thường không bỏ tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí, thường tu Bát Nhã. Đó là Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã **không chấp trước tinh tấn Ba la mật**.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Bồ Tát nào khi tu hành Bát Nhã, không đem tác ý tương ưng với Thanh văn, Độc giác mà tư duy tướng vô thường của năm uẩn cũng bất khả đắc; tướng khổ, tướng vô ngã, tướng bất tịnh, tướng không, vô tướng, vô nguyện v.v… cũng bất khả đắc. Vì đem vô sở đắc làm phương tiện, ở trong đó không phát sanh tác ý tương ưng với Thanh văn, Độc giác và tâm tán loạn, bất thiện khác làm chướng ngại Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đó là Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã **không chấp trước tịnh lự Ba la mật**.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Bồ Tát nào khi tu hành Bát Nhã, như thật quán sát chẳng phải sắc thuộc không nên không chẳng thuộc sắc mà là sắc tức là không, không tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Chẳng phải mười hai xứ thuộc không, nên không chẳng thuộc mười hai xứ mà là mười hai xứ tức không, không tức mười hai xứ. Chẳng phải mười tám giới thuộc không, nên không chẳng thuộc mười tám giới mà là mười tám giới tức không, không tức mười tám giới. Chẳng phải bốn niệm trụ thuộc không, nên không chẳng thuộc bốn niệm trụ mà bốn niệm trụ tức không, không tức bốn niệm trụ. Như vậy, cho đến chẳng phải mười tám pháp Phật bất cộng thuộc không, nên không chẳng thuộc mười tám pháp Phật bất cộng mà là mười tám pháp Phật bất cộng tức không, không tức mười tám pháp Phật bất cộng. Đó là Bồ Tát **không chấp trước Bát nhã Ba la mật.**

Này Thiện Hiện! Như vậy, Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã vì có phương tiện thiện xảo nên nghe nói Bát nhã Ba la mật thâm sâu như vậy, tâm không kinh, không hãi, không e ngai.

Lúc bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã được các **bạn lành** hỗ trợ như thế nào nên nghe nói Bát nhã Ba la mật thậm thâm mà tâm họ không kinh, không hãi, không e ngại?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Các bạn lành của Bồ Tát hoặc có thể **đem vô sở đắc làm phương tiện** nói tướng vô thường của sắc cũng bất khả đắc, nói tướng vô thường của thọ, tưởng, hành, thức cũng bất khả đắc. Nói tướng khổ, tướng vô ngã, tướng bất tịnh, tướng không, vô tướng, vô nguyện của ngũ uẩn v.v… cũng bất khả đắc và khuyên nương vào đó siêng năng tu tập thiện căn, không phải để hồi hướng quả Thanh văn, Độc giác, mà chỉ để cầu được Nhất thiết trí trí. Đó là bạn lành của Bồ Tát.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Bạn lành của các Bồ Tát hoặc có thể **đem vô sở đắc làm phương tiện**, nói tướng vô thường của mười hai xứ, mười tám giới bất khả đắc; tướng khổ, tướng vô ngã, tướng bất tịnh, tướng không, vô tướng, vô nguyện v.v… cũng bất khả đắc và khuyên nương vào đó siêng năng tu tập thiện căn, không phải để hồi hướng quả Thanh văn, Độc giác, mà chỉ để cầu được Nhất thiết trí trí. Đó là bạn lành của Bồ Tát.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Bạn lành các Bồ Tát hoặc có thể **đem vô sở đắc làm phương tiện**, tuy nói tu bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo bất khả đắc; tuy nói tu ba môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện bất khả đắc; tuy nói tu mười lực của Phật cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng bất khả đắc; tuy nói tu Nhất thiết trí cho đến Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cũng bất khả đắc, nhưng vẫn khuyên nương vào đó siêng tu tập thiện căn, không cho hướng đến Thanh văn, Độc giác, mà chỉ để cầu được Nhất thiết trí trí. Đó là bạn lành của Bồ Tát.

Bồ Tát nào khi tu hành Bát Nhã được bạn lành này hộ trì thì nghe nói Bát nhã Ba la mật thâm sâu như vậy, tâm sẽ không kinh, không hãi, không e ngại.

Lúc bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, không có phương tiện thiện xảo, nên nghe nói Bát nhã Ba la mật thâm sâu như vậy, tâm họ có kinh, có hãi, có e ngại?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Bồ Tát nào khi tu hành Bát nhã Ba la mật, **lấy sở đắc làm phương tiện**, xa lìa tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí tu hành Bát Nhã. Đối với

tu Bát nhã Ba la mật **thấy có chứng có đắc**, ỷ lại, lấy sở đắc làm phương tiện nên xa lìa tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí. Tuy tu hành tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật. Đối với tu tịnh lự cho đến bố thí Ba la mật thấy có chứng có đắc, ỷ lại, lấy sở đắc làm phương tiện, nên xa lìa tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí. Tu hành bốn niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Đối với việc tu bốn niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thấy có chứng có đắc, ỷ lại, lấy sở đắc làm phương tiện nên xa lìa tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí. Như vậy, Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, không có phương tiện thiện xảo, nên nghe nói Bát nhã Ba la mật thậm thâm, tâm họ có kinh, có hãi, có e ngại.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại thưa:

- Bạch Thế Tôn! Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã bị các **bạn ác** khống chế như thế nào nên khi nghe Bát nhã Ba la mật thậm thâm tâm họ bị kinh, hãi, e ngại?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Các bạn ác của Bồ Tát hoặc bảo họ nhàm chán xa lìa Bát nhã Ba la mật, hoặc bảo nhàm chán xa lìa sáu pháp Ba la mật: Các ông không nên tu học những pháp này. Vì sao? Vì sáu pháp Ba la mật như vậy không phải do Phật nói mà do những người làm văn kệ hư dối tạo ra. Vì vậy, các ông không nên nghe theo, không nên thọ trì, không nên đọc tụng, không nên tư duy, không nên nghiên cứu, không nên giảng nói khai thị cho người khác.

Thiện Hiện! Đó là **bạn ác của Bồ Tát**.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Bạn ác của các Bồ Tát hoặc **trá hình làm Phật đến bảo Bồ Tát nhàm chán xa lìa sáu pháp Ba la mật**, hoặc trá hình Phật đến giảng nói khai bày các pháp tương ưng với Thanh văn, Độc giác cho Bồ Tát, hoặc trá hình Phật đến chỗ Bồ Tát nói như vầy: Các ông chẳng phải là Bồ Tát, không có Bồ đề tâm, không thể an trụ địa vị Bất thối chuyển, không thể chứng đắc quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đã mong cầu; hoặc trá hình Phật đến bảo Bồ Tát : Các ông nên biết uẩn, xứ, giới không, không có ngã, ngã sở; bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo không, không có ngã, ngã sở; bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật không, không có ngã, ngã sở; Phật mười lực cho đến tám pháp Phật bất cộng không, không có ngã, ngã sở thì cần gì quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác? Hoặc ác ma trá hình Độc giác đến chỗ Bồ Tát nói như vầy: Ôi, thiện nam tử! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, Thanh văn, Bồ

Tát trong thế giới mười phương đều vô sở hữu. Đối với việc này ông nên tin nhận kỹ, chớ tự mình siêng năng khổ nhọc mong cầu, cúng dường, nghe giảng Chánh pháp như lời dạy mà tu hành. Hoặc ác ma trá hình Thanh văn đến chỗ Bồ Tát, làm cho họ nhàm chán xa lìa tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí, đồng thời lại làm cho họ ưa thích tác ý tương ưng với Thanh văn, Độc giác.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Bọn ác ma có thể **trá hình cha mẹ** đến chỗ Bồ Tát bảo: Con ơi! Con nên siêng năng cầu chứng quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, đủ để được dứt hẳn khổ lớn sanh tử, mau chứng Niết bàn, cứu cánh an lạc rồi, cần gì phải hướng đến quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của chư Phật xa xôi; mong cầu quả Bồ đề cần phải trải vô lượng, vô số đại kiếp luân hồi sanh tử, giáo hóa hữu tình; xả bỏ mạng sống uổng công khổ nhọc, ai mà biết đến ơn con. Sự mong cầu Bồ đề có khi chứng được, có khi không?

Lại nữa, bọn ác ma có thể **trá hình làm Bí sô** đến chỗ Bồ Tát, lấy sở đắc làm phương tiện, nói tướng vô thường của sắc thật có thể đắc; nói tướng vô thường của thọ, tưởng, hành, thức thật có thể đắc. Nói tướng khổ, tướng vô ngã, tướng bất tịnh, tướng không, vô tướng, vô nguyện, tịch tịnh, viễn ly của ngũ uẩn, mười hai xứ, mười tám giới… thật có thể đắc. Lấy sở đắc làm phương tiện, nói tướng bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo thật có thể đắc, khiến họ tu học. Lấy sở đắc làm phương tiện nói bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật thật có thể đắc, khiến họ tu học. Lấy sở đắc làm phương tiện nói ba môn giải thoát, các Đà la ni, Tam ma địa thật có thể đắc, khiến họ tu học. Lấy sở đắc làm phương tiện nói năm loại mắt, sáu phép thần thông thật có thể đắc, khiến họ tu học. Lấy sở đắc làm phương tiện nói Phật mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thật có thể đắc, khiến họ tu học.

Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật bị bạn ác này khuynh đảo, khống chế như vậy, thì khi nghe nói Bát nhã Ba la mật thậm thâm, tâm họ bị kinh, bị hãi hay e ngại. Vì thế, Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, đối với các bạn ác nên quan sát kỹ, tìm cách xa lìa.

Sơ giải:

1. Bát Nhã với cái nhìn "Như huyễn".

Đoạn Kinh sau đây tóm lược ***thuyết như huyễn rõ ràng****, nên được trích dẫn lại để các thiện hữu thưởng thức thêm:*

"Phật hỏi Tu Bồ Đề:

- Này Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao, Huyễn(Maya) khác với Sắc(rupam), Sắc khác với Huyễn? Lại nữa, ý ông nghĩ sao, Huyễn khác với Thọ(vedana), tưởng(samjna), Hành(samskara), Thức(vijnana)? Và Thọ, tưởng, Hành, Thức có khác với Huyễn không?

Tu Bồ Đề thưa:

- Bạch Thế Tôn! Chúng không khác.

Nếu Sắc khác Huyễn, Sắc không phải là Sắc; nếu Huyễn khác với Sắc, Huyễn không phải là Huyễn. Huyễn là Sắc và Sắc là Huyễn. Thọ, tưởng, Hành và Thức cũng vậy.

Phật:

- Này Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao, năm thủ uẩn có phải là Bồ Tát hay không?

Tu Bồ Đề:

- Bạch Thế Tôn! Không.

Phật:

- Này Tu Bồ Đề, ông nên biết rằng, năm thủ uẩn tức thị Huyễn. Tại sao? Bởi vì Sắc là như Huyễn, Thọ, tưởng, Hành, Thức cũng như Huyễn; năm uẩn và sáu căn tức thị Bồ Tát, cho nên Bồ Tát cũng như Huyễn. Nếu ai muốn học Bát Nhã, hãy nên như Huyễn mà học... Những Bồ Tát sơ trụ Đại thừa, nếu theo các bậc thiện tri thức mà học, khi nghe pháp đó sẽ không sinh ra kinh hoàng và sợ hãi".

Đó là giáo pháp ghê gớm nhất, làm thay đổi cả trào lưu đạo Phật khi tuyên bố rằng: **"…Sắc là như Huyễn, Thọ, tưởng, Hành, Thức cũng như Huyễn; năm uẩn và sáu căn tức thị Bồ Tát, cho nên Bồ Tát cũng như Huyễn".** *Sông nước, núi đồi, cây cỏ, hoa lá, nhà cửa, xe cộ kể cả con người… đều như huyễn như mộng. Nếu nghe những giáo pháp như vậy mà không kinh, không hãi phải biết những người như vậy có căn tánh Đại thừa, có thể thọ trì Bát nhã Ba la mật mà qua được bờ kia! Giáo pháp Bát Nhã như huyễn là như thế!*

2. Học Bát Nhã hãy như huyễn mà học, giống như ảo nhân thính pháp.

Đoạn Kinh kế, nói tiếp:

"Nếu đại Bồ Tát muốn chứng quả vị Giác ngộ tối cao, thì khi tu học Bát Nhã nên như ảo nhân tu học Bát nhã Ba la mật, đối với tất cả mọi sự, mọi việc, **không phân biệt**. Vì sao? Vì nên biết ảo nhân tức là năm uẩn, năm uẩn tức là ảo nhân.

Năm uẩn ấy học Bát Nhã cũng chẳng được Nhất thiết chủng trí. Vì năm uẩn này tánh vô sở hữu. Tánh vô sở hữu cũng bất khả đắc.

Năm uẩn như mộng, như ảnh, như hưởng, như dương diệm, như biến hoá, học Bát nhã Ba la mật cũng không được Nhất thiết chủng trí. Vì tánh mộng cho đến tánh biến hóa vô sở hữu. Tánh vô sở hữu cũng là bất khả đắc.

Lục tình cũng như vậy. Năm uẩn tức là lục tình, lục tình tức là năm uẩn. Vì những pháp ấy tức là nội không, nhẫn đến vô pháp hữu pháp không nên bất khả đắc.

Bồ Tát mới phát tâm đối với Bát nhã Ba la mật, không phương tiện, lại không gặp được bậc thiện tri thức hướng dẫn chắc có lo sợ, e ngại".

Năm thủ uẩn tức lục tình, lục tình tức con người cũng như tất cả pháp đều như huyễn như mộng, như tiếng vang, như ảo ảnh, như nước trong ánh nắng, như hoa đốm giữa hư không, như thành Càn thác bà. Tất cả đều không, lấy vô tánh làm tự tánh, nên vô sở hữu bất khả đắc. Ai muốn học Bát Nhã phải như "ảo nhân thính pháp" mà học. Nhưng phải lấy vô sở hữu bất khả đắc làm phương tiện và phải hồi hướng Nhất thiết trí trí mới mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

3. Lời luận giải của Thiền sư D.T. Suzuki trong "Thiền Luận", quyển hạ.

Cái khó thấy, khó giác, khó tri nhận là cả vạn hữu sờ sờ trước mắt mà bảo là không thật, giống như huyễn như mộng, ai là người có thể tin nhận cái thấy như huyễn này? Đó là thể không quán tức các pháp tuy có đó nhưng thực chất là không. Hãy nghe bài luận giải quan trọng sau đây của

Thiền sư D.T. Suzuki trong ***Luận 7 "Bát Nhã và Như Huyễn" trong Thiền Luận, quyển hạ****, như sau:*

- "Phật nói: "Ví như huyễn sư (māyākāra) ở giữa ngã tư đường dùng huyễn pháp của mình làm hiện ra một đám người đông đảo. Vừa hiện ra tức thì biến mất. Này Tu bồ đề, ý ông nghĩ sao? Đám người huyễn đó có chỗ đến thực sự ư? Chúng có thực? Chúng thực có chỗ đi đến? Chúng biến mất thực ư?"

- Tu bồ đề nói: "Bạch đức Thế Tôn, không."

- "Phật nói: "Bồ Tát cũng như vậy. Tuy độ vô lượng vô số chúng sinh đưa vào Niết bàn, kỳ thực không có chúng sinh được dẫn tới Niết bàn. Những ai không chút kinh sợ khi nghe những pháp như thế, đó đích thực là những Bồ Tát mình mặc giáp trụ Đại thừa" .

- Tu bồ đề nói với Mãn Từ Tử (Pūrṇa-Maitrayāniputra): "Sắc của người huyễn không trói không mở. Thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy, không trói không mở. Chân như sắc của người huyễn cũng vậy và bốn uẩn kia cũng vậy, không trói không mở. Tại sao? Vì vô sở hữu(asadbhūtatvāt) nên không trói không mở; vì viễn ly(viviktatvāt)nên không trói không mở; vì bất sinh(anutpannatvāt)nên không trói không mở. Nếu Bồ Tát biết rõ như vậy là thực sự an trụ trong Đại thừa, mình vận giáp trụ Đại thừa" .

Bấy giờ các Thiên tử (Devaputra) hỏi Tu bồ đề: "Phải chăng tất cả chúng sinh cũng đều như huyễn?"

- Tu bồ đề nói: "Này các Thiên tử, hết thảy chúng sinh cũng đều như huyễn, và lại nữa, cũng đều như mộng (svapna). Tại sao? Bởi vì hết thảy chúng sinh cùng với huyễn, mộng không hai không khác. Vì vậy, hết thảy chúng sinh đều như huyễn, như mộng. Bốn quả Thanh văn (Śrāvaka) và Bích chi Phật (Pratyekabuddha) cũng đều như huyễn như mộng. Cả đến Vô thượng Chính đẳng Chính giác cũng như huyễn như mộng".

- Các Thiên tử nói: "Nếu thế, cho đến Niết bàn cũng như huyễn như mộng?"

- Tu bồ đề: "Quả thực, Niết bàn cũng như huyễn như mộng; huống chi các pháp khác!"

- Các Thiên tử: "Tại sao thế?"

- Tu bồ đề: "Dù có pháp nào cao hơn Niết bàn, tôi cũng nói là như huyễn như mộng. Bởi vì, huyễn mộng và Niết bàn, không hai không khác"

Từ quan điểm này, đương nhiên những người tín phụng Bát Nhã kết luận rằng: "Phật chỉ là danh tự giả tướng (nāmadheya-mātra). Bồ Tát chỉ là danh tự giả tướng; Bát nhã Ba la mật đa cũng chỉ là danh tự giả tướng; vì hết thảy danh tự giả tướng đó vốn không là hiện khởi chân thật (anabhinirvṛta)".

Danh tự chưa từng có sinh khởi thực thụ, chúng như hư không, không hề có dấu vết đến hay đi, và do đó hoàn toàn vượt ngoài mọi hình danh sắc tướng. Nói cách khác, hư không (ākāśa) tức tính Không. "Pháp của Phật tùy thuận với tự tính của hết thảy các pháp, mà hết thảy các pháp vốn bất khả đắc. Pháp lìa mọi chướng ngại. Cũng như hư không, lìa hết thảy các chướng ngại. Các pháp như hư không nên vượt ngoài hết thảy các ngôn thuyết. Các pháp là bình đẳng nên vượt ngoài pháp hiện khởi. Các pháp vốn vô diệt nên vượt ngoài pháp diệt tận. Các pháp vốn vô tướng nên vượt ngoài thủ tướng. Các pháp vốn vô xứ nên hết thảy xứ đều bất khả đắc".

Từ những trích dẫn trên, ta có thể cảm thấy như đang kéo ra kết luận rằng Pháp(Dharma) của các kinh Bát nhã Ba la mật đa kỳ cùng là một thứ ảo ảnh, mộng mị, xa vời, gần như đồng với vô thể. Nếu quán sát hết thảy các pháp tùy thuận Bát nhã Ba la mật đa tức quán sát chúng tùy thuận với Nhất thiết trí. Nếu quán sát hết thảy các pháp tùy thuận với Nhất thiết trí tức quán sát chúng tùy thuận với bản tính hư không (ākāśa). Và nếu thế, giáo pháp của Bát Nhã kỳ cùng đáng gọi là giáo pháp về không vô, vô sở hữu, đích danh là "thuyết Như huyễn" (māyāvāda), học thuyết nói về tính phi thực của vạn hữu. Cho nên, đừng lấy làm lạ: Kinh không ngớt cảnh giác đạo hữu chớ kinh ngạc, chớ sợ hãi, chớ khiếp đảm, vì những nghĩa lý này, khi nghe về triết lý của thậm thâm Bát nhã Ba la mật đa (gambhīra-prajñāpāramitā). Rồi, với những lý do đó, chúng ta đã có thể tuyên bố rằng Bát Nhã là như huyễn, như mộng, giả danh, và Đại thừa là một lâu đài xây trên bãi cát, được chưa? Nó chỉ là một trò chơi chữ với những bong bóng và tiếng vang ư? Một số học giả đã kết luận cả quyết như vậy, nhất là các học giả Tây phương. Khó mà đứng trên khái niệm về tính bất thực của vạn hữu và cũng khó mà nắm vạn hữu trong thực tính Như Như của chúng. Hiểu rõ thuyết Như huyễn là nhận được Như Như của vạn hữu.

Dân Ấn lừng danh về tài huyễn thuật, đương nhiên các triết giađạo Phật muốn vẽ ra bản chất mong manh của đời sống cũng dùng các lối huyễn thuật. Nhưng đừng hiểu lối nói của họ qua nghĩa đen. Chúng ta phải

cố đạt tới ý nghĩa trung thực của nó. Như đã nhắc nhở nhiều lần, sức mạnh luận chứng mà kinh Bát Nhã chọn nhắm đối trị mê lầm căn để trong cái nhìn của chúng ta thường ném vào thế giới, tức cái nhìn duy thực ngây ngô. Khuôn mặt thực của thứ duy thực đó là coi thế giới như một thực tại thường trụ vĩnh viễn và nằm trơ ra đó ngược với những gì được nhận như là thế giới nội tại của tư tưởng, tình cảm và cảm giác, một thế giới được điều động bởi ngã linh hồn cô lập với những cái khác và tranh sống với chúng. **Một trong những khí giới tuyệt hảo để hủy diệt sức mạnh của óc duy thực ngây thơ là tuyên bố rằng tất cả như huyễn, và rằng, không có trật tự vĩnh viễn cố định trong thế gian, rằng khái niệm phân đôi về hiện hữu, nội tại và ngoại tại, hữu thể và vô thể v.v… là ảo tưởng, và rằng muốn đạt tới căn cơ chân thực của hiện hữu thì phải thức tỉnh Trí Bát Nhã mới có thể điều chỉnh tất cả mọi thứ chấp thủ, dù tri thức hay tình cảm; và cũng nhờ đó mới có thể nhận Chân như tính của hiện hữu và hành động theo đó**. Kinh Bát nhã Ba la mật đa luôn luôn nhắm tới công dụng này cho nên triết lý của nó bất chấp tưởng tượng bốc cao, bất chấp bí nhiệm như sương mù.

Đạo Phật mà có ý nhận một nền triết lý nào đó, chỉ vì để bứng gốc rễ của phiền não (kleśa) đã từng chôn chặt hoạt dụng thong dong vô ngại của Trí Bát Nhã. Phiền não bao giờ cũng nghiêng lệch, và tạo ra mọi hình thái chấp trước, rồi do phiền não và chấp trước mới tạo ra các hành vi tội lỗi qua ba ngã đường thân, miệng và ý, rồi chúng lại dẫn tới những tái diễn bất tận y như thế. Cho nên, chúng ta biết rằng những khoái lạc và đau khổ đáng phải hứng chịu đây, chẳng có bản tính thường hằng nào cả; các đối tượng của khoái lạc và đau khổ cũng vậy, chúng giả tạm và biến thiên như huyễn. Hoàn toàn không có thực tại bất biến. Chúng chỉ là những giả tướng, và phải thấy chúng là giả tướng chứ không có giá trị nào nữa. Đối với các giả tướng, chúng đang ở đó, và sự kiện đó đừng bao giờ quên lãng. Nhưng bám vào chúng lấy làm những cùng đích, người trí biết rõ lắm, vì con mắt Bát Nhã của họ đã mở rồi, rọi thẳng vào hang sâu của thực tại. Theo ngài Long Thọ (Nāgārjuna), trẻ thơ thấy mặt trăng trong nước, trong lòng nổi dậy ước muốn vớt trăng lên, rồi duỗi tay vào nước. Nhưng nào có nắm được nó đâu, nên quá đỗi phiền muộn. Bấy giờ người khôn mới dạy cho rằng cái thấy trong nước đó không thể nắm được. Cũng vậy, không phải phủ nhận thế giới của những giả tưởng; chỉ phủ nhận tính chất khả

thủ khả đắc của nó. Thế giới sai biệt có đó, trước mặt kẻ trí cũng như người ngu; khác nhau chăng ở chỗ, trí thấy nó mà tâm không ôm cứng lấy; còn ngu thì dời xa một chút không nổi để vào cảnh giới của tính Không. Bồ Tát đã nhận ra bức màn như huyễn như thế; chỉ những ai đang còn trong vòng trói buộc mới cho nó là có thực.

Vì vậy, phải dựa trên hậu cứ của tính Không hay Chân như*(chúng ta thướng diễn tả là tánh không hay pháp như)* mà hiểu thuyết như huyễn. Nếu không, huyễn vẫn y nhiên là huyễn, và những người theo đạo Phật sẽ không bao giờ biết đặt chân vào đâu, mặc dù không ai dám nói đặt chân vào cõi phân biệt. Nếu không giảng luận ra như thế, Như huyễn sẽ hoàn toàn vô nghĩa trong giáo pháp của Bát nhã Ba la mật đa. Câu nói: "Cho đến Niết bàn cũng như huyễn, như mộng", sẽ không hơn một câu trào lộng. Như huyễn là một chỉ điểm viên. Ai theo nó một cách thông minh sẽ thấy đằng sau màn bạc có một thế giới của những huyền diệu không thể tả và những thực tại "bất khả đắc".

Nói như huyễn, như mộng, như hưởng, như hóa... để nhằm nêu lên nghĩa hư vọng của tất cả pháp. Hư vọng cũng là không, chẳng thật có của tất cả pháp, để đừng vin vào đó làm lẽ sống mà mất cả chơn tâm, cái sẵn có nơi chính mình.

Phẩm thứ 43, "Vô Tác", Tập 4, quyển 64, Đại Trí Độ Luận *đưa ra một thí dụ "tiếng dội từ hang núi" để luận về huyễn như sau:*

"Ví như tiếng nói truyền trong hư không, chạm vào vách đá, dội trở lại, người nghe cảm tưởng như có hai âm, trong đó có một âm chánh và một âm vang; âm chánh là chân thật, âm vang là ngụy tạo, chẳng nên tin. Họ chẳng biết rằng cả hai âm đều là hư vọng, chẳng thật có.

Cũng như vậy, hết thảy các pháp, dù là phàm phu pháp, dù là Thánh pháp, đều là như mộng, như huyễn. Hàng tiểu Bồ Tát, do chưa được đầy đủ các lực phương tiện Bát nhã Ba la mật, nên chỉ biết phàm phu pháp là như mộng, như huyễn, nhưng vẫn còn chấp Thánh pháp là chân thật. Các bậc đại Bồ Tát biết rõ Bát nhã Ba la mật cũng như hết thảy các pháp đều là như mộng, như huyễn cả".

Tiếng vọng từ hang núi là huyễn mà tiếng nói phát ra từ cửa miệng của người đang sống, có đi đứng nằm ngồi cũng nói là huyễn. Vậy, cái gì là thật trên đời này? ***Chẳng có gì là thật cả****. Đây là câu trả lời phủ phàng*

nhất! Khi còn thấy một chút thật dù bằng đầu mảy lông cọng tóc thì chưa thấy không, chưa thấy không không, chưa được rốt ráo không, chưa thấy tận không. Phải thấy tất cả pháp do duyên hòa hợp mà có, có chẳng phải thật có, hư vọng giả có như huyễn như mộng v.v... Thấy như vậy, biết như vậy là sống trong thắng nghĩa mà được thong dong!

Toàn bộ các pháp như huyễn là sự thật đảo nghịch trong tư duy của con người phàm tục, khó có thể chấp nhận một cách dễ dàng những tư tưởng "vặn chéo" này. Nếu thường quán tất cả pháp đều như huyễn như hóa như mộng... rồi một ngày nào đó sẽ thấy cái mầu nhiệm vi diệu đàng sau cái "nghịch đảo" đáng yêu đó.

Kết luận:

(Tất cả pháp như huyễn như mộng...)

Khi hiểu ra rằng, tất cả pháp là không, như huyễn như mộng, thì tâm như như bất động. Tâm như như bất động thì sạch trong sạch ngoài. Lúc đó chẳng thấy Vật, chẳng thấy Tâm, gọi là "tức Tâm tức Vật", không còn năng sở, rỗng không trong suốt thì được tịch lặng an nhiên.

Phật nói các pháp như huyễn như hóa như mộng là để chúng sanh đừng chấp nhận một cách dễ dãi cái thân hiện hữu do tứ đại duyên hợp giả có nầy là trường tồn, bất biến mà mang nhiều khổ lụy. Kinh Viên Giác lại nói: "Mỗi thứ đều trả về cho tứ đại, khiến ngộ được sáu căn giả hợp đều là huyễn diệt, để hiển bày cái không huyễn diệt". *Chính cái giả hợp kể cả con người hay các pháp gọi là huyễn và một khi cái huyễn diệt rồi thì cái không huyễn (phi huyễn tức chân) sẽ hiển bày.*

Cũng Kinh Viên giác Phật bảo: "Vì huyễn thân diệt cho nên huyễn tâm cũng diệt. Vì huyễn tâm diệt cho nên huyễn trần cũng diệt. Vì huyễn trần diệt cho nên cái "huyễn diệt" cũng diệt. Vì cái "huyễn diệt" cũng diệt cho nên cái phi huyễn hiện bày". *Phi huyễn tức chân.*

Tóm lại, nói huyễn nói mộng không phải là không có gì hết, mà kết quả không thể nào ngờ được:

"Bồ Tát nương nơi huyễn thân, tu như huyễn pháp môn, dứt huyễn ái kiến, độ huyễn hữu tình, chứng huyễn Thánh quả. Do thấy thân như huyễn hóa toàn hư vọng, không có ái trước nơi thân, nên phiền não không sanh;

không ái trước nơi thân, thì khỏi vì thân mà thối thất đạo hạnh. Thọ vô lượng thân, tu hành trải qua vô lượng kiếp, không có một mảy may niệm tưởng là có thọ thân cùng có xả thân. Mảy niệm còn không huống gì có số kiếp, nên có câu: Thọ thị khổ... số kiếp phi số kiếp".

Đó là kết quả của cái nhìn như huyễn. Vì vậy, nói rằng những ai khôn ngoan sẽ thấy mặt trái của như huyễn như mộng... có những huyền diệu không ngờ được, nên có cơ hội thay đổi cả cuộc đời trầm luân khổ ải này.

Chúng ta sẽ trở lại vấn đề "Như huyễn" trong LUẬN #3, "Phần thứ III Tổng luận"./.

---o0o---

11. PHẨM "THÍ DỤ"

Đầu quyển 411, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Bồ Tát ", Q.45 trở đi, Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

(1. Thế nào gọi là cú nghĩa của Bồ Tát?)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa:
- Bạch Thế Tôn! Thế nào là cú nghĩa*(1)* Bồ Tát ?
Phật bảo Thiện Hiện:
- Không cú nghĩa là cú nghĩa của Bồ Tát. Vì sao? Này Thiện Hiện! Vì cả hai danh từ Bồ đề, Tát đỏa đã không sanh, nên nghĩa lý trong đó cũng chẳng có. **Không có cú nghĩa là cú nghĩa của Bồ Tát.** Ông nên biết, ví như trong không gian, cú nghĩa dấu chim **thật vô sở hữu**; cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế, thật vô sở hữu. Ví như cú nghĩa cảnh mộng, việc huyễn, ánh nắng, bóng sáng, trăng dưới nước, tiếng vang, hoa đốm giữa hư không, trò biến hóa thật vô sở hữu; cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế, thật vô sở hữu.

Thiện Hiện phải biết: Như cú nghĩa tất cả pháp chơn như thật vô sở hữu, cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu. Như cú nghĩa tất cả pháp giới, pháp tánh, bất hư vọng tánh, bất biến dị tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế thật vô sở hữu; cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu.

Thiện Hiện phải biết: Cú nghĩa sắc như huyễn nhân thật vô sở hữu, cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu. Cú nghĩa thọ tưởng hành thức như huyễn nhân thật vô sở hữu, cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu. Cú nghĩa 12 xứ, 18 giới như huyễn nhân thật vô sở hữu, cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu. Cú nghĩa vô minh như huyễn nhân thật vô sở hữu, cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu. Cú nghĩa hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử như huyễn nhân thật vô sở hữu; cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu. Cú nghĩa tu hành nội không cho đến vô tánh tự tánh không như huyễn nhân thật vô sở hữu; cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu. Cú nghĩa tu hành 37 pháp trợ đạo, cho đến Phật 10 lực như huyễn

nhân thật vô sở hữu, cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu. Cú nghĩa tu hành bốn vô sở úy, bốn vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng như huyễn nhân thật vô sở hữu; cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu.

Lại nữa, Thiện Hiện! Cú nghĩa sắc như Phật thật vô sở hữu, cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu. Cú nghĩa thọ tưởng hành thức như Phật thật vô sở hữu, cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu. Cú nghĩa mười hai xứ, mười tám giới như Phật thật vô sở hữu, cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu. Cú nghĩa vô minh như Phật thật vô sở hữu, cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu. Cú nghĩa hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử như Phật thật vô sở hữu, cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu. Cú nghĩa hành nội không cho đến vô tánh tự tánh không như Phật thật vô sở hữu, cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu. Cú nghĩa hành 37 pháp trợ, Phật 10 lực như Phật thật vô sở hữu, cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu. Cú nghĩa hành bốn vô sở úy, bốn vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng như Phật thật vô sở hữu, cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu.

Lại nữa, Thiện Hiện! Như cú nghĩa vô vi giới trong hữu vi giới thật vô sở hữu, cú nghĩa hữu vi giới trong vô vi giới cũng thật vô sở hữu; cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu. Như cú nghĩa vô sanh vô diệt, vô tác vô vi, vô thành vô hoại, vô đắc vô xả, vô nhiễm vô tịnh thật vô sở hữu; cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Như thế nào gọi là cú nghĩa pháp vô sanh vô diệt, vô tác vô vi, vô thành vô hoại, vô đắc vô xả, vô nhiễm, vô tịnh… thật vô sở hữu; cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! **Như cú nghĩa sắc cho đến thức vô sanh vô diệt, vô tác vô vi, vô thành vô hoại, vô đắc vô xả, vô nhiễm vô tịnh thật vô sở hữu**; cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu. Như cú nghĩa 12 xứ, 18 giới vô sanh vô diệt, vô tác vô vi, vô thành vô hoại v.v… thật vô sở hữu; cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu. Như cú nghĩa vô minh cho đến lão tử vô sanh vô diệt, vô tác vô vi, vô thành vô hoại v.v… thật vô sở hữu; cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu. Như cú nghĩa 37

pháp trợ đạo, Phật mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng vô sanh vô diệt, vô tác vô vi, vô thành vô hoại v.v… thật vô sở hữu; cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu.

Lại nữa, Thiện Hiện! Như cú nghĩa bốn niệm trụ cho đến tám Thánh đạo chi **rốt ráo tịnh** thật vô sở hữu; cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu. Như vậy cho đến như cú nghĩa Phật 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng rốt ráo tịnh thật vô sở hữu; cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu. Như cú nghĩa ngã cho đến kiến giả rốt ráo tịnh thật vô sở hữu. Vì vô sở hữu nên cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu.

Như cú nghĩa khi trời mọc, tối tăm thật vô sở hữu; cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu. Như cú nghĩa khi kiếp tận, các hành thật vô sở hữu; cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu. Như cú nghĩa các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, ác giới trong nhóm tịnh giới thật vô sở hữu; cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu. Như cú nghĩa các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, loạn tâm trong nhóm định tĩnh thật vô sở hữu; cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu. Như cú nghĩa các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, ác huệ trong nhóm minh huệ thật vô sở hữu; cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu. Như cú nghĩa các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, trói buộc trong nhóm giải thoát thật vô sở hữu; cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu. Như cú nghĩa các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, phi giải thoát tri kiến trong nhóm giải thoát tri kiến thật vô sở hữu; cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu. Như cú nghĩa các tối tăm trong nhật nguyệt thảy, đại quang minh thật vô sở hữu; cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu. Như cú nghĩa sáng chói của tất cả nhật nguyệt, tinh ngọc*(2)*, hỏa dược*(3)* và các trời*(4)* thảy trong Phật quang thật vô sở hữu; cú nghĩa Bồ Tát cũng lại như thế thật vô sở hữu.

Vì sao? Thiện Hiện! Hoặc Bồ đề, hoặc Tát đỏa, hoặc Bồ Tát, cú nghĩa như thế tất cả đều chẳng tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, vô sắc, vô kiến, vô đối, nhất tướng, chỗ gọi vô tướng. Thiện Hiện! Chư Bồ Tát đối tất cả pháp đều chẳng phải thật có, không chấp không ngại, phải siêng tu học, nên chính giác biết. *(Q.411, ĐBN)*

(2. Thế nào gọi là tất cả pháp?)

Cụ thọ Thiện Hiện liền thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát đối với những pháp nào đều chẳng phải thật có, không chấp không ngại, phải siêng tu học? Các Bồ Tát làm sao đối tất cả pháp nên chính giác biết?

Phật bảo:

- **Thiện Hiện! Nếu tất cả pháp là thiện pháp, phi thiện pháp, hữu ký pháp, vô ký pháp, thế gian pháp, xuất thế gian pháp, hữu lậu pháp, vô lậu pháp, hữu vi pháp, vô vi pháp, cộng pháp, bất cộng pháp. Các Bồ Tát đối với tánh tất cả pháp như thế thảy không chấp không ngại, phải siêng tu học. Chư Bồ Tát đối tất cả pháp thật vô sở hữu nên chính giác biết.**

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Những pháp nào gọi là **thiện pháp thế gian**?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nói thiện pháp thế gian là hiếu thuận cha mẹ, cúng dường Sa môn, Bà la môn, kính thờ Sư trưởng, việc thí tánh phước nghiệp, việc giới tánh phước nghiệp, việc tu tánh phước nghiệp; cứu giúp kẻ bệnh hoạn cùng nhau hành phước, phương tiện khéo léo cùng nhau hành phước, mười thiện nghiệp đạo thế gian. Hoặc tưởng sình trướng, tưởng mủ thối, tưởng sanh bầm, tưởng khác đỏ, tưởng biến nát, tưởng mổ nuốt, tưởng rời tan, tưởng hài cốt, tưởng đốt cháy*(5)*. Hoặc thế gian bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn vô sắc định. Hoặc Phật tùy niệm, Pháp tùy niệm, Tăng tùy niệm, giới tùy niệm, xả tùy niệm, thiên tùy niệm, vắng lặng tùy niệm, thở vào ra tùy niệm, thân tùy niệm, chết tùy niệm. Thiện Hiện! Thảy đấy gọi là thiện pháp thế gian.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Những pháp nào gọi là **bất thiện pháp**?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nói bất thiện pháp là: Hại sanh mạng, lấy chẳng cho, hành dục tà, lời dối gạt, lời chia rẽ, lời thô ác, lời tạp uế, tham dục, giận dữ, tà kiến và hờn căm, che não, dua nịnh, kiêu hại, ganh, xan, mạn thảy. Thiện Hiện! Thảy đấy gọi là bất thiện pháp.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Những pháp nào là **hữu ký pháp**?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Tức là các thiện pháp và bất thiện pháp, gọi hữu ký pháp.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Những pháp nào gọi là **vô ký pháp***(6)*?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Là thân nghiệp vô ký, ngữ nghiệp vô ký, ý nghiệp vô ký, bốn đại chủng vô ký, năm căn vô ký, năm uẩn vô ký, mười hai xứ vô ký, mười tám giới vô ký, pháp dị thục vô ký. Thiện Hiện! Thảy đấy gọi là vô ký pháp.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Những pháp nào gọi là **thế gian pháp**?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Là thế gian năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới, mười nghiệp đạo, bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn vô sắc định, mười hai nhánh duyên khởi pháp. Thiện Hiện! Thảy đấy gọi là thế gian pháp.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Những pháp nào gọi là **pháp xuất thế gian**?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Là xuất thế gian: Bốn niệm trụ, bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy đẳng giác chi, tám Thánh đạo chi. Không, vô tướng, vô nguyện giải thoát môn. Căn chưa biết, căn sẽ biết, căn đã biết, căn đủ biết, tam ma địa có tầm có tứ, tam ma địa không tầm chỉ tứ, tam ma địa không tầm không tứ; hoặc vô minh, hoặc giải thoát, hoặc niệm, hoặc chính tri, hoặc tác ý như lý; hoặc tám giải thoát, hoặc chín định thứ lớp; hoặc nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, thắng nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô tế không, tán không, vô biến dị không, bổn tánh không, tự tướng không, cộng tướng không, nhất thiết pháp không, bất khả đắc không, vô tánh không, tự tánh không, vô tánh tự tánh không; hoặc Phật mười lực, bốn vô sở úy, bốn vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng. Thiện Hiện! Thảy đấy gọi là pháp xuất thế gian.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Những pháp nào gọi là **hữu lậu pháp**?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Là đọa tam giới, hoặc 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới. Hoặc 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 vô sắc định. Thiện Hiện! Thảy đấy gọi là hữu lậu pháp.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Những pháp nào gọi là **vô lậu pháp**?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Là bốn niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Thiện Hiện! Thảy đấy gọi là vô lậu pháp.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Những pháp nào gọi là **hữu vi pháp**?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Là **pháp buộc ba cõi**, như năm uẩn. Như bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn vô sắc định. Như bốn niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Thiện Hiện! Thảy đấy gọi là hữu vi pháp.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Những pháp nào gọi là **vô vi pháp**?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nếu pháp vô sanh vô diệt, vô trụ vô dị, hoặc hết tham, hết sân, hết si; như chơn như, pháp giới, pháp tánh, bất hư vọng tánh, bất biến dị tánh, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế. Thiện Hiện! Thảy đấy gọi là vô vi pháp.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Những pháp nào gọi là **cộng pháp**?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Là thế gian bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn vô sắc định, năm thần thông. Thiện Hiện! Thảy đấy gọi là cộng pháp, vì cộng dị sanh *(pháp tu chỉ dành cho phàm phu)* vậy.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Những pháp nào gọi là **bất cộng pháp**?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Là bốn niệm trụ cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Thiện Hiện! Thảy đấy gọi là bất cộng pháp, vì bất cộng với dị sanh vậy.

Thiện Hiện! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đối pháp như thế thảy tự tướng không, chẳng nên chấp đắm, vì tất cả pháp vô phân biệt vậy. Thiện Hiện! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đối tất cả pháp **đem vô nhị làm phương tiện**, nên chính giác biết, vì **tất cả pháp đều vô động** vậy. Thiện

Hiện! **Đối tất cả pháp vô nhị vô động là cú nghĩa Bồ Tát; vô phân biệt vô chấp trước là cú nghĩa Bồ Tát. Vì đấy nên vô cú nghĩa là cú nghĩa Bồ Tát.**

(3. Như thế nào thì được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát?)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Duyên nào Bồ Tát lại gọi Ma ha tát?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Do Bồ Tát này đối trong chúng đại hữu tình sẽ làm **thượng thủ** nên lại gọi Ma ha tát.

Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao gọi là chúng đại hữu tình mà Bồ Tát trong ấy được làm thượng thủ?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Là trụ chủng tánh Đệ bát, Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác và từ sơ pháp tâm cho đến bậc Bất thối chuyển Bồ Tát Ma ha tát. Như vậy đều gọi chúng đại hữu tình, **Bồ Tát đối trong chúng đại hữu tình này sẽ làm thượng thủ nên lại gọi Ma ha tát**.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Như vậy Bồ Tát bởi duyên nào năng đối chúng đại hữu tình sẽ làm thượng thủ?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Do Bồ Tát này đã phát tâm Kim cương dụ bền chắc, quyết định chẳng lui hoại. Vậy nên năng đối chúng đại hữu tình sẽ làm thượng thủ.

Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Sao gọi Bồ Tát tâm Kim cương dụ?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát phát tâm như vầy: "Ta nay phải mặc áo giáp đại công đức, với trong đồng nội lớn rộng vô biên sanh tử, vì các hữu tình diệt tận tất cả oán địch phiền não. Ta phải khắp vì tất cả hữu tình làm khô hết biển cả vô biên sanh tử, ta phải vất bỏ tất cả thân, của vì các hữu tình làm đại nhiêu ích, ta phải có tâm bình đẳng lợi ích an vui tất cả hữu tình. Ta phải khắp khiến các loại hữu tình dạy đạo Tam thừa vào tới Niết

bàn, ta phải dù đem Tam thừa tế độ tất cả hữu tình mà đều chẳng thấy có một hữu tình được ta diệt độ. Ta phải giác liễu tất cả pháp tánh vô sanh vô diệt, vô tịnh vô nhiễm. Ta phải thuần đem tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí tu hành sáu pháp Ba la mật. Ta phải tu học đối tất cả pháp thông suốt rốt ráo khắp vào diệu trí. Ta phải thông suốt tất cả pháp tướng nhất lý thú môn, ta phải thông suốt tất cả pháp tướng nhị lý thú môn, ta phải thông suốt tất cả pháp tướng đa lý thú môn và ta phải tu học các thứ diệu trí, thấu rõ các pháp tánh để dẫn pháp thắng công đức". Thiện Hiện! Đấy gọi Bồ Tát tâm Kim cương dụ. Nếu Bồ Tát đem vô sở đắc mà làm phương tiện an trụ tâm này quyết định năng đối chúng đại hữu tình sẽ làm thượng thủ.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các Bồ Tát phát tâm như vầy: "Các loại hữu tình đang chịu khổ não trong tất cả địa ngục, bàng sanh, quỷ giới và người, trời, ta phải chịu thay khiến chúng an vui". Các Bồ Tát phát tâm như vầy: "Ta vì làm nhiêu ích tất cả hữu tình, nên trải qua vô lượng trăm ngàn trăm ức muôn ức kiếp chịu nhiều thứ khổ nặng nề trong các địa ngục, dùng vô số phương tiện giáo hóa khiến được vô dư Niết bàn". Như vậy thứ lớp khắp vì làm nhiêu ích tất cả hữu tình, vì kia mỗi mỗi đều trải vô lượng trăm ngàn trăm ức muôn ức kiếp chịu nhiều thứ khổ nặng nề nơi các địa ngục, mỗi mỗi đều đem vô số phương tiện giáo hóa khiến được vô dư Niết bàn. Làm việc này rồi tự trồng căn lành, lại trải vô lượng trăm ngàn trăm ức muôn ức kiếp viên mãn tu nhóm tư lương Bồ đề, nhiên hậu mới chứng sở cầu Vô thượng Bồ đề. Thiện Hiện! Thề nguyện như thế cũng gọi tâm Bồ Tát Kim cương dụ. Nếu Bồ Tát đem vô sở đắc mà làm phương tiện an trụ tâm này, quyết định năng đối chúng đại hữu tình sẽ làm thượng thủ.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các Bồ Tát hằng thường phát khởi thắng tâm, đại tâm. Do tâm này quyết định đối chúng đại hữu tình sẽ làm thượng thủ.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Như thế nào gọi **thắng tâm, đại tâm** của Bồ Tát ?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các Bồ Tát phát tâm như vầy: "Ta nên từ sơ phát tâm cho đến chứng được Nhất thiết trí trí, quyết định chẳng khởi tâm tham dục, giận dữ, ngu si, hờn căm, che não, dua gạt, ganh, xan, kiêu, hại, tà kiến, mạn thảy, cũng quyết định chẳng khởi tâm cầu Thanh văn và Độc giác". Đấy là Bồ Tát thắng tâm đại tâm. Nếu Bồ Tát đem vô sở đắc mà

làm phương tiện an trụ tâm này, quyết định đối chúng đại hữu tình sẽ làm thượng thủ.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các Bồ Tát phát khởi **tâm quyết định chẳng nghiêng động**. Do tâm này nên quyết định năng đối chúng đại hữu tình sẽ làm thượng thủ.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Như thế nào gọi là **tâm chẳng nghiêng động** của Bồ Tát ?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các Bồ Tát phát tâm như vầy: Ta cần phải nương tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, tu tập phát khởi tất cả sự nghiệp sở tu, sở tác mà chẳng kiêu lung. Thiện Hiện! Đấy là tâm Bồ Tát chẳng nghiêng động. Nếu Bồ Tát đem vô sở đắc mà làm phương tiện an trụ tâm này, quyết định năng đối chúng đại hữu tình sẽ làm thượng thủ.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các Bồ Tát khắp đối tất cả các loại hữu tình **bình đẳng phát khởi tâm chơn lợi lạc**. Do tâm này nên quyết định năng đối chúng đại hữu tình sẽ làm thượng thủ.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là **tâm chơn lợi lạc** của Bồ Tát?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các Bồ Tát phát tâm như vầy: Ta phải quyết định cùng đời vị lai lợi ích an vui tất cả hữu tình, vì làm chỗ cồn bãi, nhà cửa, về nương thường chẳng bỏ lìa. Thiện Hiện! Đấy là tâm chơn lợi lạc của Bồ Tát. Nếu Bồ Tát đem vô sở đắc mà làm phương tiện an trụ tâm này, quyết định năng đối chúng đại hữu tình sẽ làm thượng thủ.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các Bồ Tát tu hành Bát Nhã thường **siêng tinh tiến ái pháp, lạc pháp, hân pháp, hỷ pháp**. Do nhân duyên này quyết định đối chúng đại hữu tình sẽ làm thượng thủ.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Những gì là pháp? Sao là Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã thường đối pháp này **ái lạc hân hỷ**?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Đã nói pháp ấy là sắc, phi sắc đều vô tự tánh, đều bất khả đắc, chẳng khá phá hoại, chẳng khá phân biệt được, đấy gọi là pháp. Nói **ái pháp** ấy là đối pháp này khởi muốn mong cầu. Nói **lạc pháp**

ấy là đối pháp này xưng khen công đức. Nói **hân pháp** ấy là đối pháp này vui mừng tín thọ. Nói **hỷ pháp** ấy là đối pháp này mến nhiều tu tập, gần gũi yêu trọng. Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc mà làm phương tiện, thường năng ái pháp, lạc pháp, hân pháp, hỷ pháp như thế mà chẳng kiêu cử, quyết định năng đối chúng đại hữu tình sẽ làm thượng thủ.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát tu hành Bát Nhã, đem vô sở đắc mà làm phương tiện an trụ nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Tu bốn niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, Bồ Tát này quyết định năng đối chúng đại hữu tình sẽ làm thượng thủ.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Nếu Bồ Tát tu hành Bát Nhã, đem vô sở đắc mà làm phương tiện trụ Kim cương dụ Tam ma địa, cho đến trụ Vô trước vô vi vô nhiễm giải thoát như hư không Tam ma địa, Bồ Tát này do nhân duyên đây quyết định đối chúng đại hữu tình sẽ làm thượng thủ.**

Thiện Hiện! Nhờ nhiều thứ nhân duyên như thế thảy, các Bồ Tát quyết định đối chúng đại hữu tình sẽ làm thượng thủ. Vậy nên Bồ Tát lại gọi Ma ha tát.

Thích nghĩa:

*(1). Cú nghĩa: Ý nghĩa đích thực. Nhất cú, đệ nhất cú, hay tối sơ cú, mạt hậu cú là câu nói tối hậu, là câu nói **hàm ẩn tất cả diệu lý Phật**, ai hiểu được thì thoát ly tất cả nghiệp báo và chứng đạo tức thì. Đó là lối giải thích đơn giản của từ cú nghĩa. "Cú nghĩa là nguyên lý chỉ đạo hay phạm trù quyết định, dùng để trình bày thực thể thuộc tánh và nguyên lý sanh thành, hoại diệt của tất cả mọi hiện tượng trong vũ trụ". Thí dụ: 10 nguyên lý: Thực, đức, nghiệp, đồng, dị, hòa hợp, hữu năng, vô năng, câu phân, vô thuyết, chi phối hoàn toàn tất cả pháp. (Phỏng theo Từ diển Phật Quang)*

(2). Tinh ngọc: Ngọc tuyền, phát ánh sáng tự nhiên.

(3). Hỏa dược: Thuốc dẫn lửa như pháo bông, thuốc súng…

(4). Các trời: Tức nói đến hào quang của các chư thiên.

Cả ba (2), (3), (4) đều có thể phát ánh sáng nhưng ánh sáng đó không thể nào sánh bằng hào quang của chư Phật.

(5). Ý nói đến pháp quán gọi là Cửu tưởng quán hay quán "lâm thi". Người tu pháp quán này thường vào rừng để quan sát tử thi do thân nhân vứt ở ven rừng (theo tục lệ Ấn độ khi xưa), quan sát sự biến hoại của nhục thể qua chín giai đoạn từ lúc sình cho đến lúc chỉ còn xương trắng rơi rụng tan tác khắp nơi, để đối trị bệnh ham muốn sắc dục. ***TB***

(6). Pháp vô ký: Các pháp không thuộc về thiện hay bất thiện.

Lưu ý: *Các đạo hữu có thể quay lại phẩm "Bồ Tát ", từ Q.45 trở đi của Hội thứ I, ĐBN để xem lại thích nghĩa và lược giải cho phẩm này.*

Sơ giải:

Phẩm này chia làm ba phần nói về ba vấn đề khác nhau: 1. Cú nghĩa Bồ Tát, 2. Các loại pháp và 3. Thế nào mới được gọi là đại Bồ Tát hay Bồ Tát Ma ha tát? Chúng ta cũng chia ra làm ba phần để chiết giải:

- *Phần thứ 1:* *Thế nào là cú nghĩa của Bồ Tát?*

Chúng tôi lấy phần chiết giải của phẩm "Bồ Tát" trong Hội thứ I, trình bày lại để các đạo hữu nắm vững vấn đề:

"Y cứ vào một phạm trù nào đó dù nó là một học thuyết, một chủ trương, một tôn chỉ... làm sở y để đạt sở nguyện thì việc y cứ đó cũng trở thành một thứ trói buộc, từ đây tâm không còn tự do nữa, hành giả sẽ trở thành một kẻ thừa hành, một tên nô lệ hơn là một tác chủ. Vì vậy, Kinh nói *không cú nghĩa mới là cú nghĩa của Bồ Tát.*

Bồ Tát hành những hạnh khó hành, nhưng hành như vô sự, vì Bồ Tát từ chối không tùy thuộc vào sở hành. Bồ Tát không tuân thủ bất cứ một định luật, một tôn chỉ nào, cả đến trụ trong Bát Nhã nhưng cũng không lệ thuộc Bát Nhã, vì Bát Nhã hay Tánh Không cũng vô sở hữu bất khả đắc, chỉ do công năng hay diệu dụng của trí Bát Nhã nẩy sanh những phương tiện lực và bằng những phương tiện lực đó mà Bồ tát thực hiện những công hạnh khó hành (năng hành nan hành) mang lợi ích cho chúng sinh. Như thế cú nghĩa cũng chẳng mang lại lợi ích gì, nó cũng chỉ là ngôn thuyết, do tưởng.

Chỉ một câu nói ***"nhất cú tiệt lưu vạn cơ tẩm sảo"*** (一句截流萬機寢削)*: Một câu dứt dòng, muôn cơ dẹp hết. Chỉ một câu thôi mà có thể giải thích hết càn khôn vũ trụ là điều không tưởng. Vậy ta phải làm sao? Bây giờ, phải gạt bỏ hết tất cả, không nói tới nhất cú, nhị cú, tam cú hay tứ cú nữa... mà là "không cú" mới chính là cú nghĩa của Bồ Tát. Đó là ý nghĩa đại cương của phẩm này.*

Tôi tạm mượn câu chuyện sau đây nói lên "ý" của cú nghĩa:

Tắc thứ 19 Bích Nham Lục có ghi rằng: Câu Chi Hòa thượng là người Kim Hoa Sơn thuộc Vụ Châu. Thuở xưa khi Ngài còn ở trong thảo am, có một vị Ni tên là Thực Tế đến am của Sư. Đến nơi vị Ni này bước thẳng vào bên trong, không buồn cởi nón ra mà chỉ cầm tích trượng đi quanh giường Thiền của Sư ba vòng rồi nói: "Nếu Thầy nói được thì tôi cởi nón". Hỏi như thế ba lần, Câu Chi không trả lời được. Vị Ni bèn bỏ đi. Câu Chi vội ngăn: "Trời cũng đã tối rồi, cô nghỉ lại một đêm không muộn". Vị Ni lại nói: "Nếu Thầy nói được tôi sẽ nghỉ lại". Câu Chi thở dài nói: "Ta tuy thân là bậc trượng phu mà mất khí khái của bậc trượng phu". Rồi phát quẫn nhất định tìm hiểu vấn đề. Sau đó Sư bèn nghĩ đến việc đốt am đi khắp nơi để tham vấn các thiện tri thức, cho nên chuẩn bị sẵn sàng lên đường hành cước. Đêm đó sơn thần hiện lên và nói với Sư rằng: "Thầy không cần phải rời nơi này, ngày mai sẽ có một vị Bồ Tát bằng xương bằng thịt đến thuyết pháp cho Thầy". Hôm sau quả nhiên Thiên Long Hòa thượng đến am của Sư. Câu Chi bèn tiếp đón với đầy đủ nghi lễ và kể chuyện hôm trước. ***Thiên Long chỉ dơ một ngón tay lên cho Câu Chi. Câu Chi thoát ngộ!***

Câu Chi có nuôi một đồng tử. Trong khi Câu Chi đi vắng có người đến hỏi đồng tử: "Bình thường Hòa thượng của chú dùng phương pháp gì để dạy người?" Đồng tử dơ ngón tay lên. Lúc Câu Chi về đồng tử thuật lại sự việc như thế. Câu Chi lấy dao cắt ngón tay của đồng tử. Đồng tử vừa chạy vừa kêu la ầm ỹ. Câu Chi gọi đồng tử, đồng tử quay đầu lại, Câu Chi bèn đưa ngón tay lên, đồng tử thoát nhiên hiểu thấu. Thử xem đồng tử hiểu được đạo lý gì? Lúc sắp mất, Câu Chi dạy chúng rằng: "Ta đắc nơi Thiên Long một ngón tay Thiền suốt đời dùng không hết. Các ông có muốn hiểu chăng?" Rồi dơ ngón tay lên mà mất.

Để giải thích chỗ này chúng tôi xin lạm bàn: Tới chỗ này mới biết: Đừng nghĩ tưởng một hạt bụi gom cả trời đất hay cả trời đất chỉ thu vào một hạt bụi? Trên đầu một ngón tay gồm thâu tất cả Tam thiên đại thiên, hoặc tất cả Tam thiên đại thiên thâu nhỏ trên đầu một ngón tay? Vị Ni muốn Câu Chi nói một câu, chỉ một câu mà có thể giải quyết hết thảy mọi vấn đề của nhân sinh và vũ trụ. Câu đó chính là cú nghĩa, cái nghĩa cùng tột của tất cả nghĩa. Quả thật mắc mỏ!

Câu Chi giận mình không làm được và quyết định đốt am lên đường hành cước. Thiên Long Hòa thượng xuất hiện, đưa một ngón tay lên, Câu Chi đại ngộ. Rồi từ đó nếu có bất cứ ai hỏi gì về đạo, Câu Chi trả lời bằng cách đưa ngón tay lên! Ngón tay đó là cú nghĩa, đủ giải thích toàn thể vũ trụ, có phải vậy không? Nếu không hiểu Câu Chi sẽ giải thích cho. Thử đoán coi nếu Câu Chi còn sống thêm một kiếp hay một kiếp hơn, Câu Chi sẽ giải thích ra sao? Câu Chi lại đưa một ngón tay lên. Thật kỳ đặc!

Ngón tay đó không có gì bí nhiệm cả, nó hoàn toàn là nó, nó không liên hệ gì tới một nguyên lý chỉ đạo tương đối hay tuyệt đối hay phạm trù quyết định, dùng để trình bày thực thể thuộc tính về sự sinh thành *hay hoại diệt của tất cả mọi hiện tượng vũ trụ. Ngón tay dựng lên của Câu Chi cũng không phải biểu thị cái nhất thể của vạn pháp, mà cũng không phải là Đệ nhất nghĩa đế. Nó là nó. Nó như vậy bởi vì nó như vậy, "pháp nhĩ như thị". Thiền sư D.T. Suzuki nói:* "Khi thấy ngón tay đưa lên đó, nếu các Ngài chỉ cần chớm khởi là đã rơi ngay vào vực thẳm tuyệt mù không đáy!"

Phải! Nói về cứu cánh hay đòi hỏi một cái gì tuyệt đối là rơi vào vực thẳm tuyệt mù không đáy. Tất cả sự thật phơi bày trước mắt, nó là nó, là như… giản dị thế thôi. Đừng nghĩ tưởng gì khác! Nhất niệm khởi trần lao dậy sóng!

Đối với thiền sư đừng có "dao to búa lớn". Các ngài coi trọng cái hiện tiền, cái trước mắt và khinh thường mọi thứ viễn vong. Vì vậy, Kinh bảo không cú nghĩa mới là cú nghĩa của Bồ Tát.

- <u>Phần thứ 2:</u> Với câu hỏi thế nào là các pháp?

"*Tất cả pháp ấy là pháp thiện, pháp phi thiện, pháp hữu ký, pháp vô ký, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp*

hữu vi, pháp vô vi, pháp cộng, pháp bất cộng… Đấy gọi là tất cả pháp. Các đại Bồ Tát đối tất cả pháp này đều vô sở hữu, vô ngại, vô trước, cần học nên biết!"

"Phần thứ I Tổng luận" đã thuyết tỉ mỉ rồi nên chúng tôi không lặp lại nữa. Để hiểu thêm, chúng tôi ghi lời ***luận giải trong Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 12, "Cú Nghĩa", Tập 3, quyển 44, do Bồ Tát Long Thọ*** *soạn thảo để làm sáng tỏ thêm:*

Hỏi: *Vì sao trước hết ngài Tu Bồ Đề lại hỏi Phật về* ***thế gian thiện pháp****?*

Đáp: Trước hết phải biết rõ thế gian tướng rồi sau đó mới có thể biết rõ được xuất thế gian tướng.

Phải ở trong thế gian mới thấy được có nhân quả, có phước báo, có nghiệp tội, có đời này, có đời sau, có hiền Thánh, có Phật.

Thế gian thiện pháp dạy người phải hiếu thuận với cha mẹ, phải tôn kính các bậc tôn trưởng, cũng dạy người cúng dường các bậc Sa môn và Bà la môn, là những người tu phạm hạnh mà người thế gian khó có thể làm được, nên đáng được cúng dường.

Lại nữa, thế gian thiện pháp còn khuyên tu các phương tiện sanh phước đức, như 10 thiện đạo, bố thí, trì giới, thiền định,... dẫn đến 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 9 tưởng, 10 niệm v.v... cũng đều là thế gian thiện pháp. Nhờ các thiện pháp mà người tu hành chế ngự được các ác tâm, khiến sanh được phước đức.

Trái với các thiện pháp là các **bất thiện pháp**.

Các oai nghi, công xảo, các biến hóa khởi từ thân và khẩu nghiệp, nhiếp về vô ký pháp.

Còn 5 ấm thân nghiệp, chẳng phải là vô ký pháp, vì khi duyên diệt thì 5 ấm cũng như hư không. Tuy nhiên, ở nơi thế gian pháp, thì 5 ấm vẫn có thiện, có bất thiện, có vô ký.

Phàm phu tu các thiện pháp, nhưng chẳng có thể siêu xuất thế gian, nên thiện pháp của phàm phu chỉ được gọi là thế gian thiện pháp.

--o0o--

Xuất thế gian pháp gồm 37 phẩm trợ đạo, 3 giải thoát môn (không, vô tướng và vô tác), 3 vô lậu căn (vị tri dục tri căn - tri căn và dĩ tri căn),

hữu giác hữu quán tam muội - vô giác hữu quán tam muội - vô giác vô quán tam muội, bát bối xả, thập Phật lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, mười tám bất cộng pháp.

--o0o--

Lại nữa, dùng chánh ức niệm mà quán thật tướng pháp, tùy thân pháp mà hành hết thảy thiện pháp thì gọi là đốn tu.

Như vậy là trước rộng nói về các pháp tu. Nay chỉ nói nhất tâm tu 4 niệm xứ là được đạo.

--o0o--

Phàm phu chẳng có thể tu 8 bối xả, 18 không, 10 lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp... vì đây là những **pháp tu xuất thế gian**.

Phải có đầy đủ chánh niệm, chánh huệ và chánh tư duy mới tu được.

Tuy có phân biệt thế gian pháp và xuất thế gian pháp, nhưng ở đây chỉ đặc biệt nói về các hữu lậu pháp mà thôi.

Nên biết: 4 thiền, 4 vô sắc định... là hữu lậu pháp, còn 4 niệm xứ... dẫn đến 18 bất cộng pháp là vô lậu pháp.

Lại cũng nên biết: Pháp có sanh, có trú, có diệt là **hữu vi pháp**, pháp bất sanh, bất trú, bất diệt là **vô vi pháp**.

Bốn niệm xứ... dẫn đến 18 bất cộng pháp, đều là vô lậu, vô vi pháp. Nhưng khi được dùng làm pháp tu, thì cũng là hữu vi pháp. Trái lại, khi chẳng còn tướng hữu vi nữa thì lại trở thành vô vi pháp.

Lại nữa, khi đã tổng phá 3 độc tham, sân, si, cùng các phiền não khác, và đã tổng phá 5 ấm rồi thì hết thảy các pháp tướng đều trở thành như thật pháp tướng, như thật pháp tánh, thật tế, và đều trở thành vô vi pháp cả.

Câu hỏi và đáp kế tiếp của ***Đại Trí Độ Luận cũng cùng phẩm trên*** *cho chúng ta hiểu thế nào là:* ***"Sắc tức là như, như tức là sắc, sắc chẳng khác như, như chẳng ly sắc":***

Hỏi: *Sắc là hữu vi pháp, như như là vô vi pháp. Như vậy làm sao có thể nói: Sắc tức là như, như tức là sắc, sắc chẳng ly như, như chẳng ly sắc?*

Đáp: Phàm phu và chư Thánh nhìn sắc theo hai góc cạnh khác nhau:

- Phàm phu dùng nhục nhãn để nhìn sắc, nên khởi niệm tưởng phân biệt các sắc tướng.
- Chư Thánh biết rõ thật tướng pháp, nên thấy sắc là như tướng, là Niết Bàn tướng.

--o0o--

Lại nữa, khi vào trong thiền định, thiền giả thấy rõ cộng xứ nơi các pháp, nên gọi 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định v.v... là cộng pháp. Còn 4 niệm xứ..., dẫn đến 18 bất cộng pháp, thì gọi là bất cộng pháp.

Thế nhưng, **bản thể của hết thảy các pháp đều là pháp như, pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, thật tế cả**.

Bồ Tát biết rõ hết thảy các pháp đều là duyên sanh, nên đều là tự tánh không, là vô tánh vậy.

Bồ Tát an trú nơi thật tướng pháp, được vô ngại, được bất động. Vì sao? Vì vào "bất nhị pháp môn" là vào được thật tướng pháp, là được vô vi bất động".

Với phân tích chi li đó của bậc thật tu thật chứng, cho chúng ta có cái thấy biết rõ ràng về tất cả pháp từ hữu vi tới vô vi, từ hữu pháp tới vô pháp, từ pháp thế gian đến pháp xuất thế gian v.v…

- *<u>Phần thứ 3</u>: Thế nào "được gọi là đại Bồ Tát hay Bồ Tát Ma ha tát?"*

Ma Ha Tát nói trọn là Ma Ha Tát Đỏa, Hán dịch là đại hữu tình, đại chúng sanh, từ gọi chung chỉ cho bậc Bồ Tát hay Đại sĩ. Ma Ha Tát tức là bậc có ***nguyện đại, hạnh đại, độ chúng sinh đại,*** *là bậc tối thượng trong thế gian, do chúng sanh, vì chúng sanh, bởi chúng sanh mà xả thân cứu độ, không sợ gian khổ, không hề mệt mỏi quên cả bản thân mình, quên cả thời gian, quên cả kiếp số. Các bậc ấy không bao giờ lui sụt đại bi tâm cho nên gọi là Ma Ha Tát.*

Tất cả những gì đem lại tốt đẹp cho đời vượt hơn những chúng đại hữu tình khác nên được gọi là ***thượng thủ****. Vì vậy, Bồ Tát phải có tâm quảng đại thù thắng, tâm lợi ích an lạc cho toàn thể chúng sanh, nghĩa là đối với tất cả hữu tình, làm chỗ quay về, làm chỗ nương tựa, làm chiếc cầu, làm*

con thuyền, làm bờ bến, làm hòn đảo… sẵn sàng cứu giúp, che chở chúng sanh thường chẳng xa lìa. Cho nên, ở trong đại chúng, nhất định được làm thượng thủ, nên được xưng tán là Ma ha tát.

Sau đây là lời bình giải của ***Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 13, "Kim Cương", Tập 3, quyển 45,*** *với câu hỏi: Tại sao gọi Bồ Tát là Ma Ha Tát?*

(“**Hỏi:** *Nghĩa Ma Ha Tát là như thế nào?*

Đáp : Ma Ha là đại, là lớn.

Tát Đỏa là chúng sanh.

Bồ Tát Ma Ha Tát là bậc đại Bồ Tát, tối tôn, tối trọng trong chúng sanh, phát tâm rộng lớn nguyện :

- Trên, cầu đạo vô thượng.
- Dưới, hóa độ hết thảy chúng sanh.

--o0o--

Nên biết, chúng sanh có ba hướng đi. Đó là :

- Hạng chúng sanh có chánh định, quyết định vào Niết Bàn.
- Hạng chúng sanh có tà định, quyết định đọa vào ba đường ác.
- Hạng chúng sanh bất định.

Ngoại trừ Phật ra, thì trong các loài chúng sanh, chư vị Bồ Tát Ma Ha Tát là những bậc chánh định tối đại, xếp vào bậc nhất trong Thánh chúng. Thánh chúng nơi đây, bao gồm cả chư Hiền Thánh và chư Đại Bồ Tát thập địa.

Vì Bồ Tát tu thập địa nhiếp trong Thánh tánh, nên Thập địa cũng được gọi là Thánh địa.

Ví như đứa trẻ sanh trong gia định quyền quý, tuy nay còn nhỏ, nhưng quyết định về sau sẽ thành tựu được đại sự nghiệp.

Lại, ví như tu theo Thanh Văn Thừa, vào thời kỳ Kiến Đạo, hành giả lần lượt tu bốn pháp là Noãn, Đảnh, Nhẫn và Thế Đệ Nhất. Do tỉnh ngộ, mà thấy được đạo, vào được Kiến Đạo. Do Kiến Đạo, mà vào được Tu Đạo. Do Tu Đạo, mà được Vô Học Đạo, chứng các quả vị A La Hán, hay quả vị Bích Chi Phật.

Bồ Tát, khi đã được Vô Sanh Pháp Nhẫn, tùy theo Vô thượng Bồ đề mà phát tâm, thì gọi là chân phát tâm. Do biết rõ thật tướng các pháp, biết

rõ tâm hành của chúng sanh, nên Bồ Tát tận phá được các phiền não; lại do thường tùy theo Vô thượng Bồ đề, nên Bồ Tát chẳng còn khởi các tâm điên đảo. Bồ Tát an trú trong Kim Cang tâm, ra vào sanh tử để cứu độ chúng sanh, mãi cho đến khi được Vô thượng Bồ đề, được thành Phật".

--o0o--

"Bồ Tát Ma Ha Tát, ở trong chúng quyết định làm bậc thượng thủ, nên phát đại tâm thọ các khổ thay cho chúng sanh, mà được tâm bất động, kiên cố như kim cang. Bồ Tát được Kim Cang tâm rồi, chẳng còn bị lay động bởi các phiền não, chẳng còn tín thọ các ác pháp nữa. Nếu có ác ma đến đòi lấy đầu, tủy, não... Bồ Tát vẫn sẵn sàng cho hết. Nếu có bị mắng nhiếc, bị hành hung,... tâm Bồ Tát cũng vẫn chẳng lay động. Tâm Bồ Tát kiên cố như kim cang nên gọi là Kim Cang tâm.

Phật nói về tướng của Kim Cang tâm, khiến Bồ Tát tự nghĩ rằng: Chẳng phải một tháng, một năm, một đời,... mà đến vô lượng kiếp tu, ta vẫn phải phát đại thệ trang nghiêm pháp thân. Ta nguyện:

1. Trải qua vô lượng kiếp, ta phải ở trong sanh tử, để làm lợi ích cho chúng sanh.

2. Ta phải xả hết thảy các vật quí của nội và ngoại thân ta.

3. Ta phải xem hết thảy chúng sanh bình đẳng; chẳng phân biệt thương ghét, bạn thù.

4. Ta phải ở trong tam thừa đạo để độ chúng sanh vào Phật đạo.

5. Ta phải độ thoát hết thảy chúng sanh như vậy, mà vẫn chẳng thấy có chúng sanh nào được độ thoát cả.

6. Ta phải biết rõ hết thảy các pháp đều bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, và đều bình đẳng tướng.

7. Ta phải đem tâm thanh tịnh, vô nhiễm, mà hành Bát nhã Ba la mật; rồi hồi hướng công đức về Vô thượng Bồ đề.

8. Ta phải thông đạt hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian.

9. Ta phải biết rõ hết thảy các pháp đều là nhất tướng, là vô tướng. Ta phải biết rõ hết thảy các pháp đều là không; phải xa lìa các ức tưởng phân biệt.

10. Ta phải biết rõ nhị tướng,... dẫn đến vô lượng tướng <u>đều bình đẳng, vô phân biệt</u>. Ta phải thông đạt hết thảy các pháp môn, từ hai môn (như:

hữu-vô, sanh-diệt, sắc-vô sắc), ba môn (như: thiện-ác-vô ký,..) dẫn đến vô lượng môn. Ta phải diệt sạch các phiền não, diệt sạch cả nghiệp quả báo, khiến hết thảy các chướng ngại đều tán hoại.

Như kim cang có công năng phá tan hết thảy các vật, mà bản chất của kim can lại kiên cố, bất hoại; Bồ Tát quyết định ở trong chúng làm bậc thượng thủ, mà vẫn ở nơi bất khả đắc không, vẫn thường giữa tâm kiên cố, bất động như kim cang.

Nếu Bồ Tát đã phát đại tâm như vậy, mà còn sanh kiêu mạn, thì nghiệp tội sẽ lớn vô cùng. Vì sao? Vì đối với Bồ Tát, thì hết thảy các pháp đều là bất khả đắc. Bồ Tát, ở nơi vô sở đắc, thấy các pháp đều là như mộng, như huyễn, như hóa; chẳng thấy có pháp nào có định tướng cả.

Tâm Bồ Tát kiên cố như kim cang, nên dù vào trong ác đạo, mà vẫn cam chịu các khổ, miễn sao độ thoát chúng sanh ra khỏi các ác đạo, để rồi dạy họ tu tập các thiện pháp, dẫn dắt họ vào Niết Bàn an lạc. Bồ Tát cứu độ các chúng sanh như vậy, rồi vì chúng sanh mà tu tập các công đức, dù trải qua vô lượng kiếp cũng chẳng hề thối tâm mãi cho đến khi thành tựu quả Vô thượng Bồ đề.

Bồ Tát nguyện thay chúng sanh chịu khổ, nên dù phải trải qua vô lượng kiếp trong các nẻo đường sanh tử, mà tâm Bồ Tát chẳng hề thối thất; gánh vác cả ba nghìn thế giới, mà tâm vẫn chẳng lay động.

Tâm Bồ Tát kiên cố bất động như vậy, nên gọi là Kim Cang tâm.

Bồ Tát ở trong chúng sanh mà vẫn giữ tâm bình đẳng, chẳng sanh dục nhiễm. Vì sao? Vì nếu mống tâm thương ghét, phân biệt, thiên vị, thì liền bị giặc ái phá hoại tâm bình đẳng. **Tâm bình đẳng là gốc của Phật đạo vậy.**

Lại nữa, Bồ Tát thường hành từ bi tâm, nên chẳng có sân tâm. Lại thường quán hết thảy các pháp đều do duyên hòa hợp sanh, mà tự tánh vốn là không, nên chẳng sanh si tâm; lại thường ái niệm chúng sanh, nên chẳng sanh não tâm; lại thường chẳng xả chúng sanh, thường tôn quí Phật đạo, nên chẳng sanh Nhị Thừa tâm.

Hỏi: *Nói tâm kiên cố như kim cang là đủ rồi. Như vậy còn nói tâm bất động làm gì nữa?*

Đáp: Tâm kiên cố cũng có thể nhiều, ít, tăng, giảm. Cây lớn còn có thể bị gió lay động; nếu tâm Bồ Tát chưa thật sự kiên cố, thì vẫn có thể bị các nội ngoại duyên làm chao động. Vì sao? Vì hễ còn có tà kiến, còn có nghi

kiến,... thì tâm vẫn còn bị chao động. Bởi vậy nên phải có thật trí huệ, mới có thể được tâm kiên cố, bất động vậy.

Lại nữa, Bồ Tát, vì lợi ích chúng sanh, thường chẳng xả chúng sanh nên thường được tâm an lạc. Trú trong tâm ấy, mà Bồ Tát chẳng chấp tâm ấy. Vì sao? Vì đối với Bồ Tát, thì lạc pháp là hơn hết. Thế nhưng chẳng phải vì vậy, mà phá hoại các pháp tướng, nên Bồ Tát chẳng thấy có pháp để chấp, chẳng thấy có pháp để thọ. Bồ Tát biết rõ hết thảy các pháp đều là bất khả đắc, biết rõ vô sở đắc là tướng Niết Bàn. Bồ Tát thường tín thọ 3 giải thoát môn, nên thường được lạc pháp.

Lại nữa, Bồ Tát an trú trong 18 không, chẳng tùy ý hành, nên chẳng khởi sanh nghiệp tội; an trú trong 4 niệm xứ, dẫn đến 18 bất cộng pháp, diệt các phiền não, tu tập các thiện pháp, nên thường ở trong đại chúng làm bậc thượng thủ.

Bồ Tát vào Kim cang tam muội được bình đẳng tâm, được an lạc hạnh, khiến tăng trưởng thiện căn, được đầy đủ trí huệ.

Do có đầy đủ các lực phương tiện như vậy, nên Bồ Tát quyết định ở trong Thánh chúng thường làm bậc thượng thủ.

Bởi các nhân duyên vậy, nên gọi là Bồ Tát Ma ha tát”).

Bao nhiêu lời giảng luận về Bồ Tát Ma ha tát nói trên cũng tạm đủ. Chỉ cần tụng đọc cẩn thận là có thể hiểu vai trò của Bồ Tát Ma ha tát trong Phật đạo. Học hành và tiến tu được như thế cũng quá khó, quá gian nan, biết như thế là quá đủ, nên không cần nghĩ đến việc làm thượng thủ trong số đại hữu tình làm gì./.

---o0o---

12. PHẨM "ĐOẠN CHƯ KIẾN"
(Đoạn trừ các kiến)

Giữa quyển 411, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Ma Ha Tát", Q.47, Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

Lúc bấy giờ, Xá lợi Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con cũng thích đem trí tuệ biện tài nói về ý nghĩa Ma ha tát của Bồ Tát?

Phật bảo Xá lợi Tử:

- Tùy ông! Nếu thích ông cứ nói.

Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Vì các Bồ Tát với phương tiện thiện xảo có thể giảng nói pháp yếu cho các hữu tình, làm cho họ **đoạn trừ ngã kiến, hữu tình kiến, mạng giả kiến, sanh giả kiến, dưỡng giả kiến, sĩ phu kiến, Bổ đặc già la kiến, ý sanh kiến, nho đồng kiến, tác giả kiến, thọ giả kiến, tri giả kiến, kiến giả kiến**. Do nghĩa ấy nên gọi là Ma ha tát. Vì các Bồ Tát với phương tiện thiện xảo, có thể giảng nói pháp yếu cho các hữu tình, làm cho họ **đoạn trừ thường kiến, đoạn kiến, hữu kiến, vô kiến; làm cho họ đoạn trừ uẩn kiến, xứ kiến, giới kiến, đế kiến, duyên khởi kiến; làm cho họ đoạn trừ bốn niệm trụ kiến cho đến mười tám pháp Phật bất cộng kiến**. Do nghĩa này nên gọi là Ma ha tát. Vì các Bồ Tát với phương tiện thiện xảo, có thể giảng nói pháp yếu cho các hữu tình, làm cho họ **đoạn trừ thành thục hữu tình kiến, nghiêm tịnh cõi Phật kiến, Bồ Tát kiến, Như Lai kiến, Bồ đề kiến, Niết bàn kiến, Chuyển pháp luân kiến**. Do nghĩa này nên gọi là Ma ha tát. Vì các Bồ Tát với phương tiện thiện xảo, có thể vì các hữu tình đem vô sở đắc làm phương tiện, giảng nói đoạn trừ hẳn kiến của tất cả pháp. Do nghĩa này nên gọi là Ma ha tát.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện hỏi Xá lợi Tử:

- Đại Bồ Tát nào có thể vì hữu tình **đem vô sở đắc làm phương tiện** giảng nói pháp yếu đoạn hẳn các kiến. Do nhân duyên nào có các Bồ Tát tự mình có sở đắc để làm phương tiện, sanh uẩn kiến, xứ kiến, giới kiến, đế kiến, duyên khởi kiến, bốn niệm trụ kiến, cho đến mười tám pháp Phật

bất cộng kiến, và thành thục hữu tình kiến, nghiêm tịnh cõi Phật kiến, Bồ Tát kiến, Như Lai kiến, Bồ đề kiến, Niết bàn kiến, Chuyển pháp luân kiến?

Xá lợi Tử đáp:

- Đại Bồ Tát nào khi tu hành Bát Nhã không có phương tiện thiện xảo, đem hữu sở đắc làm phương tiện, phát sanh uẩn kiến cho đến Chuyển pháp luân kiến thì đại Bồ Tát ấy vì không có phương tiện thiện xảo, nên quyết định không thể đem vô sở đắc làm phương tiện, giảng nói pháp yếu đoạn hẳn các kiến cho các hữu tình. Đại Bồ Tát nào khi tu hành Bát Nhã có phương tiện thiện xảo, có thể vì các hữu tình đem vô sở đắc làm phương tiện, giảng nói pháp yếu đoạn hẳn các kiến thì đại Bồ Tát ấy quyết định không phát sanh các kiến chấp như uẩn kiến, xứ kiến, giới kiến, v.v...

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con cũng muốn đem trí tuệ biện tài nói ý nghĩa Ma ha tát của Bồ Tát.

Phật bảo Thiện Hiện:

- Tùy ý ông.

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát vì muốn chứng đắc Nhất thiết trí trí, nên phát tâm Bồ đề, tâm vô đẳng đẳng, không đồng với tâm của Thanh văn, Độc giác v.v... Đối với tâm như vậy cũng không nắm giữ. Do nghĩa này nên gọi là Ma ha tát. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì tâm Nhất thiết trí trí là **chơn thật vô lậu**, không đọa trong ba cõi. Mong cầu tâm Nhất thiết trí trí cũng là vô lậu, không đọa trong ba cõi. Đối với tâm như vậy, không nên chấp trước. Vì vậy Bồ Tát gọi là Ma ha tát.

Khi ấy, Xá lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

- Tâm vô đẳng đẳng của đại Bồ Tát không đồng với tâm Thanh văn, Độc giác v.v... là như thế nào?

Thiện Hiện đáp:

- Các đại Bồ Tát từ khi mới phát tâm không thấy có chút pháp nào có sanh, có diệt, có tăng, có giảm, có nhiễm, có tịnh. Nếu không thấy có chút pháp nào có sanh, có diệt, có tăng, có giảm, có nhiễm, có tịnh thì cũng không thấy có tâm Thanh văn, tâm Độc giác, tâm Bồ Tát, tâm Như Lai.

Này Xá lợi Tử! **Đó gọi là tâm vô đẳng đẳng***(1)* **của đại Bồ Tát** không đồng với tâm của Thanh văn, Độc giác v.v... Các đại Bồ Tát đối với tâm như vậy cũng không chấp trước.

Bấy giờ, Xá lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

- Đại Bồ Tát nào đối với tâm như vậy không nên chấp đắm, thì đối với tâm tất cả Thanh văn, Độc giác, phàm phu v.v... cũng không chấp đắm. Và tâm đó đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng không chấp đắm. Vì sao? Vì các tâm như vậy là **vô tâm tánh***(2)*.

Thiện Hiện đáp:

- Đúng vậy! Đúng như ông đã nói.

Bấy giờ, Xá lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

- **Nếu tất cả tâm là vô tâm thì không có chấp đắm**. Do đó, sắc, thọ, tưởng, hành thức không phải là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nên cũng không chấp đắm, cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng không phải mười tám pháp Phật bất cộng, nên cũng không nên chấp đắm.

Thiện Hiện đáp:

- Đúng vậy! Đúng như lời ông nói!

Xá lợi Tử thưa:

- Nếu tâm Nhất thiết trí trí là chơn thật vô lậu không đọa vào ba cõi, thì tâm của tất cả phàm phu ngu muội, Thanh văn, Độc giác v.v... cũng phải là chơn thật vô lậu không đọa ba cõi. Vì sao? Vì các tâm như vậy bản tánh đều không.

Thiện Hiện đáp:

- Đúng vậy! Đúng như lời ông nói!

Xá lợi Tử thưa:

- Nếu tâm như vậy bản tánh không, là chơn thật vô lậu không đọa trong ba cõi, thì sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng phải là chơn thật vô lậu không đọa vào ba cõi. Vì sao? Vì các pháp như vậy bản tánh đều không.

Thiện Hiện đáp:

- Đúng vậy! Đúng như lời ông nói!

Xá lợi Tử nói:

- Nếu tâm sắc thảy pháp là <u>tâm không</u> thời sắc thảy pháp chẳng thể chấp đắm, nên tất cả pháp đều bình đẳng, không sai biệt?

Thiện Hiện đáp:

- Đúng vậy! Đúng như lời ông nói!

Xá lợi Tử hỏi:

- Nếu tất cả pháp không sai khác thì tại sao Như Lai nói tâm sắc thảy có các loại khác nhau?

Thiện Hiện đáp:

- Đây là Như Lai tùy theo thế tục mà nói, chứ không phải tùy thắng nghĩa.

Xá lợi Tử hỏi:

- Nếu các phàm phu, Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát, Như Lai các pháp tâm sắc thảy đều là vô lậu không đọa trong ba cõi, thì các phàm phu và chư Thánh, Bồ Tát, Như Lai cũng phải không sai khác?

Thiện Hiện đáp:

- Đúng vậy! Đúng như lời ông nói!

Xá lợi Tử hỏi:

- Nếu các phàm, Thánh, Bồ Tát, Như Lai không sai khác, thì tại sao Phật nói phàm, Thánh lớn, nhỏ có các bậc khác nhau?

Thiện Hiện đáp:

- Đây cũng là Như Lai dựa vào thế tục mà nói chứ không phải dựa vào thắng nghĩa.

- Này Xá lợi Tử! Các đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, đem vô sở đắc làm phương tiện, nên đối với việc phát tâm Bồ đề rộng lớn, tâm vô đẳng đẳng, tâm không cùng với Thanh văn, Độc giác không ỷ, không chấp. Đối với sắc, phi sắc cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không lấy, không đắm. Do nghĩa này nên gọi là Ma ha tát.

Thích nghĩa:

(1). Vô đẳng đẳng (Asamasama – skt). 1- Không gì sánh nổi, lại không gì sánh bằng. 2- Tôn hiệu của chư Phật và đạo Phật.

(2). Vì các tâm như vậy là vô tâm tánh: Nguyên văn câu chữ Hán là “如như 是thị 諸chư 心tâm 無vô 心tâm 性tánh 故cố”

Sơ giải:

*Phẩm "Đoạn Chư Kiến" này là tiếp nối phần sau của phẩm "Thí Dụ" nói trên, nên **Xá Lợi Tử tiếp tục trả lời câu hỏi "thế nào gọi là Bồ Tát Ma ha tát**?" Xá Lợi Tử bảo:*

"Vì các Bồ Tát với phương tiện thiện xảo có thể giảng nói pháp yếu cho các hữu tình, làm cho họ **đoạn trừ ngã kiến, hữu tình kiến, mạng giả kiến, sanh giả kiến, cho đến… tri giả kiến, kiến giả kiến**. Do nghĩa ấy nên gọi là Ma ha tát. Vì các Bồ Tát với phương tiện thiện xảo, có thể giảng **nói pháp yếu cho các hữu tình, làm cho họ đoạn trừ thường kiến, đoạn kiến, hữu kiến, vô kiến; làm cho họ đoạn trừ uẩn kiến, xứ kiến, giới kiến, đế kiến, duyên khởi kiến; làm cho họ đoạn trừ bốn niệm trụ kiến cho đến mười tám pháp Phật bất cộng kiến, thành thục hữu tình kiến, nghiêm tịnh cõi Phật kiến, Bồ Tát kiến, Như Lai kiến, Bồ đề kiến, Niết bàn kiến, Chuyển pháp luân kiến**".

*Câu trả lời có thể nói là Bồ Tát nào có thể giảng nói pháp yếu cho các hữu tình **làm cho họ đoạn trừ các kiến** thường kiến, đoạn kiến, hữu kiến, vô kiến v.v… cho đến Niết bàn kiến, chuyển pháp luân kiến, thì được xem là Bồ Tát Ma ha tát. Vậy, mới biết "đoạn chư kiến" lại là pháp tu quan trọng nếu muốn trở thành Đại Bồ Tát hay Bồ Tát Ma ha tát.*

*Phẩm "Đoạn Chư Kiến" của Hội thứ II này tương đương với phẩm "Ma Ha Tát", Q.47, Hội thứ I, ĐBN được chúng tôi chiết giải rồi, nay không muốn lặp lại. **Để thay đổi không khí, chúng tôi lấy phần bình giải của Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 14, "Đoạn Chư Kiến", Tập 3, quyển 45 để thay thế:***

"Chư đại Bồ Tát, từ vô lượng kiếp, đã phát Bồ Đề tâm, lại có đại bi tâm, đã tận trừ phiền não, đã diệt sạch các tập khí, đã đoạn hết ái kiết rồi. Cho nên khi các ngài vừa nghe ngài Xá Lợi Phất nhắc đến sắc kiến, ngã kiến, thọ kiến, mạng kiến... dẫn đến Phật kiến, chuyển pháp luân kiến, là các ngài liền đoạn ngay được các kiến chấp câu sanh, đã có từ đời vô thỉ đến nay.

--o0o--

Ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ "tu ngũ ấm... dẫn đến tu các Phật pháp cũng đều là Bồ Tát hạnh cả", nên mới hỏi ngài Xá Lợi Phất rằng: "Vì sao Bồ Tát phải đoạn các kiến?".

Ngài Xá Lợi Phất đáp: "Nếu Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật mà chẳng có các lực phương tiện, thì khi quán sắc liền thủ sắc tướng, khởi sanh sắc kiến. Như vậy là vọng kiến.

Trái lại, nếu Bồ Tát hành Bát Nhã mà có các lực phương tiện, thì khi quán sắc chẳng thủ sắc tướng, chẳng khởi sanh sắc kiến. Như vậy là chân kiến.

Đối với các tà kiến chấp khác cũng đều là như vậy cả".

--o0o--

"Ngài Tu Bồ Đề dụng vô đẳng đẳng tâm, mà chẳng chấp tâm ấy, nên biết rõ các pháp đều chẳng có định tướng, chẳng có sanh diệt, chẳng có cấu tịnh. Vì sao? Vì tâm đã là rốt ráo không, thì chẳng còn sanh các tướng tâm, nên là rốt ráo thanh tịnh. Do vậy mà Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng còn thấy có Thanh Văn tâm, Bích Chi Phật tâm, dẫn đến chẳng còn thấy có Bồ Tát tâm, Phật tâm, Bồ Tát Ma Ha Tát dụng vô đẳng đẳng tâm như vậy, nên chẳng đồng với Thanh Văn và Bích Chi Phật.

--o0o--

Thế nhưng, chẳng phải vì được hết thảy trí tâm vô lậu, mà Bồ Tát sanh cao tâm. Vì sao? Vì biết rõ rằng Thanh Văn, Bích Chi Phật cũng như phàm phu, khi đã ly được các chấp, thì cũng đều được tâm vô lậu.

Vì sao? Vì đều là tánh không cả. Đã là tánh không, thì đều là rốt ráo thanh tịnh cả. Ví như mây mù có thể che ánh sáng mặt trời, mặt trăng, mà chẳng có thể làm ô nhiễm mặt trời, mặt trăng được vậy.

Lại nữa, thật tướng của phiền não cũng là tánh không, cùng với tướng tâm chẳng có gì sai khác cả. Có khác chăng, là ở chỗ phàm phu, do vọng chấp, mà thấy có sanh, có diệt, có cấu, có tịnh...; trái lại chư Thánh Hiền, do tu vô tướng trí huệ, nên chẳng khởi tâm phân biệt nữa.

Chỉ vì thương xót chúng sanh, mà chư Bồ Tát, chư Thánh Hiền hành các pháp, nhưng vẫn thường giữ tâm vô sở trước. Cho nên, phải biết rằng

chẳng phải chỉ có tâm các bậc Thánh là vô lậu, chẳng trói buộc, mà tâm phàm phu, khi chẳng còn bị các nghiệp dẫn nữa, thì cũng là vô lậu, chẳng có trói buộc. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức,... dẫn đến thập bát bất cộng pháp cũng đều là như vậy cả.

--o0o--

Ngài Xá Lợi Phất nói rằng: Tâm chẳng có tướng (vô tướng), là không.

Bởi vậy nên Bồ Tát chẳng chấp ngũ ấm, dẫn đến chẳng chấp hết thảy các pháp, vì biết rõ hết thảy đều là tự tướng không.

Ngài Tu Bồ Đề tán thán ngài Xá Lợi Phất, và nói rằng Bồ Tát quán hết thảy các pháp đều là không, là bất khả đắc, là rốt ráo thanh tịnh.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói "Vô thượng Bồ đề tâm, vô đẳng đẳng tâm của Bồ Tát chẳng đồng với Thanh Văn tâm và Bích Chi Phật tâm".

Lại nữa, khi dụng tâm ấy, mà chẳng niệm, chẳng chấp, mới mau đến được Vô thượng Bồ đề".

Đại Trí Độ Luận giải thích chỉ có thế, nhưng cũng tạm đủ. Nếu còn thấy thiếu muốn nghiên cứu thêm, xin quay lại phẩm "Ma Ha Tát", Hội thứ I, ĐBN tụng tiếp./.

---o0o---

13. PHẨM "SÁU PHÁP ĐÁO BỈ NGẠN"

Cuối Q.411 cho đến đầu Q.412, Hội thứ II.
(Tương đương phần phát biểu của Ngài Mãn Từ Tử về Ma Ha Tát, phẩm "Ma Ha Tát", Q.47 và Q.48, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Để hiểu: Thế nào được gọi là Bồ Tát Ma ha tát? Phú Lâu Na được xem là người có biện tài thuyết pháp lưu loát nhất chỉ trừ Phật, nêu ra 3 vấn đề:

1. Mặc áo giáp công đức hay là đại thệ nguyện trang nghiêm(1);

2. Phát thú Đại thừa hay là phát tâm hướng đến Đại thừa(2) và

3. Thừa Đại thừa hay ngồi xe Đại thừa(3).

Phẩm này chỉ thuyết 2 phần trên. Phẩm kế tiếp có tên là "Đại Thừa", sẽ thuyết phần cuối ở phẩm kế tiếp.

Khi Bồ Tát thực hiện được ba mục tiêu trên thì có thể gọi là Đại Bồ Tát hay Bồ Tát Ma ha tát.

Tóm lược:

Lúc bấy giờ, Mãn Từ Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con cũng muốn đem trí tuệ biện tài nói về ý nghĩa Ma ha tát của Bồ Tát.

Phật bảo Mãn Từ Tử:

- Ông cứ nói.

Mãn Từ Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Do các Bồ Tát vì muốn lợi lạc khắp tất cả hữu tình nên mặc áo giáp đại công đức phát tâm hướng đến Đại thừa. **Vì nương vào Đại thừa nên gọi là Ma ha tát**.

1. (Thế nào là "Mặc áo giáp công đức hay còn gọi là Đại thệ nguyện trang nghiêm?)

Bấy giờ, Xá lợi Tử hỏi Mãn Từ Tử:

- Thế nào là Đại Bồ Tát vì làm lợi lạc khắp tất cả hữu tình nên mặc áo giáp đại công đức *(còn được gọi là "đại thệ nguyện trang nghiêm")*?

Mãn Từ Tử đáp:

- Này Xá lợi Tử! Các Bồ Tát **khi tu hành bố thí Ba la mật không làm lợi lạc cho một nhóm nhỏ hữu tình tu hành bố thí, mà là làm lợi lạc cho khắp tất cả hữu tình nên tu hành bố thí**. Các Bồ Tát khi tu hành tịnh giới Ba la mật không làm lợi lạc cho một nhóm nhỏ hữu tình tu hành tịnh giới, mà là làm lợi lạc cho khắp tất cả hữu tình nên tu hành tịnh giới. Các Bồ Tát khi tu hành an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật không làm lợi lạc cho một nhóm nhỏ hữu tình mà là làm lợi lạc cho khắp tất cả hữu tình nên tu hành an nhẫn cho đến Bát nhã Ba la mật.

Này Xá lợi Tử! Đó là Bồ Tát vì làm lợi lạc cho khắp tất cả hữu tình nên mặc áo giáp đại công đức.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Các Bồ Tát mặc áo giáp đại công đức làm lợi lạc cho các hữu tình không có giới hạn, không nghĩ như vầy: Ta sẽ cứu độ hữu tình ấy, làm cho họ vào cõi Vô dư y Niết bàn, mà tự họ không làm được. Ta sẽ cứu độ hữu tình, làm cho an trụ Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, mà tự họ không an trụ được.

Này Xá lợi Tử! Đó là Bồ Tát vì làm lợi lạc khắp tất cả hữu tình nên mặc áo giáp đại công đức.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Các Bồ Tát nghĩ như vầy: Ta sẽ tự mình làm viên mãn bố thí Ba la mật, cũng làm cho tất cả hữu tình viên mãn bố thí. Ta sẽ tự mình làm viên mãn tịnh giới Ba la mật, cũng làm cho tất cả hữu tình viên mãn tịnh giới Ba la mật. Ta sẽ tự mình làm viên mãn an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, cũng làm cho tất cả hữu tình viên mãn an nhẫn cho đến Bát nhã Ba la mật. Các Bồ Tát nghĩ như vầy: Ta sẽ tự mình nương vào sáu pháp Ba la mật như vậy, an trụ pháp không nội cho đến pháp không không tánh tự tánh; tu hành bốn niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Cũng làm cho tất cả hữu tình nương vào sáu pháp Ba la mật này an trụ pháp không nội cho đến pháp không không tánh tự tánh; tu hành bốn niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Các Bồ Tát nghĩ như vầy: Ta sẽ tự mình nương vào sáu pháp Ba la mật như vậy mau chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác vào cõi Vô dư y Niết bàn. Cũng làm cho tất cả hữu tình nương vào sáu pháp Ba la mật, mau chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác vào cõi Vô dư y Niết bàn.

Này Xá lợi Tử! Đó là Bồ Tát làm lợi lạc cho khắp tất cả hữu tình nên mặc giáp đại công đức.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Các Bồ Tát khi tu hành **bố thí Ba la mật**, đem tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí để tu bố thí. Giữ gìn thiện căn này dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng chung tất cả hữu tình hồi hướng Nhất thiết trí trí, khi bố thí hoàn toàn không có hối tiếc.

Này Xá lợi Tử! Đó là Bồ Tát khi tu hành bố thí Ba la mật, mặc áo giáp đại công đức bố thí Ba la mật.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Các Bồ Tát khi tu hành bố thí Ba la mật, đem tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí để tu bố thí. Giữ gìn thiện căn này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng chúng hữu tình hồi hướng Nhất thiết trí trí. Khi bố thí, chẳng khởi tác ý Thanh văn, Độc giác, tin nhận ưa muốn tu pháp bố thí, tinh tấn dũng mãnh không bỏ gia hạnh, chăm lòng hướng tới Nhất thiết trí trí, rốt ráo lợi vui tất cả hữu tình, chẳng tạp tác ý Thanh văn, Độc giác và khi bố thí an trụ tưởng như huyễn, không chấp người thí, người nhận, vật thí, quả bố thí. *(Q.412, ĐBN)*

Này Xá lợi Tử! Đó là Bồ Tát khi tu hành bố thí Ba la mật, mặc áo giáp đại công đức an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật. **Như vậy, Bồ Tát khi tu hành bố thí Ba la mật, mặc áo giáp đại công đức đầy đủ sáu pháp Ba la mật.**

Này Xá lợi Tử! Bồ Tát nào đem tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí khi tu hành bố thí Ba la mật, đối với tướng sáu Ba la mật không chấp, không đắc. Nên biết Bồ Tát này đã mặc áo giáp đại công đức.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Các Bồ Tát khi tu hành **tịnh giới Ba la mật**, đem tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí để tu tịnh giới. Giữ gìn thiện căn này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng chung tất cả hữu tình hồi hướng Nhất thiết trí trí. Lúc tu tịnh giới đối với các vật sở hữu đều không bỏn xẻn.

Này Xá lợi Tử! Đó là Bồ Tát khi tu hành tịnh giới Ba la mật, mặc áo giáp đại công đức bố thí Ba la mật.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Các Bồ Tát khi tu hành tịnh giới Ba la mật, đem tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí để tu tịnh giới. Giữ gìn thiện căn này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng chung tất cả hữu tình hồi

hướng Nhất thiết trí trí. Khi tu an nhẫn, đối với pháp tịnh giới tin nhận ưa muốn, không có tâm hạ liệt của Thanh văn, Độc giác, tinh tấn dõng mãnh không bỏ gia hạnh, chỉ lấy đại bi làm đầu, không xen lẫn tâm Nhị thừa, huống là tâm của hàng dị sanh, đối với tất cả pháp an trụ tưởng như huyễn, đối với hạnh tịnh giới không ỷ lại, không chứng đắc, vì bản tánh là không.

Này Xá lợi Tử! Đó là Bồ Tát khi tu hành tịnh giới Ba la mật, mặc áo giáp đại công đức an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật. **Như vậy, Bồ Tát khi tu hành tịnh giới Ba la mật, mặc áo giáp đại công đức đầy đủ sáu pháp Ba la mật.**

Này Xá lợi Tử! Bồ Tát nào đem tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí, khi tu hành tịnh giới Ba la mật đối với tướng sáu Ba la mật không chấp, không đắc. Nên biết Bồ Tát này đã mặc áo giáp đại công đức.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Các Bồ Tát khi tu hành **an nhẫn Ba la mật**, đem tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí để tu an nhẫn. Giữ gìn thiện căn này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng chung tất cả hữu tình hồi hướng Nhất thiết trí trí. Lúc tu an nhẫn, vì để thành tựu an nhẫn nên đối với thân mạng không tham luyến.

Này Xá lợi Tử! Đó là Bồ Tát khi tu hành an nhẫn Ba la mật, mặc áo giáp đại công đức bố thí Ba la mật.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Các Bồ Tát khi tu hành an nhẫn, đem tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí để tu an nhẫn. Giữ gìn thiện căn này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng chung tất cả hữu tình hồi hướng Nhất thiết trí trí. Khi tu an nhẫn, chẳng tạp tác ý hạ liệt Thanh văn và Độc giác, đối với pháp an nhẫn tin nhận ưa muốn, tinh tấn dõng mãnh không bỏ gia hạnh, khi tu an nhẫn nhiếp tâm vào một cảnh, tuy gặp các khổ nhưng tâm không tán loạn, an trụ tưởng như huyễn, tu tập Phật pháp, giáo hóa hữu tình, quán các pháp không, không chấp oán hại.

Này Xá lợi Tử! Đó là Bồ Tát khi tu hành an nhẫn, mặc áo đại công đức an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật. **Như vậy, Bồ Tát khi tu hành an nhẫn, mặc áo giáp đại công đức đầy đủ sáu pháp Ba la mật.**

Này Xá lợi Tử! Bồ Tát nào đem tác ý tương ưng với Nhất thiết trí, khi tu hành an nhẫn đối với tướng sáu Ba la mật không chấp, không đắc. Nên biết Bồ Tát này đã mặc áo giáp đại công đức.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Các Bồ Tát khi tu hành **tinh tấn Ba la mật**, đem tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí để tu tinh tấn. Giữ gìn thiện căn này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng chung tất cả hữu tình hồi hướng Nhất thiết trí trí. Lúc tu tinh tấn, hay siêng năng tu học hạnh bố thí khó làm.

Này Xá lợi Tử! Đó là Bồ Tát khi tu hành tinh tấn, mặc áo giáp đại công đức bố thí Ba la mật.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Các Bồ Tát khi tu hành tinh tấn, đem tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí để tu tinh tấn. Giữ gìn thiện căn này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng chung tất cả hữu tình hồi hướng Nhất thiết trí trí. Lúc tu tinh tấn, siêng năng giữ gìn tịnh giới hoàn toàn không hủy phạm, hay siêng năng tu học hạnh nhẫn nhục khó làm, tinh tiến năng siêng tu học khổ hạnh hữu ích, hay siêng năng tu học tịnh lự đẳng chí, hay siêng năng tu học trí tuệ không chấp trước.

Này Xá lợi Tử! Đó là Bồ Tát khi tu hành tinh tấn, mặc áo giáp đại công đức an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật. **Như vậy, Bồ Tát khi tu hành tinh tấn, mặc áo giáp đại công đức đầy đủ 6 Ba la mật.**

Này Xá lợi Tử! Nếu Bồ Tát đem tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí, khi tu hành tinh tấn đối với tướng sáu Ba la mật không nắm giữ, không chấp trước. Nên biết Bồ Tát này đã mặc áo giáp đại công đức.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Các Bồ Tát khi tu hành **tịnh lự Ba la mật**, đem tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí để tu tịnh lự. Giữ gìn thiện căn này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng chung tất cả hữu tình hồi hướng Nhất thiết trí trí. Lúc tu tịnh lự, với tâm thanh tịnh, thực hành bố thí, không còn tâm tán loạn, bỏn xẻn nữa.

Này Xá lợi Tử! Đó là Bồ Tát khi tu hành tịnh lự, mặc áo giáp đại công đức bố thí Ba la mật.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Các Bồ Tát khi tu hành tịnh lự, đem tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí để tu tịnh lự. Giữ gìn thiện căn này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng chung tất cả hữu tình hồi hướng Nhất thiết trí trí. Khi tu tịnh lự, tâm quyết định hộ trì giới, làm cho các ác giới không còn nữa, an trụ định từ bi mà tu an nhẫn, không làm não hại hữu tình, an trụ định thanh tịnh, siêng năng tu tập công đức, xa lìa các biếng

nhác, khi tu tịnh lự, nương vào các tịnh lự, hướng đến định thù thắng, xa lìa tâm nhiễu loạn, hướng đến tuệ thù thắng, xa lìa tâm ác tuệ.

Này Xá lợi Tử! Đó là Bồ Tát khi tu hành tịnh lự, mặc áo giáp đại công đức an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật. **Như vậy, Bồ Tát khi tu hành tịnh lự mặc áo giáp đại công đức đầy đủ sáu pháp Ba la mật.**

Này Xá lợi Tử! Bồ Tát nào đem tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí khi tu hành tịnh lự, đối với tướng sáu Ba la mật không chấp, không đắc. Nên biết Bồ Tát này đã mặc áo giáp đại công đức.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Các Bồ Tát khi **tu hành <u>Bát nhã Ba la mật</u>**, đem tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí để tu Bát Nhã. Giữ gìn thiện căn này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng chung tất cả hữu tình hồi hướng Nhất thiết trí trí. Lúc tu Bát Nhã, tuy bố thí tất cả nhưng không thấy bố thí, người nhận, vật thí.

Này Xá lợi Tử! Đó là Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, mặc áo giáp đại công đức lớn bố thí Ba la mật.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Các Bồ Tát khi tu Bát Nhã, đem tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí để tu Bát Nhã. Giữ gìn thiện căn này, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng chung tất cả hữu tình hồi hướng Nhất thiết trí trí. Khi tu Bát Nhã, tuy hộ trì tịnh giới nhưng đều không thấy trì, phạm sai khác, nương thắng không huệ mà tu an nhẫn, không thấy năng nhẫn, sở nhẫn, tuy quán các pháp rốt ráo đều không, nhưng vì đại bi nên siêng năng tu thiện pháp, tuy tu định thù thắng nhưng quán cảnh định rốt ráo đều không, khi tu Bát Nhã, quán tất cả pháp, tất cả hữu tình và tất cả hành đều như huyễn mà tu các tuệ không chấp trước.

Này Xá lợi Tử! Đó là Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, mặc áo giáp đại công đức an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật. **Như vậy, Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã mặc áo giáp đại công đức đầy đủ 6 Ba la mật.**

Này Xá lợi Tử! Bồ Tát nào đem tác ý tương ưng với Nhất thiết trí trí, khi tu hành Bát Nhã đối với tướng sáu Ba la mật không chấp, không đắc. Nên biết Bồ Tát này đã mặc áo giáp đại công đức.

Này Xá lợi Tử! Như vậy, gọi là các Bồ Tát làm lợi lạc cho khắp tất cả hữu tình mặc áo giáp đại công đức.

Này Xá lợi Tử! Các Bồ Tát an trụ mỗi một Ba la mật đều tu 6 pháp Ba la mật làm cho được viên mãn. Vì vậy, gọi là mặc áo giáp đại công đức.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Các Bồ Tát tuy đắc tịnh lự, vô lượng, vô sắc nhưng không đắm vị, cũng không theo thế lực đó mà thọ sanh, cũng không bị thế lực đó dẫn dắt.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Các Bồ Tát tuy đắc tịnh lự, vô lượng, vô sắc, an trụ ly kiến, tịch tịnh kiến, không, vô tướng, vô nguyện kiến nhưng không chứng thật tế, không vào địa vị Thanh văn và Độc giác, vượt lên trên tất cả Thanh văn, Độc giác.

Này Xá lợi Tử! Do các Bồ Tát làm lợi lạc cho khắp tất cả hữu tình mặc áo giáp đại công đức như vậy, nên còn gọi là Ma ha tát.

Này Xá lợi Tử! Như vậy, vì làm lợi lạc cho khắp hữu tình mặc áo giáp đại công đức nên Bồ Tát ở trong đại chúng được tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong hằng hà sa số thế giới chư Phật khắp mười phương hoan hỷ khen ngợi như vầy: Trong thế giới ấy, phương ấy, có Bồ Tát ấy mặc áo giáp đại công đức làm lợi lạc cho khắp tất cả hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, giáo hóa hữu tình, an trụ thần thông, làm những việc nên làm. Tiếng khen như vậy dần dần vang khắp mười phương, trời, người v.v... nghe đều rất vui mừng, nói: Bồ Tát này không bao lâu sẽ chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đã mong cầu làm cho các hữu tình đều được lợi lạc.

2. (Thế nào là phát thú Đại thừa?)

Bấy giờ, Xá lợi Tử hỏi Mãn Từ Tử:

- Thế nào là Bồ Tát làm lợi lạc cho khắp các hữu tình nên **phát tâm hướng đến Đại thừa**?

Mãn Từ Tử đáp:

- Này Xá lợi Tử! Các Bồ Tát làm lợi lạc cho khắp tất cả hữu tình, mặc áo giáp đại công đức sáu Ba la mật rồi, lại làm lợi lạc cho các hữu tình nên xa lìa pháp dục ác bất thiện có tầm, có tứ, ly sanh hỷ lạc, nhập và an trụ hoàn toàn vào sơ thiền. Nói rộng cho đến đoạn trừ lạc, đoạn trừ khổ, không có vui buồn, hết khổ hết lạc, xả niệm thanh tịnh nhập và an trụ hoàn toàn vào tịnh lự thứ tư. Lại nương vào tịnh lự sanh tâm câu hữu với từ, hành tướng rộng lớn, vô lượng vô nhị, không oán, không hại, không hận, không não, khéo tu thắng giải biến khắp, trùm khắp mười phương tận cùng pháp giới hư không, an trụ đầy đủ từ tâm thắng giải. Khởi bi, hỷ, xả cùng

tâm, hành tướng thắng giải cũng lại như thế. Nương gia hạnh này lại vượt tất cả tưởng sắc, diệt tưởng hữu đối, chẳng suy nghĩ các tưởng khác, vào vô biên không, không vô biên xứ trụ đầy đủ. Nói rộng cho đến vượt tất cả vô sở hữu xứ, vào phi tưởng phi phi tưởng xứ trụ đầy đủ.

Xá Lợi Tử! Đại Bồ Tát này từ tĩnh lự, vô lượng, vô sắc đây, đem vô sở đắc mà làm phương tiện, cùng tất cả hữu tình đồng chung hồi hướng Nhất thiết trí trí. Xá Lợi Tử! Đấy là đại Bồ Tát khắp vì lợi vui các hữu tình nên phát tới Đại thừa.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Các đại Bồ Tát nào tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, lấy đại bi làm đầu tự an trụ tịnh lự, vô lượng, vô sắc như vậy, tu hành bố thí, trì giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật; tu tất cả pháp môn như bốn niệm trụ, ba mươi bảy Bồ đề phần pháp, ba môn giải thoát cho đến Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng, giữ gìn thiện căn, dùng vô sở đắc làm phương tiện, cùng tất cả hữu tình đồng chung hồi hướng Nhất thiết trí trí. Xá Lợi Tử! Đấy là đại Bồ Tát khắp vì lợi vui các hữu tình nên phát tới Đại thừa.

Lại nữa, Xá Lợi Tử! Nếu đại Bồ Tát đem tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, đại bi làm đầu, vô sở đắc làm phương tiện, khởi trí nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Đem vô sở đắc mà làm phương tiện, cùng tất cả hữu tình đồng chung hồi hướng Nhất thiết trí trí. Xá Lợi Tử! Đấy là đại Bồ Tát khắp vì lợi vui các hữu tình nên phát tới Đại thừa.

Nếu đại Bồ Tát đem tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, đại bi làm đầu, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối tất cả pháp phát khởi diệu trí phi loạn phi định, diệu trí phi thường phi vô thường, diệu trí phi vui phi khổ, diệu trí phi ngã phi vô ngã, diệu trí phi tịnh phi bất tịnh, diệu trí phi không phi bất không, diệu trí phi hữu tướng phi vô tướng, diệu trí phi hữu nguyện phi vô nguyện, diệu trí phi vắng lặng phi chẳng vắng lặng, diệu trí phi xa lìa phi chẳng xa lìa. Đem vô sở đắc mà làm phương tiện, cùng tất cả hữu tình đồng chung hồi hướng Nhất thiết trí trí. Xá Lợi Tử! Đấy là đại Bồ Tát khắp vì lợi vui các hữu tình nên phát tới Đại thừa.

Nếu đại Bồ Tát đem tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, đại bi làm đầu, vô sở đắc làm phương tiện trí, chẳng hành pháp trí quá khứ, vị lai, hiện tại, chẳng phải chẳng biết ba đời. Chẳng hành pháp trí cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, chẳng phải chẳng biết ba cõi. Chẳng hành pháp trí thiện, bất thiện,

vô ký, chẳng phải chẳng biết ba tánh. Chẳng hành pháp trí thế gian xuất thế gian. Chẳng phải chẳng biết pháp thế gian, pháp xuất thế gian. Chẳng hành pháp trí hữu vi vô vi, chẳng phải chẳng biết hữu vi vô vi. Chẳng hành pháp trí hữu lậu vô lậu, chẳng phải chẳng biết hữu lậu vô lậu. Đem vô sở đắc làm phương tiện, cùng tất cả hữu tình đồng chung hồi hướng Nhất thiết trí trí. Xá Lợi Tử! Đấy là đại Bồ Tát khắp vì lợi vui các hữu tình nên phát tới Đại thừa.

Xá Lợi Tử! **Vì các Bồ Tát do phương tiện khéo léo như thế thảy khắp vì lợi vui các hữu tình phát tới Đại thừa nên lại gọi Ma ha tát.**

Xá Lợi Tử! Như vậy, khắp vì lợi vui hữu tình phát tới Đại thừa, đại Bồ Tát khắp được mười phương như cát sông Hằng, chư Phật thế giới tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, ở giữa đại chúng vui mừng khen ngợi nói lời như vầy: Phương ấy, trong thế giới ấy, có đại Bồ Tát tên ấy, khắp vì lợi vui tất cả hữu tình phát tới Đại thừa, nghiêm tịnh cõi Phật, thành thục hữu tình, du hý thần thông, làm việc đáng làm. Như vậy, lần lữa tiếng vang khắp mười phương người trời thảy nghe đều rất vui mừng, đều nói lời này: Đại Bồ Tát đây chẳng bao lâu sẽ chứng sở cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, khiến các hữu tình đều được lợi vui.

Thích nghĩa:

(1). Mặc giáp bị công đức, Kinh MHBNBLMĐ gọi là "đại thệ trang nghiêm" cũng gọi "hoằng thệ nguyện": Thệ nguyện rộng lớn bao trùm khắp cả chúng sanh. Nguyện nghĩa của tiếng Phạm là mặc giáp lớn, tức là lập thệ nguyện rộng lớn cứu độ chúng sanh để thành tựu Vô thượng Bồ đề.

*(2). Phát thú Đại thừa hay là phát tâm hướng đến Đại thừa: Kinh MHBNBLMĐ dùng từ "phát xu Đại thừa". **Xu** có nghĩa là xu hướng, hướng về; **thú** cũng có nghĩa là xu hướng, mục đích, tôn chỉ. Đó là 2 từ Hán Việt có nghĩa tương tự nhau. Phát tâm hướng đến Đại thừa, tu sửa nghiệp của mình từ một địa vị đến một địa vị, cho công hạnh vuông tròn để hóa độ chúng sanh.*

*(3). Thừa Đại thừa hay ngồi xe Đại thừa: Các bản dịch thường dùng cụm từ "**ngồi**", "**cưỡi**" hay "**nương**" Đại thừa. Các từ này dịch từ chữ Hán là "thừa" (乘). Phạm: Yàna, Hán âm: Diễn na, Hán dịch: Thừa vật, vận tải, vận độ. Chỉ cho vật có khả năng chuyên chở chúng sanh đến bờ*

bên kia, cũng tức là chỉ cho giáo pháp của đức Phật trong ngũ thừa: Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh văn thừa, Bích chi thừa và Bồ Tát thừa.

Các từ ở (1)., (2)., và (3). đã thích nghĩa chi tiết ở phẩm "Ma Ha Tát", Hội thứ I, ĐBN.

Sơ giải:

Phẩm này thuyết 2 phần rõ rệt:

1. Bồ Tát mặc áo giáp công đức hay nói khác là ***đại thệ nguyện trang nghiêm*** *tức dùng lục Ba la để thành thục chúng sanh, trang nghiêm thanh tịnh Phật độ và*

2. Bồ Tát phát tâm hướng đến Đại thừa tức trên cầu Vô thượng Bồ đề, dưới hóa độ chúng sanh. Đấy là Bồ Tát khắp vì lợi vui các hữu tình nên ***phát thú Đại thừa*** (*hay phát tâm hướng tới Đại thừa).*

Bồ Tát nào tu hành viên mãn 2 phương diện này thì được xem là Bồ Tát lớn hay Bồ Tát Ma ha tát. Tu 2 phần đó có đầy đủ tánh đức trí tuệ, công hạnh vuông tròn có thể thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, hóa độ chúng sanh qua biển lớn sanh tử. Đó là sở nguyện của Bồ Tát mặc giáp bị công đức, phát thú Đại thừa.

Tu bố thí, trì giới, an nhẫn, là ***tu Phước****, vì tích tụ công đức thiện căn cho đời này, đời sau. Tu tinh tấn, thiền định và Bát nhã Ba la mật là* ***tu Huệ****. Cứ tu một pháp thì ảnh hưởng tốt đối với năm pháp còn lại. Nếu tu hết tất cả sáu Ba la mật thì tròn đầy phước huệ song tu. Nên Kinh bảo: Các Bồ Tát do phương tiện Ba la mật khéo léo như thế khắp vì lợi vui tất cả hữu tình phát tới Đại thừa nên được gọi là Ma ha tát. Do đó, được chư Phật khắp mười phương thế giới như cát sông Hằng, ở giữa đại chúng vui mừng tuyên dương, khen ngợi.*

1. Tu như thế nào thì được gọi là đại thệ nguyện trang nghiêm?

Luận Đại Trí Độ, phẩm thứ 5, "Phú Lâu Na", Tập 3, quyển 45 *giải thích rằng:*

"Vị chủ tướng muốn chống phá quân giặc, phải chuẩn bị đầy đủ binh lính và khí giới, cũng như vậy, Bồ Tát Ma Ha Tát muốn đánh phá ma quân, dẹp giặc phiền não phải hành lục Ba la mật, để tự trang nghiêm.

Bồ Tát trong vô lượng kiếp đã tu tập các công đức trí huệ để làm hành trang vào Phật đạo, nên mới cưỡi cỗ xe Đại Thừa, hành lục Ba la mật.

Hỏi: *Vì sao Thanh Văn và Bích Chi Phật cũng hành đạo, mà lại chẳng được gọi là đại thệ trang nghiêm?*

Đáp: Nhị Thừa tâm có hạn lượng, vì còn có chứng, có đắc, lại nặng về phần tự độ, nhẹ về phần tha độ.

Đối với Bồ Tát thì tự độ và tha độ đều bình đẳng như nhau, chẳng có gì phân biệt cả. **Bồ Tát Ma Ha Tát tự trang nghiêm bằng cách dùng cỗ xe Đại Thừa đưa hết thảy chúng sanh vào Phật đạo, bình đẳng như nhau. Bồ Tát Ma Ha Tát tự trang nghiêm là để trang nghiêm Phật độ, nên thường hành sáu pháp Ba La Mật, và cũng dìu dắt chúng sanh cùng hành sáu pháp Ba La Mật**

Hỏi: *Vì sao Bồ Tát Ma Ha Tát phát đại thệ trang nghiêm?*

Đáp: Vì muốn độ hết thảy chúng sanh, đồng đến Vô thượng Bồ đề, nên Bồ Tát Ma Ha Tát tu 6 pháp Ba La Mật.

Như ngài Phú Lâu Na nói: Bồ Tát vì hết thảy trí huệ mà tu tập các công đức, để cùng với hết thảy chúng sanh đồng hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Bồ Tát chẳng mong cầu phước báo nhân thiên, mà chỉ phát đại nguyện cùng với hết thảy chúng sanh, đồng đến Niết Bàn an lạc, đồng thành Phật đạo. Như vậy là đại thệ trang nghiêm.

Lại nữa, Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng tham đắm thần thông, mà chỉ nhất tâm hành Phật đạo, cho nên dù bị người đến mắng nhiếc, đánh đập, hay đến đe dọa giết chết, Bồ Tát vẫn nhẫn thọ, vẫn an nhiên tự tại hành bố thí, nhẫn nhục, cùng các pháp Ba La Mật khác. Vì sao? Vì Bồ Tát biết rõ các pháp đều là rốt ráo không, nên trước mọi sự đe dọa, áp bức... cũng vẫn giữ tâm bất động, chẳng hề nao núng. Vì Bồ Tát biết rõ các pháp đều do duyên hòa hợp sanh, mà tự tánh vốn là không, biết rõ các pháp đều như huyễn, như hóa, nên thường nhất tâm, niệm Phật, niệm pháp, niệm tăng, thường nhập vào các thiền định. Lại vì Bồ Tát cầu nhất thiết chủng trí, nên tu tập đầy đủ sáu pháp Ba la mật, mà chẳng chấp Ba la mật tướng. Như vậy ở nơi một pháp Ba la mật, mà nhiếp cả năm pháp Ba la mật kia, nên được gọi là đại trang nghiêm.

Trong các kinh có nói nhiều về bố thí Ba la mật, nhưng vì nghĩa lý của Ba la mật này quá thậm thâm, xưa nay ít có ai thấu triệt được, nên nay **khai luận để giải rõ hơn về nghĩa lý của bố thí Ba la mật**, cũng như về nghĩa lý của năm pháp Ba la mật kia.

Hỏi: *Vì sao nói Đàn Ba la mật (bố thí) nhiếp luôn cả năm pháp Ba la mật kia?*

Đáp: Nói một pháp Ba la mật nhiếp luôn cả năm pháp Ba la mật kia cũng chẳng có lỗi gì. Vì sao? Vì chẳng phải ở trong một đời mà Bồ Tát có thể hành đầy đủ cả sáu pháp Ba la mật, mà phải trải qua vô lượng kiếp, tu tập vô lượng công đức hòa hợp, mới được đầy đủ cả sáu pháp Ba la mật.

Khi hành một pháp Ba la mật, thì cả năm pháp Ba la mật kia cũng đồng sanh.

Lại nữa, chư Phật trong khắp mười phương, khi thuyết pháp thường lấy bố thí làm cửa ban đầu dẫn vào Phật đạo.

Trong kinh thường dạy rằng, bố thí và trì giới được phước đức sanh lên cõi trời.

Hỏi: *Vì sao nói bố thí là cửa ban đầu dẫn vào Phật đạo?*

Đáp: Vì đem pháp môn bố thí dạy cho chúng sanh, thì từ nhỏ đến lớn, từ sang đến hèn v.v... ai cũng đều có thể tu được cả.

Ví như nói :

- Bố thí cho người ghét mình sẽ làm cho sự oán hận của họ tiêu tan, biến ác thành thiện, biến thù thành bạn.
- Do hành bố thí Ba la mật mà chư Phật có được đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, được đầy đủ các công đức.
- Do hành bố thí Ba la mật mà ngài Bồ Tát Bảo Thủ luôn luôn có bảy báu đầy đủ để cấp thí cho chúng sanh.
- v.v...

Nghe nói như vậy chúng sanh hoan hỷ tín thọ, tinh tấn tu bố thí và tu năm độ khác, dẫn vào được đạo Niết Bàn.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói: Bố thí là cửa ban đầu dẫn vào Phật đạo.

Hỏi: *Vì sao ngài Phú Lâu na nói "một pháp Ba la mật nhiếp cả năm pháp Ba la mật kia là đại trang nghiêm?"*

Đáp: Nếu hành riêng rẽ từng Ba la mật, thì thế lực rất yếu. Nếu tập hội đủ cả sáu pháp Ba la mật, thì thế lực sẽ tăng lên gấp bội. Ví như khi chưa tập hợp đầy đủ quân sĩ, khí giới, lương thực thì khả năng chiến đấu còn

hạn chế. Ngược lại nếu tập hợp đầy đủ quân sĩ, khí giới lương thực, cùng các phương tiện hành quân khác, thì sự chống phá giặc ắt sẽ có hiệu quả hơn rất nhiều.

Bồ Tát cũng như vậy, do hành đầy đủ cả sáu pháp Ba la mật, nên có lực phương tiện hùng mạnh phá hết ma quân, dẹp sạch phiền não để thẳng tiến đến Vô thượng Bồ đề. Cho nên hành một pháp Ba la mật, mà nhiếp được cả năm pháp Ba la mật kia mới là đại trang nghiêm vậy.

Bồ Tát phát đại thệ trang nghiêm như vậy, được chư Phật khắp trong mười phương hoan hỷ xưng danh, tán thán rằng: Ở cõi đó, có vị Bồ Tát Ma Ha Tát phát đại thệ trang nghiêm, thành tựu chúng sanh và tịnh Phật quốc độ".

2. Sao gọi là phát thú Đại thừa?

Nghĩa là phải học tất cả pháp mầu Phật đạo để thâm nhập Đại thừa để có thể hóa độ chúng sanh, nên nói là phát thú Đại thừa. ***Cũng cùng phẩm trên Đại Trí Độ luận*** *thuyết rằng:*

"**Hỏi:** *Trong 6 Ba la mật, nếu thuyết theo chiều nghịch thì phải thuyết Bát nhã Ba la mật trước, nếu thuyết theo chiều thuận thì phải thuyết Đàn Ba la mật trước. Nay vì sao vừa mở đầu đã thuyết về Thiền Ba la mật?*

Đáp: Người đã phát đại thệ trang nghiêm, **trước hết phải vào thiền định**. Vì sao? Vì nếu Bồ Tát chưa có lực thiền định thì chưa có thể ly dục tâm. Do còn dục tâm nên chưa có thể hành các Ba la mật khác được, ngoài ra còn rất dễ bị thối tâm. Ngược lại, nếu Bồ Tát vào Thiền Ba la mật mà hành từ tâm, thì từ tâm sẽ được kiên cố, bất động.

Bồ Tát hành từ tâm, nhập vào từ tâm tam muội thì dao chẳng có thể chém được, lửa chẳng có thể thiêu được, v.v... Ngoài ra còn có được nhiều thần thông biến hóa. Bởi vậy nên muốn phát đại thệ trang nghiêm, thì trước hết Bồ Tát phải vào thâm thiền định.

Phật dạy rằng: Chim phải có đầy đủ đôi cánh mới có thể bay xa được.

Cũng như vậy, người tu hành trước hết phải tu Thiền Ba la mật, rồi sau đó mới có thể tinh tấn, dũng mãnh tu các Ba la mật khác được.

Hỏi: *Trong tứ thiền đã có nhiều công đức dẫn tu sáu pháp Ba la mật rồi. Nay vì sao còn nói phải tu tứ vô lượng tâm nữa?*

Đáp: Bồ Tát Ma Ha Tát khi hành Bồ Tát đạo, dùng tứ vô lượng tâm để duyên các tướng tâm của chúng sanh, nhằm cứu độ họ.

Lại nữa, trong tứ vô lượng tâm có từ bi tâm. Bồ Tát thường dùng từ bi tâm để ban vui cho chúng sanh, và cứu họ thoát khổ.

Hỏi: *Bồ Tát trú trong ngũ thần thông cũng làm lợi ích cho chúng sanh. Như vậy vì sao chẳng nói đến?*

Đáp: Đại bi là căn bản của Bồ Tát hạnh. Bởi vậy nên nói dùng tứ vô lượng tâm mà hành sáu pháp Ba la mật mới là phát thú Đại Thừa. Vì sao? Vì từ, bi, hỷ, xả dẫn sanh sáu pháp Ba la mật.

--o0o--

Trên đây, các **nhân duyên phát thú Đại thừa** đã được nêu đầy đủ.

Hỏi: *Vì sao phải tu tứ niệm xứ,... dẫn đến phải tu thập bát bất cộng pháp để được Nhất Thiết Chủng Trí (nói đầy đủ là tu các pháp Phật)?*

Đáp: Hành pháp có hai nghĩa. Đó là :

- Tín hành.
- Pháp tánh hành.

* Tín hành là quán về tánh vô thường, khổ, không, vô ngã.

* Pháp tánh hành là quán về các hành vô thường, khổ, không, vô ngã, hoặc chỉ quán vô thường, chỉ quán khổ, chỉ quán không, chỉ quán vô ngã, mà thấu rõ được thật tướng các pháp.

Bồ Tát Ma Ha Tát vì muốn độ hết thảy chúng sanh, nên phải tu học hết thảy các pháp môn.

Lại nữa, Bồ Tát Ma Ha Tát phát Đại Thừa tâm, dùng 18 không để phá thập bát chướng pháp, rồi lại chuyển thập bát không thành đại trí huệ.

- Dùng trí huệ quán các pháp là thường định, mà chẳng có định tướng. Như vậy là dùng trí huệ quán các pháp chẳng phải định mà cũng chẳng phải loạn.
- Dùng trí huệ quán các pháp chẳng phải thường, chẳng phải lạc, chẳng phải ngã, chẳng phải tịnh, nên chẳng rơi về bốn chấp điên đảo "thường, lạc, ngã, tịnh".
- Dùng trí huệ quán ba thời quá khứ, hiện tại và vị lai, quán ba cõi Dục, Sắc và Vô Sắc, đều chẳng phải có, cũng chẳng phải chẳng có. Vì biết

rõ ba thời, ba cõi đều là bất khả đắc, nên chẳng rơi vào vô minh, mà được đại trí huệ.

- Dùng trí huệ quán thế gian trí và xuất thế gian trí là chẳng phải trí, cũng chẳng phải chẳng phải trí (phi trí). Vì biết rõ trí và phi trí đều là không, là bất khả đắc cả, nên được rốt ráo thanh tịnh, chẳng trú nơi bất cứ một định tướng nào cả.

--o0o--

Lại nữa, Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng hành "không", nhằm phá chấp về đoạn diệt, cũng chẳng hành pháp ái nhằm ly y chỉ.

Bởi vậy nên nói Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng phải hành trí, mà cũng chẳng phải chẳng hành trí (hành phi trí).

Hỏi: *Thế nào gọi là phi trí?*

Đáp: Xả ly các pháp, mà cũng chẳng y chỉ nơi trí huệ, chẳng khởi tâm phân biệt.

Như vậy là được "quyết định trí", tức là được "phi trí" vậy.

--o0o--

Tới đây, chúng ta đã trì tụng xong 2 phần đầu là phát đại thệ nguyện trang nghiêm và phát thú Đại thừa. Nhưng muốn trở thành Bồ Tát Ma ha tát theo quan niệm của Phú Lâu Na, Bồ Tát phải hoàn thành yếu tố thứ ba là "thừa Đại thừa", chúng ta phải tụng phẩm "Đại Thừa" kế tiếp./.

---o0o---

14. PHẨM "ĐẠI THỪA"

Cuối quyển 412, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phần sau phẩm "Ma Ha Tát", Q.49, Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

Bấy giờ, Xá Lợi Tử hỏi Mãn Từ Tử rằng: Sao là Bồ Tát Ma ha tát khắp vì lợi vui các hữu tình nên nương Đại thừa?

Mãn Từ Tử nói: Xá Lợi Tử! Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, đem tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, lấy đại bi làm đầu, dùng vô sở đắc mà làm phương tiện, tuy nương tựa bố thí Ba la mật mà chẳng đắc bố thí, chẳng đắc kẻ thí, kẻ thọ, của thí và pháp bị ngăn. Tuy nương tựa tịnh giới Ba la mật mà chẳng đắc tịnh giới, chẳng đắc kẻ trì giới và kẻ phạm giới cùng pháp bị ngăn. Tuy nương tựa an nhẫn Ba la mật mà chẳng đắc an nhẫn, chẳng đắc kẻ năng nhẫn và cảnh sở nhẫn cùng pháp bị ngăn. Tuy nương tựa tinh tấn Ba la mật mà chẳng đắc tinh tấn, chẳng đắc kẻ tinh tấn hay kẻ lười nhác cùng pháp bị ngăn. Tuy nương tựa tĩnh lự Ba la mật mà chẳng đắc tĩnh lự, chẳng đắc người tu định, kẻ tán loạn, chẳng đắc định cảnh cùng pháp bị ngăn. Tuy nương tựa Bát Nhã mà chẳng đắc Bát Nhã, chẳng đắc kẻ có trí huệ, kẻ ngu si, chẳng đắc pháp thiện, bất thiện, vô ký, chẳng đắc pháp thế gian xuất thế gian, chẳng đắc pháp hữu lậu vô lậu...

Xá Lợi Tử! Đấy là Bồ Tát khắp vì lợi vui các hữu tình mà nương vào Đại thừa.

Lại nữa, Xá Lợi Tử! Nếu Bồ Tát đem tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, lấy đại bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, vì khiển tu nên tu 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo; tu 3 giải thoát môn, tu Phật 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng.

Xá Lợi Tử! Đấy là Bồ Tát vì lợi vui khắp các hữu tình nên nương vào Đại thừa.

Lại nữa, Xá Lợi Tử! Nếu Bồ Tát đem tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, lấy đại bi làm đầu, dùng vô sở đắc mà làm phương tiện, như thật quán sát **Bồ Tát chỉ có giả danh**, thi thiết lời nói, **Bồ đề và Tác đỏa đều bất khả đắc**. Sắc cho đến thức chỉ có giả danh thi thiết lời nói, cũng bất khả đắc. Nhãn cho đến ý chỉ có giả danh, thi thiết lời nói, cũng bất khả

đắc. Sắc, thọ, tưởng cho đến pháp chỉ có giả danh, thi thiết lới nói, cũng bất khả đắc. Nhãn thức giới cho đến ý thức giới chỉ có giả danh, thi thiết lời nói, cũng bất khả đắc. Bốn niệm trụ cho đến tám Thánh đạo chi chỉ có giả danh, thi thiết lời nói, bất khả đắc. Nội không cho đến vô tánh tự tánh không chỉ có giả danh, thi thiết lời nói, bất khả đắc. Nói rộng cho đến Như Lai 10 lực, cho đến 18 pháp Phật bất cộng chỉ có giả danh, thi thiết lời nói, cũng bất khả đắc. Chơn như, pháp giới, pháp tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế chỉ có giả danh, thi thiết lời nói, bất khả đắc. Năng giác, sở giác chỉ có giả danh, thi thiết lời nói, bất khả đắc. Chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề chỉ có giả danh, thi thiết lời nói, cũng bất khả đắc.

Xá Lợi Tử! Đấy là Bồ Tát vì lợi vui khắp các hữu tình nên nương vào Đại thừa.

Lại nữa, Xá Lợi Tử! Nếu Bồ Tát đem tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, lấy đại bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, từ sơ phát tâm cho đến chứng Nhất thiết trí trí thường tu viên mãn thần thông, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật. Từ một nước Phật đến một nước Phật cúng dường cung kính tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn. Ở chỗ chư Phật nghe thọ trì diệu pháp tương ưng với Đại thừa của chư Phật. Đã lắng nghe, thọ trì rồi, tư duy đúng lý, siêng năng tu học.

Xá Lợi Tử! Đấy là Bồ Tát vì lợi vui khắp các hữu tình nên nương vào Đại thừa.

Xá Lợi Tử! Bồ Tát này tuy nương vào Đại thừa, từ một nước Phật đến một nước Phật cúng dường cung kính tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn. Ở chỗ chư Phật nghe thọ diệu pháp, thành thục hữu tình nghiêm tịnh cõi Phật, mà tâm không tưởng đến cõi Phật.

Này Xá lợi Tử! Bồ Tát này an trụ địa vị Bất nhị, quán các hữu tình nên dùng thân nào để độ được liền hiện ra thân như vậy.

Xá Lợi Tử! Bồ Tát này cho đến chứng được Nhất thiết trí trí, tùy sanh chỗ nào thường chẳng xa lìa Chánh pháp Đại thừa. Bồ Tát này chẳng bao lâu sẽ được Nhất thiết trí trí, vì trời người… quay xe Chánh pháp. Xe pháp như thế Thanh văn, Độc giác, trời, ma, phạm chẳng thể quay được.

Xá Lợi Tử! **Bởi các Bồ Tát vì lợi vui khắp các hữu tình nên nương vào Đại thừa nên lại gọi Ma ha tát**.

Xá Lợi Tử! Như vậy, vì lợi vui hữu tình nương Đại thừa Bồ Tát được khắp 10 phương thế giới như cát sông Hằng, tất cả Như Lai Ứng Chánh

Đẳng Giác, ở giữa đại chúng vui mừng ngợi khen, nói lời như vầy: Phương ấy, trong thế giới ấy, có Bồ Tát tên ấy, vì lợi vui khắp tất cả hữu tình, nương Đại thừa, chẳng bao lâu sẽ được Nhất thiết trí trí, vì trời người… quay xe Chánh pháp. Xe ấy thế gian các Thanh văn đều chẳng thể quay được. Như vậy lần lữa tiếng vang khắp 10 phương, người trời nghe thấy đều rất vui mừng, nên nói lời này: Bồ Tát đây chẳng bao lâu sẽ được Nhất thiết trí trí, quay xe diệu pháp độ chúng vô lượng.

Sơ giải:

Tất cả những điều mà Mãn Từ Tử giải thích cho Xá Lợi Tử đều rất dễ hiểu ngắn gọn, ai cũng có thể hiểu nên không cần giải thích thêm ở đây. Chỉ cần nhớ: Nếu Bồ Tát nương Đại thừa tu hành tất cả phương tiện thiện xảo, đem tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, lấy đại bi làm đầu, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tu hành sáu pháp Ba la mật nhưng đừng thấy năng sở hay say đắm cảnh giới khả ái do tu hành đạt được, thì coi như Bồ Tát lớn hay Bồ Tát Ma ha tát. Chư vị Bồ Tát này mau chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, quay xe diệu pháp cứu độ vô lượng chúng sanh, chư Phật trong mười phương thế giới như cát sông Hằng ở giữa đại chúng vui mừng khen ngợi.

Điều đáng lưu ý của phẩm này cũng như toàn bộ ĐBN là "tất cả pháp là không, chỉ có giả danh, thi thiết lời nói, đều bất khả đắc, cho dù đó là pháp Phật hay Niết bàn". Nên đừng bao giờ mong cầu chứng đắc hay hưởng phúc lợi do tu hành. Hành như vậy, được xem là "ngồi", là "cưỡi", là "nương" hay "thừa" Đại thừa, tức đi xe Phật đi, đi đường Tổ phụ chư Phật đã đi, học pháp chư Phật đã học, hành tất cả pháp chư Phật đã hành, chứng pháp chư Phật đã chứng, thuyết pháp chư Phật đã thuyết.

Đại Trí Độ Luận, Phẩm thứ 18, "Thừa Đại Thừa", Tập 3, quyển 46, *thuyết rằng:*

"Bồ Tát từ nơi chúng sanh không *(nhân không)* mà vào được pháp không, nên khi hành bố thí chẳng thấy có người thí, chẳng thấy có vật thí và cũng chẳng thấy có người thọ thí. Hành các Ba La Mật khác cũng đều như vậy cả. Đây là Bồ Tát Ma Ha Tát thừa Đại Thừa.

Lại nữa, Bồ Tát dùng tâm chẳng có tạp niệm, ly các phiền não. Chẳng hướng về Nhị Thừa địa, chỉ hướng về Nhất Thiết Chủng Trí mà tu tứ niệm

xứ,... dẫn đến tu thập bát bất cộng pháp*(1)*, biết rõ hết thảy các pháp ấy đều là rốt ráo thanh tịnh, đều là bất khả đắc. Đây là Bồ Tát Ma Ha Tát thừa Đại Thừa.

Lại nữa, Bồ Tát biết rõ hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều chỉ là danh tự, đều bất khả đắc. Đây là Bồ Tát Ma Ha Tát thừa Đại Thừa.

Lại nữa, Bồ Tát phát đại thệ trang nghiêm thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ, đi từ quốc độ này đến quốc độ khác, đem hoa sen bảy báu để cúng dường, tôn kính chư Phật, và để nghe chư Phật thuyết pháp Đại Thừa. Bồ Tát thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ như vậy mà chẳng sanh tưởng về chúng sanh, chẳng sanh tưởng về quốc độ, lại an trú trong "pháp môn bất nhị", vì chúng sanh mà thọ thân, tùy tâm chúng sanh mà phương tiện thuyết pháp nhằm hóa độ họ. Đây là Bồ Tát Ma Ha Tát thừa Đại Thừa.

--o0o--

Bồ Tát thừa Đại Thừa nguyện thành Phật, chuyển pháp luân nên được chư Phật khắp mười phương xưng danh và tán thán.

--o0o--

Đại Thừa là rốt ráo thanh tịnh, nên Bồ Tát Ma Ha Tát thừa Đại Thừa dùng các thần thông để tự trang nghiêm. Trú trong thừa ấy, Bồ Tát Ma Ha Tát một thời biến hóa vô biên thân, đi khắp mười phương, cúng dường chư Phật, như vậy mãi cho đến khi được Nhất Thiết Chủng Trí vẫn chẳng hề ly Đại Thừa, chẳng hề ly chư Phật".

Thích nghĩa cho phần lược giải của phẩm "Thừa Đại Thừa" này:

(1). Khi đọc chính văn của ĐBN mà thấy có câu này "Bốn niệm trụ... cho đến thập bát bất cộng pháp", *xin hiểu là Kinh hay Luận muốn rút gọn các pháp mầu Phật đạo hay 81 khoa danh tướng Bát Nhã trong chính văn:*

"**bốn niệm trụ**, hoặc khuyên tu hành 4 chánh đoạn, 4 thần túc, 4 căn, 4 lực, 7 chi đẳng giác, 7 chi thánh đạo; hoặc khuyên tu hành Tam ma địa không, hoặc khuyên tu hành Tam ma địa vô tướng, vô nguyện; hoặc khuyên tu hành pháp môn giải thoát không, hoặc khuyên tu hành pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện; hoặc khuyên tu hành 8 giải thoát,

hoặc khuyên tu hành 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ; hoặc khuyên tu hành bố thí Ba la mật, hoặc khuyên tu hành tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát Nhã, phương tiện thiện xảo, nguyện, lực, trí Ba la mật; hoặc khuyên an trụ Thánh đế khổ, hoặc khuyên an trụ Thánh đế tập, diệt, đạo; hoặc khuyên an trụ pháp không nội, hoặc khuyên an trụ pháp không ngoại, pháp không nội ngoại, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh; hoặc khuyên an trụ chơn như, hoặc khuyên an trụ pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì; hoặc khuyên tu hành tất cả pháp môn Đà la ni, hoặc khuyên tu hành tất cả pháp môn Tam ma địa; hoặc khuyên tu hành bậc Cực hỷ, hoặc khuyên tu hành bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân; hoặc khuyên tu hành năm loại mắt, hoặc khuyên tu hành sáu phép thần thông; hoặc khuyên tu hành mười lực Như Lai, hoặc khuyên tu hành bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, **18 pháp Phật bất cộng** v.v…"

Cứ mỗi lần nhắc đến các pháp Phật như trên mà phải liệt kê đầy đủ như vậy là trùng tụng quá nhiều(cả ngàn lần). Kinh MHBNBLMĐ hay Đại Trí Độ Luận rút gọn: "*Bắt đầu với cụm từ* "**Tu tứ niệm xứ"...** *và chấm dứt với cụm từ* **"dẫn đến tu thập bát bất cộng pháp"** *phải hiểu Kinh hay Luận rút gọn các pháp mầu Phật đạo. Đó là phần cắt xén chính của thiên Tổng luận này. Có lẽ chúng tôi không cần lưu ý, ai cũng có thể hiểu./.*

---o0o---

15. PHẨM "KHÔNG BUỘC KHÔNG MỞ"

Đầu quyển 413, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Giáp Bị Đại Thừa", cuối Q.49 đến đầu Q.51, Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

(Tánh tướng các pháp đều như huyễn vậy)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ Tát mặc giáp bị Đại thừa?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát năng mặc giáp bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, đấy là Bồ Tát mặc giáp bị Đại thừa. Nếu Bồ Tát năng mặc giáp 4 niệm trụ cho đến 8 Thánh đạo chi, đấy là Bồ Tát mặc giáp bị Đại thừa. Nếu Bồ Tát năng mặc giáp nội không cho đến vô tánh tự tánh không, đấy là Bồ Tát mặc giáp bị Đại thừa. Nếu Bồ Tát năng mặc giáp Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng, đấy là Bồ Tát mặc giáp bị Đại thừa. Nếu Bồ Tát năng mặc giáp Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí đấy là Bồ Tát mặc giáp bị Đại thừa. Nếu Bồ Tát năng tự biến thân tướng như Phật, phóng đại quang minh soi ba ngàn cõi, cho đến thế giới chư Phật 10 phương như cát sông Hằng, làm việc nhiêu ích cho các hữu tình, đấy là Bồ Tát mặc giáp bị Đại thừa.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát mặc giáp bị công đức như thế, phóng đại quang minh soi ba ngàn cõi, cho đến thế giới chư Phật mười phương như cát sông Hằng, cũng khiến các cõi kia sáu thứ biến động vì các hữu tình làm đại nhiêu ích. Đấy là Bồ Tát mặc giáp bị Đại thừa.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát thường mặc giáp bị đại công đức **bố thí Ba la mật**, khắp hóa Tam thiên đại thiên thế giới như ngọc phệ lưu ly, cũng hóa tự thân làm Đại luân vương, bảy báu quyến thuộc, không thứ nào chẳng viên mãn. Các loại hữu tình cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cần áo cho áo, cần xe cho xe; cần hương xoa, hương bột, hương đốt, tràng hoa, phòng nhà đồ nằm, thuốc men, đèn đuốc và các thứ cần dùng khác, thứ gì đều thí cho. Làm thí này rồi, lại vì tuyên nói pháp tương ưng sáu pháp đến

bờ kia, khiến họ nghe rồi trọn chẳng sa đọa, được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thường chẳng rời bỏ pháp tương ưng sáu pháp đến bờ kia. Thiện Hiện! Đấy là Bồ Tát mặc giáp bị Đại thừa.

- Thiện Hiện! Như huyễn sư hoặc học trò y, ở ngã tư đường, trước đại chúng hóa làm các loại hữu tình nghèo khốn, cần thứ gì đều thí cho. Ý ông nghĩ sao? Việc huyễn như thế có thật chăng?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng thật.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các Bồ Tát cũng lại như thế. Năng mặc giáp bị đại công đức bố thí Ba la mật, hoặc hóa thế giới như phệ lưu ly, hoặc hóa tự thân làm Luân vương, tùy loại hữu tình cần dùng thứ gì thì thí cho thứ ấy, và tuyên nói pháp tương ưng sáu pháp đến bờ kia. Như vậy, Bồ Tát tuy có làm nhưng đều không thật. Vì sao? **Vì tánh tướng các pháp đều như huyễn vậy.**

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát tự mặc giáp bị đại công đức **tịnh giới Ba la mật**, vì hữu tình nên sanh nhà Luân vương, nối ngôi Luân vương, giàu sang tự tại, an lập vô lượng trăm ngàn ức chúng hữu tình nơi mười thiện nghiệp đạo; hoặc bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc; hoặc bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; hoặc không, vô tướng, vô nguyện giải thoát môn; hoặc Phật mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Cũng vì tuyên nói các pháp như thế khiến an trụ, cho đến được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, đối pháp như thế thường chẳng rời. Thiện Hiện! Đấy là Bồ Tát mặc giáp bị Đại thừa.

Thiện Hiện! Như huyễn sư hoặc học trò y, ở giữa ngã tư đường, trước đại chúng hóa làm vô lượng trăm ngàn hữu tình, khiến an trụ mười thiện nghiệp đạo, cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Ý ông nghĩ sao? Việc huyễn như thế là có thật chăng?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng thật.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các Bồ Tát cũng lại như thế. Vì hữu tình nên sanh nhà Luân vương, nối ngôi Luân vương, giàu sang tự tại, an lập vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng hữu tình nơi mười thiện nghiệp đạo, cho đến mười

tám pháp Phật bất cộng. Như vậy Bồ Tát tuy có làm nhưng đều không thật. Vì sao? **Vì tánh tướng các pháp đều như huyễn vậy**.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát tự mặc giáp bị đại công đức **an nhẫn Ba la mật**, cũng khuyên vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng hữu tình mặc giáp bị đại công đức an nhẫn Ba la mật.

Thiện Hiện! Như thế nào Bồ Tát tự mặc giáp bị đại công đức an nhẫn Ba la mật, cũng khuyên vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng hữu tình khiến mặc giáp bị đại công đức an nhẫn Ba la mật?

Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát từ sơ phát tâm đến được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, mặc giáp an nhẫn Ba la mật, thường khởi nghĩ này: Giả sử tất cả loại hữu tình đều cầm dao gậy gia hại, ta trọn chẳng khởi tâm hờn giận trong một sát na, khuyên các hữu tình cũng tu nhẫn này. Bồ Tát đây như tâm đã nghĩ đều được thành xong, cho đến chứng được Nhất thiết trí trí thường chẳng rời bỏ an nhẫn như thế; cũng khiến hữu tình tu nhẫn như thế. Thiện Hiện! Đấy là Bồ Tát Ma ha tát mặc giáp bị Đại thừa.

Thiện Hiện! Như huyễn sư hoặc học trò y ở giữa đường ngã tư, trước đại chúng hóa làm nhiều loại hữu tình, hoặc cầm dao gậy gia hại lẫn nhau; hoặc khuyên nhau tu hạnh an nhẫn. Ý ông nghĩ sao? Việc huyễn như thế là có thật chăng?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng thật.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các Bồ Tát cũng lại như thế. Tự mặc giáp bị đại công đức an nhẫn Ba la mật, cũng khuyên vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng khiến mặc giáp bị đại công đức an nhẫn Ba la mật. Như vậy, Bồ Tát tuy có làm nhưng đều không thật. Vì sao? **Vì tánh tướng các pháp đều như huyễn vậy.**

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát tự mặc giáp bị đại công đức **tinh tấn Ba la mật**, cũng khuyên vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng khiến mặc giáp bị đại công đức tinh tấn Ba la mật.

Thiện Hiện! Như thế nào là Bồ Tát tự mặc giáp bị đại công đức tinh tấn Ba la mật, cũng khuyên vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng hữu tình khiến mặc giáp bị đại công đức tinh tấn Ba la mật?

- Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát đem tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, lấy đại bi làm đầu, thân tâm tinh tấn dứt các pháp ác bất thiện, tu các thiện

pháp, cũng khuyên vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng hữu tình tu tập thân tâm tinh tấn như thế, cho đến chứng được Nhất thiết trí trí thường chẳng rời chính siêng như thế. Thiện Hiện! Đấy là Bồ Tát mặc giáp bị Đại thừa.

Thiện Hiện! Như huyễn sư hoặc học trò y, ở giữa ngã tư đường, trước đại chúng hóa làm nhiều thứ các loại hữu tình tự tu tinh tấn, cũng khuyên người tu tinh tấn. Ý ông nghĩ sao? Việc huyễn như thế là có thật chăng?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng thật.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các Bồ Tát cũng lại như thế. Đem tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, lấy đại bi làm đầu, tự tu tinh tấn, cũng khuyên hữu tình khiến tu tinh tấn. Như vậy, Bồ Tát tuy có làm nhưng đều không thật. Vì sao? **Vì tánh tướng các pháp đều như huyễn vậy.**

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát tự mặc giáp bị đại công đức **tĩnh lự Ba la mật**, cũng khuyên vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng khiến mặc giáp bị đại công đức tĩnh lự Ba la mật.

Thiện Hiện! Như thế nào là Bồ Tát tự mặc giáp bị đại công đức tĩnh lự Ba la mật, cũng khuyên vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng khiến mặc giáp bị đại công đức tĩnh lự Ba la mật?

Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát trụ trong định tất cả pháp bình đẳng, chẳng thấy các pháp có định có loạn mà thường tu tập tĩnh lự Ba la mật như thế, cũng khuyên hữu tình tu tập tĩnh lự bình đẳng như thế; cho đến chứng được Nhất thiết trí trí thường chẳng bỏ rời tĩnh lự như thế. Thiện Hiện! Đấy là Bồ Tát mặc giáp bị Đại thừa.

Thiện Hiện! Như huyễn sư hoặc học trò y, ở giữa ngã tư đường, trước đại chúng hóa làm nhiều thứ các loại hữu tình khiến tu tĩnh lự các pháp bình đẳng, cũng khuyên nhau tu tĩnh lự như thế. Ý ông nghĩ sao? Việc huyễn như thế là có thật chăng?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng thật.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các Bồ Tát cũng lại như thế. Trụ trong định pháp bình đẳng, cũng khuyên hữu tình tu định như thế. Như vậy Bồ Tát tuy có làm

nhưng đều không thật. Vì sao? **Tánh tướng các pháp đều như huyễn vậy.**

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát Ma ha tát tự mặc giáp bị đại công đức **Bát nhã Ba la mật**, cũng khuyên vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng khiến mặc giáp bị đại công đức Bát nhã Ba la mật.

Thiện Hiện! Như thế nào là Bồ Tát tự mặc giáp bị đại công đức Bát nhã Ba la mật, cũng khuyên vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng khiến mặc giáp bị đại công đức Bát nhã Ba la mật?

Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát trụ Bát nhã Ba la mật thẳm sâu vô hý luận, chẳng đắc các pháp hoặc sanh hoặc diệt, hoặc nhiễm hoặc tịnh, sai khác đây kia; cũng khuyên vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng an trụ huệ vô hý luận như thế. Đây là Bồ Tát mặc giáp bị Đại thừa.

Thiện Hiện! Như huyễn sư hoặc học trò y ở giữa ngã tư đường, trước đại chúng hóa làm nhiều thứ các loại hữu tình; tự mình an trụ huệ vô hý luận, cũng khuyên người trụ huệ như thế. Ý ông nghĩ sao? Việc huyễn như thế là có thật chăng?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng thật.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các Bồ Tát cũng lại như thế. Tự năng an trụ huệ vô hý luận, cũng khuyên hữu tình trụ huệ như thế. Bồ Tát tuy có làm nhưng đều không thật. Vì sao? **Vì tánh tướng các pháp đều như huyễn vậy**.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát Ma ha tát mặc giáp bị công đức như trên đã nói, quan sát thế giới chư Phật 10 phương như cát sông Hằng thấy hữu tình, nhiếp thọ tà pháp, làm các ác hành. Bồ Tát này dùng sức thần thông tự biến bản thân đầy khắp thế giới chư Phật như thế, tùy hữu tình kia ưa muốn thị hiện, tự hiện tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật. Cũng khuyên người hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật. Khuyên các hữu tình hành hạnh này rồi lại tùy âm loại, nói pháp tướng tương ưng sáu thứ Ba la mật, khiến kia nghe rồi cho đến chứng được Nhất thiết trí trí thường chẳng rời diệu pháp như thế. Thiện Hiện! Đấy là Bồ Tát Ma ha tát mặc giáp bị Đại thừa.

Thiện Hiện! Như huyễn sư hoặc học trò y ở giữa ngã tư đường, trước đại chúng hóa làm các nhiều loại hữu tình, tự mình an trụ sáu pháp đến bờ

kia, cũng khiến khuyên người an trụ pháp này. Ý ông nghĩ sao? Việc huyễn như thế là có thật chăng?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng thật.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các Bồ Tát cũng lại như thế. Khắp thế giới chư Phật mười phương như cát sông Hằng tự hiện nơi thân tùy nghi an trụ sáu pháp đến bờ kia, cũng khuyên hữu tình khiến trụ hạnh này thường chẳng rời bỏ. Như vậy, Bồ Tát tuy có làm nhưng đều không thật. Vì sao? **Vì tánh tướng các pháp đều như huyễn vậy.**

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát mặc giáp các công đức như trên đã nói, đem tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, lấy đại bi làm đầu, dùng vô sở đắc mà làm phương tiện, lợi ích an vui tất cả hữu tình, chẳng tạp tác ý Thanh văn, Độc giác. Bồ Tát này chẳng khởi nghĩ đây: Ta phải an lập ngần ấy hữu tình nơi bố thí và các Ba la mật khác, ngần ấy hữu tình chẳng đáng an lập. Chỉ khởi nghĩ này: Ta phải an lập vô lượng vô số vô biên hữu tình nơi sáu pháp Ba la mật.

Chẳng khởi nghĩ này: Ta phải an lập ngần ấy hữu tình nơi nội không cho đến vô tánh tự tánh không, ngần ấy hữu tình chẳng nên an lập. Chỉ khởi nghĩ này: Ta phải an lập vô lượng vô số vô biên hữu tình nơi nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Chẳng khởi nghĩ này: Ta phải an lập ngần ấy hữu tình nơi 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo, ngần ấy hữu tình chẳng đáng an lập. Chỉ khởi nghĩ này: Ta phải an lập vô lượng vô số vô biên hữu tình nơi 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo. Chẳng khởi nghĩ này: Ta phải an lập ngần ấy hữu tình nơi tam giải thoát môn, ngần ấy hữu tình chẳng đáng an lập. Chỉ khởi nghĩ này: Ta phải an lập vô lượng vô số vô biên hữu tình nơi tam giải thoát môn. Chẳng khởi nghĩ này: Ta phải an lập ngần ấy hữu tình nơi Phật mười lực cho đến 18 pháp Phật bất công, ngần ấy hữu tình chẳng đáng an lập. Chỉ khởi nghĩ này: Ta phải an lập vô lượng vô số vô biên hữu tình nơi Phật mười lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Chẳng khởi nghĩ này: Ta phải an lập ngần ấy hữu tình nơi quả Dự lưu cho đến quả vị A la hán, ngần ấy hữu tình chẳng đáng an lập. Chỉ khởi nghĩ này: Ta phải an lập vô lượng vô số vô biên hữu tình nơi quả Dự lưu cho đến quả vị A la hán. Cũng chẳng khởi nghĩ này: Ta phải an lập ngần ấy hữu tình nơi Phật Vô thượng Bồ đề, ngần ấy hữu tình chẳng đáng an

lập. Chỉ khởi nghĩ này: Ta phải an lập vô lượng vô số vô biên hữu tình nơi Phật Vô thượng Bồ đề. Thiện Hiện! Đấy là Bồ Tát mặc giáp bị Đại thừa.

Thiện Hiện! Như huyễn sư hoặc học trò y ở giữa ngã tư đường, trước đại chúng hóa làm nhiều loại hữu tình, số ấy vô lượng. Tùy sở ưng phương tiện an lập khiến trụ bố thí, cho đến khiến trụ chư Phật Vô Thượng Thiện Hiện đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng thật.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Các Bồ Tát cũng lại như thế. Đem tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, lấy đại bi làm đầu, dùng vô sở đắc mà làm phương tiện, an lập vô lượng vô số vô biên các loại hữu tình khiến trụ bố thí cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Như vậy Bồ Tát tuy có làm nhưng đều không thật. Vì sao? Vì **tánh tướng các pháp đều như huyễn vậy.**

(Tất cả pháp tự tướng không)

Bấy giờ, Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Như con hiểu nghĩa Phật nói, các Bồ Tát chẳng mặc giáp bị công đức*(1)*, phải biết đấy là mặc giáp bị Đại thừa*(2)*. Vì sao? **Vì tất cả pháp tự tướng không vậy**. Vì sao? Vì sắc cho đến thức, tướng sắc cho đến thức **không**. Nhãn xứ cho đến ý xứ, tướng nhãn xứ cho đến ý xứ **không**. Sắc xứ cho đến pháp xứ, tướng sắc xứ cho đến pháp xứ không. Nhãn giới cho đến ý giới, tướng nhãn giới cho đến ý giới không. Sắc giới cho đến pháp giới, tướng sắc giới cho đến pháp giới không. Nhãn thức giới cho đến ý thức giới, tướng nhãn thức giới cho đến ý thức giới không. Nhãn xúc cho đến ý xúc, tướng nhãn xúc cho đến ý xúc không. Nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ, tướng nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ không.

Bố thí Ba la mật cho đến Bát nhã Ba la mật, **tướng bố thí Ba la mật cho đến Bát nhã Ba la mật không**. Bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, tướng bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo không. Nội không cho đến vô tánh tự tánh không, tướng nội không cho đến vô tánh tự tánh không, không. Như vậy Phật mười lực cho đến mười tám Phật bất cộng, tướng Phật mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không. Bồ Tát,

tướng Bồ Tát không. Mặc giáp bị đại công đức, tướng mặc giáp bị đại công đức không.

Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên này, các Bồ Tát chẳng mặc giáp bị công đức, phải biết đấy là mặc giáp bị Đại thừa.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Như vậy! Như ngươi đã nói. Thiện Hiện phải biết: **Nhất thiết trí trí vô tạo vô tác, tất cả hữu tình cũng vô tạo vô tác. Các Bồ Tát vì việc đây nên mặc giáp bị Đại thừa.**

(Nói về bất khả đắc, vô tạo, vô tác)

Cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên nào Nhất thiết trí trí vô tạo vô tác, tất cả hữu tình cũng vô tạo vô tác? Vì việc này nên các Bồ Tát mặc giáp bị Đại thừa?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Người tạo tác*(tác giả)***bất khả đắc**, nên Nhất thiết trí trí vô tạo vô tác, tất cả hữu tình cũng vô tạo vô tác. Vì sao? Vì sắc chẳng tạo chẳng phải chẳng tạo, chẳng tác chẳng phải chẳng tác. Thọ tưởng hành thức chẳng tạo chẳng phải chẳng tạo, chẳng tác chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì sắc cho đến thức rốt ráo bất khả đắc vậy.

Thiện Hiện! Thập nhị xứ, thập bát giới chẳng tạo chẳng phải chẳng tạo, chẳng tác cũng chẳng phải chẳng tác. Thập bát giới chẳng tạo chẳng phải chẳng tạo, chẳng tác cũng chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Thập nhị xứ, thập bát giới rốt ráo bất khả đắc vậy.

Thiện Hiện! Nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ chẳng tạo chẳng phải chẳng tạo, chẳng tác cũng chẳng phải chẳng tác. Nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ chẳng tạo chẳng phải chẳng tạo, chẳng tác cũng chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ rốt ráo bất khả đắc vậy.

Thiện Hiện! Ngã chẳng tạo chẳng phải chẳng tạo, chẳng tác cũng chẳng phải chẳng tác. Hữu tình, mạng giả, sanh giả, dưỡng giả, sĩ phu, bổ đặc già la, ý sanh, nho đồng, tác giả, thọ giả, tri giả, kiến giả chẳng tạo chẳng phải chẳng tạo, chẳng tác cũng chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì ngã cho đến kiến giả rốt ráo bất khả đắc vậy.

Thiện Hiện! Cảnh mộng chẳng tạo chẳng phải chẳng tạo, chẳng tác cũng chẳng phải chẳng tác. Vang, tượng, việc huyễn, bóng sáng, ánh nắng, không hoa, thành tầm hương, việc biến hóa chẳng tạo chẳng phải chẳng tạo, chẳng tác cũng chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì cảnh mộng cho đến việc biến hóa rốt ráo bất khả đắc vậy.

Thiện Hiện! Nội không chẳng tạo chẳng phải chẳng tạo, chẳng tác cũng chẳng phải chẳng tác. Ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, thắng nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô tế không, tán vô tán không, bổn tánh không, tự tướng không, cộng tướng không, nhất thiết pháp không, bất khả đắc không, vô tánh không, tự tánh không, vô tánh tự tánh không chẳng tạo chẳng phải chẳng tạo, chẳng tác cũng chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì nội không cho đến vô tánh tự tánh không rốt ráo bất khả đắc vậy.

Thiện Hiện! 37 pháp trợ đạo cho đến Như Lai 10 lực chẳng tạo chẳng phải chẳng tạo, chẳng tác cũng chẳng phải chẳng tác. 4 vô sở úy, 4 vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng chẳng tạo chẳng phải chẳng tạo, chẳng tác cũng chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Như Lai mười lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng rốt ráo bất khả đắc vậy.

Thiện Hiện! Chơn như chẳng tạo chẳng phải chẳng tạo, chẳng tác cũng chẳng phải chẳng tác. Pháp giới, pháp tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế chẳng tạo chẳng phải chẳng tạo, chẳng tác cũng chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì chơn như cho đến thật tế rốt ráo bất khả đắc vậy.

Thiện Hiện! Bồ Tát chẳng tạo chẳng phải chẳng tạo, chẳng tác cũng chẳng phải chẳng tác. Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng tạo chẳng phải chẳng tạo, chẳng tác cũng chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Vì Bồ Tát, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác rốt ráo bất khả đắc vậy.

Thiện Hiện! Nhất thiết trí chẳng tạo chẳng phải chẳng tạo, chẳng tác cũng chẳng phải chẳng tác. Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí chẳng tạo chẳng phải chẳng tạo, chẳng tác cũng chẳng phải chẳng tác. Vì sao? Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí rốt ráo bất khả đắc vậy.

Thiện Hiện! Do nhân duyên đây Nhất thiết trí trí vô tạo vô ác, tất cả hữu tình cũng vô tạo vô tác. Các Bồ Tát Ma ha tát vì việc này nên mặc giáp bị Đại thừa. Thiện Hiện! Do nghĩa này nên các Bồ Tát chẳng mặc giáp bị công đức. Phải biết đấy là mặc giáp bị Đại thừa.

(Nói về các pháp không buộc không mở ví như mộng, như hóa)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Như con hiểu nghĩa Phật nói, sắc không buộc không mở, thọ tưởng hành thức không buộc không mở.

Khi ấy, Mãn Từ Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

- Tôn giả bảo rằng sắc không buộc không mở, thọ tưởng hành thức không buộc không mở chăng?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Đúng vậy! Đúng vậy! Tôi bảo sắc không buộc không mở, thọ tưởng hành thức không buộc không mở.

Mãn Từ Tử bảo:

- Những gì là sắc không buộc không mở? Những gì là thọ tưởng hành thức không buộc không mở?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Như mộng sắc không buộc không mở. Như mộng thọ tưởng hành thức không buộc không mở. Như vang, như tượng, như bóng sáng, như ánh nắng, như việc huyễn, như không hoa, như thành tầm hương, như việc biến hóa sắc không buộc không mở. Như vang cho đến như việc biến hóa thọ tưởng hành thức không buộc không mở. Vì sao? Vì tất cả sắc cho đến thức **vô sở hữu** nên không buộc không mở. Vì **xa lìa** nên không buộc không mở. Vì **vắng lặng** nên không buộc không mở. Vì **vô sanh** nên không buộc không mở. Vì **vô nhiễm** nên không buộc không mở. Vì **vô tịnh** nên không buộc không mở.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Quá khứ sắc không buộc không mở. Quá khứ thọ tưởng hành thức không buộc không mở. Vị lai hiện tại sắc không buộc không mở. Vị lai hiện tại thọ tưởng hành thức không buộc không mở. Vì sao? Vì tất cả sắc cho đến thức **vô sở hữu** nên không buộc không mở. Vì xa lìa nên không buộc không mở. Vì **vắng lặng** nên không buộc không mở. Vì **vô sanh** nên không buộc không mở. Vì **vô diệt** nên không buộc không mở. Vì **vô nhiễm** nên không buộc không mở. Vì **vô tịnh** nên không buộc không mở.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Sắc **thiện** không buộc không mở. Thọ tưởng hành thức thiện không buộc không mở. Sắc **bất thiện, vô ký** không buộc không mở. Thọ tưởng hành thức bất thiên, vô ký không buộc không

mở. Vì sao? Vì tất cả sắc cho đến thức vô sở hữu nên không buộc không mở. Vì xa lìa nên không buộc không mở. Vì vắng lặng nên không buộc không mở. Vì vô sanh nên không buộc không mở. Vì vô diệt nên không buộc không mở. Vì vô nhiễm nên không buộc không mở. Vì vô tịnh nên không buộc không mở.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Sắc thế gian không buộc không mở, thọ tưởng hành thức thế gian không buộc không mở. Sắc xuất thế gian không buộc không mở, thọ tưởng hành thức xuất thế gian không buộc không mở. Vì sao? Vì tất cả sắc cho đến thức vô sở hữu nên không buộc không mở. Vì xa lìa nên không buộc không mở. Vì vắng lặng nên không buộc không mở. Vì vô sanh nên không buộc không mở. Vì vô diệt nên không buộc không mở. Vì vô nhiễm nên không buộc không mở. Vì vô tịnh nên không buộc không mở.

Mãn Từ Tử! Sắc hữu lậu không buộc không mở, thọ tưởng hành thức hữu lậu không buộc không mở. Sắc vô lậu không buộc không mở, thọ tưởng hành thức vô lậu không buộc không mở. Vì sao? Vì tất cả sắc cho đến thức vô sở hữu nên không buộc không mở. Vì xa lìa nên không buộc không mở. Vì vắng lặng nên không buộc không mở. Vì vô sanh nên không buộc không mở. Vì vô diệt nên không buộc không mở. Vì vô nhiễm nên không buộc không mở. Vì vô tịnh nên không buộc không mở.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Tất cả pháp không buộc không mở. Vì sao? Vì tất cả pháp vô sở hữu nên xa lìa, nên vắng lặng, nên vô sanh, nên vô diệt, nên vô nhiễm, nên vô tịnh, nên không buộc không mở.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Bố thí không buộc không mở. Tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật không buộc không mở. Vì sao? **Vì 6 pháp Ba la mật vô sở hữu nên xa lìa, nên vắng lặng, nên vô sanh, nên vô diệt, nên vô nhiễm, nên vô tịnh, nên không buộc không mở**.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nội không cho đến vô tánh tự tánh không, chơn như cho đến thật tế… không buộc không mở. 37 pháp trợ đạo cho đến Như Lai 10 lực không buộc không mở. 4 vô sở úy, 4 vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng không buộc không mở. Vì sao? Vì nội không cho đến 18 pháp Phật bất cộng vô sở hữu nên xa lìa, nên vắng lặng, nên vô sanh, nên vô diệt, nên vô nhiễm, vô tịnh, nên không buộc không mở.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Nhất thiết trí không buộc không mở. Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí không buộc không mở. Vì sao? Vì ba Thánh trí vô sở hữu nên xa lìa, nên vắng lặng, nên vô sanh, nên vô diệt, nên vô nhiễm, vô tịnh, nên không buộc không mở.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Bồ Tát không buộc không mở. Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không buộc không mở. Vì sao? Vì Bồ Tát, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vô sở hữu nên xa lìa, nên vắng lặng, nên vô sanh, nên vô diệt, nên vô nhiễm, vô tịnh, nên không buộc không mở.

Lại nữa, Mãn Từ Tử! Tất cả hữu vi không buộc không mở, tất cả vô vi không buộc không mở. Vì sao? Vì hữu vi, vô vi vô sở hữu nên xa lìa, nên vắng lặng, nên vô sanh, nên vô diệt, nên vô nhiễm, vô tịnh, nên không buộc không mở.

Mãn Từ Tử! Các Bồ Tát đối bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật; bốn niệm trụ cho đến Nhất thiết tướng trí không buộc không mở như thế, **đem vô sở đắc mà làm phương tiện nên siêng tu học**.

(Đem vô sở đắc làm phương tiện mà tu hành Bát Nhã)

Mãn Từ Tử! Các Bồ Tát **đem vô sở đắc mà làm phương tiện nên trụ bố thí Ba la mật cho đến Bát nhã Ba la mật; bốn niệm trụ cho đến Nhất thiết tướng trí không buộc không mở như thế.**

Mãn Từ Tử! Các Bồ Tát đem vô sở đắc mà làm phương tiện **nên thành thục hữu tình** không buộc không mở. **Nên nghiêm tịnh** cõi Phật không buộc không mở. **Nên thân cận** cúng dường chư Phật không buộc không mở. **Nên nghe thọ** pháp môn không buộc không mở.

Mãn Từ Tử! Bồ Tát này thường chẳng xa lìa chư Phật không buộc không mở, **thường chẳng xa lìa** thần thông không buộc không mở, thường chẳng xa lìa năm nhãn không buộc không mở, thường chẳng xa lìa các Đà la ni không buộc không mở, thường chẳng xa lìa các Tam ma địa không buộc không mở.

Mãn Từ Tử! Bồ Tát Ma ha tát này phải **khởi Đạo tướng trí** không buộc không mở. Phải **chứng Nhất thiết trí, Nhất thiết tướng trí** không buộc không mở. Phải **quay xe pháp** không buộc không mở. Phải đem pháp yếu tam thừa không buộc không mở, **an lập các loại hữu tình** không buộc không mở.

Mãn Từ Tử! Nếu Bồ Tát tu hành sáu pháp Ba la mật không buộc không mở, **năng chứng tất cả pháp tánh** không buộc không mở. Vì **vô sở hữu nên xa lìa, nên vắng lặng, nên vô sanh, nên vô diệt, nên vô nhiễm, vô tịnh, nên không buộc không mở**.

Mãn Từ Tử! Phải biết Bồ Tát này được gọi kẻ mặc giáp bị Đại thừa không buộc không mở.

Thích nghĩa:

(1). Mặc giáp bị công đức: Kinh MHBNBLMĐ gọi là "đại thệ trang nghiêm" cũng gọi "hoằng thệ nguyện": Thệ nguyện rộng lớn bao trùm khắp cả chúng sanh. Nguyện nghĩa của tiếng Phạm là mặc giáp lớn, tức là lập thệ nguyện rộng lớn cứu độ chúng sanh để thành tựu Vô thượng Bồ đề. Cụm từ đại thệ nguyện trang nghiêm diễn tả xác nghĩa và dễ hiểu hơn "mặc áo giáp lớn". Giáo nghĩa của cụm từ "đại thệ nguyện trang nghiêm" đã được giải thích nhiều lần, xin nhớ cho.

(2). "Đại Bồ Tát chẳng mặc giáp bị công đức, thì nên biết đó là mặc giáp bị Đại thừa". Nguyên văn bản chữ Hán ĐBN là: "菩Bồ 薩Tát 摩Ma 訶Ha 薩Tát .不bất 擐hoàn 功công 德đức 鎧khải .當đương 知tri 是thị 為vi .擐hoàn 大Đại 乘Thừa 鎧khải".

"Đại Bồ Tát chẳng mặc giáp bị công đức, thì nên biết đó là mặc giáp bị Đại thừa". Cách dịch trên không có gì sai trái. Tuy nhiên, câu này có vẽ khó hiểu nếu so với lối dịch của Kinh MHBNBLMĐ: "Đại Bồ Tát không đại trang nghiêm là đại trang nghiêm".

Đứng về phương diện chiết tự giải thích như thế. Nhưng đứng về nghĩa: "Đại Bồ Tát không đại trang nghiêm là đại trang nghiêm". ***Luận Đại Trí Độ, phẩm thứ 17, "Trang Ngiêm", Tập 3, quyển 46 giải thích****:*

"Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Theo nghĩa mà con được nghe Phật nói thì chẳng trang nghiêm mới là đại trang nghiêm. Vì sao? Vì các pháp đều là tự tướng không.

Hỏi: *Vì sao ngài Tu Bồ Đề lại hỏi Phật như vậy?*

Đáp: Theo nghĩa Phật dạy thì "phát đại trang nghiêm" hàm súc ý nghĩa quá thậm thâm, khó biết khó giải, nên chúng sanh ở trong chúng hội khởi tâm nghi, khi nghe nói trang nghiêm là rốt ráo không. Họ dấy niệm nghĩ rằng việc dùng thần thông đi khắp mười phương thế giới là việc làm của chư Phật và chư Bồ Tát, họ chẳng làm sao có thể biết được.

Do biết rõ tâm niệm của chúng sanh trong chúng hội như vậy, nên ngài Tu Bồ Đề mới chỉ cho họ biết rằng nghĩa "đại trang nghiêm" chẳng phải quá thậm thâm, chẳng phải quá khó biết, khó giải. Ngài nói rằng vì "đại trang nghiêm" là tự tướng không, nên dễ thành, dễ được vậy.

Vì sao? Vì sắc,… dẫn đến thức chẳng có định tướng, nên là bất khả đắc, tứ niệm xứ,… dẫn đến thập bát bất cộng pháp chẳng có định tướng, nên là bất khả đắc, Vô thượng Bồ đề, Nhất Thiết Trí, Nhất Thiết Chủng Trí, Bồ Tát, Phật cũng chẳng có định tướng, nên đều là bất khả đắc cả.

Nếu có Bồ Tát biết rõ được các pháp đều là tự tướng không, đều là tịch diệt tướng mà chẳng sợ hãi, chẳng bỏ mất bản nguyện của mình, vẫn thường tinh tấn hành đạo, thì phải biết đó là vị Bồ Tát Ma Ha Tát phát đại thệ trang nghiêm.

Vậy nên, phát đại thệ trang nghiêm chẳng phải là việc khó làm, khó được.

--o0o--

Phật ấn chứng lời nói của ngài Tu Bồ Đề, và dạy rằng: Đúng như vậy, đúng như vậy. Vì Nhất Thiết Chủng Trí chẳng phải là tác pháp (phi tác pháp), chúng sanh cũng chẳng phải là tác pháp, nên Bồ Tát vì chúng sanh phát đại thệ trang nghiêm. Vì sao? Vì tác giả là bất khả đắc, nên Nhất Thiết Chủng Trí cũng như chúng sanh đều chẳng phải là tác pháp. Hết thảy các pháp đều chẳng do ai làm ra (phi tác), và đều chẳng phải chẳng làm ra (phi bất tác), đều là như huyễn, như hóa, đều là bất khả đắc cả".

Bồ Tát vì chúng sanh phát đại thệ nguyện trang nghiêm. Nhưng Bồ Tát không, chúng sanh không, Nhất thiết chủng trí cũng không phải tác pháp. Không có tác giả, không có thọ giả, không có tác pháp. Tất cả đều bất khả đắc. Biết như vậy, nên không chấp. Nên Bồ Tát vẫn thành thục chúng sanh, trang nghiêm Phật độ. Chẳng có gì để trang nghiêm, nhưng vẫn tu Đại thừa vẫn trang nghiêm Phật độ, nên gọi là đại trang nghiêm.

Sơ giải:

Có nắm có bắt, có tung có hứng… là có thủ có xả, có dính mắc, quái ngại. Có dính mắc, quái ngại nên có trói buộc, có trói buộc mới cần tháo

gỡ. Suốt đời loanh quanh, hết buộc rồi gỡ, hết gỡ rồi buộc, tự mình làm rối mình, làm sao giải thoát?

Các pháp tự tướng là không, tánh tướng chẳng khác nào huyễn mộng, các pháp vốn bất động, trơ lì như gỗ đá, nên nói là trì độn vô tri. Tất cả pháp vô sở hữu bất khả đắc, tự tánh xa lìa, tự tánh vắng lặng, vô sanh vô diệt, vô nhiễm vô tịnh, trơ lì ra đó, làm gì có trói, có mở? Tự mình cảm thọ, tham ái… muốn thủ giữ nắm bắt hay buông bỏ tức chấp chặt mà bị trói.

Nếu giác biết như vậy, không dấy niệm, không thủ tâm chấp tướng tức không lay không chuyển, không hành, như như bất động thì không còn bị trói, tâm mới được an nhiên tịch lặng, nên nói là giải thoát! Nhưng giải thoát đi đâu? Chẳng qua là thoát khỏi mọi trói buộc hay những hệ lụy của thế gian chứ chẳng có gì khác!

Vì vậy, trước khi giải thích về "không buộc không mở" Phật thuyết các pháp như huyễn như mộng, các pháp là trì độn trơ lì như gỗ đá, các pháp tự tánh vắng lặng xa lìa, vô nhiễm vô tịnh, các pháp là không, vô tác, vô sở hữu, bất khả đắc… nếu hiểu như vậy thì làm gì có trói buộc nữa.

Để quản diễn thêm ý này, Bồ Tát Long Thọ trong ***phẩm thứ 17, "Trang Nghiêm", Tập 3, quyển 46, Đại trí Độ Luận nói:***

"Trong chúng hội, có người nghe Phật dạy rằng các pháp đều là như huyễn, như hóa, lại dấy niệm nghĩ rằng: Thập bát không nhằm phá các pháp tướng là có thật dụng. Như vậy vì sao lại nói các pháp đều chẳng được làm ra, là phi tác?

Phật dạy: Nội không,… dẫn đến vô pháp hữu pháp không, tứ niệm xứ,…, dẫn đến thập bát bất cộng pháp v.v... đều là vô sở tác cả. Vậy nên biết rằng **thập bát không cũng là hư dối**, chẳng thật có, là vô sở tác vậy.

Dẫn đến pháp như, pháp tướng, pháp tánh, pháp vị, thật tế đều là **chân thật pháp**, nhưng bản thể vốn là vô tác.

Tùy theo nghiệp nhân duyên mà trở thành hữu tác, thành ra có pháp hữu vị; mỗi mỗi đều do cộng nhân mà có vậy. Còn pháp vô vi là do đối đãi với pháp hữu vi mà có.

Bởi nhân duyên như vậy, nên Phật nói pháp như, pháp tướng, pháp tánh, pháp vị, thật tế cũng đều là vô sở tác, đều là rốt ráo bất khả đắc. Dẫn đến Nhất Thiết Chủng Trí, Bồ Tát, Phật cũng đều là như vậy.

--o0o--

Lại nữa, các pháp đều là vô phược, vô thoát; mà chúng sanh chấp các pháp tướng nên ở nơi khổ xứ khó giải thoát, mới nghĩ rằng: Phật pháp rất khó làm, rất khó được.

Ngài Tu Bồ Đề thấu rõ tâm niệm của chúng sanh nên bạch Phật: Theo nghĩa mà con nghe được Phật nói, thì ngũ ấm là vô phược, vô thoát, là rốt ráo không, là bất khả đắc. Như vậy chẳng có tác giả, nên chẳng có trói buộc (vô phược) chẳng có cởi mở (vô thoát).

Phật dạy: Phàm phu chấp các pháp mà chẳng biết các pháp đều là hư dối, là bất khả đắc, là vô phược, vô thoát. Còn các bậc Thánh, thấy rõ các pháp đều là rốt ráo không, đều là vô phược, vô thoát. Bồ Tát thấy rõ ngũ ấm cùng các pháp thiện, bất thiện, vô ký trong 3 đời đều là như mộng, như huyễn, đều là vô sở hữu, là bất khả đắc. Dẫn đến như pháp tánh, thật tế cũng như vậy.

Bồ Tát biết rõ các pháp đều là tự tánh ly, tự tánh tịch diệt, tự tánh bất sanh, đều là vô sở hữu, bất khả đắc, nên được vô phược, vô thoát.

Bồ Tát trú nơi Trung Đạo, dẫn dắt chúng sanh thoát ly phiền não, nên nói là vô phược, vô thoát, lại chẳng dùng vô lậu để phá các pháp tướng nên nói là vô thoát.

Bồ Tát giáo hóa chúng sanh, tịnh quốc độ Phật, dẫn đến được đầy đủ các thần thông, đầy đủ năm nhãn, các đà la ni và các tam muội mà vẫn chẳng rời Phật, an lạc chúng sanh trong tam thừa đạo, mà vẫn vô phược, vô thoát. Vì sao? Vì Bồ Tát biết rõ hết thảy các pháp đều là vô sở hữu, là ly, là tịch diệt, là bất sanh, là rốt ráo không vậy.

Bồ Tát Ma Ha Tát phát đại thệ trang nghiêm, với đầy đủ các nhân duyên như vậy, nên được vô phược, vô thoát.

Đây là lời giảng luận trí tuệ của Bồ tát Long Thọ, nên ghi nhớ về giáo pháp không buộc không mở này./.

---o0o---

16. PHẨM "TAM MA ĐỊA"

Cuối Q.413 đến đầu Q.414, Hội thứ II.
(Tương đương phẩm "Biện Đại Thừa", cuối Q.51 - Q.52, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Thật ra phẩm này phải đặt tên là tướng Đại thừa của Bồ tát Ma ha tát như trong Hội thứ I, ĐBN mới đúng. Vì toàn phẩm này không nói riêng về Tam ma địa mà nói chung cho cả 6 Ba la mật, 18 pháp không.

Tướng Đại thừa của Bồ tát Ma ha tát nói rộng ra là tất cả các pháp mầu Phật đạo. Các Tam ma địa chỉ là 1 phần của tất cả pháp mầu Phật đạo. Nên nói phẩm tựa không tương xứng với chánh văn. Nội dung chánh văn của phẩm này là 6 Ba la mật, 18 pháp không và các Tam ma địa.

Tóm lược:

(Tướng Đại thừa của Bồ Tát Ma Ha Tát)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Những gì là tướng Đại thừa Bồ Tát Ma ha tát? Làm thế nào biết được Đại Bồ Tát phát tâm hướng đến Đại thừa? Đại thừa như thế từ chỗ nào ra, đến trụ chỗ nào? Đại thừa như vậy trụ ở nơi nào? Ai nương vào Đại thừa này mà xuất ly?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Trước hết ngươi hỏi rằng **"những gì là tướng Đại thừa Bồ Tát Ma ha tát?"** Phật dạy:

1. (Sáu pháp Ba la mật)

Thiện Hiện! **Sáu Ba la mật** là tướng Đại thừa Bồ Tát Ma ha tát. Những gì là sáu? Đó là bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự và Bát nhã Ba la mật.

Thiện Hiện! **Sao gọi bố thí Ba la mật**? Nếu Bồ Tát Ma ha tát đem tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, lấy đại bi làm đầu, dùng vô sở đắc mà làm

phương tiện, tự xả tất cả sở hữu nội ngoại, cũng khuyên người xả sở hữu nội ngoại. Đem căn lành đây cùng tất cả hữu tình đồng chung hồi hướng Nhất thiết trí trí. Thiện Hiện! Đấy là Bồ Tát Ma ha tát bố thí Ba la mật.

Thiện Hiện! **Sao gọi tịnh giới Ba la mật**? Nếu Bồ Tát Ma ha tát đem tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, lấy đại bi làm đầu, dùng vô sở đắc mà làm phương tiện, tự thọ trì mười thiện nghiệp đạo, cũng khuyên người thọ trì mười thiện nghiệp đạo. Đem căn lành đây cùng tất cả hữu tình đồng chung hồi hướng Nhất thiết trí trí. Thiện Hiện! Đấy là Bồ Tát Ma ha tát tịnh giới Ba la mật.

Thiện Hiện! **Sao gọi an nhẫn Ba la mật**? Nếu Bồ Tát Ma ha tát đem tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, lấy đại bi làm đầu, dùng vô sở đắc mà làm phương tiện. Tự tu đủ an nhẫn tăng thượng, cũng khuyên người tu đủ an nhẫn. Đem căn lành đây cùng tất cả hữu tình đồng chung hồi hướng Nhất thiết trí trí. Thiện Hiện! Đấy là Bồ Tát Ma ha tát an nhẫn Ba la mật.

Thiện Hiện! **Sao gọi tinh tấn Ba la mật**? Nếu Bồ Tát Ma ha tát đem tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, lấy đại bi làm đầu, dùng vô sở đắc mà làm phương tiện. Tự tu năm Ba la mật kia siêng tu chẳng bỏ, cũng khuyên người đối năm Ba la mật kia siêng tu chẳng bỏ. Đem căn lành đây cùng tất cả hữu tình đồng chung hồi hướng Nhất thiết trí trí. Thiện Hiện! Đấy là Bồ Tát Ma ha tát tinh tấn Ba la mật.

Thiện Hiện! **Sao gọi tĩnh lự Ba la mật**? Nếu Bồ Tát Ma ha tát đem tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, lấy đại bi làm đầu, dùng vô sở đắc mà làm phương tiện. Tự phương tiện khéo léo vào các tĩnh lự, vô lượng, vô sắc, trọn chẳng theo thế lực kia thọ sanh; cũng năng khuyên người phương tiện khéo léo vào các tĩnh lự, vô lượng, vô sắc, chẳng theo thế lực định kia thọ sanh. Đem căn lành đây cùng tất cả hữu tình đồng chung hồi hướng Nhất thiết trí trí. Thiện Hiện! Đấy là Bồ Tát Ma ha tát tĩnh lự Ba la mật.

Thiện Hiện! **Sao gọi Bát nhã Ba la mật**? Nếu Bồ Tát Ma ha tát đem tác ý tương ưng Nhất thiết trí trí, lấy đại bi làm đầu, dùng vô sở đắc mà làm phương tiện. Tự như thật quán sát tất cả pháp tánh, **đối các pháp tánh không lấy không đắm**; cũng khuyên người như thật quán sát tất cả pháp tánh, đối các pháp tánh không lấy không đắm. Đem căn lành đây cùng tất cả hữu tình đồng chung hồi hướng Nhất thiết trí trí. Thiện Hiện! Đấy là Bồ Tát Ma ha tát Bát nhã Ba la mật.

Thiện Hiện phải biết: Đấy là tướng Đại thừa Bồ Tát Ma ha tát.

2. (18 pháp không là tướng Đại thừa của Bồ Tát Ma ha tát)

Lại nữa, Thiện Hiện! Tướng Đại thừa Bồ Tát Ma ha tát ấy là nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, thắng nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô tế không, tán vô tán không, bổn tánh không, tự tướng không, cộng tướng không, nhất thiết pháp không, bất khả đắc không, vô tánh không, tự tánh không, vô tánh tự tánh không.*(Tức 18 pháp không)*

- Sao gọi nội không? Nội là nội pháp, tức là **nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý**. Phải biết trong đây nhãn do nhãn không, chẳng thường, chẳng hoại*(trong nghĩa hoại diệt)*. Cho đến ý do ý không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh như vậy là như vậy. Thiện Hiện! Đấy là nội không.

- Sao gọi ngoại không? Ngoại là ngoại pháp, tức là **sắc thanh hương vị xúc pháp**. Phải biết trong đây sắc do sắc không, chẳng thường, chẳng hoại. Cho đến pháp do pháp không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh như vậy là như vậy. Thiện Hiện! Đấy là ngoại không**.**

- Sao là nội ngoại không? Nội ngoại là pháp nội ngoại, tức sáu pháp nội cùng sáu pháp ngoại *(tức12 xứ)*. Phải biết trong đây nội pháp do ngoại pháp không, chẳng thường, chẳng hoại. Ngoại pháp do nội pháp không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh như vậy là như vậy. Thiện Hiện! Đấy là nội ngoại không.

- Sao gọi không không? Không này là **tất cả pháp** *(nhất thiết pháp)* **không**. Không đây lại do không không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh như vậy là như vậy. Thiện Hiện! Đấy là không không.

- Sao gọi đại không? Đại là **mười phương**, tức Đông Tây Nam Bắc, bốn góc, trên dưới. Phải biết trong đây, phương Đông do phương Đông không, chẳng thường, chẳng hoại. Cho đến phương dưới do phương dưới không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh như vậy là như vậy. Thiện Hiện! Đấy là đại không.

- Sao gọi thắng nghĩa không? Thắng nghĩa **là Niết bàn**. Phải biết trong đây Niết bàn do Niết bàn không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh như vậy là như vậy. Thiện Hiện! Đấy là thắng nghĩa không.

- Sao gọi là hữu vi không? Hữu vi **là cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc**. Phải biết trong đây cõi Dục do cõi Dục không, chẳng thường, chẳng

hoại. Cõi Sắc, Vô sắc do cõi Sắc, Vô sắc không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh như vậy là như vậy.Thiện Hiện!Đấy là hữu vi không.

- Sao gọi là vô vi không? Vô vi **là vô sanh vô diệt, vô trụ vô dị**. Phải biết trong đây vô vi do vô vi không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh như vậy là như vậy. Thiện Hiện! Đấy là vô vi không.

- Sao gọi tất cánh không? Tất cánh là pháp hoàn toàn bất khả đắc. Phải biết trong đây rốt ráo do rốt ráo không, chẳng thường, chẳng hoại.Vì sao? Vì bản tánh như vậy là như vậy.Thiện Hiện! Đấy là tất cánh không.

- Sao gọi vô tế không *(pháp không biên giới)*? Không biên giới nghĩa là không có giới hạn đầu cuối có thể được. Nên biết Không biên giới ở đây do pháp không không biên giới, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh như vậy là như vậy. Thiện Hiện! Đấy là vô tế không.

- Sao gọi tán vô tán không? Tán nghĩa là có buông, có bỏ, có xả, có thể được, Vô tán nghĩa là không buông, không bỏ, không xả có thể được. Nên biết tán vô tán ở đây do pháp không tán vô tán, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh như vậy là như vậy. Thiện Hiện! Đấy là tán vô tán không.

- Sao gọi bổn tánh không? Bổn tánh là hoặc tánh pháp hữu vi, hoặc tánh pháp vô vi; tất cả đều chẳng phải Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát, Như Lai làm ra, cũng chẳng phải người nào khác làm ra, nên gọi bổn tánh. Phải biết trong đây bổn tánh do bổn tánh không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bổn tánh như vậy là như vậy. Thiện Hiện! Đấy là bổn tánh không.

- Sao gọi tự cộng tướng không? Tự tướng **là tự tướng tất cả pháp**; như biến ngại là tự tướng sắc, lãnh nạp là tự tướng thọ, lấy tượng là tự tướng tưởng, tạo tác là tự tướng hành, liễu biệt là tự tướng thức. Như vậy thảy hoặc tự tướng pháp hữu vi, hoặc tự tướng pháp vô vi, đấy là tự tướng. Cộng tướng **là cộng tướng tất cả pháp**; như khổ là cộng tướng pháp hữu lậu, vô thường là cộng tướng pháp hữu vi, không, vô ngã là cộng tướng tất cả pháp. Như vậy, thảy có vô lượng cộng tướng. Phải biết trong đây tự cộng tướng do tự cộng tướng không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì cớ sao? Vì bản tánh như vậy là như vậy. Thiện Hiện! Đấy là tự cộng tướng không.

- Sao gọi nhất thiết pháp không? Nhất thiết pháp là năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới, có sắc không sắc, có kiến không kiến, có đối không đối, có lậu không lậu, có vi không vi, đấy là nhất thiết pháp. Phải biết trong đây nhất thiết pháp do nhất thiết pháp không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh như vậy là như vậy. Thiện Hiện! Đấy là nhất thiết pháp không.

- Sao gọi bất khả đắc không? Bất khả đắc là trong đây tìm các pháp chẳng thể được. Phải biết trong đây bất khả đắc do bất khả đắc không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh như vậy là như vậy. Thiện Hiện! Đấy là bất khả đắc không.

- Sao gọi vô tánh không? Vô tánh là trong đây không chút tánh có thể được. Phải biết trong đây vô tánh do vô tánh không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh vậy là vậy. Thiện Hiện! Đấy là vô tánh không.

- Sao gọi là tự tánh không? Tự tánh là tự tánh các pháp năng hòa hợp. Phải biết trong đây tự tánh do tự tánh không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì cớ sao? Vì bản tánh vậy là vậy. Thiện Hiện! Đấy là tự tánh không.

- Sao gọi vô tánh tự tánh không? Vô tánh tự tánh là các pháp không tánh năng hòa hợp ấy, không có tự tánh sở hòa hợp. Phải biết trong đây vô tánh tự tánh do vô tánh tự tánh không, chẳng thường, chẳng hoại. Vì sao? Vì bản tánh như vậy là như vậy. Thiện Hiện! Đấy là vô tánh tự tánh không.

Lại nữa, Thiện Hiện! Hữu tánh do hữu tánh không. Vô tánh do vô tánh không. Tự tánh do tự tánh không. Tha tánh do tha tánh không.

- Sao gọi hữu tánh do hữu tánh không? Hữu tánh là pháp hữu vi. Hữu tánh đây do hữu tánh không.

- Sao gọi vô tánh do vô tánh không? Vô tánh là pháp vô vi. Vô tánh đây do vô tánh không.

- Sao gọi tự tánh do tự tánh không? Là tất cả pháp đều tự tánh không. Không đây chẳng phải trí làm ra, chẳng phải kiến làm ra, cũng chẳng phải ai khác làm ra. Đấy là tự tánh do tự tánh không.

- Sao gọi tha tánh do tha tánh không? Nghĩa là tất cả pháp hoặc Phật ra đời hoặc chẳng ra đời, pháp trụ, pháp định, pháp tánh, pháp giới, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, chơn như, tánh chẳng hư dối, tánh chẳng biến

khác, thật tế, đều do tha tánh nên không. Đấy là tha tánh do tha tánh nên không.

Thiện Hiện phải biết: Đấy là tướng Đại thừa Bồ Tát Ma ha tát.

3. (Các Tam ma địa cũng là tướng Đại thừa Bồ Tát Ma ha tát)

Lại nữa, Thiện Hiện! Tướng Đại thừa Bồ Tát Ma ha tát ấy là vô lượng trăm ngàn vô thượng diệu các **Tam ma địa**. Tức là Kiện hành Tam ma địa, Bảo ấn Tam ma địa, Sư tử du hý Tam ma địa, Diệu nguyệt Tam ma địa, Nguyệt tràng tướng Tam ma địa, Nhất thiết pháp dũng Tam ma địa, Quán đỉnh Tam ma địa, Pháp giới quyết định Tam ma địa, Quyết định tràng tướng Tam ma địa, Kim cương dụ Tam ma địa, Nhập pháp ấn Tam ma địa, Phóng quang vô vong thất Tam ma địa, Thiện lập định vương Tam ma địa, Phóng quang Tam ma địa, Tinh tiến lực Tam ma địa, Đẳng dũng Tam ma địa, Nhập nhất thiết ngôn từ quyết định Tam ma địa, Đẳng nhập tăng ngữ Tam ma địa, Quán phương Tam ma địa, Tổng trì ấn Tam ma địa, Vô vong thất Tam ma địa, Chư pháp đẳng thú hải ấn Tam ma địa, Biến phú hư không Tam ma địa, Kim cương luân Tam ma địa, Ly trần Tam ma địa, Biến chiếu Tam ma địa, Bất thuấn Tam ma địa, Vô trụ tướng Tam ma địa, Bất tư duy Tam ma địa, Vô cấu đăng Tam ma địa, Vô biên quang Tam ma địa, Phát quang Tam ma địa, Phổ chiếu Tam ma địa, Tịnh kiên định Tam ma địa, Vô cấu quang Tam ma địa, Phát diệu lạc Tam ma địa, Điển đăng Tam ma địa, Vô tận Tam ma địa, Cụ oai quang Tam ma địa, Ly tận Tam ma địa, Vô động Tam ma địa, Vô hà khích Tam ma địa, Nhật đăng Tam ma địa, Tịnh nguyệt Tam ma địa, Tịnh quang Tam ma địa, Phát minh Tam ma địa, Tác sở ưng tác Tam ma địa, Trí tràng tướng Tam ma địa, Kim cương man Tam ma địa, Trụ tâm Tam ma địa, Phổ minh Tam ma địa, Thiện trụ Tam ma địa, Bảo tích Tam ma địa, Diệu pháp ấn Tam ma địa, Nhất thiết pháp bình đẳng tánh Tam ma địa, Xả ái lạc Tam ma địa, Nhập pháp đỉnh Tam ma địa, Phiêu tán Tam ma địa, Phân biệt pháp cú Tam ma địa, Bình đẳng tự tướng Tam ma địa, Ly văn tự tướng Tam ma địa, Đoạn sở duyên Tam ma địa, Vô biến dị Tam ma địa, Vô phẩm loại Tam ma địa, Vô tướng hành Tam ma địa, Ly ế ám Tam ma địa, Cụ hành Tam ma địa, Bất biến động Tam ma địa, Độ cảnh giới Tam ma địa, Tập nhất thiết công đức Tam ma địa, Quyết định trụ Tam ma địa, Vô tâm trụ

Tam ma địa, Tịnh diệu hoa Tam ma địa, Cụ giác chi Tam ma địa, Vô biên đăng Tam ma địa, Vô biên biện Tam ma địa, Vô đẳng đẳng Tam ma địa, Siêu nhất thiết pháp Tam ma địa, Quyết phán chư pháp Tam ma địa, Tán nghi võng Tam ma địa, Vô sở trụ Tam ma địa, Nhất tướng trang nghiêm Tam ma địa, Dẫn phát hành tướng Tam ma địa, Nhất hành tướng Tam ma địa, Ly hành tướng Tam ma địa, Diệu hành tướng Tam ma địa, Đạt chư hữu để tán hoại Tam ma địa, Nhập thi thiết ngữ ngôn Tam ma địa, Giải thoát âm thanh văn tự Tam ma địa, Cự xí nhiên Tam ma địa, Nghiêm tịnh tướng Tam ma địa, Vô tiêu xí Tam ma địa, Cụ nhất thiết diệu tướng Tam ma địa, Bất hỷ nhất thiết khổ lạc Tam ma địa, Vô tịnh hành tướng Tam ma địa, Cụ đà la ni Tam ma địa, Nhiếp phục nhất thiết chánh tánh tà tánh Tam ma địa, Tĩnh tức nhất thiết vi thuận Tam ma địa, Ly ái tắng Tam ma địa, Vô cấu minh Tam ma địa, Cụ kiên cố Tam ma địa, Mãn nguyệt tịnh quang Tam ma địa, Đại trang nghiêm Tam ma địa, Chiếu nhất thiết thế gian Tam ma địa, Định bình đẳng tánh Tam ma địa, Hữu tránh vô tránh bình đẳng lý thú Tam ma địa, Vô sào huyệt vô tiêu xí vô ái lạc Tam ma địa, Quyết định an trụ chơn như Tam ma địa, Ly thân uế ác Tam ma địa, Ly ngữ uế ác Tam ma địa, Ly ý uế ác Tam ma địa, Như hư không Tam ma địa, Vô nhiễm trước như hư không Tam ma địa. Tam ma địa như thế thảy có vô lượng trăm ngàn, đấy là tướng Đại thừa Bồ Tát Ma ha tát.

Phật bảo Thiện Hiện:

- Vì sao gọi là Kiện hành Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, có thể nạp thọ tất cả cảnh Tam ma địa, có thể mạnh mẽ làm xong vô biên việc thù thắng, có thể dẫn đầu tất cả đẳng trì. Vậy nên gọi là Kiện hành Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Bảo ấn Tam ma địa? Vì Tam ma địa này năng ấn chứng tất cả định. Vậy nên gọi là Bảo ấn Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Sư tử du hý Tam ma địa? Là khi muốn trụ Tam ma địa này, đối các thắng định du hý tự tại. Vậy nên gọi là Sư tử du hý Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Diệu nguyệt Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, như trăng tròn sáng soi khắp các định. Vậy nên gọi là Diệu nguyệt Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Nguyệt tràng tướng Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, có thể đảm nhận gìn giữ khắp các tướng thù thắng của định. Vậy nên gọi là Nguyệt tràng tướng Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Nhất thiết pháp dũng Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, có thể phát ra khắp tất cả định thù thắng. Vậy nên gọi là Nhất thiết pháp dũng Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Quán đỉnh Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, có thể quán sát khắp tất cả đảnh định. Vậy nên gọi là Quán đỉnh Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Pháp giới quyết định Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, có thể đối với pháp giới quyết định chiếu rõ. Vậy nên gọi là Pháp giới quyết định Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Quyết định tràng tướng Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, có thể quyết định thọ trì các tràng tướng của định. Vậy nên gọi là Quyết định tràng tướng Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Kim cương dụ Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, có thể phá trừ các định mà những pháp khác không thể nhiếp phục được. Vậy nên gọi là Kim cương dụ Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Nhập pháp ấn Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, khắp năng chứng vào tất cả pháp ấn. Vậy nên gọi là Nhập pháp ấn Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Phóng quang vô vong thất Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, phóng ánh sáng định thù thắng chiếu đến các loài hữu tình làm cho họ nhớ lại những pháp đã từng lãnh thọ. Vậy nên gọi là Phóng quang vô vong thất Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Thiện lập định vương Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, đối các định vương khéo năng kiến lập. Vậy nên gọi là Thiện lập định vương Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Phóng quang Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, có thể phát ra ánh sáng của các định. Vậy nên gọi là Phóng quang Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Tinh tấn lực Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, có thể phát ra sức mạnh tinh tấn của các định. Vậy nên gọi là Tinh tấn lực Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Đẳng dũng Tam ma địa? Là nếu khi trụ tam ma địa này, khiến các đẳng trì bình đẳng phát hiện. Vậy nên gọi là Đẳng dũng Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Nhập nhất thiết ngôn từ quyết định Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, đối với các ngôn từ quyết định hiểu rõ. Vậy nên gọi là Nhập nhất thiết ngôn từ quyết định Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Đẳng nhập tăng ngữ Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, đối tên các định khắp năng ngộ vào giải thích lý thú rõ ràng. Vậy nên gọi là Đẳng nhập tăng ngữ Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Quán phương Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, đối với các phương pháp của định có thể quán chiếu khắp. Vậy nên gọi là Quán phương Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Tổng trì ấn Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, có thể giữ gìn tất cả các diệu ấn của các định. Vậy nên gọi là Tổng trì ấn Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Vô vong thất Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, đối tướng các định đều không quên mất. Vậy nên gọi là Vô vong thất Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Chư pháp đẳng thú hải ấn Tam ma địa? Là nếu trụ Tam muội này, làm cho các định thù thắng đều hướng vào như biển cả tóm thâu các dòng nước. Vậy nên gọi là Chư pháp đẳng thú hải ấn Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Biến phú hư không Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, ở trong các định trùm khắp, có thể che chở, bảo hộ như nhau, giống như hư không. Vậy nên gọi là Biến phú hư không Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Kim cương luân Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, khắp năng nắm giữ tất cả thắng định khiến chẳng tán hoại như bánh xe kim cương. Vậy nên gọi là Kim cương luân Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Ly trần Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, năng diệt tất cả phiền não dơ bẩn ràng buộc. Vậy nên gọi là Ly trần Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Biến chiếu Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, khắp soi các định khiến rất sáng rõ. Vậy nên gọi là Biến chiếu Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Bất thuấn Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, chẳng còn mong cầu định khác, pháp khác nữa. Vậy nên gọi là Bất thuấn Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Vô tướng trụ Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, chẳng thấy trong các định có chút pháp khá trụ. Vậy nên gọi là Vô tướng trụ Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Bất tư duy Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, không bị các pháp tâm tâm sở hạ liệt làm lay chuyển. Vậy nên gọi là Bất tư duy Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Vô cấu đăng Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, như cầm đèn sáng soi rõ các định. Vậy nên gọi là Vô cấu đăng Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Vô biên quang Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, có thể phóng ánh sáng lớn soi sáng không ngằn mé. Vậy nên gọi là Vô biên quang Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Phát quang Tam ma địa? Là nếu khi trụ đẳng trì *(định)* vô gián này, có thể phát ra ánh sáng tất cả thắng định. Vậy nên gọi là Phát quang Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Phổ chiếu Tam ma địa? Là nếu khi trụ đẳng trì vô gián này, tức năng soi khắp các môn thắng định. Vậy nên gọi là Phổ chiếu Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Tịnh kiên định Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, được tánh bình đẳng thanh tịnh của các đẳng trì. Vậy nên gọi là Tịnh kiên định Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Vô cấu quang Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, có thể tẩy trừ hết cấu uế của tất cả định. Vậy nên gọi là Vô cấu quang Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Phát diệu lạc Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, lãnh thọ niềm vui vi diệu tất cả đẳng trì. Vậy nên gọi là Phát diệu lạc Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Điển đăng Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, soi các đẳng trì như điện sáng rực. Vậy nên gọi là Điển đăng Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Vô tận Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, dẫn đến vô tận công đức các đẳng trì mà không thấy tướng tận hay không tận của nó. Vậy nên gọi là vô tận Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Cụ oai quang Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, đối với các đẳng trì oai quang đầy đủ. Vậy nên gọi là Cụ oai quang Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Ly tận Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, xa lìa tướng tận hay không tận của tất cả các đẳng trì. Vậy nên gọi là Ly tận Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Vô động Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, khiến các đẳng trì không lay động cũng không hý luận. Vậy nên gọi là Vô động Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Vô hà khích Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, thấy các đẳng trì không tỳ vết. Vậy nên gọi là Vô hà khích Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Nhật đăng Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, thấy các định môn phát sáng soi khắp như mặt trời. Vậy nên gọi là Nhật đăng Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Tịnh nguyệt Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, thấy các đẳng trì xua tan bóng tối như ánh trăng. Vậy nên gọi là Tịnh nguyệt Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Tịnh quang Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, đối tất cả đẳng trì được bốn sự hiểu biết thông suốt. Vậy nên gọi là Tịnh quang Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Phát minh Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, làm cho các môn định phát ánh sáng chiếu khắp. Vậy nên gọi là Phát minh Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Tác sở ưng tác Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này làm xong các việc nên làm của các đẳng trì, lại hoàn thành các việc làm của định. Vậy nên gọi là Tác sở ưng tác Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Trí tràng tướng Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, thấy diệu trí tràng tướng các đẳng trì. Vậy nên gọi là Trí tràng tướng Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Kim cương man Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, tuy năng thông đạt tất cả pháp mà chẳng thấy có tướng thông đạt. Vậy nên gọi là Kim cương man Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Trụ tâm Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, tâm chẳng lay động, chẳng chuyển, chẳng soi, cũng chẳng tổn giảm, chẳng nghĩ có tâm. Vậy nên gọi là Trụ tâm Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Phổ minh Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, có thể quán chiếu rõ khắp các định. Vậy nên gọi là Phổ minh Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Thiện trụ Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, đối các đẳng trì khéo hay an trụ. Vậy nên gọi là Thiện trụ Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Bảo tích Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, xem các đẳng trì đều như đống ngọc báu. Vậy nên gọi là Bảo tích Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Diệu pháp ấn Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, có thể ấn chứng các đẳng trì, vì đem không ấn mà ấn chứng. Vậy nên gọi là Diệu pháp ấn Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Nhất thiết pháp bình đẳng tánh Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, chẳng thấy có pháp lìa tánh bình đẳng. Vậy nên gọi là Nhất thiết pháp bình đẳng Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Xả ái lạc Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, đối với tất cả pháp xả bỏ các ưa thích. Vậy nên gọi là Xả ái lạc Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Nhập pháp đỉnh Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, đối tất cả pháp năng trừ ám chướng, cũng đối các định năng làm thượng thủ. Vậy nên gọi là Nhập pháp đỉnh Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Phiêu tán Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, thổi tan tất cả chấp định, chấp pháp. Vậy nên gọi là Phiêu tán Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Phân biệt pháp cú Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, khéo năng phân biệt pháp cú các định. Vậy nên gọi là Phân biệt pháp cú Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Bình đẳng tự tướng Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, được tự tướng bình đẳng của các đẳng trì. Vậy nên gọi là Bình đẳng tự tướng Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Ly văn tự tướng Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, đối các đẳng trì chẳng đắc một chữ. Vậy nên gọi là Ly văn tự tướng Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Đoạn sở duyên Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, đoạn tuyệt tướng cảnh sở duyên các đẳng trì. Vậy nên gọi là Đoạn sở duyên Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Vô biến dị Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, chẳng đắc các tướng biến dị của các pháp. Vậy nên gọi là Vô biến dị Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Vô phẩm loại Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, chẳng thấy tướng riêng phẩm loại các pháp. Vậy nên gọi là Vô phẩm loại Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Vô tướng hành Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, đối tướng các định đều vô sở đắc. Vậy nên gọi là Vô tướng hành Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Ly ế ám Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, diệt trừ hết bóng tối của các định. Vậy nên gọi là Ly ế ám Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Cụ hành Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, đối với hành các định đều không kiến chấp. Vậy nên gọi là Cụ hành Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Bất biến động Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, đối các đẳng trì chẳng thấy biến động. Vậy nên gọi là Bất biến động Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Độ cảnh giới Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, vượt khỏi cảnh giới sở duyên các đẳng trì. Vậy nên gọi là Độ cảnh giới Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Tập nhất thiết công đức Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, có thể nhóm hợp các công đức của định, đối với tất cả pháp đều không còn tập tưởng *(nhớ tưởng)*. Vậy nên gọi là Tập nhất thiết công đức Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Quyết định trụ Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, đối các định tâm tuy quyết định trụ, mà biết tướng kia trọn bất khả đắc. Vậy nên gọi là Quyết định trụ Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Vô tâm trụ Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, tâm không lay chuyển, không đọa lạc. Vậy nên gọi là Vô tâm trụ Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Tinh diệu hoa Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, khiến các đẳng trì đều được thanh tịnh, nghiêm sức sáng rõ in như diệu hoa. Vậy nên gọi là Tịnh diệu hoa Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Cụ giác chi Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, làm cho việc tu tập bảy giác chi của tất cả định mau viên mãn. Vậy nên gọi là Cụ giác chi Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Vô biên đăng Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, đối với tất cả pháp đều có thể chiếu soi giống như đèn sáng. Vậy nên gọi là Vô biên đăng Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Vô biên biện Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, đối tất cả pháp được biện tài vô biên. Vậy nên gọi là Vô biên biện Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Vô đẳng đẳng Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, đối với các đẳng trì được tánh bình đẳng, cũng làm cho các định thành vô đẳng đẳng. Vậy nên gọi là Vô đẳng đẳng Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Siêu nhất thiết pháp Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, khắp vượt qua các pháp ba cõi. Vậy nên gọi là Siêu nhất thiết pháp Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Quyết phán chư pháp Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, đối với các định thù thắng và tất cả pháp, hay vì hữu tình phán quyết như thật. Vậy nên gọi là Quyết phán chư pháp Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Tán nghi võng Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, đối các đẳng trì và tất cả pháp có bao lưới nghi đều năng trừ tan hết. Vậy nên gọi là Tán nghi võng Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Vô sở trụ Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, chẳng thấy các pháp có chỗ sở trụ. Vậy nên gọi là Vô sở trụ Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Nhất tướng trang nghiêm Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, chẳng thấy các pháp hai tướng khá lấy. Vậy nên gọi là Nhất tướng trang nghiêm Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Dẫn phát hành tướng Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, đối các đẳng trì và tất cả pháp, dù năng dẫn phát nhiều thứ hành tướng mà đều chẳng thấy kẻ năng dẫn phát. Vậy nên gọi là Dẫn phát hành tướng Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Nhất hành tướng Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, thấy các đẳng trì không hai hành tướng. Vậy nên gọi là Nhất hành tướng Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Ly hành tướng Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, thấy các đẳng trì đều vô hành tướng. Vậy nên gọi là Ly hành tướng Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Diệu hành tướng Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, khiến các đẳng trì sanh khởi diệu hành tướng. Vậy nên gọi là Diệu hành tướng Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Đạt chư hữu để tán hoại Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, đối các đẳng trì và tất cả pháp được trí thông đạt như thật ngộ vào; đã được vào rồi, đối các hiển pháp phá tan thông suốt khiến không còn thừa sót. Vậy nên gọi là Đạt chư hữu để tán hoại Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Nhập thi thiết ngữ ngôn Tam ma địa? Là nếu khi trụ tam ma địa này, ngộ vào tất cả pháp Tam ma địa rồi, thi thiết ra lời nói không mắc không ngại. Vậy nên gọi là Nhập thi thiết ngữ ngôn Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Giải thoát âm thanh văn tự Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, thấy các tướng vắng diệt các đẳng trì giải thoát tất cả âm thanh văn tự. Vậy nên gọi là Giải thoát âm thanh văn tự Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Cự xí nhiên Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, đối với các đẳng trì oai quang chiếu sáng rực rỡ. Vậy nên gọi là Cự xí nhiên Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Nghiêm tịnh tướng Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, được tướng nghiêm tịnh, nghĩa là đối các tướng đều hay trừ diệt. Vậy nên gọi là Nghiêm tịnh tướng Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Vô tiêu xí Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, đối các đẳng trì chẳng thấy nêu cờ. Vậy nên gọi là Vô tiêu xí Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Cụ nhất thiết diệu tướng Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, diệu tướng các định không tướng nào chẳng đầy đủ. Vậy nên gọi là Cụ nhất thiết diệu tướng Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Bất hỷ nhất thiết khổ lạc Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, đối tướng khổ vui các đẳng trì chẳng ưa thích quan sát. Vậy nên gọi là Bất hỷ nhất thiết khổ lạc Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Vô tận hành tướng Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, chẳng thấy hành tướng các định có diệt tận. Vậy nên gọi là Vô tận hành tướng Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Cụ đà la ni Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, năng tổng nắm giữ thắng sự các định. Vậy nên gọi là Cụ đà la ni Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Nhiếp phục nhất thiết chánh tánh tà tánh Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, đối các đẳng trì chánh tánh tà tánh, nhiếp phục các kiến đều khiến chẳng sanh khởi. Vậy nên gọi là Nhiếp phục nhất thiết chánh tánh tà tánh Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Tĩnh tức nhất thiết vi thuận Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, đối các đẳng trì và tất cả pháp đều chẳng thấy có tướng trái thuận. Vậy nên gọi là Tĩnh tức nhất thiết vi thuận Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Ly tắng ái Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, đối các đẳng trì và tất cả pháp đều chẳng thấy có tướng ưa ghét. Vậy nên gọi là Ly tắng ái Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Vô cấu minh Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, đối các đẳng trì đều chẳng thấy có tướng trong tướng đục. Vậy nên gọi là Vô cấu minh Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Cụ kiên cố Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, khiến các đẳng trì đều được bền chắc. Vậy nên gọi là Cụ kiên cố Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Mãn nguyệt tịnh quang Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, khiến các đẳng trì công đức hơn thêm như trăng tròn đầy, thì nước biển dâng cao. Vậy nên gọi là Mãn nguyện tịnh quang Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Đại trang nghiêm Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, làm cho các đẳng trì thành tựu các việc đại trang nghiêm, hy hữu, vi diệu. Vậy nên gọi là Đại trang nghiêm Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Chiếu nhất thiết thế gian Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, soi các đẳng trì và tất cả pháp, khiến loại hữu tình đều được khai sáng, hiểu biết. Vậy nên gọi là Chiếu nhất thiết thế giam Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Định bình đẳng tánh Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, chẳng thấy đẳng trì tụ tán sai khác. Vậy nên gọi là Định bình đẳng tánh Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Hữu tránh vô tránh bình đẳng lý thú Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, không thấy các pháp và tất cả định có tranh không tranh tánh tướng sai khác. Vậy nên gọi là Hữu tránh vô tránh bình đẳng lý thú Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Vô sào huyệt vô tiêu xí vô ái lạc Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, phá trừ các sào huyệt, xả bỏ các cờ xí, đoạn trừ các ưa thích mà không chấp trước. Vậy nên gọi là Vô sào huyệt vô tiêu xí vô ái lạc Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Quyết định an trụ chơn như Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, đối các đẳng trì và tất cả pháp thường chẳng bỏ rời chơn như thật tướng. Vậy nên gọi là Quyết định an trụ chơn như Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Ly thân uế ác Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, khiến các đẳng trì xa lìa thân nghiệp xấu ác. Vậy nên gọi là Ly thân uế ác Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Ly ngữ uế ác Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, khiến các đẳng trì xa lìa khẩu nghiệp xấu ác. Vậy nên gọi là Ly ngữ uế ác Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Ly ý uế ác Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, khiến các đẳng trì xa lìa ý nghiệp xấu ác. Vậy nên gọi là Ly ý uế ác Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Như hư không Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, đối các hữu tình khắp năng nhiêu ích mà tâm bình đẳng như hư không. Vậy nên gọi là Như hư không Tam ma địa.

- Vì sao gọi là Vô nhiễm trước như hư không Tam ma địa? Là nếu khi trụ Tam ma địa này, quán tất cả pháp đều vô sở hữu như hư không trong sạch, không ô nhiễm, không chấp trước. Vậy nên gọi là Vô nhiễm trước như hư không Tam ma địa.

Thiện Hiện! Như vậy thảy có vô lượng trăm ngàn thù thắng Tam ma địa mầu nhiệm hiếm có. Phải biết, đấy là tướng Đại thừa Bồ Tát.*(1)*

Thích nghĩa:

(1). Muốn hiểu thêm phẩm này, xin đọc ***Đại Trí Độ Luận của Bồ Tát Long Thọ, phẩm thứ 19, “Quảng Thừa”, Tập 3, quyển thứ 48.***

Sơ giải:

Phẩm này Thế Tôn trả lời phần đầu câu hỏi của Cụ thọ Thiện Hiện “Những gì là tướng Đại thừa của Bồ Tát Ma ha tát?”

Câu trả lời ngắn gọn của phẩm này là:

1. Sáu pháp Ba la mật;

2. Mười tám pháp Không và

3. Vô lượng Tam ma địa mầu nhiệm thù thắng.

1. Sáu pháp Ba la mật:

Không những Kinh liên tiếp thuyết 6 pháp Ba la mật trong các phẩm: “Sáu Pháp Đáo Bỉ Ngạn”, “Đại Thừa”, “Không Buộc Không Mở” và phẩm “Tam Ma Địa” trong Hội thứ II này mà rải rác trong 5 Hội đầu, chỗ nào Phật cũng nhắc đi nhắc lại 6 pháp tu tối thượng này. Ở đây, một lần nữa Phật lại thuyết về 6 pháp Ba la mật. Vì sao? Vì nói đến tướng Đại thừa của Bồ Tát Ma ha tát mà không nói đến 6 Ba la mật là một thiếu sót lớn. Không có Ba la mật không có Phật, không có Bồ Tát, không có Phật đạo. Điểm đặc biệt cần lưu ý là 6 pháp này được Đại Bát nhã Ba la mật thuyết riêng trong 6 pháp hội cuối cùng từ pháp hội thứ XI cho đến pháp hội thứ XVI. Mỗi pháp hội là một Ba la mật. Điều đó chứng tỏ tánh cách cực kỳ quan trọng của 6 pháp tu này của Đại thừa và Phật đạo nói chung.

2. Mười tám pháp Không:

1-Nội không, 2-Ngoại không, 3-Nội ngoại không, 4-Không không, 5-Đại không, 6-Đệ nhất nghĩa không, 7-Hữu vi không, 8-Vô vi không, 9-Tất cánh không, 10-Vô thỉ không, 11-Tán không, 12-Tánh không, 13-Tự tướng không, 14-Chư pháp không, 15-Bất khả đắc không, 16-Vô pháp không, 17-Hữu pháp không, 18-Vô pháp hữu pháp không.

Các pháp Không này đã được giải thích tỉ mỉ ở “Phần thứ I Tổng luận”. Tuy nhiên, vì tánh cách quan trọng của nó trong việc giải thích

"nhất thiết pháp không", chủ trương vô tiền khoáng hậu của Phật, nên chúng tôi dẫn chứng lời chiết giải 18 pháp không do Bồ Tát Long Thọ quản diễn trong ***Đại Trí Độ Luận, phẩm "Biện Đại Thừa", ở Đoạn một, Phân đoạn một, Hội thứ I, ĐBN.*** *Các đạo hữu có thể quay lại tham khảo nếu muốn. Không hiểu 18 pháp không không thể học Bát nhã Ba la mật. Đó là câu nói nghiêm túc. Không thông đạt 18 pháp không, không có Giác ngộ, không thể đạt Nhất thiết trí trí, không thể chứng Vô thượng Bồ đề.*

3. Các Tam ma địa còn được gọi là Tam Muội (三昧*):*

Còn gọi là Tam Ma Đề (三摩提)*, Tam Ma Đế* (三摩帝)*, Tam Ma Để* (三摩底)*, Tam Muội Địa* (三昧地)*, v.v...; ý dịch là Đẳng Trì* (等持)*, Chánh Định* (正定)*, Chánh Ý* (定意)*, Điều Trực Định* (調直定)*, Chánh Tâm Hành Xứ* (正心行處)*, Định* (定)*; nghĩa là xa lìa hôn trầm, trạo cử, là tác dụng của tinh thần, tâm chuyên trú vào một cảnh, không tán loạn.*

Tam Ma Địa là một trong 75 pháp, hay 108 pháp, mà Phật cho là tướng Đại Thừa của Bồ Tát Ma ha tát. Chúng tôi có giải thích sơ trên mặt nổi của các pháp tu nầy hơn là thực chứng. Trong "Phần thứ I Tổng luận" đã giải thích rồi, dựa theo sách vở, không đi sâu vào chi tiết. Thí dụ: Một trong Tam muội phổ thông mà chúng ta thường thấy trong Đại Bát Nhã là Tam giải thoát môn. Đó là Không, Vô tướng và Vô nguyện giải thoát môn. Kinh có giải thích tỉ mỉ. Ai chứng được Tam muội này thì có thể bước qua cổng giải thoát.

Tóm lại, ba nhóm giáo lý: 6 Ba la mật, 18 pháp không và các Tam ma địa theo phẩm này được xem là tướng Đại thừa của Bồ Tát Ma ha tát. Như trong phần gợi ý nói trên. Tướng Đại thừa của Bồ tát Ma ha tát nói chung phải gồm thâu tất cả pháp mầu Phật đạo mới đầy đủ ý nghĩa của nó./.

---o0o---

17. PHẨM "NIỆM TRỤ ĐẲNG"

Cuối Q.414 đến đầu Q.415, Hội thứ II.
(Tương đương phẩm "Biện Đại Thừa", phần cuối Q.52 - Q.53, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Cũng như phẩm trước, phẩm này có tên là "Niệm Trụ Đẳng", nhưng không phải chỉ giải thích riêng về 4 niệm trụ mà thật sự phẩm này trình bày một số pháp Phật hay còn gọi là các tướng công đức như 37 pháp trợ đạo, 4 Thiền, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 8 giải thoát, 9 định thứ lớp, Như Lai 10 lực v.v... Vì vậy, phẩm này có phẩm tựa cũng không tương xứng với chánh văn như phẩm trước.

Tóm lược:

1. (Tu bốn niệm trụ)

Lại nữa, Thiện Hiện! Tướng Đại thừa Bồ Tát là bốn niệm trụ. Những gì là bốn? **Một là thân niệm trụ, hai là thọ niệm trụ, ba là tâm niệm trụ, bốn là pháp niệm trụ.**

Thân niệm trụ ấy là Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, đem vô sở đắc làm phương tiện, tuy đối nội thân **trụ quán theo thân**, hoặc đối ngoại thân trụ quán theo thân, hoặc đối nội ngoại thân trụ quán theo thân, nhưng vĩnh viễn không phát sanh những đòi hỏi của thân, nỗ lực tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, điều phục tham ái.

Thọ niệm trụ ấy là Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, tuy đối nội thọ **trụ quán theo thọ**, hoặc đối ngoại thọ trụ quán theo thọ, hoặc đối nội ngoại thọ trụ quán theo thọ, nhưng vĩnh viễn không phát sanh những đòi hỏi của thân, nỗ lực tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, điều phục tham ái.

Tâm niệm trụ ấy là Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, tuy đối nội tâm **trụ quán theo tâm**, hoặc đối ngoại tâm trụ quán theo tâm, hoặc đối với nội ngoại tâm quán theo tâm, nhưng vĩnh viễn

không phát sanh những đòi hỏi của thân, nỗ lực tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, điều phục tham ái.

Pháp niệm trụ ấy là Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, tuy đối nội pháp **trụ quán theo pháp**, hoặc đối ngoại pháp trụ quán theo pháp, hoặc đối nội ngoại pháp trụ quán theo pháp, nhưng vĩnh viễn không phát sanh những đòi hỏi của thân nỗ lực tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, điều phục tham ái.

(Đối nội ngoại cùng thân, thọ, tâm, pháp trụ quán theo thân, thọ, tâm, pháp, như thế nào?)

Sao là Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, **đối nội thân trụ quán theo thân**, nỗ lực tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, điều phục tham ái?

Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, **quán kỹ tự thân** khi đi biết đi, khi đứng biết đứng, khi ngồi biết ngồi, khi nằm biết nằm, như như tự thân uy nghi sai khác. Như vậy, như vậy, nỗ lực tinh tấn, **chánh niệm tỉnh giác, điều phục tham ái**. Đấy là Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, đối nội thân trụ quán theo thân, nỗ lực tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, điều phục tham ái.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, quán kỹ tự thân chính biết đi đến, chính biết xem ngó, chính biết cúi ngước, chính biết co dãn, mặc Tăng già lê, cầm nắm y bát, hoặc **ăn hoặc uống, nghỉ ngơi kinh hành, ngồi dậy, đón rước, thức ngủ** nói lặng, vào ra các định, <u>đều nhớ chính biết</u>. Đấy là Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, đối nội thân trụ quán theo thân, nỗ lực tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, điều phục tham ái.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, quán kỹ tự thân, **khi hít vào nhớ biết hít vào, khi thở ra nhớ biết thở ra**, khi thở dài nhớ biết thở dài, khi thở ngắn nhớ biết thở ngắn. Như thợ quay xe hoặc học trò y, khi thế xe dài biết thế xe dài, khi thế xe ngắn biết thế xe ngắn. Bồ Tát này cũng lại như thế, nhớ biết các hít thở ra vào, dài ngắn sai khác. Đấy là Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô

sở đắc làm phương tiện, đối nội thân trụ quán theo thân, nỗ lực tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, điều phục tham ái.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, quán kỹ tự thân, các giới *(các đại chủng)* sai khác. Chỗ gọi địa giới, thủy, hỏa, phong giới. Như đồ tể giỏi hoặc học trò y dứt mạng trâu rồi, lại dùng dao bén chia xẻ nơi thân, cắt làm bốn phần, hoặc ngồi hoặc đứng như thật quán biết. Bồ Tát này cũng lại như thế, quán sát **tự thân địa, thủy, hỏa, phong bốn giới sai khác**. Đấy là Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, đối nội thân trụ quán theo thân, nỗ lực tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, điều phục tham ái.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, **quán kỹ tự thân từ chân đến đỉnh các thứ bất tịnh** đầy rẫy nơi trong ngoài được da mỏng gói kín. Chỗ gọi thân này chỉ có các thứ: Tóc, lông, móng, răng, da dày, da mỏng, máu, thịt, gân, mạch, xương, tủy, tim, gan, phổi, cật, mật, lá lách, bào thai, dạ dày, ruột lớn, ruột nhỏ, cứt, đái, nước mắt, nước dãi, khạc nhổ, mồ hôi, đất bẩn, đàm, mủ, mỡ lá, óc, màng, ghèn, cứt ráy, **bất tịnh như thế đầy rẫy trong thân**. Như có nông phu hoặc các trưởng giả, trong bịch đựng đầy các thứ tạp cốc, chỗ gọi nếp, mè, lúa, đậu, bắp thảy; có kẻ tỏ mắt khai bịch xem coi năng như thật biết trong ấy chỉ có nếp, mè, lúa thảy các thứ tạp cốc. Bồ Tát này cũng là như thế, quán kỹ tự thân từ chân đến đỉnh đầy rẫy bất tịnh chẳng thể tham muốn. Đấy là Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, đối nội thân trụ quán theo thân, nỗ lực tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, điều phục tham ái.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, đến nơi vắng vẻ **quán tử thi** quăng bỏ đã 1 ngày, hoặc qua 2 ngày cho đến 7 ngày, nơi thân sình trướng sắc biến xanh bầm, hôi thối, da nứt, mủ máu chảy ra. Thấy việc này rồi, tự nghĩ thân ta cũng như thế, nếu chưa được giải thoát, cuối cùng cũng lại như vậy! Đấy là Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, đối nội thân trụ quán theo thân, nỗ lực tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, điều phục tham ái.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, đến nơi vắng vẻ quán tử thi quăng bỏ đã 1 ngày, hoặc qua 2 ngày cho đến 7 ngày, bị các chim bồ cắt, quạ khách, cú mèo, cọp,

beo, chồn, sói, dã can thảy, nhiều loại cầm thú; hoặc mổ hoặc bấu, xương thịt rơi rớt ngổn ngang, cắn giành ăn nuốt.

Thấy việc này rồi, tự nghĩ thân ta cũng như thế, nếu chưa được giải thoát, cuối cùng cũng lại như vậy! Đấy là Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, đối nội thân trụ quán theo thân, nỗ lực tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, điều phục tham ái.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, đến nơi vắng vẻ quán tử thi quăng bỏ, cầm thú bu đến ăn nuốt, mủ máu chảy lìa, có vô lượng loại trùng giòi sinh ra hôi thối hơn cả chó chết. Thấy việc này rồi, tự nghĩ thân ta cũng như thế, nếu chưa được giải thoát, cuối cùng cũng lại như vậy! Đấy là Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, đối nội thân trụ quán theo thân, nỗ lực tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, điều phục tham ái.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, đến nơi vắng vẻ quán tử thi quăng bỏ trùng giòi ăn rồi, thịt lìa xương ló, đốt chân tay liền nhau vì gân quấn máu dính hãy còn thịt nát bấy. Thấy việc này rồi, tự nghĩ thân ta cũng như thế, nếu chưa được giải thoát, cuối cùng cũng lại như vậy! Đấy là Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, đối nội thân trụ quán theo thân, nỗ lực tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, điều phục tham ái.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, đến nơi vắng vẻ quán tử thi quăng bỏ, đã thành xương trắng máu thịt đều hết, còn gân liền nhau. Thấy việc này rồi, tự nghĩ thân ta cũng như thế, nếu chưa được giải thoát, cuối cùng cũng lại như vậy! Đấy là Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, đối nội thân trụ quán theo thân, nỗ lực tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, điều phục tham ái.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, đến nơi vắng vẻ quán tử thi quăng bỏ chỉ còn các xương, xương ấy trắng ngà sắc như kha tuyết, các gân nát bấy, đốt chân tay rời lìa. Thấy việc này rồi, tự nghĩ thân ta cũng như thế, nếu chưa được giải thoát, cuối cùng cũng lại như vậy! Đấy là Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, đối nội thân trụ quán theo thân, nỗ lực tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, điều phục tham ái.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, đến nơi vắng vẻ quán tử thi quăng bỏ đã thành xương trắng, lóng đốt chân tay chia tản, rơi rớt mỗi nơi. Thấy việc này rồi, tự nghĩ thân ta cũng như thế, nếu chưa được giải thoát, cuối cùng cũng lại như vậy! Đấy là Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, đối nội thân trụ quán theo thân, nỗ lực tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, điều phục tham ái.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, đến nơi vắng vẻ quán tử thi quăng bỏ, thấy các xương phân chia mỗi thứ một nơi, rải rác khắp chỗ. Thấy việc này rồi, tự nghĩ thân ta cũng như thế, nếu chưa được giải thoát, cuối cùng cũng lại như vậy! Đấy là Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, đối nội thân trụ quán theo thân, nỗ lực tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, điều phục tham ái.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, đến nơi vắng vẻ quán tử thi quăng bỏ, hài cốt ngổn ngang, gió thổi nắng phơi, mưa chan sương phủ, lâu đã nhiều năm, sắc như kha tuyết. Thấy việc này rồi, tự nghĩ thân ta cũng như thế, nếu chưa được giải thoát, cuối cùng cũng lại như vậy! Đấy là Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, đối nội thân trụ quán theo thân, nỗ lực tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, điều phục tham ái.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, đến nơi vắng vẻ quán tử thi quăng bỏ, còn xương tan đất, trải nhiều trăm năm, hoặc nhiều ngàn năm, tướng ấy biến xanh, trạng sắc như chim câu, mục nát như bụi, cùng đất hòa nhau khó phân biệt. Thấy việc này rồi, tự nghĩ thân ta cũng như thế, nếu chưa được giải thoát, cuối cùng cũng lại như vậy! Đấy là Bồ Tát Ma ha tát khi tu hành Bát nhã Ba la mật đem vô sở đắc mà làm phương tiện, đối nội thân trụ quán theo thân, nỗ lực tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, điều phục tham ái.

Thiện Hiện! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, như **đối với nội thân sai khác như thế trụ quán theo thân, nỗ lực tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, điều phục tham ái, đối với ngoại thân trụ quán theo thân, đối với nội ngoại thân trụ quán theo thân, nỗ lực tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, điều phục tham ái**. Tùy theo sở thích cũng lại như vậy.

Thiện Hiện! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, đối nội ngoại cùng thọ, tâm, pháp trụ quán theo thọ, tâm, pháp, nỗ lực tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, điều phục tham ái. Tùy theo sở thích đều nên giảng rộng. Thiện Hiện! Như vậy, Bồ Tát tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, đối với nội ngoại cùng thân, thọ, tâm, pháp khi trụ quán theo thân, thọ, tâm, pháp. Tuy quán như thế mà vô sở đắc. Phải biết đấy là tướng Đại thừa Bồ Tát.

(Xin đọc "Cửu Tưởng Quán", Q.21, Tập 2, Đại Trí Độ Luận, bản dịch của Ni trưởng TN Diệu Không).

2. (Tu bốn chánh đoạn)

Lại nữa, Thiện Hiện! Tướng Đại thừa Bồ Tát ấy là **bốn chánh đoạn**.

Những gì là bốn? Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, đối các **pháp ác bất thiện chưa phát sanh**, chẳng muốn chúng sanh nên sanh tâm mong muốn cố gắng siêng năng giữ gìn, đấy là thứ nhất.

Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, đối các **pháp ác bất thiện đã sanh**, vì muốn dứt diệt, nên sanh tâm mong muốn cố gắng siêng năng giữ gìn, đấy là thứ hai.

Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, **thấy thiện pháp chưa sanh muốn chúng sanh**, nên sanh tâm mong muốn cố gắng siêng năng giữ gìn, đấy là thứ ba.

Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã đem vô sở đắc làm phương tiện, **nếu thiện pháp đã sanh, vì khiến an trụ chẳng quên**, lại muốn tăng thêm cho được viên mãn nên sanh tâm mong muốn cố gắng siêng năng giữ gìn, đấy là thứ tư.

Thiện Hiện! Phải biết đấy là tướng Đại thừa Bồ Tát.

3. (Tu bốn thần túc)

Lại nữa, Thiện Hiện! Tướng Đại thừa Bồ Tát ấy là **bốn thần túc**.

Những gì là bốn? Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, đem vô sở đắc làm phương tiện, **tu dục** Tam ma địa, đoạn hành, thành tựu thần

túc, nương vào xa lìa, nương vào vô nhiễm, nương vào diệt hồi hướng xả, đấy là thứ nhất.

Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, đem vô sở đắc làm phương tiện, **tu cần** Tam ma địa, đoạn hành, thành tựu thần túc, nương vào xa lìa, nương vào vô nhiễm, nương vào diệt hồi hướng xả, đấy là thứ hai.

Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, đem vô sở làm phương tiện, **tu tâm** Tam ma địa, đoạn hành, thành tựu thần túc, nương vào xa lìa, nương vào vô nhiễm, nương vào diệt hồi hướng xả, đấy là thứ ba.

Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, đem vô sở đắc làm phương tiện, **tu quán** Tam ma địa, đoạn hành, thành tựu thần túc, nương vào xa lìa, nương vào vô nhiễm, nương vào diệt hồi hướng xả, đấy là thứ tư.

Thiện Hiện! Phải biết đấy là tướng Đại thừa Bồ Tát.

4. (Tu năm căn)

Lại nữa, Thiện Hiện! Tướng Đại thừa Bồ Tát ấy là **năm căn.**

Những gì là năm? Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, đem vô sở đắc làm phương tiện, sở tu **tín căn**, **tinh tấn căn**, **niệm căn**, **định căn**, **huệ căn**. Thiện Hiện! Phải biết đấy là tướng Đại thừa Bồ Tát.

5. (Tu năm lực)

Lại nữa, Thiện Hiện! Tướng Đại thừa Bồ Tát ấy là **năm lực**. Những gì là năm? Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, đem vô sở đắc làm phương tiện, sở tu **tín lực**, **tinh tấn lực**, **niệm lực**, **định lực**, **huệ lực**. Thiện Hiện! Phải biết đấy là tướng Đại thừa Bồ Tát.

6. (Tu bảy Bồ đề phần)

Lại nữa, Thiện Hiện! Tướng Đại thừa Bồ Tát ấy là **bảy thảy nhánh giác** *(bảy chi thánh đạo)*. Những gì là bảy? Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, đem vô sở đắc làm phương tiện, sở tu **niệm giác chi**, **trạch pháp giác chi**, **tinh tấn giác chi**, **hỷ giác chi**, **khinh an giác chi**, **định giác chi**, **xả giác chi**; nương vào xa lìa, nương vào vô nhiễm, nương vào diệt hồi hướng xả. Thiện Hiện! Phải biết đấy là tướng Đại thừa Bồ Tát.

7. (Tu hành Bát chánh đạo phần)

Lại nữa, Thiện Hiện! Tướng Đại thừa Bồ Tát ấy là **tám nhánh Thánh đạo**. Những gì là tám? Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, đem vô sở đắc làm phương tiện, tu **chánh kiến**, **chánh tư duy**, **chánh ngữ**, **chánh nghiệp**, **chánh mạng**, **chánh tinh tấn**, **chánh niệm**, **chánh định**; nương vào xa lìa, nương vào vô nhiễm, nương vào diệt hồi hướng xả. Thiện Hiện! Phải biết đấy là tướng Đại thừa Bồ Tát.

(Tất cả pháp tu từ mục 2 cho đến hết mục 7, gọi chung là 37 pháp trợ đạo, xem quyển 19, Tập 1, Đại Trí Độ Luận).

8. (Tu hành Tam giải thoát môn)

Lại nữa, Thiện Hiện! Tướng Đại thừa Bồ Tát ấy là **ba Tam ma địa**. Những gì là ba? Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, đem vô sở đắc làm phương tiện, quán tất cả pháp tự tướng đều không, an trụ nơi tâm, gọi là **không giải thoát môn**, cũng gọi là không Tam ma địa, đấy là thứ nhất. Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, đem vô sở đắc làm phương tiện, quán tất cả pháp tự tướng không, nên đều không có tướng, an trụ nơi tâm, gọi **vô tướng giải thoát môn**, cũng gọi vô tướng Tam ma địa, đấy là thứ hai. Nếu Bồ Tát Ma ha tát khi tu hành Bát Nhã, đem vô sở đắc làm phương tiện, quán tất cả pháp tự tướng không, nên đều không sở nguyện, an trụ nơi tâm gọi **vô nguyện giải thoát môn**, cũng gọi vô nguyện Tam ma địa, đấy là thứ ba. Thiện Hiện! Phải biết đấy là tướng Đại thừa Bồ Tát.

(Xem "Tam tam muội Không-Vô tướng-Vô nguyện", quyển 20, Tập 1, Đại Trí Độ Luận).

9. (Tu hành mười một trí)

Lại nữa, Thiện Hiện! Tướng Đại thừa Bồ Tát ấy là **mười một trí.** Những gì là mười một? Là **pháp trí**, **loại trí**, **tha tâm trí**, **thế tục trí**, **khổ trí**, **tập trí**, **diệt trí**, **đạo trí**, **tận trí**, **vô sanh trí**, **như thuyết trí**.

Sao gọi **pháp trí**? Nếu đem vô sở đắc mà làm phương tiện, trí biết tướng năm uẩn sai khác, đấy là pháp trí.

Sao gọi **loại trí**? Trí biết nhãn cho đến ý, sắc cho đến pháp đều là vô thường, đấy là loại trí.

Sao gọi **tha tâm trí**? Trí biết hữu tình sai khác về pháp tâm, tâm sở không bị trở ngại, đấy là tha tâm trí.

Sao gọi **thế tục trí**? Trí biết các hữu tình tu hành sai khác, đấy là thế tục trí.

Sao gọi **khổ trí**? Trí biết khổ nên chẳng sanh, đấy là khổ trí.

Sao gọi **tập trí**? Trí biết tập nên dứt hẳn, đấy là tập trí.

Sao gọi **diệt trí**? Trí biết diệt nên tác chứng, đấy là diệt trí.

Sao gọi **đạo trí**? Trí biết đạo nên tu tập, đấy là đạo trí.

Sao gọi **tận trí**? Trí biết tham sân si hết, đấy là tận trí.

Sao gọi **vô sanh trí**? Trí biết các cõi, vĩnh viễn không trở lại nữa, đấy là vô sanh trí.

Sao gọi **như thuyết trí**? Trí biết Nhất thiết tướng của Như Lai. Đó là như thuyết trí.

Thiện Hiện! Phải biết đấy là tướng Đại thừa Bồ Tát.

(Xem "Thập Nhất Trí"(11 trí) , quyển 23, Tập2, Đại Trí Độ Luận).

10. (Tu hành Tam căn)

Lại nữa, Thiện Hiện! Tướng Đại thừa Bồ Tát ấy là **ba căn**: Một căn chưa biết sẽ biết, hai căn đã biết, ba căn đủ biết.

Sao gọi vị tri **đương tri căn** *(căn chưa biết sẽ biết)*? Nếu các kẻ hữu học đối với các Thánh đế chưa hiện quán, có tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Đó là vị tri đương tri căn.

Sao gọi **dĩ tri căn** *(căn đã biết)*? Nếu các kẻ hữu học đối với các Thánh đế đã được hiện quán, có tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Đó là dĩ tri căn.

Sao gọi **cụ tri căn** *(căn đủ biết)*? Nghĩa là các kẻ vô học hoặc A la hán, hoặc Độc giác, hoặc đã trụ mười bậc Bồ Tát, hoặc các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, có tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Đó là cụ tri căn.

Thiện Hiện! Nếu ba căn đây đem vô sở đắc làm phương tiện ấy, phải biết đấy là tướng Đại thừa Bồ Tát.

(Xem "Tam Căn", quyển 23, Tập 2, Đại Trí Độ Luận).

11. (Tu hành Tam tam ma địa)

Lại nữa, Thiện Hiện! Tướng Đại thừa Bồ Tát ấy là **ba Tam ma địa**. Sao gọi là ba? Một có tầm có tứ Tam ma địa; hai không tầm chỉ có tứ tam ma địa; ba không tầm không tứ tam ma địa.

Sao gọi **có tầm có tứ tam ma địa**? Nếu lìa pháp dục ác bất thiện có tầm có tứ, lìa sanh vui mừng, vào sơ tĩnh lự trụ đầy đủ. Đấy là có tầm có tứ Tam ma địa.

Sao gọi **không tầm chỉ tứ Tam ma địa**? Định trung gian tịnh lự thứ nhất và tịnh lự thứ hai. Đó là Tam ma địa không có tầm chỉ có tứ.

Sao gọi **không tầm không tứ Tam ma địa**? Như định đệ tam tĩnh lự cho đến phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đấy là không tầm không tứ Tam ma địa.

Thiện Hiện! Nếu ba món đây đem vô sở đắc làm phương tiện, phải biết đấy là tướng Đại thừa Bồ Tát.

(Xem "Hữu giác hữu quán tam muội-Vô giác hữu quán tam muội-Vô giác vô quán tam muội", quyển 23, Tập 2, Đại Trí Độ Luận)

12. (Tu hành mười tùy niệm)

Lại nữa, Thiện Hiện! Tướng Đại thừa Bồ Tát ấy là **mười tùy niệm**. Những gì là mười? Là **Phật tùy niệm**, **Pháp tùy niệm**, **Tăng tùy niệm**, **giới tùy niệm**, **xả tùy niệm**, **thiên tùy niệm**, **vắng lặng tùy niệm**, **thở vào ra tùy niệm**, **thân tùy niệm**, **và chết tùy niệm**. Thiện Hiện! Nếu mười pháp này đem vô sở đắc làm phương tiện ấy, phải biết đấy là tướng Đại thừa Bồ Tát.

*(Kinh và Luận chỉ thuyết có 8 niệm, **cuối Q.21 đến đầu Q.22, Tập 2, Đại Trí Độ Luận** không thuyết "vắng lặng tùy niệm" và "thân tùy niệm")*

*13. (Tu hành Tứ Thiền, Tứ vô lượng, Tứ định vô sắc,
Tám giải thoát, Chín định thứ lớp)*

Lại nữa, Thiện Hiện! Tướng Đại thừa Bồ Tát ấy là **bốn tĩnh lự**, **bốn vô lượng**, **bốn định vô sắc**, **tám giải thoát**, **chín định thứ lớp thảy**. Sở

hữu thiện pháp đem vô sở đắc làm phương tiện ấy, phải biết đấy là tướng Đại thừa Bồ Tát.

(Xem "Tứ Thiền, Tứ vô lượng, Tứ định vô sắc, Tám giải thoát, Chín định thứ lớp, quyển 20, Tập 2, Đại Trí Độ Luận).

14. (Tu hành Như Lai mười lực)

Lại nữa, Thiện Hiện! Tướng Đại thừa Bồ Tát ấy là **Như Lai mười lực**. Những gì là mười?

Thiện Hiện! Đem vô sở đắc làm phương tiện, như thật **biết rõ các pháp nhân quả** v.v... tướng xứ, phi xứ. Đấy là thứ nhất.

Đem vô sở đắc làm phương tiện, như thật **biết rõ sự sai khác của nghiệp báo**, nhân quả mà các loại hữu tình lãnh thọ trong quá khứ, vị lai, hiện tại.. Đấy là thứ hai.

Đem vô sở đắc làm phương tiện, như thật **biết rõ tướng thế gian chẳng phải một cảnh giới**. Đấy là thứ ba.

Đem vô sở đắc làm phương tiện, như thật **biết rõ các loại hữu tình chẳng phải một thắng giải mà nhiều loại thắng giải**. Đấy là thứ tư.

Đem vô sở đắc làm phương tiện, như thật **biết rõ các loại hữu tình các căn thắng liệt***(hơn kém)*. Đấy là thứ năm.

Đem vô sở đắc làm phương tiện, như thật biết rõ **hành tướng biến hành**. Đấy là thứ sáu.

Đem vô sở đắc làm phương tiện, như thật biết rõ các loại hữu tình **căn, lực, giác chi, giải thoát, tịnh lự, đẳng trì, đẳng chí, nhiễm, tịnh sai khác**. Đấy là thứ bảy.

Đem vô sở đắc làm phương tiện, như thật biết rõ các loại hữu tình có **vô lượng thứ túc mạng sai khác**. Đấy là thứ tám.

Đem vô sở đắc làm phương tiện, như thật biết rõ các loại hữu tình có **vô lượng thứtử sanh sai khác**. Đấy là thứ chín.

Đem vô sở đắc làm phương tiện, như thật biết rõ **các lậu được đoạn hẳn**, được vô lậu tâm giải thoát, được vô lậu tuệ giải thoát, ở trong hiện pháp tự mình chứng đắc và an trụ hoàn toàn, có thể biết rõ như thật đây là đời cuối cùng, phạm hạnh đã lập, việc làm đã làm xong, chẳng thọ thân sau. Đấy là thứ mười.

Thiện Hiện! Phải biết đấy là tướng Đại thừa Bồ Tát.

(Xem "Như Lai Mười Lực", quyển 24, Tập 2, Đại Trí Độ Luận).

15. (Tu hành Tứ vô sở úy)

Lại nữa, Thiện Hiện! Tướng Đại thừa Bồ Tát ấy là **bốn vô sở úy.** Những gì là bốn? **1). Chính đẳng giác vô uý. 2). Lậu vĩnh tận vô uý. 3). Thuyết chướng pháp vô uý. 4). Thuyết xuất đạo vô uý):**

Thiện Hiện! Đem vô sở đắc làm phương tiện, **tự xưng ta là bậc Chánh Đẳng Giác**. Dù có Sa môn, hoặc Bà la môn, hoặc Thiên ma phạm, hoặc người trong thế gian nương vào pháp đặt ra câu hỏi, làm cho ta nhớ nghĩ: "Pháp này chẳng phải Chánh Đẳng Giác". Ta đối với lời gạn hỏi như thế thấy không có căn cớ, vì biết không có căn cớ, nên được yên ổn trụ vào chỗ không lo, không sợ, tự xưng ta ở ngôi vị của bậc Đại tiên, ở giữa đại chúng rống tiếng Sư tử, chuyển bánh xe diệu pháp. Bánh xe pháp ấy thanh tịnh, chánh chơn, vô thượng mà tất cả Sa môn, hoặc Bà la môn, hoặc Thiên, ma, phạm vương, hoặc người trong thế gian đều không có thể chuyển được. Đó là thứ nhất.

Thiện Hiện! Đem vô sở đắc làm phương tiện, **tự xưng ta đã dứt hẳn các lậu**. Nếu có Sa môn, hoặc Bà la môn, hoặc Thiên ma phạm, hoặc người trong thế gian nương vào pháp đặt ra câu hỏi, làm cho ta nhớ nghĩ: "Lậu như thế chưa được dứt hẳn". Ta đối với lời gạn hỏi như thế thấy không có căn cớ, vì biết không có căn cớ, nên được yên ổn trụ vào chỗ không lo, không sợ, tự xưng ta ở ngôi vị của bậc Đại tiên, ở giữa đại chúng rống tiếng Sư tử, chuyển bánh xe diệu pháp. Bánh xe pháp ấy thanh tịnh, chánh chơn, vô thượng mà tất cả Sa môn, hoặc Bà la môn, hoặc Thiên, ma, phạm vương, hoặc người trong thế gian đều không có thể chuyển được. Đó là thứ hai.

Thiện Hiện! Đem vô sở đắc mà làm phương tiện, vì các đệ tử **thuyết pháp chướng đạo**. Dù có Sa môn, hoặc Bà la môn, hoặc Thiên ma phạm, hoặc người trong thế gian nương vào pháp đặt ra câu hỏi, làm cho ta nhớ nghĩ: "Hoặc pháp này chẳng năng chướng đạo". Ta đối với lời gạn hỏi như thế thấy không có căn cớ, vì biết không có căn cớ, nên được yên ổn trụ vào chỗ không lo, không sợ, tự xưng ta ở ngôi vị của bậc Đại tiên, ở giữa đại chúng rống tiếng Sư tử, chuyển bánh xe diệu pháp. Bánh xe pháp ấy thanh tịnh, chánh chơn, vô thượng mà tất cả Sa môn, hoặc Bà la môn,

hoặc Thiên, ma, phạm vương, hoặc người trong thế gian đều không có thể chuyển được. Đó là thứ ba.

Thiện Hiện! Đem vô sở đắc mà làm phương tiện, vì các đệ tử **thuyết đạo hết khổ**. Dù có Sa môn, hoặc Bà la môn, hoặc Thiên ma phạm, hoặc người trong thế gian nương vào pháp đặt ra câu hỏi, làm cho ta nhớ nghĩ: "Tu đạo này chẳng năng hết khổ". Ta đối với lời gạn hỏi như thế thấy không có căn cớ, vì biết không có căn cớ, nên được yên ổn trụ vào chỗ không lo, không sợ, tự xưng ta ở ngôi vị của bậc Đại tiên, ở giữa đại chúng rống tiếng Sư tử, chuyển bánh xe diệu pháp. Bánh xe pháp ấy thanh tịnh, chánh chơn, vô thượng mà tất cả Sa môn, hoặc Bà la môn, hoặc Thiên, ma, phạm vương, hoặc người trong thế gian đều không có thể chuyển được. Đó là thứ tư.

Thiện Hiện! Phải biết đấy là tướng Đại thừa Bồ Tát.

(Xem "Tứ Vô Sở Úy", quyển 24, Tập 2, Đại Trí Độ Luận).

16. (Tu hành Tứ vô ngại giải)

Lại nữa, Thiện Hiện! Tướng Đại thừa Bồ Tát ấy là **4 vô ngại giải**. Những gì là 4? 1. **Nghĩa vô ngại giải**, 2. **Pháp vô ngại giải**, 3. **Từ vô ngại giải**, 4. **Biện vô ngại giải**. Thiện Hiện! Bốn vô ngại giải như thế, lấy vô sở đắc làm phương tiện, phải biết đấy là tướng Đại thừa Bồ Tát.

(Tứ "Vô Ngại Giải", quyển 24, Tập 2, Đại Trí Độ Luận).

17. (Tu hành 18 pháp Phật bất cộng)

Lại nữa, Thiện Hiện! Tướng Đại thừa Bồ Tát ấy là **18 pháp Phật bất cộng**. Những gì là 18? Thiện Hiện! Nghĩa là các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thường không lầm lỗi, không hấp tấp, không mất giọng nói, không nhớ nghĩ, tưởng không nhiều thứ, tâm không chọn bỏ, chí muốn không lui, tinh tấn không lui, niệm không lui, tuệ không lui, giải thoát không lui, giải thoát tri kiến không lui. Tất cả thân nghiệp trí là tiên khởi, tùy theo trí mà chuyển; tất cả ngữ nghiệp trí là tiên khởi, tùy theo trí mà chuyển; tất cả ý nghiệp trí là tiên khởi, tùy theo trí mà chuyển, đối với tri kiến phát sanh ở đời quá khứ không chấp trước, không chướng ngại, đối với tri kiến phát sanh ở đời vị lai không chấp trước, không chướng ngại,

đối với tri kiến phát sanh ở đời hiện tại không chấp trước, không chướng ngại. Này Thiện Hiện! Mười tám pháp Phật bất cộng như vậy không có pháp nào không lấy vô sở đắc làm phương tiện. Nên biết đó là tướng Đại thừa của Bồ Tát.

(Xem "Thập Bát Bất Cộng Pháp", Q.26, Tập 2, Đại Trí Độ Luận)

18. (Tu hành các môn Đà la ni)

Lại nữa, Thiện Hiện! Tướng Đại thừa Bồ Tát ấy là **Đà la ni môn**. Những gì là Đà la ni môn? Nghĩa là tánh chữ bình đẳng, tánh ngôn ngữ bình đẳng, vào môn các chữ. Thế nào là tánh chữ bình đẳng, tánh ngôn ngữ bình đẳng, vào môn các chữ?

Thiện Hiện! Bồ Tát nào khi tu hành Bát Nhã lấy vô sở đắc làm phương tiện, vào môn chữ Ả, ngộ tất cả pháp vốn không sanh; vào môn chữ Lạc, ngộ tất cả pháp xa lìa trần cấu; vào môn chữ Bả, ngộ giáo lý thắng nghĩa của tất cả pháp; vào môn chữ Giả, ngộ tất cả pháp không có tử sanh; vào môn chữ Na, ngộ tất cả pháp, xa lìa danh tướng không có được mất; vào môn chữ Lã, ngộ tất cả pháp xuất thế gian, yêu thích duyên cành nhánh nên bị hại; vào môn chữ Đà, ngộ tất cả pháp, điều phục tịch tịnh, chơn như bình đẳng không phân biệt; vào môn chữ Bà, ngộ tất cả pháp, xa lìa ràng buộc giải thoát; vào môn chữ Trà, ngộ tất cả pháp, xa lìa nóng nảy, giả dối, ô uế được thanh tịnh; vào môn chữ Sa, ngộ tất cả pháp, không chướng ngại; vào môn chữ Phược, ngộ tất cả pháp, bặt dứt ngôn ngữ; vào môn chữ Đả, ngộ tất cả pháp, chơn như bất động; vào môn chữ Dã, ngộ tất cả pháp, như thật không sanh; vào môn chữ Sắc tra, ngộ tất cả pháp, chế phục giữ gìn tướng bất khả đắc; vào môn chữ Ca, ngộ tất cả pháp, người làm bất khả đắc; vào môn chữ Bà, ngộ tất cả pháp, thời tánh bình đẳng bất khả đắc; vào môn chữ Ma, ngộ tất cả pháp, tánh chấp ngã sở bất khả đắc; vào môn chữ Già, ngộ tất cả pháp, tánh chấp hành động bất khả đắc; vào môn chữ Tha, ngộ tất cả pháp, tánh chỗ nương tựa bất khả đắc; vào môn chữ Xà *(Đồ)*, ngộ tất cả pháp, năng sở sanh khởi bất khả đắc; vào môn chữ Thấp phược, ngộ tất cả pháp, tánh an ổn bất khả đắc; vào môn chữ Đạt, ngộ tất cả pháp, tánh hay chấp các cõi bất khả đắc; vào môn chữ Xả, ngộ tất cả pháp, tánh tịch tịnh bất khả đắc; vào môn chữ Khư, ngộ tất cả pháp, tánh như hư không bất khả đắc; vào môn chữ Sằn, ngộ tất cả pháp, tánh

cùng tận bất khả đắc; vào môn chữ Đả, ngộ tất cả pháp, nhậm trì xứ phi xứ làm cho tánh không động chuyển bất khả đắc; vào môn chữ Nhã, ngộ tất cả pháp chỗ tánh biết rõ bất khả đắc; vào môn chữ Thứ-tha, ngộ tất cả pháp, tánh nghĩa chấp trước nghĩa bất khả đắc; vào môn chữ A, ngộ tất cả pháp, tánh hay làm nhân bất khả đắc; vào môn chữ Bạt, ngộ tất cả pháp, tánh có thể phá hoại bất khả đắc; vào môn chữ Phược, ngộ tất cả pháp, tánh ưa muốn che đậy bất khả đắc; vào môn chữ Tạp ma, ngộ tất cả pháp, tánh có thể nhớ nghĩ bất khả đắc; vào môn chữ Hạ phược, ngộ tất cả pháp, tánh có thể gọi tên bất khả đắc; vào môn chữ Tha, ngộ tất cả pháp, tánh mạnh mẽ bất khả đắc; vào môn chữ Sải, ngộ tất cả pháp, tánh rất bình đẳng bất khả đắc; vào môn chữ Noa, ngộ tất cả pháp, tánh chứa nhóm bất khả đắc; vào môn chữ Nã, ngộ tất cả pháp, xa lìa tranh cãi, huyên náo không đến không lại, đi, đứng, ngồi, nằm bất khả đắc; vào môn chữ Phả, ngộ tất cả pháp, quả báo đầy khắp bất khả đắc; vào môn chữ Tắc ca, ngộ tất cả pháp, tánh tích tụ chứa nhóm bất khả đắc; vào môn chữ Dật sa, ngộ tất cả pháp, tánh tướng già suy bất khả đắc; vào môn chữ Chước, ngộ tất cả pháp, chứa nhóm dấu vết bất khả đắc; vào môn chữ Tra, ngộ tất cả pháp, tánh xô đuổi nhau bất khả đắc; vào môn chữ Trạch, ngộ tất cả pháp, xứ sở rốt ráo bất khả đắc.

Thiện Hiện! Môn chữ Trạch này có thể ngộ nhập tận cùng pháp không. Ngoài các chữ này ra biểu thị các pháp không lại bất khả đắc. Vì sao? Vì nghĩa các chữ này không thể giảng nói, không thể chỉ rõ, không thể ghi chép, thọ trì, không thể chấp lấy, không thể quán sát, xa lìa các tướng.

Thiện Hiện! Ví như hư không là nơi tất cả các vật nương tựa, môn các chữ này cũng vậy. Nghĩa không của các pháp đều dựa vào môn này mới được hiển rõ.

Thiện Hiện! Vào chữ Ả, Lạc, Bả này v.v... gọi là vào môn các chữ.

Thiện Hiện! Nếu các Bồ Tát đối với việc vào môn các chữ này được trí thiện xảo, thì đối với các ngôn ngữ âm thanh nói ra nêu rõ đều không chướng ngại. Đối với tánh không bình đẳng của tất cả pháp đều có thể chứng đắc phụng trì. Đối với các ngôn ngữ âm thanh đều được khéo léo.

Thiện Hiện! Bồ Tát nào có thể nghe như vậy, vào môn các chữ ấn tướng, ấn cú, nghe rồi thọ trì, đọc tụng thông suốt, giải nói cho người khác mà không mong cầu danh dự, lợi dưỡng, sự cung kính, do đó được **20 công đức thù thắng**. Những gì là 20? Nghĩa là được sự nhớ nghĩ tốt, được

sự hổ thẹn cao quí, được sức bền bỉ, được pháp hướng đến, được sự giác ngộ tăng thượng, được trí tuệ thù thắng, được biện tài vô ngại, được pháp môn tổng trì, được không có nghi hoặc, được ngôn ngữ trái thuận mà không sanh ghét, ưa, được sống bình đẳng không có cao thấp, được nói lời khéo léo đối với hữu tình, được uẩn thiện xảo, giới thiện xảo, xứ thiện xảo, đế thiện xảo, được duyên khởi thiện xảo, nhân thiện xảo, duyên thiện xảo, pháp thiện xảo, được trí căn thắng liệt thiện xảo, trí biết tha tâm thiện xảo, được trí xem sao lịch thiện xảo, được trí thiên nhĩ thiện xảo, được trí nhớ nghĩ việc đời trước thiện xảo, được trí thần cảnh thiện xảo, trí sanh tử thiện xảo, được trí lậu tận thiện xảo, được trí thuyết xứ phi xứ thiện xảo, được trí vãng lai thiện xảo, phép oai nghi thiện xảo. Thiện Hiện! Đó là 20 công đức thù thắng.

Này Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, đem vô sở đắc làm phương tiện sở đắc Đà la ni môn như thế, phải biết đấy là tướng Đại thừa Bồ Tát.

(Kinh và Luận cũng như một số sách vở Phật học kể cả Đại Trí Độ Luân, nói rất ít về các Đà la ni và các Tam muội. Phần nhiều chỉ liệt kê hơn là nêu lên phương pháp tu hành 2 pháp môn này. Chúng tôi thú thật nhiều lần không dám đề cập đến huống là giảng luận mặc dù biết các pháp môn này đem lại nhiều công đức).

Sơ giải:

Phẩm này Phật quản diễn tiếp tục về câu hỏi của cụ thọ Thiện Hiện "Thế nào là tướng Đại thừa của Bồ Tát?"

Phật trả lời: Tất cả các pháp tu như 37 pháp trợ đạo, tu hành tam tam giải thoát môn, tu hành 11 trí, tu hành tam căn, tu hành Tam tam ma địa, 10 tùy niệm, Như Lai mười lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại giải, 18 pháp Phật bất cộng, các môn Đà la ni... Nếu Bồ Tát nào tu hành tất cả các pháp môn này phải biết đó là tướng Đại thừa của Bồ Tát.

Tất cả các pháp mầu Phật học được liệt kê và giải thích hơn 150 trang ở "Phần thứ I Tổng Luận", thuộc Q.380, Hội thứ I, ĐBN. Nhưng xét cho cùng thì những giải thích đó chỉ có trên mặt nổi của ngôn từ chứ không phải là những giải thích của những bậc thật tu thật chứng.

Dưới đây, chúng tôi trích dẫn 1 pháp môn duy nhất của phẩm này là "Tứ niệm trụ" trong phẩm thứ 19, có tên là "Quảng Thừa", Tập 3, quyển 48, Đại Trí Độ Luận làm thí dụ để Các đạo hữu thấy biện tài chiết giải của Bồ Tát Long Thọ:

Hỏi: *Trong tứ niệm xứ có nhiều pháp quán. Vì sao chỉ nói đến thập nhị pháp quán mà thôi? Vì sao nói nội ngoại quán?*

Lại nữa, thân niệm xứ nhiếp về nội pháp, tâm niệm xứ nhiếp về ngoại pháp. Như vậy, ở nơi thân đã có đủ cả thân và tâm rồi, đã nhiếp đủ cả nội lẫn ngoại rồi. Vì sao chẳng nói quán thân, mà lại nói theo thân mà quán? Vì sao nói quán thân, mà chẳng có sanh thân giác? Vì sao nói cần phải nhất tâm, tinh tấn?

Lại nữa, tu tứ niệm xứ là trừ được hết ngũ triền cái. Như vậy vì sao chỉ nói đến trừ tham ưu thế gian? Vì sao lại quán thân bất tịnh?

Lại nữa, tứ oai nghi ở thân là việc dễ biết. Còn phải nói làm gì nữa?

Đáp: Có thập nhị pháp quán hạnh*(mười hai nhân duyên)*. Hành giả y theo định tâm, thấy có tam tà hạnh, nên quán nội thân, quán ngoại thân và quán cả nội ngoại thân, mới phá trừ được tam tà hạnh, rồi mới có được tam chánh hạnh.

Có người chấp nội tình nhiều, ngoại tình ít, thâm quán nội thân đến độ chẳng còn biết đến cha mẹ, vợ con, thân thuộc; trở thành cuồng si.

Lại có người chấp ngoại tình nhiều, nội tình ít; dẫn đến tham đắm của cải, khiến phải bị mất mạng, hoặc trở thành kẻ bạo tàn, đi giết người, cướp của, gây ra bao nhiêu tội lỗi.

Lại có người đắm chấp cả nội tình lẫn ngoại tình, vừa cuồng si mê muội, vừa tham sân tật đố, tự hại mình và hại người.

Bởi vậy, nên phải tu tập tam chánh hạnh, nhằm đối trị tam tà hạnh*(tham sân si)*.

--o0o--

Nếu biết tự thân là nội thân, tha thân là ngoại thân.

Như nói về ngũ căn, nói về chín lỗ (cửu khiếu) nơi thân là nói về nội thân, như nói về ngũ trần là nói về ngoại thân.

Như vậy là phân biệt rõ giữa nội thân và ngoại thân.

Người tu hành, trước hết, phải biết rõ các pháp hữu vi là vô thường, khổ, không, vô ngã, mới có được trí huệ quán.

Khi quán nội thân, chẳng nên chấp vào các tướng tốt đẹp của thân.

Cho nên, nếu còn chấp nội thân là thường, lạc, ngã, tịnh, thì hành giả phải quán nội thân là bất khả đắc, cũng như vậy, nếu còn chấp ngoại thân là thường, lạc, ngã, tịnh, thì hành giả cũng phải quán ngoại thân là bất khả đắc.

Khi quán nội thân và ngoại thân đều bất khả đắc, thì hành giả sẽ được tâm chánh định. Ở nơi chánh định, hành giả sẽ biết rõ thân là vô thường, khổ, không, vô ngã; sẽ biết rõ thân là như bệnh, như ung nhọt, như ghẻ lở; sẽ biết rõ chín lỗ nơi thân là ô uế.

Lại nữa, hành giả còn phải **quán thân, khi chết**, sẽ bị tán hoại, sẽ bị tiêu diệt; hành giả lại còn phải **quán thân, khi còn sống**, cũng thường bị đói khát, bị nóng lạnh, chịu sự chê bai, khinh miệt, chịu cảnh già, bệnh, chết, bị bao nhiêu thứ khổ vây quanh, chẳng có lúc nào được tự tại.

Lại nữa, khi quán về "nội thân", hành giả phải quán nội thân chẳng phải tác chủ, nên chẳng phải tri giả, kiến giả và thọ giả; phải quán nội thân chỉ do nhân duyên hòa hợp, mà có tợ sanh, tợ diệt, nhưng thật ra nội thân hoàn toàn bất khả đắc.

Bởi nhân duyên vậy, nên khi quán nội thân, quán ngoại thân, hành giả phải quán theo nghĩa của thập bát không*(18 thứ Không)*. Cứ theo thân mà quán sát thì sẽ biết rõ thân đầy rẫy thứ bất tịnh, lại còn chịu cảnh đói khát, rét bức, còn chịu cảnh già, bệnh; và sau cùng, khi chết, thân này sẽ bị hủy hoại, sẽ trở về với tứ đại. Hành giả phải nên quán thân tướng, từ ngoại đến nội, từ gốc đến ngọn, đều rốt ráo không cả.

Phật dạy: Theo thân mà quán các pháp, thì mới chẳng còn chấp thân.

Khi quán thân bất tịnh, thì hành giả chẳng còn sanh các giác quán tham, sân, si nữa…

Phàm phu, do chấp thủ thân tướng, mà phải chìm đắm trong si mê, lầm lạc, gây ra biết bao nhiêu tội lỗi. Bồ Tát chẳng chấp thủ thân tướng, nên khi quán thân, liền được nhất tâm.

--o0o--

Lại nữa, thiện tri thức dễ ly mà cha con khó ly; cha con dễ ly mà thân khó ly, thân dễ ly mà tâm khó lý. Bởi vậy nên Bồ Tát tự mình phải nhất tâm tinh tấn quán các pháp đều là bất khả đắc. Ví như dùi cây để lấy lửa, thì phải nhất tâm, tinh tấn, chẳng dừng nghỉ, mới mong có được lửa vậy.

--o0o--

Lại nữa, muốn trừ tham ưu, thì phải trừ tận gốc, phải tận trừ cả năm triền cái. Ví như khúc tre có năm đốt, thì phải chẻ suốt cả năm đốt đó.

Người tu hành, xuất gia, học đạo, là đã xả thế lạc*(bỏ dục lạc thế gian)* rồi. Thế nhưng, nếu chưa có được định lạc, thì tâm vẫn còn sanh niệm tham ưu. Bởi vậy nên Phật dạy: Người tu hành phải nhất tâm tinh tấn trừ tham ưu thế gian.

Vì sao? Vì tham là tham các việc vui của thế gian, nên phải quán thân bất tịnh, mới trừ được tận gốc các tham ưu thế gian được.

--o0o--

Lại nữa, vì chúng sanh tham chấp dục lạc, nên trước hết phải trừ tham dục, để mở đường vào đạo. Bởi vậy nên người tu hành phải thường quán niệm tứ oai nghi ở nơi thân mình.

Vì sao? Vì dục là kẻ giặc phá hoại thân tâm; phải nhất tâm mới đối trị được. Bằng cách quán 4 oai nghi, đi đứng, nằm, ngồi; bằng cách tọa thiền, quán thân, người tu sẽ được thân tâm an lạc, chẳng còn bị lầm lạc nữa.

--o0o--

Nếu dùng quán bất tịnh mà tâm chưa được an lạc, thì phải dùng pháp quán hơi thở, để ngăn ngừa các giác quán. Vì sao? Vì phải được an lạc, mới chẳng còn bị lầm lạc.

Nếu quán bất tịnh tâm hết cuồng loạn, thì lúc bấy giờ bất tịnh tướng cũng trở thành tịnh tướng.

Bởi vậy, nên trong Phật pháp, thì 2 quán pháp: Bất tịnh và quán hơi thở (Anabama, hay còn gọi là Sổ Tức) được xem như 2 cửa đầu tiên dẫn vào Đạo Cam Lồ.

--o0o--

Lại nữa, Bồ Tát quán tứ đại ở nơi thân đều như cỏ rác, gạch gói…; quán tứ đại bên ngoài, khi biến thành các thức ăn uống để nuôi thân và duy trì mạng sống; quán tứ đại và tứ đại tạo sắc, dù được chia ra thành tứ phần là đất, nước, gió, lửa riêng khác, nhưng mỗi phần cũng là vô ngã, là khổ, là không, là vô thường cả, rồi Bồ Tát quán tứ oai nghi ở thân cũng đều là như vậy.

Trong khi quán phát nhất tâm, tinh tấn, chớ nên giải đãi, hôn trầm. Vì sao? Vì nếu quán mà giải đãi, hôn trầm, thì tâm sẽ bị loạn động, chẳng được an định.

Bồ Tát quán thân do tứ đại hòa hợp mà được thi thiết ra, chỉ là hư dối, chẳng phải thật có. Ví như, khi người thợ mổ trâu, chia ra làm bốn phần, thì chẳng còn có tướng trâu nữa.

Do 4 đại hòa hợp, duyên khởi tạo ra thân, nên tứ đại là tổng tướng. Mà thân chỉ là biệt tướng. Nếu tứ đại còn ở ngoài, thì chẳng được gọi là thân; chỉ khi nào tứ đại hòa hợp tạo ra sắc thân, thì mới giả danh gọi là thân. Như vậy, thân chẳng ở nơi tứ đại, mà tứ đại cũng chẳng ở nơi thân. Thân cũng như tứ đại đều chẳng phải là tác chủ(vô chủ tác).

Phàm phu điên đảo chấp tứ đại làm thân; Bồ Tát dùng "tánh không" phân biệt tứ đại tạo sắc nơi thân đều là không, là bất khả đắc.

Dẫn đến ba niệm xứ kia cũng đều là như vậy.

--o0o--

Lại nữa, Bồ Tát quán thân, từ chân lên đến đỉnh đầu, chứa 36 thứ bất tịnh, bao bọc trong một lớp da mỏng.

Ví như người làm ruộng đem đủ thứ hạt giống chất chứa vào bên trong kho lẫm của mình. Người tu hành pháp bất tịnh, dùng huệ nhãn nhìn vào kho thân, thấy đầy rẫy những thứ bất tịnh, nên chẳng còn ái chấp thân, biết rõ thân là bất tịnh, là tán hoại, là bất khả đắc.

Do quán thân như vậy, nên Bồ Tát nhẫn thọ được mọi sự đau khổ, giữ được tâm bất động, khi có người đến mắng nhiếc, đánh đập, đâm chém mình, v.v…

Bồ Tát quán nội thân bất tịnh, tán hoại; quán ngoại thân bất tịnh, tán hoại; dẫn đến nội ngoại thân cũng bất tịnh, tán hoại như vậy.

Lại nữa, Bồ Tát quán thân, khi chưa bị tán hoại có thức dẫn sanh ra các kiết sử, mà sanh nhàm chán thân; trong khi đó, khi phàm phu bị các kiết sử trói buộc, nên tham đắm thân. Rồi Bồ Tát lại quán thân người chết, sau vài ngày, nếu chẳng làm mồi cho chim thú rỉa thịt, nhai xương thì cũng bị sình thối, hư nát nên chẳng chấp thân tướng tốt hay xấu, trong khi đó thì phàm phu lầm lạc tham đắm thân tướng nên bị tình ái, dâm dục làm mê mờ tâm trí.

Phật dạy: Sắc thân chỉ là huyễn pháp, chỉ làm cho người vô trí phải mê lầm vậy thôi.

Bồ Tát quán thân người chết, rồi tự nghĩ rằng thân mình rồi đây cũng sẽ là như vậy. Do quán thân như vậy, mà Bồ Tát nhàm chán thân, quyết điều phục tâm mình, nhất tâm, tinh tấn trừ các tham ưu thế gian. Bồ Tát lại quán thân người chết bị diều quạ rỉa thịt, bị lang sói gặm xương, chẳng ai dám đến gần; quán, khi thịt đã tiêu hết, khi tất cả tim, gan, tỳ, vị, phèo, phổi,… đều đã thối nát, thì thân người chỉ còn lại nắm xương trắng. Do quán như vậy, Bồ Tát nghĩ rằng thân là vô ngã; do chấp đắm thân, mà chứa nhóm bao nhiêu tội phước nhân duyên, khiến phải trầm luân mãi trong sanh tử. Bồ Tát lại quán xương cốt người chết phân tán, rải rác khắp nơi, mặc cho gió táp, mưa sa, với thời gian rồi sẽ trở thành mục nát, thành đất. Do quán như vậy, Bồ Tát nghĩ rằng thân đã vô thường như vậy, thì ngã là bất khả đắc. Bồ Tát lại quán thân do nghiệp thức nhân duyên sanh ra, chẳng có tự tại, quán thân tướng là phi ngã, quán khổ vui đều do tâm điên đảo tạo ra; quán già, bệnh, chết dẫn đến quán thân mạng đều là vô thường cả. Do quán như vậy, Bồ Tát tự nghĩ rằng nếu chẳng tu pháp quán "bất tịnh" thì rất dễ bị các nghiệp lôi cuốn; nếu chẳng nhất tâm, tinh tấn trừ hết tham ưu, thì hai tên giặc "tham" và "ưu" này sẽ cướp hết pháp bảo. Bồ Tát lại nghĩ rằng thân là vô thường, là bất tịnh; như vậy vì sao chúng sanh cứ mãi tham trước thân này, khiến khởi sanh bao nhiêu nghiệp tội; chỉ vì trong thân có ngũ tình, ngoài thân có ngũ dục hòa hợp mà sanh ra các chấp điên đảo vậy thôi. Bồ Tát lại

nghĩ rằng thân, dù kiên cố trong một thời gian dài, rồi cũng phải tán hoại, huống nữa là các cuộc vui trong chốc lát, do niệm tương tục sanh diệt, mà hết khổ đến vui, hết vui đến khổ vậy thôi.

Như vậy thì vui đây phải là thật có, vì ngay trong vui đã có sẵn mầm mống của khổ rồi vậy. Ví như, ăn uống cho hết đói khát là vui, nhưng chỉ vui trong chốc lát, rồi các thứ khổ khác lại quấy nhiễu xác thân, v.v.. Cho nên biết, vui thế gian do nhân duyên khổ sanh ra, lại thường sanh ra các khổ quả, tương tục nối nhau, kết thành vô lượng khổ.

Nên biết, món ăn ngon có trộn chất độc có thể hại mạng người. Nhưng vui trong 5 dục còn nguy hại gấp bội. Đây là chất độc rất nguy hại, có thể đoạt cả huệ mạng của ta.

Người tu phải biết rõ **vui chỉ do tâm thức tưởng ra**, mà tâm niệm thì luôn luôn sanh diệt, nên là bất khả đắc; chỉ ví như sóng nhấp nhô trên mặt biển, vừa hiện là liền tan. Tâm tưởng là vô thường, nên có lúc thọ khổ, có lúc thọ lạc; mà đã là vô thường, thì tâm chẳng được tự tại, nên là vô ngã vậy.

--o0o--

Tu tâm niệm xứ kia cũng phải quán đầy đủ các tướng: Nội tướng, ngoại tướng và nội ngoại tướng.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói tứ niệm xứ là tứ thánh hạnh có công năng phá tứ điên đảo, khai mở đường vào thật tướng pháp.

--o0o--

Nơi đây, cũng nên biết rằng quán vô thường cũng là quán về khổ đế; mà khổ là do các chấp điên đảo gây ra; quán các nguyên nhân gây ra khổ là quán về tập đế, quán đoạn các nguyên nhân gây ra khổ là quán về diệt đế; quán các pháp tu để đoạn điên đảo là đạo đế.

Hàng Thanh Văn quán tứ đế, tin Niết Bàn trú đạo tâm, tợ như vô lậu, đây là Noãn Pháp. Ví như người kéo dây để lấy lửa thấy hơi nóng tỏa ra các nguyên nhân gây ra khổ là quán về diệt đế; quán các pháp tu để đoạn điên đảo là đạo đế.

Hàng Thanh Văn quán 4 đế, tin Niết Bàn trú đạo tâm, tợ như vô lậu, đây là Noãn Pháp. Ví như người kéo dây để lấy lửa thấy có hơi nóng tỏa ra, biết là có lửa. Có tín pháp này rồi, sẽ sanh tâm sùng kính Phật. Ví như người uống thuốc lành bệnh rồi sẽ tin thầy thuốc, người đã tin pháp rồi, sẽ dần dần tin Tam Bảo.

Noãn Pháp tăng; thì các tướng tội phước sẽ dứt. Đây là Đảnh Pháp. Ví như người leo đảnh núi, thấy rõ cảnh vật chung quanh.

Từ Đảnh Pháp, hàng Thanh Văn tu quán tứ niệm xứ, được tứ quả Thanh Văn. Đây là Nhẫn Pháp.

Bồ Tát, nơi pháp quán này, chẳng quên bản nguyện độ sanh, chẳng xả tâm đại bi, lại dùng "bất khả đắc không" để điều phục tâm, nên dù tâm còn lưu dư kiết sử, mà vẫn chẳng bị đọa. Ví như người lính thiện chiến, dù chưa giết được giặc, mà đã cô lập được đối phương rồi vậy.

Bồ Tát đạt Đảnh Pháp và Nhẫn Pháp rồi, sẽ vào Thế Đệ Nhất Pháp. Đây là chỗ Thuận Pháp Nhẫn, dẫn đến Vô Sanh Pháp Nhẫn.

*Tứ niệm xứ chỉ là 1 pháp môn trong 81 khoa danh tướng Bát Nhã. Các đạo hữu thấy rõ lối chiết giải vi diệu của Bồ Tát Long Thọ, người có thẩm quyền trong lãnh vực này. Nên chúng tôi **thiết tha khuyến dẫn thọ trì toàn bộ từ Q.01 đến hết Q.34, Tập 1 đến Tập 2 của Đại Trí Độ Luận** (tương đương với "Phần thứ I, Tổng luận" của chúng tôi), để tu tập các pháp thật tu thật chứng này. Không có các pháp tu này không có Phật đạo, không có Đại thừa v.v…*

Phẩm này của Hội thứ II, ĐBN giải thích các pháp mầu Phật đạo quá ngắn gọn. Vì vậy, dưới mỗi pháp tu chúng tôi có ghi thêm số quyển, Tập của phần luận giải thuộc Đại Trí Độ Luận, để các đạo hữu dễ tra cứu hơn. Có thể xem phần chứng giải (không phải là chiết giải) này như là những huyền chỉ cần phải thọ trì nếu muốn nhập đạo./.

---o0o---

18. PHẨM "TU TRỊ ĐỊA"

Cuối Q.415 đến đầu Q.416, Hội thứ II.
(Tương đương phẩm "Biện Đại Thừa", phần cuối Q. 53 - Q.55, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Chúng tôi suy nghĩ nhiều khi viết những dòng chữ này trần tình cùng các đạo hữu: Phẩm "Tu Trị Địa" của Hội thứ II, ĐBN tương đương với phẩm thứ 20, "Phát Thú Thập Địa", Q.49 và Q.50, Tập 3, Đại Trí Độ Luận. Chúng ta biết rằng chánh văn của Đại Trí Độ Luận cũng chính là chánh văn của phẩm "Phát Thú", thuộc Kinh MHBNBLMĐ.

Như chúng tôi giới thiệu từ đầu Đại Trí Độ Luận dùng Kinh MHBNBLMĐ để chiết giải, mà Kinh MHBNBLMĐ tương đương với Hội thứ II của Kinh Đại Bát Nhã. Nói khác, chánh văn của phẩm "Tu Trị Địa" của Kinh ĐBN, chánh văn phẩm "Phát Thú" của Kinh MHBNBLMĐ hay chánh văn của phẩm "Phát Thú Thập Địa" của Đại Trí Độ Luận ***chỉ là một****, nghĩa là 2 Kinh và 1 Luận cùng một nguồn gốc, chỉ khác về hình thức trình bày mà thôi.*

Phẩm "Biện Đại Thừa" cuối Q.53 cho đến hết phần đầu Q.55 của Hội thứ I, ĐBN tương đương với phẩm "Phát Thú" của Kinh MHBNBLMĐ, chúng tôi ***đã trình bày chánh văn và chiết giải rồi****. Để thay đổi không khí, nên ở đây chúng tôi trình bài chánh văn của Kinh MHBNBLMĐ với lời bình giảng của Bồ Tát Long Thọ mà thôi. Vì phẩm "Phát Thú" của Kinh MHBNBLMĐ ngắn gọn lại được Bồ Tát Long Thọ là bậc thật tu thật chứng luận giải, dĩ nhiên mang lại kết quả tốt cho những ai muốn học và hành Đại Bát Nhã Ba La Mật.*

Vậy, Các đạo hữu chịu khó tập trung theo dõi. Chúng tôi không lược giải. Bồ Tát Long Thọ sẽ thay thế chúng tôi làm công việc này:

KINH:

Phật bảo ngài Tu Bồ Đề: Này Tu Bồ Đề! Ông hỏi thế nào gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát phát thú thập địa chăng?

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát hành 6 pháp Ba La Mật, từ sơ địa dẫn đến thập địa, gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát phát thú thập địa.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ Tát Ma Ha Tát hành tương tục 6 pháp Ba La Mật, từ sơ địa dẫn đến thập địa?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát Ma Ha Tát biết các pháp chẳng có các tướng khứ lai, cũng biết rõ chẳng có pháp khứ lai, vì pháp tướng là bất diệt vậy.

Bồ Tát Ma Ha Tát ở nơi các địa chẳng niệm, chẳng tư duy, nên tu tập "trị địa nghiệp" mà cũng chẳng thấy các địa.

Thế nào là "trị địa nghiệp"?

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát Ma Ha Tát <u>an trú sơ địa</u> tu thập pháp gồm:

1. Thâm tâm kiên cố mà biết rõ tâm là bất khả đắc.

2. Giữ tâm bình đẳng đối với hết thảy chúng sanh, mà biết rõ chúng sanh là bất khả đắc.

3. Xả tâm hành bố thí mà biết rõ người thọ thí là bất khả đắc.

4. Thân cận thiện tri thức mà chẳng sanh cao tâm.

5. Thường cầu pháp mà biết rõ các pháp là bất khả đắc.

6. Thường xuất gia mà biết rõ "gia" là bất khả đắc.

7. Ái ngưỡng Phật, mà biết rõ các tướng tốt của Phật là bất khả đắc.

8. Diễn nói pháp, mà biết rõ phân biệt nói pháp là bất khả đắc.

9. Phá pháp kiêu mạn, pháp sanh trí huệ mà biết rõ trí huệ là bất khả đắc.

10. Dùng thật ngữ, mà biết rõ ngôn ngữ là bất khả đắc.

Như vậy, gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, an trú sơ địa, trì địa nghiệp đầy đủ 10 pháp.

--o0o--

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ Tát Ma Ha Tát <u>an trú nhị địa</u>, thường niệm 8 pháp gồm:

1. Giới thanh tịnh

2. Biết ơn và báo ơn

3. Nhẫn nhục

4. Thọ hoan hỷ

5. Chẳng xả chúng sanh

6. Vào đại bi tâm

7. Tin kính sư trưởng

8. Siêng tu 6 pháp Ba La Mật.

Như vậy gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát an trú nhị địa, thường niệm đầy đủ 8 pháp.

--o0o--

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ Tát Ma Ha Tát, <u>an trú tam địa</u> hành 5 pháp, gồm:

1. Học vấn nhiều mà chẳng nhàm chán.

2. Thanh tịnh hành pháp thí, mà chẳng sanh cao tâm.

3. Trang nghiêm Phật độ mà chẳng sanh cao tâm.

4. Nhẫn thọ vô lượng khổ của thế gian mà chẳng nhàm chán.

5. Thường trú trong tàm quý.

Như vậy gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, an trú tam địa, hành đầy đủ năm pháp.

--o0o--

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ Tát Ma Ha Tát <u>an trú tứ địa</u>, chẳng bỏ 10 pháp gồm:

1. Chẳng bỏ A Lan Nhã xứ.

2. Tri túc

3. Thiểu dục

4. Chẳng xả công đức đầu đà

5. Chẳng xả giới, chẳng chấp các giới tướng

6. Nhàm chán thế gian. Thuận Niết Bàn

7. Ghét bỏ các dục nhiễm

8. Xả bỏ các vật sở hữu

9. Tâm chẳng chìm đắm

10. Chẳng ôm giữ các vật.

Như vậy gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát an trú tứ địa, chẳng bỏ 10 pháp.

--o0o--

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ Tát Ma Ha Tát an trú ngũ địa, xa lìa 12 pháp, gồm:

1. Xa lìa người thân bạch y
2. Xa lìa Tỷ Kheo Ni
3. Xa lìa xan tham
4. Xa lìa lời nói vô ích
5. Xa lìa sự nóng giận
6. Xa lìa sự tự cao
7. Xa lìa sự khinh người
8. Xa lìa thập bất thiện đạo
9. Xa lìa sự đại mạng.
10. Xa lìa sự tự dụng, ích kỷ
11. Xa lìa điên đảo
12. Xa lìa tham, sân, si.

Như vậy gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát an trú ngũ địa, thường xa lìa 12 pháp.

--o0o--

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ Tát Ma Ha Tát an trú lục địa, hành đầy đủ 6 pháp. Đó là 6 pháp Ba La Mật.

Và chẳng làm 6 pháp gồm:

1. Chẳng mong tâm Thanh Văn và tâm Bích Chi Phật
2. Chẳng sanh ưu phiền, khi hành bố thí
3. Chẳng trốn tránh trước sự cầu xin của người
4. Chẳng luyến tiếc các vật sở hữu đã đem ra bố thí
5. Chẳng sanh hối tâm, sau khi hành bố thí
6. Chẳng khởi tâm nghi về các pháp thậm thâm.

Như vậy gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát an trú lục địa, hành đầy đủ 6 pháp, và chẳng hành 6 pháp.

--o0o--

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ Tát Ma Ha Tát an trú thất địa, chẳng chấp 20 pháp, và hành đầy đủ 20 pháp.

Nhị thập pháp chẳng chấp gồm:

1. Chẳng chấp ngã
2. Chẳng chấp chúng sanh
3. Chẳng chấp thọ giả
4. Chẳng chấp chúng sanh số,… tri giả, kiến giả.
5. Chẳng chấp đoạn kiến.
6. Chẳng chấp thường kiến.
7. Chẳng chấp tác tướng.
8. Chẳng chấp tác nhân tướng.
9. Chẳng chấp danh sắc
10. Chẳng chấp ngũ ấm
11. Chẳng chấp thập nhị nhập
12. Chẳng chấp thập bát giới
13. Chẳng chấp 3 cõi
14. Chẳng chấp trú xứ
15. Chẳng chấp chỗ mong cầu
16. Chẳng chấp y nghỉ
17. Chẳng chấp y nơi Phật
18. Chẳng chấp y nơi Pháp
19. Chẳng chấp y nơi Tăng
20. Chẳng chấp y nơi Giới

Nhị thập pháp hành đầy đủ, gồm:

1. Đầy đủ "không"
2. Chứng vô tướng
3. Biết vô tác
4. Tam phần thanh tịnh
5. Từ bi với hết thảy chúng sanh
6. Chẳng niệm tưởng về hết thảy chúng sanh
7. Quán hết thảy pháp bình đẳng, mà chẳng chấp trước
8. Biết thật tướng của các pháp là chẳng niệm tưởng
9. Vô sanh pháp nhẫn
10. Vô sanh trí

11. Thuyết pháp nhất tướng
12. Phá phân biệt tướng
13. Chuyển ức tưởng
14. Chuyển kiến
15. Chuyển phiền não
16. Bình đẳng huệ
17. Lấy huệ điều ý
18. Tâm tịch diệt
19. Vô ngại trí
20. Chẳng nhiễm ái.

Như vậy gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát an trú thất địa, chẳng chấp nhị thập pháp và hành đầy đủ nhị thập pháp.

--o0o--

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ Tát Ma Ha Tát an trú bát địa, phải hành đầy đủ 5 pháp, và nên hành đầy đủ 5 pháp.

Ngũ pháp phải hành đầy đủ, gồm:

1. Tùy thuận chúng sanh tâm
2. Du hý thần thông, quán các Phật quốc
3. Quán tự trú nơi các Phật quốc
4. Tự trang nghiêm Phật quốc của mình, như các Phật quốc mà mình đã thấy
5. Như thật quán pháp thân, và tự trang nghiêm pháp thân.

Ngũ pháp nên đầy đủ, gồm:

1. Biết căn tánh cao thấp của chúng sanh
2. Thanh tịnh Phật độ
3. Nhập "như huyễn tam muội"
4. Tùy chúng sanh, thường nhập vào các tam muội
5. Tùy theo căn tánh chúng sanh mà thị hiện thọ thân.

Như vậy, gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát an trú bát địa, phải hành đầy đủ 5 pháp, và nên viên mãn 5 pháp.

--o0o--

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ Tát Ma Ha Tát <u>an trú địa thứ 9</u>, phải hành đầy đủ 12 pháp, gồm:

1. Thọ vô biên thế giới
2. Được như sở nguyện
3. Biết ngôn ngữ các loài
4. Thành tựu sanh thai
5. Thành tựu gia đình
6. Thành tựu chỗ sanh
7. Thành tựu dòng họ
8. Thành tựu quyến thuộc
9. Thành tựu xuất sanh
10. Thành tựu xuất gia
11. Thành tựu "Bồ Đề thọ" trang nghiêm
12. Thành tựu hết thảy các thiện công đức.

Như vậy, gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát an trú cửu địa, phải hành đầy đủ 12 pháp.

--o0o--

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ Tát Ma Ha Tát <u>an trú thập địa</u>, là như Phật rồi vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ Tát, an trú sơ địa, trị địa nghiệp, từ thâm tâm kiên cố… dẫn đến dùng thật ngữ?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nên biết:

- Nếu Bồ Tát, đúng theo Tát Bà Nhã tâm, tích tập các thiện tâm, thì gọi là Bồ Tát thâm tâm kiên cố trị địa nghiệp.

- Nếu Bồ Tát khởi tứ vô lượng tâm (từ, bi, hỷ, xả) thì gọi là Bồ Tát sanh tâm bình đẳng đối với hết thảy chúng sanh.

- Nếu Bồ Tát bố thí cho hết thảy chúng sanh, mà chẳng sanh tâm phân biệt, thì gọi là Bồ Tát xả tâm hành bố thí.

- Nếu Bồ Tát thân cận, cúng dường các bậc cao minh đã dạy dỗ và dẫn dắt mình đến nhất thiết chủng trí, thì gọi là Bồ Tát thân cận thiện tri thức.

- Nếu Bồ Tát, đúng theo Tát Bà Nhã tâm, cầu pháp, mà chẳng cầu chứng quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật, thì gọi là Bồ Tát thường cầu pháp.

- Nếu Bồ Tát đời đời chẳng sanh tạp tâm, thường ở trong Phật pháp, xuất gia mà chẳng gì chướng ngại, thì gọi là Bồ Tát xuất gia trị địa ngưỡng Phật thân.

- Nếu Bồ Tát đem lời của Phật hiện tại, hoặc lời của chư Phật quá khứ, để diễn nói cho chúng sanh, làm cho họ thấy rõ các nghĩa vụ diệu thiện, cùng các lời thanh khiết thuyết giảng ở trong thập nhị bộ kinh, thì gọi là Bồ Tát diễn nói giáo pháp thanh tịnh, xuất thế gian.

- Nếu Bồ Tát phá kiêu mạn, nguyện đời nào cũng thọ sanh vào nhà hạ tiện, thì gọi là Bồ Tát phá kiêu mạn trị địa nghiệp.

- Nếu Bồ Tát y như chỗ nói mà làm, thì gọi là Bồ Tát dùng thật ngữ trị địa nghiệp.

Trên đây, tóm lược quá trình tu tập thập sự trị địa nghiệp của hàng Bồ Tát, trú trong sơ địa.

LUẬN:

Trước đây ngài Tu Bồ Đề hỏi về Ma Ha Diễn*(giáo pháp Đại thừa)*, và đã được Phật giải đáp. Nay ngài hỏi thêm về sự phát thú của người tu theo Đại Thừa và tướng của người tu Đại Thừa.

Bồ Tát Ma Ha Tát hành Ma Ha Diễn biết rõ hết thảy pháp, từ vô thỉ đến nay đều là vô khứ, vô lai, bất động, bất tịnh, bất nhập, bất xuất,… vì pháp tánh là thường trú.

Lại nữa, Bồ Tát Ma Ha Tát dùng đại bi tâm, tinh tấn tu 6 pháp Ba La Mật, dùng các lực phương tiện trở lại trần gian, tu tập thiện pháp, để cầu các thánh địa, nhưng chẳng có chấp các địa tướng.

Hỏi: *Như vậy là phát thú Đại Thừa. Vì sao nói phát thú Thập Địa?*

Đáp: Đại Thừa lấy "địa" là căn bản. Quá trình tu tập của Bồ Tát Đại Thừa gồm thập Địa. Bồ Tát tu từ Sơ Địa… dần dần đến Thập Địa, nên gọi là phát thú Thập Địa.

Ví như khởi đầu tập cỡi ngựa, xong, bỏ ngựa tiến lên cỡi voi, rồi mới bỏ voi tiến lên cỡi rồng vậy.

Hỏi: *Thập địa gồm những địa nào?*

Đáp: Nói về "Địa" cần phân biệt rõ 2 nghĩa, đó là:

- Cộng Địa.
- Bồ Tát Địa.

Cộng Địa bao gồm các Địa từ Càn Huệ Địa đến Phật Địa.

Ở nơi đây chỉ bàn về Bồ Tát Địa, gồm thập Địa sau đây: Hoan hỷ địa, Ly cấu địa, Phát quang địa, Tăng diệu địa, Nan thắng địa, Hiện tiền địa, Thâm nhập địa, Bất động địa, Thiện tướng địa, và Pháp vân địa. Tướng của các "địa" được nêu rõ trong bộ Thập Địa Luận.

--o0o--

Bồ Tát vào **Sơ địa phải tu tập đầy đủ 10 pháp**, từ thâm tâm kiên cố trị địa nghiệp, … dẫn đến thật ngữ trí địa nghiệp.

Ngài Tu Bồ Đề tuy đã biết rõ, nhưng vì muốn đoạn nghi ngờ cho chúng sanh mà Ngài hỏi Phật: Thế nào gọi là trị địa nghiệp?

Phật dạy: Bồ Tát phải đúng theo Tát Bà Nhã tâm *(tâm Nhất thiết trí hay Vô thượng Bồ đề)* mà tu tập các thiện căn, mới được gọi là Bồ Tát thâm tâm kiên cố trị địa nghiệp.

Cũng nên biết, Tát Bà Nhã tâm là Vô thượng Bồ đề tâm.

Bồ Tát phát Vô thượng Bồ đề tâm, phát nguyện rằng: Trong đời vị lai sẽ thành Phật để độ thoát hết thảy chúng sanh.

Nếu Bồ Tát lợi căn, có phước đức nhiều, nghiệp chướng ít, phiền não mỏng, thì ngay khi phát tâm đã liền được thâm tâm kiên cố, đã thâm nhập vào Phật đạo.

Bồ Tát ra đời cũng chỉ vì Nhất Thiết Chủng Trí, nên ở trong bất cứ trường hợp nào, Bồ Tát cũng nguyện tu hết thảy các công đức như bố thí, trì giới, nhẫn nhục, thiền định… Bồ Tát tu hết thảy các công đức như vậy mà chẳng cầu phước báo ở cõi Trời, cõi Người, chẳng cầu được thọ mạng an ổn…

Hỏi: *Bồ Tát chưa được vào Nhất Thiết Chủng Trí, chưa nếm được vị Nhất Thiết Chủng Trí thì làm sao có được thâm tâm?*

Đáp: Trước đây đã nói rằng người thượng căn, đại trí, do phiền não mỏng, do phước đức sâu dày, nên chẳng có đắm chấp dục lạc thế gian.

Hạng người này khi chưa được nghe pháp Đại Thừa mà đã được như vậy rồi, nên khi vừa được nghe pháp Đại Thừa là liền có được thâm tâm.

Ví như Ngài Ma Ha Ca Diếp có vợ xinh đẹp đoan trang mà ngài vẫn cắt ái, xuất gia theo Phật, để cầu đạo giải thoát. Lại ví như người con trai của vị trưởng giả Gia Xá đêm đêm thấy các thế nữ xinh đẹp nằm ngủ như những xác chết, đã cương quyết từ bỏ dục lạc, đem 10 vạn lạng vàng để đến bờ sông, rồi vượt qua sông tìm đến chỗ Phật xin được xuất gia.

Như vậy, ở trong thế gian cũng có vô số người, từ các bậc vua chúa đến hàng thường dân, nhàm chán dục lạc, ra đi tìm đạo.

Chư vị Bồ Tát đã đầy đủ công đức nhân duyên, nên vừa nghe thuyết pháp Đại Thừa liền được thâm nhập vào đạo vậy.

Trong phẩm "Tát Đà Bà Luân" có nêu trường hợp một người con gái của một vị trưởng giả, chỉ thoạt nghe người tán thán công đức của Phật, đã liền xin cha mẹ đến chỗ Bồ Tát Đàm Vô Yết để được nghe thuyết về Bát nhã Ba la mật. Do nàng đã có được thiện căn thuần thục, nên vừa nghe thuyết giảng là liền được thâm tâm. Vì sao? Vì khi ngũ căn đã được thuần thục thì phân biệt rõ được thiện ác, lúc bấy giờ thập thiện đạo,… dẫn đến pháp Thanh Văn cũng còn muốn nghe huống nữa là nghe pháp Vô Thượng.

Lại nữa, Bồ Tát sợ phát tâm Vô thượng Bồ đề đã là tối thượng trong thế gian rồi, huống nữa là khi Bồ Tát đã thành tựu được viên mãn Vô thượng Bồ đề tâm.

Bồ Tát khi hưởng được khí vị của Bát nhã Ba la mật rồi liền sanh thâm tâm, nên rất vui mừng. Ví như người bị giam cầm lâu ngày trong ngục tối, vừa thấy ánh sáng là liền sanh tâm hoan hỷ, Bồ Tát khi thấy ánh sáng là quang minh của Phật, liền sanh thâm tâm nên rất vui mừng. Vì sao? Vì Bồ Tát do duyên nghiệp đời trước, bị giam hãm trong thập nhị nhập vô minh, hắc ám, khiến chỗ thấy biết đều bị sai lệch. Nay được nghe Bát nhã Ba la mật, được hưởng khí Bát nhã Ba la mật, nên liền thâm tâm niệm Nhất Thiết Chủng Trí, với hy vọng ra khỏi ba cõi, sáu loài, lại tự nguyện đem phương tiện quang minh độ thoát hết thảy chúng sanh cùng ra khỏi ba cõi sáu loài như mình vậy.

Lại nữa, khi phát Vô thượng Bồ đề tâm, Bồ Tát đã nguyện đem đại bi tâm, thương hết thảy chúng sanh như thương Phật.

Thâm nhập đại bi làm lợi ích cho chúng sanh, là tướng "thâm tâm" vậy. Khi vào Sơ Địa, Bồ Tát đã thường hành đại bi nên thường sanh tâm bình đẳng đối với hết thảy chúng sanh, xem oán thân là một, xem bạn thù

chẳng phải hai. Tình thương của Bồ Tát đối với chúng sanh bao la như biển lớn, nên chẳng mảy may phân biệt.

Phật lại nói rằng Bồ Tát thường hành tứ vô lượng tâm.

Nghĩa của tứ vô lượng tâm như sau:

1- Thấy chúng sanh mà đem long thương xót, nên sanh từ tâm.

2- Thấy chúng sanh khổ mà phát nguyện cứu khổ cho chúng sanh, nên sanh bi tâm.

3- Thấy chúng sanh mà phát nguyện muốn cho hết thảy chúng sanh đều thành Phật, nên sanh hỷ tâm.

4- Thấy hết thảy chúng sanh chẳng khổ, chẳng lạc, nên sanh xả tâm.

--o0o--

Ngoài ra cũng nên biết, xả có hai nghĩa, đó là :

- Xả tài và hành bố thí.
- Xả kiết sử.

"Xả" theo nghĩa thứ nhất là xả xan tham, còn theo nghĩa thứ hai thì đó là xả kiết sử. Bồ Tát phải tu đến Thất Địa mới hoàn toàn xả sạch kiết sử.

Hỏi: *"Xả có rất nhiều nghĩa khác nhau. Trong kinh có nói đến xả pháp thế gian và xả pháp xuất thế gian. Như vậy vì sao Phật nói "vô phân biệt" và "chánh ức tưởng" nhiếp về trí xuất thế gian?*

Đáp: "Xả" có rất nhiều tướng. Nay chỉ nói theo nghĩa của pháp Đại Thừa. Là xả mà chẳng thủ chấp tướng. Đây là nhằm dạy Bồ Tát bố trí đúng như pháp, nghĩa là bố thí mà chẳng chấp tướng, chẳng chấp có tướng người thí, tướng vật đem ra bố thí, và tướng người thọ thí.

--o0o--

Người cầu pháp cần phải biết rõ ba điều sau đây:

1- Niết Bàn là pháp vô thượng trong hết thảy các pháp.

2- Tu bát Thánh đạo là phương tiện dẫn đến Niết Bàn.

3- Hết thảy các thiện ngữ và thuật ngữ trợ giúp rất nhiều cho việc tu tập bát Thánh đạo.

Người cầu pháp cũng nên biết có đến tám vạn bốn ngàn pháp môn tu, trình bày rác rải trong mười hai bộ kinh, thuộc bốn tạng: A Hàm, A Tỳ Đàm. Tỳ Ni và Tạp Tạng.

Người cầu pháp cũng nên biết rằng, kinh Bát nhã Ba la mật và các kinh Ma Ha Diễn nhiếp về pháp Đại Thừa.

Lại nữa, người cầu pháp phải học chép, diễn dịch, chánh ức niệm về các Kinh điển, nhằm có được các lực phương tiện trị các tâm bệnh của chúng sanh. Vậy nên người cầu pháp phải thường tu tập "lạc pháp", chẳng nên tiếc thân mạng của mình.

Trong kinh có chép các mẫu chuyện sau đây:

Phật Thích Ca Mưu Ni khi còn là Bồ Tát, dù sanh ra vào thời kỳ không có Phật, dù chẳng nghe được các thiện ngữ trong bốn phương, mà vẫn tầm cầu "lạc pháp", tinh tấn chẳng hề giải đãi. Thấy vậy, Thiên Ma hiện thân làm Bà La Môn đến nói với Bồ Tát rằng: "Ta có một bài kệ của Phật, nếu ông thuận lột da làm giấy, chẻ xương làm bút, lấy máu làm mực, thì ta sẽ vì ông nói lạc pháp cho ông nghe". Bồ Tát tự nghĩ "Ta trải qua nhiều đời, nhiều kiếp, chẳng nghe được lạc pháp, nay ta tự nguyện làm y theo lời dặn của vị Bà La Môn này, để được nghe và được ghi chép bài kệ". Lúc bấy giờ Thiên Ma tự thân biến thành Phật, thuyết bài kệ cho Bồ Tát nghe. Vừa nghe xong bài kệ, Bồ Tát liền được Vô Sanh Pháp Nhẫn.

Lại nữa, trong một kiếp trước, Phật Thích Ca Mưu Ni còn là Bồ Tát, đã tự nguyện đóng năm trăm cái đinh vào thân để cầu pháp.

Lại nữa, ví như vua Kim Cương tự cắt năm trăm chỗ trong thân mình, đốt lên làm đèn cầu pháp.

Như vậy, dù các khổ hạnh rất khó làm, nhưng Bồ Tát vì chúng sanh, vẫn nhất tâm tinh tấn cầu pháp, vẫn nhẫn thọ mọi sự đau khổ.

--o0o--

Bồ Tát nghe lời Phật dạy "cầu pháp là cầu Nhất thiết chủng trí, chớ nên hướng tâm về Thanh Văn địa và Bích Chi Phật địa", nên tự nghĩ rằng: Tại gia có rất nhiều tội lỗi gây trở ngại cho sự tu hành, khó có được tâm thanh tịnh. Dù ta chẳng xuất gia, thì khi chết đi, ta vẫn phải từ bỏ thân này, các bậc vua chúa, dẫn đến các vị Trời, hưởng bao nhiêu phước lạc, mà vẫn

chẳng sao trốn tránh được cảnh chết, ta phải quyết tâm xuất gia cầu Phật đạo, mới mong được giải thoát.

Trên đây, Phật mật ý dạy rằng "xuất gia cầu Phật đạo phải là xuất gia với tâm thanh tịnh, chẳng có tạp nhiễm, khác hẳn với 96 lối xuất gia của các hạng ngoại đạo.

--o0o--

Người xuất gia hành đạo phải giữ chánh kiến.

Trong Phật pháp có phân biệt hai thứ chánh kiến. Đó là:

- Chánh kiến thế gian.
- Chánh kiến xuất thế gian.

Muốn được chánh kiến xuất thế gian, phải ái ngưỡng Phật thân, và khi nghe tán thán công đức của Phật, phải tự niệm rằng: Vào đời vị lai ta cũng sẽ thành Phật, nay ta nguyện đời ái ngưỡng Phật thân, gặp Phật cầu pháp, để rồi vì chúng sanh thuyết giảng Phật pháp cho họ nghe, khuyến họ khi tại gia hành tài thí, khi xuất gia hành pháp thí.

--o0o--

Người trì chánh pháp mà chẳng cầu danh lợi, thì mới có thể vì chúng sanh nói pháp cho họ nghe được, mới có thể hành trì, thuyết giảng và tán thán 6 pháp Ba La Mật được.

Vì sao? Vì nếu chỉ do nhàm chán thế gian mà ly gia đình, ly phiền não, thì đó chỉ mới là "sơ thiện", nếu thọ trì giảng nói các pháp Nhị Thừa, thì là "trung thiện", phải nói lên được diệu nghĩa của Phật pháp mới gọi là "hảo thuyết". Cho nên trong kinh nói, nếu hành bát Thánh đạo thanh tịnh là hành đầy đủ Thánh giáo.

--o0o--

Trong mười hai bộ kinh đều có nói về sự phá kiêu mạn. Vì sao? Vì khi xuất gia, trì giới, Bồ Tát phải đoạn sạch kiêu mạn. Nếu Bồ Tát còn sanh tâm kiêu mạn thì phải tự niệm rằng: Ta đã cạo đầu, nhuộm y, cầm bình bát đi khất thực là nhằm phá kiêu mạn nơi ta, nếu ta còn khởi tâm kiêu mạn

thì các công đức của ta bị che lấp, khiến chúng sanh chẳng còn tin kính nơi ta nữa, do vậy mà ta phải thọ sanh vào chốn tệ ác, vào loài súc sanh, hoặc thọ sanh làm người vào nhà hạ tiện.

Kiêu mạn có nhiều tội lỗi như vậy nên dù đời nay có được phước báo sanh vào nhà giàu sang, phú quý, vẫn phải phá tâm kiêu mạn.

--o0o--

Trái lại, thật ngữ là gốc thiện, dẫn sanh lên cõi Trời, nên người hành thật ngữ được nhiều người tín thọ, được vô lượng phước đức.

Hỏi: *Thiện khẩu nghiệp có bốn. Vì sao ở đây chỉ nói đến thật ngữ mà thôi?*

Đáp: Phật pháp quý thật ngữ, vì thật ngữ nhiếp được cả bốn đế. Bồ Tát, vào sơ địa, tu xả bốn khẩu nghiệp, nhưng phải lên đến nhị địa mới được xả hoàn toàn. Ở sơ địa, Bồ Tát dùng thật ngữ để diễn nói các pháp, mà vẫn biết các ngôn ngữ đều là bất khả đắc.

Hỏi: *Vì sao chỉ nói đến mười pháp tu ở sơ địa mà thôi?*

Đáp: Vì Phật dạy rằng Bồ Tát tu đầy đủ mười pháp đó, là vào được sơ địa. Ví như ông thầy thuốc, sau khi chẩn mạch bệnh nhân xong, đã có thể biết rõ bệnh nhân cần dùng những loại thuốc nào, với liều lượng bao nhiêu là đủ để chữa trừ dứt bệnh vậy.

Như vậy, chẳng nên bận tâm đến số lượng pháp tu nhiều hay ít.

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ Tát, <u>an trú nhị địa</u> thường niệm tám pháp, từ trì giới thanh tịnh… dẫn đến siêng năng tu tập 6 pháp Ba la mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nên biết:

- Nếu Bồ Tát chẳng niệm Thanh Văn tâm và Bích Chi Phật tâm, chẳng niệm sự phá giới làm chướng ngại Phật đạo, thì gọi là Bồ Tát thường niệm giới thanh tịnh.

- Nếu Bồ Tát, khi hành Bồ Tát đạo, chẳng quên đền đáp ơn, dù là ơn nhỏ, thì gọi là Bồ Tát thường niệm biết ơn và báo ơn.

- Nếu Bồ Tát chẳng sân, chẳng não đối với hết thảy chúng sanh, thì gọi là Bồ Tát thường niệm nhẫn nhục.

- Nếu Bồ Tát lấy sự thành tựu chúng sanh làm niềm vui, thì gọi là Bồ Tát thọ hoan hỷ.

- Nếu Bồ Tát thường niệm cứu độ hết thảy chúng sanh, thì gọi là Bồ Tát chẳng xả chúng sanh.

- Nếu Bồ Tát nhẫn thọ khổ nhục của hết thảy chúng sanh, từ chúng sanh thọ khổ trong chốn địa ngục, đến chúng sanh thọ vui ở Niết Bàn Thanh Văn, rồi lại nghĩ rằng "Ta phải phát đại bị tâm cứu tất cả chúng sanh, và vì họ mà nhẫn khổ", thì gọi là Bồ Tát vào đại bi tâm.

- Nếu Bồ Tát tin kính cầu pháp nơi các bậc sư trưởng, xem thầy như Phật, thì gọi là Bồ Tát tin kính sư trưởng.

- Nếu Bồ Tát nhất tâm cầu 6 pháp Ba La Mật, thì gọi là Bồ Tát cần cầu 6 pháp Ba La Mật.

Như vậy gọi là Bồ Tát, trú nhị địa, thường niệm tám pháp.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ Tát <u>an trú tam địa</u>, đầy đủ 5 pháp, từ học vấn nhiều chẳng nhàm chán… dẫn đến trú trong tàm quý?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nên biết:

- Nếu Bồ Tát đi khắp mười phương, cầu được nghe và thọ trì chánh pháp của chư Phật, tinh tấn chẳng hề mệt mỏi, thì gọi là Bồ Tát học vấn nhiều mà chẳng hề sanh nhàm chán.

- Nếu Bồ Tát hành pháp thí, mà chẳng mong cầu danh lợi, cũng chẳng mong cầu Vô Lượng Bồ Đề, thì gọi là Bồ Tát thanh tịnh pháp thí, mà chẳng sanh cao tâm.

- Nếu Bồ Tát đem tất cả thiện căn công đức hồi hướng về Vô thượng Bồ đề, thì gọi là Bồ Tát trang nghiêm Phật độ.

- Nếu Bồ Tát muốn được các thiện căn đầy đủ, để thành tựu chúng sanh, trang nghiêm Phật độ, dẫn để được nhất thiết chủng trí, mà cần khổ chẳng hề mệt mỏi, thì gọi là Bồ Tát nhẫn thọ vô lượng thế gian, chẳng nhàm chán.

- Nếu Bồ Tát, mỗi khi móng tâm chứng quả Thanh Văn, là liền sanh tàm quý, thì gọi là Bồ Tát trú trong tàm quý.

Như vậy, gọi là Bồ Tát, trú tam địa, đầy đủ ngũ pháp.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ Tát an trú tứ địa, chẳng bỏ mười pháp, từ bỏ A Lan Nhã xứ… dẫn đến ôm giữ các vật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nên biết:

- Nếu Bồ Tát chẳng trú Thanh Văn địa, thì gọi là Bồ Tát chẳng bỏ A Lan Nhã xứ.

- Nếu Bồ Tát chỉ nhất tâm niệm nhất thiết chủng trí, thì gọi là Bồ Tát tri túc.

- Nếu Bồ Tát chẳng có ý niệm mong muốn các dục, dẫn đến chẳng có ý niệm mong muốn Vô thượng Bồ đề, thì gọi là Bồ Tát thiểu dục.

- Nếu Bồ Tát quán thâm pháp nhẫn, thì gọi là Bồ Tát chẳng xả công đức đầu đà.

- Nếu Bồ Tát chẳng chấp các giới tướng thì gọi là Bồ Tát chẳng xả giới.

- Nếu Bồ Tát biết rõ hết thảy các pháp đều chẳng có tạo tác, thì gọi là Bồ Tát nhàm thế gian, thuận Niết Bàn.

- Nếu Bồ Tát chẳng sanh dục tâm, thì gọi là Bồ Tát ghét bỏ các dục nhiễm.

- Nếu Bồ Tát xả bỏ tất cả các nội pháp và ngoại pháp thì gọi là Bồ Tát xả bỏ tất cả vật sở hữu.

- Nếu Bồ Tát chẳng khởi các thức, thì gọi là Bồ Tát giữ tâm chẳng chìm đắm.

- Nếu Bồ Tát chẳng chấp, cũng chẳng nhớ nghĩ hết thảy các vật thì gọi là Bồ Tát chẳng ôm giữ các vật.

Như vậy gọi là Bồ Tát, trú tứ địa, chẳng bỏ mười pháp.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ Tát, an trú ngũ địa, xa lìa 12 pháp, từ xa lìa người thân bạch y… dẫn đến xa lìa tham sân si?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nên biết:

Nếu Bồ Tát, từ Phật quốc này đến Phật quốc khác, thường xuất gia, thì gọi là Bồ Tát xa lìa người thân bạch y.

- Nếu Bồ Tát chẳng ở chung một chỗ với Tỷ Kheo Ni dẫn đến móng tâm nghĩ như vậy, thì gọi là Bồ Tát xa lìa Tỷ Kheo Ni.

- Nếu Bồ Tát thường niệm "Ta đã thệ nguyện an lạc hết thảy chúng sanh, ta chẳng nên tham trước các việc thế gian, thì gọi là Bồ Tát xa lìa xan tham.

- Nếu Bồ Tát xa lìa các đàm thuyết vô ích dẫn đến các hạnh Thanh Văn và Bích Chi Phật, thì gọi là Bồ Tát xa lìa lời nói vô ích.

- Nếu Bồ Tát chẳng để cho các tâm sân hận, não hại, đấu tranh khởi lên, thì gọi là Bồ Tát xa lìa sự nóng giận.

- Nếu Bồ Tát chẳng thấy có nội pháp, khiến chẳng sanh cao tâm, thì gọi là Bồ Tát xa lìa sự tự cao.

- Nếu Bồ Tát chẳng thấy có ngoại pháp, khiến chẳng thấy ai đáng khinh miệt cả, thì gọi là Bồ Tát xa lìa sự khinh miệt người.

- Nếu Bồ Tát xa lìa mười bất thiện đạo làm chướng ngại bát thánh đạo, dẫn đến chướng ngại Vô thượng Bồ đề, thì gọi là Bồ Tát xa lìa thập bất thiện đạo.

- Nếu Bồ Tát chẳng thấy có pháp "đại mạng", thì gọi là Bồ Tát xa lìa sự đại mạng.

- Nếu Bồ Tát chẳng thấy có pháp tự dụng, thì gọi là Bồ Tát xa lìa sự tự dụng ích kỷ.

- Nếu Bồ Tát biết rõ điên đảo là bất khả đắc, thì gọi là Bồ Tát xa lìa sự điên đảo.

- Nếu Bồ Tát chẳng nghĩ đến các pháp tham, sân, si thì gọi là Bồ Tát xa lìa tham sân si.

Như vậy gọi là Bồ Tát, trú ngũ địa, xa lìa 12 pháp.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ Tát, <u>an trú lục địa,</u> đầy đủ lục pháp?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đó là Bồ Tát hành đầy đủ 6 pháp Ba La Mật, khiến có thể vượt qua đến bờ bên kia.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ Tát an trú lục địa, chẳng nên làm 6 pháp, từ chẳng móng tâm Thanh Văn và tâm Bích Chi Phật… dẫn đến chẳng có nghi các pháp thậm thâm?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nên biết:

- Nếu Bồ Tát nghĩ rằng tâm Thanh Văn và tâm Bích Chi Phật chẳng phải là nhân tu Vô thượng Bồ đề, thì gọi là Bồ Tát chẳng móng tâm Thanh Văn và tâm Bích Chi Phật.

- Nếu Bồ Tát biết rõ bố thí mà còn sanh ưu phiền chẳng phải là nhân tu Vô thượng Bồ đề, thì gọi là Bồ Tát hành bố thí mà chẳng sanh ưu tâm.

- Nếu Bồ Tát biết rõ rằng thấy người đến cầu xin mà mình có ý muốn trốn tránh chẳng phải là nhân tu Vô thượng Bồ đề thì gọi là Bồ Tát chẳng trốn tránh trước sự cầu xin của người.

- Nếu Bồ Tát sẵn sang bố thí tất cả các nội ngoại vật sở hữu của mình, chẳng thấy có vật gì mà chẳng có thể dùng để bố thí cả, thì gọi là Bồ Tát chẳng luyến tiếc vật sở hữu dùng để bố thí.

- Nếu Bồ Tát có đủ lực từ bi, khiến sau khi hành bố thí mà tâm chẳng mảy may hối tiếc, thì gọi là Bồ Tát chẳng sanh hối tâm sau khi hành bố thí.

- Nếu Bồ Tát có đủ các lực công đức, thì gọi là Bồ Tát chẳng nghi các pháp thậm thâm.

Như vậy gọi là Bồ Tát trú 6 địa phải đầy đủ 6 pháp và chẳng làm nên 6 pháp.

LUẬN:

Hỏi: *Bồ Tát vào sơ địa đã thường hành bố thí nhầm thanh tịnh giới. Nay vì sao lại nói trì giới thắng hơn bố thí?*

Đáp: Vì trì giới nhiếp hết thảy chúng sanh; còn bố thí chẳng phổ cập cùng khắp.

Trì giới có vô lượng công đức. Ví như không sát sanh đã là gián tiếp bố thí vô uý, bố thí sanh mạng cho chúng sanh rồi vậy.

Những người phá Phật đạo đều gọi là hành giới cấu. Người tu hành phải ly các giới cấu, mới được giới thanh tịnh.

Đối với Bồ Tát thì hướng về tâm Thanh Văn và tâm Bích Chi Phật đã gọi là hành giới cấu rồi, huống nữa là gần gũi các ác tri thức.

Lại nữa, đã mang ơn người khác mà cố tình quên ơn cũng gọi là hành giới cấu. Bồ Tát biết ơn hết thảy chúng sanh, vì nghĩ rằng: Tất cả chúng sanh đều đóng góp công lao để tạo nên sự an lạc của mình. Vì sao? Vì nếu chẳng có các nhân duyên hoà hợp, thì Bồ Tát chẳng có thể được sự an lạc.

Ví như hạt lúa phải nhờ các nhân duyên hoà hợp của đất, phân, nước, công sức của người nông phu… mới có thể nảy mầm để trở thành cây mạ, thành cây lúa được vậy.

Bồ Tát biết rõ rằng sự biết ơn là gốc đại bi, khai sanh ra các thiện nghiệp.

Người có nhân cách, lúc nào cũng biết ơn và kính trọng mọi người, nên được nhiều người kính mến khiến danh dự được vang xa và khi chết sẽ sanh trở lại cõi Trời Người; về sau sẽ được viên thành Phật đạo. Trái lại, người chẳng biết ơn còn thua kém xa loài cầm thú.

--o0o--

Trong kinh Bổn Sanh có chép mẫu chuyện sau đây:

Có một người tiều phu vào rừng đốn củi, chẳng may bị lạc đường, gặp lúc trời mưa to. Ông vừa đói khát, vừa lạnh lẽo, lại bị các ác trùng độc thú hăm he sát hại. Trong tình huống đó, ông bèn bước vào một hang đá để ẩn núp.

Ngay khi vừa mới bước vào, ông liền thấy một con gấu thật to đang nằm trong đó. Sợ quá, ông quay mình tháo chạy.

Thế nhưng gấu cất tiếng bảo, ông đừng có sợ. Nhà tôi ấm áp, ông cứ vào bên trong nằm ngủ cho đỡ mệt.

Thế rồi, suốt bảy ngày mưa lớn, gấu thường đem quả ngon nước mát đến cho người tiều phu dùng.

Sau bảy ngày, mưa dứt hẳn, trời trở lại quang đãng, gấu bèn dẫn người tiều phu đến ven rừng, và căn dặn rằng: Tôi là người phạm tội, nên phải làm thân gấu. Nếu có ai hỏi, xin ông đừng nói đã có gặp tôi. Người tiều phu vâng lời cảm ơn gấu, rồi từ giã ra đi.

Dọc đường ông gặp mấy người thợ săn gạn hỏi: Ông có thấy có con thú nào trong rừng chăng?

Người tiều phu vẫn làm thinh, tự nghĩ rằng: Gấu kia là vị ân nhân của ta, nhờ gấu mà ta được tránh mưa, được ăn uống no đủ, được sống bình an cho đến ngày hôm nay.

Nghĩ như vậy, nên ông quyết định không chỉ gấu cho các thợ săn.

Một thời gian sau, các thợ săn bắn được gấu, mổ thịt rồi đem cho người tiều phu một phần. Người tiều phu dứt khoát từ chối. Mấy người

thợ săn lấy làm lạ và hỏi rằng: Vì sao ngươi lại từ chối chẳng muốn nhận phần thịt gấu?

Người tiều phu trả lời: Gấu thương tôi như cha thương con nên tôi chẳng có thể ăn thịt vị ân nhân của tôi được.

Rồi ông bèn kể chuyện gặp gấu trong hang đá, được gấu thương yêu, nuôi dưỡng suốt bảy ngày; nhờ gấu mà ông thoát khỏi tai nạn, sống an lành cho đến ngày hôm nay.

Nghe xong câu chuyện, ai nấy đều run sợ, chẳng ai dám ăn thịt gấu nữa. Họ bèn đem thịt gấu cúng dường chư Tăng.

Lúc bấy giờ, các vị Thượng Toạ đều là A La Hán, có đủ thần thông, nói với Tăng Chúng rằng: Đây là thịt của một vị Nhục Thân Bồ Tát, đời sau sẽ thành Phật, chớ nên ăn.

Sau đó, chư Tăng xây tháp cúng dường Bồ Tát.

Nhà vua nghe chuyện liền ban sắc chỉ tán than công đức của gấu và của người tiều phu, khuyên thần dân trong nước nên theo gương ban ơn và biết ơn cao thượng này. Toàn dân hết lòng tin kính.

--o0o--

Bồ Tát còn nghĩ rằng “Những người làm ác đối với ta, mà ta còn độ họ, huống nữa là những người đã ban ơn cho ta”.

Hỏi: *Các duyên khởi ra tướng nhẫn nhục như thế nào?*

Đáp: Do trước chẳng nén được sân, mà sau đó sân mới dấy khởi, thể hiện bằng các ác hạnh ở thân, ở khẩu làm não loạn người khác. Nếu nhẫn được các việc như vậy, thì gọi là “sơ nhẫn”. Đây mới là giai đoạn “chúng sanh nhẫn”.

Bồ Tát hành đầy đủ “chúng sanh nhẫn” và “pháp nhẫn”. Do hành pháp nhẫn, mà Bồ Tát sanh tâm hoan hỷ. Vì sao? Vì do trì giới, hành nhẫn nhục, mà được thân tâm thanh tịnh. Do được thân tâm thanh tịnh, thì liền sanh hoan hỷ.

Ví như người tắm nước hoa thơm, mặc áo sang trọng, đeo chuỗi anh lạc trang nghiêm, thấy hình ảnh của mình trong gương, liền sanh hoan hỷ.

Bồ Tát cũng như vậy, do đã được giới định huệ trang nghiêm, do biết mình có được vô lượng công đức, nên sanh tâm hoan hỷ.

Bồ Tát, an trú trong giới nhẫn, giáo hoá chúng sanh, khiến họ được an lạc, được Thanh Văn thừa, hoặc được Phật thừa.

Bồ Tát vui mừng, khi thấy chúng sanh vui mừng; cũng như ông trưởng giả vui mừng, khi thấy con mình ra khỏi "nhà lửa" vậy.

Nếu Bồ Tát đã phát đại bi tâm, đã thệ nguyện độ chúng sanh, và kiên quyết giữ vững tâm ấy, thì phải biết vị Bồ Tát ấy được chư Phật, chư Bồ Tát và chư Thánh Hiền gia bị. Trái lại nếu Bồ Tát đã phát nguyện mà chẳng muốn độ chúng sanh, thì sẽ mang tội nói dối với chúng sanh. Do vậy mà nói rằng Bồ Tát nào chẳng xả chúng sanh là đã vào đại bi tâm rồi vậy.

Như trước đây đã nói, Phật cũng như chư vị đại Bồ Tát phát nguyện trải qua vô lượng kiếp ở trong địa ngục, thay cho chúng sanh thọ khổ, lại dạy cho họ tu các công đức, dẫn dắt họ vào Phật đạo, vào Vô Dư Niết Bàn.

Hỏi: *Bồ Tát làm sao có thể thay chúng sanh thọ khổ được?*

Đáp: Bồ Tát phát đại tâm cứu độ chúng sanh, thâm ái chúng sanh, bênh vực chúng sanh gọi là thay chúng sanh thọ khổ.

Bồ Tát phát đại tâm thệ nguyện rằng: Ta phải sanh tâm cung kính, tôn trọng chúng sanh, vì tất cả chúng sanh đều đóng góp nên công lao để tạo nên sự an lạc của ta. Ta phải hết lòng cung kính cúng dường sư trưởng, vì nhờ đức trí cao minh của thầy, ta mới có thiện duyên học kinh, nghe pháp, mới được các sự lợi ích. Ví như nước từ trên cao chảy xuống thấp, nếu ta sanh cao tâm, kiêu mạn, thì mưa pháp sẽ chẳng thấm nhuần vào ta được.

Phật dạy: Người tu hành phải kính sư như kính Phật, phải y chỉ nơi sư trưởng, thì trì giới, thiền định, giải thoát, giải thoát tri kiến mới mau được tăng trưởng.

Hỏi: *Đối với các ác sư, thì làm sao có thể cung kính được?*

Đáp: Bồ Tát chẳng nên thuận theo pháp thế gian.

Người thế gian thấy người thiện thì thường gần gũi, tôn kính, thấy người ác thì thường ghét bỏ, xa lìa. Bồ Tát chẳng làm như vậy được. Vì sao? Vì tất cả những ai đã khai mở nghi kiết cho ta đều đem lại sự lợi ích cho ta. Bởi vậy nên Bồ Tát cung kính tất cả chúng sanh, chẳng nghĩ đến việc làm ác của họ. Ví như người đi trong đêm tối, lần bước theo ánh sáng đuốc của người đi trước, dù người cầm đuốc đó là người xấu, thì ánh đuốc vẫn dẫn đường cho những người khác đi theo vậy.

Bồ Tát nhờ sư trưởng mà thành tựu được các việc lớn, nên chẳng để tâm chấp các việc nhỏ.

Lại nữa, Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật, phải nên biết rằng các bậc sư trưởng có vô lượng lực phương tiện để mà truyền pháp. Có khi các ngài thị hiện làm các ác hạnh, mà các hàng phàm phu chẳng sao có thể biết rõ được nguyên nhân.

Trong kinh có nêu trường hợp Bồ Tát Tát Đà Bà Luân nghe tiếng vọng giữa hư không rằng: Đối với pháp sư, ông chớ nên để tâm tìm kiếm những chỗ xấu của thầy mà sanh tâm lo sợ cho thầy.

Bồ Tát nghĩ rằng: Việc tốt cũng như việc xấu của thầy chẳng phải là việc của ta, ta phải nhất tâm tinh tấn cầu pháp nơi thầy, phải lắng nghe những lời thầy truyền dạy mới có được nhiều lợi ích. Ví như các tượng đất, tượng đá, tượng gỗ… chẳng có thật công đức, thế nhưng do lễ bái, chiêm ngưỡng tượng Phật, mà ta phát được tâm tưởng Phật, tin Phật, nhờ vậy mà được vô lượng công đức. Lại nữa, các pháp sư dùng nhiều lực phương tiện, tùy theo căn trí của chúng sanh mà nói pháp, có trường hợp các ngài phải dùng đến các ác hạnh vậy. Bởi vậy cho nên đối với bậc sư trưởng, ta phải một lòng cung kính, cúng dường, chẳng bao giờ mống tâm khinh mạn mà mang tội.

Bồ Tát quán các pháp rốt ráo là "không", quán hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh.

Đối với các bậc pháp sư, Bồ Tát lại nghĩ rằng: Các ngài dùng trí huệ Bát Nhã làm các Phật sự, chỉ vì lợi ích cho chúng sanh, ta phải kính thầy như kính Phật, ta phải đến với thầy để cầu tu học 6 pháp Ba la mật.

Bồ Tát lại nghĩ rằng: 6 pháp Ba la mật là chánh nhân dẫn dắt ta vào đạo, nên ta phải nhất tâm tinh tấn hành 6 pháp Ba la mật. Ví như người làm ruộng phải biết chọn giống, chọn phân bón, phải biết cày bừa đất đúng theo thời vụ. Rồi sau khi gieo giống lại còn phải siêng năng bón phân, làm cỏ tưới nước… mới mong thành tựu mùa gặt hái tốt được. Lại ví như đời nay bố thí, đời sau được nhiều phước đức, đời nay trì giới, đời sau được tôn quý, đời nay tu thiền định, đời sau được trí huệ, đời nay tu 6 pháp Ba la mật, đời sau sẽ được thành Phật.

Trong kinh dạy: Bồ Tát trú nhị địa, phải tinh cần, chớ nên giải đãi, lên đến tam địa phải học vấn nhiều, chớ nên nhàm chán.

Vì sao? Vì càng được học nhiều thì trí huệ càng mở rộng, ví như mắt càng sáng thì càng thấy rõ đường đi, càng dễ tránh các chướng ngại vật.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ Tát phát nguyện rằng, chỗ nào có Phật đang thuyết pháp, là đều đến nghe. Nhờ nghe pháp, nhờ thọ trì các đà la ni mà được thiên nhãn.

Giống như biển lớn dung nạp hết các nguồn nước của các sông lạch từ khắp nơi chảy về, Bồ Tát thọ trì pháp Phật từ khắp 10 phương cũng như vậy.

Bồ Tát khi hành pháp thí chẳng cầu danh lợi, mà chỉ vì lợi ích cho chúng sanh, chẳng cầu pháp Tiểu Thừa mà chỉ cầu Nhất Thiết Chủng Trí. Bồ Tát dùng đại bi tâm, vì chúng sanh hành pháp thí, lấy trí huệ để trang nghiêm Phật quốc, thọ vô lượng khổ của thế gian, trú nơi tàm quý, chẳng xả bỏ A Lan Nhã xứ, trú nơi tri túc và thiểu dục.

Hỏi: *Vì sao nói Bồ Tát có nhiều nhân duyên, vào trong các nẻo đường sanh tử mà chẳng hề nhàm chán?*

Đáp: Phải có đầy đủ thiện căn mới có thể tự tại ra vào trong sanh tử, lại nữa, phải mỏng phiền não thì mới chẳng còn bị các khổ làm loạn não vậy. Ví như người có vết thương nhẹ, mà lại dùng thuốc tốt đắp lên, thì ắt được mau lành vậy.

Bồ Tát đã đầy đủ thiện căn thanh tịnh, nên các ưu sầu tật đố cùng các ác hạnh đều đã tiêu sạch. Do có đầy đủ thiện căn, do thọ quả báo phước lạc, nên Bồ Tát có nhiều nhân duyên làm lợi ích chúng sanh, tùy theo chỗ nguyện mà trang nghiêm Phật độ, ra vào sanh tử mà chẳng nhàm chán. Trong các nhân duyên thành tựu thiện tâm, đáng kể nhất là "tàm" và "quý". Do có tàm quý nên khi phát nguyện rộng độ chúng sanh, Bồ Tát tự nghĩ rằng: Sự mong muốn được ít khổ, được chứng Niết Bàn đều đáng hổ thẹn cả.

Tàm và quý là tướng của tam địa. Vào địa này, Bồ Tát biết rõ hết thảy chúng sanh đều là vô sở đắc, đều là vô tướng, nên chẳng chấp vô tướng, dẫn đến chẳng chấp Vô thượng Bồ đề.

Bồ Tát phải thường tu tập các công đức chẳng hề nhàm chán mới vào được Vô Thượng Đạo.

Bồ Tát phải biết tri túc, từ ăn uống, thuốc men, y áo,… đến các đồ dùng khác, chỉ cần có đủ dùng, cho đó là các thiện pháp nhân duyên, chẳng cần phải quan tâm đến.

Trong phẩm "Giác Ma" có nói Vô Sanh Pháp Nhẫn là hạnh Đầu Đà. Bồ Tát trú trong Thuận Nhẫn, được Vô Sanh Pháp Nhẫn là đầy đủ 12 pháp Đầu Đà, là đã trì giới thanh tịnh, và sẽ dẫn đến được thiền định và trí huệ.

Được Vô Sanh Pháp Nhẫn là được chân trí huệ. Đây là quả báo của hạnh Đầu Đà. Cho nên nói nhẫn mà chẳng xả giới, mà cũng chẳng chấp giới tướng mới gọi là Vô Sanh Pháp Nhẫn.

Bồ Tát biết rõ thật tướng pháp là vô sanh, nên chẳng thấy có trì giới, cũng chẳng thấy có phá giới. Do chẳng phá giới, chẳng mất giới nên vào được Vô Tướng giải thoát môn, khiến các uế dục và ác hạnh đều tiêu diệt.

Lại nữa, Phật dạy rằng Bồ Tát do biết tri túc nên tâm chẳng điên đảo, chẳng sanh dục tâm, nhàm chán thế gian vì biết rõ ở trong thế gian chẳng có gì vui. Do vậy mà vào được Vô Tác giải thoát môn.

Lại nữa, Bồ Tát xả hết sở hữu tâm, nên chẳng sanh tâm sợ hãi, chẳng sanh tâm chìm đắm. Bồ Tát biết rõ do nhãn duyên sắc mà sanh ra có nhãn thức,… dẫn đến có ý duyên pháp mà sanh ra ý thức. Bồ Tát trú trong "bất nhị pháp môn" quán 6 thức đều là hư dối, chẳng thật có. Do vậy mà phát thệ nguyện độ hết thảy chúng sanh, cũng đều được trú trong "bất nhị pháp môn", ly 6 thức, chẳng luyến tiếc hết thảy các vật. Đấy là duyên "đại xả" vậy.

Lại nữa, Bồ Tát biết rõ hết thảy pháp đều là rốt ráo không, nên diệt hết thảy các chấp về pháp tướng, khi hành bố thí, Bồ Tát chẳng cầu ân huệ, cũng chẳng sanh cao tâm.

Được như vậy là đầy đủ Đàn Ba La Mật, vào tứ địa.

Khi vào ngũ địa, Bồ Tát lại phải lìa người thân bạch y, tránh các tạp nhiễm thế tục, giữ gìn đạo tâm để trước độ mình và sau độ người. Vì sao?

Vì nếu chưa tự độ được, thì cũng ví như người bơi chưa được giỏi mà liều lĩnh cứu người đang bị dòng nước cuốn trôi, khiến cả mình lẫn người đều cùng bị chết chìm cả.

Bồ Tát xa lìa người thân bạch y, nhằm tu tập các công đức. Vì sao? Vì đã cạo đầu đắp y, xuất gia trì giới thì chẳng nên gần gũi các Tỷ Kheo Ni.

Hỏi: *Bồ Tát quán hết thảy chúng sanh đều bình đẳng. Như vậy vì sao nói chẳng nên cùng với người bạch y cộng trú?*

Đáp: Vì Bồ Tát ở các địa này chưa được bất thối chuyển, chưa được lâu tận, nên chẳng được cộng trú với hàng bạch y.

Lại nữa, phải tránh cho người đời tội phỉ báng Tăng Ni. Vì sao? Vì phỉ báng Tăng Ni sẽ phải đoạ vào địa ngục.

Bồ Tát nghĩ rằng: Ta đã xa lìa gia đình, xa lìa người thân, rời bỏ nhà cửa ra đi tìm đạo giải thoát, lẽ nào ta lại còn tham đắm nhà người, ta lại còn gần gũi họ nữa.

Tuy nhiên, vì muốn hết thảy chúng sanh được vui, nên Bồ Tát thọ nhận sự cúng dường của họ.

Hỏi: *Vì sao nói Bồ Tát muốn thọ sự cúng dường của chúng sanh, mà lại phải xa lìa các lời nói vô ích?*

Đáp: Nói để làm vừa lòng người, như nói giải sầu, bàn việc thời sự, bàn về giặc giã, bàn về phép quan lệ làng, bàn về thời tiết,… đều là những lời nói chẳng đem lại sự lợi ích gì cho sự tu tâm cả.

Bồ Tát vì thương xót chúng sanh đang chìm đắm trong "nhà lửa", tự nghĩ rằng: Ta phải gấp rút cứu thoát chúng sanh ra khỏi nhà lửa của ba cõi. Lửa đã thiêu rụi cả bốn bên, sao ta còn an nhiên nói những chuyện vô ích. Nói chuyện về pháp Nhị thừa còn chẳng nên, huống chi là bàn về những chuyện vô ích khác.

--o0o--

Bồ Tát xa lìa sân nhuế và ác khẩu, vì biết rõ phỉ bang, kiện tụng, đánh đập… đều là những hình thức đấu tranh cả.

Bồ Tát hành đại bi, nên đối với hết thảy chúng sanh chẳng sanh ác tâm, chẳng sanh tâm khinh miệt cũng chẳng sanh tâm tự cao, tự đại. Bồ Tát biết rõ nội ngoại pháp đều bất khả đắc, nên xa lìa mười bất thiện đạo.

Vì các bất thiện pháp phá sự giải thoát thanh tịnh của hàng Trời Người. Người tu Tiểu Thừa còn xa lìa mười bất thiện đạo huống nữa là người tu theo pháp Đại Thừa.

Bồ Tát xa lìa "đại mạn", tu "pháp không" nên chẳng thấy có tướng Đại Thừa hay Tiểu Thừa, xa lìa sự tự dụng ích kỷ, xa lìa bảy thứ kiêu mạn căn bản, xa lìa điên đảo, xa lìa ba độc tham, sân, si. Vì sao? Vì Bồ Tát thâm lạc thiện pháp, biết rõ các tướng "thường, lạc, ngã, tịnh" đều là bất khả đắc, biết rõ chỗ duyên của ba độc đều chẳng có định tướng.

Đầy đủ như vậy là vào ngũ địa.

--o0o--

Phật dạy: Cả ba thừa đều phải tu tập 6 pháp Ba la mật, mới đến được bờ bên kia.

Bồ Tát trú lục địa phải tu tập đầy đủ 6 pháp Ba la mật.

Hỏi: *Sáu pháp Ba La Mật là pháp tu của Bồ Tát. Như vậy vì sao nói hàng Nhị Thừa cũng phải tu tập 6 pháp Ba la mật để đến bờ bên kia?*

Đáp: Phật dạy rằng tu đầy đủ 6 pháp Ba la mật là được đầy đủ công năng Đại Thừa, mà Đại Thừa bao gồm luôn cả Tiểu Thừa.

Tuy hàng Tiểu Thừa chẳng được như Đại Thừa, nhưng Tiểu Thừa cũng quán "pháp không".

Do quán "pháp không" mà chưa tu được mười lực và bốn vô sở uý, nên chưa có đầy đủ các lực phương tiện, khiến phải hướng về Thanh Văn địa và Bích Chi Phật địa.

Bởi vậy nên Phật thường hộ niệm chư Bồ Tát, khuyên chẳng nên sanh tâm Nhị Thừa.

--o0o--

Bồ Tát thệ nguyện rộng độ chúng sanh, biết hết thảy pháp đều rốt ráo không, nên khi hành bố thí chẳng sanh tâm hối tiếc, khi chúng sanh cầu các việc chướng cũng chẳng sanh sân, khi bố thí chẳng tiếc các nội ngoại vật sở hữu của mình.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ Tát được phước đức sâu dày, được tín tâm kiên cố, được đầy đủ 6 pháp Ba la mật, thâm kính chư Phật. Dù chưa được Vô Sanh Pháp Nhẫn, dù chưa có được đầy đủ các lực phương tiện mà Bồ Tát vẫn chẳng khởi nghi tâm đối với các pháp thâm diệu.

Phật dạy: Phải dùng trí huệ diệt các hý luận, phải chẳng còn có lỗi lầm mới có thể dùng các lực phương tiện mà tu các thiện pháp.

Như vậy nên chẳng khởi nghi tâm là tướng của 6 địa vậy.

--o0o--

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ Tát an trú thất địa, chẳng nên chấp 20 pháp, từ chẳng chấp ngã,… dẫn đến chẳng chấp giới kiến?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nên biết:

- Nếu Bồ Tát biết rõ ngã rốt ráo là vô ngã thì gọi là Bồ Tát chẳng chấp ngã.

- Nếu Bồ Tát biết rõ chúng sanh rốt ráo là bất khả đắc, thì gọi là Bồ Tát chẳng chấp chúng sanh.

- Nếu Bồ Tát biết rõ thọ mạng dù dài, dù ngắn, rốt ráo là bất khả đắc, thì gọi là Bồ Tát chẳng chấp thọ giả.

- Nếu Bồ Tát biết rõ chúng sanh số giả… dẫn đến tri giả, kiến giả đều rốt ráo là bất khả đắc, thì gọi là Bồ Tát chẳng chấp các pháp ấy.

- Nếu Bồ Tát biết rõ các pháp rốt ráo là bất sanh, thì gọi là Bồ Tát chẳng chấp đoạn kiến.

- Nếu Bồ Tát biết rõ các pháp rốt ráo là bất sanh nên là chẳng phải thường, thì gọi là Bồ Tát chẳng chấp thường kiến.

- Nếu Bồ Tát biết rõ các phiền não rốt ráo là không, thì gọi là Bồ Tát chẳng chấp các tướng.

- Nếu Bồ Tát biết rõ các kiến chấp đều rốt ráo là bất khả đắc, thì gọi là Bồ Tát chẳng chấp tác nhân kiến.

- Nếu Bồ Tát biết rõ danh sắc là tánh không, thì gọi là Bồ Tát chẳng chấp danh sắc.

- Nếu Bồ Tát biết rõ năm ấm là tánh không, thì gọi là Bồ Tát chẳng chấp năm ấm.

- Nếu Bồ Tát biết rõ 12 nhập là tánh không, thì gọi là Bồ Tát chẳng chấp 12 nhập.

- Nếu Bồ Tát biết rõ 18 giới là tánh không, thì gọi là Bồ Tát chẳng chấp 18 giới.

- Nếu Bồ Tát biết rõ ba cõi là tánh không, thì gọi là Bồ Tát chẳng chấp ba cõi.

- Nếu Bồ Tát trú xứ là tánh không, thì gọi là Bồ Tát chẳng chấp trú xứ.

- Nếu Bồ Tát biết rõ sự mong cầu (tác nguyện) là tánh không, thì gọi là Bồ Tát chẳng chấp chỗ mong cầu.

- Nếu Bồ Tát biết rõ chỗ y xứ là tánh không, thì gọi là Bồ Tát chẳng chấp chỗ y xứ.

- Nếu Bồ Tát biết rằng mống tâm muốn thấy Phật là chẳng thể thấy Phật, thì gọi là Bồ Tát chẳng chấp y nơi Phật.

- Nếu Bồ Tát biết rõ pháp chẳng thể thấy được, thì gọi là Bồ Tát chẳng chấp y nơi pháp.

- Nếu Bồ Tát biết rõ Tăng tướng là vô vi, chẳng thể nương tựa được, thì gọi là Bồ Tát chẳng chấp y nơi Tăng.

- Nếu Bồ Tát biết rõ tội và vô tội đều là bất khả đắc, thì gọi là Bồ Tát chẳng chấp y nơi giới.

Như vậy gọi là Bồ Tát trú thất địa chẳng chấp 20 pháp.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ Tát an trú thất địa, phải đầy đủ 20 pháp, từ đầy đủ "không"… dẫn đến chẳng nhiễm ái?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nên biết:

- Nếu Bồ Tát biết rõ tự tướng của hết thảy pháp là "không", thì gọi là Bồ Tát đầy đủ "không".

- Nếu Bồ Tát chẳng niệm các pháp tướng thì gọi là Bồ Tát chứng Vô Tướng.

- Nếu Bồ Tát biết rõ các pháp là chẳng có chủ tác thì gọi là Bồ Tát biết Vô Tác.

- Nếu Bồ Tát đầy đủ 10 thiện nghiệp đạo, thì gọi là Bồ Tát đầy đủ ba phần thanh tịnh.

- Nếu Bồ Tát đầy đủ từ bi và trí huệ, thì gọi là Bồ Tát đầy đủ từ bi tâm đối với hết thảy chúng sanh.

- Nếu Bồ Tát thanh tịnh đầy đủ Phật độ, thì gọi là Bồ Tát chẳng niệm tưởng về hết thảy chúng sanh.

- Nếu Bồ Tát biết rõ các pháp đều là bất tăng, bất giảm thì gọi là Bồ Tát quán hết thảy pháp bình đẳng.

- Nếu Bồ Tát biết rõ thật tướng các pháp là chẳng thể biết được (bất khả tri), thì gọi là Bồ Tát vào được thật tướng pháp.

- Nếu Bồ Tát biết rõ các pháp đều là bất sanh, bất diệt, thì gọi là Bồ Tát được Vô Sanh Pháp Nhẫn.

- Nếu Bồ Tát biết rõ danh sắc là bất sanh, thì gọi là Bồ Tát được Vô Sanh Trí.

- Nếu Bồ Tát thường nhất tâm, chẳng hành hai tướng (nhị tướng), thì gọi là Bồ Tát tuyên thuyết pháp nhất tướng.

- Nếu Bồ Tát dùng Vô Phân Biệt trí để quán các pháp, thì gọi là Bồ Tát phá phân biệt tướng.

- Nếu Bồ Tát chuyển được vô lượng tưởng, thì gọi là Bồ Tát chuyển ức tưởng.

- Nếu Bồ Tát ở nơi Nhị Thừa kiến mà chuyển thành Đại Thừa kiến, thì gọi là Bồ Tát chuyển kiến.

- Nếu Bồ Tát đã đoạn dứt các phiền não, thì gọi là Bồ Tát chuyển phiền não.

- Nếu Bồ Tát được Nhất Thiết Chủng Trí, thì gọi là Bồ Tát được Bình Đẳng Huệ.

- Nếu Bồ Tát ở trong ba cõi mà vẫn giữ tâm bất động, thì gọi là Bồ Tát dùng huệ điều ý.

- Nếu Bồ Tát đã điều phục được các căn, thì gọi là Bồ Tát được tâm tịch diệt.

- Nếu Bồ Tát đã được Phật nhãn, thì gọi là Bồ Tát đã được Vô ngại trí.

- Nếu Bồ Tát đã xả sạch sáu trần, thì gọi là Bồ Tát chẳng còn nhiễm ái trần cảnh.

Như vậy gọi là Bồ Tát an trú thất địa, đầy đủ 20 pháp.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ Tát <u>an trú bát địa</u>, phải đầy đủ 5 pháp, tùy thuận chúng sanh tâm… dẫn đến tự trang nghiêm pháp thân?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nên biết:

- Nếu Bồ Tát thường quán "nhất tâm", biết rõ tâm và tâm sở của hết thảy chúng sanh, thì gọi là Bồ Tát tùy thuận chúng sanh tâm.

- Nếu Bồ Tát dùng thần thông, đi từ Phật quốc này đến Phật quốc khác, mà chẳng khởi tưởng về Phật giới tướng, thì gọi là Bồ Tát du hý thần thông quán các Phật quốc.

- Nếu Bồ Tát thấy vô lượng Phật quốc mà chẳng khởi tưởng về Phật giới tướng, thì gọi là Bồ Tát tự trú nơi các Phật quốc.

- Nếu Bồ Tát hiện thân chuyển luân thánh vương, đi cùng khắp các Phật quốc, nhằm tự trang nghiêm Phật quốc của chính mình, thì

gọi là Bồ Tát tự trang nghiêm Phật quốc của mình như các Phật quốc đã được thấy.

- Nếu Bồ Tát an trú nơi pháp thân, thì gọi là Bồ Tát như thật quán pháp thân và tự trang nghiêm pháp thân.

Như vậy gọi là Bồ Tát trú địa thứ tám phải viên mãn 5 pháp.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ Tát an trú bát địa, nên đầy đủ năm pháp, từ biết căn tánh cao thấp của chúng sanh… dẫn đến tùy theo căn tánh của chúng sanh mà thị hiện thọ thân?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nên biết:

- Nếu Bồ Tát trú trong mười Phật lực, thì gọi là Bồ Tát biết rõ căn tánh cao thấp của chúng sanh.

- Nếu Bồ Tát đã thanh tịnh chúng sanh tâm, thì gọi là Bồ Tát thanh tịnh Phật độ.

- Nếu Bồ Tát vào tam muội, thành tựu các việc mà chẳng sanh tâm chấp, vì biết rõ các pháp tướng đều là "không", thì gọi là Bồ Tát nhập "Như Huyễn tam muội".

- Nếu Bồ Tát được quả báo sanh tam muội, thì gọi là Bồ Tát thường nhập vào các tam muội.

- Nếu Bồ Tát thệ nguyện thành tựu chúng sanh, nguyện sống cùng với chúng sanh để giáo hoá họ, thì gọi là Bồ Tát tùy căn tánh chúng sanh mà thị hiện thọ thân.

Như vậy gọi là Bồ Tát trú bát địa, nên đầy đủ 5 pháp.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ Tát <u>an trú cửu địa</u>, phải đầy đủ 12 pháp, từ thọ vô biên thế giới… dẫn đến thành tựu hết thảy thiện công đức?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nên biết:

- Nếu Bồ Tát đem Phật pháp hoá độ chúng sanh khắp mười phương thế giới, thì gọi là Bồ Tát thọ vô biên thế giới.

- Nếu Bồ Tát đã được đầy đủ sáu pháp Ba la mật thì gọi là Bồ Tát biết được ngôn ngữ của các loài.

- Nếu Bồ Tát đời đời thường hoá hiện sanh thân, thì gọi là Bồ Tát thành tựu sanh thai.

- Nếu Bồ Tát thường chọn sanh vào gia đình danh giá, có đạo hạnh, thì gọi là Bồ Tát thành tựu gia đình.

- Nếu Bồ Tát thường chọn quốc độ để thọ sanh, thì gọi là Bồ Tát thành tựu chỗ sanh.

- Nếu Bồ Tát thường chọn lại dòng họ ở đời quá khứ để thọ sanh, thì gọi là Bồ Tát thành tựu dòng họ.

- Nếu Bồ Tát thường theo các vị đại Bồ Tát để làm quyến thuộc, thì gọi là Bồ Tát thành tựu quyến thuộc.

- Nếu Bồ Tát ngay khi vừa sanh ra đời đã có quang minh toả chiếu khắp vô lượng vô biên thế giới, mà chẳng chấp các tướng quang minh đó, thì gọi là Bồ Tát thành tựu xuất sanh.

- Nếu Bồ Tát ngay khi vừa xuất gia đã có vô lượng chư Thiên theo hầu hạ, khuyến thỉnh Bồ Tát thành tựu đạo quả, để dẫn dắt chúng sanh vào ba thừa đạo, thì gọi là Bồ Tát thành tựu xuất gia.

- Nếu Bồ Tát dùng bảy báu để trang nghiêm thân, cành, lá cây Bồ Đề, khiến cho cây Bồ Đề chiếu quang minh khắp cả mười phương thế giới, thì gọi là Bồ Tát thành tựu "Bồ Đề Thọ" trang nghiêm.

- Nếu Bồ Tát đã thanh tịnh chúng sanh, và thanh tịnh Phật độ, thì gọi là Bồ Tát thành tựu viên mãn hết thảy các công đức.

Như vậy gọi là Bồ Tát trú địa thứ chín, viên mãn 12 pháp.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Vì sao nói Bồ Tát Ma Ha Tát trú thập địa là như Phật rồi?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát Ma Ha Tát <u>trú thập địa</u>, dùng đầy đủ các lực phương tiện để hành sáu pháp Ba la mật, hành bốn niệm xứ, … dẫn đến hành mười tám bất cộng pháp, tận đoạn các tập khí phiền não, thẳng tiến lên Phật địa. Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ Tát Ma Ha Tát trú thập địa được xem như Phật vậy.

****

Trên đây đã tóm lược lại quá trình tu tập của Bồ Tát Ma Ha Tát, thừa Đại Thừa, phát thú Thập Địa.

LUẬN :

Hỏi: *Trên đây nói rằng Bồ Tát trú thất địa chẳng nên chấp hai mươi pháp. Như vậy đối với các nhân duyên tạo pháp thì Bồ Tát cũng chẳng chấp chăng?*

Đáp: Hết thảy các pháp hữu vi lần lượt duyên nhau, mà thành có nhân, có quả.

Nếu ở nơi đây mà sanh chấp tâm, thủ tướng và sanh kiến giải thì gọi gì là “nhân kiến”. Vì sao? Vì ở nơi chẳng có nhân (phi nhân), mà chấp là có nhân vậy.

Nếu Bồ Tát hành đầy đủ “mười tám không” thì chẳng còn dấy tâm phân biệt nữa.

Hơn thế nữa, nếu Bồ Tát hành thêm “chúng sanh không” và “pháp không” thì sẽ được “đầy đủ không”. Ở nơi rốt ráo không mà chẳng chấp mới gọi là “đầy đủ không”.

Hỏi: *Vì sao nói Bồ Tát biết rõ các pháp đều là “tự tướng không” là được “đầy đủ không?”*

Đáp: Vì hết thảy các pháp đều là tự tướng không, dẫn đến pháp “không” cũng là tự tướng không.

Bồ Tát trú lục địa, dù đã có nhiều phước đức, dù đã được các căn lanh lợi, nhưng vẫn còn phân biệt các pháp. Như vậy là còn chấp pháp tướng.

Vào thất địa, Bồ Tát mới liễu đạt được “tự tướng không” nên được “đầy đủ không”, tức là được “cụ túc không” vậy.

Đối với chư Phật và chư đại Bồ Tát, thì hữu vi không, vô vi không… dẫn đến vô pháp hữu pháp không đều là “cụ túc không” cả.

--o0o--

Người chứng được “vô tướng” là vào được Niết Bàn, vào nơi “vô tu”, “vô thuyết”. Vì sao? Vì có vô lượng vô biên công đức chẳng thể nghĩ bàn vậy.

--o0o--

Người chứng được “vô tác”, biết rõ hết thảy pháp đều chẳng có chủ tác, dẫn đến ba cõi cũng là như vậy.

--o0o--

Người đầy đủ mười thiện nghiệp đạo là được đầy đủ “ba phần thanh tịnh”.

Nên biết tu mười thiện nghiệp đạo dẫn đến ba giải thoát môn. Thế nhưng nếu tu chưa đầy đủ thì chưa hẳn là được cả "ba phần thanh tịnh". Vì sao? Vì có khi thân thanh tịnh mà khẩu chưa thanh tịnh, có khi khẩu thanh tịnh mà ý chưa thanh tịnh.

Người thế gian, do chưa ly được các chấp nên chẳng có được ba phần thanh tịnh. Bồ Tát đã hoàn toàn ly các chấp mới được đầy đủ cả ba phần thanh tịnh.

--o0o--

Bồ Tát đối với hết thảy chúng sanh, có đầy đủ "từ bi" và "trí bi", lại có đầy đủ cả ba duyên, là duyên chúng sanh, duyên pháp và vô duyên.

Vô duyên nói ở đây là vô duyên "đại từ bi", được đầy đủ các pháp không, dẫn đến vô duyên "đại trí bi", biết rõ thật tướng của hết thảy pháp cũng là không.

Bồ Tát đã thâm nhập vào thật tướng pháp nên mới phát bi niệm, thương hết thảy chúng sanh, ví như người cha quá thương con, muốn đem hết cả tài sản của mình cho con.

Như vậy gọi là Bồ Tát thanh tịnh đầy đủ Phật thế giới vậy.

Hỏi: *Nếu Bồ Tát chẳng niệm tưởng chúng sanh, thì làm sao có thể tịnh Phật thế giới được?*

Đáp: Vì muốn trang nghiêm Phật quốc mà Bồ Tát dạy chúng sanh trú trong mười thiện đạo. Làm như vậy tuy đã là trang nghiêm nhưng chưa thật trang nghiêm. Vì sao ? Vì giáo hoá chúng sanh mà chẳng chấp chúng sanh tướng thì phước đức mới thật là thanh tịnh, mới được gọi là "vô ngại trang nghiêm".

--o0o--

Ở đây Phật mật ý nói rằng: Nếu biết rõ các pháp là bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm, là biết rõ các pháp đều bình đẳng, là vào được nơi thật tướng pháp, dẫn đến được Vô Sanh Pháp Nhẫn.

Được như vậy là "tín" lẫn "đạt" đều vô ngại.

Nếu biết được danh sắc là bất sanh thì được Vô Sanh Trí. Đây mới chỉ là "sơ nhẫn". Phải được "tế nhẫn" mới gọi là được Vô Sanh Pháp Nhẫn.

Nên biết, khi nói danh sắc là bất sanh thì đó là nói về các pháp là nhất tướng, là vô tướng. Bồ Tát biết rõ danh sắc là vô tướng, là tánh không, nên chẳng chấp danh sắc.

--o0o--

Lại nữa, Bồ Tát biết rõ năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới… đều là lưới ma, chẳng thật có nên dạy chúng sanh phải ly năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới…, phải thường dùng các pháp nhân duyên mà hành "bất nhị pháp" mới có thể phá được phân biệt tướng.

Vì sao ? Vì sáu nội nhập (nhãn… dẫn đến ý), sáu ngoại nhập (sắc… dẫn đến pháp) đều là chẳng thật có nên sáu thức (nhãn thức,… dẫn đến ý thức) khởi sanh ra cũng chẳng thật có.

Bởi vậy nên nói là vô nhãn… dẫn đến vô ý, vô sắc… dẫn đến vô pháp, vô nhãn thức… dẫn đến vô ý thức, vô nhãn giới… dẫn đến vô ý thức giới.

--o0o--

Lại nữa, Bồ Tát trú trong "bất nhị pháp môn", chẳng niệm ức tưởng, phá nội tâm phân biệt về các pháp. Bồ Tát thứ lớp chuyển các kiến, trước chuyển biên kiến, tà kiến, sau mới vào đạo chuyển pháp kiến, Niết Bàn kiến…

Bồ Tát biết rõ các pháp đều chẳng có tướng nhất định, nên dùng "vô định tướng" của các pháp để chuyển tướng Niết Bàn, tức chuyển Nhị Thừa thành Đại Thừa vậy.

--o0o--

Bồ Tát do có được các phước đức nhân duyên nên diệt trừ được các phiền não, được an ổn hành đạo. Tuy nhiên vẫn còn các vi tế ái kiến, vi tế mạn kiến cần phải dứt trừ. Bởi vậy nên Bồ Tát lại càng phải dùng thật trí huệ để quán thật tướng của các phiền não cũng là vô tướng.

Bồ Tát ở tam địa, nếu huệ nhiều mà định ít thì chẳng nhiếp được quả vị của địa ấy, khi vượt khỏi tam địa rồi, nếu định nhiều mà huệ ít, thì cũng chẳng vào được Bồ Tát vị. Phải được đầy đủ chúng sanh không và pháp

không, được định và huệ bình đẳng, mới thật được an ổn hành đạo, vào bất thối chuyển địa, rồi mới lần lần đến được Nhất Thiết Chủng Trí.

Ở nơi Trí Huệ Đại, vì thương xót chúng sanh, mà Bồ Tát phải tự điều phục tâm ý, phải biết rõ thật tướng pháp, phải chẳng còn chấp ba cõi.

Bồ Tát đã tự điều phục tâm ý như vậy rồi, đã được tịch tịnh như vậy rồi, nhưng **phải vào thất địa thì tâm ý mới hoàn toàn được tịch tịnh, vô ngại.**

Nên biết, nếu đã được Bát nhã Ba la mật rồi, thì dù ở Nhị Thừa địa, Bồ Tát vẫn được dung thông vô ngại, vẫn dìu dắt chúng sanh vào thật tướng pháp, dẫn đến được vô ngại giải thoát.

Hỏi: *Vì sao nói Bồ Tát trú ở thất địa đã được Phật nhãn?*

Đáp: Bồ Tát trú ở thất địa, do học Phật pháp mà được vô ngại trí, chẳng còn nhiễm trước nên tựa như đã có Phật nhãn.

Bồ Tát trú ở thất địa, do còn nhục thân nên khi vào thiền định chẳng khởi chấp tâm, nhưng khi xuất thiền vẫn còn chấp, như thấy người thân thích vẫn còn luyến ái.

--o0o--

Phật dạy: Khi sáu căn duyên sáu trần, Bồ Tát phải hành xả, chẳng chấp xấu tốt, vui buồn… Như vậy mới vào được bát địa.

Bồ Tát **trú bát địa**, thuận chúng sanh tâm, dùng trí huệ phân biệt, quán chúng sanh trong vô lượng A Tăng Kỳ kiếp. Tuy nhiên phải lâu sau mới độ được họ.

Bồ Tát quán thấy có chúng sanh phải tu một kiếp đến mười kiếp mới độ được, có chúng sanh tu một đời đến hai đời mới độ được, có chúng sanh đã thuần thục, có chúng sanh chưa thuần thục v.v… Bởi vậy Bồ Tát phải dùng cả ba thừa đạo mới rộng độ được chúng sanh. Ví như vị thầy thuốc giỏi, sau khi chẩn mạch bệnh nhân mới phân loại bệnh nặng hay nhẹ, bệnh dễ trị được hay bệnh chẳng có thể chữa trị được, để tuỳ theo đó mà cho thuốc vậy.

Bồ Tát vào thất địa, khi muốn vào Niết Bàn thì được chư Phật khắp mười phương gia bị, còn khi muốn phát nguyện tu hành thì hiển dụng thần thông, đi khắp mười phương thế giới để thanh tịnh Phật độ và nghe chư Phật thuyết pháp.

Bồ Tát vào bát địa, có bảo luân, nên đi đâu cũng được tự tại vô ngại.

Ví như trường hợp Bồ Tát Tự Tại Vương vào thời Phật còn tại thế, đã dùng đạo Bồ Tát thuyết giảng khiến chúng sanh ở khắp mười phương đều được trang nghiêm Phật độ.

Bồ Tát trú bát địa, thường đem mưa pháp rưới khắp mười phương, khiến chúng sanh đều được lợi lạc, lấy tịnh tướng của các quốc độ khác để trang nghiêm quốc độ của mình, lại như thật quán Phật thân là như huyễn, như hoá, Vì sao? Vì như lời Phật dạy "thấy pháp thân là như thấy Phật". Phật thân là bất khả đắc, pháp thân cũng là bất khả đắc, cả hai thân đó đều do các duyên hoà hợp mà có, và đều là tự thánh không. Bồ Tát phải biết tâm hạnh của chúng sanh, rõ biết chúng sanh lợi căn hay độn căn, có tâm bố thí nhiều hay có trí huệ nhiều… mới có thể tùy duyên mà hoá độ họ được.

Bồ Tát thanh tịnh được chúng sanh tâm là đã thanh tịnh Phật độ rồi vậy. Vì sao? Vì thanh tịnh Phật độ có hai pháp. Đó là :

- Bồ Tát trì thân là tự tịnh.
- Bồ Tát tịnh tâm chúng sanh, khiến mình và chúng sanh đều được thanh tịnh.

Bồ Tát nguyện thanh tịnh Phật độ, nguyện vào "như huyễn tam muội", thành tựu các sự việc mà chẳng khởi tâm chấp. Bồ Tát vào tam muội ấy, biến thân khắp mười phương thế giới, hành bố thí Ba la mật cùng các Ba la mật khác, đến với hết thảy chúng sanh, thuyết pháp nhằm ba phía đường ác, giáo hoá chúng sanh, khiến họ an lập được trong ba thừa đạo. Bồ Tát thành tựu các việc lợi ích cho chúng sanh như vậy mà chẳng chấp tâm, chẳng thủ tướng, vì thường hằng ở trong tam muội vậy. Bồ Tát ở trong "như huyễn tam muôi" an nhiên thành tựu thọ các thân, tùy theo căn tánh của chúng sanh, mà thọ thân tương ứng để hoá độ họ.

Đây là tướng của Bồ Tát bát địa.

--o0o--

Bồ Tát vào cửu địa, duyên ba cảnh giới, gồm: cảnh giới tịnh, cảnh giới bất tịnh và tạp cảnh giới. Trong cả ba cảnh giới, Bồ Tát đều tùy tâm chúng sanh mà hoá độ nhằm nhiếp nhủ họ. Ví như mặt trời chiếu sáng, chẳng phải chỉ vì người sáng mắt, mà đến cả người đui mù cũng đều được lợi

lạc. Bồ Tát đến với chúng sanh cũng như vậy. Hoặc là đã có sẵn nhân duyên với họ, hoặc muốn tạo nhân duyên để cứu độ họ, dù đến với họ, dù rời xa họ cũng đều là nhân duyên cả.

Bồ Tát xem hằng sa thế giới khắp mười phương cũng như một thế giới, nên ở nơi hằng sa Phật khắp mười phương, vẫn y như nguyện mà độ thoát chúng sanh.

Đây là Bồ Tát đủ phước huệ trang nghiêm, viên mãn như nguyện.

Như lời Phật dạy: Đầy đủ sáu pháp Ba la mật là đầy đủ trí huệ; đầy đủ trí huệ là đầy đủ phước đức.

Do trí huệ và phước đức đều đầy đủ như ý nguyện, nên Bồ Tát biết rõ tâm nguyện hết thảy chúng sanh.

Lại nữa, do có được "túc mạng trí" thanh tịnh, nên Bồ Tát biết rõ chỗ sanh, chỗ chết của chúng sanh.

Lại nữa, do có được "giải thoát danh tự như ngôn tam muội", nên Bồ Tát thông đạt được các ngữ ngôn của hết thảy các loài chúng sanh.

Lại nữa, do có được "tứ vô ngại trí", nên Bồ Tát thuyết pháp và độ sanh vô ngại.

--o0o--

Về sự thị hiện thọ thân của Bồ Tát Thích Ca Mưu Ni:

- Có thuyết nói rằng: Bồ Tát cỡi voi sáu ngà, từ cung trời Đâu Suất, thị hiện vào thai mẹ. Bồ Tát có "như huyễn tam muôi", dùng lực tam muội này vào thai mẹ, nên có đầy đủ phước đức nhân duyên, như khi còn ở trên cung trời Đầu Suất.

- Có thuyết nói rằng: Bồ Tát ra khỏi thai mẹ, có các vị Thiên Long theo hầu; Bồ Tát, từ thai mẹ ra qua ngã hông bên phải, như mặt trời từ trong đám mây ló dạng ra vậy. Ngay lúc bấy giờ có tiếng xưng tán vang dội giữa hư không khắp cả mười phương rằng "ở nước ấy có vị hậu thân Bồ Tát sanh ra, có đầy đủ trí huệ, có đầy đủ thế lực, làm lợi ích cho chúng sanh.

- Có thuyết nói rằng: Bồ Tát, từ cung trời Đầu Suất, quán trong thế gian có dòng họ nào, có gia đình nào, có người nào cao quí, đức hạnh, thương xót chúng sanh, thì thị hiện sanh vào đó. Ví như, trong bảy đức Phật kế tiếp ra đời, tính đến đời đức Phật Thích Ca Mưu Ni, có:

- Ba đức Phật thuộc dòng họ Kiều Trần Như.
- Ba đức Phật thuộc dòng họ Ca Diếp,
- Và đức Phật Thích Ca Mưu Ni thuộc dòng họ Cù Đàm.

Bồ Tát đã được thâm tâm kiên cố, được vô sanh pháp nhẫn, nên được khí phần của Nhất Thiết Trí Chủng Trí.

Bồ Tát thành tựu quyến thuộc, gồm toàn người trí, người thiện đã tu tập công đức trong nhiều đời, nhiều kiếp.

Như trong kinh Bất Khả Tư Nghi có nói: Cù Ty Gia là một đại Bồ Tát và các quyến thuộc của ngài đều là những vị Bồ Tát bất thối chuyển. Lại nữa, Bồ Tát có "biến hoá lực tam muội", nên cũng có các người nam, người nữ theo Bồ Tát làm quyến thuộc,

Trong kinh có chép mẫu chuyện sau đây:

Đức Phật Thích Ca Mưu Ni khi còn là Bồ Tát, có rất nhiều thế nữ rất xinh đẹp ở trong cung làm quyến thuộc của ngài. Một hôm thấy các cung nữ nằm ngủ chẳng khác gì những xác chết, Bồ Tát sanh tâm nhàm chán dục lạc, quyết tâm rời bỏ hoàng cung, ra đi tìm đạo giải thoát.

Mặc dù có lệnh của vua Tịnh Phạn truyền phải giữ Thái Tử ở lại trong cung, nhưng Xa Nặc vẫn tùy theo ý của Bồ Tát, dẫn con ngựa Kiền Trắc cùng Bồ Tát vượt thành ra đi. Lúc bấy giờ có chư Thiên, Long, Thần phụng nghinh, nâng chân ngựa, đưa Bồ Tát cùng Xa Nặc vượt thành an toàn. Nhờ vậy mà Bồ Tát vượt ra khỏi "nhà phiền não". Như vậy gọi là thành tựu xuất gia.

--o0o--

Bồ Tát dùng bảy báu trang nghiêm cây Bồ Đề, gọi là thành tựu "Bồ Đề thọ" trang nghiêm. Đây là vì chúng sanh mà Bồ Tát dùng thần lực chẳng thể nghĩ bàn (bất khả tư nghì) hoá hiện ra các cảnh trang nghiêm như vậy.

--o0o--

Bồ Tát **trú cửu địa**, đầy đủ thành tựu chúng sanh và thanh tịnh Phật độ, vừa tư lợi vừa lợi tha, nên được vô lượng công đức chẳng thể bàn.

Chư vị A La Hán và Bích Chi Phật tuy cũng có vô vàn công đức, nhưng vì chưa đủ lợi tha nên chẳng được như Bồ Tát. Đây là tướng của Bồ Tát cửu địa.

Thập địa còn gọi là Pháp Vân Đia.

Ví như đám mây lớn đổ mưa liên tục, Bồ Tát trú ở địa này, tự nhiên sanh vô lượng vô biên niệm thanh tịnh, vô lượng vô biên niệm Phật pháp.

Bồ Tát tự nghĩ rằng: Nếu ở cõi Dục mà ta chưa hàng phục được ma tâm, thì ma sân não vẫn còn tập họp ma chúng đến quấy nhiễu ta.

Khi Bồ Tát đã hàng phục xong chúng ma, chư phật khắp 10 phương đều hoan hỷ, phóng hào quang, xoa đầu và khen ngợi Bồ Tát.

Đây là tướng của Bồ Tát thập địa.

Lại nữa, Bồ Tát vào thập địa, có vô lượng công đức như: Hiển hành Phật pháp, đoạn hết thảy các tập khí phiền não, được vô ngại giải thoát, đầy đủ mười lực, bốn vô sở uý, bốn vô ngại trí, đại từ, đại bi cùng vô lượng các lực phương tiện khác. Lúc bấy giờ mặt đất hiện sáu điệu chấn động, từ trên không trung mưa hoa đổ xuống, chư Phật phóng đại quang minh chiếu khắp mười phương thế giới. Ở khắp mười phương chư Phật, chư Bồ Tát cùng chư Thiên đều tán thán rằng: Ở cõi nước đó, có vị Bồ Tát toạ đạo tràng, thành tựu Phật sự, phóng đại quang minh, đã vào thập địa, đã được như Phật.

Đây là tướng của Bồ Tát thập địa, và cũng là tướng của Bồ Tát vào Phật địa vậy.

Như vậy gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát thừa Đại Thừa, Phát thú thập đia".

Đây là những giải thích hết sức thiết thực của bậc thật tu thật chứng. Hãy cố gắng thọ trì. Đừng bao giờ bỏ qua dịp may hiếm có trong cuộc đời tu học của chúng ta. Khi viết lại lời giải thích nầy của Đại Trí Độ Luận như nói trên chúng tôi không đặt kỳ vọng xa xôi mà chỉ nêu ra thập địa như 10 bậc thang giáo lý để giúp chúng ta hiểu các trình độ tu tập Bát Nhã trong Kinh dạy như thế nào? Thí dụ như người tu không phân biệt tướng, phá tất cả chấp, chứng vô tướng, biết vô tác, tam phần thanh tịnh, được vô sanh trí, được bình đẳng huệ, v.v... thì chúng ta biết là vị đó đã vào được thất địa. ***Ngoài ra, thập địa là bậc thang giáo lý giúp hành giả Bát Nhã tự soi xét thẩm định công phu tu tập của chính mình. Và nhờ đó mà cải thiện tâm linh mau được viên mãn hơn.***

Nói tóm lại, công phu tu tập không phải nhờ ai đánh giá, thập địa chính là mười bậc thang tu hành, nó sẽ giúp mình tự soi sáng để hoàn thành hạnh nguyện trong việc tự độ và độ tha.

Kết luận:

(Cho 3 phẩm: Tam ma địa, Niệm trụ đẳng và Tu trị địa)

*Phú Lâu Na trình bày với Thế Tôn là **muốn trở thành đại Bồ Tát hay Bồ Tát Ma ha tát thì phải hội đủ 3 điều kiện**: 1. Phát đại thệ nguyện trang nghiêm, 2. Phát thú Đại thừa và 3. Ngồi xe Đại thừa (thừa Đại thừa). Trong 3 điều kiện này, điều kiện cuối cùng quan trọng nhất. Vì ngồi xe Đại thừa, cưỡi Đại thừa có nghĩa là nương Đại thừa xuất ly. Muốn thế phải tu học và thực hành tất cả pháp mầu Phật đạo nhất là lục Ba la mật. Ba phẩm "Tam ma địa", "Niệm trụ đẳng" và "Tu trị địa" chẳng qua là miêu tả công năng của các pháp mầu này:*

- Phẩm "Tam Ma Địa" nói về lục Ba la mật, 18 pháp Không và vô lượng Tam ma địa mầu nhiệm thù thắng;

- Phẩm "Niệm Trụ Đẳng" nói về Bốn niệm trụ, 37 pháp trợ đạo, Tam tam muội, 11 trí, Tam căn, Tứ thiền, Tứ vô lượng, Tứ vô sắc định, 18 Phật bất cộng, các môn Đà la ni v.v…

- Phẩm "Tu Trị Địa" nói về tu Thập địa Bồ Tát từ sơ địa dẫn đến thập địa, viên mãn tất cả pháp phải tu phải chứng 10 địa mới được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát phát thú thập địa.

Kết luận này đúc kết những gì mà Phú Lâu Na gọi là tinh thể tạo thành đại Bồ Tát hay Bồ Tát Ma ha tát, mà vai trò quyết định chính là tất cả các pháp mầu Phật đạo nhất là lục Ba la mật. Đó là hành trang trong cuộc đời hành đạo của các ngài để tạo phúc lạc cho toàn thể chúng sanh./.

---o0o---

19. PHẨM "XUẤT TRỤ"

Cuối Q.416 cho đến đầu Q.417, Hội thứ II.
(Tương đương phẩm "Biện Đại Thừa", bắt đầu Q.55 - Q.56, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Giáo lý của phẩm "Xuất Trụ" xoay quanh các pháp mầu Phật đạo do cụ thọ Thiện Hiện nêu ra: Những gì là tướng Đại thừa của Bồ Tát Ma ha tát? Làm thế nào biết được Bồ Tát phát tâm hướng đến Đại thừa? Đại thừa như vậy từ nơi nào ra, đến trụ nơi nào? Đại thừa như vậy trụ ở đâu? Ai lại nương Đại thừa này mà ra? Kinh mặc dù có trùng tụng, tuy nhiên các câu trả lời rất chính xác, thỏa đáng.

Ở đây, chúng tôi dẫn chứng thêm luận giải của Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 21, "Xuất Đáo"(Ra và Đến), Tập 3, quyển 50, tương đương với phẩm này để làm sáng tỏ thêm.

Tóm lược:

1. Phật trả lời câu hỏi thứ hai của Thiện Hiện: "Đại thừa như vậy từ nơi nào ra, đến trụ nơi nào?"

Lại nữa, Thiện Hiện! Ngươi hỏi **Đại thừa như vậy từ nơi nào ra, đến trụ nơi nào?**

Thiện Hiện! Đại thừa như vậy **từ trong ba cõi mà ra và đến an trụ trong Nhất thiết trí trí**; do vì Nhất thiết trí trí mà hiện ra ba cõi, nhưng vì không có hai, nên không ra không đến. Vì sao? Vì hoặc Đại thừa, hoặc Nhất thiết trí trí, hai pháp như vậy chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng nhất tướng, chỗ gọi là vô tướng. **Pháp vô tướng không ra không đến**. Vì sao? Thiện Hiện! Pháp vô tướng chẳng đã ra và đã đến, chẳng phải sẽ ra và sẽ đến, chẳng phải đang ra và đang đến.

Thiện Hiện! Ai muốn khiến pháp vô tướng có chỗ ra có chỗ đến, thì kẻ ấy muốn khiến **chơn như** có chỗ ra có chỗ đến. Vì sao? Vì chơn như

chẳng thể từ trong tam giới mà ra, cũng chẳng thể đến trụ trong Nhất thiết trí trí. Vì sao? **Vì chơn như và tự tánh của chơn như là không.**

Thiện Hiện! Ai muốn khiến pháp vô tướng ấy có chỗ ra có chỗ đến, thì kẻ ấy muốn khiến **pháp giới, pháp tánh**, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, cảnh giới bất tư nghì, cảnh giới hư không, cảnh giới đoạn, cảnh giới ly, cảnh giới diệt*(1)*, cảnh giới vô tánh, cảnh giới vô tướng, cảnh giới vô tác, cảnh giới vô vi, cảnh giới an ổn*(2)*, cảnh giới tịch tịnh, định pháp, trụ pháp, bổn vô, thật tế, có chỗ ra có chỗ đến. Vì sao? Vì pháp giới cho đến thật tế chẳng thể từ trong tam giới mà ra, cũng chẳng thể đến an trú trong Nhất thiết trí trí. Vì sao? Thiện Hiện! **Vì pháp giới và tánh của pháp giới là không, cho đến thật tế và tánh của thật tế là không**.

Thiện Hiện! Ai muốn khiến pháp vô tướng có chỗ ra có chỗ đến, thì kẻ ấy muốn khiến **sắc** có chỗ ra có chỗ đến. Vì sao? Vì sắc chẳng thể từ trong tam giới mà ra, cũng chẳng thể đến an trú trong Nhất thiết trí trí. Vì sao? Thiện Hiện! Vì sắc và tự tánh của sắc là không.

Thiện Hiện! Ai muốn khiến pháp vô tướng có chỗ ra có chỗ đến, thì kẻ ấy muốn khiến **thọ, tưởng, hành, thức có chỗ ra có chỗ đến**. Vì sao? Vì thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể từ trong tam giới mà ra, cũng chẳng thể đến an trú trong Nhất thiết trí trí. Vì sao? Thiện Hiện! Vì thọ, tưởng, hành, thức và tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức **là không**.

Thiện Hiện! Ai muốn khiến pháp vô tướng có chỗ ra có chỗ đến, thì kẻ ấy muốn khiến **12 xứ, 18 giới có ra có chỗ đến**. Vì sao? Vì 12 xứ, 18 giới chẳng thể từ trong tam giới mà ra, cũng chẳng thể đến an trú trong Nhất thiết trí trí. Vì sao? Thiện Hiện! Vì 12 xứ, 18 giới và tự tánh của chúng là không.

Thiện Hiện! Ai muốn khiến pháp vô tướng có chỗ ra có chỗ đến, thì kẻ ấy muốn khiến **nhãn thức giới cho đến ý thức giới** cùng các thọ do ý thức làm duyên sanh ra có chỗ ra có chỗ đến. Vì sao? Vì nhãn thức giới cho đến các thọ do ý thức làm duyên sanh ra chẳng thể từ trong tam giới mà ra, cũng chẳng thể đến an trú trong Nhất thiết trí trí. Vì sao? Thiện Hiện! Vì nhãn thức giới và tự tánh của nhãn thức giới là không, cho đến các thọ do ý thức làm duyên sanh ra và tự tánh của các thọ do ý thức làm duyên sanh ra là không.

Thiện Hiện! Ai muốn khiến pháp vô tướng có chỗ ra có chỗ đến, thì kẻ ấy muốn khiến **địa giới** có chỗ ra có chỗ đến. Vì sao? Vì địa giới chẳng thể từ trong tam giới mà ra, cũng chẳng thể đến an trú trong Nhất thiết trí trí. Vì sao? Vì địa giới và tự tánh của địa giới là không.

Thiện Hiện! Ai muốn khiến pháp vô tướng có chỗ ra có chỗ đến, thì kẻ ấy muốn khiến **thủy, hỏa, phong, không, thức giới** có chỗ ra có chỗ đến. Vì sao? Vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới chẳng thể từ trong tam giới mà ra, cũng chẳng thể đến an trú trong Nhất thiết trí trí. Vì sao? Thiện Hiện! Vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới và tự tánh của thủy, hỏa, phong, không, thức giới là không.

Thiện Hiện! Ai muốn khiến pháp vô tướng có chỗ ra có chỗ đến, thì kẻ ấy muốn khiến **Thánh đế khổ**, có chỗ ra có chỗ đến. Vì sao? Vì Thánh đế khổ, chẳng thể từ trong tam giới mà ra, cũng chẳng thể đến an trú trong Nhất thiết trí trí. Vì sao? Thiện Hiện! Vì Thánh đế khổ và tự tánh của Thánh đế khổ là không.

Thiện Hiện! Ai muốn khiến pháp vô tướng có chỗ ra có chỗ đến, thì kẻ ấy muốn khiến Thánh đế tập, diệt, đạo có chỗ ra có chỗ đến. Vì sao? Vì Thánh đế tập, diệt, đạo chẳng thể từ trong tam giới mà ra, cũng chẳng thể đến an trú trong Nhất thiết trí trí. Vì sao? Thiện Hiện! Vì Thánh đế tập, diệt, đạo và tự tánh của Thánh đế tập, diệt, đạo là không.

Thiện Hiện! Ai muốn khiến pháp vô tướng có chỗ ra có chỗ đến, thì kẻ ấy muốn khiến **vô minh** có chỗ ra có chỗ đến. Vì sao? Vì vô minh chẳng thể từ trong tam giới mà ra, cũng chẳng thể đến an trú trong Nhất thiết trí trí. Vì sao? Vì vô minh và tự tánh của vô minh là không.

Thiện Hiện! Ai muốn khiến pháp vô tướng có chỗ ra có chỗ đến, thì kẻ ấy muốn khiến hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử, sầu, than, khổ, ưu, não ***(12 duyên khởi)*** có chỗ ra có chỗ đến. Vì sao? Vì hành cho đến lão tử, sầu, than, khổ, ưu, não chẳng thể từ trong tam giới mà ra, cũng chẳng thể đến an trú trong Nhất thiết trí trí. Vì sao? Thiện Hiện! Vì hành và tự tánh của hành là không, cho đến lão tử, sầu, than, khổ, ưu, não và tự tánh của lão tử, sầu, than, khổ, ưu, não là không.

Thiện Hiện! Ai muốn khiến pháp vô tướng có chỗ ra có chỗ đến, thì kẻ ấy muốn khiến **sự huyễn** có chỗ ra có chỗ đến. Vì sao? Vì sự huyễn chẳng thể từ trong tam giới mà ra, cũng chẳng thể đến an trú trong Nhất thiết trí trí. Vì sao? Thiện Hiện! Vì sự huyễn và tự tánh của sự huyễn là không.

Thiện Hiện! Ai muốn khiến pháp vô tướng có chỗ ra có chỗ đến, thì kẻ ấy muốn khiến **cảnh mộng, ảnh tượng, tiếng vang**, bóng sáng, hoa đốm giữa hư không, sóng nắng, ảo thành, sự biến hóa có chỗ ra có chỗ đến. Vì sao? Vì cảnh mộng cho đến sự biến hóa chẳng thể từ trong tam giới mà ra, cũng chẳng thể đến an trú trong Nhất thiết trí trí. Vì sao? Thiện Hiện! Vì cảnh mộng và tự tánh của cảnh mộng là không, cho đến sự biến hóa và tự tánh của sự biến hóa là không.

Thiện Hiện! Ai muốn khiến pháp vô tướng có chỗ ra có chỗ đến, thì kẻ ấy muốn khiến **cái không nội** có chỗ ra có chỗ đến. Vì sao? Vì cái không nội chẳng thể từ trong tam giới mà ra, cũng chẳng thể đến an trú trong Nhất thiết trí trí. Vì sao? Thiện Hiện! Vì cái không nội và tự tánh cái không nội là không.

Thiện Hiện! Ai muốn khiến pháp vô tướng có chỗ ra có chỗ đến, thì kẻ ấy muốn khiến **cái không ngoại, cái không nội ngoại, cái không không**, cái không lớn, cái không thắng nghĩa, cái không hữu vi, cái không vô vi, cái không rốt ráo, cái không không biên giới, cái không tản mạn, cái không không đổi khác, cái không bổn tánh, cái không tự tướng, cái không cộng tướng, cái không tất cả pháp, cái không chẳng thể nắm bắt được, cái không không tánh, cái không tự tánh, cái không không tánh tự tánh có chỗ ra có chỗ đến. Vì sao? Vì cái không ngoại cho đến cái không không tánh tự tánh chẳng thể từ trong tam giới mà ra, cũng chẳng thể đến an trú trong Nhất thiết trí trí. Vì sao? Thiện Hiện! Vì cái không ngoại và tự tánh của cái không ngoại là không, cho đến cái không không tánh tự tánh và tự tánh của cái không không tánh tự tánh là không.

Thiện Hiện! Ai muốn khiến pháp vô tướng có chỗ ra có chỗ đến, thì kẻ ấy muốn khiến **bố thí Ba la mật** có chỗ ra có chỗ đến. Vì sao? Vì bố thí Ba la mật chẳng thể từ trong tam giới mà ra, cũng chẳng thể đến an trú trong Nhất thiết trí trí. Vì sao? Thiện Hiện! Vì bố thí Ba la mật và tự tánh của bố thí Ba la mật là không.

Thiện Hiện! Ai muốn khiến pháp vô tướng có chỗ ra có chỗ đến, thì kẻ ấy muốn khiến **tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật có chỗ ra có chỗ đến**. Vì sao? Vì tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật chẳng thể từ trong tam giới mà ra, cũng chẳng thể đến an trú trong Nhất thiết trí trí. Vì sao? Thiện Hiện! Vì tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn,

tịnh lự, Bát nhã Ba la mật và tự tánh của tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật là không.

Thiện Hiện! Ai muốn khiến pháp vô tướng có chỗ ra có chỗ đến, thì kẻ ấy muốn khiến **bốn tịnh lự** có chỗ ra có chỗ đến. Vì sao? Vì bốn tịnh lự chẳng thể từ trong tam giới mà ra, cũng chẳng thể đến an trú trong Nhất thiết trí trí. Vì sao? Thiện Hiện! Vì bốn tịnh lự và tự tánh của bốn tịnh lự là không.

Thiện Hiện! Ai muốn khiến pháp vô tướng có chỗ ra có chỗ đến, thì kẻ ấy muốn khiến **bốn vô lượng, bốn định vô sắc** có chỗ ra có chỗ đến. Vì sao? Vì bốn vô lượng, bốn định vô sắc chẳng thể từ trong tam giới mà ra, cũng chẳng thể đến an trú trong Nhất thiết trí trí. Vì sao? Thiện Hiện! Vì bốn vô lượng, bốn định vô sắc và tự tánh của bốn vô lượng, bốn định vô sắc là không.

Thiện Hiện! Ai muốn khiến pháp vô tướng có chỗ ra có chỗ đến, thì kẻ ấy muốn khiến **bốn niệm trụ** có chỗ ra có chỗ đến. Vì sao? Vì bốn niệm trụ chẳng thể từ trong tam giới mà ra, cũng chẳng thể đến an trú trong Nhất thiết trí trí. Vì sao? Thiện Hiện! Vì bốn niệm trụ và tự tánh của bốn niệm trụ là không.

Thiện Hiện! Ai muốn khiến pháp vô tướng có chỗ ra có chỗ đến, thì kẻ ấy muốn khiến **bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy chi đẳng giác, tám chi Thánh đạo có chỗ ra có chỗ đến** *(nói nhắn gọn là 37 pháp trợ đạo)*. Vì sao? Vì bốn chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo chẳng thể từ trong tam giới mà ra, cũng chẳng thể đến an trú trong Nhất thiết trí trí. Vì sao? Thiện Hiện! Vì bốn chánh đoạn và tự tánh của bốn chánh đoạn là không, cho đến tám chi Thánh đạo và tự tánh của tám chi Thánh đạo là không.

Thiện Hiện! Ai muốn khiến pháp vô tướng có chỗ ra có chỗ đến, thì kẻ ấy muốn khiến **pháp môn giải thoát không** có chỗ ra có chỗ đến. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát không chẳng thể từ trong tam giới mà ra, cũng chẳng thể đến an trú trong Nhất thiết trí trí. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát không và tự tánh của pháp môn giải thoát không là không.

Thiện Hiện! Ai muốn khiến pháp vô tướng có chỗ ra có chỗ đến, thì kẻ ấy muốn khiến **pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện có chỗ ra có chỗ đến.** Vì sao? Vì pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện chẳng thể từ trong tam giới mà ra, cũng chẳng thể đến an trú trong Nhất thiết trí trí.

Vì sao? Thiện Hiện! Vì pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện và tự tánh của pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện là không.

Thiện Hiện! Ai muốn khiến pháp vô tướng có chỗ ra có chỗ đến, thì kẻ ấy muốn khiến **năm loại mắt, sáu phép thần thông** có chỗ ra có chỗ đến. Vì sao? Vì năm loại mắt, sáu phép thần thông chẳng thể từ trong tam giới mà ra, cũng chẳng thể đến an trú trong Nhất thiết trí trí. Vì sao? Thiện Hiện! Vì năm loại mắt, sáu phép thần thông và tự tánh của năm loại mắt, sáu phép thần thông là không.

Thiện Hiện! Ai muốn khiến pháp vô tướng có chỗ ra có chỗ đến, thì kẻ ấy muốn khiến **mười lực của Phật** có chỗ ra có chỗ đến. Vì sao? Vì mười lực của Phật chẳng thể từ trong tam giới mà ra, cũng chẳng thể đến an trú trong Nhất thiết trí trí. Vì sao? Thiện Hiện! Vì mười lực của Phật và tự tánh của mười lực của Phật là không.

Thiện Hiện! Ai muốn khiến pháp vô tướng có chỗ ra có chỗ đến, thì kẻ ấy muốn khiến **bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt,** đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí có chỗ ra có chỗ đến. Vì sao? Vì bốn điều không sợ cho đến Nhất thiết tướng trí chẳng thể từ trong tam giới mà ra, cũng chẳng thể đến an trú trong Nhất thiết trí trí. Vì sao? Thiện Hiện! Vì bốn điều không sợ và tự tánh của bốn điều không sợ là không, cho đến Nhất thiết tướng trí và tự tánh của Nhất thiết tướng trí là không.

Thiện Hiện! Ai muốn khiến pháp vô tướng có chỗ ra có chỗ đến, thì kẻ ấy muốn khiến bậc **Dự lưu** sanh vào đường ác có chỗ ra có chỗ đến. Vì sao? Vì bậc Dự lưu sanh vào đường ác chẳng thể từ trong tam giới mà ra, cũng chẳng thể đến an trú trong Nhất thiết trí trí. Vì sao? Thiện Hiện! Vì bậc Dự lưu sanh vào đường ác và tự tánh của bậc Dự lưu sanh vào đường ác là không.

Thiện Hiện! Ai muốn khiến pháp vô tướng có chỗ ra có chỗ đến, thì kẻ ấy muốn khiến bậc **Nhất lai sanh lại nhiều lần, bậc Bất hoàn sanh vào Dục giới, bậc đại Bồ Tát sanh ra để tự lợi, bậc A la hán, Độc giác, Phật đà Chánh Đẳng Chánh Giác** sanh lại đời sau có chỗ ra có chỗ đến. Vì sao? Vì bậc Nhất lai sanh lại nhiều lần cho đến Phật đà Chánh Đẳng Chánh Giác sanh lại đời sau chẳng thể từ trong tam giới mà ra, cũng chẳng thể đến an trú trong Nhất thiết trí trí. Vì sao? Thiện Hiện! Vì bậc Nhất lai sanh lại nhiều lần và tự tánh của bậc Nhất lai sanh lại nhiều lần là không,

cho đến Phật đà Chánh Đẳng Chánh Giác và tự tánh của Phật đà Chánh Đẳng Chánh Giác là không.

Thiện Hiện! Ai muốn khiến pháp vô tướng có chỗ ra có chỗ đến, thì kẻ ấy muốn khiến **Dự lưu hướng, Dự lưu quả** có chỗ ra có chỗ đến. Vì sao? Vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả chẳng thể từ trong tam giới mà ra, cũng chẳng thể đến an trú trong Nhất thiết trí trí. Vì sao? Thiện Hiện! Vì Dự lưu hướng, Dự lưu quả và tự tánh của Dự lưu hướng, Dự lưu quả là không.

Thiện Hiện! Ai muốn khiến pháp vô tướng có chỗ ra có chỗ đến, thì kẻ ấy muốn khiến **Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A la hán hướng, A la hán quả, Độc giác hướng, Độc giác quả, Bồ Tát, Như Lai** có chỗ ra có chỗ đến. Vì sao? Vì Nhất lai hướng, Nhất lai quả cho đến Như Lai chẳng thể từ trong tam giới mà ra, cũng chẳng thể đến an trú trong Nhất thiết trí trí. Vì sao? Thiện Hiện! Vì Nhất lai hướng, Nhất lai quả và tự tánh của Nhất lai hướng, Nhất lai quả là không, cho đến Như lai và tự tánh của Như Lai là không. *(Nói gọn, điều đó có nghĩa là ai muốn khiến pháp vô tướng có chỗ ra có chỗ đến, thì kẻ ấy muốn khiến "**tất cả pháp Phật**" có chỗ ra có chỗ đến).*

Thiện Hiện! Ai muốn khiến pháp vô tướng có chỗ ra có chỗ đến, thì kẻ ấy muốn khiến **danh tự, giả tưởng, thi thiết, ngôn thuyết** có chỗ ra có chỗ đến. Vì sao? Vì danh tự, giả tưởng, thi thiết, ngôn thuyết chẳng thể từ trong tam giới mà ra, cũng chẳng thể đến an trú trong Nhất thiết trí trí. Vì sao? Thiện Hiện! Vì danh tự, giả tưởng, thi thiết, ngôn thuyết và tự tánh của danh tự, giả tưởng, thi thiết, ngôn thuyết là không.

Thiện Hiện! Ai muốn khiến pháp vô tướng có chỗ ra có chỗ đến, thì kẻ ấy muốn khiến **vô sanh, vô diệt, vô nhiễm, vô tịnh, vô tướng, vô vi** có chỗ ra có chỗ đến. Vì sao? Vì vô sanh, vô diệt, vô nhiễm, vô tịnh, vô tướng, vô vi chẳng thể từ trong tam giới mà ra, cũng chẳng thể đến an trú trong Nhất thiết trí trí. Vì sao? Thiện Hiện! Vì vô sanh, vô diệt, vô nhiễm, vô tịnh, vô tướng, vô vi và tự tánh của vô sanh, vô diệt, vô nhiễm, vô tịnh, vô tướng, vô vi là không.

Thiện Hiện! Do duyên này, nên việc Đại thừa từ trong tam giới mà ra, đến an trú trong Nhất thiết trí trí, là vô nhị, nên không ra, không đến, vì là pháp vô tướng, nên không động không chuyển.

*(Để giải thích cho đoạn Kinh này, **Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 21, "Xuất Đáo**"(Ra và Đến)**, Tập 3, quyển 50**, nói rằng:*

"Ở đây Phật nói "năm ấm tướng" là không, chẳng xuất từ ba cõi, cũng chẳng đến an trú trong Nhất Thiết Chủng Trí. Vì sao? Vì năm ấm là không, thì 12 nhập, 18 giới,… dẫn đến hết thảy các pháp đều là không cả. Tất cả đều là hư vọng, đều là tự tướng không, chỉ ví như cảnh thấy trong mộng vậy thôi.

Hết thảy các pháp tự đều là không, nên chẳng có xuất, cũng chẳng có nhập. Cho nên nói: Nếu có ai muốn khiến sáu pháp Ba la mật xuất, thì đó là muốn "vô tướng pháp" xuất.

Bồ Tát vì chúng sanh nói hết thảy các pháp đều do duyên hoà hợp sanh, đều là tự tướng không. Dẫn đến Ma Ha Diễn, Nhất Thiết Chủng Trí cũng đều là như vậy cả.

Hỏi: *Sáu pháp Ba la mật có chân, có tục. Tục đế chấp có pháp tướng. Còn chân đế nếu chẳng y nơi pháp tướng thì làm sao lập ra được sáu pháp Ba la mật?*

Đáp: Các vị Bồ Tát nào chưa được lậu tận thì còn tu phước. Do còn tu phước nên còn tu sáu Ba la mật của phàm phu. Trong trường hợp này mới thấy có xuất, có nhập.v.v…

Trái lại các đại Bồ Tát biết rõ Ma Ha Diễn*(tất cả pháp Đại thừa)* là **vô tướng pháp**, chẳng có xuất, chẳng có nhập. Ở nơi đây, các pháp tướng chỉ là giả danh, chẳng thật có. Bởi vậy khi nói " Ma Ha Diễn phát xuất từ ba cõi, đến an trú trong Nhất Thiết Chủng Trí", thì cũng phải biết rõ rằng Nhất Thiết Chủng Trí cũng là giả danh, chẳng thật có, cũng là pháp bất động vậy".

Đã là pháp bất động thì làm gì có đến có đi, có xuất có trụ… Nên Phật bảo cụ thọ Thiện Hiện: "Ai muốn khiến pháp vô tướng có chỗ ra có chỗ đến, thì kẻ ấy muốn khiến **vô sanh, vô diệt, vô nhiễm, vô tịnh, vô tướng, vô vi** có chỗ ra có chỗ đến. Vì sao? Vì vô sanh, vô diệt, vô nhiễm, vô tịnh, vô tướng, vô vi chẳng thể từ trong tam giới mà ra, cũng chẳng thể đến an trú trong Nhất thiết trí trí. Vì sao? Vì vô sanh, vô diệt, vô nhiễm, vô tịnh, vô tướng, vô vi và tự tánh của vô sanh, vô diệt, vô nhiễm, vô tịnh, vô tướng, vô vi là **không**.

Do duyên này, nên việc Đại thừa từ trong tam giới mà ra, đến an trú trong Nhất thiết trí trí, là vô nhị, nên không ra, không đến, vì là pháp vô tướng, nên không động không chuyển”).

2. Câu hỏi kế tiếp của cụ thọ Thiện Hiện: Đại thừa như vậy trụ ở đâu?

Lại nữa, này Thiện Hiện! **Đại thừa ông hỏi như vậy trụ ở đâu**?

Thiện Hiện! Đại thừa đó <u>hoàn toàn không có chỗ trụ</u>. Vì sao? Vì tất cả pháp đều vô sở trụ. Vì sao? Vì trụ xứ tất cả pháp bất khả đắc. Thiện Hiện! Đại thừa như thế đem vô sở đắc mà làm phương tiện trụ vô sở trụ. *(Q.417, ĐBN)*

Thiện Hiện! Như **pháp giới** chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh pháp giới không trụ không chẳng trụ. Vì sao? **Vì tự tánh pháp giới, tự tánh pháp giới không** vậy. Đại thừa cũng vậy, chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ. Thiện Hiện! Như chơn như, thật tế, bất tư nghì giới, an ẩn giới, tịch tĩnh giới, đoạn giới, ly giới, diệt giới chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh chơn như cho đến tự tánh diệt giới không trụ không chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh chơn như, tự tánh chơn như không; cho đến tự tánh diệt giới, tự tánh diệt giới không vậy. Đại thừa cũng vậy, chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ.

Thiện Hiện! **Như sắc** chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh sắc không trụ không chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh sắc, tự tánh sắc không vậy. Đại thừa cũng vậy, chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ. Thiện Hiện! Thọ tưởng hành thức chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh thọ tưởng hành thức không trụ không chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh thọ tưởng hành thức, tự tánh thọ tưởng hành thức không vậy. Đại thừa cũng vậy, chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ.

Thiện Hiện! Như **12 xứ, 18 giới** chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh 12 xứ, 18 giới không trụ không chẳng trụ. Vì sao? Vì 12 xứ, 18 giới tự tánh không vậy. Đại thừa cũng vậy, chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ.

Thiện Hiện! Như **cảnh mộng chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ**. Vì sao? Vì tự tánh cảnh mộng không trụ không chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh cảnh mộng, tự tánh cảnh mộng không vậy. Đại thừa cũng vậy, chẳng trụ

chẳng phải chẳng trụ. Thiện Hiện! **Việc huyễn, quáng nắng, tiếng vang, bóng sáng, hoa đốm giữa hư không, việc biến hóa** chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh việc huyễn cho đến biến hóa không trụ không chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh việc huyễn cho đến biến hóa, tự tánh việc huyễn cho đến biến hóa không vậy. Đại thừa cũng vậy, chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ.

Thiện Hiện! Như **bố thí Ba la mật** chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh bố thí không trụ không chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh bố thí, tự tánh bố thí không vậy. Đại thừa cũng vậy, chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ. Thiện Hiện! Như **tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ**. Vì sao? Vì tự tánh tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật không trụ không chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh tịnh giới cho đến Bát nhã Ba la mật; tự tánh tịnh giới cho đến Bát nhã Ba la mật không vậy. Đại thừa cũng vậy, chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ.

Thiện Hiện! Như **nội không** chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh nội không trụ không chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh nội không, tự tánh nội không không vậy. Đại thừa cũng vậy, chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ. Thiện Hiện! Như **ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, thắng nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất tánh không, vô tế không, tán vô tán không, bổn tánh không, tự cộng tướng không, nhất thiết pháp không, bất khả đắc không, vô tánh không, tự tánh không, vô tánh tự tánh không chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ**. Vì sao? Vì tự tánh ngoại không cho đến vô tánh tự tánh không, không trụ không chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh ngoại không cho đến vô tánh tự tánh không, tự tánh ngoại không cho đến vô tánh tự tánh không không vậy. Đại thừa cũng vậy, chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ.

Thiện Hiện! Như **37 pháp trợ đạo** chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh 37 pháp trợ đạo không trụ không chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh 37 pháp trợ đạo, tự tánh 37 pháp trợ đạo không vậy. Đại thừa cũng vậy, chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ. Cho đến Phật 10 lực chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh Phật 10 lực không trụ không chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh Phật 10 lực, tự tánh Phật 10 lực không vậy. Đại thừa cũng vậy, chẳng trụ chẳng phải trụ. Thiện Hiện! Như 4 vô sở úy, 4 vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng chẳng trụ chẳng

phải trụ. Vì sao? Vì tự tánh 4 vô sở úy cho đến 18 pháp Phật bất cộng không trụ không chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh 4 vô sở úy cho đến 18 pháp Phật bất cộng, tự tánh 4 vô sở úy cho đến 18 pháp Phật bất cộng không vậy. Đại thừa cũng vậy, chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ.

Thiện Hiện! Như **bậc Dự lưu** sanh đường ác thú chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh bậc Dự lưu sanh đường ác thú không trụ không chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh bậc Dự lưu sanh đường ác thú, tự tánh bậc Dự Lưu sanh đường ác thú không vậy. Đại thừa cũng vậy, chẳng trụ chẳng phải trụ. Thiện Hiện! Như bậc Nhất lai hằng tái sanh, bậc Bất hoàn sanh lại cõi Dục, Bồ Tát tự lợi sanh, A la hán, Độc giác, Như Lai hậu hữu sanh *(sanh thân đời sau)* chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh các bậc ấy không trụ không chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh các bậc ấy, tự tánh các bậc ấy không vậy. Đại thừa cũng vậy, chẳng trụ chẳng phải trụ.

Thiện Hiện! Như Dự lưu chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh Dự lưu không trụ không chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh Dự lưu, tự tánh Dự lưu không vậy. Đại thừa cũng vậy, chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ. Thiện Hiện! Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, Bồ Tát, Như Lai chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh các bậc ấy không trụ không chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh các bậc ấy, tự tánh các bậc ấy cũng không vậy. Đại thừa cũng vậy, chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ. *(Như đoạn Kinh trên, Kinh trùng tụng lại tất cả pháp Phật chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ: Có trụ là có sở đắc, nên nói là chẳng trụ. Nhưng không trụ vào pháp mà tu hành là giải đãi, nên nói chẳng phải chẳng trụ).*

Thiện Hiện! Như **danh tự giả tưởng thi thiết ngôn thuyết** chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh danh tự giả tưởng thi thiết ngôn thuyết không trụ không chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh danh tự giả tưởng thi thiết ngôn thuyết, tự tánh danh tự giả tưởng thi thiết ngôn thuyết không vậy. Đại thừa cũng vậy, chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ.

Thiện Hiện! Như **vô sanh vô diệt, vô nhiễm vô tịnh, vô tướng vô vi** chẳng trụ chẳng phải chẳng chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh vô sanh vô diệt, vô nhiễm vô tịnh, vô tướng vô vi không trụ không chẳng trụ. Vì sao? Vì tự tánh vô sanh vô diệt cho đến vô tướng vô vi không vậy. Đại thừa cũng vậy, chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ.

Thiện Hiện! <u>Do nhân duyên đây, nên nói Đại thừa tuy vô sở trụ, mà đem vô nhị làm phương tiện nên trụ vô sở trụ</u>.

*(Để giải thích đoạn Kinh này, **Đại Trí Độ Luận, cùng phẩm trên** nói rằng:*

"Trên đây Phật mật ý nói rằng: Từ vô thỉ đến nay, hết thảy các pháp đều là vô trú*(hay vô trụ)*, chẳng có pháp nào có trú xứ riêng rẽ cả.

Nên biết:

- Nói "trú" là nói trú nơi rốt ráo không.

Vì sao? Vì hết thảy pháp đều là "như pháp tánh thật tế", đều là bất sanh, bất diệt, bất khởi, bất tác, nên chẳng phải trú (bất trú), cũng chẳng phải chẳng trú (phi bất trú).

- Nói "bất trú" là nhằm **phá chấp hữu cũng là nhằm nêu lên nghĩa vô thường, để phá chấp về thường tướng.**

- Nói "phi bất trú" là **nhằm phá chấp về diệt tướng. Lại nữa, do thuận theo thế đế mà nói "trú", nhưng nếu chấp "bất trú" thì cũng là lỗi lầm, nên nói "phi bất trú" vậy.**

Phật dạy "pháp tánh tướng" là không, nên là bất trú, phi bất trú, là vô khởi vô tác vậy").

3. Câu hỏi kế của cụ thọ Thiện Hiện là:
- Ai lại nương Đại thừa này mà ra?

Lại nữa, Thiện Hiện! Ông hỏi **"Ai lại nương Đại thừa này mà ra?"**

Thiện Hiện! Không có ai nương Đại thừa này ra. Vì sao? Vì hoặc sở thừa, hoặc năng thừa, hoặc thời, hoặc xứ, tất cả như thế đều vô sở hữu bất khả đắc vậy. Vì sao? Vì **tất cả pháp đều vô sở hữu, đều bất khả đắc**, làm sao nói được có nương sở thừa, có kẻ năng thừa, thời thừa, xứ thừa, nên chẳng thể nói thật có kẻ nương Đại thừa này ra. Vì sao? Vì ngã vô sở hữu bất khả đắc, nên kẻ nương Đại thừa cũng bất khả đắc. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Như vậy, hữu tình cho đến kiến giả cũng vô sở hữu bất khả đắc, nên kẻ nương Đại thừa cũng bất khả đắc. Vì sao? Vì **rốt ráo thanh tịnh** vậy.

Thiện Hiện! **Pháp giới vô sở hữu bất khả đắc**, nên kẻ nương Đại thừa cũng bất khả đắc. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh vậy, chơn như, thật tế, bất tư nghì giới, an ẩn giới thảy cũng vô sở hữu bất khả đắc, nên kẻ nương Đại thừa cũng bất khả đắc. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Thiện Hiện! **Sắc** vô sở hữu bất khả đắc nên kẻ nương Đại thừa cũng bất khả đắc. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Thọ tưởng hành thức cũng vô sở hữu bất khả đắc nên kẻ nương Đại thừa cũng bất khả đắc. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Thiện Hiện! **12 xứ, 18 giới** vô sở hữu bất khả đắc nên kẻ nương Đại thừa cũng bất khả đắc. Vì sao? Vì rốt ráo tịnh vậy. Bố thí Ba la mật vô sở hữu bất khả đắc nên kẻ nương Đại thừa cũng bất khả đắc. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật cũng vô sở hữu bất khả đắc nên kẻ nương Đại thừa cũng bất khả đắc. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Thiện Hiện! **Nội không** vô sở hữu bất khả đắc nên kẻ nương Đại thừa cũng bất khả đắc. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, thắng nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô tế không, tán vô tán không, bổn tánh không, tự cộng tướng không, nhất thiết pháp không, bất khả đắc không, vô tánh không, tự tánh không, vô tánh tự tánh không cũng vô sở hữu bất khả đắc nên kẻ nương Đại thừa cũng bất khả đắc. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Thiện Hiện! **Ba mươi bảy pháp trợ đạo** vô sở hữu bất khả đắc nên kẻ nương Đại thừa cũng bất khả đắc. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Cho đến Phật mười lực vô sở hữu bất khả đắc nên kẻ nương Đại thừa cũng bất khả đắc. Sở dĩ vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Bốn vô sở úy, bốn vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng cũng vô sở hữu bất khả đắc nên kẻ nương Đại thừa cũng bất khả đắc. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Thiện Hiện! **Bậc Dự lưu** vô sở hữu bất khả đắc nên kẻ nương Đại thừa cũng bất khả đắc. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, Bồ Tát, Như Lai cũng vô sở hữu bất khả đắc nên kẻ nương Đại thừa cũng bất khả đắc. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Thiện Hiện! **Quả Dự lưu** vô sở hữu bất khả đắc nên kẻ nương Đại thừa cũng bất khả đắc. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề, tất cả Bồ Tát hạnh, chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng vô sở hữu bất khả đắc nên kẻ nương Đại thừa cũng bất khả đắc. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Thiện Hiện! **Nhất thiết trí** vô sở hữu bất khả đắc nên kẻ nương Đại thừa cũng bất khả đắc. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng vô sở hữu bất khả đắc nên kẻ nương Đại thừa cũng bất khả đắc. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh vậy. *(Cũng giống như hai đoạn Kinh trên, Kinh cũng trùng tụng như vậy: Tất cả pháp đều vô sở hữu bất khả đắc, không năng tác sở tác, tất cả đều không, nên nói là tịnh).*

Thiện Hiện! **Vô sanh vô diệt, vô nhiễm vô tịnh, vô tướng vô vi** vô sở hữu khả đắc nên kẻ nương Đại thừa cũng bất khả đắc. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Thiện Hiện! **Quá khứ, vị lai, hiện tại** vô sở hữu bất khả đắc nên kẻ nương Đại thừa cũng bất khả đắc. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Thiện Hiện! Hoặc đi, hoặc đến, hoặc sanh hoặc tử, hoặc tăng hoặc giảm… vô sở hữu bất khả đắc nên kẻ nương Đại thừa cũng bất khả đắc. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh vậy.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Trong đây pháp nào bất khả đắc, nên nói bất khả đắc**?

Thiện Hiện! Trong đây **pháp giới bất khả đắc** nên nói bất khả đắc. Chơn như, thật tế, bất tư nghì giới, an ẩn giới thảy cũng bất khả đắc nên nói bất khả đắc. Vì sao? Vì chơn như, thật tế, bất tư nghì giới… chẳng phải đã khả đắc, chẳng phải sẽ khả đắc, chẳng phải đang khả đắc, rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện! **Bố thí Ba la mật** bất khả đắc nên nói bất khả đắc. Tịnh giới cho đến Bát nhã Ba la mật cũng bất khả đắc nên nói bất khả đắc. Vì sao? Vì bố thí, tịnh giới v.v… chẳng phải đã khả đắc, chẳng phải sẽ khả đắc, chẳng phải đang khả đắc, **rốt ráo thanh tịnh**.

Thiện Hiện! **Nội không bất khả đắc** nên nói bất khả đắc. Ngoại không cho đến vô tánh tự tánh không cũng bất khả đắc, 37 pháp trợ đạo, Phật 10 lực , 4 vô sở úy cho đến 18 pháp Phật bất cộng cũng bất khả đắc nên nói bất khả đắc. Vì sao? Vì 37 pháp trợ đạo cho đến 18 pháp Phật bất cộng chẳng phải đã khả đắc, chẳng phải sẽ khả đắc, chẳng phải đang khả đắc, rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện! **Bậc Dự lưu bất khả đắc** nên nói bất khả đắc. Bậc Nhất Lai cho đến Như Lai cũng bất khả đắc nên nói bất khả đắc. Vì sao? Vì bậc Dự lưu cho đến Như Lai chẳng phải đã khả đắc, chẳng phải sẽ khả đắc, chẳng phải đang khả đắc, rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện! **Vô sanh vô diệt, vô nhiễm vô tịnh, vô tướng vô vi bất khả đắc** nên nói bất khả đắc. Vì sao? Vì vô sanh vô diệt thảy chẳng phải đã khả đắc, chẳng phải sẽ khả đắc, chẳng phải đang khả đắc, rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện! **Sơ địa bất khả đắc**, nên nói bất khả đắc, cho đến địa thứ mười cũng bất khả đắc, nên nói bất khả đắc. Vì sao? Vì sơ địa v.v... chẳng phải đã khả đắc, chẳng phải sẽ khả đắc, chẳng phải đang khả đắc, rốt ráo thanh tịnh.

Thiện Hiện! Trong đây thế nào là mười địa? Nghĩa là Tịnh quán địa, Chủng tánh địa, Đệ bát địa, Cụ kiến địa, Bạc địa, Ly dục địa, Dĩ biện địa, Độc giác địa, Bồ Tát địa, Như Lai địa đó là mười địa.

Thiện Hiện! Sơ địa trong pháp không nội bất khả đắc, nên nói bất khả đắc. Cho đến sơ địa trong pháp không vô tánh tự tánh bất khả đắc, nên nói bất khả đắc. Địa thứ hai cho đến địa thứ mười trong pháp không nội bất khả đắc, nên nói bất khả đắc. Thậm chí địa thứ hai cho đến địa thứ mười trong pháp không vô tánh tự tánh bất khả đắc, nên nói bất khả đắc. Vì sao? Vì ở trong đây, sơ địa v.v... chẳng phải đã khả đắc, chẳng phải sẽ khả đắc, chẳng phải đang khả đắc, rốt ráo thanh tịnh.

Này Thiện Hiện! Trong pháp không nội giáo hóa hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật bất khả đắc, nên nói bất khả đắc. Cho đến trong pháp không vô tánh tự tánh giáo hóa hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật bất khả đắc, nên nói bất khả đắc. Vì sao? Vì ở trong đây giáo hóa hữu tình v.v... chẳng phải đã khả đắc, chẳng phải sẽ khả đắc, chẳng phải đang khả đắc, rốt ráo thanh tịnh.

Như vậy, này Thiện Hiện! Các Đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, tuy quán các pháp đều vô sở hữu bất khả đắc, rốt ráo thanh tịnh, không nương Đại thừa mà xuất trụ. Nhưng đem vô sở đắc làm phương tiện, nương vào Đại thừa ở trong sanh tử ba cõi mà xuất, đến trụ trong Nhất thiết trí trí, đến tận đời vị lai làm lợi lạc cho tất cả chúng hữu tình.

*(Để giải thích cho đoạn Kinh này, **Đại Trí Độ Luận** nói rằng:*

“**Hành Ma Ha Diễn đi vào Phật đạo, để thành tựu chúng sanh, gọi là xuất. Hành Ma Ha Diễn để thành tựu Nhất Thiết Chủng Trí, cũng gọi là xuất.**

Phật nói "pháp không", lại nói các pháp đều bất khả đắc, là nhằm khuyến tấn các người hành Ma Ha Diễn **phải dụng pháp "vô sở đắc"**, để tu sáu pháp Ba la mật.

Nếu Bồ Tát, khởi bi đại tâm, hành sáu pháp Ba la mật, độ thoát chúng sanh, mà tâm chẳng chấp trước, thì gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát hành đầy đủ "pháp không".

Phật lại dạy "ngã bất đắc là rốt ráo không", là nhằm chỉ cho chúng sanh biết rõ rằng hết thảy các pháp, nhẫn đến Nhất Thiết Chủng Trí cũng đều là bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm…, và đều là tự tướng không cả.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói: Ngã, tri giả, khiến giả,… dẫn đến chúng sanh, thanh văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát, Phật đều là rốt ráo không cả.

Hỏi: *Bất khả đắc có hai nghĩa:*

- *Đối với người thiểu trí, thì nói theo nghĩa "các pháp là bất khả đắc".*

- *Đối với người đại trí, thì nói theo nghĩa "các pháp bất khả đắc cũng là bất khả đắc"*

Như vậy, ở nơi đây, nói "bất khả đắc" theo nghĩa nào?

Đáp: Đây là nói về "pháp không", nên "bất khả đắc" phải được hiểu theo hai nghĩa như vậy.

Hỏi: *Nếu nói các pháp, trước sau, đều bất khả đắc, thì như vậy có lợi gì?*

Đáp: Phật thuyết các pháp là bất khả đắc, là rốt ráo thanh tịnh. Thế nhưng, Phật sợ người tu hành lại y chỉ nơi "bất khả đắc" mà chấp "không", chấp "vô pháp".

Vì người sơ cơ, mà Phật dùng "vô" để phá "hữu", nhưng bọn họ chưa được tâm thanh tịnh, nên lại y chỉ nơi "vô". Bởi vậy nên Phật dạy thêm rằng "các pháp bất khả đắc" cũng là bất khả đắc*(nốt)*.

Hết thảy các pháp đều là bất khả đắc, dẫn đến "pháp bất khả đắc" cũng là bất khả đắc, nên **hết thảy các pháp đều là rốt ráo thanh tịnh** cả.

Bồ Tát Ma Ha Tát, dụng pháp "vô sở đắc", hành Ma Ha Diễn hướng về Nhất Thiết Chủng Trí").

Khi nói tất cả pháp không là bất khả đắc. Nhưng còn chấp "không" hay "vô pháp" nữa thì chưa được hoàn toàn không, nên nói bất khả đắc cũng bất khả đắc nốt. Đó là bất khả đắc không (một trong 18 pháp không)

tức không còn gì để chấp nữa. Tới đó phủi sạch để được tâm không. Tâm không, trong rỗng không, không dung chứa bất cứ thứ gì, nên nói là tịnh!

Thích nghĩa:

(1). Đoạn giới, ly giới, diệt giới tức ***đoạn ly diệt tam giới****. Ba giới này đều lấy giải thoát vô vi (trạch diệt vô vi) làm thể. 1-* ***Đoạn giới****: Đoạn trừ 8 kết mà được trạch diệt. 2-* ***Ly giới****: Trong 9 kết [ái (yêu), khuể (giận tức), mạn (ngạo mạn), vô minh (u tối), kiến (tà kiến), thủ (chấp trước), nghi (ngờ vực), tật (ghen), xan (bỏn xẻn)], lìa tham kết mà được trạch diệt. 3-* ***Diệt giới****: Diệt các phiền não theo 9 kết mà được trạch diệt. Trên đây là y cứ vào lý thế tục mà có 3 giới khác nhau, chứ nói theo thực nghĩa thì thể của chúng đều không khác nhau. Trong đó, Đoạn giới và Ly giới là do đoạn trừ phiền não mà được, còn Diệt giới là nhờ vào việc diệt hoặc của cảnh sở duyên mà được. Trên đây là thuyết của Tiểu thừa. Ngoài ra, về danh nghĩa của Tam giới còn có nhiều thuyết, như luận Đại tì bà sa quyển 29 nói: - Đoạn giới: Đoạn tất cả hành. - Ly giới: Lìa tất cả hành. - Diệt giới: Diệt tất cả hành. Lại có thuyết cho là: - Đoạn giới: Đoạn vô minh kết - Ly giới: Đoạn ái kết. - Diệt giới: Đoạn các kết còn lại. Cũng có thuyết giải thích: - Đoạn giới: Đoạn 8 kết và các phiền não tương ứng với 8 kết cùng sinh. - Ly giới: Đoạn ái kết và các phiền não tương ứng với ái kết cùng sinh. - Diệt giới: Đoạn các kết khác và các phiền não tương ứng cùng sinh. Còn tông Duy thức Đại thừa nói: - Đoạn giới: Đoạn các hành mà Kiến đạo đoạn. - Ly giới: Lìa các hành mà Tu đạo đoạn. - Diệt giới: Diệt các hành thuộc sở y. Phỏng theo Từ điển Phật Quang.*

(2). An ẩn giới: Nguyên văn chữ Hán là “ 安an 隱ẩn 界giới”*, có nghĩa là cảnh giới an ổn. Trong phẩm “Tùy Thuận”, Q.61, Hội thứ I, có ghi:* “… hoặc chơn như, hoặc pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, cảnh giới bất tư nghì, cảnh giới hư không, cảnh giới đoạn, cảnh giới ly, cảnh giới diệt, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, cảnh giới vô tánh, cảnh giới vô tướng, cảnh giới vô tác, cảnh giới vô vi, **cảnh giới an ổn**, cảnh giới tịch tịnh, bổn vô, thật tế, cứu cánh Niết bàn”.

Như vậy, cảnh giới an ổn giới cũng tức là cảnh giới vô tánh, cảnh giới vô tướng, cảnh giới vô tác, cảnh giới vô vi v.v… đồng nghĩa với thập nhị chân như, pháp giới v.v…

Sơ giải:

Trong Phẩm "Tam Ma Địa", cụ thọ Thiện Hiện bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Những gì là tướng Đại thừa Bồ Tát? Làm thế nào biết được Đại Bồ Tát phát tâm hướng đến Đại thừa? Đại thừa như thế từ chỗ nào ra, đến trụ chỗ nào? Đại thừa như vậy trụ ở nơi nào? Ai nương vào Đại thừa này mà xuất ly?

Các câu hỏi này được Phật Thế Tôn trả lời trong bốn phẩm chia ra như sau:

- Phẩm "Tam Ma Địa" và phẩm "Niệm Trụ Thảy", Phật trả lời câu hỏi: "Những gì là tướng Đại thừa Bồ Tát Ma ha tát?";

- Phẩm "Tu Trị Địa", Phật trả lời câu hỏi: "Làm thế nào biết được Bồ Tát phát tâm hướng đến Đại thừa?"; và

- Phẩm "Xuất Đáo" này, Phật trả lời câu hỏi chót của Thiện Hiện: "Đại thừa như vậy từ nơi nào ra, đến trụ nơi nào? Đại thừa như vậy trụ ở đâu? Ai nương Đại thừa này mà ra?"

Đại thừa như vậy từ ba cõi Dục, Sắc và Vô sắc ra? Không có thế gian thì không có Bồ Tát, không có Phật, không có pháp Phật, không có Phật đạo. Đại thừa như thế xuất ra từ tam giới, nghĩa là Đại thừa thường trụ trong tam giới(Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới). Nhưng người tu ***Đại thừa không lấy đó làm trụ xứ của mình****. Vì có trụ là có nắm bắt có buông bỏ, có được có mất… tức không tránh khỏi sự trói buộc của nhị nguyên đối đãi hay nói khác là không còn được tự do trong ý chí hay hành động nữa. Nên Kinh nói "chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ". Đại Trí Độ Luận nói rằng:* "Nói "phi bất trú" là nhầm phá chấp về diệt tướng. Lại nữa, do thuận theo thế đế mà nói "trú", nhưng nếu chấp "bất trú" thì cũng là lỗi lầm, nên nói "phi bất trú" vậy. Nên Phật dạy "pháp tánh tướng" là không, nên là bất trú, phi bất trú, là vô khởi vô tác vậy".

Tất cả pháp đều giả danh, không thật, trên danh nghĩa thì có nhưng thực thể thì không, tất cả pháp đều như huyễn, như mộng, tất cả đều không có tự tánh, không sanh không diệt, không nhiễm không tịnh… Bao

nhiêu diễn tả đó mục đích là khuyên chúng sanh đừng trụ danh sắc mà sanh chấp đắm nên không thể giải thoát sanh tử.

Tâm chúng sanh lúc nào cũng sanh khởi, sanh khởi theo hình sắc danh tướng. Vì vậy mà càng lún sâu vào trầm luân khổ ải. Nên Phật bảo **"Đừng bám trụ mà sanh tâm"**. *Có như vậy, mới không bị trói hay nói khác có như vậy mới làm chủ trọn vẹn chính mình.*

*Trong **Bát Nhã Bát Thiên Tụng**, có câu:*

"Tâm Như Lai không trụ bất kỳ đâu, không trụ trong các pháp hữu vi, không trụ trong các pháp vô vi, và do đó không rời sở trụ".

*Trong **Kinh Duy Ma** cũng có đoạn:*

"Bồ đề không trụ, do đó không chứng" *hay* "nương theo cội nguồn không trụ mà hết thảy các pháp được thành lập".

*Và trong **Kinh Lăng Nghiêm** lại nói:*

"Những vị Bồ Tát như thế lấy tất cả cõi Phật làm trụ xứ, nhưng không dính mắc vào trụ xứ này, vì vốn không thể chứng, không thể thấy".

***Thiền sư D.T. Suzuki** viết như sau:*

"… Khi chúng ta bảo rằng trụ xứ của Bồ Tát quả thực không có trụ xứ, rằng Bồ Tát cố định ở chỗ không cố định, rằng các Ngài lang thang hay lơ lửng như một cụm mây trời không cần có hậu cứ, nói như thế có vẻ như không nói gì hết. Nhưng đó là đường lối mà các nhà Đại thừa Phật giáo đã luyện tập trong đời sống hành đạo của các Ngài; không thể áp dụng những định luật tiêu biểu của pháp thức suy luận vào đó!"

Để kết luận, Phật bảo:

"**Đại thừa đó hoàn toàn không có chỗ trụ. Vì sao? Vì tất cả pháp đều vô sở trụ**. Vì sao? Vì trụ xứ tất cả pháp bất khả đắc. Thiện Hiện! Đại thừa như thế đem vô sở đắc mà làm phương tiện trụ vô sở trụ.

(…)Do nhân duyên đây, nên nói Đại thừa tuy vô sở trụ, mà đem vô nhị làm phương tiện nên trụ vô sở trụ". *(Q.417, ĐBN)*

*Như vậy, **ai là người nương Đại thừa mà ra**?*

Phật bảo: "Không có ai nương Đại thừa này ra. Vì sao? Vì hoặc sở thừa, hoặc năng thừa, hoặc thời, hoặc xứ, tất cả như thế đều vô sở hữu bất khả đắc vậy. Vì sao? Vì tất cả pháp đều vô sở hữu, đều bất khả đắc, làm sao nói được có nương sở thừa, có kẻ năng thừa, thời thừa, xứ thừa, nên chẳng thể nói thật có kẻ nương Đại thừa này ra. Vì sao? Vì ngã vô sở hữu bất khả đắc, nên kẻ nương Đại thừa cũng bất khả đắc. Vì sao? Vì rốt ráo thanh tịnh vậy. Như vậy, hữu tình cho đến kiến giả vô sở hữu bất khả đắc, nên kẻ nương Đại thừa cũng bất khả đắc. Vì sao? **Vì rốt ráo tịnh vậy**".

Kết luận:

Ba cõi đều không, nhất thiết pháp cũng không, Đại thừa vô sở hữu bất khả đắc, không thể nắm bắt được thì còn chỗ nào để bám để trụ? Nên nói Đại thừa vô sở trụ và như thế không ai có thể nương vào Đại thừa để xuất trụ. Bồ Tát nương Đại thừa để tu giống như chim xí, nương vào hư không mặc tình bay lượn, nhưng không bị câu ngại bởi hư không!

*Tới đây mọi người mới hiểu câu chuyện đốn ngộ thời danh của Lục tổ Huệ Năng khi nghe câu **"Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm"** trong Kinh Kim Cương mà tìm đường đến thôn Hoàng mai thọ giáo Ngũ tổ Hoằng Nhẫn, rồi sau đó được trao y bát trở thành Tổ thứ sáu nối dõi dòng thiền Tây Thiên truyền thừa từ đức Thích Ca Mâu Ni./.*

---o0o---

20. PHẨM "SIÊU THẮNG"

(Vượt Lên Hết Thảy)

Cuối quyển 417 đến đầu quyển 418, Hội thứ II.
(Tương đương phẩm "Tán Đại Thừa", phần sau Q.56 - Q.61, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Phẩm "Siêu Thắng"(Siêu Vượt Lên Hết Thảy) của Hội thứ II, ĐBN so với phẩm "Thắng Xuất"(Vượt Lên Tất Cả) của Kinh MHBNBLMĐ chỉ là một, nội dung không khác. Đọc một phẩm là hiểu cả hai.

Tóm lược:

Lúc bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Nói Đại thừa, Đại thừa là vượt hơn tất cả trời, người, A tu la v.v... là tối tôn, tối thắng, tối thượng, tối diệu. Đại thừa như vậy **bằng với hư không**, cũng như hư không có thể dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Đại thừa cũng vậy, có thể dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Do nhân duyên này nên Đại thừa tức là Nhất thiết trí trí. Lại như hư không không đến, không đi, không trụ có thể thấy. Đại thừa cũng không đến, không đi, không trụ có thể thấy… nên gọi là Đại thừa. Lại như khoảng trước, khoảng sau, khoảng giữa của hư không đều bất khả đắc. Đại thừa cũng vậy, khoảng trước, khoảng sau, khoảng giữa đều bất khả đắc. Ba đời bình đẳng nên gọi là Đại thừa?

(Thời trước không, thời giữa không, thời sau cũng không. Đại thừa, Bát Nhã, Nhất thiết trí, hư không cũng không. Không với không chẳng khác nhau, nên nói là bình đẳng).

Phật bảo Thiện Hiện:

- Đúng vậy! Đúng như lời ông nói.

Này Thiện Hiện! Đại thừa của tất cả Bồ Tát là: Sáu Ba la mật, tức là bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật. Đại thừa nghĩa là pháp không nội cho đến pháp không vô tánh tự tánh. Đại thừa là

tất cả Đà la ni môn, Tam ma địa môn, tức là Kiện hành Tam ma địa cho đến Vô nhiễm trước như hư không Tam ma địa. Đại thừa của tất cả Bồ Tát là bốn niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng.

Này Thiện Hiện! Có vô lượng, vô số, vô biên công đức Đại thừa như vậy, nên biết.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Ông nói Đại thừa vượt hơn tất cả trời, người, A tu la v.v... trong thế gian là tối tôn, tối thắng, tối thượng, tối diệu. Đúng vậy! Đúng như lời ông nói. Thiện Hiện! Những gì trong thế gian được gọi là tất cả trời, người, A tu la v.v..., đó chính là Dục, Sắc, Vô sắc giới.

Này Thiện Hiện! Nếu **Dục giới là chơn như chẳng hư dối**, không biến khác, chẳng điên đảo là thật, là chắc như sở hữu tánh, tất cả thường hằng không biến không đổi, có thật tánh ấy, thời Đại thừa đây chẳng tôn, chẳng thắng, chẳng thượng, chẳng diệu, chẳng năng vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v... Nhưng vì cõi Dục là sở chấp, là giả hợp, có dời động, cho đến tất cả không thường không hằng, có biến có đổi, đều không thật tánh, nên Đại thừa đây là tôn là thắng là thượng là diệu, vượt hơn tất cả thế gian trời người, A tu la v.v…

Này Thiện Hiện! Nếu **cõi Sắc, Vô sắc** c **là chơn như chẳng hư dối**, **không biến khác**, chẳng điên đảo là thật, là chắc như sở hữu tánh, tất cả thường hằng không biến không đổi, có thật tánh ấy, thời Đại thừa đây chẳng tôn, chẳng thắng, chẳng thượng, chẳng diệu, chẳng năng vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v... Nhưng vì cõi Sắc, Vô sắc là sở chấp, là giả hợp, có dời động, cho đến tất cả không thường không hằng, có biến có đổi, đều không thật tánh, nên Đại thừa đây là tôn là thắng là thượng là diệu, vượt hơn tất cả thế gian trời người, A tu la v.v…

Lại nữa, này Thiện Hiện! Nếu **sắc, thọ tưởng, hành, thức là chơn như chẳng hư dối, không biến khác**, chẳng điên đảo là thật là chắc như sở hữu tánh, tất cả thường hằng không biến không đổi, có thật tánh ấy, thời Đại thừa đây chẳng tôn, chẳng thắng, chẳng thượng, chẳng diệu, chẳng năng vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v... Nhưng vì ngũ uẩn là sở chấp, là giả hợp, có dời động, cho đến tất cả không thường không hằng, có biến có đổi, đều không thật tánh, nên Đại thừa đây là tôn, là thắng, là thượng, là diệu, vượt hơn tất cả thế gian trời người, A tu la v.v…

Lại nữa, này Thiện Hiện! Nếu **12 xứ, 18 giới là chơn như chẳng hư dối, không biến khác**, chẳng điên đảo là thật, là chắc như sở hữu tánh, tất cả thường hằng không biến không đổi, có thật tánh ấy, thời Đại thừa đây chẳng tôn, chẳng thắng, chẳng thượng, chẳng diệu, chẳng năng vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v... Nhưng vì 12 xứ, 18 giới là sở chấp, là giả hợp, có dời động, cho đến tất cả không thường không hằng, có biến có đổi, đều không thật tánh, nên Đại thừa đây là tôn là thắng là thượng là diệu, vượt hơn tất cả thế gian trời người, A tu la v.v…

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu **pháp giới là thật có***(thật pháp)*, **chẳng phải không có***(phi pháp)*, thời Đại thừa đây chẳng tôn, chẳng thắng, chẳng thượng, chẳng diệu, chẳng năng vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v... Thiện Hiện! Vì pháp giới chẳng thật có, là tánh phi hữu, nên Đại thừa đây là tôn, là thắng, là thượng, là diệu, vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v... Thiện Hiện! Nếu chơn như, thật tế, bất tư nghì giới, an ẩn giới thảy là thật có, chẳng phải không có, thời Đại thừa đây chẳng tôn, chẳng thắng, chẳng thượng, chẳng diệu, chẳng năng vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v... Thiện Hiện! Vì chơn như, thật tế, bất tư nghì giới, an ẩn giới thảy chẳng thật có, là tánh phi hữu, nên Đại thừa đây là tôn, là thắng, là thượng, là diệu, vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v...

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu **bố thí Ba la mật là thật có**, **chẳng phải không có**, thời Đại thừa đây chẳng tôn, chẳng thắng, chẳng thượng, chẳng diệu, chẳng năng vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v... Thiện Hiện! Vì bố thí Ba la mật chẳng thật có, là tánh phi hữu, nên Đại thừa đây là tôn, là thắng, là thượng, là diệu, vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v… Thiện Hiện! Nếu tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát Nhã là thật có, chẳng phải không có, thời Đại thừa đây chẳng tôn, chẳng thắng, chẳng thượng, chẳng diệu, chẳng năng vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v... Thiện Hiện! Vì tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật chẳng thật có, là tánh phi hữu, nên Đại thừa đây là tôn, là thắng, là thượng, là diệu, vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v...

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu **nội không là thật có, chẳng phải không có**, thời Đại thừa đây chẳng tôn, chẳng thắng, chẳng thượng, chẳng diệu, chẳng năng vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v... Thiện Hiện! Vì nội không chẳng thật có, là tánh phi hữu, nên Đại thừa đây là tôn, là

thắng, là thượng, là diệu, vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v… Thiện Hiện! Nếu ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, thắng nghĩa thông, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô tế không, tán vô tán không, bổn tánh không, tự cộng tướng không, nhất thiết pháp không, bất khả đắc không, vô tánh không, tự tánh không, vô tánh tự tánh không là thật có, chẳng phải không có, thời Đại thừa đây chẳng tôn, chẳng thắng, chẳng thượng, chẳng diệu, chẳng năng vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v... Thiện Hiện! Vì ngoại không cho đến vô tánh tự tánh không chẳng thật có, là tánh phi hữu, nên Đại thừa đây là tôn, là thắng, là thượng, là diệu, vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v...

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu **37 pháp trợ đạo cho đến nếu Phật 10 lực là thật có, chẳng phải không có**, thời Đại thừa đây chẳng tôn, chẳng thắng, chẳng thượng, chẳng diệu, chẳng năng vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v… Thiện Hiện! Vì 37 pháp trợ đạo, Phật 10 lực chẳng thật có*(tức vô pháp)*, là tánh phi hữu, nên Đại thừa đây là tôn, là thắng, là thượng, là diệu, vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v… Thiện Hiện! Nếu 4 vô sở úy, 4 vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng là thật có, chẳng phải không có, thời Đại thừa đây chẳng tôn, chẳng thắng, chẳng thượng, chẳng diệu, chẳng năng vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la thảy. Thiện Hiện! Vì 4 vô sở úy cho đến 18 pháp Phật bất cộng chẳng thật có, là tánh phi hữu, nên Đại thừa đây là tôn, là thắng, là thượng, là diệu, vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v… *(Q.417, ĐBN)*

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu **pháp Chủng tánh là thật có, chẳng phải không có**, thời Đại thừa đây chẳng tôn, chẳng thắng, chẳng thượng, chẳng diệu, chẳng năng vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v… Thiện Hiện! Vì pháp Chủng tánh chẳng thật có, là tánh phi hữu, nên Đại thừa đây là tôn, là thắng, là thượng, là diệu, vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v… Thiện Hiện! Nếu pháp Đệ bát, pháp Dự lưu, pháp Nhất Lai, pháp Bất hoàn, pháp A la hán, pháp Độc giác, pháp Bồ Tát, pháp Như Lai là thật có, chẳng phải không có, thời Đại thừa đây chẳng tôn, chẳng thắng, chẳng thượng, chẳng diệu, chẳng năng vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v… Thiện Hiện! Vì pháp Đệ bát cho đến pháp Như Lai chẳng thật có, là tánh phi hữu, nên Đại thừa đây là tôn, là thắng, là thượng, là diệu, vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v… *(Q.418, ĐBN)*

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu **bổ đặc già la Chủng tánh là thật có, chẳng phải không có**, thời Đại thừa đây chẳng tôn, chẳng thắng, chẳng thượng, chẳng diệu, chẳng năng vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v… Thiện Hiện! Vì bổ đặc già la chẳng thật có, là tánh phi hữu, nên Đại thừa đây là tôn, là thắng, là thượng, là diệu, vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v… Thiện Hiện! Nếu bổ đặc già la Đệ bát, Dự lưu, Nhất Lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, Bồ Tát, Như Lai là thật có, chẳng phải không có, thời Đại thừa đây chẳng tôn, chẳng thắng, chẳng thượng, chẳng diệu, chẳng năng vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v… Thiện Hiện! Vì bổ đặc già la Đệ bát cho đến Như Lai chẳng thật có, là tánh phi hữu, nên Đại thừa đây là tôn, là thắng, là thượng, là diệu, vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v...

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu **tất cả thế gian trời, người, A tu la** v.v… **là thật có, chẳng phải không có**, thời Đại thừa đây chẳng tôn, chẳng thắng, chẳng thượng, chẳng diệu, chẳng năng, vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v… Thiện Hiện! Vì tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v… chẳng thật có, là tánh phi hữu, nên Đại thừa đây là tôn, là thắng, là thượng, là diệu, vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v…

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu **Bồ Tát từ sơ phát tâm cho đến ngồi yên tòa Bồ đề vi diệu**, **trong ấy đã vượt vô lượng các tâm, là thật có chẳng phải không có**, thời Đại thừa đây chẳng tôn, chẳng thắng, chẳng thượng, chẳng diệu, chẳng năng vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v… Thiện Hiện! Vì Bồ Tát từ sơ phát tâm cho đến ngồi yên tòa Bồ đề, trong ấy đã vượt vô lượng các tâm chẳng thật có, là tánh phi hữu, nên Đại thừa đây là tôn, là thắng, là thượng, là diệu, vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v…

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu **Kim cương dụ Bồ Tát trí là thật có, chẳng phải không có**, thời Đại thừa đây chẳng tôn, chẳng thắng, chẳng thượng, chẳng diệu, chẳng năng vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v… Thiện Hiện! Vì Kim cương dụ Bồ Tát trí chẳng thật có, là tánh phi hữu, nên Đại thừa đây là tôn, là thắng, là thượng, là diệu, vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v… Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Kim cương dụ Bồ Tát trí là thật có, chẳng phải chẳng có ấy, thời Bồ Tát chẳng nên dùng Kim cương dụ trí đây đạt tất cả pháp tự tánh đều không, dứt hẳn tất cả tập khí phiền não nối nhau, chứng được Nhất thiết trí trí; cũng chẳng

năng vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v… Thiện Hiện! Vì Kim cương dụ Bồ Tát trí chẳng thật có, là tánh phi hữu, nên các Bồ Tát dùng Kim cương dụ trí đây đạt tất cả pháp tự tánh đều không, dứt hẳn tất cả tập khí phiền não, chứng được Nhất thiết trí trí, cũng năng vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v…

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu các **Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, 32 tướng đại sĩ, 80 tùy hảo để trang nghiêm thân là thật có, chẳng phải không có**, thời uy quang diệu đức các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng năng vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v… Thiện Hiện! Vì các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, ba mươi hai tướng đại sĩ, tám mươi tùy hảo để trang nghiêm thân chẳng thật có, là tánh phi hữu, nên uy quang diệu đức các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v…

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu các **Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác phóng ra quang minh là thật có, chẳng phải không có**, thời các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác phóng ra quang minh chẳng năng soi khắp mười phương cõi đều như cát sông Hằng; cũng chẳng năng vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v… Thiện Hiện! Vì các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác phóng ra quang minh chẳng thật có, là tánh phi hữu, nên các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác phóng ra quang minh đều năng soi khắp mười phương cõi đều như cát sông Hằng; cũng năng vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v…

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu các **Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quay xe pháp là thật có, chẳng phải không có**, thời các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã quay xe pháp chẳng rất thanh tịnh; cũng chẳng phải tất cả thế gian Sa môn, Ba la môn thảy chẳng thể quay được; cũng chẳng năng vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v… Thiện Hiện! Vì các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã quay xe pháp chẳng thật có, là tánh phi hữu, nên các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã quay xe pháp rất tột thanh tịnh, tất cả thế gian Sa môn, Bà la môn thảy đều không có ai năng quay xe pháp; cũng năng vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v…

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu các **Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác sở hóa chúng sanh***(1)* **là thật có, chẳng phải không có**, thời các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã quay xe pháp chẳng năng khiến các loại hữu tình kia đối cõi Vô dư y Niết bàn vi diệu mà vào Niết bàn; cũng chẳng

năng vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v… Thiện Hiện! Vì các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác **sở hóa chúng sanh chẳng thật có, là tánh phi hữu,** nên các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã quay xe pháp đều năng khiến các loại hữu tình kia đối cõi Vô dư y Niết bàn vi diệu mà vào Niết bàn; cũng năng vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v…

Thiện Hiện! Do tất cả nhân duyên như thế nên nói Đại thừa là tôn, là thắng, là thượng, là diệu, vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v...

Thích nghĩa:

(1). Sở hóa chúng sanh: 所化, Phạn: Vinìta. Đối lại: Năng hóa. Chỉ cho đối tượng được giáo hóa. Trong 3 loại thế gian nêu trong Hoa nghiêm Kinh Thám huyền ký quyển 7 thì Trí chính giác thế gian của Thập Phật là Năng hóa, còn Chúng sanh thế gian là sở hóa. (X. Kinh Cầu giải trong Trung a hàm Q.48; phẩm Thí dụ Kinh Pháp hoa Q.2; Phật địa Kinh luận Q.7; luận Thi thiết Q.6). - Phật Quang tự điển.

Sơ giải:

Mấu chốt của phẩm này nằm ở câu: "Nếu tất cả pháp đều thật có, chẳng phải không có thời Đại thừa đây chẳng tôn, chẳng thắng, chẳng thượng, chẳng diệu, chẳng năng vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v… Vì pháp tất cả pháp chẳng thật có, là tánh phi hữu, nên Đại thừa đây là tôn, là thắng, là thượng, là diệu, vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v…" ***Câu nói này chẳng qua là ca tụng Đại thừa là siêu vượt lên tất cả.*** *Vì sao? Vì tất cả pháp đều chẳng thật có(vô pháp), là tánh phi hữu(tánh không thật), nên Đại thừa đây mới được xem là tôn, là thắng, thượng, diệu, vượt hơn tất cả thế gian trời, người, A tu la v.v…*

Nên Kinh bảo:

"Nói Đại thừa, Đại thừa là vượt hơn tất cả trời, người, A tu la v.v... là tối tôn, tối thắng, tối thượng, tối diệu. Đại thừa như vậy bằng với hư không, cũng như hư không có thể dung nạp khắp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Đại thừa cũng vậy, có thể dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Do nhân duyên này nên Đại thừa tức là Nhất thiết trí trí. Lại như hư không không đến, không đi, không trụ có thể thấy. Đại thừa cũng không đến, không đi, không trụ có thể thấy… nên gọi là Đại thừa. Lại như

khoảng trước, khoảng sau, khoảng giữa của hư không đều bất khả đắc. Đại thừa cũng vậy, khoảng trước, khoảng sau, khoảng giữa đều bất khả đắc. Ba đời bình đẳng nên gọi là Đại thừa".

Đoạn Kinh này so sánh Đại thừa giống như hư không. Các Kinh Luận không những thường lấy hư không làm thí dụ để so sánh với Đại thừa, mà Kinh Luận cũng lấy hư không so sánh với Bát Nhã và Nhất thiết trí trí.

Kinh MHBNBLMĐ, Phẩm thứ 22, "Thắng Xuất", quyển 07, là một phẩm đặc biệt nói về hư không diễn tả giống như trên:

"**Này Tu Bồ Đề! Đúng như lời ông nói, hư không dung thọ vô lượng, vô biên chúng sanh; Ma Ha Diễn***(tức Đại thừa)***cũng như vậy, dung thọ vô lượng, vô biên chúng sanh.**

Đúng như vậy. Chúng sanh là vô sở hữu, nên hư không cũng vô sở hữu; hư không vô sở hữu nên Ma Ha Diễn cũng vô sở hữu. Bởi vậy, nên nói Ma Ha Diễn dung thọ vô lượng, vô biên chúng sanh. Vì sao? Vì chúng sanh, hư không, Ma Ha Diễn, cùng hết thảy các pháp đều là vô sở hữu, là bất khả đắc cả. Lại nữa, ngã vô sở hữu, dẫn đến tri giả, kiến giả cũng đều là vô sở hữu. Bởi vậy nên như pháp tánh thật tế cũng là vô sở hữu , dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều là vô sở hữu cả. Vì sao? Vì hết thảy pháp đều do duyên hòa hợp mà có.

Này Tu Bồ Đề! Ma ha diễn dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh. Vì sao? Vỉ chúng sanh bất khả đắc, dẫn đến tri giả, kiến giả... thật tế, cùng vô lượng vô biên pháp đều bất khả đắc.

Lại nữa, ngã vô sở hữu, dẫn đến tri giả, kiến giả vô sở hữu, nên bất khả tư nghi tánh vô sở hữu. Bất khả tư nghi tánh vô sở hữu, sắc dẫn đến thức vô sở hữu, nên hư không vô sở hữu, Ma ha diễn vô sở hữu, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều vô sở hữu.

Này Tu Bồ Đề! Ma ha diễn dung thọ vô lượng vô biên chứng sanh. Vì sao? Vì ngã và chúng sanh bất khả đắc, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều bất khả đắc.

Lại nữa, ngã và chúng sanh vô sở hữu, nên nhãn dẫn đến ý vô sở hữu. Nhãn dẫn đến ý vô sở hữu, nên hư không vô sở hữu. Ma ha diễn vô sở hữu, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều vô sở hữu.

Này Tu Bồ Đề! Ma ha diễn dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh. Vì sao? Vì ngã và chúng sanh bất khả đắc, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều bất khả đắc.

Lại nữa, ngã và chúng sanh vô sở hữu, dẫn đến tri giả, kiến giả vô sở hữu, nên nội không vô sở hữu, dẫn đến vô pháp không vô sở hữu. Vô pháp hữu pháp không vô sở hữu, nên hư không vô sở hữu, Ma ha diễn vô sở hữu, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều vô sở hữu.

Này Tu Bồ Đề! Ma ha diễn dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh. Vì sao? Vì ngã và chúng sanh bất khả đắc, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều bất khả đắc.

Lại nữa, ngã và chúng sanh vô sở hữu, dẫn đến tri giả, kiến giả vô sở hữu, nên 4 niệm xứ vô sở hữu, dẫn đến 18 bất cộng pháp vô sở hữu. 4 niệm xứ dẫn đến 18 bất cộng pháp vô sở hữu, nên hư không vô sở hữu, Ma ha diễn vô sở hữu, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều vô sở hữu.

Này Tu Bồ Đề! Ma ha diễn dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh. Vì sao? Vì ngã và chúng sanh bất khả đắc, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều bất khả đắc.

Lại nữa, ngã và chúng sanh vô sở hữu, dẫn đến tri giả, kiến giả vô sở hữu, nên "tánh địa" vô sở hữu, dẫn đến "dĩ tác địa" vô sở hữu. "Tánh địa" dẫn đến "dĩ tác địa" vô sở hữu, nên hư không vô sở hữu. Ma ha diễn vô sở hữu, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều vô sở hữu.

Này Tu Bồ Đề! Ma ha diễn dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh. Vì sao? Vì ngã và chúng sanh bất khả đắc, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều bất khả đắc.

Lại nữa, ngã và chúng sanh vô sở hữu, dẫn đến tri giả, kiến giả vô sở hữu, nên 4 quả Thanh Văn vô sở hữu. 4 quả Thanh Văn vô sở hữu, nên hư không vô sở hữu, Ma ha diễn vô sở hữu, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều vô sở hữu.

Này Tu Bồ Đề! Ma ha diễn dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh.Vì sao? Vì ngã và chúng sanh bất khả đắc, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều bất khả đắc.

Lại nữa, ngã và chúng sanh vô sở hữu, dẫn đến tri giả, kiến giả vô sở hữu, nên Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa, Bồ tát thừa, Phật thừa vô sở hữu. Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa, Bồ tát thừa, Phật thừa vô sở hữu, nên Nhất thiết chủng trí vô sở hữu, hư không vô

sở hữu, Ma ha diễn vô sở hữu, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều vô sở hữu.

Này Tu Bồ Đề! Ma ha diễn dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh. Vì sao? Vì ngã và chúng sanh bất khả đắc, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều bất khả đắc.

Lại nữa, vì như "Niết Bàn tánh" dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh, thì Ma ha diễn cũng dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh, vì như hư không dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh, thì Ma ha diễn cũng dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh vậy.

Tóm lại, tất cả pháp Phật vô sở hữu, Bát Nhã cũng vô sở hữu, Nhất thiết chủng trí vô sở hữu, hư không vô sở hữu, Đại thừa vô sở hữu, dẫn đến vô lượng vô biên pháp cũng đều vô sở hữu. Nên Đại thừa, Bát Nhã, Nhất thiết chủng trí, hư không dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh.

*Để giải thích quan điểm này, **phẩm thứ 23, có tên là "Đẳng Không"** (Bằng với hư không)**, Tập 3, quyển 51**, **Đại Trí Độ Luận:***

Hỏi: *Vì sao chẳng nói hư không quảng đại, mà lại nói hư không vô sở hữu, dung thọ vạn vật và cùng với Ma ha diễn bình đẳng?*

Đáp: Vì ai cũng đều biết hư không là vô sở hữu và dung thọ vạn vật.

Hỏi: *Tâm và tâm sở cũng vô sắc, vô hình. Vì sao chẳng nói các tâm và tâm sở dung thọ vạn vật?*

Đáp: Tướng của các tâm và tâm sở là hay biết, chẳng phải là tướng dung thọ.

Lại nữa, tâm và tâm sở chẳng có trú xứ, chẳng có trong, có ngoài, có gần, có xa v.v...

Do phàm phu chấp "sắc pháp" có tướng, nên mới phân biệt "sắc pháp" với "tâm pháp". Rồi từ đó, khởi sanh ý niệm về trú xứ vậy. Lại do chấp "sắc xứ" mà khởi chấp có hư không.

Nên biết tánh của hư không là dung thọ. Trái với hư không là sắc, cũng như tối với vô minh là minh vậy. Chỗ nào chẳng có vô minh thì minh hiện ra; chỗ nào chẳng có khổ là có lạc. Cũng như vậy, chỗ nào chẳng có sắc là có hư không.

Tâm và tâm sở chẳng có nghĩa dung thọ, như tà kiến chẳng dung thọ chánh kiến vậy. Còn tánh của hư không là dung thọ hết thảy các vật.

Tâm và tâm sở có sanh, có diệt khiến người tu hành có thể tu đoạn được các chấp đó. Còn hư không chẳng phải như vậy, vì hư không là trường tồn, là chẳng có đoạn diệt.

Bởi vậy nên, mặc dù tâm và tâm sở cũng là vô sắc vô hình như hư không, nhưng vẫn khác với hư không. Tâm và tâm sở chẳng dung thọ vạn vật, còn hư không thì dung thọ tất cả.

Hỏi: *Vì sao chẳng nói hư không là vô lượng vô biên, dung thọ vạn vật, mà lại nói hư không là vô sở hữu, dung thọ vạn vật?*

Đáp: Hư không chẳng có tự tướng. Chỉ do đối đãi với "sắc tướng" mà nói có "hư không tướng" vậy thôi. Đã chẳng có tự tướng thì "hư không tướng" cũng chẳng thật có. Bởi vậy nên chẳng có thể nói hư không là vô lượng vô biên được.

Hỏi: *Trước đây nói rằng hư không có tướng dung thọ vạn vật. Vì sao nay lại nói "hư không tướng" là chẳng thật có?*

Đáp: "Dung thọ tướng" là "vô sắc tướng". Vì sao? Vì chỗ nào chẳng có "sắc tướng" thì "hư không tướng" liền hiện ra vậy.

Như vậy nếu chưa có "sắc" mà đã có "hư không" rồi thì hư không là chẳng có tướng, là vô tướng vậy. Vì sao? Vì do đối đãi với "sắc" mà có "hư không". Như vậy hư không cũng là tác pháp, chẳng phải là chân pháp, nên nói hư không là vô tướng, là bất khả đắc.

Hỏi: *Trước nói "hư không tướng" là vô tướng, rồi sau đó lại nói chỗ nào chẳng có "sắc tướng" thì "hư không tướng" liền hiện ra. Như vậy là có "hư không tướng", sao lại nói "hư không tướng" chẳng thật có?*

Đáp: Hư không là chẳng có tướng, tức là vô tướng. Hư không chẳng có chỗ trú, tức là vô sở trú. Cho nên dù nói hư không có tướng thì tướng ấy cũng chẳng phải tướng (vô sở tướng), chẳng phải trú (vô sở trú) rồi vậy.

Lại nữa, nếu nói rằng tướng của hư không là "vô sở trú" thì "vô sở trú tướng" ấy cũng là không. Vì sao? Vì "ly tướng" tức là "ly trú xứ tướng", tức là vô tướng, là "vô sở trú tướng" rồi vậy.

Bởi vậy nên nói hư không chẳng có tướng, tức là vô tướng, hư không chẳng phải hữu pháp, tức là phi pháp, là vô pháp vậy.

Phải đoạn hết ngôn ngữ, phải dứt sạch các tâm hành xứ mới thấy rõ "hư không tướng" là "Niết Bàn tướng", là vô tướng vậy. Hết thảy các pháp tướng cũng đều là như vậy cả.

Hỏi: *Nếu nói như vậy thì hết thảy các pháp cũng là hư không rồi. Sao còn lấy hư không làm dụ để làm gì nữa?*

Đáp: Các pháp đều do duyên hòa hợp mà có, nên đều là hư dối. Chúng sanh do vô minh che tâm, mà khởi chấp có các pháp, chấp có 6 căn, 6 trần, 6 thức v.v... Do điên đảo chấp như vậy mà tâm trí của chúng sanh bị mê mờ, nên Phật lấy hư không làm dụ để phá các chấp vi tế về có pháp (hữu pháp).

Do đối đãi với sắc mà nói có hư không, nhưng hư không cũng chỉ là giả danh, chẳng thật có. Cũng như vậy, do 5 ấm hòa hợp mà giả danh có chúng sanh, nhưng chúng sanh là chẳng thật có. Chúng sanh cũng như hư không đều chẳng thật có, chẳng phải là định pháp. Ma ha diễn cũng là như vậy.

Nếu chẳng có chúng sanh thì cũng chẳng có Bồ tát, chẳng có Phật, dẫn đến chẳng có Ma ha diễn.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Ma ha diễn dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh. Vì sao? Vì nếu Ma ha diễn là hữu pháp thì chẳng thể dung thọ vô lượng vô biện chúng sanh được. Do vì Ma ha diễn là vô pháp, là phi pháp nên mới dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh.

Hỏi*: Nếu hư không là chẳng thật có, thì làm sao có thể lấy hư không làm dụ, làm sao có thể ví Ma ha diễn với hư không dung thọ vô lượng vô biên chủng sanh được?*

Đáp: Phật nói Ma ha diễn là tánh không, vô lượng vô biên chúng sanh là tánh không, hết thảy các pháp cũng là tánh không. Bởi nhân duyên vậy, nên Ma ha diễn có thể dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh. Vì sao? Vì hư không, Ma ha diễn, dẫn đến hết thảy chúng sanh đều là bất khả đắc cả.

--o0o--

Có thuyết nói: Do 10 phương hư không đều bất khả đắc, nên "vô số" cũng bất khả đắc, đồng đẳng với hư không. Chỉ do phân biệt mà nói có 1 số, có nhiều số, có 1 pháp Ba-la-mật, dẫn đến có 6 pháp Ba-la-mật v.v...

Lại có thuyết nói: Do lúc ban đầu chấp có số 1, nên mới có vô số các số hòa hợp, dẫn đến có vô số các pháp hòa hợp. Như vậy thì biết rằng "vô số" chỉ là danh tự, chẳng phải là định pháp. Vì sao? Vì 1 pháp đã là không thì vô số pháp cũng là không.

Lại có thuyết nói: Mỗi "số", mỗi "pháp" đều do phân biệt, do suy lường mà có. Các pháp đã là không thì vô số, vô lượng, vô biên đều chẳng thật có.

--o0o--

Nên biết: Nói lượng là nói về tổng tướng, nói biên là nói về biệt tướng. Vì sao? Vì có trù lượng mới dẫn đến có biên tế.

Lại nữa, ngã và chúng sanh, dẫn đến tri giả, kiến giả đều là không, nên "vô số" cũng là không. Vô số đã là không thì vô lượng, vô biên, dẫn đến hết thảy pháp đều là không cả.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Ma ha diễn có thể dung thọ vô lượng, vô biên chứng sanh, vì hết thảy các pháp đều là rốt ráo không cả.

--o0o--

Lại cũng nên biết Sự và Tướng chẳng rời nhau. Nấu chẳng có chúng sanh thì cũng chẳng có pháp, và ngược lại, nếu chẳng có pháp thì cũng chẳng có chúng sanh.

Trước nói về tổng tướng là nói hết thảy pháp đều không, sau nói về biệt tướng là nói về pháp không, pháp như, pháp tánh, thật tế v.v...

Như vậy là trước sau đều trình bày "diệu pháp". Vì sao? Vì nói các pháp là không, có nghĩa là nói hết thảy các pháp, ở nơi bất khả tư nghi tánh đều là diệu pháp cả. Dẫn đến Vô dư Niết Bàn tánh cũng là như vậy.

Nói tóm lại, hư không có đặc tính gì thì Đại thừa, Bát nhã Ba la mật, Nhất thiết trí trí cũng có đặc tính như vậy. Hư không rộng lớn bao la dung nạp vô lượng, vô biên hữu tình thì Đại thừa, Bát nhã Ba la mật, Nhất thiết trí trí cũng như vậy dung nạp vô lượng, vô lượng, vô biên hữu tình. Đại thừa, Bát nhã Ba la mật, Nhất thiết trí trí bao dung quảng đại như hư không. Vì vậy, cả ba mới có thể bảo hộ, che chở cho vô lượng vô biên Trời, Người, A tu la...

Kinh MHBNBLMĐ, phẩm "Xuất Thắng" tương đương với phẩm "Siêu Thắng" của Kinh ĐBN, Phật cũng nói: "Này Tu Bồ Đề! Nếu sắc… dẫn đến thức, sắc… dẫn đến pháp, nhãn… dẫn đến ý, nhãn thức… dẫn đến ý

thức, nhãn xúc… dẫn đến ý xúc, nhãn xúc nhân duyên sanh thọ… dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ là thật có, là thường hằng, là bất hoại, chẳng phải là hư vọng, chẳng phải là điên đảo, chẳng phải là vô pháp, thì Ma Ha Diễn chẳng có thể vượt lên hết thảy thế gian, Trời, Người và A Tu La.

Bởi sắc… dẫn đến thức, sắc… dẫn đến pháp, nhãn dẫn đến ý, nhãn thức… dẫn đến ý thức, nhãn xúc… dẫn đến ý xúc, nhãn xúc nhân duyên sanh thọ… dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ là hư vọng, là ức tưởng, là hòa hợp, là danh tự, là vô thường, là tán hoại, là vô pháp, nên Ma Ha Diễn vượt lên hết thảy thế gian, Trời, Người và A Tu La.

Này Tu Bồ Đề! Nếu như pháp tánh thật tế, bất khả tư nghì tánh là hữu pháp (thật pháp), chẳng phải là vô pháp (pháp chẳng có), thì Ma Ha Diễn chẳng có thể vượt lên hết thảy thế gian, Trời, Người và A Tu La được".

*Nên, **Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 22, "Thắng Xuất", Tập 3, quyển 51**, mới giải thích rằng:*

"Do nghiệp lực mà có 5 ấm, 12 nhập, 18 giới… dẫn đến mới có xúc, có thọ. Nếu các pháp thế gian nầy đều là hữu pháp, đều chẳng phải là vô pháp, thì Ma Ha Diễn chẳng có thể thắng xuất *(chẳng hơn gì)* thế gian được. Nhưng bởi các pháp thế gian đều là vô pháp, là phi pháp nên Ma Ha Diễn thắng xuất hết thảy thế gian, Trời, Người và A Tu La vậy".

Tóm lại mà nói: Hư không rộng lớn bao la dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh. Đại thừa cũng dung thọ vô lượng vô biên chúng sanh. Chúng sanh phiền não vô tận thì Đại thừa cũng có thuốc chữa vô tận giúp chúng sanh thoát khỏi hoạn nạn, sống trong yên vui giải thoát. Do vậy, cả Kinh lẫn Luận xưng tán Đại thừa "siêu vượt tất cả" giống như hư không./.

---o0o---

21. PHẨM "VÔ SỞ HỮU"

Phần sau Q. 418 đến đầu Q. 420, Hội thứ II.
(Tương đương phẩm "Vô Sở Đắc", cuối Q.61 - Q.70, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Phẩm "Vô Sở Hữu" của Hội thứ II, ĐBN (Hội thứ I gọi là "Vô Sở Đắc"), so với phẩm "Đẳng Không"(Bình đẳng cùng hư không) của Kinh MHBNBLMĐ như nhau. Cả hai Kinh đều quan niệm Đại thừa cùng ngang hàng với hư không, không khác. Đại thừa có bất cứ đặc tánh gì thì hư không có các đặc tánh ấy. Nên nói Đại thừa đồng đẳng với hư không. Hai Kinh có phẩm tựa khác nhau, nhưng nội dung không khác. Chỉ khác là Kinh Đại Bát Nhã trùng tuyên hơi nhiều.

Tóm lược:

(Đại thừa ngang đồng với hư không)

Lại nữa, Thiện Hiện! Ngươi nói **"Đại thừa ngang đồng hư không"**. Như vậy! Như ngươi đã nói. Vì sao? Vì như hư không Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phía trên dưới tất cả phương phần đều **bất khả đắc**. Đại thừa cũng vậy, Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phía trên dưới tất cả phương phần đều bất khả đắc, nên nói Đại thừa ngang cùng hư không.

Thiện Hiện! Lại như hư không dài ngắn cao thấp, vuông tròn tà chánh, tất cả hình sắc đều bất khả đắc. Đại thừa cũng vậy, dài ngắn cao thấp vuông tròn tà chánh tất cả hình sắc đều bất khả đắc, nên nói Đại thừa ngang cùng hư không.

Thiện Hiện! Lại như hư không chẳng quá khứ, chẳng vị lai, hiện tại. Đại thừa cũng vậy, chẳng quá khứ chẳng vị lai, hiện tại, nên nói Đại thừa ngang cùng hư không.

Thiện Hiện! Lại như hư không chẳng tăng chẳng giảm, chẳng tiến chẳng lui. Đại thừa cũng vậy, chẳng tăng chẳng giảm, chẳng tiến chẳng lui, nên nói Đại thừa ngang cùng hư không. Lại như hư không chẳng nhiễm chẳng tịnh. Đại thừa cũng vậy, chẳng nhiễm chẳng tịnh, nên nói

Đại thừa ngang cùng hư không. Lại như hư không không sanh không diệt, không trụ không khác. Đại thừa cũng vậy, không sanh không diệt, không trụ không khác, nên nói Đại thừa ngang cùng hư không.

Thiện Hiện! Lại như hư không chẳng thiện chẳng bất thiện, chẳng hữu ký chẳng vô ký. Đại thừa cũng vậy, chẳng thiện chẳng bất thiện, chẳng hữu ký chẳng vô ký, nên nói Đại thừa ngang cùng hư không. Lại như hư không không thấy không nghe, không giác không biết. Đại thừa cũng vậy, không thấy không nghe, không giác không biết, nên nói Đại thừa ngang cùng hư không. Lại như hư không chẳng phải hiểu biết, chẳng phải thông đạt, chẳng phải biết khắp, chẳng phải đoạn hẳn, chẳng phải chứng đắc, chẳng phải tu tập. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải hiểu biết, chẳng phải thông đạt, chẳng phải biết khắp, chẳng phải đoạn hẳn, chẳng phải chứng đắc, chẳng phải tu tập, nên nói Đại thừa bằng với hư không.

Thiện Hiện! Lại như hư không, chẳng quả, chẳng pháp có quả, chẳng dị thục, chẳng pháp có dị thục. Đại thừa cũng vậy, chẳng quả, chẳng pháp có quả, chẳng dị thục, chẳng pháp có dị thục, nên nói Đại thừa ngang cùng hư không. Lại như hư không chẳng có pháp tham, chẳng rời pháp tham; chẳng có pháp sân, chẳng rời pháp sân; chẳng có pháp si, chẳng rời pháp si. Đại thừa cũng vậy, chẳng có pháp tham chẳng rời pháp tham, chẳng có pháp sân chẳng rời pháp sân, chẳng có pháp si chẳng rời pháp si, nên nói Đại thừa ngang cùng hư không. Lại như hư không chẳng phải sơ phát tâm có đắc, cho đến chẳng phải phát tâm tới thập địa mới gọi là đắc. Đại thừa cũng vậy, chẳng phải sơ phát tâm có đắc, cho đến chẳng phải phát tâm đến thập địa mới gọi là đắc, nên nói Đại thừa ngang cùng hư không. Lại như hư không chẳng có bậc Tịnh quán, bậc Chủng tánh, bậc Đệ bát, bậc Cụ kiến, bậc Bạc, bậc Ly dục, bậc Dĩ biện, bậc Độc giác, bậc Bồ Tát, bậc Như Lai khá được. Đại thừa cũng vậy, chẳng có bậc Tịnh quán cho đến bậc Như Lai khá được, nên nói Đại thừa ngang cùng hư không.

Thiện Hiện! **Lại như hư không chẳng đọa cõi Dục, chẳng đọa cõi Sắc, chẳng đọa cõi Vô sắc. Đại thừa cũng vậy, chẳng đọa cõi Dục, chẳng đọa cõi Sắc, chẳng đọa cõi Vô sắc, nên nói Đại thừa ngang cùng hư không**. Lại như hư không chẳng có Dự lưu hướng, Dự lưu quả; Nhất lai hướng, Nhất lai quả; Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả; A la hán hướng, A la hán quả; Độc giác hướng, Độc giác quả; Bồ Tát, Như Lai khá được. Đại thừa cũng vậy, chẳng có Dự lưu hướng cho đến Như Lai khá được, nên

nói Đại thừa ngang cùng hư không. Lại như hư không chẳng có bậc Thanh văn, bậc Độc giác, bậc Bồ Tát, bậc Như Lai khá được. Đại thừa cũng vậy, chẳng có bậc Thanh văn, bậc Độc giác, bậc Như Lai khá được, nên nói Đại thừa ngang cùng hư không.

Thiện Hiện! Lại như hư không chẳng hữu sắc-chẳng vô sắc, chẳng hữu kiến-chẳng vô kiến, chẳng hữu đối-chẳng vô đối, chẳng tương ưng-chẳng bất tương ưng. Đại thừa cũng vậy, chẳng hữu sắc-chẳng vô sắc, chẳng hữu kiến-chẳng vô kiến, chẳng hữu đối-chẳng vô đối, chẳng tương ưng-chẳng bất tương ưng, nên nói Đại thừa ngang cùng hư không. Lại như hư không chẳng thường-chẳng vô thường, chẳng vui-chẳng khổ, chẳng ngã-chẳng vô ngã, chẳng tịnh-chẳng bất tịnh. Đại thừa cũng vậy, chẳng thường-chẳng vô thường, chẳng vui-chẳng khổ, chẳng ngã-chẳng vô ngã, chẳng tịnh-chẳng bất tịnh, nên nói Đại thừa ngang cùng hư không. Lại như hư không chẳng không-chẳng bất không, chẳng hữu tướng-chẳng vô tướng, chẳng hữu nguyện-chẳng vô nguyện. Đại thừa cũng vậy, chẳng không-chẳng bất không, chẳng hữu tướng-chẳng vô tướng, chẳng hữu nguyện-chẳng vô nguyện, nên nói Đại thừa ngang cùng hư không. *(Q.418, ĐBN)*

Thiện Hiện! Lại như hư không chẳng vắng lặng-chẳng phải chẳng vắng lặng, chẳng xa lìa-chẳng phải chẳng xa lìa. Đại thừa cũng vậy, chẳng vắng lặng-chẳng phải chẳng vắng lặng, chẳng xa lìa-chẳng phải chẳng xa lìa, nên nói Đại thừa ngang cùng hư không. Lại như hư không chẳng tối-chẳng sáng. Đại thừa cũng vậy, chẳng tối-chẳng sáng, nên nói Đại thừa ngang cùng hư không.

Thiện Hiện! Lại như hư không chẳng uẩn, xứ, giới chẳng rời uẩn, xứ giới. Đại thừa cũng vậy, chẳng uẩn, xứ, giới chẳng rời uẩn, xứ, giới nên nói Đại thừa ngang cùng hư không.

Thiện Hiện! Lại như hư không chẳng khá được-chẳng phải chẳng khá được. Đại thừa cũng vậy, chẳng khá được chẳng phải chẳng khá được, nên nói Đại thừa ngang cùng hư không. Lại như hư không chẳng thể nói-chẳng phải chẳng thể nói. Đại thừa cũng vậy, chẳng thể nói-chẳng phải chẳng thể nói, nên nói Đại thừa ngang cùng hư không.

Thiện Hiện! Do tất cả nhân duyên như thế nên nói Đại thừa ngang cùng hư không.

(Tất cả pháp vô sở hữu bất khả đắc như hư không)

L**ại nữa, Thiện Hiện! Ngươi nói in như hư không khắp năng **"dung nạp(1)* **vô lượng, vô số, vô biên hữu tình"**. Đại thừa cũng vậy, khắp năng dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Như vậy! Đúng như ngươi đã nói. Vì sao? Thiện Hiện! Hữu tình vô sở hữu nên phải biết hư không cũng vô sở hữu. Hư không vô sở hữu, nên phải biết Đại thừa cũng vô sở hữu. Do nhân duyên đây, nên nói Đại thừa khắp năng dung nạp vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Hoặc hữu tình hoặc hư không, hoặc Đại thừa, tất cả như thế đều vô sở hữu bất khả đắc vậy.

Lại nữa, Thiện Hiện! Hữu tình vô lượng vô số vô biên, nên phải biết hư không cũng vô lượng vô số vô biên. Hư không vô lượng vô số vô biên, nên phải biết Đại thừa cũng vô lượng vô số vô biên. Do nhân duyên đây, nên nói Đại thừa khắp năng dung nạp vô lượng vô số vô biên hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện! Hoặc hữu tình vô lượng vô số vô biên, hoặc hư không vô lượng vô số vô biên, hoặc Đại thừa vô lượng vô số vô biên, tất cả như thế đều vô sở hữu, bất khả đắc vậy.

Lại nữa, Thiện Hiện! Hữu tình vô sở hữu, nên phải biết hư không cũng vô sở hữu. Hư không vô sở hữu, nên phải biết Đại thừa cũng vô sở hữu. Đại thừa vô sở hữu, nên phải biết vô lượng cũng vô sở hữu. Vô lượng vô sở hữu, nên phải biết vô số cũng vô sở hữu. Vô số vô sở hữu, nên phải biết vô biên cũng vô sở hữu. Vô biên vô sở hữu, nên phải biết tất cả pháp cũng vô sở hữu. Do nhân duyên đây nên nói Đại thừa khắp năng dung nạp vô lượng vô số vô biên hữu tình. Vì sao? Hoặc hữu tình, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, hoặc vô số, hoặc vô biên, hoặc tất cả pháp, tất cả như thế đều vô sở hữu, bất khả đắc vậy.

Lại nữa, Thiện Hiện! Ngã vô sở hữu nên phải biết hữu tình*(2)* cũng vô sở hữu, hữu tình vô sở hữu nên phải biết mạng giả cũng vô sở hữu, mạng giả vô sở hữu nên phải biết sanh giả cũng vô sở hữu, sanh giả vô sở hữu nên phải biết dưỡng giả cũng vô sở hữu. Thọ giả vô sở hữu nên phải biết tri giả cũng vô sở hữu, tri giả vô sở hữu nên phải biết kiến giả cũng vô sở hữu, kiến giả vô sở hữu nên phải biết hư không cũng vô sở hữu, hư không vô sở hữu nên phải biết Đại thừa cũng vô sở hữu. Đại thừa vô sở hữu nên phải biết vô lượng cũng vô sở hữu. Vô lượng vô sở hữu nên phải biết vô số cũng vô sở hữu v.v… Do nhân duyên đây nên nói Đại thừa khắp năng

dung nạp vô lượng vô số vô biên hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện! Hoặc ngã cho đến kiến giả, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, hoặc vô số, hoặc vô biên, hoặc tất cả pháp, tất cả như thế đều vô sở hữu bất khả đắc vậy.

Lại nữa, Thiện Hiện! Ngã cho đến kiến giả vô sở hữu nên phải biết pháp giới cũng vô sở hữu. Pháp giới vô sở hữu nên phải biết hư không cũng vô sở hữu. Hư không vô sở hữu nên phải biết Đại thừa cũng vô sở hữu. Đại thừa vô sở hữu nên phải biết vô lượng cũng vô sở hữu. Vô lượng vô sở hữu nên phải biết vô số cũng vô sở hữu. Vô số vô sở hữu nên phải biết vô biên cũng vô sở hữu. Vô biên vô sở hữu nên phải biết tất cả pháp cũng vô sở hữu. Do nhân duyên đây nên nói Đại thừa khắp năng dung nạp vô lượng vô số vô biên hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện! Hoặc ngã cho đến kiến giả, hoặc pháp giới, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, hoặc vô số, hoặc vô biên, hoặc tất cả pháp, tất cả như thế đều vô sở hữu bất khả đắc vậy.

Hoặc ngã cho đến kiến giả, hoặc chơn như, thật tế, bất tư nghì giới, an ẩn giới v.v…, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, hoặc vô số, hoặc vô biên, hoặc tất cả pháp, tất cả như thế đều vô sở hữu bất khả đắc cũng như thế.

Lại nữa, Thiện Hiện! Ngã cho đến kiến giả vô sở hữu nên phải biết **sắc, thọ, tưởng, hành, thức** cũng vô sở hữu. Ngũ uẩn vô sở hữu nên phải biết hư không cũng vô sở hữu. Hư không vô sở hữu nên phải biết Đại thừa cũng vô sở hữu. Đại thừa vô sở hữu nên phải biết vô lượng cũng vô sở hữu. Vô lượng vô sở hữu nên phải biết vô số cũng vô sở hữu. Vô số vô sở hữu nên phải biết vô biên cũng vô sở hữu. Vô biên vô sở hữu nên phải biết tất cả pháp cũng vô sở hữu. Do nhân duyên đây nên nói Đại thừa khắp năng dung nạp vô lượng vô số vô biên hữu tình. Vì cớ sao? Thiện Hiện! Hoặc ngã cho đến kiến giả, hoặc ngũ uẩn, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, hoặc vô số, hoặc vô biên, hoặc tất cả pháp, tất cả như thế đều vô sở hữu bất khả đắc vậy.

Lại nữa, Thiện Hiện! Ngã cho đến kiến giả vô sở hữu nên phải biết **12 xứ, 18 giới** lần lữa cũng vô sở hữu. 12 xứ, 18 giới vô sở hữu nên phải biết hư không cũng vô sở hữu. Hư không vô sở hữu nên phải biết Đại thừa cũng vô sở hữu. Đại thừa vô sở hữu nên phải biết vô lượng cũng vô sở hữu. Vô lượng vô sở hữu nên phải biết vô số cũng vô sở hữu. Vô số vô sở

hữu nên phải biết vô biên cũng vô sở hữu. Vô biên vô sở hữu nên phải biết tất cả pháp cũng vô sở hữu. Do nhân duyên đây nên nói Đại thừa khắp năng dung nạp vô lượng vô số vô biên hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện! Hoặc ngã cho đến kiến giả, hoặc 12 xứ, 18 giới, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, hoặc vô số, hoặc vô biên, hoặc tất cả pháp, tất cả như thế đều vô sở hữu bất khả đắc vậy.

Lại nữa, Thiện Hiện! Ngã cho đến kiến giả vô sở hữu nên phải biết **sáu Ba la mật cũng vô sở hữu**. Sáu Ba la mật vô sở hữu nên phải biết hư không cũng vô sở hữu. Hư không vô sở hữu nên phải biết Đại thừa cũng vô sở hữu. Đại thừa vô sở hữu nên phải biết vô lượng cũng vô sở hữu. Vô lượng vô sở hữu nên phải biết vô số cũng vô sở hữu. Vô số vô sở hữu nên phải biết vô biên cũng vô sở hữu. Vô biên vô sở hữu nên phải biết tất cả pháp cũng vô sở hữu. Do nhân duyên đây nên nói Đại thừa khắp năng dung nạp vô lượng vô số vô biên hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện! Hoặc ngã cho đến kiến giả, hoặc sáu Ba la mật hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, hoặc vô số, hoặc vô biên, hoặc tất cả pháp, tất cả như thế đều vô sở hữu bất khả đắc vậy.

Lại nữa, Thiện Hiện! Ngã cho đến kiến giả vô sở hữu nên phải biết **18 pháp không** cũng vô sở hữu. Mười tám pháp không vô sở hữu nên phải biết hư không cũng vô sở hữu. Hư không vô sở hữu nên phải biết Đại thừa cũng vô sở hữu. Đại thừa vô sở hữu nên phải biết vô lượng cũng vô sở hữu. Vô lượng vô sở hữu nên phải biết vô số cũng vô sở hữu. Vô số vô sở hữu nên phải biết vô biên cũng vô sở hữu. Vô biên vô sở hữu nên phải biết tất cả pháp cũng vô sở hữu. Do nhân duyên đây nên nói Đại thừa khắp năng dung nạp vô lượng vô số vô biên hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện! Hoặc ngã cho đến kiến giả, hoặc 18 pháp không, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, hoặc vô số, hoặc vô biên, hoặc tất cả pháp, tất cả như thế đều vô sở hữu bất khả đắc vậy.

Lại nữa, Thiện Hiện! Ngã cho đến kiến giả vô sở hữu nên phải biết **tất cả pháp Phật cũng vô sở hữu**. Tất cả pháp Phật vô sở hữu nên phải biết hư không cũng vô sở hữu. Hư không vô sở hữu nên phải biết Đại thừa cũng vô sở hữu. Đại thừa vô sở hữu nên phải biết vô lượng cũng vô sở hữu. Vô lượng vô sở hữu nên phải biết vô số cũng vô sở hữu. Vô số vô sở hữu nên phải biết vô biên cũng vô sở hữu. Vô biên vô sở hữu nên phải biết tất cả pháp cũng vô sở hữu. Do nhân duyên đây nên nói Đại thừa khắp

năng dung nạp vô lượng vô số vô biên hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện! Hoặc ngã cho đến kiến giả, hoặc tất cả pháp Phật, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, hoặc vô số, hoặc vô biên, hoặc tất cả pháp, tất cả như thế đều vô sở hữu bất khả đắc vậy.

Lại nữa, Thiện Hiện! Ngã cho đến kiến giả vô sở hữu nên phải biết pháp **Tịnh quán, pháp Chủng tánh, pháp Đệ bát, pháp Cụ kiến, pháp Bạc, pháp Ly dục, pháp Dĩ biện, pháp Độc giác, pháp Bồ Tát, pháp Như Lai lần lữa cũng vô sở hữu**. Pháp Tịnh quán cho đến pháp Như Lai vô sở hữu nên phải biết hư không cũng vô sở hữu. Hư không vô sở hữu nên phải biết Đại thừa cũng vô sở hữu. Đại thừa vô sở hữu nên phải biết vô lượng cũng vô sở hữu. Vô lượng vô sở hữu nên phải biết vô số cũng vô sở hữu. Vô số vô sở hữu nên phải biết vô biên cũng vô sở hữu. Vô biên vô sở hữu nên phải biết tất cả pháp cũng vô sở hữu. Do nhân duyên đây nên nói Đại thừa khắp năng dung nạp vô lượng vô số vô biên hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện! Hoặc ngã cho đến kiến giả, hoặc pháp Tịnh quán cho đến Như Lai, hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, hoặc vô số, hoặc vô biên, hoặc tất cả pháp, tất cả như thế đều vô sở hữu bất khả đắc vậy.

Lại nữa, Thiện Hiện! Ngã cho đến kiến giả vô sở hữu nên phải biết **Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, Bồ Tát, Như Lai cũng vô sở hữu. Dự lưu cho đến Như Lai vô sở hữu** nên phải biết hư không cũng vô sở hữu. Hư không vô sở hữu nên phải biết Đại thừa cũng vô sở hữu. Đại thừa vô sở hữu nên phải biết vô lượng cũng vô sở hữu. Vô lượng vô sở hữu nên phải biết vô số cũng vô sở hữu. Vô số vô sở hữu nên phải biết vô biên cũng vô sở hữu. Vô biên vô sở hữu nên phải biết tất cả pháp cũng vô sở hữu. Do nhân duyên đây nên nói Đại thừa khắp năng dung nạp vô lượng vô số vô biên hữu tình. Vì sao? Thiện Hiện! Hoặc ngã cho đến kiến giả, hoặc Dự lưu cho đến Như Lai hoặc hư không, hoặc Đại thừa, hoặc vô lượng, hoặc vô số, hoặc vô biên, hoặc tất cả pháp, tất cả như thế đều vô sở hữu bất khả đắc vậy.

Lại nữa, Thiện Hiện! Như cõi Niết bàn khắp năng dung nạp vô lượng vô số vô biên hữu tình. Đại thừa cũng vậy, khắp năng dung nạp vô lượng vô số vô biên hữu tình. Do nhân duyên đây nên tác thuyết này: Y như hư không khắp năng dung nạp vô lượng vô số vô biên hữu tình. Đại thừa cũng vậy, khắp năng dung nạp vô lượng vô số vô biên hữu tình.*(3)*

*(Thay vì đoạn Kinh trên nói gọn là: "***Ngã cho đến kiến giả vô sở hữu nên phải biết tất cả pháp Phật cũng vô sở hữu".** *Kinh lại thuyết từng pháp từ sắc, thọ, tưởng, hành, thức… cho đến Như Lai vô sở hữu nên phải biết hư không cũng vô sở hữu. Hư không vô sở hữu nên phải biết Đại thừa cũng vô sở hữu. Đại thừa vô sở hữu nên phải biết vô lượng cũng vô sở hữu. Vô lượng vô sở hữu nên phải biết vô số cũng vô sở hữu. Vô số vô sở hữu nên phải biết vô biên cũng vô sở hữu. Vô biên vô sở hữu nên phải biết tất cả pháp cũng vô sở hữu. Do nhân duyên đây nên nói Đại thừa khắp năng dung nạp vô lượng vô số vô biên hữu tình. Đoạn Kinh kế tiếp nói về "tất cả pháp không đến không đi, vì tự tánh, tự tướng của chúng đối với từng pháp, từng pháp của các pháp Phật hoặc động hoặc trụ đều bất khả đắc". Toàn thể phẩm này trùng tụng như vậy, nên Kinh văn thấy dài).*

(Tất cả pháp không đến không đi, không trụ, vì tự tánh tự tướng của chúng hoặc động hoặc trụ đều bất khả đắc như hư không)

Lại nữa, Thiện Hiện! Ngươi nói: "Lại như hư không, không đến không đi không trụ khá thấy. Đại thừa cũng vậy, không đến không đi không trụ, khá thấy". Như vậy! Như ngươi đã nói. Vì sao? Thiện Hiện! Vì tất cả pháp không đến không đi cũng lại chẳng trụ. Vì sao? Vì tất cả pháp hoặc động hoặc trụ chẳng khá được vậy. Do nhân duyên đây nên nói Đại thừa cũng không chỗ đến, chỗ đi, chỗ trụ khá được.

Thiện Hiện! **Sắc không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ**; thọ tưởng hành thức không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Thiện Hiện! **Bản tánh sắc không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ**; bản tánh thọ tưởng hành thức không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. **Sắc như** không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ; thọ tưởng hành thức như không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. **Tự tánh sắc** không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ; tự tánh thọ tưởng hành thức không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. **Tự tướng sắc** không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ; tự tướng thọ tưởng hành thức không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Vì sao? **Vì bản tánh, như tánh, tự tánh, tự tướng sắc cho đến thức hoặc động hoặc trụ chẳng khá được***(4)* **vậy.**

Lại nữa, Thiện Hiện! **12 xứ, 18 giới** không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Bản tánh 12 xứ, 18 giới không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Thiện Hiện! 12 xứ như, 18 giới như không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Tự tánh 12 xứ, 18 giới không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Tự tướng 12 xứ, 18 giới không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Vì sao? Thiện Hiện! Bản tánh, như tánh, tự tánh, tự tướng 12 xứ, 18 giới hoặc động hoặc trụ chẳng khá được vậy.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Địa giới** không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ; thủy hỏa phong không thức giới không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Thiện Hiện! Bản tánh địa giới không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ; bản tánh thủy hỏa phong không thức giới không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Địa giới như*(chơn như của địa giới)* không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ; thủy hỏa phong không thức giới như không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Tự tánh địa giới không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ; tự tánh thủy hỏa phong không thức giới không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Tự tướng địa giới không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ; tự tướng thủy hỏa phong không thức giới không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Vì sao? Thiện Hiện! Bản tánh, như tánh, tự tánh, tự tướng địa giới cho đến thức giới hoặc động hoặc trụ chẳng khá được vậy.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Pháp giới** không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ; chơn như, thật tế, bất tư nghì giới, an ẩn giới… không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Bản tánh pháp giới không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ; bản tánh chơn như, thật tế, bất tư nghì giới, an ẩn giới… không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Pháp giới như không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ; chơn như, thật tế, bất tư nghì giới, an ẩn giới như… không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Tự tánh pháp giới không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ; tự tánh chơn như, thật tế, bất tư nghì giới, an ẩn giới… không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Tự tướng pháp giới không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ; tự tướng chơn như, thật tế,

bất tư nghì giới, an ẩn giới… không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Vì sao? Thiện Hiện! Bản tánh, như tánh, tự tánh, tự tướng pháp giới cho đến an ẩn giới… hoặc động hoặc trụ chẳng khá được vậy.

Lại nữa,Thiện Hiện! **Sáu Ba la mật** không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Thiện Hiện! Bản tánh 6 Ba la mật không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Sáu Ba la mật như không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Tự tánh sáu Ba la mật không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Tự tướng sáu Ba la mật không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Vì sao? Thiện Hiện! Bản tánh, như tánh, tự tánh, tự tướng sáu Ba la mật hoặc động hoặc trụ chẳng khá được vậy.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Tất cả pháp Phật** không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Thiện Hiện! Bản tánh Tất cả pháp Phật không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Tất cả pháp Phật như không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Tự tánh tất cả pháp Phật không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Tự tướng tất cả pháp Phật. Tự tướng tất cả pháp Phật không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Vì sao? Thiện Hiện! Bản tánh, như tánh, tự tánh, tự tướng tất cả pháp Phật hoặc động hoặc trụ chẳng khá được vậy. *(Q. 419, ĐBN)*

Lại nữa, Thiện Hiện! **Bồ đề, Phật đà** không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Thiện Hiện! Bản tánh Bồ đề, Phật đà không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Bồ đề như, Phật đà như không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Tự tánh Bồ đề, Phật đà không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Tự tướng Bồ đề, Phật đà không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Vì sao? Thiện Hiện! Bản tánh, như tánh, tự tánh, tự tướng Bồ đề, Phật Đà hoặc động hoặc trụ chẳng khá được vậy.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Hữu vi giới, vô vi giới** không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Bản tánh hữu vi giới, vô vi giới không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Hữu vi giới như, vô vi giới như không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Tự tánh hữu vi giới, vô vi giới không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Tự tướng hữu vi giới, vô vi giới không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Vì sao? Thiện Hiện! Bản tánh, như

tánh, tự tánh, tự tướng hữu vi giới, vô vi giới hoặc động hoặc trụ chẳng khá được vậy.

Thiện Hiện! Do nhân duyên đây nên nói Đại thừa không đến, không đi, không trụ khá thấy y như hư không.

(Ba đời không đều bất khả đắc)

Lại nữa, Thiện Hiện! Ngươi lại nói "**như hư không tiền tế, hậu tế, trung tế đều bất khả đắc**". Đại thừa cũng vậy, thời trước sau giữa đều chẳng khá được. Ba đời bình đẳng vượt khỏi ba đời, nên gọi Đại thừa. Như vậy! Như ngươi đã nói. Vì sao? Thiện Hiện! Đời quá khứ, đời quá khứ không. Đời vị lai, đời vị lai không. Đời hiện tại, đời hiện tại không. Ba đời bình đẳng, ba đời bình đẳng không. Vượt khỏi ba đời, vượt khỏi ba đời không. Đại thừa, Đại thừa không. Bồ Tát, Bồ Tát không. Vì sao? Thiện Hiện! Không, không có một hai ba bốn năm… tướng sai khác. Vậy nên, Đại thừa ba đời bình đẳng, vượt khỏi ba đời.

Thiện Hiện! Trong Đại thừa đây tướng đẳng bất đẳng*(ngang hàng hay không ngang hàng)* đều chẳng khá được. Tướng tham lìa tham đều chẳng khá được. Tướng sân lìa sân đều chẳng khá được. Tướng si lìa si đều chẳng khá được. Tướng mạn lìa mạn đều chẳng khá được. Như vậy cho đến tướng thiện phi thiện đều chẳng khá được. Tướng hữu ký vô ký đều chẳng khá được. Tướng thường vô thường đều chẳng khá được. Tướng vui và khổ đều chẳng khá được. Tướng ngã vô ngã đều chẳng khá được. Tướng tịnh bất tịnh đều chẳng khá được. Tướng Dục giới, ra khỏi Dục giới đều bất khả đắc; tướng Sắc giới, ra khỏi Sắc giới đều bất khả đắc; tướng Vô sắc giới, ra khỏi Vô sắc giới đều bất khả đắc. Vì sao? Thiện Hiện! Trong Đại thừa này tự tánh các pháp chẳng khá được vậy.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Sắc quá khứ, sắc quá khứ không**; sắc vị lai, sắc vị lai không; sắc hiện tại, sắc hiện tại không. Thọ tưởng hành thức quá khứ, vị lai, hiện tại; thọ tưởng hành thức quá khứ không; thọ tưởng hành thức vị lai không, thọ tưởng hành thức hiện tại không. Thiện Hiện! Trong không, sắc quá khứ bất khả đắc. Vì sao? **Vì sắc quá khứ tức là không, tánh không cũng không, trong không hãy chẳng khá được, huống chi trong không có sắc quá khứ khá được.** Thiện Hiện! Trong không sắc vị lai hiện tại bất khả đắc. Vì sao? Sắc vị lai hiện tại tức là không, tánh không

cũng không, trong không không hãy chẳng khá được, huống chi trong không có sắc vị lai hiện tại khá được. Thiện Hiện! Trong không thọ tưởng hành thức quá khứ bất khả đắc. Vì sao? Thọ tưởng hành thức quá khứ tức là không, tánh không cũng không, không trong không hãy chẳng khá được, huống chi trong không có thọ tưởng hành thức quá khứ khá được. Thiện Hiện! Trong không thọ tưởng hành thức vị lai hiện tại cũng bất khả đắc. Vì sao? Thọ tưởng hành thức vị lai hiện tại tức là không, tánh không cũng không, trong không không hãy chẳng khá được, huống chi trong không có thọ tưởng hành thức vị lai hiện tại khá được.

Lại nữa, Thiện Hiện! **12 xứ, 18 giới** quá khứ, 12 xứ, 18 giới quá khứ không; 12 xứ, 18 giới vị lai hiện tại, 12 xứ, 18 giới vị lai hiện tại không. Trong không 12 xứ, 18 giới quá khứ bất khả đắc. Vì sao? 12 xứ, 18 giới quá khứ tức là không, tánh không cũng không, trong không không hãy chẳng khá được, huống chi trong không có 12 xứ, 18 giới quá khứ khá được. Thiện Hiện! Trong không 12 xứ, 18 giới vị lai hiện tại cũng bất khả đắc. Vì sao? 12 xứ, 18 giới vị lai hiện tại tức là không, tánh không cũng không, trong không không hãy chẳng khá được. huống nào trong không có 12 xứ, 18 giới vị lai hiện tại khá được. Thiện Hiện! Trong không tất cả pháp Phật quá khứ bất khả đắc. Vì sao? Tất cả pháp Phật quá khứ tức là không, tánh không cũng không, trong không không hãy chẳng khá được, huống nào trong không có tất cả pháp Phật quá khứ khá được. Thiện Hiện! Trong không tất cả pháp Phật vị lai hiện tại cũng bất khả đắc. Vì sao? Tất cả pháp Phật vị lai hiện tại tức là không, tánh không cũng không, trong không không hãy chẳng khá được, huống chi trong không có tất cả pháp Phật vị lai hiện tại khá được.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Nhãn xúc** làm duyên sanh ra các thọ quá khứ, nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ quá khứ không; nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ vị lai hiện tại, nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ vị lai hiện tại không. Nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ quá khứ, nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ quá khứ không; nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ vị lai hiện tại, nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ vị lai hiện tại không. Thiện Hiện! Trong không nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ quá khứ bất khả đắc. Vì sao? Nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ quá khứ tức là không, tánh không cũng không, trong không không hãy chẳng khá được, huống chi trong

không có nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ quá khứ khá được. Thiện Hiện! Trong không nhãn, nhĩ, tỷ, thân, ý xúc cũng lại như thế.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Sáu Ba la mật** quá khứ, sáu Ba la mật quá khứ không; sáu Ba la mật vị lai hiện tại, sáu Ba la mật vị lai hiện tại không. Thiện Hiện! Trong không sáu Ba la mật quá khứ bất khả đắc. Vì sao? sáu Ba la mật quá khứ tức là không, tánh không cũng không, trong không không hãy chẳng khá được, huống chi trong không có sáu Ba la mật quá khứ khá được. Thiện Hiện! Trong không sáu Ba la mật vị lai hiện tại bất khả đắc. Vì sao? Sáu Ba la mật vị lai hiện tại tức là không, tánh không cũng không, trong không không hãy chẳng khá được, huống nào trong không có sáu Ba la mật vị lai hiện tại khá được.

Lại nữa, Thiện Hiện! **37 pháp trợ đạo** quá khứ, 37 pháp trợ đạo quá khứ không; 37 pháp trợ đạo vị lai hiện tại, 37 pháp trợ đạo vị lai hiện tại không. Thiện Hiện! Trong không 37 pháp trợ đạo quá khứ bất khả đắc. Vì sao? Vì 37 pháp trợ đạo quá khứ tức là không, tánh không cũng không, trong không không hãy chẳng khá được, huống chi trong không có 37 pháp trợ đạo quá khứ khá được. Thiện Hiện! Trong không 37 pháp trợ đạo vị lai hiện tại bất khả đắc. Vì sao? Vì 37 pháp trợ đạo vị lai hiện tại tức là không, tánh không cũng không, trong không không hãy chẳng khá được, huống chi trong không có 37 pháp trợ đạo vị lai hiện tại khá được.

Như vậy, **cho đến Phật 10 lực**, 4 vô sở úy, 4 vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng quá khứ, Phật 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng quá khứ không; Phật 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng quá khứ, Phật 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng quá khứ không. Thiện Hiện! Trong không Phật 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng quá khứ bất khả đắc. Vì sao? Phật 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng quá khứ tức là không, tánh không cũng không, trong không không hãy chẳng khá được, huống chi trong không có Phật 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng quá khứ khá được. Thiện Hiện! Trong không Phật mười lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng vị lai hiện tại bất khả đắc. Vì sao? Phật 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng vị lai hiện tại tức là không, tánh không cũng không, trong không không hãy chẳng khá được, huống nào trong không có Phật 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng vị lai hiện tại khá được.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Dị sanh quá khứ, dị sanh quá khứ không**; dị sanh vị lai hiện tại, dị sanh vị lai hiện tại không. Thanh Văn, Độc Giác, Bồ Tát, Như Lai quá khứ; Thanh Văn, Độc Giác, Bồ Tát, Như Lai quá khứ không. Thanh Văn, Độc Giác, Bồ Tát, Như Lai vị lai hiện tại; Thanh Văn, Độc Giác, Bồ Tát, Như Lai vị lai hiện tại không. Thiện Hiện! Trong không dị sanh quá khứ bất khả đắc. Vì sao? Dị sanh quá khứ tức là không, tánh không cũng không, trong không không hãy chẳng khá được, huống chi trong không có dị sanh quá khứ khá được. Thiện Hiện! Trong không dị sanh vị lai hiện tại bất khả đắc. Vì sao? Dị sanh vị lai hiện tại tức là không, tánh không cũng không, trong không không hãy chẳng khá được, huống chi trong không có dị sanh vị lai hiện tại khá được. Vì ngã hữu tình cho đến tri giả, kiến giả đều vô sở hữu bất khả đắc vậy.

Thiện Hiện! Trong không Thanh Văn, Độc Giác, Bồ Tát, Như Lai quá khứ bất khả đắc. Vì sao? Thanh Văn, Độc Giác, Bồ Tát, Như Lai quá khứ tức là không, tánh không cũng không, trong không không hãy chẳng khá được, huống chi trong không có Thanh Văn, Độc Giác, Bồ Tát, Như Lai quá khứ khá được. Thiện Hiện! Trong không Thanh Văn, Độc Giác, Bồ Tát, Như Lai vị lai hiện tại bất khả đắc. Vì sao? Thiện Hiện! Thanh Văn, Độc Giác, Bồ Tát, Như Lai vị lai hiện tại tức là không, tánh không cũng không, trong không không hãy chẳng khá được, huống chi trong không có Thanh Văn, Độc Giác, Bồ Tát, Như Lai vị lai hiện tại khá được. Vì ngã hữu tình cho đến tri giả kiến giả đều vô sở hữu bất khả đắc vậy.

(Đại thừa ba thời bình đẳng, bất khả đắc như hư không)

Lại nữa, Thiện Hiện! **Sắc thời trước chẳng khá được, sắc thời sau thời giữa chẳng khá được, sắc trong ba thời bình đẳng cũng bất khả đắc**. Vì sao? Thiện Hiện! Trong bình đẳng sắc thời trước sau giữa cũng đều bất khả đắc. Vì sao? Trong bình đẳng, tánh bình đẳng hãy chẳng khá được, huống chi trong bình đẳng có sắc thời trước sau giữa khá được. Thiện Hiện! Thọ tưởng hành thức thời trước chẳng khá được, thọ tưởng hành thức thời sau, thời giữa chẳng khá được, thọ tưởng hành thức trong ba thời bình đẳng cũng chẳng khá được. Vì sao? Thiện Hiện! Trong bình đẳng thọ tưởng hành thức thời trước sau giữa đều chẳng khá được. Vì

sao? Trong bình đẳng, tánh bình đẳng hãy chẳng khá được, huống chi trong bình đẳng có thọ tưởng hành thức thời trước sau giữa khá được.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Mười hai xứ, mười tám giới** thời trước chẳng khá được, 12 xứ, 18 giới thời sau thời giữa chẳng khá được, mười hai xứ, mười tám giới trong ba thời bình đẳng cũng chẳng khá được. Vì sao? Thiện Hiện! Trong bình đẳng 12 xứ, 18 giới thời trước sau giữa đều chẳng khá được. Vì sao? Thiện Hiện! Trong bình đẳng, tánh bình đẳng hãy chẳng khá được, huống chi trong bình đẳng có 12 xứ, 18 giới thời trước sau giữa khá được.

Thiện Hiện! **Nhãn xúc** làm duyên sanh ra các thọ thời trước chẳng khá được, nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ thời sau thời giữa chẳng khá được, nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ trong ba thời bình đẳng cũng chẳng khá được. Vì sao? Thiện Hiện! Trong bình đẳng nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ thời trước sau giữa đều chẳng khá được. Vì sao? Trong bình đẳng, tánh bình đẳng hãy chẳng khá được, huống chi trong bình đẳng có nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ thời trước sau giữa khá được. Thiện Hiện! Nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ thời trước chẳng khá được, nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ thời sau thời giữa chẳng khá được, nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ trong ba thời bình đẳng cũng chẳng khá được. Vì sao? Thiện Hiện! Trong bình đẳng nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ thời trước sau giữa đều chẳng khá được. Vì sao? Trong bình đẳng, tánh bình đẳng hãy chẳng khá được, huống chi trong bình đẳng có nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ thời trước sau giữa khá được.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Sáu Ba la mật**, đến 37 pháp trợ đạo, 18 pháp Phật bất cộng v.v... cũng lại như thế!

Như vậy, Thiện Hiện! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã trụ trong tánh ba thời bình đẳng đây tinh siêng tu học Nhất thiết tướng trí, không lấy không đắm nên mau được viên mãn. Thiện Hiện! Đấy gọi Đại thừa ba thời bình đẳng Bồ Tát Ma ha tát. Nếu Bồ Tát trụ trong Đại thừa như thế, vượt hơn tất cả thế gian, trời, người, A tu la v.v…, chóng năng chứng được Nhất thiết tướng trí, lợi ích an vui tất cả hữu tình.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Hay thay! Như Lai hay chính thuyết Đại thừa Bồ Tát. Bạch Thế Tôn! Đại thừa như thế rất tôn, rất thắng, rất thượng, rất

diệu. Các đại Bồ Tát quá khứ học trong đây đã năng chứng được Nhất thiết tướng trí, lợi ích an vui tất cả hữu tình. Các đại Bồ Tát vị lai học trong đây sẽ năng chứng được Nhất thiết tướng trí, lợi ích an vui tất cả hữu tình. Các đại Bồ Tát hiện tại mười phương vô lượng, vô số, vô biên thế giới, học trong đây đang năng chứng được Nhất thiết tướng trí, lợi ích an vui tất cả hữu tình. Đại thừa như thế rất tôn, rất thắng, rất thượng, rất diệu, năng làm chỗ nương chơn thắng cho tất cả Bồ Tát, năng khiến các Bồ Tát chóng năng chứng được Nhất thiết tướng trí, lợi ích an vui tất cả hữu tình.

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Như vậy! Như ngươi đã nói. Thiện Hiện! Các Bồ Tát quá khứ vị lai hiện tại đều nương Đại thừa tinh siêng tu học mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, lợi ích an vui các loại hữu tình. Vậy nên, Đại thừa rất tôn, rất thắng, rất thượng, rất diệu, vượt hơn tất cả thế gian, trời, người, A tu la v.v…

Thích nghĩa:

(1). Dung nạp: Thâu, nhận.

(2). Ngã, chúng sanh, thọ giả… cho đến kiến giả: Ý muốn nói đến 14 khoa danh tướng trong "bát thập nhất khoa" là: Ngã, chúng sanh, thọ giả, mạng giả, sanh giả, dưỡng dục giả, tác giả, sử tác giả, khởi giả, sử khởi giả, thọ giả, sử thọ giả, tri giả, kiến giả. Đã Thích nghĩa trong phẩm "Học Quán", Hội thứ I.

(3). Đọc đến phẩm 21 này các đạo hữu thấy: Hội thứ II tuy nói ngắn hơn, nhưng cũng trùng tuyên khá nhiều. Tuy vậy, chúng tôi không muốn tóm lược, các đạo hữu cứ tụng và tự so chiếu để nắm vững toàn bộ năm Hội đầu. Nếu muốn có nguyên chất, không sợ cắt xén, thì đây là cơ hội. Nắm vững tinh yếu của Hội thứ I và Hội thứ II rồi thì có thể tụng lướt qua các Hội sau cũng được. Kinh "Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa" và "Tiểu Phẩm Bát nhã Ba la mật Đa" do nhóm của Ngài Cưu Ma La Thập dịch ngắn gọn hơn nhiều. Kinh "Phật Mẫu Bát Nhã" do Thí Hội dịch lại còn ngắn hơn nữa. Một khi nắm vững một Hội thì có thể nắm vững các Hội khác dễ dàng. Vì vấn đề chuyển ngữ gây khó khăn, nên chúng tôi đọc gần như hầu hết các Kinh liên hệ trong hệ Bát Nhã song song với Kinh Đại Bát nhã Ba la mật này. Thọ trì Kinh phải kiên nhẫn! Tụng nhiều sẽ thâm nhập được Tánh Không cũng như quán không vậy.

(4). Chẳng khá được hoặc chẳng thể nắm bắt được là dịch nghĩa của hai cụm từ vô sở hữu, bất khả đắc. Xin xem thích nghĩa chi tiết của phẩm "Vô Biên Tế" sau đây của Hội này.

Sơ giải:

*Phẩm "Vô Sở Đắc" của Hội này **đề cập nhiều về Đại thừa**. Kinh lột được tinh thần của Bát nhã Ba la mật, của Đại thừa qua các giáo lý chính sau đây:*

1. "Vô tri, bất nhị":

"Lại như hư không chẳng hữu sắc-chẳng vô sắc, chẳng hữu kiến-chẳng vô kiến, chẳng hữu đối-chẳng vô đối, chẳng tương ưng-chẳng bất tương ưng. Đại thừa cũng vậy, chẳng hữu sắc-chẳng vô sắc, chẳng hữu kiến-chẳng vô kiến, chẳng hữu-đối chẳng vô đối, chẳng tương ưng-chẳng bất tương ưng, nên nói Đại thừa ngang cùng hư không. Lại như hư không chẳng thường-chẳng vô thường, chẳng vui-chẳng khổ, chẳng ngã-chẳng vô ngã, chẳng tịnh-chẳng bất tịnh. Đại thừa cũng vậy, chẳng thường-chẳng vô thường, chẳng vui-chẳng khổ, chẳng ngã-chẳng vô ngã, chẳng tịnh-chẳng bất tịnh, nên nói Đại thừa ngang cùng hư không. Lại như hư không chẳng không-chẳng bất không, chẳng hữu tướng-chẳng vô tướng, chẳng hữu nguyện-chẳng vô nguyện. Đại thừa cũng vậy, chẳng không-chẳng bất không, chẳng hữu tướng-chẳng vô tướng, chẳng hữu nguyện-chẳng vô nguyện, nên nói Đại thừa ngang cùng hư không v.v…"

Đối với hư không lửa không cháy, nước không ướt, gió không lay, bụi không dính… Đó là tính cách trì độn vô tri, bất nhị của Bát nhã Ba la mật, của Đại thừa mà Kinh nói đồng như hư không!

***2. Đại thừa vô sở hữu** nên dung nạp vô biên hữu tình như hư không:*

"Lại nữa, 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới cũng vô sở hữu. Ngũ uẩn, 12 xứ, 18 giới vô sở hữu nên phải biết hư không cũng vô sở hữu; cho đến **tất cả pháp Phật** cũng vô sở hữu. Tất cả pháp Phật vô sở hữu nên phải biết hư không cũng vô sở hữu. Hư không vô sở hữu nên phải biết Đại thừa cũng

vô sở hữu. Đại thừa vô sở hữu nên phải biết vô lượng cũng vô sở hữu. Vô lượng vô sở hữu nên phải biết vô số cũng vô sở hữu. Vô số vô sở hữu nên phải biết vô biên cũng vô sở hữu. Vô biên vô sở hữu nên phải biết tất cả pháp cũng vô sở hữu. Do nhân duyên đây nên nói Đại thừa khắp năng dung nạp vô lượng vô số vô biên hữu tình, v.v…

Sở hữu là cái gì thuộc về ta, ta có thể sai khiến kiểm soát, có thể quyết định. Tất cả pháp không phải là sỡ hữu của ta, ta không kiểm soát được kể cả trái tim nằm trong lòng ngực của ta, nói nó là của ta, tim ta. Nhưng nó thật sự không phải là sở hữu của ta. Nếu nó là sở hữu của ta thì ta có thể điều động nó được, ta có thể bảo nó đập nhanh hay chậm, bảo nó vĩnh viễn đập mãi, đừng bao giờ ngừng, kể cả thân tứ đại vô thường này? Nhưng không thể nào điều động nó được, nên nói nó không phải là sở hữu của ta. Vì tất cả pháp đều không. Ngũ uẩn, thập nhị nhập, thập bát giới, v.v… cho đến tất cả pháp trong ngoài cũng không phải là sở hữu của ta. Do đó, Kinh nói tất cả pháp là vô sở hữu bất khả đắc, biết như vậy thì không còn thủ tâm chấp tướng nữa.

3.Tất cả pháp không đến*(vô lai)* ***không đi****(vô khứ)****, không trụ, vì tự tánh tự tướng của chúng hoặc động hoặc trụ đều bất khả đắc như hư không:***

Tất cả pháp từ 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới… cho đến hữu vi giới, vô vi giới không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Bản tánh 5 uẩn, 12 giới, 18 giới… cho đến hữu vi giới, vô vi giới không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không chỗ trụ. Bởi vì sao? Vì chúng là vô tri, trì độn, là không thật có, vô sở hữu, bất khả đắc, nên gọi là không. Khi thâm nhập được pháp không rồi, có cái thấy biết như thế tâm mới được như như bất động.

Nói chung, tất cả pháp kể cả pháp Phật không từ đâu đến, cũng không đi đến đâu, cũng không chỗ trụ. Tự tánh không, vô tánh không, vô tánh tự tánh không, tất cả pháp đều không hết, trong không cái không cũng không thể nắm bắt. Vậy còn chỗ nào để cất giữ, bám víu nữa. Do nhân duyên đây nên nói Đại thừa không đến, không đi, không trụ khá thấy y như hư không.

4. Tất cả pháp ba thời đều không, bất khả đắc:

Tất cả pháp đều không, ba thời trước, giữa, sau cũng không, không có thật thể, không có tự tánh, duyên hợp giả có… không thể nắm bắt được nên nói là vô sỡ hữu bất khả đắc. Quá khứ đã qua, vị lai chưa đến, vừa nói hiện tại thì hiện tại cũng trở thành quá khứ rồi. Nếu biết tất cả pháp cùng Đại thừa đều vô sở hữu bất khả đắc ngang đồng hư không thì tâm được như như, tâm như thì tất cả pháp đều như, như đó là bình đẳng, bình đẳng nên nói là thanh tịnh. Tất cả giáo pháp nói về Đại thừa, Tánh Không và Nhất thiết trí trí so sánh với hư không, không ngoài cái thanh tịnh của đạo Bồ đề hay gọi là ***tịnh đạo Bồ đề****.*

Nếu đọc và phối hợp phẩm "Vô Sở Đắc" này cùng với các phẩm tương đương của hai Hội đầu, chúng ta sẽ hiểu được tinh thần "vô tri, bất nhị" của Bát nhã Ba la mật mà một số luận gia trong đó có Tăng Triệu còn đi xa hơn khi bảo "Bát Nhã vô tri" trong "vô tri luận" của ngài. Chúng ta đồng ý nhận định này. Nhưng phải nói: Biết tất cả pháp đều không, vô sở hữu bất khả đắc, nên nói là được "diệu quán" vô sở đắc, "diệu huệ" vô sở trụ. Đạt đến trạng thái như vậy thì được vô thức, vô niệm, vô tâm.

Nhưng "nói đi phải nói lại": Bát Nhã vô tri nhưng vô sở bất tri (Bát Nhã không biết nhưng chẳng có gì chẳng biết). Đó là cái tịch tịch mà chiếu, chiếu chiếu mà tịch của Bát nhã Ba la mật.

Phẩm này có phẩm tựa là "Vô Sở Đắc", nhưng thật ra chỉ là kết quả của phẩm "Siêu Thắng" hay nói khác 2 phẩm chỉ là một tiến trình. Để nắm vững phẩm này, Các đạo hữu nên quay lại đọc thêm toàn ***phẩm thứ 22, "Thắng Xuất", Tập 3, quyển 51, Đại Trí Độ Luận./.***

---o0o---

22. PHẨM "TÙY THUẬN"

Giữa quyển 420, Hội thứ II.
(Tương đương với phẩm "Tùy Thuận"** (cùng một tên)**,
giữa quyển 61, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Phẩm "Tùy Thuận" của Hội thứ II, ĐBN so với phẩm "Hội Tông" (Hội Các Tông Chỉ) của Kinh MHBNBLMĐ giống nhau như hai giọt nước. Phẩm tựa có khác nhưng nội dung không khác. Các đạo hữu có thể đọc tụng song song với Hội này để hiểu rõ vấn đề hơn, nếu muốn.

Tóm lược:

Bấy giờ, Cụ thọ Mãn Từ Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Trước đây, Như Lai bảo Tôn giả Thiện Hiện thuyết giảng Bát Nhã Ba la mật cho các Bồ Tát mà sao hôm nay lại nói đến Đại thừa?

Cụ thọ Thiện Hiện liền thưa:

- Bạch Thế Tôn! Trước đây con đã nói các nghĩa của Đại thừa nhưng đâu có trái vượt với Bát nhã Ba la mật?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Trước đây ông đã thuyết giảng các nghĩa của Đại thừa tất cả đều tuỳ thuận, không trái vượt với Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Này Thiện Hiện! Vì tất cả thiện pháp, Bồ đề phần pháp, hoặc Thanh văn, hoặc Độc giác, hoặc Bồ Tát, hoặc Như Lai pháp. Như vậy, **tất cả không có pháp nào là không thâu nhiếp vào Bát nhã Ba la mật thậm thâm này**.

Bấy giờ, Thiện Hiện lại thưa:

- Bạch Thế Tôn! Tại sao tất cả thiện pháp, Bồ đề phần pháp, hoặc Thanh văn, hoặc Độc giác, hoặc Bồ Tát, hoặc Như Lai đều thâu nhiếp vào trong Bát nhã Ba la mật thậm thâm này?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Hoặc 6 Ba la mật, hoặc 37 Bồ đề phần pháp, hoặc pháp môn giải thoát không, hoặc pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện, hoặc 10 lực của Phật, hoặc 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi,

đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng, hoặc Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, hoặc pháp không quên mất, hoặc tánh luôn luôn xả. Thiện Hiện! Tất cả các thiện pháp như vậy, Bồ đề phần pháp, hoặc Thanh văn, hoặc Độc giác, hoặc Bồ Tát, hoặc Như Lai pháp, tất cả đều thâu nhiếp vào Bát nhã Ba la mật thậm thâm này.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Hoặc Đại thừa, hoặc Bát nhã Ba la mật, hoặc tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật; hoặc sắc, hoặc thọ, tưởng, hành, thức; hoặc 12 xứ, 18 giới, hoặc nhãn xúc, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, hoặc các thọ do nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra, hoặc 4 tịnh lự, hoặc 4 vô lượng, 4 định vô sắc; hoặc 8 giải thoát, hoặc 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ, hoặc 37 Bồ đề phần pháp; hoặc pháp môn giải thoát không, hoặc pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện; hoặc pháp thiện, hoặc pháp chẳng thiện, hoặc pháp hữu ký, hoặc pháp vô ký, hoặc pháp hữu lậu, hoặc pháp vô lậu, hoặc pháp hữu vi, hoặc pháp vô vi; hoặc pháp thế gian, hoặc pháp xuất thế gian; hoặc Thánh đế khổ, hoặc Thánh đế tập, diệt, đạo; hoặc Dục giới, hoặc Sắc, Vô sắc giới; hoặc 18 pháp không; hoặc pháp giới, hoặc chơn như, thật tế, cảnh giới bất tư nghì, cảnh giới an ẩn v.v... hoặc các Đà la ni, hoặc Tam ma địa, hoặc Phật 10 lực, hoặc 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng; hoặc chư Như Lai pháp, hoặc pháp luật của Phật giác ngộ nói ra; hoặc Bồ đề, hoặc Niết bàn. Tất cả pháp như vậy, đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, vô sắc, vô kiến, vô đối, nhất tướng, chỗ gọi là vô tướng.

Này Thiện Hiện! Do nhân duyên này, trước đây ông đã nói các nghĩa của Đại thừa tất cả đều tùy thuận, không trái vượt với Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì Đại thừa không khác Bát nhã Ba la mật, Bát nhã Ba la mật không khác Đại thừa. Đại thừa không khác tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật; tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật không khác Đại thừa. Vì sao? Vì hoặc Đại thừa, hoặc Bát Nhã, hoặc tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật, tánh đó không hai, không hai phần.

Này Thiện Hiện! Đại thừa không khác 37 Bồ đề phần pháp, 37 Bồ đề phần pháp không khác Đại thừa. Vì sao? Vì hoặc Đại thừa, hoặc 37 Bồ đề phần pháp tánh đó không hai, không hai phần. Đại thừa cho đến Phật mười lực không khác, Phật mười lực không khác Đại thừa. Đại thừa không khác

bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng; bốn điều không sợ cho đến mười 18 Phật bất cộng không khác Đại thừa. Vì sao? Vì hoặc Đại thừa, hoặc Phật mười lực, hoặc bốn điều không sợ cho đến 18 pháp Phật bất cộng, tánh đó không hai, không hai phần.

Này Thiện Hiện! Do nhân duyên này, trước đây ông đã nói các nghĩa của Đại thừa tất cả đều tùy thuận không trái vượt Bát nhã Ba la mật. Nói Đại thừa tức là nói Bát nhã Ba la mật, nói Bát nhã Ba la mật tức là nói Đại thừa, bởi hai danh nghĩa này không khác vậy.

Sơ giải:

Phẩm "Tùy Thuận" của Hội thứ II, này nằm trong câu nói của Phật:

"Này Thiện Hiện! Do nhân duyên này, trước đây ông đã nói các nghĩa của Đại thừa tất cả đều tùy thuận, không trái vượt với Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì Đại thừa không khác Bát nhã Ba la mật, Bát nhã Ba la mật không khác Đại thừa. Đại thừa không khác tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật; tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật không khác Đại thừa. Vì sao? Vì hoặc Đại thừa, hoặc Bát Nhã, hoặc tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật, tánh đó không hai, không hai phần".

Trong câu nói này, Phật lấy 6 pháp Ba la mật để so sánh với Đại thừa: "Vì hoặc Đại thừa, hoặc Bát nhã Ba la mật, hoặc tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí, tánh đó không hai, không hai phần".

Điều đó có nghĩa Đại thừa và 6 Ba la mật" chỉ là một. Nên nói không hai không khác. Đó gọi là tương ưng hay tùy thuận không trái ngược nhau. Phẩm trước Phật so sánh Địa thừa với hư không. Phẩm này Phật so sánh Đại thừa với Bát nhã Ba la mật. Chúng ta có thể nói Bát nhã Ba la mật có đặc tánh gì thì Đại thừa có đặc tánh đó hay ngược lại.

Đại thừa như hư không, Bát nhã Ba la mật cũng như hư không; Đại thừa nhiếp thọ tất cả pháp, Bát nhã Ba la mật cũng nhiếp thọ tất cả pháp; Đại thừa dung nạp tất cả hữu tình, Bát nhã Ba la mật cũng dung nạp tất cả hữu tình. Nên nói Đại thừa không khác Bát nhã Ba la mật, Bát nhã Ba la mật không khác Đại thừa, tánh đó không hai không khác, nên nói cả hai tùy thuận hay tương ưng với nhau.

Phẩm "Tùy Thuận", Q.61, Hội thứ I, ĐBN nói rằng:

"Lại nữa, Thiện Hiện! Hoặc Đại thừa, hoặc Bát nhã Ba la mật, hoặc tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật; hoặc sắc, hoặc thọ tưởng hành thức, hoặc 12 xứ, 18 giới; hoặc Tứ đế; 12 duyên khởi; hoặc Dục, Sắc, Vô sắc giới; hoặc pháp thiện, pháp phi thiện; hoặc pháp hữu ký, vô ký; hoặc pháp hữu lậu, vô lậu; hoặc pháp hữu vi, vô vi; hoặc pháp thế gian, xuất thế gian; hoặc 4 tịnh lự, hoặc 4 vô lượng, 4 định vô sắc; hoặc 8 giải thoát, hoặc 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ; hoặc 37 pháp trợ đạo; hoặc 3 giải thoát môn; hoặc 5 loại mắt, hoặc 6 phép thần thông; hoặc Phật 10 lực, hoặc 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; hoặc pháp không quên mất, hoặc tánh luôn luôn xả; hoặc tất cả pháp môn Đà la ni, pháp môn Tam ma địa; hoặc các đức Như Lai, hoặc pháp mà đức Phật đã giác ngộ đã nói; hoặc 18 pháp không; hoặc chơn như, hoặc pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, cảnh giới bất tư nghì, cảnh giới hư không, cảnh giới đoạn, cảnh giới ly, cảnh giới diệt, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, cảnh giới vô tánh, cảnh giới vô tướng, cảnh giới vô tác, cảnh giới vô vi, cảnh giới an ổn, cảnh giới tịch tịnh, bổn vô, thật tế, cứu cánh Niết bàn, **tất cả các pháp như vậy, đều chẳng phải tương ưng, chẳng phải chẳng phải tương ưng, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hữu kiến, chẳng phải vô kiến, chẳng phải hữu đối, chẳng phải vô đối, đều cùng nhất tướng, chỗ gọi là vô tướng.**

Thiện Hiện! Do nhân duyên này, vừa rồi, ông nói Đại thừa đối với Bát nhã Ba la mật, hoàn toàn tùy thuận, không có sự chống trái, vượt qua. Vì sao? Thiện Hiện! **Vì Đại thừa chẳng khác Bát nhã Ba la mật, Bát nhã Ba la mật chẳng khác Đại thừa.** Vì sao? Vì hoặc Đại thừa, hoặc Bát nhã Ba la mật, tánh nó không hai, vì không có hai phần".

Phẩm "Tùy Thuận" của Hội thứ I còn nói thêm rằng không những 6 Ba la mật mà tất cả Phật pháp, tất cả pháp mầu Phật đạo, tư lương Bồ đề Bồ Tát hay còn gọi là Bồ Tát đạo đều tương ưng với Đại thừa. Vì vậy, Kinh nói hoặc Đại thừa hoặc Bát nhã Ba la mật hoặc tất cả pháp mầu Phật đạo không hai, không khác. Tất cả đều tương ưng, chẳng xa lìa nhau.

Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 24, "Hội Tông" *(Hội Các Tông Chỉ)*, ***Tập 3, quyển 52,*** *giải thích toàn bộ phẩm này như sau:*

"Theo như ý Kinh ở trên đây thì ngài Phú Lâu Na chẳng còn có tâm nghi. Thế nhưng vì hạng người mới học Bát nhã Ba la mật, chỉ phân biệt các pháp theo danh tự mà chưa rõ nghĩa "không", nên ngài Phú Lâu Na phải vì họ mà nêu câu hỏi. Ngài Tu Bồ Đề dựa nơi chỗ hỏi của ngài Phú Lâu Na mà bạch Phật, để thỉnh Phật giảng rộng thêm.

--o0o--

Phật bảo ngài Tu Bồ Đề rằng: Đúng như lời ông nói, Ma Ha Diễn *(Đại thừa)* tùy thuận Bát nhã Ba la mật, chẳng khác Bát nhã Ba la mật, chẳng ly Bát nhã Ba la mật.

Phật vì tùy thuận chúng sanh mà nói ba thừa đạo, nhưng hết thảy thiện pháp của ba thừa đạo đều nhiếp trọn vào trong Bát nhã Ba la mật, và đều dẫn đến Niết Bàn cả.

Muốn vào Niết Bàn, phải tu ba giải thoát môn (không, vô tướng và vô tác), nên nói ba giải thoát môn là cộng pháp của cả ba thừa đạo. Hành giả do trì giới, mà sanh thiền định; do thiền định mà sanh trí huệ; và khi được trí huệ viên mãn rồi, thì chẳng còn chấp thế gian nữa.

Hỏi: *Vì sao nói ba thừa đạo pháp đều là trợ đạo pháp, và đều nhiếp vào trong Bát nhã Ba la mật cả?*

Đáp: Vì Bồ Tát hành đầy đủ các thiện pháp, mà chẳng hề chấp các thiện pháp ấy, Bồ Tát thường tu hạnh xả, nên chẳng còn chấp các pháp tướng vậy.

Nên biết rằng 37 Phẩm Trợ Đạo và ba giải thoát môn là cộng pháp của cả ba thừa. Còn 6 pháp Ba la mật là pháp của Bồ Tát; 10 lực, 4 vô sở uý, 4 vô ngại trí, đại từ, đại bi… 18 bất cộng pháp thường dẫn đến hành xả, là pháp của Phật.

--o0o--

Có thuyết nói rằng tu 6 pháp Ba la mật có hai trường hợp:

- Đầy đủ (cụ túc) Ba la mật.
- Chưa đầy đủ (chưa cụ tức) Ba la mật.

Đầy đủ Ba la mật là pháp Bồ Tát; chưa đầy đủ Ba la mật là pháp Nhị Thừa.

Lại có thuyết nói Ma Ha Diễn là tánh không, Bát nhã Ba la mật cũng là tánh không. Bởi vậy nên 2 pháp này là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Ngài Tu Bồ Đề nói về Ma Ha Diễn là tùy thuận Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật cũng như năm Bát nhã Ba la mật kia đều là tánh không, nên Ma Ha Diễn cũng là tánh không. Dẫn đến pháp như, pháp tánh, thật tế, bất khả tư nghì tánh, Niết Bàn tánh cũng đều là như vậy cả.

Lại nữa, chư đại Bồ Tát, khi hành Ma Ha Diễn, đã dùng lực phương tiện Bát nhã Ba la mật để tu các thiện pháp nhằm dẫn đến đạo Niết Bàn, mà vẫn biết rõ các pháp ấy đều chẳng có hợp, chẳng có tan, chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối… vì đều chỉ là một tướng (nhất tướng), là chẳng có tướng (vô tướng) vậy".

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Ma ha diễn tức là Bát nhã Ba la mật, vì hai pháp này chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Kết Luận:

Đại thừa, Bát Nhã và 5 Ba la mật kia đều là Tánh không, dẫn đến pháp như, pháp tánh, thật tế, bất khả tư nghì tánh, Niết Bàn tánh cũng đều là như vậy cả. Đó là nội dung của phẩm "Hội Tông", nghĩa là tất cả các pháp rốt ráo đều dẫn đến Tánh không hay nói rộng ra dẫn đến "nhất thiết pháp không". Đó cũng là tông chỉ của hành giả Bát Nhã nói riêng, cũng là tông chỉ của các tông phái, tông chỉ của cả ba thừa nói chung tụ hội lại để tu để học để hành, nên Kinh MHBNBLMĐ gọi là "Hội Tông"./.

---o0o---

23. PHẨM "VÔ BIÊN TẾ"

Cuối Q.420 đến đầu Q.423, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Vô Sở Đắc", cuối Q.61 đến đầu Q.70, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Phẩm "Vô Biên Tế" của Hội thứ II, ĐBN tương đương với phẩm "Thập Vô" của Kinh MHBNBLMĐ. Đây là một phẩm khó nuốt khó tiêu hóa. Hai Kinh giải thích những cái khó khăn của Bát nhã Ba la mật nhất là vấn đề sanh diệt, thường đoạn, khứ lai của các pháp v.v... Hy vọng phẩm này mở được đạo nhãn cho những ai thọ trì nó.

Phẩm "Vô Biên Tế" của Hội thứ II, ĐBN cũng tương đương với ***phẩm thứ 25, "Thập Vô" (10 Điều Không), Tập 3, quyển 52, Đại Trí Độ Luận.***

Xin lặp lại là phẩm tựa cũng như chánh văn của Kinh MHBNBLMĐ do nhóm của Ngài La Thập dịch từ Phạn sang Hán cũng chính là phẩm tựa và chánh văn của Đại Trí Độ Luận do Bồ Tát Long Thọ biên soạn.

Tóm lược:

(Tất cả pháp Phật vô biên tế nên phải biết đại Bồ Tát cũng vô biên tế)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát thời trước, thời sau, giữa, ba thời đều vô sở hữu bất khả đắc.

Bạch Thế Tôn! **Sắc vô biên tế**, nên phải biết đại Bồ Tát cũng vô biên tế; thọ tưởng hành thức vô biên tế, nên phải biết Bồ Tát cũng vô biên tế. 12 xứ, 18 giới vô biên tế, nên phải biết đại Bồ Tát cũng vô biên tế. Nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ vô biên tế, nên phải biết đại Bồ Tát cũng vô biên tế; nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ vô biên tế, nên phải biết đại Bồ Tát cũng vô biên tế.

Bạch Thế Tôn! Nội không cho đến không tánh tự tánh, chơn như cho đến an ẩn giới vô biên tế, nên phải biết đại Bồ Tát vô biên tế; 6 Ba la mật cho đến 37 pháp trợ đạo vô biên tế, nên phải biết đại Bồ Tát cũng vô biên

tế; 3 giải thoát môn cho đến Phật 10 lực vô biên tế, nên phải biết đại Bồ Tát cũng vô biên tế; 4 vô sở úy, 4 vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng vô biên tế, nên phải biết đại Bồ Tát cũng vô biên tế. Thanh văn thừa vô biên tế, nên phải biết Bồ Tát cũng vô biên tế; Độc giác thừa, Đại thừa vô biên tế, nên phải biết đại Bồ Tát cũng vô biên tế. ***(****Tức tất cả pháp Phật vô biên tế nên đại Bồ Tát cũng vô biên tế****)***

(Để giải thích điểm này ***Đại Trí độ Luận, phẩm thứ 25, "Thập Vô", Tập 3, quyển 52****, nói:*

"Hỏi: *Tâm và tâm sở là vô hình, nên chẳng có thể thấy được. Còn sắc có tướng, có hình thì sao cũng nói sắc là vô biên?*

Đáp: Vì sắc pháp là vô sở xứ, nên là vô sắc, là bất khả đắc, là vô biên vậy.

Do có trù lượng, có chấp xa gần, nặng nhẹ... mà phàm phu mới nói sắc có biên bờ.

Phật dạy 4 đại đều là **vô sở xứ** nên chẳng có biên bờ. Vì sao? Vì chẳng có thể dùng 5 thức mà trù lượng về các đại được, chẳng có thể dùng đấu, dùng cân... mà đo lượng các đại được. Bởi vậy nên nói sắc là vô biên.

Lại nữa, sắc quá khứ bất khả đắc, sắc hiện tại bất khả đắc, sắc vị lai bất khả đắc, nên nói sắc là vô biên, chẳng có bờ trước, chẳng có bờ sau, chẳng có chặng giữa.

Lại nữa, biên bờ của sắc chỉ là giả danh. Đây là do phân biệt mà có. Nếu sắc tán hoại thì biên bờ là bất khả đắc. Vì sao? **Vì các pháp chẳng có định tướng vậy.**

Lại nữa, vô vi pháp là bất sanh, bất diệt, nên khi quán được sắc là không, thì biết rõ vô số, vô lượng, vô biên sắc pháp cũng đều là không, cũng đều ví như hư không, cũng đồng là tướng vô vi vậy.

Như vậy, Bồ Tát cũng như hết thảy pháp đều là bất khả đắc.

Bởi vậy nên nói 5 ấm vô biên, thì Bồ Tát cũng vô biên, 4 niệm xứ dẫn đến 18 bất cộng pháp vô biên, thì Bồ Tát cũng vô biên").

(Nơi tất cả pháp Phật, đại Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc(1),
lìa tất cả pháp Phật, đại Bồ Tát cũng vô sở hữu bất khả đắc).

Bạch Thế Tôn! **Ngay nơi***(2)* **sắc, đại Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc; ly sắc, đại Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc**. Ngay nơi *(ở)* thọ tưởng hành thức, đại Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc; ly*(lìa)* thọ tưởng hành thức, đại Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc. Ngay nơi 12 xứ, 18 giới đại Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc; ly 12 xứ, 18 giới, đại Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc. Ngay nơi nhãn xúc đại Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc, ly nhãn xúc đại Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc. Ngay nơi nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc đại Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc, ly nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc đại Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc. Ngay nơi nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ đại Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc, ly nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ đại Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc. Ngay nơi nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ đại Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc, ly nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ, đại Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc.

Bạch Thế Tôn! **Ngay nơi nội không cho đến vô tánh tự tánh không, đại Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc**; ly nội không cho đến vô tánh tự tánh không, đại Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc. Ngay nơi pháp giới đại Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc; ly pháp giới đại Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc. Ngay nơi chơn như, thật tế, bất tư nghì giới, an ẩn giới… đại Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc; ly chơn như, thật tế, bất tư nghì giới, an ẩn giới… đại Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc.

Bạch Thế Tôn! **Ngay nơi bố thí Ba la mật**, đại Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc; ly bố thí, đại Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc. Ngay nơi tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc; ly tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật, đại Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc. Ngay nơi 37 pháp trợ đạo, đại Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc; ly 37 pháp trợ đạo đại Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc. Ngay nơi tam giải thoát môn, đại Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc; ly tam giải thoát môn đại Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc. Ngay nơi Phật 10 lực, đại Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc; ly Phật 10 lực, đại Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc. Ngay nơi 4 vô sở úy, 4 vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng, đại Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc; ly 4 vô sở úy cho đến 18 pháp Phật bất cộng, đại Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc. *(Nói tóm gọn, ngay trong tất cả pháp Phật hay ly tất cả pháp Phật đại Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc).*

Bạch Thế Tôn! **Ngay nơi Thanh văn thừa, Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc**; ly Thanh văn thừa, Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc. Ngay nơi Độc giác thừa, Đại thừa Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc; ly Độc giác thừa, Đại thừa Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc.

Bạch Thế Tôn! Con đối tất cả pháp đây, dùng tất cả chủng, tất cả xứ, tất cả thời tìm các Bồ Tát đều không thấy, trọn chẳng khá được, làm sao khiến con đem Bát Nhã dạy bảo trao truyền cho các Bồ Tát được!

Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát, Bồ Tát **chỉ giả danh**, đều không tự tánh. Như nói ngã, chúng sanh, thọ giả… rốt ráo chẳng sanh, chỉ có giả danh đều không tự tánh. Các pháp cũng vậy rốt ráo chẳng sanh, chỉ có giả danh đều không tự tánh. *(Q.420, ĐBN)*

(Ngay trong 5 ấm không có Bồ Tát, lìa 5 ấm cũng không có Bồ Tát. Nên nói Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc. Suy rộng ra, ngay trong tất cả pháp Phật, lìa tất cả pháp Phật cũng không có Bồ Tát. Nên nói, Bồ Tát là vô sở hữu bất khả đắc. Đó là lý do tại sao cụ thọ Thiện Hiện trình Phật: Đối tất cả pháp đây, dùng tất cả chủng, tất cả xứ, thời tìm các Bồ Tát đều không thấy, trọn chẳng khá được, làm sao có thể đem Bát nhã Ba la mật dạy bảo trao truyền cho các Bồ Tát được!

*Vả lại, Bồ Tát **chỉ giả danh**, đều không tự tánh. Nếu không có tự tánh, thì rốt ráo chẳng sanh, chỉ có giả danh).*

(Tất cả pháp rốt ráo chẳng sanh thời chẳng gọi là tất cả pháp. Lìa rốt ráo chẳng sanh cũng không có Bồ Tát năng hành Vô thượng Bồ đề)

Bạch Thế Tôn! Sao là sắc **rốt ráo chẳng sanh**, sao là thọ tưởng hành thức rốt ráo chẳng sanh? Bạch Thế Tôn! Nếu rốt ráo chẳng sanh thời chẳng gọi sắc, cũng chẳng gọi thọ tưởng hành thức. Sao là 12 xứ, 18 giới rốt ráo chẳng sanh? Bạch Thế Tôn! Nếu rốt ráo chẳng sanh thời chẳng gọi 12 xứ, cũng chẳng gọi 18 giới.

Bạch Thế Tôn! Sao là nội không rốt ráo chẳng sanh, sao là ngoại không cho đến vô tánh tự tánh không rốt ráo chẳng sanh? Bạch Thế Tôn! Nếu rốt ráo chẳng sanh thời chẳng gọi nội không, cũng chẳng gọi ngoại không cho đến vô tánh tự tánh không. Sao là pháp giới rốt ráo chẳng sanh,

sao là chơn như, thật tế, bất tư nghì giới, an ẩn giới thảy rốt ráo chẳng sanh? Bạch Thế Tôn! Nếu rốt ráo chẳng sanh thời chẳng gọi pháp giới, cũng chẳng gọi chơn như, thật tế, bất tư nghì giới, an ẩn giới thảy.

Bạch Thế Tôn! Sao là 6 Ba la mật rốt ráo chẳng sanh? Sao là 37 pháp trợ đạo, 3 giải thoát môn rốt ráo chẳng sanh? Bạch Thế Tôn! Nếu rốt ráo chẳng sanh thời chẳng gọi 6 Ba la mật; cũng chẳng gọi là 37 pháp trợ đạo cho đến 3 giải thoát môn. Sao là Phật 10 lực rốt ráo chẳng sanh? Sao là 4 vô sở úy cho đến 18 pháp Phật bất cộng rốt ráo chẳng sanh? Bạch Thế Tôn! Nếu rốt ráo chẳng sanh thời chẳng gọi Phật 10 lực, cũng chẳng gọi 4 vô sở úy cho đến 18 pháp Phật bất cộng.

Bạch Thế Tôn! Sao là Thanh văn thừa rốt ráo chẳng sanh, sao là Độc giác thừa, Đại thừa rốt ráo chẳng sanh? Bạch Thế Tôn! Nếu rốt ráo chẳng sanh thời chẳng gọi Thanh văn thừa, cũng chẳng gọi Độc giác thừa hay Đại thừa.

Bạch Thế Tôn! Con đâu có thể đem Bát nhã Ba la mật rốt ráo chẳng sanh dạy bảo trao truyền cho các Bồ Tát rốt ráo chẳng sanh được. Bạch Thế Tôn! Lìa rốt ráo chẳng sanh cũng không có Bồ Tát năng hành Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

*(5 ấm, 12 xứ, 18 giới là những thứ sinh diệt đổi dời, không có tự tánh, nên chẳng sanh. Suy rộng ra, Bồ Tát **chỉ giả danh**, đều không tự tánh. Nếu không có tự tánh, thì rốt ráo chẳng sanh, chỉ có giả danh. Nên nói lìa rốt ráo chẳng sanh cũng không có Bồ Tát năng hành Vô thượng Bồ đề).*

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ Tát nghe thuyết như thế tâm chẳng chìm đắm, cũng chẳng ưu hối; tâm kia chẳng kinh, chẳng e, chẳng sợ, phải biết Bồ Tát này năng hành Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ, Tôn giả Xá lợi Tử hỏi cụ thọ Thiện Hiện rằng:

- **Vì duyên cớ gì nói các Bồ Tát ba thời đều vô sở hữu bất khả đắc**?

Xá Lợi Tử! Các hữu tình **vô sở hữu** nên các Bồ Tát ba thời vô sở hữu bất khả đắc. Hữu tình **không** nên các Bồ Tát ba thời vô sở hữu bất khả đắc. Hữu tình **xa lìa** nên các Bồ Tát ba thời vô sở hữu bất khả đắc. Hữu tình **vô tự tánh** nên các Bồ Tát ba thời vô sở hữu bất khả đắc.

Xá Lợi Tử! **Sắc vô sở hữu** nên các Bồ Tát ba thời vô sở hữu bất khả đắc; thọ tưởng hành thức vô sở hữu nên các Bồ Tát ba thời vô sở hữu bất

khả đắc. **Sắc không** nên các Bồ Tát Ma ha tát ba thời vô sở hữu bất khả đắc; thọ tưởng hành thức không nên các Bồ Tát ba thời vô sở hữu bất khả đắc. **Sắc xa lìa** nên các Bồ Tát ba thời vô sở hữu bất khả đắc; thọ tưởng hành thức xa lìa nên các Bồ Tát ba thời vô sở hữu bất khả đắc. **Sắc vô tự tánh** nên các Bồ Tát ba thời vô sở hữu bất khả đắc; thọ tưởng hành thức vô tự tánh nên các Bồ Tát ba thời vô sở hữu bất khả đắc.

Xá Lợi Tử! 12 xứ, 18 giới vô sở hữu nên các Bồ Tát ba thời vô sở hữu bất khả đắc; 12 xứ, 18 giới vô sở hữu nên các Bồ Tát ba thời vô sở hữu bất khả đắc; 12 xứ, 18 giới **không** nên các Bồ Tát ba thời vô sở hữu bất khả đắc; 12 xứ, 18 giới **xa lìa** nên các Bồ Tát ba thời vô sở hữu bất khả đắc; 12 xứ, 18 giới **vô tự tánh** nên các Bồ Tát ba thời vô sở hữu bất khả đắc. Tất cả pháp Phật vô sở hữu nên các Bồ Tát ba thời vô sở hữu bất khả đắc; tất cả pháp Phật không nên các Bồ Tát ba thời vô sở hữu bất khả đắc; tất cả pháp Phật xa lìa nên các Bồ Tát ba thời vô sở hữu bất khả đắc; tất cả pháp Phật vô tự tánh nên các Bồ Tát ba thời vô sở hữu bất khả đắc. Vì sao?

Xá Lợi Tử! Trong không như thế, thời trước chẳng khá được, thời sau chẳng khá được, thời giữa chẳng khá được, Bồ Tát cũng chẳng khá được. Xá Lợi Tử! Hoặc không như thế, hoặc thời trước, hoặc thời sau, hoặc thời giữa, hoặc Bồ Tát, tất cả pháp như thế đều không hai không hai phần. Xá Lợi Tử! Bởi nhân duyên đây tôi tác thuyết này: Các Bồ Tát thời trước vô sở hữu bất khả đắc, các Bồ Tát thời sau vô sở hữu bất khả đắc, các Bồ Tát thời giữa vô sở hữu bất khả đắc.

(Thời gian do con người thỏa thuận với nhau đặt ra để giúp tiện nghi cho sinh hoạt thế gian. Thời gian chỉ là quy ước, quy ước thì không phải thật, chỉ tưởng tượng, thi thiết mà có. Vậy, 3 thời không thể nắm bắt được. Bồ Tát là do 5 uẩn 6 tình hợp lại, nhưng 5 uẩn 6 tình cũng là không. Bởi nhân duyên đó, nên nói Bồ Tát ba thời đều vô sở hữu bất khả đắc).

Tôn giả Xá lợi Tử hỏi cụ thọ Thiện Hiện rằng:

- Vì duyên cớ gì nói sắc vô biên tế nên phải biết Bồ Tát cũng vô biên tế; thọ tưởng hành thức vô biên tế nên phải biết Bồ Tát cũng vô biên tế? Cho đến Thanh văn thừa vô biên tế nên phải biết Bồ Tát cũng vô biên tế; Độc giác thừa, Đại thừa vô biên tế nên phải biết Bồ Tát cũng vô biên tế?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

- Xá Lợi Tử! Sắc như hư không, thọ tưởng hành thức như hư không. Vì sao? Xá Lợi Tử! Như hư không ba thời bất khả đắc. Do giới biên bất khả đắc, nên nói là hư không. Sắc cho đến thức cũng lại như thế, ba thời bất khả đắc. Vì sao? Vì **sắc cho đến thức đều tánh không vậy**. Xá Lợi Tử! Trong không thời trước bất khả đắc, thời sau, thời giữa bất khả đắc, vì giới biên đều bất khả đắc, nên nói là không. Xá Lợi Tử! Bởi nhân duyên đây tôi tác thuyết này: Sắc vô biên tế, nên phải biết Bồ Tát cũng vô biên tế; thọ tưởng hành thức vô biên tế, nên phải biết Bồ Tát cũng vô biên tế. Cho đến Tam thừa cũng lại như vậy.

(Tánh không như hư không rộng lớn, không có biên giới, không ai có thể nắm bắt được hư không. Nên phải biết Bồ Tát cũng không có biên tế. Đại thừa cũng lại như thế).

Tôn giả Xá lợi Tử hỏi cụ thọ Thiện Hiện rằng:

- Vì duyên cớ nào nói tức sắc, Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc; ly sắc, Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc. Tức thọ tưởng hành thức, Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc; ly thọ tưởng hành thức, Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc. Cho đến tức Thanh văn thừa, Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc; ly Thanh văn thừa, Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc. Tức Độc giác thừa, Đại thừa, Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc; ly Độc giác thừa, Đại thừa, Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

- Xá Lợi Tử! Sắc, tánh sắc không; thọ tưởng hành thức, tánh thọ tưởng hành thức không. Vì sao? Trong sắc tánh không, sắc vô sở hữu bất khả đắc, nên các Bồ Tát cũng vô sở hữu bất khả đắc. Trong thọ tưởng hành thức tánh không, thọ tưởng hành thức vô sở hữu bất khả đắc, nên các Bồ Tát cũng vô sở hữu bất khả đắc.

Xá Lợi Tử! Phi sắc, tánh phi sắc không. Phi thọ tưởng hành thức, tánh phi thọ tưởng hành thức không. Vì sao? Trong phi sắc tánh không, phi sắc vô sở hữu bất khả đắc, nên các Bồ Tát cũng vô sở hữu bất khả đắc. Trong phi thọ tưởng hành thức tánh không, phi thọ tưởng hành thức vô sở hữu bất khả đắc, nên các Bồ Tát cũng vô sở hữu bất khả đắc.

Xá Lợi Tử! **Bởi nhân duyên đây tôi tác thuyết này: Ngay nơi sắc, Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc; ly sắc, Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc. Ngay nơi thọ tưởng hành thức, Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc; ly thọ tưởng hành thức, Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc. Cho đến Tam thừa cũng lại như vậy.**

Xá lợi Tử! Vì **duyên cớ gì nói tôi đối tất cả pháp, đem tất cả chủng, tất cả xứ, tất cả thời, tìm các Bồ Tát đều không thấy, trọn chẳng khá được, làm sao khiến tôi đem Bát nhã Ba la mật dạy bảo trao truyền cho các Bồ Tát?**

Xá Lợi Tử! **Sắc, tánh sắc không, nên sắc đối sắc vô sở hữu bất khả đắc**. Sắc đối thọ tưởng hành thức vô sở hữu bất khả đắc. Thọ, tưởng, hành, thức trong sắc cũng vô sở hữu bất khả đắc. Thọ, tánh thọ không, nên thọ đối thọ vô sở hữu bất khả đắc. Thọ đối sắc, tưởng, hành, thức vô sở hữu bất khả đắc. Sắc, tưởng, hành, thức trong thọ cũng vô sở hữu bất khả đắc. Tưởng, tánh tưởng không, nên tưởng đối tưởng vô sở hữu bất khả đắc. Tưởng đối sắc, thọ, hành, thức vô sở hữu bất khả đắc. Sắc, thọ, hành, thức trong tưởng cũng vô sở hữu bất khả đắc. Hành cho đến thức cũng lại như vậy v.v… Xá Lợi Tử! 12 xứ, 18 giới tánh 12 xứ, 18 giới không, nên 12 xứ, 18 giới đối 12 xứ, 18 giới vô sở hữu bất khả đắc cũng giống như vậy.

Xá Lợi Tử! Nhãn xúc, **tánh nhãn xúc không**, nên nhãn xúc đối nhãn xúc vô sở hữu bất khả đắc. Nhãn xúc đối nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc vô sở hữu bất khả đắc. Nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc trong nhãn xúc cũng vô sở hữu bất khả đắc.

Nhĩ xúc, **tánh nhĩ xúc không**, nên nhĩ xúc đối nhĩ xúc vô sở hữu bất khả đắc. Nhĩ xúc đối nhãn tỷ thiệt thân ý xúc vô sở hữu bất khả đắc. Nhãn tỷ thiệt thân ý xúc trong nhĩ xúc cũng vô sở hữu bất khả đắc. Tỷ xúc, tánh tỷ xúc không, nên tỷ xúc đối tỷ xúc vô sở hữu bất khả đắc. Tỷ xúc đối nhãn nhĩ thiệt thân ý xúc vô sở hữu bất khả đắc. Nhãn nhĩ thiệt thân ý xúc trong tỷ xúc cũng vô sở hữu bất khả đắc. Thiệt xúc, thân xúc, ý xúc… cũng lại như vậy.

Xá Lợi Tử! Nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ, **tánh nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ không**, nên nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ đối nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ vô sở hữu bất khả đắc. Nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ đối nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ vô sở hữu bất khả đắc. Nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra

các thọ trong nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cũng vô sở hữu bất khả đắc. Nhĩ xúc làm duyên sanh ra các thọ, tánh nhĩ xúc làm duyên sanh ra các thọ không, nên nhĩ xúc làm duyên sanh ra các thọ đối nhĩ xúc làm duyên sanh ra các thọ vô sở hữu bất khả đắc. Nhĩ xúc làm duyên sanh ra các thọ đối nhãn tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ vô sở hữu bất khả đắc. Nhãn tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ trong nhĩ xúc làm duyên sanh ra các thọ cũng vô sở hữu bất khả đắc. Tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc… cũng lại như vậy.

Xá Lợi Tử! **Sáu Ba la mật, tánh sáu Ba la mật không, nên sáu Ba la mật đối sáu Ba la mật vô sở hữu bất khả đắc.** Sáu Ba la mật đối 37 pháp trợ đạo, vô sở hữu bất khả đắc. 37 pháp trợ đạo trong sáu Ba la mật cũng vô sở hữu bất khả đắc. Như vậy cho đến Phật 10 lực, tánh Phật 10 lực không, nên Phật 10 lực đối Phật 10 lực vô sở hữu bất khả đắc. Phật 10 lực đối 4 vô sở úy, 4 vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng vô sở hữu bất khả đắc. Bốn vô sở úy cho đến 18 pháp Phật bất cộng trong Phật 10 lực cũng vô sở hữu bất khả đắc. Như vậy cho đến 18 pháp Phật bất cộng, tánh 18 pháp Phật bất cộng không, nên 18 pháp Phật bất cộng đối 18 pháp Phật bất cộng vô sở hữu bất khả đắc. 18 pháp Phật bất cộng đối Phật 10 lực cho đến đại từ đại bi đại hỷ đại xả vô sở hữu bất khả đắc. Phật 10 lực cho đến… đại xả trong 18 pháp Phật bất cộng cũng vô sở hữu bất khả đắc.

Xá Lợi Tử! Nhất thiết trí, **tánh Nhất thiết trí không**, nên Nhất thiết trí đối Nhất thiết trí vô sở hữu bất khả đắc. Nhất thiết trí đối Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí vô sở hữu bất khả đắc. Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí trong Nhất thiết trí cũng vô sở hữu bất khả đắc. Đạo tướng trí, tánh Đạo tướng trí không, nên Đạo tướng trí đối Đạo tướng trí vô sở hữu bất khả đắc. Đạo tướng trí đối Nhất thiết trí, Nhất thiết tướng trí vô sở hữu bất khả đắc. Nhất thiết trí, Nhất thiết tướng trí trong Đạo tướng trí cũng vô sở hữu bất khả đắc. Nhất thiết tướng trí, tánh Nhất thiết tướng trí không, nên Nhất thiết tướng trí đối Nhất thiết tướng trí vô sở hữu bất khả đắc. Nhất thiết tướng trí đối Nhất thiết trí, Đạo tướng trí vô sở hữu bất khả đắc. Nhất thiết trí, Đạo tướng trí trong Nhất thiết tướng trí cũng vô sở hữu bất khả đắc.

Xá Lợi Tử! Dự lưu, **tánh Dự lưu không**, nên Dự lưu đối Dự lưu vô sở hữu bất khả đắc. Dự lưu đối Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, Bồ Tát, Như Lai vô sở hữu bất khả đắc. Nhất lai cho đến Như Lai trong Dự

lưu cũng vô sở hữu bất khả đắc. Như vậy, cho đến Như Lai, tánh Như Lai không, nên Như Lai đối Như Lai vô sở hữu bất khả đắc. Như Lai đối Dự lưu cho đến Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc. Dự lưu cho đến Bồ Tát trong Như Lai cũng vô sở hữu bất khả đắc.

Xá Lợi Tử! Bồ Tát, **tánh Bồ Tát không**, nên Bồ Tát đối Bồ Tát vô sở hữu bất khả đắc. Bồ Tát đối Bát nhã Ba la mật dạy bảo trao truyền vô sở hữu bất khả đắc. Bát nhã Ba la mật dạy bảo trao truyền trong Bồ Tát cũng vô sở hữu bất khả đắc. Bát nhã Ba la mật, **tánh Bát nhã Ba la mật không**, nên Bát nhã Ba la mật đối Bát nhã Ba la mật vô sở hữu bất khả đắc. Bát nhã Ba la mật đối Bồ Tát tát dạy bảo trao truyền vô sở hữu bất khả đắc. Bồ Tát dạy bảo trao truyền trong Bát nhã Ba la mật cũng vô sở hữu bất khả đắc. Dạy bảo trao truyền, tánh dạy bảo dạy trao truyền không, nên dạy bảo trao truyền đối dạy bảo trao truyền vô sở hữu bất khả đắc. Dạy bảo trao truyền đối Bồ Tát, Bát nhã Ba la mật vô sở hữu bất khả đắc. Bồ Tát, Bát nhã Ba la mật trong dạy bảo trao truyền cũng vô sở hữu bất khả đắc.

(Không có pháp nào đối với pháp nào dù nhỏ nhiệm bằng đầu mảy lông có tự tánh hòa hợp, có cộng hữu, nên nói tất cả đều vô sở hữu bất khả đắc, tất cả đều không. Không cộng với không cũng là không, không có đáp số nào trong phương trình toán học này cả).

Xá Lợi Tử! Tôi đối tất cả pháp đây thảy, đem tất cả chủng, tất cả xứ, tất cả thời tìm Bồ Tát đều vô sở hữu cũng bất khả đắc. Vì sao? Vì tự tánh không vậy. **Bởi nhân duyên đây tôi tác thuyết: Đối với tất cả pháp đây, đem tất cả chủng, tất cả xứ, tất cả thời tìm các Bồ Tát đều không thấy đâu, trọn chẳng khá được, làm sao khiến tôi đem Bát nhã Ba la mật dạy bảo trao truyền cho các Bồ Tát!**

Tôn giả Xá lợi Tử hỏi cụ thọ Thiện Hiện rằng:

- Vì **duyên cớ gì nói các Bồ Tát, các Bồ Tát chỉ có giả danh đều vô tự tánh?**

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

- Xá Lợi Tử! Vì danh các Bồ Tát chỉ nhiếp khách danh.

Khi ấy, Tôn giả Xá Lợi Tử hỏi cụ thọ Thiện Hiện rằng:

- Do duyên nào nên nói: Tên các Bồ Tát chỉ là tạm mượn mà có?

Thiện Hiện đáp:

- Xá lợi Tử! Như **tên sắc chỉ là tạm mượn mà có**, tên thọ, tưởng, hành, thức cũng chỉ là tạm mượn mà có. Vì sao? Vì sắc chẳng phải là tên, tên chẳng phải là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là tên, tên chẳng phải là thọ, tưởng, hành, thức. Trong sắc v.v... không có tên, trong tên không có sắc v.v... Chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả lập. Vì sao? **Vì tự tánh của sắc v.v... và tên đều là không**. Trong tự tánh không, hoặc sắc v.v... hoặc tên đều vô sở hữu bất khả đắc.

Này Xá lợi Tử! Tên các Bồ Tát cũng như vậy, chỉ là tạm mượn mà có. Do đây nên nói các Bồ Tát chỉ có **giả danh hoàn toàn không có tự tánh**.

Xá lợi Tử! Như tên 12 xứ chỉ tạm mượn mà có, tên 18 giới chỉ tạm mượn mà có. Vì sao? Vì 12 xứ chẳng phải tên, tên chẳng phải 12 xứ. Mười tám giới chẳng phải tên, tên chẳng phải 18 giới. Trong xứ, giới không có tên, trong tên không có xứ giới. Chẳng hợp chẳng tan, chỉ là giả lập. Vì sao? Vì tự tánh của xứ, giới và tên đều là không. Trong tự tánh không, hoặc xứ, giới hoặc tên đều vô sở hữu bất khả đắc.

Xá Lợi Tử! Như tên 6 Ba la mật chỉ tạm mượn mà có; tên 37 pháp trợ đạo chỉ tạm mượn mà có. Vì sao? Vì sáu Ba la mật chẳng phải tên, tên chẳng phải sáu Ba la mật; 37 pháp trợ đạo chẳng phải tên, tên chẳng phải 37 pháp trợ đạo. Trong sáu Ba la mật, 37 pháp trợ đạo không có tên, trong tên không có sáu Ba la mật, 37 pháp trợ đạo. Chẳng hợp chẳng tan, chỉ là giả lập. Vì sao? Vì tự tánh của sáu Ba la mật, 37 pháp trợ đạo và tên là không. Trong tự tánh không hoặc sáu Ba la mật, hoặc 37 pháp trợ đạo hoặc tên đều vô sở hữu bất khả đắc vậy. Xá Lợi Tử! Tên Bồ Tát cũng lại như thế, chỉ tạm mượn mà có. Do đấy nên nói các Bồ Tát chỉ có giả danh đều vô tự tánh.

Xá lợi Tử! Cho đến như tên Nhất thiết trí chỉ là tạm mượn mà có; tên Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng chỉ là tạm mượn mà có. Vì sao? Vì Nhất thiết trí chẳng phải là tên, tên chẳng phải là Nhất thiết trí. Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí chẳng phải là tên, tên chẳng phải là Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Trong Nhất thiết trí v.v... không có tên, trong tên không có Nhất thiết trí v.v... Chẳng hợp, chẳng tan, chỉ là giả lập. Vì sao? Vì tự tánh Nhất thiết trí v.v... và tên đều là không. Trong tự tánh không, hoặc Nhất thiết trí v.v... hoặc tên đều vô sở hữu bất khả đắc. Xá lợi Tử! Tên Bồ Tát cũng như vậy, chỉ

là tạm mượn mà có. Do đây nên nói các Bồ Tát chỉ có giả danh hoàn toàn không có tự tánh.

Tôn giả Xá lợi Tử hỏi cụ thọ Thiện Hiện rằng:

- Vì duyên cớ nào nói như nói ngã, chúng sanh, thọ mạng… rốt ráo chẳng sanh, chỉ có giả danh đều vô tự tánh.

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

- Xá Lợi Tử! **Ngã rốt ráo vô sở hữu bất khả đắc, làm sao có sanh**. Cho đến kiến giả cũng rốt ráo vô sở hữu bất khả đắc, làm sao có sanh?

Xá Lợi Tử! Sắc rốt ráo vô sở hữu bất khả đắc, làm sao có sanh; thọ tưởng hành thức cũng rốt ráo vô sở hữu bất khả đắc, làm sao có sanh. 12 xứ, 18 giới rốt ráo vô sở hữu bất khả đắc, làm sao có sanh. Nhãn xúc rốt ráo vô sở hữu bất khả đắc, làm sao có sanh; nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc cũng rốt ráo vô sở hữu bất khả đắc, làm sao có sanh. Nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ rốt ráo vô sở hữu bất khả đắc, làm sao có sanh; nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ cũng rốt ráo vô sở hữu bất khả đắc, làm sao có sanh. Sáu Ba la mật rốt ráo vô sở hữu bất khả đắc, làm sao có sanh. Nội không rốt ráo vô sở hữu bất khả đắc, làm sao có sanh; ngoại không cho đến vô tánh tự tánh không cũng rốt ráo vô sở hữu bất khả đắc, làm sao có sanh. 37 pháp trợ đạo rốt ráo vô sở hữu bất khả đắc, làm sao có sanh. Như vậy cho đến Phật 10 lực rốt ráo vô sở hữu bất khả đắc, làm sao có sanh; 4 vô sở úy cho đến 18 pháp Phật bất cộng cũng rốt ráo vô sở hữu bất khả đắc, làm sao có sanh. Thanh văn thừa rốt ráo vô sở hữu bất khả đắc, làm sao có sanh; Độc giác thừa, Đại thừa cũng rốt ráo vô sở hữu bất khả đắc, làm sao có sanh. Xá Lợi Tử! Do nhân duyên đây tôi tác thuyết: Như nói ngã, chúng sanh, thọ giả v.v… rốt ráo chẳng sanh, chỉ có giả danh đều không có tự tánh.

(Tất cả pháp rốt ráo đều vô sở hữu bất khả đắc làm sao có sanh, vì tất cả pháp đều không, không có tự tánh, nên bảo là không).

Tôn giả Xá Lợi Tử lại hỏi cụ thọ Thiện Hiện:

- Do duyên nào nên nói: Các pháp cũng vậy, rốt ráo không sanh, chỉ có giả danh hoàn toàn không có tự tánh?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

- Xá Lợi Tử! **Tự tánh các pháp hoàn toàn không hòa hợp. Vì sao? Vì tự tánh pháp hòa hợp cũng không**.

Khi ấy, Xá Lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

- Tự tánh pháp nào hoàn toàn không có hòa hợp?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Xá Lợi Tử! **Tự tánh của sắc hoàn toàn không có hòa hợp**; tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức cũng hoàn toàn không có hòa hợp. Tự tánh của 12 xứ, 18 giới hoàn toàn không có hòa hợp. Tự tánh của nhãn xúc hoàn toàn không có hòa hợp; tự tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc cũng hoàn toàn không có hòa hợp. Tự tánh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra hoàn toàn không có hòa hợp; tự tánh của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra cũng hoàn toàn không có hòa hợp. Tự tánh của 6 Ba la mật hoàn toàn không có hòa hợp. Tự tánh của 37 pháp trợ đạo cũng hoàn toàn không có hòa hợp. Cho đến tự tánh Phật 10 lực hoàn toàn không có hòa hợp; tự tánh của 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng cũng hoàn toàn không có hòa hợp. Cho đến tự tánh của Thanh văn thừa hoàn toàn không có hòa hợp; tự tánh của Độc giác thừa, Đại thừa hoàn toàn cũng không có hòa hợp.

Xá lợi Tử! Do nhân duyên này tôi nói: Các pháp cũng vậy, rốt ráo không sanh, chỉ có giả danh hoàn toàn không có tự tánh.

*(Tự tánh của tất cả pháp **hoàn toàn không có hòa hợp**, nên rốt ráo không sanh, chỉ có giả danh hoàn toàn không có tự tánh. Đó là hệ quả của cái gọi là nhân duyên hòa hợp).*

Lại nữa, Xá lợi Tử! **Các pháp chẳng phải thường cũng không có chỗ đi**.

Bấy giờ, Tôn giả Xá lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

- Pháp nào chẳng phải thường cũng không có chỗ đi?

Thiện Hiện đáp:

- Xá lợi Tử! Sắc chẳng phải thường cũng không có chỗ đi; thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải thường cũng không có chỗ đi. Vì sao? Vì pháp chẳng thường tự tánh tận vậy. Do đây nên nói pháp nào chẳng phải thường cũng không có chỗ đi.

Xá lợi Tử! Pháp hữu vi chẳng phải thường cũng không có chỗ đi, pháp vô vi chẳng phải thường cũng không có chỗ đi. Pháp hữu lậu chẳng phải thường cũng không có chỗ đi, pháp vô lậu chẳng phải thường cũng không có chỗ đi, pháp thiện chẳng phải thường cũng không có chỗ đi, pháp ác chẳng phải thường cũng không có chỗ đi v.v... Vì sao? Xá lợi Tử! Vì pháp chẳng thường tự tánh tận vậy.

Xá lợi Tử! Do đây nên nói nếu pháp chẳng phải thường cũng không có chỗ đi.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Các pháp chẳng thường cũng không hoại diệt.

Bấy giờ, Tôn giả Xá lợi Tử lại hỏi cụ thọ Thiện Hiện:

- Pháp nào chẳng thường cũng không hoại diệt*(3)*?

Thiện Hiện đáp:

- Xá lợi Tử! Sắc chẳng thường cũng không hoại diệt, thọ, tưởng, hành, thức chẳng thường cũng không hoại diệt. Vì sao? **Vì bản tánh như vậy là như vậy.**

Xá lợi Tử! Pháp hữu vi chẳng thường cũng không hoại diệt, pháp vô vi chẳng thường cũng không hoại diệt. Pháp hữu lậu chẳng thường cũng không hoại diệt, pháp vô lậu chẳng thường cũng không hoại diệt. Pháp thiện chẳng thường cũng không hoại diệt, pháp ác chẳng thường cũng không hoại diệt v.v… Vì sao? Vì **bản tánh như vậy là như vậy**.

Xá lợi Tử! Do nhân duyên này nên tôi nói: Các pháp cũng vậy, rốt ráo không sanh, chỉ có giả danh hoàn toàn không có tự tánh.

Tôn giả Xá lợi Tử lại hỏi cụ thọ Thiện Hiện:

- Do duyên nào nên nói: **Những sắc nào rốt ráo không sanh, những thọ, tưởng, hành, thức nào rốt ráo không sanh, cho đến những Thanh văn thừa nào rốt ráo không sanh; những Độc giác thừa, Đại thừa nào rốt ráo không sanh?**

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

- Xá lợi Tử! **Bản tánh tất cả sắc không sanh**, bản tánh tất cả thọ, tưởng, hành, thức không sanh. Vì sao? Vì **tất cả sắc cho đến thức không có tạo tác nên không có sanh khởi**. Vì sao? Vì tất cả sắc cho đến thức tác giả, khởi giả bất khả đắc.

Xá lợi Tử! Cho đến bản tánh tất cả Thanh văn thừa không sanh; bản tánh tất cả Độc giác thừa, Đại thừa không sanh. Vì sao? Vì tất cả Thanh văn thừa, Độc giác thừa, Đại thừa không có tạo tác nên không có sự sanh

khởi. Vì sao? Vì tất cả Thanh văn thừa, Độc giác thừa, Đại thừa tác giả, khởi giả bất khả đắc.

Xá lợi Tử! **Do nhân duyên này nên tôi nói: Sắc rốt ráo không sanh; thọ, tưởng, hành, thức rốt ráo không sanh, cho đến Thanh văn thừa, Độc giác thừa, Đại thừa rốt ráo không sanh**.

Tôn giả Xá lợi Tử lại hỏi cụ thọ Thiện Hiện:

- Do duyên nào nên nói: Nếu rốt ráo không sanh thì không gọi là sắc, cũng không gọi là thọ, tưởng, hành, thức, cho đến nếu rốt ráo không sanh thì không gọi là Thanh văn thừa; cũng không gọi là Độc giác thừa, Đại thừa?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

- Xá lợi Tử! **Sắc bản tánh không. Nếu bản tánh là không, thì không thể thi thiết, hoặc sanh, hoặc diệt, hoặc trụ, hoặc dị. Do duyên này nên nói: Nếu rốt ráo chẳng sanh thì chẳng gọi là sắc. Vì sao? Vì không chẳng phải sắc***(4)*.

Xá lợi Tử! Thọ, tưởng, hành, thức bản tánh không. Nếu bản tánh là không, thì không thể lập hoặc sanh, hoặc diệt, hoặc trụ, hoặc dị. Do duyên này nên nói: Nếu rốt ráo chẳng sanh thì chẳng gọi là thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì không chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức.

Xá lợi Tử! Cho đến Thanh văn thừa bản tánh không. Nếu bản tánh là không, thì không thể lập, hoặc sanh, hoặc diệt, hoặc trụ, hoặc dị. Do duyên này nên nói: Nếu rốt ráo chẳng sanh thì chẳng gọi là Thanh văn thừa. Vì sao? Vì không chẳng phải Thanh văn thừa. Xá lợi Tử! Bản tánh của Độc giác thừa, Đại thừa cũng lại như vậy. Do nhân duyên này tôi nói: **Nếu rốt ráo không sanh thì không gọi là sắc, cũng không gọi là thọ, tưởng, hành, thức, cho đến nếu rốt ráo không sanh thì không gọi là Thanh văn thừa, cũng không gọi là Độc giác thừa, Đại thừa.**

Tôn giả Xá lợi Tử lại hỏi cụ thọ Thiện Hiện:

- Do duyên nào nên nói: Lẽ nào tôi có thể đem Bát nhã Ba la mật rốt ráo không sanh, dạy bảo, truyền trao cho các Bồ Tát rốt ráo không sanh?

Cụ thọ Thiện Hiện đáp:

- Xá lợi Tử! Rốt ráo chẳng sanh tức là Bát nhã Ba la mật, Bát nhã Ba la mật tức rốt ráo chẳng sanh. Vì sao? Vì rốt ráo chẳng sanh và Bát nhã Ba la mật không hai, không hai phần*(5)*. Rốt ráo không sanh tức là Bồ Tát, Bồ

Tát tức là rốt ráo không sanh. Vì sao? Vì rốt ráo không sanh và Bồ Tát cũng không hai, không hai phần.

Xá lợi Tử! Do nhân duyên này tôi nói như vầy: Lẽ nào tôi có thể đem Bát nhã Ba la mật rốt ráo không sanh dạy bảo truyền trao cho các Bồ Tát rốt ráo không sanh.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Theo lời Tôn giả hỏi:

- **Do duyên gì nên nói: Lìa rốt ráo chẳng sanh cũng không có Bồ Tát có thể hành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác?**

- Xá lợi Tử! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, không thấy lìa rốt ráo **chẳng sanh** mà có Bát nhã Ba la mật. **Cũng không thấy không lìa rốt ráo chẳng sanh mà có Bồ Tát**. Vì sao? Vì hoặc Bát nhã Ba la mật, hoặc Bồ Tát cùng với rốt ráo chẳng sanh, không hai, không hai phần.

Xá lợi Tử! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, không thấy lìa rốt ráo chẳng sanh có sắc, cũng không thấy lìa rốt ráo chẳng sanh có thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì hoặc sắc, hoặc thọ, tưởng, hành, thức cùng với rốt ráo chẳng sanh, không hai, không hai phần.

Xá lợi Tử! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, không thấy lìa rốt ráo chẳng sanh có 12 xứ, cũng không thấy lìa rốt ráo không sanh có 18 giới. Vì sao? Vì hoặc 12 xứ, hoặc 18 giới cùng với rốt ráo chẳng sanh, không hai, không hai phần.

Xá lợi Tử! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, không thấy lìa rốt ráo chẳng sanh có nhãn xúc, cũng không thấy lìa rốt ráo chẳng sanh có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc. Vì sao? Vì hoặc nhãn xúc, hoặc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc cùng với rốt ráo chẳng sanh, không hai, không hai phần.

Xá lợi Tử! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, không thấy lìa rốt ráo chẳng sanh có các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cũng không thấy lìa rốt ráo chẳng sanh có các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra. Vì sao? Vì hoặc các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, hoặc các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra cùng với rốt ráo chẳng sanh, không hai, không hai phần.

Xá lợi Tử! Nói rộng ra, các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, không thấy lìa rốt ráo chẳng sanh có 6 Ba la mật, 37 pháp trợ đạo cho đến Phật 10 lực; cũng không thấy lìa rốt ráo chẳng sanh có bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng. Vì sao? Vì hoặc 6 Ba la mật, hoặc 37 pháp trợ đạo, hoặc bốn điều không sợ

cho đến 18 pháp Phật bất cộng cùng với rốt ráo chẳng sanh, không hai, không hai phần.

Xá lợi Tử! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, không thấy lìa rốt ráo chẳng sanh có Nhất thiết trí; cũng không thấy lìa rốt ráo chẳng sanh có Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Vì sao? Vì hoặc Nhất thiết trí; hoặc Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cùng với rốt ráo chẳng sanh, không hai, không hai phần.

Xá lợi Tử! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, không thấy lìa rốt ráo chẳng sanh có Thanh văn thừa, cũng không thấy lìa rốt ráo chẳng sanh có Độc giác thừa, Đại thừa. Vì sao? Vì hoặc Thanh văn thừa, hoặc Độc giác thừa, Đại thừa cùng với rốt ráo chẳng sanh, không hai, không hai phần.

Xá lợi Tử! Do nhân duyên này tôi nói: **Lìa rốt ráo chẳng sanh cũng không có Bồ Tát có thể hành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.**

Lại nữa, Xá lợi Tử! Theo lời Tôn giả hỏi: **Do duyên nào nên nói: Bồ Tát nào nghe nói như vậy, tâm không hoang mang, cũng chẳng lo lắng, hối hận, không kinh hãi, sợ sệt. Nên biết Bồ Tát này có thể hành Bát nhã Ba la mật.**

Xá lợi Tử! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, không thấy các pháp thật có tác dụng, chỉ thấy các pháp như mộng, như huyễn, như tiếng vang, như bóng sáng, như sóng nắng, như ảnh ảo, như thành tầm hương, như việc biến hóa, tuy hiện như có, nhưng không thật dụng. Nghe nói bản tánh các pháp đều không, sanh tâm rất hoan hỷ, xa lìa hoang mang.

Xá lợi Tử! Do nhân duyên này nên tôi nói: Bồ Tát nào nghe nói như vậy, tâm không hoang mang, cũng không lo lắng, hối hận, không kinh hãi, không sợ sệt. Nên biết Bồ Tát này có thể hành Bát nhã Ba la mật.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng*(6)*:

- Bạch Thế Tôn! Nếu khi Bồ Tát tu hành Bát Nhã quán sát các pháp. Khi ấy, Bồ Tát **đối sắc không thọ, không lấy, không trụ, không trước, cũng chẳng thi thiết là ngã**. Đối thọ tưởng hành thức không thọ, không lấy, không trụ, không trước, cũng chẳng thi thiết là ngã. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Bồ Tát này lúc bấy giờ **chẳng thấy sắc cho đến thức vậy**. Đối với 12 xứ không thọ, không lấy, không trụ, không trước, cũng chẳng thi thiết là ngã. Đối với 18 giới cũng không thọ, không lấy, không trụ, không trước, cũng chẳng thi thiết là ngã. Vì sao? Bồ Tát này lúc bấy giờ chẳng thấy xứ

cho đến giới vậy. Đối nhãn xúc không thọ, không lấy, không trụ, không trước, cũng chẳng thi thiết là ngã. Đối nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc không thọ, không lấy, không trụ, không trước, cũng chẳng thi thiết là ngã. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Bồ Tát này bấy giờ chẳng thấy nhãn xúc cho đến ý xúc vậy. Đối nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ không thọ, không lấy, không trụ, không trước, cũng chẳng thi thiết là ngã. Đối nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ không thọ, không lấy, không trụ, không trước, cũng chẳng thi thiết là ngã. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Bồ Tát này chính lúc bấy giờ chẳng thấy nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ vậy. Đối nội không không thọ, không lấy, không trụ, không trước, cũng chẳng thi thiết là ngã. Đối ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, thắng nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô tế không, tán vô tán không, bổn tánh không, tự cộng tướng không, nhất thiết pháp không, bất khả đắc không, vô tánh không, tự tánh không, vô tánh tự tánh không không thọ, không lấy, không trụ, không trước, cũng chẳng thi thiết là ngã. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Bồ Tát này lúc bấy giờ chẳng thấy nội không cho đến vô tánh tự tánh không vậy. Đối với 6 Ba la mật, 37 pháp trợ đạo không thọ, không lấy, không trụ, không trước, cũng chẳng thi thiết là ngã. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Bồ Tát này chính lúc bấy giờ chẳng thấy 6 Ba la mật cho đến 37 pháp trợ đạo vậy. Như vậy cho đến đối Phật 10 lực không thọ, không lấy, không trụ, không trước, cũng chẳng thi thiết là ngã. Đối 4 vô sở úy, 4 vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng không thọ, không lấy, không trụ, không trước, cũng chẳng thi thiết là ngã. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Bồ Tát này lúc bấy giờ chẳng thấy Phật 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng vậy. Cho đến đối Nhất thiết trí không thọ, không lấy, không trụ, không trước, cũng chẳng thi thiết là ngã. Đối Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí không thọ, không lấy, không trụ, không trước, cũng chẳng thi thiết là ngã. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Bồ Tát này chính lúc bấy giờ chẳng thấy Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí vậy.

Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã **chẳng thấy sắc, cũng chẳng thấy thọ tưởng hành thức**. Vì sao? **Sắc thảy tánh không, vô sanh diệt vậy**. Chẳng thấy 12 xứ, 18 giới. Vì sao? Xứ, giới thảy tánh không, vô sanh diệt vậy. Chẳng thấy nhãn xúc, cũng chẳng thấy nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc. Vì sao? Nhãn xúc thảy tánh không, vô sanh diệt vậy.

Chẳng thấy nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ, cũng chẳng thấy nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ. Vì sao? Nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ thảy tánh không, vô sanh diệt vậy. Chẳng thấy nội không, cũng chẳng thấy ngoại không cho đến vô tánh tự tánh không. Vì sao? Nội không thảy tánh không, vô sanh diệt vậy. Chẳng thấy pháp giới; cũng chẳng thấy chơn như, thật tế, bất tư nghì giới, an ẩn giới. Vì sao? Pháp giới thảy tánh không, vô sanh diệt vậy. Chẳng thấy 6 Ba la mật, 37 pháp trợ đạo. Vì sao? 6 Ba la mật, 37 pháp trợ đạo thảy tánh không, vô sanh diệt vậy. Như vậy cho đến chẳng thấy Phật 10 lực, cũng chẳng thấy 4 vô sở úy cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Vì sao? Phật 10 lực thảy tánh không, vô sanh diệt vậy. Chẳng thấy Bồ Tát hạnh, cũng chẳng thấy chư Phật Vô thượng Bồ đề. Vì sao? Tất cả Bồ Tát hạnh thảy tánh không, vô sanh diệt vậy. Chẳng thấy Nhất thiết trí; cũng chẳng thấy Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Vì sao? Nhất thiết trí thảy tánh không, vô sanh diệt vậy.

Bạch Thế Tôn! Sắc chẳng sanh chẳng diệt tức chẳng phải sắc; thọ tưởng hành thức chẳng sanh chẳng diệt cũng phi thọ tưởng hành thức. Vì sao? Vì sắc, thọ, tưởng v.v… cùng chẳng sanh chẳng diệt, không hai không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng sanh chẳng diệt, chẳng phải 1, chẳng phải 2, chẳng nhiều, chẳng khác. Vậy nên sắc chẳng sanh chẳng diệt tức chẳng phải sắc; thọ tưởng hành thức chẳng sanh chẳng diệt cũng chẳng phải thọ tưởng hành thức.

Bạch Thế Tôn! **12 xứ, chẳng sanh chẳng diệt tức chẳng phải 12 xứ, 18 giới** chẳng sanh chẳng diệt cũng chẳng phải 18 giới. Vì sao? Vì xứ giới cùng chẳng sanh chẳng diệt, không hai không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng sanh chẳng diệt, chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng nhiều, chẳng khác. Vậy nên 12 xứ chẳng sanh chẳng diệt tức chẳng phải xứ; giới chẳng sanh chẳng diệt cũng chẳng phải 18 giới.

Bạch Thế Tôn! **Nhãn xúc chẳng sanh chẳng diệt tức chẳng phải nhãn xúc**, nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc chẳng sanh chẳng diệt cũng chẳng phải nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc. Vì sao? Vì nhãn xúc thảy cùng chẳng sanh chẳng diệt, không hai không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng sanh chẳng diệt, chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng nhiều, chẳng khác. Vậy nên nhãn xúc chẳng sanh chẳng diệt tức chẳng phải nhãn xúc, nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc chẳng sanh chẳng diệt cũng chẳng phải nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc. Nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ chẳng sanh chẳng diệt tức chẳng phải nhãn xúc

làm duyên sanh ra các thọ, nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ chẳng sanh chẳng diệt cũng chẳng phải nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ. Vì sao? Vì nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ thảy cùng chẳng sanh chẳng diệt, không hai không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng sanh chẳng diệt, chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng nhiều, chẳng khác. Vậy nên nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ chẳng sanh chẳng diệt tức chẳng phải nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ, nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ chẳng sanh chẳng diệt cũng chẳng phải nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ.

Bạch Thế Tôn! **Nội không chẳng sanh chẳng diệt tức chẳng phải nội không**; ngoại không cho đến vô tánh tự tánh không chẳng sanh chẳng diệt cũng chẳng phải ngoại không cho đến vô tánh tự tánh không. Vì sao? Vì nội không thảy cùng chẳng sanh chẳng diệt, không hai không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng sanh chẳng diệt, chẳng phải một, chẳng phải hai chẳng nhiều, chẳng khác. Vậy nên nội không chẳng sanh chẳng diệt tức chẳng phải nội không; ngoại không cho đến vô tánh tự tánh không chẳng sanh chẳng diệt cũng chẳng phải ngoại không cho đến vô tánh tự tánh không. Pháp giới chẳng sanh chẳng diệt tức chẳng phải pháp giới; chơn như, thật tế, bất tư nghì giới, an ẩn giới thảy chẳng sanh chẳng diệt cũng chẳng phải chơn như, thật tế, bất tư nghì giới, an ẩn giới thảy. Vì sao? Vì pháp giới thảy cùng chẳng sanh chẳng diệt, không hai không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng sanh chẳng diệt, chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng nhiều, chẳng khác. Vậy nên **pháp giới chẳng sanh chẳng diệt tức chẳng phải pháp giới**; chơn như, thật tế, bất tư nghì giới, an ẩn giới thảy chẳng sanh chẳng diệt cũng chẳng phải chơn như, thật tế, bất tư nghì giới, an ẩn giới thảy.

Bạch Thế Tôn! **Sáu Ba la mật chẳng sanh chẳng diệt tức chẳng phải 6 Ba la mật**; 37 pháp trợ đạo chẳng sanh chẳng diệt cũng chẳng phải 37 pháp trợ đạo. Vì sao? Vì 6 Ba la mật cùng chẳng sanh chẳng diệt, không hai không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng sanh chẳng diệt, chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng nhiều, chẳng khác. Vậy nên 6 Ba la mật chẳng sanh chẳng diệt tức chẳng phải 6 Ba la mật; 12 xứ, 18 giới chẳng sanh chẳng diệt cũng chẳng phải 12 xứ, 18 giới.

Bạch Thế Tôn! Tất cả **Bồ Tát hạnh chẳng sanh chẳng diệt tức chẳng phải tất cả Bồ Tát hạnh**. Chư Phật Vô thượng Bồ đề chẳng sanh

chẳng diệt cũng chẳng phải chư Phật Vô thượng Bồ đề. Vì sao? Vì tất cả Bồ Tát hạnh thảy cùng chẳng sanh chẳng diệt, không hai không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng sanh chẳng diệt, chẳng phải 1, chẳng phải 2, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Vậy nên tất cả Bồ Tát hạnh chẳng sanh chẳng diệt tức chẳng phải tất cả Bồ Tát hạnh. Chư Phật **Vô thượng Bồ đề chẳng sanh chẳng diệt cũng chẳng phải chư Phật Vô thượng Bồ đề**.

Bạch Thế Tôn! Nhất thiết trí chẳng sanh chẳng diệt tức chẳng phải Nhất thiết trí; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí chẳng sanh chẳng diệt cũng chẳng phải Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Vì sao? Vì Nhất thiết trí thảy cùng chẳng sanh chẳng diệt, không hai không hai phần. Vì sao? Vì pháp chẳng sanh chẳng diệt, chẳng phải 1, chẳng phải 2, chẳng phải nhiều, chẳng phải khác. Vậy nên **Nhất thiết trí chẳng sanh chẳng diệt tức chẳng phải Nhất thiết trí; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí chẳng sanh chẳng diệt cũng chẳng phải Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí.** *(Tóm lại, các pháp Phật không sanh, không diệt, Kinh chỉ trùng tụng thôi).*

*(Để giải thích đoạn Kinh này, **Đại Trí Độ Luận** phẩm thứ 25, "Thập Vô", quyển 52. Nói rằng:*

"Theo như trên đây, thì Bồ Tát biết rõ các pháp đều là tự tướng không, nên **dùng tánh không** để phá các chấp về tự tướng của các pháp.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Các pháp do **duyên hoà hợp sanh**, nên đều là tự tướng không. Do năm ấm hoà hợp mà có Bồ Tát, có Bồ Tát danh tự, có Bồ Tát hành 6 pháp Ba La Mật, có Bồ Tát hành các thiện pháp... Thế nhưng, hết thảy các pháp đều chỉ là giả danh, **đều là tự tướng không cả.**

Ví như, mắt thấy cảnh, phải hội đủ các duyên hoà hợp như: Nhãn căn duyên sắc trần phải nương vào ánh sáng, phải có đủ khoảng hư không, lại phải có thêm bao nhiêu thứ duyên khác, mới thành tựu được sự thấy. Bởi vậy nên nói "pháp thấy" là rốt ráo không, là như mộng, như huyễn. Dẫn đến hết thảy các pháp cũng đều là như mộng, như huyễn cả.

Lại nữa, nên biết hết thảy pháp đều chẳng phải thường (vô thường), chẳng phải đoạn (vô đoạn). Nói vô thường là nhằm phá chấp thường, còn nói vô đoạn là nhằm phá chấp đoạn.

Chấp "thường còn" và chấp "đoạn diệt" đều là các kiến chấp điên đảo. Nếu Bồ Tát biết rõ các pháp như vậy, thì vào được "thật tướng môn", nên Ngài Tu Bồ Đề nói: Vô thường tướng là động tướng, là không tướng vậy.

--o0o--

Lại nữa, nên biết năm ấm là rốt ráo bất sanh, vì tướng sanh là bất khả đắc; dẫn đến năm ấm chẳng phải là tác pháp, vì tác giả là bất khả đắc. Vì sao? Vì sắc là phi sắc, là chẳng phải sắc... dẫn đến thức là phi thức, là chẳng phải thức.

Nơi đây, ngài Tu Bồ Đề muốn nói: **Sắc do duyên hoà hợp sanh là tự tướng không, là vô tướng, là pháp vô sanh, vô trú, vô dị, vô diệt. Dẫn đến thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy cả.**

Lại nữa, tướng bất sanh chẳng phải là tướng hữu vi nên pháp vô sanh nhiếp về vô vi pháp. Hết thảy các pháp cũng đều rốt ráo bất sanh như vậy cả.

Hỏi: *Nếu các pháp là rốt ráo bất sanh thì còn dạy Bát nhã Ba la mật cho ai được nữa?*

Đáp: Rốt ráo bất sanh chính là thật tướng pháp. Mà thật tướng pháp chính là Bát nhã Ba la mật vậy.

Hỏi: *Bồ Tát cũng rốt ráo bất sanh. Như vậy làm sao mà giáo hoá Bát nhã Ba la mật cho Bồ Tát được?*

Đáp: Nếu ly rốt ráo bất sanh mà có Bồ Tát thì mới nói có pháp Bát nhã Ba la mật để giáo hoá cho Bồ Tát. Vì sao? Vì rốt ráo bất sanh, Bát nhã Ba la mật và Bồ Tát là những pháp chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Hỏi: *Nếu như vậy thì vì sao còn dạy cho người hành đạo phải ly rốt ráo bất sanh?*

Đáp: Như trên đây đã nói: nếu Bồ Tát nào nghe nói lời này mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, thì phải biết đó là Bồ Tát Ma Ha Tát đã vào được thật tướng của các pháp. Ở trong đó, Bồ Tát chẳng còn thấy có chúng sanh, chẳng còn thấy ngã, dẫn đến chẳng còn thấy tri giả, kiến giả, chẳng còn thấy có người thuyết pháp, có người nghe pháp, chẳng có thấy có tà thuyết, có chánh thuyết. Vì sao? Vì đã biết rõ hết thảy các pháp đều do duyên hoà hợp sanh, khi hội đủ duyên hoà hợp thì có sanh, khi các duyên ly tán thì là diệt. **Bồ Tát biết rõ hết thảy các pháp đều là hư vọng, là hư huyễn, là chẳng có định tướng, là bất sanh, bất diệt. Bởi vậy nên dù phải chết cấp thời, dù phải đoạ vào địa ngục, Bồ Tát vẫn giữ tâm bất động, chẳng hề sanh sợ hãi.**

Ví như người nằm mộng thấy bao nhiêu cảnh tượng kinh hoàng, sanh tâm sợ hãi, nhưng khi vừa tỉnh mộng là liền biết rõ cảnh trong mộng chỉ là hư vọng, khiến các nỗi sợ hãi liền tan biến. Cũng như vậy, người tu hành khi còn vọng tâm, còn bị các pháp thế gian trói buộc thì vẫn còn sợ hãi. Nhưng khi đã vào được thật tướng pháp rồi, thì sẽ biết rõ các sự việc diễn biến trong thế gian chỉ là những cảnh mộng dài, tương tục nối tiếp, biết rõ hết thảy các cảnh ở thế gian chỉ là hư vọng, chẳng thật có. Lúc bấy giờ thì chẳng còn sợ hãi nữa”).

(Còn tại sao gọi: Sắc bất nhị chẳng phải là sắc?)

Bạch Thế Tôn! **Sắc chẳng hai** *(bất nhị)* **tức chẳng phải sắc**, thọ tưởng hành thức chẳng hai cũng chẳng phải thọ tưởng hành thức. 12 xứ chẳng hai tức chẳng phải 12 xứ, 18 giới chẳng hai cũng chẳng phải 18 giới. Nhãn xúc chẳng hai tức chẳng phải nhãn xúc, nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc chẳng hai cũng chẳng phải nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc. Nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ chẳng hai tức chẳng phải nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ, nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ chẳng hai cũng chẳng phải nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ.

Nội không chẳng hai tức chẳng phải nội không, ngoại không cho đến vô tánh tự tánh không chẳng hai cũng chẳng phải ngoại không cho đến vô tánh tự tánh không. Pháp giới chẳng hai tức chẳng phải pháp giới; chơn như, thật tế, bất tư nghì giới, an ẩn giới… chẳng hai cũng chẳng phải chơn như, thật tế, bất tư nghì giới, an ẩn giới...

Sáu Ba la mật chẳng hai tức chẳng phải 6 Ba la mật; 37 pháp trợ đạo chẳng hai tức chẳng phải 37 pháp trợ đạo. Như vậy, Phật 10 lực chẳng hai tức chẳng phải Phật 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng chẳng hai chẳng phải mười tám pháp Phật bất cộng. Tất cả Bồ Tát hạnh chẳng hai tức chẳng phải tất cả Bồ Tát hạnh. Chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề chẳng hai tức chẳng phải chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Nhất thiết trí chẳng hai tức chẳng phải Nhất thiết trí; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí chẳng hai cũng chẳng phải Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí.

Bạch Thế Tôn! **Sắc nhập vô nhị pháp số** *(vào pháp số không hai)(7)*, thọ tưởng hành thức nhập vô nhị pháp số. 12 xứ nhập vô nhị pháp số, 18 giới nhập vô nhị pháp số. Nhãn xúc nhập vô nhị pháp số, nhĩ tỷ thiệt thân

ý xúc nhập vô nhị pháp số. Nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ nhập vô nhị pháp số, nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ nhập vô nhị pháp số. Nội không nhập vô nhị pháp số, ngoại không cho đến vô tánh tự tánh không nhập vô nhị pháp số. Pháp giới nhập vô nhị pháp số; chơn như, thật tế, bất tư nghì giới, an ẩn giới… nhập vô nhị pháp số. Sáu Ba la mật nhập vô nhị pháp số, 37 pháp trợ đạo nhập vô nhị pháp số. Như vậy cho đến Phật 10 lực nhập vô nhị pháp số. Tất cả Bồ Tát hạnh nhập vô nhị pháp số. Chư Phật Vô thượng Bồ đề nhập vô nhị pháp số. Nhất thiết trí nhập vô nhị pháp số; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí nhập vô nhị pháp số.

(Nếu sắc sinh và diệt, thì sắc cũng vô thường. Đã là vô thường thì có đó rồi biến thành không. Nên nói sắc rơi vào nhị pháp thì sắc không phải là sắc nữa. Sinh và diệt là nhị pháp. Có sinh có diệt là có động chuyển, đổi dời tâm không còn như như. Tu là cốt để tâm được tịch lặng an nhiên. Nếu pháp nào không hai tức nhập vô nhị pháp số không rồi).

Thích nghĩa:

(1). Vô sở hữu, bất khả đắc: Hai cụm từ huyền diệu này giữ một vai trò quan trọng trong đạo Phật, nó trở thành huyền chỉ trong việc tu hành. Nên trong Kinh Luận thường nói đến, nhắc nhở luôn. Chúng rất khó giải thích, nên nói là khó hiểu:

- Vô sở hữu tạm dịch là không thể cầm nắm, chiếm hữu làm của riêng được, thí dụ như lửa.

- Bất khả đắc nói nôm na là không thể nắm giữ, thể thể cầu mà được, thí dụ như lửa chẳng hạn.

1- Lửa không phải là sở hữu của củi, trong củi không có lửa, vì lửa không phải như nhà cửa xe cô cộ, tiền bạc mà có thể cất giữ được. Do đốt củi thì có lửa.

Nhưng tại sao nói lửa là bất khả đắc? Bất khả đắc có nghĩa là thấy biết nhưng không thể nắm bắt bám vúi, vì lửa không phải là một pháp hiển hiện cụ thể.

Vậy, lửa không ở trong củi, lửa không ở ngoài củi. Dùi 1 khúc cây ngắn xoay mạnh nhiều lần trên một miếng gỗ có để bùi nhùi, gỗ phát nóng bật cháy thành lửa. Người ta tạm thời có lửa. Vậy, có lửa là do duyên hợp mà có. Có đó rồi biến đó, nên nói lửa là bất khả đắc. Bất khả đắc là trong củi không có lửa, lìa củi cũng không có lửa. Lửa xuất

hiện rồi biến mất. Đất nước gió lửa (tứ đai) hay tất cả pháp đều vô thường như vậy cả. Nên nói vô sở hữu bất khả đắc, nên nói là không.

2- Một thí dụ khác, như Vô thượng Bồ đề nó không phải là sở hữu của chư Phật, không phải là sở hữu của bất cứ ai, nên nói quả vị Vô thượng Bồ đề là vô sở hữu. Vô thượng Bồ đề, không ai có thể cầu hay chiếm đoạt mà được. Nên nói quả vị Vô thượng Bồ đề là bất khả đắc. Do cần tu khổ hạnh, đến một lúc đó thì được, thì đắc. Được mà chẳng có gì để được, đắc cũng chẳng có gì để đắc, nên nói là bất khả đắc.

Sự khác biệt giữa vô sở hữu và bất khả đắc theo chúng tôi là: 1. Vô sở hữu có tánh cách chủ quan, nên có thể nói vô sở hữu thuộc về "năng" và 2. Bất khả đắc có tách cách khách quan, nên có thể nói bất khả đắc thuộc về "sở".

(2). Bản dịch đã củ soát dịch là "ngay nơi sắc", trong khi bản dịch của HT Thích Trí Nghiệm lại dịch "tức sắc". Nguyên văn bản chữ Hán là "即tức 色sắc"

(3). Pháp nào chẳng thường cũng không hoại diệt: Nguyên văn bằng chữ Hán là: "何hà 法pháp 非phi 常thường . 亦diệc 無vô 所sở 去khứ " .

(4). Nguyên văn câu chữ Hán: "者giả .舍Xá 利Lợi 子Tử .色sắc 本bổn 性tánh 空không 故cố .若nhược 法pháp 本bổn 性tánh 空không 則tắc 不bất 可khả 施thi 設thiết 若nhược 生sanh .若nhược 滅diệt .若nhược 住trụ .若nhược 異dị .由do 此thử 緣 duyên 故cố .若nhược 畢tất 竟cánh 不bất 生sanh 則tắc 不bất 名danh 色sắc .何hà 以dĩ 故cố .空không 非phi 色sắc 故cố" *là: "Này Xá lợi Tử! Sắc bản tánh không. Nếu bản tánh là không, thì không thể thi thiết, hoặc sanh, hoặc diệt, hoặc trụ, hoặc dị. Do duyên này nên nói: Nếu rốt ráo chẳng sanh thì chẳng gọi là sắc. Vì sao? Vì không chẳng phải là sắc".*

(5). Không hai, không hai phần, dịch nguyên văn câu chữ Hán: "無vô 二nhị 無vô 二nhị 處xứ 故cố". *Các bản khác thường dịch từ "xứ" chữ là **"chỗ"**, có khi không dịch ra Việt, giữ y nguyên văn chữ Hán là **"xứ"**; nhiều bản dịch lại thường dịch là **"phần"**. Chúng tôi chọn từ phổ thông nhất là phần.*

(6). Đoạn Kinh này từ đây trở xuống tương đương với phẩm "Quán Hạnh" từ Q.70 đến phần cuối Q.71, Hội thứ I, ĐBN.

(7). Sắc nhập vô nhị pháp số: Dịch là sắc vào pháp số chẳng hai, nguyên văn chữ Hán là **“**色sắc 入nhập 無vô 二nhị 法pháp 數số”. *Pháp số chỉ các con số đứng trước những danh từ như nhị nguyên(phân hai), tam tế(ba thời), tứ cú… Trong đạo Phật thay vì nói chẳng phải một thì nói chẳng hai (vô nhị, bất nhị), vì có một tức có hai, có hai tức có ba…, chẳng hai tức chỉ có một,* cái duy nhất một*. Vì vậy, từ sắc cho đến Nhất thiết trí vào vô nhị pháp số không rối! (Xem lại thích nghĩa trong phẩm “Quán Hạnh”, Q.71 và Q.72, ĐBN)*

Tự điển Phật Quang giải thích pháp số như sau:(法數) *Cũng gọi Danh số, Sự số. Chỉ cho những danh từ trong Phật giáo có chữ chỉ số đứng trước. Như: Tam giới, Tứ đế, Ngũ uẩn, Lục độ, Thất bồ đề phần, Bát chính đạo, v.v... Thông thường các số này được ghi theo hình thức tăng 1 số từ 1 theo thứ tự đến 2, 3, 4 v.v... Kinh Tạp A hàm, Kinh Bản sự... lấy pháp số làm trung tâm để giải thích các Kinh nói về pháp số. Kinh Pháp tập danh số cũng là Kinh điển liệt kê pháp số. Lý Sư Chính đời Đường biên soạn Pháp môn danh nghĩa tập, Nhất Như đời Minh biên soạn Đại minh tam tạng pháp số... đều là các trứ tác sưu tập các pháp số. Ngoài ra, các sách đồng loại còn có: Đại tạng pháp số, Tạng thừa pháp số, Chư thừa pháp số... lưu hành rất rộng.*

Sơ giải:

Kinh thuyết: “Sắc chẳng sanh chẳng diệt thì chẳng phải sắc”, *Kinh cũng thuyết* “sắc chẳng hai tức chẳng phải sắc”. *Sanh và diệt là nhị pháp: Tất cả pháp hữu vi do duyên hợp lại từ không mà trở thành có thì gọi là sanh; các pháp đang hiện hữu mà biến hoại, tan rã thì gọi là diệt. Sự xuất hiện và tan rã đó gọi là sanh diệt. Sinh và diệt là nhị nguyên, pháp phân hai. Pháp không hai(bất nhị), tức chẳng sanh chẳng diệt, thì không thành một pháp, nên Kinh nói: “Sắc chẳng hai tức chẳng phải sắc” vì bản tánh nó là như vậy. Ngược lại, bất sanh bất diệt là vô nhị. Pháp nào thường còn bất biến, nằm ngoài sự phân biệt của lưỡng nguyên đối đãi thì gọi là bất nhị pháp. Pháp Phật là pháp môn bất nhị. Khi thấy sắc nội, ngoại, hay cả nội ngoại đều không, vô sở hữu bất khả đắc thì lúc đó sẽ biết sắc nhập vô nhị pháp số không rối.*

Dưới mỗi đoạn Kinh chúng tôi đã giải thích rồi, nếu còn trở ngại, nên đọc lại phẩm "Vô Sở Đắc", cuối Q.61 đến đầu Q.70 và phần đầu phẩm "Quán Hạnh", Hội thứ I, ĐBN. Vì 2 phẩm này dễ hiểu hơn. Phẩm này có nhiều giáo lý tư tưởng khác nhau, rất khó lược giải kết hợp. Nên chúng tôi trích dẫn Luận Đại Trí Độ kèm theo chính văn để giúp đạo hữu nắm vững vấn đề. Như thế tạm đủ không cần dong dài thêm nữa.

Lưu ý: *Vì không muốn trùng tuyên nên chúng tôi không lặp lại các chiết giải của Hội thứ I ở đây. Như nhiều lần nhắc nhở nội dung của 5 Hội đầu gần như giống nhau chỉ khác là giải rộng hay tóm lược mà thôi. Chúng tôi tập trung thích nghĩa và lược giải nhiều ở Hội thứ I. Chỉ cần nắm vững một Hội là nắm vững 5 Hội đầu.*

Đứng về phương diện lịch sử mà nói: Sở dĩ, Kinh trùng tụng 5 Hội đầu cùng một chủ đề như nhau là vì Phật thuyết Đại Bát Nhã trong 22 năm, tại nhiều nơi khác nhau khi ở đỉnh Linh Thứu núi Kỳ Xà Quật, thuộc thành Vương Xá nước Ma Kiệt Đà, khi ở vườn Cấp Cô độc, khi ở Cung trời Tha Hóa Tự Tại hay Tịnh Xá Trúc Lâm gần ao cò trắng trong thành Vương Xá v.v... với các thành phần tham dự cũng khác. Vì vậy, mới có tổng cộng 16 pháp hội, trong đó phải nói là 6 Hội đầu (chứ không phải 5 Hội đầu) chiếm hết 573 quyển trong số 600 quyển. Chủ đề thuyết pháp của 6 Hội đầu chỉ là một. Đối với chúng ta do vậy mới cho là trùng tuyên.

Kinh Đại Bát Nhã quá dài, ít có người chịu khó chiết giải. Đó là lý do tại sao suốt dòng thời gian trải qua 26 thế kỷ, trong lịch sử đạo Phật chỉ thấy có hai tác phẩm một là bộ "Đại Độ Trí Luận" do Bồ Tát Long Thọ luận giải và hai là thiên Tổng luận này do chúng tôi biên soạn mà thôi. Vì Kinh này quá dài hơn 7.000 trang sách. Muốn chiết giải Kinh phải liệt kê chánh văn, sau đó thích nghĩa và luận giải. Nếu làm như vậy vừa Kinh vừa Luận có thể lên trên 10.000 trang hay hơn nữa, không ai có đủ cam đảm chiết giải hay đọc tụng cả. Bộ Đại Trí Độ Luận của Bồ Tát Long Thọ, chỉ chiết giải 1 Hội mà thôi, là Hội thứ II mà cả chính văn lẫn luận giải tổng cộng lên hơn 4.000 trang, hiến chi chiết giải toàn bộ Đại Bát Nhã 16 pháp hội.

Do đó, khi soạn thảo thiên Tổng luận này chúng tôi e rằng 6 Hội đầu tiên do trùng tụng, đạo hữu mệt mỏi chán nản có thể bỏ cuộc nửa chừng?

Nếu hiểu những gì chúng tôi trình bày trên, thì chẳng có gì phải phiền hà. Phải nói rằng chúng ta có dịp may là nhờ sự trùng tụng này mới có thể ru ngủ cảm quan và ý thức. Cảm quan và ý thức là một thứ tình thức lệch lạc, thường xuyên gây phiền não trong cuộc sống của chúng ta. Nhờ trùng tụng qua nhiều năm tháng các cảm quan ý thức sẽ giảm bớt áp lực của chúng trong đời sống thường nhật. Chúng là thứ cảm thọ và thức vọng được coi là mau mắn, nhanh nhẹn như một tấm lưới hay một mảnh vải lọc, giăng trước mắt tai mũi lưỡi chúng ta, nó chỉ cho qua những gì hợp với nó và ngăn chặn những gì nghịch với nó.

Do đọc tụng lâu ngày một thứ giác quan mới sẽ nhảy vào thay thế vai trò của chúng trong nhận thức. Đó là ***trực giác thực chứng*** *phát sinh qua trì tụng. Người ta tin tưởng rằng với trực giác mới này sẽ cho ta một huệ nhãn có thể soi sáng cho đến cõi đời vô tận! Vậy, cứ một mặt trì tụng, trì tụng mãi rồi sẽ thấy cái diệu dụng bí ẩn xảy ra ngoài sự mong chờ, đằng sau của sự trì tụng này./.*

---o0o---

24. PHẨM “VIỄN LY”

Cuối Q.423 đến hết Q.424, Hội thứ II.
(Tương đương phần cuối phẩm “Quán Hạnh”, Q.71 - Q.74, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Phẩm “Viễn Ly” của Hội thứ II, ĐBN cũng cùng một tư tưởng với phẩm thứ 26, “Vô Sanh Tam Quán (Ba Pháp Quán Vô Sanh) của Kinh MHBNBKMĐ hay ***phẩm thứ 26, “Vô Sanh Tam Quán”, Tập 3, quyển 53 của Đại Trí Độ Luận****. Phẩm tựa có khác nhưng nội dung không khác. Các đạo hữu có thể tham khảo lẫn nhau, nếu gặp trở ngại trong lối hành văn hay ngôn từ dịch thuật.*

Tóm lược:

(Quán các pháp, nhưng chẳng chấp pháp, cũng chẳng chấp các quán, phải biết xả li).

Bấy giờ, cụ thọ Xá Lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

- Nhân giả: Thế nào gọi là Bồ Tát Ma ha tát? Thế nào gọi là Bát nhã Ba la mật? Thế nào gọi là quán sát các pháp?

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện đáp rằng:

- Tôn giả hỏi **sao gọi là Bồ Tát Ma ha tát**?

- Xá Lợi Tử! Kẻ siêng cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề lợi vui hữu tình, nên gọi **Bồ Tát**. Đã giác như thật, năng khắp biết rõ tướng tất cả pháp mà không sở chấp, nên lại gọi **Ma ha tát**.

Xá Lợi Tử lại hỏi Thiện Hiện rằng:

- Thế nào là Bồ Tát Ma ha tát năng khắp biết rõ tướng tất cả pháp mà không sở chấp?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Xá Lợi Tử! Các Bồ Tát như thật **biết rõ tất cả tướng sắc mà không sở chấp**, như thật biết rõ tất cả tướng thọ tưởng hành thức mà không sở chấp. Như thật biết rõ tất cả tướng 12 xứ, 18 giới mà không sở chấp. Như thật biết rõ tất cả tướng nhãn xúc mà không sở chấp, như thật biết rõ tất cả

tướng nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc mà không sở chấp. Như thật biết rõ tất cả tướng nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ mà không sở chấp, như thật biết rõ tất cả tướng nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ mà không sở chấp. Như thật biết rõ tất cả tướng nội không mà không sở chấp, như thật biết rõ tất cả tướng ngoại không cho đến vô tánh tự tánh không mà không sở chấp. Như thật biết rõ tất cả tướng pháp giới mà không sở chấp; như thật biết rõ tất cả tướng chơn như, thật tế, bất tư nghì giới, an ẩn giới… mà không sở chấp. Như thật biết rõ tất cả tướng 6 Ba la mật mà không sở chấp; như thật biết rõ 37 pháp trợ đạo mà không sở chấp. Như vậy, cho đến như thật biết rõ tất cả tướng Phật 10 lực, tất cả tướng 4 vô sở úy cho đến 18 pháp Phật bất cộng mà không sở chấp. Cho đến như thật biết rõ tất cả tướng Nhất thiết trí, tướng Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí mà không sở chấp. *(nói gọn là biết tất cả pháp Phật mà không sở chấp)*

Khi ấy, Xá Lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

- **Tại sao lại gọi là tướng tất cả pháp**?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Xá Lợi Tử! Nếu **do tướng trạng các hành biểu hiện** như vậy mà biết các pháp là sắc, là thanh, là hương, là vị, là xúc, là pháp, là bên trong, là bên ngoài, là hữu lậu, là vô lậu, là hữu vi, là vô vi. Những tên này là tướng tất cả pháp.

Lại nữa, Xá Lợi Tử! Tôn giả đã hỏi: **Thế nào gọi là Bát nhã Ba la mật**? Xá Lợi Tử! **Có trí tuệ thắng diệu biết chỗ cần phải xa lìa, nên gọi là Bát nhã Ba la mật.**

Xá Lợi Tử nói:

- Trí này đối với pháp nào mà được vĩnh viễn xa lìa?

Thiện Hiện đáp:

- Trí tuệ này có thể xa lìa uẩn, xứ, giới, các phiền não kiến, và sáu đường v.v... nên gọi là Bát nhã Ba la mật. Lại nữa, Xá Lợi Tử! Có trí tuệ thắng diệu thì biết chỗ vĩnh viễn đạt đến, nên gọi Bát nhã Ba la mật.

Xá Lợi Tử hỏi:

- Trí này đối với pháp nào được vĩnh viễn đạt đến?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Đối bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật đều năng vĩnh viễn đạt đến, nên gọi Bát nhã Ba la mật. Đây đối nội không cho đến vô tánh tự tánh

không đều năng vĩnh viễn đạt đến, nên gọi Bát nhã Ba la mật. Đây đối bốn niệm trụ cho đến tám Thánh đạo chi đều năng vĩnh viễn đạt đến, nên gọi Bát nhã Ba la mật. Như vậy, đối Phật 10 lực cho đến 18 Phật bất cộng đều năng vĩnh viễn đạt đến, nên gọi Bát nhã Ba la mật. Cho đến đây đối Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí đều năng vĩnh viễn đạt đến, nên gọi Bát nhã Ba la mật. Xá Lợi Tử! Do nhân duyên đây nói là Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, Xá Lợi Tử! Tôn giả đã hỏi: **Như thế nào gọi là quán sát các pháp**? Xá Lợi Tử! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã **quán sát sắc cho đến thức phi thường-phi vô thường, phi vui-phi khổ**, phi ngã-phi vô ngã, phi tịnh-phi bất tịnh, phi không-phi bất không, phi hữu tướng-phi vô tướng, phi hữu nguyện-phi vô nguyện, phi vắng lặng-phi chẳng vắng lặng, phi xa lìa-phi chẳng xa lìa. Quán sát 12 xứ, 18 giới phi thường-phi vô thường, phi vui-phi khổ, phi ngã-phi vô ngã, phi tịnh-phi bất tịnh v.v... cũng lại như thế. Quán sát nhãn xúc cho đến ý xúc, quán sát nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ cũng lại như thế. Quán sát nội không cho đến vô tánh tự tánh không... **nói rộng ra cho đến quán sát tất cả pháp Phật cũng lại như thế**. Xá Lợi Tử! Tất cả như thế gọi là quán sát các pháp. Xá Lợi Tử! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã nên tác quán các pháp như vậy.

(Tất cả pháp này đã được Kinh giải thích rồi, ở đây được lặp lại cho rõ nghĩa thêm. ***Luận Đại Trí Độ, phẩm thứ 26, "Vô Sanh Tam Quán", Tập 3, quyển 53****, giải thích đoạn Kinh trên như sau:*

"Nên biết, ở cả 3 thừa đều có quả vị Bồ Đề:

- Bồ Đề Nhị Thừa.*(Thanh văn)*
- Bồ Đề Bích Chi Phật thừa.*(Duyên giác)*
- Bồ Đề Bồ Tát và Phật thừa.*(Bồ Tát hay Phật)*

Bồ Đề của Bồ Tát và Phật thừa còn được gọi là Bồ Đề Tát Đoả.

Vị Bồ Tát nào, dù đã có được trí huệ lớn mà chưa dứt trừ hết các tập khí phiền não, thì vẫn chưa được gọi là Bồ Đề Phật thừa, chưa được gọi là Bồ Đề Tát Đoả.

Người phát đại tâm tinh tấn Tu Bồ Đề hành*(hạnh)*, cần cầu đạo Vô Thượng thì mới được gọi là Bồ Đề Tát Đoả.

Trong kinh dạy: Người phát đại tâm cầu đạo Vô Thượng, biết rõ hết thảy các pháp tướng mà chẳng thủ chấp, gọi là Bồ Tát. **Do vì biết rõ hết thảy các pháp tướng đều là rốt ráo không, nên Bồ Tát ở nơi Chân đế cũng như ở nơi Tục đế vẫn thường tự tại, vẫn thường dùng các lực phương tiện để hiện hành các pháp, mà vẫn chẳng hề thủ chấp các tướng.**

--o0o--

Lại nữa, do thật hành Bát nhã Ba la mật, nên Bồ Tát ở nơi sắc mà vẫn ly sắc, nơi thọ, tưởng, hành, thức mà vẫn ly thọ, tưởng, hành, thức, dẫn đến ở nơi hết thảy các pháp mà vẫn ly hết thảy các pháp. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật là viễn ly, là giải thoát vậy.

Phải viễn ly 5 ấm, 12 nhập, 18 giới, viễn ly các pháp Ba la mật, viễn ly Nhất thiết chủng trí… dẫn đến viễn ly hết thảy các pháp, thì mới gọi là được Bát nhã Ba la mật. Bồ Tát dùng lực phương tiện Bát nhã Ba la mật để quán các pháp, mà vẫn xả ly các pháp quán”).

Quán các pháp, đắc các quán, nhưng muốn không bị các pháp, các quán trói buộc, chấp chặt thì phải xả li.

(Sắc chẳng sanh chẳng diệt tức chẳng phải sắc).

Bấy giờ, cụ thọ Xá Lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng: Nhân giả! Duyên nào tác thuyết như vầy: Sắc chẳng sanh chẳng diệt tức chẳng phải sắc, thọ tưởng hành thức chẳng sanh chẳng diệt cũng chẳng phải thọ tưởng hành thức? Như vậy, cho đến Nhất thiết trí chẳng sanh chẳng diệt tức chẳng phải Nhất thiết trí; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí chẳng sanh chẳng diệt cũng chẳng phải Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí?

Thiện Hiện đáp rằng: Xá Lợi Tử! **Sắc, sắc tánh không**; thọ tưởng hành thức, thọ tưởng hành thức tánh không. Trong tánh không đây không sanh không diệt, cũng không sắc cho đến thức. Do đây nên nói sắc chẳng sanh chẳng diệt tức chẳng phải sắc, thọ tưởng hành thức chẳng sanh chẳng diệt cũng chẳng phải thọ tưởng hành thức.

Xá Lợi Tử! Như vậy cho đến Nhất thiết trí, Nhất thiết trí tánh không; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí tánh

không. Trong tánh không đây không sanh không diệt, cũng không Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Do đây nên nói Nhất thiết trí chẳng sanh chẳng diệt tức chẳng phải Nhất thiết trí; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí chẳng sanh chẳng diệt cũng chẳng phải Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí.

(Bất nhị pháp môn)

Bấy giờ, cụ thọ Xá Lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng: Nhân giả! Duyên nào tác thuyết như vầy: **Sắc chẳng hai tức chẳng phải sắc,** thọ tưởng hành thức chẳng hai cũng chẳng phải thọ tưởng hành thức? Như vậy cho đến Nhất thiết trí chẳng hai tức chẳng phải Nhất thiết trí; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí chẳng hai cũng chẳng phải Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí?

Thiện Hiện đáp rằng: Xá Lợi Tử! Hoặc sắc hoặc chẳng hai, hoặc thọ tưởng hành thức hoặc chẳng hai. Tất cả như thế đều chẳng tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, vô sắc, vô kiến, vô đối, nhất tướng, chỗ gọi vô tướng. Do đây nên nói sắc chẳng hai tức chẳng phải sắc, thọ tưởng hành thức chẳng hai cũng chẳng phải thọ tưởng hành thức.

Xá Lợi Tử! Như vậy, cho đến hoặc Nhất thiết trí hoặc chẳng hai; hoặc Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí hoặc chẳng hai. Tất cả như thế đều chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng, vô sắc, vô kiến, vô đối, nhất tướng, chỗ gọi vô tướng. Do đây nên nói Nhất thiết trí chẳng hai tức chẳng phải Nhất thiết trí; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí chẳng hai cũng chẳng phải Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí.

Bấy giờ, cụ thọ Xá Lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng: Nhân giả! Duyên nào tác thuyết như vầy: **Sắc vào vô nhị pháp số**, thọ tưởng hành thức vào vô nhị pháp số? Như vậy cho đến Nhất thiết trí vào vô nhị pháp số; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí vào vô nhị pháp số?

Thiện Hiện đáp rằng:

Xá Lợi Tử! **Sắc chẳng khác vô sanh vô diệt, vô sanh vô diệt chẳng khác sắc; sắc tức là vô sanh vô diệt, vô sanh vô diệt tức là sắc. Thọ tưởng hành thức cũng lại như thế. Do đây nên nói sắc vào pháp số không hai, thọ tưởng hành thức vào pháp số không hai**.

Xá Lợi Tử! Như vậy, cho đến Nhất thiết trí chẳng khác vô sanh vô diệt, vô sanh vô diệt chẳng khác Nhất thiết trí; Nhất thiết trí tức là vô sanh vô diệt, vô sanh vô diệt tức là Nhất thiết trí. Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng lại như thế!

Kinh MHBNBLMĐ *cũng có một đoạn Kinh tương đương như đoạn Kinh trên, nhưng rất rõ ràng để nói lên* "Sắc chẳng sanh chẳng diệt tức chẳng phải sắc", *như sau:*

"Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Vì nhân duyên gì mà nói sắc bất sanh là phi sắc… dẫn đến nói nhất thiết chủng trí bất sanh là phi nhất thiết chủng trí?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Sắc và sắc tướng đều là tánh không. Trong tánh không thì sắc chẳng sanh, nên là phi sắc. Dẫn đến thức và thức tướng đều là tánh không, và trong tánh không thì thức chẳng sanh, nên là phi thức. Đàn Ba la mật và Đàn Ba la mật tướng… dẫn đến Bát nhã Ba la mật và Bát nhã Ba la mật tướng, nội không và nội không tướng… dẫn đến vô pháp hữu pháp và vô pháp hữu pháp không tướng, 4 niệm xứ và 4 niệm xứ tướng v.v… dẫn đến nhất thiết chủng trí và nhất thiết chủng trí tướng cũng đều là như vậy cả. Bởi nhân duyên vậy, nên nói sắc bất sanh là phi sắc… dẫn đến nhất thiết chủng trí bất sanh là phi nhất thiết chủng trí.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Vì nhân duyên gì mà nói sắc bất nhị là phi sắc… dẫn đến nhất thiết chủng trí bất nhị là phi nhất thiết chủng trí?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Hết thảy các pháp đều chẳng có tập, chẳng có tán, chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối, nên đều chẳng phải hai(bất nhị), chẳng phải khác, đều là nhất tướng, là vô tướng. Bởi nhân duyên vậy, nên nói sắc bất nhị là phi sắc… dẫn đến nhất thiết chủng trí bất nhị là phi nhất thiết chủng trí.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Vì nhân duyên gì mà nói sắc… dẫn đến nhất thiết chủng trí đều nhập vào trong "pháp số bất nhị"?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: <u>Sắc chẳng khác vô sanh, vô sanh chẳng khác sắc, sắc tức là vô sanh, vô sanh tức là sắc… dẫn đến nhất thiết chủng trí chẳng khác vô sanh, vô sanh chẳng khác nhất thiết chủng trí.</u>

Nhất thiết chủng trí tức vô sanh, vô sanh tức nhất thiết chủng trí.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói sắc… dẫn đến nhất thiết chủng trí đều nhập vào trong “pháp số bất nhị”.

*(Để giải thích đoạn Kinh trên của MHBNBLMĐ, **Đại trí Độ Luận cùng phẩm**, nói rằng:*

Hỏi: *Vì sao nói sắc bất sanh là phi sắc… dẫn đến nói nhất thiết chủng trí bất sanh là phi nhất thiết chủng trí?*

Đáp: Vì sắc là tánh không. **Trong tánh không chẳng có sắc tướng.** Nếu được “Vô Sanh Trí” thì biết rõ sắc rốt ráo là vô sanh. Nếu biết rõ được sắc là vô sanh, thì biết rõ được thật tướng của sắc.

Bởi vậy nên nói sắc vô sanh là phi sắc. Tánh của sắc vốn là vô sanh, chẳng phải do lực trí huệ mà khiến sắc trở thành vô sanh. Nếu dùng lực trí huệ quán để chia chẻ sắc thành hư không, rồi lại thủ chấp “hư không tướng” đó, thì chẳng khác gì người đã ra khỏi “nhà xí”, mà còn tưởng đến cảnh bất tịnh của nhà xí vậy. Nếu quán nhà xí là như huyễn, như hoá, thì tưởng về bất tịnh kia sẽ chẳng còn nữa.

Người tu hành cũng như vậy. Nếu biết rõ sắc vốn tự vô sanh, thì chẳng còn thủ chấp sắc tướng nữa. Bởi vậy nên nói sắc vô sanh là phi sắc… dẫn đến nói nhất thiết chủng trí vô sanh là phi nhất thiết chủng trí.

Hỏi: *Trước đã nói sắc “vô sanh” là “bất nhị” rồi. Vì sao ngài Xá Lợi Phất còn hỏi nữa?*

Đáp: Nghĩa tuy đồng mà chỗ quán khác nhau.

Trước đây nhằm phá chấp “trong quả có nhân” nên nói các pháp là vô sanh, vô tác chủ, cho thấy rõ về nhân sanh pháp cũng là vô sanh. Nay nhằm phá cả hai chấp “hữu” và “vô” về “nhân sanh pháp” nên mới nói đến “bất nhị môn”.

Người tu hành trước vào “vô sanh quán”, rồi sau mới vào “bất nhị môn”, hoặc trước vào “bất nhị môn” rồi sau mới vào “vô sanh quán”. Đây chỉ nhằm phá chấp về sắc pháp mà phân biệt nói có 2 pháp môn riêng rẽ, nhưng cả hai pháp môn đó cũng chỉ là một vậy.

--o0o--

Lại nữa, trước đây nhằm phá nhân duyên sanh sắc, nên nói sắc là vô sanh, nghĩa là nói sắc cũng như nhân duyên sanh sắc đều là vô sanh cả.

Như vậy là nói các pháp đều là “tự tướng không”. Nay nói “bất nhị môn” để cho thấy rõ rằng hết thảy pháp đều chẳng có hợp, chẳng có tan, đều là nhất tướng, là vô tướng cả.

Như vậy, nghĩa tuy đồng một thể là “không”, nhưng vì muốn pháp luôn chấp về “tự tướng không” của các pháp mà phải nói về “bất nhị môn” vậy.

Người tu hành, trước phải quán sắc là bất sanh, bất diệt, rồi sau mới quán sắc là vô sanh. Bởi vậy nên nói sắc “vô sanh” là “bất nhị”. Vì sao? **Vì khi sắc đã rốt ráo vô sanh, tức là bất sanh, bất diệt vậy**.

Tóm lại, trước nói sanh là bất khả đắc, nay nói vô sanh cũng bất khả đắc, bởi vậy nên nói: Sắc... dẫn đến nhất thiết chủng trí đều nhập vào trong “pháp số bất nhị”).

(Đoạn Kinh dưới đây tương đương với phẩm “Vô Sanh”, phần cuối Q.74 đến Q.75, Hội thứ I, ĐBN)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

Bạch Thế Tôn! Nếu khi Bồ Tát tu hành Bát Nhã quán sát các pháp, khi ấy Bồ Tát Ma ha tát thấy **ngã vô sanh rốt ráo tịnh vậy, cho đến thấy kiến giả vô sanh rốt ráo tịnh vậy**. Thấy sắc vô sanh rốt ráo tịnh vậy, cho đến thấy thức vô sanh rốt ráo tịnh vậy. Thấy 12 xứ, 18 giới vô sanh rốt ráo tịnh vậy. Thấy nhãn xúc vô sanh rốt ráo tịnh vậy, cho đến thấy ý xúc vô sanh rốt ráo tịnh vậy. Thấy nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ vô sanh rốt ráo tịnh vậy, cho đến thấy ý xúc làm duyên sanh ra các thọ vô sanh rốt ráo tịnh vậy. Thấy nội không vô sanh rốt ráo tịnh vậy, cho đến thấy vô tánh tự tánh không vô sanh rốt ráo tịnh vậy. Thấy 6 Ba la mật, 37 pháp trợ đạo, Phật 10 lực vô sanh rốt ráo tịnh vậy, cho đến thấy 18 pháp Phật bất cộng vô sanh rốt ráo tịnh vậy. Thấy pháp Dự lưu cho đến pháp A la hán vô sanh rốt ráo tịnh vậy, thấy Dự lưu cho đến A la hán vô sanh rốt ráo tịnh vậy. Thấy pháp Độc giác vô sanh rốt ráo tịnh vậy, thấy Độc giác vô sanh rốt ráo tịnh vậy. Thấy tất cả pháp Bồ Tát vô sanh rốt ráo tịnh vậy, thấy tất cả Bồ Tát vô sanh rốt ráo tịnh vậy. Thấy pháp chư Phật vô sanh rốt ráo tịnh vậy, thấy chư Phật vô sanh rốt ráo tịnh vậy. Thấy pháp tất cả hữu tình vô sanh rốt ráo tịnh vậy, thấy tất cả hữu tình vô sanh rốt ráo tịnh vậy.

Bấy giờ, cụ thọ Xá Lợi Tử bảo Thiện Hiện rằng: Như tôi hiểu nghĩa Nhân giả đã nói ngã cho đến kiến giả rốt ráo chẳng sanh. Sắc cho đến thức rốt ráo chẳng sanh. Như vậy, cho đến pháp chư Phật và chư Phật rốt ráo chẳng sanh. **Tất cả pháp hữu tình và tất cả hữu tình rốt ráo chẳng sanh.** Nếu như thế, sáu thú thọ sanh lẽ không sai khác: Dự lưu chẳng được quả Dự lưu. Nhất lai chẳng được quả Nhất lai cho đến A la hán chẳng được quả A la hán. Độc giác chẳng được Độc giác Bồ đề. Bồ Tát chẳng được Nhất thiết tướng trí. Bồ Tát không thể nào thấy sáu đường sanh tử sanh lòng nhàm chán, muốn chứng đắc năm pháp Bồ đề cứu vớt hữu tình.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Nếu tất cả pháp rốt ráo không sanh thì tại sao Dự lưu vì quả Dự lưu siêng năng tu đạo đoạn hẳn ba kiết sử. Tại sao Nhất lai vì quả Nhất lai siêng năng tu đạo đoạn thêm tham, sân, si. Tại sao Bất hoàn vì quả Bất hoàn siêng năng tu đạo đoạn hẳn hạ phần kiết sử. Tại sao A la hán vì quả A la hán siêng năng tu đạo đoạn hẳn thượng phần kiết sử. Tại sao Độc giác vì quả Độc giác siêng năng tu đạo tự mình ngộ pháp duyên khởi. Tại sao Bồ Tát vì độ vô lượng, vô biên hữu tình tu nhiều trăm ngàn hạnh khổ khó làm, chịu đủ vô lượng khổ lớn khó nhẫn. Tại sao Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tại sao chư Phật vì độ vô lượng hữu tình khổ nên chuyển bánh xe chánh pháp?

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bảo Xá lợi Tử:

- Chẳng phải tôi ở trong pháp vô sanh kia thấy có sáu đường thọ sanh sai khác. Chẳng phải tôi ở trong pháp vô sanh kia thấy có người có thể vào Thánh đế hiện quán. Chẳng phải tôi ở trong pháp vô sanh kia thấy có Dự lưu đắc quả Dự lưu, thấy có Nhất lai đắc quả Nhất lai, thấy có Bất hoàn đắc quả Bất hoàn, thấy có A la hán đắc quả A la hán, thấy có Độc giác đắc quả Độc giác, thấy có Bồ Tát đắc Nhất thiết tướng trí. Chẳng phải tôi ở trong pháp vô sanh kia thấy có Bồ Tát nhàm chán sanh tử, đắc năm Bồ đề. Chẳng phải tôi ở trong pháp vô sanh kia thấy có Thanh văn tu đạo đoạn kiết sử, thấy có Độc giác siêng năng tu đạo tự mình ngộ pháp duyên khởi. Chẳng phải tôi ở trong pháp vô sanh kia thấy có Bồ Tát vì độ hữu tình nên tu nhiều hạnh khổ, chịu các khổ lớn, nhưng các Bồ Tát không phát sanh tưởng về hạnh khổ khó làm. Vì sao? Này Xá lợi Tử! **Vì nếu phát sanh tưởng về hạnh khổ khó làm, thì rốt cuộc không thể làm lợi ích lớn cho vô lượng, vô số, vô biên hữu tình.**

Này Xá lợi Tử! Tất cả Bồ Tát **đem vô sở đắc làm phương tiện**, đối với các hữu tình sanh tâm đại bi, an trụ tưởng như cha mẹ, anh em, vợ con và thân mình. Vì độ thoát cho họ nên phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mới có thể làm lợi ích lớn cho họ.

Này Xá lợi Tử! Tất cả Bồ Tát nên nghĩ như vầy: Như tự tánh của ngã đối với tất cả pháp dùng tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian mong cầu đều bất khả đắc**. Các pháp nội ngoại cũng như vậy, đều vô sở hữu bất khả đắc. Nếu trụ tưởng này liền không thấy có hạnh khổ khó làm**. Do đây có thể tu nhiều trăm ngàn hạnh khổ khó làm, đem lợi ích lớn cho vô lượng, vô số, vô biên hữu tình. Vì sao? Vì Bồ Tát này đối với tất cả pháp, tất cả hữu tình, tất cả phương tiện, tất cả nơi chốn, tất cả thời gian đều **không chấp** lấy.

Này Xá lợi Tử! Chẳng phải tôi ở trong pháp vô sanh kia thấy có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chuyển bánh xe diệu pháp độ vô lượng chúng sanh. Vì sao? Xá lợi Tử! Vì tất cả pháp, tất cả hữu tình bất khả đắc.

*(Để trả lời đoạn Kinh này, **Luận Đại Trí Độ** , luận tiếp:*

“Quán vô sanh có hai pháp quán. Đó là:

1. Nhu thuận nhẫn quán.

2. Vô sanh nhẫn quán.

Khi bắt đầu quán vô sanh, hành giả phải tu tập về “nhu thuận nhẫn quán”. Vì sao? Vì tâm chưa rốt ráo thanh tịnh, nên phải tu tập “nhu thuận nhẫn quán” cho thuần thục. Khi tâm đã thuần thục, đã rốt ráo thanh tịnh rồi, mới vào được “vô sanh nhẫn quán”.

Hỏi: *Bồ Tát chưa tận đoạn kiết sử, chưa được Phật đạo, chưa được thật trí huệ. Như vậy, làm sao có được tâm rốt ráo thanh tịnh?*

Đáp: Dù chưa tận đoạn kiết sử, nhưng khi Bồ Tát đã an lập được đạo tràng, thì tâm chẳng còn gì ngăn ngại nữa, nên được rốt ráo thanh tịnh.

Bồ Tát vào được “vô sanh nhẫn”, tận trừ hết các kiết sử, phiền não là vào “Bồ Tát vị”.

--o0o--

Lại nữa, ở nơi "nhu thuận nhẫn", mặc dù chưa được Phật đạo, Bồ Tát cũng đã được tâm rốt ráo thanh tịnh rồi. Ngoài ra, do thường quán chúng sanh không và pháp không, nên Bồ Tát thấy rõ sắc vô sanh là rốt ráo thanh tịnh… dẫn đến thấy rõ Phật và Phật pháp là vô sanh, là rốt ráo thanh tịnh").

*Thế nào là quán hạnh khó hành? **Luận Đại Trí Độ** luận tiếp:*

("Lại nữa, từ sơ phát tâm, Bồ Tát thường quán "chúng sanh không", nên biết rõ chúng sanh là vô ngã, lại cũng thường quán "pháp không" nên biết rõ các pháp đều là rốt ráo không. Do nhân duyên quán về chúng sanh không và pháp không mà Bồ Tát phát đại bi tâm, hành bố thí Ba la mật, chẳng tiếc các vật nội ngoại sở hữu của mình, lại thường hành các thiện pháp đem lại lợi ích cho chúng sanh.

Bồ Tát làm các việc khó làm như vậy, mà chẳng hề khởi "nan tâm" (tâm nghĩ mình làm việc khó làm), "khổ tâm" (tâm nghĩ mình thọ khổ), vì biết rõ hết thảy pháp đều là không, là vô tướng, là vô lai, vô khứ. Thế nhưng dù biết rõ các pháp là bất khả tư nghì (chẳng thể nghĩ bàn được), bất khả thuyết (chẳng thể nói ra được) mà Bồ Tát vẫn thuyết ra các diệu pháp, nhằm phá trừ tâm điên đảo chấp trước của chúng sanh. Như vậy gọi là Bồ Tát vì chúng sanh mà chuyển pháp luân vậy").

(Có thể đem pháp sanh hay pháp vô sanh để được sở chứng chăng?)

Khi ấy, Xá Lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

- Ý ông muốn sao? Vì muốn đem pháp sanh để được sở chứng, hay muốn đem pháp vô sanh để được sở chứng?

Thiện Hiện đáp:

- Tôi chẳng muốn đem pháp sanh để được sở chứng, cũng chẳng muốn đem pháp vô sanh để được sở chứng.

Xá lợi Tử hỏi:

- Nếu như vậy thì làm gì có đắc, có hiện quán?

Thiện Hiện đáp:

- **Tuy có đắc, có hiện quán nhưng thật không do hai pháp ấy có chứng đắc**. Này Xá lợi Tử! Chỉ là tùy theo thế gian mà nói, lập ra có đắc có hiện quán, chứ chẳng phải trong thắng nghĩa có đắc có hiện quán. Cũng vậy, chỉ là tùy theo thế gian mà nói, lập ra Dự lưu, có quả Dự lưu, Nhất lai có quả Nhất lai, Bất hoàn có quả Bất hoàn, A la hán có quả A la hán, Độc giác có quả Độc giác, Bồ Tát có Bồ Tát hạnh, chư Phật có quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của chư Phật chứ chẳng phải trong thắng nghĩa có Dự lưu v.v...

Xá lợi Tử hỏi:

- Nếu tùy theo thế gian mà nói, lập ra có đắc có hiện quán và có quả Dự lưu cho đến có quả Vô thượng Bồ đề chứ chẳng phải là thắng nghĩa, thì sáu đường sai khác cũng tùy theo thế gian mà nói, chứ chẳng phải thắng nghĩa sao?

Thiện Hiện đáp:

- Đúng vậy! Vì sao? Này Xá lợi Tử! Vì chẳng phải trong thắng nghĩa có nghiệp dị thục và nhiễm tịnh.

Khi ấy, Xá lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

- Ý ông muốn thế nào? Vì muốn làm cho pháp chưa sanh được sanh, hay là muốn làm cho pháp đã sanh sanh?

Thiện Hiện đáp:

- Tôi không muốn làm cho pháp chưa sanh, được sanh, cũng không muốn làm cho pháp đã sanh sanh.

Xá lợi Tử hỏi:

- Những gì là pháp chưa sanh mà nhân giả không muốn làm cho pháp đó sanh?

Thiện Hiện đáp:

Xá Lợi Tử! **Sắc là pháp chưa sanh, tôi chẳng muốn khiến sanh**. Vì sao? Vì tự tánh không vậy. Thọ tưởng hành thức là pháp chưa sanh, tôi chẳng muốn khiến sanh. Vì sao? Vì tự tánh không vậy. Cho đến chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề là pháp chưa sanh, tôi chẳng muốn khiến sanh. Vì sao? Vì tự tánh không vậy.

Xá lợi Tử hỏi:

- Những gì là pháp đã sanh mà nhân giả không muốn làm cho pháp ấy sanh?

Thiện Hiện đáp:

- Này Xá Lợi Tử! **Sắc là pháp đã sanh, tôi chẳng muốn khiến sanh**. Vì sao? Vì tự tánh không vậy. Thọ tưởng hành thức là pháp đã sanh, tôi chẳng muốn khiến sanh. Vì sao? Vì tự tánh không vậy. Cho đến chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề là pháp đã sanh, tôi chẳng muốn khiến sanh. Vì sao? Vì tự tánh không vậy.

Khi ấy, Xá lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

- Vì muốn khiến sanh sanh, hay muốn khiến chẳng sanh sanh?

Thiện Hiện đáp rằng:

- **Tôi chẳng muốn khiến sanh sanh, cũng chẳng muốn khiến chẳng sanh sanh**. Vì sao? Xá Lợi Tử! Sanh cùng chẳng sanh hai pháp như thế đều chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng, vô sắc, vô kiến, vô đối, nhất tướng, chỗ gọi vô tướng. Do nhân duyên đây tôi chẳng muốn khiến sanh sanh, cũng chẳng muốn khiến chẳng sanh sanh.

Xá lợi Tử lại hỏi Thiện Hiện:

- Đối với pháp vô sanh đã nói, nhân giả có muốn biện thuyết tướng vô sanh không?

Thiện Hiện đáp:

- Xá lợi Tử! Đối với pháp vô sanh đã nói, tôi cũng không muốn biện thuyết tướng vô sanh. Vì sao? Này Xá lợi Tử! Vì hoặc pháp vô sanh, hoặc tướng vô sanh, hoặc muốn biện thuyết, tất cả như vậy đều chẳng tương ưng, chẳng phải chẳng tương ưng, vô sắc, vô kiến, vô đối, nhất tướng gọi là vô tướng.

Xá lợi Tử lại hỏi Thiện Hiện:

- Đối với pháp không sanh phát sanh lời nói không sanh, lời nói không sanh này cũng không sanh phải không?

Thiện Hiện đáp:

- Đúng vậy! Đúng như lời ông nói. Đối với pháp không sanh phát sanh lời nói không sanh. Nghĩa của pháp và lời này đều không sanh. Vì sao? Này Xá lợi Tử! Vì sắc không sanh; thọ, tưởng, hành, thức cũng không sanh. **Vì bản tánh là không**. 12 xứ, 18 giới không sanh. Vì bản tánh là không. Nhãn xúc không sanh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc cũng không sanh. Vì bản tánh là không. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra không sanh; các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra cũng không sanh. Vì bản tánh là không. Địa giới không sanh; thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng không sanh. Vì bản tánh là không. Thân hành không sanh; ngữ

hành, ý hành cũng không sanh. Vì bản tánh là không. Bố thí Ba la mật không sanh, cho đến Nhất thiết tướng trí cũng không sanh. Vì sao? Vì bản tánh là không.

Này Xá Lợi Tử! Do nhân duyên này, đối với pháp không sanh phát sanh lời không sanh; nghĩa và lời này đều không sanh.

Này Xá lợi Tử! **Nghĩa của pháp thuyết ra, hoặc người thuyết, hoặc người nghe đều vô sanh.**

Bấy giờ, cụ thọ Xá lợi Tử khen Thiện Hiện:

- Trong những người thuyết pháp, Ngài là bậc nhất, trừ Phật Thế Tôn không ai có thể bì kịp. Vì sao? Vì tùy theo các lời cật vấn về các pháp môn Ngài đều đối đáp không có trở ngại.

(Đoạn Kinh này khó giải, ***Đại Trí Độ Luận*** *giải như sau:*

"Ngài Tu Bồ Đề biết rõ chúng sanh chẳng thể dùng nhục nhãn để thấy được "sanh" sanh hay "vô sanh" sanh **cũng đều là chẳng thật có**, nên ngài nói cả 2 pháp đều bất thọ (chẳng thọ).

Ngài Xá Lợi Phất lại hỏi: Vì sao nói cả 2 pháp đều bất thọ?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Vì sắc… dẫn đến nhất thiết chủng trí đều rốt ráo là vô sanh, là vô tướng. Chỉ vì tùy thuận thế gian mà nói có sanh pháp, có sanh tướng vậy thôi. Thế nhưng sanh pháp ấy cũng là như huyễn, như hoá, vì ở nơi đệ nhất nghĩa thì hết thảy các pháp đều chẳng có hợp, chẳng có tan, chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối, đều chỉ là một tướng (nhất tướng), đều chẳng có tướng (vô tướng) cả.

Đó là lý do khiến Thiện Hiện chẳng muốn khiến sanh sanh, cũng chẳng muốn khiến chẳng sanh sanh).

Phần sau của phẩm này tương đối dễ hiểu, nên không cần giải thích thêm nữa. Các đạo hữu đạo hữu có thể tự tìm hiểu hay quay lại phẩm "Vô sanh", cuối Q.74 đến Q.75, Hội thứ I, ĐBN xem lại cũng được.

(Tất cả pháp không có chỗ nương)

Thiện Hiện đáp:

- Các đệ tử chư Phật đối với tất cả pháp không nương vào chấp trước. Pháp đó đều có thể tùy theo lời cật vấn, mỗi mỗi đều đối đáp tự tại không lo ngại. Vì sao? **Vì tất cả pháp không có chỗ nương tựa.**

Xá lợi Tử hỏi:

- Vì sao các pháp hoàn toàn **không có chỗ nương**?

Thiện Hiện đáp:

- Này Xá lợi Tử! **Bản tánh của sắc là không, không nương trong, không nương ngoài, không nương khoảng giữa.** Bản tánh của thọ, tưởng, hành, thức cũng là không, không nương trong, không nương ngoài, không nương khoảng giữa. Bản tánh của **12 xứ, 18 giới** là không, không nương trong, không nương ngoài, không nương khoảng giữa. Bản tánh của nhãn xúc là không, không nương trong, không nương ngoài, không nương khoảng giữa. Bản tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc cũng là không, không nương trong, không nương ngoài, không nương khoảng giữa. Bản tánh của các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra là không, không nương bên trong, không nương bên ngoài, không nương khoảng giữa. Bản tánh của các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra cũng là không, không nương bên trong, không nương bên ngoài, không nương khoảng giữa. **Cho đến bản tánh của tất cả pháp Phật cũng là không, không nương trong, không nương ngoài, không nương khoảng giữa.**

Này Xá lợi Tử! **Do nhân duyên này, ta nói bản tánh của các pháp là không, nên hoàn toàn không có chỗ nương.**

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Các Bồ Tát khi tu hành 6 pháp Ba la mật **nên thanh tịnh sắc cho đến thức**. Nên thanh tịnh nhãn xứ cho đến ý xứ. Nên thanh tịnh sắc xứ cho đến pháp xứ. Nên thanh tịnh nhãn giới cho đến ý giới. Nên thanh tịnh sắc giới cho đến pháp giới. Nên thanh tịnh nhãn thức giới cho đến ý thức giới. Nên thanh tịnh nhãn xúc cho đến ý xúc. Nên thanh tịnh các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sanh ra. Nên thanh tịnh 6 pháp Ba la mật, 37 pháp trợ đạo, Như Lai 10 lực, 18 pháp Phật bất cộng, cho đến nên thanh tịnh Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Nên thanh tịnh đạo Bồ đề.

(Thế nào hành 6 pháp Ba la mật tịnh đạo Bồ đề?)

Lúc bấy giờ, cụ thọ Xá lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

- Thế nào là Bồ Tát khi tu hành 6 pháp Ba la mật làm thanh tịnh đạo Bồ đề?

Thiện Hiện đáp:

- Này Xá lợi Tử! Sáu Ba la mật đều có hai loại: Một là thế gian, hai là xuất thế gian.

Xá lợi Tử hỏi:

- Thế nào là **bố thí thế gian**? Thế nào là **bố thí Ba la mật xuất thế gian**?

Thiện Hiện đáp:

- Này Xá lợi Tử! Bồ Tát nào làm vị đại thí chủ, có thể bố thí cho tất cả Sa môn, Bà la môn, người nghèo, người bệnh, người đơn côi, người đi đường, người đi xin, cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cần xe cho xe, cần y phục cho y phục, cần thuốc thang cho thuốc thang, cần đèn sáng cho đèn sáng, cần đồ ngồi nằm cho đồ ngồi nằm v.v… Xin tay chân, máu mủ, xương tủy v.v… Như vậy tất cả các vật bên trong, bên ngoài tùy theo người đó xin vật gì đều cho đầy đủ. Nhưng khi hành bố thí như vậy, lại **lấy sở đắc làm phương tiện** mong cầu đời này đời sau được an lạc cho đến chứng đắc Vô dư y Niết bàn. Người đó chấp trước ba luân mà hành bố thí. Những gì là ba? Nghĩa là tưởng mình, tưởng người, tưởng vật thí. **Do chấp trước ba luân này mà hành bố thí, nên gọi là bố thí thế gian.**

Này Xá lợi Tử! Bồ Tát khi hành bố thí cần phải thanh tịnh ba luân. Những gì là ba? Một là không chấp ta là người thí; hai là không chấp người kia là người nhận; ba là không chấp bố thí và quả bố thí. Bồ Tát này khi hành bố thí cần phải thanh tịnh ba luân.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Bồ Tát nào lấy đại bi làm đầu, tu phước bố thí cho khắp hữu tình. Đối với các hữu tình **hoàn toàn vô sở đắc**. Cùng hữu tình bình đẳng đồng hồi hướng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nhưng ở trong đó không thấy chút tướng nào. Do hoàn toàn không chấp trước mà hành bố thí, nên gọi là bố thí Ba la mật xuất thế gian. Do duyên nào bố thí này gọi là xuất thế gian. Vì việc làm không đồng với thế gian. **Do đây nên nói là bố thí Ba la mật xuất thế gian.**

Xá lợi Tử hỏi:

- Thế nào là tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát Nhã thế gian? Thế nào là tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật xuất thế gian?

Thiện Hiện đáp:

- Xá lợi Tử! Bồ Tát nào khi tu hành tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật mà **nương tựa, chấp trước ba luân**, thì gọi là tu hành tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật thế gian. Vì việc làm giống với thế gian. Bồ Tát nào khi tu hành tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật mà **không nương tựa, chấp trước**, mà ba luân thanh tịnh, thì gọi là Ba la mật xuất thế gian, vì việc làm không cùng với thế gian.

Này Xá lợi Tử! Như vậy, Bồ Tát khi tu hành 6 pháp Ba la mật làm thanh tịnh đạo Bồ đề.

(Thế nào gọi là đạo Bồ đề của Bồ Tát?)

Bấy giờ, cụ thọ Xá lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

- **Đạo Bồ đề** của Bồ Tát là gì?

Thiện Hiện đáp:

- Này Xá lợi Tử! **Pháp không nội cho đến pháp không vô tánh tự tánh là đạo Bồ đề của Bồ Tát. Chơn như, pháp giới, thật tế, cảnh giới bất tư nghì v.v... là đạo Bồ đề của Bồ Tát. Bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, 4 niệm xứ cho đến 37 pháp trợ đạo là đạo Bồ đề của Bồ Tát. Pháp môn giải thoát không, pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện là đạo Bồ đề của Bồ Tát. Tất cả môn Tam ma địa, tất cả môn Đà la ni là đạo Bồ đề của Bồ Tát. Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng là đạo Bồ đề của Bồ Tát. <u>Nói tóm lại, tất cả pháp Phật là đạo Bồ đề của Bồ Tát.</u>**

Này Xá lợi Tử! Các pháp như vậy tích tụ công đức lớn vô lượng, vô biên, đều là đạo Bồ đề của Bồ Tát.

Lúc ấy, Xá lợi Tử khen Thiện Hiện:

- Lành thay! Lành thay! Đúng như lời ông nói. Này Thiện Hiện! Công đức lớn tích tụ như vậy, là do thế lực của những Ba la mật nào làm được như vậy?

Thiện Hiện đáp:

- Này Xá lợi Tử! Công đức lớn tích tụ đã nói như vậy đều **do thế lực Bát nhã Ba la mật làm ra**. Vì sao? Này Xá lợi Tử! Vì Bát nhã Ba la mật này năng làm mẹ tất cả pháp thiện. Pháp thiện của tất cả Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát, chư Phật đều từ đây mà sanh, cũng nương đây mà trụ.

Này Xá lợi Tử! Chúng Bồ Tát đời quá khứ tu hành Bát Nhã rất viên mãn, nên đã chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chúng Bồ Tát đời vị lai tu hành Bát Nhã rất viên mãn, nên sẽ chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chúng Bồ Tát trong vô lượng thế giới chư Phật khắp 10 phương đời hiện tại tu hành Bát Nhã rất viên mãn nên hiện chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Thiện Hiện bảo:

- Lại nữa, Xá Lợi Tử! Nếu Bồ Tát nghe thuyết Bát nhã Ba la mật tâm không nghi lầm, cũng không mê muội, phải biết Bồ Tát này chẳng xả bỏ tác ý tương ưng đại bi, lấy vô sở đắc mà làm phương tiện, thường siêng cứu vớt tất cả hữu tình.

(Thế nào là trụ và tác ý tương ưng với Đại bi?)

Khi ấy, Xá Lợi Tử bảo Thiện Hiện rằng:

- Nếu Bồ Tát trụ như thế, hằng chẳng xả bỏ, trọn nên tác ý tương ưng đại bi ấy, thời tất cả hữu tình lẽ ra cũng thành Bồ Tát. Vì sao? Vì tất cả hữu tình cũng trụ nơi đây và cũng có tác ý này, thường chẳng xả bỏ, thời các Bồ Tát cùng tất cả hữu tình lẽ không sai khác?

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bảo Xá lợi Tử:

- Lành thay! Lành thay! Năng như thật biết ý tôi muốn nói. Tuy hỏi tôi nhưng giống như làm rõ nghĩa tôi muốn nói. Vì sao? Này Xá lợi Tử! **Vì hữu tình chẳng có, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng chẳng có; hữu tình không thật có, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng không thật có; hữu tình vô tánh, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng vô tánh; hữu tình không, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng không; hữu tình viễn ly, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng viễn ly; hữu tình tịch tịnh, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng tịch tịnh; hữu tình không hiểu biết, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng không hiểu biết.**

Này Xá lợi Tử! **Sắc cho đến thức chẳng có**, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng chẳng có. Sắc cho đến thức **không thật có**, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng không thật có. Sắc cho đến thức **vô tánh**, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng vô tánh. Sắc cho đến thức **không**, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng không. Sắc cho đến thức **viễn ly**, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng viễn ly. Sắc cho đến thức **tịch tịnh**, nên biết trụ và tác ý như vậy

cũng tịch tịnh. Sắc cho đến thức **không hiểu biết**, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng không hiểu biết.

Này Xá lợi Tử! **12 xứ, 18 giới chẳng có**, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng chẳng có; 12 xứ, 18 giới không thật có, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng không thật có, 12 xứ, 18 giới giới vô tánh, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng vô tánh; 12 xứ, 18 giới không, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng không; 12 xứ, 18 giới viễn ly, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng viễn ly; 12 xứ, 18 giới tịch tịnh, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng tịch tịnh; 12 xứ, 18 giới không hiểu biết, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng không hiểu biết.

Này Xá lợi Tử! **Nhãn xúc cho đến ý xúc chẳng có**, nên biết trụ và tác ý cũng chẳng có. Nhãn xúc cho đến ý xúc không thật có, nên biết trụ và tác ý cũng không thật có. Nhãn xúc cho đến ý xúc vô tánh, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng vô tánh. Nhãn xúc cho đến ý xúc không, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng không. Nhãn xúc cho đến ý xúc viễn ly, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng viễn ly. Nhãn xúc cho đến ý xúc tịch tịnh, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng tịch tịnh. Nhãn xúc cho đến ý xúc không hiểu biết, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng không hiểu biết.

Này Xá lợi Tử! **Các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sanh ra chẳng có**, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng chẳng có. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sanh ra không thật có, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng không thật có. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sanh ra vô tánh, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng vô tánh. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sanh ra không, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng không. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sanh ra viễn ly, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng viễn ly. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sanh ra tịch tịnh, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng tịch tịnh. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sanh ra không hiểu biết, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng không hiểu biết.

Này Xá lợi Tử! **Địa giới cho đến thức giới chẳng có**, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng chẳng có. Địa giới cho đến thức giới không thật có, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng không thật có. Địa giới cho đến thức

giới vô tánh, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng vô tánh. Địa giới cho đến thức giới không, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng không. Địa giới cho đến thức giới viễn ly, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng viễn ly. Địa giới cho đến thức giới tịch tịnh, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng tịch tịnh. Địa giới cho đến thức giới không hiểu biết, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng không hiểu biết.

Này Xá lợi Tử! **Tất cả pháp Phật chẳng có**, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng chẳng có; tất cả pháp Phật không thật có, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng không thật có; tất cả pháp Phật vô tánh, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng vô tánh; tất cả pháp Phật không, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng không; tất cả pháp Phật viễn ly, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng viễn ly; tất cả pháp Phật tịch tịnh, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng tịch tịnh; tất cả pháp Phật không hiểu biết, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng không hiểu biết.

Này Xá lợi Tử! **Thanh văn Bồ đề, Độc giác Bồ đề, Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề chẳng có**, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng chẳng có; Thanh văn Bồ đề cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề **không thật có**, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng không thật có; Thanh văn Bồ đề cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề **vô tánh**, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng vô tánh; Thanh văn Bồ đề cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề **không**, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng không; Thanh văn Bồ đề cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề **viễn ly**, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng viễn ly; Thanh văn Bồ đề cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề **tịch tịnh**, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng tịch tịnh; Thanh văn Bồ đề cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề **không hiểu biết**, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng không hiểu biết. *(đoạn này cùng một ý, chỉ trùng tụng thôi).*

Này Xá lợi Tử! **Do nhân duyên này, các Bồ Tát đối với việc trụ và tác ý như vậy thường không rời bỏ, cũng không khác với hữu tình, vì tất cả pháp không sai khác.**

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn khen Thiện Hiện:

- Lành thay! Lành thay! Ông khéo thuyết giảng Bát nhã Ba la mật cho các Bồ Tát. Việc này hoàn toàn do thần lực của Như Lai. Nếu có người nào muốn thuyết giảng Bát nhã Ba la mật cho các Bồ Tát đều nên thuyết giảng như ông. Bồ Tát nào muốn học Bát nhã Ba la mật đều phải theo lời thuyết giảng của ông mà học. Bồ Tát nào theo lời thuyết giảng của ông mà

học Bát nhã Ba la mật, thời mau chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chuyển bánh xe diệu pháp độ vô lượng chúng sanh.

Khi cụ thọ Thiện Hiện thuyết giảng Bát nhã Ba la mật thậm thâm như vậy cho các Bồ Tát thì ở tam thiên đại thiên thế giới này biến động 6 cách. Bấy giờ, Thế Tôn mỉm cười.

Cụ thọ Thiện Hiện liền bạch Phật:

- Do nhân duyên nào Ngài mỉm cười?

Phật bảo Thiện Hiện:

- Thiện Hiện! Như Ta hôm nay đang ở trong Tam thiên đại thiên thế giới tuyên thuyết Bát Nhã, cho các Bồ Tát, có 12 vạn ức trời người v.v…, đối tất cả pháp được vô sanh nhẫn. Nay ở vô lượng, vô số, vô biên thế giới trong 10 phương cũng có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đang thuyết giảng Bát nhã Ba la mật, cũng có vô lượng, vô số, vô biên hữu tình đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác được lợi lạc lớn.

- Như ở Tam thiên đại thiên thế giới này, Ta đang thuyết giảng Bát nhã Ba la mật cho các Bồ Tát, có mười hai vạn ức trời người v.v…, đối tất cả pháp được vô sanh nhẫn. Ngày nay, ở phương Đông có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đang thuyết giảng Bát nhã Ba la mật cho các Bồ Tát. Vô lượng, vô số, vô biên thế giới ở phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc, trên dưới cũng đều có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đang thuyết giảng Bát nhã Ba la mật khiến vô lương, vô số, vô biên chúng hữu tình ở ác cõi ấy, đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác được lợi lạc lớn.

Sơ giải:

Song song với chánh văn của phẩm "Viễn Ly", Hội thứ II, ĐBN, chúng tôi có trích dẫn lời bình giải của Bồ Tát Long Thọ trong ***Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 26, "Vô Sanh Tam Quán", Tập 3, quyển 53 tương đương****, như vậy là tạm đủ. Vả lại, tất cả giáo pháp của phẩm này đã được lặp đi lặp lại nhiều lần, ai cũng có thể hiểu nên không cần giải thích thêm. Điểm đáng lưu ý là phẩm này nói:*

"**Tất cả pháp Phật chẳng có, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng chẳng có**; tất cả pháp Phật **không thật có**, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng không thật có; tất cả pháp Phật **vô tánh**, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng vô tánh; tất cả pháp Phật **không**, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng

không; tất cả pháp Phật **viễn ly**, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng viễn ly; tất cả pháp Phật **tịch tịnh**, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng tịch tịnh; tất cả pháp Phật **không hiểu biết**, nên biết trụ và tác ý như vậy cũng không hiểu biết".

Cụ thọ Thiện Hiện bảo Xá Lợi Tử như thế, rồi kết luận: "Do nhân duyên này, các Bồ Tát đối với việc trụ và tác ý như vậy thường không rời bỏ… *(tất cả pháp Phật và Bát nhã Ba la mật)*"

Kinh thường bảo tất cả pháp Phật chẳng có, không thật có, vô tánh, tất cả pháp Phật là không, là viễn ly, là tịch tịnh, không hiểu biết. Tất cả pháp Phật cũng không do Phật làm ra, cũng không do ai làm ra. Nếu tất cả chúng sanh đều hiểu ra như vậy, trụ và tác ý như vậy thường không từ bỏ tất cả pháp Phật, mau chứng đắc Vô thượng Bồ đề, chuyển bánh xe diệu pháp độ vô lượng chúng sanh.

Rồi Phật bảo: Nếu có người nào muốn thuyết giảng Bát nhã Ba la mật cho các Bồ Tát thì phải như Thiện Hiện thuyết giảng giống như trong phẩm "Viễn Ly" này!

*Nói dễ nhưng hiểu biết **"pháp Phật không thật có, vô tánh, tất cả pháp Phật là không, là viễn ly, là tịch tịnh, không hiểu không biết"** không phải dễ. Phải chứng nhập được nhân không pháp không rồi mới có thể hiểu thật tướng các pháp mà giảng cho người.*

Đối với một phẩm quá dài như phẩm "Viễn Ly" này với nhiều giáo lý khác nhau, rất khó chiết giải tổng hợp trong phần lược giải được. Vì vậy, trong phần chánh văn chúng tôi thường chiết giải ngay dưới các đoạn Kinh có giáo lý khác nhau. Hơn thế nữa, trong phẩm này chúng tôi đã trích dẫn lời luận giải của Bồ Tát Long Thọ trong Đại Trí Độ Luận, dưới các đoạn Kinh khó rồi, nên không cần nói thêm nữa./.

---o0o---

25. PHẨM "ĐẾ THÍCH"

Q.425 đến đầu Q.426, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Thiên Đế", Q.77 - Q.81, Hội thứ I, ĐBN).

Tóm lược:

Bấy giờ, ở tam thiên đại thiên thế giới Kham Nhẫn này có trời Tứ đại vương cùng với vô lượng trăm ngàn ức các Thiên tử cõi trời Tứ đại vương đều đến hội hợp; có Thiên Đế cùng với vô lượng trăm ngàn ức các Thiên tử cõi trời Ba mươi ba đều đến hội hợp; có Thiên vương Tô dạ ma, San đổ sử đa, Diệu biến hóa, Tha hóa Tự tại, Đại phạm, trời Biến tịnh, trời Quảng quả, trời Sắc cứu cánh, cùng với vô lượng trăm ngàn Thiên tử, thiên chúng đều đến hội hợp. Thiên chúng cõi trời Tứ đại vương, cho đến thiên chúng trời Tịnh cư có nghiệp dị thục thanh tịnh thân có ánh sáng, so với ánh sáng thường hiện của thân Như Lai không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn, không bằng một phần trăm ngàn, phần ức, phần trăm ngàn ức, như vậy, cho đến số phần, toán phần, kế phần, dụ phần, cực số phần. Vì sao? Vì ánh sáng thường hiện của thân Như Lai rất rực rỡ, trong số các ánh sáng thì ánh sáng của Như Lai là tối tôn, tối thắng, tối thượng, tối diệu, vô tỷ, vô đẳng, vô thượng, đệ nhất, che ánh sáng chư Thiên giống như đốm lửa đối với vàng Thiệm bộ.

Bấy giờ, Thiên Đế Thích thưa cụ thọ Thiện Hiện rằng:

- Nay thế giới Tam thiên đại thiên đây, có trời Bốn đại vương chúng cho đến trời Tịnh cư đều đến nhóm hội, muốn nghe Tôn giả tuyên nói Bát nhã Ba la mật. Nguyện xin Tôn giả đúng thời giảng nói cho. Thưa Tôn giả! **Thế nào là Bát nhã Ba la mật của Bồ Tát? Bồ Tát nên trụ Bát nhã Ba la mật như thế nào? Bồ Tát nên học Bát Nhã như thế nào?**

Cụ thọ Thiện Hiện liền bảo Thiên Đế Thích rằng:

- Kiều Thi Ca! Thiên chúng các ngươi hãy lóng nghe, khéo nghĩ nhớ, ta sẽ nhờ oai thần của Phật, thuận ý Như Lai, vì các chúng Bồ Tát tuyên nói Bát nhã Ba la mật. Các Bồ Tát nên đối trong ấy, nên trụ như thế, nên học như thế.

Kiều Thi Ca! Chư Thiên ngươi, kẻ chưa phát tâm Vô thượng Bồ đề, nay đều nên phát tâm. Kiều Thi Ca! Các vị đã vào Chánh tánh ly sanh của

Thanh văn, Độc giác chẳng cần phát tâm đại Bồ đề nữa. Vì sao? Kiều Thi Ca! Vì các vị kia đã chấm dứt đường sanh tử. Nhưng trong đó nếu có vị nào muốn phát tâm đến Vô thượng Bồ đề thì tôi cũng tùy hỷ. Kiều Thi Ca! Vì thắng nhân nên cầu thắng pháp, đối với tôi chẳng có gì trở ngại.

(Thế nào là Bát nhã Ba la mật của Bồ Tát?)

Kiều Thi Ca! Ngươi hỏi **thế nào là Bát nhã Ba la mật của Bồ Tát?** Các ngươi lóng nghe, ta sẽ vì các ông nói. Kiều Thi Ca! Nếu Bồ Tát phát tâm tương ưng Nhất thiết trí trí, đem vô sở đắc mà làm phương tiện, tư duy sắc cho đến **thức** **hoặc vô thường, hoặc khổ, hoặc vô ngã, hoặc không, hoặc như bệnh, hoặc như ung nhọt, hoặc như mũi tên, hoặc mụt ghẻ, hoặc nóng nảy, hoặc bức bách, hoặc hư hoại, hoặc mục nát, hoặc lay chuyển, hoặc mau diệt, hoặc đáng sợ, hoặc đáng nhàm chán, hoặc có tai ách, hoặc có oan ức, hoặc có bệnh dịch, hoặc có bệnh hủi, hoặc không an ổn, hoặc không thể tín nhiệm**. Tư duy nhãn xứ cho đến ý xứ. Tư duy sắc xứ cho đến pháp xứ. Tư duy nhãn giới cho đến ý giới. Tư duy sắc giới cho đến pháp giới. Tư duy nhãn thức giới cho đến ý thức giới. Tư duy nhãn xúc cho đến ý xúc. Tư duy nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ. Tư duy địa giới cho đến thức giới cũng lại như thế.

(Tại sao Thiện Hiện nói với Kiều Thi Ca các Bồ Tát tu hành phải tư duy 5 ấm, 12 xứ, 18 giới là vô thường, hoặc khổ, hoặc vô ngã, hoặc không, hoặc như bệnh, hoặc như ung nhọt, hoặc như mũi tên…Vì ấm xứ giới là những thứ xấu xa biến hoại vô thường đem buồn đau khổ não lo âu, ***phải biết như vậy nhàm chán mà xa lìa.*** *Đó là tư duy theo thế đế).*

Này Kiều Thi Ca! Đấy gọi là Bát nhã Ba la mật của Bồ Tát.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu Bồ Tát phát tâm tương ưng Nhất thiết trí trí, đem vô sở đắc làm phương tiện, tư duy sắc cho đến thức **hoặc vắng lặng, hoặc xa lìa, hoặc vô sanh, hoặc vô diệt, hoặc vô nhiễm, hoặc vô tịnh, hoặc vô tác, hoặc vô vi**. Tư duy 12 xứ cho đến 18 giới. Tư duy nhãn xúc cho đến ý xúc. Tư duy nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý

xúc làm duyên sanh ra các thọ. Tư duy địa giới cho đến thức giới cũng lại như thế.

(Đó là tư duy uẩn xứ giới theo nghĩa đế. Có tư duy hai chiều thuận nghịch như thế mới hiểu được chức năng của uẩn xứ giới. Đó chính là nhiệm vụ của Bồ Tát Bát nhã Ba la mật).

Này Kiều Thi Ca! Đấy gọi là Bát nhã Ba la mật của Bồ Tát.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu Bồ Tát phát tâm tương ưng Nhất thiết trí trí, đem vô sở đắc làm phương tiện, tư duy **vô minh duyên hành**, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục xứ, lục xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử tập hợp toàn một nhóm khổ lớn*(quán nhân duyên theo lưu chuyển môn tức thuận quán)*. Đem vô sở đắc làm phương tiện, tư duy **vô minh diệt nên hành diệt**, hành diệt nên thức diệt, thức diệt nên danh sắc diệt, danh sắc diệt nên lục xứ diệt, lục xứ diệt nên xúc diệt, xúc diệt nên thọ diệt, thọ diệt nên ái diệt, ái diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sanh diệt, sanh diệt nên lão tử cho đến trọn nhóm khổ lớn cũng diệt*(quán nhân duyên theo hoàn diệt môn tức nghịch quán).*

Này Kiều Thi Ca! Đấy gọi là Bát nhã Ba la mật của Bồ Tát.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu Bồ Tát phát tâm tương ưng Nhất thiết trí trí, đem vô sở đắc mà làm phương tiện, an trụ nội không cho đến vô tánh tự tánh không. An trụ chơn như, pháp giới, thật tế, bất tư nghì giới, an ẩn giới v.v…

Kiều Thi Ca! Đấy gọi là Bát nhã Ba la mật của Bồ Tát.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu Bồ Tát phát tâm tương ưng Nhất thiết trí trí, đem vô sở đắc mà làm phương tiện, tu hành sáu Ba la mật, bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo. Tu hành không giải thoát môn, vô tướng, vô nguyện giải thoát môn. Tu hành Phật mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Tu hành tất cả Tam ma địa môn, Đà la ni môn. Tu hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí.

Này Kiều Thi Ca! Đấy gọi là Bát nhã Ba la mật của Bồ Tát.

Lại nữa, này Kiều Thi Ca! Bồ Tát nào khi tu hành Bát Nhã, quán như vầy: Chỉ có các pháp bồi bổ, tăng trưởng lớn mạnh, viên mãn lẫn nhau. Tư duy suy tính không có ngã, không có ngã sở. Lại quán như vầy: Tâm hồi

hướng của các Bồ Tát không hòa hợp với tâm Bồ đề. Tâm Bồ đề cũng không hòa hợp với tâm hồi hướng. Nghĩa là tâm hồi hướng của Bồ Tát trong tâm Bồ đề vô sở hữu bất khả đắc. Tâm Bồ đề trong tâm hồi hướng cũng vô sở hữu bất khả đắc. Các Bồ Tát tuy như thật quán sát các pháp nhưng đối với các pháp hoàn toàn không thấy.

Này Kiều Thi Ca! Đấy gọi là Bát nhã Ba la mật của Bồ Tát.

(Sau khi tư duy các ấm xứ giới biết cái tệ hại của nó thì phải quán như thế nào, tu như thế nào, để thoát ly áp lực của chúng mà được tâm hoặc vắng lặng, hoặc xa lìa, hoặc vô sanh vô diệt, hoặc vô nhiễm vô tịnh, hoặc vô tác vô vi…? Nếu quán như vậy sẽ thấy 5 ấm, 12 xứ, 18 giới là viễn ly, là tịch diệt... thì biết rõ được hết thảy các pháp đều là bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh tức đạt đến chỗ an tịnh của tâm. Tu như vậy, lại đem tâm tương ưng với Nhất thiết trí trí lấy vô sở đắc làm phương tiện tu hành tất cả pháp Phật, thì đó gọi là Bồ Tát Bát nhã Ba la mật.

Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 27, "Thiên Vương", Tập 3, quyển 54, *giải thích điểm này như sau:*

"Hàng Thanh Văn do chưa được đầy đủ lực trí huệ, nên khi quán năm ấm chưa vào được các pháp viễn ly, tịch diệt, mà chỉ quán năm ấm là vô thường, khổ, không, vô ngã.

Bồ Tát do lợi căn, lại đã đầy đủ lực trí huệ, nên khi quán năm ấm liền biết rõ năm ấm là tịch diệt, là viễn ly, là bất khả đắc. Bởi vậy nên Bồ Tát thường dùng "vô sở đắc không huệ" mà quán các pháp tướng.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn *(Kiều Thi Ca*) chỉ hỏi về "Bát nhã Ba la mật tướng", chẳng hỏi về "5 ấm tướng", nhưng ngài Tu Bồ Đề lại đáp rằng: Bát nhã Ba la mật tướng chẳng ly 5 ấm tướng, đó chính là Niết Bàn tướng. Vì sao? Vì **thật tướng của 5 ấm chính là Niết Bàn tướng vậy**.

Đối với những người căn trí còn yếu kém, thì trước hết phải quán 5 ấm là vô thường, khổ, không, vô ngã, rồi sau đó mới quán 5 ấm là viễn ly, là tịch diệt, là bất khả đắc. Quán các nhân duyên tác pháp khác cũng đều là như vậy cả. Sau đó mới tu 4 niệm xứ... dẫn đến 8 chi thánh đạo v.v...

Bồ Tát do lợi căn, thượng trí, nên khi quán các pháp tướng, khi tu các pháp môn đều dụng vô sở đắc, đúng theo Tát Bà Nhã tâm*(chỉ Nhất thiết trí trí hay Vô thượng Bồ đề tâm).*

Bồ Tát hành Bồ Tát đạo như vậy là hành Bát nhã Ba la mật tướng, dẫn đến Vô thượng Bồ đề”).

(Tâm hồi hướng của Bồ Tát chẳng hòa hợp cùng tâm Bồ đề?)

Khi ấy, Thiên Đế Thích hỏi Thiện Hiện rằng:

- Tại sao tâm hồi hướng của Bồ Tát chẳng hòa hợp cùng tâm Bồ đề, tâm Bồ đề cũng chẳng hòa hợp cùng tâm hồi hướng? Tại sao tâm hồi hướng của Bồ Tát đối trong tâm Bồ đề vô sở hữu bất khả đắc, tâm Bồ đề đối trong tâm hồi hướng cũng vô sở hữu bất khả đắc?

Thiện Hiện đáp rằng:

- “Kiều Thi Ca! Các Bồ Tát Ma ha tát tâm hồi hướng thời **phi tâm**, tâm Bồ đề cũng phi tâm. Chẳng lẽ phi tâm hồi hướng phi tâm? Tâm cũng chẳng lẽ hồi hướng phi tâm? Phi tâm chẳng lẽ hồi hướng nơi tâm? Tâm cũng chẳng lẽ hồi hướng nơi tâm? Vì cớ sao? Kiều Thi Ca! Phi tâm tức là bất khả tư nghì, bất khả tư nghì tức là phi tâm, hai thứ như thế đều vô sở hữu. Trong vô sở hữu không có nghĩa hồi hướng”*(1).* Kiều Thi Ca! Tâm không tự tánh. Tâm không, nên tâm sở cũng không. Tâm và tâm sở đã không tự tánh, nên tâm cũng không có nghĩa hồi hướng. Kiều Thi Ca! Nếu tác quán như vậy, đấy gọi Bồ Tát Bát nhã Ba la mật.

*(**Đại Trí Độ Luận** cùng phẩm trên đặt câu Hỏi và Đáp của đoạn Kinh này như sau:*

“Hỏi: *Nếu nói tâm hồi hướng chẳng có trong tâm Vô thượng Bồ đề, thì tâm ấy là như thế nào?*

Đáp: Khi đã vào trong Bát nhã Ba la mật rồi, thì biết rõ hết thảy các pháp đều là phi thường tướng (chẳng phải tướng thường), phi vô thường tướng (chẳng phải tướng vô thường), phi hữu tướng (chẳng phải tướng có), phi vô tướng (chẳng phải tướng không).

Như vậy chẳng nên nạn vấn về tướng của tâm hồi hướng làm gì nữa”.

Vì Bát Nhã là bất nhị pháp môn, Bát Nhã là đệ nhất nghĩa nên trong Bát Nhã không có thường hay đoạn, có tướng hay không có tướng. Tất cả đều bình đẳng, nên Luận không muốn trả lời).

Bấy giờ, Thế Tôn khen Thiện Hiện rằng:

- Hay thay, hay thay! Ngươi khéo hay vì các Bồ Tát tuyên nói Bát nhã Ba la mật, cũng gắng khuyên các Bồ Tát khiến sanh vui mừng, tu tập Bát nhã Ba la mật.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con đã biết ơn chẳng lẽ chẳng trả. Vì sao? Quá khứ Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các đệ tử vì chúng Bồ Tát tuyên nói Bát nhã Ba la mật, chỉ dạy khuyến dẫn, khen gắng vui mừng, an ủi kiến lập, khiến được rốt ráo. Bấy giờ, Đức Thế Tôn cũng học, nay chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, quay xe diệu pháp lợi vui chúng con. Nên con ngày nay theo Phật dạy, vì chúng Bồ Tát tuyên nói sáu thứ Ba la mật chỉ dạy khuyến dẫn, khen gắng vui mừng, an ủi kiến lập, khiến được rốt ráo, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Đấy thời gọi là đáp đền ân đức!

(Bồ Tát nên trụ Bát nhã Ba la mật như thế nào?)

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bảo Thiên Đế Thích rằng:

- Kiều Thi Ca! Ngươi hỏi **Bồ Tát nên trụ Bát nhã Ba la mật như thế nào?** Các ngươi lóng nghe, tôi sẽ vì các ngươi nói. Các Bồ Tát đối Bát nhã Ba la mật cần trụ chỗ nên trụ, **chẳng trụ nơi tướng**. Kiều Thi Ca! **Sắc, sắc không**; thọ tưởng hành thức, thọ tưởng hành thức không; Bồ Tát, Bồ Tát không. Hoặc sắc không, hoặc thọ tưởng hành thức không, hoặc Bồ Tát không. Tất cả như thế đều không hai, không hai phần. Kiều Thi Ca! Các Bồ Tát đối Bát nhã Ba la mật nên an trụ như thế.

Kiều Thi Ca! **Nhãn xứ, nhãn xứ không**; nhãn giới, nhãn giới không; Bồ Tát, Bồ Tát không. Hoặc nhãn xứ không, cho đến hoặc nhãn giới không, hoặc Bồ Tát không. Tất cả như thế đều không hai, không hai phần. Kiều Thi Ca! Các Bồ Tát đối Bát nhã Ba la mật nên an trụ như thế.

Kiều Thi Ca! Nhãn xúc, nhãn xúc không; cho đến ý xúc, ý xúc không; Bồ Tát, Bồ Tát không. Hoặc nhãn xúc không, cho đến hoặc ý xúc không, hoặc Bồ Tát không. Tất cả như thế đều không hai, không hai phần. Kiều Thi Ca! Các Bồ Tát đối Bát nhã Ba la mật nên an trụ như thế.

Kiều Thi Ca! Nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ, **nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ không**; cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ, ý xúc làm duyên sanh ra các thọ không; Bồ Tát, Bồ Tát không. Hoặc nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ không, cho đến hoặc ý xúc làm duyên sanh

ra các thọ không, hoặc Bồ Tát không. Tất cả như thế đều không hai, không hai phần. Kiều Thi Ca! Các Bồ Tát đối Bát nhã Ba la mật nên an trụ như thế.

Kiều Thi Ca! Địa giới, **địa giới không**; cho đến thức giới, thức giới không; Bồ Tát, Bồ Tát không. Hoặc địa giới không, cho đến hoặc thức giới không, hoặc Bồ Tát không. Tất cả như thế đều không hai, không hai phần. Kiều Thi Ca! Các Bồ Tát đối Bát nhã Ba la mật nên an trụ như thế.

Kiều Thi Ca! Tất cả pháp Phật, **tất cả pháp Phật không**; Bồ Tát, Bồ Tát không. Hoặc tất cả pháp Phật không, hoặc Bồ Tát không. Tất cả như thế đều không hai, không hai phần. Kiều Thi Ca! Các Bồ Tát đối Bát nhã Ba la mật nên an trụ như thế.

(Làm sao trụ vào cái rỗng không được. Trụ trong không tức không có chỗ bám tức trụ chỗ vô trụ).

Kiều Thi Ca lại hỏi:

- Nếu tất cả pháp đều không, vậy <u>Bồ Tát tu hành Bát Nhã an trụ chỗ nào?</u>

Thiện Hiện đáp rằng:

- Này Kiều Thi Ca! Các Bồ Tát tu hành Bát nhã Ba la mật chẳng nên trụ sắc, chẳng nên trụ thọ tưởng hành thức. Chẳng nên trụ nhãn xứ, cho đến chẳng nên trụ ý xứ. Chẳng nên trụ sắc xứ, cho đến chẳng nên trụ pháp xứ. Chẳng nên trụ nhãn giới, cho đến ý giới. Chẳng nên trụ sắc giới cho đến pháp giới. Chẳng nên trụ nhãn thức giới cho đến ý thức giới. Chẳng nên trụ nhãn xúc cho đến ý xúc. Chẳng nên trụ nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ, cho đến chẳng trụ ý xúc làm duyên sanh ra các thọ. Chẳng nên trụ địa giới, cho đến chẳng nên trụ thức giới. Chẳng nên trụ vô minh, cho đến chẳng nên trụ lão tử. Chẳng nên trụ vô minh diệt, cho đến chẳng nên trụ lão tử diệt. Chẳng nên trụ bố thí Ba la mật, cho đến chẳng nên trụ Bát nhã Ba la mật. Chẳng nên trụ nội không, cho đến chẳng nên trụ vô tánh tự tánh không. Chẳng nên trụ bốn niệm trụ, cho đến chẳng nên trụ mười tám pháp Phật bất cộng. Chẳng nên trụ tất cả Tam ma địa môn, chẳng nên trụ tất cả Đà la ni môn. Chẳng nên trụ Thanh văn thừa, chẳng nên trụ Độc giác thừa, Vô thượng thừa. Chẳng nên trụ Dự lưu cho

đến chẳng nên trụ Như Lai. Chẳng nên trụ Nhất thiết trí; chẳng nên trụ Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí *(tức là chẳng nên trụ tất cả pháp Phật)***. Vì sao? Kiều Thi Ca! An trụ như thế là <u>có sở đắc</u> vậy.**

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã **chẳng nên trụ đây** là sắc cho đến đây là thức. Chẳng nên trụ đây là nhãn xứ cho đến đây là ý xứ. Chẳng nên trụ đây là sắc xứ cho đến đây là pháp xứ. Chẳng nên trụ đây là nhãn giới cho đến đây là ý giới. Chẳng nên trụ đây là sắc giới cho đến đây là pháp giới. Chẳng nên trụ đây là nhãn thức giới cho đến đây là ý thức giới. Chẳng nên trụ đây là nhãn xúc cho đến đây là ý xúc. Chẳng nên trụ đây là nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến đây là ý xúc làm duyên sanh ra các thọ. Chẳng nên trụ đây là địa giới cho đến đây là thức giới. Chẳng nên trụ đây là nội không cho đến đây là vô tánh tự tánh không. Chẳng nên trụ đây là vô minh cho đến đây là lão tử. Chẳng nên trụ đây là vô minh diệt cho đến đây là lão tử diệt. Chẳng nên trụ đây là bố thí Ba la mật cho đến đây là Bát nhã Ba la mật. Chẳng nên trụ đây là 4 niệm trụ cho đến đây là 18 pháp Phật bất cộng. Chẳng nên trụ đây là tất cả Tam ma địa môn, đây là tất cả Đà la ni môn. Chẳng nên trụ đây là Thanh văn thừa, đây là Độc giác thừa, Vô thượng thừa. Chẳng nên trụ đây là Dự lưu cho đến đây là Như Lai. Chẳng nên trụ đây là Nhất thiết trí, đây là Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Vì sao? Kiều Thi Ca! **Vì an trụ như thế là có sở đắc vậy.**

(Khi xác nhận cho dù pháp đó mang nhiều công đức thắng diệu nhất và an trụ trong ấy, tức có sở đắc, nên không thể đắc không thể an trụ).

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã **chẳng nên trụ sắc cho đến thức hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc không hoặc bất không, hoặc vắng lặng hoặc chẳng vắng lặng, hoặc xa lìa hoặc chẳng xa lìa**. Chẳng nên trụ 12 xứ, 18 giới hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc không hoặc bất không, hoặc vắng lặng hoặc chẳng vắng lặng, hoặc xa lìa hoặc chẳng xa lìa. Chẳng nên trụ nhãn xúc cho đến ý xúc hoặc thường hoặc vô thường, cho đến hoặc xa lìa hoặc chẳng xa lìa. Chẳng nên trụ nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ hoặc

thường hoặc vô thường, cho đến hoặc xa lìa hoặc chẳng xa lìa. Chẳng nên trụ địa giới cho đến thức giới hoặc thường hoặc vô thường, cho đến hoặc xa lìa hoặc chẳng xa lìa. Nói rộng ra, chẳng nên trụ tất cả pháp Phật hoặc thường hoặc vô thường, cho đến hoặc xa lìa hoặc chẳng xa lìa. Chẳng nên trụ Dự lưu cho đến Như Lai hoặc thường hoặc vô thường, cho đến hoặc xa lìa hoặc chẳng xa lìa. Vì sao? Kiều Thi Ca! Vì **an trụ như thế là có sở đắc** vậy.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Các Bồ Tát tu hành Bát Nhã chẳng nên trụ quả Dự lưu hiển thị hữu vi, hoặc hiển thị vô vi. Chẳng nên trụ quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, Bồ đề, chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề hoặc hiển thị hữu vi, hoặc hiển thị vô vi. Vì sao? Kiều Thi Ca! **Vì an trụ như thế là có sở đắc vậy**.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã chẳng nên trụ Dự lưu là phước điền. Chẳng nên trụ Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, Bồ Tát, Như Lai là phước điền. Vì sao? Kiều Thi Ca! Vì an trụ như thế là có sở đắc vậy.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Các Bồ Tát tu hành Bát nhã Ba la mật chẳng nên trụ sơ địa cho đến chẳng nên trụ đệ thập địa. Vì sao? Kiều Thi Ca! Vì trụ như thế là có sở đắc vậy. Vì sao? Vì **trụ như thế là động chuyển** vậy.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Các Bồ Tát tu hành Bát Nhã chẳng nên trụ sơ phát tâm rồi khởi nghĩ: Ta sẽ viên mãn bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Chẳng nên trụ sơ phát tâm rồi khởi nghĩ: Ta sẽ tu hành bốn niệm trụ cho đến tám Thánh đạo chi. Chẳng nên trụ sơ phát tâm rồi liền khởi nghĩ: Ta sẽ tu hành không, vô tướng, vô nguyện giải thoát môn, cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Chẳng nên trụ rồi khởi nghĩ này: Ta tu gia hạnh đã viên mãn rồi sẽ vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh. Chẳng nên trụ rồi khởi nghĩ này: Ta đã được vào Chánh tánh ly sanh, sẽ trụ bậc Bồ Tát Bất thối chuyển. Chẳng nên trụ rồi khởi nghĩ này: Ta sẽ viên mãn năm *(thần)*thông Bồ Tát. Chẳng nên trụ rồi khởi nghĩ này: Ta trụ Bồ Tát viên mãn 5 thông, thường dạo vô lượng vô số cõi Phật, lễ kính chiêm ngưỡng, cúng dường thừa sự chư Phật Thế Tôn, lóng nghe chánh pháp, suy nghĩ đúng lý, rộng vì người thuyết. Vì sao? Kiều Thi Ca! Vì an trụ như thế là có sở đắc vậy.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Các Bồ Tát tu hành Bát Nhã chẳng nên trụ khởi nghĩ này: Ta sẽ làm trang nghiêm tịnh độ như cõi Phật trong mười phương. Không nên trụ nghĩ như vầy: Ta sẽ biến hóa tịnh độ như cõi Phật

trong mười phương. Chẳng nên trụ khởi nghĩ này: Ta sẽ thành thục các loại hữu tình khiến chứng Vô thượng Bồ đề, hoặc vào Niết bàn, hoặc vui người trời. Chẳng nên trụ khởi nghĩ này: Ta sẽ đến vô lượng vô số cõi nước chư Phật, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn. Lại đem vô biên hoa hương, anh lạc, bảo tràng, phan lọng, áo mặc, đồ nằm, uống ăn, đèn sáng, trăm ngàn trăm ức, muôn ức số các kỹ nhạc trời và vô lượng châu báu thượng diệu mà vì cúng dường. Chẳng nên trụ khởi nghĩ này: Ta sẽ an lập vô lượng vô số vô biên hữu tình, khiến đối Vô thượng Bồ đề được Bất thối chuyển. Vì sao? Kiều Thi Ca! Vì an trụ như thế là **có sở đắc** vậy.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Các Bồ Tát tu hành Bát Nhã chẳng nên trụ khởi nghĩ: Ta sẽ thành xong thanh tịnh nhục nhãn, thiên nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn. Chẳng nên trụ khởi nghĩ: Ta sẽ thành xong các môn đẳng trì, đối các đẳng trì được tự tại du hý. Chẳng nên trụ khởi nghĩ: Ta sẽ thành xong các tổng trì môn, đối các tổng trì đều được tự tại. Chẳng nên trụ khởi nghĩ: Ta sẽ thành xong Như Lai 10 lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng. Chẳng nên trụ khởi nghĩ: Ta sẽ thành xong 32 tướng đại sĩ, 80 vẻ đẹp trang nghiêm nơi thân, khiến các hữu tình kẻ thấy vui mừng, xem không nhàm chán. Do đấy chứng được lợi ích an vui. Vì sao? Kiều Thi Ca! Vì an trụ như thế là **có sở đắc** vậy.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã chẳng nên trụ đây là bổ đặc già la thứ tám, đây là tùy tín hành, đây là tùy pháp hành. Không nên trụ bậc Dự lưu còn sanh trở lại bảy lần, đây là Nhất lai, đây là Bất hoàn. Không nên trụ đây là bổ đặc già la đứng đầu, đến khi mạng chung, phiền não mới hết. Chẳng nên trụ đây là pháp Dự lưu quyết định chẳng đọa, đây là Nhất lai đến đây được hết ngằn mé khổ thế gian. Chẳng nên trụ đây là Bất hoàn hướng, đây là Bất hoàn quả, đến đó mới đắc Niết bàn. Chẳng nên trụ đây là A la hán dứt hẳn hậu hữu*(2)*, hiện tại tất vào Vô dư Niết bàn. Chẳng nên trụ đây là Độc giác. Chẳng nên trụ đây là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Chẳng nên trụ khởi nghĩ này: Ta vượt bậc Thanh văn, Độc giác, đã an trụ bậc Bồ Tát. Chẳng nên trụ khởi nghĩ này: Ta sẽ đầy đủ Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, giác tất cả pháp tất cả tướng rồi dứt hẳn tất cả tập khí phiền não ràng buộc nối nhau. Chẳng nên trụ khởi nghĩ này: Ta sẽ chứng được sở cầu Vô thượng Bồ đề, đắc

Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quay xe diệu pháp làm các Phật sự, độ thoát vô lượng vô số hữu tình, khiến được Niết bàn an vui. Chẳng nên trụ khởi nghĩ này: Ta sẽ khéo tu bốn thần túc, đã an trụ đẳng trì thù thắng như thế. Do đẳng trì đây tăng thêm thế lực, khiến ta thọ mệnh vô lượng vô biên. Chẳng nên trụ khởi nghĩ này: Ta sẽ trọn nên 32 tướng, mỗi mỗi tướng này trăm phước trang nghiêm. Chẳng nên trụ khởi nghĩ này: Ta sẽ trọn nên 80 vẻ đẹp, mỗi vẻ đẹp đều có vô lượng hy hữu thắng sự. Chẳng nên trụ khởi nghĩ này: Ta sẽ an trụ một cõi nghiêm tịnh, cõi ấy rộng rãi như mười phương thế giới. Chẳng nên trụ khởi nghĩ: Ta sẽ ngồi yên một tòa kim cương, tòa ấy rộng lớn lượng ngang Tam thiên đại thiên thế giới. Chẳng nên an trụ khởi nghĩ: Ta sẽ nương ở cội Đại bồ đề, cội ấy cao rộng các báu trang nghiêm phát ra diệu hương, hữu tình kẻ nghe, tâm tham sân si thảy mau trừ diệt, vô lượng vô biên thân bệnh cũng được lành. Các kẻ nghe hương cội Bồ đề này lìa các tác ý Thanh văn, Độc giác, quyết được Vô thượng Bồ đề.

Chẳng nên trụ khởi nghĩ: Ta sẽ được cõi Phật nghiêm tịnh, cõi ấy thanh tịnh không có tiếng gọi sắc uẩn, không có tiếng gọi thọ tưởng hành thức uẩn. Không có tiếng gọi 12 xứ, 18 giới. Không có tiếng gọi nhãn xúc, không có tiếng gọi nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc. Không có tiếng gọi nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ, không có tiếng gọi nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ. Không có tiếng gọi địa giới, không có tiếng gọi thủy hỏa phong không thức giới. Không có tiếng gọi vô minh; không có tiếng gọi hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử. Chỉ có tiếng gọi bố thí Ba la mật cho đến chỉ có tiếng gọi Bát nhã Ba la mật. Chỉ có tiếng gọi nội không, cho đến chỉ có tiếng gọi vô tánh tự tánh không. Chỉ có tiếng gọi chơn như, cho đến chỉ có tiếng gọi bất tư nghì giới. Chỉ có tiếng gọi 4 niệm trụ, nói rộng cho đến chỉ có tiếng gọi 18 pháp Phật bất cộng. Trong ấy đều không tiếng gọi Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, Dị sanh thảy. Chỉ có tiếng gọi Bồ Tát, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Vì sao? Kiều Thi Ca! Vì an trú như thế là có sở đắc vậy. Vì sao? **Vì khi tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chứng đắc Vô thượng Bồ đề hiểu tất cả pháp đều vô sở hữu**. Tất cả chúng Bồ Tát an trú bậc Bất thối chuyển cũng thấy các pháp đều vô sở hữu. Này Kiều Thi Ca! Đấy là Bồ Tát đối Bát nhã Ba la mật, **tùy chỗ nên trụ, không nên trụ tướng**.

(Tu mà có mong cầu, nắm bắt tức có sở đắc, thì không đắc).

Này Kiều thi Ca! Các đại Bồ Tát đối với Bát nhã Ba la mật thâm sâu, tùy theo chỗ nên trụ, không nên trụ tướng, đem vô sở đắc làm phương tiện nên học như vậy.

Bấy giờ, Xá Lợi Tử khởi nghĩ này rằng: Nếu Bồ Tát tu hành Bát Nhã đối tất cả pháp chẳng nên trụ, làm sao an trụ Bát nhã Ba la mật?

Cụ thọ Thiện Hiện biết chỗ tâm nghĩ Xá Lợi Tử bèn bảo rằng: Các ông nghĩ sao? Tâm các Như Lai an trụ chỗ nào?

Xá Lợi Tử nói: Tâm Như Lai đều vô sở trụ. **Vì sao? Thiện Hiện! Tâm Như lai chẳng trụ nơi sắc, chẳng trụ thọ tưởng hành thức. Chẳng trụ 12 xứ, 18 giới. Chẳng trụ nhãn xúc, chẳng trụ nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc. Chẳng trụ nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ, chẳng trụ nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ. Chẳng trụ hữu vi giới, chẳng trụ vô vi giới. Chẳng trụ 4 niệm trụ, nói rộng cho đến chẳng trụ 18 pháp Phật bất cộng. Chẳng trụ Nhất thiết trí; chẳng trụ Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Vì sao? Vì tất cả pháp bất khả đắc vậy. Như vậy, Thiện Hiện! Tâm Như Lai đối tất cả pháp đều vô sở trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ.**

(Có trụ là có sở đắc, nhưng làm sao không trụ vào tất cả pháp mà tu hành. Nếu không trụ pháp mà tu hành tức là giải đãi. Nên, Kinh bảo chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ).

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện bảo Xá Lợi Tử rằng: Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã cũng lại như vậy, tuy trụ Bát nhã Ba la mật mà đồng Như Lai đối tất cả pháp đều vô sở trụ cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Xá Lợi Tử! Các Bồ Tát tu hành Bát Nhã tuy trụ Bát nhã Ba la mật mà đối sắc chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ. Cho đến đối Nhất thiết tướng trí cũng chẳng trụ chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Xá Lợi Tử! Vì sắc, thọ, tưởng… là pháp không hai tướng vậy.

Xá Lợi Tử! Các Bồ Tát đối Bát nhã Ba la mật thậm thâm tùy theo tướng chẳng trụ chẳng phải trụ đây, đem vô sở đắc mà làm phương tiện nên học như thế.

(Bồ Tát nên học Bát nhã Ba la mật như thế nào?)

Bấy giờ, trong hội có các Thiên tử thầm nghĩ này: Lời lẽ câu chú của các Dược xoa, các loài quỷ tuy rất khó hiểu mà bọn ta còn có thể biết được. Tôn giả Thiện Hiện tuy đối với Bát nhã Ba la mật đây, đem nhiều thứ dẫn giải, chỉ rõ, mà bọn ta trọn chẳng hiểu được gì hết!

Cụ thọ Thiện Hiện biết chỗ tâm các Thiên tử nghĩ bèn bảo họ rằng:

- Thiên tử các ngươi đối với lời giảng thuyết của tôi chẳng hiểu được ư?

Các Thiên tử thưa:

- Đúng vậy, đúng vậy.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bảo họ rằng:

- Tôi đối với nghĩa tương ưng Bát Nhã chưa từng thuyết một chữ, các ngươi cũng chẳng nghe thời hiểu chỗ nào? Vì sao? Các Thiên tử! Trong nghĩa tương ưng Bát nhã Ba la mật, đều xa lìa văn tự ngôn thuyết. Bởi đấy, với **trong đây kẻ thuyết, kẻ nghe và kẻ năng hiểu đều chẳng khá được**, tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác sở chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thẳm sâu mầu nhiệm cũng lại như thế.

Thiên tử các ngươi! Như các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hóa làm hóa thân, hóa thân như vậy hóa làm bốn chúng đồng đến nhóm hội mà vì thuyết pháp. Các ông nghĩ sao? Trong đây thật có kẻ năng thuyết, năng nghe, năng hiểu chăng?

Các thiên tử thưa:

- Bạch Đại đức! Chẳng thật.

Thiện Hiện bảo rằng: Như vậy, các Thiên tử! Tất cả pháp đều như hóa vậy. Nay đối trong nghĩa tương ưng Bát nhã Ba la mật đây kẻ thuyết, kẻ nghe và kẻ năng hiểu đều chẳng khá được. Các Thiên tử! Như người trong mộng, mộng ấy có Phật vì đại chúng tuyên nói chánh pháp. Các ông nghĩ sao? Trong đây thật có kẻ năng nói, năng nghe, năng hiểu chăng?

Các thiên tử thưa:

- Bạch Đại đức! Chẳng thật.

Thiện Hiện bảo rằng: Như thế, các Thiên tử! **Tất cả pháp đều như mộng vậy. Nay đối trong nghĩa tương ưng Bát nhã Ba la mật thậm thâm đây, kẻ nói kẻ nghe và kẻ năng hiểu đều chẳng khá được**. Các

Thiên tử! Như có hai người ở trong hang núi, mỗi người quay mặt mỗi hướng, khen Phật Pháp Tăng cùng lúc phát âm vang. Các ông nghĩ sao? Hai tiếng vang đây có thể nghe, có thể hiểu lẫn nhau chăng?

Các thiên tử thưa:

- Bạch Đại đức! Chẳng được.

Thiện Hiện bảo rằng: Như thế, các Thiên tử! Tất cả pháp đều như tiếng vang vậy. Nay đối trong nghĩa tương ưng Bát nhã Ba la mật, kẻ nói, kẻ nghe và kẻ năng hiểu đều chẳng khá được. Các Thiên tử! Như huyễn sư giỏi hoặc học trò y, ở ngã tư đường hóa hiện bốn chúng và Đức Như Lai. Đức Như Lai huyễn đây vì bốn huyễn chúng tuyên nói chánh pháp. Các ông nghĩ sao? Trong đây thật có kẻ nói, kẻ nghe và kẻ năng hiểu chăng?

Các thiên tử thưa:

- Bạch Đại đức! Chẳng thật.

Thiện Hiện bảo rằng: Như thế, các Thiên tử! Tất cả pháp đều như huyễn vậy. Nay đối trong nghĩa tương ưng Bát nhã Ba la mật thậm thâm, kẻ nói, kẻ nghe và kẻ năng hiểu đều chẳng khá được. Các Thiên tử! Bởi nhân duyên này, tôi từng đối trong nghĩa tương ưng Bát nhã Ba la mật thậm thâm chẳng thuyết một chữ. Các ngươi cũng chẳng nghe thời hiểu chỗ nào? *(Q.425, ĐBN)*

Bấy giờ, các thiên tử lại khởi nghĩ này: Tôn giả Thiện Hiện đối với Bát nhã Ba la mật đây, dù đã đem nhiều thứ phương tiện nói rõ để muốn dễ hiểu hơn, nhưng nghĩa thú ấy lại càng sâu càng diệu khó nổi so lường!

Cụ thọ Thiện Hiện biết tâm các Thiên tử đã nghĩ gì liền bảo:

- Này Thiên tử! Sắc cho đến thức chẳng sâu chẳng diệu, tự tánh sắc cho đến thức chẳng sâu chẳng diệu, tự tánh sắc cho đến tự tánh thức cũng chẳng sâu chẳng diệu. 12 xứ, 18 giới chẳng sâu chẳng diệu, tự tánh 12 xứ, 18 giới cũng chẳng sâu chẳng diệu. Nhãn xúc cho đến ý xúc chẳng sâu chẳng diệu, tự tánh nhãn xúc cho đến tự tánh ý xúc cũng chẳng sâu chẳng diệu. Nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ chẳng sâu chẳng diệu, tự tánh nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến tự tánh ý xúc làm duyên sanh ra các thọ cũng chẳng sâu chẳng diệu. Nội không cho đến vô tánh tự tánh không chẳng sâu chẳng diệu, tự tánh nội không cho đến tự tánh vô tánh, tự tánh vô tánh không cũng chẳng sâu chẳng diệu. Sáu Ba la mật cho đến 37 pháp trợ đạo chẳng sâu chẳng diệu, tự tánh sáu Ba la mật cho đến tự tánh 37 pháp trợ đạo cũng chẳng

sâu chẳng diệu. Cho đến Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí chẳng sâu chẳng diệu; tự tánh Nhất thiết trí, tự tánh Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng chẳng sâu chẳng diệu.

Khi ấy, các Thiên tử lại khởi nghĩ: Tôn giả Thiện Hiện trong pháp đã thuyết chẳng thi thiết sắc cho đến thức. Chẳng thi thiết nhãn xứ cho đến ý xứ. Chẳng thi thiết sắc xứ cho đến pháp xứ. Chẳng thi thiết nhãn giới cho đến ý giới. Chẳng thi thiết sắc giới cho đến pháp giới. Chẳng thi thiết nhãn xúc cho đến ý xúc. Chẳng thi thiết nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ. Chẳng thi thiết nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Chẳng thi thiết sáu Ba la mật cho đến ba 37 pháp trợ đạo. Chẳng thi thiết Phật mười lực nói rộng cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Chẳng thi thiết tất cả Tam ma địa môn, tất cả Đà la ni môn. Chẳng thi thiết Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Chẳng thi thiết Dự lưu và quả Dự lưu cho đến chẳng thi thiết A la hán và quả A la hán. Chẳng thi thiết Độc giác và Độc giác Bồ đề. Chẳng thi thiết Bồ Tát và bậc Bồ Tát. Chẳng thi thiết Tam miệu tam Phật Đà và Tam miệu tam Bồ đề. Cũng chẳng thi thiết văn tự lời nói.

Cụ thọ Thiện Hiện biết tâm các Thiên tử đã nghĩ nên liền bảo:

- Như vậy, như vậy, các Thiên tử! Như các ngươi đã nghĩ. **Các pháp từ sắc cho đến Vô thượng Bồ đề đều lìa văn tự, đều chẳng thể nói nên đối Bát nhã Ba la mật không nói không nghe, cũng không kẻ hiểu**. Vậy nên các ngươi đối trong các pháp nên tùy sở thuyết bền bỉ, kiên nhẫn tu học. Các kẻ muốn trụ muốn chứng quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán cũng nhờ nhẫn đây mới trụ mới chứng. Các kẻ muốn trụ muốn chứng Độc giác sở đắc Bồ đề cũng nhờ nhẫn đây mới trụ mới chứng. Các kẻ muốn trụ muốn chứng Vô thượng Bồ đề cần nhờ nhẫn đây mới trụ mới chứng được.

Như vậy, các Thiên tử! Các Bồ Tát từ sơ phát tâm đến được Vô thượng Bồ đề nên trụ vô thuyết, vô thính, vô giải Bát nhã Ba la mật thậm thâm thường siêng tu học.

Thích nghĩa:

(1). Một trong những đoạn Kinh của phẩm "Tùy Thuận", Q.425, mà lối chuyển ngữ thường gây lúng túng cho chúng tôi không ít, nên trình ra để các đạo hữu thẩm định. Đừng xem đây là chỉ trích mà đây chỉ cốt nói lên cái khó khăn trong vấn đề dịch thuật:

***1-** Đoạn Kinh trong quangduc.com, dịch giả HT Thích Trí Nghiêm, bản in năm 2003. Nhuận văn: Cư sĩ Bảo Quang & Cư sĩ Giác Tuệ:*

- "Này Kiều thi ca! Tâm hồi hướng của các đại Bồ Tát là **chẳng phải tâm**, tâm Bồ đề cũng chẳng phải tâm. Không thể nào chẳng phải tâm hồi hướng chẳng phải tâm? Tâm cũng không thể nào hồi hướng chẳng phải tâm? Chẳng phải tâm không thể nào hồi hướng đến **tâm**? Tâm cũng không thể nào hồi hướng đến tâm? Vì sao? Này Kiều thi ca! Vì chẳng phải tâm tức là bất khả tư nghì, bất khả tư nghì tức là chẳng phải tâm, hai pháp này đều vô sở hữu. Trong vô sở hữu không có nghĩa hồi hướng".

***2-** Đoạn Kinh của tuvienquangduc.com, do HT Thích trí Nghiêm dịch vào năm 1997, khảo dịch HT Thích Thiện Siêu:*

- "Kiều Thi Ca! Các Bồ Tát Ma ha tát tâm hồi hướng thời **phi tâm**, tâm Bồ đề cũng phi tâm. Chẳng lẽ phi tâm hồi hướng phi tâm? Tâm cũng chẳng lẽ hồi hướng phi tâm? Phi tâm chẳng lẽ hồi hướng nơi **tâm**? Tâm cũng chẳng lẽ hồi hướng nơi tâm? Vì cớ sao? Kiều Thi Ca! Phi tâm tức là bất khả tư nghì, bất khả tư nghì tức là phi tâm, hai thứ như thế đều vô sở hữu. Trong vô sở hữu không có nghĩa hồi hướng".

***3-** Đoạn Kinh nguyên văn bằng chữ Hán trong Hoavouu.com, ghi như sau:*

"憍kiều 尸thi 迦ca 。諸chư 菩Bồ 薩Tát 摩Ma 訶Ha 薩Tát 。迴hồi 向hướng 心tâm 則tắc 非phi 心tâm 。菩Bồ 提Đề 心tâm 亦diệc 非phi 心tâm 。不bất 應ưng/ứng 非phi 心tâm 迴hồi 向hướng 非phi 心tâm 。心tâm 亦diệc 不bất 應ưng/ứng 迴hồi 向hướng 非phi 心tâm 。非phi 心tâm 不bất 應ưng/ứng 迴hồi 向hướng 於ư 心tâm 。心tâm 亦diệc 不bất 應ưng/ứng 迴hồi 向hướng 於ư 心tâm 。

何hà 以dĩ 故cố 。憍kiều 尸thi 迦ca 。非phi 心tâm 即tức 是thị 不bất 可khả 思tư 議nghị 。不bất 可khả 思tư 議nghị 。即tức 是thị 非phi 心tâm 。如như 是thị 二nhị 種chủng **俱**câu 無vô 所sở 有hữu 。無vô 所sở 有hữu 中trung 無vô 迴hồi 向hướng 義nghĩa" 。

Cụm từ "chẳng phải tâm" trong quangduc.com dịch từ chữ Hán "phi tâm" làm cho chúng ta lúng túng. Trong khi bản dịch (năm 1997) nguyên bản (chưa củ soát) của HT Thích Trí Nghiêm giữ nguyên chữ

Hán là "phi tâm" lại rất rõ nghĩa. Vì vậy, chúng tôi chọn lối dịch của HT Thích Trí Nghiêm.

Cụm từ phi tâm có thể dịch nôm na là tâm không. Phi tâm là vượt ngoài mọi tâm thức suy lường thí dụ như câu: Phi sắc pháp, phi tâm pháp, không phải tâm không phải vật.

(2). Hậu hữu (Phạm là Punar-bhava). Thân sau. Tức là quả báo của chúng sinh hữu tình phải lãnh nhận ở đời vị lai. Luận Câu xá Q.26 (Đại 29, 136 hạ), nói: Đời ta đã hết, phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong, không chịu hậu hữu. Ý nói: Bậc A la hán đã được Tận trí, Vô sinh trí, thân và tâm đều đã diệt, nên không còn chịu quả báo ở vị lai nữa. Ngoài ra, thân sinh tử cuối cùng cũng được gọi là Hậu hữu, như thân của thái tử Tất đạt đa. [X. Bố tra bà lâu trong Trường a hàm Q.17; luận Đại tì bà sa Q.29, Q.102, Q.192; luận Du già sư địa Q.66] - Từ điển Phật Quang.

Sơ giải:

Phẩm này nêu ra ba vấn đề:

1. Thế nào là Bát nhã Ba la mật của Bồ Tát ?

*2. Bồ Tát **nên trụ** Bát nhã Ba la mật như thế nào? Và*

*3. Bồ Tát **nên học** Bát nhã Ba la mật như thế nào?*

Phẩm "Thiên Đế", Q.77 cho đến đầu Q.81, Hội thứ I, ĐBN, đã chiết giải quá đầy đủ rồi, tuy nhiên ở đây chúng tôi ghi lại các điểm chánh yếu để nhớ:

1. Thế nào là Bồ Tát Bát nhã Ba la mật?

Được gọi là Bồ Tát Bát nhã Ba la mật, những Bồ Tát nào:

1- "Đem tâm tương ưng Nhất thiết trí trí, đem vô sở đắc làm phương tiện, tư duy sắc cho đến thức hoặc vô thường, hoặc khổ, hoặc vô ngã, hoặc không, hoặc như bệnh, hoặc như ung nhọt, hoặc như mũi tên, hoặc như ghẻ lở, hoặc nóng nảy, hoặc bức bách, hoặc hư hoại, hoặc mục nát, hoặc lay chuyển, hoặc chóng diệt, hoặc đáng sợ, hoặc đáng nhàm chán, hoặc có tai ách, hoặc có oan ức, hoặc có bệnh dịch, hoặc có bệnh hủi, hoặc không an ổn, hoặc không thể tín nhiệm";

2- "Đem tâm tương ưng Nhất thiết trí trí, đem vô sở đắc làm phương tiện, tư duy sắc cho đến thức hoặc vắng lặng, hoặc xa lìa, hoặc vô sanh, hoặc vô diệt, hoặc vô nhiễm, hoặc vô tịnh, hoặc vô tác, hoặc vô vi";

3- "Đem tâm tương ưng Nhất thiết trí trí, đem vô sở đắc làm phương tiện, tu hành tất cả pháp Phật, v.v…"

Đó gọi là Bồ Tát Bát nhã Ba la mật hay còn gọi là Bát nhã Ba la mật của Bồ Tát.

2. Bồ Tát nên trụ Bát nhã Ba la mật như thế nào?

*1- Bồ Tát không nên trụ tất cả pháp: Các Bồ Tát tu hành Bát Nhã chẳng nên trụ sắc, chẳng nên trụ thọ tưởng hành thức. Chẳng nên trụ 12 xứ, 18 giới. Chẳng nên trụ địa giới, cho đến chẳng nên trụ thức giới. Chẳng nên trụ 12 duyên khởi. Chẳng nên trụ lục Ba la mật. Chẳng nên trụ 18 pháp Phật bất cộng. Chẳng nên trụ tất cả Tam ma địa môn, chẳng nên trụ tất cả Đà la ni môn. Chẳng nên trụ Thanh văn thừa, chẳng nên trụ Độc giác thừa, Vô thượng thừa. Chẳng nên trụ Nhất thiết trí; chẳng nên trụ Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Vì sao? Vì an trụ như thế là **có sở đắc** vậy;*

2- Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã chẳng nên trụ sắc cho đến thức hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh, hoặc không hoặc bất không, hoặc vắng lặng hoặc chẳng vắng lặng, hoặc xa lìa hoặc chẳng xa lìa. Vì an trụ như thế là có sở đắc vậy;

3- Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã chẳng nên trụ Dự lưu là phước điền. Chẳng nên trụ Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, Bồ Tát, Như Lai là phước điền. Vì sao? Vì an trụ như thế là có sở đắc vậy;

*4- Các Bồ Tát tu hành Bát Nhã chẳng nên trụ sơ địa cho đến thập địa. Không nên trụ Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết chủng trí. Không nên trụ quả Dự lưu cho đến Vô thượng Bồ đề. Vì sao? Vì trụ như thế là có sở đắc vậy. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chứng được Vô thượng Bồ đề hiểu tất cả pháp đều vô sở hữu. Nên đem vô sở đắc làm phương tiện, an trụ chỗ cần an trụ, không nên an trụ tướng hay phi tướng. **Vì trụ như thế là có động chuyển**.*

Tất cả thế gian đều duyên theo bóng dáng của sáu trần mà sanh thức. Trước hết là thức phân biệt, do phân biệt danh sắc nên sanh thọ. Do thọ mà có tưởng, vì tưởng đẹp xấu… mới sanh ra tâm hành. Đẹp thì muốn gần gũi, ôm ấp; xấu thì đuổi sô xa lánh… Tất cả đều do dính mắc. Một chuỗi dài mất mát làm khổ lụy thân tâm.

Còn đối với người tu hành thì sao? Tu mà còn nghĩ đến công đức phước điền, tu mà muốn đắc quả nọ quả kia, là có sở đắc, lại là chỗ mất mát khác nữa. Có bám trụ là có dính mắc, có động chuyển, thì quả nhỏ như Dư lưu còn không thể đắc hiến chi đắc Vô thượng Bồ đề.

Vậy, sống đời thường tục hay xuất gia là không trụ chấp bất cứ thứ gì. Có trụ là có trói buộc, có quái ngại, vô trụ mới là trụ. Đó là tôn chỉ tối cao của người tu hành Bát Nhã. Nên Lục Tổ Huệ Năng chỉ nghe câu "Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm" mà thoát ngộ.

3. Bồ Tát nên học Bát nhã Ba la mật như thế nào?

Ở đây, Cụ thọ Thiện Hiện không thuyết tất cả pháp theo "Tích không quán" nghĩa là tất cả pháp phân tích cho đến cực vi thì thấy Nhân không và Pháp không. Trái lại, cụ thọ quán xét các pháp do nhân duyên sinh đương thể tức không giống như mộng, như huyễn, như hóa... tức các pháp tuy có đó nhưng thực chất là không. Đó là thuyết theo "Thể không quán", nên hỏi các thiên tử:

"Thiên tử các ngươi! Như các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hóa làm hóa thân, hóa thân như vậy hóa làm bốn chúng đồng đến nhóm hội mà vì thuyết pháp. Các ông nghĩ sao? Trong đây thật có kẻ năng thuyết, năng nghe, năng hiểu chăng?

Các thiên tử thưa:

- Bạch Đại đức! Chẳng thật.

Thiện Hiện bảo rằng: Như vậy, các Thiên tử! Tất cả pháp đều **như hóa** vậy. Nay đối trong nghĩa tương ưng Bát nhã Ba la mật đây kẻ thuyết, kẻ nghe và kẻ năng hiểu đều chẳng khá được. Các Thiên tử! Như người trong mộng, mộng ấy có Phật vì đại chúng tuyên nói chánh pháp. Các ông nghĩ sao? Trong đây thật có kẻ năng nói, năng nghe, năng hiểu chăng?

Các thiên tử thưa:

- Bạch Đại đức! Chẳng thật.

Thiện Hiện bảo rằng: Như thế, các Thiên tử! **Tất cả pháp đều như mộng vậy. Nay đối trong nghĩa tương ưng Bát nhã Ba la mật thậm thâm đây, kẻ nói kẻ nghe và kẻ năng hiểu đều chẳng khá được**".

Vì vậy, nên Thiện Hiện bảo các Thiên tử:

"Tất cả pháp từ sắc cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề đều lìa văn tự, đều chẳng thể nói nên đối Bát nhã Ba la mật không nói không nghe, cũng không kẻ hiểu. Vậy nên các ngươi đối trong các pháp **nên tùy sở thuyết bền bỉ, kiên nhẫn tu học**. Các kẻ muốn trụ muốn chứng quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán cũng nhờ nhẫn đây mới trụ mới chứng. Các kẻ muốn trụ muốn chứng Độc giác sở đắc Bồ đề cũng nhờ nhẫn đây mới trụ mới chứng. Các kẻ muốn trụ muốn chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cần nhờ nhẫn đây mới trụ mới chứng được.

Như vậy, các Thiên tử ! Các Bồ Tát từ sơ phát tâm đến được Vô thượng Bồ đề nên trụ vô thuyết, vô thính, vô giải Bát nhã Ba la mật thậm thâm thường siêng tu học".

Làm sao trụ chỗ không có thuyết, không có nghe, không giải mà thường siêng tu học lại có thể trở thành bậc Thánh? Thật nghịch đời! Nhưng học Bát Nhã phải "từ vô chiêu mà học", học như ảo nhân thính pháp vậy. Đừng bao giờ đòi hỏi Bát Nhã, Bát Nhã vô tri như hư không, phải tự mình lặn sâu vào tâm thức để tìm hiểu những biểu thị hay pháp nghĩa hiển hiện của Bát Nhã thôi. Vì vậy, Kinh mới khuyên là phải bền bĩ tu nhẫn kiên cố!

***Phẩm "Tán Hoa", Hội thứ IV, TBBN** Phật phó chúc Kinh Đại Bát Nhã cho ngài A Nan bảo Rằng:*

"Khánh Hỷ nên biết! Vì pháp chẳng tu pháp, pháp chẳng thấy pháp, pháp chẳng biết pháp, pháp chẳng chứng pháp.

Khánh Hỷ nên biết! Tánh tất cả pháp không người tu; không người thấy, không người biết, không người chứng, không hành động, không tạo tác. Vì sao? Vì tất cả pháp hoàn toàn không tác dụng, người thủ sự thủ đều không, vì tánh xa lìa vậy. Vì tất cả pháp không thể nghĩ bàn, người và sự nghĩ bàn đều **như hóa**, vì tánh xa lìa vậy. Vì tất cả pháp không tạo tác, không lãnh thọ, **như bóng sáng** v.v… chẳng chắc thật vậy.

Khánh Hỷ nên biết! Nếu đại Bồ Tát luôn tu như vậy, luôn thấy như vậy, luôn biết như vậy, luôn chứng như vậy, thì chính là hành Bát nhã Ba la mật cũng không chấp tướng các pháp này".

Khánh Hỷ nên biết! **Nếu Bồ Tát học được như vậy thì chính là học Bát nhã Ba la mật**".

Điều đó có nghĩa tất những lời dạy bảo dù vi diệu như thế nào đi nữa cũng chỉ bồi dưỡng tánh đức thiện căn… Chỉ có các ông không ai khác ngoài các ông phải bền bĩ tu nhẫn kiến cố là phải lặn sâu vào trí năng của chính mình để biến thức thành trí. Nên câu nói "Cái gì từ ngoài vào không phải là gia bảo nhà ta" là câu nói đáng tin.

Học Bát nhã Ba la mật cần phải nhớ câu này: **"Tánh tất cả pháp không người tu; không người thấy, không người biết, không người chứng, không hành động, không tạo tác".**

Vậy, đừng bám trụ vào bất cứ pháp nào dù pháp đó mang lại nhiều công đức thắng diệu nhất. Nếu hiểu như vậy, hành như vậy, thì tâm như như bất động thì được thanh tịnh thôi.

TRỤ XỨ CỦA BỒ TÁT*(1)*

(Bài cần đọc thêm)

(…) "Tự tánh của bạn ở đâu?" (nghĩa là, đâu là trụ xứ - chỗ trú - của bạn?) - trụ xứ, nơi mà từ đó tất cả hoạt động của bạn dấy lên. Và trụ xứ của Bồ tát đạo, đề tài mà tôi muốn trình bày ở đây, chính yếu là theo các đoạn văn trong Ganda.

Trên phương diện tâm lý, trả lời cho cái "ở đâu?", cho thấy thái độ tâm lý căn bản của ta đối với thế giới khách quan một cách tổng quát, và ở Thiền câu hỏi này thường khoác dưới hình thức "ở đâu đến?" 何處來 nhờ đó **Thiền sư mong thấy tăng chúng của mình tìm ra nơi trú ẩn tâm linh của họ nằm tại đâu**. Toàn bộ sự đào luyện của Thiền tông, có thể nói, cốt ở sự đặt để này, cũng gọi là tìm tòi hay đào xới. Do đó, giác ngộ chẳng gì khác hơn là đụng tới cái giường đá tự tánh của chính mình, nếu quả là có tự tánh đó. Cái hình thức mà Thiền tông đặt cho vấn đề "ở đâu?" là như vầy: "Bạn từ đâu đến?" 你從何來 Đây hoàn toàn là một câu hỏi khách sáo, nhưng với ai biết, người đó biết câu hỏi ấy đáng sợ đến mức

nào. Câu hỏi ấy cũng có thể là “Bạn đi đến đâu?”. “Từ đâu?” và “Đến đâu?”, những ai có thể trả lời đích đáng, những vị đó quả là đã tỏ ngộ. Trần Tôn Giả, cũng gọi là Mục Châu, là nơi ngài thường cư ngụ; ngài thường hỏi tăng chúng của mình, “Ông ở đâu tới?”, hay “Hạ vừa qua, ông an cư ở đâu?”. Một thầy tăng nói: “Chừng nào sư có chỗ thường trú, tôi sẽ nói từ đâu đến”. Tôn giả nói đùa, “Chồn cáo không thuộc giòng họ sư tử; một ngọn đèn không soi sáng như mặt trời hay mặt trăng”.

Khi Tôn giả hỏi 1 thầy tăng mới đến chùa như vậy, ông này trợn mắt nhìn ngài không nói 1 tiếng. Ngài bảo: “Hỡi ôi, cái gã chạy theo ngựa!”

Lần thứ ba, được đáp: “Bẩm hòa thượng, từ Giang Tây đến”. Sư nói: “Ông làm rách hết bao nhiêu đôi dép, mà lại trả lời ngu ngốc thế?”.

Lần thứ tư ngài bảo: “Ông nói láo!” khi y nói là từ Ngưỡng Sơn đến; Ngưỡng Sơn là một Thiền sư danh tiếng đương thời.

Linh Thọ Như Mẫn, có một thầy tăng hỏi, “Sinh quán ngài ở đâu?”

Sư đáp, “Mặt trời mọc phía Đông, mặt trăng lặn phía Tây”.

Đại Tùy Pháp Chân hỏi một thầy tăng, “Ông đi đâu?”

Thầy tăng đáp ; “Tôi muốn làm lễ đức Phổ Hiền (Samantabhadra)”

Sư đưa cây phất tử lên, nói: “Văn Thù (Manjnsrì), và Phổ Hiền (Samantabhadra), đang ở trong đây hết”.

Thầy tăng làm dấu viên tướng, vẽ một vòng tròn giữa không trung, ném ra phía sau, rồi kính cẩn làm lễ sư.

Rồi sư gọi, “Thị giả, mang một tách trà cho thầy này”.

***

(…)Đương nhiên là câu hỏi “Ở đâu?” có khi được diễn tả trong những hạn từ liên quan đến chỗ ngụ của thiền sư. Trong trường hợp này, người hỏi thường là một thầy tăng muốn biết đâu là những đặc sắc (cảnh) của tăng viện, nơi thiền sư đang ngụ. Hán ngữ, cảnh, ngoài nghĩa “phong cảnh”, hay “quan điểm”, “nền tảng”, “cứ địa”, “giới hạn” hay “lãnh vực”, thường được dùng tương đương với chữ “gocara” hay “visaya” trong tiếng Phạn. Visaya là “môi trường”, lãnh vực “khu vực”, “địa vực”, trụ xứ còn gocara là “đồng cỏ chăn thú”, “môi trường hành động”, “nơi cu ngự”, “trụ xứ”. Khi nó mang một ý nghĩa chủ quan, như ở trong văn học Phật giáo, nó là một thái độ tâm linh hay tâm thần đặc sắc chung mà người ta dùng để đối trị tất cả những kích thích. Nhưng nói một cách nghiêm xác, các Phật tử Thiền tông không gọi “gocara” hay “cảnh” chỉ là một thái độ hay là một xu hướng của tâm; mà coi nó như một thành phần cốt yếu hơn thiết lập căn cơ đích thực cho thể tánh của mình, nghĩa là, một môi trường mà ở

đó, người ta, trong ý nghĩa uyên áo nhất, sống và vận động và có lý do hiện hữu của mình. Môi trường đó, chính yếu, được xác định bởi chiều sâu và độ sáng của những trực giác tâm linh của y. "Cảnh tăng viện của bạn ra sao?", do đó, có nghĩa là "Sở ngộ của bạn về chân lý cứu cánh của Phật pháp là gì?" Trong khi những câu hỏi như "Từ đâu?", "Ở đâu?" hay "Về đâu?" được đặt ra cho một thầy tăng tầm sư phỏng đạo, thì những câu hỏi nhắc đến chỗ ngụ, chỗ ở, khía cạnh hay phong cảnh, được đặt ra cho một bậc thầy không thấy cần vân du tìm nơi an nghỉ cuối cùng nữa. Do đó, cả hai loại câu hỏi này, trên thực tế đều như nhau.

Thương Khê Liên được hỏi về phong cảnh Thương Khê, sư đáp: "Con nước trước mặt chảy về Đông." 面前水正東流 (Diện tiền thủy chánh đông lưu). Minh ở tương Đàm, đáp: "Núi liền Đại nhạc, nước tiếp Tiêu tương" 山連大嶽水接潚湘 (Sơn liên Đại nhạc, thủy tiếp Tiêu tương).

Thái Khâm ở Kim lăng, khi ngụ tại Song lâm, trả lời như vầy: "Không vẽ nổi".

Phải lắm, trụ ở chỗ không có sở trụ, thì làm sao vẽ nổi. Trụ nơi không chỗ trụ tức là vô trụ, tức là tự chủ, tức là tự mình làm chủ trọn vẹn đời mình./.

Thích nghĩa cho phần đọc thêm:

(1). Câu chuyện Thiền nói về vấn đề trụ xứ, trích trong Thiền Luận Quyển Hạ, Luận ba "Trụ Xứ Của Bồ Tát" do Thiền sư D.T. Suzuki soạn thảo, Việt dịch HT. Thích Tuệ Sĩ, Phật Học Viện Quốc Tế Xuất Bản PL. 2533 - 1989. Chúng tôi chỉ tóm lược, không trích dẫn nguyên văn.

---o0o---

26. PHẨM "TÍN THỌ"

Giữa quyển 426, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Chư Thiên Tử" cuối Q.81 đến đầu Q.82, Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

(Thiện Hiện vì hữu tình nào vui thuyết pháp nào?)

Khi ấy, các Thiên tử lại khởi nghĩ này: Tôn giả Thiện Hiện nay muốn vì những hữu tình nào vui thuyết pháp nào?

Cụ thọ Thiện Hiện biết ý của các Thiên tử, liền bảo rằng :

- Các Thiên tử! Tôi nay muốn vì hữu tình như huyễn, như hóa, như mộng vui thuyết pháp như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Các Thiên tử! Như vậy, kẻ nghe đối với sở thuyết không nghe, không hiểu, không sở chứng vậy.

Khi ấy, các Thiên tử liền hỏi lại rằng:

- Người nói, người nghe và pháp thuyết ra đều như huyễn như hóa như mộng ư?

Thiện Hiện đáp rằng:

- **Như vậy! Như các ngươi đã nói: Hữu tình như huyễn, vì kẻ như huyễn, nói pháp như huyễn. Hữu tình như hóa, nói pháp như hóa. Hữu tình như mộng, nói pháp như mộng**.

Các Thiên tử! Chỗ thấy ngã cho đến kiến giả như huyễn như hóa như mộng. Chỗ thấy sắc cho đến thức như huyễn như hóa như mộng. Chỗ thấy nhãn cho đến ý như huyễn như hóa như mộng. Chỗ thấy sắc cho đến pháp như huyễn như hóa như mộng. Chỗ thấy nhãn thức cho đến ý thức như huyễn như hóa như mộng. Chỗ thấy nhãn xúc cho đến ý xúc như huyễn như hóa như mộng. Chỗ thấy nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ như huyễn như hóa như mộng. Chỗ thấy bố thí Ba la mật cho đến Bát nhã Ba la mật như huyễn như hóa như mộng. Chỗ thấy nội không cho đến vô tánh tự tánh không như huyễn như hóa như mộng. Chỗ thấy 4 niệm trụ nói rộng cho đến 18 pháp Phật bất cộng như huyễn như hóa như mộng. Như vậy, cho đến chỗ thấy quả Dự lưu cho

đến quả A la hán như huyễn như hóa như mộng. Chỗ thấy Độc giác Bồ đề và Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề như huyễn như hóa như mộng.

Khi ấy, các Thiên tử hỏi Thiện Hiện rằng:

- Nay Tôn giả chỉ nói ngã thảy sắc cho đến Vô thượng Bồ đề như huyễn như hóa như mộng, hay cũng nói Niết bàn như huyễn như hóa như mộng?

(Niết Bàn cũng nói như huyễn như hóa như mộng…)

Thiện Hiện đáp rằng:

- Các Thiên tử! **Chẳng những chỗ nói ngã, sắc cho đến Vô thượng Bồ đề như huyễn như hóa như mộng, mà cả đến Niết bàn tôi cũng nói như huyễn, như hóa, như mộng. Các Thiên tử! Nếu còn pháp nào cao hơn Niết bàn, tôi cũng nói là như huyễn như hóa như mộng.Vì sao? Vì huyễn hóa mộng cùng tất cả pháp cho đến Niết bàn thảy đều không hai, không hai phần vậy.***(Q.426, ĐBN)*

Bấy giờ, Xá Lợi Tử, Đại Mục Liên, Chấp Đại Tạng Mãn Từ Tử, Đại Ca Đa Diễn Na, Đại Ca Diếp Ba thảy các Đại Thanh văn và vô lượng trăm ngàn Bồ Tát hỏi cụ thọ Thiện Hiện rằng:

- Đã thuyết Bát nhã Ba la mật thậm thâm, khó thấy khó giác, vắng lặng vi tế, trầm mật thắng diệu như thế, thì ai có thể tín thọ được?

Khi ấy, A Nan Đà nghe lời hỏi kia, liền bạch các Đại Thanh văn và các Bồ Tát rằng: Các **Bồ Tát Bất thối chuyển** đối với Bát nhã Ba la mật đã thuyết, tuy khó thấy khó giác, vắng lặng vi tế, trầm mật thắng diệu đây, có khả năng thâm tín thọ trì được. Lại có vô lượng các A la hán đã thấy Thánh đế, hiểu rõ tận nguồn các pháp sâu xa, sở nguyện đã mãn, đối với Bát nhã Ba la mật thậm thâm khó thấy khó giác, vắng lặng vi tế, trầm mật thắng diệu đã nói đây cũng có khả năng tín thọ.

Lại có **vô lượng Bồ Tát quá khứ đã ở trăm ức chỗ Phật gần gũi cúng dường**, phát thệ rộng lớn, trồng nhiều cội đức, đối với Bát nhã Ba la mật thậm thâm đã thuyết, tuy khó thấy khó giác, vắng lặng vi tế, trầm mật thắng diệu đây cũng có khả năng tín thọ được.

(Tu là chẳng phân biệt, chẳng chấp trước).

Lại có **vô lượng các thiện nam, thiện nữ quá khứ đã ở vô số chỗ Phật phát thệ rộng lớn**, trồng các căn lành, huệ thông, được bạn lành nhiếp thọ, đối với Bát nhã Ba la mật thậm thâm đã thuyết, tuy khó thấy khó giác, vắng lặng vi tế, trầm mật thắng diệu cũng khả năng tín thọ được. Vì sao? Vì những người như thế **chẳng đem không, vô tướng, vô nguyện, vô sanh vô diệt, vắng lặng xa lìa mà phân biệt sắc cho đến thức**. Cũng chẳng đem sắc cho đến thức mà phân biệt không, vô tướng, vô nguyện, vô sanh vô diệt, vắng lặng xa lìa.

Như vậy, **chẳng đem** không, vô tướng, vô nguyện, vô sanh vô diệt, vắng lặng xa lìa mà phân biệt nhãn cho đến ý, sắc cho đến pháp, nhãn thức cho đến ý thức, nhãn xúc cho đến ý xúc, nhãn xúc làm duyên sanh ra thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra thọ, bố thí Ba la mật cho đến Bát nhã Ba la mật, nội không cho đến vô tánh tự tánh không, 4 niệm trụ nói rộng cho đến 18 pháp Phật bất cộng; tất cả Tam ma địa môn, tất cả Đà la ni môn; quả Dự lưu cho đến quả A la hán, Độc giác Bồ đề, tất cả hạnh Bồ Tát, chư Phật Vô thượng Bồ đề; Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; hữu vi giới vô vi giới. Cũng chẳng đem nhãn cho đến vô vi giới mà phân biệt không, vô tướng, vô nguyện, vô sanh vô diệt, vắng lặng xa lìa.

Bởi nhân duyên này, những người như thế đối Bát nhã Ba la mật thậm thâm đã thuyết, tuy khó thấy khó giác, vắng lặng vi tế, trầm mật thắng diệu đây đều có khả năng tín thọ được.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện bảo các Thiên tử rằng:

- Như vậy! Đã nói Bát nhã Ba la mật thậm thâm khó thấy khó giác, vắng lặng vi tế, trầm mật thắng diệu, chẳng phải chỗ suy tầm, vượt cảnh suy tầm, trong ấy thật không có kẻ năng tín thọ. Vì sao? Các Thiên tử! Vì trong đây không có pháp để hiển thị, đã thật không pháp hiển thị, nên kẻ tín thọ thật chẳng đắc được.

Bấy giờ, cụ thọ Xá Lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

- Trong giáo pháp Bát nhã Ba la mật thậm thâm đã nói đây, sao không rộng nói pháp tương ưng với Tam thừa, nghĩa là nói pháp Thanh văn thừa, Độc giác thừa, Vô thượng thừa? Sao chẳng rộng nói Bồ Tát đạo nhiếp thọ các Bồ Tát từ sơ phát tâm cho đến Thập địa, tức là nói bố thí Ba la mật cho đến Bát nhã Ba la mật; 4 niệm trụ cho đến 18 pháp Phật bất cộng; tất cả Tam ma địa môn, tất cả Đà la ni môn? Sao chẳng rộng nói việc thù thắng của thần thông nhiếp thọ các Bồ Tát, tức là nói Bồ Tát đối với Bát

nhã Ba la mật này siêng năng tu hành, nên tùy theo chỗ mà hóa sanh, không mất thần thông tự tại du hý, khéo thông đạt được vô lượng pháp môn; từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn; tùy theo sở nguyện ưa thích các thứ căn lành, đều có khả năng tu hành chóng được viên mãn; ở chỗ chư Phật, lắng nghe Chánh pháp, thọ trì cho đến khi đắc Vô thượng Bồ đề, thường chẳng quên mất; hằng ở trong thắng định lìa tâm tán loạn, lấy đây làm duyên nên được biện *(tài)* vô ngại, biện không dứt hết, biện ứng, biện nhanh, biện không sai lầm, biện các điều diễn thuyết đầy đủ nghĩa vị, biện tất cả thế gian rất thắng diệu?

(Tu là luôn luôn lấy vô sở đắc làm tôn chỉ tu hành).

Thiện Hiện đáp rằng:

- Như vậy! Thật như đã nói, đối với giáo pháp Bát nhã Ba la mật thậm thâm đây, lấy vô sở đắc làm phương tiện, rộng nói giáo pháp tương ưng Tam thừa. Cho đến rộng nói thắng sự thần thông nhiếp thọ các Bồ Tát. Cho đến khiến được biện tài tất cả thế gian rất thắng diệu. **Lấy vô sở đắc làm phương tiện**, lấy vô sở đắc làm phương tiện đối với những pháp nào? Đó là đối với ngã cho đến người thấy, lấy vô sở đắc làm phương tiện. Đối sắc cho đến thức lấy vô sở đắc làm phương tiện. Đối nhãn cho đến ý lấy vô sở đắc làm phương tiện. Đối nhãn thức cho đến ý thức lấy vô sở đắc làm phương tiện. Đối nhãn xúc cho đến ý xúc lấy vô sở đắc làm phương tiện. Đối nhãn xúc làm duyên sanh ra thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra thọ lấy vô sở đắc làm phương tiện. Đối bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật lấy vô sở đắc làm phương tiện. Đối nội không cho đến vô tánh tự tánh không lấy vô sở đắc làm phương tiện. Đối bốn niệm trụ, nói rộng cho đến mười tám pháp Phật bất cộng lấy vô sở đắc làm phương tiện. Như vậy cho đến đối Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Khi ấy, Xá Lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

- Vì nhân duyên gì đối với giáo pháp thậm thâm Bát nhã Ba la mật đây lấy vô sở đắc làm phương tiện rộng nói pháp tương ưng Tam thừa? Vì nhân duyên gì đối với giáo pháp thậm thâm Bát nhã Ba la mật đây lấy vô

sở đắc làm phương tiện, rộng nói thắng sự thần thông nhiếp thọ các Bồ Tát cho đến khiến được biện tất cả thế gian rất thắng diệu?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Xá Lợi Tử! Bởi vì nội không cho đến vô tánh tự tánh không, nên đối với giáo pháp thậm thâm Bát nhã Ba la mật đây lấy vô sở đắc làm phương tiện, rộng nói pháp tương ưng Tam thừa, rộng nói thắng sự thần thông nhiếp thọ các Bồ Tát cho đến khiến được biện tất cả thế gian rất thắng diệu

Sơ giải:

Phẩm "Tín Thọ" của Hội thứ II mở đầu với câu nói của Thiện Hiện: "Tôi nay muốn vì hữu tình như huyễn, như hóa, như mộng vui thuyết pháp như huyễn, như hóa, như mộng. Vì sao? Các Thiên tử! Như vậy, kẻ nghe đối với sở thuyết không nghe, không hiểu, không sở chứng vậy".

1. Như thế nào là: "Hữu tình như huyễn, như hóa như mộng… nói pháp như huyễn, như hóa, như mộng?

(Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 28, "Huyễn Nhân Thính Pháp", Tập 3, quyển 54, *trả lời rằng:*

"Trước đây đã nói rõ rằng hết thảy pháp đều là như huyễn, như hóa, chẳng có người thuyết, chẳng có người nghe, chẳng có người hiểu, chẳng có người biết. Do vậy, chư Thiên khởi tâm nghi, nghĩ rằng nếu như vậy thì hạng người nào mới nghe được pháp mà ngài Tu Bồ Đề đang thuyết?

Ngài Tu Bồ Đề nói: Người như huyễn, như hóa mới nghe được pháp này. Chư Thiên lại nghĩ rằng: Hạng người nghe pháp mà ngài Tu Bồ Đề đang thuyết phải như thế nào, mới có thể tương ưng, mới có thể tín thọ, dẫn đến mới có thể tu hành được đạo quả?

Ngài Tu Bồ Đề khẳng định: Chỉ có người như huyễn, như hóa mới nghe được pháp tôi đang thuyết, và họ sẽ tương ưng tu tập thành đạo quả.

Hỏi: *Người như huyễn, như hóa chẳng có các tâm và tâm sở, họ chẳng có tín thọ được pháp. Như vậy thì nói pháp để làm gì?*

Đáp: Đây chẳng phải khiến người huyễn hóa nghe pháp, mà chỉ muốn **dạy người tu hành phải dụng tâm "vô sở đắc" để hành các pháp, ví như huyễn hóa chẳng có nghe, chẳng biết, chẳng chứng vậy**.

Lại nữa, vì ngã và chúng sanh như huyễn, như mộng, nên người thuyết pháp cũng như huyễn như mộng. Người thuyết pháp đã là như huyễn, như mộng, thì người nghe pháp, người biết pháp, người hiểu pháp cũng như huyễn, như mộng.

Lại nữa, sắc…, dẫn đến Niết Bàn cũng là như huyễn, như mộng").

Sở dĩ, Kinh so sánh người tu hành như huyễn như hóa như mộng vì mục đích của Kinh Bát nhã Ba la mật muốn dạy người tu hành **"phải dụng tâm "vô sở đắc" để hành các pháp, ví như huyễn hóa chẳng có nghe, chẳng biết, chẳng chứng vậy"**. *Vả lại, muốn có chứng có đắc là còn sở đắc, còn sở đắc thì không thể tương ưng với Bát nhã Ba la mật nữa. Đó là lối thuyết huyễn của Thiện Hiện. Huyễn hóa tức là không. Biết như thế để đừng ném cái nhìn ngây ngô trên muôn vật mà lầm chấp mất cả chân tâm.*

2. Thế nào là: Kẻ nghe đối với sở thuyết không nghe, không hiểu, không sở chứng vậy?

Tại sao "chẳng đem không, vô tướng, vô nguyện, vô sanh vô diệt, vắng lặng xa lìa mà phân biệt sắc cho đến thức? Cũng chẳng đem sắc cho đến thức mà phân biệt không, vô tướng, vô nguyện, vô sanh vô diệt, vắng lặng xa lìa?"

Bởi vì, sắc cho đến thức là pháp thế gian, là Tục đế. Đó là pháp vô thường, biến hoại, sanh diệt, chỉ do duyên hòa hợp, giả có v.v... không thể đem pháp ấy mà so với Thánh pháp.

Không, vô tướng, vô nguyện, vô sanh vô diệt, vắng lặng, xa lìa là pháp xuất thế gian, là Chân đế, là đệ nhất nghĩa.

Kinh cũng bảo rằng: Không có pháp thế gian thì không có pháp xuất thế gian, nghĩa là không có Tục đế thì không có Chân đế. Vậy, Chân đế chẳng khác Tục đế (đối với Bát nhã Ba la mật, thì "chân - tục" song dụng chẳng phải hai, chẳng phải khác). Trong Chân đế hay Thắng nghĩa đế không phân biệt, chỉ có ai thâm nhập được Bát nhã Ba la mật mới hiểu

nghĩa này, nên mới có khả năng tín thọ pháp. Kẻ sơ cơ khó thấy khó giác. Do vậy, phẩm này mới có tên là "Tín Thọ".

Bát nhã Ba la mật không kêu gọi, không hiển lộ, khó thấy khó giác, vắng lặng vi tế, trầm mật thắng diệu, chẳng phải chỗ suy tầm, vượt cảnh suy tầm. Hành giả Bát nhã Ba la mật phải tự mình lặn sâu vào chỗ thâm cùng của trí năng, đào xới bới vỡ những biểu hiện hay những giáo nghĩa của nó, kẻ hời hợt chẳng thể tín thọ được.

Vì vậy, khi nói không những người thuyết pháp, người nghe pháp như huyễn như mộng mà cả pháp được thuyết cũng như huyễn như mộng... Nhưng huyễn như mộng không có nghĩa là "không ngơ", chẳng có gì hết, nên không cần tín thọ. Khi người thuyết người nghe vô sở đắc, pháp được thuyết được nghe cũng vô sở đắc, không chấp không đắm, lấy vô sở đắc làm phương tiện cùng hữu tình hồi hướng Nhất thiết trí trí "rộng nói pháp tương ưng Tam thừa, rộng nói thắng sự thần thông nhiếp thọ bởi các Bồ Tát, ***khiến chư vị được biện tài thắng diệu*** *mà thế gian không ai bằng".*

Đó là lý do khi nói pháp, khi nghe pháp, và chính pháp được nghe phải xem như huyễn hóa dù pháp ấy đem lại nhiều công đức thắng diệu nhất. Lìa chấp, lìa đắm, không năng sở, không buông bắt nắm giữ, tung hứng nữa thì mới có tự do trong tư duy và hành động, mới có thể tín thọ phụng hành, bằng ngược lại thì tất cả đều như huyễn như mộng cả./.

---o0o---

27. PHẨM "RẢI HOA".

Cuối Q.426 đến đầu Q.427, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Rải Hoa"cùng tên, cuối Q.84 và phẩm "Học Bát Nhã", đầu Q.85, Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

1. Thế nào chẳng học nơi không, tức học nơi không?

Bấy giờ, Thiên Đế Thích và Bốn trời đại vương chúng trong Tam thiên đại thiên thế giới đây, cho đến trời Sắc cứu cánh đều khởi nghĩ này: Nay Tôn giả Thiện Hiện nhờ oai lực Phật vì tất cả hữu tình ban trận mưa pháp. Chúng ta nên hóa ra hoa trời diệu hương, phụng rải cúng dường đức Thích Ca Như Lai, các chúng Bồ Tát, Bí sô Tăng và Tôn giả Thiện Hiện, cũng rải cúng dường Bát nhã Ba la mật thậm thâm, há chẳng tốt lắm sao?

Khi ấy, Thiên Đế Thích và các thiên chúng khởi nghĩ này rồi, liền hóa hiện hoa trời vi diệu, phụng rải Thích Ca Như Lai, chúng Bồ Tát, cùng Bí sô Tăng, cụ thọ Thiện Hiện và Bát nhã Ba la mật thẳm sâu cúng dường. Lúc này ở Tam thiên đại thiên thế giới Phật đây đầy rẫy các hoa, nhờ thần lực Phật, tất cả hoa này biến thành đài hoa trang nghiêm đẹp lạ ở giữa hư không, lượn ngang Tam thiên đại thiên thế giới.

Bấy giờ, Thiện Hiện thấy việc đây rồi liền khởi nghĩ rằng: Hoa của chư thiên đã rải chưa từng thấy. Hoa này mầu nhiệm, quyết định chẳng phải do cỏ cây đất nước sinh ra, chắc là chư thiên vì muốn cúng dường nên từ tâm hóa ra.

Khi ấy, Thiên Đế Thích biết tâm niệm Thiện Hiện nên nói với Thiện Hiện rằng:

- Hoa đã rải đây, thật chẳng phải cỏ cây đất nước sinh ra, cũng chẳng phải từ tâm hóa ra được, chỉ là **do biến hiện**.

Bấy giờ, Thiện Hiện bảo Thiên Đế Thích rằng: Kiều Thi Ca! Ngươi nói hoa đây thật chẳng phải cỏ cây đất nước sinh ra, cũng chẳng từ tâm hóa ra. **Đã chẳng phải là sanh pháp thời chẳng gọi là hoa**.

Khi ấy, Thiên Đế Thích bạch Thiện Hiện rằng:

- Thưa Đại đức! Chỉ hoa này chẳng sanh hay các pháp khác cũng như thế?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Chẳng những hoa này chẳng sanh, mà **các pháp cũng nghĩa vô sanh**. Tại sao bảo như vậy? Kiều Thi Ca! **Sắc cũng chẳng sanh, đây đã chẳng sanh thời chẳng phải sắc.** Thọ tưởng hành thức cũng chẳng sanh, đã chẳng sanh thời chẳng phải thọ tưởng hành thức. Nhãn cho đến ý, sắc cho đến pháp; nhãn thức cho đến ý thức; nhãn xúc cho đến ý xúc; nhãn xúc làm duyên sanh ra thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra thọ cũng lại như thế.

Kiều Thi Ca! Bố thí Ba la mật cũng chẳng sanh, nếu đã chẳng sanh thời chẳng phải bố thí Ba la mật. Tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật cũng chẳng sanh, nếu đã chẳng sanh thời chẳng phải tịnh giới, an nhẫn, v.v... Nội không cho đến vô tánh tự tánh không; 4 niệm trụ nói rộng cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Như vậy cho đến Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí đều cũng như thế.

*(Để giải thích đoạn Kinh này, **Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 29, "Tán Hoa", Tập 3, quyển 55**, giải thích rằng:*

"Ngài Tu Bồ Đề nói: Nếu hoa này chẳng sanh thì chẳng thể gọi là hoa được. Do vậy nên biết, ở trong "vô pháp"*(1)*, ngài chẳng phân biệt có hoa hay chẳng có hoa.

Nghe xong, ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đã được tâm thuần thục, nên hỏi ngài Tu Bồ Đề rằng: Chỉ có hoa này là chẳng sanh, hay các pháp cũng đều là chẳng sanh cả?

Ngài Tu Bồ Đề nói: **Một pháp vô sanh thì hết thảy các pháp cũng đều vô sanh cả**. Nếu người tu hành ở chung một pháp mà chẳng được minh liễu, thì ở nơi hết thảy các pháp cũng đều chẳng minh liễu.

Nên biết, nếu 5 ấm là vô sanh thì chẳng có thể gọi là 5 ấm,… dẫn đến nhất thiết chủng trí vô sanh thì chẳng gọi là nhất thiết chủng trí. Năm ấm do nhân duyên hòa hợp sanh, chỉ là giả danh, chẳng có định tướng. Thật tướng của 5 ấm là như pháp tánh thật tế, là vô tướng vậy.

--o0o--

Ở nơi “thế tục đế”, do tùy thuận chúng sanh tâm, mà lập ra danh tự để phân biệt các pháp tướng riêng khác. Thế nhưng ở nơi “Đệ nhất nghĩa đế” thì chẳng có phân biệt bỉ, thử (bên kia, bên này) nên vô tránh (chẳng có tranh cạnh) vậy. Từ sắc,… dẫn đến nhất thiết chủng trí cũng đều là như vậy, chẳng có gì phân biệt cả. Do vì ngã không và chúng sanh không, nên người thuyết pháp, người nghe pháp, người hiểu pháp, người biết pháp đều là “không” cả. Bởi vậy nên quả Tu Đà Hoàn…. dẫn đến Phật đều là giả danh, giả thi thiết cả”).

Pháp không sanh thì không phải là sắc. Tất cả pháp khác kể cả Vô thượng Bồ đề cũng đều như vậy. Giáo pháp “vô sanh-vô diệt” đã được xiển dương nhiều lần. Đó là Chân đế hay còn gọi là Đệ nhất nghĩa đế.

Khi ấy, Thiên Đế Thích thầm nghĩ: Tôn giả Thiện Hiện trí huệ sâu sắc, chẳng hoại giả danh mà nói pháp tánh.

Phật biết điều thầm nghĩ ấy bèn bảo Thiên Đế Thích rằng:

- Kiều Thi Ca như ông đã nghĩ. Cụ thọ Thiện Hiện trí huệ sâu sắc, chẳng hoại giả danh mà nói pháp tánh.

Thiên Đế Thích liền bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Tôn giả Thiện Hiện đối những pháp nào chẳng hoại giả danh mà nói pháp tánh?

Phật bảo:

- Kiều Thi Ca! **Sắc chỉ là giả danh**. Cụ thọ Thiện Hiện chẳng hoại giả danh mà nói pháp tánh của sắc. Thọ tưởng hành thức chỉ là giả danh. Cụ thọ Thiện Hiện chẳng hoại giả danh mà nói pháp tánh của thọ tưởng hành thức. Vì sao? Vì pháp tánh sắc, thọ, tưởng… không trái không thuận, nên những điều Thiện Hiện đã thuyết cũng không trái không thuận. Đối với nhãn cho đến ý; sắc cho đến pháp; nhãn thức cho đến ý thức; nhãn xúc cho đến ý xúc, nhãn xúc làm duyên sanh ra thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra thọ cũng lại như thế.

Kiều Thi Ca! Bố thí Ba la mật chỉ là giả danh. Cụ thọ Thiện Hiện chẳng hoại giả danh mà nói pháp tánh của bố thí Ba la mật. Tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật chỉ là giả danh. Cụ thọ Thiện Hiện chẳng hoại giả danh mà nói pháp tánh của tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì bố thí Ba la mật cùng pháp tánh không trái không thuận, nên Thiện Hiện đã thuyết cũng không trái

không thuận. Với nội không cho đến vô tánh tự tánh không, 4 niệm trụ nói rộng cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Như vậy cho đến quả Dự lưu, quả A la hán, Độc giác Bồ đề, cho đến Vô thượng Bồ đề, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng lại như thế.

Kiều Thi Ca! Cụ thọ Thiện Hiện biện thuyết như thế chẳng hoại giả danh mà nói pháp tánh.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bảo Thiên Đế Thích rằng:

- Kiều Thi Ca! Như vậy, như vậy. Như Phật đã thuyết, các pháp sở hữu không hoại giả danh. Kiều Thi Ca! Các **Bồ Tát biết tất cả pháp chỉ là giả danh rồi, nên học Bát nhã Ba la mật. Các Bồ Tát khi học như thế, chẳng học nơi sắc.** Chẳng học nơi thọ tưởng hành thức. Vì sao? Kiều Thi Ca! Bồ Tát này chẳng thấy sắc khá học. Chẳng thấy thọ tưởng hành thức khá học. Nên đối nhãn cho đến ý, sắc cho đến pháp, nhãn thức cho đến ý thức, nhãn xúc cho đến ý xúc, nhãn xúc làm duyên sanh ra thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra thọ cũng lại như thế.

Kiều Thi Ca! Các Bồ Tát khi học như thế chẳng học nơi bố thí Ba la mật; chẳng học nơi tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Kiều Thi Ca! Bồ Tát này chẳng thấy bố thí Ba la mật khá học; chẳng thấy tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật khá học. Nên đối nội không cho đến vô tánh tự tánh không, 4 niệm trụ nói rộng cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Như vậy từ quả Dự lưu, cho đến quả A la hán, Độc giác Bồ đề, đến Vô thượng Bồ đề, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng lại như thế.

Khi ấy, Thiên Đế Thích hỏi Thiện Hiện rằng:

- Các Bồ Tát vì nhân duyên nào nên chẳng thấy sắc, cho đến chẳng thấy Nhất thiết tướng trí?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Này Kiều Thi Ca! Sắc, sắc <u>không</u>, cho đến Nhất thiết tướng trí, Nhất thiết tướng trí <u>không</u>. Kiều Thi Ca! Các Bồ Tát bởi nhân duyên đây, chẳng thấy sắc cho đến Nhất thiết tướng trí. Kiều Thi Ca! Các Bồ Tát chẳng thấy sắc, nên chẳng học nơi sắc. Cho đến chẳng thấy Nhất thiết tướng trí, nên chẳng học nơi Nhất thiết tướng trí. Vì sao? Vì sắc không chẳng thể thấy sắc không, cho đến Nhất thiết tướng trí không chẳng thể thấy Nhất thiết tướng trí không; sắc không cũng chẳng thể

học nơi sắc không, cho đến Nhất thiết tướng trí không cũng chẳng thể học nơi Nhất thiết tướng trí không. *(Q. 426, ĐBN)*

Này Kiều Thi Ca! Nếu Bồ Tát chẳng học nơi không, tức Bồ Tát này học nơi không. Vì sao? Vì vô nhị vậy. Kiều Thi Ca! Các Bồ Tát chẳng học nơi sắc không, tức là học nơi sắc không, vì vô nhị vậy. Cho đến chẳng học nơi Nhất thiết tướng trí không, tức là học nơi Nhất thiết tướng trí không, vì vô nhị vậy. Này Kiều Thi Ca! Nếu Bồ Tát **đem vô nhị làm phương tiện học** nơi sắc không, cho đến đem vô nhị làm phương tiện học nơi Nhất thiết tướng trí không, tức Bồ Tát này thường đem vô nhị làm phương tiện học bố thí Ba la mật cho đến Bát nhã Ba la mật. Thường đem vô nhị làm phương tiện học nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Thường đem vô nhị làm phương tiện học 4 niệm trụ, nói rộng cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Như vậy cho đến thường đem vô nhị làm phương tiện học quả Dự lưu cho đến quả A la hán. Thường đem vô nhị làm phương tiện học Độc giác Bồ đề cho đến Vô thượng Bồ đề. Thường đem vô nhị làm phương tiện học Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Kiều Thi Ca! Nếu Bồ Tát thường đem vô nhị làm phương tiện học bố thí Ba la mật cho đến Nhất thiết tướng trí thời Bồ Tát này thường đem vô nhị làm phương tiện học vô lượng vô số vô biên Phật pháp thanh tịnh bất khả tư nghì.

Này Kiều Thi Ca! Nếu Bồ Tát thường học được vô lượng vô số vô biên Phật pháp thanh tịnh bất khả tư nghì thời Bồ Tát này chẳng vì sắc tăng nên học, cũng chẳng vì sắc giảm nên học. Cho đến chẳng vì Nhất thiết tướng trí tăng nên học, cũng chẳng vì Nhất thiết tướng trí giảm nên học. Nếu Bồ Tát chẳng vì sắc tăng nên học, cũng chẳng vì sắc giảm nên học. Cho đến chẳng vì Nhất thiết tướng trí tăng nên học, cũng chẳng vì Nhất thiết tướng trí giảm nên học, thời Bồ Tát này **chẳng vì nhiếp thọ sắc nên học, cũng chẳng vì hoại diệt sắc nên học**. Cho đến chẳng vì nhiếp thọ Nhất thiết tướng trí nên học, cũng chẳng vì hoại diệt Nhất thiết tướng trí nên học.

Khi ấy, Xá Lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

- Vì nhân duyên gì nên các Bồ Tát chẳng vì nhiếp thọ sắc nên học, cũng chẳng vì nhiếp thọ Nhất thiết tướng trí nên học, cũng chẳng vì hoại diệt Nhất thiết tướng trí nên học?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Các Bồ Tát chẳng thấy có sắc là khá nhiếp thọ và khá hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ năng nhiếp thọ sắc và hoại diệt. Cho đến chẳng thấy có Nhất thiết tướng trí là khá nhiếp thọ và khá hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ năng nhiếp thọ Nhất thiết tướng trí và hoại diệt. Vì sao? Xá Lợi Tử! **Vì sắc thảy pháp hoặc năng hoặc sở trong ngoài đều không vậy. Nếu Bồ Tát đối tất cả pháp chẳng thấy là khá nhiếp thọ và khá hoại diệt, cũng chẳng thấy có kẻ năng nhiếp thọ và hoại diệt mà học Bát Nhã thì Bồ Tát này có khả năng thành tựu Nhất thiết trí trí.**

Khi ấy, Xá Lợi Tử hỏi Thiện Hiện rằng:

- Các Bồ Tát học Bát Nhã như thế có khả năng thành tựu Nhất thiết trí trí ư?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Xá Lợi Tử! Các Bồ Tát học Bát Nhã như thế có khả năng thành tựu Nhất thiết trí trí. Đối tất cả pháp chẳng vì nhiếp thọ, chẳng vì hoại diệt làm phương tiện vậy.

Xá Lợi Tử lại hỏi:

- Nếu Bồ Tát đối tất cả pháp chẳng vì nhiếp thọ, chẳng vì hoại diệt làm phương tiện, làm sao có khả năng thành tựu Nhất thiết trí trí được?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Xá Lợi Tử! Bồ Tát này khi tu hành Bát Nhã, chẳng thấy sắc hoặc sanh-hoặc diệt, hoặc lấy-hoặc bỏ, hoặc nhiễm-hoặc tịnh, hoặc tăng-hoặc giảm. Cho đến chẳng thấy Nhất thiết tướng trí hoặc sanh-hoặc diệt, hoặc lấy-hoặc bỏ, hoặc nhiễm-hoặc tịnh, hoặc tăng-hoặc giảm. Vì sao? Vì sắc cho đến Nhất thiết tướng trí tự tánh đều vô sở hữu bất khả đắc. Như vậy, Xá Lợi Tử! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, đối tất cả pháp chẳng thấy hoặc sanh-hoặc diệt, hoặc lấy-hoặc bỏ, hoặc nhiễm-hoặc tịnh, hoặc tăng-hoặc giảm; đem vô sở học, vô sở thành xong làm phương tiện vậy, mà học Bát Nhã, thời có khả năng thành tựu Nhất thiết trí trí.

2. Phải cầu sở hành của Bát Nhã ở trong sở thuyết của Thiện Hiện?

Bấy giờ, Thiên Đế Thích hỏi Xá Lợi Tử rằng:

- Thưa Đại đức! Sở hành Bát Nhã của các Bồ Tát phải cầu ở đâu?

Xá Lợi Tử đáp:

- Kiều Thi Ca! Sở hành Bát Nhã của các Bồ Tát phải cầu **ở trong sở thuyết của Thiện Hiện**.

3. Thế nào là chỗ nương?

Khi ấy, Thiên Đế Thích thưa Thiện Hiện rằng:

- Do thần lực Đại Đức làm chỗ nương*(2)*, nên khiến Xá Lợi Tử khởi nói như vậy ư?

Thiện Hiện bảo rằng:

- Kiều Thi Ca! Chẳng phải thần lực tôi làm chỗ nương khiến Xá Lợi Tử khởi nói như thế.

Thiên Đế Thích hỏi:

- Vậy là do thần lực ai làm chỗ nương?

Thiện Hiện trả lời:

- Chính là do thần lực Phật làm chỗ nương?

Thiên Đế Thích nói:

- Thưa Đại đức! Các pháp đều không chỗ nương, tại sao có thể nói được là do thần lực Phật làm chỗ nương?

Thiện Hiện bảo rằng:

- Này Kiều Thi Ca! Như vậy, như ngươi đã nói! Tất cả pháp không chỗ nương. Vậy nên Như Lai chẳng phải chỗ nương, cũng chẳng phải không chỗ nương. Nhưng vì tùy thuận thế tục thi thiết nói là chỗ nương.

Này Kiều Thi Ca! **Chẳng phải lìa không chỗ nương thì có thể đắc Như Lai.** Chẳng phải lìa không chỗ nương thì có thể đắc Như Lai như. Chẳng phải lìa không chỗ nương thì có thể đắc Như Lai pháp tánh.

Này Kiều Thi Ca! Chẳng phải trong không chỗ nương, có thể đắc Như Lai; chẳng phải trong Như Lai, có thể đắc không chỗ nương. Chẳng phải trong không chỗ nương thì có thể đắc Như Lai như; chẳng phải trong Như Lai, không chỗ nương có thể đắc *(chơn)* như; chẳng phải trong không chỗ nương có thể đắc Như Lai pháp tánh; chẳng phải trong Như Lai, không chỗ nương có thể đắc pháp tánh.

Này Kiều Thi Ca! **Chẳng phải lìa sắc, có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa thọ tưởng hành thức có thể đắc Như Lai.** Chẳng phải lìa sắc như, có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa thọ tưởng hành thức như, có thể đắc Như Lai. Chẳng phải lìa sắc pháp tánh, có thể đắc Như Lai; chẳng

phải lìa thọ tưởng hành thức pháp tánh, có thể đắc Như Lai. Chẳng phải lìa sắc, có thể đắc Như Lai như; chẳng phải lìa thọ tưởng hành thức, có thể đắc Như Lai như. Chẳng phải lìa sắc có thể đắc Như Lai pháp tánh; chẳng phải lìa thọ tưởng hành thức có thể đắc Như Lai pháp tánh. Chẳng phải lìa sắc như, có thể đắc Như Lai như; chẳng phải lìa thọ tưởng hành thức như, có thể đắc Như Lai như. Chẳng phải lìa sắc pháp tánh, có thể đắc Như Lai pháp tánh; chẳng phải lìa thọ tưởng hành thức pháp tánh, có thể đắc Như Lai pháp tánh.

Này Kiều Thi Ca! **Chẳng phải trong sắc**, **có thể đắc Như Lai; chẳng phải trong Như Lai, có thể đắc sắc**. Chẳng phải trong thọ tưởng hành thức, có thể đắc Như Lai; chẳng phải trong Như Lai, có thể đắc thọ tưởng hành thức. Chẳng phải trong sắc như, có thể đắc Như Lai; chẳng phải trong Như Lai, có thể đắc sắc như. Chẳng phải trong thọ tưởng hành thức như, có thể đắc Như Lai; chẳng phải trong Như Lai, có thể đắc thọ tưởng hành thức như. Chẳng phải trong sắc pháp tánh, có thể đắc Như Lai; chẳng phải trong Như Lai có thể đắc sắc pháp tánh. Chẳng phải trong thọ tưởng hành thức pháp tánh, có thể đắc Như Lai; chẳng phải trong Như Lai, có thể đắc thọ tưởng hành thức pháp tánh. Chẳng phải trong sắc, có thể đắc Như Lai như; chẳng phải trong Như Lai như, có thể đắc sắc. Chẳng phải trong thọ tưởng hành thức, có thể đắc Như Lai như, chẳng phải trong Như Lai như, có thể đắc thọ tưởng hành thức. Chẳng phải trong sắc, có thể đắc Như Lai pháp tánh; chẳng phải trong Như Lai pháp tánh, có thể đắc sắc. Chẳng phải trong thọ tưởng hành thức, có thể đắc Như Lai pháp tánh; chẳng phải trong Như Lai pháp tánh, có thể đắc thọ tưởng hành thức. Chẳng phải trong sắc như, có thể đắc Như Lai như; chẳng phải trong Như Lai như, có thể đắc sắc như. Chẳng phải trong thọ tưởng hành thức như, có thể đắc Như Lai như; chẳng phải trong Như Lai như, có thể đắc thọ tưởng hành thức như. Chẳng phải trong sắc pháp tánh, có thể đắc Như Lai pháp tánh; chẳng phải trong Như Lai pháp tánh, có thể đắc sắc pháp tánh. Chẳng phải trong thọ tưởng hành thức pháp tánh, có thể đắc Như Lai pháp tánh; chẳng phải trong Như Lai pháp tánh, có thể đắc thọ tưởng hành thức pháp tánh.

Này Kiều Thi Ca! **Cho đến chẳng phải lìa Nhất thiết trí, có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, có thể đắc Như Lai**. Chẳng phải lìa Nhất thiết trí như, có thể đắc Như Lai; chẳng

phải lìa Đạo tướng trí như, Nhất thiết tướng trí như, có thể đắc Như Lai. Chẳng phải lìa Nhất thiết trí pháp tánh, có thể đắc Như Lai; chẳng phải lìa Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí pháp tánh, có thể đắc Như Lai. Chẳng phải lìa Nhất thiết trí, có thể đắc Như Lai như; chẳng phải lìa Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, có thể đắc Như Lai như. Chẳng phải lìa Nhất thiết trí, có thể đắc Như Lai pháp tánh; chẳng phải lìa Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, có thể đắc Như Lai pháp tánh. Chẳng phải lìa Nhất thiết trí như, có thể đắc Như Lai như; chẳng phải lìa Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí như, có thể đắc Như Lai như. Chẳng phải lìa Nhất thiết trí pháp tánh, có thể đắc Như Lai pháp tánh; chẳng phải lìa Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí pháp tánh, có thể đắc Như Lai pháp tánh.

Này Kiều Thi Ca! **Chẳng phải trong Nhất thiết trí, có thể đắc Như Lai;** chẳng phải trong Như Lai, có thể đắc Nhất thiết trí. Chẳng phải trong Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, có thể đắc Như Lai; chẳng phải trong Như lai, có thể đắc Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Chẳng phải trong Nhất thiết trí như, có thể đắc Như Lai; chẳng phải trong Như Lai, có thể đắc Nhất thiết trí như. Chẳng phải trong Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí như, có thể đắc Như Lai; chẳng phải trong Như Lai, có thể đắc Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí như. Chẳng phải trong Nhất thiết trí pháp tánh, có thể đắc Như Lai; chẳng phải trong Như Lai, có thể đắc Nhất thiết trí pháp tánh. Chẳng phải trong Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí pháp tánh, có thể đắc Như Lai; chẳng phải trong Như Lai, có thể đắc Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí pháp tánh. Chẳng phải trong Nhất thiết trí, có thể đắc Như Lai như; chẳng phải trong Như Lai như, có thể đắc Nhất thiết trí. Chẳng phải trong Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, có thể đắc Như Lai như; chẳng phải trong Như Lai như, có thể đắc Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Chẳng phải trong Nhất thiết trí, có thể đắc Như Lai pháp tánh; chẳng phải trong Như Lai pháp tánh, có thể đắc Nhất thiết trí. Chẳng phải trong Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, có thể đắc Như Lai pháp tánh; chẳng phải trong Như Lai pháp tánh, có thể đắc Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Chẳng phải trong Nhất thiết trí như, có thể đắc Như Lai như; chẳng phải trong Như Lai như, có thể đắc Nhất thiết trí như. Chẳng phải trong Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí như, có thể đắc Như Lai như; chẳng phải trong Như Lai như, có thể đắc Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí như. Chẳng phải trong Nhất thiết trí pháp tánh, có thể đắc Như Lai pháp tánh;

chẳng phải trong Như Lai pháp tánh, có thể đắc Nhất thiết trí pháp tánh. Chẳng phải trong Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí pháp tánh, có thể đắc Như Lai pháp tánh; chẳng phải trong Như Lai pháp tánh, có thể đắc Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí pháp tánh.

4. Tương ưng hay chẳng tương ưng?

Này Kiều Thi Ca! **Như Lai <u>đối với sắc chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng</u>**, đối thọ tưởng hành thức cũng chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối **sắc như** chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng, đối thọ tưởng hành thức như cũng chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối sắc **pháp tánh** chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng, đối thọ tưởng hành thức pháp tánh cũng chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng. **Như Lai như đối sắc chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng, đối thọ tưởng hành thức cũng chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng**. Như Lai như đối **sắc như** chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng, đối thọ tưởng hành thức như cũng chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng. **Như Lai pháp tánh đối sắc chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng**, đối thọ tưởng hành thức cũng chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai pháp tánh đối sắc pháp tánh chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng, đối thọ tưởng hành thức pháp tánh cũng chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng.

Này Kiều Thi Ca! **Như Lai <u>lìa sắc</u> chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng, lìa thọ tưởng hành thức cũng chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng.** Như Lai lìa sắc như chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng, lìa thọ tưởng hành thức như cũng chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai lìa sắc pháp tánh chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng, lìa thọ tưởng hành thức pháp tánh cũng chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng. **Như Lai như lìa sắc chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng**, lìa thọ tưởng hành thức cũng chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai như lìa sắc như chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng, lìa thọ tưởng hành thức như cũng chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng. **Như Lai pháp tánh lìa sắc chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng**, lìa

thọ tưởng hành thức cũng chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai pháp tánh lìa sắc pháp tánh chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng, lìa thọ tưởng hành thức pháp tánh cũng chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng.

Này Kiều Thi Ca! Như vậy cho đến **Như Lai <u>đối Nhất thiết trí</u> chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng, đối Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng.** Như Lai đối Nhất thiết trí như chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng; đối Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí như cũng chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai đối Nhất thiết trí pháp tánh chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng; đối Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí pháp tánh cũng chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng. **Như Lai như đối Nhất thiết trí chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng**; đối Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai như đối Nhất thiết trí như chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng; đối Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí như cũng chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng. **Như Lai pháp tánh đối Nhất thiết trí chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng**; đối Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai pháp tánh đối Nhất thiết trí pháp tánh chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng; đối Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí pháp tánh cũng chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng.

Này Kiều Thi Ca! **Như Lai <u>lìa Nhất thiết trí</u> chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng; lìa Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng**. Như Lai lìa Nhất thiết trí như chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng; lìa Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí như cũng chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai lìa Nhất thiết trí pháp tánh chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng; lìa Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí pháp tánh cũng chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai như lìa Nhất thiết trí chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng; lìa Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai như lìa Nhất thiết trí như chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng; lìa Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí như cũng chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng. **Như Lai pháp tánh lìa** Nhất thiết trí chẳng

tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng; lìa Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng. Như Lai pháp tánh lìa Nhất thiết trí pháp tánh chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng; lìa Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí pháp tánh cũng chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng.

Này Kiều Thi Ca! Xá Lợi Tử đã nói là đối tất cả pháp chẳng tức, chẳng ly, chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng. Thần lực Như Lai làm chỗ y chỉ*(3)***, đem vô y chỉ làm y chỉ vậy.**

Thích nghĩa:

(1). "Vô pháp": Không phải pháp hay không có pháp.

(2). Chỗ nương dịch từ chữ y chỉ hay y trì.

(3). Y chỉ: (依止): ***Y*** (依) *là nương dựa,* ***Chỉ*** (止) *là dừng lại, ở yên. Y chỉ là chỗ để cho người ta nương dựa và yên ở đó, tức là bậc có đủ phước đức và trí huệ, đủ sức dìu dắt người khác, như Phật là bậc Y chỉ của tất cả chúng sanh. (Rộng mở Tâm Hồn)*

Sơ giải:

Phẩm này thuyết 4 vấn đề:

1. Thế nào là học nơi Không hay Tánh không Bát Nhã?

2. Phải cầu sở hành Bát Nhã ở đâu?

3. Tất cả pháp có chỗ nương hay không có chỗ nương?

4. Tất cả pháp tương ưng hay chẳng tương ưng?

1. Thế nào là học nơi Không hay Tánh không Bát Nhã?

Kinh nói rằng: "**Nếu Bồ Tát chẳng học nơi không, tức Bồ Tát này học nơi không. Vì sao? Vì vô nhị vậy. Kiều Thi Ca! Các Bồ Tát chẳng học nơi sắc không, tức là học nơi sắc không, vì vô nhị vậy. Cho đến chẳng học nơi Nhất thiết tướng trí không, tức là học nơi Nhất thiết tướng trí không, vì vô nhị vậy**. Này Kiều Thi Ca! Nếu Bồ Tát **đem vô nhị làm phương tiện học** nơi sắc không, cho đến đem vô nhị làm phương tiện học nơi Nhất thiết tướng trí không, tức Bồ Tát này thường đem vô nhị làm phương tiện học bố thí Ba la mật cho đến Bát nhã Ba la mật v.v…

Nếu Bồ Tát thường đem vô nhị làm phương tiện học bố thí Ba la mật cho đến Nhất thiết tướng trí thời Bồ Tát này thường đem vô nhị làm phương tiện học vô lượng vô số vô biên Phật pháp thanh tịnh bất khả tư nghì".

Thật là trái lẽ quá phải không: **"Bồ Tát chẳng học nơi không, tức Bồ Tát này học nơi không?"** *Kinh hỏi: "Vì sao? Và tự trả lời: Vì vô nhị vậy". Học pháp có lấy-có bỏ, có nhiễm-có tịnh, có tăng-có giảm, có cao-có thấp, có hay-có dở... là nhị pháp. Nhị pháp là pháp sanh diệt đổi dời thì làm sao chứng quả? Kinh giải thích:* **"Nếu Bồ Tát thường đem <u>vô nhị làm phương tiện</u> học bố thí Ba la mật cho đến Nhất thiết tướng trí thời Bồ Tát này thường đem vô nhị làm phương tiện học được vô lượng vô số vô biên Phật pháp thanh tịnh bất khả tư nghì".**

Kinh thuyết tiếp:

"Nếu Bồ Tát thường học được vô lượng vô số vô biên Phật pháp thanh tịnh bất khả tư nghì thời Bồ Tát này **chẳng vì sắc tăng nên học, cũng chẳng vì sắc giảm nên học**. Cho đến chẳng vì Nhất thiết tướng trí tăng nên học, cũng chẳng vì Nhất thiết tướng trí giảm nên học. Nếu Bồ Tát chẳng vì sắc tăng nên học, cũng chẳng vì sắc giảm nên học. Cho đến chẳng vì Nhất thiết tướng trí tăng nên học, cũng chẳng vì Nhất thiết tướng trí giảm nên học, thời Bồ Tát này **chẳng vì nhiếp thọ** sắc nên học, cũng **chẳng vì hoại diệt** sắc nên học. Cho đến chẳng vì nhiếp thọ Nhất thiết tướng trí nên học, cũng chẳng vì hoại diệt Nhất thiết tướng trí nên học".

Có sanh diệt đổi dời là có động chuyển thì tâm không còn như như bất động nữa. Muốn liễu đạo thì phải học tất cả pháp Phật, không học làm sao liễu đạo. Nhưng phải lấy vô sở học, vô sở đắc, bất nhị làm phương tiện thì mới có cơ hội.

2. Phải cầu sở hành Bát Nhã ở đâu?

Có một điểm cần phải nêu ra mà cả hai Pháp hội đầu (Hội thứ I và thứ II) đều không giải thích trực tiếp câu hỏi này của Thiên Đế Thích?

Thiên Đế Thích hỏi Xá Lợi Tử rằng:

- Thưa Đại đức! Sở hành Bát Nhã của các Bồ Tát phải cầu ở đâu?

Xá Lợi Tử đáp:

- Kiều Thi Ca! Sở hành Bát nhã Ba la mật của các Bồ Tát phải cầu **ở trong sở thuyết của Thiện Hiện**.

Đó là câu trả lời, nhưng câu trả lời không được trọn vẹn, không làm hài mãn người thọ trì Bát Nhã! Vì sao? Vì Kinh không giải đáp thẳng "sở thuyết của Thiện Hiện là gì mà chỉ nói lên sự tương ưng hay không tương ưng, lìa hay không lìa, tăng hay giảm, chỗ nương hay không chỗ nương giữa các nhị pháp mà thôi".

Chúng tôi tạm thay lời Xá Lợi Tử giải thích ngắn gọn như sau: ***Sở thuyết của Thiện Hiện là Không****. Nếu hành được như vậy thì mau viên mãn Nhất thiết trí trí. Tại sao? Vì tất cả những gì mà Thiện Hiện thuyết cho các Bồ Tát hay tất cả chư Thiên 10 phương thế giới là Tánh Không, sở trường của Thiện Hiện. Người được xem là "giải Không bậc nhất thời bấy giờ" cũng là vị đã đắc "Vô tránh Tam muội". Cứ theo lời dạy của Thiện Hiện mà hành thì đạt sở hành, sở nguyện tức bước qua khỏi "Không môn" mà qua được bờ kia. Vì không cũng là chơn như, pháp giới, pháp tánh, bất hư vọng tánh, bất biến dị tánh, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, bất tư nghì giới, hư không giới, đoạn giới, ly giới, diệt giới, vô tánh giới, vô tướng giới, vô tác giới, vô vi giới, an ẩn giới, tịch tĩnh giới, pháp định, pháp trụ, bổn vô, thật tế... Không cũng gọi là "Không môn" trong Tam giải thoát môn Không, Vô tướng, Vô tác.*

Vì vậy, Xá Lợi Tử mới bảo kiều Thi Ca: "Sở hành Bát nhã Ba la mật của các Bồ Tát phải cầu ở trong sở thuyết của Thiện Hiện", *mà* ***<u>sở thuyết của Thiện Hiện là Không</u>****. Đó là câu trả lời trực tiếp.*

Đại Trí Độ Luận cùng phẩm trên cũng giải thích rằng:

"Phật ở trong cả 6 thời, thường dùng Phật nhãn để quán tâm chúng sanh, thường dùng trí huệ Bát Nhã thuyết về vô thường, khổ, không, vô ngã, thường phân biệt rõ về biệt tướng và tổng tướng của các pháp, thường thuyết về các nhân duyên sanh pháp, nhằm dạy chúng sanh nhận rõ các pháp đều chẳng có ai làm ra (vô chủ tác), chẳng có ai thọ (vô thọ giải), chẳng có ai biết (vô tri giả), chẳng có ai thấy (vô kiến giả), lại thường thuyết các pháp đều là vô chủ tác, vô thọ giả, vô tri giả, vô kiến giả, đều là <u>rốt ráo không</u>, đều là rốt ráo bất khả đắc, là đã thâm nhập được vào Bát nhã Ba la mật rồi".

Nên Phật bảo Thiện Hiện dạy bảo trao truyền giáo pháp này.

"Ngài Tu Bồ Đề thay Phật, đã thuyết Bát nhã Ba la mật tại pháp hội, lời thuyết giảng của ngài được Phật chứng minh, khiến chư Thiên Tử đến nghe pháp đều hoan hỷ tín thọ.

Do vậy mà ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đã thay mặt chư Thiên, nêu lên các câu hỏi, để được các ngài Xá Lợi Phất và Tu Bồ Đề giải rõ thêm.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn tự nghĩ: Chẳng biết Bát nhã Ba la mật tướng là như thế nào?

Biết được tâm niệm của vị Đế Thích, ngài Xá Lợi Phất nói: **Ngài Tu Bồ Đề thường nhập "pháp không", thường thuyết "pháp không", chỗ ngài thuyết ra là "không", dẫn đến "pháp không" đó cũng là không".**

Vì vậy phải nương nơi chỗ ngài Tu Bồ Đề thuyết mà cầu Bát nhã Ba la mật trong "pháp không" này.

3. Tất cả pháp có chỗ nương hay không có chỗ nương?

Kinh nói: "Tất cả pháp không chỗ nương. Vậy nên Như Lai chẳng phải chỗ nương, cũng chẳng phải không chỗ nương. Nhưng vì tùy thuận thế tục thi thiết nói là chỗ nương".

Như Lai là "như tướng", chẳng khứ chẳng lai, bất khả đắc, chỉ là giả danh, gọi là Như Lai. Tất cả pháp đều không, trong "không" thì Như Lai bất khả đắc, mà ly "không" Như Lai cũng bất khả đắc. Vậy, trong không hay lìa không Như Lai không phải là chỗ nương, nhưng tùy theo thế tục mà nói là chỗ nương.

Vì vậy, Kinh kết luận: "Chẳng phải trong không hay lìa không chỗ nương thì có thể đắc Như Lai".

Trong không hay lìa không tất cả pháp đều vô sở hữu bất khả đắc, thì lấy chỗ nào làm chỗ nương chỗ trụ để đắc Như Lai? Cũng như vậy, nên Kinh nói: "Chẳng phải trong sắc hay lìa sắc, có thể đắc Như Lai; chẳng phải trong hay lìa thọ tưởng hành thức, có thể đắc Như Lai. Cho đến chẳng phải trong hay lìa Nhất thiết trí, có thể đắc Như Lai; chẳng phải trong hay lìa Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, có thể đắc Như Lai".

Chẳng nương chẳng trụ gọi là chân trụ. Tu mà còn nương nhờ trông cậy, chẳng khác nào như dây leo nương dậu, như chim nương cành thì biết tới bao giờ đến được bến bờ mong muốn. Đối với Bát Nhã không chỗ nương là chỗ nương, cũng vậy vô sở trụ mới là chỗ trụ. Điều đó có nghĩa là tự mình, không ai ngoài mình, tự vươn lên trong ánh sáng giác ngộ.

4. Tất cả pháp tương ưng hay chẳng tương ưng?

“**Như Lai đối với sắc hoặc lìa sắc chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng**, đối thọ tưởng hành thức hay lìa thọ tưởng hành thức cũng chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng. Cho đến **Như Lai đối Nhất thiết trí hay lìa nhất thiết trí chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng**, đối Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí hay lìa Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng”.

Vì sao? Vì ngũ ấm là pháp sanh diệt đổi dời, do nhân duyên hòa hợp mới có, nhưng không thật có, vì không có tự tánh, bản tánh không, nên nói là không. Còn Như Lai cũng chỉ là danh tự, danh tự cũng chỉ giả thi thiết. Hai pháp như vậy đều bất khả đắc. Kinh nói không có pháp nào dù nhỏ nhiệm bằng đầu mảy lông mà có tự tánh hòa hiệp. Vì vậy, nên nói Như Lai đối với sắc hay lìa sắc chẳng tương ưng hay chẳng phải chẳng tương ưng.

*Còn đối với “pháp như” hay “như tướng” thì như thế nào? Luận Đại Trí Độ, **phẩm thứ 9, “Tập Tan”**(Hợp và Tan)**, Tập 3, quyển 42, nói*** “… Bồ Tát thực hành Bát nhã Ba la mật biết rõ như như tướng là không, chẳng nên trú. Ly không chẳng có như như tướng. Vì như như tướng tức là không, và không tức là như như tướng”.

Vậy, Như Lai đối với pháp như, pháp tánh chẳng tương ưng cũng chẳng phải tương ưng như nói đã ở trên. Do đó, Thiện Hiện bảo:

“Này Kiều Thi Ca! Xá Lợi Tử đã nói là đối tất cả pháp chẳng tức, chẳng ly, chẳng tương ưng chẳng phải chẳng tương ưng. Thần lực Như Lai làm chỗ y chỉ, **đem vô y chỉ làm y chỉ vậy”**.

Tất cả pháp đều trì độn vô tri, chẳng tương ưng hay chẳng phải chẳng tương ưng, chẳng ly chẳng phải chẳng ly. Chỉ có con người đối với pháp sanh động niệm, nên tâm hành sai khác mà bị trói./.

---o0o---

28. PHẨM "TRAO KÝ"

Đầu quyển 427, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phần đầu phẩm "Nhiếp Thọ", tức cuối Q.99 cho đến hết Q.100, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Phẩm "Trao Ký" của hội thứ II, ĐBN, tương đương với phẩm "Tam Thán" của Kinh MHBNBLMĐ. Hai phẩm rất tương đồng.

Tóm lược:

Bấy giờ trong chúng, chư Thiên cõi Dục như Thiên Đế Thích… chư Thiên cõi Sắc như Phạm Thiên Vương… và các Thiên nữ, Thần Tiên Y xá na*(1)*đồng thời ba phen khen ngợi cụ thọ Thiện Hiện: Tôn giả Thiện Hiện dùng oai lực Phật làm chỗ nương, khéo vì chúng con phân biệt khai thị Bát Nhã thậm thâm. Phật xuất hiện thế gian là do pháp yếu Vô thượng. Nếu Bồ Tát năng đối kinh Bát Nhã thậm thâm, như thuyết tu hành, chẳng xa lìa ấy, chúng con đối với các Bồ Tát ấy tôn thờ như Phật. Vì sao? Vì trong Bát Nhã đây **không pháp khá được**. Chỗ gọi trong đây không sắc khá được, không thọ tưởng hành thức khá được. Như vậy cho đến không Nhất thiết trí khá được; không Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí khá được. Tuy không có các pháp như thế để được, **nhưng vẫn thi thiết Thánh giáo Tam thừa** là Thanh văn, Độc giáo, Vô thượng thừa.

Bấy giờ, Phật bảo các chư thiên rằng:

- Như vậy! Như các ngươi đã nói. Đối với Bát Nhã, tuy không có các pháp như sắc… khá được, nhưng vẫn thi thiết Thánh giáo Tam thừa. Nếu Bồ Tát đối Bát Nhã đây, đem vô sở đắc mà làm phương tiện, năng như thuyết tu hành, chẳng xa lìa, chư thiên các ngươi nên tôn thờ như các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Vì sao? Vì Bát Nhã, tuy có Thánh giáo Tam thừa song nói chẳng tức bố thí Ba la mật Như Lai khá được, chẳng ly bố thí Ba la mật Như Lai khá được. Cho đến chẳng tức Bát Nhã Như Lai khá được, chẳng ly Bát Nhã Như Lai khá được. Chẳng tức nội không Như Lai khá được, chẳng ly nội không Như Lai khá được. Cho đến chẳng tức vô tánh tự tánh không Như Lai khá được, chẳng ly vô tánh tự tánh không

Như Lai khá được. Chẳng tức 4 niệm trụ Như Lai khá được, chẳng ly 4 niệm trụ Như Lai khá được. Nói rộng cho đến chẳng tức 18 pháp Phật bất cộng Như Lai khá được, chẳng ly 18 pháp Phật bất cộng Như Lai khá được. Như vậy cho đến chẳng tức Nhất thiết trí Như Lai khá được, chẳng ly Nhất thiết trí Như Lai khá được. Chẳng tức Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí Như Lai khá được; chẳng ly Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí Như Lai khá được.

Các chư thiên! Nếu Bồ Tát Ma ha tát đối tất cả pháp đem vô sở đắc làm phương tiện, tinh siêng tu học bố thí Ba la mật như thế, nói rộng cho đến Nhất thiết tướng trí, Bồ Tát này đối Bát nhã Ba la mật đây, năng siêng tu hành thường chẳng lìa bỏ. Vậy nên các ngươi cần phải tôn thờ Bồ Tát này như các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Các chư thiên! Phải biết Ta ở thời Phật Nhiên Đăng thuở xa xưa, nơi thành Chúng Hoa, đầu ngã tư đường, thấy Phật Nhiên Đăng hiến năm hoa sen, trải tóc che bùn, cầu nghe pháp thượng diệu. Vì Ta lấy vô sở đắc làm phương tiện, nên chẳng lìa bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật; chẳng lìa nội không cho đến vô tánh tự tánh không; chẳng lìa 4 niệm trụ cho đến 8 Thánh đạo chi; chẳng lìa 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 vô sắc định; chẳng lìa tất cả Tam ma địa môn, tất cả Đà la ni môn; chẳng lìa Phật 10 lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng; chẳng lìa vô lượng, vô số, vô biên các Phật pháp khác. Khi ấy, Phật Nhiên Đăng liền trao ký Vô thượng Chánh đẳng Đại Bồ đề cho Ta, và nói: "Thiện nam tử! Ngươi ở đời sau qua vô số kiếp, tức ở cõi đây trong thời Hiền kiếp sẽ được làm Phật, hiệu Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, tuyên nói Bát nhã Ba la mật cho vô lượng chúng".

Khi ấy, các chư thiên đều thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Hiếm có. Bạch Thiện Thệ! Hiếm có. Bát nhã Ba la mật như thế rất là hiếm có. Khiến chúng Bồ Tát chóng nhiếp thọ Nhất thiết trí trí, đem vô sở đắc mà làm phương tiện, đối tất cả sắc không lấy không bỏ, đối thọ tưởng hành thức không lấy không bỏ. Cho đến đối Nhất thiết trí không lấy không bỏ; đối Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí không lấy không bỏ.

Bấy giờ, Phật thấy bốn chúng hòa hợp là Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ và các Bồ Tát, cùng Bốn đại thiên vương cho đến trời Sắc

cứu cánh đều đến nhóm hội, đồng làm minh chứng. Lúc ấy Phật nhìn Thiên Đế Thích phán rằng:

- Kiều Thi Ca! Hoặc Bồ Tát, hoặc Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ, hoặc các Thiên tử, Thiên nữ, hoặc các thiện nam, thiện nữ… chẳng lìa tâm Nhất thiết trí trí, đem vô sở đắc mà làm phương tiện, đối Bát nhã Ba la mật đây cung kính lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý, vì người diễn nói, rộng khiến lưu bố. Phải biết hạng này, tất cả ác ma và quân ác ma chẳng nhiễu hại được. Vì sao? Kiều Thi Ca! Vì các thiện nam, thiện nữ này khéo trụ sắc không, vô tướng, vô nguyện; khéo trụ thọ tưởng hành thức không, vô tướng, vô nguyện. Như vậy cho đến khéo trụ Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí không, vô tướng, vô nguyện. Chẳng thể đem không để phá hại không, chẳng thể đem vô tướng phá hại vô tướng, chẳng thể đem vô nguyện phá hại vô nguyện. Vì sao? Các pháp như thế đều không tự tánh, năng phá sở phá hại đều chẳng khá được.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Các thiện nam, thiện nữ, người phi người chẳng bị nhiễu hại được. Vì sao? Kiều Thi Ca! Các thiện nam, thiện nữ này đem vô sở đắc làm phương tiện, đối các hữu tình khéo tu tâm từ bi hỷ xả vậy. Các thiện nam, thiện nữ này trọn chẳng bị các hiểm nguy làm não hại, cũng chẳng bị hoạnh tử. Vì sao? Kiều Thi Ca! Các thiện nam, thiện nữ này tu hành bố thí Ba la mật, chính đem an lạc lợi dưỡng ban cho tất cả hữu tình vậy.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Ở Tam thiên đại thiên thế giới đây có bao trời Bốn đại vương chúng cho đến trời Quảng quả, kẻ đã phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, đối Bát nhã Ba la mật đây, nếu chưa lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý, thời chẳng nên lìa tâm Nhất thiết trí trí, đem vô sở đắc mà làm phương tiện, đối Bát nhã Ba la mật đây, hết lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý.

Bấy giờ, ở Tam thiên đại thiên thế giới Kham Nhẫn này có bao trời Bốn đại vương chúng cho đến trời Sắc cứu cánh… cung kính chấp tay đồng thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu các thiện nam, thiện nữ chẳng lìa tâm Nhất thiết trí trí, đem vô sở đắc làm phương tiện, thường năng đối Bát nhã Ba la mật thậm thâm đây, chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý, thơ tả giải nói, rộng khiến lưu bố. Chư thiên chúng con

thường theo bảo hộ chẳng để cho tất cả tai hoạnh não hại. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Các thiện nam thiện nữ này tức là đại Bồ Tát vậy.

Bạch Thế Tôn! Do đại Bồ Tát này nên khiến các hữu tình dứt hẳn: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A tu la. Do đại Bồ Tát này nên khiến các trời, người, dược xoa, rồng thảy lìa hẳn tất cả khổ hoạnh, tật dịch, bần cùng, đói khát, lạnh nóng. Do đại Bồ Tát này nên khiến các trời, người, A tu la thảy lìa hẳn các sự việc bất như ý; ở nơi chỗ nào không có chiến tranh, tất cả hữu tình thương mến lẫn nhau. Do đại Bồ Tát này nên thế gian bèn có 10 thiện nghiệp đạo, hoặc 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 vô sắc định, hoặc bố thí Ba la mật cho đến Bát nhã Ba la mật, hoặc nội không cho đến vô tánh tự tánh không, hoặc 4 niệm trụ, nói rộng cho đến 18 pháp Phật bất cộng; cho đến hoặc Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí.

Bạch Thế Tôn! Do đại Bồ Tát này nên thế gian bèn có đại tộc Sát đế lợi, đại tộc Bà la môn, Trưởng giả, Cư sĩ, các tiểu Quốc vương, chuyển luân Thánh vương, phụ thần quan liêu giúp nước. Do đại Bồ Tát này nên thế gian bèn có các trời Bốn đại vương chúng cho đến trời Tha hóa tự tại, trời Phạm chúng cho đến trời sắc cứu cánh, trời Không vô biên xứ cho đến trời phi tưởng phi phi tưởng xứ. Do đại Bồ Tát này nên thế gian bèn có Dự lưu và quả Dự lưu, cho đến A la hán và quả A la hán, hoặc Độc giác và Độc giác Bồ đề. Do đại Bồ Tát này nên thế gian bèn có các Bồ Tát thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, chứng được Vô thượng Bồ đề, quay xe diệu pháp độ vô lượng chúng. Do đại Bồ Tát này nên thế gian bèn có Phật bảo, Pháp bảo, Bí sô Tăng bảo, lợi ích an vui tất cả hữu tình.

Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên đây, Thiên chúng chúng con và A tu la, các rồng, dược xoa cùng người, phi người… có thế lực lớn, thường theo dõi cung kính bảo hộ các đại Bồ Tát đây, chẳng cho tất cả tai hoạnh não hại, khiến đối Bát nhã Ba la mật lóng nghe thọ trì, đọc tụng tu học, suy nghĩ đúng lý, thơ tả thường không gián đoạn.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Thiên Đế Thích và các thiên, long, A tu la… rằng:

- Như vậy, như vậy. Như lời các ngươi đã nói. Do đại Bồ Tát này nên khiến các hữu tình dứt hẳn ác thú, cho đến Tam Bảo xuất hiện thế gian cùng các hữu tình làm đại nhiêu ích. Vậy nên các ngươi chư thiên long thần và người, phi người có thế lực lớn, thường nên theo dõi cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, bảo hộ Bồ Tát này, chớ cho tất cả tai

hoạnh não hại. Các ngươi nếu năng cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, cần bảo hộ các Bồ Tát này, phải biết tức là cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, bảo hộ Ta và 10 phương tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Vậy nên các ngươi thường nên theo dõi Bồ Tát này, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, bảo hộ chớ được nới bỏ.

Các ông nên biết: Giả sử Tam thiên đại thiên thế giới chư Phật đầy rẫy Thanh văn, Độc giác nhiều như mía, lau, lách, tre, rừng, lúa, mè, lùm, bụi… không trống hở, có các thiện nam, thiện nữ đối với ruộng phước kia, đem vô lượng các thứ vi diệu nhất, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen trọn cả cuộc đời. **Lại có người trong chừng giây lát cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen một Bồ Tát sơ phát tâm chẳng lìa sáu Ba la mật**. Đem công đức trước sánh nhóm phước sau trăm phần chẳng kịp một, ngàn phần chẳng kịp một. Vì sao? Vì chẳng do Thanh văn và Độc giác nên có Bồ Tát và các Như Lai Ứng Chánh Đẳng giác xuất hiện ở đời, nhưng do Bồ Tát nên thế gian mới có Thanh văn, Độc giác và các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Vậy nên, các ngươi tất cả thiên, long và A tu la, người, phi người… thường nên thủ hộ cúng dường cung kính tôn trọng ngợi khen đại Bồ Tát này, chớ cho tất cả tai hoạnh não hại. Các ngươi do đây sẽ được nhóm phước ở trong người trời thường được an vui. Cho đến được Vô thượng Bồ đề, phước đã được đây hằng không dứt diệt.

Thích nghĩa:

(1). Y xá na: Chư thiên trong cõi trời Dục giới thứ sáu.

Sơ giải:

Đức Thế Tôn thuật lại việc Thế Tôn lấy vô sở đắc làm phương tiện tu hành Bát Nhã cùng vô lượng vô biên các pháp Phật khác, nên được Phật Nhiên Đăng trao ký tại thành Chúng Hoa. Đối với các Bồ Tát siêng tu tập tất cả các thiện pháp nhất là lục Ba la mật, lóng nghe, đọc tụng, thọ trì, suy nghĩ đúng lý, thơ tả thường không gián đoạn. Thế Tôn cũng sẽ trao ký cho những Bồ Tát nào hướng đến Nhất thiết chủng trí, lấy vô sở đắc làm phương tiện tu hành Bát Nhã. Đồng thời Thế Tôn nhắn nhủ tất cả Thiên chúng, A tu la, các rồng, dược xoa, trời người, phi người thường theo dõi

cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, bảo hộ các Bồ Tát này, như bảo hộ Thế Tôn.

Các Bồ Tát này là ruộng phước của tất cả trời người… Vì sao? Vì nhờ có Bồ Tát này mà thế gian có nhiều phúc lợi. Nhờ Bồ Tát này mà có tất cả thiện pháp xuất hiện trên thế gian, có các dòng đại tộc, có các Thanh văn, Độc giác, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác… Vì các duyên cớ đó, Thế Tôn trao ký. Các thiên chúng trời, rồng, A tu la v.v… nên theo dõi và bảo hộ các đại Bồ Tát thọ trì Kinh này.

Phẩm này ai đọc cũng có thể hiểu, nên không cần giải thích dong dài. ***Trong Đại trí Độ Luận*** *có một đoạn nói về Bát nhã Ba la mật rất đáng lưu ý. Nên trích ra đây để cùng học:*

"Kinh nói: Nếu trong đại thiên thế giới, có vị Thiên Tử nào đã phát tâm Vô thượng Bồ đề, mà chưa nghe Bát nhã Ba la mật, thì nay phải nghe, phải thọ trì, phải chánh ức niệm, phải tu tập, thì mới có được đại công đức.

Lời kinh trên đây cho thấy rằng, khi đã phát Vô thượng Bồ đề Tâm, thì phải nghe, phải thọ trì Bát nhã Ba la mật, trọn chẳng ly Bát nhã Ba la mật, thì mới vào được Phật đạo. Vì sao? **Vì Bát nhã Ba la mật là nền tảng của Phật đạo vậy**".

Đó là lý do tại sao Phật trao ký cho tất cả Bồ Tát lóng nghe, thọ trì, đọc tụng, suy nghĩ đúng lý, thơ tả Bát nhã Ba la mật và tất cả pháp Phật thường không gián đoạn. Đồng thời Phật bảo các Thiên chúng Trời, Rồng, A tu la v.v… thường nên thủ hộ cúng dường cung kính tôn trọng ngợi khen đại Bồ Tát này, chớ cho tất cả tai hoạnh não hại.

Phẩm này ai đọc cũng có thể hiểu, không cần giải thích dài dòng./.

---o0o---

29. PHẨM “NHIẾP THỌ”

Cuối Q.427 đến đầu Q.428, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm “Nhiếp Thọ”, đầu Q.101- Q.103, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Phẩm “Nhiếp Thọ” của Hội thứ II, ĐBN cũng tương đồng với phẩm “Diệt Tránh”(Diệt trừ cạnh tranh) của Kinh MHBNBLMĐ. Phẩm tựa tuy có khác nhưng nội dung không khác, Các đạo hữu có thể đọc song song với phẩm này, để bổ túc sự thiếu sót hay vấn đề chuyển ngữ trong việc dịch thuật có thể gây trở ngại cho sự hiểu biết hay thọ trì.

Tóm lược:

Bấy giờ, Thiên Đế Thích thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát rất là hiếm có. Đối với Bát nhã Ba la mật đây chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý, thơ tả giải nói, rộng khiến lưu bố, nhiếp thọ hiện pháp công đức thắng lợi hiếm có như thế, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật. Từ 1 nước Phật đến 1 nước Phật, gần gũi vâng thờ chư Phật Thế Tôn, đem các căn lành mà mình ưa thích để cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn; tức có khả năng làm cho các căn lành sanh trưởng, sớm được viên mãn. Từ chỗ chư Phật được thọ Chánh pháp, cho đến Vô thượng Bồ đề, ở thời gian giữa chưa từng quên mất. Chóng được dòng tộc viên mãn, cha mẹ viên mãn, sinh thân viên mãn, quyến thuộc viên mãn, tướng hảo viên mãn, quang minh viên mãn, thắng nhãn viên mãn, thắng nhĩ viên mãn, thắng âm viên mãn, đẳng trì viên mãn, tổng trì viên mãn.

Lại đem sức phương tiện khéo léo, đại Bồ Tát tự biến hóa thân mình như thân Phật. Từ một thế giới tới một thế giới, đến cõi không Phật, khen nói bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Khen nói nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Khen nói 4 lĩnh tự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc. Khen nói 4 niệm trụ, nói rộng cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Lại đem sức phương tiện khéo léo, vì các hữu tình tuyên nói pháp yếu, tùy nghi an để*(1)* trong pháp Tam thừa, khiến giải thoát hẳn sanh lão bệnh tử, chứng Vô dư y bát

Niết bàn. Hoặc lại cứu vớt khổ, khiến sanh trong trời người hưởng các thú vui. *(Q.427, ĐBN)*

Khi ấy, Thiên Đế Thích lại thưa Phật rằng:

- Bát nhã Ba la mật như thế rất là hiếm có. Nếu năng nhiếp thọ Bát nhã Ba la mật như thế, thời là nhiếp thọ đầy đủ 6 Ba la mật. Nói rộng là nhiếp thọ đầy đủ 18 pháp Phật bất cộng. Cũng là nhiếp thọ đầy đủ quả Dự lưu cho đến A la hán, Độc giác Bồ đề cho đến chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí.

Bấy giờ, Phật bảo Thiên Đế Thích rằng:

- Như vậy! Như ngươi đã nói, nếu năng nhiếp thọ Bát nhã Ba la mật như thế, là nhiếp thọ đầy đủ 6 món Ba la mật. Nói rộng cho đến nhiếp đầy đủ thọ Nhất thiết tướng trí.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ năng đối Bát nhã Ba la mật chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý, thơ tả giải nói, rộng khiến lưu bố. Các thiện nam, thiện nữ này nhiếp thọ các loại hiện pháp công đức thắng lợi đời này hay đời sau. Ngươi nên nghe kỹ, rất khéo tác ý, ta sẽ vì các ngươi phân biệt giải nói.

Thiên Đế Thích thưa:

- Dạ, xin Đại Thánh, nguyện xin nói, chúng con muốn nghe.

Phật bảo:

- Kiều Thi Ca! Nếu có các thứ tộc loại ngoại đạo, hoặc các thiên ma và quyến thuộc ma ở cõi Dục, hoặc các kẻ bạo ác tăng thượng mạn muốn đối các thiện nam thiện nữ như thế, phát khởi ác tâm, gây xa lìa, chống trái hủy báng Bát nhã Ba la mật, bọn kia vừa khởi tâm liền bị tai họa tự phải tiêu diệt, chẳng đạt sở nguyện. Vì sao? Vì các Bồ Tát này thường hành bố trí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật.

Nếu hữu tình vì xan tham nên thường tranh đấu, Bồ Tát này đối với pháp nội ngoại tất cả đều xả, phương tiện dạy họ an trụ bố thí Ba la mật. Nếu hữu tình thường phá giới, Bồ Tát này với pháp nội ngoại tất cả đều xả, phương tiện dạy họ an trụ tịnh giới Ba la mật. Nếu hữu tình thường giận dữ, Bồ Tát này phương tiện dạy họ an trụ an nhẫn Ba la mật. Nếu hữu tình thường biếng nhác, Bồ Tát này phương tiện dạy họ an trụ tinh tiến Ba la mật. Nếu hữu tình thường tán loạn, Bồ Tát này phương tiện dạy họ an trụ tĩnh lự Ba la mật. Nếu hữu tình thường ngu si u tối, Bồ Tát này phương tiện dạy họ an trụ Bát nhã Ba la mật.

Nếu các hữu tình trôi lăn sanh tử, thường bị tham sân si, tùy miên buộc bẩn rối loạn nơi tâm, tạo tác nhiều sự bất nhiêu ích*(2)*, Bồ Tát này phương tiện khéo léo khiến họ dứt diệt tham sân si cùng tùy miên buộc bẩn, khiến an trụ 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc; hoặc khiến an trụ 4 niệm trụ, nói rộng cho đến 8 chi Thánh đạo; hoặc khiến an trụ không, vô tướng, vô nguyện giải thoát môn; hoặc khiến an trụ quả Dự lưu cho đến quả A la hán; hoặc khiến an trụ Độc giác Bồ đề cho đến chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy, gọi đối Bát nhã Ba la mật đây, chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý, thơ tả giải nói, rộng khiến lưu bố*(3)*. Đó chính là các Bồ Tát nhiếp thọ **công đức thắng lợi hiện pháp.**

Kiều Thi Ca! Bồ Tát này do nhân duyên đây, ở đời vị lai mau chứng Vô thượng Bồ đề, quay xe diệu pháp, hóa độ vô lượng chúng sanh. Tùy bản sở nguyện, phương tiện an lập khiến đối Tam thừa tu học rốt ráo cho đến chứng được vô dư y Niết bàn. Như vậy, gọi là đối Bát nhã Ba la mật đây, chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý, thơ tả giải nói, rộng khiến lưu bố. Đó chính là các Bồ Tát nhiếp thọ **công đức thắng lợi tương lai**.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam thiện nữ, đối Bát nhã Ba la mật đây, chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học v.v… Chỗ địa phương kia, nếu có ác ma và quyến thuộc ma, nếu có tộc loại các thứ ngoại đạo, hoặc các kẻ bạo ác tăng thượng mạn, ganh ghét Bát nhã Ba la mật muốn ngăn ngại, phá hoại, ẩn mất, phương tiện gạn trách, lăng nhục chống trái. Dù có ý muốn này nhưng trọn chẳng thực hiện được. Ngược lại, chúng ma nhờ nghe Bát Nhã mà ác tâm dần dần tiêu mất, công đức lần lượt nẩy sanh. Về sau nhờ pháp Tam thừa được hết ngằn mé khổ, hoặc thoát ác thú sanh trong trời người được nhiều lợi vui.

Như có **diệu dược tên là mạc kỳ**, thuốc này oai thế năng tiêu các độc. Diệu dược như vậy tùy sanh chỗ nào các loại độc trùng chẳng thể đến gần. Có rắn độc lớn đói đi kiếm ăn, thấy sinh loại muốn mổ nuốt. Sanh loại kia sợ chết chạy tới chỗ có diệu dược, rắn nghe hơi thuốc bèn thối lui. Vì sao? Vì diệu dược như thế có đủ đại oai thế, năng ích thân mệnh, dẹp tiêu các độc. Phải biết Bát nhã Ba la mật có đủ đại oai thế cũng lại như thế.

Nếu các thiện nam, thiện nữ chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học v.v… Các ác ma đến chỗ Bồ Tát đây muốn làm việc ác,

do sức oai thần Bát nhã Ba la mật này nên khiến việc ác kia tự phải tiêu diệt, không làm gì được. Vì sao? Bởi vì Bát nhã Ba la mật đây có đủ đại oai lực, năng xô các ác pháp, tăng trưởng thiện pháp vậy. *(Q.427, ĐBN)*

Kiều Thi Ca! Vì sao Bát nhã Ba la mật năng xô các ác tăng trưởng các thiện?

Kiều Thi Ca! **Bát Nhã như thế, năng diệt tham dục, sân nhuế, ngu si vô minh, cho đến trọn nhóm đại khổ ngăn che, tùy miên, quấn bẩn trói buộc, hoặc ngã kiến, hữu tình kiến, bổ đặc già la kiến, đoạn kiến, thường kiến, hữu kiến, vô kiến, cho đến nhiều thứ ác kiến thú, xan tham, phá giới, giận dữ, biếng nhác, tán loạn, ngu si, tưởng thường, tưởng lạc, tưởng ngã, tưởng tịnh và tất cả tham, sân, si, mạn, nghi, kiến, hành v.v...**

Kiều Thi Ca! Như vậy Bát nhã Ba la mật **năng diệt chấp trước** sắc cho đến chấp trước thức. Năng diệt chấp trước nhãn cho đến chấp trước ý. Năng diệt chấp trước sắc thanh hương vị xúc cho đến chấp trước pháp. Năng diệt chấp trước nhãn thức cho đến chấp trước ý thức. Năng diệt chấp trước nhãn xúc cho đến chấp trước ý xúc. Năng diệt chấp trước nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến chấp trước ý xúc làm duyên sanh ra các thọ. Năng diệt chấp trước bố thí Ba la mật cho đến chấp trước Bát nhã Ba la mật. Năng diệt chấp trước nội không cho đến chấp trước vô tánh tự tánh không. Năng diệt chấp trước 4 niệm trụ, nói rộng cho đến chấp trước 18 pháp Phật bất cộng. Năng diệt chấp trước Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Năng diệt chấp trước Bồ đề, Niết bàn.

Kiều Thi Ca! Như vậy, Bát nhã Ba la mật năng diệt tất cả các pháp ác đây và năng tăng trưởng các pháp đối trị kia. Vậy nên, Bát nhã Ba la mật có đủ đại thế lực rất tôn rất thắng.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam thiện nữ, đối Bát nhã Ba la mật đây chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học v.v… suy nghĩ đúng lý, thơ tả giải nói, rộng khiến lưu bố. Các thiện nam thiện nữ này thường được các Thiên vương, Thiên tử, long thần, dược xoa, A tu la, cùng những thiên thần trong Tam thiên đại thiên đều đến ủng hộ, chẳng cho tất cả tai hoạnh não hại; các điều mong cầu đều được viên mãn. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong thế giới chư Phật như cát sông Hằng, cũng thường hộ niệm các thiện nam thiện nữ này, khiến ác nghiệp dần dần diệt tận, thiện pháp lần lược tăng trưởng: Nghĩa là khiến tăng

trưởng bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, cũng khiến tăng trưởng quán nội không cho đến quán vô tánh tự tánh không, cũng khiến tăng trưởng 4 niệm trụ, nói rộng cho đến 18 pháp Phật bất cộng, cũng khiến tăng trưởng tất cả Tam ma địa môn và Đà la ni môn, cũng khiến tăng trưởng Nhất thiết trí và Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí.

Kiều Thi Ca! Các thiện nam, thiện nữ này do nhân duyên đây, nên lời lẽ oai nghiêm, người nghe đều cung kính, luận nói cân xứng, lời không lầm lộn, khéo biết trả ơn, luôn thờ bạn lành; chẳng bị san tham, đố kị, giận hờn, phiền não, nịnh dối, kiêu mạn… làm che khuất.

Kiều Thi Ca! Các thiện nam, thiện nữ này tự lìa giết hại, cũng khuyên người lìa giết hại, tùy thuận tán dương pháp lìa giết hại, vui mừng ngợi khen kẻ lìa giết hại. Cho đến tự lìa tà kiến, cũng khuyên người lìa tà kiến, tùy thuận tán dương pháp lìa tà kiến, vui mừng ngợi khen kẻ lìa tà kiến. Tự thường hành bố thí Ba la mật, cũng khuyên người hành bố thí Ba la mật, tùy thuận tán dương pháp hành bố thí Ba la mật, vui mừng ngợi khen kẻ hành bố thí Ba la mật. Cho đến tự thường hành Bát nhã Ba la mật, cũng khuyên người hành Bát nhã Ba la mật, tùy thuận tán dương pháp hành Bát nhã Ba la mật, vui mừng ngợi khen kẻ hành Bát nhã Ba la mật. Tự thường hành nội không, cũng khuyên người hành nội không, tùy thuận tán dương pháp hành nội không, vui mừng ngợi khen kẻ hành nội không. Cho đến tự thường hành vô tánh tự tánh không, cũng khuyên người hành vô tánh tự tánh không, tùy thuận tán dương pháp hành vô tánh tự tánh không, vui mừng ngợi khen kẻ hành vô tánh tự tánh không. Tự thường tu 4 tĩnh lự cũng khuyên người tu 4 tĩnh lự, tùy thuận tán dương pháp tu 4 tĩnh lự, vui mừng ngợi khen kẻ tu 4 tĩnh lự. Tự thường tu 4 vô lượng, cũng khuyên người tu 4 vô lượng, tùy thuận tán dương pháp tu 4 vô lượng, vui mừng ngợi khen kẻ tu 4 vô lượng. Tự thường tu 4 định vô sắc, cũng khuyên người tu 4 định vô sắc, tùy thuận tán dương pháp tu 4 định vô sắc, vui mừng ngợi khen kẻ tu 4 định vô sắc. Nói rộng cho đến thường tu tất cả pháp Phật, cũng khuyên người tu tất cả pháp Phật, tùy thuận tán dương phương pháp tu tập tất cả thiện pháp, vui mừng ngợi khen kẻ tu tất cả các thiện pháp.

Kiều Thi Ca! Các thiện nam, thiện nữ này tu hành bố thí cho đến Bát Nhã, đem vô sở đắc mà làm phương tiện, cùng các hữu tình bình đẳng chung có, hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Các thiện nam, thiện nữ này

thường khởi nghĩ rằng: Nếu ta chẳng hành bố thí Ba la mật, thì phải sanh vào nhà bần tiện, không thế lực, đâu có thể thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, huống chi sẽ chứng Nhất thiết trí trí. Nếu ta chẳng trì tịnh giới Ba la mật, phải đọa ác thú, chẳng được thân người, thì đâu có thể thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, huống chi đắc Nhất thiết trí trí. Nếu ta chẳng tu an nhẫn Ba la mật, thân căn tàn tạ, hình mạo xấu xí, chẳng đủ sắc thân Bồ Tát viên mãn, lấy đâu thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, huống chi năng được Nhất thiết trí trí. Nếu ta biếng nhác, chẳng khởi tinh tiến Ba la mật, hãy chẳng được Bồ Tát đạo, chẳng thể thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, huống chi năng đắc Nhất thiết trí trí. Nếu ta loạn tâm, chẳng vào tĩnh lự Ba la mật, chẳng năng khởi thắng định Bồ Tát, đâu có thể thành thục tất cả hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, huống chi năng đắc Nhất thiết trí trí? Nếu ta vô trí, chẳng học Bát nhã Ba la mật, chẳng được phương tiện khéo léo vượt bậc Nhị thừa, đâu có thể thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, huống chi năng đắc Nhất thiết trí trí.

Kiều Thi Ca! Các thiện nam, thiện nữ này thường khởi nghĩ: Ta chẳng nên theo thế lực tham lam. Nếu theo lực kia thời bố thí Ba la mật chẳng được viên mãn. Ta chẳng nên theo thế lực phá giới. Nếu theo lực kia thời tịnh giới Ba la mật chẳng được viên mãn. Ta chẳng nên theo thế lực giận dữ. Nếu theo lực kia thời an nhẫn Ba la mật chẳng được viên mãn. Ta chẳng nên theo thế lực lười biếng. Nếu theo lực kia, thời tinh tiến Ba la mật chẳng được viên mãn. Ta chẳng nên theo thế lực loạn tâm. Nếu theo lực kia, thời tĩnh lự Ba la mật chẳng được viên mãn. Ta chẳng nên theo thế lực ác huệ. Nếu theo lực kia, thời Bát nhã Ba la mật chẳng được viên mãn. Nếu ta sở tu bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật chẳng viên mãn, quyết chẳng có khả năng đắc Nhất thiết trí trí.

Kiều Thi Ca! Các thiện nam, thiện nữ này tâm chẳng lìa Nhất thiết trí trí, đem vô sở đắc mà làm phương tiện, đối Bát nhã Ba la mật đây chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý, thơ tả giải nói, rộng khiến lưu bố, quyết được sẽ được **công đức thắng lợi trong tương lai**. *(Q.427, ĐBN)*

Bấy giờ, Thiên Đế Thích thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế rất là hiếm có, điều phục chúng Bồ Tát chẳng để cống cao mới có khả năng hồi hướng Nhất thiết trí trí được.

Phật hỏi Thiên Đế Thích rằng:

- Kiều Thi Ca! Sao là Bát nhã Ba la mật điều phục chúng Bồ Tát chẳng để cống cao, mới có khả năng hồi hướng Nhất thiết trí trí được?

Thiên Đế Thích bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát khi **hành bố thí theo thế gian**, nếu ở chỗ Phật hành bố thí mà khởi nghĩ này: Ta đã cúng dường chư Phật, hoặc ta đã thí phát cho vô số Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát, những kẻ côi cùng, già bệnh, kẻ lỡ đường, hành khất. Bồ Tát **hành bố thí vì không phương tiện khéo léo**, nên hành bố thí mà tự mãn, khởi cống cao, nên chẳng có khả năng hồi hướng Nhất thiết trí trí được. Các Bồ Tát khi hành thế gian tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật mà khởi nghĩ này: Ta đã từng tu hành tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật. Hơn nữa lại khởi nghĩ: Ta hoàn thành tốt đẹp tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật, Bồ Tát này **vì không phương tiện khéo léo**, nên dù hành tịnh giới cho đến Bát nhã Ba la mật mà khởi cống cao, chẳng có khả năng hồi hướng Nhất thiết trí trí được. Các Bồ Tát khi tu hành 37 pháp trợ đạo, tam giải thoát môn, Phật 10 lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 Phật bất cộng. Nếu khởi nghĩ này: Ta đã từng tu hành 37 pháp trợ đạo cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Hoặc khởi nghĩ nữa: Ta đã hoàn thành tốt đẹp 37 pháp trợ đạo cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Bồ Tát này vì không phương tiện khéo léo, nên dù hành tất cả pháp Phật như thế mà khởi cống cao, chẳng có khả năng hồi hướng Nhất thiết trí trí được.

Bạch Thế Tôn! Chúng Bồ Tát như thế, nương tâm thế gian tu các thiện pháp, vì không phương tiện khéo léo, bị chấp ngã, ngã sở làm rối tâm, nên dù có tu Bát Nhã mà chẳng đắc, nên chẳng như thật điều phục cống cao, cũng chẳng như thật hồi hướng Nhất thiết trí trí được.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ Tát khi hành **bố thí Ba la mật xuất thế**, vì khéo tu Bát Nhã, thì chẳng thấy người thí, kẻ thọ thí, vật bố thí. Bồ Tát này nương tựa Bát nhã Ba la mật mà hành bố thí, nên có khả năng như thật điều phục tâm cống cao, do đó cũng có khả năng hồi hướng Nhất thiết trí trí. Nếu Bồ Tát khi hành xuất thế tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật, khéo tu Bát Nhã, nên chẳng thấy đắc tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát Nhã và tất cả pháp. Bồ Tát này nương dựa Bát nhã Ba la mật mà hành tịnh giới cho đến Bát Nhã, nên có khả năng như thật điều phục cống cao, do đó cũng có khả năng hồi hướng Nhất thiết trí trí.

Nếu Bồ Tát khi hành xuất thế 4 niệm trụ, nói rộng cho đến Nhất thiết tướng trí. Vì khéo tu Bát Nhã nên chẳng thấy đắc 4 niệm trụ, nói rộng cho đến Nhất thiết tướng trí và tất cả pháp. Bồ Tát này nương dựa Bát nhã Ba la mật hành 4 niệm trụ, nói rộng cho đến Nhất thiết tướng trí, nên có khả năng như thật điều phục cống cao, do đó cũng có khả năng hồi hướng Nhất thiết trí trí. Nếu Bồ Tát khi thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, khéo tu Bát Nhã nên chẳng thấy đắc thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật và tất cả pháp. Bồ Tát này nương dựa Bát nhã Ba la mật mà thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, nên có khả năng như thật điều phục cống cao, do đó cũng có khả năng hồi hướng Nhất thiết trí trí.

Bạch Thế Tôn ! Do nhân duyên đây con tác thuyết: **Bát Nhã như thế rất là hiếm có, điều phục chúng Bồ Tát chẳng để cống cao nên có khả năng hồi hướng Nhất thiết trí trí.**

Thích nghĩa:

(1). An để: An trú, an trụ hay an định.

(2). Bất nhiêu ích có nghĩa là không có lợi ích hay vô ích.

(3). Lưu bố: Lưu hành, truyền bá.

Sơ giải:

1. Thế nào là nhiếp thọ Bát nhã Ba la mật?

Nhiếp thọ Bát nhã Ba la mật có nghĩa là không những đối Bát nhã Ba la mật mà cả đối với tất cả pháp thế gian, xuất thế gian, chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý, thơ tả giảng nói, rộng khiến lưu bố. Vì tất cả pháp đều thu nhiếp vào Bát nhã Ba la mật. Những ai tu hành Bát Nhã có phương tiện khéo léo, nhất định sẽ được công đức thắng lợi trong hiện tại hay vị lai không thể nghĩ bàn. Vì sao?

Vì “Bát nhã Ba la mật như thế, năng diệt tham dục, sân nhuế, ngu si vô minh, cho đến trọn nhóm đại khổ ngăn che, tùy miên, quấn bản trói buộc, hoặc ngã kiến, hữu tình kiến, bổ đặc già la kiến, đoạn kiến, thường kiến, hữu kiến, vô kiến, cho đến nhiều thứ kiến thú, xan tham, phá giới, giận dữ,

biếng nhác, tán loạn, ngu si, tưởng thường, tưởng lạc, tưởng ngã, tưởng tịnh và tất cả tham, sân, si, mạn, nghi, kiến, hành khác v.v…"

Nhờ nhiếp thọ Bát nhã Ba la mật như thế, nên các thiện pháp và các căn lành được tăng trưởng thù thắng, chóng giải thoát khổ não, mau chứng Niết bàn, đạt Nhất thiết trí trí, thành thục hữu tình, thanh tịnh Phật độ, quay xe diệu pháp độ chúng hữu tình yên vui rốt ráo!

2. Thế nào tu Bát Nhã để tự điều phục thân tâm?

Phật hỏi Thiên Đế Thích:

- Kiều Thi Ca! Sao là Bát nhã Ba la mật điều phục chúng Bồ Tát chẳng để cống cao, mới có khả năng hồi hướng Nhất thiết trí trí được?

Nếu hành sáu pháp Ba la mật mà chẳng lìa ngã-ngã sở, vẫn còn chấp tướng, ví như bố thí mà vẫn còn chấp có người thí, có người thọ và có vật thí, thì chưa tự mình điều phục, hiến chi có thể thành thục chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, có khả năng hồi hướng Nhất thiết trí trí. Nên Kiều Thi Ca nhân đây mới nói đến Bố thí thế gian và Bố thí xuất thế gian:

1- Hành bố thí thế gian: *Khi hành thế gian bố thí mà khởi nghĩ này: Ta đã từng tu hành bố thí. Ta hoàn thành tốt đẹp pháp bố thí. Không ai hy sinh giúp đở mọi người như ta v.v... Như vậy Bồ Tát* ***vì không phương tiện khéo léo****, nên dù hành bố thí mà khởi cống cao, chẳng có khả năng hồi hướng Nhất thiết trí trí. Đó là cái khiếm khuyết của người tu bố thí nên gọi là hành bố thí thế gian. Bố thí tuy có phước đức nhưng chỉ là nhân hữu lậu.*

Nên Kinh nói: **"Chúng Bồ Tát như thế, nương tâm thế gian tu các thiện pháp, vì không phương tiện khéo léo, bị chấp ngã, ngã sở làm rối tâm, nên dù có tu Bát Nhã mà chẳng đắc, nên chẳng như thật điều phục cống cao, cũng chẳng như thật hồi hướng Nhất thiết trí trí được".**

2- Hành bố thí xuất thế gian: *Bồ Tát khéo tu Bát Nhã, chẳng thấy người thí, kẻ thọ, vật bố thí. Bố thí như vậy thì gọi là tam luân không tịch. Bồ Tát này nương Bát nhã Ba la mật mà hành bố thí được tịnh hạnh, nên có thể điều phục thân tâm. Tu như vậy gọi* ***là có phương***

***tiên khéo léo**, nên có khả năng hồi hướng Nhất thiết trí trí. Đó chính là nhân vô lậu, phước đức không thể nghĩ bàn.*

***Phẩm này giáo lý đơn giản. Mục đích thuyết về tu lục Ba la mật để điều phục thân tâm hay nói khác trước hết là được tịnh hạnh sau nữa là tịnh đạo Bồ đề.** Nên Kinh MHBNBLMĐ nói rằng:*

"Khi thực hành Bát nhã Ba la mật, tự niệm rằng:

- Nếu ta **chẳng hành bố thí**, thì ta sẽ thọ báo bần cùng, sẽ chẳng thành tựu được chúng sanh, chẳng thanh tịnh được Phật độ, dẫn đến chẳng được Nhất thiết chủng trí.

- Nếu ta **chẳng trì giới**, thì sẽ thọ báo sanh vào 3 đường ác, chẳng được làm thân người, chẳng thành tựu được chúng sanh, chẳng thanh tịnh được Phật độ, dẫn đến chẳng được Nhất thiết chủng trí.

- Nếu ta **chẳng hành nhẫn nhục**, thì ta sẽ chẳng được các căn đầy đủ, chẳng được sắc thân toàn vẹn như Bồ Tát, chẳng thành tựu được chúng sanh, chẳng thanh tịnh được Phật độ, dẫn đến được Nhất thiết chủng trí.

- Nếu ta **giải đãi**, thì ta sẽ chẳng hành được Bồ Tát đạo, chẳng thành tựu được chúng sanh, chẳng thanh tịnh được Phật độ, dẫn đến chẳng được Nhất thiết chủng trí.

- Nếu ta **loạn tâm**, thì ta chẳng vào được các thiền định, chẳng thành tựu được chúng sanh, chẳng thanh tịnh được Phật độ, dẫn đến chẳng được Nhất thiết chủng trí.

- Nếu ta **vô trí**, thì ta sẽ chẳng có được các lực và phương tiện, chẳng có thể thắng được hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, chẳng thành tựu được chúng sanh, chẳng thanh tịnh được Phật độ, dẫn đến chẳng được Nhất thiết chủng trí.

Này Kiều Thi Ca! Các Thiện Nam, Thiện Nữ này, khi thực hành Bát nhã Ba la mật, lại tự niệm rằng:

- Nếu xan tham, thì chẳng được đầy đủ Đàn Ba La Mật.
- Nếu phạm giới, thì chẳng được đầy đủ Thi La Ba La Mật.
- Nếu sân nhuế, thì chẳng được đầy đủ Sằn Đề Ba La Mật.
- Nếu giải đãi, thì chẳng được đầy đủ Tỳ Lê Gia Ba La Mật.
- Nếu loạn tâm, thì chẳng được đầy đủ Thiền Ba La Mật.
- Nếu ngu si, thì chẳng được đầy đủ Bát nhã Ba la mật.

Nói chung, nếu chẳng tu đầy đủ 6 pháp Ba La Mật, thì chẳng thế nào được Nhất thiết chủng trí vậy”.

Các giáo lý này cũng được thuyết đi thuyết lại nhiều lần nên ai cũng có thể nhiếp thọ, không cần giải thích thêm.

*Sau đây là **thí dụ** nói lên thế nào là Bố thí theo thế gian và bố thí xuất thế gian trong **tác thứ nhất Bích Nham Lục:***

Bồ Đề Đạt Ma, vị La Hán thứ 28 truyền thừa từ Đức Thích Ca mâu Ni, theo phó chúc của Tổ thứ 27 là Bát Nhã Đa La sang Tàu truyền pháp, nên Tổ Đạt Ma mới diện kiến vua Lương Võ Đế để xin ủng hộ. Lương Võ Đế là người mộ đạo, thường mặc áo cà sa, đích thân giảng Kinh Phóng Quang Bát Nhã, thí phát qui y cho hàng trăm ngàn tín đồ, xây chùa độ Tăng, tu hành theo giáo lý. Thiên hạ gọi ông là Phật Tâm Thiên Tử.

Lúc mới gặp Đạt Ma, Võ Đế bèn hỏi: “Trẫm xây chùa độ Tăng như thế có công đức chăng?” Đạt Ma bảo “Chẳng có công đức gì cả”. Câu trả lời đó chẳng khác nào tạt nước lã vào mặt người ta. Tục truyền rằng Võ Đế nghi Đạt Ma chỉ là “Tổ giả”, nên muốn đánh thuốc độc, Tổ đoán biết nên nửa đêm vượt sông mà sang đất Ngụy.

Trở lại câu chuyện, Tổ Đạt Ma thấy Võ Đế tu hành mà còn nói tới công đức, tức còn chấp tướng, còn nắm bắt mới trả lời là không có công đức. Đó là lối tu theo thế gian, cái tu hữu lậu, tức tu như vậy tuy có công đức nhưng chỉ là công đức hữu lậu, vì còn chấp đắm, không được rốt ráo. Vì vậy, mà Tổ trả lời là không có công đức. Nhưng Võ Đế không hiểu, nên phật lòng.

Còn về phần Tổ đã dày công tu luyện, biết thế nào tu vô lậu. Không mong cầu nắm bắt, nên mới được gọi là tu Ba la mật xuất thế gian./.

---o0o---

30. PHẨM "BẢO THÁP"

Cuối quyển 428, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương với Đoạn một, phẩm "So Lường Công Đức", từ Q.103 đến Q.104, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Phẩm "So Lường Công Đức" của ĐBN là một phẩm dài (từ Q.103 cho đến đầu Q.168, tổng cộng 66 quyển). Nếu so sánh phẩm này của Kinh ĐBN với Kinh MHBNBLMĐ thì phẩm "So Lường Công Đức" bằng 8 phẩm: Phẩm "Bửu Tháp Đại Minh", phẩm "Thuật Thành", phẩm "Khuyến Trì", phẩm "Khiển Trừ Ma Ngoại", phẩm "Tôn Đạo", phẩm "Xá Lợi", phẩm "Pháp Thí" (phần trên), phẩm "Tương Tợ" (phần dưới) của Kinh MHBNBLMĐ nhập lại. Nói như vậy có nghĩa phẩm "Bảo Tháp" của Kinh MHBNBLMĐ chỉ bằng 1/8 phẩm "So Lường Công Đức" của Kinh ĐBN.

Vì, Hội thứ II không thích nghĩa cũng như không chiết giải nhiều, nên trên đầu mỗi phẩm tựa của Kinh ĐBN thuộc Hội thứ II này, chúng tôi có ghi thêm phẩm tương đương từng đoạn của Kinh ĐBN thuộc Hội thứ I để dễ tra cứu hay tham khảo nếu cần.

Tóm lược:

1. Công năng của Bát Nhã đối với người đọc tụng thọ trì.

Bấy giờ, Phật bảo Thiên Đế Thích rằng: Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Kinh điển Bát nhã Ba la mật thậm thâm, **chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng**, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý, thơ tả giải nói, rộng khắp lưu bố. Các thiện nam thiện nữ này, thân thường yên ổn, tâm hằng vui vẻ, chẳng bị tất cả tai hoạnh não hại.

Nếu các thiện nam thiện nữ này, hoặc ở quân ngũ khi phải xáp trận, chăm lòng tụng niệm Bát Nhã, sẽ được các hữu tình từ bi giúp đỡ, chẳng bị dao gậy làm thương tổn; kẻ oán địch đều khởi từ tâm, nếu họ khởi ác tâm thì tự nhiên lui bại. Các thiện nam thiện nữ này, nếu ở chiến trận bị đao tên làm thương tổn cho đến mất mạng, quyết không có lẽ ấy. Vì sao?

Vì các thiện nam, thiện nữ này đem vô sở đắc mà làm phương tiện, đã nhiều kiếp*(1)* tu tập bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát Nhã. Tự có khả năng hàng phục dao gậy tham dục, cũng có khả năng trừ dao gậy tham dục cho người. Tự có khả năng hàng phục dao gậy giận dữ, cũng có khả năng trừ dao gậy giận dữ cho người. Tự có khả năng hàng phục dao gậy ngu si, cũng năng trừ dao gậy ngu si cho người. Tự có khả năng hàng phục dao gậy kiêu mạn, cũng năng trừ dao gậy kiêu mạn cho người. Tự có khả năng hàng phục dao gậy ác kiến, cũng năng trừ dao gậy ác kiến cho người. Tự có khả năng hàng phục dao gậy tùy miên, cũng năng trừ dao gậy tùy miên cho người. Tự có khả năng hàng phục dao gậy triền cấu, cũng có khả năng trừ dao gậy triền cấu cho người. Tự có khả năng hàng phục dao gậy ác nghiệp, cũng năng trừ dao gậy ác nghiệp cho người.

Kiều Thi Ca! Do nhân duyên đây nên các thiện nam thiện nữ này, nếu vào quân trận chẳng bị dao gậy làm thương tổn, sát hại. Đối kẻ oán địch đều khởi từ tâm, nếu khởi ác tâm tự nhiên lui bại. Các thiện nam, thiện nữ này chăm lòng tụng niệm Bát Nhã thậm thâm vì sức oai thần, nếu ở quân trận đao tên làm thương tổn đến mất mạng quyết không có lẽ ấy.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ chẳng lìa tâm Nhất thiết trí trí, đem vô sở đắc mà làm phương tiện, thường đối Bát Nhã thậm thâm như thế, chăm lòng lắng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, thơ tả giải nói, rộng khiến lưu bố. Các thiện nam thiện nữ này, tất cả độc dược, đồng cốt, quỷ mỵ, bùa ếm, chú thuật đều chẳng hại được; nước chẳng thể nhận chìm, lửa chẳng thể đốt cháy, dao gậy, ác thú, oán tặc, ác thần, chúng tà, vọng lượng, chẳng thể tổn hại được. Vì sao? Vì Bát Nhã như thế là **Đại thần chú. Bát Nhã như thế là Đại minh chú, là Vô thượng chú**, **là Vô đẳng đẳng chú, là Vua tất cả chú**. Rất thượng rất diệu, không gì bì kịp, đủ đại uy lực, năng dẹp tất cả, mà chẳng bị tất cả đè dẹp. Các thiện nam thiện nữ này tinh siêng tu học Chú vương như thế, chẳng bị hại, chẳng hại người, chẳng hại cả hai. Vì sao? Vì các thiện nam thiện nữ này học Bát nhã Ba la mật đây, rõ thấu mình người đều bất khả đắc vậy.

Kiều Thi Ca! Các thiện nam, thiện nữ này khi học Đại vương Thần chú Bát nhã Ba la mật đây, chẳng đắc ngã, chẳng đắc hữu tình, cho đến chẳng đắc tri giả kiến giả. Chẳng đắc sắc, chẳng đắc thọ tưởng hành thức. Cho đến chẳng đắc Nhất thiết trí, chẳng đắc Đạo tướng trí, Nhất thiết

tướng trí. Vì **đối với tất cả pháp đây đều vô sở đắc**, nên chẳng bị hại, chẳng hại người, chẳng hại cả hai.

Kiều Thi Ca! Các thiện nam, thiện nữ này, khi học Đại vương Thần chú Bát Nhã đây, đối với ngã và pháp tuy không nắm bắt nhưng vẫn chứng Vô thượng Bồ đề, quán tâm hành sai khác của các hữu tình, tùy nghi chuyển bánh xe pháp Vô thượng, khiến cho họ như thuyết tu hành, đều được lợi ích an vui. Vì sao? Vì chúng Bồ Tát quá khứ đối Đại Vương Thần Chú Bát Nhã đây, tinh siêng tu học, đã chứng Vô thượng Bồ đề, quay xe diệu pháp độ vô lượng chúng sanh. Các Bồ Tát vị lai đối Đại Vương Thần Chú Bát Nhã đây, tinh siêng tu học, sẽ chứng Vô thượng Bồ đề, quay xe diệu pháp độ vô lượng chúng sanh. Có các Bồ Tát hiện tại mười phương vô biên thế giới, đối Đại Vương Thần Chú Bát Nhã đây, tinh siêng tu học, hiện chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, quay xe diệu pháp độ vô lượng chúng sanh.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu các các thiện nam thiện nữ đối Bát nhã Ba la mật đây, chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý v.v... Các thiện nam, thiện nữ này, tùy ở cõi nước, thành ấp nào, người phi người, chẳng bị tất cả tai hoạnh tật dịch làm tổn hại. Vì sao? Vì các thiện nam, thiện nữ này, tùy ở chỗ nào trong Tam thiên đại thiên thế giới đây và các thế giới 10 phương vô biên khác, có bao nhiêu trời Bốn đại vương chúng cho đến trời Sắc cứu cánh và các long thần, A tu la v.v… thường đến thủ hộ cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, chẳng để Bát nhã Ba la mật bị lưu nạn vậy.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ **viết Đại Vương Thần Chú Bát Nhã đây, để chỗ thanh tịnh, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen,** tuy không thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, nhưng quốc ấp vương đô có Thần chú hiện diện, người phi người chẳng bị tất cả tai hoạnh tật dịch làm tổn hại. Vì sao? Vì Đại Vương Thần Chú Bát Nhã như thế tùy ở chỗ nào trong Tam thiên đại thiên thế giới đây và các thế giới mười phương vô biên khác, tất cả trời Bốn đại vương chúng cho đến trời Sắc cứu cánh cùng các long thần, A tu la v.v… thường đến thủ hộ, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, chẳng cho Đại Vương Thần Chú Bát Nhã bị lưu nạn vậy.

Kiều Thi Ca! Thiện nam, thiện nữ này chỉ viết Đại Vương Thần Chú Bát Nhã tôn trí chỗ thanh tịnh, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen

hãy được **hiện pháp lợi ích** như thế, huống thường lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý và vì người phân biệt giải nói. Phải biết các bậc này công đức vô biên, mau chứng Bồ đề lợi vui tất cả.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam, thiện nữ sợ hãi, oan gia, ác thú, tai hoạnh, bùa ếm, tật dịch, độc dược… nên viết Đại Vương Thần Chú Bát Nhã, tùy nhiều hay ít **đựng trong đãy hương, cất giữ trong ống ngọc, hằng đeo theo thân,** cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen. Các việc sợ hãi đều tự tiêu trừ, vì được thiên long quỷ thần thường thủ hộ vậy.

Kiều Thi Ca! Ví như có người, hoặc loại bàng sanh lo sợ chạy vào cội Bồ đề, hoặc đến gần cội Bồ đề, người phi người… chẳng thể làm tổn hại được. Vì sao? Vì chư Phật quá khứ vị lai hiện tại đều ngồi nơi đây chứng được Vô thượng Bồ đề. Được Bồ đề rồi, mới bảo vệ hữu tình khỏi bị khủng bố, oán hại. Lại an lập vô lượng vô số hữu tình, khiến trụ diệu hạnh trời người tôn quý. An lập vô lượng vô số hữu tình, khiến trụ diệu hạnh Tam thừa yên vui. An lập vô lượng vô số hữu tình, khiến chứng được hoặc quả Dự lưu cho đến quả A la hán. An lập vô lượng vô số hữu tình, khiến chứng Độc giác Bồ đề, hoặc chứng Vô thượng Bồ đề. Thắng sự như thế đều do sức uy thần Bồ Tát đã chứng ngộ tại cội Bồ đề. Vậy nên chỗ này tất cả thiên long, A tu la v.v… đều chung thủ hộ cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen.

Phải biết Kinh điển Bát nhã Ba la mật, tùy ở chỗ nào cũng lại như vậy. Tất cả thiên long, A tu la v.v… thường đến thủ hộ, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, chẳng để Bát nhã Ba la mật bị lưu nạn.

Kiều Thi Ca! Kinh điển Bát nhã Ba la mật thậm thâm như thế tùy ở chỗ nào, phải biết chỗ ấy tức chơn Chế đa*(2)*. Tất cả hữu tình đều nên kính lễ, phải đem các thứ thượng diệu tràng hoa, hương xoa, hương bột cùng tràng phan lọng báu, các ngọc diệu trân kỳ quý lạ mà cúng dường.

2. So sánh công đức của người thọ trì Bát Nhã với người xây bảo tháp thờ Xá lợi Phật:

Bấy giờ, Thiên Đế Thích bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu các thiện nam thiện nữ **viết Kinh điển Bát nhã Ba la mật** đây, đem các thứ trang nghiêm cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen. Lại đem các thứ thượng diệu tràng hoa, hương xoa,

hương bột cùng các ngọc diệu trân kỳ quý lạ v.v… cúng dường. Lại có các thiện nam thiện nữ, sau Phật Niết bàn khởi **xây Bảo tháp, dùng bảy báu trang nghiêm, đựng Thiết lợi la Phật***(3)* nơi hòm ngọc lưu giữ trong tháp, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen. Lại đem các thứ thượng diệu tràng hoa, hương xoa, hương bột cùng các ngọc diệu trân kỳ quý lạ v.v… cúng dường. Hai chỗ sanh phước, chỗ nào nhiều hơn?

Phật bảo:

- Kiều Thi Ca! Ta hỏi lại ngươi, tùy ý ngươi đáp. Ý ông nghĩ sao? Như Lai đã được Nhất thiết tướng trí và thân tướng hảo, nương những pháp nào tu học mà được?

Thiên Đế Thích thưa:

- Bạch Thế Tôn! Như Lai đã được Nhất thiết tướng trí và thân tướng hảo, nương Kinh điển Bát Nhã thậm thâm đây tu học mà được.

Phật bảo:

- Kiều Thi Ca! Như vậy! Như ngươi đã nói. Ta nương Kinh điển Bát Nhã mà tu học, nên được Nhất thiết tướng trí và thân tướng hảo. Vì sao? Kiều Thi Ca! Chẳng học Kinh điển Bát Nhã thậm thâm mà chứng được Vô thượng Bồ đề, không có lẽ ấy. Kiều Thi Ca! Chẳng phải đắc thân tướng hảo nên gọi là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, mà **do chứng được Nhất thiết tướng trí nên gọi là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác**.

Kiều Thi Ca! Như Lai đã được Nhất thiết tướng trí, do Bát nhã Ba la mật làm nhân mà khởi Phật thân tướng hảo chỉ là chỗ nương. Nếu chẳng nương dựa Phật thân tướng hảo, Nhất thiết tướng trí không do đâu mà khởi. Vậy nên Bát nhã Ba la mật chính là nhân khởi Nhất thiết trí trí. Muốn khiến trí này hiện tại nối nhau, nên lại phải tu nhóm Phật thân tướng hảo. Thân tướng hảo đây, nếu chẳng phải biến trí làm chỗ nương, thời tất cả thiên, long, người, phi người chẳng hết lòng thành cúng dường cung kính. Vì thân tướng hảo cùng Phật biến trí làm chỗ nương dựa, nên chư thiên long, thần, người, phi người thảy cúng dường cung kính. Bởi duyên cớ này nên sau Ta Niết bàn, chư thiên long, thần, người, phi người thảy cúng dường cung kính Thiết lợi la của Ta.

Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ đối Kinh điển Bát Nhã thậm thâm cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, tức là cúng dường Nhất thiết tướng trí và Phật thân tướng hảo, cùng Thiết lợi la sau khi Phật nhập

Niết bàn. Vì sao? Kiều Thi Ca! **Vì Nhất thiết tướng trí và thân tướng hảo cùng Thiết lợi la đều lấy Bát nhã Ba la mật làm căn bản.**

Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam thiện nữ chỉ đối Phật thân và Thiết lợi la cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, thì chẳng phải là cúng dường Nhất thiết tướng trí và Bát Nhã đây. Vì sao? Kiều Thi Ca! Vì di thể thân Phật chẳng phải làm căn bản cho Bát Nhã và Nhất thiết tướng trí.

Kiều Thi Ca! Do nhân duyên đây, nếu các thiện nam thiện nữ muốn cúng dường Phật hoặc thân hoặc tâm và các công đức khác; **trước phải lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý, thơ tả, giải nói Kinh điển Bát nhã Ba la mật thậm thâm** như thế. Lại đem các phẩm thượng diệu mà cúng dường.

Vì vậy, nếu các thiện nam, thiện nữ **viết Kinh điển Bát Nhã** thậm thâm đây, rồi dùng các thứ trang nghiêm, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen v.v… Lại có các thiện nam, thiện nữ, sau Phật Niết bàn khởi xây tháp bảy báu, dùng hòm ngọc để lưu giữ Thiết lợi la của Phật trong bảo tháp, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, lại đem các phẩm thượng diệu tràng hoa, hương xoa, hương bột, tràng phan, lọng báu, các ngọc diệu trân kỳ quý lạ mà cúng dường. Cả hai đều sanh phước đức, **nhưng chỗ trước được nhiều phước đức hơn đến vô lượng bội số**. Vì sao? Vì Kinh điển Bát Nhã thậm thâm như thế thường sanh bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Thường hiển thị nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Thường sanh 4 niệm trụ, nói rộng cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Thường sanh tất cả Tam ma địa, Đà la ni môn. Thường thành xong việc thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật. Thường thành xong Bồ Tát tộc họ viên mãn, thân sắc viên mãn, của cải viên mãn, quyến thuộc viên mãn. Thường thành xong tất cả đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả. Thường thành xong thế gian đại tộc Sát đế lợi, đại tộc Bà la môn, Trưởng giả, Cư sĩ, trời Bốn đại vương chúng cho đến trời Sắc cứu cánh. Thường thành xong trời Không vô biên xứ cho đến trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Thường thành xong quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề. Thường thành xong Bồ Tát hạnh, chư Phật Vô thượng Bồ đề. Thường thành xong vô thượng vô đẳng Nhất thiết tướng trí vậy.

Bấy giờ, Thiên Đế Thích thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Không lẽ người châu Thiệm bộ chẳng biết cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen Kinh điển Bát Nhã thậm thâm là thu được nhiều công đức thắng lợi chăng?

Phật bảo:

- Kiều Thi Ca! Ta hỏi lại ngươi, tùy ý đáp. Ý ông nghĩ sao? Trong châu Thiệm bộ có bao nhiêu người thành Phật chứng tịnh, thành Pháp chứng tịnh, thành Tăng chứng tịnh ? Có bao nhiêu người đối Phật không nghi, đối Pháp không nghi, đối Tăng không nghi? Có bao nhiêu người đối Phật rốt ráo, đối Pháp rốt ráo, đối Tăng rốt ráo? Có bao nhiêu người được 37 Bồ đề phần pháp? Có bao nhiêu người được ba môn giải thoát? Có bao nhiêu người được tám giải thoát? Có bao nhiêu người được chín định thứ lớp? Có bao nhiêu người được bốn vô ngại giải? Có bao nhiêu người dứt hẳn ba gút được quả Dự lưu? Có bao nhiêu người làm mỏng tham sân si được quả Nhất lai? Có bao nhiêu người dứt năm gút thuận hạ phần được quả Bất hoàn? Có bao nhiêu người dứt năm gút thuận thượng phần được quả A la hán? Có bao nhiêu người phát tâm hướng tới Độc giác Bồ đề? Có bao nhiêu người phát tâm hướng tới chư Phật Vô thượng Bồ đề?

Thiên Đế Thích thưa:

- Bạch Thế Tôn! Trong châu Thiệm bộ có rất ít người thành Phật chứng tịnh, thành Pháp chứng tịnh, thành Tăng chứng tịnh. Cho đến có rất ít người phát tâm hướng tới chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Bấy giờ, Phật bảo Thiên Đế Thích rằng:

- Như vậy! Như ngươi đã nói. Kiều Thi Ca! Trong châu Thiệm bộ rất ít người thành Phật chứng tịnh, thành Pháp chứng tịnh, thành Tăng chứng tịnh. Càng ít người đối Phật không nghi, đối Pháp không nghi, đối Tăng không nghi. Cho đến lại càng rất ít người phát tâm hướng tới Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Lại càng ít hơn nữa người đã phát tâm rồi, tinh siêng tu tập hạnh tới Bồ đề. Lại càng rất ít hơn nữa người tinh siêng tu tập hạnh Bồ đề rồi, chứng được Vô thượng Bồ đề. Vì sao? Vì các loại hữu tình trôi lăn sanh tử từ vô lượng kiếp đến nay phần nhiều chẳng thấy Phật, chẳng nghe Chánh pháp, chẳng gần gũi Tăng. Chẳng hành bố thí, chẳng trì tịnh giới, chẳng tu an nhẫn, chẳng khởi tinh tiến, chẳng tập tĩnh lự, chẳng học Bát nhã Ba la mật. Chẳng nghe nội không, chẳng tu nội không, cho đến chẳng nghe vô tánh tự tánh không, chẳng tu vô tánh tự tánh không. Chẳng nghe bốn niệm trụ, chẳng tu bốn niệm trụ. Nói rộng cho đến chẳng nghe

mười tám pháp Phật bất cộng. Chẳng nghe tất cả Tam ma địa, Đà la ni môn. Chẳng tu tất cả Tam ma địa, tất cả Đà la ni môn. Chẳng nghe Nhất thiết trí, chẳng tu nhất thiết trí. Chẳng nghe Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; chẳng tu Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. *(Q.428, ĐBN)*

Kiều Thi Ca! Do nhân duyên này, phải biết ở trong châu Thiệm bộ đây rất ít người thành Phật chứng tịnh, thành Pháp chứng tịnh, thành Tăng chứng tịnh. Càng ít người đối Phật không nghi, đối Pháp không nghi, đối Tăng không nghi. Cho đến lại càng ít người phát tâm hướng tới chư Phật Vô thượng Bồ đề. Lại càng rất ít người đã phát tâm rồi, tinh siêng tu tập hạnh tới Bồ đề. Lại càng rất ít người hơn nữa tinh siêng tu tập hạnh Bồ đề rồi, chứng được Vô thượng Bồ đề.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Ta nay hỏi ngươi, cứ tùy ý ông đáp. Kiều Thi Ca! Ý ông nghĩ sao? Có bao nhiêu hữu tình châu Thiệm bộ trong Tam thiên đại thiên thế giới đây, cúng dường cung kính phụ mẫu, Sư trưởng; có bao nhiêu hữu tình cúng dường cung kính Sa môn, Bà la môn; có bao nhiêu hữu tình bố thí, trì giới, thọ trai, tu phước; có bao nhiêu hữu tình đối với các dục trụ tưởng nhàm ghét, tưởng vô thường, tưởng khổ, tưởng vô ngã, tưởng bất tịnh, tưởng chán ăn, tưởng tất cả thế gian chẳng đáng vui; có bao nhiêu hữu tình tu bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc; có bao nhiêu hữu tình cho đến phát tâm hướng tới Vô thượng Bồ đề; có bao nhiêu hữu tình đã phát tâm rồi, tinh siêng tu tập hạnh tới Bồ đề; có bao nhiêu hữu tình phương tiện khéo léo tu hành Bát Nhã; có bao nhiêu hữu tình được trụ bậc Bồ Tát Bất thối chuyển; có bao nhiêu hữu tình mau chứng Vô thượng Bồ đề?

Thiên Đế Thích thưa:

- Bạch Thế Tôn! Trong Tam thiên đại thiên thế giới đây, ít hữu tình cúng dường cung kính phụ mẫu, Sư trưởng cho đến rất ít hữu tình mau chứng Vô thượng Bồ đề.

Phật bảo:

- Kiều Thi Ca! Như vậy, như vậy. Như ngươi đã nói. Kiều Thi Ca! Trong Tam thiên đại thiên thế giới đây rất ít hữu tình cúng dường cung kính phụ mẫu, Sư trưởng, càng ít hữu tình cúng dường cung kính Sa môn, Bà la môn cho đến lại càng ít hữu tình được trụ bật Bồ Tát Bất thối chuyển, lại càng ít rất hữu tình hơn nữa mau chứng Vô thượng Bồ đề.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Ta đem Phật nhãn thanh tịnh vô thượng, xem khắp 10 phương tất cả thế giới, tuy thấy có vô lượng vô số vô biên hữu tình phát tâm hướng tới Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, tinh siêng tu tập hạnh tới Bồ đề, mà bởi xa lìa phương tiện khéo léo Bát nhã Ba la mật, chỉ một, hoặc hai, hoặc ba hữu tình được trụ bậc Bồ Tát Bất thối chuyển, đa số lui đọa trong bậc thấp hèn Thanh văn Độc giác. Vì sao? Vì quả Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề rất khó chứng được. Nên hạng ác tuệ, lười nhác, tinh tấn thắng giải kém cỏi, chẳng thể chứng được.

Kiều Thi Ca! Do nhân duyên này, nếu có thiện nam thiện nữ phát tâm hướng tới Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, tinh siêng tu tập hạnh tới Bồ đề; muốn trụ bậc Bồ Tát Bất thối chuyển mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề không lưu nạn, nên đối Bát nhã Ba la mật thậm thâm như thế hằng thường lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu tập, suy nghĩ đúng lý, ham thỉnh hỏi Sư, vui vì người nói. Làm việc này rồi, lại nên thơ tả, dùng các thứ bảo vật trang nghiêm, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen. Lại đem các phẩm thượng diệu tràng hoa, hương xoa, hương bột cùng tràng phan lọng báu v.v… mà cúng dường.

Lại nữa, các thiện nam, thiện nữ này cũng nên lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu tập, suy nghĩ đúng lý, ham thỉnh hỏi pháp sư, vui vì người giảng nói đối với các pháp thắng diệu khác đã thu nhiếp vào Bát nhã Ba la mật thậm thâm.

Sao gọi các pháp thắng thiện thu nhiếp vào Bát nhã Ba la mật? Chỗ gọi bố thí cho đến tĩnh lự Ba la mật; hoặc nội không cho đến vô tánh tự tánh không; hoặc tất cả Tam ma địa, Đà la ni môn; hoặc 4 niệm trụ, nói rộng cho đến 18 pháp Phật bất cộng; hoặc đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả; hoặc vô lượng vô biên Phật pháp khác. Đấy gọi các thắng thiện pháp nhiếp thọ vào Bát nhã Ba la mật thậm thâm.

Kiều Thi Ca! Các thiện nam thiện nữ này, đối với uẩn, xứ, giới… và vô lượng pháp môn khác tùy thuận Bát Nhã thậm thâm, cũng nên lóng nghe, thọ trì đọc tụng, suy nghĩ đúng lý, chẳng nên bài báng, khiến đối với Vô thượng Bồ đề mà lưu nạn. Vì sao? Vì các thiện nam, thiện nữ này nên khởi nghĩ đây: Thuở xưa Như Lai trụ ngôi Bồ Tát, thường siêng tu học pháp thuận đạo Bồ đề, chỗ gọi Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật; hoặc nội không cho đến vô tánh tự tánh không; hoặc tất cả Tam ma địa, Đà la ni môn; hoặc 4 niệm trụ, nói rộng cho đến 18 pháp Phật bất cộng; hoặc đại

từ, đại bi, đại hỷ, đại xả; hoặc vô lượng vô biên Phật pháp khác. Do đấy chứng được sở cầu Vô thượng Bồ đề. Chúng ta ngày nay vì cầu Vô thượng Bồ đề, cũng nên theo học các pháp của Bát nhã Ba la mật như thế. Nhất định đây là Đại sư của chúng ta, chúng ta theo đây tu học thì sở nguyện sẽ được viên mãn. Các pháp của Bát nhã Ba la mật như thế nhất định là pháp ấn của chư Phật. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác theo đây tu học nên đã chứng, đang chứng và sẽ chứng Vô thượng Bồ đề. Các pháp của Bát nhã Ba la mật như thế, cũng là pháp ấn tất cả Thanh văn, Độc giác. Tất cả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác theo đây tu học, nên đã, đang và sẽ đến bờ Niết bàn bên kia. Vì vậy, nên Kiều Thi Ca! Các thiện nam thiện nữ này, hoặc Phật tại thế hoặc sau Niết bàn, nên nương Bát nhã Ba la mật rộng nói cho đến Nhất thiết tướng trí thường siêng tu học. Vì sao? **Vì Bát nhã Ba la mật như thế, nói rộng cho đến Nhất thiết tướng trí là chỗ nương về của các Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát và các trời, người, A tu la vậy**.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Có các thiện nam, thiện nữ đối với các Như Lai sau khi vào Niết bàn, vì **cúng dường Thiết lợi la Phật nên đã xây bảo tháp bằng bảy báu** vi diệu, trang hoàng tháp bằng các thứ trân châu quý hiếm. Bảo tháp ấy cao lớn một do tuần, rộng nửa do tuần. Lại dùng các phẩm thượng diệu tràng hoa, hương xoa, hương bột cùng tràng phan, lọng báu, các ngọc diệu trân kỳ quý lạ… suốt một đời cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen. Ý ông nghĩ sao? Các thiện nam thiện nữ này, do nhân duyên đây được phước nhiều chăng?

Thiên Đế Thích thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều.

Phật bảo:

- Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ chẳng lìa tâm Nhất thiết trí trí, đem vô sở đắc mà làm phương tiện, đối **Bát nhã Ba la mật đây chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng**, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý, rộng vì hữu tình tuyên nói, lưu bố; lại dùng các thứ trang nghiêm như tràng hoa, hương xoa, hương bột cùng tràng phan lọng báu, các ngọc diệu trân quý… cúng dường cung kính, tôn trong ngợi khen. Các thiện nam thiện nữ này, **nhờ nhân duyên đây sẽ sanh phước đức rất nhiều so với nhóm người trước vô lượng vô biên**.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Lại có các thiện nam thiện nữ đầy rẫy một châu Thiệm bộ, hoặc bốn Đại châu, hoặc cõi Tiểu thiên, hoặc cõi Trung thiên, hoặc Tam thiên đại thiên thế giới, đối các Đức Như Lai sau khi vào Niết bàn, vì **cúng dường Thiết lợi la Phật, dùng bảy báu khởi xây bảo tháp**, lại dùng các phẩm thượng diệu như tràng hoa, hương xoa, hương bột cùng tràng phan, lọng báu cùng các ngọc diệu trân kỳ quý lạ… suốt một đời cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen. Ý ông nghĩ sao? Các thiện nam thiện nữ này, nhờ nhân duyên đây được phước nhiều chăng?

Thiên Đế Thích thưa:

- Bạch Thế Tôn ! Rất nhiều. Bạch Thiện Thệ ! Rất nhiều.

Phật bảo:

- Kiều Thi Ca! Thôi, hãy gác việc này lại. Nếu có các thiện nam, thiện nữ nào, sau khi các đức Như Lai vào Niết bàn, vì **cúng dường Thiết lợi la của Phật, nên đã xây dựng bảo tháp bằng bảy báu vi diệu**, trang hoàng bằng các thứ ngọc quý hiếm. Bảo tháp ấy cao một do tuần, rộng nửa do tuần. Tháp này được xây như vậy khắp cả châu Thiệm bộ, hoặc khắp cả bốn Đại châu, hoặc khắp cả cõi Tiểu thiên, hoặc khắp cả cõi Trung thiên, hoặc khắp cả Tam thiên đại thiên thế giới; lại dùng các loại tràng hoa thượng diệu cho đến các ngọc diệu trân quý… trọn đời cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen. Ý ông nghĩ sao? Các thiện nam, thiện nữ này, nhờ nhân duyên đây được phước nhiều chăng?

Thiên Đế Thích thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều.

Phật bảo:

- Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam, thiện nữ nào chẳng lìa tâm Nhất thiết trí trí, lấy vô sở đắc làm phương tiện, **đối với Bát nhã Ba la mật chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng**, tinh tấn siêng năng tu học, suy nghĩ đúng lý, rộng vì hữu tình tuyên nói lưu bố, hoặc kính cẩn biên chép, trang nghiêm cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen; lại đem các loại tràng hoa thượng diệu cho đến các ngọc diệu trân quý… cúng dường, thì các thiện nam, thiện nữ này, nhờ nhân duyên đây mà được sanh phước rất nhiều, so với nhóm người trước vô lượng vô biên.

Khi ấy, trời Đế Thích liền bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Đúng như vậy. Bạch đức Thiện Thệ! Đúng như vậy. Nếu các thiện nam, thiện nữ nào cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi

khen Bát nhã Ba la mật như thế, tức là cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại.

Bạch Thế Tôn! Giả sử tất cả hữu tình mười phương thế giới nhiều như cát sông Hằng, đều đối với đức Như Lai sau khi vào Niết bàn, vì **cúng dường Thiết lợi la của Phật** nên đã xây bảo tháp bằng bảy báu vi diệu, ở giữa trang hoàng bằng các thứ trân châu quý hiếm. Bảo tháp ấy cao một do tuần, rộng nửa do tuần. Tháp này được xây như vậy khắp cả Tam thiên đại thiên thế giới, không còn một khe hở; lại dùng các loại tràng hoa thượng diệu cho đến các ngọc diệu trân quý… cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, trải qua một kiếp hoặc hơn một kiếp. Bạch Thế Tôn! Các hữu tình này, nhờ nhân duyên đây được phước nhiều chăng?

Phật đáp:

- Phước kia vô lượng vô biên.

Trời Đế Thích nói:

- Nếu các thiện nam, thiện nữ nào chẳng lìa tâm Nhất thiết trí trí, đem vô sở đắc làm phương tiện, **đối với Bát nhã Ba la mật đây chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh tấn siêng năng tu học, suy nghĩ đúng lý, rộng vì hữu tình tuyên nói lưu bố, hoặc kính cẩn biên chép, trang nghiêm đủ loại cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, hoặc đem nhiều tràng hoa đẹp cho đến các ngọc diệu trân quý… mà cúng dường, thì các thiện nam, thiện nữ này, nhờ nhân duyên đây được sanh phước rất nhiều, so với nhóm người trước vô lượng vô biên, chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể tính đếm.** Vì sao? Bạch Thế Tôn! Do Bát nhã Ba la mật đây hay thu nhiếp hết tất cả các thiện pháp: Đó là 10 thiện nghiệp đạo; hoặc 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc; hoặc 4 Thánh đế; hoặc 37 pháp Bồ đề phần; hoặc 3 môn giải thoát; hoặc 6 thần thông; hoặc 8 giải thoát, 9 định thứ lớp; hoặc bố thí Ba la mật cho đến Bát nhã Ba la mật; hoặc nội không cho đến vô tánh tự tánh không; hoặc tất cả Tam ma địa, Đà la ni môn; hoặc Phật 10 lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất công; hoặc Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; hoặc vô lượng vô biên các Phật pháp khác đều được thu nhiếp vào Bát nhã Ba la mật thậm thâm.

Bạch Thế Tôn! **Bát nhã Ba la mật như thế là pháp ấn chơn thật của các Đức Như Lai Ứng Cháng Đẳng Giác, cũng là pháp ấn chơn thật của tất cả Thanh văn, Độc giác**.

Bạch Thế Tôn! Tất cả các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều đối với Bát Nhã thậm thâm như thế thường siêng tu học nên đã chứng, đang chứng và sẽ chứng Vô thượng Bồ đề. Tất cả Thanh văn và Độc giác cũng đối với Bát Nhã thậm thâm như thế, thường siêng tu học nên đã, đang và sẽ đến bờ Niết bàn bên kia. Do nhân duyên đây, nên các thiện nam, thiện nữ nào chẳng lìa tâm Nhất thiết trí trí, đem vô sở đắc làm phương tiện, đối với Bát nhã Ba la mật đây chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh tấn siêng năng tu học v.v… lại trang nghiêm đủ loại tràng hoa v.v… cho đến các ngọc diệu trân quý mà cúng dường, thì **họ sẽ được phước rất nhiều**, vô lượng vô biên, chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể tính đếm.

***Thích nghĩa**:*

(1). Dịch giả trong tuvienquangduc.com dùng từ "đêm dài" để dịch chữ Hán là "長trường 夜dạ". *Nghĩa đen "trường dạ" là đêm dài, nhưng dịch như vậy có lẽ không được ổn, nên bản dịch khác của thuvienhoasen.org dịch là "nhiều kiếp". Chúng tôi ghi là "nhiều kiếp".*

(2). Chế đa: Linh miếu, đền thờ, chùa chiền hay tháp.

(3). Thiết lợi la: Xá lợi của Phật, nói nôm na là "tro" hay là phần còn lại của hài cốt Phật sau khi trà tỳ (thiêu).

Sơ lược:

Phẩm "Bảo Tháp" thuyết theo lối trần thuật dễ hiểu, nên không cần giải thích. Phẩm này nói rõ:

***1. Công năng của Bát nhã Ba la mật** đối với người đọc tụng thọ trì kinh này được nhiều phước đức hiện đời và hậu đời. Vì Bát nhã Ba la mật chẳng khác nào chú vương của tất cả chú, có thể bảo hộ che chở cho bất cứ chúng sanh nào hoặc ghi chép trang trí thợ phụng cúng dường, nhất là đọc tụng thọ trì vì người giảng nói v.v…*

***2. So lường công đức** của người cúng dường thiết lợi la Phật(xá lợi) bằng cách xây bảo tháp thờ cúng, không bằng thiện nam, thiện nữ "chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh tấn siêng năng tu học, suy nghĩ đúng lý, rộng vì hữu tình tuyên nói lưu bố Bát nhã Ba la mật, hoặc kính cẩn*

biên chép Bát nhã Ba la mật, trang nghiêm đủ loại cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, hoặc đem nhiều tràng hoa đẹp cho đến các ngọc diệu trân quý... mà cúng dường, thì các thiện nam, thiện nữ này, nhờ nhân duyên đây được sanh phước đức rất nhiều, so với nhóm người trước vô lượng vô biên, chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể tính đếm".

Kinh so sánh phước đức của người thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật v.v… với việc xây bảo tháp để thờ xá lợi Phật, cái nào có công đức hơn? Dĩ nhiên, người thọ trì, đọc tụng hay ghi chép Kinh Bát nhã Ba la mật lại vì người diễn nói truyền bá, công đức nhiều hơn. Vì nhờ có tu học Bát nhã Ba la mật, mới có pháp thế gian, xuất thế gian, mới có các dòng họ lớn, cư sĩ, Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát, Phật v.v…

Đọc phẩm này, nên nhớ câu kết luận của ***Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 32, "Bảo Tháp Đại Minh", Tập 3, quyển 57****:*

"Cũng nên biết rằng Xá lợi Phật chỉ là vô ký pháp.

Cúng dường xá lợi Phật chỉ là thiện pháp. Y chỉ nơi thiện pháp này mà đời sau được các quả báo lành. Nhưng nếu nghe Bát Nhã, rồi thọ trì, đọc tụng, thân cận, chánh ức niệm, trọn chẳng ly Tát Bà Nhã tâm*(Nhất thiết trí trí và Vô thượng Bồ đề tâm)*, tu tập Bát nhã Ba la mật, thì đời này và cả ở đời sau, đều được quả báo lành, dẫn đến được quả Vô thượng Bồ đề".

Vậy, người nào chẳng lìa tâm Nhất thiết trí trí, đem vô sở đắc, chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh tấn siêng năng tu học, suy nghĩ đúng lý, rộng vì hữu tình tuyên nói lưu bố, hoặc kính cẩn biên chép, trang nghiêm đủ loại cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, hoặc đem nhiều tràng hoa đẹp cho đến các ngọc diệu trân quý... mà vì cúng dường. Nhờ nhân duyên đây được sanh phước đức rất nhiều, so với nhóm người xây dựng bảo tháp để thờ xá lợi Phật./.

---o0o---

31. PHẨM "PHƯỚC SANH"

Đầu quyển 429, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương với Đoạn hai, phẩm "So Lường Công Đức", phần cuối Q.104, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Phẩm "Phước Sanh" của pháp hội thứ II, ĐBN chẳng khác nào phẩm "Thuật Thành"(Thuật lại sự thành tựu) của Kinh MHBNBLMĐ. Phẩm tựa có khác nhưng nội dung không khác. Nội dung của phẩm này đúc kết thành quả gặt hái được của người thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học Bát Nhã của phẩm trước. Như vậy có thể suy đoán kết quả của phẩm "Phước Sanh" này, chẳng có gì khó hiểu!

Tóm lược:

Bấy giờ, Phật bảo Thiên Đế Thích rằng:

- Như vậy, như ngươi đã nói! Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ **chẳng lìa tâm Nhất thiết trí trí, đem vô sở đắc làm phương tiện, đối Bát nhã Ba la mật đây chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học** v.v…, **lại đem các phẩm thượng diệu tràng hoa, hương xoa, hương bột cùng tràng phan lọng báu, các ngọc diệu trân kỳ quý lạ v.v... mà cúng dường, sẽ phát sanh nhóm phước vô lượng vô biên, chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể tính đếm**. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật đây có khả năng thành xong Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; cũng thành xong bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật; cũng thành xong nội không cho đến vô tánh tự tánh không; cũng thành xong 4 niệm trụ, nói rộng cho đến 18 pháp Phật bất cộng; cũng thành xong 5 nhãn, 6 thần thông; cũng thành xong tất cả Tam ma địa, Đà la ni môn; cũng thành xong thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật; cũng thành xong tất cả Thanh văn, Độc giác và Vô thượng thừa; cũng thành xong Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác sở chứng Vô thượng Bồ đề.

Vì vậy, nên Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ chẳng lìa tâm Nhất thiết trí trí, đem vô sở đắc làm phương tiện, đối Bát nhã Ba la mật đây **chăm lòng lóng nghe, thọ trì** đọc tụng, tinh siêng tu học v.v…, lại

dùng các thứ trang nghiêm như tràng hoa cho đến các ngọc diệu trân kỳ quý lạ v.v... cúng dường, thì **phước đức của kẻ xây bảo tháp trước sánh với nhóm phước đây trăm phần chẳng bằng một**, ngàn phần chẳng bằng một, trăm ngàn phần chẳng bằng một, cho đến cực số phần cũng chẳng bằng một. Vì sao? Vì Kinh điển Bát Nhã thậm thâm đây lưu bố trong đời, tức thế gian này Phật bảo, Pháp bảo, Bí sô Tăng bảo quyết chẳng dứt diệt. Nếu Kinh điển Bát Nhã đây an trụ trong nhân đạo, thế gian thường có 10 thiện nghiệp đạo; hoặc 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc; hoặc bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật; hoặc nội không cho đến vô tánh tự tánh không; hoặc 4 niệm trụ, nói rộng cho đến 18 pháp Phật bất cộng; hoặc tất cả Tam ma địa, Đà la ni môn; hoặc Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; hoặc đại tộc Sát đế lợi, đại tộc Bà la môn, Trưởng giả, Cư sĩ; hoặc trời Bốn đại vương chúng cho đến trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ; hoặc Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác; hoặc Bồ Tát thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật; hoặc các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chứng được Vô thượng Bồ đề, quay xe diệu pháp độ vô lượng chúng. Tất cả những thắng sự như thế quyết chẳng dứt mất.

Sơ giải:

Phẩm này không cần chiết giải, Kinh nói rằng:

"Nếu các thiện nam, thiện nữ chẳng lìa tâm Nhất thiết trí trí, đem vô sở đắc làm phương tiện, đối Bát nhã Ba la mật đây **chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học** v.v…, lại dùng các thứ trang nghiêm như tràng hoa cho đến các ngọc diệu trân kỳ quý lạ v.v... mà vì cúng dường, thì phước đức của kẻ xây bảo tháp trước sánh với nhóm phước đây trăm phần chẳng bằng một, ngàn phần chẳng bằng một, trăm ngàn phần chẳng bằng một, cho đến cực số phần cũng chẳng bằng một". *Vì sao?*

Vì nhờ có Bát nhã Ba la mật an trụ trong nhân đạo, nên trời, người, A tu la… thường có các pháp thế gian và xuất thế gian; có đại tộc Sát đế lợi, đại tộc Bà la môn, Trưởng giả, Cư sĩ; hoặc trời Bốn đại vương chúng cho đến trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ; hoặc Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác; hoặc Bồ Tát thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật; hoặc các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chứng được Vô thượng Bồ đề,

quay xe diệu pháp độ vô lượng chúng. Tất cả những thắng sự như thế quyết chẳng dứt mất".

Nội dung của phẩm này như trên đã nói là đúc kết thành quả của việc chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học Bát nhã Ba la *mật, lại dùng các thứ trang nghiêm như tràng hoa cho đến các ngọc diệu trân kỳ quý lạ v.v...* mà vì cúng dường, thì ***phước đức của kẻ xây bảo tháp trước sánh với nhóm phước đây trăm phần chẳng bằng một****, ngàn phần chẳng bằng một, trăm ngàn phần chẳng bằng một, cho đến cực số phần cũng chẳng bằng một, giống như phẩm trước đã thuyết. Rất dễ hiểu nên không cần dẫn giải thêm.*

Phẩm này quá ngắn, nếu có thắc mắc xin xem lại chiết giải Đoạn hai của phẩm "So Lường Công Đức", *phần cuối Q.104, Hội thứ I, ĐBN, để nắm vững vấn đề hơn./.*

---o0o---

32. PHẨM "CÔNG ĐỨC"

Giữa quyển 429, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương với Đoạn ba, phẩm "So Lường Công Đức", mở đầu Q.105, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Phẩm "Công Đức" của Hội thứ II, ĐBN giống hệt phẩm thứ 34, "Khuyến Trì"(Khuyên Thọ Trì) của Kinh MHBNBLMĐ như hai giọt nước. Các phẩm trước như "Nhiếp Thọ", "Bảo Tháp", hay "Phước sanh" cũng nói ít nhiều về công đức thọ trì Bát Nhã rồi, chẳng có gì mới mẻ ở đây.

Tóm lược:

Bấy giờ, Tam thiên đại thiên thế giới có các trời Bốn đại vương chúng cho đến trời Sắc cứu cánh đồng thanh thưa Thiên Đế Thích rằng:

- Thưa Đại Tiên! Bát nhã Ba la mật thậm thâm này đáng thọ, đáng trì, đáng đọc, đáng tụng, đáng tinh siêng tu học, đáng suy nghĩ đúng lý, đáng cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen. Vì sao?

Thưa Đại Tiên! Nếu thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen Bát nhã Ba la mật như thế, thời khiến tất cả ác pháp tổn giảm, thiện pháp tăng thêm. Cũng khiến tất cả thiên chúng tăng thêm, các A tu la tổn giảm. Cũng khiến Phật nhãn, Pháp nhãn… chẳng diệt. Cũng khiến tất cả giống Phật, Pháp, Tăng chẳng dứt.

Thưa Đại Tiên! Phải biết do hạt giống Tam bảo chẳng dứt, nên thế gian bèn có bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật; cũng có nội không cho đến vô tánh tự tánh không; cũng có 4 niệm trụ, nói rộng cho đến 18 pháp Phật bất cộng; cũng có tất cả Tam ma địa, Đà la ni môn; cũng có Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; cũng có quả Dự lưu cho đến quả A la hán; cũng có Độc giác Bồ đề, cũng có Bồ Tát hạnh; cũng có Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vậy nên, Đại Tiên! Đối Bát nhã Ba la mật đây nên đáng thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen.

Bấy giờ, Phật bảo Thiên Đế Thích rằng:

- Kiều Thi Ca! Ngươi nên đối Bát nhã Ba la mật đây thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen. Vì sao? Vì nếu A tu la và bè lũ của bọn ác khởi nghĩ như vầy: Bọn ta phải cùng bọn Thiên Đế Thích giao chiến. Bấy giờ, chư thiên các ngươi cùng quyến thuộc, chí thành tụng niệm Bát nhã Ba la mật. Khi ấy, A tu la và bè lũ khởi ác tâm liền bị tiêu diệt.

Kiều Thi Ca! Nếu các thiên tử hoặc các thiên nữ **hiện năm suy tướng**, tâm họ kinh hoàng sợ đọa ác thú. Bấy giờ bà con chư thiên các ngươi nên đứng trước những người ấy chí thành tụng niệm Bát Nhã. Khi đó thiên tử hoặc thiên nữ kia nghe Bát Nhã này, vì sức căn lành nên đối Bát nhã Ba la mật đây sanh lòng tịnh tín, nên khôi phục thân tướng, thân ý thơ thới. Nếu phải mệnh chung, sẽ tái sanh trở lại bản xứ hưởng vui cảnh trời, giàu có gấp bội. Vì sao? Kiều Thi Ca! Vì tin nghe Bát nhã Ba la mật thì công đức uy lực rất rộng lớn vậy.

Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam thiện nữ, hoặc các thiên tử thiên nữ, nếu để Bát nhã Ba la mật một phen lọt vào tai rồi, vì sức căn lành nên quyết định sẽ lần lữa chứng được Vô thượng Bồ đề. Vì sao? Kiều Thi Ca! Chư Phật và các đệ tử quá khứ vị lai hiện tại, tất cả đều học Bát nhã Ba la mật như thế, chứng được Vô thượng Bồ đề, vào cõi Vô dư y Niết bàn. Kiều Thi Ca! Bát nhã Ba la mật như thế nhiếp khắp tất cả Bồ đề phần pháp, hoặc pháp chư Phật, hoặc pháp Bồ Tát, hoặc pháp Độc giác, hoặc pháp Thanh văn đều thu nhiếp đủ vậy.

Bấy giờ, Thiên Đế Thích thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! **Bát nhã Ba la mật như thế là Đại thần chú, là Đại minh chú, là Vô thượng chú, là Vô đẳng đẳng chú, là Vua tất cả chú, rất tôn rất thắng, rất thượng rất diệu, năng dẹp tất cả, chẳng bị tất cả đè dẹp. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế năng trừ được tất cả pháp ác bất thiện, năng nhiếp tất cả thiện pháp thù thắng**.

Phật bảo Thiên Đế Thích rằng:

- Như vậy, như vậy. Như ngươi đã nói. Vì sao? Kiều Thi Ca! Chư Phật quá khứ vị lai hiện tại đều do Đại Vương Thần Chú Bát nhã thậm thâm như thế chứng được Vô thượng Bồ đề, quay xe diệu pháp, độ vô lượng chúng sanh. Vì sao? Nương nhờ Đại Vương Thần Chú Bát nhã như thế, thế gian mới có 10 thiện nghiệp đạo; hoặc 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc; hoặc bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật; hoặc nội không cho đến vô

tánh tự tánh không; hoặc 4 niệm trụ, nói rộng cho đến 18 pháp Phật bất cộng; hoặc chơn như, pháp giới, pháp tánh, thật tế, bất hư vọng tánh, bất biến dị tánh, pháp định, pháp trụ, bất tư nghì giới; hoặc 4 Thánh đế; hoặc 5 nhãn, 6 thần thông; hoặc quả Dự lưu cho đến quả A la hán; hoặc Độc giác Bồ đề; hoặc Bồ Tát hạnh; hoặc Phật Vô thượng Bồ đề; hoặc Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí.

Lại nữa, ví như nương nhờ mặt trăng tròn đầy nên các ngôi sao thảy đều được thêm ánh sáng. Như vậy, nương nhờ các Bồ Tát nên 10 thiện nghiệp đạo, nói rộng cho đến Nhất thiết tướng trí đều được hiển rõ. Như khi các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chưa ra đời, chỉ có Đại Bồ Tát là có đầy đủ các môn phương tiện thiện xảo, vì các hữu tình tuyên nói tất cả pháp thế gian, xuất thế gian không trái. Các phương tiện thiện xảo của Bồ Tát đều từ Bát nhã Ba la mật mà được phát sanh.

Các Đại Bồ Tát thành tựu sức phương tiện thiện xảo nên hay hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật; hay hành nội không cho đến vô tánh tự tánh không; hay hành bốn niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Các Đại Bồ Tát này chẳng chứng Thanh văn và Độc giác, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, thu nhiếp đầy đủ, thọ lượng viên mãn, cõi Phật viên mãn, quyến thuộc viên mãn, vật chất viên mãn, sắc thân viên mãn, cho đến chứng được Nhất thiết tướng trí là đều do Bát Nhã mà được thành tựu.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ đối Bát nhã Ba la mật đây chăm lòng lóng nghe thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý, thơ tả giải nói, rộng khiến lưu bố, sẽ được **thành tựu công đức thù thắng trong hiện tại, vị lai**.

Khi ấy Thiên Đế Thích liền thưa Phật rằng:

- Các thiện nam thiện nữ này, làm sao thành tựu đầy đủ công đức thù thắng hiện tại, vị lai?

Phật bảo:

- Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam thiện nữ, đối Bát nhã Ba la mật đây chăm lòng lóng nghe thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý, thơ tả giải nói, rộng khiến lưu bố. Các thiện nam thiện nữ này, hiện tại chẳng bị độc dược làm hại, chẳng bị đao binh làm tổn, chẳng bị lửa đốt cháy, chẳng bị nước cuốn chìm cho đến chẳng bị bốn trăm lẻ bốn bệnh làm chết yểu, ngoại trừ định nghiệp đời trước, đời này phải chịu.

Kiều Thi Ca! Các thiện nam thiện nữ này, nếu gặp phải việc quan, oán tặc ép ngặt, chí tâm tụng niệm Bát nhã Ba la mật, thì khi ấy quyết chẳng bị khiển phạt gia hại. Vì sao? Kiều Thi Ca! Bát nhã Ba la mật như thế uy đức thế lực khiến được như vậy.

Kiều Thi Ca! Các thiện nam, thiện nữ này, nếu có việc phải trình các quốc vương, vương tử, đại thần, chí tâm tụng niệm Bát Nhã như thế, quyết được vua quân v.v… vui mừng hỏi han, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen. Vì sao? Kiều Thi Ca! Các thiện nam thiện nữ này thường đối hữu tình khởi lòng từ bi hỷ xả. Kiều Thi Ca! Các thiện nam thiện nữ này thường được trọn nên các loại **công đức hiện tại** như thế.

Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam thiện nữ, đối Bát Nhã đây chăm lòng lóng nghe thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học v.v… các thiện nam thiện nữ này, tùy sanh chỗ nào thường chẳng xa lìa 10 thiện nghiệp đạo; hoặc 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc; hoặc bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật; nói rộng ra cho đến Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí.

Kiều Thi Ca! Các Bồ Tát này **chẳng đọa địa ngục, bàng sanh, quỷ giới**; ngoại trừ nguyện để thành thục hữu tình. Tùy sanh chỗ nào, các căn không khuyết, chẳng sanh nhà bần cùng hạ tiện, thợ thuyền tạp loại, nhà hàng thịt, kẻ đánh cá, săn bắn, đạo tặc, giữ ngục và hạng khiêng thây chết… Tùy sanh chỗ nào cũng đầy đủ 32 tướng đại trượng phu, 80 tùy hảo viên mãn, tất cả hữu tình đều chiêm ngưỡng; phần nhiều sanh trong cõi nghiêm tịnh có Phật, hoa sen hóa sanh. Chẳng gây các ác, thường chẳng xa lìa Bồ Tát thần thông, tùy tâm sở nguyện dạo các cõi Phật, từ một nước Phật đến một nước Phật, gần gũi cúng dường chư Phật Thế Tôn, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, lóng nghe Chánh pháp, như thuyết tu hành, lần lữa chứng được Nhất thiết trí trí.

Kiều Thi Ca! Thiện nam thiện nữ này sẽ được trọn nên các loại **công đức vị lai** như thế. Vì vậy nên Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ muốn được công đức thù thắng hiện tại, vị lai như thế, cho đến Vô thượng Bồ đề, nên thường chẳng lìa tâm Nhất thiết trí trí, đem vô sở đắc mà làm phương tiện, đối Bát Nhã thậm thâm đây chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý, thơ tả giải nói, rộng khiến lưu bố. Lại đem các phẩm thượng diệu tràng hoa, hương xoa, hương bột, tràng phan lọng báu, các ngọc diệu trân kỳ quý lạ… mà cúng dường.

Sơ giải:

Phẩm "Công Đức" nói lên kết quả của việc đọc tụng thọ trì Kinh Bát nhã Ba la mật giống như hai phẩm trước. Phẩm tựa rất phù hợp với chánh văn. Phẩm này cũng giống như ***phẩm thứ 34, "Khuyến Trì", Tập 3, quyển 58 của Đại Trí Độ Luận****. Để thay đổi không khí chúng tôi trích dẫn nguyên văn luận giải phẩm này do Bồ Tát Long Thọ biên soạn để các đạo hữu thưởng thức thêm:*

LUẬN:

"Phật là đấng Pháp Vương mà còn tán thán người thọ trì Bát Nhã, nên các vị Thiên Vương đều đồng thanh tán thán Bát nhã Ba la mật, và khuyến dụ hàng Thiên chúng cùng tán thán Bát nhã Ba la mật. Do vậy mà những chúng sanh đã có tín tâm lại càng thâm tín Bát nhã Ba la mật hơn nữa.

Trên đây, nói về các nhân duyên tu tập Bát nhã Ba la mật, tu tập các thiện pháp công đức làm cho hàng Thiên chúng được tăng ích, và hàng A Tu La bị giảm thiểu, khiến Tam Bảo chẳng bị đoạn diệt, khiến 6 pháp Ba la mật cùng các thiện pháp công đức được hiện ra ở đời.

Bởi vậy, nên Phật đã tán thán lời giải bày của vị Đế Thích, và nói với vị Thiên Chủ này rằng: Khi A Tu La sanh tâm cùng với các ông cộng chiến, thì các ông phải nhất tâm trì tụng Bát Nhã. Có như vậy, thì ác tâm của hàng A Tu La liền bị tiêu diệt, và việc đấu tranh phải chấm dứt.

Hỏi: *Vì sao Phật chẳng dạy chư Thiên phải thường tụng Bát Nhã, khiến hàng A Tu La chẳng dám sanh ác tâm? Vì sao Phật chỉ dạy chư Thiên, khi gặp A Tu La đến gây chiến, phải nhất tâm trì tụng Bát Nhã?*

Đáp: Vì hàng chư Thiên phần nhiều đắm nhiễm trong phước lạc. Mặc dù biết rõ Bát nhã Ba la mật có đại công đức, nhưng chư Thiên cũng ít muốn thường xuyên trì tụng Bát nhã Ba la mật.

Chỉ những lúc gặp A Tu La gây chiến, hoặc trường hợp có 5 tướng suy hiện ra, thì chư Thiên mới sinh tâm lo buồn, phiền muộn. Những lúc đó chư Thiên mới nhớ nghĩ đến lời Phật dạy, mới nhất tâm trì tụng Bát nhã Ba la mật vậy.

--o0o--

Cũng nên biết, 5 tướng suy là:

- Hoa trên đầu khô héo.
- Mồ hôi nách chảy ra.
- Thấy chỗ ngồi ở Thiên Giới có ai khác ngồi.
- Thấy nơi thân có rận.
- Thấy chẳng ưa thích chỗ ngồi của mình nữa.

Khi hàng chư Thiên thấy 5 tướng suy hiện ra, thì biết rõ mình sắp đọa vào đường ác.

Trong tình huống này, nếu được nghe Bát nhã Ba la mật, thì liền biết rõ được thật tướng pháp, biết rõ pháp hữu vi là hư dối, là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã, nên sanh lòng tin nơi Phật pháp, khiến tâm được tịch tịnh. Do vậy, mà giữ vững được bổn xứ, hoặc vãng sanh về một Thiên xứ khác thù thắng hơn, thọ hưởng các phước lạc, mà vẫn tu hành đạo Vô thượng.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy!

Này Kiều Thi Ca! Bát nhã Ba la mật là đại minh chú, là vô thượng chứ, là vô đẳng đẳng chú.

Hỏi: *Vì sao vị Đế Thích lại nói Bát nhã Ba la mật là đại minh chú?*

Đáp: Vì hàng ngoại đạo cũng có nhiều chú thuật. Có loại chú thuật sai khiến được các quỷ thần, có loại chú thuật sai khiến được các tiên nhân, có loại chú thuật làm cho người được danh vọng v.v... Bởi vậy, rất nhiều người quy thuận và cúng dường.

--o0o--

Nay vị Đế Thích bạch Phật rằng: Bát nhã Ba la mật là đại minh chú.

Vì sao? Hàng ngoại đạo, do đức mỏng, nên thường khởi sân nhuế, tham dục, khởi các bất thiện pháp, nên chú thuật của ngoại đạo thường tác hành các việc ác, khiến phải đọa vào các đường ác.

Hàng chư Thiên được thọ mạng lâu dài, cũng có chú thuật, cũng biết được tâm niệm của chúng sanh. Thế nhưng, chú thuật của hàng chư Thiên chẳng sao có thể sánh được với Bát nhã Ba la mật.Vì sao?

Vì Bát nhã Ba la mật có đại oai lực tiêu sạch các phiền não, cùng các bất thiện nghiệp.

Vì Bát nhã Ba la mật khiến hành giả ly được các khổ "sanh, già, bệnh và chết", lại khiến hành giả được nhiều lợi ích, được trở thành bậc tối tôn trọng trong hàng chúng sanh.

Vì Bát nhã Ba la mật đưa hành giả vào "pháp thân vô lượng thọ", và cũng là "chánh nhân" dẫn đến thành Phật.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bát nhã Ba la mật được gọi là đại minh chú, cũng gọi là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú.

--o0o--

Đoạn kinh trên đây tán thán Bát nhã Ba la mật là đại minh chú, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú, do 2 nguyên nhân sau đây:

- Bát nhã Ba la mật phá trừ hết thảy bất thiện pháp.
- Bát nhã Ba la mật xuất sanh hết thảy thiện pháp.

Bởi nhân duyên vậy, nên sau khi tán thán Bát Nhã, Phật đã nói rằng Bát Nhã là đại nhân duyên xuất sanh 10 thiện đạo... dẫn đến Phật đạo.

Phật ví Bồ Tát tu tập Bát nhã Ba la mật đại phá vô minh như mặt trăng tròn sáng đại phá màn đêm đen tối; vì chúng sanh chìm đắm trong đêm dài vô minh nay được duyên lành gặp được Phật và Bồ Tát như người lữ hành đi trong đêm mà gặp được lúc trăng tròn sáng vậy.

--o0o--

Phật xuất thế dùng các lực phương tiện Bát Nhã để cứu độ chúng sanh. Cũng nhờ lực Bát Nhã mà chư Bồ Tát được quả báo an lạc, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ... dẫn đến được đạo Vô thượng Bồ đề.

Bồ Tát tu 37 phẩm trợ đạo ... dẫn đến tu 18 bất cộng pháp, liễu đạt pháp "không", mà chẳng chấp "không", chẳng chứng quả Thanh Văn, và quả Bích Chi Phật. Bồ Tát thường phát Bồ Đề tâm, giáo hóa chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, được vô lượng công đức ở đời này và cả đời sau. Tất cả đều từ Bát nhã Ba la mật xuất sanh ra cả.

Hỏi: *Trước đây đã nói người thọ trì Bát nhã Ba la mật chẳng còn bị các bệnh não hại. Nay vì sao còn nói nữa?*

Đáp: Phật thuyết Bát nhã Ba la mật chẳng phải ở 1 hội, mà thuyết ở rất nhiều hội.

Có hội Phật nói về các nạn nước, nạn lửa; có hội Phật thuyết về nạn đao binh; có hội Phật thuyết về nạn độc trùng, độc dược; có hội Phật thuyết về 404 thứ bệnh. Phật nói rằng: Thiện Nam, Thiện Nữ thọ trì Bát nhã Ba la mật chẳng có các bệnh tật, tai ương đó làm tổn hại.

Có hội Phật thuyết về các kẻ ác tâm muốn phá hoại các Thiện Nam, Thiện Nữ thọ trì Bát nhã Ba la mật. Phật dạy: Do thọ trì Bát nhã Ba la mật mà các Thiện Nam, Thiện Nữ ấy chẳng bị những kẻ ác tâm phá hoại, mà còn hoán cải được họ, khiến họ khởi tín tâm nơi Bát nhã Ba la mật, cung kính, cúng dường Bát nhã Ba la mật.

--o0o--

Bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh, nêu trên đây, do 4 đại gây ra; mỗi đại gây ra 101 thứ bệnh. Đó là:

- Bệnh lạnh, gồm 202 thứ, do phong đại và thủy đại gây ra.
- Bệnh nóng, gồm 202 thứ, do hỏa đại và địa đại gây ra.

Hỏa có tướng nóng, địa có tướng cứng. Cả 2 đại này đều khó tiêu hóa. Do khó tiêu hóa, nên khởi ra bệnh nóng trong thân, như trong máu, trong thịt, gân, trong xương tủy v.v...

Phật dạy: Các Thiện Nam, Thiện Nữ thọ trì, đọc tụng,... tu tập Bát nhã Ba la mật chẳng bị 404 thứ bệnh làm hại. Chỉ trừ trường hợp do túc mạng nghiệp báo nhân duyên đời trước, thì mới phải thọ lãnh mà thôi.

Những chúng sanh mắc bệnh do nghiệp báo từ đời quá khứ, nay phải chịu thọ báo, thì đến Phật cũng chẳng cứu được.

--o0o--

Trong kinh có viện dẫn trường hợp phải đến cửa quan. Đó là nói về trường hợp bị thưa kiện. Người có thọ trì, đọc thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật, thì dù có phải bị thưa kiện, phải đến cửa quan, quan cũng chẳng có khiển trách, chẳng có hạch tội.

Hỏi: *Trước đây đã có nói về việc ma chẳng tìm được chỗ tiện để phá hoại, quấy nhiễu các Thiện Nam, Thiện Nữ thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật rồi. Vì sao? Nay còn đề cập đến nữa?*

Đáp: Trước đã nói về sự việc các ma chẳng tìm được chỗ tiện để gây tác hại cho các Thiện Nam, Thiện Nữ thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát Nhã. Nay nói rộng thêm về sự việc các Thiện Nam, Thiện Nữ thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát Nhã, thì dù có phải bị thưa kiện, phải đến cửa quan, cũng chẳng bị quan hạch tội, mà còn được hoan hỷ đón tiếp. Vì sao? Vì Thiện Nam, Thiện Nữ này thường trải rộng "từ, bi, hỷ, xả" đối với hết thảy chúng sanh, nên thường có được oai đức, khiếp phục được người khác vậy.

Lại nữa, do thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật, mà các Thiện Nam, Thiện Nữ này, ở đời vị lai, sẽ được đầy đủ 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định; đầy đủ 6 pháp Ba la mật; đầy đủ 4 niệm xứ... dẫn đến 18 bất cộng pháp; chẳng bị đọa vào các đường ác; chẳng có sanh vào các nhà hạ tiện, thường được sanh vào các đại gia, đại tộc.

Cũng do thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát Nhã, mà ở đời vị lai, các Thiện Nam, Thiện Nữ này được thân đầy đủ trang nghiêm, thường được 32 tướng tốt, lại có đủ thần thông đi đến các nước Phật, cúng dường chư Phật, nghe chư Phật thuyết pháp. Nhờ vậy mà thành tựu được chúng sanh, thanh tịnh được Phật độ, mãi như vậy cho đến khi được Vô thượng Bồ đề.

Bởi nhân duyên vậy, nên Thiện Nam, Thiện Nữ phải biên chép, thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm, cung kính, cúng dường, tán thán Bát nhã Ba la mật, phải trọn chẳng ly Tát Bà Nhã tâm mà tu tập Bát nhã Ba la mật, thì mới có được vô lượng công đức ở đời này và ở đời sau, nhẫn đến mới được đạo Vô thượng Bồ đề.

Phẩm này cũng nói về công đức trí tuệ đời này hay đời sau do tụng đọc thọ trì Bát nhã Ba la mật như Hội thứ I và phần đầu của Hội thứ II, Đại Trí Độ Luận thuyết giảng như thế cũng tạm đủ. Nên ở đây không cần giải thích thêm./.

---o0o---

33. PHẨM "NGOẠI ĐẠO"

Giữa quyển 429, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương với Đoạn bốn, phẩm "So Lường Công Đức", phần cuối của Q.105 đến Q.106, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Phẩm "Ngoại Đạo" của Hội thứ II, ĐBN cũng giống như phẩm có tên là "Phạm Chí" của Kinh MHBNBLMĐ, nói về uy lực của Bát nhã Ba la mật. Phẩm này không nói về giáo lý chỉ nói về sự kiện, ngắn gọn, dễ hiểu, nên ai cũng có thể đọc tụng thọ trì.

Tóm lược:

Khi ấy, có rất nhiều ngoại đạo Phạm chí, muốn tìm lỗi Phật, đi đến chỗ Phật. Khi ấy Thiên Đế Thích thấy liền nghĩ: Bọn ngoại đạo Phạm chí này đến pháp hội rình tìm chỗ dở Phật, đâu phải chuyện lành? Ta nên tụng niệm Bát nhã Ba la mật thậm thâm đã nhiếp thọ, để khiến bọn tà kia lui về bản xứ. Nghĩ rồi liền tụng Bát nhã Ba la mật. Ngoại đạo Phạm chí từ xa tỏ tướng cung kính, đi quanh bên phải Thế Tôn, từ cửa đến trở lại đường cũ mà quay về.

Khi ấy Xá Lợi Tử thấy việc này rồi nghĩ rằng: Bọn ngoại đạo kia vì nhân duyên gì mà vừa mới đến, lại trở về?

Bấy giờ, Phật bảo Xá Lợi Tử rằng:

- Các ngoại đạo kia đến tìm lỗi Ta, do Thiên Đế Thích tụng niệm Bát nhã Ba la mật khiến chúng lui về. Xá Lợi Tử! Ta chẳng thấy ngoại đạo Phạm chí kia có chút bạch pháp, chỉ ôm ác tâm đến tìm lỗi Ta. Xá Lợi Tử! Ta chẳng thấy có loại hữu tình thiên ma phạm, hoặc các Sa môn, Bà la môn nào trong thế gian… khi nghe thuyết Bát Nhã mà ôm ác tâm đến tìm được lỗi. Vì sao? Vì Tam thiên đại thiên thế giới đây, có bao nhiêu trời Bốn đại vương chúng, cho đến trời Sắc cứu cánh; hoặc các Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát, Phật và tất cả long thần, dược xoa người phi người… đủ đại uy lực đều cùng chung thủ hộ Bát nhã Ba la mật, chẳng để bọn ác lưu

nạn được. Vì sao? Xá Lợi Tử! Các chư thiên này đều nương uy lực Bát nhã Ba la mật mà xuất sanh vậy.

Lại nữa, Xá Lợi Tử! Mười phương thế giới như cát sông Hằng, tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát, chư thiên, long thần, dược xoa, người phi người… đều chung thủ hộ Bát nhã Ba la mật, chẳng để bọn ác lưu nạn. Vì sao? Xá Lợi Tử! Chư Phật, Bồ Tát… kia đều nương uy lực Bát nhã Ba la mật mà xuất sanh vậy.

Bấy giờ ác ma lén khởi nghĩ này: Ngày nay Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác được bốn chúng vây quanh và các trời người… cõi Dục, cõi Sắc đều đồng đến nhóm hội, tuyên nói Bát nhã Ba la mật. Nhân dịp này nhất định có đại Bồ Tát sẽ được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, ta phải đến phá hoại trí lực kia. Khởi nghĩ như vậy rồi, hóa làm bốn loại quân chủng oai hùng xông đến chỗ Phật.

Khi đó, Thiên Đế Thích thấy vậy liền nghĩ rằng: Chỉ có bọn ác ma hóa hiện làm việc này không ai khác hơn, muốn đến não *(hại)* Phật và làm lưu nạn Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Bốn quân chủng như thế trang bị đẹp lạ; thắng quân của Ảnh Kiện, của dòng vua Thích Ca, dòng Tiên Lật Niêm Tỳ, dòng Lực sĩ… đều chẳng bì kịp. Do đó ắt biết bọn ma hóa hiện. Ác ma thường rình tìm chỗ dở của Phật, phá các hữu tình sở tu thắng sự, ta phải tụng niệm Bát nhã Ba la mật, khiến ác ma kia trở lui. Nghĩ rồi liền tụng Bát nhã Ba la mật. Tức thì bọn ác ma liền quay lại đường cũ mà lui về, vì bị áp lực của Bát nhã Ba la mật vậy.

Lúc đó, trong chúng hội các trời Bốn đại vương chúng cho đến trời Sắc cứu cánh, mỗi mỗi hóa làm nhiều thứ hoa trời, hương thơm, tràng hoa cùng các đồ cúng vi diệu, vui mừng thân vọt lên hư không rải trên Phật, chấp tay cung kính đồng thưa Phật rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Nguyện cho Bát nhã Ba la mật đây trụ mãi trong cõi châu Thiệm bộ. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật thậm thâm như thế lưu bố trong châu Thiệm bộ, phải biết nơi đây Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo trụ lâu chẳng diệt. Tam thiên đại thiên thế giới đây cho đến mười phương vô lượng vô số vô biên thế giới cũng lại như vậy. Do đây, chúng đại Bồ Tát và hạnh thù thắng cũng có thể rõ biết.

Bạch Thế Tôn! Tùy các phương cõi, có các thiện nam thiện nữ đem lòng tịnh tín thọ trì Bát nhã Ba la mật thậm thâm như thế, cúng dường

cung kính, tôn trọng ngợi khen, phải biết chỗ ấy có diệu quang minh trừ diệt tối tăm, sanh các thắng lợi.

Bấy giờ, Phật bảo Thiên Đế Thích cùng các thiên chúng rằng:

- Như vậy, như các ngươi đã nói!

Lúc đó, chúng chư thiên lần nữa hóa làm các thứ hoa trời, hương thơm, tràng hoa… mà rải lên Phật, thưa lại Phật rằng:

- Nếu các thiện nam thiện nữ đối Kinh điển Bát nhã Ba la mật thậm thâm đây chăm lòng lóng nghe thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý, thơ tả giải nói, rộng khiến lưu bố. Các thiện nam thiện nữ này, ma và ma quân chẳng làm gì được. Thiên chúng chúng con thường theo dõi ân cần bảo hộ khiến không tổn não. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì các thiện nam thiện nữ này chư thiên chúng con kính thờ như Phật, hoặc tương tự Phật.

Khi ấy, Thiên Đế Thích lại thưa Phật rằng:

- Các thiện nam thiện nữ này chẳng phải trồng ít cội lành mà được việc này, tất đời trước ở vô lượng chỗ Phật chứa nhóm căn lành, phát nhiều chính nguyện, cúng dường nhiều Phật, thờ nhiều bạn lành, mới được Bát nhã Ba la mật đây, chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý, thơ tả giải nói, rộng khiến lưu bố.

Bạch Thế Tôn! Nếu các thiện nam, thiện nữ muốn được Nhất thiết trí trí phải cầu Bát Nhã. Muốn được Bát Nhã phải cầu Nhất thiết trí trí. Vì sao? Chư Phật sở đắc Nhất thiết trí trí đều từ Bát Nhã xuất sanh vậy. Tất cả Bát nhã Ba la mật đều từ Nhất thiết trí trí mà xuất sanh vậy. Vì sao? **Vì Nhất thiết trí trí chẳng khác Bát nhã Ba la mật. Bát nhã Ba la mật chẳng khác Nhất thiết trí trí. Nhất thiết trí trí cùng Bát nhã Ba la mật đây, phải biết không hai cũng không hai phần.**

Bấy giờ, Phật bảo Thiên Đế Thích rằng:

- Như vậy! Đúng như ngươi đã nói. Vì vậy, **nên công đức oai thần Bát nhã Ba la mật rất tôn, rất thắng**!

Sơ giải:

Phẩm này nói về oai lực của Bát nhã Ba la mật, không ai có thể tìm chỗ dỡ để phá hoại sự tín thọ phụng hành Kinh này. Thí dụ trong Kinh có kể câu chuyện là bọn Phạm chí nhiều tà kiến, lại ác tâm và kiêu mạn. Họ muốn vạch ra các lỗi lầm của Bát nhã Ba la mật nhằm gây phiền nhiễu,

nên đi đến chỗ Phật thuyết pháp định phá hoại. Do Đế Thích và chư Thiên biết tâm niệm này, nhất tâm tụng Bát nhã Ba la mật. Bọn Phạm chí từ xa nghe oai thần Bát Nhã nên tự động rút lui.

***(Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 35, có tên là "Phạm Chí", Tập 3, quyển 58, tả rằng** bọn Phạm Chí muốn phá hoại Bát nhã Ba la mật, Xá lợi Phất thấy vậy thầm nghĩ:*

"Bát nhã Ba la mật có oai đức cứu độ chúng sanh. Như vậy, vì sao chúng Phạm Chí nghe Bát nhã Ba la mật mà lại chẳng được độ?

Phật biết rõ tâm niệm của ngài Xá Lợi Phất, nên dạy rằng: Các Phạm Chí ấy đến đây chẳng phải do thiện niệm, lại đắm chấp tà kiến và ái kiến, nên chẳng được độ vậy. Ví như người mà thọ mạng đã sắp hết, thì dù gặp được thầy hay, thuốc tốt, hoặc dù có thần lực, cũng chẳng có thể được thoát chết vậy.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Như vậy, chẳng những các Phạm Chí ấy, mà cho đến hết thảy chúng sanh nào mống ác tâm muốn phá hoại Bát nhã Ba la mật cũng chẳng tìm được chỗ tiện để gây tác hại. Vì sao? Vì chư Phật, chư Bồ Tát, chư Thánh Hiền, chư Thiên đều xuất sanh từ Bát nhã Ba la mật. Bởi vậy nên các ác ma, các ngoại đạo muốn đến vấn nạn để phá hoại Bát nhã Ba la mật, chẳng sao thực hiện được ý đồ của họ").

*Nội dung của phẩm này nói đến **uy lực của Bát nhã Ba la mật**. Phần kết luận của phẩm này đáng lưu ý với đoạn Kinh như sau:*

"Chư Phật sở đắc Nhất thiết trí trí đều từ Bát Nhã xuất sanh vậy. Tất cả Bát nhã Ba la mật đều từ Nhất thiết trí trí mà xuất sanh vậy. Vì sao? **Vì Nhất thiết trí trí chẳng khác Bát nhã Ba la mật. Bát nhã Ba la mật chẳng khác Nhất thiết trí trí. Nhất thiết trí trí cùng Bát nhã Ba la mật đây, phải biết không hai cũng không hai phần.**

Bấy giờ, Phật bảo Thiên Đế Thích rằng:

- Như vậy! Đúng như ngươi đã nói. Vì vậy, **nên công đức oai thần Bát nhã Ba la mật rất tôn, rất thắng**!

*(Để bình luận đoạn Kinh này **Đại Trí Độ Luận cùng phẩm trên**. Nói rằng:*

"Vì Bồ Tát có hành đầy đủ Bát nhã Ba la mật mới có thể thành Phật, mới được đầy đủ Nhất thiết chủng trí. Bởi vậy nên nói "phải ở nơi Bát nhã Ba la mật, mà cầu Nhất thiết chủng trí".

Mặc khác, chư Phật và chư đại Bồ Tát được Nhất thiết chủng trí rồi, thường thuyết Bát nhã Ba la mật, thường dùng các lực phương tiện Bát nhã Ba la mật để hóa độ chúng sanh, nên cũng nói "phải ở nơi Nhất thiết chủng trí mà cầu Bát nhã Ba la mật".

Bát nhã Ba la mật biến thành Nhất thiết chủng trí. Bát nhã Ba la mật là nhân sanh ra Nhất thiết chủng trí. Bát nhã Ba la mật là nhân, và Nhất thiết chủng trí là quả; nhân quả chẳng rời nhau, nên nói Bát nhã Ba la mật và Nhất thiết chủng trí là chẳng phải hai, chẳng phải khác")."

Tu Bát nhã Ba la mật giác ngộ thì được Nhất thiết trí trí. Nên nói pháp môn Bát nhã Ba la mật là nhân sinh Nhất thiết trí trí. Nên Đại Trí Độ Luận nói rằng: " Bát nhã Ba la mật là nhân, và Nhất thiết chủng trí là quả; nhân quả chẳng rời nhau, nên nói Bát nhã Ba la mật và Nhất thiết chủng trí là chẳng phải hai, chẳng phải khác".

Đứng về phương diện tu hành mà nói: Tu Bát nhã Ba la mật thì được Giác ngộ, khi Giác ngộ thì đắc Vô Thượng Chánh giác và Nhất thiết trí trí. Cả ba Giác ngộ, Chánh giác và Nhất thiết trí trí hỗ tương sanh khởi, không phải do cái này mà có cái kia./.

---o0o---

34. PHẨM "TRỜI ĐẾN"

Cuối Q.429 đến đầu Q.430, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương với Đoạn năm, phẩm "So Lường Công Đức" từ Q.106 đến đầu Q.127, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Phần đầu của phẩm "Trời Đến", Hội thứ II này và phẩm "A Nan Xưng Dự"(A Nan xưng tán) cùng nói lên tánh cách tôn dẫn hay chỉ đạo của Bát nhã Ba la mật. Phần sau của hai phẩm này nói về công đức tu tập thọ trì cũng như thờ phụng cúng dường Kinh này thời có vô lượng vô biên công đức hiện tại vị lai như các phẩm trước. Hai phẩm của hai Kinh thuyết như nhau. Cả hai viết theo lối trần thuật dễ tụng, dễ hiểu. Chẳng có gì mới mẻ ở đây. Tất cả đều giống như phẩm "So Lường Công Đức" của Hội thứ I, ĐBN.

Tóm lược:

Bấy giờ, cụ thọ Khánh Hỷ thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng rộng ngợi khen 5 pháp Ba la mật: Bố thí, trì giới, an nhẫn v.v… cho đến 18 pháp Phật bất cộng, mà chỉ rộng khen Bát nhã Ba la mật thứ sáu?

Phật bảo:

- Khánh Hỷ! **Bát nhã Ba la mật thứ sáu là tôn dẫn, vì có khả năng hướng dẫn năm Ba la mật trước cho đến 18 pháp Phật bất cộng, nên Ta chỉ rộng ngợi khen Bát nhã Ba la mật.**

Lại nữa, Khánh Hỷ! Ý ông nghĩ sao? Nếu chẳng hồi hướng Nhất thiết tướng trí mà tu bố thí cho đến 18 pháp Phật bất cộng, khá gọi là chơn bố thí Ba la mật cho đến 18 pháp Phật bất cộng chăng?

Khánh Hỷ thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng chơn. Bạch Thiện Thệ ! Chẳng chơn.

Phật nói:

- Khánh Hỷ! Do hồi hướng Nhất thiết tướng trí mà tu bố thí cho đến 18 pháp Phật bất cộng, mới khá gọi là chơn bố thí Ba la mật cho đến 18

pháp Phật bất cộng. Cho nên, **Bát nhã Ba la mật là tôn dẫn, có khả năng dẫn dắt 5 Ba la mật trước cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Do đó, Ta rộng ngợi khen Bát nhã Ba la mật.**

Cụ thọ Khánh Hỷ lại thưa Phật rằng:

- Tại sao hồi hướng Nhất thiết tướng trí tu bố thí cho đến 18 pháp Phật bất cộng, mới được gọi là chơn bố thí Ba la mật cho đến 18 pháp Phật bất cộng?

Phật nói:

- Khánh Hỷ! Đem **vô nhị** làm phương tiện, **vô sanh** làm phương tiện, **vô sở đắc mà làm phương tiện**, hồi hướng Nhất thiết tướng trí mà tu bố thí cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Hồi hướng Nhất thiết tướng trí mà tu bố thí cho đến 18 pháp Phật bất cộng như thế mới được gọi là chơn bố thí Ba la mật cho đến 18 pháp Phật bất cộng.

Cụ thọ Khánh Hỷ lại thưa Phật rằng:

- Lấy vô nhị nào làm phương tiện, vô sanh nào làm phương tiện, vô sở đắc nào làm phương tiện, hồi hướng Nhất thiết tướng trí mà tu bố thí cho đến 18 pháp Phật bất cộng, mới được gọi là chơn bố thí Ba la mật cho đến 18 pháp Phật bất cộng?

Phật nói:

- Khánh Hỷ! Lấy vô nhị của sắc thọ tưởng hành thức cho đến Vô thượng Bồ đề làm phương tiện, vô sanh làm phương tiện, vô sở đắc làm phương tiện, hồi hướng Nhất thiết tướng trí, mà tu bố thí cho đến 18 pháp Phật bất cộng, mới được gọi là chơn bố thí Ba la mật cho đến 18 pháp Phật bất cộng.

Cụ thọ Khánh Hỷ thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao lấy vô nhị của sắc thọ tưởng hành thức cho đến Vô thượng Bồ đề làm phương tiện, vô sanh làm phương tiện, vô sở đắc làm phương tiện, để hồi hướng Nhất thiết tướng trí mà tu bố thí cho đến 18 pháp Phật bất cộng, mới được gọi là chơn bố thí Ba la mật cho đến 18 pháp Phật bất cộng?

Phật nói:

- Khánh Hỷ! **Sắc thọ tưởng hành thức, tánh sắc thọ tưởng hành thức không** cho đến Vô thượng Bồ đề, tánh Vô thượng Bồ đề không. Vì sao? Vì sắc thọ tưởng hành thức tánh không cho đến Vô thượng Bồ đề

tánh không, cùng bố thí Ba la mật cho đến 18 pháp Phật bất cộng đều không hai, không hai phần vậy.

Khánh Hỷ phải biết: Do Bát Nhã, nên có khả năng hồi hướng Nhất thiết tướng trí. Do hồi hướng Nhất thiết tướng trí, nên có khả năng khiến bố thí Ba la mật cho đến 18 pháp Phật bất cộng được đến bờ rốt ráo. Vậy nên, Bát Nhã làm tôn làm dẫn đối 5 Ba la mật trước cho đến 18 pháp Phật bất cộng, nên Ta chỉ rộng ngợi khen Bát nhã Ba la mật. Khánh Hỷ nên biết: Ví như đem hạt giống rải lên đại địa, các duyên hòa hợp thời được sanh trưởng. Nên biết đại địa là chỗ nương tựa, có khả năng kiến lập, làm cho các hạt giống sanh trưởng. Cũng vậy, Bát nhã Ba la mật và hồi hướng Nhất thiết tướng trí là chỗ nương tựa, có khả năng kiến lập, làm cho 5 pháp Ba la mật trước cho đến 18 pháp Phật bất cộng được sanh trưởng. Cho nên Bát Nhã đây là tôn dẫn, là pháp dẫn đường cho 5 Ba la mật trước cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Do đó, Ta chỉ rộng ngợi khen Bát Nhã.

(Kinh cũng xác nhận rằng "Bát nhã Ba la mật và hồi hướng Nhất thiết chủng trí là chỗ nương tựa, có khả năng kiến lập, làm cho tất cả thiện pháp sanh trưởng, nên nói Bát nhã Ba la mật làm tôn làm dẫn đối với tất cả các pháp". Nhưng dù nói như thế nào đi nữa thì Bát Nhã muốn trở thành tôn dẫn phải theo một số điều kiện nào đó (thí dụ như phải hồi hướng nhất thiết trí trí, lấy vô sở đắc làm phương tiên chẳng hạn...) mới có thể kiến lập các pháp khác. Nếu không hội đủ điều kiện thì chẳng có pháp nào kiến lập được pháp nào. Nên nói tôn dẫn chỉ là cách nói theo thế tục vậy thôi. Bát Nhã là không, bản tánh không. Rốt ráo cũng đừng quá tưởng tượng bốc cao mà lạc mất tâm đạo.

Kinh MHBNBLMĐ trong phẩm "Xá Lợi", nói rằng: "Do được Bát nhã Ba la mật dẫn đạo, nên khi hành bố thí Bồ Tát mới được đầy đủ Đàn Ba la mật, khi hành trì giới mới được đầy đủ Thi La Ba la mật, khi hành nhẫn nhục mới được đầy đủ Sằn Đề Ba la mật, khi hành tinh tấn mới được đầy đủ Tỳ Lê Gia Ba la mật, khi hành thiền định mới được đầy đủ Thiền Ba la mật, khi quán các pháp mới được đầy đủ Bát nhã Ba la mật. Vì sao ? Vì Bồ Tát, dụng vô sở đắc, quán hết thảy các pháp, từ sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều là bất khả đắc cả".

Nên trong "Bát nhã Ba la mật" phần, Hội thứ XVI nói: Bát nhã Ba la mật kỳ cùng không phải là pháp tối cao hay thực tại vĩnh hằng nào cả. Như vậy, chẳng có gì là tôn nhiếp, nhiếp dẫn nhau, chỉ dựa vào thế tục mà nói, trong thắng nghĩa đế không có phân biệt).

Bấy giờ, Thiên Đế Thích thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Ngày nay Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đối với công đức Bát Nhã đây nói vẫn chưa hết. Vì sao? Con theo Thế Tôn được thọ Bát Nhã ngần công đức sâu rộng vô lượng vô biên. Các thiện nam thiện nữ đối Bát Nhã đây, chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý, rộng vì hữu tình tuyên nói lưu bố, chỗ được ngần công đức cũng sâu rộng vô lượng vô biên. Nếu có ghi chép Kinh Bát Nhã thậm thâm như thế lại đem vô lượng các thứ thượng diệu tràng hoa, hương xoa, cùng tràng phan lọng báu, các ngọc diệu trân kỳ quý lạ v.v… cúng dường, chỗ được ngần công đức cũng vô lượng vô biên.

Bạch Thế Tôn! Nếu các thiện nam thiện nữ, đối Bát Nhã thậm thâm, chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học v.v… do nhân duyên đây thế gian bèn có 10 thiện nghiệp đạo; hoặc 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc; hoặc bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật; hoặc nội không cho đến vô tánh tự tánh không; hoặc 4 niệm trụ nói rộng cho đến 18 pháp Phật bất cộng; hoặc quả Dự lưu cho đến quả A la hán; hoặc Độc giác Bồ đề; hoặc Bồ Tát cho đến chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề; hoặc có bao nhiêu thắng sự thế gian không việc nào mà chẳng lưu xuất.

Bấy giờ, Phật bảo Thiên Đế Thích rằng:

- Kiều Thi Ca! Ta chẳng nói Bát nhã Ba la mật, chỉ có ngần ấy công đức. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật thậm thâm đầy đủ vô biên công đức thù thắng. Nếu các thiện nam, thiện nữ này đem vô sở đắc làm phương tiện, đối Bát nhã Ba la mật đây chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học v.v… nhóm giới, nhóm định, nhóm huệ, nhóm giải thoát, nhóm giải thoát tri kiến sẽ trọn nên vô lượng thù thắng.

Kiều thi ca! Các thiện nam, thiện nữ này sẽ được coi như Phật. Vì sao? Vì họ thọ trì đạo Vô thượng của tất cả các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quá khứ, vị lai, hiện tại; vì họ quyết định hướng tới Phật Bồ đề; vì họ muốn làm lợi ích, an vui cho tất cả hữu tình không cùng tận; vì họ vượt khỏi bậc Thanh văn, Độc giác.

Kiều thi ca! Nhóm giới, nhóm định, nhóm huệ v.v… của Thanh văn, Độc giác so với nhóm giới, nhóm định, nhóm huệ v.v… của các thiện nam, thiện nữ đây thì trăm phần chẳng bằng một, ngàn phần chẳng bằng một, cho đến cực số phần cũng chẳng bằng một. Vì sao? Vì các thiện nam, thiện nữ này vượt khỏi tâm tưởng thấp hèn của tất cả Thanh văn, Độc giác. Đối với các pháp của Thanh văn, Độc giác thừa, họ suốt đời chẳng ngợi khen; nhưng đối với tất cả pháp khác, chẳng có pháp nào mà không biết, nghĩa là biết rõ pháp không có sở hữu.

Kiều thi ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ nào chẳng lìa tâm Nhất thiết trí trí, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với Kinh Bát nhã Ba la mật, chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh tấn siêng tu học v.v… lại đem vô lượng phẩm vật thượng diệu như tràng hoa cho đến các ngọc diệu trân kỳ quý lạ v.v… cúng dường thì Ta nói người này hiện tại và vị lai thu được vô lượng, vô biên công đức thắng lợi.

Khi ấy, Thiên Đế Thích liền thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chư thiên chúng con thường theo thủ hộ các thiện nam, thiện nữ này, chẳng cho tất cả người, phi người cùng các thứ ác duyên làm não hại.

Bấy giờ, Phật bảo Thiện Hiện rằng:

- Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ đem tâm tương ưng Nhất thiết trí trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, tuyên nói pháp tương ưng Bát Nhã thậm thâm như thế, lúc đó có vô lượng các thiên tử thiên nữ cùng đến nhóm hợp, dùng uy lực của mình khiến cho pháp sư đó thuyết pháp biện tài lưu loát, nếu có chướng nạn cũng chẳng bị ngăn dứt.

Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ đem tâm tương ưng Nhất thiết trí trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, đối với Bát nhã Ba la mật thậm thâm đây chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học v.v... lại đem nhiều phẩm vật thượng diệu tràng hoa cho đến các ngọc diệu trân kỳ quý lạ v.v… cúng dường, ở đời hiện tại được vô biên công đức thắng lợi, ma và ma quân chẳng thể làm rối loạn não hại được.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ đối trước bốn chúng tuyên nói Bát Nhã thậm thâm như thế, tâm không khiếp sợ, chẳng bị tất cả luận nạn đè bẹp. Vì sao? Vì những người đó được gia trì của Bát Nhã. Lại Bát Nhã đây trong tạng bí mật*(1)* đủ rộng phân biệt tất cả pháp. Chỗ gọi pháp thiện pháp phi thiện, pháp hữu ký pháp vô ký, pháp hữu lậu

pháp vô lậu, pháp thế gian pháp xuất thế gian, pháp hữu vi pháp vô vi, pháp Thanh văn, pháp Độc giác, pháp Bồ Tát, pháp Như Lai. Tất cả các pháp như thế thảy vô lượng trăm ngàn sai khác đều nhiếp thọ vào Bát Nhã.

Lại do các thiện nam, thiện nữ khéo trụ nội không cho đến vô tánh tự tánh không, nên đều chẳng thấy có kẻ năng luận nạn, cũng chẳng thấy có sở luận nạn, cũng chẳng thấy có sở thuyết Bát Nhã. Vì vậy, nên Kiều Thi Ca! Các thiện nam, thiện nữ đây nhờ đại oai thần lực Bát Nhã này hộ trì, nên chẳng bị tất cả bọn dị học luận nạn và các kẻ oán địch làm khuất phục.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ đối Bát Nhã thậm thâm đây, chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý, thơ tả giải nói, rộng khiến lưu bố. Các thiện nam, thiện nữ này tâm chẳng kinh chẳng sợ chẳng hãi, tâm chẳng chìm đắm, cũng chẳng ưu hối. Vì sao? Vì các thiện nam, thiện nữ này đều chẳng thấy có việc đáng kinh, đáng sợ, đáng hãi, chìm đắm ưu hối vậy.

Kiều Thi Ca! **Nếu các thiện nam, thiện nữ đây muốn được vô biên công đức thắng lợi hiện tại đây, nên đối Bát Nhã thậm thâm như thế chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý, thơ tả giải nói, rộng khiến lưu bố, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, chẳng chút nới bỏ.**

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ đem tâm tương ưng Nhất thiết trí trí, dùng vô sở đắc mà làm phương tiện, đối Kinh điển Bát Nhã thậm thâm đây chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý, thơ tả giải nói, rộng khiến lưu bố, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen. Các thiện nam, thiện nữ này hằng được cha mẹ, Sư trưởng, bạn thân, quốc vương, đại thần và các Sa môn, Bà la môn tất cả đều kính ái. Cũng được 10 phương vô biên thế giới tất cả Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác, Bồ Tát, Độc giác, A la hán, Bất hoàn, Nhất lai, Dự lưu đều thương nhớ. Lại được thế gian các trời, ma, phạm và người, phi người, A tu la ái mộ, giúp đỡ. Các thiện nam, thiện nữ này thành tựu biện tài tối thắng không gián đoạn; trong tất cả thời, tu hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, an trụ 18 pháp không; tu hành 4 niệm trụ cho đến 18 pháp Phật bất cộng; tu hành tất cả Tam ma địa, Đà la ni môn, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật; tu hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, thường không biếng nhác phế bỏ. Các thiện nam, thiện nữ

này chẳng bị tất cả ngoại đạo dị luận và các oán địch hàng phục, ngược lại có khả năng hàng phục ngoại đạo dị luận và các oán địch.

Kiều thi ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ nào muốn trong hiện tại và vị lai được công đức thắng lợi như thế vô tận, thì nên đối với Bát Nhã đây, đem tâm ứng hợp với Nhất thiết trí trí, dùng vô sở đắc làm phương tiện, chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học Bát Nhã!

Lại nữa, Kiều thi ca! Nếu các **thiện nam, thiện nữ nào biên chép Kinh Bát nhã Ba la mật thậm thâm như thế, để chỗ thanh tịnh, trang nghiêm bằng đủ loại báu, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen** thì khi ấy, trong Tam thiên đại thiên thế giới đây và 10 phương vô biên thế giới khác, các trời Tứ đại vương cho đến trời Quảng quả, những vị đã phát tâm Vô thượng Bồ đề thường đến chỗ ấy đảnh lễ, đọc tụng Bát Nhã, rồi cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, đi nhiễu lễ bái, chắp tay lui về. Ngoài ra còn có các vị trời Tịnh cư như là trời Vô phiền, trời Vô nhiệt, trời Thiện hiện, trời Thiện kiến, trời Sắc cứu cánh cũng thường đến đảnh lễ, đọc tụng Bát Nhã, rồi cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, đi nhiễu, lễ bái, xong chắp tay lui về.

Tam thiên Đại thiên thế giới đây và 10 phương vô biên thế giới khác, các rồng, dược xoa, kiện đạt phược, A tu la, yết lộ trà, khẩn nại lạc, mạc hô lạc già, người, phi người v.v… có đại oai đức cũng hằng đến đấy xem lễ đọc tụng Bát Nhã, rồi cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, đi nhiễu, lễ bái, chắp tay lui về.

Kiều Thi Ca! Các thiện nam, thiện nữ này sẽ khởi nghĩ đây: Nay Tam thiên đại thiên thế giới đây và 10 phương vô biên thế giới khác, các trời Bốn đại vương chúng cho đến trời Sắc cứu cánh, cùng vô lượng các rồng, dược xoa, kiện đạt phược, A tu la v.v… thường đến đây, xem lễ đọc tụng Bát nhã Ba la mật, do ta biên chép rồi cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, quanh hữu lễ bái, chấp tay mà lui. Như vậy là ta đã thiết lập pháp thí. Khởi nghĩ như vậy rồi, họ vô cùng vui mừng phấn khởi, khiến cho phước báu tăng trưởng bội phần.

Kiều Thi Ca! Các thiện nam, thiện nữ này ở Tam thiên đại thiên thế giới đây và 10 phương vô biên thế giới khác, các trời Bốn đại vương chúng cho đến trời Sắc cứu cánh, cùng vô lượng các rồng, dược xoa, kiện đạt phược, A tu la v.v… thường đến đây, theo dõi ủng hộ, chẳng cho tất cả

người, phi người… làm não hại, chỉ trừ ác nghiệp đời trước đã chín mùi hiện tại phải chịu, hoặc chuyển nặng thành nhẹ.

Kiều thi ca! Nhờ đại lực oai thần của Kinh Bát Nhã thậm thâm đây, nên các thiện nam, thiện nữ này được các thứ **công đức thắng lợi trong đời hiện tại như thế,** nghĩa là những vị đã phát tâm Vô thượng Bồ đề như chư thiên…, hoặc người nương vào Phật pháp đã được việc thù thắng an vui, vì kính trọng pháp nên thường đi đến đây, theo dõi ủng hộ làm cho thiện nam, thiện nữ kia tăng thế lực. Vì sao? Vì các thiện nam, thiện nữ này đã phát tâm Vô thượng Chánh Đẳng Giác, thường cứu vớt hữu tình vậy, thành thục hữu tình vậy, chẳng bỏ hữu tình vậy, làm lợi ích an vui cho hữu tình vậy. Các chư thiên… kia cũng lại như vậy. Do nhân duyên đây nên chư thiên… thường đến ủng hộ các thiện nam, thiện nữ này, khiến cho không bị não hại.

Bấy giờ, Thiên Đế Thích thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Các thiện nam, thiện nữ này làm sao giác biết ở Tam thiên đại thiên thế giới này và 10 phương vô biên thế giới khác, các trời Bốn đại vương chúng cho đến trời Sắc cứu cánh, cùng vô lượng các rồng, dược xoa, kiện đạt phược, A tu la, yết lộ trà, khẩn nại lạc, mạc hô lạc già, người, phi người thảy đi đến chỗ ấy, xem lễ đọc tụng Bát nhã Ba la mật thậm thâm do họ biên chép, rồi cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, chấp tay đi nhiễu, vui mừng hộ niệm?

Bấy giờ, Phật bảo Thiên Đế Thích rằng:

- Kiều Thi Ca! Các thiện nam thiện nữ, nếu thấy chỗ an để Bát nhã Ba la mật **có diệu quang minh**, hoặc **ngửi thấy chỗ ấy có hương thơm khác lạ**, hoặc **nghe tiếng thiên nhạc** thì sẽ biết khi ấy có chư thiên, rồng… đủ đại thần lực, oai đức rực rỡ thù thắng đều đi đến chỗ ấy, xem lễ đọc tụng Bát Nhã thậm thâm do họ thơ tả, rồi cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, chấp tay đi nhiễu, vui mừng hộ niệm. Các thiện nam, thiện nữ này tu hạnh thuần tịnh, trang nghiêm chỗ ấy, chăm lòng cúng dường Bát Nhã. Phải biết bấy giờ có chư thiên, rồng… đủ đại thần lực, oai đức rực rỡ thù thắng đều đến chỗ, xem lễ đọc tụng Bát Nhã do họ thơ tả, rồi cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, chấp tay đi nhiễu, vui mừng hộ niệm.

Kiều Thi Ca! Tùy theo chư thiên, rồng… đủ đại thần lực, oai đức rực rỡ thù thắng như thế đi đến chỗ nào thì chỗ ấy các tà thần, ác quỷ kinh sợ lui tan, không dám ở. Do nhân duyên đây, các thiện nam, thiện nữ này tâm

hồn mở rộng, khởi hiểu tịnh thắng, sở tu thiện nghiệp bội phần tăng trưởng, làm việc gì đều không bị ngăn ngại. Vì vậy, Kiều Thi Ca! Nếu Kinh điển Bát nhã Ba la mật tùy để chỗ nào, chung quanh nên dọn dẹp uế vật, lau chùi sạch sẽ, tưới rải nước thơm, trải bày bảo tọa, an để kinh lên; trang nghiêm chỗ ấy bằng cách đốt hương, rải hoa, giăng treo màn lọng, cờ phướn báu, phong linh, trang sức bên trong, các trân châu vi diệu quý hiếm v.v… Nếu năng cúng dường Bát nhã Ba la mật như thế, bèn có vô lượng các thiên long… đủ đại thần lực, oai đức rực rỡ thù thắng đi đến chỗ kia xem lễ đọc tụng Bát nhã Ba la mật do họ thơ tả, rồi cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, chắp tay đi nhiễu, vui mừng hộ niệm.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Các thiện nam, thiện nữ này nếu năng cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen Bát Nhã như thế, quyết định sẽ được thân tâm không mỏi, thân vui tâm vui, thân nhẹ tâm nhẹ, thân tâm nhu nhuyễn, thân yên ổn tâm yên ổn, luôn luôn nhớ tưởng Bát nhã Ba la mật. Đêm ngủ không có ác mộng, chỉ thấy mộng lành, là thấy Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, thân sắc vàng ròng, đủ 32 tướng đại trượng phu, 80 tùy hảo, viên mãn trang nghiêm, phóng đại quang minh soi khắp tất cả, Thanh văn Bồ Tát vây quanh trước sau; nghe Phật thuyết pháp tương ưng 6 pháp Ba la mật. Lại nghe thuyết pháp tương ưng nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Bốn niệm trụ nói rộng cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Lại nữa, ở trong mộng thấy cội Bồ đề, lượng cao rộng, các báu trang nghiêm. Có đại Bồ Tát tới cội Bồ đề, ngồi xếp bằng tréo chân, hàng phục ma oán, chứng được Vô thượng Bồ đề, quay xe diệu pháp độ vô lượng chúng. Lại thấy vô lượng trăm ngàn trăm ức muôn ức Bồ Tát luận nghị quyết trạch các môn pháp nghĩa rằng: Nên thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, tu Bồ Tát hạnh hàng phục ma quân, dứt hẳn thói quen chướng ngại, tới chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Lại còn mộng thấy 10 phương vô lượng trăm ngàn trăm ức muôn ức Phật, cũng nghe tiếng Phật kia bảo rằng: Thế giới đó, danh Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đó, có trăm ngàn trăm ức muôn ức Bồ Tát, Thanh văn đệ tử cung kính vây quanh mà vì thuyết pháp. Lại mộng thấy 10 phương vô lượng trăm ngàn trăm ức Phật vào Bát Niết bàn. Mỗi mỗi Phật kia sau vào Niết bàn đều có thí chủ cúng dường Thiết lợi la Phật, nên dùng bảy báu khởi xây vô lượng trăm ngàn trăm ức muôn ức Bảo tháp. Lại tại mỗi mỗi Bảo tháp đều đem vô lượng thượng diệu tràng hoa, hương xoa, hương

bột cùng tràng phan lọng báu, các ngọc diệu trân kỳ quý lạ v.v… cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, trải qua vô lượng kiếp.

Kiều Thi Ca! Các thiện nam, thiện nữ này thấy tướng các loại mộng lành như thế, hoặc ngủ hoặc thức thân tâm nhẹ nhàng an vui. Các thiên thần… giúp ích tinh khí cho họ, khiến cho thân thể họ cảm thấy nhẹ nhàng. Do nhân duyên đây nên chẳng còn nhiều tham nhiễm đối với vật thực, thuốc men, y phục, đồ nằm; tâm họ không đặt nặng đối với bốn đồ cúng hiến. Như sư Du già nhập định thù thắng vi diệu, do sức định ấy tươi nhuận thân tâm; từ định xuất rồi, tuy gặp các thực vật ngon nhưng tâm vẫn khinh an. Đây cũng như thế. Vì sao? Vì các thiện nam, thiện nữ này do Tam thiên đại thiên thế giới đây và vô biên thế giới khác, tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, Thanh văn, Bồ Tát, trời, rồng, dược xoa, kiện đạt phược, A tu la v.v… là những bậc đủ đại thần lực oai đức từ bi hộ niệm, đem diệu tinh khí thầm rót vào thân tâm, khiến cho họ ý chí dũng mãnh, thân thể tráng kiện.

Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam thiện nữ muốn được sở hữu công đức thắng lợi hiện tại như thế, nên phát tâm Nhất thiết trí trí, đem vô sở đắc làm phương tiện, đối Kinh điển Bát Nhã chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý, thơ tả… rộng khiến lưu bố.

Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam thiện nữ, tuy đối Kinh điển Bát nhã Ba la mật, **chẳng năng lóng nghe**, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý, rộng vì hữu tình tuyên nói lưu bố, **mà chỉ biên chép**, trang nghiêm bằng các báu, lại đem các phẩm thượng diệu tràng hoa, hương xoa, hương bột cùng tràng phan lọng báu, các ngọc diệu trân kỳ quý lạ… cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, **cũng được công đức thắng lợi** như đã nói trước. Vì sao? Kiều Thi Ca! Các thiện nam, thiện nữ này làm lợi vui rộng lớn vô lượng vô biên các hữu tình vậy.

Lại nữa, Kiều thi ca! Nếu các thiện nam thiện nữ nào dùng tâm tương ưng với Nhất thiết trí trí, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với Kinh Bát nhã Ba la mật thậm thâm đây, **chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng**, tinh chuyên tu học, suy nghĩ đúng lý, rộng vì hữu tình tuyên nói lưu bố; hoặc lại biên chép, trang nghiêm bằng các báu, đem các phẩm vật thượng diệu như tràng hoa cho đến các ngọc diệu trân kỳ quý lạ…cúng dường, thì được nhóm phước vô lượng vô biên vượt hơn các hữu tình khác trọn đời đem vô lượng phẩm vật thượng diệu như vật thực, y phục, đồ nằm, thuốc

men cúng dường 10 phương thế giới tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và chúng đệ tử; cũng hơn hẳn các hữu tình khác cúng dường Thiết lợi la của 10 phương Phật và đệ tử Phật sau khi vào Niết bàn, bằng cách dùng bảy báu xây dựng bảo tháp cao rộng trang nghiêm đẹp đẽ, lại đem vô lượng tràng hoa trời vi diệu, cho đến các ngọc diệu trân kỳ quý lạ… trọn đời cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen. Vì sao? Vì 10 phương chư Phật và chúng đệ tử Phật đều sanh ra từ Bát Nhã thậm thâm như thế.

Thích nghĩa:

((1). Tạng bí mật: Pháp tạng (kho pháp) rất sâu xa bí ẩn, duy chỉ có Phật với Phật mới biết rõ được, chứ chẳng phải pháp môn phổ thông mà mọi người đều có thể hiểu biết. Lại vì là pháp kín nhiệm được đức Như lai đặc biệt hộ niệm, nếu không phải người có căn khí, thì giữ kín không nói, cho nên gọi là Bí mật tạng. Bởi vậy, Bí mật tạng là tên chung của các Kinh hiển bày nghĩa lý rất xa, bí ẩn. Giải thích rồi chỉ tóm lược lại để nhớ.

Sơ giải:

***1. Phẩm này trước hết nói về tính cách thượng tôn của Bát Nhã*.**

Vì Bát Nhã như người sáng mắt trong số những người mù bẩm sanh, thiếu Bát Nhã các Ba la mật khác không thể hoạt động, không thể đến được bến bờ mong muốn. Bát Nhã là chỉ đạo, là thuyền trưởng giữa đại dương bao la. Bát Nhã cũng như đất đem lại sự sống cho muôn loài, thiếu đất là thiếu mầm sống. Vì vậy, Bát Nhã mới được suy tôn hơn bao giờ hết. Nên Phật bảo Khánh Hỷ:

"Khánh Hỷ phải biết: Do Bát Nhã, nên có khả năng hồi hướng Nhất thiết tướng trí. Do hồi hướng Nhất thiết tướng trí, nên có khả năng khiến bố thí Ba la mật cho đến 18 pháp Phật bất cộng được đến bờ rốt ráo. Vậy nên, Bát Nhã **làm tôn làm dẫn đối năm Ba la mật** trước cho đến 18 pháp Phật bất cộng, nên Ta chỉ rộng ngợi khen Bát Nhã. Khánh Hỷ nên biết: Ví như đem hạt giống rải lên đại địa, các duyên hòa hợp thời được sanh trưởng. Nên biết đại địa là chỗ nương tựa, có khả năng kiến lập, làm cho các hạt giống sanh trưởng. Cũng vậy, Bát Nhã và hồi hướng Nhất thiết tướng trí là chỗ nương tựa, có khả năng kiến lập, làm cho năm pháp Ba la

mật trước cho đến 18 pháp Phật bất cộng được sanh trưởng. Cho nên Bát Nhã đây là tôn dẫn, là pháp dẫn đường cho 5 Ba la mật trước cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Do đó, Ta chỉ rộng ngợi khen Bát nhã Ba la mật".

2. Phần kế nói đến công đức của người thọ trì đọc tụng hay tôn thờ Bát Nhã.

Phật bảo: "Kiều thi ca! Nếu các thiện nam thiện nữ nào dùng tâm tương ưng với Nhất thiết trí trí, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với Bát Nhã đây, **chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh chuyên tu học, suy nghĩ đúng lý, rộng vì hữu tình tuyên nói lưu bố; hoặc lại biên chép**, trang nghiêm bằng các báu, đem các phẩm vật thượng diệu như tràng hoa cho đến các ngọc diệu trân kỳ quý lạ… cúng dường, **thì được nhóm phước vô lượng vô biên** vượt hơn các hữu tình khác trọn đời đem vô lượng phẩm vật thượng diệu như vật thực, y phục, đồ nằm, thuốc men cúng dường mười phương thế giới tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và chúng đệ tử; cũng hơn hẳn các hữu tình khác cúng dường Thiết lợi la của mười phương Phật và đệ tử Phật sau khi vào Niết bàn, bằng cách dùng bảy báu xây dựng bảo tháp cao rộng trang nghiêm đẹp đẽ, lại đem vô lượng tràng hoa trời vi diệu, cho đến các ngọc diệu trân kỳ quý lạ… trọn đời cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen. Vì sao? Vì 10 phương chư Phật và chúng đệ tử Phật đều sanh ra từ Bát Nhã thậm thâm như thế".

*Chúng tôi thiết nghĩ **Đoạn năm**, phẩm "So Lường Công Đức", từ Q.106 đến phần đầu Q.127, Hội thứ I, ĐBN, hơn 20 quyển thuyết về đề tài này như thế là quá đủ, các đạo hữu có thể quay lại ôn tập nếu muốn. Kinh văn của Hội thứ II trôi chảy thông suốt, dễ đọc dễ hiểu, nhất là Kinh viết theo lối trần thuật, nên không cần dong dài, ai cũng có thể lãnh hội./.*

---o0o---

35. PHẨM "THIẾT LỢI LA HAY XÁ LỢI"

Cuối quyển 430, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương với Đoạn sáu, phẩm "So Lường Công Đức", phần sau Q.127 đến đầu Q.130, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Phẩm "Thiết Lợi La" của Kinh ĐBN, cũng giống như phẩm "Xá Lợi" của Kinh MHBNBLMĐ, so sánh công đức của người xây bảo tháp thờ phụng cúng dường xá lợi Phật với người biên chép thọ trì đọc tụng Kinh ĐBN, ai có công đức hơn? Ai cũng có thể trả lời câu hỏi này, nên không cần bàn thêm nữa. Phẩm này đáng chú ý là Phật thuyết thêm "pháp môn bất nhị". Tu mà thủ tâm chấp tướng là chưa nhập được pháp môn bất nhị. Đó là phân biệt, chấp đắm. Nếu còn thấy thọ trì Bát Nhã là công đức hơn người lập bảo tháp để cúng dường xá lợi Phật là năng sở chưa tiêu, còn hữu sở đắc tức còn sống trong nhị pháp, chưa nhập được "pháp không". Nên Phật nêu thí dụ "Nếu có ai muốn phân biệt "pháp tánh"... nhẫn đến muốn phân biệt "thật tế, bất khả tư nghì tánh" là "nhị tướng", thì người đó muốn Bát nhã Ba la mật "nhị tướng".

Bát nhã Ba la mật là pháp môn bất nhị, một pháp môn được xem là tối cao trong 84.000 pháp môn Phật học.

Tóm lược:

- Lại nữa, này Kiều Thi Ca! Giả sử Xá lợi của Phật đầy khắp châu Thiệm bộ đây, chọn lấy một phần; biên chép Kinh Bát nhã Ba la mật lại chọn lấy một phần. Trong hai phần đây, ngươi lấy phần nào?

Trời Đế Thích thưa:

- Bạch Thế Tôn! **Chắc chắn con lấy Bát nhã Ba la mật**. Vì sao? Vì đối với Xá lợi của chư Phật, chẳng phải con không tín thọ, chẳng phải con chẳng vui thích cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, nhưng Kim thân và Xá lợi của chư Phật đều do Bát nhã Ba la mật như thế sanh ra, và đều do công đức thế lực huân tu Bát nhã Ba la mật, nên mới được tất cả thế gian, trời, người, A tu la… đem vô lượng phẩm vật thượng diệu như

tràng hoa, cho đến các ngọc diệu trân kỳ quý lạ… cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen.

Khi ấy, Xá lợi Tử bảo trời Đế Thích:

- Này Kiều Thi Ca! Bát nhã Ba la mật vô sắc, vô kiến, vô đối, nhất tướng, chỗ gọi là vô tướng. Pháp vô tướng đã chẳng thể thủ được, vậy ông làm sao mà lấy? Vì Bát nhã Ba la mật không lấy không bỏ, không thêm không bớt, không tụ không tan, không ích không tổn, không nhiễm không tịnh; chẳng đồng với pháp chư Phật, chẳng đồng với pháp Độc giác, chẳng đồng với pháp A la hán, chẳng đồng với pháp học, chẳng bỏ pháp dị sanh; chẳng đồng với vô vi giới, chẳng bỏ hữu vi giới, chẳng đồng với nội không cho đến vô tánh tự tánh không; chẳng đồng với bốn niệm trụ, cho đến Nhất thiết tướng trí, chẳng bỏ pháp tạp nhiễm. *(Q.430, ĐBN)*

Trời Đế Thích bèn nói với cụ thọ Xá lợi Tử:

- Đúng vậy! Đúng như Đại đức đã nói. Bạch Đại đức! Nếu như thật biết Bát nhã Ba la mật không lấy không bỏ, cho đến chẳng đồng với Nhất thiết tướng trí, chẳng bỏ tạp nhiễm, đó là chơn Bát nhã Ba la mật, cũng là chơn tu Bát nhã Ba la mật. Nhưng Bát nhã Ba la mật đây chẳng theo hai hạnh, vì không hai tướng. Tĩnh lự cho đến bố thí Ba la mật cũng như vậy, chẳng theo hai hạnh, vì không hai tướng.

Khi ấy, đức Phật khen trời Đế Thích rằng:

- Hay thay! Đúng như ông đã nói. Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật đều chẳng theo hai hạnh. Vì sao? Này Kiều Thi Ca! Vì sáu pháp Ba la mật như thế đều không hai tướng. Những người có ý muốn khiến Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật có hai tướng, tức là muốn pháp giới, chơn như, pháp tánh, thật tế, bất tư nghì giới cũng có hai tướng. Vì sao? Này Kiều Thi Ca! Vì **Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật cùng với pháp giới cho đến bất tư nghì giới không hai, không hai phần.**

Trời Đế Thích lại thưa:

- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế, thế gian, trời, người, A tu la… đều nên chí thành lễ bái, đi nhiễu, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen. Vì sao? Vì tất cả Bồ Tát đều nương vào Bát nhã Ba la mật đây, tinh tấn siêng năng tu học, chứng được Vô thượng Bồ đề.

Bạch Thế Tôn! Như khi con ngồi trên tòa Thiên Đế, trong điện Thiện pháp của cõi trời Ba mươi ba, vì các thiên chúng mà tuyên nói Chánh pháp thì có vô lượng các thiên tử… đi đến chỗ con cúng dường cung kính, tôn

trọng ngợi khen, đi nhiễu lễ bái, rồi chắp tay lui về. Nhưng khi con chẳng ở trên pháp tòa kia, các thiên tử… cũng đến chỗ ấy, dù chẳng thấy con ngồi trên pháp tòa, họ vẫn cung kính cúng dường, nói rằng: Đây là chỗ ngồi của trời Đế Thích, vì chư thiên… thuyết pháp, chúng ta nên xem như có thiên chủ ở đây mà cúng dường, đi nhiễu, lễ bái.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như vậy, nếu nơi nào có người biên chép, thọ trì đọc tụng, rộng vì hữu tình giảng nói lưu bố thì phải biết rằng, chỗ ấy luôn có vô lượng vô số trời, rồng, Dược xoa, kiện đạt phược, A tu la, yết lộ trà, khẩn nại lạc, mạc hô lạc già, nhơn phi nhơn… ở cõi đây và 10 phương vô biên thế giới khác, đều đến nhóm hội. Giả sử ở chỗ ấy không có người thuyết pháp, vì kính trọng pháp, họ cũng cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, lễ bái rồi lui. Vì sao? Vì tất cả các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các chúng Đại Bồ Tát, Độc giác, Thanh văn, tất cả hữu tình có được sự an vui là đều nương vào Bát nhã Ba la mật mà được. Xá lợi của Phật được cúng dường cũng do công đức huân tu Bát nhã Ba la mật mà được vậy.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật cùng với Bồ Tát hạnh và chỗ chứng được Nhất thiết tướng trí làm nhân, làm duyên, làm chỗ nương dựa, hay khéo dẫn phát. Vậy nên con nói: Giả sử Xá lợi của Phật đầy khắp châu Thiệm bộ đây, chọn lấy một phần; biên chép Kinh Bát nhã Ba la mật như thế, chọn lấy một phần. **Trong hai phần đây, nhất định con lấy Bát nhã Ba la mật.**

Bạch Thế Tôn! Do vậy, Bát nhã Ba la mật có thể thọ nhận vô lượng phẩm vật thượng diệu như tràng hoa cho đến các ngọc diệu tân kỳ quý lạ v.v… của trời, người, A tu la cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen.

Bạch Thế Tôn! Nếu ai đối với Bát nhã Ba la mật đây chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh chuyên tu học, suy nghĩ đúng lý, rộng vì hữu tình tuyên nói lưu bố, hoặc lại biên chép, trang hoàng bằng các thứ báu, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen thì quyết định chẳng đọa địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, hoặc bị đài nơi biên địa quê mùa; những người đó cũng chẳng rơi vào hàng Thanh văn và Độc giác, nhất định hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thường thấy chư Phật, luôn nghe Chánh pháp, chẳng lìa bạn lành, nghiêm tịnh cõi Phật, thành thục hữu tình; từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn và các chúng Đại Bồ Tát.

Lại nữa, Bạch Thế Tôn! Giả sử Xá lợi của Phật đầy khắp Tam thiên đại thiên thế giới đây, chọn lấy một phần; biên chép Kinh Bát nhã Ba la mật, lại chọn lấy một phần. Trong hai phần này, **nhất định con lấy Bát nhã Ba la mật**. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì tất cả các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và Xá lợi của Phật khắp Tam thiên đại thiên thế giới đều từ Bát nhã Ba la mật đây sanh ra. Hơn nữa, Xá lợi của Phật là do thế lực công đức huân tu từ Bát nhã Ba la mật, nên được các trời, người, A tu la… cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen. Bởi nhân duyên đây, nên các thiện nam, thiện nữ nào cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen Xá lợi của Phật thì quyết định chẳng đọa vào ba đường ác, thường sanh cõi trời người hưởng an vui phú quí, tùy theo sở nguyện mà nương pháp Tam thừa hướng tới Niết bàn.

Bạch Thế Tôn! Hoặc thấy đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, hoặc thấy Bát nhã Ba la mật đã thư tả. Hai công đức đây bình đẳng không khác nhau. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật cùng với các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác bình đẳng không hai, không hai phần.

Bạch Thế Tôn! Nếu có đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nào trụ ba phen chỉ dẫn, vì các hữu tình tuyên nói Chánh pháp, tức là Khế Kinh cho đến Luận nghị*(1)*; hoặc có thiện nam, thiện nữ nào đối với Bát nhã Ba la mật đây, thọ trì đọc tụng, rộng vì người thuyết; thì hai công đức đây bình đẳng, không khác nhau. Vì sao? Vì nếu đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hoặc ba phen chỉ dẫn, hoặc tuyên thuyết 12 phần giáo thì đều phải nương vào Bát nhã Ba la mật mà sanh ra vậy.

Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nhiều như cát sông Hằng khắp 10 phương cõi, trụ ba phen chỉ dẫn, vì các hữu tình tuyên nói Chánh pháp, tức là Khế Kinh cho đến Luận nghị; hoặc có thiện nam, thiện nữ nào đối với Bát nhã Ba la mật đây, thọ trì đọc tụng, rộng vì người thuyết, thì hai công đức đây bình đẳng không khác nhau. Vì sao? Vì nếu tất cả các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nhiều như cát sông Hằng khắp 10 phương cõi, hoặc ba phen chỉ dẫn, hoặc tuyên thuyết 12 phần giáo thì đều phải nương vào Bát nhã Ba la mật mà sanh ra vậy.

Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam thiện nữ đem vô lượng phẩm vật thượng diệu như tràng hoa cho đến các ngọc diệu trân kỳ quý lạ v.v… cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen tất cả các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác như cát sông Hằng khắp 10 phương thế giới; hoặc có

thiện nam, thiện nữ biên chép Kinh Bát nhã Ba la mật, cũng dùng vô lượng phẩm vật thượng diệu cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, thì hai công đức đây bình đẳng không khác nhau. Vì sao? Vì các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác kia đều nương vào Bát nhã Ba la mật mà sanh ra vậy.

Bạch Thế Tôn! Nếu thiện nam, thiện nữ nào đối với Bát nhã Ba la mật đây chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh tấn siêng năng tu học, suy nghĩ đúng lý, rộng vì hữu tình tuyên nói lưu bố thì tương lai, vị ấy chẳng bị đọa vào địa ngục, bàng sanh, ngạ quỉ; chẳng rơi vào hàng Thanh văn, Độc giác. Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ này quyết định sẽ trụ bậc Bất thối chuyển, xa lìa tất cả tai họa, tật dịch, khổ não.

Bạch Thế Tôn! Nếu thiện nam, thiện nữ nào đối với Bát nhã Ba la mật đây chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh chuyên tu học, suy nghĩ đúng lý v.v… biên chép giải nói, truyền bá cùng khắp, lại dùng vô lượng phẩm vật thượng diệu cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen thì nhất định các vị ấy dứt hẳn tất cả sự sợ hãi. Như kẻ mắc nợ sợ hãi chủ nợ, bèn gần gũi phụng sự quốc vương, nương thế lực nhà vua tránh được sợ hãi. Bạch Thế Tôn! Vua dụ cho Bát nhã Ba la mật, kẻ mắc nợ người dụ cho thiện nam, thiện nữ nương vào Bát nhã Ba la mật thoát khỏi sợ hãi.

Bạch Thế Tôn! Ví như có người nương dựa vua, nhờ vua bảo hộ nên họ được mọi người cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen. Xá lợi của Phật cũng lại như thế, do huân tu từ Bát nhã Ba la mật nên được các trời, người, A tu la… cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen. Bạch Thế Tôn! Vua dụ cho Bát nhã Ba la mật, Xá lợi của Phật dụ cho kẻ nương vua.

Bạch Thế Tôn! Chư Phật đạt được Nhất thiết tướng trí cũng là nhờ nương vào Bát nhã Ba la mật mà được. Vậy nên con nói, giả sử Xá lợi của Phật đầy khắp Tam thiên đại thiên thế giới, chọn lấy một phần; biên chép Kinh Bát nhã Ba la mật lấy làm một phần. Trong hai phần đây, **con nhất định lấy Bát nhã Ba la mật**. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì Xá lợi của Phật cứng chắc hơn kim cương, đủ các màu sắc và 32 tướng đại trượng phu, 80 vẻ đẹp trang nghiêm nơi thân, 10 lực của Phật, 4 vô sở úy, 4 vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng cho đến Nhất thiết tướng trí của Như Lai đều do Bát nhã Ba la mật mà thành tựu.

Bạch Thế Tôn! Do sức oai thần của Bát nhã Ba la mật đây nên năm pháp: Bố thí, trì giới… cũng được gọi là Ba la mật. Vì sao? Bạch Thế

Tôn! Vì nếu không có Bát nhã Ba la mật thì bố thí, trì giới… chẳng thể đạt đến chỗ rốt ráo được.

Lại nữa, Bạch Thế Tôn! Nếu trong vương quốc, Kinh đô, thành ấp, xóm làng nào của Tam thiên đại thiên thế giới, hoặc các thế giới khác mà có người thọ trì đọc tụng, biên chép giải nói, cúng dường cung kính tôn trọng, ngợi khen Bát nhã Ba la mật như thế, thì hữu tình ở chỗ đó chẳng bị các loài nhơn phi nhơn… làm não hại, chỉ trừ ác nghiệp đã chín mùi phải chịu. Hữu tình trong đây lần lượt tu học chánh hạnh Tam thừa, tùy theo sở nguyện mà sớm chứng được Niết bàn của Tam thừa.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế làm lợi ích lớn cho cõi Tam thiên đại thiên thế giới. Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế đủ đại thần lực, ở chỗ nào thì chỗ đó có Phật, làm các Phật sự, nghĩa là luôn làm lợi ích an vui cho tất cả hữu tình.

Bạch Thế Tôn! **Ví như thần châu đại bảo vô giá có đủ vô lượng oai đức thắng diệu.** Thần châu này ở chỗ nào thì chỗ đó, nhơn và phi nhơn không có não hại. Giả sử có người nam hoặc người nữ nào bị quỷ bắt giữ, thân tâm khổ não, nếu cầm thần châu đây đưa cho họ thấy thì do oai lực của thần châu, quỷ liền bỏ chạy. Hoặc người bị bệnh nóng, bệnh gió, bệnh đàm, hoặc nóng gió đàm tập hợp sanh bệnh, nếu buộc thần châu nơi thân thì các bệnh như thế đều lành. Trong đêm tối, thần châu có thể soi sáng và khi nóng, làm cho mát, khi lạnh, làm cho ấm. Bất cứ nơi đâu có thần châu thì thời tiết nơi đó điều hòa, chẳng lạnh chẳng nóng. Nếu nơi nào có thần châu thì rắn độc, bọ cạp… không dám ở. Giả sử có người nam hoặc người nữ nào bị trúng độc đau khổ mê man, nếu cầm thần châu đưa cho họ thấy thì nhờ oai lực của thần châu độc liền tiêu mất. Nếu các hữu tình thân bị tật hủi, ghẻ dữ, đầy thủng, nhặm mắt, mù loà, bệnh mắt, bệnh tai, bệnh mũi, bệnh lưỡi, bệnh cổ, bệnh thân, bệnh khắp tứ chi, đeo thần châu vào thân thì các bệnh đều lành. Nếu nước trong các ao hồ, suối, giếng… bị đục uế, hoặc sắp cạn khô, đem thần châu bỏ vào trong ấy thì nước tràn đầy, thơm sạch tinh khiết, đủ tám công đức. Nếu dùng tấm vải đủ các loại màu: Xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng tía, bích lục xen tạp nhau, gói thần châu lại rồi cho vào nước, vải ngũ sắc kia có màu sắc như thế nào thì nước cũng có màu sắc như thế. *(Q.430, ĐBN)*

Viên thần châu đại bảo vô giá như vậy, oai đức vô biên, khen chẳng thể hết. Nếu đựng trong rương thì rương kia cũng thành tựu đầy đủ vô biên

oai đức. Dù cho rương này hiện tại trống không, nhưng do trước đây từng đựng thần châu, nên nó vẫn được nhiều người mến trọng.

Bấy giờ, Khánh Hỷ hỏi trời Đế Thích rằng:

- Thần châu như thế chỉ độc nhất chư thiên mới có hay loài người cũng có?

Trời Đế Thích thưa:

- Bạch Đại đức! Trong cõi người và trên trời đều có châu này. Nhưng ở trong cõi người thì châu này hình nhỏ mà nặng, còn ở trên trời thì châu này lớn mà nhẹ. Thần châu này ở trong cõi người, tướng của nó chẳng đầy đủ, nhưng ở trên cõi trời thì tướng của châu này tròn trịa. Thần châu trên cõi trời oai đức thù thắng vô lượng bội phần hơn ở cõi người.

Khi ấy, trời Đế Thích lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật cũng lại như vậy, làm gốc các đức, năng diệt vô lượng pháp ác bất thiện; ở bất cứ nơi đâu, nó cũng khiến cho thân tâm khổ não của các hữu tình đều được trừ diệt; nhơn phi nhơn… chẳng làm hại được.

Bạch Thế Tôn! Cái gọi là thần châu đại bảo vô giá, chẳng những chỉ dụ cho Bát nhã Ba la mật, mà còn dụ cho Nhất thiết tướng trí của Như Lai, cũng dụ cho tĩnh lự cho đến bố thí Ba la mật, cũng dụ cho nội không cho đến vô tánh tự tánh không, cũng dụ cho 4 niệm trụ cho đến 18 pháp Phật bất cộng, cũng dụ cho pháp giới, pháp tánh, pháp trụ, pháp định, chơn như, thật tế, bất tư nghì giới. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì công đức như thế đều do đại oai thần lực của Bát nhã Ba la mật dẫn phát hiển bày. Công đức này sâu rộng vô lượng vô biên. Xá lợi của Phật do các công đức đã huân tu, nên sau khi Phật Niết bàn mới có thể kham nhận tất cả thế gian, trời, người, A tu la… cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen.

Lại nữa, Bạch Thế Tôn! Xá lợi của Phật là cực viên mãn tối thắng thanh tịnh; do nương vào Bát nhã Ba la mật cho đến bố thí Ba la mật, nội không cho đến vô tánh tự tánh không, bốn niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả, dứt hẳn tập khí phiền não nối nhau và nương vào vô lượng vô biên Phật pháp khác, nên sau khi Phật Niết bàn mới có thể kham nhận tất cả thế gian, trời, người, A tu la… cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen.

Bạch Thế Tôn! Xá lợi của Phật là công đức trân bảo cực viên mãn tối thắng thanh tịnh, do nương vào Bát nhã Ba la mật nên có thể kham nhận tất cả thế gian, trời, người, A tu la… cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen. Xá lợi của Phật là cực viên mãn tối thắng thanh tịnh, không nhiễm không tịnh, không sanh không diệt, không vào không ra, không thêm không bớt, không đến không đi, không động không ngừng, không đây không kia; do nương vào Ba la mật nên sau khi Phật Niết bàn mới có thể kham nhận tất cả thế gian, trời, người, A tu la… cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen. Xá lợi của Phật là thật tánh của các pháp cực viên mãn tối thắng thanh tịnh, do nương vào Bát nhã Ba la mật nên sau khi Phật Niết bàn mới có thể kham nhận tất cả thế gian, trời, người, A tu la… cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen. *(Q.430, ĐBN)*

Lại nữa, Bạch Thế Tôn! Ngoài việc nói Xá lợi của Phật đầy Tam thiên đại thiên thế giới, giả sử Xá lợi của Phật đầy khắp 10 phương giới nhiều như cát sông Hằng, chọn lấy một phần; biên chép Kinh Bát nhã Ba la mật thậm thâm như thế, chọn lấy một phần. Trong hai phần đây, **con nhất định chọn lấy Bát nhã Ba la mật**. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì Xá lợi của tất cả các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều do Bát nhã Ba la mật thậm thâm như thế sanh ra, đều do Bát nhã Ba la mật như thế huân tu, đều do Bát nhã Ba la mật như thế làm chỗ nương tựa nên có thể kham nhận tất cả trời, rồng, dược xoa, kiện đạt phược, A tu la, yết lộ trà, khẩn nại lạc, Mạc hô lạc già, nhơn phi nhơn… cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen.

Bạch Thế Tôn! Nếu thiện nam, thiện nữ nào cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen Xá lợi của Phật thì vị đó sẽ hưởng được các sự giàu sang, an vui không cùng tận trong các cõi trời, người. Trong cõi người, đó là đại tộc Sát đế lợi, đại tộc Bà la môn, Trưởng giả, Cư sĩ. Trên cõi trời, đó là chúng trời Tứ đại vương cho đến trời Tha hóa tự tại. Tức do căn lành thù thắng như thế nên đến thân cuối cùng dứt sạch các khổ.

Bạch Thế Tôn! Nếu thiện nam, thiện nữ nào đối với Bát nhã Ba la mật đây, chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, biên chép giải nói, suy nghĩ đúng lý thì do Bát nhã Ba la mật đây mau được viên mãn. Do được viên mãn Bát nhã Ba la mật như vậy, nên khiến cho tĩnh lự cho đến bố thí Ba la mật, 4 niệm trụ cho đến 18 pháp Phật bất cộng cũng được viên mãn. Do đây, nên giỏi khéo vượt bậc Thanh văn và Độc giác, chứng nhập chánh tánh ly

sanh của Bồ Tát, được thần thông thù thắng của Bồ Tát. Hóa thần thông dạo các cõi Phật; từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật, phát tư nguyện thù thắng, thọ các loại thân, vì muốn làm lợi ích cho các loại hữu tình nên làm Chuyển luân vương, hoặc làm các Tiểu vương, hoặc làm Sát đế lợi, hoặc làm Bà la môn, hoặc làm Tỳ sa môn, hoặc làm Đế Thích, hoặc làm Phạm vương, hoặc làm các loài khác lợi ích an vui cho vô lượng hữu tình.

Do vậy, bạch Thế Tôn! Đối với Xá lợi của chư Phật, con chẳng phải không tín thọ, chẳng phải không vui mừng, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen. Nhưng đối với Bát nhã Ba la mật như thế, con cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, thì được công đức rất nhiều hơn kia. **Do nhân duyên đây, con quyết định chọn lấy Bát nhã Ba la mật.**

Bạch đức Thế Tôn! Nếu thiện nam, thiện nữ… cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen Bát nhã Ba la mật như thế thì làm tăng trưởng tất cả Phật pháp, cũng là thu nhận sự giàu có, an vui tự tại của thế gian và xuất thế gian. Như vậy là đã cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen Xá lợi của Phật.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Nếu có ai muốn được thường thấy Sắc thân, Pháp thân của tất cả các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác khắp 10 phương ở vô lượng, vô số vô biên thế giới, nên đối với Bát nhã Ba la mật như thế chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh tấn siêng năng tu học, suy nghĩ đúng lý, biên chép giải nói, truyền bá cùng khắp thì vị ấy sẽ thấy được 2 thân của tất cả các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác khắp 10 phương vô lượng, vô số vô biên thế giới; rồi dần dần tu Bát Nhã khiến cho mau viên mãn. Khi ấy, nên dùng pháp tánh để tu quán Phật tùy niệm.

Bạch Thế Tôn! Pháp tánh có hai: một là hữu vi, hai là vô vi.

Trong đây, cái gì gọi **pháp tánh hữu vi**? Đó là trí nội không cho đến trí vô tánh tự tánh không, trí bốn niệm trụ cho đến trí tám chi Thánh đạo, trí ba môn giải thoát, trí mười lực Phật cho đến trí mười tám pháp Phật bất cộng, trí pháp thiện phi thiện, trí pháp hữu ký vô ký, trí pháp hữu lậu vô lậu, trí pháp hữu vi vô vi, trí pháp thế gian xuất thế gian, trí pháp tạp nhiễm thanh tịnh. Các trí môn nhiều vô lượng như thế đều được gọi là pháp tánh hữu vi.

Trong đây, **pháp tánh vô vi** là gì? Đó là tất cả pháp không sanh, không diệt, không trụ, không dị, không nhiễm, không tịnh, không tăng, không giảm, không tướng, không tạo tác, không tánh tự tánh. Vì sao gọi là không tánh tự tánh? Nghĩa là tất cả pháp lấy vô tánh làm tự tánh. Như vậy nói tên vô vi pháp tánh.

Bấy giờ, Phật bảo trời Đế Thích:

- Này Kiều Thi Ca! Đúng vậy! Đúng như ông đã nói. **Chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều nương vào Bát nhã Ba la mật mà đã chứng, sẽ chứng, hiện chứng Vô thượng Bồ đề. Đệ tử Thanh văn của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều nương vào Bát nhã Ba la mật mà đã được, sẽ được, hiện được quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán. Các vị Độc giác quá khứ, vị lai, hiện tại đều nương vào Bát nhã Ba la mật mà đã chứng, sẽ chứng, hiện chứng quả Độc giác Bồ đề. Vì sao? Vì trong tạng bí mật của Bát nhã Ba la mật như thế đã rộng nói pháp tương ưng với Tam thừa. Song những điều đã nói ở đây đều lấy vô sở đắc làm phương tiện, không tánh không tướng làm phương tiện, không sanh không diệt làm phương tiện, không nhiễm không tịnh làm phương tiện, không tạo không tác làm phương tiện, không nhập không xuất làm phương tiện, không tăng không giảm làm phương tiện, không thủ không xả làm phương tiện. Những điều đã nói như thế đều là do thế tục mà nói, chẳng phải thắng nghĩa. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật như thế, chẳng phải bờ đây, chẳng phải bờ kia; chẳng phải ở hai bên, chẳng phải giữa dòng; chẳng cao, chẳng thấp; chẳng bình đẳng, chẳng phải chẳng bình đẳng; chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng; chẳng phải thế gian, chẳng phải xuất thế gian; chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu; chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi; chẳng phải thiện, chẳng phải ác; chẳng phải hữu ký, chẳng phải vô ký; chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại.**

Này Kiều Thi Ca! Bát nhã Ba la mật như thế chẳng đồng với pháp Phật, chẳng đồng với pháp Bồ Tát, chẳng đồng với pháp Độc giác, chẳng đồng với pháp Thanh văn, cũng chẳng bỏ pháp dị sanh.

Trời Đế Thích lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! **Bát nhã Ba la mật như thế là Đại Ba la mật, là Vô thượng Ba la mật, là Vô đẳng đẳng Ba la mật.** Khi các Bồ Tát tu hành Bát nhã Ba la mật như thế, tuy biết tâm hành cảnh giới của tất cả hữu tình

sai khác, nhưng chẳng thủ đắc ngã; chẳng thủ đắc hữu tình cho đến chẳng thủ đắc tri giả, kiến giả; chẳng thủ đắc sắc cho đến thức; chẳng thủ đắc nhãn cho đến ý; chẳng thủ đắc sắc cho đến pháp; chẳng thủ đắc nhãn thức cho đến ý thức; chẳng thủ đắc nhãn xúc cho đến ý xúc; chẳng thủ đắc nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ; chẳng thủ đắc bố thí Ba la mật cho đến Bát nhã Ba la mật; chẳng thủ đắc nội không cho đến vô tánh tự tánh không; chẳng thủ đắc bốn niệm trụ cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; chẳng thủ đắc Bồ đề; chẳng thủ đắc Niết bàn; chẳng thủ đắc chư Phật và pháp chư Phật. Vì sao? Vì đối với tất cả pháp, chẳng phải Bát nhã Ba la mật đây nương sở đắc mà xuất hiện. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật đều không có tự tánh, cũng không có sở hữu, cũng chẳng thể nắm bắt. Năng đắc, sở đắc và hai chỗ nương tánh tướng đều là không, không thể thủ đắc.

Bấy giờ, Phật bảo trời Đế Thích:

- Đúng vậy! Đúng như ông đã nói. Này Kiều thi ca! Các Đại Bồ Tát đã nhiều kiếp tu học Bát nhã Ba la mật, còn chẳng đắc Bồ đề, huống là đắc pháp Bồ Tát.

Trời Đế Thích thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ Tát chỉ hành Bát nhã Ba la mật hay cũng hành năm pháp Ba la mật kia?

Phật đáp:

- Này Kiều Thi Ca! Các Đại Bồ Tát lấy vô sở đắc làm phương tiện tu đủ 6 pháp Ba la mật. Nghĩa là các Đại Bồ Tát khi tu hành bố thí Ba la mật, chẳng thủ đắc bố thí Ba la mật, chẳng thủ đắc người thí và kẻ thọ thí. Khi tu hành tịnh giới Ba la mật, chẳng thủ đắc tịnh giới Ba la mật, chẳng thủ đắc người trì giới và kẻ phạm giới. Cho đến khi tu hành Bát nhã Ba la mật, chẳng thủ đắc Bát nhã Ba la mật, chẳng thủ đắc người đầy đủ diệu tuệ và kẻ đầy ác tuệ.

Lại nữa, này Kiều Thi Ca! Nếu lấy Bát nhã Ba la mật mà làm tôn dẫn, thì các Đại Bồ Tát tu hành tất cả Ba la mật mau được viên mãn. Khi Đại Bồ Tát này hành bố thí lấy Bát nhã Ba la mật làm tôn đạo, tu tập bố thí **không chấp trước** thì mau được viên mãn. Cho đến khi hành Bát Nhã lấy Bát nhã Ba la mật làm tôn dẫn, tu tập Bát Nhã không chấp trước thì mau được viên mãn.

Lại nữa, này Kiều Thi Ca! Đại Bồ Tát này đối với tất cả pháp, **lấy vô sở đắc làm phương tiện** tu hành Bát Nhã nên không chấp trước, khiến cho sự tu hành mau được viên mãn. Nghĩa là đối với sắc, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cho đến đối với Nhất thiết tướng trí, lấy vô sở đắc làm phương tiện.

Này Kiều Thi Ca! Như các cây, nhánh, cọng, thân, hoa, lá, quả, hạt ở châu Thiệm bộ, tuy có nhiều loại hình sắc khác nhau, nhưng bóng che của nó đều không sai khác. Cũng vậy, năm pháp Ba la mật trước tuy có khác nhau, song do Bát nhã Ba la mật thu nhiếp, hồi hướng Nhất thiết tướng trí, lấy vô sở đắc làm phương tiện nên các tướng sai khác đều bất khả đắc.

Khi ấy, trời Đế Thích lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Như vậy, Bát nhã Ba la mật thành tựu công đức thù thắng **rộng lớn**, thành tựu công đức thù thắng **viên mãn**, thành tựu công đức thù thắng **vô lượng, vô biên, vô đẳng**.

Bạch Thế Tôn! Nếu có các thiện nam, thiện nữ biên chép, **thọ trì** Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế, trang nghiêm bằng các báu, đem vô lượng phẩm vật thượng diệu cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, y theo Kinh đây giảng nói, suy nghĩ đúng lý. Lại có các thiện nam, thiện nữ khác **biên chép Kinh** Bát nhã Ba la mật như thế, **bố thí cho người khác thọ trì**, truyền bá cùng khắp. Bạch đức Thế Tôn! Hai nhóm phước này nhóm nào nhiều hơn?

Phật đáp:

- Này Kiều Thi Ca! Ta lại hỏi ông, tùy ý ông đáp. Nếu có các thiện nam, **thiện nữ thỉnh được Xá lợi của Phật rồi đựng trong hộp báu đặt trên cao**; lại dùng vô lượng phẩm vật thượng diệu như tràng hoa cho đến các ngọc diệu trân kỳ quý lạ… cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen. Lại có các thiện nam, thiện nữ cũng thỉnh được Xá lợi của Phật, rồi lại **chia ra nhiều phần nhỏ như hột cải đem cho người khác** kính thọ, an trí như pháp, dùng đủ loại phẩm vật thượng diệu như tràng hoa cho đến các ngọc diệu trân kỳ quý lạ… cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen. Này Kiều Thi Ca! Ý ông nghĩ sao? Hai nhóm phước đây nhóm nào nhiều hơn?

Trời Đế Thích thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con hiểu nghĩa Phật nói, hai nhóm phước đây, người sau nhiều hơn. Vì sao? Vì các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quán

thấy các loài hữu tình đối với Xá lợi của chư Phật mà cúng dường cung kính thì sẽ được độ thoát. Nên khi sắp vào Niết bàn, các Ngài dùng lực Kim cương dụ Tam ma địa đập nát thân Kim cương vụn như hạt cải, lại dùng thần lực đại bi sâu rộng gia trì vào Xá lợi như thế, khiến cho hữu tình đối với Như Lai sau khi vào Niết bàn, có được một lượng bằng hạt cải, cúng dường cung kính thì được phước vô biên, ở trong trời người hưởng nhiều sự giàu sang an lạc, cho đến cuối cùng trừ sạch các khổ. Vậy nên kẻ chia Xá lợi cho người, phước ấy thù thắng hơn.

Bấy giờ, Phật bảo trời Đế Thích:

- Hay thay! Đúng như ông đã nói. Này Kiều Thi Ca! Bát nhã Ba la mật này cũng lại như vậy. Nếu tự thọ trì *(Bát Nhã)*, so với bố thí *(Bát Nhã)* cho người khác, truyền bá cùng khắp thì hai nhóm phước đây, người sau nhiều hơn. Vì sao? Vì người bố thí thường khiến cho vô lượng vô biên hữu tình được pháp hỷ.

Lại nữa, này Kiều Thi Ca! Nếu có người nào đối với nghĩa thú của thậm thâm đây đã nói, như thật vì người phân biệt giải nói, khiến cho họ được hiểu chơn chánh thì vị ấy được nhóm phước thù thắng hơn công đức bố thí kia gấp trăm ngàn lần. Phải kính vị Pháp sư này như kính Phật, tôn trọng bậc đại trí đồng phạm hạnh cũng như Phật. Vì sao?

Này Kiều Thi Ca! **Phải biết rằng vì Bát nhã Ba la mật tức là chư Phật, phải biết chư Phật tức là Bát nhã Ba la mật. Phải biết Bát nhã Ba la mật chẳng khác chư Phật, phải biết chư Phật chẳng khác Bát nhã Ba la mật.** Vì sao? Vì ba đời chư Phật đều nương vào Bát nhã Ba la mật, tinh chuyên tu học, mới chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Hoặc những người tu phạm hạnh theo chủng tánh Thanh văn, Độc giác cũng nương vào Bát nhã Ba la mật, tinh chuyên tu học mà được quả Thanh văn, Độc giác Bồ đề. Chúng sanh có chủng tánh Bồ Tát cũng nương vào Bát nhã Ba la mật, tinh tấn siêng năng tu học, vượt các bậc Thanh văn và Độc giác, chứng vào chánh tánh ly sanh của Bồ Tát, lần lượt tu hành Bồ Tát hạnh, được trụ bậc Bồ Tát Bất thối chuyển.

Vì vậy, này Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ nào muốn được hiện tiền cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn thì nên biên chép Kinh Bát Nhã thậm thâm như thế, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen.

Này Kiều Thi Ca! Khi mới thành Phật, Ta quán nghĩa này, suy nghĩ: Ta nên nương trụ ai? Ai có thể nhận sự cúng dường cung kính của Ta? Khi nghĩ như vậy, Ta đều chẳng thấy có các thiên, ma, Phạm và nhơn phi nhơn nào của thế gian v.v… ngang hàng với Ta, huống nữa là hơn Ta. Ta lại suy nghĩ như vầy: Ta đã nương pháp đây mà chứng được Vô thượng Bồ đề, pháp đây thậm thâm mầu nhiệm vắng lặng, Ta phải nương lại pháp đây mà an trụ, cúng dường cung kính. Đó chính là Bát nhã Ba la mật.

Này Kiều Thi Ca! **Ta đã thành Phật, song vẫn phải nương vào Bát nhã Ba la mật, cúng dường cung kính, huống nữa là các thiện nam, thiện nữ muốn cầu Vô thượng Bồ đề mà lẽ nào chẳng nương Bát nhã Ba la mật đây, tinh tấn siêng năng tu học, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật đây năng sanh ra Bồ Tát. Từ Bồ Tát đây lại sanh ra Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Nương vào các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, Thanh văn, Độc giác mới được xuất sanh.**

Do vậy, này Kiều Thi Ca! Hoặc Bồ Tát thừa, hoặc Độc giác thừa, hoặc Thanh văn thừa, hoặc các thiện nam, thiện nữ… đối với Bát nhã Ba la mật đây đều nên chuyên cần tu học, dùng vô lượng phẩm vật thượng diệu như tràng hoa cho đến các ngọc diệu tân kỳ quý lạ… mà cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen.

Thích nghĩa:

(1). Trụ ba phen chỉ dẫn, vì các hữu tình tuyên nói Chánh pháp, tức là Khế Kinh cho đến Luận nghị. Nguyên văn bằng chữ Hán là "住trụ 三tam 示thị 導đạo . 為vi 諸chư 有hữu 情tình 宣tuyên 說thuyết 正Chánh 法Pháp . 所sở 謂vị 契Khế 經Kinh 乃nãi 至chí 論luận 議nghị"*: Ý muốn nói đến "Ba sự thị hiện, thuyết 12 bộ Kinh từ Tu Đa La đến Ưu Bà Đề Xá" hay còn gọi là "ba lần chuyển 12 hành pháp luân", thuyết ở phẩm "So Lường Công Đức", Q.127, Hội thứ I, nguyên văn bằng chữ Hán cũng giống như trên:* "若nhược 三tam 示thị 導đạo . 若nhược 所sở 宣tuyên 說thuyết 十thập 二nhị 分phần/phân 教giáo"*. Nghĩa là: Ba sự thị hiện là ba thứ biến hóa của chư Phật hay Bồ Tát dùng để cứu độ chúng sanh. Kinh Đại Bát Nhã do nhóm của Ngài Huyền Trang sao dịch lại, Q.469, phẩm "Nhiều Đức Tướng" có nêu ba thứ chỉ dẫn gọi là "tam chủng thị đạo": 1-*

Thần biến thị đạo, 2- Ký thuyết thị đạo và 3- Giáo giới thị đạo. Tuyên nói Chánh pháp từ Khế Kinh cho đến Nghị luận.

Sơ giải:

Mở đầu ***phẩm thứ 37, "Xá Lợi", Tập 3, quyển 59, Đại Trí Độ Luận*** *nói rằng:*

"Người xuất gia cầu trí huệ, để liễu triệt thật tướng pháp. Trong lúc đó, thì người tại gia phần nhiều cần trí thức, để phân biệt các pháp tướng, dẫn đến đắm chấp các pháp tướng.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đã được nhiều phước báo. Ở trong hàng tại gia, ngài là bậc tối thắng, nên nay ngài cầu trí huệ.

Bởi vậy nên khi Phật hỏi: Trong 2 phần, ông nhận phần nào? Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn liền bạch Phật rằng: Trong 2 phần, con xin nhận lãnh phần Bát Nhã. Chẳng phải con chẳng cung kính xá lợi Phật. Mặc dù cúng dường xá lợi Phật được vô lượng công đức, nhưng vì xá lợi Phật xuất sanh từ Bát nhã Ba la mật, nên con xin lãnh phần Bát nhã Ba la mật".

Đoạn Kinh này thuyết quá rõ, mục đích so sánh công đức của người thọ trì Bát Nhã với người thờ cúng xá lợi Phật. Kiều Thi Ca khi được hỏi như vậy liền bạch Phật trong 2 phần: Một là lấy Bát Nhã và hai là lấy xá lợi Phật để thờ cúng, trong hai phần Thiên Đế Thích quả quyết trả lời bốn lần là lấy Bát Nhã với lý do: Vì nhờ Bát nhã Ba la mật mà xá lợi Phật mới được tôn trọng, thờ kính, cúng dường. Nên Phật bảo:

"Vì vậy, này Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ nào muốn được hiện tiền cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn thì nên biên chép Kinh Bát nhã Ba la mật như thế, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen.

Này Kiều Thi Ca! Khi mới thành Phật, Ta quán nghĩa này, suy nghĩ: Ta nên nương trụ ai? Ai có thể nhận sự cúng dường cung kính của Ta? Khi nghĩ như vậy, Ta đều chẳng thấy có các thiên, ma, Phạm và nhơn phi nhơn nào của thế gian v.v… ngang hàng với Ta, huống nữa là hơn Ta. Ta lại suy nghĩ như vầy: Ta đã nương pháp đây mà chứng được Vô thượng Bồ đề, pháp đây thậm thâm mầu nhiệm vắng lặng, Ta phải nương lại pháp đây mà an trụ, cúng dường cung kính. Đó chính là Bát nhã Ba la mật.

Này Kiều Thi Ca! Ta đã thành Phật, song vẫn phải nương vào Bát Nhã, cúng dường cung kính, huống nữa là các thiện nam, thiện nữ muốn cầu Vô thượng Bồ đề mà lẽ nào chẳng nương Bát nhã Ba la mật đây, tinh tấn siêng năng tu học, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen. Vì sao? Vì Bát Nhã thậm thâm đây năng sanh ra Bồ Tát. Từ Bồ Tát đây lại sanh ra Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Nương vào các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, Thanh văn, Độc giác mới được xuất sanh".

Đoạn sáu *phẩm "So Lường Công Đức", phần sau Q.127 đến phần đầu Q.130, Hội thứ I, ĐBN đã thuyết giảng quá đầy đủ, nên ở đây không cần nói thêm nữa. Các đạo hữu có thể quay lại tụng đọc nếu muốn.*

Câu cần nhớ trong phẩm này là: "Phải biết Bát nhã Ba la mật tức là chư Phật, phải biết chư Phật tức là Bát nhã Ba la mật. Phải biết Bát nhã Ba la mật chẳng khác chư Phật, phải biết chư Phật chẳng khác Bát nhã Ba la mật".

Chẳng có ai ngang bằng Phật. Nên nói Bát nhã Ba la mật là thượng tôn chẳng có gì quá đáng. Vì vậy, Phật bảo: "Kiều Thi Ca! Ta đã thành Phật, song vẫn phải nương vào Bát nhã Ba la mật, cúng dường cung kính, huống nữa là các thiện nam, thiện nữ muốn cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề mà lẽ nào chẳng nương Bát nhã Ba la mật đây, tinh tấn siêng năng tu học, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen".

Bao nhiêu lời nói như vậy là quá đủ đối với những ai đọc tụng thọ trì cũng lại vì mọi người truyền tụng, công đức như vậy vô lượng, vô biên, vô đẳng đẳng. Vậy làm sao có thể lấy việc thờ phụng cúng dường xá lợi Phật so sánh với việc tụng đọc, thọ trì, xiển dương Bát nhã Ba la mật được./.

---o0o---

36. PHẨM "KINH VĂN"

Q.431 đến đầu Q.432, Hội thứ II, ĐBN.
(1. Phần trên: Tương đương Đoạn bảy, phẩm "So Lường Công Đức", từ Q.130 đến Q.135, Hội thứ I, và
(2. Phần dưới: Tương đương Đoạn tám, phẩm "So Lường Công Đức", từ Q.136 đến đầu Q.168 Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

1. Phần trên:
(Tương đương Đoạn bảy, phẩm "So Lường Công Đức", từ Q.130 đến Q.135, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Phần này của Hội thứ II, ĐBN tương đương với phẩm "Giảo Lượng Pháp Thí" (So Sánh & Lượng Định về Pháp Thí) của Kinh MHBNBLMĐ hay ***phẩm thứ ba 38, tên là "Giảo Lượng Pháp Thí"****(1)*,***Tập 3, quyển 60, Đại Trí Độ Luận***.

Bấy giờ, Phật bảo Thiên Đế Thích rằng:

- Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình ở châu Thiệm Bộ đều được **an trụ 10 thiện nghiệp đạo**. Ý ông nghĩ sao? Các thiện nam, thiện nữ này do nhân duyên đây được phước đức nhiều chăng?

Thiên Đế Thích thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều!

Phật nói:

- Này Kiều Thi Ca! Nếu thiện nam, thiện nữ nào đối với Bát nhã Ba la mật đây, dùng vô lượng môn văn nghĩa hay đẹp vì người giảng nói, chỉ bày khai diễn, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa lý khiến cho họ dễ hiểu; lại nói như vầy: "Lại đây thiện nam tử! Đối với Bát Nhã đây, ngươi nên chí tâm lắng nghe, thọ trì đọc tụng, khéo giỏi thông suốt, suy nghĩ đúng lý, nên tin hiểu đúng đắn. Nếu có khả năng tin hiểu đúng đắn thì có thể tu học Bát Nhã. Nếu có khả năng tu học Bát Nhã như vậy thì có thể chứng được

Nhất thiết trí. Nếu có khả năng chứng được Nhất thiết trí thì có khả năng tu Bát Nhã tăng ích viên mãn. Nếu có khả năng tu Bát Nhã tăng ích viên mãn thì chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề".

Này Kiều Thi Ca! Thiện nam, **thiện nữ này được công đức rất nhiều hơn trước**. Vì sao? Vì tất cả Bồ Tát sơ phát tâm cho đến đại Bồ Tát an trụ thập địa đều do Bát nhã Ba la mật lưu xuất.

Kiều Thi Ca! Bát nhã Ba la mật như thế trong tạng bí mật rộng nói tất cả pháp vô lậu. Các thiện nam, thiện nữ tất cả đều đã học, nay học hoặc sẽ học; đã vào, nay vào hoặc sẽ vào pháp Thanh văn thừa Chánh tánh ly sanh, lần lữa cho đến đã chứng, nay chứng hoặc sẽ được quả A la hán; đã vào, nay vào hoặc sẽ vào pháp Độc giác thừa Chánh tánh ly sanh, lần lữa cho đến đã chứng, nay chứng hoặc sẽ chứng Độc giác Bồ đề; đã vào, nay vào hoặc sẽ vào pháp Bồ Tát thừa Chánh tánh ly sanh, lần lữa tu Bồ Tát hạnh đã chứng, nay chứng hoặc sẽ chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Kiều Thi Ca! những gì gọi là **pháp vô lậu**? Nghĩa là 4 niệm trụ *(tứ niệm xứ)* cho đến 8 Thánh đạo chi. 4 trí Thánh đế. 3 môn giải thoát. Nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Như Lai 10 lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng, và vô lượng vô biên Phật pháp đều là pháp vô lậu.

Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa một hữu tình được **trụ quả Dự lưu** chỗ được nhóm phước vẫn hơn giáo hóa tất cả các loại hữu tình một châu Thiệm Bộ đều khiến an trụ 10 thiện nghiệp đạo. Vì sao? Kiều Thi Ca! Các hữu tình an trụ 10 thiện nghiệp đạo chẳng thoát khỏi địa ngục, bàng sanh, quỷ giới. Nếu hữu tình an trụ quả Dự lưu liền được thoát ba ác đạo vậy, huống giáo khiến trụ quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề, chỗ được nhóm phước mà chẳng hơn tất cả bọn kia sao?

Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình châu Thiệm bộ đều trụ quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề, chẳng bằng có người giáo hóa một hữu tình **khiến tới Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề**. Vì sao? Kiều Thi Ca! Nếu giáo hóa hữu tình khiến tới Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thời làm cho thế gian Phật bảo chẳng dứt. Vì sao? Bởi có Bồ Tát nên mới có quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề. Bởi có Bồ Tát nên mới có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, quay xe diệu pháp độ vô lượng chúng. Tất cả các Bồ Tát đều nương Bát nhã Ba la mật mà được thành tựu.

Vì vậy, Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ **thơ tả Bát nhã Ba la mật** như thế, thí phát cho người đọc tụng, rộng khiến lưu bố, chỗ được nhóm phước hơn nhóm phước trước vô lượng vô biên. Vì sao?

Kiều Thi Ca! Vì Bát nhã Ba la mật như thế trong tạng bí mật rộng nói pháp thiện thế gian xuất thế gian thù thắng. Nương thiện pháp đây thế gian bèn có đại tộc Sát đế lợi, đại tộc Bà la môn, Trưởng giả, Cư sĩ; trời Bốn đại vương chúng cho đến trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ; cũng có 4 niệm trụ, nói rộng cho đến Nhất thiết tướng trí; cũng có Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, Bồ Tát, chư Phật Thế Tôn.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Thôi không nói đến việc giáo hóa các loại hữu tình ở châu Thiệm bộ, nếu các thiện nam, thiện nữ giáo các loại hữu tình trong 4 đại châu đều khiến **an trụ 10 thiện nghiệp đạo**. Ý ông nghĩ sao? Các thiện nam thiện nữ này do nhân duyên đây được phước nhiều chăng?

Thiên Đế Thích thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều!

Phật nói: Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ **thơ tả Bát nhã Ba la mật** thậm thâm như thế, thí phát cho người đọc tụng, rộng khiến lưu bố. Các thiện nam, thiện nữ này chỗ được nhóm phước rất nhiều hơn trước.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Thôi gác lại, không nói đến việc giáo hóa các loại hữu tình trong 4 Đại châu, hoặc giáo hóa tất cả hữu tình trong Tiểu thiên giới hoặc tất cả hữu tình trong Trung thiên giới, hoặc tất cả hữu tình trong Tam thiên đại thiên thế giới đây, hoặc tất cả hữu tình của 10 phương thế giới nhiều như cát sông Hằng, hoặc tất cả hữu tình của vô biên thế giới khắp 10 phương đều khiến **an trụ 10 thiện nghiệp đạo**. Ý ông nghĩ sao? Các thiện nam, thiện nữ này do nhân duyên đây được phước nhiều chăng?

Thiên Đế Thích thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều!

Phật nói:

- Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ **thơ tả Bát nhã Ba la mật** như thế thí phát cho người đọc tụng, rộng khiến lưu bố. Các thiện nam, thiện nữ này chỗ được nhóm phước rất nhiều hơn trước. Như đã nói trên.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình châu Thiệm bộ, đều khiến **an trụ 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 5 thần thông**. Ý ông nghĩ sao? Các thiện nam, thiện nữ này do nhân duyên đây được phước nhiều chăng?

Thiên Đế Thích thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều!

Phật nói:

- Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ, thơ tả Bát nhã Ba la mật như thế, thí phát cho người đọc tụng, rộng khiến lưu bố. Các thiện nam, thiện nữ này chỗ được nhóm phước rất nhiều hơn trước.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Thôi gác lại, không nói đến việc **giáo hóa** các loại hữu tình ở châu Thiệm Bộ. Nếu các thiện nam, thiện nữ giáo hóa các loại hữu tình ở 4 Đại châu, cả đến tất cả hữu tình trong Tiểu thiên thế giới hoặc tất cả hữu tình trong Trung thiên thế giới, hoặc tất cả hữu tình trong Tam thiên đại thiên thế giới đây, hoặc tất cả hữu tình trong 10 phương thế giới nhiều như cát sông Hằng, hoặc tất cả hữu tình trong vô biên thế giới khắp 10 phương đều khiến an trụ **10 thiện nghiệp đạo, 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 5 thần thông**. Ý ông nghĩ sao? Các thiện nam, thiện nữ này do nhân duyên đây được phước nhiều chăng?

Thiên Đế Thích thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều!

Phật nói:

- Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ **thơ tả Bát nhã Ba la mật, thí phát cho người đọc tụng, rộng khiến lưu bố**. Các thiện nam, thiện nữ này chỗ được nhóm phước rất nhiều hơn trước.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ, đối với Bát nhã Ba la mật đây chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý. Các thiện nam, thiện nữ này chỗ được nhóm phước hơn giáo hóa các loại hữu tình một châu Thiệm bộ, đều khiến **an trụ 10 thiện nghiệp đạo, 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 5 thần thông**. Cũng hơn giáo hóa các loại hữu tình trong 4 Đại châu. Cũng hơn giáo hóa các loại hữu tình Tiểu thiên, Trung thiên, Đại thiên thế giới, hay nói cho cùng cũng hơn giáo hóa các loại hữu tình trong 10 phương tất cả thế giới đều khiến an trụ 10 thiện nghiệp đạo, 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 5 thần thông.

Kiều Thi Ca! Trong đây nói suy nghĩ đúng lý có nghĩa là đem **hạnh chẳng hai**, chẳng phải chẳng hai vì cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề **suy nghĩ Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật**. Hoặc đem hạnh chẳng hai, chẳng phải chẳng hai vì cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, suy nghĩ nội

không cho đến vô tánh tự tánh không. Hoặc đem hạnh chẳng hai, chẳng phải chẳng hai vì cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, suy nghĩ 4 niệm trụ nói rộng cho đến Nhất thiết tướng trí.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ đối **Bát nhã Ba la mật** đây đem vô lượng môn rộng vì người nói, tuyên chỉ khai thị, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa thú khiến dễ hiểu, chỗ được nhóm phước hơn **tự lóng nghe**, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý Bát nhã Ba la mật như thế chỗ được công đức vô lượng bội số.

(Tự mình thọ trì thì chỉ có mình được Bát nhã Ba la mật, chỉ có riêng mình được giác ngộ, chỉ riêng mình được phước đức trí tuệ. Còn vì mọi chúng sanh tuyên chỉ khai thị, thì mới có nhiều người ngộ nhập tri kiến Bát Nhã, có nhiều người được giác ngộ, rồi người giác ngộ lại dạy cho kẻ khác được giác ngộ tăng theo cấp số nhân, thì phước đức trí tuệ không thể xưng lường, vô lượng vô số vô biên bất khả tư nghì).

Kiều Thi Ca! Trong đây nói nghĩa thú Bát nhã Ba la mật có nghĩa là Bát nhã Ba la mật đây có bao nhiêu nghĩa thú chẳng nên đem hai tướng quán; cũng chẳng nên đem chẳng hai tướng quán phi hữu tướng-phi vô tướng, phi nhập-phi xuất, phi tăng-phi giảm, phi nhiễm-phi tịnh, phi sanh-phi diệt, phi thủ-phi xả, phi chấp-phi bất chấp, phi trụ-phi chẳng trụ, phi thật-phi chẳng thật, phi tương ưng-phi chẳng tương ưng, phi hòa hợp-phi ly tán, phi nhân duyên-phi chẳng nhân duyên, phi pháp-chẳng phi pháp, phi chơn như-chẳng phi chơn như, phi thật tế-chẳng phi thật tế. Nghĩa thú như thế có vô lượng môn. *(Q.431, ĐBN)*

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ tự đối Bát nhã Ba la mật chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý, đem vô lượng môn vì người rộng nói tuyên chỉ khai diễn, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa thú khiến kia dễ hiểu. Các thiện nam, thiện nữ này chỗ được nhóm phước hơn nhóm phước trước vô lượng vô biên.

Bấy giờ, Thiên Đế Thích thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Các thiện nam, thiện nữ nên dùng các thứ văn nghĩa hay đẹp vì người diễn nói Bát nhã Ba la mật thậm thâm?

Phật bảo:

- Kiều Thi Ca! Như vậy, như ngươi đã nói! Các thiện nam, thiện nữ nên dùng các thứ văn nghĩa hay đẹp vì người diễn nói Bát Nhã thậm thâm.

Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ có khả năng dùng các thứ văn nghĩa hay đẹp vì người diễn nói Bát Nhã thậm thâm, các **thiện nam, thiện nữ này trọn nên nhóm đại công đức vô lượng vô số vô biên bất khả tư nghì.**

Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ suốt đời, đem vô lượng phẩm vật, y phục,thức ăn, thuốc men, đồ nằm cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở vô lượng vô số vô biên thế giới như cát sông Hằng so với các thiện nam, thiện nữ tự **đối với Bát nhã Ba la mật chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng**, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý. Lại nương các thứ văn nghĩa hay đẹp, đem vô lượng pháp môn **rộng vì người nói, tuyên chỉ khai thị**, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa thú khiến kia dễ hiểu. Các thiện nam, thiện nữ này chỗ được nhóm phước rất nhiều hơn trước. Vì sao? Bởi vì 10 phương các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở vô lượng vô số vô biên thế giới như cát sông Hằng, đều nương Bát nhã Ba la mật tinh siêng tu học, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ ở vô lượng vô số vô biên đại kiếp, đem **hữu sở đắc** làm phương tiện, tu hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Lại có các thiện nam, thiện nữ đối Bát nhã Ba la mật đây dùng **vô sở đắc** mà làm phương tiện, chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý. Lại đem các thứ văn nghĩa khéo đẹp trong chừng giây lát vì người biện nói, tuyên chỉ khai thị, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa thú khiến kia dễ hiểu, chỗ được nhóm phước rất nhiều hơn trước.

Kiều Thi Ca! Hữu sở đắc ấy, nghĩa là các thiện nam, thiện nữ khi tu bố thí khởi nghĩ như vầy: Ta là người cho, kia là kẻ nhận, đây là vật thí, và đây là kết quả của hành thí. Như vậy là có trụ *(bố thí)*, thì chẳng được gọi là bố thí Ba la mật. Khi tu tịnh giới khởi nghĩ như vầy: Ta là người trì giới, kia là giới phải trì, đây là thành quả tốt đẹp do trì giới. Khi tu giới như vậy là có trụ *(tịnh giới)*, thì chẳng gọi tịnh giới Ba la mật. Khi tu an nhẫn khởi nghĩ như vầy: Ta tu nhẫn nhục, đây là quả nhẫn. Khi tu nhẫn như vậy là có trụ *(an nhẫn)*, thì chẳng gọi an nhẫn Ba la mật. Khi tu tinh tấn khởi nghĩ như vầy: Ta siêng năng tu hành, không hề biếng nhác, vì vậy mà được tinh

tấn hơn người. Khi tu tinh tấn như vậy là có trụ *(tinh tấn)*, thì chẳng gọi tinh tấn Ba la mật. Khi tu tĩnh lự khởi nghĩ như vầy: Ta năng tu định*(thiền định)*, kia là cảnh định, đây là quả định. Khi tu định như vậy là có trụ, nên chẳng thể gọi là tĩnh lự Ba la mật. Khi tu tuệ *(Bát Nhã)* khởi nghĩ như vầy: Ta năng tu huệ, kia là cảnh huệ, đây là quả huệ. Khi tu huệ như vậy là có trụ, thì chẳng thể gọi là Bát nhã Ba la mật.

Kiều Thi Ca! Các thiện nam, thiện nữ này **đem hữu sở đắc làm phương tiện nên chẳng có khả năng viên mãn bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật.**

Bấy giờ, Thiên Đế Thích thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Làm thế nào Bồ Tát tu hành viên mãn bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật?

Phật nói:

- Kiều Thi Ca! Nếu Bồ Tát khi tu bố thí chẳng đắc kẻ thí, kẻ nhận, vật thí, quả thí, lại **đem vô sở đắc phương tiện**, nên có khả năng viên mãn bố thí Ba la mật. Khi tu tịnh giới, chẳng đắc kẻ trì, chẳng đắc giới, không thấy kết quả của việc thọ trì, lại đem vô sở đắc làm phương tiện, nên có khả năng viên mãn tịnh giới Ba la mật. Khi tu an nhẫn, chẳng thấy nhẫn, chẳng nghĩ được quả nhẫn, lại đem vô sở đắc làm phương tiện nên có khả năng viên mãn an nhẫn Ba la mật. Khi tu tinh tấn, chẳng đắc kẻ siêng, chẳng được quả siêng, lại đem vô sở đắc làm phương tiện, nên có khả năng viên mãn tinh tấn Ba la mật. Khi tu tĩnh lự, chẳng đắc kẻ định, cảnh định, quả định, lại đem vô sở đắc làm phương tiện, nên có khả năng viên mãn tĩnh lự Ba la mật. Khi tu Bát Nhã, chẳng đắc kẻ huệ, cảnh huệ, quả huệ, lại đem vô sở đắc làm phương tiện, nên có khả năng viên mãn Bát nhã Ba la mật.

Kiều Thi Ca! Các Bồ Tát nên đem **huệ vô sở đắc** như thế và dùng các thứ văn nghĩa hay đẹp tuyên nói Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật. Vì sao? Kiều Thi Ca! Vì đời đương lai có các thiện nam, thiện nữ vì người tuyên nói **tương tự Bát Nhã** cho đến bố thí Ba la mật. Kẻ sơ phát tâm Vô thượng Bồ đề nghe bọn họ đã nói tương tự Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật, tâm bèn mê lầm lui mất trung đạo.

Vậy nên, **phải đem huệ vô sở đắc** và dùng các thứ văn nghĩa hay đẹp vì kẻ phát tâm Vô thượng Bồ đề tuyên nói Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật.

Thích nghĩa cho phần trên:

(1). Như chúng tôi lưu ý từ đầu Bồ Tát Long Thọ lấy Kinh MHBNBLMĐ để biên soạn Đại Trí Độ Luận. Nên phẩm tựa cũng như chánh văn của Kinh MHBNBLMĐ so với phẩm tựa và chánh văn của Đại Trí Độ Luận chỉ là một. Thí dụ như ở phần trên của phẩm này cả Kinh lẫn Luận đều có cùng phẩm tựa là "Giảo Lượng Pháp Thí".

Lược giải phần trên:

Đoạn Kinh này của Hội thứ II cũng giống như ***Đoạn bảy*** *trong phẩm "So Lường Công Đức" của Hội thứ I, cốt* **so sánh các pháp tu** *như thập thiện đạo, bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông… với pháp tu như Bát nhã Ba la mật;* **so sánh các vai vị** *từ thấp đến cao của các bậc tu hành (từ Dự lưu, Thất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, Bồ Tát và Vô thượng Bồ đề), đồng thời cũng* **so sánh phạm vi các phương cõi** *(từ cõi Thiệm bộ châu so với Tứ đại châu, Tiểu thiên, Trung thiên, Tam thiên, Đại thiên hay 10 phương thế giới như cát sông Hằng) để biết ai là người tu có nhiều công đức nhất. Thí dụ như người tu Thập thiện đạo ở Thiệm bộ châu làm sao có thể so sánh với người tu Bát Nhã ở Tứ đại châu. Người tu Bát Nhã dĩ nhiên có nhiều công đức hơn, và người hành đạo trong phạm vi như Thiệm bộ châu làm sao có thể so sánh với người hành đạo có phạm vi to lớn như Tứ đại châu, các Tiểu thiên, Trung thiên, Tam thiên Đại thiên hay 10 phương thế giới như cát sông Hằng được.*

Đây là so sánh theo cấp lũy tiến, đọc qua ai cũng có thể hiểu, nên không cần bàn thêm. Điểm đáng lưu ý của phẩm này Kinh khuyên tu Bát Nhã là phải chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý, đem vô lượng môn vì người rộng nói tuyên chỉ khai diễn, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa thú khiến cho dễ hiểu, đồng thời Kinh khuyên chẳng nên đem hai tướng(bất nhị), cũng chẳng nên đem chẳng hai tướng quán Bát Nhã. Phật bảo:

"Kiều Thi Ca! Trong đây nói nghĩa thú Bát Nhã có nghĩa là Bát Nhã đây có bao nhiêu nghĩa thú chẳng nên đem <u>hai tướng quán; cũng chẳng nên đem chẳng hai tướng quán</u> phi hữu tướng-phi vô tướng, phi nhập-phi xuất, phi tăng-phi giảm, phi nhiễm-phi tịnh, phi sanh-phi diệt, phi thủ-phi xả, phi chấp-phi chẳng chấp, phi trụ-phi chẳng trụ, phi thật-phi chẳng thật, phi tương ưng-phi chẳng tương ưng, phi

hòa hợp-phi ly tán, phi nhân duyên-phi chẳng nhân duyên, phi pháp-chẳng phi pháp, phi chơn như-phi chẳng chơn như, phi thật tế-phi chẳng thật tế *(đó là nhị pháp)*. **Nghĩa thú như thế có vô lượng môn".**

Quán nọ, quán kia đều là sinh diệt nghiêng động làm sao chứng tánh.

Kinh cũng khuyên hành giả Bát Nhã lấy vô sở đắc làm phương tiện hành Bát Nhã, lại ***đem huệ vô sở đắc*** *vì kẻ phát tâm Vô thượng Bồ đề tuyên nói Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật thì công đức được vô lượng, vô biên.*

Chẳng có gì khó hiểu ở đây, nên không cần giải thích thêm nữa.

2. Phần dưới:

(Tương đương Đoạn tám, phẩm "So Lường Công Đức", từ Q.136 đến đầu Q.168 Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

Bấy giờ, Thiên Đế Thích thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! **Vì sao gọi là tuyên nói tương tự Bát Nhã**, tĩnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật?

Phật nói:

- Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ nói Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật **có sở đắc**. Như vậy thì gọi là tuyên nói tương tự Bát Nhã, tĩnh lự, tinh tiến, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật.

Khi ấy, Thiên Đế Thích lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Sao là các thiện nam, thiện nữ nói Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật có sở đắc, nói như vậy gọi tương tự Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật?

Phật nói:

- Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ vì kẻ phát tâm Vô thượng Bồ đề **hành 6 Ba la mật, nói sắc cho đến thức là vô thường, khổ, vô ngã**. Nói nhãn xứ cho đến ý xứ là vô thường, khổ, vô ngã. Nói sắc xứ cho đến pháp xứ là vô thường, khổ, vô ngã. Nói nhãn giới cho đến ý giới là vô thường, khổ, vô ngã. Nói sắc giới cho đến pháp giới là vô thường, khổ, vô ngã. Nói nhãn thức giới cho đến ý thức giới là vô thường, khổ, vô ngã. Nói

nhãn xúc cho đến ý xúc là vô thường, khổ, vô ngã. Nói nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ là vô thường, khổ, vô ngã. Nói 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc là vô thường, khổ, vô ngã. Nói 4 niệm trụ cho đến Nhất thiết tướng trí là vô thường, khổ, vô ngã. Khi khởi lời như vậy tức là tu hành Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật **có sở đắc**, nên gọi là hành tương tự Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật.

Lại khởi nói này: Kẻ tu hành Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật **nên cầu sắc cho đến Nhất thiết tướng trí vô thường, khổ, vô ngã**. Nếu cầu các pháp như thế, tu hành Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật là tu hành Bát Nhã cho đến Bố thí Ba la mật **có sở đắc**, nên gọi là hành tương tự Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ vì kẻ phát tâm Vô thượng Bồ đề tuyên nói Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật, khởi lời như vầy: Thiện nam tử! Đến đây, ta sẽ dạy ngươi tu học Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật. Nếu kẻ nào y lời ta dạy mà tu học sẽ mau an trụ Bồ Tát sơ địa cho đến thập địa. Kiều Thi Ca! Nếu kẻ nào **đem hữu tướng và hữu sở đắc làm phương tiện**, dạy người tu hành Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật như thế. Đấy gọi tuyên nói tương tự Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ vì kẻ phát tâm Vô thượng Bồ đề tuyên nói Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật, khởi lời như vầy: Thiện nam tử! Đến đây, ta sẽ dạy ngươi tu học Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật. Nếu kẻ nào y lời ta dạy mà tu học, mau vượt Thanh văn và bậc Độc giác. **Kẻ nào đem hữu tướng và hữu sở đắc làm phương tiện, nương vào đó mà dạy người tu Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật. Đấy gọi tuyên nói tương tự Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật.**

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ vì kẻ phát tâm Vô thượng Bồ đề tuyên nói Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật, khởi lời như vầy: Thiện nam tử! Đến đây, ta sẽ dạy ngươi tu học Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật. Nếu kẻ nào y lời ta dạy mà tu học, **mau vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh**. Đã vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, bèn được Bồ Tát Vô sanh pháp nhẫn. Đã được Bồ Tát Vô sanh pháp nhẫn bèn được Bồ Tát thần thông thù thắng. Đã được Bồ Tát thần thông thù thắng, năng dạo tất cả cõi Phật 10 phương; từ một nước Phật đến một nước Phật, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Nhờ đây mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. **Kiều Thi Ca! Kẻ kia**

đem hữu tướng và hữu sở đắc làm phương tiện, nương tưởng ấy dạy tu Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật. Đấy gọi tuyên nói tương tự Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ bảo kẻ chủng tánh Bồ Tát thừa rằng: Nếu đối Bát nhã Ba la mật chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý, **quyết định sẽ được công đức** vô lượng vô số vô biên. Kiều Thi Ca! Kẻ kia đem hữu tướng và hữu sở đắc mà làm phương tiện khởi thuyết như vậy. Đấy gọi tuyên nói tương tự Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật.

Bấy giờ, Thiên Đế Thích thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao gọi là tuyên nói **chơn chánh** Bát Nhã, tĩnh lự, tinh tiến, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật?

Phật nói:

- Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ nói Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật **vô sở đắc**. Nói như vậy gọi là tuyên nói chơn chánh Bát Nhã, tĩnh lự, tinh tiến, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật.

Khi ấy, Thiên Đế Thích lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Sao là các thiện nam, thiện nữ nói Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật vô sở đắc, nói như vậy gọi là tuyên nói chơn chánh Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật?

Phật bảo:

- Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ vì kẻ phát tâm Vô thượng Bồ đề tuyên nói Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật, khởi lời như vầy: Thiện nam tử! Đến đây, nên tu Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật. Ngươi chính khi tu, **chẳng nên quán sắc hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã**. Chẳng nên quán thọ tưởng hành thức hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã. Chẳng nên quán nhãn xứ cho đến ý xứ; sắc xứ cho đến pháp xứ; nhãn giới cho đến ý giới; sắc giới cho đến pháp giới; nhãn thức giới cho đến ý thức giới; nhãn xúc cho đến ý xúc; nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ; bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc; bốn niệm trụ cho đến Nhất thiết tướng trí hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã. Vì sao? **Vì sắc, tự tánh sắc không, cho đến Nhất thiết tướng trí, tự tánh Nhất thiết tướng trí không. Tự tánh sắc đây tức phi tự tánh, cho đến tự tánh Nhất thiết**

tướng trí đây tức phi tự tánh. Nếu phi tự tánh tức là Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật. Đối Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật đây sắc chẳng khá được*(vô sở đắc)***; thường vô thường, vui khổ, ngã vô ngã kia cũng chẳng khá được. Cho đến Nhất thiết tướng trí chẳng khá được, thường vô thường, vui khổ, ngã vô ngã kia cũng chẳng khá được. Vì sao? Trong đây không có sắc… khá được, huống có thường vô thường, vui khổ, ngã vô ngã khá được. Thiện nam tử! Nếu ngươi năng tu Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật như thế là tu Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật. Các thiện nam, thiện nữ này khởi thuyết như vậy, đấy gọi tuyên nói chơn chánh Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật.**

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ vì kẻ phát tâm Vô thượng Bồ đề tuyên nói Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật, khởi lời như vầy: Thiện nam tử! Đến đây, ta sẽ dạy ngươi tu học Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật. Khi ngươi tu học chớ quán các pháp có chút khá trụ, khá vượt, nên vào, nên được, nên chứng, nên lóng nghe v.v… chỗ được công đức và nên tùy hỷ hồi hướng Bồ đề. Vì sao?

Thiện nam tử! Đối Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật đây rốt ráo không có chút pháp khá trụ, khá vượt, nên vào, nên được, nên chứng, nên lóng nghe v.v… chỗ được công đức và nên tùy hỷ hồi hướng Bồ đề. Vì sao? Vì tất cả pháp tự tánh đều không. Nếu tự tánh không thời vô sở hữu. Nếu vô sở hữu tức là Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật. Đối Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật trọn không có chút pháp có vào có ra, có sanh có diệt, có đoạn có thường, có một có khác, có đến có đi mà khá được.*(Q.431, ĐBN)*

Vì vậy, nên Kiều Thi Ca! Các thiện nam, thiện nữ thảy nên đối Bát nhã Ba la mật, **đem vô sở đắc mà làm phương tiện**, chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý. Nên đem các thứ văn nghĩa hay đẹp vì người rộng nói, tuyên chỉ khai thị, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa thú khiến kia dễ hiểu. Do duyên cớ đây nên Ta tác lời này: Nếu các thiện nam, thiện nữ đối Bát nhã Ba la mật đây, đem vô sở đắc làm phương tiện, chăm lòng lóng nghe v.v..., lại dùng các thứ văn nghĩa hay đẹp trong chừng giây lát vì người biện nói, tuyên chỉ khai thị, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa thú khiến kia dễ hiểu, chỗ được nhóm phước rất nhiều hơn trước.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu các **thiện nam, thiện nữ dạy các loại hữu tình châu Thiệm bộ đều khiến trụ quả Dự lưu.** Nơi ý hiểu sao? Các thiện nam, thiện nữ này do nhân duyên đây được phước nhiều chăng?

Thiên Đế Thích thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều!

Phật nói:

- Kiều Thi Ca! Nếu các **thiện nam, thiện nữ đối Bát nhã Ba la mật** đây dùng vô lượng môn văn nghĩa hay đẹp vì người rộng nói, tuyên chỉ khai thị, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa thú khiến kia dễ hiểu. Lại khởi lời này: Thiện nam tử! Đến đây, ngươi nên đối Bát nhã Ba la mật đây, chăm lòng lóng nghe thọ trì đọc tụng, cho giỏi thông lợi, suy nghĩ đúng lý theo pháp môn này nên siêng tu học. Thiện nam thiện nữ đây chỗ được công đức rất nhiều hơn trước. Vì sao? Vì tất cả Dự lưu và quả Dự lưu đều do Bát nhã Ba la mật này lưu xuất vậy.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nói chi tới các hữu tình trong châu Thiệm bộ, nếu các thiện nam, thiện nữ dạy tất cả hữu tình trong 4 Đại châu, hoặc tất cả hữu tình trong Tiểu thiên thế giới, hoặc tất cả hữu tình trong Trung thiên thế giới, hoặc tất cả hữu tình trong Tam thiên đại thiên thế giới đây, hoặc tất cả hữu tình trong 10 phương thế giới như cát sông Hằng, hoặc tất cả hữu tình trong hết 10 phương vô biên thế giới đều khiến trụ quả Dự lưu. Ý ông nghĩ sao? Các thiện nam, thiện nữ này do nhân duyên đây được phước nhiều chăng?

Thiên Đế Thích thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều!

Phật bảo:

- Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam thiện nữ đối Bát nhã Ba la mật đây dùng vô lượng môn văn nghĩa hay đẹp vì người rộng nói, tuyên chỉ khai thị, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa thú khiến kia dễ hiểu. Lại khởi nghĩ này: Thiện nam tử! Đến đây, ngươi nên đối Bát Nhã thậm thâm, chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng cho giỏi thông lợi, suy nghĩ đúng lý theo pháp môn này nên siêng tu học. Các thiện nam, thiện nữ này chỗ được công đức rất nhiều hơn trước. Vì sao? Vì tất cả Dự lưu và quả Dự lưu đều do Bát nhã Ba la mật đây lưu xuất vậy.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ dạy các loại **hữu tình châu Thiệm bộ đều khiến an trụ quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán.**

Ý ông nghĩ sao? Các thiện nam, thiện nữ này do nhân duyên đây được phước nhiều chăng?

Thiên Đế Thích thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều!

Phật bảo:

- Kiều Thi Ca! Nếu các **thiện nam, thiện nữ đối Bát nhã Ba la mật** đây, dùng vô lượng môn văn nghĩa hay đẹp vì người rộng nói, tuyên chỉ khai thị, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa thú khiến kia dễ hiểu. Lại khởi lời này: Thiện nam tử! Đến đây, ngươi nên đối Bát Nhã thậm thâm, chăm lòng lóng nghe thọ trì đọc tụng, cho giỏi thông lợi, suy nghĩ đúng lý theo pháp môn đây nên siêng tu học. Các thiện nam, thiện nữ này chỗ được công đức rất nhiều hơn trước. Vì sao? Vì tất cả Nhất lai và quả Nhất lai, cho đến A la hán và quả A la hán đều do Bát Nhã đây lưu xuất vậy.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nói chi tới các hữu tình trong châu Thiệm bộ, nếu các thiện nam, thiện nữ dạy tất cả hữu tình trong bốn Đại châu, hoặc tất cả hữu tình trong Tiểu thiên giới, hoặc tất cả hữu tình trong Trung thiên giới, hoặc tất cả hữu tình trong Tam thiên đại thiên thế giới đây, hoặc lại tất cả hữu tình trong 10 phương thế giới như cát sông Hằng, hoặc tất cả hữu tình trong hết 10 phương vô biên thế giới đều khiến an trụ quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán. Ý ông nghĩ sao? Các thiện nam, thiện nữ này do nhân duyên đây được phước nhiều chăng?

Thiên Đế Thích thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều!

Phật bảo:

- Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ đối Bát nhã Ba la mật đây, dùng vô lượng môn văn nghĩa hay đẹp vì người rộng nói, tuyên chỉ khai thị, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa thú khiến kia dễ hiểu. Lại khởi lời này: Thiện nam tử! Đến đây, ngươi nên đối Bát nhã Ba la mật thậm thâm, chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng cho giỏi thông lợi, suy nghĩ đúng lý theo pháp môn này nên siêng tu học. Các thiện nam, thiện nữ đây chỗ được công đức hơn trước rất nhiều. Vì sao? Vì tất cả Nhất lai và quả Nhất lai, cho đến A la hán và quả A la hán đều do Bát nhã Ba la mật đây lưu xuất vậy.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ dạy các hoại **hữu tình châu Thiệm bộ, đều khiến an trụ Độc giác Bồ đề**. Ý ông nghĩ sao? Các thiện nam, thiện nữ này do nhân duyên đây được phước nhiều chăng?

Thiên Đế Thích thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều!

Phật nói:

- Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ đối Bát nhã Ba la mật đây, dùng vô lượng môn văn nghĩa hay đẹp vì người rộng nói, tuyên chỉ khai thị, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa thú khiến kia dễ hiểu. Lại khởi nghĩ này: Thiện nam tử! Đến đây, ngươi nên đối **Bát nhã Ba la mật** thậm thâm, chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng cho giỏi thông lợi, suy nghĩ đúng lý, theo pháp môn đây phải siêng tu học. Các thiện nam, thiện nữ này chỗ được công đức rất nhiều hơn trước. Vì sao? Vì tất cả Độc giác, Độc giác Bồ đề đều do Bát nhã Ba la mật đây lưu xuất vậy.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nói chi tới các hữu tình trong châu Thiệm bộ, nếu các thiện nam, thiện nữ dạy tất cả hữu tình trong bốn Đại châu, hoặc tất cả hữu tình trong Tiểu thiên thế giới, hoặc tất cả hữu tình trong Trung thiên thế giới, hoặc tất cả hữu tình trong Tam thiên đại thiên thế giới, hoặc tất cả hữu tình 10 phương thế giới như cát sông Hằng, hoặc tất cả hữu tình hết 10 phương vô biên thế giới, **đều khiến an trụ Độc giác Bồ đề**. Ý ông nghĩ sao? Các thiện nam, thiện nữ này do nhân duyên đây được phước nhiều chăng?

Thiên Đế Thích thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều!

Phật nói:

- Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ **đối Bát nhã Ba la mật** đây, dùng vô lượng môn văn nghĩa hay đẹp vì người rộng nói, tuyên chỉ khai thị, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa thú khiến kia dễ hiểu. Lại khởi lời này: Thiện nam tử! Đến đây, ngươi nên đối Bát nhã Ba la mật thậm thâm, chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng cho giỏi thông lợi, suy nghĩ đúng lý theo pháp môn đây phải siêng tu học. Các thiện nam, thiện nữ này, chỗ được công đức rất nhiều hơn trước. Vì sao? Vì tất cả Độc giác, Độc giác Bồ đề đều do Bát nhã Ba la mật đây lưu xuất vậy.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ dạy các loại hữu tình châu Thiệm bộ **đều phát tâm hướng đến Vô thượng Chánh đẳng**

giác. Ý ông nghĩ sao? các thiện nam, thiện nữ này do nhân duyên đây được phước nhiều chăng?

Thiên Đế Thích thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Bạch Thiện Thệ! rất nhiều.

Phật nói:

- Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ **đối Bát nhã Ba la mật** đây, dùng vô lượng môn văn nghĩa hay đẹp vì người rộng nói, tuyên chỉ khai thị, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa thú khiến kia dễ hiểu. Lại khởi nghĩ này: Thiện nam tử! đến đây, ngươi nên đối Bát nhã Ba la mật thậm thâm, chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng cho giỏi thông lợi, suy nghĩ đúng lý, theo pháp môn Bát nhã Ba la mật đã nói nên chính tin hiểu. Nếu chính tin hiểu, thời có khả năng tu học Bát nhã Ba la mật như thế. Nếu có khả năng tu học Bát nhã Ba la mật như thế, thời có khả năng chứng được Nhất thiết trí. Nếu có khả năng chứng được Nhất thiết trí, thời tu Bát nhã Ba la mật tăng ích viên mãn, bèn chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Kiều Thi Ca! Các thiện nam tử thiện nữ nhân này, chỗ được công đức rất nhiều hơn trước. Vì sao? Vì tất cả Bồ Tát sơ phát tâm cho đến Bồ Tát thập địa đều do Bát nhã Ba la mật đây lưu xuất vậy.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nói chi tới các hữu tình trong châu Thiệm bộ, nếu các thiện nam, thiện nữ dạy tất cả hữu tình trong bốn Đại châu, hoặc tất cả hữu tình trong Tiểu thiên giới, hoặc tất cả hữu tình trong Trung thiên giới, hoặc tất cả hữu tình trong Tam thiên đại thiên thế giới đây, hoặc tất cả hữu tình trong 10 phương thế giới như cát sông Hằng, **đều phát tâm hướng đến Vô thượng Chánh đẳng giác**. Ý ông nghĩ sao? Các thiện nam, thiện nữ này do nhân duyên đây được phước nhiều chăng?

Thiên Đế Thích thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Bạch Thiện Thệ! Rất nhiều.

Phật Bảo:

- Kiều Thi Ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ đối **Bát nhã Ba la mật** đây, dùng vô lượng môn văn nghĩa hay đẹp vì người rộng nói, tuyên chỉ khai thị, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa thú khiến kia dễ hiểu. Lại khởi lời này: Thiện nam tử! Đến đây, ngươi nên đối Bát nhã Ba la mật thậm thâm, chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng cho giỏi thông lợi, suy nghĩ đúng lý, theo pháp môn Bát nhã Ba la mật đã nói nên chính tin hiểu. Nếu chính tin hiểu, thời có khả năng tu học Bát nhã Ba la mật như thế. Nếu có khả năng

tu học Bát nhã Ba la mật như thế, thời có khả năng chứng được Nhất thiết trí, thời tu Bát nhã Ba la mật tăng ích viên mãn. Nếu tu Bát nhã Ba la mật tăng ích viên mãn, bèn chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Kiều Thi Ca! Các thiện nam thiện nữ này, chỗ được công đức rất nhiều hơn trước. Vì sao? Kiều Thi Ca! Tất cả Bồ Tát sơ phát tâm cho đến Bồ Tát thập địa, đều do Bát nhã Ba la mật lưu xuất vậy.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu các thiện tử, thiên nữ dạy các loại hữu tình trong châu Thiệm bộ đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề **đều được Bất thối chuyển**. Lại có các thiện nam thiện nữ **đối Bát nhã Ba la mật** đây, dùng vô lượng môn văn nghĩa hay đẹp vì người rộng nói, tuyên chỉ khai thị, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa thú khiến kia dễ hiểu. Lại khởi lời này: Thiện nam tử! Đến đây ngươi nên đối Bát nhã Ba la mật thậm thâm, chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng cho giỏi thông lợi, suy nghĩ đúng lý, theo pháp môn Bát nhã Ba la mật đây đã nói phải chính tin hiểu. Nếu chính tin hiểu thời có khả năng tu học Bát nhã Ba la mật như thế. Nếu có khả năng tu học Bát nhã Ba la mật như thế, thời có khả năng chứng được Nhất thiết trí. Nếu năng chứng được Nhất thiết trí, thời tu Bát nhã Ba la mật tăng ích viên mãn. Nếu tu Bát nhã Ba la mật tăng ích viên mãn, bèn chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Kiều Thi Ca! Các thiện nam thiện nữ này chỗ được công đức rất nhiều hơn trước.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Thôi không nói các loại hữu tình trong châu Thiệm bộ, nếu các thiên nam, thiên nữ dạy cho các loại hữu tình trong bốn Đại châu, hoặc tất cả hữu tình trong Tiểu thiên thế giới, hoặc tất cả hữu tình trong Trung thiên thế giới, hoặc tất cả hữu tình trong Tam thiên đại thiên thế giới đây, hoặc tất cả hữu tình trong 10 phương thế giới như cát sông Hằng, **đều đối Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề được Bất thối chuyển**. Lại có thiện nam thiện nữ **đối Bát nhã Ba la mật** đây, dùng vô lượng môn văn nghĩa hay đẹp vì người rộng nói, tuyên chỉ khai thị, giải thích rõ ràng, phân biệt nghĩa thú khiến kia dễ hiểu. Lại khởi lời này: Thiện nam tử! Đến đây, ngươi nên đối Bát nhã Ba la mật thậm thâm, chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng cho giỏi thông lợi, suy nghĩ đúng lý, theo pháp môn Bát nhã Ba la mật đã nói phải chính tin hiểu. Nếu chính tin hiểu thời có khả năng tu học Bát nhã Ba la mật như thế. Nếu có khả năng tu học Bát nhã Ba la mật như thế, thời có khả năng chứng được Nhất thiết trí.

Nếu có khả năng chứng được Nhất thiết trí, thời tu Bát nhã Ba la mật tăng ích viên mãn. Nếu tu Bát nhã Ba la mật tăng ích viên mãn, bèn chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Kiều Thi Ca! Các thiện nam thiện nữ này chỗ được công đức rất nhiều hơn trước.

Bấy giờ, Thiên Đế Thích thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Như vậy đại Bồ Tát càng gần Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Như vậy, nên đem bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật dạy bảo dạy trao. Như vậy, nên đem nội không cho đến vô tánh tự tánh không dạy bảo dạy trao. Như vậy, nên đem 4 niệm trụ cho đến 8 Thánh đạo chi dạy bảo dạy trao. Như vậy nên đem Phật 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng dạy bảo dạy trao. Nên đem y phục, thuốc men, thực phẩm, đồ nằm, tùy họ cần thứ tự cụ gì thì cúng dường nhiếp thọ.

Bạch Thế Tôn! Như vậy, là các thiện nam, thiện nữ năng đem pháp thí, tài thí dạy bảo dạy trao, cúng dường nhiếp thọ Bồ Tát kia; các thiện nam thiện nữ này, chỗ được công đức rất nhiều hơn trước. Vì sao? Vì Bồ Tát kia nhờ pháp thí, tài thí dạy bảo dạy trao, cúng dường nhiếp thọ như thế mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bảo Thiên Đế Thích rằng:

- Hay thay! Kiều Thi Ca! Ngươi mới là người khuyến dẫn, năng nhiếp thọ cùng hỗ trợ các đại Bồ Tát kia. Ngươi nay đã là Thánh đệ tử Phật, làm việc đáng làm. Vì sao? Kiều Thi Ca! Vì các Thánh đệ tử của tất cả đức Như Lai muốn làm lợi lạc cho các hữu tình, nên mới khuyến khích Đại Bồ Tát ấy sớm chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Bằng tài thí và pháp thí, các Thánh đệ tử Phật truyền trao, cúng dường, nhiếp thọ, hỗ trợ cho Đại Bồ Tát ấy sớm chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì sao? Vì tất cả các đức Như Lai, Thanh văn, Duyên giác, việc thù thắng của thế gian đều do Đại Bồ Tát này mà được xuất hiện.

Kiều Thi Ca! Nếu không Bồ Tát phát khởi tâm Vô thượng Chánh đẳng giác, thời không có đại Bồ Tát năng học 6 Ba la mật cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Nếu không có đại Bồ Tát học 6 Ba la mật cho đến 18 pháp Phật bất cộng, thời không có đại Bồ Tát chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Nếu không Bồ Tát chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thời không có Như Lai, Thanh văn, Độc giác, và các việc tốt lành thế gian.

Kiều Thi Ca! Do có Bồ Tát khởi tâm Vô thượng Chánh đẳng giác, bèn có đại Bồ Tát năng học 6 Ba la mật cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Do có đại Bồ Tát học 6 Ba la mật cho đến 18 pháp Phật bất cộng, bèn có đại Bồ Tát chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Do có đại Bồ Tát chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, quay xe diệu pháp, năng dứt địa ngục, bàng sanh, quỷ giới, cũng làm giảm bớt bè lũ A tu la, tăng thêm trời người; bèn có đại tộc Sát đế lợi, đại tộc Bà la môn, Trưởng giả, Cư sĩ xuất hiện thế gian. Cũng có trời Bốn đại vương chúng cho đến trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ xuất hiện thế gian. Lại có bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, nội không cho đến vô tánh tự tánh không, 4 niệm trụ nói rộng cho đến 18 pháp Phật bất cộng xuất hiện thế gian. Lại có Thanh văn thừa, Độc giác thừa, Chánh giác thừa xuất hiện thế gian.

Sơ giải:

Phần dưới của Hội thứ II cũng giống như Đoạn tám, cuối phẩm "So Lường Công Đức" của Hội thứ I, ĐBN. Kinh giải thích thế nào tu tương tợ và tu chơn chánh Bát nhã Ba la mật: Tu tương tợ Bát Nhã là tu có sở đắc, ***đem hữu tướng và hữu sở đắc làm phương tiện****, dạy người tu hành Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật; còn* ***tu chơn chánh Bát Nhã là tu vô sở đắc****. Tu vô sở đắc lại hồi hướng Nhất thiết trí trí thì mau chứng Vô thượng Bồ đề.*

Đoạn tám cuối phẩm "So Lường Công Đức" cũng ***so sánh các pháp tu*** *như thập thiện đạo, 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 4 niệm xứ cho đến 18 pháp Phật bất cộng với tu Bát nhã Ba la mật;* ***so sánh các vai vị*** *từ thấp đến cao của các bậc tu hành (từ Dự lưu, Thất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, Bồ Tát và Vô thượng Bồ đề), đồng thời cũng* ***so sánh phạm vi cõi nước*** *(từ Thiệm bộ châu so với Tứ đại châu, Tiểu thiên, Trung thiên, Tam thiên Đại thiên hay 10 phương thế giới như cát sông Hằng) như Đoạn bảy, để biết ai là người tu có nhiều công đức trí tuệ hơn.*

Kinh cũng khuyên rằng chẳng nên quán sắc cho đến Nhất thiết tướng trí hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã. ***Quán và tu như vậy là có sở đắc nên chỉ được gọi là tu tương tự Bát nhã Ba la mật. Còn tu chơn chánh Bát nhã Ba la mật trái lại, phải lấy vô sở đắc làm phương tiện.*** *Vì sao?* "Vì sắc, tự tánh sắc không. Cho

đến Nhất thiết tướng trí, tự tánh Nhất thiết tướng trí không. Tự tánh sắc đây tức phi tự tánh. Cho đến tự tánh Nhất thiết tướng trí đây tức phi tự tánh. Nếu phi tự tánh tức là Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật. Đối Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật đây sắc chẳng khá được; thường vô thường, vui khổ, ngã vô ngã kia cũng chẳng khá được. Cho đến Nhất thiết tướng trí chẳng khá được, thường vô thường, vui khổ, ngã vô ngã kia cũng chẳng khá được. Vì sao? Trong đây không có sắc… khá được, huống có thường vô thường, vui khổ, ngã vô ngã khá được. Thiện nam tử! Nếu ngươi năng tu Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật như thế là tu Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật. Các thiện nam, thiện nữ này khởi thuyết như vậy, **đấy gọi tuyên nói chơn chánh Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật**".

Đó là các ý chánh của phần sau phẩm này, nếu hiểu rõ phần trên, thì đọc phần này không có gì trở ngại, nên không cần bàn thêm. Nếu có thắc mắc có thể quay lại tụng đọc Đoạn bảy và Đoạn tám của phẩm "So Lường Công Đức"của Hội thứ I, ĐBN.

Giáo lý đáng chú ý trong phẩm này là câu chỉ thị của Phật:

"Thiện nam tử! Đối Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật đây rốt ráo không có chút pháp khá trụ, khá vượt, nên vào, nên được, nên chứng, nên lóng nghe v.v… chỗ được công đức và nên tùy hỷ hồi hướng Bồ đề. Vì sao? Vì tất cả pháp tự tánh đều không. Nếu tự tánh không thời vô sở hữu. Nếu vô sở hữu tức là Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật. Đối Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật trọn không có chút pháp có vào có ra, có sanh có diệt, có đoạn có thường, có một có khác, có đến có đi mà khá được".*(Q.431, ĐBN)*

*Phật nhiều lần đã thuyết là không có pháp khá trụ, khá vượt, nên vào, nên được v.v... Có trụ là có nắm bắt là có quái ngại, nên tu phải vô trụ. Pháp được pháp mất... là pháp sanh diệt, là nhị nguyên pháp. Pháp Phật là pháp môn bất nhị. Nếu còn nghĩ có pháp tối cao mang lại nhiều công đức trí tuệ vượt lên tất cả, có thể vào, có thể đắc... là còn thủ tâm chấp tướng tức bị trói buộc bằng cách này hay cách khác, không thể giải thoát. Tại sao? Bởi vì tất cả pháp đều không có tự tánh, vô sở hữu bất khả đắc, làm sao nắm bắt thủ giữ được. Kinh bảo: **"vô sở hữu tức là Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật". Đối Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật trọn không***

có chút pháp có vào có ra, có sanh có diệt, có đoạn có thường, có một có khác, có đến có đi mà khá được.

Kết luận:

*Để giải thích toàn bộ **phẩm thứ 38, tên là "Giảo Lượng Pháp Thí", Tập 3, quyển 60, chúng tôi lấy lời bình giải của Đại Trí Độ Luận,** làm kết luận:*

"Vì thọ trì, đọc tụng chỉ được phước đức mà thôi, còn **chánh ức niệm** vừa được phước đức, vừa được trí huệ, nên phải nói rõ hơn.

Thọ trì, đọc tụng ví như hòa hợp được các cây cỏ thuốc để trị bệnh, nhưng chưa sắc thuốc để uống, thì vẫn chưa lành bệnh được. Chánh ức niệm để biết rõ nghĩa Bát nhã Ba la mật mà tu tập mới dẫn đến giải thoát, ví như sắc thuốc để uống mới dẫn đến lành bệnh vậy.

Với chánh ức niệm, người tu sẽ rõ được thậm thâm nghĩa của Bát nhã Ba la mật là chẳng phải "nhị tướng quán", chẳng phải "bất nhị tướng quán", chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải nhập, chẳng phải xuất, chẳng phải tăng, chẳng phải giảm, chẳng phải cấu, chẳng phải tịnh, chẳng phải sanh, chẳng phải diệt, chẳng phải thủ, chẳng phải xả v.v...

Trong kinh nói biên chép kinh Bát nhã Ba la mật thù thắng hơn cúng dường xá lợi Phật; biên chép kinh Bát nhã Ba la mật rồi **cúng dường cho người khác đọc**, thù thắng hơn tự mình thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật; **chánh ức niệm** Bát Nhã Ba la mật thù thắng hơn thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật; **phân biệt, khai thị, diễn nói** cho người khác được hiểu rõ về nghĩa Bát nhã Ba la mật thù thắng hơn tự mình chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba la mật". *Đó là lợi tha vì kẻ khác!*

Bao nhiêu so sánh đó quá đủ: Cái gì do mình làm mình hưởng chỉ là cá nhân hạn hẹp(tự tha), không thể sánh bằng vì người khác phân biệt, khai thị, diễn nói... khiến có thể ngộ nhập Bát Nhã mà được pháp lạc lâu dài.

Luận thuyết tiếp:

"Phật nói: Người cung kính, cúng dường các đức Phật chẳng có được phước đức bằng người giải rõ nghĩa Bát nhã Ba la mật cho người khác

nghe. Vì sao? Vì chư Phật trong 3 đời đều do tu tập Bát nhã Ba la mật mà được Vô thượng Bồ đề.

Phật lại nói: Dù tinh tấn hành Bát nhã Ba la mật trong vô lượng kiếp, mà tâm còn "hữu sở đắc", thì chẳng có được công đức bằng người giải rõ nghĩa Bát nhã Ba la mật cho người khác nghe. Vì sao? Vì còn "hữu sở đắc" là còn chấp ngã, chấp tướng.

Phật muốn rộng nói về chánh nghĩa Bát nhã Ba la mật, nên dạy vị Đế Thích rằng: Khi thật hành Bát nhã Ba la mật, Bồ Tát phải dụng tâm "vô sở đắc" mới được đầy đủ 6 Ba La Mật.

Phật nói thêm: Ở đời vị lai, có người nói "tương tợ Bát nhã Ba la mật", khiến người nghe chẳng thể phân biệt được chánh niệm hay tà niệm. Bởi vậy nên Phật nói rõ về tướng của "tương tợ Bát nhã Ba la mật" để người nghe dễ phân biệt chánh niệm và tà niệm, giúp họ hành chánh đạo, và xa lìa tà đạo.

Phật thương xót chúng sanh đời sau, vì chẳng được duyên lành gặp Phật và chư đại Bồ Tát, nên chỉ được học Bát nhã Ba la mật qua Kinh điển, khiến có thể sanh tà ức niệm; rồi y vào danh tự, ngôn ngữ mà nói "tương tợ Bát nhã Ba la mật" cho người khác nghe.

Nếu chỉ xét về danh tự, ngữ ngôn bên ngoài, thì bên ngoài tưởng chừng như Bát nhã Ba la mật và tương tợ Bát nhã Ba la mật tương đồng với nhau. Nếu chánh ức niệm, tư duy, sẽ thấy rõ nghĩa Bát nhã Ba la mật thậm thâm, vi diệu, khác hẳn với "tương tợ Bát nhã Ba la mật".

Người chấp tâm, chấp tướng nói 5 ấm là vô thường, khổ, không, vô ngã... dẫn đến nói 5 ấm là vô sanh, vô diệt, rồi hành 5 ấm như vậy, mà cho đó là hành Bát nhã Ba la mật.

Đây là hành "tương tợ Bát nhã Ba la mật".

Trái lại, với người chẳng chấp tâm, chẳng chấp tướng cũng nói 5 ấm là vô sanh, vô diệt; nhưng nói như vậy chỉ **nhằm phá các chấp điên đảo của phàm phu mà chẳng hề chấp trước**. Như vậy mới đúng theo chánh nghĩa Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, người thuyết pháp để dạy người khác xả "tương tợ Bát nhã Ba la mật", và tu tập "chánh Bát nhã Ba la mật" cũng thuyết đúng theo chánh nghĩa Bát nhã Ba la mật.

Người thuyết pháp đúng theo chánh nghĩa Bát nhã Ba la mật được công đức rất thù thắng".

Với lời bình giảng ngắn gọn rõ ràng này của Đại Trí Độ Luận, chúng tôi nghĩ ai có thể hiểu phẩm này cũng như các phẩm khác có giáo lý tương tự. Thế cũng tạm đủ!

Lưu ý:

Tám phẩm của Kinh ĐBNBLMĐ vừa trình bày trên rất ngắn gọn dễ hiểu so với toàn phẩm "So Lường Công Đức" của Hội thứ I, ĐBN. Phẩm "So Lường Công Đức" của Hội thứ I, ĐBN quá trùng tụng, quá dài có thể làm cho các đạo hữu mệt mỏi trong lúc đọc tụng thọ trì. Vì vậy, khi chiếc giải phẩm "So Lương Công Đức" của Hội thứ I, chúng tôi có ý kiến chia phẩm này làm 8 đoạn tương đương với 8 phẩm của Hội thứ II. Sự phân chia Kinh làm nhiều đoạn không ngoài mục đích giúp đạo hữu dễ đọc tụng thọ trì và cũng để có thời giờ nghỉ ngơi. Tụng đọc tới đây mong rằng mọi người hiểu thâm ý của chúng tôi tại sao hay chia các phẩm của Kinh làm nhiều đoạn hay phân đoạn?

Sự phân chia các phẩm chỉ có trên hình thức nhưng nội dung chỉ là một. Ưu điểm của sự phân chia này là để đạo hữu dễ đọc dễ thọ trì nhất là có đủ thời giờ nghỉ ngơi và thẩm thấu như trên đã lưu ý. Nếu các đạo hữu không thích sự phân đoạn này có thể đọc chính văn và so chiếu với phần trình bày và lược giải của chúng tôi cũng được./.

---o0o---

37. PHẨM "TÙY HỶ*(1)* HỒI HƯỚNG*(2)*"

Phần sau Q.432 đến hết Q.433, Hội thứ II. ĐBN.
(Tương đương phẩm "Tùy Hỷ Hồi Hương", phần sau Q.168 cho đến đầu Q.172, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Đại Bồ Tát đem tất cả căn lành của mình đã vun trồng hiện tiền tùy hỷ hồi hướng đến tất cả chư Như Lai, Bồ Tát, Độc giác, Thanh văn và các chúng đệ tử hiện trụ tại thế hay đã Niết bàn khắp 10 phương thế giới hay đem sự tùy hỷ hồi hướng như vậy, tạo các phước nghiệp sự ban cho tất cả hữu tình, rồi bình đẳng hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

Nhưng tùy hỷ hồi hướng đó lấy vô sở hữu, bất khả đắc làm phương tiện, thì sự tùy hỷ hồi hướng mới được coi là cao quý, vi diệu, vô thượng, vô đẳng, vô đẳng đẳng so với tất cả các sự tùy hỷ khác. Tùy hỷ vô sở hữu, bất khả đắc, tức không nắm lấy sở duyên, không nắm lấy tướng. Một khi có nắm bắt, có nương vịn là có chấp thủ. Có chấp thủ thì rơi vào nhị nguyên nên không tránh khỏi tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo! Đó là ý chánh của phẩm này.

Tóm lược:

(…) Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện liền hỏi Bồ Tát Từ Thị:

- Bạch Đại Sĩ! Sở duyên thật vô sở hữu, tâm tùy hỷ hồi hướng cũng như thế, các căn lành v.v… cũng như thế, Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng như thế; bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật cũng như thế, nói rộng cho đến 18 pháp Phật bất cộng cũng như thế. Vậy thế nào là sở duyên? Thế nào là phước nghiệp sự? Thế nào là tâm tùy hỷ hồi hướng? Thế nào là các thiện căn…? Thế nào là Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề? Thế nào là 6 pháp Ba la mật cho đến 18 pháp Phật bất cộng mà Bồ Tát ấy nương vịn*(3)*, rồi khởi tâm tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

Đại Bồ Tát Từ Thị đáp:

- Này Đại đức! Nếu Bồ Tát tu học sâu xa 6 pháp Ba la mật, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, từ lâu đã phát đại nguyện, trồng các căn

lành, được các thiện hữu nhiếp thọ, **khéo học nghĩa tự tướng không của tất cả pháp** thì Bồ Tát ấy có khả năng đối với sở duyên, đều không chấp thủ tướng, vẫn có thể phát khởi tâm tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. **Khởi tâm tùy hỷ hồi hướng, lấy vô nhị-chẳng vô nhị làm phương tiện, chẳng hữu tướng-chẳng vô tướng làm phương tiện, chẳng hữu sở đắc-chẳng vô sở đắc làm phương tiện, chẳng nhiễm-chẳng tịnh làm phương tiện, chẳng sanh-chẳng diệt làm phương tiện. Đối với việc sở duyên cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, đều không chấp thủ tướng. Do không chấp thủ tướng nên chẳng bị điên đảo dẫn nhiếp.**

Nếu Bồ Tát chưa tu học kỹ 6 pháp Ba la mật, chưa từng cúng dường vô lượng chư Phật, trồng thiện căn chưa sâu, phát đại nguyện chưa bền, chưa được nhiều thiện hữu nhiếp thọ, chưa khéo học tự tướng không của tất cả pháp thì vị Bồ Tát này đối với sở duyên, khởi tâm tùy hỷ hồi hướng **còn nắm giữ tướng**. Khởi tâm tùy hỷ hồi hướng như vậy, vì nắm giữ tướng nên bị điên đảo dẫn nhiếp, chẳng phải chơn thật tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Lại nữa Đại đức! Chẳng nên ở trước các vị Bồ Tát tân học Đại thừa mà tuyên nói Bát nhã Ba la mật cho đến bố thí Ba la mật, nội không cho đến vô tánh tự tánh không, 4 niệm trụ nói rộng cho đến 18 pháp Phật bất cộng và nghĩa tự tướng không của tất cả pháp. Vì sao? Vì đối với pháp như vậy, các Bồ Tát tân học Đại thừa tuy có phần ít kính tin ưa thích, song họ nghe rồi lại **thường quên mất, hoặc kinh sợ, hay nghi hoặc sanh ra hủy báng.**

Nếu các Bồ Tát Bất thối chuyển, từng cúng dường vô lượng chư Phật, trồng căn lành sâu xa, phát đại nguyện kiên cố, được nhiều thiện hữu nhiếp thọ thì nên đối trước họ mà rộng nói, phân biệt chỉ bày Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật, nội không cho đến vô tánh tự tánh không, 4 niệm trụ nói rộng cho đến 18 pháp Phật bất cộng và nghĩa tự tướng không của tất cả pháp. Vì sao? Vì các Bồ Tát Bất thối chuyển ấy từng cúng dường vô lượng chư Phật, trồng căn lành sâu xa, phát đại nguyện kiên cố, đã được nhiều thiện hữu nhiếp thọ, nếu nghe pháp này thì họ **đều có thể thọ trì trọn đời không quên mất**, cũng không kinh sợ, nghi hoặc, hủy báng.

Này Đại đức! Các Bồ Tát nên lấy sự tùy hỷ cùng làm các phước nghiệp sự như vậy, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện bạch Di Lặc Bồ Tát rằng:

- Thưa Đại sĩ! Bồ Tát nên đem tùy hỷ làm các phước nghiệp sự như thế, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề nghĩa là lấy các phước nghiệp sự hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề làm chỗ dụng tâm để tùy hỷ. Chỗ dụng tâm này là **diệt tận ly biến***(4)*. Trong đây những gì là sở dụng tâm, những gì làm sở duyên và các thiện căn mà nói tùy hỷ hồi hướng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề? Tâm này đối tâm lẽ ra chẳng có tùy hỷ hồi hướng, vì không có hai tâm đồng khởi cùng lúc. Tâm cũng chẳng khá tùy hỷ hồi hướng tự tánh của tâm. Khi Bồ Tát tu hành Bát Nhã, mà biết như vầy: Tất cả Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật vô sở hữu; sắc vô sở hữu, thọ, tưởng, hành, thức vô sở hữu, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng vô sở hữu thì Bồ Tát này biết tất cả pháp đều vô sở hữu, nhưng lại có thể tùy hỷ làm các phước nghiệp sự, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Tâm tùy hỷ hồi hướng như vậy chẳng bị điên đảo dẫn nhiếp. Vì **lấy vô sở đắc làm phương tiện** vậy.

Khi ấy, trời Đế Thích thưa Cụ Thọ Thiện Hiện:

- Thưa Đại đức! Các Bồ Tát tân học Đại thừa nghe pháp như vậy, tâm họ há không kinh sợ, nghi hoặc chăng? Các Bồ Tát tân học Đại thừa tu tập thiện căn như thế nào để hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề? Các Bồ Tát tân học Đại thừa nhiếp thọ tùy hỷ, làm các phước nghiệp sự như thế nào để hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

Cụ Thọ Thiện Hiện nương thần lực của Đại Bồ Tát Từ Thị, bảo trời Đế Thích:

- Này Kiều Thi Ca! Các Bồ Tát tân học Đại thừa, nếu tu Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật, **lấy vô sở đắc làm phương tiện, vô tướng làm phương tiện**, nhiếp thọ Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật, thì Bồ Tát ấy do nhân duyên đây sẽ tin hiểu thâm sâu nội không cho đến vô tánh tự tánh không, tin hiểu thâm sâu 4 niệm trụ cho đến 18 pháp Phật bất cộng, thường được thiện hữu nhiếp thọ. Những thiện hữu này lấy vô lượng môn văn nghĩa vi diệu, vì Bồ Tát ấy mà rộng nói pháp tương ưng với Bát Nhã, tĩnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật. Truyền trao chỉ dạy những pháp như vậy, khiến cho Bồ Tát ấy nhập vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, nếu chưa vào được Chánh tánh ly sanh thì ít nhất cũng chẳng lìa bỏ pháp tu tập Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật, nội không cho đến vô tánh tự tánh không, 4 niệm trụ cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Cũng lấy những

pháp này truyền trao chỉ dạy, khiến cho Bồ Tát ấy nhập được Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, thường không lìa chư Phật. Ở chỗ chư Phật, trồng các căn lành. Lại nhờ các căn lành nhiếp thọ nên thường sanh vào gia tộc của Đại Bồ Tát cho đến khi đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thường không lìa bỏ các căn lành.

Này Kiều Thi Ca! Các Bồ Tát tân học Đại thừa, nếu có thể **lấy vô sở đắc làm phương tiện, vô tướng làm phương tiện**, nhiếp thọ các công đức, tin hiểu sâu xa các công đức, thường được thiện hữu nhiếp thọ, nghe pháp như vậy thì tâm không kinh, không sợ, cũng không nghi hoặc.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Các Bồ Tát tân học Đại thừa tùy thuận tu tập bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, tùy thuận an trụ nội không cho đến vô tánh tự tánh không, tùy thuận tu Tập 4 niệm trụ cho đến 18 pháp Phật bất cộng và vô lượng vô biên Phật pháp khác đều phải lấy vô sở đắc làm phương tiện, vô tướng làm phương tiện, ban cho các hữu tình cùng bình đẳng hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Các Bồ Tát tân học Đại thừa đối khắp 10 phương vô số vô lượng vô biên thế giới tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, dứt đọa các cõi, tuyệt đường lý luận, bỏ các gánh nặng, bẻ gãy gai gốc tụ lạc, dứt sạch các kiết sử, đầy đủ chánh trí, tâm khéo giải thoát, là kẻ khéo thuyết pháp và chúng đệ tử Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác kia sở thành nhóm giới, nhóm định, nhóm huệ, nhóm giải thoát, nhóm giải thoát tri kiến và đã làm các thứ công đức khác. Cùng đại tộc Sát đế lợi, đại tộc Bà la môn, đại tộc Trưởng giả, đại tộc Cư sĩ v.v… ở chỗ đây trồng các căn lành; hoặc trời Bốn đại vương chúng cho đến trời Tha hóa tự tại chỗ trồng căn lành; hoặc trời Phạm chúng cho đến trời Sắc cứu cánh v.v… chỗ trồng căn lành. Như vậy tất cả nhóm hợp cân lường hiện tiền phát khởi, so căn lành tâm tùy hỷ khác là tối là thắng, là tôn là cao, là diệu là vi diệu, là thượng là vô thượng, vô đẳng vô đẳng đẳng. Lại dùng sự tùy hỷ như thế làm các phước nghiệp sự, cùng với tất cả hữu tình, bình đẳng cùng chung hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Bấy giờ, Đại Bồ Tát Từ Thị hỏi Cụ Thọ Thiện Hiện:

- Đại đức! Các Bồ Tát tân học Đại thừa nếu niệm công đức của chư Phật và của chúng đệ tử, cùng với căn lành của trời người v.v… đã gieo trồng; tập hợp tất cả lượng công đức như vậy, hiện tiền phát khởi. Lại đem tâm tùy hỷ ấy, tùy hỷ các căn lành như vậy ban cho các hữu tình, cùng

bình đẳng hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vậy Bồ Tát này làm thế nào để khỏi rơi vào tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo?

Cụ Thọ Thiện Hiện đáp:

- Thưa Đại sĩ! Nếu Bồ Tát đối với việc niệm công đức của chư Phật và của chúng đệ tử **mà không khởi tưởng** đây là công đức của chư Phật và của chúng đệ tử; đối với việc niệm căn lành của trời người v.v… đã gieo trồng, không khởi tưởng căn lành của trời người v.v…; đối với việc phát tâm tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, cũng không khởi tưởng tâm tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì việc khởi tâm tùy hỷ hồi hướng của Bồ Tát này **không rơi vào tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo.**

Ngược lại, nếu Bồ Tát đối với việc niệm công đức của chư Phật và của chúng đệ tử **mà khởi tưởng đây là công đức của chư Phật** và của chúng đệ tử; đối với việc niệm căn lành của trời người v.v…đã gieo trồng, mà khởi tưởng căn lành của trời người v.v…; đối với việc phát tâm tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, cũng khởi tưởng tâm tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề thì việc khởi tâm tùy hỷ hồi hướng của Bồ Tát này **sẽ rơi vào tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo.**

Lại nữa, Đại Sĩ! Nếu Bồ Tát đem tâm tùy hỷ như thế, nhớ nghĩ tất cả công đức căn lành Phật và chúng đệ tử, chính biết tâm đây diệt tận ly biến, chẳng phải năng tùy hỷ; chính biết pháp kia tánh nó cũng vậy, chẳng phải sở tùy hỷ. Lại chính thấu rõ tâm năng hồi hướng pháp tánh cũng vậy, chẳng phải năng hồi hướng; và chính thấy rõ pháp sở hồi hướng tánh nó cũng vậy, chẳng phải sở hồi hướng. Nếu y theo lời dạy như thế tùy hỷ hồi hướng là chơn chánh. Các Bồ Tát đều nên tùy hỷ hồi hướng như vậy.

Lại nữa Đại sĩ! Nếu Bồ Tát đối với hết thảy các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quá khứ, vị lai, hiện tại, từ lúc mới phát tâm cho đến lúc đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, mãi cho đến lúc pháp diệt, trong khoảng giữa ấy có các công đức như: Các vị Độc giác và đệ tử Phật dựa vào pháp Phật ấy mà phát khởi thiện căn; hoặc các Dị sanh nghe pháp ấy **mà trồng các căn lành**; hoặc rồng, dược xoa, kiền đạt phược, A tu la, yết lộ trà, khẩn nại lạc, mạt hô lạc già, nhơn phi nhơn… nghe pháp ấy mà trồng các căn lành; hoặc đại tộc Sát đế lợi, đại tộc Bà la môn, Trưởng giả, Cư sĩ nghe pháp ấy mà trồng các căn lành; hoặc chúng trời Tứ đại vương cho đến trời Sắc cứu cánh nghe pháp ấy mà trồng các căn lành; hoặc các

thiện nam, thiện nữ v.v… nghe pháp ấy mà **phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng giác, chuyên cần tu Bồ Tát hạnh**. Tập hợp hết thảy các lượng công đức như vậy, hiện tiền phát khởi. Lại đem tâm tùy hỷ các căn lành như vậy ban cho các hữu tình cùng bình đẳng hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Khi ấy, nếu chơn chánh hiểu rỏ các pháp năng tùy hỷ hồi hướng là diệt tận ly biến, tự tánh đều không, tuy biết như vậy nhưng vẫn tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Lại khi ấy, nếu chơn chánh rõ biết các pháp đều không thì mới có thể tùy hỷ hồi hướng đối với tất cả pháp. Vì sao? Vì tất cả pháp, tự tánh đều không. Trong không đều không có pháp năng sở tùy hỷ hồi hướng vậy. Dù biết như vậy mà vẫn năng tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Các Bồ Tát ấy nếu có thể tùy hỷ hồi hướng như vậy, tu hành Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật thì không rơi vào tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Vì sao? Vì Bồ Tát ấy **đối với tâm tùy hỷ không chấp thủ, cũng không chấp thủ chỗ tùy hỷ công đức thiện căn, đối với tâm hồi hướng không sanh chấp thủ, cũng không chấp thủ chỗ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề**. Do không chấp thủ nên không rơi vào điên đảo. Bồ Tát khởi tâm tùy hỷ hồi hướng như vậy, **gọi là vô thượng, vì xa lìa tất cả vọng tưởng phân biệt**.

- Lại nữa, Đại sĩ! Đối với sự tu tạo các phước nghiệp sự, nếu Bồ Tát như thật biết rõ xa lìa uẩn xứ giới thì cũng xa lìa Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật, cũng xa lìa nội không cho đến vô tánh tự tánh không, cũng xa lìa 4 niệm trụ cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Sau khi đã như thật biết sự tu tạo các phước nghiệp sự như thế, Bồ Tát này có thể tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Lại nữa, Đại sĩ! Nếu Bồ Tát như thật biết rõ sự tùy hỷ cùng làm các phước nghiệp sự, **xa lìa tự tánh** sự tùy hỷ cùng làm các phước nghiệp sự như vậy; như thật biết rõ chư Phật Thế Tôn, xa lìa tự tánh chư Phật Thế Tôn như vậy; như thật biết rõ công đức căn lành, xa lìa tự tánh công đức căn lành như vậy; như thật biết rõ Thanh văn, Độc giác và các Dị sanh, xa lìa tự tánh Thanh văn, Độc giác và các Dị sanh như vậy; như thật biết rõ tâm tùy hỷ hồi hướng Đại Bồ đề, xa lìa tự tánh tâm tùy hỷ hồi hướng Đại Bồ đề như vậy. Như thật biết rõ Bồ Tát, xa lìa tự tánh Bồ Tát như vậy; như thật biết rõ Bát nhã Ba la mật, xa lìa tự tánh Bát nhã Ba la mật, cho đến như thật biết rõ bố thí Ba la mật, xa lìa tự tánh bố thí Ba la mật; như thật

biết rõ nội không, xa lìa tự tánh nội không, cho đến như thật biết rõ vô tánh tự tánh không, xa lìa tự tánh vô tánh không; như thật biết rõ 4 niệm trụ, xa lìa tự tánh 4 niệm trụ, cho đến như thật biết rõ 18 pháp Phật bất cộng, xa lìa tự tánh 18 pháp Phật bất cộng; như thật biết rõ Bồ Tát hạnh, xa lìa tự tánh Bồ Tát hạnh; như thật biết rõ chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, xa lìa tự tánh chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. **Bồ Tát này tu hành xa lìa tự tánh các pháp như thế, tức là tu hành Bát nhã Ba la mật thậm thâm, chơn chánh tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.**

Lại nữa, Đại sĩ! Đối với công đức căn lành của các đệ tử và của tất cả các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và của các đệ tử đã diệt độ, các Bồ Tát nếu muốn phát tâm tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì nên khởi tâm tùy hỷ hồi hướng, nên nghĩ như vầy: Các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các đệ tử đều đã diệt độ, **tự tánh chẳng có, công đức căn lành cũng lại như thế**. Ta phát khởi tâm tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề và chỗ hồi hướng Vô thượng Bồ đề, tánh ấy cũng như vậy. Biết như thế, nên đối với các căn lành phát khởi tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, không rơi vào tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo.

Nếu Bồ Tát **lấy tướng làm phương tiện**, tu hành Bát nhã Ba la mật, đối với công đức căn lành của tất cả đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và của các đệ tử đã diệt độ, **chấp giữ tướng** tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì chẳng phải là khéo tùy hỷ hồi hướng. Vì công đức căn lành của chư Phật quá khứ và của các đệ tử là **phi tướng, tức vô tướng, chẳng phải cảnh giới có thể nắm giữ**. Vì Bồ Tát này nắm giữ chấp trước tướng mà phát tâm tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, nên chẳng phải là khéo tùy hỷ hồi hướng. Do nhân duyên đây nên rơi vào tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo.

Nếu Bồ Tát **chẳng lấy tướng** làm phương tiện, tu hành Bát Nhã, đối với công đức căn lành của tất cả chư Phật và chúng đệ tử, **lìa chấp giữ tướng** tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì đó gọi là **khéo tùy hỷ hồi hướng.** Do nhân duyên đây, nên Bồ Tát này tùy hỷ hồi hướng không rơi vào tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo.

Bấy giờ, Đại Bồ Tát Từ Thị hỏi cụ thọ Thiện Hiện rằng:

- Đại Đức! Đối với công đức căn lành của các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và của chúng đệ tử, nếu Bồ Tát tùy hỷ cùng làm các phước nghiệp sự… đều chẳng nắm giữ tướng, vậy làm sao có thể tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề?

Thiện Hiện đáp:

- Bạch Đại sĩ! Phải biết Bát nhã Ba la mật mà các Bồ Tát học có những phương tiện khéo léo như vầy: Tuy chẳng nắm giữ tướng nhưng vẫn thành tựu sở tác, chẳng lìa Bát nhã Ba la mật mà có thể chơn chánh phát khởi tùy hỷ cùng làm các phước nghiệp sự hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Cho nên, chúng Bồ Tát muốn thành tựu sở tác thì phải học Bát nhã Ba la mật.

Đại Bồ Tát Từ Thị nói:

- Đại đức! Đại đức chớ nói lời ấy. Vì sao? Vì đối với Bát nhã Ba la mật, công đức căn lành mà chư Phật Thế Tôn và chúng đệ tử thành tựu **đều vô sở hữu, bất khả đắc**. Sự tạo tác tùy hỷ các việc phước nghiệp cũng vô sở hữu, bất khả đắc. Sự phát tâm hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng vô sở hữu, bất khả đắc. Trong đây, khi Bồ Tát tu hành Bát Nhã, nên quán như vầy: Tánh công đức căn lành của của chư Phật và chúng đệ tử quá khứ đều đã diệt. Sự tạo tác tùy hỷ các phước nghiệp sự, sự phát tâm hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, tánh nó đều tịch diệt. Nếu ta đối với công đức căn lành của tất cả các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và của chúng đệ tử kia, mà lấy tướng phân biệt; đối với sự tạo tác tùy hỷ cùng làm các phước nghiệp sự, phát tâm hồi hướng Vô thượng Bồ đề **mà lấy tướng phân biệt**, do lấy tướng phân biệt ấy làm phương tiện phát khởi tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, nên chư Phật Thế Tôn đều quở chẳng cho, cũng chẳng tùy hỷ. Vì sao? Vì đối với chư Phật Thế Tôn và các đệ tử… đã diệt độ mà lấy tướng phân biệt tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thì đây gọi là “đại hữu sở đắc”. Cho nên, đối với công đức căn lành của chư Phật và của chúng đệ tử, Bồ Tát muốn chơn chánh phát khởi tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì **chẳng nên ở trong ấy, phát khởi thủ đắc, lấy tướng phân biệt tùy hỷ hồi hướng**. Nếu ở trong ấy, phát khởi thủ đắc, lấy tướng phân biệt tùy hỷ hồi hướng thì Phật nói người đó chẳng có lợi lớn. Vì sao? Vì tâm tùy hỷ hồi hướng như thế là **hư vọng phân biệt, là tạp độc** vậy. Ví như có loại thức ăn, tuy đầy đủ sắc hương mỹ vị thượng

diệu nhưng hòa với độc dược, người ngu trí cạn tham lấy ăn nuốt. Tuy ban đầu thích ý vui sướng khoái lạc, song sau khi thức ăn tiêu hóa thì phải chịu đủ các khổ, thậm chí mất mạng. Hạng Bổ đặc già la như vậy, chẳng khéo thọ trì, chẳng khéo quán sát văn cú nghĩa lý Bát nhã Ba la mật thậm thâm, chẳng khéo đọc tụng, chẳng khéo thông đạt nghĩa lý sâu xa, mà bảo kẻ chủng tánh Đại thừa rằng: "Lại đây thiện nam tử! Ngươi đối với tất cả đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quá khứ, vị lai, hiện tại, từ sơ phát tâm cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, chuyển bánh xe diệu pháp độ vô lượng chúng, vào cõi Vô dư y Bát Niết bàn, mãi đến lúc pháp diệt. Trong thời gian giữa, ngươi tu Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật, căn lành đã nhóm, sẽ nhóm, hiện nhóm; hoặc trụ nội không cho đến vô tánh tự tánh không, căn lành đã nhóm, sẽ nhóm, hiện nhóm; hoặc tu 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc; hoặc tu 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo; như vậy cho đến hoặc tu Phật 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng, căn lành đã nhóm, sẽ nhóm, hiện nhóm; hoặc nghiêm tịnh cõi Phật, thành thục hữu tình; hoặc tu giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát trí kiến uẩn của các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác; hoặc tu Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; hoặc tu pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả và vô số vô lượng vô biên các pháp công đức thù thắng khác; hoặc tu tất cả căn lành hữu lậu, vô lậu của đệ tử Phật; hoặc tu công đức của các trời, người, Độc giác Bồ đề… đã đang và sẽ được các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thọ ký; hoặc tu căn lành của các trời, rồng, dược xoa, kiện đạt phược, A tu la, yết lộ trà, khẩn nại lạc, mạc hô lạc già, nhơn phi nhơn…; hoặc tu căn lành của các thiện nam, thiện nữ đối với các công đức, phát khởi tùy hỷ hồi hướng. Tập hợp hết thảy lượng căn lành như vậy, hiện tiền tùy hỷ ban cho các hữu tình bình đẳng, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề".

Tùy hỷ hồi hướng theo chỗ thuyết như thế, **lấy hữu sở đắc, lấy tướng phân biệt làm phương tiện**, thì kẻ ấy như ăn tạp độc, trước lợi sau tổn. Đây chẳng phải khéo tùy hỷ hồi hướng. Vì sao? **Vì sự phát tâm tùy hỷ hồi hướng ấy lấy hữu sở đắc, lấy tướng phân biệt, có nhân có duyên, có tác ý, có hý luận, có chướng ngại, có lầm lỗi, chẳng hợp với Bát nhã Ba la mật.** Ấy là kẻ tạp độc, là hủy báng Phật, nói chẳng hợp lời Phật, nói chẳng đúng Pháp, nói chẳng hợp lý. Bồ Tát chủng tánh chẳng nên học theo chỗ thuyết ấy.

Vì vậy, Đại đức! Nên tôi mới hỏi các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa đối với công đức căn lành của tất cả các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quá khứ, vị lai, hiện tại, và của chúng đệ tử… nên tùy hỷ hồi hướng như thế nào? Nghĩa là chư Phật kia từ sơ phát tâm cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, chuyển bánh xe diệu pháp, độ vô lượng chúng vào cõi Vô dư y Bát Niết bàn, cho đến lúc pháp diệt. Trong thời gian giữa, Đại Bồ Tát tu Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật, nhóm các căn lành, nói rộng cho đến hoặc tu căn lành của các thiện nam, thiện nữ… đối với các công đức, phát khởi tùy hỷ hồi hướng. Các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa, đối với công đức căn lành kia, phát khởi tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề như thế nào?

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

- Bạch Đại sĩ! Các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa tu hành Bát Nhã, nếu muốn phát tâm tùy hỷ hồi hướng mà không rơi vào lỗi hủy báng chư Phật Thế Tôn thì nên nghĩ như vầy: Các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, Phật trí vô thượng thấu rõ, biết khắp công đức căn lành có tánh như thế, có tướng như thế, có pháp như thế, có thể tùy hỷ. Ta nay cũng nên tùy hỷ như vậy. **Như các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, Phật trí vô thượng thấu rõ, biết khắp, nên đem các phước nghiệp sự như thế hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Ta nay cũng nên hồi hướng như vậy.** Các thiện nam, thiện nữ... trụ Bồ Tát thừa đối với công đức căn lành của các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và của các đệ tử…, nên tùy hỷ hồi hướng như thế. Nếu khởi tùy hỷ hồi hướng như thế thì chẳng hủy báng Phật, dạy đúng lời Phật, nói hợp với pháp, nói đúng với lý. Bồ Tát ấy, tâm tùy hỷ hồi hướng như thế chẳng lẫn lộn thuốc độc, quyết đến cam lồ Đại Bát Niết bàn.

Lại nữa, Đại sĩ! Các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa tu hành Bát Nhã, đối với công đức căn lành của các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và của các đệ tử…, nên khởi tùy hỷ hồi hướng như vầy: Sắc cho đến thức chẳng đọa cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc. Nếu chẳng đọa ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nhãn xứ cho đến ý xứ chẳng đọa cõi Dục, cõi Sắc, Vô sắc. Nếu chẳng đọa ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Sắc xứ cho đến pháp xứ chẳng đọa cõi Dục, cõi Sắc, Vô sắc. Nếu chẳng đọa ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nhãn giới cho đến ý giới chẳng đọa cõi Dục, cõi Sắc, Vô sắc. Nếu chẳng đọa ba cõi thì

chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Sắc giới cho đến pháp giới chẳng đọa cõi Dục, cõi Sắc, Vô sắc. Nếu chẳng đọa ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nhãn thức giới cho đến ý thức giới chẳng đọa cõi Dục, cõi Sắc, Vô sắc. Nếu chẳng đọa ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nhãn xúc cho đến ý xúc chẳng đọa cõi Dục, cõi Sắc, Vô sắc. Nếu chẳng đọa ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ chẳng đọa cõi Dục, cõi Sắc, Vô sắc. Nếu chẳng đọa ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật chẳng đọa cõi Dục, cõi Sắc, Vô sắc. Nếu chẳng đọa ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nội không cho đến vô tánh tự tánh không, bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, Như lai mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng chẳng đọa cõi Dục, cõi Sắc, Vô sắc; Chơn như, pháp giới, pháp tánh, thật tế, pháp định, pháp trụ, bất tư nghì giới chẳng đọa cõi Dục, cõi Sắc, Vô sắc; Giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát trí kiến uẩn chẳng đọa cõi Dục, cõi Sắc, Vô sắc; Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí chẳng đọa cõi Dục, cõi Sắc, Vô sắc; Pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả chẳng đọa cõi Dục, cõi Sắc, Vô sắc. Nếu chẳng đọa ba cõi thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại.

Tùy hỷ hồi hướng cũng phải như thế. Vì sao? Vì **tự tánh của các pháp ấy là <u>không</u>, nên chẳng đọa ba cõi, chẳng nhiếp ba đời**. Tùy hỷ hồi hướng cũng lại như thế. Nghĩa là tự tánh của các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác là <u>không</u>, nên chẳng đọa ba cõi, chẳng nhiếp ba đời. Tự tánh công đức của chư Phật là <u>không</u>, nên chẳng đọa ba cõi, chẳng nhiếp ba đời. Tự tánh của Thanh văn, Độc giác và trời, người… là **không**, nên chẳng đọa ba cõi, chẳng nhiếp ba đời. Tự tánh của các căn lành ấy là <u>không</u>, nên chẳng đọa ba cõi, chẳng nhiếp ba đời. Tự tánh tùy hỷ ấy là <u>không</u>, nên chẳng đọa ba cõi, chẳng nhiếp ba đời. Tự tánh của pháp hồi hướng là <u>không</u>, nên chẳng đọa ba cõi, chẳng nhiếp ba đời. Tự tánh của kẻ hay hồi hướng là <u>không</u>, nên chẳng đọa ba cõi, chẳng nhiếp ba đời.

Nếu khi Bồ Tát tu hành Bát Nhã, như thật biết sắc cho đến thức chẳng đọa ba cõi, chẳng nhiếp ba đời; nếu chẳng đọa ba cõi chẳng nhiếp ba đời thì chẳng thể lấy có tướng kia làm phương tiện, có sở đắc làm phương tiện mà phát sanh tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì sao? Vì tự tánh của pháp sắc, thọ, tưởng v.v... <u>chẳng sanh</u>. **Nếu pháp chẳng sanh**

thì vô sở hữu, chẳng thể đem pháp vô sở hữu ấy tùy hỷ hồi hướng vô sở hữu. Do vậy, như thật biết nhãn xứ cho đến ý xứ cũng như thế. Như thật biết sắc xứ cho đến pháp xứ cũng như thế. Như thật biết nhãn giới cho đến ý giới cũng như thế. Như thật biết sắc giới cho đến pháp giới cũng như thế. Như thật biết nhãn thức giới cho đến ý thức giới cũng như thế. Như thật biết nhãn xúc cho đến ý xúc cũng như thế. Như thật biết nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ cũng như thế. Như thật biết tất cả pháp Phật cũng như thế. Nếu biết tất cả pháp Phật như thế chẳng đọa ba cõi, chẳng nhiếp ba đời, thì **chẳng thể lấy có tướng làm phương tiện, lấy hữu sở đắc làm phương tiện, phát sanh tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề**. Vì sao? Vì tự tánh của tất cả pháp chẳng sanh. **Nếu pháp chẳng sanh thì vô sở hữu, chẳng thể lấy pháp vô sở hữu ấy tùy hỷ hồi hướng vô sở hữu.** Bồ Tát này tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề như thế là chẳng lẫn lộn chất độc, quyết đến cam lồ Đại Bát Niết bàn. Các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa, nếu **lấy có tướng làm phương tiện, hoặc hữu sở đắc làm phương tiện**, đối với công đức căn lành của các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các đệ tử…, phát tâm tùy hỷ hồi hướng thì phải biết đây là **tà tùy hỷ hồi hướng.** Tà tâm tùy hỷ hồi hướng này chẳng được chư Phật Thế Tôn khen ngợi.

Tâm tùy hỷ hồi hướng như thế chẳng được Phật Thế Tôn khen ngợi, nên chẳng thể viên mãn bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật; cũng chẳng thể viên mãn nội không cho đến vô tánh tự tánh không; cũng chẳng thể viên mãn 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo. Như vậy, cho đến cũng chẳng thể viên mãn Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng; cũng chẳng thể viên mãn Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; cũng chẳng thể viên mãn pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả. Bởi chẳng thể viên mãn các công đức, nên chẳng thể nghiêm tịnh cõi Phật và thành thục hữu tình. Do chẳng thể nghiêm tịnh cõi Phật và thành thục hữu tình nên chẳng thể chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì sao? Vì Bồ Tát ấy phát khởi tâm tùy hỷ hồi hướng có tướng, có đắc, bị lẫn độc dược vậy.

Lại nữa, Đại sĩ! Khi các Bồ Tát tu hành Bát Nhã, nên nghĩ như vầy: Tất cả đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác 10 phương thế giới, như thật thông đạt công đức căn lành có pháp như thế, có thể nương pháp ấy phát

sanh tùy hỷ hồi hướng không trái. Ta nay cũng nên nương pháp như thế, phát sanh tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Đó là chơn chánh phát khởi tùy hỷ hồi hướng. Do đây quyết định chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Bấy giờ, đức Thế Tôn khen cụ thọ Thiện Hiện:

- Hay thay! Này Thiện Hiện! Ngươi nay đã vì tất cả các Bồ Tát mà làm Phật sự. Nghĩa là vì các Bồ Tát, khéo nói tùy hỷ hồi hướng không trái ngược. Nói những lời tùy hỷ hồi hướng như thế, **lấy vô tướng** làm phương tiện, **vô sở đắc** làm phương tiện, **không sanh không diệt** làm phương tiện, **không nhiễm không tịnh** làm phương tiện, **không tánh tự tánh** làm phương tiện, **tự tướng không** làm phương tiện, **tự tánh không** làm phương tiện, **pháp giới** làm phương tiện, **chơn như** làm phương tiện, **pháp tánh** làm phương tiện, **tánh chẳng hư vọng** làm phương tiện, **thật tế** làm phương tiện, **bất tư nghì giới làm phương tiện**.*(Q.433, ĐBN)*

Này Thiện Hiện! Giả sử tất cả hữu tình Tam thiên đại thiên thế giới đều thành tựu 10 thiện nghiệp đạo, 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 5 thần thông, ý ông nghĩ sao? Công đức của các hữu tình này nhiều chăng?

Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Bạch đức Thiện Thệ! Rất nhiều!

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Nếu thiện nam, thiện nữ nào đối với công đức căn lành của các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và của các đệ tử…, khởi tâm tùy hỷ hồi hướng mà **không nhiễm đắm** thì công đức có được rất nhiều hơn trước, chẳng thể kể lường. Các thiện nam, thiện nữ này khởi tùy hỷ hồi hướng như thế so với các căn lành khác là tối, là thắng, là tôn, là cao, là diệu, là vi diệu, là thượng, là vô thượng, vô đẳng, vô đẳng đẳng.

Lại nữa, này Thiện Hiện! Giả sử tất cả hữu tình trong Tam thiên đại thiên thế giới đều được quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề; nếu có thiện nam, thiện nữ nào đối với các vị Dự lưu cho đến các vị Độc giác Bồ đề ấy, trọn đời đem vô lượng y phục, các thức ăn uống, đồ nằm, thuốc men và những vật cần dùng khác mà dâng thí, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, thì ý ông nghĩ sao? Các thiện nam, thiện nữ này, do nhân duyên đây được phước nhiều chăng?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều! Bạch đức Thiện Thệ! Rất nhiều!

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Nếu thiện nam, thiện nữ nào đối với công đức căn lành của các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và của các đệ tử…, khởi tâm tùy hỷ hồi hướng mà **không nhiễm đắm thì công đức có được rất nhiều hơn trước**. Các thiện nam, thiện nữ này khởi tùy hỷ hồi hướng như thế so với các căn lành khác là tối, là thắng, là tôn, là cao, là diệu, là vi diệu, là thượng, là vô thượng, vô đẳng, vô đẳng đẳng.

Lại nữa, Thiện Hiện! Giả sử tất cả hữu tình Tam thiên đại thiên thế giới đều hướng tới Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, nếu có tất cả hữu tình mười phương thế giới như cát sông Hằng…, mỗi mỗi đều ở chỗ của các Đại Bồ Tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề ấy, đem vô lượng y phục, thức ăn thức uống, đồ nằm, thuốc men và các vật cần dùng thượng diệu khác, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen như thế trải qua đại kiếp như số cát sông Hằng, thì ý ông nghĩ sao? Các hữu tình này do nhân duyên đây được phước nhiều chăng?

Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Bạch đức Thiện Thệ! Rất nhiều! Phước tụ như thế vô số, vô lượng vô biên vô hạn, tính đếm, thí dụ khó đo lường được. Bạch Thế Tôn! Nếu phước ấy có hình sắc thì 10 phương thế giới như cát sông Hằng chẳng dung nạp hết được.

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Hay thay! Lượng phước đức kia đúng như ngươi đã nói. Này Thiện Hiện! Nếu thiện nam, thiện nữ nào đối với công đức căn lành của các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và của các đệ tử…, khởi tâm tùy hỷ hồi hướng mà **không nhiễm đắm** thì phước tụ được nhiều hơn trước. Các thiện nam, thiện nữ này khởi tâm tùy hỷ hồi hướng như thế, so với các căn lành khác là tối, là thắng, là tôn, là cao, là diệu, là vi diệu, là thượng, là vô thượng, vô đẳng, vô đẳng đẳng. Nếu đem phước trước so với phước này thì trăm phần chẳng bằng một, ngàn phần chẳng bằng một, cho đến cực số phần cũng chẳng bằng một. Vì sao? Vì các hữu tình tu 10 thiện nghiệp đạo, 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 5 thần thông kia đều lấy tưởng có tướng, có sở đắc làm phương tiện. Các thiện nam, thiện nữ kia đem vô lượng y phục, thức ăn thức uống, đồ nằm, thuốc men và những vật cần dùng khác dâng cúng cho quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán và các vị Độc giác; trọn đời cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, song

chỗ được phước ấy **đều lấy tưởng có tướng, có sở đắc làm phương tiện**. Các hữu tình kia đem vô lượng y phục, đồ ăn thức uống, đồ nằm, thuốc men và các vật dụng cần dùng thượng diệu khác, dâng cúng cho các chúng Bồ Tát hướng tới Vô thượng Bồ đề, trải qua đại kiếp như cát sông Hằng, đều cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen như thế, song chỗ được phước, đều lấy tưởng có tướng, có sở đắc làm phương tiện.

Bấy giờ, bốn Đại thiên vương cùng với hai vạn thiên tử quyến thuộc đảnh lễ chân Phật, chắp tay thưa:

- Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát ấy mới có khả năng phát khởi tùy hỷ hồi hướng rộng lớn như thế. Nghĩa là bằng phương tiện khéo léo, các Bồ Tát ấy **lấy vô tướng làm phương tiện, vô sở đắc làm phương tiện, vô nhiễm trước làm phương tiện, vô tự tác làm phương tiện**, đối với công đức căn lành của các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và của các đệ tử…, phát tâm chơn chánh tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Khởi tâm tùy hỷ hồi hướng như thế chẳng rơi vào hai pháp, chẳng ở trong hai pháp, không nhiễm, không đắm.

Khi ấy, trời Đế Thích cũng cùng vô lượng trăm ngàn thiên tử mang đủ các loại tràng hoa, hương xoa, hương bột, y phục, chuỗi anh lạc, cờ phướn, lọng báu, các trân châu quí hiếm thượng diệu của chư thiên, và tấu nhạc trời cúng dường Phật, đảnh lễ chân Ngài, và chấp tay thưa rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Các Bồ Tát ấy mới có khả năng phát khởi tâm tùy hỷ hồi hướng rộng lớn như thế. Nghĩa là bằng phương tiện khéo léo, Bồ Tát ấy lấy **vô tướng** làm phương tiện, **vô sở đắc** làm phương tiện, **vô nhiễm trước** làm phương tiện, **vô tư tác** làm phương tiện, đối với công đức căn lành của các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và của các đệ tử…, chơn chánh phát tâm tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Khởi tâm tùy hỷ hồi hướng như thế chẳng rơi vào hai pháp, chẳng ở trong hai pháp, không nhiễm, không đắm.

Khi ấy, thiên tử Tô dạ ma, thiên tử San đổ sử đa, thiên tử Thiện biến hoá, thiên tử Tối tự tại và cùng với ngàn thiên tử quyến thuộc đều mang đủ các loại tràng hoa, hương xoa, hương bột, y phục, chuỗi anh lạc, cờ phướn, lọng báu, các trân châu quí hiếm thượng diệu của chư thiên, và tấu nhạc trời cúng dường Phật, đảnh lễ chân Ngài, và chấp tay thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát ấy mới có khả năng phát tâm tùy hỷ hồi hướng rộng lớn như thế. Nghĩa là bằng phương tiện khéo léo, Bồ Tát lấy

vô tướng làm phương tiện, vô sở đắc làm phương tiện, vô nhiễm trước làm phương tiện, vô tư tác làm phương tiện, đối với công đức căn lành của các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và của các đệ tử…, chơn chánh phát tâm tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Khởi tâm tùy hỷ hồi hướng như thế chẳng rơi vào hai pháp, chẳng ở trong hai pháp, vô nhiễm, vô đắm.

Khi ấy, Đại Phạm thiên vương cùng với vô lượng trăm ngàn muôn ức các chúng Phạm thiên, đến trước chỗ Phật đảnh lễ chân Ngài, chắp tay cung kính, đồng xướng lên rằng:

- Đức Thế Tôn thật hiếm có! Các Bồ Tát ấy được phương tiện khéo léo của Bát nhã Ba la mật nhiếp hộ, nên vượt hẳn các thiện nam, thiện nữ… tu căn lành ở trước <u>không có phương tiện khéo léo, vì có tướng, có sở đắc</u>.

Khi ấy, trời Cực quang tịnh cho đến trời Sắc cứu cánh cùng với vô lượng trăm ngàn ức thiên chúng của mình đến trước chỗ Phật đảnh lễ chân Ngài, chắp tay cung kính, đồng xướng lên rằng:

- Đức Thế Tôn thật hiếm có! Các Bồ Tát ấy <u>được phương tiện khéo léo của Bát nhã Ba la mật nhiếp hộ</u>, nên vượt thắng các thiện nam, thiện nữ… tu căn lành ở trước không có phương tiện khéo léo, vì có tướng, có sở đắc.

Bấy giờ, Phật bảo chúng trời Tứ đại vương cho đến trời Sắc cứu cánh… rằng:

- Giả sử tất cả hữu tình Tam thiên đại thiên thế giới đều phát tâm Vô thượng Chánh Đẳng Giác, đối với khắp tất cả các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quá khứ, vị lai, hiện tại 10 phương thế giới, từ sơ phát tâm đến được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, chuyển bánh xe diệu pháp độ vô lượng chúng, vào cõi Vô dư y Bát Niết bàn, cho đến lúc pháp diệt. Trong thời gian giữa, tu tập bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật tương ưng với căn lành; hoặc trụ nội không cho đến vô tánh tự tánh không tương ưng với căn lành; hoặc tu 4 niệm trụ nói rộng cho đến 18 pháp Phật bất cộng tương ưng với căn lành; hoặc tu vô lượng vô biên Phật pháp tương ưng với căn lành; hoặc tu căn lành của các đệ tử; hoặc tu giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát trí kiến uẩn và vô lượng vô biên Phật pháp của các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác; hoặc nói chánh pháp của các Như Lai; hoặc nương vào pháp ấy mà tu tập ba phước nghiệp sự thí tánh, giới tánh, tu tánh; hoặc nương vào pháp ấy, tinh tấn siêng năng tu học được quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề, nhập vào Chánh

tánh ly sanh của Bồ Tát; hoặc tu căn lành dẫn phát của các hữu tình như tu bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật. Tập hợp hết thảy lượng căn lành như vậy, **lấy có tướng làm phương tiện, có sở đắc làm phương tiện, có nhiễm đắm làm phương tiện, có tư tác làm phương tiện,** có hai không hai làm phương tiện, hiện tiền tùy hỷ. Đã tùy hỷ rồi, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Lại có các thiện nam thiện nữ phát tâm hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, đối với khắp tất cả các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quá khứ, vị lai, hiện tại 10 phương thế giới, từ sơ phát tâm đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, chuyển bánh xe diệu pháp, độ vô lượng chúng, vào cõi Vô dư y Bát Niết bàn, cho đến lúc pháp diệt. Trong thời gian giữa, tu tập bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật tương ưng với căn lành, cho đến tu căn lành dẫn phát của các hữu tình như bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật. Tập hợp hết thảy lượng căn lành như vậy, **lấy vô tướng làm phương tiện, vô sở đắc làm phương tiện, vô nhiễm đắm làm phương tiện, vô tư tác làm phương tiện, vô nhị chẳng vô nhị làm phương tiện, hiện tiền tùy hỷ. Đã tùy hỷ rồi, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Các thiện nam, thiện nữ này tùy hỷ hồi hướng, so với căn lành khác là tối, là thắng, là tôn, là cao, là diệu, là vi diệu, là thượng, là vô thượng, vô đẳng, vô đẳng đẳng; so với hữu tình trước tùy hỷ hồi hướng thì hơn gấp trăm lần, ngàn lần, trăm ngàn lần, cho đến hơn cực số lần.**

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Như Phật đã nói, các thiện nam, thiện nữ này tùy hỷ hồi hướng so với căn lành khác là tối, là thắng, là tôn, là cao, là diệu, là vi diệu, là thượng, vô thượng, vô đẳng, vô đẳng đẳng. Tại sao là cùng tùy hỷ hồi hướng như nhau, song so với căn lành khác lại là tối, là thắng, là tôn, là cao, là diệu, là vi diệu, là thượng, là vô thượng, vô đẳng, vô đẳng đẳng?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Vì các thiện nam, thiện nữ này, đối với căn lành của tất cả các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác khắp 10 phương thế giới, quá khứ, vị lai, hiện tại, Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát và tất cả hữu tình khác…, **chẳng thủ chẳng xả, chẳng lấy chẳng bỏ, chẳng có sở đắc, chẳng không sở đắc, thấu đạt tất cả pháp không sanh không diệt, không nhiễm không tịnh, không tăng không giảm, không đến không**

đi, không hợp không tán, không vào không ra. Lại nghĩ như vầy: Các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại kia; chơn như, pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, pháp định, pháp trụ; ta đối với các thiện pháp cũng như thế, lấy vô sở đắc làm phương tiện, chơn chánh phát khởi tùy hỷ. Đã tùy hỷ rồi, đem căn lành ấy ban cho các hữu tình cùng có, bình đẳng hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì thế, Thiện Hiện! Các Bồ Tát ấy tuy cùng khởi tùy hỷ hồi hướng, song Ta nói so với căn lành khác là tối, là thắng, là tôn, là cao, là diệu, là vi diệu, là thượng, là vô thượng, vô đẳng, vô đẳng đẳng. Này Thiện Hiện! Sự tùy hỷ hồi hướng như vậy thù thắng hơn sự tùy hỷ hồi hướng khác trăm lần, ngàn lần cho đến hơn cực số lần. Do đó, Ta nói sự tùy hỷ hồi hướng như thế so với căn lành khác là tối, là thắng, là tôn, là cao, là diệu, là vi diệu, là thượng, là vô thượng, vô đẳng, vô đẳng đẳng.

Lại nữa, Thiện Hiện! Thiện nam, thiện nữ nào trụ Bồ Tát thừa, đối với tất cả đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác 10 phương thế giới quá khứ, vị lai, hiện tại, từ sơ phát tâm cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, chuyển bánh xe diệu pháp, độ vô lượng chúng, vào cõi Vô dư y Bát Niết bàn, cho đến lúc pháp diệt. Trong thời gian giữa ấy, tu tập bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật tương ưng với căn lành, cho đến tu vô lượng vô biên Phật pháp khác; hoặc tu công đức căn lành của các Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát; hoặc tu ba phước nghiệp sự: Thí tánh, giới tánh, tu tánh của hữu tình khác và tu căn lành khác. Tập hợp tất cả lượng căn lành như vậy, muốn hiện tiền phát tâm tùy hỷ hồi hướng không trái ngược thì nên nghĩ như vầy: **Sắc cho đến thức cùng với giải thoát bình đẳng như nhau.** Nhãn xứ cho đến ý xứ cùng với giải thoát bình đẳng như nhau. Sắc xứ cho đến pháp xứ cùng với giải thoát bình đẳng như nhau. Nhãn giới cho đến ý giới cùng với giải thoát bình đẳng như nhau. Sắc giới cho đến pháp giới cùng với giải thoát bình đẳng như nhau. Nhãn thức giới cho đến ý thức giới cùng với giải thoát bình đẳng như nhau. Nhãn xúc cho đến ý xúc cùng với giải thoát bình đẳng như nhau. Nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ cùng với giải thoát bình đẳng như nhau. Bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật cùng với giải thoát bình đẳng như nhau. Nội không cho đến vô tánh tự tánh không cùng với giải thoát bình đẳng như nhau. Bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo cùng với giải thoát bình đẳng như nhau. Như vậy, cho đến Như Lai mười lực, mười

tám pháp Phật bất cộng cùng với giải thoát bình đẳng như nhau. Giới uẩn cho đến giải thoát trí kiến uẩn cùng với giải thoát bình đẳng như nhau. Đối với tất cả pháp, khởi lên thắng giải cùng với giải thoát bình đẳng như nhau. Chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại cùng với giải thoát bình đẳng như nhau. Các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại cùng với giải thoát bình đẳng như nhau. **Tất cả tùy hỷ cùng với giải thoát bình đẳng như nhau.** Tất cả hồi hướng cùng với giải thoát bình đẳng như nhau. Niết bàn mà chư Phật Thế Tôn và các đệ tử đạt được cùng với giải thoát bình đẳng như nhau. Chư Phật Thế Tôn, Thanh văn, Độc giác, các pháp, pháp tánh cùng với giải thoát bình đẳng như nhau. Tất cả hữu tình, tất cả pháp và pháp tánh kia cùng với giải thoát bình đẳng như nhau.

Pháp tánh không buộc-không mở, không nhiễm-không tịnh, không khởi-không tận, không sanh-không diệt, không lấy-không bỏ; ta đối với công đức căn lành như thế, hiện tiền tùy hỷ, đem căn lành đây cho các hữu tình, bình đẳng hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Tùy hỷ như thế, chẳng có năng tùy hỷ, cũng không có sở tùy hỷ. Hồi hướng như thế, chẳng có năng hồi hướng, cũng không có sở hồi hướng. Sự phát khởi tùy hỷ hồi hướng như thế, chẳng phải chuyển, chẳng phải diệt, vì không sanh diệt vậy.

Này Thiện Hiện! Sự tùy hỷ hồi hướng của Bồ Tát này so với sự phát khởi tùy hỷ hồi hướng khác là tối, là thắng, là tôn, là cao, là diệu, là vi diệu, là thượng, là vô thượng, vô đẳng, vô đẳng đẳng.

Này Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát thành tựu sự tùy hỷ hồi hướng như vậy thì mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu các thiện nam, thiện nữ… hướng tới Đại thừa, giả sử đối với tất cả các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và chúng đệ tử khắp 10 phương thế giới hiện tại như cát sông Hằng, **lấy hữu tướng làm phương tiện, hữu sở đắc làm phương tiện**, trọn đời thường dùng các thứ y phục, thức ăn thức uống, thuốc men, giường nằm, và các vật dụng cần dùng thượng diệu khác, mà cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen. Sau khi các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các chúng đệ tử ấy vào Niết bàn, người ấy thâu Xá lợi, xây các bảo tháp cao rộng trang nghiêm bằng bảy báu thượng diệu, ngày đêm tinh tấn siêng năng kính lễ, nhiễu tháp; lại đem nhiều phẩm vật thượng diệu như: tràng hoa, hương xoa, hương bột, y phục, chuỗi anh lạc, cờ phướn, lọng báu, các trân châu

vi diệu v.v… cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen; lại **lấy hữu tướng và hữu sở đắc làm phương tiện**, tinh tấn siêng năng tu tập bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật và các căn lành khác.

Lại có các thiện nam, thiện nữ phát tâm hướng tới Đại thừa, **lấy vô tướng và vô sở đắc làm phương tiện**, tu hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật tương ưng với căn lành; phương tiện khéo léo, đối với tất cả công đức căn lành khác, phát khởi tùy hỷ chân chánh, đem căn lành ấy ban cho các hữu tình, bình đẳng hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Các thiện nam, thiện nữ này do nương vào phương tiện khéo léo của Bát nhã Ba la mật, tùy hỷ hồi hướng nên thù thắng hơn công đức sở tạo của các thiện nam, thiện nữ phát tâm hướng tới Đại thừa đã nói trước đây là trăm lần, ngàn lần cho đến cực số lần. **Cho nên nói tùy hỷ hồi hướng như thế, so với căn lành khác là tối, là thắng, là tôn, là cao, là diệu, là vi diệu, là thượng, là vô thượng, vô đẳng, vô đẳng đẳng**.

Vậy nên, Thiện Hiện! Các Bồ Tát phát tâm hướng tới Đại thừa, **nên lấy vô tướng và vô sở đắc làm phương tiện**, tinh cần tu học bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật tương ưng với căn lành và nương vào phương tiện khéo léo của Bát nhã Ba la mật, phát tâm tùy hỷ chân chánh đối với công đức căn lành của các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và của các đệ tử. Đã tùy hỷ rồi, đem căn lành này ban cho các hữu tình bình đẳng cùng có, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Này Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát lấy vô tướng và vô sở đắc làm phương tiện, phát khởi tùy hỷ hồi hướng như thế, thì Bồ Tát này mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, chuyển bánh xe diệu pháp làm lợi lạc cho tất cả hữu tình.

Thích nghĩa:

(1). Tùy hỷ: Vui theo điều thiện. Vui theo cái vui của người khác (thấy người làm việc thiện, lòng mình hoan hỷ vui theo)—To rejoyce in all good—To rejoice in the welfare of others, or to do that which one enjoys, or to follow one's inclination (Từ điển Phật học Việt Anh - Đồng Loại).

(2). Hồi hướng: (回向) *I. Hồi Hướng. Phạm: Pariịàma. Cũng gọi Chuyển hướng, Thí hướng. Đem công đức thiện căn do chính mình tu được chuyển lại cho chúng sinh để cùng được lợi ích như mình, gọi là hồi*

hướng. Trong các Kinh luận có nhiều thuyết nói về hồi hướng. 1. Theo thuyết Tính không của hệ tư tưởng Bát Nhã, nếu hồi hướng mà không thấy có người hồi hướng, có pháp để hồi hướng, có nơi chốn để hồi hướng, thì mới được gọi là Hồi hướng chân thực. Phẩm Hồi hướng trong Kinh Tiểu phẩm Bát Nhã do Ngài Cưu Ma La Thập dịch (Đại 8, 548 trung), nói: Không có một pháp nào có thể gọi là pháp hồi hướng, mới được gọi là chính hồi hướng A nậu đa la tam miệu tam bồ đề (...) Vì chư Phật dạy hồi hướng không được chấp tướng, (...), nếu hồi hướng mà còn chấp tướng thì gọi là tạp độc 2. Đại thừa nghĩa chương quyển 9 của Ngài Tuệ viễn chia hồi hướng làm 3 loại: a. Bồ đề hồi hướng: Đem tất cả thiện pháp mà mình tu hành để hướng cầu Bồ đề. b. Chúng sinh hồi hướng: Vì thương chúng sinh nên nguyện đem tất cả pháp lành mà mình tu được để ban cho họ. c. Thực tế hồi hướng: Đem thiện căn của mình hồi hướng để cầu pháp tính bình đẳng như thực. 3. Trong Hoa nghiêm Kinh sớ quyển 26, Ngài Trừng quán nêu ra 10 loại hồi hướng, nhưng thâu tóm lại còn 3 loại: a. Bồ đề hồi hướng: Xoay nhân hướng tới quả, xoay kém hướng hơn, xoay tỉ hướng chứng. b. Chúng sinh hồi hướng: Xoay mình hướng tới người, xoay ít hướng nhiều, xoay nhân hạnh của mình hướng tới nhân hạnh của người. c. Thực tế hồi hướng: Xoay sự hướng lý, xoay hạnh sai biệt hướng hạnh viên dung. Ngoài 8 loại hồi hướng trên đây, 2 loại còn lại là: Xoay thế (việc thế tục) hướng xuất thế (cầu Phật đạo) và Xoay thuận lý sự hạnh hướng lý sở thành sự. Hai loại Hồi hướng này thông cả quả Bồ đề hồi hướng và Thực tế hồi hướng. 4. Theo thuyết của tông Tịnh độ thì có 2 loại Hồi hướng: a. Vãng tướng hồi hướng: Đem công đức của mình ở đời quá khứ và đời hiện tại hồi hướng cho chúng sinh, nguyện cùng được sinh về Tịnh độ phương Tây. b. Hoàn tướng hồi hướng: Sau khi đã vãng sinh Tịnh độ, phát tâm đại bi trở lại cõi Sa bà, giáo hóa chúng sinh, cùng hướng về Phật đạo. 5. Trong An lạc tập quyển hạ, Ngài Đạo xước nêu ra 6 loại hồi hướng: a. Đem các công đức do mình tu được hồi hướng đức Phật A di đà cầu sinh về Tịnh độ, để sau khi được 6 thần thông, trở lại thế gian cứu độ chúng sinh. b. Hồi nhân hướng quả. c. Hồi hạ hướng thượng. d. Hồi chậm hướng nhanh. e. Hồi hướng cho chúng sinh bi niệm hướng thiện. g. Hồi hướng dứt hết tâm phân biệt. II. Hồi Hướng. Cũng gọi Thập hồi hướng vị. Mười giai vị tu hành của Bồ Tát. (Phật Quang tự điển).

Cụm từ "Tùy hỷ hồi hướng": Nói nôm na là thấy người khác làm việc thiện, làm việc có công đức, đem công đức ấy chia sẻ cho tất cả chúng sanh khác rồi hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Nếu mình không đủ sức, không đủ phương tiện để làm như vậy, nhưng lại rất vui mừng hoan hỷ tán thán công đức của những người đã làm được như vậy, thì tùy hỷ cũng ngang đồng với công đức của người bố thí! Đã thích nghĩa rồi, nhắc lại cho nhớ. ***TB***

(3). Phan duyên: Nương theo, vịn theo các duyên. Ví như nhân một chuyện này mà nghĩ đến các chuyện khác, lại đến các chuyện khác nữa, như cây leo bò vịn vào rào dậu leo mãi không ngừng, gọi là phan duyên. Tâm ý nương theo sáu trần làm duyên, nảy sanh những ý tưởng suy xét, mưu tính mãi mãi không dừng, gọi là phan duyên.

(4). Tâm"diệt tận ly biến": Bản gốc bằng chữ Hán đăng trong hoavouu.com ghi bằng chữ Hán có phụ âm là "心tâm 盡tận 滅diệt 離ly 變biến". *Nếu dùng lối chiết tự để giải thích riêng rẽ bốn từ này:* ***Tận***(盡) *là hết, không còn gì;* ***Diệt***(滅) *là tan mất;* ***Ly***(離) *là xa lìa;* ***Biến***(變) *là biến mất.*

- Phẩm "Tùy Hỷ Hồi Hướng", Q.432, Hội thứ II, ĐBN dịch "tâm tận diệt ly biến" là "diệt tận ly biến", dịch như không dịch.

- Phẩm "Tùy Hỷ Hồi Hướng" Hội thứ III, ĐBN dịch là "tâm hết diệt lìa biến". Dịch như vậy xác nghĩa nhưng rất khó hiểu.

- Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ ba 39, "Tùy Hỉ" , Tập 4, quyển 61, nói về cụm từ "diệt tận ly biến" như sau: "Bởi vậy nên đối với những người tu tập Bồ Tát đạo, thì phải dạy họ thực tập dần dần sự tùy hỷ hồi hướng các phước đức thiện căn. Khi họ được đầy đủ tâm tận diệt, tận biến, tận ly rồi, thì mới dạy họ dụng "vô tướng tâm pháp" mà tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề". *Điều đó có nghĩa là tâm không còn dung chứa bất cứ thứ gì, tức rỗng không, nói khác là "dùng tâm vô tướng" như vậy mà tùy hỷ hồi hướng, mới được xem là hồi hướng vô thượng.*

Chúng ta có thể dùng đoạn Kinh ngắn này trong ***Đại Trí Độ Luận cùng phẩm trên*** *để giải thích cụm từ "diệt tận ly biến":*

"Nay nói các phước đức đều là tự tướng không. Đây là nói Bồ Tát niệm chư Phật quá khứ, niệm các duyên sanh phước đức trong quá khứ đều đã tận diệt; niệm chư Phật quá khứ đã nhập Niết Bàn, niệm tất cả các phước đức đều là rốt ráo không, đều là vô tướng, là thường tịch diệt. Bồ

Tát dụng tâm như vậy mà tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề mới được gọi là "chánh tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề", nên chẳng có đọa về tưởng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo".

Đó là tâm pháp mà dịch giả là Ni Trưởng Thích Nữ Diệu Không dịch bộ Đại Trí Độ Luận gọi là "vô tướng tâm pháp".

Sơ giải:

Tùy hỷ công đức là siêng tu cội phước, tích tụ căn lành, thực thi các hạnh nguyện làm những việc khó làm, cốt hoàn tất địa nghiệp của mình, xong đem các thiện nghiệp sự lớn nhỏ đã làm được ban cho tất mọi chúng sanh cùng hồi hướng quả vị Vô Thương Bồ đề để mọi người đều được lợi ích như nhau. Nhưng sự tùy hỷ hồi hướng đó chỉ được xem là chân thật nếu chẳng thủ chẳng xả, chẳng lấy chẳng bỏ, chẳng có sở đắc, chẳng không có sở đắc, thấu đạt tất cả pháp không sanh-không diệt, không nhiễm-không tịnh, không tăng-không giảm, không đến-không đi, không hợp-không tán, không vào-không ra… làm các phước nghiệp sự, không đếm xỉa năng-sở, chủ-khách. Nhưng phải nghĩ rằng tất cả tùy hỷ tùy hồi hướng cùng với giải thoát bình đẳng như nhau. Nên Kinh nói:

"… Các thiện nam thiện nữ phát tâm hướng tới Đại thừa, **lấy vô tướng và vô sở đắc làm phương tiện**, tu hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật tương ưng với căn lành; phương tiện khéo léo, đối với tất cả công đức căn lành khác, phát khởi tùy hỷ chân chánh, đem căn lành ấy ban cho các hữu tình, bình đẳng hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Các thiện nam, thiện nữ này **do nương vào phương tiện khéo léo của Bát nhã Ba la mật**, tùy hỷ hồi hướng nên thù thắng hơn hết… Cho nên nói tùy hỷ hồi hướng như thế, so với căn lành khác là tối, là thắng, là tôn, là cao, là diệu, là vi diệu, là thượng, là vô thượng, vô đẳng, vô đẳng đẳng".

*Phẩm này giáo lý đã khó, lối hành văn cũng như chuyển ngữ từ Hán sang Việt lại quá dài, nên càng gây trở ngại hơn cho việc đọc tụng thọ trì. Để nắm vững vấn đề chúng tôi trích dẫn toàn bộ chính văn phẩm "Tùy Hỉ" của Kinh MHBNBLMĐ do Ngài Cưu Ma La Thập dịch và lời chiết giải của Bồ Tát Long Thọ thuộc **phẩm thứ 39, "Tùy Hỉ", Tập 4, quyển 61, Đại Trí độ Luận**, để làm sáng tỏ thêm:*

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

Quyển 61

Phẩm thứ ba mươi chín:
"TỦY HỶ"

KINH:

Lúc bấy giờ, ngài Bồ Tát Di Lặc nói với ngài Tu Bồ Đề: Thưa ngài Tu Bồ Đề! Bồ Tát dụng vô sở đắc mà tùy hỷ phước đức, cùng với hết thảy chúng sanh đồng hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

Nếu đem so sánh với sự tùy hỷ phước đức của hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, thì sự tùy hỷ phước đức của Bồ Tát là tối thắng, tối diệu, là vô đẳng đẳng. Vì sao?

Vì hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, cùng các chúng sanh cũng có tùy hỷ phước đức bố thí, trì giới, thiền định v.v… nhưng sự tùy hỷ đó chỉ nhằm để tự điều, tự tịnh, tự độ. Do vậy mà hành trì 4 niệm xứ…dẫn đến 8 thánh đạo, hành trì các tam muội "không, vô tướng và vô tác".

Còn Bồ Tát tùy hỷ công đức là vì Vô thượng Bồ đề, đem công đức này để điều phục hết thảy chúng sanh, thanh tịnh hết thảy chúng sanh, cứu độ hết thảy chúng sanh.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Bạch Đại Sĩ! Chư vị đại Bồ Tát thường niệm chư Phật khắp 10 phương, trong vô lượng a tăng kì thế giới, trong vô lượng vô biên a tăng kì Phật quốc, từ sơ phát tâm đến khi nhập Vô Dư Niết Bàn… dẫn đến thời kỳ pháp tận. Trong khoảng giữa đó có vô lượng vô biên người tu thiện hạnh; có hàng Thanh Văn tu 6 pháp Ba La Mật, có hàng Hữu học và hàng vô học tu các vô lậu thiện căn; lại có chư Phật thuyết giới chúng, định chúng, huệ chúng, giải thoát chúng, giải thoát tri kiến chúng, nhất thiết chủng trí, đại từ, đại bi, cùng vô lượng Phật pháp khác. Từ các Phật pháp này, có vô lượng chúng sanh được quả Tu Đà Hoàn… dẫn đến quả A La Hán, quả Bích Chi Phật, nhập Bồ Tát vị, lại có vô lượng chúng sanh khác gieo trồng được các thiện căn.

Nếu hòa hợp được hết thảy các công đức đó, rồi tùy hỷ hồi hướng về Vô thượng Bồ đề, thì mới thật là tùy hỷ tối thượng, tùy hỷ tối diệu, tùy hỷ vô đẳng đẳng vậy.

Bạch Đại Sĩ! Nếu có Thiện nam, Thiện nữ nào hành Bồ Tát đạo, hồi hướng công đức về Vô thượng Bồ đề, mà còn nghĩ rằng ta có tâm hồi hướng Vô thượng Bồ đề, còn chấp tướng hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Ý ngài nghĩ sao? Tưởng niệm như vậy có được chăng?

Ngài Di Lặc đáp: Này Tu Bồ Đề ! Nếu Thiện nam, Thiện nữ hành Bồ Tát đạo, hồi hướng công đức về Vô thượng Bồ đề, mà còn chấp tâm hồi hướng, chấp tướng hồi hướng là còn có tâm duyên sự, nên chẳng đạt đến chỗ "như niệm" được.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Bạch Đại Sĩ ! Các duyên, các sự đều là vô sở hữu. Nếu hành Bồ Tát đạo, mà còn chấp tâm, chấp tướng, thì sao chẳng đạt đến chỗ "như niệm" được.

Người hành Bồ Tát Đạo phải hòa hợp hết thảy các thiện căn của 10 phương chư Phật, từ sơ phát tâm… dẫn đến thời kỳ pháp tận, các thiện căn của hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, các thiện căn của hàng hữu học và vô học. Bồ Tát hòa hợp như vậy rồi, lại còn đem hết thảy các thiện căn công đức đó để tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Tùy hỷ hồi hướng như vậy mà chẳng có chấp tâm hồi hướng, chẳng có chấp tướng hồi hướng, thì mới thật là chẳng có điên đảo.

Vì sao? Vì nếu vô thường mà tưởng là thường, khổ mà tưởng lạc, vô ngã mà tưởng ngã, bất tịnh mà tưởng tịnh… thì gọi là tưởng điên đảo. Tưởng điên đảo sẽ dẫn đến tâm điên đảo, kiến điên đảo.

Với tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo như vậy, thì duyên hồi hướng, sự hồi hướng… dẫn đến tâm hồi hướng Vô thượng Bồ đề cũng đều là điên đảo. Tất cả 6 pháp Ba La Mật… dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng đều như vậy.

Nếu đã là như vậy, thì có gì để gọi là "duyên", để gọi là "sự", để gọi là "thiện căn"… dẫn đến có gì để gọi là "tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề nữa".

LUẬN:

"Trước đây, Phật đã dạy ngài Tu Bồ Đề thuyết về Bát nhã Ba la mật, và ngài Thích Đề Hoàn Nhơn cũng đã có hỏi nhiều, nói nhiều về các công đức sự.

Nay ở phần này, ngài Di Lặc muốn tùy thuận bổ sung thêm, nên đã nhờ ngài Tu Bồ Đề giải rộng thêm về sự tùy hỷ công đức đúng theo chánh nghĩa Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, vị Đế Thích cùng chư Thiên, sau khi nghe tán thán công đức cúng dường Bát nhã Ba la mật, liền đem hương hoa, tràng phan, bảo cái… để cúng dường, tự lấy làm hoan hỷ là đã cúng dường Bát nhã Ba la mật bằng những vật quý ở cõi Trời, mà hàng xuất gia chẳng sao có thể được. Ngài Di Lặc biết rõ tâm niệm của vị Đế Thích và của chư Thiên như vậy, lại muốn phá sự chấp tướng bố thí đó, nên ngài đã nói với ngài Tu Bồ Đề rằng: Bồ Tát chỉ dụng tâm tùy hỷ là đã thù thắng hơn các hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật và hết thảy chúng sanh rồi. Hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật dù bố thí vô lậu công đức cũng chẳng sao sánh kịp, huống chi chư Thiên đem hương hoa, tràng phan, bảo cái…cúng dường Bát nhã Ba la mật.

Vì sao? Bồ Tát tùy hỷ công đức **chỉ dùng các lực phương tiện trí huệ làm công đức**, chẳng dùng thân nghiệp và khẩu nghiệp làm công đức vậy.

Bồ Tát, khi thấy người tu phước, liền tùy thuận hoan hỷ, và tự niệm rằng: **Tu phước đối với chúng sanh là phương tiện hành đạo rất thù thắng.** Nếu chẳng có tu các phước đức sự, thì người và các loài súc sanh đều đồng nhau ở nơi dâm dục, ăn uống và đấu tranh. Ở thế gian, những người hành chánh đạo, và những người tu phước được mọi người thương mến, tôn trọng.

Ví như vào những đêm trăng sáng, mát mẻ, mọi người đều cảm thấy dễ chịu khoan khoái. Cũng như vậy, người tu phước tự cảm thấy hoan hỷ, khinh an.

(Vì vậy, tu phước mới được xem là quan trọng, nên được xem là phương tiện hành đạo thù thắng).

--o0o--

Nên biết có 2 loại phước đức. Đó là:

- Phước đức thế gian

- Phước đức xuất thế gian

Các pháp vô lậu xuất thế gian, tuy chẳng hiện "phước tướng", nhưng lại thường dẫn sanh các phước đức. Do vậy, mà trong kinh nói đến phước đức hữu lậu và phước đức vô lậu.

Lại cũng nên biết thật hành đầy đủ phước đức, cũng là bản nguyện của Bồ Tát. Hết thảy các bậc Thánh đều tán thán và kính ngưỡng người hành đầy đủ các phước đức, chỉ có kẻ vô trí mới chê bai, khinh dễ mà thôi.

Các bậc đại trí đã viễn ly các hành xứ, nên được phước đức thù thắng, vô lượng. Do vậy mà các ngài mới tùy duyện ứng hiện, hoặc làm Chuyển Luân Thánh Vương hoặc làm Thiên Vương, hoặc làm A La Hán, Bích Chi Phật… để hóa độ chúng sanh.

Lại nữa, chư Phật đã đầy đủ đại từ, đại bi, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, Nhất thiết chủng trí, đã được tự tại, vô ngại… Tất cả đều từ phước đức sanh ra cả.

Như vậy, nếu có được đầy đủ phước đức là có đầy đủ chánh kiến, và có đầy đủ chánh kiến rồi, mới sanh tâm tùy hỷ.

Bồ Tát tùy hỷ phước đức, tự niệm rằng: Ta phải ban vui cho hết thảy chúng sanh, khi thấy chúng sanh hành phước đức, ta phải sanh tâm tùy hỷ, khi thấy chúng sanh hành các thiện pháp, ta phải xem chúng sanh đó có đồng sự với ta, tương tợ như ta, là pháp hữu của ta. Do vậy mà ta phải sanh tâm hoan hỷ.

Lại nữa, **cũng nên biết chư Phật, chư Bồ Tát, chư Thanh Văn cùng các chúng sanh hành thiện pháp như bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định,... đều dẫn xuất từ phước đức cả.**

Bồ Tát tùy hỷ các phước đức như vậy, rồi đem công đức tùy hỷ đó, để cùng với hết thảy chúng sanh, đồng hồi hướng Vô thượng Bồ đề, mà chẳng trú, chẳng đắc.

Lại nữa, Bồ Tát, vì hết thảy chúng sanh, bố thí hết thảy các quả phước báo, nên được vô lượng phước đức, được cúng dường đầy đủ. Tuy được cúng dường đầy đủ như vậy, mà Bồ Tát chẳng sanh tâm chấp đắm. Bồ Tát dùng các tài vật cúng dường để làm các việc lợi ích cho chúng sanh.

Bồ Tát, vì chúng sanh, thuyết pháp, khiến họ tu tập được 10 thiện căn, 4 thiền, 4 vô lượng tâm v.v…, khiến họ được lợi ích ở đời này và cả đời sau, và dần dần vào được Phật đạo. Bồ Tát dùng các phước đức để thanh

tịnh các nghiệp “thân, khẩu ” nên được đẩy đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, vô lượng quang minh, khiến chúng sanh nhìn thấy chẳng có nhàm chán.

Lại nữa, Bồ Tát có vô lượng “phạm âm” hòa nhã, thanh tịnh, và ở trong Phật Pháp thường được vô ngại giải thoát.

Bồ Tát thị hiện 3 pháp sự. Đó là:

- Độ vô lượng chúng sanh.
- Thị hiện nhập Niết Bàn.
- Lưu bố xá lợi lại ở thế gian, sau khi nhập Niết Bàn.

Bồ Tát đem tất cả các phước đức, để cùng với hết thảy chúng sanh đồng hồi hướng Vô thượng Bồ đề, nhằm gieo trồng căn lành nơi chúng sanh, dẫn dắt họ vào Phật đạo.

Bởi nhân duyên vậy, nên từ sơ phát tâm… dẫn đến khi thành đạo, Phật đã thành tựu vô lượng phước đức, và đã cùng với hết thảy chúng sanh đồng hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Phật tùy hỷ hồi hướng như vậy với tâm bất động, vô sở đắc. Thế nhưng, Phật vẫn thường tùy thuận tâm chúng sanh, dùng lực phương tiện hành các thiện pháp, làm lợi ích chúng sanh.

--o0o--

Như trước đây đã nói: Nếu đem so sánh các phước đức bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định,v.v... của hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, thì sự tùy hỷ phước đức của Bồ Tát thù thắng hơn nhiều. Vì sao? Vì Nhị Thừa hành phước đức sự, **chỉ nhằm để tự điều, tự tịnh và tự độ**.

Ví như:

- **Trì giới là tự điều; tu thiền định là tự tịnh; tu trí huệ là tự độ**.
- Hành chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng là tự điều, hành chánh nghiệp, chánh định là tự tịnh
- Do nhân duyên bố thí, mà tự điều; do nhân duyên trì giới, mà tự tịnh; do nhân duyên tu thiền định, mà tự độ.

Nên biết rằng tu 37 phẩm trợ đạo, 3 giải thoát môn, tu bố thí, trì giới… đưa đến thiền định dẫn đường vào vô lậu pháp, nhưng các pháp môn tu đó vẫn còn xa vô lậu pháp.

Vì còn xa vô lậu pháp, nên hành giả chưa có thể liễu thông được sự tùy hỷ phước đức của Bồ Tát.

Bồ Tát dù chẳng hao công, phí sức trong việc tự điều, tự tịnh, tự độ, nhưng do nguyện lực muốn độ thoát hết thảy chúng sanh, mà sự tùy hỷ phước đức của Bồ Tát thù thắng hơn cả.

Hỏi: *Nếu thật chẳng độ chúng sanh, thì vì sao lại nói do muốn độ thoát hết thảy chúng sanh, mà sự tùy hỷ phước đức của Bồ Tát là thù thắng hơn cả?*

Đáp: Chư Phật và Chư đại Bồ Tát đều có công đức lực, độ thoát hết thảy chúng sanh. Sở dĩ có chúng sanh chưa được độ, vì họ chưa hội đủ nhận duyên để được độ vậy.

Ví như lửa có công năng thiêu đốt củi. Thế nhưng, nếu chẳng tác duyên cho lửa ở gần bên củi, thì lửa chẳng sao thiêu đốt được củi. Trái lại, nếu để củi cạnh lửa, thì củi liền bén lửa và bốc cháy.

Ngài Tu Bồ Đề dùng "cứu cánh không trí huệ" hỏi ngài Di Lặc rằng: Niệm phước đức của chư Phật và tủy hỷ hồi hướng các phước đức ấy về Vô thượng Bồ đề đều là niệm các sự việc quá khứ. Chỗ niệm như vậy có được chăng?

Ngài Di Lặc, y vào 2 duyên pháp, đáp "chẳng phải vậy". Đó là:

- Vì các đức Phật quá khứ đã diệt độ trải qua vô lượng kiếp. Nếu Bồ Tát chưa có "túc mạng thông trí", hay chưa có đầy đủ "túc mạng thông trí", thì chẳng thể nào thấu suốt được. Vì sao? Vì nếu chỉ nương vào chỗ được nghe, nhớ tưởng chỗ phân biệt trong kinh, thì chẳng sao đạt đến chỗ "như niệm" được.

- Vì công đức của chư Phật chẳng thể suy lường được, công đức của chư Phật vượt ra khỏi 3 cõi, vượt ra khỏi 3 đời, là rốt ráo không, là tịch diệt tướng Niết Bàn vậy.

Bởi vậy nên phân biệt công đức của chư Phật và chư đại đệ tử của chư Phật, rồi dùng tâm tùy hỷ hồi hướng về Vô thượng Bồ đề là chẳng thật có vậy. Cho nên nói sự tùy hỷ hồi hướng như vậy là rốt ráo không, là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề nói: **Nếu chẳng có pháp sự hiện hành, mà chỉ có ức niệm phân biệt, thì là điên đảo tưởng**. Nếu có pháp sự, thì pháp sự đó cũng là rốt ráo không, Bởi vậy nên thanh tịnh ức niệm cũng như công đức của chư Phật quá khứ đều là rốt ráo không, đều là vô phân biệt. Đã là rốt ráo không, là vô phân biệt, thì làm sao mà tùy hỷ được?

Ngài Di Lặc đáp: Chư Bồ Tát dụng duyên sự như vậy, để tùy hỷ hồi hướng phước đức của chư Phật về Vô thượng Bồ đề, mà **chẳng thủ chấp sự hồi hướng**. Đây mới thật là chân hồi hướng.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Bồ Tát ức niệm chư Phật quá khứ đã diệt độ trải qua vô lượng kiếp. Như vậy là Bồ Tát đã phát khởi tùy hỷ phước đức nơi phước điền vô thượng của chư Phật.

Bởi vậy nên, khi niệm Phật, khi nghe một danh hiệu của một vị Phật quá khứ nào, là phải y nơi đó mà rộng niệm hết thảy chư Phật quá khứ. Vì sao? Vì từ khi sơ phát tâm, chư Phật đã phát thệ nguyện rộng độ hết thảy chúng sanh. Khi niệm như vậy, thì tâm sẽ tương ưng với 3 thiện căn "vô tham, vô sân và vô si". Nhờ vậy mà tinh tấn hành các thiện pháp, dẫn đến được các nghiệp "thân và khẩu" thanh tịnh, hòa hợp với các thiện pháp. Đây mới là thanh tịnh phước đức.

Lại nữa, Bồ Tát từ sơ phát tâm đã hành 6 pháp Ba La Mật, nên khi vào Bồ Tát Vị, khi được đầy đủ 10 địa, khi tọa đạo tràng, và mãi cho đến khi nhập Vô Dư Y Niết Bàn, vẫn thường tu phước đức hòa hợp với Phật đạo. Sau khi nhập Niết Bàn, lại còn lưu bố xá lợi cho các hàng Trời, Người cung kính, cúng dường.

Phước đức này, ở nơi tự thân của Bồ Tát, tương ưng với 6 Ba La Mật, nên các thiện pháp mà Bồ Tát hành đều tương ưng với 6 Ba La Mật cả.

--o0o--

Các hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật tu bố thí, trì giới…dẫn đến tu thiền định chỉ được các công đức sau đây:

- Hoặc được lậu tận, trở thành bậc "vô học".
- Hoặc được đạo mà chưa được lậu tận, trở thành bậc "hữu học".

Hàng "vô học" có phước đức thù thắng hơn hàng "hữu học". Vì sao? Vì hàng "vô học" có đầy đủ tướng tốt trang nghiêm và đầy đủ thiện căn công đức, còn hàng "hữu học" có đầy đủ tướng tốt trang nghiêm, mà chưa có được đầy đủ thiện căn công đức. Lại nữa, hàng "vô học" có đại từ, đại bi theo như nghĩa trong Đại thừa Pháp.

--o0o--

Như trước đây đã nói: Chư Phật thuyết pháp, khiến những ai y theo đó mà tu hành, thì sẽ được quả Tu Đà Hoàn… dẫn đến Bồ Tát vị. Lại nữa, sau khi Phật diệt độ thì giáo pháp của Phật vẫn còn lưu truyền lại đời sau, dạy cho chúng sanh trồng được căn lành Đại thừa nhằm dẫn dắt chúng sanh vào Phật đạo.

Lại nữa, khi Phật còn trụ thế, thì giáo pháp của Phật được truyền dạy cho các hàng Trời, Người,.. dẫn đến cho các loài súc sanh, tạo nhân duyên để họ gieo trồng phước đức.

Bởi vậy nên tu phước đức mà phát tâm khắp duyên hết thảy chúng sanh chánh ức niệm, nhất tâm cầu Phật đạo, và tùy hỷ hồi hướng phước đức về Vô thượng Bồ đề, thì sự tùy hỷ đó mới thật là tối thượng, là tối diệu, là vô đẳng đẳng.

Hỏi: *Vì sao người cầu Phật đạo chẳng đem công đức của mình để hồi hướng, mà chỉ đem tâm tùy hỷ phước đức để hồi hướng?*

Đáp: Chư Bồ Tát dùng các lực phương tiện dạy chúng sanh tinh tấn tu phước đức, và cũng dạy chúng sanh phát tâm tùy hỷ phước đức. Vì sao? **Vì tủy hỷ phước đức thù thắng hơn tự mình tu phước đức**. Ví như niệm Phật quá khứ cũng tức là “niệm Phật tam muội”, nhiếp cả 6 niệm, gồm “niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm xả, niệm giới và niệm Thiên”.

Do thanh tịnh hạnh như vậy mà vào được các thiền định, khởi sanh trí huệ, được “chánh tùy hỷ”… dẫn đến thật hành được các pháp. Vì sao? Vì **dụng tâm tùy hỷ hồi hướng tức là dụng tâm duyên hết thảy chúng sanh, duyên hết thảy chư Hiền Thánh, chư Bồ Tát cùng chư Phật vậy**.

Người tu hành phải dụng tâm duyên như vậy để làm căn bản cho sự tu phước đức. Chẳng những dụng tâm duyên như vậy, mà tự thân cũng phải hành các công đức sự.

--o0o--

Ngài Tu Bồ Đề hỏi ngài Bồ Tát Di Lặc rằng: Nếu có Thiện nam, Thiện nữ hành Bồ Tát Đao, mà còn nghĩ là mình có tâm hồi hướng Vô thượng Bồ đề, còn **chấp có tướng hồi hướng Vô thượng Bồ đề**, thì chỗ niệm như vậy có được chăng?

Ngài Bồ Tát Di Lặc đáp: Niệm như vậy chẳng thế nào đạt đến chỗ "như niệm" được.

Bởi nhân duyên vậy, nên ngài Tu Bồ Đề nói: Nếu chấp có "duyên", có "sự " thì liền bị rơi vào 4 điên đảo.

Bốn tưởng điên đảo đó là: Vô Thường mà tưởng là thường, khổ mà tưởng là lạc, vô ngã mà tưởng là ngã, bất tịnh mà tưởng là tịnh.

Hỏi: *Người mới nhập đạo, tuy tâm chẳng phải là điên đảo, nhưng thường khởi điên đảo, nên thấy các tướng điên đảo. Như vậy, khi người này đã rõ được các Đế rồi, thì có đoạn được các tưởng điên đảo chăng?*

Đáp: Tưởng điên đảo khi sanh khởi khác với khi đoạn diệt. Vì sao? Vì khi sanh tưởng điên đảo, thì thấy các pháp tướng cũng điên đảo. Thế nhưng, khi đã liễu ngộ được các Đế rồi, thì chẳng còn tưởng điên đảo. Vì vậy, chẳng còn thấy các pháp tướng điên đảo nữa. Đây gọi là " kiến đế sở đoạn".

Hàng "hữu học", do chưa ly dục, nên còn khởi các kiết sử, lại do chưa đầy đủ chánh ức niệm, nên còn ức niệm, suy nghĩ còn phải thủ lấy tịnh tướng. Thế nhưng, khi đầy đủ chánh ức niệm rồi, thì các ức niệm điên đảo cùng các kiết sử liền bị tiêu diệt.

Trong kinh có nêu ví dụ về một giọt nước rơi vào đám lửa lớn tức thì bị hủy diệt. Cũng như vậy, khi đã có được chánh ức niệm, đã vào được thật tướng pháp rồi, thì biết rõ các pháp đều là giả danh, đều chẳng thật có khiến các tưởng điên đảo liền bị hủy diệt.

Lại nữa, vì các "duyên", các "sự" đều là rốt ráo không, nên "niệm khởi" cũng là rốt ráo không, Đàn Ba La Mật… dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng đều là rốt ráo không, đều chỉ là 1 tướng (nhất tướng), đều chẳng có tướng (vô tướng).

Bởi vậy nên nói chẳng có gì để gọi là "duyên", chẳng có gì để gọi là "sự"… dẫn đến chẳng có gì để gọi là "hồi hướng Vô thượng Bồ đề" cả.

<u>KINH:</u>

Ngài Di Lặc nói: Này Tu Bồ Đề! Nếu có vị Bồ Tát nào đã từ lâu tu tập 6 pháp Ba La Mật, cúng dường chư Phật, gieo trồng thiện căn, gần gũi thiện tri thức, khéo tu học pháp tướng không, thì phải biết vị Bồ Tát đã ở nơi các duyên, nơi các sự, nơi các thiện căn như vậy, mà tùy hỷ hồi hướng phước đức của chư Phật Vô thượng Bồ đề, nhưng

chẳng chấp tướng hồi hướng. Vì sao? Vì tùy hỷ hồi hướng chẳng phải là "Nhị pháp", cũng chẳng phải là "bất nhị pháp", chẳng phải có tướng cũng chẳng phải chẳng có tướng, chẳng phải "khả đắc" cũng chẳng phải "bất khả đắc", chẳng phải cấu cũng chẳng phải tịnh, chẳng có sanh cũng chẳng có diệt.

Đây mới thật là chánh hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

Nếu có vị Bồ Tát nào tu tập 6 pháp Ba La Mật chẳng được bao lâu, chẳng thường cúng dường chư Phật, chẳng thường gieo trồng thiện căn, chẳng thường gần gũi thiện tri thức, chẳng khéo tu học pháp tướng không, thì phải biết Bồ Tát đó đã ở nơi các duyên, nơi các sự, nơi các thiện căn như vậy, mà tùy hỷ hồi hướng phước đức của chư Phật Vô thượng Bồ đề, rồi lại chấp lấy tướng hồi hướng.

Đây chẳng phải là chánh hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

Này Tu Bồ Đề! Nghĩa của Bát nhã Ba la mật… dẫn đến nghĩa của nhất thiết chủng trí, nghĩa của nội không… dẫn đến nghĩa của vô pháp hữu pháp không là như vậy đó. Chớ nên vì hàng tân học Bồ Tát, giải nói cho họ nghe. Vì sao? Vì các Bồ Tát sơ phát tâm chưa có nhiều trí huệ. Nếu giải nói cho họ nghe như vậy, họ sẽ mất lòng tôn kính diệu pháp, và đồng thời tín tâm thanh tịnh vừa mới khởi phát nơi họ sẽ bị sút giảm.

Còn đối với các Bồ Tát bất thối chuyển, các Bồ Tát thường được các bậc thiện tri thức hộ trì, các Bồ Tát đã từ lâu cúng dường chư Phật, thì phải nên vì họ giải nghĩa của Bát nhã Ba la mật như vậy, nghĩa của nhất thiết chủng trí như vậy, nghĩa của nội không… dẫn đến của vô pháp hữu pháp không như vậy. Vì sao? Vì các Bồ Tát này nghe nghĩa như vậy, mà vẫn giữ được tâm an định, chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ.

Này Tu Bồ Đề! Nếu có Bồ Tát nào nghe nghĩa như vậy, mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, thì phải biết đó là Bồ Tát Ma Ha Tát tùy hỷ hồi hướng phước đức Vô thượng Bồ đề. Bồ Tát dụng tâm tùy hỷ, mà tâm đó chính là tâm tận diệt, tận biến tận ly. Dẫn đến các duyên, các sự, các thiện căn như vậy. Cho nên là chẳng có gì để gọi là "duyên", chẳng có gì để gọi là "sự", chẳng có gì để gọi là "thiện căn", chẳng có gì để gọi là "tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề" nữa.

Này Tu Bồ Đề! Nếu tâm tùy hỷ và tâm hồi hướng chẳng phải là hai tâm chung khởi, thì tâm tánh hồi hướng Vô thượng Bồ đề là bất khả đắc vậy. Như vậy làm sao Bồ Tát có thể dùng tâm tùy ỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề được?

Thưa ngài Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật, mà biết rõ Bát nhã Ba la mật là vô sở hữu; biết rõ Đàn Ba La Mật… dẫn đến thiền Ba La Mật là vô sở hữu, biết rõ 5 ấm… dẫn đến Vô thượng Bồ đề là vô sở hữu, thì mới có được "chánh tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề".

LUẬN:

Hành trì đúng theo chánh nghĩa Bát nhã Ba la mật, mà chẳng hoại các pháp tướng, rồi tùy hỷ phước đức hồi hướng về Vô thượng Bồ đề, là việc khó làm, khiến hàng phàm phu chẳng sao kham nhận được. Bởi vậy nên ngài Di Lặc nói rằng: Phải là người đã từ lâu tu tập 6 pháp Ba La Mật, đã được công đức sâu dày, mới có được tâm an định hành trì như vậy. Thiện nam, Thiện nữ hành trì được như vậy phải là người đã nhiều đời cúng dường chư Phật, đã huân tập các thiện căn, đã chứa nhóm vô lượng vô biên công đức, đã dẹp sạch kiết sử, đã được tâm nhu nhuyến, đã thân cận gẫn gũi thiện tri thức, đã có đầy đủ phương tiện lực, đã tu tập các pháp không, đã chẳng chấp không. Do được vô lượng vô biên công đức như vậy, nên ở nơi "vô tướng pháp", mà phát tâm tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

Ví như sắt cứng rắn, nhưng nếu bỏ vào lò nung, thì cũng trở thành mềm, khiến người thợ rèn có thể làm ra đủ thứ dao, kéo, cùng các dụng cụ khác, tùy theo ý muốn.

Cũng như vậy, do từ lâu tu tập 6 Ba La Mật, lại nhờ được sự hộ trì của các bậc thiện tri thức, nên Bồ Tát được tâm nhu nhuyến, khiến ở nơi các duyên, các sự, các thiện căn, cũng như ở các nơi phước đức của chư Phật quá khứ, đều chẳng chấp thủ. Do vậy mà Bồ Tát vẫn thường khởi tâm tùy hỷ, dụng vô tướng pháp, hồi hướng về Vô thượng Bồ đề. Dụng "vô tướng pháp" có nghĩa là chẳng dùng "nhị pháp" cũng chẳng dùng "bất nhị pháp"… dẫn đến chẳng dùng "sanh pháp" cũng chẳng dùng "diệt pháp".

Đây là "chánh tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề". Nếu trái lại, thì chẳng phải là chánh tùy hỷ hồi hướng.

Ngài Di Lặc biết rõ ngài Tu Bồ Đề thường thuyết pháp không, nên mới nói nghĩa Bát nhã Ba la mật như vậy.

Thế nhưng, đối với hàng tân học Bồ Tát, chớ nên vội nói như vậy. Vì sao? Vì hàng tân học Bồ Tát, do chưa có được đầy đủ phước đức, chưa có thiện căn sâu dày, nếu nghe các pháp rốt ráo không, thì liền khởi chấp "không", và tự nghĩ rằng: Nếu các pháp là rốt ráo không, là vô sở hữu, thì chẳng có pháp gì để huân tu cả.

Do nghĩ như vậy, mà các tân Bồ Tát mới phát tâm mất dần chủng thiện căn, giải đãi trong việc tu tập.

Bởi vậy nên đối với những người tu tập Bồ Tát đạo, thì phải dạy họ thực tập dần dần sự tùy hỷ hồi hướng các phước đức thiện căn. Khi họ được đầy đủ tâm tận diệt, tận biến, tận ly rồi, thì mới dạy họ dụng "vô tướng tâm pháp" mà tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

Ví như con chim chưa có đầy đủ lông cánh, chẳng nên tung nó lên cao. Khi nó có đầy đủ lông cánh rồi, thì mới có thể bay xa được.

--o0o--

Đối với hạng Bồ Tát bất thối chuyển, mới nên nói nghĩa của Bát nhã Ba la mật… dẫn đến nghĩa của nhất thiết chủng trí, nghĩa của nội không… dẫn đến nghĩa của vô pháp hữu pháp không như vậy.

Ngoài ra, đối với 2 hạng người sau đây, cũng nên vì họ nói các nghĩa như trên. Đó là:

- Hạng người thường được các thiện tri thức giáo thọ và hộ trì.

- Hạng người đã từ lâu cúng dường chư Phật, đã có nội phước đức ngoại nhân duyên đầy đủ, nên dù chưa được bất thối chuyển, cũng đã thường tín, thường hành.

Ví như người đang khát được uống, đang đói được ăn, đang đi ngoài nắng gặp cơn gió mát mẻ, đang lạnh được nắng sưởi ấm… liền sanh tâm hoan hỷ. Cũng như vậy, các hạng người nêu trên đây, khi được pháp nghĩa vậy, liền sanh tín tâm thanh tịnh.

Lại nữa, khi đã rõ được pháp nghĩa như trên là vào được "vô tướng trí huệ", nên chư vị ấy tự niệm rằng: Được "vô tướng trí huệ" ta sẽ có đầy đủ các lực phương tiện để cứu độ vô lượng chúng sanh. Do nghĩ như vậy, mà chư vị ấy chẳng có kinh, chẳng có hãi, chẳng có sợ. Vì sao ? Vì như do nơi

tâm thức chấp ngã mà khởi sanh có tướng sợ hãi; nay biết rõ các pháp đều chẳng thật có, đều là vô tướng, thì chẳng còn chấp ngã và ngã sở, nên chẳng còn sợ hãi nữa.

Trái lại, phàm phu, do chấp tâm, chấp tướng, nên vừa nghe nói các pháp là "vô tướng", thì liền sanh tâm sợ hãi.

--o0o--

Sau khi đã nói rõ về nghĩa tùy hỷ hồi hướng, ngài Di Lặc nói rộng thêm rằng: Bồ Tát dụng tâm tùy hỷ hồi hướng, mà tâm đó chính là tâm tận diệt, tận biến, tận ly; tâm đó chẳng có trú xứ, chẳng có trú thời. Các duyên, các sự, các thiện căn, các phước đức của chư Phật quá khứ… dẫn đến tâm tùy hỷ hồi hướng cũng là như vậy.

Thế nên "tâm tùy hỷ hồi hướng" đã diệt từ lâu, vừa mới diệt hay sắp diệt cũng chẳng có gì sai khác nhau cả.

Bởi nhân duyên vậy, nên kinh dạy: Tâm tùy hỷ hồi hướng tận diệt, tận biến, tận ly. Các duyên, các sự, các thiện căn… cũng đều là như vậy cả.

Liễu thông được nghĩa ấy là vào được thật tướng pháp, chẳng còn có vọng khởi phân biệt giữa duyên và sự, giữa tâm tùy hỷ và tâm hồi hướng nữa. Đây mới là "chánh tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề".

--o0o--

Lại nữa, ở một thời "nhất thời" chẳng có hai tâm chung khởi, chẳng có hai tâm hòa hợp; có tâm tùy hỷ, thì chẳng có tâm hồi hướng, và ngược lại. Cho nên phải biết rõ rằng hết thảy các tâm hướng đều là rốt ráo không, đều là bất khả đắc cả.

Bồ Tát dụng tâm tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề, mà chẳng chấp tâm hồi hướng, chẳng chấp tướng hồi hướng. Vì sao? Vì Bồ Tát biết rõ Bát nhã Ba la mật chẳng phải là định pháp. Bát nhã Ba la mật đã chẳng phải là định pháp, thì hết thảy các pháp, từ năm ấm… dẫn đến Vô thượng Bồ đề cũng đều là như vậy cả.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ Tát mới đoạn được các pháp ái, xả được các chấp, vào được nơi thật tướng pháp; ở nơi "vô tướng pháp", mà dụng

tâm tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Đây mới là "chánh tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề".

KINH:

Lúc bấy giờ, Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi ngài Tu Bồ Đề: Thưa Đại Đức! Vì sao cũng có Bồ Tát sơ phát tâm, nghe theo nghĩa này, mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ? Vì sao cũng có Bồ Tát phát tâm tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Kiều Thi Ca! Nếu có Bồ Tát sơ phát tâm nào hành Bát nhã Ba la mật, mà chẳng thọ Bát nhã Ba la mật, thì phải biết vị Bồ Tát này đã thâm tín, đã liễu nội không… dẫn đến vô pháp hữu pháp không; đã thâm tín, đã liễu giải 4 niệm xứ… dẫn đến 18 bất cộng pháp, vị Bồ Tát này đã thường thân cận các thiện tri thức; đã được các thiện tri thức giáo thọ; khai thị và phân biệt rõ nghĩa của 6 pháp Ba La Mật, khiến trọn chẳng ly Bát nhã Ba la mật, trọn chẳng ly 4 niệm xứ… dẫn đến 18 bất cộng pháp, dần dần vào được pháp vị, lại được các thiện tri thức giáo thọ, khai thị và phân biệt rõ về các ma sự, khiến đối trước các ma sự, tâm chẳng hề lay động. Vì sao? Vì Bồ Tát này chẳng thọ hết thảy pháp.

Bồ Tát này cũng thường chẳng ly các đức Phật… dẫn đến vào được Bồ Tát vị; ở nơi đây mà gieo trồng các thiện căn. Do có được các thiện căn như vậy, mà được sanh vào "nhà Bồ Tát "… dẫn đến sẽ được Vô thượng Bồ đề, trọn chẳng bao giờ bỏ gieo trồng thiện căn.

Lại nữa, thưa ngài Kiều Thi Ca! Dù là sơ phát tâm, nhưng trong quá khứ, vị Bồ Tát này đã thường thân cận, cúng dường chư Phật khắp 10 phương, đã dứt đường sanh tử, đã đoạn các hý luận, đã bỏ hẳn gánh nặng thế gian, đã dứt trừ các kiết sử hữu lậu, đã được chánh trí giải thoát. Vị Bồ Tát này cùng các đệ tử cũng đã tu tập công đức, hoặc đã ở trong các đại gia, đại tộc, hoặc đã ở các cõi Trời, từ cõi Trời Tứ Thiên Vương… dẫn đến cõi Trời Tịnh Cư Thiên. Như vậy là ở trong quá khứ, vị Bồ Tát này đã hòa hợp các công đức xứng với Bồ Tát hạnh, đã dụng tâm tùy hỷ tối thượng, tối diệu, vô đẳng đẳng, mà hồi hướng Vô thượng Bồ đề rồi vậy.

Ngài Di Lặc nêu câu hỏi: Này Tu Bồ Đề! Nếu chỉ mới là sơ phát tâm, mà niệm chư Phật, niệm chư đệ tử Phật, niệm các thiện căn, rồi

dụng tâm tùy hỷ tối thượng, tối diệu, vô đẳng đẳng, hồi hướng Vô thượng Bồ đề, thì làm sao tránh khỏi đọa về tướng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bạch Đại Sĩ! Nếu Bồ Tát niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng… dẫn đến niệm thiện căn, mà chẳng có khởi tưởng về Phật, về Pháp, về Tăng… dẫn đến chẳng có khởi tưởng về các thiện căn, rồi dụng tâm tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề, mà trong tâm đó chẳng có khởi tưởng về tâm, thì phải biết sự tùy hỷ hồi hướng này chẳng đọa về tưởng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo.

Nếu Bồ Tát niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng… dẫn đến niệm các thiện căn, mà tâm chấp tướng, rồi dụng tâm ấy để hồi hướng Vô thượng Bồ đề, thì phải biết sự tùy hỷ hồi hướng này đọa về tưởng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo.

Nếu Bồ Tát dụng tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng… dẫn đến niệm các thiện căn, mà biết rõ tâm niệm là tận diệt… dẫn đến tâm tùy hỷ hồi hướng, chỗ tùy hỷ hồi hướng, pháp tùy hỷ hồi hướng cũng đều là tận diệt; lại biết rõ vì tận diệt, nên các pháp đó đều bất khả đắc, thì phải biết sự dụng tâm tùy hỷ hồi hướng này chẳng đọa về tưởng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo.

Đây là "chánh tủy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề".

Lại nữa, nếu Bồ Tát niệm thiện căn của chư Phật quá khứ và của chư đệ tử Phật; niệm thiện căn của hàng phàm phu, của các hàng Thiên Long Bát Bộ, do nghe pháp mà phát tâm Bồ Đề; rồi hòa hợp hết thảy các phước đức đó, dụng tâm tùy hỷ tối thượng, tối diệu, vô đẳng đẳng hồi hướng Vô thượng Bồ đề, mà biết rõ tâm tùy hỷ hồi hướng là tận diệt, chỗ tùy hỷ hồi hướng và pháp tùy hỷ hồi hướng là tự tánh không, thì phải biết sự tùy hỷ hồi hướng này chẳng đọa về tưởng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo.

Đây là "chánh tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề".

Bồ Tát phải dụng tâm như vậy mà hành Bát nhã Ba la mật, hành Đàn Ba La Mật… dẫn đến hành Thiền Ba La Mật, thì mới chẳng đọa về tưởng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo.

Bồ Tát dụng tâm như vậy, nên chẳng thấy có pháp nào hồi hướng cho pháp nào cả, chẳng thấy có tâm tùy hỷ hồi hướng, chẳng thấy có chỗ dụng tâm tùy hỷ hồi hướng, chẳng thấy có thiện căn để tùy hỷ hồi

hướng, vì biết rõ hết thảy pháp đều là vô sở hữu, đều là tự tướng không.

Đây là Bồ Tát Ma Ha Tát tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

LUẬN:

Hỏi: *Do nguyên nhân gì mà vị Đế Thích nêu lên 2 câu hỏi:*

- Vì sao cũng có Bồ Tát sơ phát tâm, nghe nghĩa này, mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ?

- Vì sao cũng có Bồ Tát sơ phát tâm tùy hỷ phước đức, hồi hướng Vô thượng Bồ đề?

Đáp: Trước đây, ngài Di Lặc đã nói rằng: Chẳng nên vì các Bồ Tát sơ phát tâm mà nói chánh nghĩa Bát nhã Ba la mật, mà chỉ nên nói với các Bồ Tát bất thối chuyển, với các người thường được các bậc thiện tri thức giáo thọ và hộ trì, với hạng người đã từ lâu cúng dường chư Phật, đã có đầy đủ các phước đức nhân duyên. Chư vị này từ vô lượng kiếp đã huân tu vô lậu pháp, vẫn thường tín, thường hành, mới có thể nghe được rằng "chánh tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề" là "vô pháp".

Do nhân duyên vậy mà vị Đế Thích mới khởi tâm nghi, mà nói với ngài Tu Bồ Đề rằng: Trong hội chúng này cũng có các vị Bồ Tát sơ phát tâm nghe chánh nghĩa Bát nhã Ba la mật mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, lại cũng có các vị Bồ Tát sơ phát tâm tùy hỷ phước đức, hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

Do vì muốn thành tựu duyên pháp mà ngài Di Lặc đã nêu lên, nên ngài Tu Bồ Đề đã vì hàng sơ phát tâm Bồ Tát, nói rõ về nghĩa "chánh tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề". Ngài trả lời vị Đế Thích rằng: Bồ Tát dù mới sơ phát tâm, chưa huân tu trong nhiều kiếp, chưa hành đầy đủ 6 pháp Ba La Mật, chưa cúng dường đầy đủ chư Phật trong 10 phương, nhưng nếu có được lợi căn, nếu gặp được thiện tri thức giáo thọ và hộ trì, thì với 2 duyên pháp này cũng có thể kham nhận việc tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

Bởi vậy nên kinh dạy: Nếu có vị sơ phát tâm Bồ Tát nào hành Bát nhã Ba la mật, mà chẳng thọ Bát nhã Ba la mật, thì vị Bồ Tát đó đã biết rõ Bát nhã Ba la mật là rốt ráo không, là bất khả đắc, biết rõ 5 Ba La Mật kia cũng đều là như vậy, Bồ Tát đó cũng đã thâm tín, liễu giải nội không… dẫn đến vô pháp hữu pháp không, đã thâm tín, liễu giải bốn niệm xứ…

dẫn đến 18 bất cộng pháp. Bồ Tát đó đã thường thân cận các bậc thiện tri thức, được các vị này dạy rõ về chánh nghĩa Bát nhã Ba la mật, nghe nghĩa như vậy rồi, thường chẳng ly 6 pháp Ba La Mật… dẫn đến vào Bồ Tát vị. Cho nên, dù mới sơ phát tâm, Bồ Tát đó cũng có thể sớm vào Bồ Tát vị, trong lúc rất nhiều người phải tu lâu mới vào được. Lại nữa, Bồ Tát đó cũng đã được nghe các bậc thiện tri thức khai thị, phân biệt rõ ràng về các ma sự, nên dù có bị các ác ma quấy nhiễu cũng vẫn giữ được tâm an định, chẳng hề bị lay chuyển. Vì sao? Vì vị Bồ Tát đó đã thể nhập vào pháp "không" nên ma chẳng tìm được chỗ tiện để quấy nhiễu. Nếu ma muốn phá, thì đó chính là phá pháp "không", mà ở nơi pháp không, thì chẳng có gì để phá cả.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ Tát thường chẳng ly chư Phật, thường sanh trong nhà Bồ Tát, đời đời chẳng ly niệm các thiện căn, mãi cho đến khi vào được Vô thượng Bồ đề.

Nếu vị Bồ Tát sơ phát tâm mà hội đầy đủ các duyên pháp như vậy, thì so với các vị Bồ Tát đã huân tu từ lâu cũng chẳng có gì sai khác.

--o0o--

Lại nữa, nếu Bồ Tát nào đã có tâm tùy hỷ hồi hướng, thì phải biết vị Bồ Tát đó ở trong quá khứ đã thường cúng dường chư Phật 10 phương, đã đoạt dứt sanh tử, đã đoạn dứt các hý luận, đã vào được "không tam muội", đã vào được Vô Dư Niết Bàn, đã xả bỏ Thánh đạo, nên nói là đã đạt đến chỗ "đạo tận", lại cũng đã xả bỏ 5 ấm, đầu mối của khổ đau, nên nói là đã xả bỏ gánh nặng thế gian.

--o0o--

Cũng nên biết, người tu hành, khi đã vào được Vô Dư Niết Bàn, đã thành tựu được hai hạnh xả. Đó là:

- Xả 5 ấm phiền não.
- Xả 5 ấm quả báo.

Người xuất gia chẳng nên thường lui tới nhà các người "bạch y". Vì sao? Vì ở đây thường có 5 dục. Nếu người xuất gia để cho 5 dục kích thích, thì 5 dục sẽ phá hoại thiền định, trí tuệ.

Nếu đoạn được sự kích thích của 5 dục, là đoạn được 5 "hạ phần kiết sử". Còn muốn đoạn 5 "thượng phần kiết sử", thì phải vào "kim cang tam muội", phải tương ứng với "trí huệ Bát Nhã", mới có thể tận đoạn được hết thảy các tập khí, phiền não.

Được như vậy, gọi là được "chánh trí giải thoát".

--o0o--

Cũng nên biết Phật, Pháp, Tăng và các thiện căn là 4 phước điền lớn. Các phước điền này là nhân để chúng sanh gieo trồng phước đức.

Bồ Tát niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng… dẫn đến niệm thiện căn, rồi dụng tâm tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

Đây là "chánh tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề".

Vấn đề này được lý giải trong phần vấn đáp giữa Bồ Tát Di Lặc và ngài Tu Bồ Đề, như sau:

Bồ Tát Di Lặc hỏi: Nếu Bồ Tát mới sơ phát tâm mà niệm các công đức của chư Phật, rồi tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề, thì làm sao có thể tránh khỏi đọa về tưởng điên đảo, tâm điên đảo, và kiến điên đảo?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Nếu Bồ Tát niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng… dẫn đến niệm thiện căn, mà chẳng khởi tưởng về Phật, về Pháp, về Tăng… dẫn đến chẳng khởi tưởng về các thiện căn, vì biết rõ hết thảy pháp đều là tự tánh không, biết rõ chẳng có định pháp nào gọi là Phật, là Pháp, là Tăng, là thiện căn… dẫn đến chẳng có định pháp nào gọi là tùy hỷ hồi hướng cả, thì Bồ Tát đó chẳng đọa về tưởng điên đỏa, tâm điên đảo và kiến điên đảo. Nếu trái lại, thì gọi là điên đảo.

--o0o--

Lại nữa, cũng nên biết Bồ Tát dụng tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng… dẫn đến niệm thiện căn, mà khi tâm tận diệt biết rõ là tâm tận diệt; và tâm tận diệt thì sự tùy hỷ hồi hướng là bất khả đắc. Vì sao? Vì tâm có tận diệt, có tán hoại, thì tâm là vô thường vậy. Thế nhưng, khi vào được nơi "pháp tánh", thì dứt trừ được mọi sự phân biệt, chẳng còn phân biệt là tâm (thị tâm), hay là chẳng phải tâm (phi tâm) nữa.

Bồ Tát niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm thiện căn, rồi hồi hướng tất cả về chỗ "tận tướng", nên là bất khả đắc hồi hướng. Bởi vậy nên nói: Khi sơ phát tâm, thì còn có ức niệm, còn có tùy hỷ hồi hướng; còn khi đã thuần thục hay nói cách khác, đã ở nơi "hậu tâm" rồi, thì tùy hỷ hồi hướng về chỗ "tận tướng", nên là "bất khả đắc hồi hướng", là "chánh hồi hướng" vậy.

Hỏi: *Nếu nói có "sơ tâm", có "hậu tâm", thì là có tướng sanh diệt, là có tướng vô thường. Còn hồi hướng Vô thượng Bồ đề là hồi hướng về Vô Thượng đạo ở đời vị lai. Như vậy sao lại nói là hồi hướng về chỗ tận tướng?*

Đáp: Trên đây nói đến tận diệt và vô thường; đó là nói về pháp tướng. Vì sao? Vì chỉ có pháp tướng mới có tận diệt. Còn **vào được nơi pháp tánh rồi**, thì chẳng còn nói đến sanh hay diệt, chẳng còn nói đến thường hay vô thường nữa.

Trước đây, trong kinh có nói rằng Vô thượng Bồ đề vượt ra khỏi 3 cõi, 3 đời, và chẳng thọ pháp tướng. Liễu đạt được như vậy mà hồi hướng, thì mới gọi là chánh hồi hướng.

--o0o--

Lại nữa, hồi hướng Vô thượng Bồ đề là chẳng phải chánh (phi chánh), cũng chẳng phải tà (phi tà). Vì sao? Vì Bồ Tát biết rằng niệm chư Phật quá khứ cùng hàng đệ tử Phật, niệm các thiện căn… dẫn đến niệm Vô thượng Bồ đề, mà còn dụng tâm chấp tướng, thì có chỗ tận diệt. Bồ Tát cũng biết rõ hồi hướng là tự tánh không. Dụng tâm như vậy mà hồi hướng mới gọi là chánh hồi hướng.

Lại nữa, Bồ Tát biết rõ các pháp quá khứ là vô thường, mà đã là vô thường, thì chẳng thể hồi hướng về tự tánh không được; lại biết rõ các pháp quá khứ là tự tánh không, mà đã là tự tánh không, thì chẳng thể hồi hướng về tự tánh không được. Dụng tâm như vậy mà hồi hướng mới gọi là chánh hồi hướng.

Lại nữa, Bồ Tát cũng biết rõ các pháp đều do các duyên hòa hợp sanh, chẳng có chủ tác, chẳng phải thường trú; biết rõ tự tánh của các pháp là bất động, chẳng phải được làm ra (hữu sở tác), chẳng phải chẳng được làm

ra (vô sở tác), nên biết rõ chẳng có pháp gì để hồi hướng cả. Dụng tâm như vậy mà hồi hướng mới gọi là chánh hồi hướng.

--o0o--

Do hành Bát nhã Ba la mật như vậy, mà Bồ Tát giữ được tâm bình đẳng ở nơi hết thảy các pháp, chẳng đọa về tưởng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo, lại cũng chẳng chấp hết thảy các pháp vậy.

KINH:

Lại nữa, nếu Bồ Tát biết sự gieo trồng thiện căn phước đức, ly hẳn 5 ấm, 12 nhập và 18 giới; biết Đàn Ba La Mật… dẫn đến Bát nhã Ba la mật là ly tướng, biết nội không… dẫn đến vô pháp hữu pháp không là ly tướng, biết niệm 4 xứ…dẫn đến 18 bất cộng pháp là ly tướng, mà dụng công tùy hỷ phước đức, thì như vậy gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

Lại nữa, nếu Bồ Tát tùy hỷ phước đức, mà biết rõ sự tùy hỷ phước đức là tự tánh ly, cũng biết rõ Phật là tự tánh ly, thiện căn là tự tánh ly, Bồ Đề tâm là tự tánh ly, hồi hướng là tự tánh ly, Bồ Tát là tự tánh ly, Đàn Ba La Mật… dẫn đến Bát nhã Ba la mật là tự tánh ly, nội không… dẫn đến vô pháp hữu pháp không là tự tánh ly, 4 niệm xứ… dẫn đến 18 bất cộng pháp là tự tánh ly, thì phải biết đó là Bồ Tát Ma Ha Tát ly tướng mà hành Bát nhã Ba la mật, trú trong Bát nhã Ba la mật mà khởi sanh tùy hỷ phước đức.

Lại nữa, nếu ở nơi chư Phật đã diệt độ, ở nơi các thiện căn công đức đã diệt độ, mà hồi hướng, thì Bồ Tát phải tự niệm rằng tướng của chư Phật quá khứ đã diệt độ, tướng của các thiện căn công đức đã diệt độ, thì tướng của tâm hồi hướng cũng diệt độ. Bồ Tát tự niệm như vậy, mà tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề, thì chẳng bị đọa về tưởng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo.

Nếu Bồ Tát hành Bát nhã Ba la mật, mà còn thủ chấp tướng của chư Phật, tướng của các thiện căn công đức, tướng của sự hồi tướng Vô thượng Bồ đề, thì chẳng thể được "chánh tùy hỷ hồi hướng". Vì sao? Vì chư Phật quá khứ, các thiện căn công đức… là chẳng có tướng duyên (phi tướng duyên), cũng chẳng phải vô tướng duyên (phi

vô tướng duyên). Cho nên, nếu Bồ Tát thủ tướng như vậy, thì chẳng thể gọi là đem thiện căn hồi hướng Vô thượng Bồ đề được. Bồ Tát này sẽ bị đọa về tưởng điển đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo.

Lúc bấy giờ, Bồ Tát Di Lặc hỏi: Này Tu Bồ Đề! Nếu chẳng thủ tướng thiện căn, thì Bồ Tát lấy gì để tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bạch Đại Sĩ! Do vậy mà chư Bồ Tát phải tu tập Bát nhã Ba la mật, phải có các lực phương tiện Bát nhã Ba la mật. Nếu phước đức mà ly Bát nhã Ba la mật, thì chẳng sao có thể hồi hướng về Vô thượng Bồ đề được. Vì sao? Vì trong Bát nhã Ba la mật, chư Phật là bất khả đắc, các thiện căn cũng là bất khả đắc, tâm hồi hướng Vô thượng Bồ đề cũng là bất khả đắc. Bồ Tát tu tập Bát nhã Ba la mật phải tự niệm rằng: Chư Phật quá khứ đã diệt độ, các thiện căn đã diệt độ. Nay, nếu ta thủ tướng phân biệt chư Phật, các thiện căn và tâm hồi hướng, thì chư Phật chẳng ấn chứng. Vì sao? Vì thủ tướng là có dụng tâm "hữu sở đắc" rồi vậy. Phật dạy phải chẳng có thủ tướng mà hồi hướng mới được lợi ích, vì hồi hướng mà có có thủ tướng là chất tạp độc. Ví như món ăn ngon mà có trộn chất độc; dù có hương vị thơm ngon, mà ăn vào cơ thể bị mang bệnh; dẫn đến có thể bị chết. Nếu có Thiện nam, Thiện nữ nào chẳng thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật, chẳng thông suốt, liễu nghĩa Bát nhã Ba la mật, mà lại dạy cho người khác rằng: Nên biết ở trong ba đời và khắp 10 phương, có vô lượng các đức Phật, từ sơ phát tâm đến khi nhập Vô Dư Niết Bàn… dẫn đến thời kỳ pháp tận, thường tu tập 6 pháp Ba La Mật; gieo trồng các thiện căn công đức, tu 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, tu 4 niệm xứ… dẫn đến 18 bất cộng pháp, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, thành tựu các thiện căn, thành tựu giới chúng, định chúng, huệ chúng, giải thoát chúng, giải thoát tri kiến chúng… dẫn đến thành tựu nhất thiết chủng trí; thành tựu các pháp như vậy mà chẳng có lầm lạc pháp, và thường tu hành xả. Lại cũng có hàng đệ tử gieo trồng thiện căn và được chư Phật thọ ký, có hàng Thiên Long Bát Bộ gieo trồng thiện căn. Tất cả phước đức như vậy phải được hòa hợp, tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

Do vì còn tâm thủ pháp, còn tâm đắc pháp, nên sự hồi hướng như vậy cũng giống như món ăn có trộn chất độc, chẳng phải là chánh hồi

hướng. Vì sao? Vì hồi hướng với tâm chấp tướng như vậy, là hủy báng Phật, là hý luận, là chẳng y theo lời Phật dạy, chẳng y theo chánh pháp.

Bạch Đại Sĩ! Thiện nam, Thiện nữ muốn cầu Phật đạo phải niệm chư Phật ở trong 3 đời và khắp 10 phương, từ sơ phát tâm đến khi nhập Vô Dư Niết Bàn… dẫn đến thời kì pháp tận, cùng với hàng đệ tử, thường tu tập 6 pháp Ba La Mật, thành tựu các thiện căn… dẫn đến thành tựu nhất thiết chủng trí; rồi lại phải biết rõ tất cả các thiện căn đó, y như chư Phật dùng "trí huệ vô thượng" để biết, mà tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Vì sao? Vì chư Phật đã dùng trí huệ vô thượng, biết rõ "thiện căn tướng" cũng tức là "thiện căn tánh" vậy.

Nếu Thiện nam, Thiện nữa y như theo vậy mà tùy hỷ hồi hướng, thì gọi là chẳng hủy báng Phật, là đúng theo lời Phật dạy, là đúng theo chánh pháp.

Hồi hướng như vậy mới là hồi hướng chẳng có tạp độc.

LUẬN:

Hỏi: *Theo ý kinh nêu trên đây, thì khi gieo trồng phước đức hành giả phải biết ly 5 ấm, 12 nhập, 18 giới; lại cũng phải biết Bát nhã Ba la mật cùng hết thảy các pháp đều ly tướng. Như vậy, Bồ Tát phải tùy hỷ hồi hướng phước đức như thế nào, mới có thể được gọi là "chánh tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề?"*

Đáp: Nếu Bồ Tát biết rõ ở trong phước đức chẳng có 5 ấm, 12 nhập, 18 giới, biết rõ Bát nhã Ba la mật cùng hết thảy các pháp đều là rốt ráo không, là vô tướng, là ly tướng, rồi dụng tâm như vậy mà tùy hỷ hồi hướng phước đức về Vô thượng Bồ đề, thì mới được gọi là "chánh tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề".

Lại nữa, Bồ Tát biết rõ tùy hỷ phước đức phải là tùy hỷ phước đức tánh, mà muốn vào được "phước đức tánh", thì phải ly hết thảy các pháp tướng, ly Phật tướng, ly thiện căn tướng v.v… Bồ Tát tu tập 6 pháp Ba La Mật, hành các thiện căn, tùy hỷ hồi hướng các phước đức về Vô thượng Bồ đề, mà biết rõ tất cả đều là tự tánh không. Bồ Tát dụng tâm như vậy mà tùy hỷ hồi hướng về Vô thượng Bồ đề, mới được gọi là "chánh tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề".

Lại nữa, Bồ Tát đem hết thảy các phước đức tướng, các thiện căn tướng, tùy hỷ hồi hướng về Vô thượng Bồ đề, mà **chẳng thủ chấp các tướng** đó. Bồ Tát dụng tâm như vậy mà tùy hỷ hồi hướng về Vô thượng Bồ đề, mới được gọi là "chánh tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề".

Trước đây đã nói rằng 5 ấm thân, Bồ Tát cùng hết thảy các pháp đều chỉ là danh tự, nên nói muốn tu tập phước đức phải ly 5 ấm.

Nay nói các phước đức đều là tự tướng không. Đây là nói Bồ Tát niệm chư Phật quá khứ, niệm các duyên sanh phước đức trong quá khứ đều đã tận diệt; niệm chư Phật quá khứ đã nhập Niết Bàn, niệm tất cả các phước đức đều là rốt ráo không, đều là vô tướng, là thường tịch diệt. Bồ Tát dụng tâm như vậy mà tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề mới được gọi là "chánh tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề", nên chẳng có đọa về tưởng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo.

Lại nữa, nếu Bồ Tát niệm thiện căn công đức của chư Phật quá khứ, mà còn phân biệt chấp tướng hồi hướng, thì sự hồi tướng đó chẳng phải là chánh hồi hướng. Vì sao? Vì chấp "hữu tướng" là chấp một bên, chấp "vô tướng" cũng là chấp một bên. Phải ly cả hai bên mà hành đạo, mới được "trí huệ Phật".

Nếu trái lại với trên, thì chẳng phải là "chánh hồi hướng", nên bị đọa về tưởng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo.

--o0o--

Ngài Bồ Tát Di Lặc hỏi ngài Tu Bồ Đề: Nếu chẳng thủ tướng thiện căn, thì Bồ Tát lấy gì để tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề?

Ngài Tu Bồ Đề đã trả lời ngài Di Lặc rằng: Muốn được như vậy, thì Bồ Tát phải tu tập Bát nhã Ba la mật, phải có các lực phương tiên Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì nếu phước đức mà ly Bát nhã Ba la mật, thì chẳng hồi hướng Vô thượng Bồ đề được. Nếu tùy hỷ hồi hướng mà tâm chẳng chấp hết thảy các pháp, thì mới gọi là "chánh tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề". Bồ Tát phải như vậy mà tu tập, thì mới chẳng bị lầm pháp, chẳng bị lỗi đạo, mới thật là tu tập Bát nhã Ba la mật vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói "ly Bát nhã Ba la mật" thì chẳng thể có được "chánh hồi hướng Vô thượng Bồ đề". Hành đạo mà ly Bát nhã Ba la mật là trái với thật tướng pháp, là còn dụng tâm hữu sở đắc, nên dù có thọ

được quả báo tốt, thì phước báo đó rồi cũng sẽ bị tán hoại, khiến chẳng thể nào mau thành Phật đạo được.

--o0o--

Lại nữa, ở nơi chư Phật quá khứ mà **ức tưởng phân biệt là có lỗi lớn**. Vì sao? Vì chư Phật quá khứ đã diệt độ, mà còn ức tưởng, còn có tùy hỷ phước đức, là còn ái kiến, nên sự tùy hỷ đó cũng chỉ ví như món ăn có tạp độc. Người chấp tướng tùy hỷ như vậy, dù hưởng các phước đức, nhưng chỉ làm được Chuyển Luân Thánh Vương, làm Thiên Vương, hoặc hưởng phước lạc, phú quý, danh vọng trong hàng phàm phu mà thôi.

Người vô trí tham ái, người ngu si chấp đắm các pháp, người mới sơ phát tâm cũng còn chấp tướng, chấp có chỗ sở đắc, đều ví như các món ăn có trộn lẫn tạp độc. Thức ăn ngon có trộn tạp độc dụ cho các phước đức nhân duyên giàu sang, phú quý trong hàng Trời, người. Ăn thức ăn này phải mang họa vào thân, dụ cho hưởng hết phước lạc rồi sẽ lại phải thọ các ưu bi, khổ não. Như vậy là các phước lạc đều là vô thường, là tán hại

--o0o--

Trong đoạn kinh nêu trên đây, ngài Tu Bồ Đề nói: Người vô trí chẳng có tư duy sâu, chẳng tín thọ Bát nhã Ba la mật, chẳng nhận được nghĩa thậm thâm của Bát nhã Ba la mật mà chỉ chấp vào danh tự, ngữ ngôn, chấp vào các pháp tướng, mà vọng khởi phân biệt, chẳng hành theo lời Phật dạy.

Nếu chẳng có tư duy sâu, thì khi đọc tụng Kinh điển, chẳng rõ được nghĩa kinh, mà chỉ chấp vào văn tự, khiến chẳng có được lợi ích. Nếu chẳng rõ nghĩa kinh mà dạy cho người khác rằng: Nên biết ở 3 đời và khắp 10 phương, có vô lượng chư Phật gieo trồng thiện căn, từ sơ phát tâm đến khi nhập Vô Dư Niết Bàn… dẫn đến thời kỳ pháp tận v.v…; phải hòa hợp tất cả phước đức như vậy, mà tùy hủy hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

Người chẳng tư duy sâu, chẳng hiểu rõ nghĩa kinh, còn chấp các pháp tướng, mà nói như vậy là hủy báng Phật, là chẳng hành theo lời Phật dạy, nên chẳng có được "chánh hồi hướng Vô thượng Bồ đề".

Trái lại, người cầu Phật đạo phải tự niệm rằng: Chư Phật ở cả 3 đời, trong khắp 10 phương dùng vô thượng trí huệ mà biết rõ thật tướng của các thiện căn. Ta nay cũng phải y theo chỗ chư Phật như thật biết, mà tùy hỷ hồi hướng thiện căn về Vô thượng Bồ đề.

Tùy hỷ hồi hướng như vậy mới thật là "chánh tùy hỷ hồi hướng". Sự tùy hỷ hồi hướng này ví như tên bắn xuống đất, chẳng nơi nào mà chẳng trúng.

Bởi vậy nên người cầu Phật đạo phải như thật biết như chư Phật mới là chẳng hủy báng Phật vậy.

KINH:

Lại nữa, Thiện nam, Thiện nữ cầu Phật đạo, tu tập Bát nhã Ba la mật, muốn hồi hướng thiện căn, phải biết:

Sắc… dẫn đến thức chẳng thuộc Dục giới, Sắc giới hay Vô Sắc giới, chẳng thuộc quá khứ, hiện tại hay vị lai; 12 nhập và 18 giới cũng là như vậy. Đàn Ba La Mật… dẫn đến Bát nhã Ba la mật chẳng thuộc Dục giới, Sắc giới hay Vô Sắc giới; chẳng thuộc quá khứ, hiện tại hay vị lai. Nội không… dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm xứ… dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng đều là như vậy. Như pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, pháp trụ, thật tế, bất khả tư nghị tánh, giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến cũng đều là như vậy. Tâm hồi hướng, chỗ hồi hướng, pháp hồi hướng, chư Phật, chư Thanh Văn, chư Bích Chi Phật, các thiện căn của chư Phật, của chư Thanh Văn, chư Bích Chi Phật cũng đều là như vậy.

Lại phải biết:

Sắc cùng hết thảy pháp chẳng thuộc 3 cõi, 3 đời. Cho nên, chẳng có thể dụng tâm hữu sở đắc, chấp thủ các pháp tướng, để mà hồi hướng Vô thượng Bồ đề được. Vì sao? Vì sắc… dẫn đến hết thảy các pháp đều là vô sanh. Đã là vô sanh, thì là vô pháp, mà đã là vô pháp, thì chẳng thể trú nơi đó để hồi hướng được.

Thiện nam, Thiện nữ cầu Phật đạo phải thường tu tập hạnh xả, chẳng nên dụng tâm hữu sở đắc chấp thủ các pháp tướng, mà hồi hướng, thì mới được "chánh hồi hướng". Hồi hướng như vậy ví với món ăn ngon chẳng có tạp độc.

Nếu Thiện nam, Thiện nữ nào cầu Phật đạo, mà còn tâm hữu sở đắc; đem thiện căn hồi hướng Vô thượng Bồ đề, mà còn thủ tướng, thì gọi là "tà hồi hướng".

"Tà hồi hướng" như vậy chẳng được chư Phật tán thán. Vì sao? Vì dụng tâm tà hồi hướng, thì chẳng thể được đầy đủ bố thí… dẫn đến Bát nhã Ba la mật; chẳng được đầy đủ 4 niệm xứ… dẫn đến 18 bất cộng pháp; chẳng đầy đủ thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ…dẫn đến chẳng được Vô thượng Bồ đề.

Hồi hướng như vậy ví như món ăn có xen tạp độc.

Lại nữa, khi thật hành Bát nhã Ba la mật, Bồ Tát phải tự niệm rằng: Hồi hướng thiện căn mà như thật biết như chư Phật, mới gọi là "chánh hồi hướng". Ta phải y như vậy mà hồi hướng.

Lúc bấy giờ, Phật tán thán ngài Tu Bồ Đề: Lành thay! Lành thay! Này Tu Bồ Đề! Vì Phật sự, vì hàng Bồ Tát, mà ông đã khéo thuyết pháp về hồi hướng chân chánh vậy. Pháp ấy chẳng có tướng, chẳng được-chẳng mất, chẳng xuất-chẳng nhập, chẳng cấu-chẳng tịnh; pháp ấy là pháp tánh không, là tự tánh không, là tự tướng không, là như pháp tánh thật tế vậy.

Này Tu Bồ Đề! Nếu chúng sanh trong cả đại thiên thế giới đều hành thập thiện đạo, tứ thiền, tứ vô lương tâm, tứ vô sắc định, năm thần thông. Ý ông nghĩ sao? Các chúng sanh ấy có được nhiều phước đức chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bạch Thế Tôn! Được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề phước đức ấy chẳng bằng được phước đức của Thiện nam, Thiện nữ hồi hướng thiện căn về Vô thượng Bồ đề mà chẳng có thủ tướng. Phước đức này là đệ nhất tối thượng, là đệ nhất vi diệu, chẳng có gì sánh kịp.

Lại nữa, nếu chúng sanh trong cả đại thiên thế giới đều được quả Tu Đà Hoàn… dẫn đến được quả A La Hán, Bích Chi Phật; và có Thiện nam, Thiện nữ đem tứ sự cúng dường, cung kính, tán thán chư vị ấy. Ý ông nghĩ sao? Thiện nam, Thiện nữ ấy có được phước đức nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bạch Thế Tôn! Người ấy được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phước đức ấy chẳng bằng được phước đức của Thiện nam, Thiện nữ hồi hướng thiện căn về Vô thượng Bồ đề mà chẳng thủ tướng. Phước đức này là đệ nhất tối thượng, là đệ nhất vi diệu, chẳng có gì sánh kịp.

Lại nữa, nếu chúng sanh trong cả đại thiên thế giới đều phát Bồ Đề Tâm, và mỗi mỗi chúng sanh trải qua hằng sa kiếp, đều nhất tâm cung kính, cúng dường chư Phật. Ý ông nghĩ sao? Phước đức ấy có nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bạch Thế Tôn! Phước đức ấy vô lượng vô biên, chẳng có gì sánh kịp. Nếu phước đức ấy mà có hình tướng, thì hằng sa thế giới cũng chẳng dung thọ được.

Phật dạy: Lành thay! Lành thay! Như lời ông nói, phước đức ấy vô lượng vô biên; nhưng chẳng sao bằng phước đức của Thiện nam, Thiện nữ hồi hướng thiện căn về Vô thượng Bồ đề, mà chẳng có thủ tướng.

Công đức hồi hướng thiện căn mà tâm chẳng thủ tướng so với phước đức nêu trước đây, hơn cả trăm, ngàn, vạn ức lần… dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào có thể tính được. Vì sao? Vì các chúng sanh, nếu trước đây, đã thủ chấp pháp tướng của 10 thiện đạo, của 4 thiền, của 4 vô lượng tâm, của 4 vô sắc định, của 5 thần thông, lại cũng thủ chấp tướng của sự cung kính, cúng dường các bậc Tu Đà Hoàn, Tư Đà hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật vậy.

Lúc bấy giờ, chư vị Tứ Thiên Vương cùng 2 vạn chư vị Thiên Tử chấp tay lễ Phật và bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Hồi hướng của Bồ Tát thật là quảng đại. Vì sao? Vì Bồ Tát có các lực phương tiện Bát nhã Ba la mật, dụng tâm vô sở đắc, dụng vô tướng pháp, vô giác pháp, mà hồi hướng thiện căn Vô thượng Bồ đề. Hồi hướng như vậy là chẳng đọa về "nhị pháp".

Cùng lúc đó, ngài Đế Thích Hoàn Nhơn và vô số chư Thiên ở các cõi trời Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc, Tha Hóa Tự tại… đều đem hoa trời, hương trời, anh lạc, tràng phan, bảo cái cúng dường chư Phật, và bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu! Bồ Tát Ma Ha Tát được Bát nhã Ba la mật hộ trì, nên sự hồi hướng của các ngài thật là quảng đại. Vì dụng tâm vô sở đắc, dụng vô tướng pháp, vô giác pháp

mà hồi hướng thiện căn về Vô thượng Bồ đề, nên sự hồi hướng như vậy chẳng đọa "nhị pháp" vậy.

Chư Thiên ở các cõi trời Quang Âm… dẫn đến cõi trời Sắc Cứu Cánh cũng đến cung kính, cúng dường Phật và bạch Phật những lời tương tợ như trên.

Phật dạy: Này Chư Thiên Tử! Nếu chúng sanh trong cả đại thiên thế giới đều phát Vô thượng Bồ đề tâm, niệm thiện căn của chư Phật và chư Bồ Tát ở cả 3 đời; niệm thiện căn của chư Thanh Văn và chư Bích Chi Phật, từ sơ phát tâm cho đến thời kỳ pháp trụ; niệm thiện căn của hết thảy chúng sanh tu tập bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh thấn thiền định, trí huệ, giới chúng, định chúng, huệ chúng, giải thoát chúng, giải thoát tri kiến chúng, cùng vô lượng Phật pháp khác; rồi hòa hợp hết thảy các công đức ấy hồi hướng Vô thượng Bồ đề, nhưng vẫn còn thủ chấp tướng "đắc hồi hướng". Lại nếu có Thiện nam, Thiện nữ phát Vô thượng Bồ đề tâm; niệm thiện căn của chư Phật và chư Bồ Tát ở cả 3 đời; niệm thiện căn của chư Thanh Văn và chư Bích Chi Phật, từ sơ phát tâm cho đến thời kỳ pháp trụ; niệm thiện căn của hết thảy chúng sanh tu tập bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ… cùng vô lượng Phật pháp khác; rồi hòa hợp hết thảy các công đức ấy hồi hướng về Vô thượng Bồ đề, nhưng chẳng chấp thủ tướng "đắc hồi hướng". Thiện nam, Thiện nữ này dụng tâm vô sở đắc mà hồi hướng, nên sự hồi hướng như vậy chẳng đọa về "nhị pháp", vì đây là pháp vô tướng, vô tác, vô chấp, là pháp đệ nhất tối thượng, đệ nhất vi diệu.

Cho nên công đức của Thiện nam, Thiện nữ này thù thắng hơn công đức của hết thảy các người trước cả trăm, ngàn, vạn, ức lần… dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào có thể tính được.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là tùy hỷ tối thượng, tối diệu?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu ở nơi quá khứ, hiện tại và vị lai mà Thiện nam, Thiện nữ chẳng thủ cũng chẳng xả, chẳng niệm cũng chẳng phải niệm, chẳng đắc cũng chẳng phải đắc; biết rõ hết thảy pháp đều là chẳng sanh, chẳng cấu-chẳng tịnh, chẳng tăng-chẳng giảm, chẳng khứ-chẳng lai, chẳng tập-chẳng tán, chẳng xuất-chẳng nhập; lại biết rõ hết thảy các pháp tướng ở trong cả 3 đời đều là pháp

như, pháp tánh, pháp vị, pháp trú, pháp tế; biết rõ như vậy mà tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề, thì phải biết <u>đây chính là tùy hỷ hồi hướng tối thượng, tối diệu vậy</u>.

Này Tu Bồ Đề! Pháp tùy hỷ này thù thắng hơn những pháp tùy hỷ khác cả trăm, ngàn, vạn, ức lần… dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào có thể dùng so sánh được.

Lại nữa, Thiện nam, Thiện nữ nào cầu Phật đạo mà muốn tùy hỷ thiện căn của chư Phật, chư Bồ Tát ở cả ba đời; tùy hỷ thiện căn của chư Thanh Văn, Bích Chi Phật, từ sơ phát tâm dẫn đến thời kỳ pháp trụ; tùy hỷ thiện căn của hết thảy chúng sanh cùng tùy hỷ vô lượng Phật pháp khác phải tự niệm rằng: Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ đều bình đằng với giải thoát; sắc… dẫn đến thức đều bình đẳng với giải thoát; nội không… dẫn đến vô pháp hữu pháp không đều bình đẳng với giải thoát; bốn niệm xứ… dẫn đến tám thánh đạo đều bình đẳng với giải thoát; mười lực… dẫn đến nhất thiết chủng trí đều bình đẳng với giải thoát; giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến đều bình đẳng với giải thoát; các pháp ở cả ba đời đều bình đẳng với giải thoát; mười phương chư Phật, chư Phật diệt độ, chư đệ tử Phật trong cả ba thừa, tất cả các pháp tướng; thiện căn công đức hồi hướng về Vô thượng Bồ đề v.v… đều bình đẳng với giải thoát. Vì sao? Vì <u>hết thảy các pháp đều là bất sanh, bất diệt</u>.

Này Tu Bồ Đề! Như vậy gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát tùy hỷ công đức tối thượng, tối diệu, chẳng có gì sánh bằng được. Bồ Tát thành tựu tùy hỷ công đức như vậy sẽ mau được Vô thượng Bồ đề.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Thiện nam, Thiện nữ, vì cầu Phật đạo, trọn đời tinh tấn cung kính, cúng dường, tán thán 10 phương chư Phật cùng chư vị đệ tử Phật còn tại thế cũng như đã diệt độ, mà còn chấp có tướng "sở đắc"; dẫn đến tinh tấn tu tập bố trí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, mà còn chấp có tướng "sở đắc". Lại có Thiện nam, Thiện nữ, vì cầu Phật đạo, mà dụng tâm "vô sở đắc" tu tập 6 pháp Ba La Mật… dẫn đến dụng tâm "vô sở đắc" tùy hỷ hồi hướng các thiện căn công đức về Vô thượng Bồ đề. Phải biết công đức của Thiện nam, Thiện nữ vừa nêu sau, thù thắng hơn công đức của Thiện nam, Thiện nữ trước, cả trăm, ngàn, vạn ức lần… dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào để so sánh được.

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát Ma Ha Tát tu tập Bát nhã Ba la mật, muốn được đầy đủ các lực phương tiện Bát nhã Ba la mật, phải dụng tâm "vô sở đắc" như vậy, mà tùy hủy các thiện căn công đức, hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

LUẬN:

Bồ Tát phải tự niệm rằng: Sắc… dẫn đến thức đều chẳng thuộc 3 cõi, chẳng thuộc 3 đời, chẳng thuộc chư Phật cùng chư đệ tử Phật, chẳng thuộc tâm hồi hướng, pháp hồi hướng, dụng hồi hướng. Do tự niệm như vậy, mà Bồ Tát thường tu hạnh xả. Đây là "chánh hồi hướng". Bồ Tát lại phải tự niệm rằng: Nếu sắc ra ngoài 3 cõi, thì chẳng có thể nhiếp thủ sắc được; nếu chẳng nhiếp thủ sắc được; thì cũng chẳng có thể chấp có tướng "sở đắc" mà hồi hướng được. Vì sao? Vì sắc… dẫn đến hết thảy các pháp đều là vô sanh, vô diệt. Đã là vô sanh, vô diệt, thì chẳng thể trú nơi đó để hồi hướng được.

Bồ Tát thường tu hạnh xả, chẳng chấp các pháp tướng, chẳng chấp tâm hồi hướng, pháp hồi hướng, dụng hồi hướng, vì biết rõ hết thảy pháp đều là bất khả đắc, là vô sở hữu. Đây là "chánh hồi hướng".

Hồi hướng như vậy được ví như món ăn ngon chẳng có xen tạp độc.

Hồi hướng như vậy mới được chư Phật tán thán, mới được đầy đủ 6 pháp Ba La Mật, mới mau được Vô thượng Bồ đề.

Lại nữa, Bồ Tát phải tự niệm rằng: Phải như thật biết như chư Phật mà sanh tâm, mà khởi niệm, mà quán tưởng; lại phải như thật biết như chư Phật, mà tùy hỷ các thiện căn công đức, hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

Bồ Tát tùy hỷ hồi hướng như vậy mới gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát như thật tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề.

--o0o--

Sau khi nghe ngài Tu Bồ Đề dẫn giải như trên, Phật đã tán thán rằng: Lành thay! Lành thay! Này Tu Bồ Đề! Vì Phật sự, mà ông đã nói về: "Vô tướng pháp hồi hướng" cho hàng Bồ Tát nghe; dạy cho hàng Bồ Tát phải dùng "vô tướng trí tuệ" hòa hợp các thiện căn công đức, hồi hướng về Vô thượng Bồ đề.

--o0o--

"Vô tướng" có 3 nghĩa. Đó là:

1. Giả danh tướng: Do các duyên hòa hợp mà giả lập có các pháp, có giả danh tướng phân biệt pháp này với pháp khác. Ví như nhà, cửa, ruộng, vườn, sông, núi, v.v…

Cũng có thể nói chúng sanh, do vô minh che tâm, mà khởi chấp giả danh tướng của các pháp, dẫn đến khởi sanh các phiền não nghiệp.

2. Pháp tướng: Đây là dạng tướng của các pháp. Nếu dùng nhục nhãn mà quán sát các pháp, thì sẽ bị các kiến chấp trói buộc, ái chấp các pháp tướng, dẫn đến khởi sanh các phiền não nghiệp.

3. Ly pháp tướng: Nếu dùng huệ nhãn mà quán sát các pháp, thì biết rõ các pháp đều là rốt ráo không, là hư vọng, là chẳng thật có, nên phải xả ly các pháp tướng.

Hành giải phải biết rõ "thật tướng pháp" là vô tướng. Biết như vậy mà chẳng chấp tướng "vô tướng" ấy, vì nếu có khởi chấp là có khởi sanh phiền não, kiết sử.

Lại nữa, vì "thật tướng pháp" là vô tướng, nên là chẳng được, chẳng mất, chẳng xuất, chẳng nhập, chẳng cấu, chẳng tịnh, là tự tướng không, là như pháp tánh thực tế.

Hành giả phải nên dụng pháp như vậy, mà tủy hỷ hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Vì sao? Vì tùy hỷ phước đức như vậy có đại lợi ích cho chúng sanh, dẫn đến có được đại quả báo.

Hỏi: *Thế nào gọi là đại lợi ích?*

Đáp: Ví như khiến chúng sanh trong cả đại thiên thế giới đều hành thập thiện đạo… dẫn đến đều được 5 thần thông, là đại lợi ích.

Hỏi: *Trước đây thường chỉ nói đến chư Thiên ở 2 cõi trời Dục giới và Phạm Thiên Vương ở cõi Sắc giới đến nghe pháp. Nay vì sao nói chư Thiên ở các cõi trời khác cũng đến nghe pháp?*

Đáp: Hai cõi trời Dục giới y chỉ nơi quả đất, nên chư Thiên ở các cõi trời này có thiện duyên được gần Phật hơn chư Thiên ở các cõi trời khác.

Do vậy mà khi Phật đản sanh, tu khổ hạnh, hàng phục chúng ma, thành đạo, chuyển pháp luân v.v… đều có chư Thiên ở 2 cõi trời này, nhiều phen, đến cung kính, cung dường. Còn chư Thiên ở các cõi trời khác thường hay đắm chấp dục lạc, nên chẳng thường đến với Phật.

--o0o--

Trong Kinh nói chư Thiên ở cõi trời Đâu Suất có lợi căn, thường ưa nghe pháp. Nhưng vì thường được các vị Bổ Xứ Bồ Tát đến nơi đây thuyết pháp, nên chư thiên ở cõi này cũng ít đến nghe Phật thuyết pháp.

Trong kinh cũng nói đến Phạm Thiên Vương, tuy ở cõi trời Sắc giới rất xa quả đất, nhưng vì đã ly dục, nên ưa nghe pháp, thường vẫn đến nghe Phật thuyết pháp. Vì Phạm Thiên Vương là thiên chủ cõi Sắc giới, lại cũng thường thỉnh Phật thuyết pháp, nên khi thấy Phạm Thiên Vương đến nghe thuyết pháp, thì chư Thiên ở các cõi trời khác cũng đến theo.

Hỏi: *Trước đây đã nói nhiều về "chánh hồi hướng" rồi. Nay vì sao còn nói thêm nữa?*

Đáp: Trước đây nói tổng quát. Nay nói riêng về trường hợp Bồ Tát Ma Ha Tát tùy hỷ phước đức, hồi hướng Vô thượng Bồ đề, vì đã như thật biết hết thảy trong 3 đời và khắp 10 phương đều là chẳng sanh, chẳng diệt, nên đều là chẳng thể được (bất khả đắc). Chẳng thể niệm (bất khả niệm). Do vì biết rõ các pháp đều chẳng thể đắc, chẳng thể niệm, chẳng thể thủ, chẳng thể xả, mà Bồ Tát Ma Ha Tát vào được nơi thật tướng pháp, niệm thật tướng pháp. Do niệm như vậy mà khi tùy hỷ hồi hướng phước đức về Vô thượng Bồ đề, Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng có vọng khởi phân biệt các pháp, chẳng có hoại các pháp.

Tùy hỷ hồi hướng như vậy mới là "chánh tùy hỷ hồi hướng", mới thật là tối thượng, tối diệu; mới mau được Vô thượng Bồ đề.

Hỏi: *Vì sao nói 6 pháp Ba La Mật cùng hết thảy các pháp đều bình đẳng? Vì sao nói sắc tướng và vô sắc tướng bình đẳng với giải thoát? Đã nói có "hữu vi giải thoát" và "vô vi giải thoát", thì làm sao nói đến "bình đẳng giải thoát" được?*

Đáp: Trước đây nói đến phàm phu dùng nhục nhãn, y theo 6 thức điên đảo, mà quán các pháp, nên thấy có pháp tướng. Bồ Tát dùng huệ nhãn quán các pháp, nên thấy các pháp tướng đều là hư vọng, chẳng thật có. Do vậy mà vào được nơi thật tướng pháp.

Thật tướng pháp là vô tướng, là Niết Bàn Tướng.

Người tu, khi vào được "như thật đạo" rồi là vào được Vô Dư Niết Bàn, là minh liễu được các pháp đều là chẳng sanh cũng chẳng diệt, chẳng xuất cũng chẳng nhập, chẳng cấu cũng chẳng tịnh, chẳng phải có cũng chẳng phải không, chẳng thường cũng chẳng phải vô thường. Vì sao? **Vì hết thảy các pháp tướng đều thường tịch diệt, nên chẳng có thể dùng tâm thức để suy lường, chẳng có thể dùng ngôn ngữ để diễn bày được. Bởi vậy nên nói pháp là chẳng phải pháp (phi pháp), mà cũng chẳng phải chẳng phải pháp (phi phi pháp).**

Hết thảy pháp đều là vô sở hữu, đều bình đẳng ở nơi tướng dụng, nên nói "sắc tướng" cùng "vô sắc tướng" bình đẳng với giải thoát; nói 6 pháp Ba La Mật cùng hết thảy pháp bình đẳng với giải thoát. Đây là dùng huệ nhãn mà thấy được như vậy.

Nên biết "giải thoát" là huệ đức cao quý bậc nhất trong Phật pháp.

--o0o--

Nói về tùy hỷ hồi hướng công đức, ở Đoạn kinh trên đây có nêu lên 2 trường hợp. Đó là:

- Người đã tu hành 6 pháp Ba La Mật, đã tu tập, các thiện căn trong vô lượng kiếp, mà còn dụng tâm "hữu sở đắc" tùy hỷ hồi hướng công đức về Vô thượng Bồ đề.
- Người chỉ niệm công đức của người khác, rồi dụng tâm "vô sở đắc" tùy hỷ hồi hướng công đức ấy về Vô thượng Bồ đề.

Nếu đem so sánh, thì người sau có công đức thù thắng hơn người trước rất nhiều. Vì sao? Vì công đức có đắc (hữu đắc) là công đức có hạn lượng (hữu lượng); mà đã là có hạn lượng (hữu lượng), thì cũng là có tận diệt (hữu tận). Trái lại, công đức chẳng có đắc (vô đắc), là công đức chẳng có hạn lượng (vô lượng); mà đã là chẳng có hạn lượng, thì chẳng có tận diệt (vô tận).

Tùy hỷ hồi hướng như trường hợp 1 ví như món ăn có xen tạp độc. Còn tùy hỷ hồi hướng như trường hợp 2 ví như món ăn chẳng có tạp độc.

Người tu hành theo trường hợp 1 còn tùy thuộc sanh tử, chưa phân định sẽ thành Phật đạo, hoặc thối chuyển. Còn người tu theo trường hợp 2 là tùy Niết Bàn, quyết định sẽ thành Phật đạo.

Sở dĩ có sự sai khác như vậy vì có những hạng người tu mà còn dụng tâm hữu sở đắc. Đó là:

- Trong hàng Trời, Người, đa số còn cầu dục lạc.
- Hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật còn cầu Niết Bàn lạc.

Trái lại, hàng Bồ Tát chỉ cầu giải thoát, nên khi tùy hỷ phước đức hồi hướng Vô Thượng Chánh Đề, Bồ Tát chẳng trú nơi các pháp tướng.

Chỉ có tùy hỷ hồi hướng như vậy mới gọi là "chánh tùy hỷ hồi hướng".

Phẩm này chánh văn cũng như lược giải hơi dài. Tuy nhiên, hy vọng lời chiết giải của Bồ Tát Long Thọ thuộc ***phẩm thứ 39, "Tùy Hỉ", Tập 4, quyển 61, Đại Trí độ Luận****, giải tỏa hết những thắc mắc của chúng ta về "tùy hỷ hồi hướng" không những đối với pháp hội thứ II mà còn đối với các pháp hội khác. Nếu thọ trì kỹ phẩm này, thì chẳng còn trở ngại đối với các phẩm tương tự của các pháp hội kế tiếp về tùy hỷ hồi hướng nữa.*

Hơn nữa, nếu tu tập và thực hành phẩm "Tùy Hỷ" với lời giảng luận hết sức sâu sắc của Bồ Tát Long Thọ sẽ gặt hái được phước đức trí tuệ của pháp môn tùy hỷ hồi hướng này.

Cái cao cả của Bồ Tát Đại thừa không phải tu để giải thoát cho riêng mình, mà là khả năng hành thiện để hồi hướng cho kẻ khác*. Đó là bản chất cố hữu của những người hành Bồ Tát đạo, của những người tu Đại thừa trong hành trình giác ngộ./.*

---o0o---

38. PHẨM "ĐẠI SƯ"*(1)*

Quyển 434, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Khen Bát Nhã", phần sau Q.172 đến đầu Q.181, Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

(Ca tụng Bát nhã Ba la mật)

Bấy giờ, cụ thọ Xá lợi Tử thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế hay soi sáng, rốt ráo thanh tịnh. Bát nhã Ba la mật như thế, các trời, người v.v… đều nên kính lễ, vâng làm. Bát nhã Ba la mật như thế không nhiễm trước, các pháp thế gian chẳng thể làm ô nhiễm được. Bát nhã Ba la mật như thế xa lìa tất cả mờ mịt ba cõi, trừ sạch phiền não các kiến chấp đen tối. Bát nhã Ba la mật như thế là thượng thủ nhất, tối thắng nhất trong tất cả chủng loại Bồ đề phần pháp. Bát nhã Ba la mật như thế có thể đem an ổn, dứt hẳn tất cả kinh khủng, bức bách, tai họa. Bát nhã Ba la mật như thế có thể cho ánh sáng, thu nhiếp các hữu tình khiến được năm nhãn. Bát nhã Ba la mật như thế có thể chỉ bày trung đạo, khiến kẻ lạc đường lìa bỏ hai bên. Bát nhã Ba la mật như thế khéo sanh Nhất thiết tướng trí, dứt hẳn tất cả phiền não tập khí tương tục. Bát nhã Ba la mật như thế là mẹ của các Bồ Tát, tất cả Phật pháp mà Bồ Tát tu tập đều từ đấy xuất sanh.

Bát nhã Ba la mật như thế chẳng sanh chẳng diệt, tự tướng không vậy. Bát nhã Ba la mật như thế lìa tất cả sanh tử, chẳng thường chẳng hoại. Bát nhã Ba la mật như thế có thể làm chỗ nương dựa, ban chánh pháp cho tất cả hữu tình. Bát nhã Ba la mật như thế có thể thành tựu viên mãn Như Lai mười lực, tất cả lý luận của kẻ khác đều bị chiết phục. Bát nhã Ba la mật như thế có khả năng chuyển pháp luân vô thượng gồm ba lần chuyển mười hai hành tướng*(2)*, đạt tất cả pháp, không có gì xoay ngược lại được. Bát nhã Ba la mật như thế có thể chỉ bày tự tánh không trái ngược của các pháp, hiển rõ vô tánh tự tánh không.

(Trụ Bát Nhã coi như Đại sư)

Bạch Thế Tôn! Hoặc các Bồ Tát, hoặc kẻ hướng tới Bồ Tát thừa, hoặc các Thanh văn, hoặc kẻ hướng tới Thanh văn thừa, hoặc các Độc giác, hoặc kẻ hướng tới Độc giác thừa, đối với Bát nhã Ba la mật đây **nên trụ** thế nào?

Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! **Các hữu tình này trụ Bát nhã Ba la mật đây, nên coi như Đại sư** mà cung kính cúng dường. Cúng dường lễ kính Bát nhã Ba la mật như thế nào thì nên cúng dường kính lễ Đại sư như thế ấy. Vì sao? Vì Đại sư chẳng khác Bát nhã Ba la mật, Bát nhã Ba la mật chẳng khác Đại sư. Đại sư tức là Bát nhã Ba la mật, Bát nhã Ba la mật tức là Đại sư.

Này Xá lợi Tử! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều do Bát nhã Ba la mật mà được xuất sanh. Tất cả Bồ Tát, Độc giác, A la hán cho đến Dự lưu đều do Bát nhã Ba la mật mà được xuất sanh. Tất cả 10 thiện nghiệp đạo của thế gian, 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 5 nhãn, 6 thần thông, bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật đều do Bát nhã Ba la mật mà được xuất sanh. Tất cả nội không cho đến vô tánh tự tánh không, 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo, như vậy cho đến Như Lai 10 lực, 18 pháp Phật bất cộng, Nhất thiết tướng trí đều do Bát nhã Ba la mật mà được xuất sanh.

Khi ấy, trời Đế Thích nghĩ như vầy: Nay không biết vì nhân duyên gì, Xá lợi Tử hỏi Phật việc này. Nghĩ vậy liền thưa Xá lợi Tử:

- Bạch Đại đức! Nay vì nhân duyên gì mà hỏi Thế Tôn như thế?

Xá lợi Tử bảo trời Đế Thích:

- Này Kiều Thi Ca! Các Bồ Tát nhờ Bát nhã Ba la mật này nhiếp trì, nên dùng phương tiện khéo léo đối với tất cả các đức Như Lai ứng Chánh Đẳng Giác khắp mười phương thế giới quá khứ, vị lai, hiện tại, từ sơ phát tâm đến khi được Vô thượng Bồ đề, chuyển bánh xe diệu pháp, độ vô lượng chúng vào cõi Vô dư y Bát Niết bàn, cho đến lúc pháp diệt; trong thời gian giữa này, có tất cả các công đức căn lành, như công đức căn lành của các Thanh văn, Độc giác, Bồ Tát và các loại hữu tình khác. Tập hợp tất cả lượng căn lành như vậy, lấy vô tướng và vô sở đắc làm phương tiện, hiện tiền tùy hỷ. Tùy hỷ xong, ban cho các hữu tình cùng có bình đẳng hồi hướng Vô thượng Bồ đề. Do nhân duyên đây nên tôi hỏi việc này.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Bát nhã Ba la mật mà các Bồ Tát học thù thắng hơn bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự Ba la mật gấp vô lượng lần.

Này Kiều Thi Ca! Như kẻ sanh manh hoặc trăm hoặc ngàn hoặc nhiều trăm ngàn mà không có người lành mắt làm người dẫn đường thì chẳng thể đến gần chánh đạo, huống nữa là đến được những chốn vương đô, thành ấp giàu có an lạc xa xôi. Cũng như các kẻ mù lòa; bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự Ba la mật, nếu không có người sáng mắt Bát nhã Ba la mật dẫn đường thì chẳng thể hướng tới chánh đạo của Bồ Tát, huống nữa là đến được thành Nhất thiết trí xa xôi.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Năm Ba la mật: Bố thí, trì giới, an nhẫn,… phải nhờ Bát nhã Ba la mật nhiếp dẫn*(3)*, nên gọi là kẻ có mắt; lại nhờ Bát nhã Ba la mật nhiếp trì*(4)* nên 5 pháp Ba la mật kia mới có tên "đến bờ kia".

Khi ấy, trời Đế Thích thưa cụ thọ Xá lợi Tử:

- Như Đại đức nói 5 pháp Ba la mật: Bố thí, tịnh giới, an nhẫn,… nhờ có Bát nhã Ba la mật nhiếp trì nên mới được gọi là đến bờ kia. Sao chẳng nói nhờ bố thí cho đến tĩnh lự Ba la mật nhiếp trì nên năm pháp ấy mới được tên gọi đến bờ kia? Như vậy, do duyên gì mà chỉ khen một mình Bát nhã Ba la mật?

Xá lợi Tử nói:

- Đúng vậy! Đúng như ông đã nói. Sáu pháp Ba la mật: Bố thí, trì giới, an nhẫn,… nhiếp dẫn lẫn nhau mới có thể đến bờ kia được. Nhưng trụ Bát nhã Ba la mật đủ đại thế lực phương tiện khéo léo thì mau được viên mãn việc tu bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự Ba la mật. Chớ chẳng phải trụ năm pháp trước mà thành việc này. Cho nên, **Bát nhã Ba la mật đối với 5 pháp trước là tối, là thắng, là tôn, là cao, là diệu, là vi diệu, là thượng, là vô thượng, vô đẳng, vô đẳng đẳng. Do nhân duyên này nên chỉ khen riêng Bát Nhã là thù thắng hơn 5 pháp Ba la mật kia**.

Bấy giờ, Xá lợi Tử thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát **nên dẫn phát Bát nhã Ba la mật như thế nào**?

Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! Các Bồ Tát **chẳng vì dẫn phát sắc cho đến thức, vậy nên dẫn phát Bát Nhã Ba la mật.** Chẳng vì dẫn phát nhãn xứ cho đến ý xứ, vậy nên dẫn phát Bát nhã Ba la mật. Cũng chẳng vì dẫn phát sắc xứ cho đến pháp xứ; chẳng vì dẫn phát nhãn giới cho đến ý giới; chẳng vì

dẫn phát sắc giới cho đến pháp giới; chẳng vì dẫn phát nhãn thức giới cho đến ý thức giới; chẳng vì dẫn phát nhãn xúc cho đến ý xúc; chẳng vì dẫn phát nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ, vậy nên dẫn phát Bát nhã Ba la mật. Chẳng vì dẫn phát bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật; chẳng vì dẫn phát nội không cho đến vô tánh tự tánh không; chẳng vì dẫn phát 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo. Như vậy, cho đến chẳng vì dẫn phát Phật 10 lực, cho đến 18 pháp Phật bất cộng vậy nên dẫn phát Bát nhã Ba la mật. Chẳng vì dẫn phát Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; chẳng vì dẫn phát tất cả pháp, vậy nên dẫn phát Bát nhã Ba la mật. *(Q.434, ĐBN)*

Khi ấy, Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao các Bồ Tát chẳng dẫn phát sắc cho đến tất cả pháp, vậy nên dẫn phát Bát nhã Ba la mật?

Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! **Vì sắc cho đến tất cả pháp vô tác vô sanh, vô đắc vô hoại, vô tự tánh, nên các Bồ Tát chẳng vì dẫn phát sắc cho đến tất cả pháp, vậy nên dẫn phát Bát nhã Ba la mật.**

Xá lợi Tử lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát dẫn phát Bát nhã Ba la mật như thế hiệp với pháp nào?

Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! **Các Bồ Tát dẫn phát Bát nhã Ba la mật như thế chẳng hiệp với tất cả pháp. Vì chẳng hiệp nên được gọi là Bát nhã Ba la mật.**

Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế chẳng hiệp với những pháp nào?

Phật dạy:

- Bát nhã Ba la mật như thế chẳng hiệp với pháp thiện, chẳng hiệp với pháp bất thiện, chẳng hiệp với pháp thế gian, chẳng hiệp với pháp xuất thế gian, chẳng hiệp với pháp hữu lậu, chẳng hiệp với pháp vô lậu, chẳng hiệp với pháp hữu tội, chẳng hiệp với pháp vô tội, chẳng hiệp với pháp hữu vi, chẳng hiệp với pháp vô vi. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật như thế đối với tất cả pháp vô sở đắc, nên chẳng thể nói hiệp với các pháp như thế.

Khi ấy, trời Đế Thích thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế há chẳng hiệp với Nhất thiết tướng trí chăng?

Phật dạy:

- Này Kiều Thi Ca! Đúng vậy! Đúng như ông đã nói, Bát nhã Ba la mật như thế cũng chẳng hiệp với Nhất thiết tướng trí. Do đây nói Bát nhã Ba la mật đối với Nhất thiết tướng trí kia không sở đắc vậy.

- Bạch Thế Tôn! Vì sao Bát nhã Ba la mật đối với Nhất thiết tướng trí không hiệp cũng không đắc?

- Này Kiều Thi Ca! Vì chẳng phải Bát nhã Ba la mật đối với Nhất thiết tướng trí, như danh, như tướng, như sở tác kia mà có hiệp có đắc.

- Bạch Thế Tôn! Vì sao Bát nhã Ba la mật đối với Nhất thiết tướng trí cũng có thể nói có hiệp có đắc?

- Này Kiều Thi Ca! Vì Bát nhã Ba la mật đối với Nhất thiết tướng trí, như đối với danh, tướng… không nhận, không lấy, không trụ, không dứt, không chấp, không bỏ. Hiệp đắc như vậy mà không hiệp đắc.

Này Kiều Thi Ca! Bát nhã Ba la mật như thế đối với tất cả pháp cũng như đối với danh, tướng… không nhận, không lấy, không trụ, không dứt, không chấp, không bỏ. Hiệp đắc như vậy mà không hiệp đắc.

Trời Đế Thích lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thật là hiếm có. Bát nhã Ba la mật như thế, vì tất cả pháp không sanh, không diệt, không tác, không thành, không đắc, không hoại. Vì không có tự tánh nên hiện ra trước, tuy có hiệp có đắc mà không đắc không hiệp. Nghĩa lý như thế chẳng thể nghĩ bàn.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu khi Bồ Tát tu hành Bát Nhã khởi tưởng như vầy: Bát nhã Ba la mật như thế hiệp cùng với các pháp, hoặc chẳng hiệp cùng các pháp thì Bồ Tát này xa lìa Bát nhã Ba la mật chăng?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Lại có nhân duyên các Bồ Tát xa lìa Bát nhã Ba la mật, nghĩa là khi Bồ Tát tu hành Bát Nhã khởi tưởng như vầy: Bát nhã Ba la mật như thế không sở hữu, chẳng chơn thật, chẳng bền chắc, chẳng tự tại. Như thế là Bồ Tát này bỏ xa Bát nhã Ba la mật.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu khi Bồ Tát tin Bát nhã Ba la mật thì chẳng tin pháp nào?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! **Nếu khi Bồ Tát tin Bát nhã Ba la mật thì chẳng tin sắc, chẳng tin thọ, tưởng, hành, thức**. Chẳng tin 12 xứ, chẳng tin 18 giới. Chẳng tin nhãn xúc, chẳng tin nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc. Chẳng tin nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ; chẳng tin nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra các thọ. Chẳng tin bố thí, chẳng tin tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự Ba la mật. Chẳng tin nội không cho đến vô tánh tự tánh không. Chẳng tin 37 pháp trợ đạo. Như vậy cho đến chẳng tin Phật 10 lực; chẳng tin 4 vô sở uý, 4 vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng. Chẳng tin quả Dự lưu, chẳng tin quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán. Chẳng tin Độc giác Bồ đề. Chẳng tin tất cả Bồ Tát hạnh. Chẳng tin chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Chẳng tin Nhất thiết trí, chẳng tin Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao khi Bồ Tát tin Bát nhã Ba la mật thì chẳng tin sắc, nói rộng cho đến chẳng tin Nhất thiết tướng trí?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Vì khi các Bồ Tát tu hành Bát Nhã **quán tất cả sắc bất khả đắc**, nên tin Bát nhã Ba la mật mà chẳng tin sắc; nói rộng cho đến quán Nhất thiết tướng trí cũng bất khả đắc, nên tin Bát nhã Ba la mật mà chẳng tin Nhất thiết tướng trí. Do vậy, Thiện Hiện! **Khi các Bồ Tát tin Bát nhã Ba la mật thì chẳng tin sắc, nói rộng cho đến chẳng tin Nhất thiết tướng trí.**

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế là đại Ba la mật.

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Ông vin vào đâu mà nói: Bát nhã Ba la mật như thế là đại Ba la mật?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vì Bát nhã Ba la mật đây đối với sắc cho đến thức **chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ**. Đối với 12 xứ chẳng làm cho nhỏ. Đối với, 18 giới chẳng làm cho nhỏ. Đối với nhãn xúc cho đến ý xúc chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ. Đối với nhãn xúc làm duyên sanh

ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ. Đối với bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, chẳng làm cho lớn chẳng làm nhỏ. Đối với nội không cho đến vô tánh tự tánh không chẳng làm cho lớn chẳng làm cho nhỏ. Nói rộng ra cho đến tất cả pháp Phật cũng chẳng làm thêm lớn, chẳng làm nhỏ. *(Q.434, ĐBN)*

Bạch Thế Tôn! Con duyên ý đây nên nói Bát nhã Ba la mật là đại Ba la mật.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Vì Bát nhã Ba la mật đây đối với sắc **chẳng làm cho nhóm hợp, chẳng làm cho tan**; đối với thọ, tưởng, hành, thức chẳng làm cho nhóm hợp, chẳng làm cho tan. Như vậy cho đến đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề của chư Phật chẳng làm cho nhóm hợp, chẳng làm cho tan; đối với các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng làm cho nhóm hợp, chẳng làm cho tan.

Bạch Thế Tôn! Con duyên ý đây nên nói Bát nhã Ba la mật là đại Ba la mật.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Vì Bát nhã Ba la mật như thế đối với sắc **chẳng làm lượng, chẳng làm phi lượng**; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng làm lượng, chẳng làm phi lượng. Cho đến đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề của chư Phật chẳng làm lượng, chẳng làm phi lượng; đối với các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác cũng chẳng làm lượng, chẳng làm phi lượng.

Bạch Thế Tôn! Con duyên ý đây nên nói Bát nhã Ba la mật là đại Ba la mật.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Vì Bát nhã Ba la mật đây đối với sắc **chẳng làm rộng, chẳng làm hẹp**; đối với thọ, tưởng, hành, thức chẳng làm rộng, chẳng làm hẹp. Như vậy cho đến đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề của chư Phật chẳng làm rộng, chẳng làm hẹp; đối với các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng làm rộng, chẳng làm hẹp.

Bạch Thế Tôn! Con duyên ý đây nên nói Bát nhã Ba la mật là đại Ba la mật.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Vì Bát nhã Ba la mật đây đối với sắc **chẳng làm yếu, chẳng làm mạnh**; đối với thọ, tưởng, hành, thức chẳng làm yếu, chẳng làm mạnh. Như vậy, cho đến đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề chẳng làm yếu, chẳng làm mạnh; đối với các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng làm yếu, chẳng làm mạnh.

Bạch Thế Tôn! Con duyên ý đây nên nói Bát nhã Ba la mật là đại Ba la mật.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Nếu Bồ Tát mới hướng tới Đại thừa, **nương tựa** Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật, khởi tưởng như vầy: Bát nhã Ba la mật như thế đối với ngũ uẩn cho đến đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề của chư Phật **chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ; chẳng làm cho nhóm hợp, chẳng làm cho tan; chẳng làm lượng, chẳng làm phi lượng; chẳng làm rộng, chẳng làm hẹp; chẳng làm mạnh, chẳng làm yếu. Nếu các Bồ Tát này do khởi tưởng như vậy, nên chẳng phải hành Bát nhã Ba la mật.**

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Nếu Bồ Tát mới hướng tới Đại thừa, nương tựa Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật, khởi tưởng như vầy: Bát nhã Ba la mật như thế đối với 5 uẩn cho đến đối với Vô thượng Bồ đề của chư Phật **làm cho lớn, làm cho nhỏ; làm cho nhóm hợp, làm cho tan; làm lượng, làm phi lượng; làm rộng, làm hẹp; làm mạnh, làm yếu.**

Bạch Thế Tôn! Bồ Tát này do khởi tưởng như vậy, **nên chẳng phải hành Bát nhã Ba la mật.**

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Nếu Bồ Tát mới hướng tới đại thừa, **chẳng nương** Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật, khởi tưởng như vầy: Bát nhã Ba la mật như thế đối với 5 uẩn cho đến đối với Vô thượng Bồ đề của chư Phật **chẳng làm lớn, chẳng làm nhỏ; chẳng làm cho nhóm hợp, chẳng làm cho tan; chẳng làm lượng, chẳng làm phi lượng; chẳng làm rộng, chẳng làm hẹp; chẳng làm mạnh, chẳng làm yếu.**

Bạch Thế Tôn! Bồ Tát này do khởi tưởng như vậy, nên chẳng phải hành Bát nhã Ba la mật.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Nếu Bồ Tát mới hướng tới Đại thừa, **chẳng nương** Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật, khởi tưởng như vầy: Bát nhã Ba la mật như thế đối với 5 uẩn cho đến đối với Vô thượng Bồ đề của chư Phật **làm lớn làm nhỏ**; làm cho nhóm hợp, làm cho tan rã; làm lượng, làm phi lượng; làm rộng, làm hẹp; làm mạnh, làm yếu.

Bạch Thế Tôn! Bồ Tát này do khởi tưởng như vậy, nên chẳng phải hành Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì nếu Bồ Tát khởi tưởng như vầy: Bát nhã Ba la mật như thế đối với ngũ uẩn cho đến đối với Vô thượng Bồ đề của chư Phật **hoặc làm lớn nhỏ, chẳng làm lớn nhỏ**; hoặc làm cho nhóm hợp, tan rã, chẳng làm cho nhóm hợp, tan rã; hoặc làm lượng phi lượng,

chẳng làm lượng phi lượng; hoặc làm rộng hẹp, chẳng làm rộng hẹp; hoặc làm mạnh yếu, chẳng làm mạnh yếu.

Bạch Thế Tôn! Tất cả như thế đều chẳng phải đẳng lưu quả *(nhân quả ngang nhau)* của Bát nhã Ba la mật.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ Tát khởi tưởng như vầy: Bát nhã Ba la mật cho đến đối với Vô thượng Bồ đề của chư Phật **hoặc làm lớn nhỏ, chẳng làm lớn nhỏ**; hoặc làm cho nhóm hợp tan, chẳng làm cho nhóm hợp tan; hoặc làm lượng phi lượng, chẳng làm lượng phi lượng; hoặc làm rộng hẹp, chẳng làm rộng hẹp; hoặc làm mạnh yếu, chẳng làm mạnh yếu.

Bạch Thế Tôn! Bồ Tát này được gọi là "đại hữu sở đắc" *(có sở đắc lớn)*, chẳng phải hành Bát Nhã. Vì sao? Vì chẳng phải tưởng có sở đắc năng chứng được Vô thượng Bồ đề. Vì sao? Vì hữu tình **vô sanh**, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng vô sanh. Vì sắc vô sanh, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng vô sanh; thọ, tưởng, hành, thức vô sanh, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng vô sanh. Như vậy cho đến Vô thượng Bồ đề của chư Phật vô sanh, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng vô sanh. Tất cả đức Như Lai ứng Chánh Đẳng Giác vô sanh, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng vô sanh.

Bạch Thế Tôn! Vì hữu tình **không có tự tánh**, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng không có tự tánh. Vì sắc không có tự tánh, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng không có tự tánh; thọ, tưởng, hành, thức không có tự tánh, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng không có tự tánh. Như vậy, cho đến Vô thượng Bồ đề của chư Phật không có tự tánh, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng không có tự tánh. Tất cả đức Như Lai ứng Chánh Đẳng Giác không có tự tánh, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng không có tự tánh.

Bạch Thế Tôn! Vì hữu tình **vô sở hữu**, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng vô sở hữu. Vì sắc vô sở hữu, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng vô sở hữu; thọ, tưởng, hành, thức vô sở hữu, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng vô sở hữu. Như vậy, cho đến Vô thượng Bồ đề của chư Phật vô sở hữu, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng vô sở hữu. Tất cả đức Như Lai ứng Chánh Đẳng Giác vô sở hữu, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng vô sở hữu.

Bạch Thế Tôn! Vì hữu tình **không,** nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng không. Vì sắc không, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng không;

thọ, tưởng, hành, thức không, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng không. Như vậy cho đến Vô thượng Bồ đề của chư Phật không, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng không. Tất cả đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng không.

Bạch Thế Tôn! Vì hữu tình **xa lìa**, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng xa lìa. Vì sắc xa lìa, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng xa lìa; thọ tưởng hành thức xa lìa, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng xa lìa. Như vậy, cho đến Vô thượng Bồ đề của chư Phật xa lìa, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng xa lìa. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác xa lìa, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng xa lìa.

Bạch Thế Tôn! Vì hữu tình **bất khả đắc**, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng bất khả đắc. Vì sắc bất khả đắc, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng bất khả đắc; thọ tưởng hành thức bất khả đắc, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng bất khả đắc. Như vậy, cho đến Vô thượng Bồ đề của chư Phật bất khả đắc, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng bất khả đắc. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác bất khả đắc, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng bất khả đắc.

Bạch Thế Tôn! **Vì hữu tình bất khả tư nghì, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng bất khả tư nghì.** Vì sắc bất khả tư nghì, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng bất khả tư nghì; thọ tưởng hành thức bất khả tư nghì, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng bất khả tư nghì. Như vậy, cho đến Vô thượng Bồ đề của chư Phật bất khả tư nghì, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng bất khả tư nghì. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác bất khả tư nghì, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng bất khả tư nghì.

Bạch Thế Tôn! **Vì hữu tình không hoại diệt, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng không hoại diệt.** Vì sắc không hoại diệt, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng không hoại diệt; thọ tưởng hành thức không hoại diệt, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng không hoại diệt. Như vậy, cho đến Vô thượng Bồ đề của chư Phật không hoại diệt, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng không hoại diệt. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không hoại diệt, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng không hoại diệt.

Bạch Thế Tôn! **Vì hữu tình vô tri giác, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng vô tri giác**. Vì sắc vô tri giác, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng vô tri giác; thọ, tưởng, hành, thức vô tri giác, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng vô tri giác. Như vậy, cho đến Vô thượng Bồ đề của chư

Phật vô tri giác, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng vô tri giác. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vô tri giác, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng vô tri giác.

Bạch Thế Tôn! **Vì thế lực của hữu tình chẳng thành tựu, nên phải quán thế lực của Bát nhã Ba la mật cũng chẳng thành tựu**. Thế lực của Sắc chẳng thành tựu, nên phải quán thế lực của Bát nhã Ba la mật cũng chẳng thành tựu; thế lực của thọ tưởng hành thức lực chẳng thành tựu, nên phải quán thế lực của Bát nhã Ba la mật cũng chẳng thành tựu. Như vậy, cho đến thế lực của chư Phật Vô thượng Bồ đề chẳng thành tựu, nên phải quán thế lực của Bát nhã Ba la mật cũng chẳng thành tựu. Tất cả thế lực của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng thành tựu, nên phải quán thế lực Bát nhã Ba la mật cũng chẳng thành tựu.

Bạch Thế Tôn! Con duyên vào những ý như vậy, nên nói Bát nhã Ba la mật của Bồ Tát là đại Ba la mật.

Thích nghĩa:

(1). Đại sư: Ám chỉ Phật, gọi là Thiên nhân sư (thầy của Trời người), một trong mười danh hiệu Phật.

(2). Chuyển bánh xe pháp Vô thượng: Tam chuyển thập nhị hành tướng. Ba lần chuyển 12 hành tướng tức thị chuyển, khuyến chuyển và chứng chuyển và thuyết 12 bộ Kinh từ khế Kinh… cho đến nghị luận. Đã thích nghĩa nhiều lần.

(3). Nhiếp dẫn: Nhiếp phục, dẫn dắt hay đưa đến.

(4). Nhiếp trì: Nắm giữ và hành trì.

Sơ giải:

1. Bát nhã Ba la mật là "Đại sư".

Phần đầu phẩm này nói về <u>tánh cách tôn dẫn của Bát nhã Ba la mật</u> đối với tất cả pháp môn Phật đạo trong rất nhiều phẩm mà chúng ta đã tụng trước đây. Cho nên Xá Lợi Tử bảo Thiên đế Thích: "Bát nhã Ba la mật đối với 5 pháp trước là tối, là thắng, là tôn, là cao, là diệu, là vi diệu, là thượng, là vô thượng, vô đẳng, vô đẳng đẳng. Do nhân duyên này nên chỉ khen riêng Bát nhã Ba la mật là thù thắng hơn 5 pháp Ba la mật kia".

Phật tu thành tựu Bát nhã Ba la mật và trụ trong pháp môn này làm lợi ích cho toàn thể chúng sanh nên được suy tôn là Thiên Nhân sư trong loài người. Bát nhã Ba la mật lại được xem là mẹ sanh mẹ dưỡng của chư Phật. Trong phẩm này Phật bảo: "**Đại sư chẳng khác Bát nhã Ba la mật, Bát nhã Ba la mật chẳng khác Đại sư. Đại sư tức là Bát nhã Ba la mật, Bát nhã Ba la mật tức là Đại sư".**

Đó là lý do tại sao các Bồ Tát theo chân Phật nên không lấy các pháp môn khác mà chỉ lấy Bát nhã Ba la mật để dẫn đắt chúng sanh.

Cùng phẩm này Kinh MHBNBLMĐ có tên "Chiếu Minh", giải thích rằng:

- "Bát nhã Ba la mật chẳng dính mắc vào 3 cõi.
- Bát nhã Ba la mật tận trừ hết thảy các vô minh phiền não, cùng hết thảy các kiến chấp.
- Bát nhã Ba la mật là pháp tối thượng trong tất cả các pháp trợ đạo, tận đoạn hết thảy các sợ hãi, khổ não và đem lại sự an lạc.
- Bát nhã Ba la mật thường chiếu diệu quang minh và trang nghiêm 5 nhãn.
- Bát nhã Ba la mật dẫn dắt chúng sanh ra khỏi tà kiến, xa lìa chấp "nhị biên".
- Bát nhã Ba la mật là nhất thiết chủng trí, đoạn trừ hết thảy các tập khí phiền não.
- Bát nhã Ba la mật là mẹ của chư Phật và chư đại Bồ Tát".

Đó là tánh cách tôn dẫn mà Bát nhã Ba la mật được các phẩm trước đây ca tụng là "Đại sư". Hơn thế nữa Bát nhã Ba la mật được nâng cao đến mức tối đa khi bảo rằng: Bát nhã Ba la mật tức là Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề tức là Bát nhã Ba la mật hoặc Bát nhã Ba la mật là Nhất thiết trí trí, Nhất thiết trí trí tức là Bát nhã Ba la mật.

2. Bát Nhã vô động:

- "Bát nhã Ba la mật như thế chẳng hiệp với pháp thiện, chẳng hiệp với pháp bất thiện, chẳng hiệp với pháp thế gian, chẳng hiệp với pháp xuất thế gian, chẳng hiệp với pháp hữu lậu, chẳng hiệp với pháp vô lậu, chẳng hiệp với pháp hữu tội, chẳng hiệp với pháp vô tội, chẳng

hiệp với pháp hữu vi, chẳng hiệp với pháp vô vi. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật như thế đối với tất cả pháp **vô sở đắc**, nên chẳng thể nói hiệp với các pháp như thế".

*Để giải thích điểm này **Đại trí độ Luận, phẩm thứ 40, "Chiếu Minh", Tập 4, quyển 62,** giải thích rằng:*

"Nếu Bát nhã Ba la mật có pháp để hợp, thì ắt phải hợp với các pháp thiện hoặc với các pháp bất thiện; như vậy là chẳng phải Bát nhã Ba la mật nữa. Vì Bát nhã Ba la mật chẳng hợp với hết thảy pháp, nên mới dung nhiếp hết thảy pháp".

... "Bồ Tát nào dụng tâm sở đắc, mà phân biệt Nhất thiết chủng trí cùng hết thảy các các pháp là hợp hay chẳng hợp, thì vị Bồ Tát ấy đã xa rời Bát nhã Ba la mật".

- *Bát Nhã đối với tất cả pháp chẳng làm cho lớn, chẳng làm cho nhỏ, chẳng làm cho nhóm họp, chẳng làm cho tan, chẳng làm cho có lượng hay không có lượng, chẳng làm cho yếu chẳng làm cho mạnh. Nếu Bồ Tát làm, chẳng làm, chẳng phải làm, chẳng phải chẳng làm như vậy là Bồ Tát hành theo tứ cú, tức hí luận, nên rơi vào nhị nguyên đối đãi đều chẳng phải là đẳng lưu quả của Bát nhã Ba la mật. Nên Bồ Tát này bị gọi là "đại hữu sở đắc". Nếu bị gọi là "đại hữu sở đắc" thì không thể tu Bát nhã Ba la mật, không thể đắc Nhất thiết trí trí. Nên khi ấy, Thiện Hiện bạch Phật:*

"Bạch Thế Tôn! Bồ Tát này được gọi là "đại hữu sở đắc", chẳng phải hành Bát nhã Ba la mật. Vì sao? Vì chẳng phải tưởng có sở đắc năng chứng được Vô thượng Bồ đề. Vì sao? Vì hữu tình **vô sanh**, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng vô sanh". Vì sắc vô sanh, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng vô sanh; thọ, tưởng, hành, thức vô sanh, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng vô sanh. Như vậy cho đến Vô thượng Bồ đề của chư Phật vô sanh, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng vô sanh. Tất cả đức Như Lai ứng Chánh Đẳng Giác vô sanh, nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng vô sanh.

3. Bát nhã Ba la mật chỉ hoạt dụng qua phương tiện thiện xảo:

Vì hữu tình không có tự tánh, vô sở hữu, không, xa lìa, bất khả tư nghì, vô tri giác, chẳng thành tựu... Nên phải quán Bát nhã Ba la mật cũng không có tự tánh, vô sở hữu, không, xa lìa, bất khả tư nghì, vô tri giác, không thành tựu. Như vậy, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề của chư Phật không có tự tánh, vô sở hữu... cho đến không thành tựu. Nên cũng phải quán Bát nhã Ba la mật không có tự tánh, vô sở hữu... cho đến không thành tựu cũng lại như thế.

Bát nhã Ba la mật chẳng chuyển chẳng hoàn, bất động, tịch tịnh, viễn ly, trơ lì như gỗ đá. Đó là lý do tại sao một số luận sư căn cứ vào những đặc tánh này, nói Bát Nhã là vô tri. Chỉ có con người thấy pháp có động có lay... nên bị pháp chuyển.

***Bát Nhã chỉ hoạt dụng qua phương tiện thiện xảo, tự thân Bát Nhã không thành tựu trực tiếp bất cứ công trình nào**. Chỉ có chư Phật tu hành Bát Nhã, giác ngộ, đắc Nhất thiết trí trí mới thực thi các chương trình cứu rỗi chúng sanh. Vì vậy, chư Phật mới được tôn xưng Thiên Nhân sư tức Thầy của Trời người. Nên, có lần trong phần phó chúc Bát Nhã cho ngài A Nan, Phật bảo "nếu các ngươi tôn trọng Ta, cung kính cúng dường coi Ta như Đại sư của các ngươi, thì các ngươi hãy tôn trọng cúng dường Bát Nhã như Đại sư của các ngươi".*

(Nếu có thắc mắc, xin xem lại chiết giải phẩm "Khen Bát Nhã", phần sau Q.172 cho đến phần đầu Q.181, Hội thứ I, ĐBN)./.

---o0o---

39. PHẨM "ĐỊA NGỤC"

Cuối Q.434 cho đến hết Q.435, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương với cuối Q.181, phẩm "Chê Bát Nhã", Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Phẩm "Địa Ngục" của Hội thứ II, ĐBN tương đương với phẩm "Tín Hủy" của Kinh MHBNBLMĐ hay ***phẩm thứ 41, "Tín Hủy" (Kính Tin và Hủy Báng), Tập 4, quyển 62, Đại Trí Độ Luận****. Cả hai Kinh và một Luận đều thuyết cùng một đề tài kính tin thọ trì hay chê bai hủy báng Bát nhã Ba la mật và tùy theo kết quả mà có thưởng phạt khác nhau. Đây chỉ là thí dụ nêu gương. Hãy chấp hành nghiêm chỉnh mới có thể gặt hái kết quả mong muốn.*

Tóm lược:

Bấy giờ, cụ thọ Xá lợi Tử thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ Tát nào đối với Bát nhã Ba la mật đây tin hiểu được thì Bồ Tát này chết ở đâu đến sanh nơi đây? Phát tâm hướng tới Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề đã trải qua thời gian dài ngắn như thế nào? Đã từng gần gũi cúng dường bao nhiêu đức Phật? Tu tập bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật đã được bao lâu? Làm sao tin hiểu nghĩa lý thậm thâm của Bát nhã Ba la mật?

Phật bảo Xá lợi Tử:

- Nếu Bồ Tát nào đối với Bát nhã Ba la mật đây tin hiểu được, Bồ Tát này chết từ trong Pháp hội của vô lượng, vô số, vô biên các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở khắp mười phương thế giới như cát sông Hằng sanh đến nơi đây. Bồ Tát này phát tâm hướng tới Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề đã trải qua vô lượng, vô số, vô biên trăm ngàn triệu ức kiếp. Bồ Tát này đã từng gần gũi cúng dường vô lượng, vô số, vô biên bất khả tư nghì, bất khả xưng lường các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Bồ Tát này từ sơ phát tâm, thường siêng tu tập bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật đã trải qua vô lượng, vô số, vô biên trăm ngàn ức kiếp.

Này Xá lợi Tử! Bồ Tát này nếu thấy hoặc nghe Bát nhã Ba la mật như thế, liền nghĩ như vầy: Ta thấy Đại sư, nghe Đại sư nói. Bồ Tát này lấy vô tướng, vô nhị, vô sở đắc làm phương tiện, tin hiểu đúng đắn nghĩa lý sâu xa của Bát nhã Ba la mật như thế.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Như Phật đã nói, đại Bồ Tát này hoặc thấy hoặc nghe Bát nhã Ba la mật như thế bèn khởi nghĩ này: Ta thấy Đại Sư, nghe Đại Sư nói. Bát nhã Ba la mật thẳm sâu có kẻ năng nghe năng thấy chăng?

Phật nói:

- Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật thẳm sâu thật **không kẻ năng nghe và năng thấy***(1)*. **Vì sao? Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật thẳm sâu thật chẳng phải pháp bị nghe bị thấy vậy.**

Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật không thấy không nghe, **vì các pháp trì độn***(2)*vậy. Cho đến bố thí Ba la mật không thấy không nghe, vì các pháp trì độn vậy. Nội không cho đến vô tánh tự tánh không, không thấy không nghe, vì các pháp trì độn vậy. Bốn niệm trụ cho đến tám Thánh đạo chi không thấy không nghe, vì các pháp trì độn vậy. Như vậy, Như Lai mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không thấy không nghe, vì các pháp trì độn vậy. Chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề không thấy không nghe, vì các pháp trì độn vậy. Tất cả Như Lai ứng Chánh Đẳng Giác không thấy không nghe, vì các pháp trì độn vậy.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Các đại Bồ Tát đối Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề đã chứa nhóm công hạnh lâu dài như vậy mới có khả năng tu học Bát Nhã thẳm sâu chăng?

Phật nói:

- Thiện Hiện! Đối với vấn đề này, phải phân biện rõ.

Thiện Hiện! Có Đại Bồ Tát từ sơ phát tâm đã có khả năng tu học Bát nhã Ba la mật thẳm sâu, cũng có khả năng tu học tĩnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này **có phương tiện khéo léo**, nên chẳng hoại các pháp, chẳng thấy các pháp có tăng có giảm, thường chẳng xa lìa chánh hạnh tương ưng bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Thường chẳng xa lìa chư Phật Thế Tôn và các chúng Bồ Tát. Từ một quốc độ Phật tới một quốc độ Phật, muốn đem nhiều phẩm vật thượng diệu cúng dường cung kính,

tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn và các chúng Bồ Tát, thì các phẩm vật tùy ý xuất hiện. Cũng năng ở chỗ các Như Lai kia trồng các căn lành khiến mau viên mãn. Đại Bồ Tát này tùy chỗ thọ sanh, chẳng đọa trong thai tạng mẹ mà sanh, tâm thường chẳng cùng phiền não tạp trụ, cũng từng chẳng khởi tâm Nhị thừa. Đại Bồ Tát này thường chẳng xa lìa thần thông thù thắng, từ một nước Phật đến một nước Phật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát này tu học như thế là tu học đúng đắn Bát nhã Ba la mật thẳm sâu.

Thiện Hiện! Có Đại Bồ Tát tuy từng thấy Phật hoặc trăm, hoặc ngàn, hoặc nhiều trăm ngàn lần, ở chỗ chư Phật ấy và chúng đệ tử, cũng tu nhiều bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát Nhã nhưng **lấy sở đắc làm phương tiện**, nên chẳng thể tu học Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật. Đại Bồ Tát này nghe Bát nhã Ba la mật thẳm sâu như thế, liền từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi. **Đại Bồ Tát này khinh mạn Bát nhã Ba la mật như thế, cũng khinh mạn Phật, đã bỏ Bát nhã Ba la mật thẳm sâu như thế, cũng bỏ chư Phật.**

Thiện Hiện! Nay trong chúng đây cũng có hạng người ấy, nghe Ta tuyên nói Bát nhã Ba la mật thẳm sâu, tâm chẳng vui thích, cũng bỏ đi. Vì sao? Vì các thiện nam, thiện nữ này đời trước khi nghe Bát nhã Ba la mật thẳm sâu đã từng bỏ đi, đời này nghe Bát nhã Ba la mật như thế, do sức mạnh của túc nghiệp đời trước nên cũng lại bỏ đi.

Thiện Hiện! Các thiện nam, thiện nữ này đối với Bát nhã Ba la mật thẳm sâu đây, thân, ngữ và tâm đều chẳng hòa hợp. Do đây, gây tạo nghiệp tội, ác tuệ, ngu si tăng trưởng. Do vị ấy gây tạo nghiệp tội, ngu si, ác tuệ tăng trưởng nên khi nghe Bát nhã Ba la mật thẳm sâu như thế **liền hủy báng**, cho là chướng ngại, xả bỏ. Hành động như vậy tức là hủy báng, xả bỏ Nhất thiết trí trí của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Do vị ấy hủy báng, cho là chướng ngại, xả bỏ Nhất thiết trí trí của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại nên gây tạo, tăng trưởng, chiêu cảm nghiệp thiếu chánh pháp.

Do vị ấy gây tạo nên **đọa vào đại địa ngục**, trải qua thời gian lâu dài, hoặc trên trăm năm, hoặc trên ngàn năm, hoặc trên trăm ngàn ức năm, hoặc trăm ngàn ức triệu năm, ở trong đại địa ngục chịu các khổ đau dữ dội. **Vì tội nặng nên ở thế giới đây, lưu đày từ địa ngục lớn này đến địa ngục lớn khác, từ lúc kiếp lửa, kiếp nước, kiếp gió chưa khởi đến**

nay, chịu các đại khổ dữ dội. Nếu khi kiếp lửa, kiếp nước, kiếp gió của thế giới đây khởi, mà nghiệp thiếu chánh pháp của vị ấy vẫn chưa hết thì sau khi chết, chuyển sanh sang thế giới phương khác cũng ở trong đại địa ngục giống như đây, trải qua thời gian dài, hoặc nhiều trăm năm, hoặc nhiều ngàn năm cho đến hoặc nhiều trăm ngàn ức triệu năm, ở trong đại địa ngục chịu các đại khổ dữ dội.

Vì tội nặng nên ở thế giới khác, từ đại địa ngục này đến đại địa ngục khác, từ lúc kiếp lửa, kiếp nước, kiếp gió chưa khởi đến nay, chịu các đại khổ dữ dội. Nếu khi kiếp lửa, kiếp nước, kiếp gió của thế giới khác khởi, mà nghiệp thiếu chánh pháp của vị ấy vẫn chưa hết thì sau khi chết, chuyển sanh thế giới phương khác, cũng ở trong đại địa ngục giống như vậy, trải qua thời gian dài, hoặc nhiều trăm năm, hoặc nhiều ngàn năm, cho đến hoặc nhiều trăm ngàn ức triệu năm, ở trong đại địa ngục chịu các đại khổ dữ dội.

Vì tội nặng nên ở thế giới khác ấy, từ đại địa ngục này đến đại địa ngục kia, từ lúc kiếp lửa, kiếp nước, kiếp gió chưa khởi đến nay, chịu các đại khổ dữ dội. Lần lượt triển chuyển như vậy, **trải qua khắp mười phương các thế giới**, ở trong đại địa ngục chịu các đại khổ dữ dội. Luân hồi như thế trải vô lượng kiếp.

Khi nghiệp lực thiếu chánh pháp của vị ấy mỏng đi thì từ địa ngục, vị ấy thoát ra, **đọa vào cõi bàng sanh**, trải qua thời gian dài, hoặc nhiều trăm năm, hoặc nhiều ngàn năm, cho đến nhiều trăm ngàn ức triệu năm, thọ thân bàng sanh bị đủ các loại khổ tàn hại, khủng bố, bức bách…

Vì tội chưa hết nên ở thế giới đây hay thế giới phương khác nữa, từ chỗ hiểm ác này đến chỗ hiểm ác kia, từ lúc kiếp lửa, kiếp nước, kiếp gió chưa khởi đến nay, bị đủ các khổ tàn hại, khủng bố, bức bách… Nếu khi tam tai của thế giới này hoại, mà nghiệp lực thiếu chánh pháp của vị ấy vẫn còn chưa hết thì sau khi chết, chuyển sanh thế giới phương khác cũng ở trong cõi bàng sanh giống như đây, trải qua thời gian dài, hoặc nhiều trăm năm, hoặc nhiều ngàn năm, cho đến hoặc nhiều trăm ngàn ức triệu năm, thọ thân bàng sanh bị đủ các khổ tàn hại, khủng bố, bức bách...

Vì tội chưa hết nên ở thế giới phương khác, từ chỗ hiểm ác này đến chỗ hiểm ác kia, từ lúc kiếp lửa, kiếp nước, kiếp gió chưa khởi đến nay, bị đủ các khổ tàn hại, khủng bố, bức bách… Lần lượt triển chuyển như vậy, trải qua khắp mười phương các thế giới, thọ thân bàng sanh, bị đủ các khổ

tàn hại, khủng bố, bức bách… Nếu khi tam tai của mười phương các thế giới ấy tan hoại, mà nghiệp lực thiếu chánh pháp của vị ấy vẫn còn chưa hết thì sau khi chết, sanh trở lại trong cõi bàng sanh của thế giới này, từ chỗ hiểm ác này đến chỗ hiểm ác kia, từ lúc kiếp lửa, kiếp nước, kiếp gió chưa khởi đến nay, bị đủ các khổ tàn hại, khủng bố, bức bách… Nếu khi tam tai của thế giới này hoại, mà nghiệp lực thiếu chánh pháp của vị ấy vẫn còn chưa hết, thì chết rồi sanh trở lại các thế giới khác, trải qua khắp mười phương trong cõi bàng sanh, chịu nhiều khổ đau. Tuần hoàn như thế trải qua vô lượng kiếp.

Khi nghiệp lực thiếu chánh pháp mỏng đi, thì vị ấy thoát khỏi cõi bàng sanh, lại **đọa vào cõi quỷ**, trải qua thời gian dài, hoặc nhiều trăm năm, hoặc nhiều ngàn năm, cho đến hoặc nhiều trăm ngàn ức triệu năm, ở trong cõi ngạ quỷ chịu đủ các khổ đói khát tiều tụy...

Vì tội chưa hết nên ở thế giới đây, từ cõi quỷ đói này đến cõi quỷ đói khác, từ lúc kiếp lửa, kiếp nước, kiếp gió chưa khởi đến nay, chịu đủ các khổ đói khát tiều tụy… Nếu khi tam tai của thế giới này hoại, mà nghiệp lực thiếu chánh pháp của vị ấy vẫn còn chưa hết, thì sau khi chết, chuyển sanh thế giới phương khác, cũng ở trong cõi quỷ đói giống như vậy v.v...

Khi nghiệp lực thiếu chánh pháp của vị ấy sắp hết thì vị ấy ra khỏi cõi quỷ đói, lại **sanh trong loài người**. Tuy được làm người nhưng thuộc hạng thấp kém, nghĩa là sanh vào nhà đui điếc, hoặc làm tôi tớ, hoặc gánh thây chết, hoặc làm nghề bán thịt, hoặc bắt cá săn thú, hoặc thợ thuyền, hoặc con hát, hoặc hành tà kiến; hoặc bị thọ thân không mắt, không tai, không mũi, không lưỡi, không tay chân, đui mù câm điếc, ung thư ghẻ hủi, bệnh phong, điên cuồng, hung tàn, gù lưng, tay chân ngắn cụt, các căn khiếm khuyết, màu da đen vàng tiều tụy, ngu si vô trí, làm việc gì cũng đều bị người chê cười, khinh khi; hoặc sanh ở chỗ chẳng được nghe danh hiệu Phật, danh hiệu Pháp, danh hiệu Tăng, danh hiệu Bồ Tát, danh hiệu Độc giác; hoặc sanh ở thế giới u ám không có ngày đêm, chẳng thấy ánh sáng, ở chỗ hiểm trở, uế ác độc địa. Vì sao? Thiện Hiện! Vì nghiệp lực thiếu chánh pháp của vị ấy gây tạo, tăng trưởng rất sâu nặng, nên phải chịu đầy đủ các quả khổ như vậy. Phẩm loại như vậy quá nhiều, khó có thể kể hết.

Bấy giờ, Xá lợi Tử thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Như Lai thường kể các tội nặng là năm tội vô gián. Nay nói tội tăng trưởng nghiệp hoại chánh pháp, vậy có giống như năm tội vô gián kia không?

Phật dạy:

- Xá lợi Tử! Nghiệp hoại chánh pháp rất thô nặng, **năm nghiệp vô gián chẳng thể sánh bằng**. Nghĩa là nghe thuyết Bát nhã Ba la mật thẳm sâu, vị ấy chẳng tin, hủy báng chê bai, nói như vầy: "Đây chẳng phải lời của các Như Lai ứng Chánh Đẳng Giác đã thuyết: Đó là phi pháp, phi luật, chẳng phải lời dạy của đấng Đại sư. Đối với những lời ấy, chúng ta chẳng nên tu học".

Người hủy báng pháp ấy, tự mình hủy báng Bát nhã Ba la mật thẳm sâu, cũng dạy vô lượng hữu tình hủy báng. Tự hoại thân mình, hoại người. Tự uống độc dược, cũng khiến người khác uống. Tự đánh mất thú vui sanh cõi trời, giải thoát, cũng khiến người khác mất. Tự mình nhảy vào hầm lửa địa ngục, cũng khiến người khác nhảy vào. Chính mình không tin Bát nhã Ba la mật thẳm sâu, cũng dạy người chớ tin. Chính mình dấn thân vào biển khổ, cũng khiến người khác dấn thân vào.

Xá lợi Tử! Ta đối với Bát nhã Ba la mật thẳm sâu như thế, còn chẳng muốn cho kẻ hủy báng chánh pháp nghe danh tự ấy, huống là nói cho họ nghe. Đối với kẻ hủy báng chánh pháp, Ta còn chẳng cho các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa nghe danh tự họ, huống nữa là nhìn thấy; lẽ nào cho ở chung. Vì sao? Xá lợi Tử! Nên biết những kẻ hủy báng Bát nhã Ba la mật thẳm sâu, tên của họ là hoại chánh pháp, chết rồi sẽ đọa trong loài đen tối, như con ốc trâu dơ uế, tự thân dơ uế lại làm dơ uế người khác, như đống phẩn thúi. Nếu ai tin theo lời của kẻ hoại chánh pháp thì sẽ chịu đại khổ như trên.

Xá lợi Tử! Nên biết các kẻ phá hoại Bát nhã Ba la mật thẳm sâu, những hạng ấy chính là loài địa ngục, bàng sanh, quỷ đói, quyết định sẽ chịu đại khổ vô biên, cực nặng dữ dội. Do vậy, kẻ trí chẳng nên hủy báng Bát nhã Ba la mật thẳm sâu.

Khi ấy, Xá lợi Tử lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên nào chỉ nói những kẻ hoại chánh pháp như thế sẽ đọa đại địa ngục, bàng sanh, quỷ đói, chịu khổ lâu dài mà chẳng nói hình mạo thân tướng của họ?

Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! Thôi, chẳng nên nói về **hình tướng ác thú** mà kẻ hoại chánh pháp đời sau phải chịu. Vì sao? Vì nếu Ta nói đủ về hình tướng ác thú mà kẻ hoại chánh pháp đời sau phải chịu thì người đó nghe ắt phải kinh sợ, mửa máu nóng, thậm chí mất mạng, hoặc tâm tư sầu khổ như người sắp chết hay bị trúng phải tên độc, nên Ta thương xót không nói hình tướng thân mạo của kẻ hoại chánh pháp.

Xá lợi Tử nói:

- Cúi xin Thế Tôn nói về hình tướng ác thú mà kẻ hoại chánh pháp đời sau phải chịu để răn dạy cho những người trong đời vị lai biết tội hủy báng pháp sẽ bị khổ lớn, mà chẳng gây tội.

Phật dạy:

- Xá lợi Tử! Những điều Ta nói trước đủ để răn dạy rồi. Nghĩa là các thiện nam, thiện nữ… đời vị lai nghe nói nghiệp hoại chánh pháp sẽ đọa đại địa ngục, bàng sanh, cõi quỷ, chịu khổ lâu dài trong mỗi mỗi cõi, thì đủ tự mình gìn giữ cẩn thận, chẳng hủy báng chánh pháp.

Khi ấy, Xá lợi Tử bèn thưa Phật:

- Kính vâng, bạch Thế Tôn! Kính vâng, bạch Thiện Thệ! Đời sau, các thiện nam, thiện nữ nghe những lời dạy của Phật sáng tỏ, thà bỏ thân mạng quyết chẳng hủy báng chánh pháp. Chớ làm cho mình sau phải chịu khổ ấy.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu có các thiện nam, thiện nữ thông tuệ nghe Phật nói người hủy báng chánh pháp, đời đương lai sẽ chịu đại khổ lâu dài, nên họ khéo hộ trì nghiệp thân, ngữ, ý. Đối với chánh pháp, chẳng dám bài báng hủy hoại, sợ đọa ba cõi ác chịu khổ lâu dài, chẳng được thấy Phật, chẳng được nghe pháp, chẳng gặp được Tăng, chẳng được sanh ở nước có Phật. Dù sanh cõi người cũng là hạng bần cùng hèn hạ, xấu xí ngu dốt, các căn khiếm khuyết, nói lời gì ra cũng không ai tin nhận.

Bạch Thế Tôn! Lại nữa, kẻ gây tạo, tăng trưởng nghiệp cảm thiếu chánh pháp, lẽ nào chẳng do tập nghiệp ác ngữ tạo ra?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Đúng vậy! Thật đúng là do **thói quen tập nghiệp ác ngữ gây tạo**, tăng trưởng, chiêu cảm lấy nghiệp thiếu chánh pháp. Ở trong chánh pháp Tỳ nại da của Ta, sẽ có những kẻ xuất gia ngu si, tuy tôn xưng Ta làm Đại sư, nhưng bài báng hủy hoại Bát nhã Ba la mật do Ta thuyết.

Thiện Hiện! Ông nên biết: **Nếu ai hủy báng Bát nhã Ba la mật tức là hủy báng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề của chư Phật. Nếu hủy báng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề tức là hủy báng Nhất thiết trí trí của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu hủy báng Nhất thiết trí trí của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại tức là hủy báng tất cả các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Nếu hủy báng tất cả các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tức là hủy báng Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo. Nếu hủy báng Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo tức là hủy báng chánh kiến của thế gian. Nếu hủy báng chánh kiến của thế gian tức là hủy báng bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật; cũng là hủy báng nội không cho đến vô tánh tự tánh không; cũng là hủy báng bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo. Như vậy, cho đến hủy báng Như Lai mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; cũng là hủy báng Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Do vị ấy hủy báng Nhất thiết tướng trí nên nhận lấy vô lượng, vô số, vô biên nghiệp tội. Do nhận lấy vô lượng, vô số, vô biên nghiệp tội, nên phải thọ lấy vô lượng, vô số, vô biên khổ lớn trong tất cả cõi địa ngục, bàng sanh, quỷ giới và loài người**. *(Q.435, ĐBN)*

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Do những nhân duyên nào mà các kẻ ngu phu kia hủy báng Bát nhã Ba la mật thẳm sâu như thế?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Do bốn nhân duyên mà những kẻ ngu phu kia hủy báng Bát nhã Ba la mật thẳm sâu như thế. Những gì là bốn:

1. Một là bị các tà ma làm mê hoặc;
2. Hai là chẳng tin hiểu pháp thẳm sâu;
3. Ba là chẳng chuyên cần tinh tấn, thường hay say đắm năm uẩn và bị các ác tri thức nhiếp thọ;
4. Bốn là ôm nhiều sân hận, ưa tạo pháp ác, hay tự cao, khinh dễ kẻ khác, nên các kẻ ngu kia hủy báng Bát nhã Ba la mật thẳm sâu như thế.

Thiện Hiện! Do bốn nhân duyên như vậy nên kẻ hủy báng Bát nhã Ba la mật thẳm sâu trong tương lai phải chịu vô lượng khổ.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Kẻ ngu ở thế gian chẳng chuyên cần tinh tấn, bị ác tri thức nhiếp thọ, chưa trồng căn lành, đủ các hạnh ác nên thật khó tin hiểu Bát nhã Ba la mật thẳm sâu mà Phật đã thuyết.

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như ông đã nói, những kẻ ngu ở thế gian chẳng chuyên cần tinh tấn, bị ác tri thức nhiếp thọ, chưa trồng căn lành, đủ các hạnh ác nên thật khó tin hiểu Bát nhã Ba la mật mà Ta đã thuyết.

Thích nghĩa:

(1). Các pháp không thấy, không nghe: Các pháp tự nó vắng lặng, tịch tịnh mà kinh thường diễn tả là trì độn vô tri. Cụt đá đứng bên đường nó không tự biết nó xấu hay đẹp, nó cũng không biết không thấy các cụt đá khác chung quanh nó. Chỉ có con người do căn tiếp xúc với trần mà có cái thấy cái biết, nên sanh động niệm rồi cho là xấu là đẹp, vuông hay tròn, trắng hay đen... Từ khi có danh sắc thì cụt đá không còn là nó nữa, nó mất đi vẽ trinh nguyên của thửa ban đầu. Đó là cái nhìn của tục đế.

Khi thâm nhập được Bát Nhã, biết tất cả pháp là do duyên hòa hợp mà có, có đó nhưng là giả có, nên nói là không. Kinh Bat Nhã cũng bảo các pháp tự tánh không, lấy vô tánh làm tự tánh. Các pháp vô tánh tự tánh không còn gọi là nhất tướng, chỗ gọi là vô tướng. Nhất tướng thì xem là như như, là bình đẳng. Vô tướng thì làm sao thấy, không thấy nên không bị động niệm mới được như như. Như đó là bình đẳng, bình đẳng nên nói là thanh tịnh. Mục đích tối cao của người tu Phật. Nên, LUẬN #3 trong phần thứ III tổng luận, chúng tôi gọi cái không thấy không biết này là "cái thấy biết từ bờ kia. (Xin xem LUẬN #3, phần thứ III tổng luận).

(2). Trì độn: Từ này rất khó dịch, HT Thích Trí Nghiêm dịch là "lụt chậm", từ lụt chậm không diễn tả hết ý nghĩa của từ "trì độn". Anh ngữ gọi là dull, như dao gọi là "lụt"; nếu diễn tả cá tính thì gọi là "đần độn". Ở đây có thể tạm dịch là "trơ trơ", hay "trơ lì". Các pháp tự nó không chậm không lụt; không khôn không dại..., nó như vậy bởi vì nó như vậy, nên nói: Nó "trơ lì ra đó", ai muốn hiểu sao, nói gì cũng được, nên có thể gọi là trì độn, vô tri! ***TB***

Sơ giải:

Nếu đại Bồ Tát "…**có phương tiện khéo léo**, chẳng hoại các pháp, chẳng thấy các pháp có tăng có giảm, thường chẳng xa lìa chánh hạnh tương ưng bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Thường chẳng xa lìa chư Phật Thế Tôn và các chúng Bồ Tát. Từ một quốc độ Phật tới một quốc độ Phật, muốn đem nhiều phẩm vật thượng diệu cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn và các chúng Bồ Tát, thì các phẩm vật tùy ý xuất hiện. Cũng năng ở chỗ các Như Lai kia trồng các căn lành khiến mau viên mãn. Đại Bồ Tát này tùy chỗ thọ sanh, chẳng đọa trong thai tạng mẹ mà sanh, tâm thường chẳng cùng phiền não tạp trụ, cũng từng chẳng khởi tâm Nhị thừa. Đại Bồ Tát này thường chẳng xa lìa thần thông thù thắng, từ một nước Phật đến một nước Phật, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật".

Đó là Bồ Tát tu tập đúng đắn Bát nhã Ba la mật thậm thâm tức tu Bát Nhã có phương tiện khéo. Nhưng lại có:

"Bồ Tát tuy từng thấy Phật hoặc trăm, hoặc ngàn, hoặc nhiều trăm ngàn lần, ở chỗ chư Phật ấy và chúng đệ tử, cũng tu nhiều bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật nhưng **lấy sở đắc làm phương tiện**, nên chẳng thể tu học Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật. Đại Bồ Tát này nghe Bát nhã Ba la mật thẳm sâu như thế, **liền từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi.** Đại Bồ Tát này khinh mạn Bát nhã Ba la mật như thế, cũng khinh mạn Phật, đã bỏ Bát nhã Ba la mật thậm thâm". *Như thế, tức là Bồ Tát này cũng bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng và bỏ cả Nhất thiết trí trí.*

Các Bồ Tát này có thể là bọn tăng thượng mạn, chiêu cảm nghiệp thiếu chánh pháp, gây tội qua ba đường thân khẩu ý, lại bị bạn ác khuynh đảo, nhiếp phục nên càng ngu si điên đảo quay ra hủy báng chánh pháp. Tội này còn nặng hơn năm tội vô gián. Tội vô gián là tội giết cha, giết mẹ, giết A la hán, phá hoại tăng đoàn, làm chảy máu thân Phật, nếu bị năm tội này liền rơi vào địa ngục a tỳ, sẽ bị tra tấn hành hạ không lúc nào yên, nên gọi là vô gián.

Khi kiếp thủy, kiếp hỏa, kiếp phong chưa xảy ra, bọn hủy báng chánh pháp bị đọa từ địa ngục lớn này sang địa ngục lớn khác, bị các hình phạt tàn khốc qua trăm ngàn triệu kiếp không bao giờ yên cho đến khi ba nạn lớn xảy ra, thế giới đó bị tiêu diệt. Bọn hủy báng chánh pháp lại sanh sang thế giới phương khác, cũng lại bị đọa từ địa ngục lớn này sang địa

ngục lớn khác như đã nói trên. Nếu tội hủy báng chưa hết, bọn ngu si tội lỗi này sẽ bị lưu đày từ thế giới này sang thế giới khác cũng lại như vậy.

Cho đến khi tội hủy báng giảm dần mới sanh vào loại bàng sanh hay loài quỷ, cũng lại bị đày đọa từ thế giới này khác thế giới khác trong trăm ngàn muôn triệu kiếp khổ sở nữa cho đến khi tội hủy báng mỏng dần mới được sanh vào cõi người. Được làm người nhưng bị khuyết tật, ngọng nghịu, đuôi mù, câm điếc v.v... sống cuộc đời hạ tiện, bị đời khinh khi ruồng bỏ. Phật không muốn tả hết tội hủy báng chánh pháp này, nói tới đó là đủ răn đe bọn người về sau đừng rơi vào kiêu mạn, điên rồ để phải chiêu cảm thiếu chánh pháp mà bị đọa đày như thế.

Kết luận chung cho các phẩm:
("Kinh Văn", "Tùy Hỷ Hồi Hướng", "Đại Sư" và "Địa Ngục")

Phẩm "Kinh Văn" so sánh việc tu học tất cả pháp Phật với việc tu hành Bát nhã Ba la mật, so sánh các bậc tu từ thấp đến cao (từ Tu đà hoàn đến Vô thượng Bồ đề), so sánh phạm vi cõi nước (từ Thiệm bộ châu cho đến 10 phương thế giới như cát sông hằng) để biết công đức tu hành nào được xem là thắng diệu hơn cả.

Phẩm "Tùy Hỷ Hồi Hướng" lấy công đức cùng các thiện căn tu hành ban cho tất cả chúng sanh rồi đồng hồi hướng Vô thượng Bồ đề để được phước đức trí tuệ như nhau mà cùng giải thoát. Tôn chỉ hồi hướng không thể thiếu vắng trong tinh thần bao dung từ ái vì kẻ khác, cho kẻ khác đối với những người tu Đại thừa, nó là ngọn đuốc truyền thừa tiếp nối dòng giống Phật không để đoạn mất. Đó là cái đáng ngưỡng mộ, suy tôn.

Hơn nữa, phẩm "Đại Sư", ca tụng Bát nhã Ba la mật chẳng khác Phật, Phật chẳng khác Bát nhã Ba la mật. Kinh một lần nữa suy tôn Bát nhã Ba la mật chẳng khác nào Thiên nhân sư (thầy của trời người) hay Đại sư và khuyến dẫn tất cả chúng sanh tu tập thọ trì, chánh ức niệm Bát nhã Ba la mật đồng thời rộng giải truyền bá Kinh này.

Phẩm "Địa Ngục" cảnh cáo những chúng sanh nào không tin hiểu Bát nhã Ba la mật lại còn quay ra hủy báng Kinh điển Bát Nhã thì phải thọ

nghiệp hủy báng chánh pháp, bị lưu đày chụi khổ trong nhiều đời kiếp còn hơn tội vô gián là giết cha, giết mẹ, giết A la hán, phá hòa hợp tăng và làm cho thân Phật chảy máu.

Sở dĩ, chúng tôi đúc kết lại các phẩm trên là vì muốn nhấn mạnh về việc tu tập các pháp Phật, hay còn gọi là các pháp mầu Phật đạo, các pháp hy hữu, tư lương Bồ đề Bồ Tát hay Bồ Tát đạo mà trong đó không ai chối cải vai trò quan trọng của Bát nhã Ba la mật vì Bát nhã Ba la mật nhiếp hộ tất cả pháp thế gian, xuất thế gian và cũng là mẹ của chư Phật và chư Bồ Tát. Nếu đối với tất cả các pháp mà chỉ "đọc sơ qua cho biết" thì chẳng khác nào "cỡi ngựa xem hoa". Phải đọc tụng thọ trì chánh ức niệm, mới có tín tâm, có tín tâm mới tín giải phụng hành. Tu chỉ để biết, không phải để giúp Đạo giúp Đời thì chẳng khác nào "cái đãi đựng sách", chẳng ích gì. Lời khuyên đứng đắn nhất là phải tín giải phụng trì, mới mang lại công đức trí tuệ, mới có phước đức để có thể tự độ, độ tha.

Dưới đây là quan điểm của ***Kinh MHBNBLMĐ và Luận Đại Trí Độ, phẩm thứ 41, "Tín Hủy", Tập 4, quyển 62****:*

<u>KINH:</u>

"Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thiện nam, Thiện nữ phải khéo nhiếp các nghiệp "thân, khẩu và ý", đừng để phải thọ các khổ như vậy*(do hủy báng Bát Nhã)***. Vì sao? Vì đã thọ các khổ như vậy, thì chẳng thấy được Phật, chẳng nghe được Pháp, chẳng thân cận được chư Tăng; hoặc phải sanh vào các thế giới chẳng có Phật; hoặc sanh vào chốn bần cùng hạ tiện, khiến chẳng tín thọ được lời Phật. Bạch Thế Tôn! Đây là do khẩu nghiệp mà phạm tội hủy báng Bát nhã Ba la mật như vậy chăng?**

Phật dạy: Đúng như vây! Đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Ở trong Phật pháp, có người đã xuất gia thọ giới rồi, chỉ vì ngu si mà phạm tội phá Bát nhã Ba la mật, hủy báng Pháp.

Này Tu Bồ Đề! Nếu phá Bát nhã Ba la mật, phá chư Phật trong 10 phương, phá nhất thiết chủng trí, phá Phật Bảo, phá Pháp Bảo, phá Tăng Bảo. Phá 3 ngôi Tam Bảo là phá chánh kiến ở thế gian, phá tứ

niệm xứ… dẫn đến phá Nhất thiết chủng trí, nên phải thọ vô lượng vô biên tội báo, vô lượng vô biên khổ não.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Có bao nhiêu tác duyên khiến người ngu si phá Bát nhã Ba la mật thậm thâm?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Có 4 tác duyên khiến người ngu si phá Bát nhã Ba la mật thậm thâm. Đó là:

- Bị ma sai sử.

- Chẳng có tín giải Bát nhã Ba la mật thậm thâm; chẳng có được tâm thanh tịnh

- Thường gần gũi ác tri thức, nên sanh tâm giải đãi, chấp đắm 5 ấm thân

- Còn nhiều sân nhuế, tự cao, khinh miệt người.

Do 4 tác duyên nêu trên đây, mà người ngu di phạm tội hủy báng Bát nhã Ba la mật thậm thâm.

LUẬN:

Hỏi: *Hủy báng Pháp là do khẩu nghiệp. Như vậy vì sao lại nói người tu phải nhiếp cả 3 nghiệp "thân, khẩu và ý"*

Đáp: Gốc của khẩu nghiệp là ý nghiệp, có ý nghiệp mới dẫn sanh khẩu nghiệp. Bởi vậy trước hết phải nhiếp ý nghiệp.

Nơi đây, ngài Tu Bồ Đề tự nói các nhân duyên dẫn đến thọ khổ, khiến chẳng thấy được Phật, chẳng được nghe pháp, chẳng được gần gũi chư Tăng.

Phật dạy: Người ngu si do khẩu nghiệp mà tạo ra bao nhiêu tội lỗi. Trong các chúng xuất gia, thọ giới, có nhiều người còn chấp pháp Thanh Văn. 500 năm sau khi ta diệt độ, họ sẽ phân ra làm nhiều bộ chúng, lên đến 800 bộ chúng khác nhau. Từ đó về sau, họ cầu pháp tướng, chấp đắm pháp danh. Họ chấp thủ những lời Phật nói ra, mà chẳng biết rằng chỉ vì đạo giải thoát, mà Phật phương tiện nói ra các pháp.

Có nhiều người, khi nghe nói Bát nhã Ba la mật rốt ráo không, tưởng như bị tổn thương. Hạng người này chấp các pháp tướng quyết định là có. Nay nghe nói các pháp điều là tự tướng không, nghe nói hành Bát nhã Ba la mật là chẳng trú chấp các pháp tướng, thì họ khởi nghi tâm, cho đó chẳng phải là lời Phật dạy… dẫn đến hủy báng Bát nhã Ba la mật. Hạng

người này chẳng biết rằng, vì thương xót chúng sanh, mà Phật đã phương tiện phân biệt đạo và phi đạo, để chúng sanh tụ tập. Nay ở trong hội Bát nhã Ba la mật, nghe Phật thuyết đạo và phi đạo đều là vô tướng, là bất khả đắc, nên họ khởi nghi tâm. Từ đó họ khởi sanh tà kiến; rồi do lực tà kiến thúc đẩy, nên tại giữa đại chúng, họ hủy báng Bát nhã Ba la mật, khiến phải mang tội phá pháp. Hủy báng Bát nhã Ba la mật như vậy là hủy báng 3 đời 10 phương chư Phật, phá các lực công đức của 3 ngôi Tam Bảo. Phá Tam Bảo là phá thế gian lạc, nghĩa là phá 4 niệm xứ… dẫn đến phá Nhất thiết chủng trí.

Bởi nhân duyên vậy, nên người phá pháp phải thọ vô lượng vô biên tội báo, vô lượng vô biên ưu bi khổ não”.

Ở đây chúng tôi ghi lại những khuyến dẫn của Kinh và Luận không phải để dọa nạt mà chúng tôi ghi ***lại những nguyên nhân gây tội*** *để những ai hủy báng chánh pháp đừng mắc phải lỗi này. Không tin Đạo đã là quá đáng rồi, lại còn rêu rao chống đối hủy báng thì tội lỗi không thể nào đo lường nổi! Tu là trau giồi tánh đức trí tuệ, giúp mình người. Nếu không làm được như vậy, lại quay ra chống đối đả kích Phật, Pháp, Tăng, hủy báng Đại thừa, thì bị đọa thôi.*

Tôn sùng hay hủy báng tôn giáo đều rơi vào cực đoan hay quá khích, không tốt. Phật cấm đoán điều này./.

---o0o---

40. PHẨM "THANH TỊNH"

Đầu quyển 436, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Khó Tin Hiểu", từ quyển 183 trở đi(1), Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Cuối Q.435, phẩm "Địa Ngục" lại nói về thanh tịnh thay vì thuyết riêng về "Địa ngục". Nên khi tụng đến phẩm "Thanh Tịnh", thấy không có liên tục trong tư tưởng. Bố cục của Hội thứ I rất liên tục. Vì phẩm "Chê Bát Nhã", nằm ở phần cuối của Q.181, Hội thứ I, chỉ thuyết về những kẻ hủy báng Bát Nhã thôi. Quyển kế mang số 182, có tên là "Khó Tin Hiểu", thuyết về tất cả pháp không buộc không mở. Tiếp theo là Q.183 mới thuyết về thanh tịnh. (1a)

Hội thứ I không có phẩm có tên là "Địa Ngục" như Hội thứ II. Phần cuối phẩm "Địa Ngục" của Hội thứ II này lại nói về thanh tịnh. Hai thể tài hoàn toàn khác nhau. Nên bố cục của phẩm "Địa Ngục" của Hội thứ II, không được trọn vẹn như phẩm "Chê Bát Nhã" của Hội thứ I. Câu hỏi được đặt ra là: Không biết kinh văn (nguyên bản phẩm "Địa Ngục") trong lúc sắp xếp trước khi dịch thuật có bị xáo trộn hay không? Để tránh trở ngại (nói là không được trọn vẹn trong bố cục) nên chúng tôi đem phần cuối của phẩm "Địa Ngục", tức cuối Q.435 nói về thanh tịnh để lên đầu Q.436 phẩm "Thanh Tịnh" tiếp theo, để Kinh văn được liên tục mà không thay đổi tư tưởng hay cấu trúc của Kinh.

Các đạo hữu có thể so chiếu phẩm "Khó Tin Hiểu", Q.181, Hội thứ I với phẩm "Địa Ngục", Q.435, Hội thứ II, ĐBN sẽ thấy rõ sự khác biệt này. Chúng tôi chịu trách nhiệm về sự trùng tuyên này. Tu là rộng mở tâm hồn, thế mới tốt!

Xin lặp lại đây là một phẩm được xem là dài nhất trong hàng trăm phẩm thuộc Bát nhã Ba la mật. Vì vậy, việc chiết giải phẩm này rất khó khăn. Để đạo hữu nắm vững vấn đề chúng tôi chia phẩm này làm hai phần: 1. Phần đầu thuyết về "thanh tịnh" và 2. Phần sau "khen ngợi thanh tịnh"

Tóm lược:

<u>1. Phần đầu</u> thuyết về “Thanh Tịnh”:

(Các pháp không buộc không mở).

Cụ Thọ Thiện Hiện lại thưa Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế, sâu xa như thế nào mà nói khó tin, khó hiểu vậy?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! **Sắc không buộc, không mở**. Vì sao? **Vì tánh vô sở hữu của sắc là tự tánh của sắc**. Thọ, tưởng, hành, thức không buộc, không mở. Vì sao? Vì tánh vô sở hữu của thọ, tưởng, hành, thức là tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức vậy.

Này Thiện Hiện! Nhãn xứ cho đến ý xứ không buộc, không mở. Vì sao? Vì tánh vô sở hữu của nhãn xứ cho đến ý xứ là tự tánh của nhãn xứ cho đến ý xứ. Sắc xứ cho đến pháp xứ không buộc, không mở. Vì sao? Vì tánh vô sở hữu của sắc xứ cho đến pháp xứ là tự tánh của sắc xứ cho đến pháp xứ vậy.

Này Thiện Hiện! 18 giới không buộc, không mở. Vì sao? Vì tánh vô sở hữu của 18 giới cũng như vậy. Nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ không buộc, không mở. Vì sao? Vì tánh vô sở hữu của nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ, cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ là tự tánh của nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ, cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ vậy.

Này Thiện Hiện! Bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật không buộc, không mở. Vì sao? Vì tánh vô sở hữu của bố thí Ba la mật cho đến Bát nhã Ba la mật là tự tánh của bố thí Ba la mật cho đến Bát nhã Ba la mật vậy.

Này Thiện Hiện! Nội không cho đến vô tánh tự tánh không không buộc, không mở. Vì sao? Vì tánh vô sở hữu của nội không cho đến vô tánh tự tánh không là tự tánh của nội không cho đến vô tánh tự tánh không vậy.

Này Thiện Hiện! Bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo không buộc, không mở. Vì sao? Vì tánh vô sở hữu của 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo là tự tánh của 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo vậy.

Này Thiện Hiện! Như vậy cho đến 10 lực của Như Lai cho đến tất cả pháp Phật cũng không buộc, không mở. Vì sao? Vì tánh vô sở hữu của 10 lực Như Lai cho đến tất cả pháp Phật là tự tánh của 10 lực Như Lai cho đến tất cả pháp Phật vậy.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Sắc quá khứ không buộc, không mở**. Vì sao? **Vì tánh vô sở hữu của sắc quá khứ là tự tánh của sắc quá khứ**. Thọ, tưởng, hành, thức quá khứ không buộc, không mở. Vì sao? Vì tánh vô sở hữu của thọ, tưởng, hành, thức quá khứ là tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức quá khứ vậy.

Như vậy cho đến Nhất thiết trí quá khứ không buộc, không mở. Vì sao? Vì tánh vô sở hữu của Nhất thiết trí quá khứ là tự tánh của Nhất thiết trí quá khứ vậy. Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí quá khứ không buộc, không mở. Vì sao? Vì tánh vô sở hữu của Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí quá khứ là tự tánh của Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí quá khứ vậy.

Này Thiện Hiện! Ngũ uẩn vị lai, hiên tại không buộc, không mở cũng lại như vậy.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Những chúng sanh chẳng chuyên cần tinh tấn, chưa trồng căn lành, chẳng đủ thiện căn, bị bạn ác nhiếp phục, biếng nhác, tự cao, làm theo sự hướng dẫn của ma, tinh tấn yếu kém, thất niệm, ác tuệ nên đối với Bát nhã Ba la mật sâu xa mà Phật đã thuyết, thật khó tin hiểu.

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như ông đã nói. Những chúng sanh chẳng chuyên cần tinh tấn, chưa trồng căn lành, chẳng đủ căn lành, bị bạn ác nhiếp phục, biếng nhác, tự cao, làm theo sự hướng dẫn của ma, tinh tấn yếu kém, thất niệm, ác tuệ nên đối với Bát nhã Ba la mật sâu xa mà Ta đã thuyết, thật khó tin hiểu. Vì sao vậy?

*(Để giải thích đoạn Kinh này, **Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 41, “Tín Hủy”, Tập 4, quyển 63**, nói:*

“Ở Đoạn kinh trên đây, ngài Tu Bồ Đề bạch Phật với nội dung: Bát nhã Ba la mật thậm thâm vi diệu như vậy, nên người giải đãi, chẳng gieo trồng thiện căn, lại thường gần gũi ác tri thức, thì rất khó tin, rất khó giải được thâm nghĩa Bát nhã Ba la mật.

Ngược với các điều nêu trên đây, thì mới có được tín lực nơi Bát nhã Ba la mật.

--o0o--

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Vì sao thâm nghĩa của Bát nhã Ba la mật lại khó tin, khó hiểu như vậy ?

Phật dạy: Sắc… dẫn đến nhất thiết chủng trí đều chẳng phược*(buộc)*, chẳng giải*(mở)*.

Ở đây, Phật muốn nói rằng có người cho rằng 3 độc là phược, còn 3 giải thoát môn là giải. Thế nhưng, họ chẳng biết rằng 3 độc " tham, sân và si'', cùng với **hết thảy các phiền não đều là hư vọng, chẳng thật có, đều là tự tánh không**, nên bản lai vốn chẳng có phược, cũng chẳng có giải. Phá 3 độc thành 3 giải thoát môn cũng là chẳng có phược, chẳng có giải như vậy.

Phàm phu do chấp các pháp tướng, mà bị các phiền não trói buộc. Thật vậy, nếu **chấp mỗi pháp đều có tự tánh, thì chẳng sao có thể giải được, chẳng sao có thể đoạn, có thể hoại được**. Trái lại, **nếu biết rõ hết thảy các pháp đều là hư vọng, chẳng thật có thì các chấp liền được tiêu trừ, và chẳng còn thấy có phược, có giải nữa.**

Lại nữa, do phân biệt tâm và tâm sở… dẫn đến do chấp các pháp tướng, rồi bị trói buộc vào các duyên, mà khởi sanh phiền não vậy. Nếu vào được nơi thật tướng pháp, biết rõ các pháp đều là hư vọng , đều chẳng thật có, thì tâm liền được thanh tịnh.

Khi tâm đã thanh tịnh, tức "phi tâm tướng'' nên chẳng còn có các tướng trói buộc nữa. Đã chẳng có trói buộc thì cũng chẳng có cởi mở vậy.

--o0o--

Nơi đây, Phật nói sắc cùng hết thảy các pháp hữu vi đều do các nhân duyên hòa hợp sanh, nên đều chẳng có định tánh, đều là vô sở hữu tánh. Đã là vô sở hữu tánh, thì sắc tánh… dẫn đến hết thảy các pháp tánh, ở trong cả 3 đời, đều chẳng có phược, cũng chẳng có giải. Ngài Tu Bồ Đề biết rõ Bát nhã Ba la mật chẳng phải thậm thâm (phi thậm thâm), nên nói rằng: Nếu cho Bát nhã Ba la mật thậm thâm là xa lìa Bát nhã Ba la mật.

Vì sao? Vì nếu cho Bát nhã Ba la mật là thậm thâm, khó tín, khó giải mà chẳng nhất tâm tinh tấn tu hành, chẳng gieo trồng thiện căn giải thoát,

lại thân cận ác tri thức, chỉ cầu thế giới lạc, thì chẳng sao có được xuất thế gian giải thoát. Hạng người như vậy thường bị các phiền não loạn tâm, khiến quên làm điều thiện, gieo trồng các bất thiện căn, chẳng phá được kiêu mạn, chẳng trừ được tà kiến hý luận. Bởi vậy nên, dù cầu thật tướng pháp, mà vẫn chẳng sao có đủ trí để phân biệt thiện ác, nên chẳng sao có được các lực phương tiện xảo vậy.

Hạng người hành các ác pháp như vậy rất khó tín giải thâm nghĩa của Bát nhã Ba la mật").

Trói buộc hay giải thoát là hai mặt đối đãi của cuộc đời thường. Trong thắng nghĩa không có hai pháp(nhị pháp). Nếu thấy tất cả pháp là không, cũng không chấp không thì được thong dong, tự tại. Nên luận nói rằng: "...nếu biết rõ hết thảy các pháp đều là hư vọng, chẳng thật có thì các chấp liền được tiêu trừ, và chẳng còn thấy có phược, có giải nữa".

Vì có vọng cầu nên có vọng sanh. Thấy tất cả pháp là không, không trói buộc thì cầu giải thoát làm gì? Nên nói phiền não tức Bồ đề không phải hai không phải khác. Chỉ mình làm rối mình. Đạt được Tánh không Bát Nhã thì hóa giải hết!

Chìa khóa để "tịnh đạo Bồ đề" là nằm ở giáo lý "không trói, không buộc, thì không cần tháo gỡ". Thật giản dị mà hiệu năng vô cùng!

(Sắc thanh tịnh nên quả thanh tịnh)

Này Thiện Hiện! **Vì sắc thanh tịnh tức quả thanh tịnh, quả thanh tịnh tức sắc thanh tịnh. Sắc thanh tịnh cùng với quả thanh tịnh đây không hai không khác, không hoại không đoạn.** Thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức quả thanh tịnh; quả thanh tịnh tức thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh. Thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh cùng với quả thanh tịnh đây không hai không khác, không hoại không đoạn.

Như vậy cho đến tất cả hạnh Bồ Tát thanh tịnh tức quả thanh tịnh, quả thanh tịnh tức tất cả hạnh Bồ Tát thanh tịnh. Tất cả hạnh Bồ Tát thanh tịnh cùng với quả thanh tịnh đây không hai không khác, không hoại không đoạn. Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề của chư Phật thanh tịnh tức quả thanh tịnh, quả thanh tịnh tức Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề của chư Phật thanh tịnh. Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề của chư Phật thanh tịnh cùng với quả thanh tịnh đây không hai không khác, không hoại không đoạn.

(Sắc thanh tịnh tức Bát nhã Ba la mật thanh tịnh)

Lại nữa, Thiện Hiện! Sắc thanh tịnh tức Bát nhã Ba la mật thanh tịnh, Bát nhã Ba la mật thanh tịnh tức sắc thanh tịnh. Sắc thanh tịnh cùng với Bát nhã Ba la mật thanh tịnh đây không hai không khác, không hoại không đoạn. Thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức Bát nhã Ba la mật thanh tịnh; Bát nhã Ba la mật thanh tịnh tức thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh. Thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh cùng với Bát nhã Ba la mật thanh tịnh đây không hai không khác, không hoại không đoạn.

Như vậy, cho đến Nhất thiết trí thanh tịnh tức Bát nhã Ba la mật thanh tịnh, Bát nhã Ba la mật thanh tịnh tức Nhất thiết trí thanh tịnh. Nhất thiết trí thanh tịnh cùng với Bát nhã Ba la mật thanh tịnh đây không hai không khác, không hoại không đoạn. Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thanh tịnh tức Bát nhã Ba la mật thanh tịnh; Bát nhã Ba la mật thanh tịnh tức Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thanh tịnh. Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thanh tịnh cùng với Bát nhã Ba la mật thanh tịnh đây không hai không khác, không hoại không đoạn.

(Nhất thiết trí thanh tịnh tức Nhất thiết trí trí thanh tịnh)

Như vậy cho đến Nhất thiết trí thanh tịnh tức Nhất thiết trí trí thanh tịnh, Nhất thiết trí trí thanh tịnh tức Nhất thiết trí thanh tịnh. Nhất thiết trí thanh tịnh cùng với Nhất thiết trí trí thanh tịnh đây không hai không khác, không hoại không đoạn. Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thanh tịnh tức Nhất thiết trí trí thanh tịnh; Nhất thiết trí trí thanh tịnh tức Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thanh tịnh. Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thanh tịnh cùng với Nhất thiết trí trí thanh tịnh đây không hai không khác, không hoại không đoạn.

(Bất nhị thanh tịnh tức sắc thanh tịnh)

Lại nữa, Thiện Hiện! Bất nhị thanh tịnh tức sắc thanh tịnh, sắc thanh tịnh tức bất nhị thanh tịnh. Bất nhị thanh tịnh cùng với sắc thanh tịnh đây không hai không khác, không hoại không đoạn. Bất nhị thanh tịnh tức thọ,

tưởng, hành, thức thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức bất nhị thanh tịnh. Bất nhị thanh tịnh cùng với thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh đây không hai không khác, không hoại không đoạn.

Như vậy cho đến bất nhị thanh tịnh tức Nhất thiết trí thanh tịnh, Nhất thiết trí thanh tịnh tức bất nhị thanh tịnh. Bất nhị thanh tịnh cùng với Nhất thiết trí thanh tịnh đây không hai không khác, không hoại không đoạn. Bất nhị thanh tịnh tức Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thanh tịnh; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thanh tịnh tức bất nhị thanh tịnh. Bất nhị thanh tịnh cùng với Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thanh tịnh đây không hai không khác, không hoại không đoạn.

(Ngã, hữu tình cho đến người biết, người thấy... thanh tịnh tức sắc thanh tịnh)

Lại nữa, Thiện Hiện! Ngã, hữu tình cho đến người biết, người thấy thanh tịnh tức sắc thanh tịnh; sắc thanh tịnh tức ngã, hữu tình cho đến người biết, người thấy thanh tịnh. Ngã, hữu tình cho đến người biết, người thấy thanh tịnh cùng với sắc thanh tịnh đây không hai không khác, không hoại không đoạn. Ngã, hữu tình cho đến người biết, người thấy thanh tịnh tức thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức ngã, hữu tình cho đến người biết, người thấy thanh tịnh. Ngã, hữu tình cho đến người biết, người thấy thanh tịnh cùng với thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh đây không hai không khác, không hoại không đoạn.

Như vậy ngã, hữu tình cho đến người biết, người thấy thanh tịnh tức Nhất thiết trí thanh tịnh; Nhất thiết trí thanh tịnh tức ngã hữu tình cho đến người biết, người thấy thanh tịnh. Ngã, hữu tình cho đến người biết, người thấy thanh tịnh cùng với Nhất thiết trí thanh tịnh đây không hai không khác, không hoại không đoạn. Ngã, hữu tình cho đến người biết, người thấy thanh tịnh tức Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thanh tịnh; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thanh tịnh tức ngã, hữu tình cho đến người biết, người thấy thanh tịnh. Ngã, hữu tình cho đến người biết, người thấy thanh tịnh cùng với Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thanh tịnh đây không hai không khác, không hoại không đoạn.

*(Để giải thích thế nào là **"Sắc thanh tịnh nên quả thanh tịnh"** cho đến **"Ngã, hữu tình cho đến người biết, người thấy thanh tịnh tức sắc thanh tịnh", Luận Đại Trí Độ cùng phẩm thứ bốn 41,** luận rằng:*

"Phật lại nêu lên các nhân duyên khiến Bát nhã Ba la mật khó tin, khó giải, khi nói với ngài Tu Bồ Đề rằng: Sắc bản lai thanh tịnh, nên quả cũng thanh tịnh… dẫn đến Vô thượng Bồ đề thanh thịnh, nên quả cũng thanh tịnh.

Ví như người tu 4 niệm xứ, khi tu tập thân niệm xứ, quán sắc cùng hết thảy các pháp là bất tịnh, là vô thường.

Quán như vậy sẽ thấy rõ tánh của sắc cũng như tánh của hết thảy pháp đều là vô lậu, là thanh tịnh, nên đoạn trừ được các phiền não, vào được Niết Bàn.

Quán 3 niệm xứ kia cũng là như vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói sắc cùng hết thảy pháp thanh tịnh, nên quả thanh tịnh. Quả đã thanh tịnh thì nhân cũng thanh tịnh.

Hỏi: *Trước nói niệm sắc là bất tịnh, là vô thường, thì được thân niệm xứ. Nay vì sao lại nói quả thanh tịnh, thì nhân cũng thanh tịnh?*

Đáp: Khi mới vào sơ môn, thì quán bất tịnh… nhưng đó chẳng phải là thật quán. Vì sao? Vì khi đã vào được Bát nhã Ba la mật rồi, thì chẳng còn nói quán thường hay vô thường, quán tịnh hay bất tịnh nữa. Tất cả các pháp quán đó đều chỉ là hý luận.

Khi vào được Bát nhã Ba la mật rồi, thì các hý luận đó đều tận diệt. Lúc bấy giờ mới thấy rõ được tướng sắc là rốt ráo thanh tịnh. Do vậy mà nói "quả đã thanh tịnh, thì nhân cũng thanh tịnh".

Bát nhã Ba la mật là rốt ráo thanh tịnh, như hư không, chẳng có nhiễm ô. Khi vào trong Bát nhã Ba la mật, thì biết rõ sắc… dẫn đến hết thảy các pháp đều chẳng sanh, chẳng diệt, đều là rốt ráo thanh tịnh cả. Lại nữa, hành Bát nhã Ba la mật là thành tựu được 3 chánh nhân :

- Chánh quán
- Chánh hạnh
- Chánh tu

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba la mật thanh tịnh, thì sắc… dẫn đến hết thảy các pháp thanh tịnh, nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh. Ở nơi thật tướng pháp thì hết thảy các pháp cùng Bát nhã Ba la mật là chẳng

phải hai, chẳng phải khác. Vì là chẳng phải hai, chẳng phải khác, nên là chẳng ly, chẳng đoạn, chẳng hoại.

Lại nữa, cầu ngã, cầu pháp… dẫn đến cầu 3 đời 10 phương chư Phật đều là bất khả đắc cả. Bởi vậy nên 5 ấm chỉ là giả danh, chúng sanh chỉ là giả danh… dẫn đến trí giả, kiến giả, cùng hết thảy các pháp cũng đều là giả danh cả; ngã là “ không”, là vô sở hữu, là thanh tịnh, nên chúng sanh… dẫn đến trí giả, kiến giả cùng hết thảy các pháp cũng đều là “không’’, là vô sở hữu, là thanh tịnh cả”).

(Tham, sân, si thanh tịnh tức sắc thanh tịnh)

Lại nữa, Thiện Hiện! Tham, sân, si thanh tịnh tức sắc thanh tịnh; sắc thanh tịnh tức tham, sân, si thanh tịnh. Tham, sân, si thanh tịnh cùng với sắc thanh tịnh đây không hai không khác, không hoại không đoạn. Tham, sân, si thanh tịnh tức thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh tức tham, sân, si thanh tịnh. Tham, sân, si thanh tịnh cùng với thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh đây không hai không khác, không hoại không đoạn.

Như vậy cho đến tham, sân, si thanh tịnh tức Nhất thiết trí thanh tịnh; Nhất thiết trí thanh tịnh tức tham, sân, si thanh tịnh. Tham, sân, si thanh tịnh cùng với Nhất thiết trí thanh tịnh đây không hai không khác, không hoại không đoạn. Tham, sân, si thanh tịnh tức Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thanh tịnh; Đạo tướng trí, Nhất thiết trí tướng thanh tịnh tức tham, sân, si thanh tịnh. Tham, sân, si thanh tịnh cùng với Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thanh tịnh đây không hai không khác, không hoại không đoạn.

(Ngũ uẩn thanh tịnh nên 12 xứ, 18 giới thanh tịnh)

Lại nữa, Thiện Hiện! Ngũ uẩn thanh tịnh nên 12 xứ, 18 giới thanh tịnh, 12 xứ, 18 giới thanh tịnh nên ngũ uẩn thanh tịnh. Ngũ uẩn thanh tịnh cùng với 12 xứ 18 giới thanh tịnh đây không hai không khác, không hoại không đoạn. Ý xúc thanh tịnh nên nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ thanh tịnh. Ý xúc làm duyên sanh ra các thọ thanh tịnh nên vô minh cho đến lão tử, sầu, than, khổ, ưu não thanh tịnh.

Lão tử, sầu, than, khổ, ưu não thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật cho đến bố thí Ba la mật thanh tịnh.

Bố thí Ba la mật thanh tịnh nên nội không cho đến vô tánh tự tánh không thanh tịnh. Vô tánh tự tánh không thanh tịnh nên bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo thanh tịnh. Tám chi Thánh đạo thanh tịnh nên lần lược mười lực Phật, cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh. Mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh nên Nhất thiết trí thanh tịnh. Nhất thiết trí thanh tịnh nên Đạo tướng trí thanh tịnh. Đạo tướng trí thanh tịnh nên Nhất thiết tướng trí thanh tịnh. Nhất thiết tướng trí thanh tịnh nên Đạo tướng trí thanh tịnh. Đạo tướng trí thanh tịnh cùng với Nhất thiết tướng trí thanh tịnh đây không hai không khác, không hoại không đoạn.*(Đoạn Kinh này thuyết tất cả pháp Phật xoay quanh sự thanh tịnh)*

***(Bát Nhã thanh tịnh nên sắc thanh tịnh,
sắc thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh)***

Lại nữa, Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật thanh tịnh nên sắc thanh tịnh, sắc thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Hoặc Bát nhã Ba la mật thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh không hai không khác, không hoại không đoạn. Nói rộng cho đến Bát nhã Ba la mật thanh tịnh nên Nhất thiết tướng trí thanh tịnh, Nhất thiết tướng trí thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Hoặc Bát nhã Ba la mật thanh tịnh, hoặc Nhất thiết tướng trí thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh không hai không khác, không hoại không đoạn.*(2)*

Như vậy, cho đến **bố thí Ba la mật thanh tịnh** nên sắc thanh tịnh, sắc thanh tịnh nên Nhất thiết trí thanh tịnh. Hoặc bố thí Ba la mật thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí thanh tịnh không hai không khác, không hoại không đoạn. Nói rộng cho đến bố thí Ba la mật thanh tịnh nên Nhất thiết tướng trí thanh tịnh, Nhất thiết tướng trí thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Hoặc bố thí Ba la mật thanh tịnh, hoặc Nhất thiết tướng trí thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh không hai không khác, không hoại không đoạn.

Này Thiện Hiện! **Nội không thanh tịnh nên sắc thanh tịnh**, sắc thanh tịnh nên Nhất thiết trí thanh tịnh. Hoặc nội không thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí thanh tịnh không hai không khác, không

hoại không đoạn. Nói rộng cho đến nội không thanh tịnh nên Nhất thiết tướng trí thanh tịnh, Nhất thiết tướng trí thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Hoặc nội không thanh tịnh, hoặc Nhất thiết tướng trí thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh không hai không khác, không hoại không đoạn.

Như vậy cho đến **vô tánh tự tánh không thanh tịnh** nên sắc thanh tịnh, sắc thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Hoặc vô tánh tự tánh không thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí thanh tịnh không hai không khác, không hoại không đoạn. Nói rộng cho đến vô tánh tự tánh không thanh tịnh nên Nhất thiết tướng trí thanh tịnh, Nhất thiết tướng trí thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Hoặc vô tánh tự tánh không thanh tịnh, hoặc Nhất thiết tướng trí thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh không hai không khác, không hoại không đoạn.

Này Thiện Hiện! Như vậy **4 niệm trụ, 8 chi Thánh đạo, cho đến 10 lực Như Lai thanh tịnh nên sắc thanh tịnh**, sắc thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Hoặc 4 niệm trụ, 8 chi Thánh đạo, 10 lực Như Lai thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh không hai không khác, không hoại không đoạn. Nói rộng cho đến 10 lực Như Lai thanh tịnh nên Nhất thiết tướng trí thanh tịnh, Nhất thiết tướng trí thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Hoặc 4 niệm trụ, 8 chi Thánh đạo, 10 lực Như Lai thanh tịnh, hoặc Nhất thiết tướng trí thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh không hai không khác, không hoại không đoạn.

Như vậy, cho **đến 18 pháp Phật bất cộng thanh tịnh nên sắc thanh tịnh**, sắc thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Hoặc 18 pháp Phật bất cộng thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh không hai không khác, không hoại không đoạn. Nói rộng cho đến 18 pháp Phật bất cộng thanh tịnh nên Nhất thiết tướng trí thanh tịnh, Nhất thiết tướng trí thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Hoặc 18 pháp Phật bất cộng thanh tịnh, hoặc Nhất thiết tướng trí thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh không hai không khác, không hoại không đoạn.

(Nhất thiết trí thanh tịnh nên sắc thanh tịnh,
sắc thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh)

Này Thiện Hiện! Nhất thiết trí thanh tịnh nên sắc thanh tịnh, sắc thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Hoặc **Nhất thiết trí** thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh không hai không khác, không hoại không đoạn. Nói rộng cho đến Nhất thiết trí thanh tịnh nên Nhất thiết tướng trí thanh tịnh, Nhất thiết tướng trí thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Hoặc Nhất thiết trí thanh tịnh, hoặc Nhất thiết tướng trí thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh không hai không khác, không hoại không đoạn.

Như vậy, cho đến Nhất thiết tướng trí thanh tịnh nên sắc thanh tịnh, sắc thanh tịnh nên Nhất thiết trí trí thanh tịnh. Hoặc **Nhất thiết tướng trí** thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh không hai không khác, không hoại không đoạn. Nói rộng cho đến Nhất thiết trí thanh tịnh nên Đạo tướng trí thanh tịnh, Đạo tướng trí thanh tịnh nên Nhất thiết tướng trí thanh tịnh. Hoặc Nhất thiết tướng trí thanh tịnh, hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh không hai không khác, không hoại không đoạn.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nhất thiết trí trí thanh tịnh, nên sắc thanh tịnh, sắc thanh tịnh nên 4 niệm trụ, 8 chi Thánh đạo thanh tịnh. Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc Bát nhã Ba la mật thanh tịnh không hai không khác, không hoại không đoạn. Nói rộng cho đến Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên Nhất thiết tướng trí thanh tịnh, Nhất thiết tướng trí thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh. Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc Nhất thiết tướng trí thanh tịnh, hoặc Bát nhã Ba la mật thanh tịnh không hai không khác, không hoại không đoạn.

Như vậy, cho đến Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên sắc thanh tịnh, sắc thanh tịnh nên Nhất thiết tướng trí thanh tịnh. Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc Nhất thiết tướng trí thanh tịnh không hai không khác, không hoại không đoạn. Nói rộng cho đến Nhất thiết trí trí thanh tịnh nên Đạo tướng trí thanh tịnh, Đạo tướng trí thanh tịnh nên Nhất thiết tướng trí thanh tịnh. Hoặc Nhất thiết trí trí thanh tịnh, hoặc Đạo tướng trí thanh tịnh, hoặc Nhất thiết tướng trí thanh tịnh không hai không khác, không hoại không đoạn.

Mỗi mỗi câu chữ trong đây đều theo thứ lớp trước đây phân loại mà nói đầy đủ.

(Hữu vi thanh tịnh, nên vô vi thanh tịnh)

Lại nữa, Thiện Hiện! **Hữu vi thanh tịnh nên vô vi thanh tịnh**, vô vi thanh tịnh nên hữu vi thanh tịnh. Hoặc hữu vi thanh tịnh, hoặc vô vi thanh tịnh không hai không khác, không hoại không đoạn.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Quá khứ thanh tịnh nên vị lai thanh tịnh**, vị lai thanh tịnh nên quá khứ thanh tịnh. Hoặc quá khứ thanh tịnh, hoặc vị lai thanh tịnh không hai không khác, không hoại không đoạn.

(Ba thời đều thanh tịnh)

Quá khứ thanh tịnh nên hiện tại thanh tịnh, hiện tại thanh tịnh nên quá khứ thanh tịnh. Hoặc quá khứ thanh tịnh, hoặc hiện tại thanh tịnh không hai không khác, không hoại không đoạn.

Vị lai thanh tịnh nên hiện tại thanh tịnh, hiện tại thanh tịnh nên vị lai thanh tịnh. Hoặc vị lai thanh tịnh, hoặc hiện tại thanh tịnh không hai không khác, không hoại không đoạn.

Quá khứ thanh tịnh nên vị lai, hiện tại thanh tịnh; vị lai, hiện tại, thanh tịnh nên quá khứ thanh tịnh. Hoặc quá khứ thanh tịnh, hoặc vị lai, hiện tại thanh tịnh không hai không khác, không hoại không đoạn.

Vị lai thanh tịnh nên quá khứ, hiện tại thanh tịnh; quá khứ, hiện tại thanh tịnh nên vị lai thanh tịnh. Hoặc vị lai thanh tịnh, hoặc quá khứ, hiện tại thanh tịnh không hai không khác, không hoại không đoạn.

Hiện tại thanh tịnh nên quá khứ, vị lai thanh tịnh; quá khứ, vị lai thanh tịnh nên hiện tại thanh tịnh. Hoặc hiện tại thanh tịnh, hoặc quá khứ, vị lai thanh tịnh không hai không khác, không hoại không đoạn.

*(Để giải thích thế nào là **"Tham, sân, si thanh tịnh tức sắc thanh tịnh"** cho đến "**Ba thời đều thanh tịnh", Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ bốn 41 nói trên,** đặt câu hỏi như sau:*

"Hỏi: *Phật đã dạy 3 độc là bất tịnh. Nay vì sao lại nói "tham, sân và si" thanh tịnh, nên sắc thanh tịnh?*

Đáp: Đây là nói <u>tánh</u> của 3 độc là thanh tịnh, nên tánh của sắc cũng thanh tịnh. Bởi vậy nên nói 3 độc thanh tịnh, nên sắc thanh tịnh. Vì sao? Vì 3 độc thanh tịnh cùng sắc thanh tịnh chẳng phải hai, chẳng phải khác".

(Ở đây câu giải đáp "nói tánh của 3 độc thanh tịnh, nên nói sắc cũng là thanh tịnh". *Có lẽ câu giải thích này quá ngắn ngủi, nên khó hiểu. Nếu giải thích về từ* ***"tánh"*** *thì chúng ta có thể hiểu: Vì tất cả pháp bản tánh duy nhất. Các pháp nhất tánh tức là vô tánh. Như vậy, các pháp nhất tánh vô tánh là thật tánh. Thật tánh tức là không nên vô tạo vô tác. Nếu vào được pháp không Bát Nhã thì tánh tam độc cũng là không, trong không làm gì có tạo tác, không tạo tác tức được thanh tịnh. Tam độc thanh tịnh, nên nói sắc cũng thanh tịnh v.v…)*

"Còn nói 12 chi duyên khởi thanh tịnh là nói **tánh của vô minh** là rốt ráo không, là vô sở hữu, là rốt ráo thanh tịnh, nên tánh của các chi khác trong 12 chi duyên khởi cũng đều rốt ráo thanh tịnh cả.

Vì 12 chi duyên khởi thanh tịnh, nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

Vì Bát nhã Ba la mật thanh tịnh, nên Đàn Na Ba La Mật… dẫn đến Thiền Na Ba La Mật đều thanh tịnh, nội không… dẫn đến vô pháp hữu pháp không đều thanh tịnh, 4 niệm xứ… dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều thanh tịnh. Vì hết thảy pháp thanh tịnh là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Lại nữa, vì hữu vi thanh tịnh, nên vô vi thanh tịnh. Vì thật tướng của hữu vi là vô vi vậy.

Ví như người cầu " thường, lạc, ngã, tịnh'' ở nơi các pháp, mà chẳng biết rằng " thường, lạc, ngã, tịnh'' ở nơi các pháp là bất khả đắc.

Vì thật tướng vô vi là bất khả đắc, nên nói hữu vi thanh tịnh, thì vô vi thanh tịnh.

Lại nữa, do nhân duyên có hữu vi mới có vô vi. Các bậc thánh đã trú ở nơi vô vi, nên thấy hữu vi thanh tịnh, mà đã là thanh tịnh, thì cũng tức là vô vi vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói: Hữu vi thanh tịnh, thì vô vi thanh tịnh, dẫn đến hữu vi pháp ở cả 3 đời đều thanh tịnh. Vì sao? Vì quá khứ đã qua, vị lai chưa đến, hiện tại hằng chuyển, niệm niệm sanh diệt, nên hết thảy pháp đều là chẳng trú, mà cũng là chẳng phải chẳng trú; cả 3 đời đều là rốt ráo không.

Khi vào được trong Bát nhã Ba la mật rồi thì biết rõ hữu vi cùng vô vi đều là không, tức là biết rõ hết thẩy các pháp, ở nơi thật tướng, đều là rốt ráo thanh tịnh cả.

Hỏi: *Nếu chẳng tin Bát nhã Ba la mật, thì đọa vào địa ngục; nếu tin Bát nhã Ba la mật, thì sẽ thành tựu được Phật quả. Như vậy, hạng người phạm tội "ngũ nghịch" phá giới, tà kiến, giải đãi, mà tin Bát nhã Ba la mật, thì có bị đọa địa ngục không? Người trì giới tinh tấn mà chẳng tin Bát nhã Ba la mật, thì có đọa địa ngục không?*

Đáp: Phá Bát nhã Ba la mật có 2 trường hợp. Đó là:

- Phá hoại lời Phật dạy trong các Kinh điển. Ví Như người vô trí nghe người khác đọc tụng Kinh điển, mà phỉ báng, cho đó chẳng phải là lời Phật dạy. Hạng người như vậy đọa vào đoạn diệt kiến. Do chấp tà kiến như vậy, mà phải đọa vào địa ngục.

Lại có người biên chép lời Phật dạy, mà thêm bớt cho sai lệch, hoặc miệng thuyết Bát nhã Ba la mật là " không'', mà tâm thì chấp "có''. Hạng người như vậy cũng bị đọa vào địa ngục.

- Người tin Bát nhã Ba la mật mà luận nghị còn vướng mắc, thì chẳng gọi là phá Bát nhã Ba la mật.

Ví như ông Điều Đạt và ông Kỳ Vứt đều làm thân Phật chảy máu, nhưng với tâm niệm khác nhau, nên đã thọ các quả báo khác nhau. Ông Điều Đạt thì bị tội, còn ông Kỳ Vứt thì được phước.

Lại ví như hai người phá tượng Phật, một người vì thấy tượng chẳng được đẹp mà phá đi để tạc tượng khác, một người vì ác tâm mà phá tượng, thì người sau bị đọa địa ngục, vì tội phá pháp, phá tượng.

Lại nữa, có người, tuy chẳng có ý khinh Phật, nhưng lại phân biệt tư duy rằng: Bát nhã Ba la mật là pháp thậm thâm, ắt phải có chổ thâm diệu. Tại sao lại nói rốt ráo không được?

Tư duy như vậy, nói ra như vậy cũng là phá hoại Bát nhã Ba la mật.

Vì sao? Vì Phật muốn cứu độ chúng sanh mà phương tiện nói ra để chỉ bày thật tướng pháp, mà phàm phu lại chấp tâm, thủ tướng. Do vậy mà khởi khẩu nghiệp hủy báng, phá hoại Bát nhã Ba la mật.

--o0o--

Tin Bát nhã Ba la mật có 2 trường hợp. Đó là:

- Người tín giải thâm nghĩa Bát nhã Ba la mật được vô lượng công đức.

- Người tin kinh Bát nhã Ba la mật, tin theo văn tự cùng ngữ ngôn Bát nhã Ba la mật, thì chỉ được quả báo, phước đức.

Trái lại, người tinh tấn trì giới, điều thân khẩu tốt, mà vẫn còn tùy thuận theo tà kiến, thì cũng bị tội hành ác pháp.

Ví như người trồng giống cây quả đắng, thì chắc chắn sẽ hái quả đắng vậy. Người theo tà kiến cũng như vậy; tuy có tinh tấn trì giới, tinh tấn điều thân khẩu, mà vẫn có thể bị đọa vào đường ác.

Hỏi: *Người phạm tội "ngũ nghịch" là người phạm trọng tội. Hạng người này thường bị vô minh, si ám che tâm. Chẳng tin vào các nghiệp báo ở đời này và cả ở đời sau, do các tội ác của họ gây ra.*

Như vậy, hạng người này làm sao có thể thâm tín Bát nhã Ba la mật được?

Đáp: Có người trước đã phạm tội "ngũ nghich" như giết cha, giết mẹ, phá hòa hợp tăng v.v…, nhưng về sau biết ăn năn, hối cải, lại được thiện tri thức dạy dỗ, cũng có thể tín giải được thâm nghĩa Bát nhã Ba la mật, và vào được đạo.

Như trường hợp của vua A Xà Thế phạm tội giết cha, đã nhờ Phật và ngài Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi thuyết Bát nhã Ba la mật cho nghe, mà thâm tín Bát nhã Ba la mật, chứng được đạo quả.

--o0o--

Nên biết, người viết chép kinh, cung kính, cúng dường Bát nhã Ba la mật khỏi tội ác, nhưng nếu chẳng liễu được thâm nghĩa Bát nhã Ba la mật, thì cũng chẳng vẫn vào được đạo.

Lại cũng nên biết, có người ở đời trước đã gặp được thiện tri thức, đã chứa nhóm các nhân duyên phước đức, đã có lợi căn, đã thâm tín Bát nhã Ba la mật, thì ở đời nay, cũng lại thâm tín Bát nhã Ba la mật vậy").

Hai đoạn chú giải của Đại Trí Độ Luận vừa dẫn chứng trên, thật sự giúp chúng ta hiểu được giáo lý "Thanh Tịnh", một giáo lý hết sức quan trọng mà Kinh Đại Bát Nhã phải dùng tổng cộng 103 quyển, hơn 1.000 trang đánh máy khổ lớn để xiển dương giáo lý này ở Hội thứ I, ĐBN.

Phần đầu đã thuyết xong thế nào gọi là "thanh tịnh". Bây giờ, chúng ta bắt đầu trình bày, tại sao Kinh "khen ngợi thanh tịnh?"

<u>2. Phần sau</u> khen ngợi "Thanh Tịnh":
(Bắt đầu đoạn này của Kinh ĐBN cho đến hết phẩm này tương đương với phẩm thứ 42, "Thán Tịnh", Tập 4, quyển 63, ĐTĐL).

Bấy giờ, Xá lợi Tử thưa Phật rằng:
- Bạch Thế Tôn! <u>Pháp này*(3)*</u> thanh tịnh rất là **sâu xa**.
Phật dạy:
- Đúng như vậy, vì rốt ráo tịnh*(4)* vậy.
Xá lợi Tử hỏi:
- Bạch Thế Tôn! Những gì rốt ráo tịnh mà nói pháp này thanh tịnh rất là sâu xa?
Phật dạy:
- Này Xá lợi Tử! Vì sắc rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh rất là sâu xa; thọ, tưởng, hành, thức rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh rất là sâu xa. 12 xứ cho đến 18 giới rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh rất là sâu xa. Bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh rất là sâu xa. Nội không cho đến vô tính tự tính không rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh rất là sâu xa. 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh rất là sâu xa. Như vậy, cho đến Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh rất là sâu xa. Tất cả Bồ Tát hạnh rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh rất là sâu xa. Các đại Bồ Tát rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh rất là sâu xa. Vô thượng Bồ đề rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh rất là sâu xa. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh rất là sâu xa. Nhất thiết trí rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh rất là sâu xa; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh rất là sâu xa.
Xá lợi Tử lại thưa Phật:
- Bạch Thế Tôn! Pháp này thanh tịnh rất là **rõ ràng**.
Phật dạy:
- Đúng như vậy, vì rốt ráo tịnh vậy.
Xá lợi Tử hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Những gì rốt ráo tịnh mà nói pháp này thanh tịnh rất là rõ ràng?

Phật dạy:

- Xá lợi Tử! Bát nhã Ba la mật rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh rất là rõ ràng. Cho đến bố thí Ba la mật rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh rất là rõ ràng. Như vậy, cho đến Nhất thiết trí rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh rất là rõ ràng; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh rất là rõ ràng.

Xá lợi Tử lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Pháp này thanh tịnh **chẳng động chuyển, chẳng nối tiếp.**

Phật dạy:

- Đúng như vậy, vì rốt ráo tịnh vậy.

Xá lợi Tử hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Những gì rốt ráo thanh tịnh mà nói pháp này thanh tịnh chẳng động chuyển, chẳng nối tiếp?

Phật dạy:

- Xá lợi Tử! Sắc chẳng động chuyển, chẳng nối tiếp rốt ráo tịnh nên nói pháp này thanh tịnh chẳng động chuyển chẳng nối tiếp; thọ, tưởng, hành, thức chẳng động chuyển, chẳng nối tiếp rốt ráo tịnh nên nói pháp này thanh tịnh chẳng động chuyển chẳng nối tiếp. Như vậy, cho đến Nhất thiết trí chẳng động chuyển, chẳng nối tiếp rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh chẳng động chuyển chẳng tiếp nối; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí chẳng động chuyển, chẳng nối tiếp rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh chẳng động chuyển chẳng nối tiếp.

Khi ấy, Xá lợi Tử lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Pháp này thanh tịnh vốn **không tạp nhiễm**.

Phật dạy:

- Đúng như vậy, vì rốt ráo tịnh vậy.

Xá lợi Tử hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Những gì rốt ráo tịnh mà nói pháp này thanh tịnh vốn không tạp nhiễm?

Phật dạy:

- Xá lợi Tử! Sắc rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh vốn không tạp nhiễm; thọ, tưởng, hành, thức rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh

vốn không tạp nhiễm. Như vậy, cho đến Nhất thiết trí rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh vốn không tạp nhiễm; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí rốt ráo tịnh nên nói pháp này thanh tịnh vốn không tạp nhiễm.

Xá lợi Tử lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Pháp này thanh tịnh **bản tánh trong sạch**.

Phật dạy:

- Đúng như vậy, vì rốt ráo tịnh vậy.

Xá lợi Tử hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Những gì rốt ráo tịnh mà nói pháp này thanh tịnh bản tánh trong sạch?

Phật dạy:

Xá lợi Tử! Sắc rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh bản tánh trong sạch; thọ, tưởng, hành, thức rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh bản tánh trong sạch. Như vậy, cho đến Nhất thiết trí rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh bản tánh trong sạch; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí rốt ráo tịnh nên nói pháp này thanh tịnh bản tánh trong sạch.

Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Pháp này thanh tịnh, **không đắc không hiện quán**.

Phật dạy:

- Đúng như vậy, vì rốt ráo tịnh vậy.

Xá lợi Tử hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Những gì rốt ráo tịnh mà nói pháp này thanh tịnh, không đắc không hiện quán?

Phật dạy:

- Xá lợi Tử! Sắc **bản tánh không**, rốt ráo tịnh nên nói pháp này thanh tịnh không đắc không hiện quán; thọ, tưởng, hành, thức bản tánh không, rốt ráo tịnh nên nói pháp này thanh tịnh không đắc không hiện quán. Như vậy, cho đến Nhất thiết trí bản tánh không, rốt ráo tịnh nên nói pháp này thanh tịnh không đắc không hiện quán; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí bản tánh không, rốt ráo tịnh nên nói pháp này thanh tịnh, không đắc không hiện quán.

Khi ấy, Xá lợi Tử lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Pháp này thanh tịnh, **không sanh khởi***(5)* **không hiển hiện***(6)*.

Phật dạy:

- Đúng như vậy, vì rốt ráo tịnh vậy.

Xá lợi Tử hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Những gì rốt ráo tịnh mà nói pháp này thanh tịnh, không sanh khởi, không hiển hiện?

Phật dạy:

- Xá lợi Tử! Sắc không sanh khởi, không hiển hiện, rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh, không sanh, không hiện; thọ, tưởng, hành, thức không sanh khởi, không hiển hiện, rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh, không sanh, không hiện. Như vậy, cho đến Nhất thiết trí không sanh khởi, không hiển hiện, rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh, không sanh, không hiện; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí không sanh khởi, không hiển hiện, rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh, không sanh, không hiện.

Xá lợi Tử lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Pháp này thanh tịnh, **chẳng sanh cõi Dục, chẳng sanh cõi Sắc, chẳng sanh cõi Vô sắc.**

Phật dạy:

- Đúng như vậy, vì rốt ráo tịnh vậy.

Xá lợi Tử hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao pháp này thanh tịnh, chẳng sanh cõi Dục, chẳng sanh cõi Sắc, cõi Vô sắc?

Phật dạy:

- Xá Lợi Tử! Vì tự tánh của ba cõi bất khả đắc, nên nói pháp này thanh tịnh, chẳng sanh cõi Dục, chẳng sanh cõi Sắc, chẳng sanh cõi Vô sắc.

Xá lợi Tử lại thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Pháp này thanh tịnh, **bản tánh vô tri**.

Phật dạy:

- Đúng như vậy, vì rốt ráo tịnh vậy.

Xá lợi Tử hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao pháp này thanh tịnh, bản tánh vô tri?

Phật dạy:

- Xá lợi Tử! Vì bản tánh của **tất cả pháp trì độn** nên pháp này thanh tịnh, bản tánh vô tri.

Xá lợi Tử hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Những gì bản tánh vô tri, nên nói pháp này thanh tịnh bản tánh vô tri?

Phật dạy:

- Xá lợi Tử! Vì bản tánh sắc vô tri, **tự tướng không**, nên nói pháp này thanh tịnh, bản tánh vô tri; bản tánh thọ, tưởng, hành, thức vô tri, tự tướng không, nên nói pháp này thanh tịnh, bản tánh vô tri. Như vậy cho đến vì bản tánh Nhất thiết trí vô tri, tự tướng không, nên nói pháp này thanh tịnh, bản tánh vô tri; bản tánh Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí vô tri, tự tướng không, nên nói pháp này thanh tịnh, bản tánh vô tri.

Khi ấy, Xá lợi Tử lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! **Bản tánh tất cả pháp thanh tịnh** nên pháp này thanh tịnh.

Phật dạy:

- Đúng như vậy, vì tất cả pháp rốt ráo tịnh vậy.

Xá lợi Tử hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao tất cả pháp bản tánh thanh tịnh nên nói pháp này thanh tịnh?

Phật dạy:

- Xá lợi Tử! Vì **tất cả pháp bất khả đắc**, bản tánh thanh tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh.

Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế đối với Nhất thiết tướng trí **không tăng ích, không tổn giảm**.

Phật dạy:

- Đúng như vậy, vì rốt ráo tịnh vậy.

Xá lợi Tử hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao Bát nhã Ba la mật như thế đối với Nhất thiết tướng trí không tăng ích, không tổn giảm?

Phật dạy:

- Xá lợi Tử! Vì **pháp tánh thường trụ**, nên Bát nhã Ba la mật như thế đối Nhất thiết tướng trí không tăng ích, không tổn giảm.

Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Bản tánh Bát nhã Ba la mật như thế thanh tịnh, đối với **tất cả pháp không chấp thọ**.

Phật dạy:

- Đúng như vậy, vì tất cả pháp rốt ráo tịnh vậy.

Xá lợi Tử hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao bản tánh Bát nhã Ba la mật thanh tịnh, đối với **tất cả pháp không chấp thọ**?

Phật dạy:

- Xá lợi Tử! Vì **pháp giới tĩnh lặng**, không dao động nên bản tánh Bát nhã Ba la mật như thế thanh tịnh, đối với tất cả pháp không chấp thọ.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! **Ngã thanh tịnh** nên sắc thọ tưởng hành thức thanh tịnh?

Phật nói:

- Đúng như vậy, vì rốt ráo tịnh vậy.

- Bạch Thế Tôn! Duyên nào mà nói ngã thanh tịnh nên sắc thọ tưởng hành thức cùng tất cả pháp đều rốt ráo tịnh?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ngã **vô sở hữu** nên sắc thọ tưởng hành thức cũng vô sở hữu. Ngã vô sở hữu nên 12 xứ cho đến 18 giới vô sở hữu. Ngã vô sở hữu nên bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật cũng vô sở hữu. Ngã vô sở hữu nên nội không cho đến vô tánh tự tánh không cũng vô sở hữu. Ngã vô sở hữu nên 4 niệm trụ cho đến 8 Thánh đạo chi cũng vô sở hữu. Ngã vô sở hữu nên Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng cũng vô sở hữu. Ngã tự tướng không, nên quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề, Vô thượng Chánh Đẳng giác cũng tự tướng không. **Ngã vô tướng, vô đắc, vô niệm, vô tri, nên Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng vô tướng, vô đắc, vô niệm, vô tri. Như vậy, nên nói tất cả pháp rốt ráo đều thanh tịnh.**

- Bạch đức Thế Tôn! 2 thanh tịnh*(7)* nên không đắc, không hiện quán.

Phật dạy:

- Đúng như vậy, vì rốt ráo tịnh vậy.

- Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà nói hai thanh tịnh nên không đắc, không hiện quán là rốt ráo tịnh?

- Này Thiện Hiện! Vì không khởi điên đảo nhiễm tịnh nên không đắc, không hiện quán, rốt ráo tịnh.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! **Ngã vô biên** nên sắc thọ tưởng hành thức cũng vô biên?

Phật nói:

- Đúng như vậy, vì rốt ráo tịnh vậy.

- Bạch Thế Tôn! Duyên nào mà nói ngã vô biên nên sắc thọ tưởng hành thức cùng tất cả pháp cũng vô biên là rốt ráo thanh tịnh?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Ngã vô biên nên 12 xứ cho đến 18 giới cũng vô biên. Ngã vô biên nên bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật cũng vô biên. Ngã vô biên nên 4 niệm trụ cho đến 8 Thánh đạo chi cũng vô biên. Ngã vô biên nên Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng cũng vô biên. Ngã vô biên nên quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề, Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng vô biên. Ngã vô biên nên Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng vô biên. Vì sao? Vì rốt ráo không, vô tế không. Như vậy, nên nói tất cả pháp rốt ráo đều thanh tịnh.

Cụ thọ Thiện Hiện lại hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát năng giác như thế, là Bát nhã Ba la mật, tức rốt ráo tịnh?

Phật nói:

- Thiện Hiện! Đúng như vậy và nhờ đấy mà thành tựu Đạo tướng trí.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa:

- Bạch Thế Tôn! Nếu đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã phương tiện khéo léo, khởi nghĩ như vầy: **Sắc chẳng biết sắc**; thọ, tưởng, hành, thức chẳng biết thọ tương hành thức; xứ chẳng biết xứ; giới chẳng biết giới; pháp quá khứ chẳng biết pháp quá khứ; pháp vị lai chẳng biết pháp vị lai; pháp hiện tại chẳng biết pháp hiện tại; bố thí Ba la mật chẳng biết bố thí Ba la mật, cho đến Bát nhã Ba la mật chẳng biết Bát nhã Ba la mật; nội không chẳng biết nội không, cho đến vô tánh tự tánh không chẳng biết vô tánh tự tánh không; bốn niệm trụ chẳng biết bốn niệm trụ, cho đến tám Thánh đạo chi chẳng biết tám Thánh đạo chi; Như Lai mười lực chẳng biết Như Lai mười lực, cho đến mười tám pháp Phật bất cộng chẳng biết mười tám pháp Phật bất cộng; Nhất thiết trí chẳng biết Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí chẳng biết Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Đại Bồ Tát này đã đối Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề có thể trụ nhóm chánh định chăng?

Phật bảo:

- Thiện Hiện ! Đúng vậy. Đúng như ngươi đã nói!

Cụ thọ lại thưa:

- Bạch Thế Tôn! Nếu Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã, phương tiện khéo léo khởi nghĩ như vầy: Sắc chẳng biết sắc, thọ, tưởng, hành, thức chẳng biết thọ, tưởng, hành, thức. 12 xứ chẳng biết 12 xứ, cho đến 18 giới chẳng biết 18 giới. Pháp quá khứ chẳng biết pháp quá khứ. Pháp vị lai chẳng biết pháp vị lai. Pháp hiện tại chẳng biết pháp hiện tại. Bố thí Ba la mật chẳng biết bố thí Ba la mật cho đến Bát nhã Ba la mật chẳng biết Bát nhã Ba la mật. Nội không chẳng biết nội không, cho đến vô tính tự tính không chẳng biết vô tính tự tính không. 4 niệm trụ chẳng biết 4 niệm trụ, cho đến 8 chi Thánh đạo chẳng biết 8 chi Thánh đạo. Như Lai 10 lực chẳng biết Như Lai 10 lực, cho đến 18 pháp Phật bất cộng chẳng biết 18 pháp Phật bất cộng. Nhất thiết trí chẳng biết Nhất thiết trí, Đạo tướng trí chẳng biết Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí chẳng biết Nhất thiết tướng trí. Như vậy, Đại Bồ Tát này đã đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề trụ nhóm chánh định chăng?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như ông đã nói.

Bấy giờ, Xá lợi Tử hỏi Thiện Hiện:

- Khi các Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã có phương tiện khéo léo, chuyển hai tưởng đối với các pháp chăng?

Cụ Thọ Thiện Hiện đáp:

- Thưa Xá lợi Tử! Nếu khi Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã **có phương tiện khéo léo** thì sẽ không nghĩ như vầy: Ta hành thí, hành thí như vậy. Ta trì giới, trì giới như vậy. Ta tu nhẫn, tu nhẫn như vậy. Ta tinh tấn, tinh tấn như vậy. Ta nhập định, nhập định như vậy. Ta tu tuệ, tu tuệ như vậy. Ta trồng phước, trồng phước như vậy. Ta nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, nhập Bồ Tát Chánh tánh ly sanh như vậy. Ta nghiêm tịnh cõi Phật, nghiêm tịnh cõi Phật như vậy. Ta thành thục hữu tình, thành thục hữu tình như vậy. Ta sẽ đắc Nhất thiết tướng trí, sẽ đắc Nhất thiết tướng trí như vậy.

Đại đức! Khi các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã có phương tiện khéo léo, **nên không chấp trước**.

Bấy giờ, Thiên Đế Thích hỏi Thiện Hiện rằng:

- Bạch Đại đức! Làm sao biết được các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, khi tu hành Bát Nhã khởi tâm chấp trước?

Thiện Hiện đáp:

- Này Kiều Thi Ca! Các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, khi tu hành Bát Nhã **không có phương tiện khéo léo** nên khởi tưởng tự tâm; khởi tưởng bố thí; khởi tưởng bố thí Ba la mật; khởi tưởng tịnh giới; khởi tưởng tịnh giới Ba la mật; khởi tưởng tinh tấn; khởi tưởng tinh tấn Ba la mật; khởi tưởng tĩnh lự; khởi tưởng tĩnh lự Ba la mật; khởi tưởng Bát Nhã; khởi tưởng Bát nhã Ba la mật; khởi tưởng nội không; khởi tưởng ngoại không cho đến vô tính tự tính không; khởi tưởng 4 niệm trụ; khởi tưởng 4 chánh đoạn cho đến 8 chi Thánh đạo; khởi tưởng Như Lai 10 lực; khởi tưởng 4 điều không sợ cho đến 18 pháp Phật bất cộng; khởi tưởng Nhất thiết trí; khởi tưởng Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; khởi tưởng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề; khởi tưởng các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác; khởi tưởng ở chỗ Phật trồng căn lành; khởi tưởng đem căn lành đã trồng như thế nhóm hợp cân lường, bang cho các hữu tình bình đẳng chung có, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Này Kiều Thi Ca! Do đấy biết được các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, khi tu hành Bát Nhã **khởi tâm chấp trước.**

Này Kiều Thi Ca! Các thiện nam, thiện nữ này do bị sự chấp trước đây ràng buộc nên chẳng thể tu hành Bát Nhã hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì sao? Vì chẳng phải bản tánh của sắc có thể hồi hướng; chẳng phải bản tánh của thọ, tưởng, hành, thức có thể hồi hướng; cho đến chẳng phải bản tánh của Nhất thiết trí có thể hồi hướng; chẳng phải bản tánh của Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí có thể hồi hướng.

Lại nữa, Kiều Thi Ca! Nếu Đại Bồ Tát muốn đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề vui vẻ khuyến khích, chỉ bày khuyên dẫn cho hữu tình khác thì nên quán **thật tánh bình đẳng của các pháp**. Theo đây tác ý, chỉ bày khuyên dẫn cho hữu tình khác bằng những lời như vầy:

"Này các thiện nam, thiện nữ! Khi tu hành bố thí Ba la mật, **chẳng nên phân biệt** ta năng hành thí. Khi tu hành tịnh giới Ba la mật, chẳng nên phân biệt ta năng trì giới. Khi tu hành an nhẫn Ba la mật, chẳng nên phân biệt ta năng tu nhẫn. Khi tu hành tinh tấn Ba la mật, chẳng nên phân biệt ta năng tinh tấn. Khi tu hành tĩnh lự Ba la mật, chẳng nên phân biệt ta năng vào định. Khi tu hành Bát Nhã, chẳng nên phân biệt ta năng tu tuệ. Khi hành nội không, chẳng nên phân biệt ta trụ nội không. Khi hành ngoại không cho đến vô tính tự tính không, chẳng nên phân biệt ta năng trụ

ngoại không cho đến vô tính tự tính không. Khi 37 pháp trợ đạo không phân biệt ta năng tu 37 pháp trợ đạo. Khi tu Như Lai 10 lực, chẳng nên phân biệt ta năng tu Như Lai 10 lực. Khi tu 4 điều không sợ cho đến 18 pháp Phật bất cộng, chẳng nên phân biệt ta năng tu 4 điều không sợ cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Khi tu Nhất thiết trí, chẳng nên phân biệt ta năng tu Nhất thiết trí. Khi tu Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, chẳng nên phân biệt ta năng tu Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Khi tu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, chẳng nên phân biệt ta năng tu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề".

Này Kiều Thi Ca! Các đại Bồ Tát muốn đối với Vô thượng Bồ đề vui vẻ khuyến khích, chỉ bày khuyên dẫn cho hữu tình khác thì nên vui vẻ khuyến khích, chỉ bày khuyên dẫn như thế. Nếu đại Bồ Tát đối với Vô thượng Bồ đề vui vẻ khuyến khích, chỉ bày khuyên dẫn cho hữu tình khác thì đối với tự thân không tổn hại, cũng chẳng tổn hại người. Như đã được các Đức Như Lai bằng lòng cho phép vui vẻ khuyến khích, chỉ bày khuyên dẫn cho hữu tình khác.

Này Kiều Thi Ca! Các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, nếu hay vui vẻ khuyến khích, chỉ bày khuyên dẫn cho hữu tình hướng tới Bồ Tát thừa như thế thì có thể xa lìa được tất cả chấp trước.

Bấy giờ, đức Thế Tôn khen Thiện Hiện rằng:

- Hay thay! Hay thay! Ông nay khéo vì các Bồ Tát mà nói tướng chấp trước, khiến cho các thiện nam, thiện nữ hướng tới Đại thừa xa lìa tướng chấp trước, tu các Bồ Tát hạnh,

Này Thiện Hiện! Lại còn có các tướng chấp trước vi tế, nay Ta sẽ vì ông mà nói, ông nên chú tâm lắng nghe, khéo suy nghĩ.

Thiện Hiện thưa rằng:

- Xin đức Thế Tôn nói cho, chúng con đang muốn nghe.

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa muốn hướng tới Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, nếu đối với Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác mà **nhớ nghĩ lấy tướng thì đều là chấp trước**. Hoặc nhớ nghĩ lấy tướng công đức vô trước của tất cả các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quá khứ, vị lai, hiện tại, các căn lành từ sơ phát tâm cho đến khi pháp trụ. Đã nhớ nghĩ rồi, thâm tâm tùy hỷ. Đã tùy hỷ rồi, ban cho các hữu tình

bình đẳng chung có, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Nhớ nghĩ tất cả như thế tức là **lấy tướng đều gọi là chấp trước.**

Hoặc đối với thiện pháp của tất cả đệ tử Như Lai và hữu tình khác đã tu, mà nhớ nghĩ lấy tướng, thâm tâm tùy hỷ. Đã tùy hỷ rồi, ban cho các hữu tình bình đẳng chung có, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Tất cả các việc như thế cũng gọi là chấp trước. Vì sao? Vì đối với công đức căn lành của các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và của các đệ tử hoặc của hữu tình khác, chẳng nên lấy tướng nhớ nghĩ phân biệt, vì các **việc nắm giữ tướng ấy đều là hư vọng.**

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như vậy rất là **sâu xa**.

Phật dạy:

- Đúng vậy, vì bản tánh của tất cả pháp là xa lìa.

- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như vậy, đều nên **kính lễ.**

Phật dạy:

- Đúng vậy, vì công đức rất nhiều nhưng Bát nhã Ba la mật đây vô tạo, vô tác, không kẻ năng chứng.

Cụ thọ bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! **Tất cả pháp tánh chẳng thể chứng giác**?

Phật nói:

- Như thế, vì tất cả pháp bản tánh duy nhất, năng chứng sở chứng bất khả đắc vậy. Thiện Hiện phải biết: Các pháp nhất tánh tức là vô tánh. Các pháp vô tánh tức là nhất tánh. Như vậy, các pháp nhất tánh vô tánh là thật tánh. Thật tánh đây vô tạo vô tác. Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát như thật biết nhất tánh vô tánh của các pháp sở hữu là vô tạo, vô tác thì có thể xa lìa được tất cả chấp trước.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bát nhã Ba la mật như thế **khó giác** biết.

Phật nói:

- Như vậy, bởi **Bát nhã Ba la mật đây không kẻ năng thấy, không kẻ năng nghe, không kẻ năng giác, không kẻ năng tri, vì lìa tướng vậy**.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế **bất khả tư nghì**.

Phật nói:

- Như vậy, bởi Bát nhã Ba la mật đây chẳng thể đem tâm*(chấp)* lấy, vì lìa tâm tướng vậy. Chẳng thể đem sắc cho đến thức chấp, vì lìa tướng kia

vậy. Chẳng thể đem nhãn cho đến ý chấp, vì lìa tướng kia vậy. Chẳng thể đem sắc cho đến pháp chấp, vì lìa tướng kia vậy. Chẳng thể đem nhãn thức cho đến ý thức chấp, vì lìa tướng kia vậy. Chẳng thể đem bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật lấy, vì lìa tướng kia vậy. Chẳng thể đem nội không cho đến vô tánh tự tánh không chấp, vì lìa tướng kia vậy. Chẳng thể đem 4 niệm trụ cho đến 8 Thánh đạo chi chấp, vì lìa tướng kia vậy. Chẳng thể đem Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng chấp, vì lìa tướng kia vậy. Nói tóm lai, chẳng thể đem Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí chấp, vì lìa tướng kia vậy. Chẳng thể đem tất cả pháp chấp, vì lìa tướng kia vậy.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Bát nhã Ba la mật như thế chẳng từ sắc sanh**, cho đến chẳng từ tất cả pháp sanh.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bát nhã Ba la mật như thế **không có tạo tác**?

Phật nói:

- Như vậy, vì các tác giả bất khả đắc vậy. Thiện Hiện! Sắc bất khả đắc nên tác giả bất khả đắc, thọ tưởng hành thức bất khả đắc nên tác giả bất khả đắc. Cho đến tất cả pháp bất khả đắc nên tác giả bất khả đắc.

Thiện Hiện! Do các tác giả và sắc thảy pháp bất khả đắc nên Bát nhã Ba la mật như thế không có tạo tác.

Thích nghĩa:

(1a). Chúng tôi đếm số trang của Kinh Đại Bát Nhã Ba La Mật do HT Thích Trí Nghiêm dịch trên mạng Quangduc.com, không đếm số trang trên sách đã in và lưu hành.

*(1b). Phẩm "Khó Tin Hiểu" Hội thứ I, là một phẩm dài nhất trong tất cả các phẩm thuộc 16 pháp hội của Đại Bát Nhã. Phẩm này bắt đầu từ quyển 182 đến quyển 284, tổng cộng 103 quyển, hơn 1.075 trang đánh máy khổ lớn (letter size 8.5" X 11") toàn phẩm thuyết về **"thanh tịnh"**. Nên ở đây chúng tôi chỉ ghi phẩm "Thanh Tịnh" của Hội thứ II tương đương với phẩm "Khó Tin Hiểu" của Hội thứ I, bắt đầu từ quyển 183 trở đi, không nói chấm dứt ở quyển nào.*

(2). Đoạn Kinh này có thể gây cho các đạo hữu hiểu lầm là Nhất thiết trí trí và Nhất thiết tướng trí khác nhau. Thật ra Nhất thiết trí trí, Nhất thiết chủng trí và Nhất thiết tướng trí là trí tối cao của chư Phật, ba trí chỉ

là một. Thanh văn chỉ có Nhất thiết trí, Bồ Tát chỉ có Đạo tướng trí nhưng không có cùng một lúc ba trí này. Đoạn Kinh này thuyết theo lối "liên hoàn" tiếp nối cái nọ với cái kia, nên thấy có vẻ nói Nhất thiết trí trí và Nhất thiết tướng trí khác nhau. Đây chỉ là cách trình bày, văn cú mà thôi.

*(3). Từ "**pháp này**" rất khó hiểu, ở đây phải xác định như thế nào cho đúng? Pháp này có thể nói là Bát nhã Ba la mật. Vì Bát nhã Ba la mật nhiếp thu tất cả pháp.*

(4). Rốt ráo tịnh dịch ở cụm từ "tất cánh tịnh" có nghĩa rất mực thanh tịnh. Tức chỉ cho Niết bàn, Thật tướng... Vì Niết bàn, Thật tướng xa lìa tất cả phiền não, nghiệp khổ nhiễm ô, rốt ráo thanh tịnh, vĩnh viễn bất biến. Thám huyền ký quyển 12 giải thích: Tất cánh tịnh nói trong Kinh Hoa nghiêm quyển 25 (bản dịch cũ) là được quả Niết bàn; Tất cánh an lạc đại thanh tịnh xứ nói trong Vãng sinh luận chú là sinh về thế giới An lạc chứng diệu quả Niết bàn. X. luận Đại trí độ Q.63. – Từ điển Phật Quang.

(5). Sanh khởi: Năng Sanh (sanh) Sở Sinh (khởi), có nghĩa nguyên nhân của một hành động.

(6). Hiển hiện: Hiện ra rõ ràng.

(7). Hai thanh tịnh nên không đắc, không hiện quán, *dịch nguyên văn chữ Hán là* "二nhị 清thanh 淨tịnh 故cố . 無vô 得đắc 無vô 現hiện 觀quán". *Cụm từ hai thanh tịnh này "có lẽ" ý muốn nói về **nhị chủng thanh tịnh**. Nếu như vậy thì có rất nhiều nghĩa:*

- *Nghĩa thứ nhất là: **Tự tính thanh tịnh và Ly cấu thanh tịnh**. 1/. Tự tính thanh tịnh: Tâm thể chân như của chúng sinh xưa nay vốn trong sạch, không hề ô nhiễm. 2/. Ly cấu thanh tịnh: Tâm thể tự tính trong sạch này xa lìa tất cả phiền não cấu nhiễm. [X. Hoa nghiêm Kinh tùy sớ diễn nghĩa sao Q.6];*
- *Nghĩa thứ 2 là: **Ngữ thanh tịnh và Nghĩa thanh tịnh.** 1/. Ngữ thanh tịnh: Lời nói thanh tịnh vì không mắc lầm lỗi. 2/. Nghĩa thanh tịnh: Nghĩa lý thanh tịnh vì được diễn giải chính xác và đầy đủ, không sai lầm, thiếu sót. X. luận Thành thực Q.1;*
- *Nghĩa thứ 3 là: **Chúng sinh thế gian thanh tịnh và Khí thế gian thanh tịnh**. 1/. Chúng sinh thế gian thanh tịnh: Tức chính báo của cõi Tịnh độ cực lạc. 2/. Khí thế gian thanh tịnh: Tức là y báo của cõi Tịnh độ cực lạc. Trong 29 thứ trang nghiêm ở Tịnh độ cực lạc phương Tây, thì 8 thứ của Phật và 4 thứ của Bồ Tát thuộc về Chúng sinh thế gian*

thanh tịnh; còn 17 thứ của quốc độ thì thuộc về Khí thế gian thanh tịnh. X. luận Tịnh độ của Ngài Thiên thân (Từ điển Phật Quang).

Sơ giải:

1. Phần đầu phẩm "Thanh Tịnh":

Tâm thanh tịnh thì tất cả cỏ cây, hoa lá, sông núi, mọi sự, mọi vật xung quanh con người đều thanh tịnh. Vì con người có thấy có nghe, có giác biết, nên sanh phân biệt, cảm thọ mà sanh thức... Đó là cái thấy của thế tục. Vì trên cái thấy kèm theo cái biết về hình tướng, sắc thái nên sanh chấp trước mà "mất tâm".

Các pháp không chuyển đổi, không nối tiếp; không sanh khởi, không hiển hiện; bản tánh không, tự tướng không, tự tánh không. Các pháp vốn trì độn, vô tri, tịch lặng, thường trụ như vậy, nên không có chấp thọ… Vì vậy, tất cả pháp được coi là nhất tướng, chỗ gọi vô tướng.

Chỉ vì cái thấy đòi hỏi phải có đối tượng, nên cái thấy đó bị lay chuyển, đổi dời, động niệm. Thấy mà không cần đối tượng để thấy, tức quên cảnh quán tâm, là cái thấy phản tỉnh, trực nhận chân tâm, mới có thể kiến tánh. Xa lìa được trần cảnh thì tâm thể tịch lặng an nhiên, đạt được trạng thái đó thì cánh cửa trí tuệ mới mở.

Đối với người biết tu lại có phương tiện khéo léo, thấy biết tất cả pháp đều bình đẳng như như, không còn chấp trước nữa thì tâm mới được an nhiên tịch lặng. Đó là tất cánh tịnh, cảnh giới rốt ráo nhất của Niết bàn. Nên Kinh thường bảo: Tâm tịnh tức độ tịnh, tâm bình tức thế giới bình!

Trong nhà Thiền có câu chuyện thế nào là tâm động?

Có hai sư trẻ cãi nhau về đề tài "Tại sao cây phướn động?" Một người cho rằng cây phướn động là tại gió, người kia cho là tại phướn động, hai người cứ cãi nhau mãi. Tổ Huệ Năng lúc bấy giờ mặc dù đã ngộ đạo rồi nhưng chưa thí phát qui y, muốn đến nhờ Sư Trụ trì thí phát dùm, nghe hai chú cãi nhau mới nói: "Tại tâm nhân giả động!"

Hai chú chạy vào báo cho Sư trụ trì hay. Sư bảo: Người này hẳn là một cao tăng!

Người đời thường than phiền rằng: "Tâm muốn lặng mà gió chẳng đừng", nên có kệ:

Tâm không động nào ai thấy gió?
Tâm lắng rồi gió cũng như không.
Chớ trách gió thổi làm tâm động,
Xin hỏi người trách gió hay tâm?
TB.

Thanh tịnh là pháp ấn của tất cả chư Phật. Vì vậy phẩm "Khó Tin Hiểu" của Hội thứ I, Phật phải dùng tổng cộng 103 quyển, 1.075 trang để thuyết về đề tài này. Kinh lấy một pháp trong 81 khoa danh tướng Bát Nhã (hay còn gọi là các mầu Phật đạo), lấy tánh thanh tịnh làm nhân chính mà thuyết từng pháp từng pháp một lần lượt cho đến hết 81 khoa danh tướng Bát Nhã. Phẩm "Thanh Tịnh" của Hội thứ II thuyết giảng cũng như vậy tuy có trùng tuyên đôi chút nhưng ngắn gọn hơn nhiều.

Đại cương phẩm này có thể tóm lược như sau: Vì **sắc** *thanh tịnh thời quả cũng thanh tịnh. Thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh thời quả cũng thanh tịnh. Nhẫn đến Vô thượng Bồ đề thanh tịnh thời quả cũng thanh tịnh. Vì ngã thanh tịnh, chúng sanh đến tri giả, kiến giả thanh tịnh nên sắc nhẫn đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh. Vì* **tham, sân, si** *thanh tịnh nên sắc đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh. Từ thập nhị nhân duyên, lục Ba la mật, tứ niệm xứ nhẫn đến Nhất thiết trí thanh tịnh nên Nhất thiết chủng trí thanh tịnh. Tại sao vậy? Vì Nhất thiết trí nầy cùng với Nhất thiết chủng trí không hai, không khác, không đoạn, không hoại.*

Vì Bát nhã Ba la mật thanh tịnh nên sắc thanh tịnh. Nhẫn đến vì Bát nhã Ba la mật thanh tịnh nên Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì Bát nhã Ba la mật nầy cùng với Nhất thiết trí không hai, không khác, không đoạn, không hoại… rốt ráo ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai đều thanh tịnh.

Một pháp thanh tịnh thì tất cả pháp đều thanh tịnh. Một căn thanh tịnh thời sáu căn đều thanh tịnh. Nào là xứ, giới cho đến tám mươi bốn vạn pháp môn cùng cây cỏ cho đến mọi vật vận hành trong một cơ chế đặc biệt, quân bình chẳng khác nào các hành tinh nằm trên quỹ đạo mặt trời, chúng tự xoay quanh chúng và tự xoay quanh mặt trời mà chẳng có lộn

lạo, lấn ép lẫn nhau. Tất cả cùng xoay, cùng vận hành không đoạn, không hoại… rốt ráo ba đời đều thanh tịnh bình đẳng như như.

Tu hành không ngoài mục đích được tịnh, vì vậy Phật đạo mới được gọi là Thanh-tịnh-đạo.

2. Phần sau phẩm "Thanh Tịnh":

Phần sau phẩm này nêu ra một số yếu tố lớn có ảnh hưởng đến việc tu tịnh, bắt đầu với câu hỏi Thiện Hiện:

- Bạch Thế Tôn! Những gì rốt ráo tịnh mà nói <u>pháp này</u> thanh tịnh rất là sâu xa?

Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! Vì sắc rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh rất là sâu xa; thọ, tưởng, hành, thức rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh rất là sâu xa. 12 xứ cho đến 18 giới rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh rất là sâu xa. Bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh rất là sâu xa. Nội không cho đến vô tính tự tính không rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh rất là sâu xa. Bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh rất là sâu xa. Như vậy, Như Lai mười lực… cho đến Nhất thiết tướng trí rốt ráo tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh rất là sâu xa. *(Q.436, ĐBN)*

Kinh thuyết tiếp: Pháp này rất rõ ràng; chẳng chuyển, chẳng nối tiếp; không tạp nhiễm, bản tánh trong sạch; không đắc không hiện quán; bản tánh không; không sanh khởi, không hiển hiện; chẳng sanh cõi Dục, chẳng sanh cõi Sắc, Vô sắc; bản tánh vô tri; tự tướng không… Đó là đặc tánh của tất cả pháp hữu vi hay vô vi đều như vậy. Nên, Phật bảo:

- Xá lợi Tử! Vì **tất cả pháp bất khả đắc**, bản tánh thanh tịnh, nên nói pháp này thanh tịnh.

Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế đối với Nhất thiết tướng trí **không tăng ích, không tổn giảm**.

Phật dạy:

- Đúng như vậy, vì rốt ráo tịnh vậy.

Xá lợi Tử hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao Bát nhã Ba la mật như thế đối với Nhất thiết tướng trí không tăng ích, không tổn giảm?

Phật dạy:

- Xá lợi Tử! Vì **pháp tánh thường trụ**, nên Bát nhã Ba la mật như thế đối Nhất thiết tướng trí không tăng ích, không tổn giảm.

Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Bản tánh Bát nhã Ba la mật như thế thanh tịnh, đối với **tất cả pháp không chấp thọ**.

Kinh thuyết tới đây mới nói rõ "pháp này" là Bát nhã Ba la mật. Vì Bát nhã Ba la mật nhiếp thọ tất cả pháp mà tất cả pháp có đặc tánh gì thì Bát nhã Ba la mật có tánh đó. Do đó, tất cả pháp thanh tịnh từ căn trần xứ giới cho đến Như Lai Chánh Đẳng Chánh giác thanh tịnh thì Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

"Ngã vô tướng, vô đắc, vô niệm, vô tri, nên Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng vô tướng, vô đắc, vô niệm, vô tri. Như vậy, nên nói tất cả pháp rốt ráo đều thanh tịnh".

"Phật nói:

- Như thế, vì tất cả pháp bản tánh duy nhất, năng chứng sở chứng bất khả đắc vậy. Thiện Hiện phải biết: Các pháp nhất tánh tức là vô tánh. Các pháp vô tánh tức là nhất tánh. Như vậy, các pháp nhất tánh vô tánh là thật tánh. Thật tánh đây vô tạo vô tác. Thiện Hiện! Nếu đại Bồ Tát như thật biết nhất tánh vô tánh của các pháp sở hữu là vô tạo, vô tác thì có thể xa lìa được tất cả chấp trước.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bát nhã Ba la mật như thế **khó giác** biết.

Phật nói:

- Như vậy, bởi **Bát nhã Ba la mật đây không kẻ năng thấy, không kẻ năng nghe, không kẻ năng giác, không kẻ năng tri, vì lìa tướng vậy**.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế **bất khả tư nghì"**.

*Phần sau của phẩm "Thanh Tịnh" đặc câu hỏi: Thế nào là rốt ráo tịnh? Câu trả lời ngắn gọn: Muốn rốt ráo tịnh thì tâm phải lặng, phải như như bất động. Muốn thế phải tránh động tránh nhiễm, **hết động hết nhiễm tức tịch tịnh.** Giản dị như vậy, không cần phải hỏi ai.*

Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 42, "Thán Tịnh", Tập 4, quyển 63, *nói:*

"Ở đây, Phật nói lên nhân duyên hết thảy các pháp đều là "vô cấu" , "vô tịnh", nên đều là "vô tướng, vô niệm", là "vô đắc, vô trước", là rốt ráo thanh tịnh vậy.

Hỏi: *Nói rốt ráo thanh tịnh là đủ rồi. Vì sao còn nói tất cánh không, vô thỉ không làm gì nữa?*

Đáp: Rốt ráo thanh tịnh cũng có nghĩa là rốt ráo không, tức là tất cánh không rồi vậy, do phàm phu sợ nghĩa "không", nên phải nói nghĩa "thanh tịnh" vậy.

Ở đoạn trên đây có nói đến "ngã vô biên". Đây là nói về "chúng sanh không"; mà "chúng sanh không" tức là "vô thỉ không" vậy. Người hiểu rõ được như vậy, mới là người tín giải được thâm nghĩa Bát Nhã Ba la mật, là người biết rõ được "nhân không" và "pháp không", biết rõ được hết thảy pháp đều là rốt ráo không, biết rõ Bát nhã Ba la mật như vậy thì rốt ráo được thanh tịnh"

Thật thần tình, chỉ vài ba trang sách mà dịch giả của Hội thứ II có thể tóm tắt đầy đủ phẩm thanh tịnh so với phẩm "Khó Tin Hiểu" của Hội thứ I phải dùng đến 103 quyển, 1.075 trang sách mới thuyết xong về thanh tịnh. Vì vậy, chúng tôi nhiều lần nói giáo lý của Hội thứ II ngắn gọn dễ lãnh hội hơn./.

---o0o---

41. PHẨM "KHÔNG NÊU CỜ"

Phần sau Q.436 đến đầu Q.437, Hội thứ II.

Gợi ý:

Phẩm này của Hội thứ II tương đương 2 phẩm: 1. Phẩm "Trước và Chẳng Trước Tướng" từ Q.287 đến Q.292, và 2. Phẩm "Thuyết Tướng Bát Nhã", phần sau Q.292 đến Q.296, Hội thứ I, ĐBN. Chúng tôi cũng chia phẩm này 2 phần để thuyết: 1. Trước và chẳng trước tướng; 2. Thuyết tướng Bát Nhã.

***Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 43, "Vô Tác", Tập 4, quyển 63,** có giáo lý tương tự như phẩm "Không Nêu Cờ", nhưng không chia làm 2 phần như phẩm này.*

Tóm lược:

1. Đoạn Kinh sau đây tương đương với phẩm "Trước và Chẳng Trước Tướng", Q.287 đến Q.292, Hội thứ I, ĐBN.

1- Nhiễm chẳng nhiễm, trước chẳng trước:

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát nên hành Bát Nhã như thế nào?

Phật nói:

- Thiện Hiện! Đại Bồ Tát hành Bát Nhã, nếu **chẳng hành sắc là hành Bát Nhã**, chẳng hành thọ tưởng hành thức là hành Bát Nhã. Cho đến chẳng hành Nhất thiết trí là hành Bát Nhã; chẳng hành Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí là hành Bát Nhã.

Chẳng hành sắc hoặc thường hoặc vô thường; chẳng hành sắc hoặc vui hoặc khổ; chẳng hành sắc hoặc ngã hoặc vô ngã; chẳng hành sắc hoặc tịnh hoặc bất tịnh là hành Bát Nhã. Chẳng hành thọ tưởng hành thức hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh là hành Bát Nhã. Như vậy, cho đến chẳng hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thường hoặc vô thường cho đến tịnh hoặc bất tịnh là hành Bát Nhã. Vì sao? Vì đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã hãy chẳng thấy sắc thọ tưởng

hành thức, huống thấy sắc thọ tưởng hành thức hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Như vậy, cho đến hãy chẳng thấy Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; huống thấy 3 trí này hoặc thường hoặc vô thường, hoặc vui hoặc khổ, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh.

Lại nữa, Thiện Hiện! Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã **chẳng hành sắc viên mãn, chẳng hành sắc chẳng viên mãn là hành Bát Nhã**. Chẳng hành thọ tưởng hành thức viên mãn, chẳng hành thọ tưởng hành thức chẳng viên mãn là hành Bát Nhã. Như vậy, cho đến chẳng hành Nhất thiết trí viên mãn, chẳng hành Nhất thiết trí chẳng viên mãn là hành Bát Nhã. Chẳng hành Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí viên mãn, chẳng hành Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí chẳng viên mãn là hành Bát Nhã. Vì sao? Vì đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã hãy chẳng thấy chẳng đắc sắc thọ tưởng hành thức, huống thấy đắc sắc thọ tưởng hành thức hoặc viên mãn hoặc chẳng viên mãn. Như vậy, cho đến hãy chẳng thấy chẳng đắc Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; huống thấy đắc ba trí này hoặc viên mãn hoặc chẳng viên mãn.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác rất lạ, khéo vì các thiện nam thiện nữ Đại thừa, tuyên nói **tướng chấp trước chẳng chấp trước**.

Phật nói:

- Thiện Hiện! Như vậy. Đúng như ngươi đã nói. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác khéo vì các thiện nam thiện nữ Đại thừa, tuyên nói tướng chấp trước chẳng chấp trước.

Lại nữa, Thiện Hiện! Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã **chẳng hành sắc hoặc chấp trước hoặc chẳng chấp trước là hành Bát Nhã**; chẳng hành thọ tưởng hành thức hoặc chấp trước hoặc chẳng chấp trước là hành Bát Nhã; chẳng hành 12 xứ cho đến 18 giới hoặc chấp trước hoặc chẳng chấp trước là hành Bát Nhã; chẳng hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật hoặc chấp trước hoặc chẳng chấp trước là hành Bát Nhã; chẳng hành nội không cho đến vô tánh tự tánh không hoặc chấp trước hoặc chẳng chấp trước là hành Bát Nhã; chẳng hành 37 pháp trợ đạo, chẳng hành Như Lai 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng hoặc chấp trước hoặc chẳng chấp trước là hành Bát Nhã; chẳng

hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí hoặc chấp trước hoặc chẳng chấp trước là hành Bát Nhã; chẳng hành quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề, hoặc chấp trước hoặc chẳng chấp trước là hành Bát Nhã; chẳng hành tất cả Bồ Tát hạnh, chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề hoặc chấp trước hoặc chẳng chấp trước là hành Bát Nhã.

Thiện Hiện! Đại Bồ Tát khi hành Bát Nhã như thế, như thật biết rõ sắc không có tướng có thể chấp chẳng thể chấp trước. Thọ tưởng hành thức cũng không có tướng có thể chấp chẳng thể chấp trước. Như vậy, cho đến như thật biết rõ tất cả Bồ Tát hạnh không có tướng có thể chấp chẳng thể chấp trước, chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng không có tướng có thể chấp chẳng thể chấp trước.

2- Tu và học Bát Nhã như hư không:

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Pháp tánh thẳm sâu rất là hiếm có, hoặc nói hoặc chẳng nói đều chẳng tăng chẳng giảm.

Phật nói:

- Thiện Hiện! Như vậy. Đúng như ngươi đã nói! **Pháp tánh thẳm sâu rất hiếm có, hoặc nói hoặc chẳng nói đều không tăng giảm. Giả sử Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trụ hết thọ lượng khen chê hư không, hư không kia cũng không tăng không giảm. Pháp tánh thẳm sâu cũng lại như thế, hoặc nói chẳng nói đều không tăng giảm. Ví như huyễn sĩ, khen hay chê không tăng không giảm, cũng không buồn không vui. Pháp tánh thẳm sâu cũng lại như thế, hoặc nói hoặc chẳng nói như hư không chẳng khác.**

(Luận Đại Trí Độ phẩm thứ 43, "Vô Tác", Tập 4, quyển 63, *lặp lại và giải thích lời Phật dạy như sau:*

"Phật dạy: Dù được thuyết ra, hay dù chẳng được thuyết ra, thì pháp này vẫn chẳng tăng chẳng giảm. Dù có dùng thân, dùng ý nhằm hủy hoại cũng chẳng làm cho thật tướng pháp thay đổi được, huống nữa là dùng miệng nói ra. Vì sao? Vì **thật tướng pháp là thường hằng, là vô sanh tướng, là như hư không vậy**. Bát nhã Ba la mật ví như hư không, chẳng có tăng, chẳng có giảm. Người hành Bát nhã Ba

la mật ví như người huyễn, dù được tán thán cũng chẳng vui, dù bị hủy báng cũng chẳng buồn vậy.

Do nghiệp tội nhân duyên, mà hư vọng, điên đảo chấp có các pháp sai khác. Thế nhưng, khi đã vào được trong Bát nhã Ba la mật rồi, thì **biết rõ các pháp, ở nơi tự thể, chẳng hề thay đổi**.

Ví như, khi đã qui tụ về núi Tu Di rồi, thì hết thảy các sắc pháp đều biến thành vàng ròng cả.

Cũng như vậy, hết thảy các pháp tướng, ở trong Bát nhã Ba la mật, đều là thật tướng pháp, nên đều chẳng thể biết, chẳng thể nói ra được. Dù có nói ra, hay dù chẳng có nói ra, thì thật tướng pháp, trước sau, vẫn rốt ráo là như vậy”).

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ Tát **tu hành Bát Nhã là việc rất khó**. Nghĩa là đối với Bát nhã Ba la mật đây, nếu tu hay chẳng tu thì cũng không tăng không giảm, không buồn không vui, không thuận không trái, song siêng năng tu học Bát Nhã như thế cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì thường không thối chuyển. Vì sao? Vì các **Đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã như tu hư không, đều không sở hữu**.

Bạch Thế Tôn! Như trong hư không không sắc khá biết, không thọ tưởng hành thức khá biết. Không 12 xứ khá biết, không 18 giới khá biết. Không bố thí khá biết; không tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật khá biết. Không nội không khá biết, không ngoại không cho đến vô tánh tự tánh không khá biết. Không 37 pháp trợ đạo khá biết, không Phật 10 lực, không 4 vô sở úy cho đến 18 pháp Phật bất cộng khá biết. Không Nhất thiết trí khá biết; không Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí khá biết. Không quả Dự lưu khá biết; không quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề khá biết. Không tất cả Bồ Tát hạnh khá biết. Không chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề khá biết. Sở tu Bát nhã Ba la mật cũng lại như thế. **Nghĩa là trong pháp Bát nhã Ba la mật thẳm sâu đây không sắc khá được, không thọ tưởng hành thức khá được. Cho đến không Bồ Tát hạnh khá được. Không chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề khá được.**

Trong đây dù không có các pháp khá được, mà các đại Bồ Tát thường siêng tinh tấn tu học Bát Nhã, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thường không quay lui. Vậy nên con nói các đại Bồ Tát tu hành Bát Nhã là việc rất khó.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ Tát thường **mặc áo giáp đại công đức***(1)* như thế, tất cả hữu tình đều nên kính lễ.

Bạch Thế Tôn! Nếu Đại Bồ Tát vì hữu tình mặc áo giáp công đức chuyên cần tinh tấn thì cũng giống như hư không mà mặc áo giáp công đức chuyên cần tinh tấn.

Bạch Thế Tôn! Nếu Đại Bồ Tát **vì muốn giải thoát cho hữu tình** mặc áo giáp công đức chuyên cần tinh tấn thì cũng giống như muốn giải thoát cho hư không mặc áo giáp công đức chuyên cần tinh tấn.

Bạch Thế Tôn! Nếu Đại Bồ Tát **vì tất cả pháp mặc áo giáp công đức** chuyên cần tinh tấn thì cũng giống như hư không mặc áo giáp công đức chuyên cần tinh tấn.

Bạch Thế Tôn! Nếu Đại Bồ Tát vì cứu vớt chúng sanh ra khỏi khổ sanh tử mặc áo giáp công đức chuyên cần tinh tấn thì cũng giống như vì cất hư không để chỗ cao hơn mà mặc áo giáp công đức chuyên cần tinh tấn.

Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ Tát được thế lực đại tinh tấn dũng mãnh, vì loài hữu tình nên sớm thoát khỏi sanh tử như hư không, nên phát tới Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ Tát được thần lực bất tư nghì vô đẳng, vì biển pháp tánh như hư không mặc giáp công đức phát tới Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ Tát rất cực mạnh mẽ, vì sở cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề như hư không mặc giáp công đức chuyên cần tinh tấn.

Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ Tát vì các loại hữu tình như hư không thành thục giải thoát được lợi vui lớn, siêng tu khổ hạnh, muốn chứng Vô thượng Bồ đề. Việc đó rất hiếm có. Vì sao? Vì giả sử trong Tam thiên đại thiên thế giới đầy rẫy Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác như rừng, tre, mè, lau, mía v.v… hoặc trải một kiếp, hoặc một kiếp hơn, vì các hữu tình thuyết Chánh pháp, đều độ vô lượng vô biên hữu tình

khiến vào Niết bàn an vui rốt ráo, mà cõi hữu tình chẳng thêm chẳng bớt. Sở dĩ như vậy là vì các hữu tình đều vô sở hữu, tánh xa lìa vậy.

Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên này nên con tác thuyết: Các đại Bồ Tát vì các loại hữu tình như hư không thành thục giải thoát, được lợi vui lớn, siêng tu khổ hạnh, muốn chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề rất là hiếm có.

Khi đó trong chúng hội có một Bí sô thầm khởi nghĩ này: Ta nên kính lễ Bát nhã Ba la mật thẳm sâu. Trong đấy tuy không các pháp sanh diệt, mà có những nhóm giới, nhóm định, nhóm huệ, nhóm giải thoát, nhóm giải thoát trí kiến khá thi thiết được. Cũng có quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề khá thi thiết được. Cũng có Bồ Tát hạnh khá thi thiết được. Cũng có Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề khá thi thiết được. Cũng có chúng Bồ Tát và các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác khá thi thiết được. Cũng có Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo khá thi thiết. Cũng có chư Phật quay xe diệu pháp, khiến các hữu tình lợi ích an vui khá thi thiết được.

Phật biết điều thầm nghĩ kia, liền bảo rằng:

- Bí sô! Như vậy. Đúng như ngươi đã nghĩ! Bát nhã Ba la mật thẳm sâu mầu nhiệm khó lường, tuy chẳng có pháp mà cũng chẳng phải không.

Khi ấy, Thiên Đế Thích hỏi Thiện Hiện rằng:

- Thưa Đại Đức! Nếu đại Bồ Tát muốn học Bát nhã Ba la mật phải học như thế nào?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Kiều Thi Ca! **Nếu đại Bồ Tát muốn học Bát Nhã phải như hư không tinh siêng tu học**. *(Q.437, ĐBN)*

Khi đó, Thiên Đế Thích lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu các thiện nam, thiện nữ đối Bát nhã Ba la mật đây chăm lòng lắng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý, thơ tả giải nói rộng khiến lưu bố, con phải làm sao thủ hộ họ?

Bấy giờ, Thiện Hiện thay Phật bảo Đế Thích rằng:

- Kiều Thi Ca! Ngươi thấy có pháp khá thủ hộ chăng?

Thiên Đế Thích nói:

- Thưa Đại đức! Chẳng có! Con chẳng thấy pháp khá thủ hộ được.

Thiện Hiện bảo rằng:

- Kiều Thi Ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ như Phật đã dạy, **an trụ Bát nhã Ba la mật tức là thủ hộ**. Nếu các thiện nam, thiện nữ an trụ Bát nhã Ba la mật thường chẳng xa lìa, phải biết tất cả người phi người thảy rình tìm chỗ dở, muốn làm tổn hại trọn chẳng thể được.

Kiều Thi Ca! Nếu muốn thủ hộ các thiện nam thiện nữ an trụ Bát nhã Ba la mật, chẳng khác có người phát ý siêng năng thủ hộ hư không. Nếu muốn thủ hộ các thiện nam thiện nữ tu hành Bát nhã Ba la mật, nhọc nhằn luống uổng đều không ích gì.

Kiều Thi Ca! Ý ông nghĩ sao? Có người có thể thủ hộ huyễn, mộng, vang, tượng, bóng sáng, ánh nắng và việc biến hóa, thành tầm hương không?

Thiên Đế Thích nói:

- Thưa Đại Đức! Chẳng có!

Thiện Hiện bảo rằng:

- Kiều Thi Ca! Nếu muốn thủ hộ các thiện nam, thiện nữ tu hành Bát nhã Ba la mật cũng lại như thế, nhọc nhằn luống uổng đều không ích gì.

Kiều Thi Ca! Ý ông nghĩ sao? Có người thường thủ hộ tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và những việc do Phật biến hóa ra không?

Thiên Đế Thích nói:

- Thưa Đại đức! Chẳng có!

Thiện Hiện bảo rằng:

- Kiều Thi Ca! Nếu muốn thủ hộ các thiện nam, thiện nữ tu hành Bát nhã Ba la mật cũng lại như thế, nhọc nhằn luống uổng đều không ích gì.

Kiều Thi Ca! Ý ông nghĩ sao? Có người năng thủ hộ pháp giới, pháp tánh, chơn như, thật tế, bất tư nghì giới, hư không giới không?

Thiên Đế Thích nói:

- Thưa Đại đức! Chẳng có!

Thiện Hiện bảo rằng:

- Kiều Thi Ca ! Nếu muốn thủ hộ các thiện nam, thiện nữ tu hành Bát Nhã cũng lại như thế, nhọc nhằn luống uổng đều không ích gì.

Khi ấy, Thiên Đế Thích hỏi Thiện Hiện rằng:

- Thưa Đại đức! Vì sao đại Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã dù biết các pháp như huyễn, như mộng, như vang, như tượng, như bóng sáng, như ánh nắng, như việc biến hóa, như thành tầm hương, mà đại Bồ Tát này **chẳng chấp là huyễn**, là mộng, là vang, là tượng, là bóng sáng, là ánh nắng, là việc biến hóa, là thành tầm hương. Cũng lại **chẳng chấp thuộc huyễn** cho đến thuộc thành tầm hương. Cũng lại **chẳng chấp nương huyễn** cho đến nương thành tầm hương?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Kiều Thi Ca! Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, chẳng chấp là sắc, là thọ tưởng hành thức; cũng chẳng chấp do sắc, do thọ tưởng hành thức; cũng chẳng chấp thuộc sắc, thuộc thọ tưởng hành thức; cũng chẳng chấp nương sắc, nương thọ tưởng hành thức. Như vậy, cho đến chẳng chấp là Nhất thiết trí, là Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; cũng chẳng chấp do Nhất thiết trí, do Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí; cũng chẳng chấp thuộc; cũng chấp nương v.v...

Đại Bồ Tát này khi tu hành Bát Nhã, dù biết các pháp như huyễn cho đến như thành tầm hương, mà chẳng chấp là huyễn cho đến là thành tầm hương; cũng lại chẳng chấp thuộc huyễn cho đến thuộc thành tầm hương; cũng lại chẳng chấp nương huyễn cho đến nương thành tầm hương.

2. Đoạn Kinh dưới đây tương đương với phẩm "Thuyết Tướng Bát Nhã", phần sau Q.292 đến Q.296, Hội thứ I, ĐBN.

Bấy giờ, nhờ oai thần Như Lai nên Tam thiên đại thiên thế giới đây, trời Bốn đại vương chúng cho đến trời Tịnh cư đều đem thiên hoa, bột hương đàn trầm xa rải lên Phật, đi đến chỗ Phật đảnh lễ hai chân, lui đứng một bên. Và cũng nhờ thần lực của đức Phật nên chư thiên thấy ngàn cõi Phật ở phương Đông đều có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật, ý nghĩa phẩm loại, danh tự đều đồng như đây. Bí sô đứng đầu thỉnh hỏi Bát nhã Ba la mật đều có tên là Thiện Hiện. Đứng đầu Thiên chúng hỏi Bát nhã Ba la mật đều tên là Đế Thích. Phương Nam Tây Bắc, bốn góc, trên dưới cũng lại như thế.

Bấy giờ, Phật bảo cụ thọ Thiện Hiện rằng:

- Từ Thị Bồ Tát khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Giác cũng ở nơi đây tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật. Các Phật đương lai trong hiền kiếp đây, cũng ở nơi này tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật.

(Phải dùng hành tướng trạng nào để thuyết Bát Nhã?)

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Từ Thị Bồ Tát khi chứng Vô thượng Chánh đẳng giác phải lấy các hành tướng trạng pháp nào tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Từ Thị Bồ Tát khi chứng Vô thượng Chánh đẳng giác, sẽ **lấy sắc phi thường phi vô thường** tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật, sẽ lấy thọ tưởng hành thức phi thường phi vô thường tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật. Như vậy, cho đến sẽ lấy Nhất thiết trí phi thường phi vô thường tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật; sẽ lấy Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí phi thường phi vô thường tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật. Sẽ **lấy sắc phi lạc phi khổ** tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật, sẽ lấy thọ tưởng hành thức phi lạc phi khổ tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật. Như vậy, cho đến sẽ lấy Nhất thiết trí phi lạc phi khổ tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật; sẽ lấy Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí phi lạc phi khổ tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật. Sẽ **lấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức phi ngã phi vô ngã; phi tịnh phi bất tịnh; phi buộc phi mở; phi quá khứ phi vị lai… tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật**. Như vậy, cho đến sẽ lấy Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí phi ngã phi vô ngã; phi tịnh phi bất tịnh; phi buộc phi mở v.v… tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật.

1- Chứng và thuyết về thanh tịnh:

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Từ Thị Bồ Tát khi được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề sẽ chứng pháp nào? Sẽ thuyết pháp nào?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Từ Thị Bồ Tát khi được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề sẽ **chứng sắc rốt ráo tịnh, thuyết sắc rốt ráo tịnh**. Chứng thọ tưởng hành thức rốt ráo tịnh, thuyết thọ tưởng hành thức rốt ráo tịnh. Như vậy cho đến chứng Nhất thiết trí rốt ráo tịnh, thuyết Nhất thiết trí

rốt ráo tịnh. Chứng Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí rốt ráo tịnh, thuyết Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí rốt ráo tịnh.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế **duyên vào đâu mà được thanh tịnh**?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! **Sắc thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh, thọ tưởng hành thức thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh. Như vậy, cho đến Nhất thiết trí thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.**

Cụ thọ Thiện Hiện liền thưa Phật rằng:

- Vì sao sắc thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh? Thọ tưởng hành thức thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh? Như vậy, cho đến vì sao Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! **Sắc không sanh không diệt không nhiễm không tịnh nên thanh tịnh, sắc thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh**. Thọ tưởng hành thức không sanh không diệt không nhiễm không tịnh nên thanh tịnh, thọ tưởng hành thức thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh. Như vậy, cho đến Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí không sanh không diệt không nhiễm không tịnh nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Hư không thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh**.

- Bạch Thế Tôn! Vì sao hư không thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh?

- Thiện Hiện! Hư không không sanh không diệt không dơ không sạch nên thanh tịnh. Hư không thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Sắc không nhiễm ô nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh**, thọ tưởng hành thức không nhiễm ô nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh. Như vậy, cho đến Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí không nhiễm ô nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

Cụ thọ Thiện Hiện liền thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao sắc không nhiễm ô nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh, thọ tưởng hành thức không nhiễm ô nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh. Như vậy, cho đến Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí không nhiễm ô nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh?

Phật bảo:

- Thiện Hiện! **Sắc chẳng khá nắm lấy nên không nhiễm ô**, vì sắc không nhiễm ô nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh. Thọ tưởng hành thức chẳng khá nắm lấy nên không nhiễm ô, vì thọ tưởng hành thức không nhiễm ô nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh. Như vậy, cho đến Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí chẳng khá nắm lấy nên không nhiễm ô; vì Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí không nhiễm ô nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Hư không không nhiễm ô nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh**.

Bạch Thế Tôn! Vì sao hư không không nhiễm ô nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh?

- Thiện Hiện! Hư không chẳng khá nắm lấy nên không nhiễm ô. Hư không không nhiễm ô nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh. Lại nữa, Thiện Hiện! Hư không chỉ giả nói nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

- Bạch Thế Tôn! Vì sao hư không chỉ giả nói nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh?

- Thiện Hiện! Như nương vào hư không mà có tiếng vang hiện hữu, chỉ là lời nói giả. Chỉ là lời nói giả nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh. Lại nữa, Thiện Hiện! Hư không chẳng thể nói nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

- Bạch Thế Tôn! Vì sao hư không chẳng thể nói nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh?

- Thiện Hiện! Hư không là rỗng không, không có gì để nói, nên không thể nói. Do đấy Bát nhã Ba la mật thanh tịnh. Lại nữa, Thiện Hiện! Hư không chẳng thể đắc nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

- Bạch Thế Tôn! Vì sao hư không chẳng thể đắc nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh?

- Thiện Hiện! Hư không là rỗng không, nên chẳng thể đắc. Do đấy Bát nhã Ba la mật thanh tịnh. Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả pháp không

sanh không diệt không dơ không sạch, nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

- Bạch Thế Tôn! Vì sao tất cả pháp không sanh không diệt không dơ không sạch, nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh?

- Thiện Hiện! **Vì tất cả pháp rốt ráo không sanh không diệt không dơ không sạch. Do đấy Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.**

*(Để diễn dịch ý của Phật, **Đại Trí Độ Luận phẩm trên,** nói rằng:*

"Phật dạy: Sắc cùng hết thảy các pháp đều rốt ráo thanh tịnh, nên Bát nhã Ba la mật rốt ráo thanh tịnh. Vì sao? Vì hết thảy các pháp đều chẳng sanh-chẳng diệt, chẳng cấu-chẳng tịnh, chẳng tăng-chẳng giảm. Ví như nước trong chẳng có vẩy bụi trần, ví như hư không chẳng có nhiễm ô, tánh thường thanh tịnh; <u>hết thảy các pháp, ở nơi thật tướng, cũng chẳng có nhiễm ô, tánh thường thanh tịnh vậy</u>. Bát nhã Ba la mật cũng như hư không, chẳng có nhiễm ô, tánh thường thanh tịnh. Dù cho các tà kiến, hý luận, các ác sự quấy nhiễu, thì Bát nhã Ba la mật cũng vẫn chẳng có bị tổn hại. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật là chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối, nên cũng chẳng có thủ, chẳng có nhiễm ô vậy".

Tướng của Bát nhã Ba la mật như thế nên nói Bát nhã Ba la mật thanh tịnh như hư không không khác).

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu các thiện nam thiện nữ, đối Bát nhã Ba la mật đây chăm lòng lắng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học, suy nghĩ đúng lý, thơ tả giải nói, rộng khiến lưu bố. Các thiện nam thiện nữ này mắt tai mũi lưỡi đều không bị bệnh, thân căn không khuyết, chẳng suy yếu cũng chẳng yểu mệnh; thường được vô lượng trăm ngàn thiên thần cung kính vây quanh theo dõi bảo hộ.

Các thiện nam thiện nữ này vào ngày mồng tám, ngày 14 và ngày rằm của tháng có trăng và không trăng, đọc tụng tuyên nói Bát nhã Ba la mật. Bấy giờ, trời Bốn đại vương chúng cho đến trời Tịnh cư đều đến nhóm họp chỗ Pháp sư này để nghe thọ đọc Bát nhã Ba la mật. Các thiện nam thiện nữ đây nhờ ở trong vô lượng Pháp hội đọc tụng

tuyên nói Bát nhã Ba la mật thẳm sâu, nên được công đức thù thắng vô lượng vô số vô biên, chẳng khá nghĩ bàn, chẳng khá cân lường.

2- Bát Nhã là đại trân bảo:

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Như vậy. Đúng như ngươi đã nói! Nếu các thiện nam thiện nữ đối Bát nhã Ba la mật đây, chăm lòng lóng nghe, thọ trì đọc tụng, tinh siêng tu học v.v… sẽ được tất cả phước đức như ngươi đã nói. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật như thế là **đại trân bảo** nên các hữu tình tu Bát Nhã tránh khỏi cảnh địa ngục, bàng sanh, quỷ giới và lại được vô lượng vô số vô biên trời, rồng, dược xoa, người, phi người v.v… đều ủng hộ, bảo vệ; lại khiến cho vô số vô lượng hữu tình đó được sanh vào đại tộc Sát đế lợi, đại tộc Bà la môn, Trưởng giả, Cư sĩ hay sanh vào các cõi trời Bốn đại vương chúng cho đến trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ giàu sang phú quý, lợi vui; cũng lại khiến được quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề và cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề an vui tự tại. Vì sao? Vì Kinh Bát Nhã thẳm sâu như thế rộng nói khai chỉ 10 thiện nghiệp đạo; 4 tĩnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc; 4 niệm trụ cho đến 8 Thánh đạo chi; bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật; Nội không cho đến vô tánh tự tánh không, Như Lai mười lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng; Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí vô lượng công đức báu quý như vậy.

Vô lượng vô số vô biên hữu tình tu học trong ấy, được sanh đại tộc Sát đế lợi, đại tộc Bà la môn, đại tộc Trưởng giả, Cư sĩ. Vô lượng vô số vô biên hữu tình tu học trong ấy được sanh trời Bốn đại vương chúng cho đến trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Vô lượng vô số vô biên hữu tình tu học trong ấy được quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán. Vô lượng vô số vô biên hữu tình tu học trong ấy được Độc giác Bồ đề. Vô lượng vô số vô biên hữu tình tu học trong ấy được vào Bồ Tát Chánh tánh ly sanh, được chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Thiện Hiện! Do nhân duyên đây, nên Bát nhã Ba la mật như thế được gọi là **Đại bảo tạng**. Vì công đức quý báu thế gian xuất thế gian đều nương Bát Nhã thẳm sâu như thế mà xuất hiện vậy.

Thiện Hiện! Trong Đại bảo tạng Bát Nhã như thế chẳng nói chút pháp có sanh có diệt, có nhiễm có tịnh, có lấy có bỏ. Vì sao? Vì không

chút pháp khá sanh khá diệt, khá nhiễm khá tịnh, khá lấy khá bỏ vậy. Trong Đại bảo tạng Bát Nhã như thế chẳng nói có pháp là thiện là phi thiện, là hữu ký là vô ký, là thế gian là xuất thế gian, là hữu lậu là vô lậu, là hữu vi là vô vi.

Thiện Hiện! Do nhân duyên đây, nên Bát nhã Ba la mật như thế được gọi là **Vô sở đắc Đại pháp bảo tạng**. Trong Bát Nhã Đại bảo tàng này chẳng nói chút pháp nhiễm ô. Vì sao? Vì không có chút pháp nhỏ nhiệm nào nhiễm ô, nên cũng không chút pháp năng nhiễm Bát Nhã Đại bảo tạng thẳm sâu như thế. Vì sao? Vì pháp năng nhiễm ô bất khả đắc vậy.

Thiện Hiện! Do nhân duyên đây, Bát nhã Ba la mật như thế được gọi là **Vô nhiễm Đại pháp bảo tạng**.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã không tưởng như vầy, phân biệt như vầy, có đắc như vầy, hý luận như vầy: "Ta năng tu hành Bát nhã Ba la mật thẳm sâu". Bồ Tát này mới năng như thật tu hành Bát Nhã thẳm sâu, cũng năng gần gũi lễ thờ chư Phật. Mới từ một nước Phật đến một nước Phật, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen chư Phật Thế Tôn. Dạo các nước Phật, khéo lấy tướng kia để nghiêm tịnh cõi Phật, thành thục hữu tình, tu các Bồ Tát hạnh, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật như thế đối tất cả pháp chẳng tự tại chẳng phải chẳng tự tại, chẳng lấy chẳng bỏ, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng dơ chẳng sạch, chẳng thêm chẳng bớt. Bát nhã Ba la mật như thế chẳng phải quá khứ, hiện tại, vị lai, không đến cõi Dục, không bỏ cõi Dục, không trụ cõi Dục; không đến cõi Sắc, không bỏ cõi Sắc, không trụ cõi Sắc; không đến cõi Vô sắc, không bỏ cõi Vô sắc, không trụ cõi Vô sắc.

Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật như thế, đối bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật chẳng cho chẳng bỏ. Đối nội không cho đến vô tánh tự tánh không cũng chẳng cho chẳng bỏ. Đối bốn niệm trụ cho đến tám Thánh đạo chi cũng chẳng cho chẳng bỏ. Đối Như Lai mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng chẳng cho chẳng bỏ. Đối quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ đề cũng chẳng cho chẳng bỏ. Đối các Bồ Tát Chánh tánh ly sanh cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng chẳng

cho chẳng bỏ. Đối Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng chẳng cho chẳng bỏ.

Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật như thế chẳng cho pháp Thanh văn chẳng bỏ pháp dị sanh, chẳng cho pháp Độc giác chẳng bỏ pháp Thanh văn, chẳng cho pháp chư Phật chẳng bỏ pháp Độc giác, chẳng cho pháp vô vi chẳng bỏ pháp hữu vi. Vì sao? Vì Như Lai ra đời hoặc chẳng ra đời, các pháp như thế thường không biến đổi, pháp tánh, pháp giới, pháp định, pháp trụ cũng không khác vậy.

Bấy giờ, vô lượng trăm ngàn Thiên tử trụ trong hư không rất đổi vui mừng, đem hoa trời: Hoa sen xanh, hoa sen đỏ, hoa sen vàng, hoa vi diệu âm và các hương bột mà rải lên Phật, cùng nhau vui mừng, đồng thanh xướng rằng: "Ngày nay, chúng ta ở châu Thiệm bộ, thấy đức Phật chuyển bánh xe diệu pháp lần thứ hai, trong đó có vô lượng trăm ngàn Thiên tử nghe thuyết Bát nhã Ba la mật, đều chứng đắc Vô sanh pháp nhẫn".

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Thiện Hiện rằng:

- Xe pháp như thế chẳng quay lần thứ nhất, cũng chẳng quay lần thứ hai. Vì sao? Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật như thế, đối **tất cả pháp chẳng chuyển, chẳng hoàn** vậy mà xuất hiện thế gian, vì các pháp vô tánh, tự tánh rỗng không vậy.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Những pháp nào gọi là vô tánh tự tánh không mà Bát nhã Ba la mật như thế đối tất cả pháp, chẳng chuyển, chẳng hoàn mà xuất hiện thế gian?

3- Bát Nhã là không: Vô tánh không, tự tánh không, vô tánh tự tánh cũng không:

Phật bảo:

- Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật, **tánh Bát nhã Ba la mật là không cho đến bố thí Ba la mật, tánh bố thí Ba la mật không vậy**. Nội không, tánh nội không không vậy cho đến vô tánh tự tánh không, tánh vô tánh tự tánh không không vậy. Bốn niệm trụ, tánh 4 niệm trụ không vậy cho đến 8 Thánh đạo chi, tánh 8 chi Thánh đạo không vậy. Như Lai 10 lực, tánh Bồ Tát 10 lực không, vậy cho đến 18 pháp Phật bất cộng, tánh 18 pháp Phật bất cộng không vậy. Nhất thiết trí, tánh

nhất thiết trí không vậy. Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, tánh Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí không vậy. Dị sanh tánh, tánh dị sanh tánh không vậy. Quả Dự lưu, tánh quả Dự lưu không vậy cho đến quả A la hán, tánh quả A la hán không vậy. Độc giác Bồ đề, tánh Độc giác Bồ đề không vậy. Tất cả Bồ Tát hạnh, tánh tất cả Bồ Tát hạnh không vậy. Chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, tánh chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề không vậy.

4- Bát Nhã không chuyển không hoàn:

Thiện Hiện! Bởi các pháp như thế vô tánh tự tánh không vậy. Bát nhã Ba la mật như thế đối tất cả pháp chẳng chuyển, chẳng hoàn vậy mà xuất hiện thế gian.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát Bát nhã Ba la mật như thế là Đại Ba la mật, vì **đạt tự tánh không tất cả pháp** vậy. Dù đạt tự tánh tất cả pháp đều không, mà các Bồ Tát vẫn nương Bát nhã Ba la mật đây chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, quay xe diệu pháp, độ vô lượng chúng. Dù chứng Bồ đề mà không sở chứng, chứng pháp chẳng chứng, vì **bất khả đắc** vậy. Dù quay xe pháp mà không sở quay, vì pháp chuyển, pháp hoàn lại bất khả đắc. Dù độ hữu tình mà không sở độ, vì pháp thấy, chẳng thấy bất khả đắc vậy.

Bạch Thế Tôn! Trong Đại Bát nhã Ba la mật đây việc quay xe pháp đều bất khả đắc, vì tất cả pháp chẳng sanh, năng quay sở quay bất khả đắc vậy. Vì sao? Vì chẳng phải trong pháp không, vô tướng, vô nguyện có pháp khá chuyển, khá hoàn, vì pháp tánh chuyển, hoàn bất khả đắc vậy.

Bạch Thế Tôn! Đối Bát nhã Ba la mật đây nếu thường tuyên nói khai chỉ phân biệt rõ ràng như thế, khiến dễ ngộ vào. Đấy gọi khéo tịnh tuyên nói Bát nhã Ba la mật. Trong đây đều không kẻ nói, kẻ thọ và pháp được nói. Đã không kẻ nói, kẻ thọ và pháp, thì kẻ năng chứng cũng bất khả đắc. Không kẻ chứng nên cũng không có kẻ năng đắc Niết bàn.

Đối với Bát nhã Ba la mật, khéo thuyết pháp thì cũng không có phước điền, vì người thí, người nhận và vật thí đều là tánh Không.

Phước điền không, nên phước đức cũng không. Biểu tướng, danh ngôn đều bất khả đắc. Vì thế nên gọi là Đại Ba la mật.

Thích nghĩa:

*(1). Mặc áo giáp công đức hay đại thệ nguyện trang nghiêm đã giải thích rồi, nhưng **Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 42, "Thán Tịnh"**, căn cứ vào lời của Tu Bồ Đề diễn dịch như sau:*

"Như ngài Tu Bồ Đề đã nêu lên thí dụ: Bồ Tát biết rõ chúng sanh là tự tánh không, là vô sở hữu như hư không, mà vẫn phát thệ nguyện siêng năng, tinh tấn tu tập, làm những việc khó làm, vì lợi ích cho chúng sanh. Như vậy nên gọi là đại thệ trang nghiêm.

Bồ Tát vì lợi ích chúng sanh, vì muốn độ hết thảy chúng sanh, mà vẫn biết rõ chúng sanh là hư không, nên gọi là phát đại thệ trang nghiêm vậy".

Sơ giải:

1. Phần đầu phẩm này nói về nhiễm tịnh, trước chẳng trước tướng.

1- Các pháp không nhiễm không tịnh, trước chẳng trước:

Các pháp trì độn vô tri, vốn không nhơ không sạch, không tốt xấu, nhiễm tịnh… Do phân biệt chấp trước nên mới thấy có nhiễm tịnh.

*(Để giải thích điểm này **Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 42, "Thán Tịnh", Tập 4, quyển 63**, nói rằng:*

"Thanh tịnh thể hiện ở nơi 2 tướng. Đó là :

- Trí huệ thanh tịnh.
- Duyên pháp thanh tịnh.

Đây là 2 tướng tịnh do đối đãi với nhau, nương vào nhau mà có.

Ly trí tịnh, thì chẳng có duyên tịnh; mà ly duyên tịnh cũng chẳng có trí tịnh. Vì sao? Vì hết thảy tâm pháp cũng như tâm sở pháp đều từ duyên sanh. **Nếu tâm chẳng duyên, thì trí chẳng sanh được**. Ví như chẳng có củi hay chẳng có các loại chất đốt khác, thì lửa chẳng thể nào hiển tác được.

Người có trí tuệ biết rõ các duyên đều thanh tịnh. Người vô trí chẳng có thể biết được như vậy, nên ở nơi trí tịnh, nơi tương tịnh mà tương đãi phân biệt.

Nên biết, **thật tướng pháp bản lai thanh tịnh**, ly cả trí lẫn duyên. Chỉ vì tâm và tâm sở y vào các nhiễm duyên pháp, mà cho là chẳng thanh tịnh vậy.

Cũng nên biết, **hết thảy các pháp bản lai thanh tịnh**, chẳng phải do Phật tạo ra; chẳng phải do ai khác tạo ra. Dù có Phật hay chẳng có Phật, thì pháp tánh vẫn thường trú, chẳng có hoại. Tuy rằng các pháp tướng hư vọng, nhưng bản lai vẫn chẳng nhiễm, chẳng tịnh; tự tánh của các pháp vẫn thường thanh tịnh, là như pháp tánh thật tế, là Bát nhã Ba la mật, là đạo, thường là bất sanh, bất diệt, thường là vô tướng, vô tác, vô tri, vô đắc, thường là rốt ráo không”).

Tất cả thấy biết đều duyên vào sở duyên mà “có chuyện”, nên nói do huân tập mà ra. Như con thạch sùng(con thằn lằn)sống trong tường vôi thì trắng sạch. Cũng con thạch sùng ấy, nếu sống trong vách núi thì vằn vện, đen đủi. Đó là do môi trường sống huân tập mà ra. Người tu biết thật tướng các pháp bản lai thanh tịnh, chẳng duyên tâm-tâm sở nên chẳng thấy nhiễm tịnh. Người không tu trái lại tùy thuộc vào sở duyên nên thấy có nhiễm có tịnh.

*Tất cả đều do phân biệt, **chấp tâm trước tướng** mà ra. Nếu đối cảnh không sanh tình, không bị động niệm, thì tâm như như bất động tức được thanh tịnh.*

2- Phải tu phải học Bát Nhã như hư không mà tu mà học:

“Pháp tánh thẳm sâu rất hiếm có, hoặc nói hoặc chẳng nói đều không tăng giảm. Giả sử Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trụ hết thọ lượng khen chê hư không, hư không kia cũng không tăng không giảm. Pháp tánh thẳm sâu cũng lại như thế... ”

*Đối với Bát nhã Ba la mật đây, nếu tu hay chẳng tu thì cũng không tăng không giảm, không buồn không vui, không thuận không trái, giống như hư không, **đều vô sở hữu**, tức không được không đắc. Nhưng Bồ Tát vẫn tinh siêng tu học, vẫn mặc giáp đội mũ công đức thủ hộ chúng sanh. Mặc dù biết tất cả pháp đều như huyễn như mộng, hữu tình cũng như huyễn mộng... Vậy làm sao nói Bồ Tát thủ hộ ai?*

Biết như thế nhưng Bồ Tát không thủ không chấp, vẫn tinh siêng tu học Bát Nhã không ngừng nghĩ, mặc giáp bị công đức lăng xả vào chúng quần sanh, thực hiện các hạnh nguyện khó hành, thành thục chúng sanh, thanh tịnh Phật độ.

Tu Bát nhã Ba la mật là vô trụ, vô thủ, vô trước, không đắc pháp không đắc hữu tình. Chính không thủ, không trước, không đắc mới là đắc pháp, đắc hữu tình... mới có thể thực thi được các công hạnh khó hành, giúp hữu tình vượt biển sanh tử mà qua bờ kia.

Tu Bát Nhã mà còn thủ tâm chấp tướng là còn chướng, phải tu như hư không. Bởi vì hư không mưa không làm ướt, lửa không đốt cháy, bụi không làm dơ, gió không lay chuyển, nước không nhận chìm. Hư không rộng lớn dung nhiếp tất cả. Nên Kinh bảo tu Bát nhã Ba la mật như hư không mà tu, giống chim xí nương hư không bay lượn mà không bị câu ngại bởi hư không.

2. "Thuyết Tướng Bát Nhã"

1- Nói về thanh tịnh:

Đây chỉ là dư âm của phẩm "Thanh Tịnh" đã thuyết ở trên.

Vì sắc thanh tịnh, nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh. Vì sắc chẳng thể diễn đạt, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng nhiễm chẳng tịnh, nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh. Vì hư không không nhiễm ô nên Bát nhã Ba la mật thanh tịnh. Rốt ráo tất cả pháp đều như thế cả, nên nói Bát nhã Ba la mật thanh tịnh.

Đại Trí Độ Luận nói rằng: "Khi vào được trong Bát nhã Ba la mật rồi thì biết rõ hữu vi cùng vô vi đều là không, tức là biết rõ hết thảy các pháp, ở nơi thật tướng, đều là rốt ráo thanh tịnh cả".

2- Bát Nhã như kho báu lớn:

Người nào thọ trì Kinh này thì đời này, đời sau có vô vàn công đức không thể nghĩ bàn. Vì vậy, mới nói Bát nhã Ba la mật là kho báu lớn, cứu độ vô lượng chúng sanh. Kinh bảo:

(...) "Thiện nam thiện nữ ấy, do đọc tụng, tuyên thuyết Bát nhã Ba la mật thậm thâm ở trong đại hội vô lượng ấy mà được công đức thù thắng vô lượng, vô số, vô biên, chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể suy

lường. Vì sao? Vì Bát nhã Ba la mật nầy là kho báu lớn, có khả năng cứu thoát vô lượng, vô biên hữu tình khỏi sự bần cùng đại khổ của địa ngục, bàng sanh, quỉ giới, loài người và chư thiên có khả năng ban cho vô lượng, vô biên hữu tình sự phú quí an lạc của dòng họ lớn Sát đế lợi, Bà la môn, Trưởng giả, Cư sĩ; có khả năng ban cho vô lượng, vô biên hữu tình sự phú quí an lạc của các chúng trời trong 25 cảnh giới; có khả năng ban cho vô lượng, vô biên hữu tình sự an lạc của quả Thanh văn, quả vị Độc giác; có khả năng ban cho vô lượng, vô biên hữu tình sự an lạc của quả vị Giác ngộ tối cao. Vì sao? **Vì trong kho báu lớn Bát nhã Ba la mật ấy rộng nói khai thị tất cả các pháp Phật. Đối với các thiện pháp quí báu như thế, vô số hữu tình theo đó tu học thì sẽ hưởng phước lộc không thể nghĩ bàn. Vì nhơn duyên nầy nên Bát nhã Ba la mật được gọi là kho báu lớn"**.

Phẩm "Công Đức Khó Nghe", Q.301, Hội thứ I, ĐBN. Phật bảo:

"Này Thiện Hiện! Kho báu lớn Bát nhã Ba la mật như vậy có khả năng ban cho hữu tình pháp báu 10 thiện nghiệp đạo, 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 5 thần thông. Này Thiện Hiện! Kho báu lớn Bát Nhã như vậy có khả năng ban cho hữu tình báu bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật.

Này Thiện Hiện! Kho báu lớn Bát nhã Ba la mật như vậy có khả năng ban cho hữu tình pháp báu 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ, 37 pháp trợ đạo, Phật 10 lực, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng, Nhất thiết trí… cho đến quả vị Giác ngộ tối cao. Vì vậy, nên gọi Bát nhã Ba la mật là kho báu lớn".

Nhờ kho báu lớn này nên có thể cứu độ muôn loài khỏi trầm luân không những trong một kiếp, mà là cho vô vàn số kiếp đọa đày trong 3 cõi 6 đường. Biết như vậy, phải tu tất cả các thiện pháp để tự độ và độ tha thôi.

3- Bát Nhã là tướng rỗng không, vô tánh không, tự tánh không, vô tánh tự tánh cũng không nốt.

Phần sau phẩm "Vô Tác" quyển thứ 14, Kinh MHBNBLMĐ, Phật bảo:

"Nầy Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba la mật, Bát nhã Ba la mật tướng rỗng không nhẫn đến Đàn na Ba la mật, Đàn na Ba la mật tướng rỗng không; nội không nội không tướng rỗng không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không vô pháp hữu pháp tướng rỗng không; tứ niệm xứ tứ niệm xứ tướng rỗng không nhẫn đến bát Thánh đạo bát Thánh đạo tướng rỗng không; Phật thập lực thập lực tướng rỗng không nhẫn đến 18 pháp bất cộng pháp bất cộng tướng rỗng không; quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm tướng rỗng không nhẫn đến Nhất thiết trí Nhất thiết trí tướng rỗng không".

Đó là cái là rỗng không Bát Nhã: Trong không, ngoài không, cho đến vô tánh tự tánh cũng không nốt. Nên nói Bát Nhã rỗng không trong suốt ngang đồng hư không. Cái rỗng không này đưa đến vô thức vô niệm vô tâm mà sanh trí tuệ.

4- Bát nhã Ba la mật không chuyển không hoàn:

Đặc tánh này cũng chỉ là hậu quả của cái gọi là "các pháp vô tri, trì độn, vô tác". Kinh chỉ nói rộng thêm mà thôi.

***(Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 44, "Vô Tác", Tập 4, quyển 65** giải thích rằng:*

"Khi nghe nói Bát nhã Ba la mật là pháp rốt ráo thanh tịnh, rốt ráo bình đẳng, là thật tướng pháp, là pháp đại lợi ích cho chúng sanh, chẳng có lỗi lầm, chư Thiên rất vui mừng, hớn hở, đem hoa tán Phật, và đồng bạch Phật rằng: Ở cõi Diêm Phù Đề này, hôm nay chúng con lại được nghe Phật chuyển pháp luân lần thứ hai.

Hỏi: *Vì sao chư Thiên nói đây là lần chuyển pháp luân thứ hai (đệ nhị chuyển pháp luân)?*

Đáp: Khi Phật thuyết pháp lần đầu tiên có năm anh em trong nhóm ngài Kiều Trần Như và tám vạn chư Thiên được vô sanh pháp nhẫn. Đây là lần chuyển pháp luân đầu tiên (sơ chuyển pháp luân).

Nay trong hội Bát nhã Ba la mật này có vô lượng chư Thiên được vô sanh pháp nhẫn. Bởi vậy chư Thiên gọi đây là lần chuyển pháp luân thứ hai (đệ nhị chuyển pháp luân).

Phật chuyển pháp luân ví như đám mưa lớn rưới xuống mặt đất; cây cỏ mọi thứ đều được thấm nhuần lợi lạc:

- Cây lớn hấp thụ lượng nước lớn.

- Cây nhỏ hấp thụ lượng nước nhỏ. Lần chuyển pháp luân này, Phật thuyết về Niết Bàn quả, cũng chính là Bát nhã Ba la mật vậy.

Vì Bát nhã Ba la mật chẳng khởi, chẳng tác, mà lại dẫn đến vô sanh pháp nhẫn, nên Phật dạy chẳng có chuyển, chẳng có hoàn.

Nếu trong 12 chi duyên khởi mà biết rõ vô minh là hư vọng, là rốt ráo không, là chẳng thật có, thì cũng biết rõ là chẳng có hành… dẫn đến chẳng có lão tử. Như vậy, là chẳng có pháp nào sanh, cũng chẳng có pháp nào diệt cả.

Vì thế gian chấp có pháp sanh, nên nói có chuyển pháp luân; chấp có pháp diệt, nên nói có hoàn pháp luân.

Còn Bát Nhã ly chuyển, ly hoàn, nên nói chẳng có chuyển, chẳng có hoàn; lại vì vô pháp và hữu pháp đều không, nên nói chẳng có chuyển; vì hữu pháp cũng là vô pháp, nên nói chẳng có hoàn.

Hỏi: *Vì sao ngài Tu Bồ Đề nêu câu hỏi liên hệ đến sự kiện "vô pháp và hữu pháp đều không, khiến Bát nhã Ba la mật chẳng vì chuyển hay vì hoàn mà xuất hiện", Phật chỉ trả lời là "vì các pháp tướng đều là tánh không, nên Bát nhã Ba la mật chẳng phải vì chuyển hay vì hoàn mà xuất hiện"?*

Đáp: Trước đây đã có nói, do tà niệm, nên mới khởi tà hạnh phân biệt các pháp có 4 tướng, nên trong tứ cú (câu) sau đây :

- Hữu (có),
- Vô (không),
- Diệc hữu, diệc vô (cũng có, cũng không),
- Phi hữu, phi vô (chẳng phải có, chẳng phải không).

Nay vì hiển bày chánh niệm, chánh hạnh, nên chẳng có chấp 4 tướng ấy. Chẳng chấp như vậy mới gọi là "chánh đạo".

Ngài Tu Bồ Đề đã biết Phật dùng "tịch diệt tướng Niết Bàn" để phá các chấp về "hữu – vô". Thế nhưng, vì sợ hàng sơ phát tâm chẳng hiểu, mà khởi sanh tà kiến, nên ngài phải thưa hỏi Phật như trên. Phật dạy vô pháp cùng hữu pháp đều là tánh không, nên khi thuyết Bát nhã Ba la mật chẳng có chuyển, chẳng có hoàn. Phật lại dạy Bát nhã Ba la mật cùng hết thảy các pháp tướng đều là tánh không, nên khi thuyết Bát nhã Ba la mật chẳng có chuyển, chẳng có hoàn. Phật lại dạy Bát nhã Ba la mật cùng hết thảy các pháp tướng đều lá tánh không, nhằm

phá chấp về "không tướng", về "vô tướng tướng", về "vô tác tướng" vậy.

Lúc bấy giờ, ngài Tu Bồ Đề cùng đại chúng vui mừng, tán thán Bát nhã Ba la mật, và nói rằng: Bát Nhã cùng hết thảy các pháp, tuy là tự tánh không, mà Bát Nhã thường làm lợi ích cho chúng sanh, khiến Bồ Tát đắc Vô thượng Bồ đề, chuyển pháp luân. Bồ Tát dụng tâm vô sở đắc hành Bát nhã Ba la mật, nên tuy đắc Vô thượng Bồ đề mà chẳng có đắc, tuy chuyển pháp luân mà chẳng có chuyển vậy.

Hỏi: *Nếu hết thảy các pháp đều là không, Bát nhã Ba la mật cũng là không, Vô thượng Bồ đề cũng là không, thì vì sao lại tán thán Bát nhã Ba la mật là Ma Ha Bát nhã Ba la mật?*

Đáp: Thật tướng pháp là Bát nhã Ba la mật. Cho nên, khi nói hết thảy pháp đều là tự tánh không, thì như vậy chính là đã tán thán Bát nhã Ba la mật là Ma Ha Bát nhã Ba la mật rồi vậy.

Lại nữa, khi đã nói "không tướng", thì chẳng có gì để chấp nữa. Bát nhã Ba la mật là rốt ráo không, nên chẳng có chỗ để phá. Tuy ở nơi rốt ráo không, mà Bát nhã Ba la mật vẫn thường hành các thiện pháp. Nói "có đắc", "có chuyển" là y theo thế tục, chẳng phải là y theo đệ nhất nghĩa.

Y theo thế tục, nói chư Phật thuyết pháp, khiến có người tận phá được các phiền não, vào được đạo, nên mới nói có đắc Vô thượng Bồ đề, có chuyển pháp luân vậy.

Nay biết rõ các phiền não… dẫn đến hết thảy các pháp đều là hư vọng, đều chẳng có định tướng, nên biết rõ các pháp chẳng chuyển, chẳng hoàn. Bởi vậy nên nói chuyển pháp luân, mà chẳng có chuyển, chẳng có hoàn.

Vì sao? Vì hết thảy các pháp ở nơi tự tánh đều rốt ráo không, nên chẳng có tướng chuyển, chẳng có tướng hoàn vậy. Cũng nên biết:

- Vì phá chấp thường, mà nói chẳng chuyển; vì phá chấp đoạn, mà nói chẳng hoàn.
- Vì phá chấp hữu, mà nói chẳng chuyển, vì phá chấp vô, mà nói chẳng hoàn.
- Vì phá chấp thế gian, mà nói chẳng chuyển; Vì phá chấp Niết Bàn, mà nói chẳng hoàn.

Hết thảy các pháp đều chẳng chuyển, chẳng hoàn, đều là không, là vô tướng, là vô tác.

Khi đã vào được 3 giải thoát môn "không, vô tướng và vô tác" là vượt thoát được ngã và ngã sở, nên chẳng còn chấp tâm, chẳng còn thủ tướng nữa").

Nói tóm lại, kẻ thuyết, kẻ thọ, vật thí đều không. Phước điền không, nên phước đức cũng không, tất cả rỗng không như hư không. Biểu tướng danh ngôn đều bất khả đắc, nên cũng không có "tuyên dương xưng tụng". Đó là không nêu cờ, nên gọi là Đại Ba la mật. Thật quái dị? Giáo pháp Tánh không là như thế, tất cả đều rỗng không như hư không. Nếu những ai biết tuân thủ cái không này thì có thể lên thuyền mà vượt biển lớn. Nên Kinh Đại Bát Nhã xác nhận đại Ba la mật có thể vượt qua biển sanh tử đến bờ bỉ ngạn bên kia.

Phẩm "Bất Khả Đắc" sẽ thuyết tiếp đề tài này./.

---o0o---

42. PHẨM “BẤT KHẢ ĐẮC”

Phần sau quyển 437, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm “Ba La Mật Đa”, cuối Q.296 đến đầu Q.297, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

*Phẩm “Bất Khả Đắc” của Hội thứ II, tương đương với **phẩm thứ 44, “Bách Ba La Mật”, Tập 4, quyển 65, Đại Trí Độ Luận**. Đây là phẩm thuyết về hằng trăm Ba la mật với những đặc tánh kỳ diệu của nó. Nếu chúng sanh nào nhập được các Ba la mật này sẽ có đầy đủ tánh đức trí tuệ thì có thể chèo thuyền mà sang sông. Đó là ý nghĩa của các Ba la mật.*

Tóm lược:

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **vô biên** Ba la mật*(1)*.
Phật nói:
- Như vậy. Ví như hư không, không ngằn mé vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **bình đẳng** Ba la mật.
Phật nói:
- Như vậy. Vì tất cả pháp tánh bình đẳng vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **xa lìa** Ba la mật.
Phật nói:
- Như vậy, rốt ráo không vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **khó khuất phục** Ba la mật.
Phật nói:
-Như vậy, tất cả pháp tánh bất khả đắc vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **vô bỉ ngạn Ba la mật**.
Phật nói:
- Như vậy, vô danh thể vậy.

*(Thế nào gọi là vô bỉ ngạn Ba la mật? **Đại Trí Độ Luận phẩm thứ 44, “Bách Ba La Mật”, Tập 4, quyển 65**: Thuyết rằng:*

"Đa số người xuất gia thường chấp có bờ bên này là bờ sanh tử, có bờ bên kia là Niết bàn, giữa hai bờ đó có dòng sông phiền não; do vậy mà muốn tu tập nhằm dứt trừ phiền não, rời bỏ bờ bên này, để qua được bờ bên kia.

Bồ Tát, do tu tập Bát nhã Ba la mật, **biết rõ bờ bên kia cũng là hư vọng chẳng thật có, chẳng nên chấp**.

Như vậy gọi là "Vô bỉ ngạn Ba la mật").

- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **hư không** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, ví như hít vào thở ra bất khả đắc vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **bất khả thuyết Ba la mật**.

*(Sao gọi là <u>bất khả thuyết Ba la mật</u>? **Đại Trí Độ Luận cùng phẩm trên**. Thuyết rằng*:

"Bồ Tát biết rõ hết thảy các pháp tướng đều không tịch. Vì các pháp tướng đều không tịch, nên các giác quán đều là không. Vì các giác quán đều là không, nên các ngôn thuyết cũng không.

Bởi vậy, **khi đã vào được trong Bát nhã Ba la mật rồi, thì hết thảy các ngôn thuyết đều đoạn dứt**.

Như vậy gọi là "Bất khả thuyết Ba la mật").

Phật nói:

- Như vậy, vì tầm, tứ bất khả đắc vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **vô danh Ba la mật**.

*(Sao gọi là <u>vô danh Ba la mật</u>? **Đại trí Độ Luận** thuyết rằng:*

"Danh sắc nhiếp hết thảy các pháp. Do 4 đại mà có 4 đại tạo sắc.

Do có sắc, mới có thọ, tưởng, hành và thức, nhiếp về danh. Do có danh, có sắc, mới có khởi phân biệt các pháp.

Cùng với các pháp tướng khác, Bát nhã Ba la mật tướng cũng nhiếp về danh.

Thế nhưng, ở nơi thật tướng, thì sắc chẳng ly danh, danh chẳng ly sắc, vì sắc tức là danh, danh tức là sắc vậy.

Bồ Tát, do tu tập Bát nhã Ba la mật, **biết rõ Bát nhã Ba la mật tướng là bất khả tri (chẳng thể biết được); biết rõ thọ, tưởng, hành và thức đều là bất khả đắc (chẳng thể được)**.

Như vậy gọi là "Vô danh Ba la mật").

Phật nói:

- Như vậy, vì thọ tưởng tư xúc và tác ý thảy bất khả đắc vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **vô hành** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, vì tất cả pháp không đến đi vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **Bất khả đoạt** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, vì tất cả pháp bất khả phục vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **bất khả tận** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, vì tất cả pháp là rốt ráo tận, chẳng phải tận vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **bất sanh diệt** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, vì tất cả pháp không sanh diệt vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **vô tác** Ba la mật.

*(Thế nào là <u>vô tác Ba la mật</u>? **Đại Trí Độ Luận** giải thích tiếp, rằng:*

"Danh từ "hữu tác" (có làm ra, có tạo ra) thường được hiểu theo hai nghĩa. Đó là:

- "Chúng sanh tác", như là người hành bố thí, trì giới v.v...
- "Pháp tác", như là gió thổi, nước trôi, lửa cháy v.v...

Thế nhưng, chúng sanh nhờ có tâm thức mới thấy, nghe, hay, biết các pháp, mà **tâm thức thì chẳng có tác giả, nên nói "chúng sanh tác" là "vô tác"**. Lại nữa, hết thảy các pháp đều đần độn, chẳng có tướng khởi, chẳng có tướng tác, nên nói "pháp tác" là vô tác. Bồ Tát, **do tu tập Bát nhã Ba la mật, biết rõ "chúng sanh tác" cũng như "pháp tác" đều là vô tác cả**.

Như vậy gọi là "Vô tác Ba la mật").

Phật nói:

- Như vậy, vì các tác giả bất khả đắc vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **vô tri** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, vì tất cả pháp bản tánh trì độn vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **bất đáo** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, bởi kẻ sanh tử bất khả đắc vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **bất hoại** *(bất thất)* Ba la mật.

*(Tại sao gọi là bất thất Ba la mật? **Đại Trí Độ Luận** thuyết rằng:*

"Lại nữa, **Bồ Tát biết rõ Bát nhã Ba la mật chính là thật tướng pháp và cũng y theo Bát nhã Ba la mật mà các pháp chẳng mất thật tướng**.

Như vậy gọi là "Bất thất Ba la mật").

(Từ đây cho đến hết phẩm này, Kinh thuyết các Ba la mật tức là tất cả pháp mầu Phật đạo, chúng ta đã học qua nên không cần thuyết giảng thêm nữa).

Phật nói:

- Như vậy, vì tất cả pháp không hoại vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã thế là **như mộng** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, vì tất cả pháp như mộng, bất khả đắc vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **như vang** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, vì năng sở nghe nói bất khả đắc vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **như ảnh tượng** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, vì các pháp đều như bóng hiện trong gương, bất khả đắc vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế là như **việc biến hóa** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, vì tất cả pháp như sự biến hóa bất khả đắc vậy.

- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **như thành tầm hương** Ba la mật.
Phật nói:
- Như vậy, vì tất cả pháp như thành tầm hương bất khả đắc vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **bất nhiễm tịnh** Ba la mật.
Phật nói:
- Như vậy, các duyên nhiễm tịnh bất khả đắc vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **vô sở đắc không nhiễm ô** Ba la mật.
Phật nói:
- Như vậy, các pháp sở y bất khả đắc.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **vô hý luận** Ba la mật.
Phật nói:
- Như vậy, phá hoại mọi hý luận vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **không khinh miệt chấp trước** Ba la mật.
Phật nói:
- Như vậy, vì phá hoại tất cả các việc khinh chấp vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **không động chuyển** Ba la mật.
Phật nói:
- Như vậy, vì trụ pháp giới vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế là **xa lìa nhiễm ô** Ba la mật.
Phật nói:
- Như vậy, vì hiểu biết tất cả pháp không hư vọng.
- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế là **vô đẳng khởi** Ba la mật.
Phật nói:
- Như vậy, vì đối tất cả pháp không phân biệt vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **tịch tịnh** Ba la mật.
Phật nói:
- Như vậy, vì tướng các pháp vô sở đắc vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **vô tham dục** Ba la mật.
Phật nói:
- Như vậy, vì các việc tham dục bất khả đắc vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **vô sân** Ba la mật.
Phật nói:

- Như vậy, phá hoại tất cả các việc sân hận vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **vô si** Ba la mật.
Phật nói:
- Như vậy, vì diệt các việc vô tri đen tối vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **xa lìa phiền não** Ba la mật.
Phật nói:
- Như vậy, vì xa lìa phân biệt.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **xa lìa hữu tình** Ba la mật.
Phật nói:
- Như vậy! Đạt được loài hữu tình vô sở hữu.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **vô đoạn hoại** Ba la mật.
Phật nói:
-Như vậy, vì đây năng đẳng khởi tất cả pháp vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **vô nhị** Ba la mật.
Phật nói:
- Như vậy, vì xa lìa hai bên vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **không tạp hoại** Ba la mật.
Phật nói:
- Như vậy, vì biết tất cả pháp chẳng lệ thuộc nhau vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế là **vô đắm trước** Ba la mật.
Phật nói:
- Như vậy, vượt khỏi bậc Thanh văn Độc giác vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **vô phân biệt** Ba la mật.
Phật nói:
- Như vậy, tất cả phân biệt bất khả đắc vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế là **vô hạn lượng** Ba la mật.
Phật nói:
- Như vậy, ngằn mé các pháp bất khả đắc vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **như hư không** Ba la mật.
Phật nói:
- Như vậy, đạt tất cả không ngăn ngại vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **vô thường** Ba la mật.
Phật nói:
- Như vậy, vì năng hoại diệt hẳn tất cả pháp vậy.

- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **khổ** Ba la mật.
Phật nói:
- Như vậy, năng xua đuổi hẳn tất cả pháp vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **vô ngã** Ba la mật.
Phật nói:
- Như vậy, không chấp trước tất cả pháp.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **Ba la mật không**.
Phật nói:
- Như vậy, tất cả pháp vô sở đắc.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **nội không** Ba la mật.
Phật nói:
- Như vậy, rõ thấu nội pháp bất khả đắc vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **ngoại không** Ba la mật.
Phật nói:
- Như vậy, rõ thấu ngoại pháp bất khả đắc vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **nội ngoại không** Ba la mật.
Phật nói:
- Như vậy, biết pháp nội ngoại pháp bất khả đắc vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **không không** Ba la mật.
Phật nói:
- Như vậy, rõ pháp không không bất khả đắc vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **đại không** Ba la mật.
Phật nói:
- Như vậy, rõ biết tất cả pháp bất khả đắc vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **thắng nghĩa không** Ba la mật.
Phật nói:
- Như vậy, tịch diệt Niết bàn bất khả đắc vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **hữu vi không** Ba la mật.
Phật nói:
- Như vậy, các pháp vô vi bất khả đắc vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **rốt ráo không** Ba la mật.
Phật nói:
- Như vậy, pháp rốt ráo không bất khả đắc vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **vô tế không** Ba la mật.
Phật nói:

- Như vậy, pháp vô tế không bất khả đắc vậy.

- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **tán vô tán không** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, pháp tán vô tán không bất khả đắc vậy.

- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **bổn tánh không** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, pháp hữu vi vô vi bất khả đắc vậy.

- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế là **tự cộng tướng không** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, thấu đạt pháp xa lìa tự cộng tướng.

- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **nhất thiết pháp không** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, biết pháp trong ngoài bất khả đắc vậy.

- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **bất khả đắc không** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, tánh tất cả pháp bất khả đắc vậy.

- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **vô tánh không** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, pháp vô tánh không bất khả đắc vậy.

- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **tự tánh không** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, pháp tự tánh không bất khả đắc vậy.

- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **vô tánh tự tánh không** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, pháp vô tánh tự tánh không bất khả đắc vậy.

- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **bốn niệm trụ** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, thân thọ tâm pháp bất khả đắc vậy.

- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **37 pháp trợ đạo** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, pháp thiện bất thiện bất khả đắc vậy.

- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **không giải thoát môn** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, không, lìa hành tướng bất khả đắc vậy.

- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **vô tướng giải thoát môn** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, hành tướng vắng lặng bất khả đắc vậy.

- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **vô nguyện** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, hành tướng vô nguyện bất khả đắc vậy.

- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **tám giải thoát** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, tánh tám giải thoát bất khả đắc vậy.

- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **chín định thứ lớp** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, tự tánh chín định thứ lớp bất khả đắc vậy.

- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **bố thí** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, xan tham trong đây bất khả đắc vậy.

- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **an nhẫn** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, giận dữ trong đây bất khả đắc vậy.

- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **tinh tấn** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, lười nhác trong đây bất khả đắc vậy.

- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **tĩnh lự** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, loạn tâm trong đây bất khả đắc vậy.

- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế **là Ba la mật** Bát Nhã .

Phật nói:

- Như vậy, ác huệ trong đây bất khả đắc vậy.

- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **Phật mười lực** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, đạt tất cả pháp khó khuất phục vậy.

- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **bốn vô sở úy** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, được đạo tướng trí không lui mất vậy.

- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **bốn vô ngại giải** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, được nhất thiết trí không quái ngại vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **đại từ bi hỷ xả** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, đối các hữu tình chẳng nới bỏ vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **18 pháp Phật bất cộng** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, vượt pháp các Thanh văn, Độc giác vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **Như Lai** Ba la mật.
- Đúng vậy! Thường như thật thuyết tất cả pháp.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **tự nhiên** Ba la mật.

Phật nói:

- Như vậy, đối tất cả pháp tự tại chuyển vậy.
- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như thế là **Chánh đẳng giác** Ba la mật.

Nói tóm lại, Bát nhã Ba la mật là tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, vì có thể bảo hộ, dạy dỗ, giáo giới cho tất cả chúng sanh được sang bờ kia hay đạt Niết bàn. Nên nói các Ba la mật cũng như tất cả thiện pháp hay các pháp mầu Phật đạo không khác.

Phật nói:

- Như vậy, đối tất cả pháp tất cả **hành tướng** năng hiện giác vậy.

Thích nghĩa:

(1). Ba la mật (Phạm: Pàramità, Pàli: Pàramì hoặc Pàramità) Tức là từ bờ sống chết cõi mê bên này mà đến bờ Niết bàn giải thoát bên kia. Còn gọi là Ba la mật, Ba la nhĩ đa. Dịch ý là Đáo bỉ ngạn, Độ vô cực, Độ, Sự cứu kính. Thông thường, nói về sự tu hành của Bồ Tát, đại hạnh của Bồ Tát có khả năng hoàn thành tất cả mọi việc lợi mình lợi người một cách mỹ mãn rốt ráo, cho nên gọi là Sự cứu kính. Làm theo hạnh lớn ấy mà có thể từ bờ sống chết bên này đến được bờ Niết bàn bên kia, cho nên gọi là Đáo bỉ ngạn. Hạnh lớn ấy có khả năng cứu giúp mọi loài một cách bao la vô hạn, cho nên gọi là Độ vô cực. Tiếng Phạm: Pàramità, có các nghĩa: Đến bờ bên kia, trọn vẹn, đầy đủ; tiếng Pàli: Pàramì, thì có các nghĩa:

Tối thượng, chung cực. Đối với Ba la mật, các nhà phiên dịch, giải thích, mỗi nhà có cách nói riêng. Cứ theo Kinh Di Lặc Bồ Tát Sở Vấn chép, thì Ba la mật thông cả nghĩa đã đến và sẽ đến, tức là Phật đã đến bờ bên kia, còn Bồ Tát thì sẽ đến bờ bên kia. Cứ theo Nhiếp Đại Thừa Luận Thích quyển 9 (bản dịch đời Lương) chép, thì Đáo bỉ ngạn có ba nghĩa khác nhau: 1- Tùy chỗ tu hành mà đạt đến vô dư rốt ráo. 2- Vào chân như, vì chân như là cùng tột, cũng như các dòng sông đổ vào biển cả là chung cực. 3- Được quả vô đẳng, không quả nào hơn được quả này, bởi vì các pháp mà Bồ Tát tu hành, cái lý mà Bồ Tát thâm nhập và cái quả mà Bồ Tát chứng đắc, đều là rốt ráo, tròn đầy. Lại cứ theo Kinh Giải Thâm Mật quyển 4 chép, thì Ba la mật có 5 nhân duyên, tức là không nhiễm trước, không luyến tiếc, không tội lỗi, không phân biệt và không quay trở lại. Cứ theo Kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương quyển 4 chép, thì Ba la mật có mười bảy nghĩa, như tu tập thắng lợi, không dính dấp điều gì, không cố chấp thiên kiến, không hệ lụy v.v... Cứ theo Kinh Đại Bảo Tích quyển 53 chép, thì Ba la mật có mười hai nghĩa, chẳng hạn như biết được tất cả các pháp lành vi diệu có khả năng đến bờ bên kia, trong các pháp môn sai biệt của tạng Bồ Tát, an trụ nơi chính nghĩa v.v... Còn về thuyết bờ bên này, bờ bên kia thì giữa các sư cũng có những ý kiến khác nhau. Cứ theo Đại Thừa Nghĩa Chương quyển 12 mục lục Ba la mật chép, thì: 1- Sống chết là bờ bên này, Niết bàn rốt ráo là bờ bên kia. 2- Sống chết Niết bàn có hình tướng là bờ bên này, bình đẳng không hình tướng là bờ bên kia. Cứ theo Đại Phẩm Kinh Du Ý chép, thì: 1- Tiểu thừa là bờ này, Đại thừa là bờ kia. 2- Ma là bờ này, Phật là bờ kia. 3- Thế gian là bờ này, Niết bàn là bờ kia. Còn Thành luận sư thì bảo hữu tướng là bờ này, vô tướng là bờ kia; sống chết là bờ này, Niết bàn là bờ kia; phiền não (hoặc) là bờ này, chủng trí là bờ kia.

Theo các Kinh Luận thì có sáu Ba la mật, mười Ba la mật và bốn Ba la mật khác nhau như sau:

> ***1- Sáu Ba la mật****, còn gọi là sáu độ, là thuyết của các bộ Kinh Bát Nhã ; chỉ sáu hạnh tu mà Bồ Tát Đại thừa phải thực hiện. Đó là: 1). Bố thí Ba la mật, còn gọi là Đàn-na (Phạm, Pàli: dàna) Ba la mật, có nghĩa là bố thí hết cả, không sẻn tiếc vật gì. 2). Trì giới Ba la mật, còn*

gọi là Thi-la (Phạm:zìla) Ba la mật, có nghĩa là giữ gìn giới luật của giáo đoàn một cách trọn vẹn. 3). Nhẫn nhục Ba la mật, còn gọi là Sằn-đề (Phạm: kwànti) Ba la mật, hàm ý là triệt để nhịn nhục. 4). Tinh tiến Ba la mật, còn gọi là Tì-lê-da (Phạm: vìrya) Ba la mật, hàm ý là cố gắng hết mức. 5). Thiền định Ba la mật, còn gọi là Thiền-na (Phạm: dhyàna) Ba la mật, có nghĩa là hoàn toàn để tâm vào một cảnh. 6). Trí tuệ Ba la mật, còn gọi là Bát Nhã (Phạm: prajĩà) Ba la mật, Tuệ Ba la mật, Minh độ, Minh độ vô cực, có nghĩa là trí tuệ tròn đầy, là trí tuệ không phân biệt, siêu việt lý tính của con người. Y vào Bát nhã Ba la mật thì có thể làm việc bố thí mà hoàn thành Bố thí Ba la mật, cho đến tu Thiền định mà hoàn thành Thiền định Ba la mật, vì thế, Bát nhã Ba la mật là gốc của năm Ba la mật kia và được mệnh danh là mẹ của chư Phật.

2- Mười Ba la mật*, còn gọi là mười độ, mười thắng hạnh, là thuyết trong Kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương phẩm Tối Tịnh Địa-đà-la-ni. Thêm bốn Ba la mật dưới đây vào sáu Ba la mật kể trên thì thành mười Ba la mật, đó là: 1). Phương tiện Ba la mật, còn gọi là Âu-ba-da (Phạm: Upàya) Ba la mật, chỉ các phương pháp khéo léo cứu giúp chúng sinh. 2). Nguyện Ba la mật, còn gọi là Bát-la-ni-đà-na (Phạm: Praịidhàna) Ba la mật, có nghĩa là thệ nguyện cứu giúp chúng sinh sau khi đã được trí tuệ (tức bồ-đề). 3). Lực Ba la mật, còn gọi là Ba-la (Phạm: Bala) Ba la mật, nghĩa là cái năng lực có thể phán đoán điều mình tu hành một cách hoàn toàn chính xác. 4). Trí Ba la mật, còn gọi là Nhã-na (Phạm: Jĩàna) Ba la mật, có nghĩa là thụ hưởng niềm vui Bồ đề, đồng thời, chỉ dạy chúng sinh được trí tuệ siêu việt.*

3- Bốn Ba la mật*, là thuyết trong các chương Điên đảo, Chân thực của Kinh Thắng man. Tức là: 1). Thường Ba la mật, nghĩa là Ba la mật triệt để vĩnh viễn. 2). Lạc Ba la mật, nghĩa là Ba la mật triệt để an ổn. 3). Ngã Ba la mật, nghĩa là Ba la mật có tính chủ thể triệt để. 4). Tịnh Ba la mật, nghĩa là Ba la mật triệt để thanh tịnh. Bốn Ba la mật trên đây tức là bốn đặc chất (bốn đức) thù thắng của Niết bàn.*

Mật giáo*, trong Kim cương giới mạn đồ la lấy Đại nhật Như Lai làm trung tâm, gọi bốn Bồ Tát đặt ở bốn phương Đông Nam Tây Bắc*

là bốn Ba la mật, tức Đông phương Kim cương Ba la mật, Nam phương Bảo Ba la mật, Tây phương Pháp Ba la mật, Bắc phương Nghiệp Ba la mật. Ngoài ra, trong các Kinh điển tiếng Pàli Nam truyền, như Sở-hành-tạng (Pàli: Cariyàpiỉaka), Phật-chủng-tính (Pàli: Buddhavaôsa), Pháp cú Kinh chú (Pàli: Dhammapadaiỉhakathà) v.v..., cũng lập mười Ba la mật là: Bố thí Ba la mật, Trì giới (Pàli: sìla) Ba la mật, Xuất ly (Pàli: nekkhamma) Ba la mật, Bát Nhã (Pàli: paĩĩa) Ba la mật, Tinh tiến (Pàli: viriya) Ba la mật, Nhẫn nhục (Pàli: khanti) Ba la mật, Chân đế (Pàli: sacca) Ba la mật, Quyết ý (Pàli: adhiiỉhàna) Ba la mật, Từ (Pàli: mettà) Ba la mật và Xả (Pàli: upekkhà) Ba la mật. - Từ điển Phật Quang.

Sơ giải:

*Toàn thể phẩm này nằm trong câu hỏi: **Tu Bát Nhã để làm gì? Và kết quả ra sao?** Câu trả lời giản dị là tu Bát nhã Ba la mật để đạt huệ. Đạt huệ để làm gì? Để được giải thoát! Giải thoát đi đâu? Đi qua bờ bên kia! Vậy tu Bát Nhã là **nhân** (để có huệ) và giải thoát (được sang bến bờ bên kia) là **quả**. Muốn nhân tròn quả mãn thì phải học Bát nhã Ba la mật, kết quả chắc chắn sẽ sang được bờ kia.*

Bờ bên kia là Ba la mật hay còn gọi là đáo bỉ ngạn. Vì vậy, Hội thứ I đặt tên cho phẩm này là "BA LA MẬT ĐA", thành quả to lớn do tu hành các Ba la mật mà gặt hái được.

Nhưng muốn được kết quả tốt đẹp đó thì phải làm sao? Câu trả lời giản dị là phải có phương tiện. Nhưng đối với Bát Nhã , tất cả đều không: Nội không, ngoại không, nội ngoại không, cho đến vô pháp hữu pháp không, rốt ráo đều không. Như vậy, phương tiện cũng không, nên nói phương tiện phi phương tiện, cứu cánh phi cứu cánh. Hay nói khác tất cả đều vô sở hữu, bất khả đắc. Đó là ý nghĩa của phẩm này, nên Hội thứ II mới đặt tên là "BẤT KHẢ ĐẮC". Và chính cái bất khả đắc cũng này cũng không nốt. Đó là "Bất khả đắc không". Và khi hiểu ra như vậy là thấu hiểu Bát Nhã , thấu hiểu Ba la mật. Thấu hiểu nhân (Bát Nhã), thấu hiểu quả (Ba la mật) thì sang được bờ kia.

*Kinh nói: Bát Nhã là Ba la mật vô biên **không có ngần mé** như hư không; là **viễn ly** vì rốt ráo không; là **vô hành** vì tất cả pháp không đến*

không đi; là Ba la mật ***vô tri*** *vì các sự hiểu biết chẳng thể nắm bắt được; là Ba la mật* ***chẳng sanh diệt*** *vì tất cả pháp không sanh diệt; là* ***không tạo tác*** *vì không có tác giả; là Ba la mật* ***không dời đổi*** *vì sự sanh tử bất khả đắc; không hư mất vì tất cả pháp* ***không biến hoại****; là Ba la mật* ***vô nhị*** *vì xa lìa hai bên; là Ba la mật* ***vô sở đắc****,* ***không hý luận, vô nhiễm, vô tịnh;*** *là Ba la mật* ***không kiêu mạn, không tham dục, không sân nhuế, không ngu si, không phiền não; là Ba la mật không đoạn, không hoại, không chấp trước, không phân biệt, không so lường, không khởi đẳng cấp****; là Ba la mật* ***bình đẳng, xa lìa nhiễm trước, vô cùng tĩnh lặng, như hư không…***

Bát Nhã như vậy là Ba la mật ***như mộng*** *vì tất cả pháp như chiêm bao, chẳng thể* ***nắm bắt được****; là Ba la mật* ***như tiếng vang*** *vì năng, sở, văn, thuyết đều chẳng thể nắm bắt được; là Ba la mật* ***như ảnh tượng*** *vì các pháp đều như ảnh trong gương, như trăng đáy nước, chẳng thể nắm bắt được; là Ba la mật* ***như bóng nắng, như ảo ảnh*** *vì tất cả pháp như tướng trạng của dòng nước, chẳng thể nắm bắt được; là Ba la mật* ***như biến hóa*** *vì các pháp đều như trò ảo thuật; là Ba la mật* ***như ảo thành*** *vì các pháp đều như hương khói. Đó là so sánh Bát nhã Ba la mật như huyễn mộng, chẳng có gì lạ cả.*

(Ở chỗ này, ***Đại Trí Độ Luận*** *thuyết rằng:*

Ngài Tu Bồ Đề tán thán Bát nhã Ba la mật đã khai thị về “pháp không” và “chúng sanh không”. Pháp cùng chúng sanh đều chẳng thật có, đều là như mộng, như hưởng, như ảnh, như diêm, như huyễn.

Phật dạy: Mộng, hưởng, ảnh, diệm, huyễn đều là bất khả đắc.

Như vậy gọi là “Mộng Ba la mật”... dẫn đến gọi là “Huyễn Ba la mật”)

Bát Nhã như vậy là Ba la mật ***khổ, Ba la mật không, Ba la mật vô thường****,* ***Ba la mật vô ngã, Ba la mật vô tướng,*** *vì có khả năng vĩnh viễn đoạn trừ các vọng niệm chấp trước.*

Bát Nhã như vậy là ***thập bát pháp không Ba la mật****, vì các* ***pháp bất khả đắc****. Bát Nhã như vậy là* ***chơn như*** *Ba la mật, là pháp giới Ba la mật, là pháp tánh Ba la mật, bất hư vọng tánh, bất biến dị tánh, bình đẳng tánh, ly sanh tánh, pháp định, pháp trụ, thật tế, hư không giới, bất tư nghì*

giới Ba la mật. Bát Nhã như vậy là ***bốn Thánh đế Ba la mật, là 37 pháp trợ đạo Ba la mật****. Tất cả pháp như thế đều bất khả đắc.*

Bát Nhã là ***không giải thoát môn Ba la mật, là vô tướng giải thoát môn Ba la mật, là vô nguyện giải thoát môn Ba la mật****. Bát Nhã như vậy là Ba la mật* ***tám giải thoát, là Ba la mật tám thắng xứ, là chín thứ đệ định, là mười biến xứ v.v…*** *Bát Nhã như vậy là Ba la mật* ***Nhất thiết trí****, là Ba la mật* ***Đạo tướng trí****, là Ba la mật* ***Nhất thiết tướng trí****. Bát Nhã như vậy là Ba la mật tất cả* ***Bồ Tát hạnh****, là* ***quả vị Giác ngộ tối cao****. Bát Nhã như vậy là* ***Ba la mật Như Lai****. Bát Nhã như vậy là Ba la mật tự nhiên vì đối với tất cả pháp được tự tại. Bát Nhã như vậy là* ***Ba la mật Chánh Đẳng Giác*** *vì đối với tất cả pháp có khả năng giác ngộ chơn chánh bình đẳng tất cả tướng…*

Nói tóm lại, tất cả pháp Phật và 10 Ba la mật là những pháp giúp Bồ Tát kể cả chúng sanh đạt đến bờ kia. Học Bát Nhã phải học và thực hành tất cả các pháp với các đặc tánh trên thì sớm được Nhất thiết trí trí, chứng Vô Thượng Chánh đẳng Chánh giác, thành thục hữu tình, thanh tịnh Phật độ và không những tự mình có thể thoát khỏi luân hồi sanh tử, được Niết bàn mà còn giúp kẻ khác cũng được như vậy.

Chúng tôi chỉ trích dẫn vài Ba la mật trong Đại Trí Độ Luận, muốn rõ pháp nghĩa của các Ba la mật này, Các đạo hữu có thể tham khảo thêm ***phẩm thứ 44, "Bách Ba La Mật", Tập 4, quyển 65, của Luận này.*** *Các Ba la mật như thế quá nhiều, khó nhớ. Phải tụng đi tụng lại nhiều lần mới hiểu, có hiểu mới nhớ. Có nhớ, mới hành đạo viên mãn mà được giải thoát./.*

---o0o---

43. PHẨM “PHƯƠNG ĐÔNG BẮC”

Q.438 đến đầu Q.440, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm “Công Đức Khó Nghe”, phần sau Q.297 cho đến hết Q.302, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Đầu phẩm “Phương Đông Bắc” từ Q.438 đến cuối Q.439, của Hội thứ II này tương đương với phẩm “Công Đức Khó Được Nghe” thuộc cuối Q.279 cho đến hết Q.302, Hội thứ I, ĐBN.

Cuối phẩm “Phương Đông Bắc”, tứ cuối Q.439 cho đến đầu Q.440, Hội thứ II mới đề cập đến ***sự bành trướng của đạo Phật theo sự tiên đoán của Thế Tôn.*** *Chúng tôi cũng theo cấu trúc nội dung của phẩm này, trước sẽ tóm lược “công đức khó được nghe Bát Nhã” và sự bành trướng của đạo Phật về “phương Đông Bắc”, sau sẽ lược giải cả hai phần này.*

Phẩm “Phương Đông Bắc” của Hội thứ II cũng tương đương với ***phẩm thứ 45, “Văn Trì”****(Nghe và Thọ Trì)****, Tập 4, quyển 66, Đại Trí Độ Luận****.*

Tóm lược:

(1. Công đức khó được nghe Bát Nhã).

Lúc Bấy giờ, trời Đế Thích nghĩ: Thiện nam, thiện nữ nào chỉ được nghe một lần về danh tự Bát nhã Ba la mật sâu xa thì nên biết họ đã được gần gũi, cúng dường, phát hoằng thệ nguyện, gieo trồng các thiện căn ở chỗ vô lượng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thời quá khứ và được nhiều thiện tri thức hộ trì, huống nữa là người ghi chép, thọ trì, đọc tụng, suy nghĩ đúng lý, vì người diễn nói, hoặc tùy theo sức mình mà tu hành đúng pháp, thì nên biết người này quyết chắc đã được gần gũi thừa sự cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, trồng nhiều cội đức với vô lượng chư Phật quá khứ, đã từng nghe Bát nhã Ba la mật. Nghe rồi thọ trì, đọc tụng suy nghĩ, vì người diễn nói, như lời dạy tu hành, hoặc khéo vấn khéo đáp Kinh này. Nhờ phước lực đó nên nay thành tựu việc này.

Thiện nam tử, thiện nữ nào đã từng cúng dường vô lượng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, thì được công đức thuần tịnh, nghe Bát nhã Ba la mật này, tâm không kinh hãi, không lo, không sợ, nghe rồi tin vui như lời nói mà tu hành. **Nên biết người này đã ở trong trăm ngàn kiếp quá khứ tu tập bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Vì thế, nay được thành tựu việc này**.

Khi ấy, Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ nào nghe nghĩa lý trong Kinh Bát nhã Ba la mật sâu xa này mà không kinh hãi, không sợ sệt, không nghi ngờ; nghe rồi thọ trì, đọc tụng suy nghĩ, ghi chép, giải thích, như lời nói tu hành, thì nên biết người này đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề được bất thối chuyển. Vì sao? Vì nghĩa lý của Bát nhã Ba la mật sâu xa, khó tin hiểu. **Nếu đời trước không tu tập lâu dài về bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật thì đâu có thể vừa nghe liền tin hiểu được**.

Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ nào nghe nói đến Bát nhã Ba la mật mà **sanh tâm chê bai, hủy báng**, thì nên biết người đó đời trước do lòng tham, sân, si che lấp, nên đối với Kinh Bát Nhã này cũng đã từng hủy báng. Vì sao? Vì người ngu si ấy nghe nói đến nghĩa lý của Bát nhã Ba la mật, do sức mạnh tập quán không tin không vui, nên tâm không thanh tịnh. Vì sao? Vì đời trước người ngu si ấy chưa từng gần gũi chư Phật, Bồ Tát và chúng Tăng, chưa từng thỉnh hỏi làm thế nào để hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Làm thế nào để trụ pháp nội không cho đến pháp vô tính tự tính không. Làm thế nào để tu 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo. Làm thế nào để học Phật 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Vì thế nay nghe nói đến Bát nhã Ba la mật sâu xa, liền chê bai hủy báng không tin, không vui, tâm không thanh tịnh.

Trời Đế Thích thưa:

- Bạch Thế Tôn! Nghĩa lý của Bát nhã Ba la mật như thế quá sâu xa, khó tin hiểu. Thiện nam, thiện nữ nào chưa thâm tín, chưa ưa thích tu tập, bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật lâu dài; chưa thâm tín, chưa ưa thích an trụ pháp nội Không cho đến pháp vô tính tự tính Không; chưa thâm tín, chưa ưa thích tu tập 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo; chưa thâm tín, chưa ưa thích tu tập 8 giải thoát, 9 định thứ đệ, 5 thần thông; chưa thâm tín, chưa ưa thích tu học 10 lực Phật, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông

suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng và vô lượng, vô biên Phật pháp khác, thì khi nghe nghĩa lý sâu xa của Bát nhã Ba la mật này họ không tin hiểu, hoặc sanh tâm hủy báng, việc đó chưa phải là hy hữu.

Bạch Thế Tôn! Nay con kính lễ Bát Nhã sâu xa. Con kính lễ Bát Nhã sâu xa tức là kính lễ Nhất thiết tướng trí.

Khi ấy, đức Phật bảo trời Đế Thích:

- Kiều thi ca! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói, kính lễ Bát Nhã tức là kính lễ Nhất thiết tướng trí. Vì sao? Này Kiều thi ca! Vì tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, hoặc Nhất thiết trí, hoặc Đạo tướng trí, hoặc Nhất thiết tướng trí đều từ Bát nhã Ba la mật sanh ra.

Kiều thi ca! Thiện nam, thiện nữ nào muốn trụ Nhất thiết tướng trí của Như Lai thì phải trụ Bát nhã Ba la mật; muốn sanh Nhất thiết trí, Đạo tướng trí của Như Lai và các công đức khác thì phải học Bát nhã Ba la mật; muốn dứt hẳn tất cả phiền não tập khí nối nhau thì phải học Bát nhã Ba la mật; muốn chứng Vô thượng Bồ đề, chuyển bánh xe diệu pháp, độ loài hữu tình thì phải học Bát nhã Ba la mật.

Kiều thi ca! Thiện nam, thiện nữ nào muốn được quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề, thì phải học Bát nhã Ba la mật.

Kiều thi ca! Thiện nam, thiện nữ nào muốn an lập hoàn toàn các loài hữu tình có chủng tánh Thanh văn vào Thanh văn thừa, thì phải học Bát nhã Ba la mật; muốn an lập hoàn toàn các loài hữu tình có chủng tánh Độc giác vào Độc giác thừa, thì phải học Bát nhã Ba la mật; muốn an lập hoàn toàn các loài hữu tình có chủng tánh Đại thừa vào Vô thượng thừa, làm cho mau chứng được sự mong cầu Vô thượng Bồ đề, thì phải học Bát nhã Ba la mật.

Kiều thi ca! Thiện nam, thiện nữ nào muốn được công đức tối thắng trong ba cõi thì phải học Bát nhã Ba la mật; muốn dẹp tất cả bè đảng đen tối, thì phải học Bát nhã Ba la mật; muốn hộ trì hoàn toàn các chúng Bí sô, thì phải học Bát nhã Ba la mật.

*(Để diễn giảng lời thưa gởi của Thích Đề Hoàn Nhân, **Đại trí Độ Luận, phẩm thứ 45, "Văn Trì"** (Nghe và Thọ Trì)**, Tập 4, quyển 66** nói rằng:*

"Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn biết rõ Bát nhã Ba la mật là rốt ráo không, rốt ráo vô sở hữu, là pháp thậm thâm vi diệu, nên tự niệm rằng: Người tín thọ Bát nhã Ba la mật được vô lượng công đức, còn người hủy báng Bát nhã Ba la mật phải thọ vô lượng tội khổ.

Do suy nghĩ như vậy mà vị Đế Thích phát tâm kính lễ Bát nhã Ba la mật.

Vì sao? Vì kính lễ Bát nhã Ba la mật là kính lễ Nhất thiết chủng trí, kính lễ Nhất thiết chủng trí là kính lễ 10 phương chư Phật.

Phật ấn chứng lời của vị Đế Thích, và tán thán rằng: Từ Bát nhã Ba la mật xuất sanh chư Phật, xuất sanh Nhất thiết chửng trí. Bồ Tát muốn trú Nhất thiết chủng trí... dẫn đến muốn thống nhiếp Tỷ-kheo tăng, phải hành Bát nhã Ba la mật").

Kinh thuyết tiếp:

Trời Đế Thích thưa:

- Bạch Thế Tôn! Khi tu hành Bát nhã Ba la mật, các đại Bồ Tát **trụ sắc như thế nào**; trụ thọ, tưởng, hành, thức như thế nào; trụ nhãn cho đến ý như thế nào; trụ sắc cho đến pháp như thế nào; trụ nhãn thức cho đến ý thức như thế nào; trụ Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật như thế nào; trụ pháp nội Không cho đến pháp vô tính tự tính Không như thế nào; trụ bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo như thế nào; trụ Phật mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng như thế nào?

Bạch Thế Tôn! Khi tu hành Bát nhã Ba la mật, các đại Bồ Tát **làm sao tu tập sắc**; làm sao tu tập thọ, tưởng, hành, thức; làm sao tu tập Phật mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng?

Đức Phật bảo trời Đế Thích:

- Kiều thi ca! Hay lắm! Nay ông nương thần lực Phật có thể hỏi Như Lai nghĩa sâu xa như thế. Hãy Lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ vì ông phân biệt giải nói. Này Kiều thi ca! Khi tu hành Bát nhã Ba la mật, **các Bồ Tát đối với sắc không an trụ, không tu tập, đó là an trụ tu tập sắc**. Đối với thọ, tưởng, hành, thức không an trụ, không tu tập, đó là an trụ tu tập thọ, tưởng, hành, thức.

Đối với 12 xứ cho đến 18 giới không an trụ, không tu tập, đó là an trụ tu tập 12 xứ cho đến 18 giới. Đối với Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật không an trụ, không tu tập, đó là an trụ tu tập sáu pháp Ba la mật. Đối với

18 pháp không cho đến 8 chi Thánh đạo không an trụ, không tu tập, đó là an trụ tu tập 18 pháp không cho đến 8 chi Thánh đạo. Đối với Phật 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng không an trụ, không tu tập, đó là an trụ tu tập Phật 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Vì sao?

Này Kiều thi ca! Vì khi tu hành Bát Nhã, các Bồ Tát đối với sắc **không thể an trụ, không thể tu tập**; đối với thọ, tưởng, hành, thức không thể an trụ, không thể tu tập; đối với Phật 10 lực không thể an trụ, không thể tu tập, cho đến đối với 18 pháp Phật bất cộng không thể an trụ, không thể tu tập. Lại nữa, **Kiều thi ca! Khi tu hành Bát Nhã, các Bồ Tát đối với sắc chẳng phải an trụ, chẳng phải không an trụ, chẳng phải tu tập, chẳng phải không tu tập, đó là an trụ tu tập sắc.** Đối với thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải an trụ, chẳng phải không an trụ, chẳng phải tu tập, chẳng phải không tu tập, đó là an trụ và tu tập thọ, tưởng, hành, thức.

Đối với 12 xứ cho đến 18 giới chẳng phải an trụ, chẳng phải không an trụ, chẳng phải tu tập, chẳng phải không tu tập, đó là an trụ tu tập 12 xứ cho đến 18 giới. Đối với Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật chẳng phải an trụ, chẳng phải không an trụ, chẳng phải tu tập, chẳng phải không tu tập, đó là an trụ tu tập Bát Nhã cho đến bố thí Ba la mật. Đối với tất cả các pháp Phật cũng lại như vậy. Vì sao?

Này Kiều thi ca! Vì khi tu hành Bát nhã Ba la mật, các Bồ Tát quán sắc quá khứ bất khả đắc, sắc vị lai bất khả đắc, sắc hiện tại bất khả đắc. Quán thọ, tưởng, hành, thức quá khứ bất khả đắc, vị lai bất khả đắc, hiện tại bất khả đắc cho đến quán tất cả pháp Phật quá khứ, vị lai cũng như vậy.

Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế thật là **sâu xa.**

Đức Phật nói:

- Đúng vậy! Này Xá lợi Tử! Sắc như sâu xa nên Bát nhã Ba la mật sâu xa; thọ, tưởng, hành, thức như sâu xa nên Bát nhã Ba la mật sâu xa. Như vậy, cho đến tất cả pháp Phật như sâu xa nên Bát nhã Ba la mật sâu xa.

Xá lợi Tử lại thưa:

- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế thật **khó so lường**.

Đức Phật nói:

- Đúng vậy! Này Xá lợi Tử! Sắc **như** khó so lường nên Bát nhã Ba la mật khó so lường; thọ, tưởng, hành, thức như khó so lường nên Bát nhã Ba la mật khó so lường. Cho đến tất cả pháp Phật như khó so lường nên Bát nhã Ba la mật khó so lường.

Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế thật là **vô lượng.**

Đức Phật nói:

- Đúng vậy! Này Xá lợi Tử! Sắc như vô lượng nên Bát nhã Ba la mật cũng vô lượng; thọ, tưởng, hành, thức như vô lượng nên Bát nhã Ba la mật cũng vô lượng. Cho đến tất cả pháp Phật như vô lượng nên Bát nhã Ba la mật cũng vô lượng.

Xá lợi Tử! Khi tu hành Bát Nhã, Bồ Tát **không hành tánh sắc sâu xa là hành Bát Nhã**; không hành tánh thọ, tưởng, hành, thức sâu xa là hành Bát Nhã. Không hành tánh nhãn sâu xa là hành Bát Nhã; cho đến không hành tánh ý sâu xa là hành Bát Nhã. Không hành tánh 12 xứ cho đến 18 giới sâu xa là hành Bát Nhã. Không hành tánh Bát nhã Ba la mật sâu xa là hành Bát Nhã cho đến không hành tánh bố thí Ba la mật sâu xa là hành Bát Nhã. Không hành tánh 18 pháp Không sâu xa là hành Bát Nhã, 37 pháp trợ đạo, cho đến không hành tánh 18 pháp Phật bất cộng sâu xa là hành Bát Nhã. Vì sao?

Này Xá lợi Tử! **Tánh sắc sâu xa tức chẳng phải sắc**; tánh thọ, tưởng, hành, thức sâu xa tức chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức; cho đến tánh 18 pháp Phật bất cộng sâu xa tức chẳng phải 18 pháp Phật bất cộng.

Lại nữa, này Xá lợi Tử! Khi tu hành Bát Nhã, Bồ Tát **không hành tánh sắc khó so lường** là hành Bát Nhã; không hành tánh thọ, tưởng, hành, thức khó so lường là hành Bát Nhã. Cho đến không hành tánh của 12 xứ, 18 giới khó so lường là hành Bát Nhã. Không hành tánh 18 pháp Phật bất cộng khó so lường là hành Bát Nhã. Vì sao?

Này Xá lợi Tử! **Vì tánh sắc khó so lường tức chẳng phải sắc**; tánh thọ, tưởng, hành, thức khó so lường tức chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức; cho đến tánh mười tám pháp Phật bất cộng khó so lường tức chẳng phải mười tám pháp Phật bất cộng.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Khi tu hành Bát Nhã, Bồ Tát **chẳng hành tánh sắc vô lượng** là hành Bát Nhã; chẳng hành tánh thọ, tưởng, hành, thức vô

lượng là hành Bát Nhã. Chẳng hành tánh 12 xứ cho đến 18 giới cho đến chẳng hành tánh 18 pháp Phật bất cộng vô lượng là hành Bát Nhã. Vì sao?

Này Xá lợi Tử! **Vì tánh sắc vô lượng tức chẳng phải sắc**; tánh thọ, tưởng, hành, thức vô lượng tức chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức; cho đến tánh 18 pháp Phật bất cộng vô lượng tức chẳng phải 18 pháp Phật bất cộng.

Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế thật sâu xa, khó lường, vô lượng, khó có thể tin hiểu, không nên thuyết với Bồ Tát mới học Đại thừa. Vì e khi nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa tâm họ kinh hoàng run sợ, do dự không thể tin hiểu. Chỉ nên thuyết với Bồ Tát Bất thối chuyển, khi nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế tâm họ không kinh hoàng, không run sợ, cũng không do dự. Nghe rồi tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, suy nghĩ đúng lý, vì người diễn nói.

Khi ấy, trời Đế Thích hỏi Xá lợi Tử:

- Thưa Đại đức! Nếu thuyết Bát nhã Ba la mật với Bồ Tát mới học Đại thừa thì có lỗi gì?

Xá lợi Tử đáp:

- Kiều thi ca! Nếu thuyết Bát nhã Ba la mật với Bồ Tát mới học Đại thừa thì sẽ làm họ kinh hoàng, run sợ, do dự, không thể tin hiểu sanh hủy báng. Do hành động đó tăng trưởng nên tạo ra nghiệp đọa ác thú, chìm trong ba đường ác, ở lâu trong sanh tử, khó chứng Vô thượng Bồ đề. Vì thế, người trí không nên thuyết Bát nhã Ba la mật như thế với Bồ Tát mới học Đại thừa.

Trời Đế Thích lại hỏi cụ thọ Xá lợi Tử:

- Bạch Đại đức! Có Bồ Tát chưa được thọ ký Vô thượng Bồ đề, khi nghe thuyết Bát nhã Ba la mật như thế mà không kinh hoàng, không run sợ, không do dự chăng?

Xá lợi Tử đáp:

- Có! Kiều thi ca! Đại Bồ Tát này không bao lâu sẽ được thọ ký Bồ đề. Bồ Tát nào khi nghe thuyết Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế mà tâm họ không kinh hoàng, không run sợ, cũng không do dự, nên biết Bồ Tát này đã được thọ ký Vô thượng Bồ đề. Nếu như chưa được thọ ký, thì còn trải qua một đời Phật hoặc hai đời Phật nữa quyết định sẽ được thọ ký đại Bồ

đề. Nếu không như vậy thì khi nghe thuyết Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế chắc chắn họ sẽ kinh hoàng, run sợ, do dự.

Đức Phật bảo Xá lợi Tử:

- Đúng vậy! Đúng vậy! Này Xá lợi Tử! Như lời ông nói, Bồ Tát nào học Đại thừa lâu dài, phát đại nguyện lâu dài, tu sáu pháp Ba la mật và vô lượng, vô biên Phật pháp khác lâu dài, lại an trụ lâu dài nơi vô lượng, vô biên Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi, thường gần gũi lâu dài vô lượng, vô biên với bạn lành. Do đó, khi nghe thuyết Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế, tâm họ không kinh hoàng, không run sợ, cũng không do dự. Nghe rồi tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, suy nghĩ đúng lý, vì người diễn nói, hoặc thường ghi chép, như lời nói tu hành.

Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Nay con muốn nói vài ví dụ về các đại Bồ Tát, cúi xin Ngài thương xót cho phép.

Đức Phật bảo:

- Này Xá lợi Tử! Ông muốn nói điều gì thì tùy ý nói.

Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Các thiện nam, thiện nữ nào trụ Bồ Tát thừa, trong mộng tu hành Bát Nhã, tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật. An trụ pháp nội không cho đến pháp vô tính tự tính không. Tu hành bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo. Tu hành Phật mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Tu hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí sẽ đến cội Bồ đề, và an tọa tòa diệu Bồ đề. Nên biết thiện nam, thiện nữ này còn được gần Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, huống chi đại Bồ Tát vì cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề nên khi thức tu hành Bát Nhã, tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật. An trụ pháp nội không cho đến pháp vô tính tự tính không. Tu hành bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo. Tu hành Phật mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng. Tu hành Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, mà không mau chứng sự mong cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề hay sao?

Bạch Thế Tôn! Nên biết Đại Bồ Tát này không bao lâu sẽ đến cội Bồ đề, không bao lâu sẽ an tọa tòa diệu Bồ đề, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, chuyển bánh xe diệu pháp, làm lợi lạc cho tất cả.

Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ nào được nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế, thọ trì, đọc tụng, tinh tấn tu học, suy nghĩ đúng lý, nên biết họ đã học Đại thừa lâu dài, căn lành thành thục, cúng dường chư Phật, thân cận nhiều bạn lành, trồng nhiều cội đức, mới có thể thành tựu việc này.

Bạch Thế Tôn! Những thiện nam, thiện nữ nào được nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, tu tập, suy nghĩ đúng lý, vì người diễn nói, thì họ đã được thọ ký Bồ đề, hoặc gần được thọ ký đại Bồ đề.

Bạch Thế Tôn! Những thiện nam, thiện nữ này được trụ ngôi Bồ Tát Bất thối chuyển, mau đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Do đó nên nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa, họ tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, suy nghĩ đúng lý, theo lời dạy tu hành, vì người diễn nói.

Bạch Thế Tôn! Ví như có người đi dạo trong đồng trống, trải qua đường hiểm một trăm do tuần, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn, hoặc năm trăm do tuần, thấy phía trước có các cảnh thành ấp kinh đô. Đó là người thả trâu, ruộng, vườn, rừng v.v... **Thấy các cảnh ấy liền nghĩ: Thành ấp kinh đô cách đây không xa**. Nghĩ rồi, thân tâm thư thái, không còn sợ ác thú, giặc cướp, đói khát.

Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát cũng lại như vậy, nếu được nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa này thì liền tin hiểu thọ trì, đọc tụng, suy nghĩ đúng lý. Nên biết Bồ Tát này chẳng bao lâu sẽ được thọ ký, hoặc đã được thọ ký, mau chứng Vô thượng Bồ đề. Không còn sợ rơi vào Thanh văn, Độc giác địa. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Bồ Tát này đã được thấy nghe các Bồ Tát trước đây tu học Bát Nhã được cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, chẳng bao lâu sẽ chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng như vậy.

Đức Phật bảo Xá lợi Tử:

- Đúng vậy! Đúng như lời ông nói. Ông đã nhờ năng lực của Phật, vậy hãy nói tiếp đi.

Xá lợi Tử lại thưa:

- Bạch Thế Tôn! Ví như có người muốn **xem biển cả**, lần tiến bước, trải qua thời gian dài, chẳng thấy núi rừng, bèn nghĩ: Nay thấy cảnh này, biết biển không còn xa. Vì sao? Vì gần bờ biển đất phải thấp dần, chắc chắn không có núi rừng. Khi ấy, tuy chưa thấy biển nhưng người kia thấy cảnh gần, liền hớn hở vui mừng, quyết chắc mình sẽ mau thấy biển cả.

Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát cũng lại như vậy, khi nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa này, liền tin hiểu thọ trì, đọc tụng, suy nghĩ đúng lý. Hiện tại Bồ Tát này tuy chưa được đức Phật thọ ký: Đời sau, ông trải qua số kiếp như vầy, hoặc trăm kiếp, hoặc ngàn kiếp, hoặc trăm ngàn kiếp, hoặc vô số kiếp sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề; nhưng tự biết chẳng bao lâu sẽ được thọ ký. Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Vì Bồ Tát này đã được thấy nghe các Bồ Tát trước đây tu học Bát nhã Ba la mật được cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, chẳng bao lâu sẽ chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! **Ví như mùa Xuân**, cây đều rụng lá cũ, nhánh mới nứt ra tươi tốt. Mọi người thấy vậy bèn nói: Chẳng bao lâu, hoa, quả, lá mới sẽ mọc ra. Vì sao? Vì các cây này hiện tướng hoa, quả, lá mới trước. Người châu Thiệm bộ nam, nữ, lớn, nhỏ, thấy dáng cây này đều hớn hở vui mừng nói: Chẳng bao lâu chúng ta sẽ thấy hoa, quả tươi tốt.

Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát cũng lại như vậy. Nếu được nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa này thì tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, suy nghĩ đúng lý, cung kính cúng dường. Nên biết Bồ Tát đó căn lành đời trước thành thục, cúng dường nhiều Phật, thân cận nhiều bạn lành, không bao lâu sẽ được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Bạch Thế Tôn! Bồ Tát này nên suy nghĩ: Trước đây ta chắc có năng lực thiện căn thù thắng nên đưa đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì thế, nay thấy nghe cung kính cúng dường Bát nhã Ba la mật sâu xa, thọ trì, đọc tụng, sanh lòng tin hiểu, suy nghĩ đúng lý, theo sức tu tập.

Bạch Thế Tôn! Nay trong hội này có các Thiên tử thấy đức Phật quá khứ thuyết pháp đều sanh vui mừng, và nói: Xưa các Bồ Tát nghe thuyết Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế liền được thọ ký. Nay các Bồ Tát đã nghe thuyết Bát nhã Ba la mật sâu xa này, thì chẳng bao lâu chắc sẽ được thọ ký Bồ đề.

Bạch Thế Tôn! **Ví như người nữ mang thai đã lâu**, thân ngày càng nặng, đi đứng chẳng yên, ăn uống ngủ nghĩ đều giảm thiểu, không muốn nói nhiều, chán việc thường làm. Vì chịu khổ nhọc như vậy, nên bỏ dở nhiều việc. Người mẹ thấy dáng vẻ như vậy, biết chẳng bao lâu nàng này sẽ sinh nở.

Bạch Thế Tôn! Các Bồ Tát cũng lại như vậy, trước đây đã trồng căn lành, cúng dường nhiều Phật, thân cận nhiều bạn lành, căn lành thành

thục, nên nay được nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa này, liền sanh lòng tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, suy nghĩ đúng lý, theo sức tu tập.

Bạch Thế Tôn! Nhờ vậy, nên biết Bồ Tát này, chẳng bao lâu sẽ được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng đại Bồ đề.

Khi ấy, đức Phật khen Xá lợi Tử:

- Hay lắm! Hay lắm! Ông khéo nói ví dụ về Bồ Tát được nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế, liền sanh lòng tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, suy nghĩ đúng lý. Nên biết đều nhờ oai thần của Phật làm ông phát sinh biện tài như thế.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Thật lạ thay! Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác khéo hộ trì các Bồ Tát, khéo phó chúc cho các Bồ Tát.

Đức Phật bảo:

- Đúng vậy! Đúng như lời ông nói. Vì sao? Này Thiện Hiện! Các Bồ Tát cầu đạt Vô thượng Bồ đề vì làm cho nhiều hữu tình được lợi lạc, thương xót làm lợi ích cho chư thiên và loài người. Các Bồ Tát này tinh tấn tu học vì muốn làm lợi ích cho vô lượng trăm ngàn loài hữu tình, vì muốn hộ trì vô lượng trăm ngàn Bồ Tát. Nên dùng bốn nhiếp sự để hộ trì họ. Những gì là bốn? Một là bố thí, hai là ái ngữ, ba là lợi hành, bốn là đồng sự.

Bồ Tát này tự mình sống theo mười thiện nghiệp đạo, và cũng dạy người siêng năng học mười thiện nghiệp đạo. Tự mình vào cõi thiền thứ nhất cho đến cõi Phi tưởng phi phi tưởng, cũng dạy người vào cõi thiền thứ nhất cho đến cõi Phi tưởng phi phi tưởng. Tự mình hành bố thí, cũng dạy người hành bố thí. Tự mình hành tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật, cũng dạy người hành tịnh giới cho đến Bát nhã Ba la mật. Bồ Tát này nương tựa phương tiện thiện xảo của Bát nhã Ba la mật, tuy dạy hữu tình chứng quả Dự lưu nhưng tự mình chẳng chứng. Tuy dạy hữu tình chứng quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán nhưng tự mình chẳng chứng. Tuy dạy hữu tình chứng Độc giác Bồ đề nhưng tự mình chẳng chứng. Bồ Tát này tự mình tu bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, cũng khuyên vô lượng trăm ngàn Bồ Tát tu hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Tự mình trụ ngôi Bồ Tát Bất thối chuyển, cũng khuyên vô lượng trăm ngàn Bồ Tát trụ ngôi Bồ Tát Bất thối chuyển. Tự mình tinh tấn nghiêm tịnh cõi Phật, cũng khuyên vô lượng trăm ngàn Bồ Tát tinh tấn nghiêm

tịnh cõi Phật. Tự mình tinh tấn thành thục hữu tình, cũng khuyên vô lượng trăm ngàn Bồ Tát tinh tấn thành thục hữu tình. Tự mình siêng năng phát khởi thần thông Bồ Tát, cũng khuyên vô lượng trăm ngàn Bồ Tát siêng năng phát khởi thần thông Bồ Tát. Tự mình siêng năng nghiêm tịnh môn Đà la ni, Tam ma địa cũng khuyên vô lượng trăm ngàn Bồ Tát siêng năng nghiêm tịnh môn Đà la ni, Tam ma địa. Tự mình chứng được biện tài viên mãn, cũng khuyên vô lượng trăm ngàn Bồ Tát chứng biện tài viên mãn. Tự mình nhiếp thọ sắc thân viên mãn, cũng khuyên vô lượng trăm ngàn Bồ Tát nhiếp thọ sắc thân viên mãn. Tự mình nhiếp thọ tướng hảo viên mãn, cũng khuyên vô lượng trăm ngàn Bồ Tát nhiếp thọ tướng hảo viên mãn. Tự mình nhiếp thọ bậc đồng chơn viên mãn, cũng khuyên vô lượng trăm ngàn Bồ Tát nhiếp thọ bậc đồng chơn viên mãn.

Bồ Tát này tự mình tu bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo, cũng khuyên họ tu bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo. Tự mình trụ 18 pháp không cho đến 18 pháp Phật bất cộng, cũng khuyên họ trụ 18 pháp không cho đến 18 pháp Phật bất cộng. Tự mình tu Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, cũng khuyên họ tu Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Tự mình dứt tất cả tập khí phiền não nối nhau, cũng khuyên họ dứt tất cả tập khí phiền não nối nhau. Tự mình chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, chuyển bánh xe diệu pháp làm lợi lạc cho tất cả, cũng khuyên người chứng được sự mong cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề để làm sự nghiệp như thế.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật:

- Lạ thay! Thưa đức Thế Tôn! Hi hữu thay! Thưa bậc Thiện Thệ! Bồ Tát này thành tựu đại công đức như thế, vì muốn làm lợi ích cho tất cả hữu tình, tu hành Bát Nhã sâu xa như thế, vì cầu chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, chuyển bánh xe diệu pháp làm lợi lạc cho tất cả. Bạch Thế Tôn! Bồ Tát làm sao tu hành Bát Nhã cho mau viên mãn?

(2. Làm sao tu hành Bát Nhã sớm được viên mãn?)

Đức Phật đáp:

- Này Thiện Hiện! Bồ Tát nào khi tu hành Bát nhã Ba la mật, **chẳng thấy sắc hoặc tăng, hoặc giảm**; chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức hoặc tăng, hoặc giảm. Chẳng thấy 12 xứ, 18 giới hoặc tăng, hoặc giảm; chẳng

thấy bố thí hoặc tăng, hoặc giảm; chẳng thấy tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật hoặc tăng, hoặc giảm. Chẳng thấy nội không hoặc tăng, hoặc giảm; chẳng thấy ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, thắng nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô tế không, tán vô tán không bản tính không, tự cộng tướng không, nhất thiết pháp không, bất khả đắc không, vô tính không, tự tính không, vô tính tự tính không hoặc tăng, hoặc giảm. Chẳng thấy ba mươi bảy pháp trợ đạo hoặc tăng, hoặc giảm; cho đến chẳng thấy Phật mười lực hoặc tăng, hoặc giảm; chẳng thấy bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng hoặc tăng, hoặc giảm. Chẳng thấy tất cả môn Đà la ni, tất cả môn Tam ma địa hoặc tăng, hoặc giảm cho đến chẳng thấy Nhất thiết trí hoặc tăng, hoặc giảm; chẳng thấy Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí hoặc tăng, hoặc giảm. Do đó, Bồ Tát này tu hành Bát nhã Ba la mật mau được viên mãn.

(Tu hành Bát Nhã không nên thấy tất cả pháp tăng giảm hay không tăng giảm, chẳng thấy là pháp hay phi pháp. Vì tất cả pháp không tánh tướng, không tác dụng, không thể chuyển, hư vọng giả dối không bền chắc, không tự tại, không hiểu biết, lìa ngã, hữu tình, mạng giả, sanh giả, nói rộng cho đến tri giả kiến giả. Đối với tất cả pháp không sanh tưởng hoặc có thể nghĩ bàn, hoặc không thể nghĩ bàn. Đối với sắc không sanh phân biệt, cũng không phân biệt khác, đối với thọ tưởng hành thức, cũng như tất cả pháp cũng lại như vậy).

Lại nữa, Thiện Hiện! Bồ Tát nào, khi tu hành Bát nhã Ba la mật, **chẳng thấy pháp, chẳng thấy phi pháp**; chẳng thấy quá khứ, chẳng thấy vị lai, chẳng thấy hiện tại; chẳng thấy thiện, chẳng thấy phi thiện; chẳng thấy hữu ký, chẳng thấy vô ký; chẳng thấy hữu vi, chẳng thấy vô vi. Chẳng thấy cõi Dục, chẳng thấy cõi Sắc, chẳng thấy cõi Vô sắc; chẳng thấy bố thí cho đến chẳng thấy Bát nhã Ba la mật. Chẳng thấy pháp nội không, cho đến chẳng thấy pháp vô tính tự tính không. Chẳng thấy bốn niệm trụ, cho đến chẳng thấy tám chi Thánh đạo. Như vậy, cho đến chẳng thấy Phật mười lực cho đến chẳng thấy mười tám pháp Phật bất cộng. Chẳng thấy tất cả môn Đà la ni, Tam ma địa. Chẳng thấy Nhất thiết trí;

chẳng thấy Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Do đó, nên Bồ Tát này tu hành Bát nhã Ba la mật mau được viên mãn. Vì sao?

Này Thiện Hiện! **Vì tất cả pháp không tánh tướng, không tác dụng, không thể chuyển, hư vọng giả dối không bền chắc, không tự tại, không hiểu biết, lìa ngã, hữu tình, mạng giả, sanh giả, nói rộng cho đến tri giả kiến giả.**

Cụ thọ Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Lời Ngài nói thật không thể nghĩ bàn.

Đức Phật nói:

- Đúng vậy! Này Thiện Hiện! Như ông nói lời Như Lai nói không thể nghĩ bàn.

Thiện Hiện! **Sắc không thể nghĩ bàn**, nên lời Như Lai nói không thể nghĩ bàn; thọ, tưởng, hành, thức không thể nghĩ bàn, nên lời Như Lai nói không thể nghĩ bàn. Mười hai xứ, mười tám giới không thể nghĩ bàn, nên lời Như Lai nói không thể nghĩ bàn; bố thí không thể nghĩ bàn, cho đến Bát nhã Ba la mật không thể nghĩ bàn, nên lời Như Lai nói không thể nghĩ bàn. Pháp nội không không thể nghĩ bàn, cho đến pháp vô tính tự tính không không thể nghĩ bàn nên lời Như Lai nói không thể nghĩ bàn. Ba mươi bảy pháp trợ đạo không thể nghĩ bàn, Phật mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng không thể nghĩ bàn, nên lời Như Lai nói không thể nghĩ bàn. Tất cả môn Đà la ni, Tam ma địa không thể nghĩ bàn, nên lời Như Lai nói không thể nghĩ bàn. Nhất thiết trí không thể nghĩ bàn, nên lời Như Lai nói không thể nghĩ bàn; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí không thể nghĩ bàn, nên lời Như Lai nói không thể nghĩ bàn.

Thiện Hiện! Bồ Tát nào khi tu hành Bát nhã Ba la mật, như thật biết rõ sắc là không thể nghĩ bàn; thọ, tưởng, hành, thức là không thể nghĩ bàn, cho đến Nhất thiết tướng trí không thể nghĩ bàn, thì Bồ Tát này tu hành Bát nhã Ba la mật mau được viên mãn.

Lại nữa, Thiện Hiện! Bồ Tát nào khi tu hành Bát nhã Ba la mật **đối với sắc không sanh tưởng hoặc có thể nghĩ bàn, hoặc không thể nghĩ bàn**; đối với thọ, tưởng, hành, thức không sanh tưởng hoặc có thể nghĩ bàn, hoặc không thể nghĩ bàn. Đối với 12 xứ, 18 giới không sanh tưởng hoặc có thể nghĩ bàn, hoặc không thể nghĩ bàn. Đối với lục Bát nhã Ba la mật, mười tám pháp Không cho đến ba mươi bảy pháp trợ đạo không sanh tưởng hoặc có thể nghĩ bàn, hoặc không thể nghĩ bàn. Như vậy, đối với

Phật mười lực, mười tám pháp Phật bất cộng, tất cả môn Đà la ni, Tam ma địa không sanh tưởng hoặc có thể nghĩ bàn, hoặc không thể nghĩ bàn cho đến đối với Nhất thiết tướng trí không sanh tưởng hoặc có thể nghĩ bàn, thì Bồ Tát này tu hành Bát nhã Ba la mật mau được viên mãn.

Lúc ấy, cụ thọ Thiện Hiện hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Nghĩa lý của Bát Nhã như thế thật sâu xa, ai là người có thể tin hiểu được?

Đức Phật dạy:

- Thiện Hiện! **Bồ Tát nào đã tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật lâu dài, đã trồng thiện căn lâu dài, đã cúng dường nhiều đức Phật, thân cận nhiều thiện tri thức thì Bồ Tát này có thể tin hiểu được Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế**.

Cụ thọ Thiện Hiện lại hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Làm thế nào để biết Bồ Tát đó đã tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật lâu dài; đã trồng thiện căn lâu dài; đã cúng dường nhiều đức Phật; thân cận nhiều thiện tri thức?

Đức Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Bồ Tát nào khi tu hành Bát Nhã, **đối với sắc không sanh phân biệt, cũng không phân biệt khác**; đối với thọ, tưởng, hành, thức không sanh phân biệt, cũng không phân biệt khác. Đối với **tướng trạng** của sắc không sanh phân biệt, cũng không phân biệt khác; đối với tướng trạng của thọ, tưởng, hành, thức không sanh phân biệt, cũng không phân biệt khác. Đối với **tự tánh** của sắc không sanh phân biệt, cũng không phân biệt khác; đối với tự tánh của thọ, tưởng, hành, thức không sanh phân biệt, cũng không phân biệt khác. Đối với **12 xứ, 18 giới** không sanh phân biệt, cũng không phân biệt khác; **đối với tướng trạng** của 12 xứ, 18 giới không sanh phân biệt, cũng không phân biệt khác. **Đối với tự tánh** mười hai xứ, mười tám giới không phân biệt, cũng không phân biệt khác. Đối với cõi Dục không sanh phân biệt, cũng không phân biệt khác; đối với cõi Sắc, Vô sắc không sanh phân biệt, cũng không phân biệt khác; đối với tướng trạng của cõi Dục, cõi Sắc, Vô sắc không sanh phân biệt, cũng không phân biệt khác; đối với tự tánh của cõi Dục, cõi Sắc, Vô sắc không sanh phân biệt, cũng không phân biệt khác. Đối với lục Ba la mật không sanh phân biệt, cũng không phân biệt khác. Đối với tướng trạng của lục Ba la mật không sanh phân biệt, cũng không phân biệt khác; đối với tự tánh

của lục Ba la mật không sanh phân biệt, cũng không phân biệt khác. Nói tóm lại, **đối với tất cả pháp Phật không sanh phân biệt, cũng không phân biệt khác; đối với tướng trạng của tất cả pháp Phật không sanh phân biệt, cũng không phân biệt khác; đối với tự tánh của tất cả pháp Phật không sanh phân biệt, cũng không phân biệt khác**. Vì sao?

Này Thiện Hiện! Vì sắc không thể nghĩ bàn; thọ, tưởng, hành, thức không thể nghĩ bàn. Như vậy, Nhất thiết tướng trí v.v... cho đến tất cả pháp Phật không thể nghĩ bàn.

*(Để giải thích thế nào là phân biệt "sắc tướng" và "sắc tánh" cũng như hậu quả của sự phân biệt, **Luận Đại Trí Độ, phẩm thứ 45, "Văn Trì", Tập 4, quyển 66,** giải thích rằng:*

"Phật dạy: Đó là Bồ Tát chẳng phân biệt sắc, sắc tướng và sắc tánh... dẫn đến chẳng phân biệt Nhất thiết chủng trí, Nhất thiết chủng trí tướng và Nhất thiết chủng trí tánh.

Ý của lời Kinh như sau:

- Chẳng phân biệt "sắc" có nghĩa là chẳng phân biệt 4 đại và 4 đại tạo sắc.

- Chẳng phân biệt "sắc tướng" có nghĩa là chẳng phân biệt sắc thấy được, sắc nghe được, sắc xấu hay tốt, sắc dài hay ngắn, sắc nhỏ hay lớn, sắc thường hay vô thường, sắc khổ hay lạc v.v...

- Chẳng phân biệt "sắc tánh" có nghĩa là chẳng thấy sắc là thường pháp. Ví như chẳng phân biệt đất có tánh cứng, lửa có tánh nóng v.v...

Vì sao? Vì "sắc tánh" rốt ráo không.

Dẫn đến Nhất thiết chủng trí, Nhất thiết chủng trí tướng và Nhất thiết chủng trí tánh cũng như vậy.

Bồ Tát biết rõ "pháp tánh" rốt ráo không, nên khi hành Bát nhã Ba la mật chẳng phân biệt "pháp tánh". Do chẳng phân biệt "pháp tánh", nên Bồ Tát chẳng hoại "pháp", chẳng hoại "pháp tướng" vậy.

Bồ Tát nào hành Bát nhã Ba la mật mà chẳng phân biệt pháp, pháp tướng và pháp tánh là đã tu tập đầy đủ Bát nhã Ba la mật, đã biết rõ hết thảy pháp đều là rốt ráo không, đều là bất khả tư nghì").

Kinh thuyết tiếp:

Thiện Hiện! Nhờ vậy nên biết, Bồ Tát này đã tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật lâu dài; đã trồng thiện căn lâu dài; cúng dường nhiều đức Phật; thân cận nhiều thiện tri thức.

Lúc bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật như thế thật là **sâu xa**.

Đức Phật dạy:

- Đúng vậy! Này Thiện Hiện! **Sắc sâu xa nên Bát nhã Ba la mật rất là sâu xa**; thọ, tưởng, hành, thức sâu xa nên Bát nhã Ba la mật rất là sâu xa. Mười hai xứ, mười tám giới sâu xa nên Bát nhã Ba la mật rất là sâu xa. Lục Bát nhã Ba la mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo, Phật mười lực, cho đến mười tám pháp Phật bất cộng sâu xa nên Bát nhã Ba la mật rất là sâu xa. Nhất thiết trí sâu xa nên Bát nhã Ba la mật rất là sâu xa; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí sâu xa nên Bát nhã Ba la mật rất là sâu xa.

Khi ấy, Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã như vậy là **kho châu báu quí giá**.

Đức Phật dạy:

- Đúng vậy! Vì thường ban cho hữu tình **công đức quí báu**. Này Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật như vậy là kho châu báu quí giá, thường ban cho hữu tình châu báu quí giá như mười thiện nghiệp đạo, bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông quí báu. Thường ban cho hữu tình châu báu quí giá như: lục Bát nhã Ba la mật, mười tám pháp không, ba mươi bảy pháp trợ đạo. Thường ban cho hữu tình châu báu quí giá như: Pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện. Thường ban cho hữu tình châu báu quí giá như: Tám giải thoát, tám thắng xứ, chín định thứ đệ, mười biến xứ. Thường ban cho hữu tình châu báu quí giá như: Chơn như, pháp giới, pháp tánh, thật tế, cho tới cảnh giới bất khả tư nghì. Thường ban cho hữu tình châu báu quí giá bốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo. Thường ban cho hữu tình châu báu quí giá như mười địa Bồ Tát, môn Đà la ni, môn Tam ma địa. Thường ban cho hữu tình châu báu quí giá như năm loại mắt, sáu phép thần thông. Thường ban cho hữu tình châu báu quí giá như Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng. Thường ban cho hữu tình châu báu quí giá như pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả. Thường ban cho hữu tình châu báu quí giá như Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Thường ban cho hữu tình châu báu quí giá như

quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất hoàn, quả A la hán, Độc giác Bồ đề. Thường ban cho hữu tình châu báu quí giá như tất cả hạnh Bồ Tát, chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, chuyển bánh xe diệu pháp.

Cụ thọ Thiện Hiện lại hỏi đức Phật:

- Bát nhã Ba la mật như thế là **nhóm thanh tịnh**?

Đức Phật dạy:

- Đúng vậy! Thiện Hiện! **Sắc thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật là nhóm thanh tịnh**; thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật là nhóm thanh tịnh. Mười hai xứ, mười tám giới thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật là nhóm thanh tịnh. Lục Ba la mật thanh tịnh, mười tám pháp không thanh tịnh, ba mươi bảy pháp trợ dạo thanh tịnh cho đến mười tám pháp Phật bất cộng thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật là nhóm thanh tịnh. Nhất thiết trí thanh tịnh nên Bát nhã Ba la mật là nhóm thanh tịnh; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí thanh tịnh nên là nhóm thanh tịnh.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Lạ thay! Thưa Thế Tôn! Hi hữu thay! Thưa Thế Tôn! Bát nhã Ba la mật vì rất sâu xa như thế nên có **nhiều trở ngại**, nay xin Ngài rộng nói làm sao cho các trở ngại không phát sanh.

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như ông nói, Bát nhã Ba la mật sâu xa nên có nhiều trở ngại, nhưng nhờ thần lực của Phật dẫn dắt nên các trở ngại không phát sanh. Vì thế các thiện nam, thiện nữ nào ưa thích Pháp thì đối với Kinh điển Bát nhã Ba la mật này **nếu muốn ghi chép tụng đọc thì nên ghi chép tụng đọc gấp**; nếu muốn thọ trì tu tập thì nên thọ trì tu tập ngay, nếu có suy nghĩ diễn nói thì nên suy nghĩ diễn nói liền. Vì sao? Này Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật sâu xa có nhiều trở ngại, chớ để cho người ghi chép, đọc tụng, thọ trì, tu tập, suy nghĩ, vì người khác nói... bị trở ngại mà hoàn thành như ý muốn.

Thiện Hiện! Các thiện nam, thiện nữ này nếu muốn ghi chép Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế trải qua hoặc một tháng, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn, hoặc năm, hoặc sáu, hoặc bảy tháng cho đến một năm mà có thể hoàn tất thì nên chuyên cần tinh tấn làm việc, trải qua thời gian như vậy sẽ được hoàn tất.

Thiện Hiện! Các thiện nam, thiện nữ này nếu muốn thọ trì, đọc tụng, thọ trì, tu tập, tư duy, vì người diễn nói Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu

xa như thế trải qua một tháng, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn, hoặc năm, hoặc sáu, hoặc bảy tháng cho đến một năm được hoàn tất thì nên chuyên cần tinh tấn nhiếp niệm thọ trì, cho đến diễn nói trải qua thời gian ấy sẽ được hoàn tất. Vì sao?

Này Thiện Hiện! Vì ngọc báu vô giá Bát nhã Ba la mật sâu xa có nhiều trở ngại.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật rằng:

- Lạ thay! Thưa Thế Tôn! Hi hữu thay! Thưa Thiện Thệ! Ngọc báu vô giá Ba la mật sâu xa có nhiều trở ngại nhưng cũng có người ghi chép, đọc tụng, thọ trì, tư duy, tu tập, vì người diễn nói. Ác ma muốn gây ách nạn, làm trở ngại đối với họ, nên không cho ghi chép cho đến diễn nói.

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Đối với Bát nhã Ba la mật sâu xa đây, tuy ác ma muốn gây trở ngại không cho ghi chép, đọc tụng, thọ trì, tư duy, tu tập, vì người diễn nói, nhưng ác ma không đủ năng lực gây trở ngại cho Bồ Tát làm các việc, ghi chép, đọc tụng, thọ trì v.v... không hoàn tất.

Khi ấy, Xá lợi Tử thưa Phật:

Bạch Thế Tôn! Vậy thần lực của ai làm cho ác ma kia không thể gây ra trở ngại đối với các Bồ Tát ghi chép, đọc tụng, thọ trì, tư duy, tu tập, rộng nói Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế?

Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! **Đó là thần lực của Phật làm cho ác ma kia không thể gây ra ách nạn đối với các Bồ Tát ghi chép, đọc tụng, thọ trì, tư duy, tu tập, rộng nói Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế.**

Lại nữa, Xá lợi Tử! Đó cũng là thần lực của tất cả 10 phương thế giới chư Phật làm cho ác ma kia không thể gây ra ách nạn đối với các Bồ Tát ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, rộng nói Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều hộ niệm các Bồ Tát tu hành Bát Nhã nên làm cho ác ma kia không thể gây ra ách nạn đối với thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa làm họ không ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, vì người rộng nói Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế. Vì sao? Này Xá lợi Tử! Vì tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều hộ niệm cho các Bồ Tát tu hành Bát Nhã làm các thiện nghiệp, nên ác ma kia không thể gây ra ách nạn, trở ngại.

Này Xá lợi Tử! Bồ Tát nào đối với Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa, thường ghi chép, đọc tụng, thọ trì, đọc tụng v.v... rộng nói thì tất nhiên sẽ được vô lượng, vô số, vô biên Như Lai trong 10 phương thế giới đang thanh tịnh thuyết pháp hộ niệm. Nếu được chư Phật hộ niệm thì quyết chắc ác ma không thể gây ra trở ngại.

Này Xá lợi Tử! Thiện nam, thiện nữ nào đối với Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa thường ghi chép, thọ trì, v.v... thì nên nghĩ: Nay ta ghi chép, thọ trì, đọc tụng, v.v... Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế đều nhờ thần lực của vô lượng, vô số, vô biên Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong mười phương đang thanh tịnh thuyết pháp hộ niệm, khiến ta làm thiện nghiệp như vậy nên không bị ác ma gây ra trở ngại.

Khi ấy, Xá lợi Tử lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các thiện nam, thiện nữ nào đối với Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa thường ghi chép, thọ trì, đọc tụng, v.v... thì tất cả đều nhờ thần lực của chư Phật trong 10 phương thế giới hộ niệm, khiến họ làm thiện nghiệp thù thắng nên tất cả ác ma không thể gây ra trở ngại được.

Đức Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói! Các thiện nam, thiện nữ nào đối với Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa thường ghi chép, thọ trì, đọc tụng, v.v... thì nên biết đều là nhờ thần lực của tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hộ niệm.

Xá lợi Tử lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! **Các thiện nam, thiện nữ nào đối với Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa thường ghi chép, thọ trì, đọc tụng, v.v... thì được vô lượng, vô số, vô biên Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong 10 phương thế giới đang thanh tịnh thuyết pháp, đều biết các thiện nam, thiện nữ này ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói Bát nhã Ba la mật sâu xa. Do đó, nên các đức Như Lai hoan hỷ hộ niệm.**

Bạch Thế Tôn! Các thiện nam, thiện nữ nào đối với Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa thường ghi chép, thọ trì, đọc tụng, v.v... thì các thiện nam, thiện nữ này luôn được vô lượng, vô số, vô biên tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong mười phương thế giới đang thanh tịnh thuyết pháp dùng Phật nhãn quán thấy. Do đó, nên các đức Như Lai từ bi hộ niệm khiến họ làm việc thiện đều thành tựu.

Đức Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! Đúng vậy! Đúng như ông nói! Các thiện nam, thiện nữ nào ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, v.v... Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế thì luôn được vô lượng, vô số, vô biên tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong 10 phương thế giới đang thanh tịnh thuyết pháp dùng Phật nhãn quán thấy, chứng biết, hộ niệm khiến họ làm thiện nghiệp mau thành tựu và làm các ác ma không thể quấy nhiễu.

Xá lợi Tử! Các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, đối với Bát nhã Ba la mật sâu xa này thường ghi chép, thọ trì, đọc tụng v.v... nên biết họ đã gần Vô thượng Bồ đề, các quân ác ma không thể gây ra trở ngại được.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa nếu ghi chép được Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế và thọ trì, đọc tụng bằng mọi cách trang nghiêm khác thì nên biết họ rất tin hiểu Bát nhã Ba la mật này và thường dùng các tràng hoa đẹp nhất, hương hoa, hương bột, y phục, anh lạc, tràng phan, lọng báu, âm nhạc, đèn sáng cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế. Các thiện nam, thiện nữ này thường được Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác dùng Phật nhãn quán thấy, chứng biết, hộ niệm. Do đó, quyết định sẽ được của lớn, thắng lợi lớn, thành tựu lớn, quả báo lớn.

Lại nữa, Xá lợi Tử! Các thiện nam tử, thiện nữ nhơn này dùng năng lực thiện căn ghi chép, thọ trì, đọc tụng cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán Bát nhã Ba la mật sâu xa nên đắc được quả vị Bất thối chuyển. Trong thời gian đó, thường ở bên Phật, luôn được nghe chánh pháp, không bị đọa ác thú.

Xá lợi Tử! Các thiện nam, thiện nữ nhờ căn lành này cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề **thường không xa lìa** bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật; thường không xa lìa pháp nội không cho đến pháp vô tánh tự tánh không. Thường không xa lìa bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo. Như vậy, cho đến thường không xa lìa mười lực Như Lai, mười tám pháp Phật bất cộng. Thường không xa lìa Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Thường không xa lìa vô lượng, vô biên pháp Phật khác. Nhờ đây nên mau chứng sự mong cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Xá lợi Tử! Do đó, các thiện nam tử, thiện nữ nhơn được trụ Bồ Tát thừa, đối với Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa này nên siêng năng ghi

chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, vì người giải nói, cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán, không được dừng nghỉ.

(3. Sự bành trướng của Phật đạo)

Lại nữa, Xá lợi Tử! Sau khi Ta nhập Niết bàn, Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa này sẽ dần **hưng thịnh ở phương Đông Nam**. Ở đó có nhiều Bí sô, Bí sô ni, Ô ba sách ca *(thiện nam)*, Ô ba tư ca *(tín nữ)* trụ Bồ Tát thừa, thường sanh lòng tin, muốn ghi chép thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói Bát nhã Ba la mật sâu xa này. Lại dùng các thứ tràng hoa đẹp nhất, hương hoa, hương bột, y phục, anh lạc, tràng phan, lọng báu, âm nhạc, đèn sáng cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế. Do thiện căn thù thắng ấy, nên biết chắc không bị đọa vào đường ác, sẽ được sanh lên cõi Trời, hoặc sanh trong loài người hưởng nhiều lợi vui phú quí. Nhờ thế lực này nên bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật càng tăng ích, mau được viên mãn. Nương vào đây lại thường cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán chư Phật Thế Tôn. Sau đó tùy theo khả năng y cứ vào pháp tam thừa, dần dần tu tập hướng đến xuất ly, hoặc chứng được Niết bàn Thanh văn hoặc chứng được Niết bàn Độc giác hoặc chứng được Niết bàn Vô thượng, rốt ráo an vui.

Xá lợi Tử! Sau khi ta nhập Niết bàn, Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa từ **phương Đông Nam chuyển đến phương Nam** và dần dần hưng thịnh ở đó. Nơi đó có nhiều Bí sô, Bí sô ni, Ô ba sách ca, Ô ba tư ca khi trụ Bồ Tát thừa, thường sanh lòng tin, muốn ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói Bát nhã Ba la mật sâu xa này. Lại dùng các thứ tràng hoa đẹp nhất, hương hoa, hương bột, y phục, anh lạc, tràng phan, lọng báu, âm nhạc, đèn sáng cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế. Do thiện căn thù thắng ấy nên quyết chắc không bị đọa vào đường ác, sẽ được sanh lên cõi Trời, hoặc sanh trong loài người hưởng nhiều lợi vui phú quí. Nhờ thế lực này nên bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật càng tăng ích, mau được viên mãn. Nương vào đây, thường cúng dường cung kính, tôn trọng, tán thán chư Phật Thế Tôn. Sau đó tùy theo khả năng y vào pháp tam thừa, dần dần tu tập hướng đến xuất ly hoặc chứng được Niết bàn Thanh văn

hoặc chứng được Niết bàn Độc giác hoặc chứng được Niết bàn Vô thượng, rốt ráo an vui.

Xá lợi Tử! Sau khi ta nhập Niết bàn, Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa từ **phương Nam chuyển đến phương Tây Nam** và dần dần hưng thịnh ở đó. Nơi đó có nhiều Bí sô, Bí sô ni, Ô ba sách ca, Ô ba tư ca trụ Bồ Tát thừa, thường sanh lòng tin, muốn ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói Bát nhã Ba la mật sâu xa này. Lại dùng các thứ tràng hoa đẹp nhất, hương hoa, hương bột, y phục, anh lạc, tràng phan, lọng báu, âm nhạc, đèn sáng cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế. Do thiện căn thù thắng ấy nên quyết chắc không bị đọa vào đường ác, sẽ được sanh lên cõi Trời, hoặc sanh trong loài người hưởng nhiều lợi vui phú quí. Nhờ thế lực này nên bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật càng tăng ích, mau được viên mãn. Nương vào đây, thường cúng dường cung kính, tôn trọng, tán thán chư Phật Thế Tôn. Sau đó tùy theo khả năng y vào pháp tam thừa, dần dần tu tập hướng đến xuất ly hoặc chứng được Niết bàn Thanh văn hoặc chứng được Niết bàn Độc giác hoặc chứng được Niết bàn Vô thượng, rốt ráo an vui.

Xá lợi Tử! Sau khi ta nhập Niết bàn, Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa từ **phương Tây Nam chuyển đến phương Tây Bắc** và dần dần hưng thịnh ở đó. Nơi đó có nhiều Bí sô, Bí sô ni, Ô ba sách ca, Ô ba tư ca trụ Bồ Tát thừa, thường sanh lòng tin, muốn ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói Bát nhã Ba la mật sâu xa này. Lại dùng các thứ tràng hoa đẹp nhất, hương hoa, hương bột, y phục, anh lạc, bảo cái, tràng phan, lọng, âm nhạc, đèn sáng cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế. Do thiện căn thù thắng ấy, nên quyết chắc không bị đọa vào con đường ác hiểm, sẽ được sanh lên cõi Trời, hoặc sanh trong loài người hưởng nhiều lợi vui phú quí. Nhờ thế lực này nên bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật càng tăng ích, mau được viên mãn. Nương vào đây, thường cúng dường cung kính, tôn trọng, tán thán chư Phật Thế Tôn. Sau đó tùy theo khả năng y vào pháp tam thừa, dần dần tu tập hướng đến xuất ly hoặc chứng được Niết bàn Thanh văn hoặc chứng được Niết bàn Độc giác hoặc chứng được Niết bàn Vô thượng, rốt ráo an vui.

Xá lợi Tử! Sau khi ta nhập Niết bàn, Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa từ **phương Tây Bắc chuyển đến phương Bắc** và dần dần hưng thịnh ở đó. Nơi đó có nhiều Bí sô, Bí sô ni, Ô ba sách ca, Ô ba tư ca trụ Bồ Tát thừa, thường sanh lòng tin, muốn ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói Bát nhã Ba la mật sâu xa này. Lại dùng các thứ tràng hoa đẹp nhất, hương hoa, hương bột, y phục, anh lạc, tràng phan, lọng báu, âm nhạc, đèn sáng cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế. Do thiện căn thù thắng ấy nên quyết chắc không bị đọa vào con đường ác hiểm, sẽ được sanh lên cõi Trời, hoặc sanh trong loài người hưởng nhiều lợi vui phú quí. Nhờ thế lực này nên bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật càng tăng ích, mau được viên mãn. Nương vào đây, thường cúng dường cung kính, tôn trọng, tán thán chư Phật Thế Tôn. Sau đó tùy theo khả năng y vào pháp tam thừa, dần dần tu tập hướng đến xuất ly hoặc chứng được Niết bàn Thanh văn hoặc chứng được Niết bàn Độc giác hoặc chứng được Niết bàn Vô thượng, rốt ráo an vui.

Xá lợi Tử! Sau khi ta nhập Niết bàn, Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa từ **phương Bắc chuyển đến phương Đông Bắc** và dần dần hưng thịnh ở đó. Nơi đó có nhiều Bí sô, Bí sô ni, Ô ba sách ca, Ô ba tư ca trụ Bồ Tát thừa, thường sanh lòng tin, muốn ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói Bát nhã Ba la mật sâu xa này. Lại dùng các thứ tràng hoa đẹp nhất, hương hoa, hương bột, y phục, anh lạc, tràng phan, lọng báu, âm nhạc, đèn sáng cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế. Do thiện căn thù thắng ấy nên quyết chắc không bị đọa vào con đường ác hiểm, sẽ được sanh lên cõi Trời, hoặc sanh trong loài người hưởng nhiều lợi vui phú quí. Nhờ thế lực này nên bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật càng tăng ích, mau được viên mãn. Nương vào đây, thường cúng dường cung kính, tôn trọng, tán thán chư Phật Thế Tôn. Sau đó tùy theo khả năng y vào pháp tam thừa, dần dần tu tập hướng đến xuất ly hoặc chứng được Niết bàn Thanh văn hoặc chứng được Niết bàn Độc giác hoặc chứng được Niết bàn Vô thượng, rốt ráo an vui.

Xá lợi Tử! Sau khi ta nhập Niết bàn năm trăm năm, **Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa làm Phật sự lớn ở phương Đông Bắc**. Vì sao?

Này Xá lợi Tử! Pháp được tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tôn trọng, tức là Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa. Kinh điển Bát nhã Ba la mật như thế đã được tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hộ niệm. Xá lợi Tử! Chẳng phải pháp Tỳ nại da Vô thượng chánh pháp mà chư Phật chứng đắc có tướng diệt mất. Pháp Tỳ nại da Vô thượng chánh pháp mà chư Phật chứng đắc tức là Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa.

Xá lợi Tử! Các thiện nam, thiện nữ ở phương Đông Bắc có thể tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói Bát nhã Ba la mật sâu xa này thì Ta sẽ thường hộ niệm các thiện nam, thiện nữ này, làm họ không bị não hại. Xá lợi Tử! Các thiện nam, thiện nữ ở phương Đông Bắc có thể ghi chép Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế, lại dùng các thứ tràng hoa đẹp nhất, hương hoa, hương bột, y phục, anh lạc, tràng phan, lọng báu, âm nhạc, đèn sáng cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế, Ta quyết chắc các thiện nam, thiện nữ kia do thiện căn này nên trọn không bị đọa vào con đường hiểm, được sanh trong trời người, hưởng vui vi diệu. Nhờ thế lực này nên sáu pháp Ba la mật càng tăng ích. Lại nương vào đây thường cúng dường cung kính, tôn trọng, tán thán chư Phật Thế Tôn. Sau đó tùy theo khả năng y vào pháp tam thừa, dần dần tu tập được vào Niết bàn. Vì sao?

Này Xá lợi Tử! Ta dùng Phật nhãn quán thấy chứng biết ngợi khen tán thán các thiện nam, thiện nữ này đã được công đức. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở các phương Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn bên, trên dưới trong vô lượng, vô số, vô biên thế giới đang thanh tịnh thuyết pháp cũng dùng Phật nhãn quán thấy chứng biết ngợi khen, tán thán các công đức đạt được của thiện nam, thiện nữ này.

Khi ấy, Xá lợi Tử thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Sau khi Ngài nhập Niết bàn năm trăm năm, Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế sẽ được lưu bố rộng rãi ở phương Đông Bắc ư?

Phật dạy:

- Xá lợi Tử! Đúng vậy! Sau khi ta nhập Niết bàn năm trăm năm, Kinh điển Bát Nhã sâu xa như thế sẽ được lưu bố rộng rãi **ở phương Đông Bắc**. Xá lợi Tử! Sau khi ta nhập Niết bàn năm trăm năm, các thiện nam tử, thiện nữ ở phương Đông Bắc nếu được nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa này mà sanh lòng tin hiểu, ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy đúng lý, vì

người diễn nói thì nên biết các thiện nam, thiện nữ này đã phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề lâu dài, đã tu Bồ Tát hạnh lâu dài, đã cúng dường nhiều đức Phật, thân cận nhiều thiện tri thức, tu tập thân giới tâm tuệ lâu dài, trồng thiện căn đều đã thành thục. Nhờ phước lực này nên khi được nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế, họ liền sanh lòng tin hiểu, thường ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, vì người diễn nói.

Khi ấy, Xá lợi Tử lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Sau Ngài nhập Niết bàn năm trăm năm, vào thời pháp sắp diệt, ở phương Đông Bắc sẽ có bao nhiêu thiện nam tử, thiện nữ nhơn trụ Bồ Tát thừa, nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế liền sanh lòng tin hiểu, tâm họ không kinh hoàng, không lo, không sợ, cũng không hối tiếc; lại thường ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, vì người diễn nói?

Phật dạy:

- Này Xá lợi Tử! Sau ta nhập Niết bàn năm trăm năm, vào thời pháp sắp diệt, ở phương Đông Bắc tuy có vô lượng thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, nhưng ít có người được nghe Bát nhã Ba la mật sâu xa liền sanh lòng tin hiểu, tâm họ không kinh hoàng, không lo, không sợ, cũng không hối tiếc; lại thường ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, vì người diễn nói. Xá lợi Tử! Các thiện nam, thiện nữ kia nếu được nghe Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa này, tâm họ không kinh hoàng, không lo, không sợ, cũng không hối tiếc, sanh lòng tin muốn ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói. Thật là hi hữu! Vì sao?

Xá lợi Tử! Vì các thiện nam, thiện nữ ấy đã từng cúng dường cung kính, tôn trọng, tán thán vô lượng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và chúng Bồ Tát, thỉnh hỏi nghĩa lý tương ưng Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế. Xá lợi Tử! Các thiện nam, thiện nữ ấy quyết định chẳng bao lâu sẽ được viên mãn bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật; quyết định chẳng bao lâu sẽ được viên mãn pháp nội không cho đến pháp vô tánh tự tánh không; quyết định chẳng bao lâu sẽ viên mãn bốn niệm trụ cho đến tám chi Thánh đạo; quyết định chẳng bao lâu sẽ viên mãn Phật mười lực cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; quyết định chẳng bao lâu sẽ viên mãn Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí.

Xá lợi Tử! Các thiện nam, thiện nữ ấy được tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hộ niệm, được vô lượng thiện tri thức ủng hộ, được duy trì thiện căn thù thắng. Họ muốn làm lợi lạc nhiều cho chúng sanh nên cầu

đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì sao? Này Xá lợi Tử! Ta thường vì các thiện nam, thiện nữ ấy **thuyết pháp tương ưng với Nhất thiết tướng trí**. Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quá khứ cũng thường vì các thiện nam, thiện nữ ấy thuyết pháp tương ưng với Nhất thiết tướng trí. Do đó, vào đời sau, các thiện nam, thiện nữ ấy có thể cầu đến Vô thượng Bồ đề và cũng vì người thuyết pháp tương ưng để đến Vô thượng Bồ đề. Thân tâm các thiện nam, thiện nữ ấy an định, các ác ma vương và quyến thuộc ma còn không thể phá hoại tâm cầu đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, huống nữa muốn làm các điều ác khác, hủy báng Bát Nhã, làm trở ngại tâm họ không cho tinh tấn, cầu đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Xá lợi Tử! Khi nghe Ta thuyết Bát nhã Ba la mật sâu xa này, thì tâm của các thiện nam, thiện nữ Đại thừa vui mừng, được diệu pháp rộng lớn, cũng có thể an lập vô lượng chúng sanh ở trong pháp thắng thiện, làm cho họ hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. *(Q.440, ĐBN)*

Xá lợi Tử! Nay ở trước Ta, các thiện nam, thiện nữ này phát hoằng thệ nguyện: Tôi sẽ an lập vô lượng trăm ngàn loài hữu tình, làm cho họ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác, tu hạnh Bồ Tát và chỉ dạy, khuyến khích, dẫn dắt, làm họ vui mừng ở nơi Vô thượng Bồ đề, cho đến được thọ ký Bất thối chuyển, an trụ quả vị Bồ Tát Bất thối chuyển.

Xá lợi Tử! Đối với nguyện kia, Ta rất tùy hỷ. Vì sao? Này Xá lợi Tử! Vì Ta xem các thiện nam tử, thiện nữ nhơn trụ Bồ Tát thừa phát nguyện rộng như thế, tâm ngữ hợp nhất. Tương lai, các thiện nam tử, thiện nữ nhơn kia quyết định an lập được vô lượng trăm ngàn loài hữu tình, làm cho họ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác, tu Bồ Tát hạnh, và chỉ dạy khuyến khích dẫn dắt, làm họ vui mừng ở nơi Vô thượng Bồ đề, cho đến được thọ ký Bất thối chuyển, an trụ quả vị Bồ Tát Bất thối chuyển.

Xá lợi Tử! Thời quá khứ ở trước vô lượng Phật, các thiện nam, thiện nữ này cũng phát hoằng thệ nguyện: Tôi sẽ an lập vô lượng trăm ngàn loài hữu tình, làm cho họ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác, tu các hạnh Bồ Tát và chỉ dạy, khuyến khích, dẫn dắt làm họ vui mừng ở nơi Vô thượng Bồ đề, cho đến được thọ ký Bất thối chuyển, an trụ quả vị Bồ Tát Bất thối chuyển.

Xá lợi Tử! Đối với nguyện kia, chư Phật quá khứ cũng rất tùy hỷ. Vì sao? Này Xá lợi Tử! Vì chư Phật quá khứ cũng xem các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa phát hoằng nguyện như thế, tâm ngữ hợp nhất. Tương

lai các thiện nam, thiện nữ kia quyết định an lập vô lượng trăm ngàn loài hữu tình, làm cho họ phát tâm Vô thượng Bồ đề, tu hạnh Bồ Tát và chỉ dạy, khuyến khích, dẫn dắt làm họ vui mừng ở nơi Vô thượng Bồ đề, cho đến được thọ ký Bất thối chuyển, an trụ quả vị Bồ Tát Bất thối chuyển.

Xá lợi Tử! Các thiện nam, thiện nữ này có lòng tin hiểu rộng lớn, nương sắc, thanh, hương, vị, xúc vi diệu để tu bố thí rộng lớn. Tu bố thí này rồi lại vun trồng thiện căn rộng lớn. Nhờ thiện căn này mà thu được quả báo rộng lớn. Thu được quả báo rộng lớn như thế chỉ vì lợi ích cho tất cả hữu tình. Xả bỏ tất cả sở hữu nội ngoại cho tất cả hữu tình, hồi hướng thiện căn đã trồng như thế, nguyện sanh đến thế giới chư Phật ở phương khác có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đang tuyên thuyết pháp vô thượng Bát nhã Ba la mật sâu xa. Họ nghe pháp vô thượng Bát nhã Ba la mật sâu xa như thế rồi, lại an lập trong cõi Phật ấy vô lượng trăm ngàn loài hữu tình, làm cho phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, tu các hạnh Bồ Tát và chỉ dạy, khuyến khích, dẫn dắt làm cho chúng sanh vui mừng ở nơi Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề được Bất thối chuyển. Do đại nguyện đã phát viên mãn nên mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Khi ấy, Xá lợi Tử lại thưa Phật:

- Lạ thay! Đấng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đối với các pháp thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại đều chứng biết; đối với tất cả pháp chơn như, pháp giới, pháp tánh, thật tế, cảnh giới hư không v.v... đều chứng biết; đối với giáo của các pháp khác nhau đều chứng biết; đối với tâm hành sai khác của hữu tình đều chứng biết; đối với các Bồ Tát đời quá khứ đều chứng biết; đối với tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đời quá khứ đều chứng biết; đối với đệ tử chư Phật và các cõi Phật ở quá khứ đều chứng biết; đối với các Bồ Tát hiện tại vị lai đều chứng biết; đối với tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đời hiện tại vị lai đều chứng biết; đối với đệ tử chư Phật và các cõi Phật đời hiện tại vị lai đều chứng biết; đối với các Bồ Tát; đối với tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hiện đang thuyết pháp ở vô lượng, vô số, vô biên thế giới trong 10 phương đều chứng biết; đối với đệ tử chư Phật và các cõi Phật trong 10 phương đều chứng biết.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ Tát nào dõng mãnh tinh tấn, thường không ngừng mong cầu sáu pháp Ba la mật này thì vị ấy chứng đắc sáu pháp Ba la mật có tùy thuộc vào thời gian hay không tùy thuộc vào thời gian?

Phật dạy:

- Xá lợi Tử! Các thiện nam, thiện nữ kia, thường dõng mãnh tinh tấn, không ngừng mong cầu sáu pháp Bát nhã Ba la mật này thì không lúc nào mà không chứng đắc. Vì sao? Này Xá lợi Tử! Vì các thiện nam, thiện nữ kia thường dõng mãnh tinh tấn, không ngừng mong cầu sáu pháp Ba la mật này nên được chư Phật và Bồ Tát thường hộ niệm.

Xá lợi Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Các thiện nam, thiện nữ kia, nếu chẳng đắc sáu pháp Ba la mật tương ưng với Kinh thì làm sao có thể nói họ chứng đắc 6 pháp Ba la mật này?

Phật dạy:

- Xá lợi Tử! Các thiện nam, thiện nữ kia, đối với sáu pháp Ba la mật, thường dõng mãnh tin cầu chẳng kể thân mạng, mà chẳng đắc 6 Ba la mật đây tương ưng với Kinh thì điều này không có lý. Vì sao? Này Xá lợi Tử! Các thiện nam, thiện nữ kia, vì cầu Chánh đẳng Bồ đề nên chỉ dạy, khuyến khích, dẫn dắt các loài hữu tình, làm họ đối với 6 pháp Ba la mật đây tương ưng với Kinh mà vui thích thọ trì, đọc tụng, tư duy, tu tập. Do căn lành này, nên sanh ra chỗ nào cũng thường được 6 pháp Ba la mật, tương ưng với Kinh điển mà thọ trì, đọc tụng dõng mãnh tinh tấn như pháp tu hành, làm cho hữu tình được thành tựu, nghiêm tịnh cõi Phật; tuy chưa chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, nhưng trong thời gian đó chưa từng phế bỏ dù chỉ giây lát.

Sơ giải:

Phẩm này không có gì khó, Kinh trùng tụng chi li rồi, văn nghĩa chỉ là lối trần thuật mà thôi. Kinh chia làm ba phần rõ rệt:

1. Phần đầu của phẩm "Phương Đông Bắc":

Từ Q.438 đến cuối Q.439 của Hội thứ II này tương đương với phẩm "Công Đức Khó Được Nghe", thuộc phần cuối Q.279 cho đến hết Q.302, Hội thứ I, ĐBN. Cả hai phẩm văn nghĩa giống nhau như hai giọt nước. Giáo lý của phần đầu phẩm này là:

*1- **Làm sao học, làm sao tu? Làm sao trụ Bát Nhã?** Phật dạy khi tu hành Bát Nhã, các Bồ Tát đối với sắc chẳng phải an trụ, chẳng phải chẳng an trụ; chẳng phải tu tập, chẳng phải chẳng tu tập. Đó là an trụ là tu tập sắc. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cho đến tất cả pháp Phật cũng đều như vậy. Biết rằng tất cả pháp là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã, là thô động, đổi dời nên không thể an trụ. Cũng vậy, tất cả pháp chẳng phải tu tập, vì tất cả pháp thường hay biến động, đổi dời, như trên đã nói, nên không thể tu tập. Tuy nhiên, nếu không tu tập làm sao có thể thâm nhập được các pháp. Nên Kinh bảo chẳng phải tu tập, chẳng phải chẳng tu tập. Nhưng một khi muốn an trụ liền bị nghiêng động, nên không thể tập trung tư tưởng để tu tập được nữa. Đó là cái khó đối với Bồ Tát sơ học Đại thừa, nên phải biết "điều tâm" trong việc tiếp thu chánh pháp.*

*(Đối với Bát nhã Ba la mật mà cho là thậm thâm, nên trong Đại **Trí Độ Luận** dẫn lời Phật dạy rằng:* "… Bồ Tát, nếu hành Sắc thậm thâm là chẳng vào được Bát nhã Ba la mật. Chẳng hành sắc thậm thâm, mới vào được Bát nhã Ba la mật. Đây là vì hạng người độn căn, mà nói sắc thậm thâm. Còn hạng người đã đầy đủ phước đức trí huệ, thì chẳng còn chấp sắc thậm thâm nữa". "Cũng như vậy, đối với phàm phu, hay đối với người mới phát tâm, còn buông lung, giải đãi, thì Bát nhã Ba la mật là thậm thâm, khó hiểu, khó vào. Còn đối với hàng Bồ Tát bất thối chuyển, đã đầy đủ phước đức trí huệ, thì Bát nhã Ba la mật chẳng phải là thậm thâm, khó hiểu vậy.

Chư Phật, ở nơi hết thảy các pháp, đã được vô ngại giải thoát, nên chẳng thấy có pháp nào là thậm thâm cả. Thế nhưng, vì căn cơ của chúng sanh có sai khác, có lợi căn, có độn căn, có tinh tấn, có giải đãi v.v… nên Phật mới phương tiện thuyết Bát nhã Ba la mật có sâu, có cạn v.v... để mọi người nghe pháp đều được lợi lạc.

Bởi vậy nên nói Bát Nhã là rất khó lường, là vô lượng vậy").

Nhưng còn chấp khó so lường hay là vô lượng thì cũng chưa được rốt ráo. Còn chấp là còn chướng, nên khó thâm nhập được Bát Nhã.

2- Tiếp đó Xá lợi Phất trình bày vài thí dụ những thiện nam, thiện nữ nào đã đầy đủ thiện căn, vừa nghe Bát nhã Ba la mật liền thọ trì...

dẫn đến y theo Bát nhã Ba la mật mà tu hành, thì phải biết đó là vị đại Bồ Tát đã lâu nhiều đời kiếp trồng thiện căn, cúng dường chư Phật, thân cận chư thiện trí thức, đã gần được thọ ký Vô thượng Bồ đề.

Qua những ***thí dụ có tính cách tiên đoán về sự chứng đắc*** *đối với những ai thọ trì Kinh điển, do tu hành thoát khổ được an lạc hay chứng Thánh quả như thế nào? Ai đọc qua cũng có thể hiểu nên không cần bàn thêm.*

2. Phần giữa của phẩm "Phương Đông Bắc nói về: Làm sao tu hành Bát Nhã sớm được viên mãn?

Tu hành Bát Nhã không nên thấy tất cả pháp tăng giảm hay không tăng giảm, chẳng thấy là pháp hay phi pháp. Vì tất cả pháp không tánh tướng, không tác dụng, không thể chuyển, hư vọng giả dối không bền chắc, không tự tại, không hiểu biết, lìa ngã, hữu tình, mạng giả, sanh giả, nói rộng cho đến tri giả kiến giả. Đối với tất cả pháp không sanh tưởng hoặc có thể nghĩ bàn, hoặc không thể nghĩ bàn. Đối với sắc không sanh phân biệt, cũng không phân biệt khác.

Bát nhã Ba la mật rất là sâu xa là kho báu lớn, thường gặp trở ngại, giống như kho báu lớn chứa nhiều trân bảo thường bị dòm ngó, rình rập, trộm cướp. Vậy, ai muốn ghi chép thọ trì... thì phải quyết định thực hiện ngay không được bê trễ. Nên đức Phật dạy: "… các thiện nam, thiện nữ được trụ Bồ Tát thừa, đối với Kinh điển Bát nhã Ba la mật sâu xa này nên siêng năng ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, vì người giải nói, cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán, không được dừng nghỉ".

Nếu không thấy, không phân biệt, không chấp tất cả pháp, lại siêng năng ghi chép, thọ trì, vì người giải nói, cung kính, cúng dường, tôn trọng, ngợi khen... không dừng nghỉ, thì mau viên mãn Bát Nhã hay nói rộng là mau viên mãn đạo Bồ đề.

3. Phần sau phẩm "Phương Đông Bắc":

Cuối Q.439 cho đến đầu Q.440, Hội thứ II mới đề cập đến ***sự bành trướng của đạo Phật theo sự tiên đoán của Thế Tôn,*** *lại tương đương với phần sau phẩm "Công Đức Khó Được Nghe", Hội thứ I, ĐBN.*

Phần sau phẩm "Phương Đông Bắc" Hội thứ II cũng tương đương với ***phẩm thứ 45, "Văn Trì", Tập 4, quyển 67, Đại Trí Độ Luận****.*

Phật tiên đoán rằng: Sau khi Phật nhập diệt, Bát nhã Ba la mật sâu xa nầy sẽ lan đến các ***cõi nước phương Nam****. Nơi đó, các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di sẽ biên chép, sẽ thọ trì, đọc tụng, tư duy, giảng nói, chánh ức niệm, tu hành Bát nhã Ba la mật sâu xa này.*

Từ phương Nam truyền đến phương Tây, từ phương Tây sẽ truyền đến phương Bắc*, hàng tứ chúng ở các cõi nước ấy cũng sẽ biên chép, thọ trì, đọc tụng, tư duy, giảng nói, chánh ức niệm, tu hành Bát Nhã sâu xa này. Do nhơn duyên ấy, nên căn lành của các người đó càng tăng trưởng lớn mạnh. Nhờ vậy mà họ chẳng còn bị sa vào ác đạo, hưởng phước vui cõi Trời Người, thêm lớn 6 Ba la mật, cúng dường, cung kính, ngợi khen chư Phật, lần lần đắc quả Thanh văn, Bích Chi Phật và Phật thừa.*

Bát Nhã sẽ tiếp tục làm Phật sự ở phương Bắc. Rồi ***từ phương Bắc đến phương Đông Bắc*** *sẽ lần hưng thịnh. Phật bảo Xá Lợi Tử:* "Sau khi Ta diệt độ rồi phần sau của hậu thời năm trăm năm sau, Bát nhã Ba la mật thẳm sâu ở phương Đông Bắc đại tác Phật sự".

Nơi nào có Bát nhã Ba la mật thì nơi đó có thiện nam thiện nữ thọ trì nhẫn đến tu hành Bát nhã Ba la mật sâu xa này sẽ biên chép, thọ trì, đọc tụng, vì người giảng nói lại cung kính, cúng dường, ca ngợi Bát nhã Ba la mật thẳm sâu này. Các thiện nam, thiện nữ ấy do nhơn duyên đây, căn lành thêm lớn mạnh nên chẳng sa vào ác đạo, được hưởng phúc lợi cõi Trời Người, thêm lớn sáu Ba la mật, cúng dường cung kính, ngợi khen chư Phật, lần lần đắc quả Thanh văn, Bích Chi Phật và Phật thừa

Phần sau của phẩm này cũng viết theo lối "trần thuật", ai đọc cũng có thể hiểu, không cần giải thích thêm. Vả lại, phẩm "Công Đức Khó Được Nghe" phần sau Q.279 cho đến hết Q.302, Hội thứ I, ĐBN đã thuyết kỹ rồi, nếu có trở ngại, các đạo hữu có thể quay lại tham khảo nếu muốn./.

---o0o---

44. PHẨM "MA SỰ"

Giữa quyển 440, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Ma Sự", đầu Q.303 đến cuối Q.303, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

Đạo Phật đề cập về "Ma" và "Ma sự" bao gồm trong bốn thứ gọi là "tứ chủng ma":

1. Phiền não ma: Các phiền não thuộc tham, sân, si làm não hại thân tâm có thể đưa đến nguy hại cho mình hay cho kẻ khác như quẫn trí, điên loạn, tự sát, giết người…

2. Ấm ma còn gọi là ngũ ấm ma(1) tức sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Còn gọi là "ngũ che" vì nó che mờ căn tánh, làm chướng ngại đạo Bồ đề;

3. Tử ma: Chết rồi biến thành ma, cõi giới vô hình, thường gọi là "cõi âm", so với cõi sống là "cõi dương". Tử ma mang nhiều ý xấu hơn tốt;

4. Thiên ma thường gọi là Ma vương Ba Tuần: Ma vương và quyến thuộc thường gây trở ngại cho người tu hành.

Phẩm "Ma Sự" của Hội thứ I gồm hai phần: Phần đầu thuyết về "Ma Sự" gồm gần hết Q.303 và phần sau thuyết về "Lưỡng bất hòa hợp", bắt đầu từ cuối Q.303 đến hết Q.304.

Hội thứ II lại chia phẩm "Ma Sự" của Hội thứ I làm hai phẩm có tên là 1. Phẩm "Ma Sự" và 2. Phẩm "Chẳng Hòa Hợp". Chúng tôi chỉ tóm lược và luận giải phẩm tên là "Ma Sự" mà thôi, phẩm "Chẳng Hòa Hợp" sẽ thuyết sau phẩm này.

Tóm lược:

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Như Lai đã khen các thiện nam thiện nữ đã thành tựu công đức, mạnh mẽ tu hành bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật, phát tới Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, thành thục hữu tình, nghiêm tịnh cõi Phật. Các thiện nam thiện nữ này khi tu các hạnh làm sao biết được lưu nạn ma sự?

Phật nói:

- Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát muốn vì hữu tình tuyên thuyết pháp yếu, nhưng **phải đợi cơ hội biện tài mới hiện**. Phải biết đấy là ma sự của Bồ Tát.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Duyên nào Bồ Tát muốn vì hữu tình tuyên thuyết pháp yếu, phải đợi cơ hội biện tài mới hiện thì gọi đó là ma sự?

Phật nói:

- Thiện Hiện! Các Bồ Tát khi tu hành Bát Nhã, tu bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật khó được viên mãn, do nhân duyên này nên nói Bồ Tát muốn vì hữu tình tuyên thuyết pháp yếu, nhưng cơ hội chưa đến, biện tài chưa hiện, nên cho là ma sự.

Lại nữa, Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát khi tu thắng hạnh, lại **muốn biện tài phát sanh ngay**. Phải biết đấy là ma sự.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Duyên nào Bồ Tát khi tu thắng hạnh, lại muốn biện tài phát sanh ngay nên nói là ma sự?

Phật nói:

- Thiện Hiện! Các Bồ Tát khi tu hành bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật, không phương tiện khéo léo, nên muốn biện tài phát sanh ngay, bỏ tu hạnh kia, nên nói đó là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, **khi ghi chép Kinh Bát nhã Ba la mật thẳm sâu**, **mà nhăn rên, ợ ngáp, ngã nghiêng cười giỡn**, khinh lấn lẫn nhau, thân tâm rối loạn, sai lầm văn cú, lờ mờ nghĩa lý, chẳng được thấm nhuần thâm ý, chợt bỏ ngang việc, ghi chép không thành. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, **khi thọ trì đọc tụng**, suy nghĩ tu tập nói nghe Bát Nhã thẳm sâu, mà nhăn rên, ợ ngáp, ngã nghiêng cười giỡn, khinh lấn lẫn nhau, thân tâm rối loạn, sai lầm văn cú, lờ mờ nghĩa lý, chẳng rõ thâm ý, chợt bỏ ngang việc, ghi chép không thành. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà các thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa khi nghe thuyết Kinh Bát nhã Ba la mật thẳm sâu, bỗng khởi nghĩ này: Đối với Kinh này, ta chẳng thấm nhuần thâm ý thì cần gì phải chịu

khổ nhọc để được nghe Kinh này. Suy nghĩ vậy rồi liền bỏ đi. Thọ trì, đọc tụng, tư duy, tu tập, ghi chép, giải thích cũng lại như vậy.

Phật nói:

- Thiện Hiện! Ở quá khứ, do các thiện nam, thiện nữ này tu hành Bát Nhã, tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật một cách cạn cợt, nên khi lắng nghe, thọ trì… Bát Nhã thẳm sâu này chẳng được thấm nhuần thâm ý, **không kham nhẫn nổi liền bỏ đi**.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, khi nghe thuyết Bát Nhã thẳm sâu, hoặc khởi nghĩ này: Ta đối Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề chẳng được nhận ký, thì cần gì phải lắng nghe, thọ trì Kinh như thế. Do nhân duyên đó, tâm họ không thanh tịnh, **không hiểu được nghĩa lý thẳm sâu, nên rời tòa đứng dậy, chán nản bỏ đi**.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì kinh Bát Nhã thẳm sâu đây, chẳng trao ký Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề cho các thiện nam thiện nữ như thế, khiến họ không kiên nhẫn chán nản bỏ đi?

Phật nói:

- Thiện Hiện! Bồ Tát chưa vào Chánh tánh ly sanh chẳng thể được trao kia ký đại Bồ đề. Nếu trao ký, chỉ làm cho Bồ Tát tăng thêm kiêu mạn, có hại, nên chẳng thể trao ký.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, khi nghe thuyết Kinh Bát nhã Ba la mật thẳm sâu, hoặc khởi nghĩ này: Trong đây **chẳng nói danh tự của chúng ta**, nghe làm chi. Tâm chẳng thanh tịnh, chẳng được thấm nhuần, bèn từ tòa đứng dậy chán nản bỏ đi. Phải biết đấy là ma sự của Bồ Tát.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà Kinh Bát Nhã thẳm sâu đây chẳng ghi danh tự Bồ Tát kia?

Phật nói:

- Thiện Hiện! Bồ Tát chưa được nhận ký đại Bồ đề, thì tất nhiên không nói đến danh tự của họ.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, khi nghe thuyết Kinh Bát Nhã thẳm sâu hoặc khởi nghĩ này: Trong đây **không nói đến nơi sanh, thành ấp, xóm làng của chúng ta**, cần gì chúng ta phải

nghe. Tâm họ không thanh tịnh, không được thấm nhuần, liền rời tòa đứng dậy, chán nản bỏ đi.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì Kinh Bát Nhã thẳm sâu đây không nói đến nơi sanh, thành ấp, xóm làng của Bồ Tát kia?

Phật nói:

- Thiện Hiện! Nếu chưa nói đến danh tự của Bồ Tát kia thì không nên nói nơi sanh sai khác của họ.

Lại nữa, Thiện Hiện! Bồ Tát nào khi nghe thuyết Bát Nhã thẳm sâu, tâm không thanh tịnh, không thấm nhuần mà bỏ đi, thì tùy theo họ sanh tâm không thanh tịnh, chán bỏ Kinh này, **đi bao nhiêu bước thì giảm bấy nhiêu kiếp số công đức, bị bấy nhiêu kiếp tội chướng Bồ đề**. Chịu tội ấy rồi, trải qua một thời gian, phát tâm tinh tấn cầu đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, tu các khổ hạnh khó hành của Bồ Tát, thì mới có thể phục hồi được. Vì thế, Bồ Tát nào muốn mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì không nên chán bỏ Bát Nhã thẳm sâu.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, vứt bỏ Kinh điển Bát Nhã thẳm sâu, **cầu học kinh khác**. Phải biết đấy là ma sự của Bồ Tát. Vì sao? Thiện Hiện! Các thiện nam thiện nữ này vứt bỏ cội gốc Nhất thiết tướng trí là Bát Nhã thẳm sâu, mà vin nhánh lá các Kinh điển khác, trọn chẳng được quả Bồ đề vậy.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Những Kinh nào khác y như nhánh lá chẳng năng dẫn phát Nhất thiết tướng trí?

Phật nói:

- Thiện Hiện! Nếu các thiện nam thiện nữ, tu học được quả Dự lưu, được quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, hay được Độc giác Bồ đề, mà chẳng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Đấy gọi các kinh khác, y như nhánh lá chẳng thể dẫn phát Nhất thiết tướng trí. Bát Nhã thẳm sâu, quyết định phát sanh Nhất thiết tướng trí, có sức mạnh và công năng lớn giống như cội cây gốc rễ. Các thiện nam, thiện nữ này vứt bỏ Kinh điển Bát Nhã thẳm sâu, cầu học kinh khác, thì quyết không thể được Nhất thiết tướng trí. Vì sao? Này Thiện Hiện! Vì Kinh điển Bát Nhã thẳm sâu sanh ra pháp công đức thế gian, xuất thế gian.

Vì vậy, Đại Bồ Tát nào tu học Kinh điển Bát Nhã thẳm sâu, là tu học thiện pháp công đức thế gian và xuất thế gian.

Lại nữa, Thiện Hiện! Ví như chó đói không theo chủ lại theo tôi tớ xin ăn. Đời đương lai có các thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa vứt bỏ tất cả căn bản Phật pháp Bát nhã Ba la mật**, cầu học Kinh điển tương ưng Nhị thừa cũng lại như thế. Phải biết đấy là ma sự của Bồ Tát**.

Lại nữa, Thiện Hiện! Ví như có người muốn tìm voi chúa. Được voi này rồi bỏ lại đi tìm dấu chân. Ý ngươi nghĩ sao? Người này có trí chăng?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Người này chẳng có trí!

Phật nói:

- Ở đời đương lai có các thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, vứt bỏ tất cả căn bản Phật pháp Bát nhã Ba la mật, cầu học Kinh điển tương ưng Nhị thừa cũng lại như thế. Phải biết đấy là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Ví như có người muốn thấy biển cả, đã thấy biển cả lại xem dấu chân trâu**, khởi nghĩ rằng: Nước trong biển cả lượng nó sâu rộng đâu bằng dấu chân trâu? Ý ngươi nghĩ sao? Người này có trí chăng?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Người này chẳng có trí!

Phật nói:

- Thiện Hiện! Ở đời đương lai có các thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, vứt bỏ tất cả căn bản Phật pháp Bát Nhã, cầu học Kinh điển tương ưng Nhị thừa, cũng lại như thế. Phải biết đấy là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Như có thợ mộc hoặc học trò y muốn tạo đại điện, to lớn như cung điện Thiên Đế Thích.** Thấy điện kia rồi, mà lại vẽ sơ đồ cung điện Nhật Nguyệt. Ý ngươi nghĩ sao? Người thợ này hoặc học trò y như thế, có thể tạo được đại điện to lớn như cung điện Đế Thích thù thắng chăng?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng được. Bạch Thiện Thệ! Chẳng được!

Phật nói:

- Thiện Hiện! Ý ngươi nghĩ sao? Người này có trí chăng?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Người này chẳng có trí, là hạng ngu si!

Phật nói:

- Thiện Hiện! Ở đời đương lai có các thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, muốn cầu Vô thượng Bồ đề, mà vứt bỏ Bát nhã Ba la mật, cầu học Kinh điển tương ưng Nhị thừa, cũng lại như thế. Bọn họ chẳng đắc sở cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Phải biết đấy là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! Như người muốn diện kiến Chuyển luân Thánh vương. Khi được diện kiến, không nhìn kỹ hình tướng rồi bỏ đi đến nơi khác, **thấy hình tướng tiểu vương phàm phu liền nghĩ hình tướng oai đức của Chuyển luân Thánh vương** cùng với đây nào có khác. Ý ngươi nghĩ sao? Người này có trí chăng?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Người này chẳng có trí!

Phật nói:

- Thiện Hiện! Ở đời đương lai có các thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, cũng lại như thế. Muốn cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, vứt bỏ Bát Nhã thẳm sâu, cầu học Kinh điển tương ưng Nhị thừa, nói Kinh điển đây cùng Kinh điển kia nào có khác, dùng làm gì. Các thiện nam thiện nữ này chắc chắn chẳng đắc sở cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Phải biết đấy là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Như có người đói được thức ăn trăm vị, bỏ mà cầu ăn cơm hẫm**. Ý ngươi nghĩ sao, người này có trí chăng?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Người này chẳng có trí!

Phật nói:

- Thiện Hiện! Ở đời đương lai có các thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, bỏ Kinh điển Đại Bát Nhã, cầu học Kinh điển tương ưng Nhị thừa, muốn cầu Nhất thiết tướng trí, cũng lại như thế. Các thiện nam, thiện nữ kia luống uổng nhọc nhằn, nhất định chẳng thể được Nhất thiết tướng trí. Phải biết đấy là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện. Như có người nghèo được ngọc vô giá, lại bỏ muốn đổi lấy ngọc thủy tinh. Ý ngươi nghĩ sao, người này có trí chăng?

Thiện Hiện đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Người này chẳng có trí!

Phật nói:

- Thiện Hiện! Ở đời đương lai có các thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, **bỏ Kinh Đại Bát Nhã thẳm sâu, cầu học Kinh điển tương ưng Nhị thừa**, muốn cầu Nhất thiết tướng trí, cũng lại như thế. Các thiện nam thiện nữ kia luống uổng nhọc nhằn, quyết định chẳng thể được Nhất thiết tướng trí. Phải biết đấy là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, khi thơ tả Kinh Đại Bát Nhã, **bỗng nhiên phát khởi tư duy hèn kém**. Bởi tư duy đây, khiến cho thơ tả Bát Nhã chẳng được rốt ráo. Những gì gọi là tư duy hèn kém?

Nghĩa là nghĩ tưởng sắc, hoặc nghĩ tưởng thanh hương vị xúc pháp. Hoặc khởi nghĩ tưởng bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát nhã Ba la mật cho đến hoặc khởi nghĩ tưởng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, khiến cho thơ tả Bát Nhã chẳng được rốt ráo. Phải biết đấy là ma sự của Bồ Tát. Vì sao? Vì Bát Nhã không nghĩ tưởng, khó nghĩ bàn, không sanh diệt, không nhiễm tịnh, không định loạn, lìa danh ngôn, bất khả thuyết vậy. Vì sao?

Thiện Hiện! Trong Bát Nhã thẳm sâu, như pháp đã thuyết đều vô sở hữu, bất khả đắc. Các thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, khi thơ tả Kinh Bát Nhã, bị các pháp rối loạn nơi tâm khiến chẳng rốt ráo. Vậy nên nói là ma sự của Bồ Tát.

Bấy giờ, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã thẳm sâu có thể **thơ tả** chăng.

Phật nói:

- Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật chẳng khá thơ tả. Vì sao? **Vì Tự tánh Bát nhã Ba la mật vô sở hữu, bất khả đắc**; tự tánh tĩnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật cũng vô sở hữu bất khả đắc. Tự tánh nội không vô sở hữu, bất khả đắc, cho đến tự tánh vô tánh tự tánh không cũng vô sở hữu, bất khả đắc. Tự tánh bốn niệm trụ vô sở hữu bất khả đắc, nói rộng cho đến tự tánh mười tám pháp Phật bất cộng cũng vô sở hữu bất khả đắc. Tự tánh Nhất thiết trí vô sở hữu bất khả đắc, tự tánh Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng vô sở hữu bất khả đắc.

Thiện Hiện! **Tự tánh tất cả pháp đều vô sở hữu bất khả đắc, tức là vô tánh**. **Vô tánh như thế tức là Bát nhã Ba la mật. Chẳng phải pháp vô tánh năng thơ tả vô tánh. Vậy nên Bát Nhã chẳng khá thơ tả.** Các

thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, nếu đối Bát Nhã thẳm sâu như thế mà khởi tưởng vô tánh. Phải biết đấy là ma sự của Bồ Tát.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Các thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, thơ tả Bát Nhã thẳm sâu như thế, nếu khởi nghĩ này: Ta dùng văn tự thơ tả Bát Nhã thẳm sâu như thế. Họ sẽ nương văn tự chấp đắm Bát nhã Ba la mật. Phải biết đấy là ma sự của Bồ Tát.

Phật nói:

- Thiện Hiện! Như vậy. Đúng như ngươi đã nói! Vì sao? Thiện Hiện! Ở trong kinh Bát Nhã thẳm sâu đây, **sắc không văn tự**, thọ tưởng hành thức cũng không văn tự. Mười hai xứ, mười tám giới không văn tự. Nhãn xúc không văn tự, nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc cũng không văn tự. Nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ không văn tự, nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ cũng không văn tự. Lục Ba la mật cũng không văn tự. Nội không không văn tự cho đến vô tánh tự tánh không cũng không văn tự. Ba mươi bảy pháp trợ đạo không văn tự, nói rộng cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng không văn tự. Nhất thiết trí không văn tự, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng không văn tự. Vì vậy, chẳng nên chấp có văn tự năng thơ tả Bát nhã Ba la mật.

Thiện Hiện! Các thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa nếu khởi chấp này: Trong kinh Bát Nhã thẳm sâu vô văn tự là sắc, vô văn tự là thọ tưởng hành thức. Như vậy, cho đến vô văn tự là Nhất thiết trí, vô văn tự là Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Phải biết đấy là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, khi thơ tả thọ trì đọc tụng tu tập suy nghĩ diễn nói Bát Nhã như thế, **nếu khởi nghĩ đến cõi nước, hoặc khởi nghĩ về thành ấp**, hoặc khởi nghĩ vương đô, hoặc khởi nghĩ phương xứ, hoặc khởi nghĩ thầy có thân giáo qui phạm, hoặc khởi nghĩ về bạn lành đồng học, hoặc khởi nghĩ về cha mẹ vợ con, hoặc khởi nghĩ anh chị em, hoặc khởi nghĩ dòng họ bạn bè, hoặc khởi nghĩ quốc vương đại thần, hoặc khởi nghĩ đạo tặc ác nhân, hoặc khởi nghĩ dã thú ác quỷ, hoặc khởi nghĩ bè bạn đùa giỡn, hoặc khởi nghĩ dâm nữ khoái lạc, hoặc khởi nghĩ trả ơn báo oán, hoặc khởi nghĩ nhiều thứ khác, thì đều là sự dẫn phát của ác ma, làm trở ngại vô biên thiện pháp thù thắng do Bát Nhã phát sanh, nên biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, khi ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói kinh Bát Nhã thẳm sâu, được mọi người khen ngợi, cung kính cúng dường những thứ như y phục, đồ ăn thức uống, giường chõng, thuốc men và các thứ khác, các thiện nam, thiện nữ ấy sanh ra tham đắm nên thối thất vô biên thiện nghiệp thù thắng mà Bát Nhã sanh ra. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Thiện Hiện! Các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, khi ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói kinh Bát Nhã thẳm sâu như thế, có các **ác ma giả hiện bạn thân đem các thứ sách luận thế tục**, hoặc Kinh điển tương ưng với Nhị thừa trao cho Bồ Tát. Trong đây rộng nói về thắng sự thế tục, hoặc rộng nói các uẩn xứ giới, tứ đế, duyên khởi, 37 pháp phần trợ đạo, ba môn giải thoát, bốn tịnh lự v.v... Ác ma nói: Nghĩa thú Kinh điển này thâm sâu, nên siêng tu học và từ bỏ Kinh điển Bát Nhã. Các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa này dùng phương tiện khéo léo không nhận lấy sách luận thế tục hoặc Kinh điển tương ưng với Nhị thừa do ác ma trao. Vì sao? Vì sách luận thế tục, Kinh điển Nhị thừa không thể phát sanh Nhất thiết tướng trí, không phải phương tiện thuận tiện hướng đến Vô thượng Bồ đề, mà chỉ làm chướng ngại Đạo Bồ đề.

Thiện Hiện! Trong Kinh Bát Nhã thẳm sâu đây Ta rộng nói Bồ Tát đạo phương tiện khéo léo. Nếu đại Bồ Tát đối với trong đây cầu phương tiện khéo léo, tinh siêng tu học Bồ Tát hạnh, mau chứng Vô thượng Bồ đề.

Thiện Hiện! Nếu các thiện nam thiện nữ trụ Bồ Tát thừa vứt bỏ Kinh điển Bát Nhã đã thuyết, thọ học sách luận thế tục của ác ma, hoặc Kinh điển tương ưng Nhị thừa, phải biết đấy là ma sự của Bồ Tát.

Thích nghĩa:

(1). Ngũ ấm ma: ***Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 46, "Ma Sự", Tập 4, quyển 68,*** *giải thích rằng:* "Ví như: Do nhân duyên có 5 ấm mà khởi sanh ra các phiền não nên mới nói "phiền não ma" nhiếp trong "ngũ ấm ma". Do nhân duyên có các phiền não như tham dục, sân nhuế... phá hoại thân tâm, đưa đến sự đoạn dứt của mạng căn, nên nói "tử ma" cũng nhiếp trong "ngũ ấm ma". Các loài "thiên ma", do có thần thông, biến hóa thường đem tâm tật đố, tà kiến... đoạt huệ mạng của những bậc tu hành. Đó cũng là nhân duyên đưa đến sự đoạn mạng, nên cũng nhiếp trong "ngũ ấm ma".

Sơ giải:

Phẩm "Ma Sự" của Hội thứ II tương đương với Q.303 của Hội thứ I, đã được tóm lược và giải thích rồi. Đây chỉ là phẩm diễn tả theo lối trần thuật, chẳng có gì khó khăn, ai đọc cũng có thể hiểu. Toàn phẩm nói về mối chướng đạo do chính người tu tập Bát nhã Ba la mật hay do hoàn cảnh tạo ra. Nếu hành giả Bát Nhã sớm biết và có khả năng cảnh tỉnh, chế phục thì có thể thăng tiến trên con đường học đạo, bằng không sẽ bị chướng ngại có thể thối thất đạo Bồ đề. Nên Phật bảo:

"Bồ Tát nào khi nghe thuyết Bát Nhã thẳm sâu, tâm không thanh tịnh, không thấm nhuần mà bỏ đi, thì tùy theo họ sanh tâm không thanh tịnh, chán bỏ Kinh này, đi bao nhiêu bước thì giảm bấy nhiêu kiếp số công đức, bị bấy nhiêu kiếp tội chướng Bồ đề. Chịu tội ấy rồi, trải qua một thời gian, phát tâm tinh tấn cầu đến Vô thượng Bồ đề, tu các khổ hạnh khó hành của Bồ Tát, thì mới có thể phục hồi được. Vì thế, Bồ Tát nào muốn mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề thì không nên chán bỏ Bát Nhã thẳm sâu".

Vì vậy, tu Bát Nhã thì không nên theo các thắng sự như tụng đọc các thứ sách luận nghị thế tục hoặc Kinh điển tương ưng với Nhị thừa và chính mình thúc liễm thân tâm, tự kiềm chế, cảnh tỉnh xa lìa ái pháp, cầu lợi, cầu danh v.v… nhất là tránh tất cả các ma sự có thể xảy ra như Kinh đã mô tả tỉ mỉ ở trên.

***Luận Đại Trí Độ phẩm thứ 46, "Ma Sự", Tập 4, quyển 68** cũng khuyên rằng:*

"Bồ Tát, khi đã biết rõ các duyên sự như vậy, phải khéo xa lìa, chớ để vọng tâm phát khởi. Phải xả ly các dục lạc thế gian, nhất tâm thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát Nhã, thì pháp sự này mới được thành tựu viên mãn, chẳng bị trở ngại, chẳng bị phá hoại vậy"./.

---o0o---

45. PHẨM "CHẲNG HÒA HỢP"

Cuối Q.440 đến đầu Q.441, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phần sau phẩm "Ma Sự", tức cuối Q.303 cho đến đầu Q.304, Hội thứ I, ĐBN)

Tóm lược:

Lại nữa, Thiện Hiện! Người học pháp thì ưa thích lắng nghe, ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật thậm thâm. Còn **người trì pháp*(1)* thì tham đắm hỷ lạc**, tiêu cực không chịu nói, không muốn trao truyền Bát nhã Ba la mật thậm thâm. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát. Trái lại, Thiện Hiện! Người trì pháp, tâm không tham đắm hỷ lạc, cũng không tiêu cực, muốn nói, muốn trao truyền Bát nhã Ba la mật thậm thâm, và dùng phương tiện khuyên gắng thọ trì, đọc tụng, tu tập. Còn **người học pháp thì tiêu cực, tham đắm hỷ lạc**, không muốn nghe thọ. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Người học pháp thì ưa thích lắng nghe, ghi chép**, thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật. Còn **người trì pháp thì muốn đến những nơi nào không có dạy, không có trao Bát nhã Ba la mật**. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát. Trái lại, Thiện Hiện! **Người trì pháp thì muốn thuyết, muốn trao** Bát nhã Ba la mật thậm thâm, dùng phương tiện khuyên gắng ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập. Còn **người học pháp thì muốn đến những nơi nào mà không phải nghe**, phải học Bát nhã Ba la mật. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Người trì pháp thì đầy đủ ác dục, ưa chuộng danh lợi**, muốn được cung kính cúng dường y phục, thức ăn nước uống, giường chõng, thuốc men và các của cải khác với tâm không nhàm chán. **Còn người học pháp thì ít muốn, vui đủ**, tu hạnh viễn ly, dõng mãnh tinh tấn, đầy đủ niệm, định, tuệ, chán lợi dưỡng, sợ cung kính, danh dự. Hai bên không hòa hợp, nên không được dạy trao, nghe thọ, ghi chép, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật thậm thâm. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát. Trái lại, Thiện Hiện! **Người trì pháp thì ít muốn, vui đủ**, tu hạnh viễn ly, dõng mãnh tinh tấn, đầy đủ niệm, định, tuệ, chán lợi dưỡng, sợ cung kính, danh dự. **Còn người học pháp thì đầy đủ ác dục**, ưa chuộng

danh lợi, thích được cung kính cúng dường v.v... Hai bên không hòa hợp, nên không được dạy trao, nghe, thọ, ghi chép, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Người trì pháp thì đầy đủ 12 công đức Đỗ đa** *(khổ hạnh)*, đó là: Ở chỗ thanh vắng, thường khất thực, mặc y phấn tảo, nhận một bữa ăn, ăn một lần, ăn những gì xin được, ở bãi tha ma, ở nơi đồng trống, ở dưới gốc cây, thường ngồi không nằm, nghỉ đâu cũng được, chỉ giữ ba y; **còn người học pháp thì không thọ 12 công đức Đỗ đa**. Hai bên không hòa hợp, nên không được dạy trao, nghe, thọ, ghi chép, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát. Trái lại, Thiện Hiện! Người học pháp thì đầy đủ mười hai công đức Đỗ đa; còn người trì pháp thì không. Hai bên không hòa hợp, nên không được dạy trao, nghe, thọ, ghi chép, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Người trì pháp thì có lòng tin, có thiện pháp**, muốn vì người khác nói Bát nhã Ba la mật thậm thâm, dùng phương tiện khuyên gắng ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập; còn **người học pháp thì không có lòng tin, không có thiện pháp**, không muốn lắng nghe, thọ trì. Hai bên không hòa hợp, nên không được dạy trao, nghe, thọ, ghi chép, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát. Trái lại, Thiện Hiện! Người học pháp thì có lòng tin, có thiện pháp, cầu muốn lắng nghe, ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật. Còn người trì pháp thì không có lòng tin, không có thiện pháp, không muốn dạy trao. Hai bên không hòa hợp, nên không được dạy trao, nghe, thọ, ghi chép, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Người trì pháp thì tâm không keo kiệt**, thường bố thí tất cả; còn **người học pháp thì tâm keo kiệt**, không bố thí gì cả. Hai bên không hòa hợp, nên không được dạy trao, nghe, thọ, ghi chép, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật thậm thâm. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát. Trái lại, Thiện Hiện! Người học pháp thì tâm không keo kiệt, thường bố thí tất cả; còn người trì pháp thì tâm keo kiệt, không bố thí gì cả. Hai bên không hòa hợp, nên không được dạy trao, nghe, thọ, ghi chép, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Người học pháp thì mong muốn cúng dường cho người trì pháp y phục, thức ăn nước uống**, giường chõng, thuốc

men và các thứ của cải khác. **Nhưng người trì pháp thì không muốn thọ dụng**. Hai bên không hòa hợp, nên không được dạy trao, nghe, thọ, ghi chép, đọc tụng, tu tập Bát Nhã thậm thâm. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát. Trái lại, Thiện Hiện! Người trì pháp thì mong muốn cung cấp cho người học pháp y phục, thức ăn nước uống v.v... Nhưng người học pháp thì không muốn thọ dụng. Hai bên không hòa hợp, nên không được dạy trao, nghe, thọ, ghi chép, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Người trì pháp thì thành tựu khai trí**, **nhưng không muốn nói rộng**; còn **người học pháp thì thành tựu diễn trí không muốn nói lược**. Hai bên không hòa hợp, nên không được dạy trao, nghe, thọ, ghi chép, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật thậm thâm. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát. Trái lại, Thiện Hiện! Người học pháp thì thành tựu khai trí, chỉ muốn nói tóm lược; còn người trì pháp thì thành tựu diễn trí chỉ muốn nói rộng. Hai bên không hòa hợp, nên không được dạy trao, nghe, thọ, ghi chép, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Người trì pháp thì muốn hiểu biết rộng rãi về ý nghĩa 12 phần giáo** theo tuần tự, đó là: Khế Kinh, Ứng tụng, Biệt ký, Phúng tụng, Tự thuyết, Nhân duyên, Bổn sự, Bổn sanh, Phương quảng, Hy pháp, Thí dụ, Nghị luận; còn **người học pháp thì không muốn hiểu biết rộng rãi về ý nghĩa 12 phần giáo** theo tuần tự. Hai bên không hòa hợp, nên không được dạy trao, nghe, thọ, ghi chép, đọc tụng, tu tập Bát Nhã thậm thâm. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát. Trái lại, Thiện Hiện! Người học pháp thì muốn hiểu biết rộng rãi về ý nghĩa mười hai phần giáo theo tuần tự; còn người trì pháp thì không muốn hiểu biết rộng rãi mười hai phần giáo theo tuần tự. Hai bên không hòa hợp, nên không được dạy trao, đọc tụng, tu tập… Bát nhã Ba la mật. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Người trì pháp thì thành tựu bố thí, tịnh giới**, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật; còn **người học pháp thì không thành tựu bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật**. Hai bên không hòa hợp, nên không được dạy trao, đọc tụng, tu tập… Bát nhã Ba la mật thậm thâm. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát. Trái lại, Thiện Hiện! Người học pháp thì thành tựu bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật; còn người trì pháp thì không thành tựu bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Hai bên không hòa

hợp, nên không được dạy trao, đọc tụng, tu tập… Bát nhã Ba la mật. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Người trì pháp thì có phương tiện thiện xảo đối với sáu pháp Ba la mật**; **còn người học pháp thì không có phương tiện thiện xảo đối với 6 pháp Ba la mật**. Hai bên không hòa hợp, nên không được dạy trao, đọc tụng, tu tập… Bát nhã Ba la mật thậm thâm. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát. Trái lại, Thiện Hiện! Người học pháp thì có phương tiện thiện xảo đối với sáu pháp Ba la mật; còn người trì pháp thì không có phương tiện thiện xảo đối với sáu pháp Ba la mật. Hai bên không hòa hợp, nên không được dạy trao, đọc tụng, tu tập… Bát nhã Ba la mật. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! Người trì pháp thì muốn cung kính, ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát Nhã thậm thâm. Còn **người học pháp thì không muốn cung kính, ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát Nhã thậm thâm**. Hai bên không hòa hợp, nên không được dạy trao, nghe, thọ, ghi chép, đọc tụng, tu tập… Bát nhã Ba la mật thậm thâm. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát. Trái lại, Thiện Hiện! Người học pháp thì muốn cung kính, ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật thậm thâm. Còn người trì pháp thì không muốn cung kính, ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập… Bát Nhã. Hai bên không hòa hợp, nên không được dạy trao, đọc tụng, tu tập… Bát nhã Ba la mật thậm thâm. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Người trì pháp thì đã lìa trần cấu keo kiệt**, đã lìa các triền cái tham dục, sân nhuế, hôn trầm, ngủ nghỉ, dao động, ác tác *(hối hận)*, nghi ngờ; còn **người học pháp thì chưa lìa nổi các tật đố trên**. Hai bên không hòa hợp, nên không được dạy trao, đọc tụng, tu tập… Bát nhã Ba la mật thậm thâm. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát. Trái lại, Thiện Hiện! Người học pháp thì đã lìa các tật đố ác nghiệp trên; còn người trì pháp thì chưa lìa trần cấu keo kiệt. Hai bên không hòa hợp, nên không được dạy trao, đọc tụng, tu tập… Bát nhã Ba la mật. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, khi ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói kinh Bát nhã Ba la mật thậm thâm như thế. **Có người đến nói các sự khổ trong địa ngục**, bàng sanh, ngạ quỷ, và nói: Ngay thân này, ông hãy tinh tấn diệt hết khổ để được vào Niết bàn, cần gì phải ở mãi trong biển lớn sanh tử, chịu trăm

ngàn sự khổ khó kham nổi để mong cầu đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề! Các thiện nam, thiện nữ này, nếu do lời kia mà đối với việc ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói Bát nhã Ba la mật thậm thâm không được rốt ráo, thì nên biết đây là ma sự của Bồ Tát.*(Q.440, ĐBN)*

Lại nữa, Thiện Hiện! Các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa, khi ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói Kinh điển Bát nhã Ba la mật thậm thâm như thế, **có người đến khen ngợi nhiều việc tốt đẹp trong loài người**, khen ngợi các việc thắng diệu của chúng trời Tứ đại vương cho đến trời Tha hóa tự tại; khen ngợi các việc thắng diệu của trời Phạm chúng cho đến trời Sắc cứu cánh; khen ngợi các việc thắng diệu trời Không vô biên xứ cho đến trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nhân đó mà nói rằng: "Tuy hưởng các dục lạc ở cõi Dục, thọ các hỷ lạc tịnh lự ở cõi Sắc, thọ các diệu lạc tịch tịnh, đẳng chí ở cõi Vô sắc, nhưng tất cả những thứ đó đều là pháp hữu vi, vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh, biến hoại, pháp tận cùng, pháp rơi rụng, pháp xa lìa, pháp tiêu diệt. Sao các vị không nương thân này tinh tấn để chứng quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, hoặc Độc giác Bồ đề nhập Niết bàn rốt ráo an vui? Cần gì ở lâu trong sanh tử luân hồi, vô cớ vì người khác chịu các thống khổ để mong cầu đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề". Nếu các thiện nam, thiện nữ… này nghe theo lời ấy thì cho dù ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói kinh Bát nhã Ba la mật thậm thâm cũng không được rốt ráo. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Người trì pháp thân không muốn ràng buộc, chỉ chuyên chăm lo sự nghiệp riêng mình**, không lo sự nghiệp người khác; còn người học pháp thì ưa lãnh đồ chúng, thích làm doanh nghiệp cho người, không lo sự nghiệp mình. Hai bên không hòa hợp, nên không được dạy trao, đọc tụng, tu tập… Bát nhã Ba la mật thậm thâm. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát. Trái lại, Thiện Hiện! Người học pháp thân không ràng buộc, chỉ chuyên chăm lo sự nghiệp riêng mình, không lo sự nghiệp người khác; còn người trì pháp thì ưa lãnh đồ chúng, thích làm doanh nghiệp cho người, không lo sự nghiệp mình. Hai bên không hòa hợp, nên không được dạy trao, đọc tụng, tu tập… Bát nhã Ba la mật. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Người trì pháp không thích ồn ào; còn người học pháp thì thích nơi ồn ào**. Hai bên không hòa hợp, nên không được

dạy trao, đọc tụng, tu tập… Bát nhã Ba la mật thậm thâm. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát. Trái lại, Thiện Hiện! Người học pháp không thích ồn ào; còn người trì pháp thì thích nơi ồn ào. Hai bên không hòa hợp, nên không được dạy trao, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Người trì pháp muốn người học pháp hỗ trợ việc làm của mình**; còn người học pháp thì không muốn theo ý thích của người kia. Hai bên không hòa hợp, nên không được dạy trao, đọc tụng, tu tập… Bát nhã Ba la mật thậm thâm. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát. Trái lại, Thiện Hiện! Người học pháp muốn người trì pháp hỗ trợ việc làm của mình; còn người trì pháp thì không muốn theo ý thích của người kia. Hai bên không hòa hợp, nên không được dạy trao, đọc tụng, tu tập… Bát nhã Ba la mật. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát.*(Q.440, ĐBN)*

Lại nữa, Thiện Hiện! **Người trì pháp vì danh lợi nên muốn vì mọi người thuyết** Bát nhã Ba la mật; còn người học pháp biết hậu ý của người trì pháp nên không muốn theo. Hai bên không hòa hợp, nên không được dạy trao, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật được. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát. Trái lại, Thiện Hiện! Người học pháp vì danh lợi nên muốn thỉnh người trì pháp thuyết Bát nhã Ba la mật. Nhưng người trì pháp biết thâm ý của người học pháp nên không chấp nhận lời thỉnh cầu. Hai bên không hòa hợp, nên không được dạy trao, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Người trì pháp muốn đến nơi khác, chỗ đó nguy hiểm đến thân mạng**; còn người học pháp thì sợ mất thân mạng nên không muốn đi theo. Hai bên không hòa hợp, nên không được dạy trao, đọc tụng, tu tập… Bát nhã Ba la mật thậm thâm. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát. Trái lại, Thiện Hiện! Người học pháp muốn đến nơi khác, chỗ đó nguy hiểm đến thân mạng; còn người trì pháp thì sợ mất thân mạng nên không muốn đi theo. Hai bên không hòa hợp, nên không được dạy trao, đọc tụng, tu tập… Bát nhã Ba la mật. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Người trì pháp muốn đến nơi khác, ở nước ấy có nhiều giặc cướp, bệnh dịch đói khát**; còn người học pháp thì sợ khó khăn đó nên không chịu đi theo. Hai bên không hòa hợp, nên không được dạy trao đọc tụng, tu tập… Bát nhã Ba la mật thậm thâm. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát. Trái lại, Thiện Hiện! Người học pháp muốn đến nơi

khác, ở nước ấy có nhiều giặc cướp, bệnh dịch, đói khát; còn người trì pháp thì sợ khó khăn đó nên không chịu cùng đi. Hai bên không hòa hợp, nên không được dạy trao, đọc tụng, tu tập… Bát nhã Ba la mật. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Người trì pháp muốn đến nơi khác yên ổn, giàu vui, không tai hoạnh**; còn người học pháp muốn đi theo, người trì pháp dùng phương tiện thử: "Tuy ông vì lợi muốn đi theo tôi nhưng ông đến đó đâu chắc vừa lòng, nên suy nghĩ kỹ, sau chớ hối hận". Người học pháp nghe rồi nghĩ: Người kia không muốn cho ta cùng đi, nếu cố đi theo đâu chắc được nghe pháp. Do đó không đi theo. Hai bên không hòa hợp, nên không được dạy trao, đọc tụng, tu tập… Bát nhã Ba la mật thậm thâm. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Thiện Hiện! **Người trì pháp muốn đến nơi khác phải trải qua đường sá, đồng trống hiểm trở**, có nhiều giặc cướp và chiên đà la, ác thú, thợ săn, rắn độc v.v... khủng bố. Người học pháp muốn đi theo người trì pháp dùng phương tiện thử: "Nay ông không việc gì mà phải theo tôi đi qua các chỗ hiểm nạn như thế, hãy suy nghĩ kỹ, sau chớ hối hận". Người học pháp nghe rồi nghĩ: Người kia không muốn cho ta đi theo, nếu cố đi theo đâu chắc được nghe pháp. Do đó không đi theo. Hai bên không hòa hợp, nên không được dạy trao, đọc tụng, tu tập… Bát nhã Ba la mật thậm thâm. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! Người trì pháp có nhiều thí chủ thường đi theo; người học pháp đến thỉnh người trì pháp thuyết Bát nhã Ba la mật thậm thâm, hoặc thỉnh ghi chép, thọ trì, đọc tụng để tu học đúng pháp, **người trì pháp viện nhiều lý do không rảnh dạy trao**; người học pháp sanh tâm hờn ghét, sau dù có dạy trao cũng không nghe. Hai bên không hòa hợp, nên không được dạy trao, đọc tụng, tu tập… Bát nhã Ba la mật. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát.

(Ác ma huyễn dụ hay khuynh đảo nên việc tu tập Bát Nhã không được trọn vẹn)

Lại nữa, Thiện Hiện! Có **các ác ma giả dạng Bí sô đến chỗ Bồ Tát,** tìm cách phá hoại làm cho Bồ Tát không thể ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, vì người diễn nói Bát nhã Ba la mật.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Bằng cách nào ác ma giả dạng Bí sô đến chỗ Bồ Tát, tìm cách phá hoại làm cho không được ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, vì người diễn nói Bát nhã Ba la mật?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Có các ác ma giả dạng Bí sô đến chỗ Bồ Tát, **tìm cách phá hoại làm cho Bồ Tát nhàm chán Bát nhã Ba la mật**, không ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, vì người diễn nói. Ác ma còn nói: "Kinh điển vô tướng mà ông đã đọc tụng, tu tập chẳng phải là Bát nhã Ba la mật chơn thật; còn Kinh điển hữu tướng mà ta đã đọc tụng, tu tập mới đúng là Bát nhã Ba la mật". Khi ác ma nói lời này, các Bồ Tát chưa được thọ ký liền sanh nghi ngờ đối với Bát nhã Ba la mật. Do nghi ngờ nên người ấy sanh nhàm chán Bát Nhã. Do nhàm chán nên không ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, vì người diễn nói Bát nhã Ba la mật. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có các ác ma giả dạng Bí sô đến chỗ Bồ Tát nói: "Bồ Tát nào hành Bát Nhã này thì chỉ chứng thật tế, đắc quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề, **quyết chắc không thể chứng Phật quả Vô thượng**, cần gì phải chịu nhọc nhằn đối với việc tu tập kia, chỉ uổng công mà thôi". Bồ Tát nghe rồi bèn chẳng ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, vì người diễn nói Bát nhã Ba la mật. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! Khi ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói Kinh điển Bát nhã Ba la mật như thế, có nhiều ác ma làm trở ngại, ngăn cản sự mong cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Các Đại Bồ Tát nên quán sát kỹ mà tự xa lìa.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Những gì gọi là **ma sự gây trở ngại** để cho các Bồ Tát biết rõ mà tự xa lìa?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa, khi ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói kinh Bát nhã Ba la mật như thế, có nhiều pháp môn trông tương tự như pháp Phật nhưng thật ra gây nhiều trở ngại. Trong đó Bồ Tát nên quán sát kỹ mà xa lìa.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, khi ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói Bát nhã Ba la mật thậm thâm như thế, có người đem Kinh điển tương ưng Nhị thừa đến chỗ Bồ Tát nói: "Đây là lời chơn thật mà Như Lai đã nói: Người nào học pháp này sẽ mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề". Như vậy, cũng gọi là ma sự gây trở ngại. Bồ Tát nên quán sát kỹ mà xa lìa.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có các ác ma giả dạng Bí sô đến chỗ Bồ Tát nói việc học, việc hành pháp nội không, ngoại không v.v...hoặc ba mươi bảy pháp trợ đạo, hoặc ba môn giải thoát v.v... của Nhị thừa. Ác ma nói pháp ấy rồi lại bảo Bồ Tát: "Đại sĩ nên biết, ông hãy nương pháp này mà tinh tấn tu học sẽ chứng quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề, sẽ được xa lìa tất cả sanh, lão, bệnh, tử, cần gì chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề". Do đó làm cho Bồ Tát không ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, vì người diễn nói Bát nhã Ba la mật. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có các ác ma giả dạng Bí sô dung mạo đoan nghiêm, uy nghi, thư thả, đến chỗ Bồ Tát. Bồ Tát thấy liền sanh lòng ưa mến. Do đó nên giảm mất Nhất thiết tướng trí, không được nghe, ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói Bát nhã Ba la mật. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! Có các ác ma giả tướng Phật, thân màu vàng ròng, tỏa ánh sáng một tầm, đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm viên mãn, đến chỗ Bồ Tát.Bồ Tát thấy liền sanh lòng ưa mến. Do đó nên giảm mất Nhất thiết tướng trí, không được lắng nghe, ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói Bát nhã Ba la mật. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Có các ác ma giả tướng Phật**, tuyên thuyết pháp yếu cho các Bí sô vây quanh. Bồ Tát thấy liền sanh lòng ưa mến, và nghĩ: Ta nguyện đời sau sẽ thành Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, tuyên thuyết pháp yếu cho các Bí sô, giống như sự việc được thấy hôm nay. Do đó nên giảm mất Nhất thiết tướng trí, không được lắng nghe, ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói Bát nhã Ba la mật. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát.

Lại nữa, Thiện Hiện! **Có các ác ma giả dạng Đại Bồ Tát** hoặc trăm, hoặc ngàn cho đến vô số, đầy đủ vô ngại biện tài, tướng hảo trang nghiêm.

Từ thân ấy biến hóa thành Phật thuyết pháp, dạy chúng Đại Bồ Tát tu bố thí cho đến Bát nhã Ba la mật. Hiện tướng như vậy rồi đến chỗ Bồ Tát.Bồ Tát thấy liền sanh lòng ưa mến. Do đó giảm mất Nhất thiết tướng trí, không được lắng nghe ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói Bát nhã Ba la mật. Nên biết đây là ma sự của Bồ Tát. Vì sao? Vì trong pháp Bát nhã Ba la mật như thế, sắc vô sở hữu, bất khả đắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng vô sở hữu, bất khả đắc. 12 xứ, 18 giới vô sở hữu, bất khả đắc. Nhãn xúc vô sở hữu, bất khả đắc; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc cũng vô sở hữu, bất khả đắc. Các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra vô sở hữu, bất khả đắc; các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra cũng vô sở hữu, bất khả đắc. Địa giới vô sở hữu, bất khả đắc; thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng vô sở hữu, bất khả đắc. Vô minh vô sở hữu, bất khả đắc; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử, sầu, than, khổ, ưu, não cũng vô sở hữu, bất khả đắc. Cõi Dục vô sở hữu, bất khả đắc; cõi Sắc, Vô sắc cũng vô sở hữu, bất khả đắc. Quá khứ vô sở hữu, bất khả đắc; vị lai, hiện tại cũng vô sở hữu, bất khả đắc. Pháp hữu lậu vô sở hữu, bất khả đắc; pháp vô lậu cũng vô sở hữu, bất khả đắc. Pháp hữu vi vô sở hữu, bất khả đắc; pháp vô vi cũng vô sở hữu, bất khả đắc. Pháp thế gian vô sở hữu, bất khả đắc; pháp xuất thế gian cũng vô sở hữu, bất khả đắc. Bố thí vô sở hữu, bất khả đắc; tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát nhã Ba la mật cũng vô sở hữu, bất khả đắc. Pháp nội không cho đến vô tánh tự tánh không cũng vô sở hữu, bất khả đắc. Chơn như vô sở hữu, bất khả đắc; pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì cũng vô sở hữu, bất khả đắc. Thánh đế khổ vô sở hữu, bất khả đắc; Thánh đế tập, diệt, đạo cũng vô sở hữu, bất khả đắc. Bốn tịnh lự vô sở hữu, bất khả đắc; 4 vô lượng, 4 định vô sắc cũng vô sở hữu, bất khả đắc. Tám giải thoát vô sở hữu, bất khả đắc; 8 thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ cũng vô sở hữu, bất khả đắc. Bốn niệm trụ vô sở hữu, bất khả đắc; 4 chánh đoạn, 4 thần túc, 5 căn, 5 lực, 7 chi đẳng giác, 8 chi Thánh đạo cũng vô sở hữu, bất khả đắc. Pháp môn giải thoát không vô sở hữu, bất khả đắc; pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện cũng vô sở hữu, bất khả đắc. Tịnh quán địa vô sở hữu, bất khả đắc; Chủng tánh địa, Đệ bát địa, Cụ kiến địa, Bạc địa, Ly dục địa, Dĩ biện địa, Độc giác địa, Bồ Tát địa, Như Lai địa cũng vô sở hữu, bất khả đắc. Cực hỷ địa vô sở hữu,

bất khả đắc; Ly cấu địa, Phát quang địa, Diệm tuệ địa, Cực nan thắng địa, Hiện tiền địa, Viễn hành địa, Bất động địa, Thiện tuệ địa, Pháp vân địa cũng vô sở hữu, bất khả đắc. Năm loại mắt vô sở hữu, bất khả đắc; sáu phép thần thông cũng vô sở hữu, bất khả đắc. Phật 10 lực vô sở hữu, bất khả đắc; 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng cũng vô sở hữu, bất khả đắc. 32 tướng Đại trượng phu vô sở hữu, bất khả đắc; 80 vẻ đẹp cũng vô sở hữu, bất khả đắc. Pháp không quên mất vô sở hữu, bất khả đắc; tánh luôn luôn xả cũng vô sở hữu, bất khả đắc. Nhất thiết trí vô sở hữu, bất khả đắc; Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí cũng vô sở hữu, bất khả đắc. Thành thục hữu tình vô sở hữu, bất khả đắc; nghiêm tịnh cõi Phật cũng vô sở hữu, bất khả đắc. Đại nguyện Bồ Tát vô sở hữu, bất khả đắc; thần thông Bồ Tát cũng vô sở hữu, bất khả đắc. Tất cả môn Đà la ni vô sở hữu, bất khả đắc; tất cả môn Tam ma địa cũng vô sở hữu, bất khả đắc. Quả Dự lưu vô sở hữu, bất khả đắc; quả Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề cũng vô sở hữu, bất khả đắc. Tất cả Bồ Tát hạnh vô sở hữu, bất khả đắc; chư Phật Vô thượng Bồ đề cũng như vậy.

Này Thiện Hiện! Nếu ở đây sắc vô sở hữu, bất khả đắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng vô sở hữu, bất khả đắc. Như vậy, cho đến tất cả Bồ Tát hạnh vô sở hữu, bất khả đắc. Chư Phật Vô thượng Bồ đề cũng vô sở hữu, bất khả đắc, thì ở ngay đây tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và các chúng Đại Bồ Tát, Độc giác, Thanh văn, các loại Dị sanh cũng vô sở hữu, bất khả đắc. Vì sao? Thiện Hiện! Vì **tự tánh của tất cả pháp là không**.

Lại nữa, Thiện Hiện! Các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, khi ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói Kinh Bát nhã Ba la mật thậm thâm như thế, có nhiều trở ngại và tai hoạnh phát sanh khiến cho người phước mỏng học tập không thành tựu. Như châu Thiệm bộ có nhiều châu báu là phệ lưu ly *(loại đá quí sắc xanh)*, loa bối *(ốc quí)*, ngọc bích, san hô, mạt ni*(ngọc ma ni)*, Đế thanh *(ngọc xanh Đế Thích)*, kim cương, hổ phách, vàng, bạc v.v... nhưng có nhiều nạn giặc cướp nhiễu hại, nên những người phước mỏng cầu không thể được. Châu báu vô giá Bát nhã Ba la mật thậm thâm cũng như vậy. Các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, khi ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói kinh Bát nhã Ba la mật thậm thâm như thế, nếu người phước mỏng thì sẽ gặp nhiều chướng ngại, có các ác ma gây trở ngại.

Cụ thọ Thiện Hiện liền thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! Bạch Thiện Thệ! Đúng vậy! Các bảo châu không phải ai cũng có thể có được. Bát nhã Ba la mật thậm thâm cũng như các bảo châu, các thiện nam, thiện nữ v.v… trụ Bồ Tát thừa, khi ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói kinh Bát nhã Ba la mật như thế, **nếu người nào phước mỏng thì sẽ gặp nhiều trở ngại**. Vì sao? Vì người ngu si bị ma sai sử, không thể ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói Kinh Bát nhã Ba la mật được, sẽ bị nhiều trở ngại.

Bạch Thế Tôn! Người ngu si ấy tuệ giác lu mờ, không thể nghĩ bàn Phật pháp sâu rộng, đối với Kinh điển Bát nhã Ba la mật thậm thâm tự mình không thể ghi chép, thọ trì, đọc tụng v.v... Lại muốn ngăn chặn người khác ghi chép, thọ trì, đọc tụng v.v… Bát nhã Ba la mật.

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói! Người ngu si sẽ bị ma sai xử! Các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa, khi ghi chép, thọ trì, đọc tụng v.v… Bát nhã Ba la mật sẽ gặp trở ngại.

Này Thiện Hiện! Người ngu si kia tuệ giác lu mờ, không thể nghĩ bàn Phật pháp sâu rộng, vì chưa trồng thiện căn, chưa phát nguyện rộng lớn, bị bạn ác khống chế, phước đức mỏng nên đối với Kinh điển Bát nhã Ba la mật tự mình không thể ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, vì người diễn nói. Các thiện nam, thiện nữ v.v… tân học Đại thừa, khi ghi chép, thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật thậm thâm như thế sẽ gặp nhiều trở ngại.

Thiện Hiện! Đời tương lai có các thiện nam, thiện nữ v.v… tuệ giác lu mờ, thiện căn mỏng, bị bạn ác khống chế, đối với công đức rộng lớn của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không thể tin hiểu được, đối với Kinh điển Bát nhã Ba la mật thậm thâm tự mình không thể ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, vì người diễn nói. Lại muốn ngăn các thiện nam, thiện nữ khác ghi chép, thọ trì, đọc tụng… Bát nhã Ba la mật. Nên biết người này bị vô lượng tội. *(Q.441, ĐBN)*

Lại nữa, Thiện Hiện! Các thiện nam, thiện nữ… trụ Bồ Tát thừa, khi ghi chép, thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật thậm thâm như thế sẽ gặp nhiều ma sự gây trở ngại, làm cho việc ghi chép, thọ trì, đọc tụng v.v… không thành tựu và không thể viên mãn Bát Nhã, tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật. Không thể viên mãn pháp nội không cho đến vô tính tự tính không. Không thể viên mãn chơn như, pháp giới, pháp

tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới bất tư nghì, không thể viễn mãn Nhất thiết trí, Đạo chủng Trí, Nhất thiết chủng trí… cho đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Nói rộng ra, không thể viên mãn tất cả pháp Phật, không thể viên mãn các công đức này cũng do ác ma làm trở ngại.

Này Thiện Hiện! Các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, khi ghi chép, thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba la mật thậm thâm như thế, nếu không bị ác ma làm trở ngại thì có thể viên mãn Bát Nhã, tịnh lự, tinh tấn, an nhẫn, tịnh giới, bố thí Ba la mật, cho đến viên mãn Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí. Nên biết đều **nhờ thần lực Như Lai gia hộ** khiến họ ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói Bát nhã Ba la mật không bị chướng ngại. Cũng khiến cho họ viên mãn sáu pháp Ba la mật, cho đến viên mãn ba Thánh trí kia.

Lại nữa, Thiện Hiện! Hiện tại tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở vô lượng, vô số, vô biên thế giới trong 10 phương đang thanh tịnh thuyết pháp cũng dùng thần lực gia hộ các thiện nam, thiện nữ này, giúp họ ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói Bát nhã Ba la mật như thế đều không bị chướng ngại. Cũng khiến cho họ viên mãn sáu pháp Ba la mật và ba Thánh trí kia.

Lại nữa, Thiện Hiện! Hiện tại trong mười phương hằng hà sa số chư Phật ở các thế giới và tất cả **chúng đại Bồ Tát Bất thối chuyển cũng dùng thần lực gia hộ** các thiện nam, thiện nữ này, giúp họ ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói Bát nhã Ba la mật như thế đều không bị chướng ngại. Cũng khiến cho họ viên mãn sáu pháp đáo bỉ ngạn cùng viên mãn ba Thánh trí kia.

Thích nghĩa:
(1). Người trì pháp: Người giữ gìn Phật pháp.

Sơ giải:

Phẩm "Chẳng Hòa Hợp" của Hội thứ II này tương đương với phần sau phẩm "Ma Sự", tức cuối Q.303 cho đến Q.304, Hội thứ I, ĐBN, chẳng qua là nói về sự bất đồng quan điểm trong vấn đề học tập Bát nhã

Ba la mật hay quan niệm sống của người nói pháp và người thỉnh pháp hay nói khác giữa thầy và trò, đã được tóm lược và giảng rõ trong Hội thứ I, ĐBN.

Phẩm này của Hội thứ II tương đương với ***phẩm thứ 47, "Lưỡng Bất Hòa Hợp", Tập 4, quyển 68, Đại Trí Độ Luận****:*

1. Lưỡng bất hòa hiệp:

(Đại Trí Độ Luận, phẩm thứ 47, có phẩm tựa là "Lưỡng Bất Hòa Hợp", *giải thích về vấn đề hòa hợp như sau:*

"Hết thảy các pháp hữu vi đều hội đầy đủ các duyên hòa hợp mới có. Khi có đủ các duyên hòa hợp, thì sanh; khi các duyên tan rã, thì diệt.

Thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến tu tập Bát nhã Ba la mật, cũng như vậy. Phải hòa hợp đầy đủ các nội ngoại nhân duyên, phải có sự đồng tâm, nhất trí giữa thầy và trò, thì pháp sự mới thành tựu được.

Phật dạy: Người nghe pháp phải hội đủ: "Tín, tấn, niệm, định, huệ", thì sự thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến **chánh ức niệm**, tu tập Bát nhã Ba la mật mới đạt được kết quả mong muốn".

Bất cứ việc học hành trau đổi giữa thầy trò mà đi ngược với chỉ dẫn như trên thì có thể xem như "bất hòa hợp". Thí dụ như:

- Người thuyết pháp đối với 6 phép Ba la mật có phương tiện thiện xảo, còn người nghe pháp đối với 6 phép Ba la mật không có phương tiện thiện xảo, hai bên chẳng hòa hợp, nên biết đó là ma sự của Bồ Tát. Trái lại, người nghe pháp đối với 6 phép Ba la mật có phương tiện thiện xảo còn người thuyết pháp đối với 6 phép Ba la mật không có phương tiện thiện xảo; hai bên chẳng hòa hợp, nên biết đó là ma sự.

- Người thuyết pháp muốn sao chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật, còn người nghe pháp chẳng muốn sao chép, thọ trì v.v..., hai bên chẳng hòa hợp, sự thuyết pháp học hỏi không thành, nên biết đó là ma sự của Bồ Tát. Trái lại, người nghe pháp muốn được sao chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật, còn người thuyết pháp chẳng muốn, 2 bên chẳng hòa hợp, sự thuyết pháp học hỏi chẳng thành, nên biết đó là ma sự.

- Người thuyết pháp thì đầy dẫy ác dục, quá ham mê danh lợi, còn người nghe pháp thì thiểu dục tri túc, tu hạnh viễn ly, dũng mãnh tinh tấn, đầy đủ niệm tuệ, chán sợ lợi dưỡng, chán sự cung kính, danh dự; hai bên

chẳng hòa hợp, chẳng thành sự thuyết, nghe, sao chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật thì nên biết đó là ma sự của Bồ Tát. Trái lại, người thuyết pháp tu hành chính chắn, không mê vật dục, đầy đủ niệm tuệ trong khi người thọ pháp đầy dẫy ác dục, ham mê vật chất danh lợi. Hai bên không hòa hợp nên sự truyền pháp không thành.

- Người thuyết pháp một thân không hệ lụy, vô ngại tự tại, còn người nghe pháp thì liên hệ nhiều người, bị níu kéo ràng buộc; hai bên chẳng hòa hợp, sự nghe nói sao chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật chẳng thành, nên biết đó là ma sự của Bồ Tát. Trái lại, người nghe pháp một thân không hệ lụy, vô ngại tự tại, còn người nói pháp thì liên hệ nhiều người, bị níu kéo ràng buộc; hai bên chẳng hòa hợp, sự thuyết pháp học hỏi chẳng thành, nên biết đó là ma sự của Bồ Tát.

- Người thuyết pháp thì chẳng ưa tụ hội, ồn náo, còn người nghe thì thích ở chỗ tụ hội ồn náo hay ngược lại; hai bên chẳng hòa hợp, nên biết đó là ma sự của Bồ Tát.

- Người thuyết pháp thích du phương thuyết pháp, không kể chốn nguy hiểm đến thân mạng, còn người nghe lại sợ mất thân mạng, chẳng dám đi theo hay ngược lại; hai bên chẳng hòa hợp, nên biết đó là ma sự của Bồ Tát. Trái lại, người thuyết pháp thích du phương thí pháp mặc dù biết chốn ấy nghèo khổ, thiếu ăn thiếu mặc, còn người nghe pháp thì lo nơi ấy gian khổ, nên chẳng cùng đi; 2 bên chẳng hòa hợp, nên biết đó là ma sự của Bồ Tát, v.v…

***Đại Trí Độ Luận phẩm thứ 47, "Lưỡng Bất Hòa Hợp", Tập 4, quyển 68** thuyết rằng:*

"Chỗ hành pháp phải tương ứng với nhau, thì giữa người thuyết pháp và người nghe pháp mới có được sự hài hòa, an lạc, đem lại nhiều lợi lạc.

Nếu trái lại, giữa người thuyết pháp và người nghe pháp chẳng có sự hòa hợp, thì sự trao pháp và thọ pháp chẳng sao thành tựu được".

Đó chỉ là tóm tắt đại cương về những thứ không hòa hợp làm trở ngại trong việc sao chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập Bát nhã Ba la mật mà *Kinh cho là ma sự. Nếu sớm biết, cảnh tỉnh, sửa sai thì tránh được những rạn nứt gây đổ vỡ hòa hợp tăng,* còn *nếu câu chấp hiềm khích nhau mãi đến một lúc nào đó sẽ có người mở cửa sau chùa "lặng lẽ xuống núi thôi".*

2. Ác ma giả dạng phá hoại tâm Bồ đề:

Ngoài ra Kinh cũng đề cập đến những trở ngại khác ***là ác ma giả dạng Bí sô đến chỗ Bồ Tát tìm cách phá hoại tâm Bồ đề. Đó cũng gọi là ma sự của Bồ Tát.***

"Như ác ma giả dạng Bí sô hay giả dạng làm Phật, thân toàn màu vàng, hào quang một tầm, đầy đủ 32 tướng đại trượng phu, 80 vẻ đẹp để tự trang nghiêm đến chỗ Bồ Tát tuyên nói pháp tương ưng Nhị thừa, đó là 4 Thánh đế, 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc, 8 giải thoát v.v… nói pháp ấy rồi, lại bảo Bồ Tát: Này Đại sĩ! Nên biết, phải nương vào pháp nầy tinh cần tu học có thể đắc quả Thanh văn hoặc quả vị Độc giác, xa lìa tất cả sanh, lão, bệnh, tử; cần gì đắc quả vị Giác ngộ tối cao. Đó là các ma sự làm cản trở việc thọ trì, đọc tụng Bát Nhã cần phải cảnh giác xa tránh".

Nếu những thiện nam thiện nữ nào đọc tụng thọ trì Kinh Bát nhã Ba la mật thì chư Phật đang thuyết pháp ở 10 phương dùng thần lực gia hộ các thiện nam, thiện nữ này, giúp họ ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói Bát nhã Ba la mật như thế đều không bị chướng ngại. Cũng khiến cho họ viên mãn 6 pháp Ba la mật và các Thánh pháp khác.

Phẩm này dễ hiểu, không cần giảng luận. Tất cả những gì ghi trên chỉ là tóm tắt phẩm "Lưỡng Bất Hòa Hợp" không hơn không kém./.

---o0o---

46. PHẨM "PHẬT MẪU"

Phần sau Q.441 đến đầu Q.442, Hội thứ II, ĐBN.
(Tương đương phẩm "Phật Mẫu", Q.305 đến đầu Q.308, Hội thứ I, ĐBN)

Gợi ý:

*Phẩm này của Hội thứ II tương đương với **phẩm thứ 48, "Phật Mẫu**"(Mẹ của chư Phật)**, Tập 4, quyển 69 của Đại Trí Độ Luận**, nêu lên một số vấn đề như: Vì sao Bát nhã Ba la mật năng sanh chư Phật? Vì sao Bát nhã Ba la mật chỉ thật tướng các pháp thế gian? Vì sao chư Phật từ Bát nhã Ba la mật sanh? Thế nào là tướng thế gian?*

Nhờ phẩm này mà chúng ta biết rõ thế gian (Tục đế) so với xuất thế gian (Chân đế) khác nhau như thế nào để từ đó chúng ta rút ra kinh nghiệm sống và tu hành cho phù hợp với lẽ đạo?

Tóm lược:

1. Bát Nhã có công năng xuất sanh chư Phật. Vì sao?

Thiện Hiện! Như người mẹ có nhiều con, hoặc năm, hoặc mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi, hoặc trăm, hoặc ngàn. Khi mẹ bệnh, những người con đều gắng sức tìm phương thuốc chữa trị và nghĩ: Phải làm cách nào để mẹ chúng ta mau lành, được an vui sống lâu, thân không bị các khổ, tâm hết sầu lo. Bấy giờ, những người con lo cho mẹ bằng cách tìm cách che thân mẹ, không cho ruồi muỗi, rắn, bò cạp, gió máy v.v... làm hại. Lại dùng các thứ vật ưa thích cung kính dâng lên mẹ và nói rằng: "Mẹ là người hiền từ, sanh thành dưỡng dục chúng con, chỉ dạy các sự nghiệp thế gian, chúng con lẽ nào không báo đền".

Này Thiện Hiện! Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác cũng vậy, thường dùng Phật nhãn xem xét, hộ niệm Bát Nhã. Vì sao? Thiện Hiện! Vì Bát Nhã thường sanh ra tất cả Phật pháp cho chúng ta, thường ban cho chúng ta Nhất thiết tướng trí, thường chỉ ra thật tướng các pháp thế gian. Vô lượng, vô số, vô biên Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong 10 phương thế giới đang thanh tịnh thuyết pháp, cũng thường dùng Phật nhãn xem xét, hộ

niệm Bát Nhã. Vì sao? Thiện Hiện! Vì Bát Nhã thường sanh ra Phật pháp cho tất cả Như Lai ở vô lượng, vô số, vô biên thế giới trong 10 phương. Lại thường ban cho chư Như Lai Nhất thiết tướng trí; thường chỉ ra thật tướng các pháp thế gian. Do đó, nên chư Phật của chúng ta thường dùng Phật nhãn xem xét, hộ niệm Bát Nhã để đền ơn, không ngừng nghỉ. Vì sao? Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có bao tịnh lự cho đến bố thí Ba la mật **đều do Bát Nhã như thế sanh ra**. Các pháp nội không cho đến pháp vô tánh tự tánh không; chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì; 4 tịnh lự, 4 vô lượng, 4 định vô sắc; 8 giải thoát, tám thắng xứ, 9 định thứ đệ, 10 biến xứ đều do Bát Nhã như thế sanh ra. 4 niệm trụ cho đến 8 chi Thánh đạo; 3 môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện; năm loại mắt, 6 phép thần thông đều do Bát Nhã như thế sanh ra. Phật 10 lực cho đến 18 pháp Phật bất cộng; pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả đều do Bát Nhã thậm thâm như thế sanh ra; tất cả môn Đà la ni, môn Tam ma địa, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí đều do Bát Nhã như thế sanh ra. 32 tướng Đại sĩ, 80 vẻ đẹp, sắc thân mầu nhiệm đều do Bát Nhã như thế sanh ra. Quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác Bồ đề, Bồ Tát hạnh, chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề đều do Bát Nhã như thế sanh ra. Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A la hán, Độc giác, Bồ Tát, chư Phật Thế Tôn đều do Bát Nhã thậm thâm như thế sanh ra.

Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã đắc, hiện và sẽ đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, đều do Bát Nhã này. **Vì vậy, Bát Nhã đối với chư Như Lai có ân đức lớn. Nên chư Phật thường dùng Phật nhãn xem xét, hộ niệm.**

Thiện Hiện! Các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, nếu thường ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói Bát Nhã này tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thường dùng Phật nhãn xem xét, hộ niệm khiến cho thân tâm họ luôn được an vui, việc tu thiện nghiệp được thông suốt.

Thiện Hiện! Các thiện nam, thiện nữ trụ Bồ Tát thừa, nếu thường ghi chép, thọ trì, đọc tụng, tu tập, tư duy, diễn nói Bát Nhã này thì tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trong 10 phương thế giới đều cùng hộ niệm, giúp họ đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề quyết không thối chuyển.

2. Thế nào là Bát Nhã thường sanh chư Phật, thường sanh Phật pháp, thường chỉ thật tướng các pháp thế gian v.v… ?

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! **Vậy, thế nào là Bát Nhã thường sanh ra tất cả Phật pháp cho chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, thường ban Nhất thiết tướng trí cho Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, thường sanh chư Phật, thường chỉ thật tướng các pháp thế gian v.v…?**

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Bát nhã Ba la mật thường sanh ra Phật 10 lực, 4 điều không sợ, 4 sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, 18 pháp Phật bất cộng, nói rộng cho đến Nhất thiết tướng trí. Như vậy, vô lượng, vô biên công đức của Như Lai đều được sanh trưởng từ Bát Nhã thậm thâm như thế. Bởi được các công đức của chư Phật như thế, nên gọi là Bát nhã Ba la mật thậm thâm thường sanh ra và ban Phật pháp, Nhất thiết tướng trí cho tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Do vậy Ta nói: **"Bát nhã Ba la mật thường sanh ra tất cả Phật pháp cho Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, thường ban Nhất thiết tướng trí, cũng nói Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác từ đó sanh ra". Bát Nhã thường chỉ thật tướng các pháp thế gian là thường chỉ thật tướng 5 uẩn thế gian**. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác cũng nói thật tướng 5 uẩn thế gian.

Lúc ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bát nhã Ba la mật chỉ thật tướng 5 uẩn thế gian cho Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Bát Nhã **đều không thuyết 5 uẩn** có thành có hoại, có sanh có diệt, có tiếp nối có đoạn, có nhiễm có tịnh, có tăng có giảm, có vào có ra; đều không nói 5 uẩn có quá khứ, có vị lai, có hiện tại, có thiện, có bất thiện, có vô ký, có thuộc ở cõi Dục, có thuộc cõi Sắc, có thuộc cõi Vô sắc. Vì sao? Thiện Hiện! **Không phải pháp không, vô tướng, vô nguyện có thành có hoại**, có sanh có diệt, có tiếp nối có đoạn dứt, có nhiễm có tịnh, có tăng có giảm, có vào có ra, có quá khứ, có vị lai, có hiện tại, có thiện, có bất thiện, có vô ký, có thuộc ở cõi Dục, có thuộc cõi Sắc, có thuộc cõi Vô sắc. **Không phải pháp không sanh không diệt, không tạo không tác**, không tánh, mà có thành có hoại, có sanh có diệt, có tiếp nối có đoạn dứt, có nhiễm có tịnh, có tăng có giảm, có vào có ra, có quá

khứ, có vị lai, có hiện tại, có thiện có bất thiện, có vô ký, có thuộc ở cõi Dục, có thuộc cõi Sắc, có thuộc cõi Vô sắc.

Này Thiện Hiện! Như vậy, Bát Nhã nói thật tướng 5 uẩn cho tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. **Tướng 5 uẩn đây tức là thế gian**. Vì vậy, nên thế gian cũng không thành không hoại, không sanh không diệt, không nối tiếp không đoạn dứt, không nhiễm không tịnh, không tăng không giảm, không vào không ra, không quá khứ, không vị lai, không hiện tại, không thiện, không bất thiện, không vô ký, không thuộc cõi Dục, không thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc và không các tướng. *(Q. 441, ĐBN)*

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều y cứ Bát Nhã thậm thâm như thế, thường khắp biết vô lượng, vô số, vô biên **tâm hành** sai khác của hữu tình. Nhưng trong nghĩa thậm thâm Bát Nhã đây không hữu tình, cũng **không thi thiết hữu tình khá được**. Không sắc, cũng không thi thiết sắc khá được. Không thọ tưởng hành thức, cũng không thi thiết thọ tưởng hành thức khá được. Không 12 xứ, 18 giới, cũng không thi thiết 12 xứ, 18 giới khá được. Không nhãn xúc, cũng không thi thiết nhãn xúc khá được. Không nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc, cũng không thi thiết nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc khá được. Không nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ, cũng không thi thiết nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ khá được. Không nhĩ tỷ thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ, cũng không thi thiết thiệt thân ý xúc làm duyên sanh ra các thọ khá được. Không địa giới, cũng không thi thiết địa giới khá được. Không thủy hỏa phong không thức giới, cũng không thi thiết thủy hỏa phong không thức giới khá được. Không 12 nhân duyên, cũng không thi thiết 12 nhân duyên khá được. Không 6 Ba la mật, cũng không thi thiết 6 Ba la mật khá được. Không nội không, cũng không thi thiết nội không khá được. Cho đến không vô tánh tự tánh không, cũng không thi thiết vô tánh tự tánh không khá được. Không 37 pháp trợ đạo, cũng không thi thiết 37 pháp trợ đạo khá được. Như vậy cho đến không Như Lai 10 lực, cho đến không 18 pháp Phật bất cộng, cũng không thi thiết 18 pháp Phật bất cộng khá được. Không Nhất thiết trí, cũng không thi thiết Nhất thiết trí khá được. Không Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, cũng không thi thiết Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí khá được.

Thiện Hiện! Như vậy, nên nói Bát Nhã thậm thâm chỉ thật tướng thế gian cho tất cả Như Lai Ứng Chánh đẳng giác.

Lại nữa, Thiện Hiện! Bát Nhã thậm thâm **không thị hiện sắc**; không thị hiện thọ, tưởng, hành, thức. Không thị hiện 12 xứ, không thị hiện 18 giới. Không thị hiện nhãn xúc; không thị hiện nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc. Không thị hiện các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra; không thị hiện các thọ do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sanh ra. Không thị hiện địa giới; không thị hiện thủy, hỏa, phong, không, thức giới. Cũng không thị hiện tất cả pháp Phật. Không thị hiện chuyển bánh xe diệu pháp. Không thị hiện thành thục hữu tình; không thị hiện nghiêm tịnh cõi Phật. Vì sao? Thiện Hiện! **Trong nghĩa thậm thâm của Bát Nhã như thế, Bát Nhã còn vô sở hữu, bất khả đắc, huống nữa là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cho đến tất cả pháp Phật có thể đắc hay thị hiện được.**

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả hữu tình trong ba cõi, năm đường hoạt động nói năng, hoặc có sắc hoặc không sắc, hoặc có tưởng hoặc không tưởng, hoặc chẳng phải có tưởng, hoặc chẳng phải không tưởng, hoặc thế giới này, hoặc vô lượng, vô số, vô biên thế giới khác trong 10 phương, các hữu tình này hoặc nhiếp tâm hoặc loạn tâm, hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y cứ nghiêm tịnh cõi Phật đều như thật biết.

Thiện Hiện! Vì sao Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y cứ nghiêm tịnh cõi Phật đều như thật biết nhiếp tâm, hoặc loạn tâm, hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký của các loài hữu tình? Vì tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y cứ Bát Nhã thậm thâm **do vì pháp tánh**, nên năng như thật biết các loại hữu tình biết nhiếp tâm, hoặc loạn tâm, hoặc thiện hoặc bất thiện, hoặc vô ký. **Do pháp tánh nên tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác như thật biết các loại tâm như vậy**.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là do pháp tánh mà Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biết các loại tâm như vậy?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y cứ Bát Nhã thậm thâm như thật biết pháp tánh trong pháp tánh còn **vô sở hữu, bất khả đắc**, huống nữa có hữu tình nhiếp tâm, loạn tâm, thiện, bất thiện, vô ký mà có thể đắc.

Thiện Hiện! **Thế nào là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y cứ Bát Nhã thậm thâm như thật biết nhiếp tâm hay loạn tâm hoặc thiện hoặc bất thiện hoặc vô ký của các loài hữu tình?**

Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y cứ Bát Nhã thậm thâm do **tận vậy, lìa nhiễm vậy, diệt, đoạn vậy, vắng lặng, viễn ly** vậy và như thật biết nhiếp tâm hay loạn tâm hoặc thiện hoặc bất thiện hoặc vô ký của các loài hữu tình.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y cứ Bát Nhã thậm thâm do tận, lìa nhiễm, diệt, đoạn, vắng lặng, viễn ly nên như thật biết nhiếp tâm hay loạn tâm hoặc thiện hoặc bất thiện hoặc vô ký của các loài hữu tình?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y cứ Bát Nhã thậm thâm như thật biết các tánh tận, lìa nhiễm, diệt, đoạn, vắng lặng, viễn ly trong tánh tận… còn **vô sở hữu, bất khả đắc**, huống nữa có hữu tình nhiếp tâm hay loạn tâm, thiện, bất thiện, vô ký, có thể đắc.

Thiện Hiện! Như vậy, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y cứ Bát Nhã thậm thâm do tận, lìa nhiễm, diệt, đoạn, vắng lặng, viễn ly, như thật biết nhiếp tâm hay loạn tâm, hoặc thiện, hoặc bất thiện hoặc vô ký của các loài hữu tình.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y cứ Bát nhã Ba la mật thậm thâm như thật biết các loài hữu tình **có tâm tham, tâm lìa tham, có tâm sân, tâm lìa sân, có tâm si, tâm lìa si**.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y cứ Bát Nhã thậm thâm, như thật biết các loài hữu tình có tâm tham, tâm lìa tham, có tâm sân, tâm lìa sân, có tâm si, tâm lìa si?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y cứ Bát Nhã thậm thâm như thật biết các loài hữu tình kia có tâm tham, **trong thật tánh chẳng có tâm tham, chẳng có tâm lìa tham**. Vì sao? Vì trong thật tánh, **tâm và tâm sở còn vô sở hữu, bất khả đắc**, huống nữa có tâm tham, tâm lìa tham có thể có. Cũng như thật biết các loài hữu tình kia có tâm sân, trong thật tánh chẳng có tâm sân, chẳng có tâm lìa sân. Vì sao?

Vì trong thật tánh, tâm và tâm sở pháp còn vô sở hữu, bất khả đắc, huống nữa có tâm sân, tâm lìa sân có thể có. Cũng biết như thật các loài hữu tình kia có tâm si, trong thật tánh chẳng có tâm si, chẳng có tâm lìa si. Vì sao? Vì trong thật tánh, tâm và tâm sở còn vô sở hữu, bất khả đắc, huống nữa có tâm si, tâm lìa si có thể có.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y cứ Bát Nhã thậm thâm như thật biết các loài hữu tình kia **có tâm tham, sân, si, chẳng có tâm tham, sân, si, chẳng có tâm lìa tham, sân, si**. Vì sao? **Vì hai tâm như thế không hòa hợp**.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y cứ Bát Nhã thậm thâm, như thật biết các loài hữu tình **có tâm rộng lớn.**

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y cứ Bát Nhã thậm thâm như thật biết các loài hữu tình kia có tâm rộng lớn?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y cứ Bát Nhã thậm thâm, như thật biết các loài hữu tình kia có tâm rộng lớn, không lớn-không nhỏ, không đi-không đến, không sanh-không diệt; không trụ-không khác, không nhiễm-không tịnh. Vì sao? Vì **tự tánh tâm xa lìa tất cả,** nên Phật không thấy tâm có lớn, có nhỏ, có đi, có đến, có sanh, có diệt, có trụ, có khác, có nhiễm, có tịnh. Vì sao? Vì **tự tánh tâm đều vô sở hữu, hoàn toàn bất khả đắc**; nào có lớn, nào có nhỏ, nào có đi, nào có đến, nào có sanh có diệt, nào có trụ có khác, nào có nhiễm có tịnh? Thiện Hiện! Như vậy, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y cứ Bát Nhã thậm thâm, biết như thật các loài hữu tình kia có tâm rộng lớn.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y cứ Bát Nhã thậm thâm, như thật biết các loài hữu tình **có tâm vô lượng.**

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y cứ Bát Nhã thậm thâm, như thật biết các loài hữu tình kia có tâm vô lượng?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y cứ Bát Nhã thậm thâm, như thật biết các loài hữu tình kia có tâm vô lượng, chẳng có lượng-chẳng vô lượng; chẳng trụ-chẳng không trụ, chẳng đi-chẳng không đi. Vì sao? Vì **tự tánh tâm xa lìa tất cả, nên Phật không thấy tâm có**

lượng, có vô lượng, có trụ, có không trụ, có đi, có không đi. Vì sao? Vì tâm tánh vô lượng **không chỗ nương tựa** thì làm sao nói có lượng, có vô lượng, có trụ, có không trụ, có đi, không có đi. **Tự tánh tâm đây đã không chỗ nương tựa** cũng **vô sở hữu, hoàn toàn bất khả đắc**, thì làm sao có lượng, sao có vô lượng, sao có trụ, sao không trụ, sao có đi không đi? Thiện Hiện! Như vậy, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y cứ Bát Nhã, như thật biết các loài hữu tình kia có tâm vô lượng.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y cứ Bát Nhã, như thật biết các loài hữu tình có **tâm vô kiến, vô đối.**

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y cứ Bát Nhã, như thật biết các loài hữu tình kia có tâm vô kiến, vô đối?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y cứ Bát Nhã, như thật biết các loài hữu tình kia **có tâm vô kiến, vô đối đều không có tướng tâm**. Vì sao? Vì **tự tướng của tâm là Không**.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y cứ Bát Nhã, như thật biết các loài hữu tình có **tâm vô sắc** chẳng thể thấy được.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Tại sao chư Như Lai y cứ Bát Nhã biết như vậy?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y cứ Bát Nhã thậm thâm, như thật biết các loài hữu tình kia có tâm vô sắc chẳng thể thấy; ngũ nhãn của chư Phật cũng không thể thấy được. Vì sao? Vì **tự tánh của tâm là Không**.

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y cứ Bát Nhã thậm thâm, như thật biết các loại hữu tình có **tâm và tâm sở hoặc nổi, hoặc chìm, hoặc co, hoặc duỗi**.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Tại sao chư Như Lai y cứ Bát Nhã biết như vậy?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y cứ Bát Nhã thậm thâm, như thật biết tâm và tâm sở của các loài hữu tình kia nổi, chìm, co, duỗi **đều nương sắc, thọ, tưởng, hành, mà sanh thức**.

Thiện Hiện! Như vậy, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y cứ Bát Nhã thậm thâm, như thật biết tâm, tâm sở của các loài hữu tình kia **hoặc nổi, hoặc chìm, hoặc co, hoặc duỗi**. Nghĩa là các đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y cứ Bát Nhã thậm thâm, như thật biết tâm, tâm sở của các loài hữu tình kia nổi, chìm, co, duỗi, hoặc **nương sắc chấp ngã và thế gian thường**, **vô thường**, cũng thường, cũng vô thường, chẳng thường, chẳng vô thường: Đây là chắc thật, ngoài ra đều là giả dối. Hoặc nương thọ, tưởng, hành, thức chấp ngã và thế gian thường, vô thường, cũng thường, cũng vô thường, chẳng thường, chẳng vô thường: Đây là chắc thật, ngoài ra đều là giả dối. Hoặc nương sắc chấp ngã và thế gian **hữu biên, vô biên**, cũng hữu biên, cũng vô biên, chẳng hữu biên, chẳng vô biên: Đây là chắc thật, ngoài ra đều giả dối. Hoặc **nương thọ, tưởng, hành, thức** chấp ngã và thế gian **hữu biên, vô biên**, cũng hữu biên, cũng vô biên, chẳng hữu biên, chẳng vô biên: Đây là chắc thật, ngoài ra đều giả dối. Hoặc **nương sắc chấp mạng căn tức thân**: Đây là chắc thật, ngoài ra đều giả dối. Hoặc **nương sắc chấp mạng căn khác thân**: Đây là chắc thật, ngoài ra đều giả dối. Hoặc nương thọ, tưởng, hành, thức chấp mạng căn tức thân: Đây là chắc thật, ngoài ra đều giả dối. Hoặc nương thọ, tưởng, hành thức chấp mạng căn khác thân: Đây là chắc thật, ngoài ra đều giả dối. Hoặc **nương sắc chấp Như Lai sau khi chết có tái sanh**. Hoặc nương sắc chấp Như Lai sau khi chết không tái sanh. Hoặc nương sắc chấp Như Lai sau khi chết cũng có tái sanh, cũng không tái sanh. Hoặc nương sắc chấp Như Lai sau khi chết không tái sanh, chẳng phải không tái sanh: Đây là chắc thật, ngoài ra đều giả dối. Nương thọ, tưởng, hành, thức chấp Như Lai cũng lại như thế.

Thiện Hiện! Như vậy, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y cứ Bát Nhã thậm thâm, như thật biết tâm và tâm sở của các loài hữu tình kia hoặc nổi hoặc chìm, hoặc co hoặc duỗi.

(Sau đây là đoạn Kinh quan trong nói về "pháp như" hay chơn như của tất cả pháp)

Lại nữa, Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y cứ Bát Nhã thậm thâm, như thật biết **về sắc, cũng như thật biết về thọ, tưởng, hành, thức**.

Khi ấy, cụ thọ Thiện Hiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Tại sao chư Như Lai y cứ Bát Nhã mà biết như vậy?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y cứ Bát Nhã thậm thâm, như thật biết về **sắc như** *(chơn như của sắc)*(1), không biến đổi, không phân biệt, không tướng trạng, không tác dụng, không hý luận, không sở đắc. Cũng như thật biết về **thọ, tưởng, hành, thức như** *(chơn như của thức)*, không biến đổi, không phân biệt, không tướng trạng, không tác dụng, không hý luận, không sở đắc.

Thiện Hiện! Như vậy, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y cứ Bát Nhã như thật biết về sắc, cũng như thật biết về thọ, tưởng, hành, thức.

Lại nữa, Thiện Hiện! Năm uẩn như tức hữu tình như. Hữu tình như tức nổi, chìm, co, duỗi như. Nổi, chìm, co, duỗi như tức năm uẩn như. Năm uẩn như tức 12 xứ như. 12 xứ như tức 18 giới như. 18 giới như tức tất cả pháp như. Tất cả pháp như tức sáu pháp Ba la mật như. Sáu pháp Ba la mật như tức 37 pháp phần Bồ đề như, 37 pháp phần Bồ đề như tức 18 pháp không như. Mười tám pháp không như tức 8 giải thoát như. Tám giải thoát như tức 8 thắng xứ như. Tám thắng xứ như tức 9 định thứ đệ như. Chín định thứ đệ như tức Phật 10 lực như. Phật mười lực như tức bốn điều không sợ như. Bốn điều không sợ như tức bốn sự hiểu biết thông suốt như. Bốn sự hiểu biết thông suốt như tức đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả như. Đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả như tức 18 pháp Phật bất cộng như. Mười tám pháp Phật bất cộng như tức Nhất thiết trí như. Nhất thiết trí như tức Đạo tướng trí như. Đạo tướng trí như tức Nhất thiết tướng trí như. Nhất thiết tướng trí như tức thiện pháp như. Thiện pháp như tức bất thiện pháp như. Bất thiện pháp như tức vô ký pháp như. Vô ký pháp như tức thế gian pháp như. Thế gian pháp như tức xuất thế gian pháp như. Xuất thế gian pháp như tức hữu lậu pháp như. Hữu lậu pháp như tức vô lậu pháp như. Vô lậu pháp như tức hữu vi pháp như. Hữu vi pháp như tức vô vi pháp như. Vô vi pháp như tức quá khứ pháp như. Quá khứ pháp như tức vị lai pháp như. Vị lai pháp như tức hiện tại pháp như. Hiện tại pháp như tức Dự lưu quả như. Dự lưu quả như tức Nhất lai quả như. Nhất lai quả như tức Bất hoàn quả như. Bất hoàn quả như tức A la hán quả như. A la hán quả như tức Độc giác Bồ đề như. Độc giác Bồ đề như tức tất cả Bồ Tát hạnh như. Tất cả Bồ Tát hạnh như tức chư Phật Vô thượng Bồ đề như. Chư Phật Vô thượng Bồ

đề như tức tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác như. Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác như tức tất cả hữu tình như. **Hoặc tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác như, hoặc tất cả hữu tình như, hoặc tất cả pháp như không hai, không khác, là một như. Các như như vậy không khác biệt nên không hoại, không tận, không phân biệt.**

Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y Bát Nhã chứng tất cả pháp rốt ráo như mới được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Do đấy nên nói Bát Nhã năng sanh chư Phật, là mẹ chư Phật, năng chỉ thật tướng thế gian.

Thiện Hiện! Như vậy! Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác y cứ Bát Nhã thậm thâm, hiểu biết như thật tất cả pháp như tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác. Do hiểu như thật tướng như, nên gọi là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Cụ thọ Thiện Hiện lại thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã thậm thâm chứng đắc tất cả pháp như, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, rất là sâu xa, khó thấy, khó hiểu.

Bạch Thế Tôn! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều dùng tất cả pháp như, tánh chẳng hư dối, tánh chẳng đổi khác chỉ rõ phân biệt chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề.

Bạch Thế Tôn! Tất cả pháp như thậm thâm ai có thể tin hiểu? Chỉ có bậc Bồ Tát bất thối và các A la hán lậu tận đầy đủ chánh kiến nghe Phật thuyết pháp như thậm thâm này mới có thể sanh lòng tin hiểu được. Như Lai đã y cứ tướng như tự chứng vì họ để chỉ rõ phân biệt.

Phật dạy:

- Thiện Hiện! Đúng vậy! Đúng như ông đã nói! Vì sao? Thiện Hiện! **Như, như thế vô tận nên rất thậm thâm, chỉ có Như Lai Chánh đẳng Chánh giác chứng được vô tận như này**.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nhờ đâu Thế Tôn chứng được vô tận như?

Phật dạy:

- Thiện Hiện! **Phật nhờ như nên chứng vô tận như** như vậy.

Cụ thọ Thiện Hiện thưa Phật:

- Bạch Thế Tôn! Như Lai chứng vô tận như như thế nào?

Phật dạy:

- Này Thiện Hiện! Chứng tất cả pháp như vô tận. Thiện Hiện! Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chứng đắc tất cả pháp như vô tận, nên đạt được Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, vì các loài hữu tình phân biệt chỉ rõ tướng tất cả pháp như. Do đó nên được gọi là Đấng thuyết pháp chân thật.

Thích nghĩa:

(1). "Sắc như" là nói gọn của cụm từ "chơn như của sắc". Các sắc như chơn như, như pháp giới, như pháp tánh, như thật tế... Tất cả như thế là một như, không hư vọng, chẳng đổi khác, nên không tận, không hoại, không phân biệt nên gọi là "như" hay "như như". Phẩm "Điều Phục Tham Thẩy", Q.446, Hội thứ II, ĐBN nói: "Vì sắc như, hoặc Nhất thiết trí trí như, hoặc tất cả pháp như, đều một như, không hai không khác; hoặc thọ, tưởng, hành, thức như, hoặc Nhất thiết trí trí như, hoặc tất cả pháp như, đều một như, không hai không khác".

Sơ giải:

1. Bát Nhã có công năng xuất sanh chư Phật. Vì sao?

Vì Bát Nhã thậm thâm có công năng xuất sanh năm loại mắt, sáu thần thông; hoặc Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng; hoặc pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; hoặc Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí và vô lượng, <u>vô biên công đức của chư Phật như thế đều từ Bát nhã Ba la mật sanh</u>. Do đó, nên nói Bát Nhã có công năng xuất sanh chư Phật, cũng nói chư Phật từ Bát nhã Ba la mật sanh.

Kinh MHBNBLMĐ, phẩm "Phật Mẫu, Phật dạy:

"Này Tu Bồ Đề! Vì Bát nhã Ba la mật thậm thâm xuất sanh ra 10 Phật lực, 18 bất cộng pháp... dẫn đến xuất sanh ra Nhất thiết chủng trí. Người được đầy đủ các pháp như vậy được gọi là Phật, nên nói Bát nhã Ba la mật xuất sanh ra chư Phật".

2. Thế nào là Bát Nhã thường sanh chư Phật, thường sanh Phật pháp, thường chỉ thật tướng các pháp thế gian v.v… ?

Đại Trí Độ Luận chiết giải phẩm thứ 48, “Phật Mẫu”, Tập 4, quyển 69, *hết sức chi li như sau:*

“Hỏi: *Các Kinh đều nói ngũ ấm (5 uẩn) là tán hoại, là thế gian pháp. Vì sao Kinh Bát nhã Ba la mật nói ngũ ấm tán hoại ấy là chẳng có sanh, chẳng có diệt?*

Đáp: Bát nhã Ba la mật là Kinh Đại Thừa. Giữa Kinh Đại Thừa và Kinh Thanh Văn có nhiều sai khác:

- Kinh Thanh Văn phần nhiều nói về vô thường, vô ngã. Kinh Đại Thừa phần nhiều nói về pháp “không”.

- Kinh Thanh Văn, trước nói về vô thường, rồi về sau mới dần dần dẫn đến pháp “không”. Kinh Đại Thừa, trước sau đều nói về pháp “không”.

- Kinh Thanh Văn nói các pháp tướng là tán hoại, khiến chúng sanh sợ hãi. Kinh Đại Thừa chẳng nói như vậy, mà nói các pháp thường trú, chẳng sanh, chẳng diệt.

--o0o--

Ở đoạn kinh trên đây, Phật thuyết về pháp tánh “không, vô tướng và vô tác”, nên chẳng nói đến tán hoại. Như vậy là Bát nhã Ba la mật khai thị thế gian tướng.

Sắc thân của chúng sanh rất dễ thấy, dễ biết, mà chúng sanh còn chẳng biết được thể tánh của sắc thân. Như vậy làm sao có thể biết được các tâm và tâm sở, là những pháp vô hình!

Phật như thật biết hết thảy các pháp; dùng lực phương tiện Bát nhã Ba la mật biết rõ chúng sanh là không, sắc là không… nhất thiết chủng trí cũng là không.

--o0o--

Phật dùng lực phương tiện Bát nhã Ba la mật mà biết rõ tâm niệm của vô lượng vô biên chúng sanh. Chúng sanh, dù ở cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô Sắc, cõi Hữu tưởng, cõi Vô Tưởng, cõi Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng có bao nhiêu tâm niệm, hoặc nhiếp tâm, hoặc loạn tâm, hoặc nhiễm tâm, hoặc vô nhiễm tâm v.v… Phật đều biết tất cả.

Ngài Tu Bồ Đề nghe Phật dạy như vậy sanh nghi, tự niệm rằng: Chư Phật thường ưa tịch tịch, thường ở nơi pháp "không", nay vì sao Phật lại nói khắp biết chúng sanh nhiếp tâm hay loạn tâm? Lại nữa, chúng sanh vô lượng vô biên, làm sao chỉ một mình Phật mà có thể biết hết thảy tâm niệm của chúng sanh được? Phật dạy: **Phật dùng pháp tướng để biết rõ như vậy.**

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Phật dùng pháp tướng gì để biết rõ như vậy?

Phật dạy: Dùng thật tướng pháp. Ở nơi thật tướng pháp, thì chẳng còn có "tướng pháp tướng", huống nữa là các tướng nhiếp tâm hay loạn tâm.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thế nào là thật tướng pháp?

Phật dạy: Thật tướng pháp là tự tánh không, là rốt ráo không, là bất khả đắc không.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thật tướng pháp là rốt ráo không, mà ở trong "không" chẳng có phân biệt tâm và tâm sở pháp. Như vậy, làm sao có thể biết được tâm niệm của chúng sanh?

Phật dạy: Tánh của thật tướng pháp cũng là bất khả đắc. Cho nên Phật dùng lực phương tiện trí huệ biết được chúng sanh nhiếp tâm hay loạn tâm. Vì sao? Vì tánh không là bất khả đắc, chẳng có ngăn ngại vậy.

Phật đã vượt qua hết thảy tướng phân biệt, hư vọng, đã an trú trong thật tướng pháp, trong tánh không, nên biết rõ hết thảy chúng sanh tâm.

Trái lại, phàm phu trú tâm nơi hư vọng pháp, nên chẳng có thể biết được tâm niệm của kẻ khác.

--o0o--

Cũng như vậy, Phật dùng như thật trí huệ, mà biết được nhiễm tâm, sân tâm, si tâm v.v… của chúng sanh. Vì sao? Vì thật tướng của nhiễm tâm, của sân tâm, của si tâm là **vô nhiễm, vô sân, vô si**. Nên biết chúng sanh tâm là vô lượng, là quảng đại, là bình đẳng vậy.

Hỏi: *Vì sao trước Phật nói "Thật tướng pháp là vô tướng, nên như thật biết được chúng sanh nhiếp tâm hay loạn tâm; rồi sau đó lại nói "Do tướng tận, tướng đoạn, tướng tịch diệt, tướng ly, nên như thật biết được chúng sanh nhiếp tâm hay loạn tâm?"*

Đáp: Bồ Tát dùng "vô thường huệ" biết "tướng tận". Do hành "vô thường huệ" mà tâm ly hết thảy nhiễm, được vô nhiễm. Lại dùng hết thảy "thế gian đạo", ngăn ngừa và diệt trừ các kiết sử. Đây là tướng "diệt". Lại dùng "vô lậu đạo", tận đoạn kiết sử. Đây là "tướng đoạn". Lại quán Niết Bàn tịch diệt, ly hết thảy các tướng. Đây là "tướng tịch diệt", "tướng ly".

Bởi vậy nên, khi vào được nơi thật tướng pháp, trú nơi thật tướng pháp, thì biết rõ được chúng sanh nhiếp tâm hay loạn tâm. Vì sao? Vì **ở nơi thật tướng pháp, thì hết thảy các pháp đều là vô tướng cả.**

(Hai đoạn Kinh trên giải thích rõ ràng tại sao Phật biết rõ chúng sanh có nhiếp tâm hay loạn tâm? Phật vượt qua phân biệt, an trú trong thật tướng pháp, trong tánh không, nên biết rõ hết thảy chúng sanh tâm. Phật cũng dùng "vô thường tướng" biết "tướng tận" mà ly hết thảy nhiễm, được vô nhiễm. Vì "ở nơi thật tướng pháp, hết thảy các pháp đều là vô tướng cả". Trong vô tướng không có tội phước, nhiễm tịnh, tham sân si. Đây cũng chỉ là cách nói của Đệ nhất nghĩa đế).

--o0o--

Lại nữa, niệm là vô trú, là rốt ráo không, là chẳng thể biết được. Vì sao? Vì niệm quá khứ đã qua, niệm hiện tại chẳng trú, niệm vị lai chưa đến. Nếu khởi niệm là có sanh diệt rồi vậy.

Phàm phu, do chấp tướng, mới vọng chấp phân biệt có ba thời. Trái lại, người trí biết rõ "hiện tại", cũng là tận tướng, là rốt ráo không. Vì biết rõ tâm niệm là rốt ráo không, nên chẳng chấp trước, chẳng có gì vướng mắc cả.

Do biết rõ thời gian là vô trú, nên được đạo. Do biết rõ thật tướng các pháp là vô tướng, nên chẳng khởi sanh vọng kiến phân biệt, dẫn đến như thật biết được tâm chúng sanh nhiễm hay tịnh.

Lại nữa, vì thật tướng của các pháp là rốt ráo thanh tịnh, nên thật tướng của "nhiễm tâm" là "vô nhiễm tâm" vậy. Vì sao? Vì ở nơi thật tướng, thì chẳng còn có phân biệt tâm và tâm sở pháp. Do vậy, mà biết được nhiễm tâm, sân tâm, si tâm vốn chẳng có tướng nhiễm, tướng sân, tướng si, đều là vô tướng.

Phật dạy: Do nhân duyên "nhiễm tâm" và "vô nhiễm tâm" đều chẳng đầy đủ, chẳng chung nhau, nên ở nơi tâm pháp, chúng sanh thứ lớp sanh

tâm; khi có tâm vô nhiễm, thì chẳng có tâm nhiễm, và ngược lại. Thế nhưng, ở cả ba đời, nhiễm tâm và vô nhiễm tâm đều là bất khả đắc. Vì sao? Vì cả hai tâm ấy đều rốt ráo là tánh không. Sở dĩ có phân biệt hai tâm, là do đối đãi mà có vậy.

Nên biết, ở nơi thật tướng pháp chẳng có các tướng nhiễm tâm, vô nhiễm tâm, sân tâm, vô sân tâm, si tâm, vô si tâm… Vì sao? Vì ở nơi thật tướng pháp, thì hết thảy các pháp đều là tướng không, đều là bình đẳng, vô phân biệt.

Người vô trí, do chấp tâm, chấp tướng mà phân biệt tâm có nhiễm, có tịnh, có rộng, có hẹp, có tăng, có giảm v.v… Còn các bậc Thánh thì chẳng phải như vậy, vì các ngài biết rõ tâm là vô sắc, vô hình, vô trước vậy.

--o0o--

Phật dạy: Tâm tướng là tánh không. Các tướng nhiễm, tịnh, rộng, hẹp, tăng, giảm v.v… đều là bất khả đắc cả.

Do có so lường mà nói tâm có nhiễm, có tịnh, có rộng, có hẹp, có tăng, có giảm v.v… Như vậy là nói tâm có hạn lượng. Thế nhưng vì tâm duyên vô lượng chúng sanh, duyên vô lượng pháp, lại vì tâm tướng là bất khả đắc, nên tâm là vô lượng.

Ví như nhãn căn duyên nhãn trần, sanh ra nhãn thức, mà nhãn thức chẳng phải ở trong hay ở ngoài mắt, chẳng phải ở bên này hay bên kia mắt, nên là vô trú xứ, là bất khả đắc vậy.

Do vậy, nên nói các trần cảnh hiện ra trước mắt đều là như cảnh ở trong mộng, chẳng có định tướng. Thức duyên cũng như vậy, chẳng có y chỉ, chẳng có định tướng nên nói tâm là quảng đại, là vô lượng.

(Chiết giải này hết sức thần tình, nói lên được ý nghĩa tại sao chư Phật biết tất cả tâm-tâm sở của tất cả chúng sanh. Vì tất cả tâm là không, là vô tướng, là bất khả đắc, là bình đẳng, là thanh tịnh, vô phân biệt!)

Hỏi: *Nếu tâm là chẳng thể thấy được, thì Phật làm sao có thể như thật thấy, như thật biết tâm của hết thảy chúng sanh được?*

Đáp: Người vào thiền định, được tâm thanh tịnh như lưu ly, nên thấy được các vọng tâm dấy khởi; người quán bạch cốt thấy tâm thứ lớp sanh, chẳng thấy tâm tại thân, cũng chẳng thấy tâm tại duyên; người duyên vô biên xứ, thấy thức vô lượng vô biên v.v…

Nên biết, tâm thể là vô tướng, nên chẳng có các tướng tâm như vậy.

Trái lại, Phật thường trú nơi tịch diệt, nên như thật biết hết thảy tâm chúng sanh.

Vì sao? Vì tự tướng của tâm chúng sanh là vô tướng. Phật dùng ngũ nhãn, thấy rõ tâm thể của chúng sanh là vô tướng, là bất khả đắc.

Người dùng **nhục nhãn và thiên nhãn**, thì thấy có sắc pháp. Người dùng **huệ nhãn**, duyên Niết Bàn tướng, thì chẳng thấy có sắc pháp.

Người mới dùng **pháp nhãn**, thì thấy phân biệt có thiện pháp, có bất thiện pháp, có hữu lậu pháp, có vô lậu pháp; đến khi liễu đạt được thật tướng pháp rồi, thì người dùng pháp nhãn **sẽ thấy rõ được các pháp đều là vô tướng, là bình đẳng, là vô phân biệt.**

Trước đây đã nói rằng "Hết thảy các pháp đều chẳng có tác giả, chẳng có tri giả, chẳng có kiến giả". Bởi vậy nên tâm cũng như hết thảy các pháp khác, đều chẳng thể thấy được vậy.

Phật, ở nơi tịch diệt tướng, chẳng dùng sự thấy hư vọng của hàng phàm phu, cũng chẳng dùng ngũ nhãn để thấy, nên mới "như thật thấy, như thật biết tâm niệm của chúng sanh" vậy).

Cũng cùng phẩm trên, Đại Trí Độ Luận giải thích tiếp:

"Phật biết rõ chúng sanh, khi hành các pháp, thường rơi vào 62 tà kiến chấp. Đó là do 98 kiết sử phiền não sanh ra. Bởi vậy nên nói là Phật biết rõ tâm và tâm sở pháp lên xuống, ra vào của hết thảy chúng sanh.

Phàm phu, do bị ái dục che tâm, thường khởi sanh các phiền não. Hàng xuất gia, nếu còn bị kiêu mạn che tâm, thì còn khởi sanh tà kiến.

Phàm phu, do chấp thế gian lạc, nên tâm bị chìm xuống. Hàng xuất gia nhàm chán sanh tử, muốn cầu Phật đạo, muốn được tâm nổi lên; thế nhưng, nếu chẳng rõ được chánh đạo, thì chẳng ly được ba cõi, khiến tâm vẫn bị chìm xuống.

--o0o--

Dùng mắt thường (nhục nhãn) nhìn vào hồ nước trong có thể thấy rõ đàn cá trong hồ, có lúc nổi lên, có lúc chìm xuống, bơi lội mải miết như vậy, mà chẳng thoát ly ra được*(không thể lội ra khỏi hồ được)*.

Cũng như vậy, dùng Phật nhãn quán tâm chúng sanh, ở trong 6 đạo và khắp 10 phương, cứ mãi lên xuống, ra vào. Vì sao? Vì chúng sanh thường bị 5 dục che tâm, khiến phải bị chìm đắm mãi trong sanh tử, chẳng có thể thoát ly khỏi ngục tù 3 cõi. Ví như:

- Có người phát tâm bố thí, trì giới, nhưng lại bị tà nghi che tâm, khiến tâm huệ bị chìm xuống.

- Có người đã ly 5 dục, đã có được Noãn pháp và Đảnh pháp, quán được 4 Thánh Đế, nhưng nếu chưa liễu đạt được thật tướng pháp, thì tâm huệ vẫn còn bị chìm xuống.

- Có người đã ly dục, đã rõ thông được các pháp vô sở hữu... nhưng nếu chưa vào Niết bàn, thì tâm huệ vẫn còn bị chìm xuống.

Hỏi: *Thế nào gọi là tâm nổi lên, chìm xuống?*

Đáp: Ở Đoạn kinh trên đây, Phật nêu lên các trường hợp lầm chấp của chúng sanh, khiến tâm của họ cứ phải nổi lên, chìm xuống mãi trong biển sanh tử.

Các trường hợp lầm chấp của chúng sanh về "thần và thế gian", y cứ nơi 5 ấm, được chia ra làm **4 nhóm**:

1- Nhóm thứ nhất: Chấp thần và thế gian hoặc là thường, hoặc là vô thường, hoặc vừa là thường cũng vừa là vô thường, hoặc chẳng phải thường cũng chẳng phải vô thường.

Phàm phu chấp có thần và thế gian, mà chẳng biết rằng thần và thế gian chẳng thật có, chỉ do ức tưởng phân biệt mà vọng chấp vậy thôi.

- Có người chấp thần là thường. Do chấp thần như vậy, mà thường tu phước đức, mong được thân chứng giải thoát.

- Có người chấp thần là vô thường. Do chấp thần như vậy, mà buông lung theo danh lợi, nhằm thỏa mãn cuộc sống hiện tại.

- Có người chấp "vi tế thần" là thường trú, còn thần tạo ra thân sau là vô thường. Như vậy chấp thân vừa là thường cũng vừa là vô thường.

- Có người chấp thần chẳng phải thường cũng chẳng phải vô thường. Vì sao? Vì họ cho rằng chấp thần thường hay vô thường cũng đều có lỗi cả. Nếu chấp thân là vô thường, thì chẳng có tội, cũng chẳng có phước. Nếu chấp thân là thường thì khổ lạc chẳng có khác nhau, ví như hư không chẳng bị mưa làm ướt, chẳng bị mặt trời làm khô vậy.

Trái lại, nếu chấp thần là vô thường, thì khổ lạc biến đổi. Ví như da trâu, phơi ngoài trời, bị gió mưa làm hư hoại vậy.

- Có người chấp có thân, mà thân chẳng phải thường cũng chẳng phải vô thường. Do chấp như vậy mà tâm thức bị cuồng loạn.

Phật dạy: Tất cả 4 tà chấp về thường và vô thường, nêu trên đây, là do vọng kiến thủ chấp nơi 5 ấm sanh ra cả.

Nên biết, "thế gian" có 3 tướng. Đó là:

- 5 ấm thế gian tướng.
- Chúng sanh thế gian tướng.
- Quốc độ thế gian tướng.

Chúng sanh, trú ở nơi các tướng thế gian này, thường khởi sanh 4 tà kiến chấp về thường và vô thường.

2- Nhóm thứ hai: Chấp thần và thế gian hoặc là hữu biên, hoặc là vô biên, hoặc vừa là hữu biên cũng vừa là vô biên, hoặc chẳng phải hữu biên cũng chẳng phải vô biên.

- Có người chấp thế gian là hữu biên, rồi truy tầm cho được nguồn gốc của thế gian; như vậy là chấp thế gian là hữu thỉ, tức là có đầu mối.

Thế nhưng, tìm mãi cũng chẳng ra đầu mối, chẳng ra nguồn gốc của thế gian. Thế gian đã chẳng có đầu mối, thì cũng chẳng có chặng giữa, và rốt ráo chẳng có tận cùng vậy.

Ví như người vào thâm thiền định, được túc mạng trí, có thể thấy 8 vạn kiếp trong quá khứ. Ngoài 8 vạn kiếp, thì mù mịt chẳng biết gì nữa cả. Do vậy mà cho rằng ngoài 8 vạn kiếp cũng là như vậy.

Lại nữa, họ chỉ thấy được thức, lúc ban đầu, gá vào thân trung ấm, rồi tự nghĩ rằng: "Nếu thức gá vào thân trung ấm như vậy, ắt phải có nhân, có duyên gì mà ta chưa biết được thôi". Rồi từ đó, họ ức tưởng phân biệt, chấp có một thể tánh vi tế; từ thể tánh vi tế đó sanh ra giác tánh, mà giác tánh là thân trung ấm vậy.

Từ đó, họ lại suy diễn: "Giác tánh sanh ra ngã; từ ngã sanh ra có 5 trần; theo thanh trần, sanh ra không đại; theo thanh trần và xúc trần sanh ra phong đại; theo sắc trần, thanh trần và xúc trần sanh ra hỏa đại; theo sắc trần, thanh trần, vị trần và xúc trần sanh ra thủy đại; theo sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần và xúc trần sanh ra địa đại; theo không đại sanh ra nhĩ căn; theo phong đại sanh ra thân căn; theo hỏa đại sanh ra nhãn căn; theo thủy đại sanh ra thiệt căn; theo địa đại sanh ra tỷ căn".

Như vậy lần lần chuyển biến từ tế đến thô, rồi từ thô đến tế, trở về với thể tánh. Ví như lấy đất sét làm ra cái bình, cái chậu… khi phá cái bình, cái chậu... thì các vật dụng này lại trở về với đất sét. Ở đây có sự chuyển biến từ tế đến thô, từ thô đến tế, mà thể tánh vẫn thường còn.

Trên đây là quan điểm của hàng ngoại đạo Tăng Khư, diễn giải về thể tánh.

- Có người chấp "vi tế trần" là sơ biên (biên bờ đầu tiên) của thế giới; chấp "vi tế trần" là thường pháp, chẳng thể phá, chẳng thể tiêu, chẳng thể hư nát. Vì vi tế trần quá nhỏ, nên phải hội đủ các nhân duyên tội phước hòa hợp, mới dẫn sanh có thân, từ cõi trời cho đến cõi địa ngục. Thân chẳng phải do cha mẹ sanh ra, nên khi tội phước tán hoại, thì thân cũng tán hoại.

- Có người chấp thế giới tự nhiên có; sự giàu nghèo, sang hèn... của con người chẳng phải do hạnh nguyện làm ra được.

- Có người chấp có một vị "Thiên chủ" là đầu mối, sanh ra thế giới; tạo tác ra muôn sự, muôn vật; tạo tác ra thiện ác, tội phước v.v... Khi nào vị Thiên chủ thu hồi công trình tạo tác, thì muôn sự, muôn vật tự nhiên diệt.

- Có người chấp rằng chúng sanh thọ khổ, thọ lạc trong nhiều đời, nhiều kiếp. Khi hết thọ khổ lạc rồi, thì tự đến chỗ tận đoạn. Ví như cầm đầu mối chỉ, rồi thả cho cuộn chỉ lăn từ trên cao xuống, cho đến khi tháo hết chỉ thì cuộn chỉ chẳng còn lăn xuống nữa. Cũng như vậy, khi tội phước đã đi đến chỗ tận cùng rồi thì trở thành "không". Dù tinh tấn, dù giải đãi... cũng chẳng có gì khác nhau.

- Có người chấp 8 phương của quốc độ thế gian đều có biên bờ chỉ có phương trên, phương dưới là chẳng có biên bờ.

- Có người chấp bên dưới có địa ngục, bên trên có cõi trời Hữu Đảnh, còn 8 phương kia chẳng có biên bờ.

- Có người chấp thần là hữu biên. Ví như nói thần ở nơi thân nhỏ như hạt cát; hoặc nói thân lớn thì thần lớn, thân nhỏ thì thần nhỏ.

Lại chấp thần thuộc về sắc pháp nên có thể phân chia.

- Có người chấp thần là vô biên, biến khắp hư không, chẳng có chỗ nào là chẳng có thần. Ví như khi thần ở nơi thân, thì thân biết khổ, biết lạc vậy.

- Có người chấp thế gian là vô thỉ, tức chẳng có đầu mối. Họ cho rằng nếu thế gian là hữu thỉ, thì phải là hữu chung. Như vậy thì chẳng có thường thọ thân sau, chẳng có Niết bàn. Cho nên họ chấp thế gian là vô thỉ.

- Có người chấp quốc độ thế gian trong 10 phương là vô biên.

- Có người chấp thần và thế gian là vô biên, mà quốc độ là hữu biên.

- Có người chấp thần và thế gian là hữu biên, mà quốc độ là vô biên.

- Có người chấp thần và thế gian chẳng phải hữu biên mà cũng chẳng phải vô biên. Họ cho rằng chấp thần và thế gian là hữu biên hay là vô biên đều có lỗi cả.

3- Nhóm thứ ba: Chấp thần tức là thân, hoặc thần khác thân hoặc thần vừa là thân cũng vừa khác thân, hoặc thần chẳng phải là thân cũng chẳng phải khác thân.

- Có người chấp thần tức là thân, vì cho rằng khi phân chia thân ra thì thần là bất khả đắc. Hơn nữa thân có thọ khổ, thọ lạc, nên thần tức là thân vậy.

- Có người chấp thần là thân; vì khi thân diệt thì thần cũng diệt theo.

- Có người chấp thần khác thân, vì cho rằng thần rất vi tế, nên 5 căn chẳng thể thấy biết được thần. Hơn nữa phải nhất tâm thanh tịnh mới thấy được thần, nên thần khác thân vậy.

- Có người chấp thần khác thân, vì khi thân diệt thì thần vẫn thường còn. Đây thuộc về biên kiến.

- Có người chấp thần vừa là thân cũng vừa khác thân.

- Có người chấp thần chẳng phải là thân cũng chẳng phải khác thân.

4- Nhóm thứ tư: Chấp sau khi chết sẽ có thần chuyển đi, hoặc chấp sau khi chết sẽ chẳng có thần chuyển đi, hoặc chấp sau khi chết sẽ vừa có thần chuyển đi cũng sẽ vừa có thần chẳng chuyển đi, hoặc chấp sau khi chết sẽ chẳng có thần chuyển đi, cũng sẽ chẳng có thần chẳng chuyển đi.

- Có người chấp đã sanh ra ở cõi đời này rồi, thì sẽ đi đến đời sau. Như vậy là chấp sau khi chết, thần sẽ chuyển đi.

- Có người chấp đời trước chẳng từ đâu đến, nên khi chết cũng chẳng đi về đâu. Như vậy là chấp sau khi chết, thần chẳng chuyển đi.

- Có người chấp khi sống thần và thân hòa hợp, còn sau khi chết, thì thân đi mà thần chẳng đi. Như vậy có nghĩa là vừa chuyển đi cũng vừa chẳng chuyển đi.

- Có người cho rằng chấp thần chuyển đi là có lỗi, mà chấp thần chẳng chuyển đi cũng là có lỗi, nên chấp sau khi chết sẽ chẳng có thần chuyển đi cũng sẽ chẳng có thần chẳng chuyển đi.

--o0o--

Tất cả các tà kiến chấp như vậy làm cho tâm chúng sanh cứ phải nổi lên chìm xuống mãi mãi. Vì sao? Vì do tà kiến che tâm mà chúng sanh dù muốn cầu đạo Giải thoát cũng vẫn phải cứ nổi lên và chìm xuống mãi trong biển sanh tử, chẳng sao thoát ra khỏi ngục tù 3 cõi.

Tà kiến chấp rất nhiều chẳng sao kể xiết được.

Thế nhưng, nên biết rằng 16 tà chấp, nêu nơi bốn nhóm trên đây, cùng tất cả các tà kiến chấp khác **đều do ức tưởng phân biệt khởi sanh ra cả.**

Phật dạy cũng dạy: "Do duyên năm ấm và y chỉ nơi năm ấm, mà chúng sanh điên đảo khởi các vọng kiến, mà chẳng biết rằng năm ấm cùng hết thảy pháp đều là "không, vô tướng, vô tác", đều là "như tướng" cả.

Nói mà không chứng minh được như người nói "có ma", người nói "không có ma", cả 2 đều không chứng minh được. Khoa học cho là hoang đường. Đó là ức tưởng phân biệt điên đảo, chỉ là tà kiến, không thật.

***3. Thế nào tất cả các pháp** (thế gian cùng xuất thế gian) **đều như? Phẩm "Phật Mẫu" của Đại Trí Độ Luận trên,** giải thích tiếp:*

"Nên biết hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian đều là như. Bởi vậy chẳng nên chấp thiện pháp, bất thiện pháp... dẫn đến chẳng nên chấp Vô thượng Bồ đề. Vì sao? Vì các pháp "như tướng" là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Vì các pháp đều "như tướng", nên đều tùy thuận nhau, chẳng chống trái nhau... dẫn đến 10 phương chư Phật cũng đều như vậy.

"Như" là như vậy. Bởi vậy nên ngài Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Chỉ có các bậc Bồ Tát bất thối, các bậc lậu tận A la hán, các bậc đã đầy đủ chánh kiến mới có thể tín giải được.

Phật lại dạy: Hết thảy pháp đều như tướng vô tận, nên đều là thậm thâm vi diệu. Phật như thật biết các pháp như tướng vô tận, nên được gọi là Như Lai, vì chúng sanh thuyết pháp, dẫn dắt chúng sanh vào đạo Niết bàn vậy".

Nói "như tướng" của tất cả pháp hay "chơn như thật tướng của tất cả pháp" là như thường tại, chẳng lúc nào chẳng như, như đó vô tận ở mọi xứ mọi thời, hiện hữu bình đẳng giữa các mối tương ưng. Vì bình đẳng như thế nên nói là thanh tịnh.

Với chiết giải tỉ mỉ và trí tuệ này của Bồ Tát Long Thọ cho chúng ta *cái nhìn thông suốt không những phẩm này mà còn cho tất cả các phẩm có tên là "Phật Mẫu" của các Hội thuộc Kinh Đại Bát Nhã nữa./.*

Hết nửa phần trên, Hội thứ II, ĐBN.

---o0o---

Xin đọc tiếp Tập 4, nửa phần dưới Hội thứ II, ĐBN
với phẩm "Chỉ Tướng".